

**ABHIDHAMMA PITAKA
VÔ TỶ PHÁP TẶNG**

GIÁO KHOA THƯ

**TỨ PHÁP SIÊU LÝ
(PARAMATTHADHAMMA 4)
BẬC TIỂU HỌC VÔ TỶ PHÁP (SƠ CẤP)**

**Biên Soạn: Hiệu Trưởng BRAHMAMĀSA DHĪRABHADDHO
Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh (ABHIDHAMMAJOTIKA)
Trao Tặng Học Viện Chánh Pháp Quang Minh (SADDHAMMAJOTIKA)
Ấn Hành: Ngày Thứ 1 Tháng 2 P.L. 2542**

**ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP
TẬP I - CHƯƠNG I - IV**

**CHƯƠNG I: CITTASAṄGAHA (TỔNG HỢP TÂM)
CHƯƠNG II: CETASIKASAṄGAHA (TỔNG HỢP TÂM SỞ)
CHƯƠNG III: PAKINAKASAṄGAHA (TỔNG HỢP LINH TINH)
CHƯƠNG IV: VITHĪSAṄGAHA (TỔNG HỢP LỘ TRÌNH)
Bậc Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam – Đệ Nhị (Cūḷābhidhammika)
(Hiệu Đỉnh Và Tái Bản Lần Thứ Nhất)**



**Biên Soạn: SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA
Dịch Giả: SANTAKICCO MAHĀ THERA
Biên Tập: Bhikkhu PASĀDO**

PARAMATTHADHAMMA 4
By BRAHMAMĀSA DHĪRABHADDHO
ABHIDHAMMATṬHA SAṄGAHA
By SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA

Volume I – Chapter I-II-III-IV:
CITTASAṄGAHA
CETASIKASAṄGAHA
PAKINAKASAṄGAHA
VITHĪSAṄGAHA

Edited into Vietnamese and first edition

By Bhikkhu PASĀDO

Copyright © 2022 by **Bhikkhu PASĀDO**

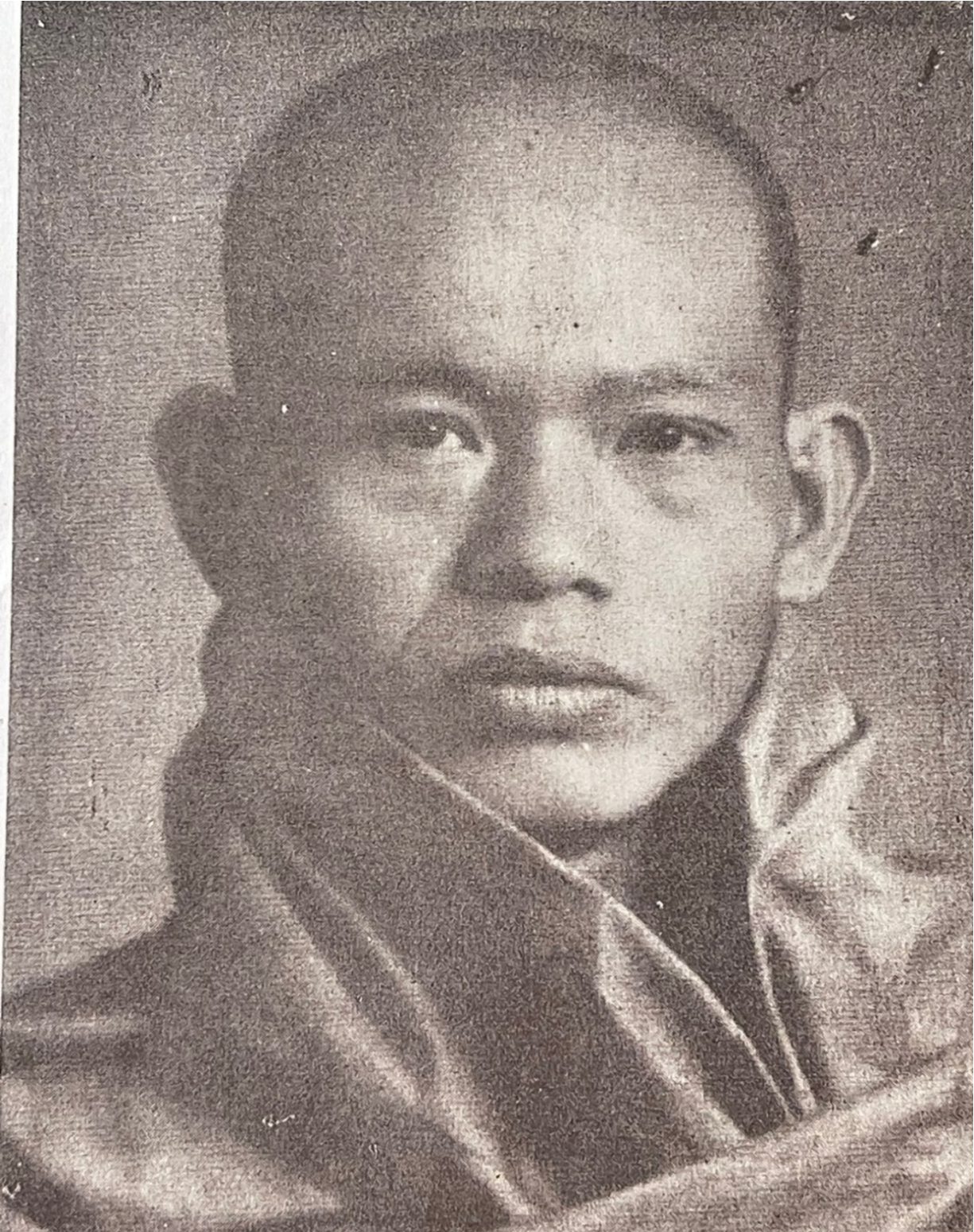
All rights reserved.

ISBN 979-888680350-1

October 2022

Published by Library of **CATUDDISA SAṄGAH VĪHĀRA**
5044 Old Shipps Store Road, Bealeton, VA 22712 – USA.

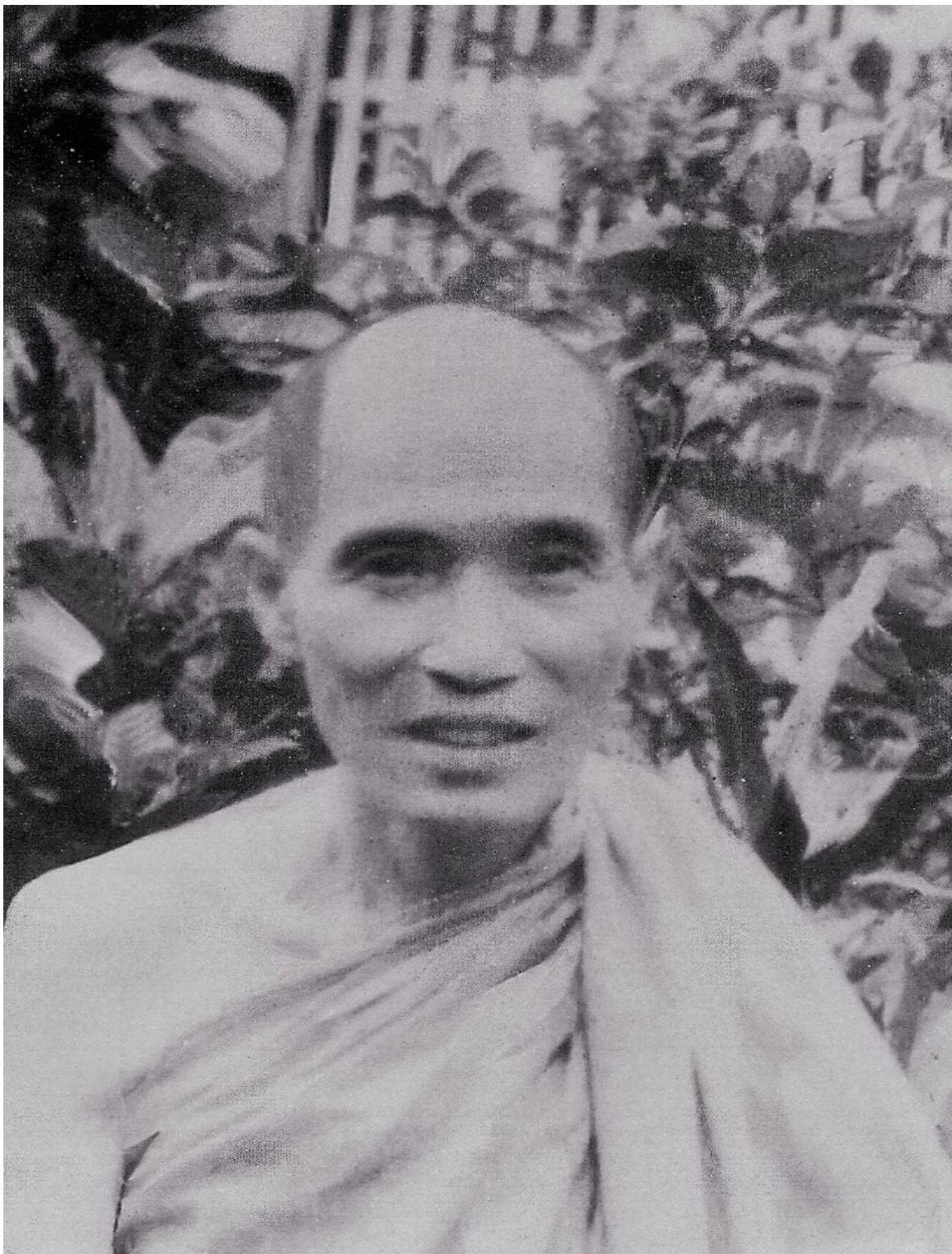
Printed by Gorham Printing
3718 Mahoney Drive,
Centralia, WA 98531 – USA.



Venerable SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA
(1912 - 1966)



SADDHAMMA JOTIKA DHAMMĀCARIYA
(1912-1966)



SANTAKICCO MAHĀ THERA

Đại Trưởng Lão Tịnh Sự

(1913 - 1984)

LỜI MỞ ĐẦU

Tài liệu **Tứ Pháp Siêu Lý (Paramattha 4)** dành cho các học viên nghiên cứu Vô Tỷ Pháp ở Lớp Tiểu Học Vô Tỷ Pháp (bậc Sơ Cấp). Quyển sách này tóm lược một cách đặc biệt chủ yếu căn bản về **Tâm (Citta)**, **Tâm Sở (Cetasika)**, **Sắc Pháp (Rūpa)**, **Níp Bàn (Nibbāna)**, là dành cho các học viên mang theo xem coi một cách đặc biệt hạn định những điều căn bản cần ghi nhớ, và làm thành nền tảng cho việc nghiên cứu học hỏi Vô Tỷ Pháp tiếp nối theo ở các bậc Trung Cao.

Ban Quản Trị Học Viện **Chánh Pháp Quang Minh (Saddhamma Jotika)** đã quán sát và nhận thấy rằng quyển sách này rất hữu ích cho việc nghiên cứu của các học viên, và cần phải in ấn ra để phổ biến, nên đã đi đến xin phép Vị Hội Trưởng, là Ngài Hiệu Trưởng **Brahmamāsa Dhūrabhaddho**, trụ trì Chùa Ngọc Đảo (Kau Kéo) thuộc kinh làng **Phanassa** tỉnh **Jalapuri**, và Ngài đã bi mẫn ưng thuận cho Ban Quản Trị được in ấn để phổ biến cho được thành lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp.

Học Viện Chánh Pháp Quang Minh

Ngày 1 Tháng Hai P.L. 2542



Trong **Hạnh Vận Niên Kỷ (Bhaddrakappa)** này có 5 vị Phật hiện hữu trong thế gian:

1. **Na** là Đức Phật có danh hiệu **Kakusandho (Câu Na Lưu Tôn)**.
2. **Mo** là Đức Phật có danh hiệu **Konāgama (Câu Na Hàm)**.
3. **Bud** là Đức Phật có danh hiệu **Kassapa (Ca Diếp)**.
4. **Dhā** là Đức Phật có danh hiệu **Samana Gotama (Sa Môn Cồ Đàm)**.
5. **Ya** là Đức Phật có danh hiệu **Sarī Ariya Mettreyā (Thánh Thiện Di Lặc)**.

Chư Vị Phật trong Hạnh Vận Niên Kỷ thời quá khứ, hiện tại và Hạnh Vận Niên Kỷ thời vị lai thường khi khai thuyết Giáo Pháp đến Phật Mẫu với 7 bộ Tạng Vô Tỷ Pháp. Chư Phật đều làm tương tự như nhau, là vì thể hiện việc **Báo Đáp Ân Đức (Kataññukatavedī)** đến Phật Mẫu, là người đã từng cho cơm ăn và sữa mẹ.

Đức Phật Sa Môn **Gotama** của chúng ta đây, sau khi đã chứng đắc Tuệ Chánh Đẳng Giác, thế rồi trong Kỳ Kiết Vũ thứ 7, Đức Phật đã ngự đến nơi Phật Mẫu kính thương ở tầng Dao Lợi Thiên Giới, và Ngài đã ngự lên trên Thạch Đài có tên gọi **Pandukambala** của Vua Trời Đế Thích **Sakka**. Chư Thiên trong thập thiên vũ trụ đều đồng đi đến tụ hội quay quần diện kiến xung quanh Đức Phật. Ngài đã tiến hành thực hiện việc chọn Thiên Tử **Santussita**, là vị đã từng làm Phật Mẫu, cho thành Trưởng Hội Chúng của Chúng Chư Thiên và Phạm

Thiên hiện diện tại nơi đó, thế rồi Ngài đã lập ý khái thuyết 7 bộ Tạng Vô Tỷ Pháp liên tiếp suốt trọn 3 tháng An Cư Kiết Vũ với năng lực của Tuệ Toàn Giác.

Thế rồi, Đức Phật lập ý trùng tuyên lại Tạng Vô Tỷ Pháp cho đến Trưởng Lão **Sāriputta** tại khu rừng cây đàn hương. Và sau đó Trưởng Lão **Sāriputta** đã đem Tạng Vô Tỷ Pháp này đi đến khái thuyết với Hội Chúng Tỳ Khưu có số lượng 500 vị cho được chứng đắc Quả Vô Sinh do y cứ việc được nghe Tạng Vô Tỷ Pháp ấy vậy.

Thời gian tiếp nối cho đến khi Đức Phật viên tịch Níp Bàn được tròn 3 tháng chẵn, Chư Thánh Văn đã tụ họp lại với nhau để thực hiện Hội Nghị Kiết Tập lần thứ 1, có Trưởng Lão **MahāKassapa** làm Trưởng Hội Chúng và làm người vấn hỏi, còn Trưởng Lão **Upālī** giải đáp Tạng Luật, và Trưởng Lão **Ānanda** giải đáp Tạng Kinh luôn cả Tạng Vô Tỷ Pháp. Vì thế, Tam Tạng kinh điển mới có được 3 Tạng với nhau, là:

Tạng Luật có được 21,000 Pháp Uẩn,

Tạng Kinh có được 21,000 Pháp Uẩn,

Tạng Vô Tỷ Pháp có được 42,000 Pháp Uẩn.

Kết hợp bao gồm những huân từ của Đức Phật đã để lại có được 84,000 Pháp Uẩn.

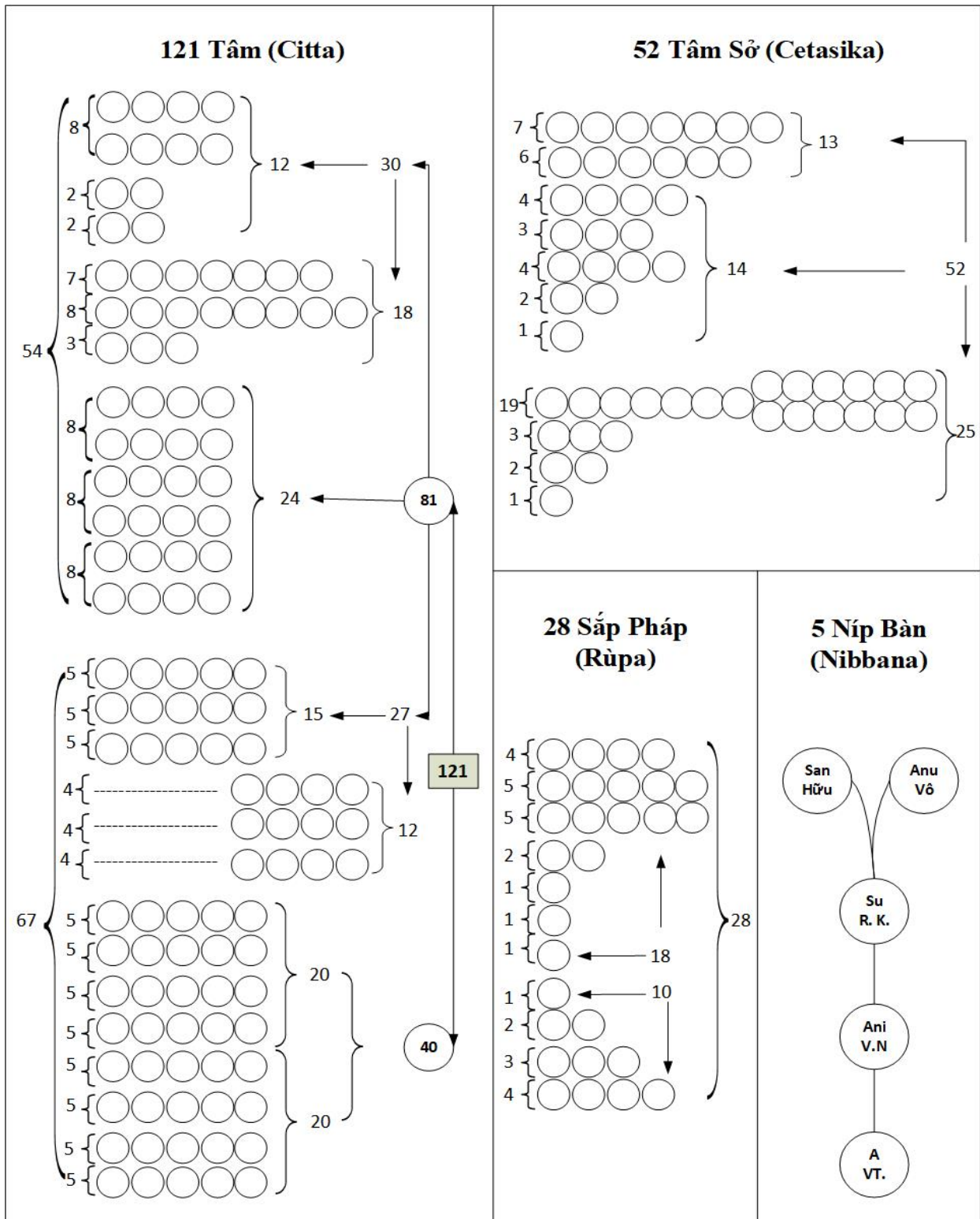
Một điều vô cùng đặc biệt là Tạng Vô Tỷ Pháp ở trong kỷ nguyên này, lại được nhân loại quan tâm đến một cách trân trọng, phát xuất từ sự việc học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp cho được thấu hiểu dễ dàng, cho có được sự hiểu biết, và có được sự hoan hỷ duyệt ý trong việc học hỏi đây; vì vậy nên cần phải có quyển tài liệu giáo khoa cho việc cầu học nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp ở phần cơ bản này trước nhất, nhằm giúp ích cho việc cầu học nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp được dễ dàng thấu hiểu, và tiếp theo là thiết thực hữu ích.

VIRIYENADUKKHAMACCETI

Với sự tinh cần, người ta sẽ vượt qua được sự khổ đau.

-----00000-----

Bản Đồ Trình Bày Cả 4 Pháp Siêu Lý Một Cách Mãn Túc



TRÍ KÍNH LỄ VÀ LỜI THỆ NGUYỆN CỦA GIÁO THỌ SƯ ANURUDDHA

**Samanāsambuddhamatulam
Abhivādiyabhāsissam**

Kính lễ Chánh Đẳng Giác chí thượng
Tiếp theo soạn tác kinh điển

**Sasaddhammaganuttamam
Abhidhammatthasaṅgaham**

Chánh Pháp và Hội Chúng Thánh Tăng
Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp

Đệ tử (là Trưởng Lão **Anuruddha**) xin nghiêng mình thành kính đánh lễ Đức Chánh Đẳng Giác chí thượng, cùng với Chánh Pháp và Hội Chúng Thánh Tăng cao thượng, tiếp theo là soạn tác bộ kinh có tên gọi **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp**.

TỨ PHÁP SIÊU LÝ (PARAMATTHADHAMMA 4)

Tattha vuttābhidhammatthā

Cittam cetasikam rūpam

Ở đây được nói đến

Có 4 Pháp Siêu Lý

Catudhā paramatthato

Nibbānamīti sabbathā

Nội Dung Vô Tỷ Pháp

Tâm, Tâm Sở, Sắc, Níp Bàn

Trong Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, rằng khi theo Pháp Siêu Lý, chẳng phải bất luận trường hợp nào, thường chỉ có 4 nội dung của Tạng Vô Tỷ Pháp là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn.

PHÁP SIÊU LÝ CÓ 4 THỂ LOẠI LÀ:

1. Tâm (Citta): Pháp chủng liễu tri Cảnh (**Ārammaṇavijāṇanalakkhaṇam**), ý muốn nói chính là thường luôn được tiếp thu Cảnh, mới gọi là liễu tri Cảnh.

2. Tâm Sở (Cetasika): Pháp chủng y cứ Tâm sinh (**Cittanisittalakkhaṇam**). Tâm Sở này khi sinh khởi sẽ phải thường luôn sinh trong Tâm.

3. Sắc (Rūpa): Pháp chủng có sự lỏng lẻo (**Rūppanalakkhaṇam**) vì **Đối Nghịch Duyên (Virodhipaccaya)**, ý muốn nói là Sắc Pháp này khi bị Đối Nghịch Duyên là Duyên bất tương đẳng, ấy là sự lạnh và sự nóng v.v. rồi có sự cải biến, phá diệt đi.

4. Níp Bàn (Nibbāna): Pháp chủng an tịnh, xa lìa khỏi Danh Sắc Ngũ Uẩn, trạng thái tĩnh lặng (**Santilakkhaṇam**).

TÂM SIÊU LÝ (CITTAPARAMATTHA)

Tâm (Citta) có 4 thể loại, là: Tâm Dục Giới có 54; Tâm Sắc Giới có 15, Tâm Vô Sắc Giới có 12; Tâm Siêu Thể có 8 hoặc 40, tập hợp thành 89 hoặc 121 Tâm. Tâm Dục Giới có 54 là: 12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo.

12 Tâm Bất Thiện là: 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si.

18 Tâm Vô Nhân là: 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân.

24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo là: 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả, 8 Tâm Đại Duy Tác.
15 Tâm Sắc Giới là: 5 Tâm Thiện Sắc Giới, 5 Tâm Quả Sắc Giới, 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới.

12 Tâm Vô Sắc Giới là 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới.

27 Tâm Đáo Đại là 15 Tâm Sắc Giới và 12 Tâm Vô Sắc Giới.

81 Tâm Hiệp Thế là 54 Tâm Dục Giới, 27 Tâm Đáo Đại.

8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế là 4 hoặc 20 Tâm Đạo, 4 hoặc 20 Tâm Quả; tập hợp thành 8 hoặc 40.

4 hoặc 20 Tâm Đạo là 1 hoặc 5 Tâm Đạo Thất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Đạo Nhất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Đạo Bất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Đạo Vô Sinh.

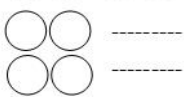
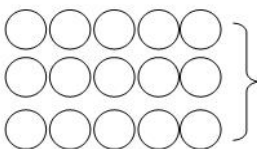
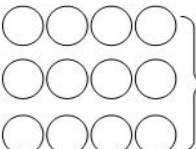
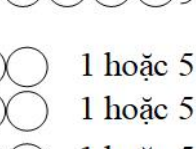
4 hoặc 20 Tâm Quả là 1 hoặc 5 Tâm Quả Thất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Quả Nhất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Quả Bất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Quả Vô Sinh.

67 Tâm Hữu Thiện là 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế.

71 hoặc 103 Tâm Hữu Nhân là 12 Tâm Bất Thiện, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.



89 hoặc 121 Tâm Siêu Lý, là:

	Tâm căn Tham 8	}	Tập hợp lại thành 12 Tâm Bất Thiện
	Tâm căn Sân 2		
	Tâm căn Si 2		
	Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện 7	}	Tập hợp lại thành 18 Tâm Vô Nhân
	Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân 8		
	Tâm Duy Tác Vô Nhân 3		
	Tâm Đại Thiện 8	}	Tập hợp lại thành 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hào
	Tâm Đại Quả 8		
	Tâm Đại Duy Tác 8		
	Tâm Thiện Sắc Giới 5 Tâm Quả Sắc Giới 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới 5	}	Tập hợp lại thành 15 Tâm Sắc Giới
	Tâm Thiện Vô Sắc Giới 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới 4		
	Tâm Thiện Vô Sắc Giới 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới 4		
	1 hoặc 5 Tâm Đạo Thất Lai	}	Tập hợp lại thành 4 hoặc 20 Tâm Đạo
	1 hoặc 5 Tâm Đạo Nhất Lai		
	1 hoặc 5 Tâm Đạo Bất Lai		
	1 hoặc 5 Tâm Đạo Vô Sinh		
	1 hoặc 5 Tâm Quả Thất Lai	}	Tập hợp lại thành 4 hoặc 20 Tâm Quả
	1 hoặc 5 Tâm Quả Nhất Lai		
	1 hoặc 5 Tâm Quả Bất Lai		
	1 hoặc 5 Tâm Quả Vô Sinh		

Ý NGHĨA TÊN GỌI CÁC TÂM

Tâm Dục Giới (Kāmāvacaracitta): ý muốn nói là Tâm thường du hành sinh hoạt đa phần trong Dục Địa Giới thuộc sản địa của **Vật Dục (Vatthukāma)** và **Phiền Não Dục (Kilesakāma)**.

Tâm Bất Thiện (Akusalacitta): ý muốn nói là Tâm có sự xấu ác và cho quả tương phản với Tâm Thiện, hoặc là Tâm phối hợp với Tâm Sở Bất Thiện.

Tâm căn Tham (Lobhamūlacitta): ý muốn nói là Tâm sinh khởi do có Tâm Sở Tham làm căn gốc, làm chủ yếu.

Tâm căn Sân (Dosamūlacitta): ý muốn nói là Tâm sinh khởi do có Tâm Sở Sân làm căn gốc, làm chủ yếu.

Tâm căn Si (Mohamūlacitta): ý muốn nói là Tâm sinh khởi do có Tâm Sở Si làm căn gốc, làm chủ yếu.

Tâm Vô Nhân (Ahetukacitta): ý muốn nói là Tâm không có 6 Nhân phối hợp (Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si).

Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện (Akusalavipākacitta): ý muốn nói là Dị Thục Quả sinh từ 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, có việc thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi v.v. ở phần không tốt đẹp, thế nhưng là Vô Nhân.

Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân (Ahetukākusalāvipākacitta): ý muốn nói là Dị Thục Quả sinh từ 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, có việc thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi v.v. ở phần tốt đẹp; thế nhưng là Vô Nhân.

Tâm Duy Tác Vô Nhân (Ahetukakiriyācitta): ý muốn nói là Tâm sinh khởi một cách đơn độc, bất y cứ bất luận một loại Nghiệp Lực nào, và không là phước là tội; thế nhưng là Vô Nhân.

Tâm Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇacitta): ý muốn nói là Tâm ở ngoài Tâm Tịnh Hảo là Tâm thiện hảo, hoặc là Tâm bất câu sinh với Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta): ý muốn nói là Tâm câu sinh với Tâm Sở Tịnh Hảo, hoặc là Tâm thiện hảo.

Tâm Đại Thiện (Mahākusalacitta): ý muốn nói là Tâm không có tội lỗi và cho quả là sự an vui, và có khả năng cho quả sinh khởi nhiều hơn bản thân. Tất cả đây là phần mở đầu của Thiện, Thắng Trí, Đạo Quả.

Tâm Đại Quả (Mahāvipākacitta): ý muốn nói Tâm là thành quả của Tâm Đại Thiện, vì khi phân loại Thọ, Phối Hợp, Dẫn Dụ đều tương tự với mọi trường hợp của Tâm Đại Thiện.

Tâm Đại Duy Tác (Mahākiriyācitta): ý muốn nói chính là Tâm có tên gọi Tâm Đại Thiện sinh khởi trong bản tính của Bậc Vô Sinh.

Tâm Sắc Giới (Rūpāvacaracitta): ý muốn nói là cả 15 Tâm này thường du hành sinh hoạt đa phần trong Địa Giới thuộc sản địa của **Vật Sắc (Vatthurūpa)** và **Phiền Não Sắc (Kilesarūpa)**.

Tâm Vô Sắc Giới (Arūpāvacaracitta): ý muốn nói là cả 12 Tâm này thường du hành sinh hoạt đa phần trong Địa Giới thuộc sản địa của **Vật Vô Sắc (Vatthuarūpa)** và **Phiền Nã Sắc (Kilesaarūpa)**.

Tâm Đáo Đại (Mahaggatacitta): ý muốn nói là Tâm vào đến sự rộng lớn và thanh cao.

Tâm Hiệp Thế (Lokīyacitta): ý muốn nói là các thể loại Tâm này thường sinh trú trong cả Tam Giới, là Dục Địa Giới, Sắc Địa Giới, Vô Sắc Địa Giới.

Tâm Siêu Thế (Lokuttaracitta): ý muốn nói là Tâm vượt thoát khỏi cả Tam Giới.

Tâm Hữu Nhân (Sahetukacitta): ý muốn nói là Tâm phối hợp với Nhân.

12 TÂM BẤT THIỆN (AKUSALACITTA 12)

8 Tâm căn Tham, là:

1. Somanassasahagatam diṭṭhigatasampayuttam asaṅkhārikam - Câu hành hỷ tương ưng kiến vô dẫn. Tâm sinh khởi do không có việc yêu thích cùng với tâm địa thiện lương, phối hợp với sự thấy sai.

2. Somanassasahagatam diṭṭhigatasampayuttam sasaṅkhārikam - Câu hành hỷ tương ưng kiến hữu dẫn. Tâm sinh khởi do có việc yêu thích cùng với tâm địa thiện lương, phối hợp với sự thấy sai.

3. Somanassasahagatam diṭṭhigatavippayuttam asaṅkhārikam - Câu hành hỷ bất tương ưng kiến vô dẫn. Tâm sinh khởi do không có việc yêu thích cùng với tâm địa thiện lương, bất phối hợp với sự thấy sai.

4. Somanassasahagatam diṭṭhigatavippayuttam sasaṅkhārikam - Câu hành hỷ bất tương ưng kiến hữu dẫn. Tâm sinh khởi do có việc yêu thích cùng với tâm địa thiện lương, bất phối hợp với sự thấy sai.

5. Upekkhāsahagatam diṭṭhigatasampayuttam asaṅkhārikam - Câu hành xả tương ưng kiến vô dẫn. Tâm sinh khởi do không có việc yêu thích cùng với sự tỉnh mặc, phối hợp với sự thấy sai.

6. Upekkhāsahagatam diṭṭhigatasampayuttam sasaṅkhārikam - Câu hành xả tương ưng kiến hữu dẫn. Tâm sinh khởi do có việc yêu thích cùng với sự tỉnh mặc, phối hợp với sự thấy sai.

7. Upekkhāsahagatam diṭṭhigatavippayuttam asaṅkhārikam - Câu hành xả bất tương ưng kiến vô dẫn. Tâm sinh khởi do không có việc yêu thích cùng với sự tỉnh mặc, phối hợp với sự thấy sai.

8. Upekkhāsahagatam diṭṭhigatavippayuttam sasaṅkhārikam - Câu hành xả bất tương ưng kiến hữu dẫn. Tâm sinh khởi do có việc yêu thích cùng với sự tỉnh mặc, bất phối hợp với sự thấy sai.

2 Tâm căn Sân, là:

1. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ - Câu hành ưu tương ưng phần hận vô dẫn. Tâm sinh khởi do không có việc yêu thỉnh cùng với sự khả tích thống tâm, phối hợp với sự phát nộ não hỏa.

2. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ - Câu hành ưu tương ưng phần hận hữu dẫn. Tâm sinh khởi do có việc yêu thỉnh cùng với sự khả tích thống tâm, phối hợp với sự phát nộ não hỏa.

2 Tâm căn Si, là:

1. Upekkhāsahagataṃ vicikicchāsampayuttaṃ - Câu hành xả tương ưng hoài nghi. Tâm sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc, phối hợp với sự hoài nghi.

2. Upekkhāsahagataṃ uddhaccasampayuttaṃ - Câu hành xả tương ưng trạo cử. Tâm sinh khởi cùng với tỉnh mặc, phối hợp với tâm thần bất định, tâm viên ý mã.

18 TÂM VÔ NHÂN (AHETUKACITTA 18)

7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, là:

1. Upekkhāsahagataṃ cakkhaviññāṇaṃ – Nhãn Thức câu hành xả. Tâm y cứ Nhãn Vật khán kiến Cảnh Sắc bất thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

2. Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ – Nhĩ Thức câu hành xả. Tâm y cứ Nhĩ Vật thính văn Cảnh Thính bất thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

3. Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ – Tỷ Thức câu hành xả. Tâm y cứ Tỷ Vật cảm giác Cảnh Khí bất thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

4. Upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ – Thiệt Thức câu hành xả: Tâm y cứ Thiệt Vật tri giác Cảnh Vị bất thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

5. Dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ – Thân Thức câu hành khổ. Tâm y cứ Thân Vật cảm giác Cảnh Xúc bất thiện hảo, sinh khởi cùng với trạng thái khổ thọ.

6. Upekkhāsahagataṃ sampaṭicchana-cittaṃ – Tâm Tiếp Thâu câu hành xả. Tâm sinh khởi tiếp thâu Ngũ Cảnh bất thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

7. Upekkhāsahagataṃ santāraṇa-cittaṃ – Tâm Thảm Tán câu hành xả: Tâm thảm tán Ngũ Cảnh bất thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, là:

1. Upekkhāsahagataṃ cakkhaviññāṇaṃ – Nhãn Thức câu hành xả. Tâm y cứ Nhãn Vật khán kiến Cảnh Sắc thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

2. Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ – Nhĩ Thức câu hành xả. Tâm y cứ Nhĩ Vật thính văn Cảnh Thính thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

3. Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ – Tỷ Thức câu hành xả. Tâm y cứ Tỷ Vật cảm giác Cảnh Khí thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

4. Upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ – Thiệt Thức câu hành xả. Tâm y cứ Thiệt Vật tri giác Cảnh Vị thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

5. Sukhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ – Thân Thức câu hành lạc. Tâm y cứ Thân Vật cảm giác Cảnh Xúc thiện hảo, sinh khởi cùng với lạc thọ.

6. Upekkhāsahagataṃ sampañicchanacittaṃ – Tâm Tiếp Thâu câu hành xả: Tâm sinh khởi tiếp thâu Ngũ Cảnh thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tĩnh mặc.

7. Upekkhāsahagataṃ santīraṇacittaṃ – Tâm Thâm Tấn câu hành xả. Tâm thâm tấn Ngũ Cảnh thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tĩnh mặc.

8. Somanassasahagataṃ santīraṇacittaṃ – Tâm Thâm Tấn câu hành hỷ. Tâm thâm tấn Ngũ Cảnh thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tĩnh mặc.

3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, là:

1. Upekkhāsahagataṃ pañcadvārāvajjanacittaṃ – Tâm Khai Ngũ Môn câu hành xả. Tâm tư khảo Cảnh ở Lộ Ngũ Môn thiện hảo và bất thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tĩnh mặc.

2. Upekkhāsahagataṃ manodvārāvajjanacittaṃ - Tâm Khai Ý Môn câu hành xả. Tâm tư khảo Cảnh ở Lộ Ý Môn thiện hảo và bất thiện hảo, sinh khởi cùng với sự tĩnh mặc.

3. Somanassasahagataṃ hasituppādacittaṃ – Tâm Tiểu Sinh câu hành hỷ. Tâm làm cho sinh việc vi diệu của Bạc Vô Sinh, sinh khởi cùng với tâm địa thiện lương.

24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO (KĀMĀVACARASOBHĀNACITTA 24)

8 Tâm Đại Thiện, là:

1. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ: Câu hành hỷ tương ưng trí vô dẫn. Tâm sinh khởi do không có việc yêu thỉnh cùng với tâm địa thiện lương, phối hợp Trí Tuệ.

2. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ: Câu hành hỷ tương ưng trí hữu dẫn. Tâm sinh khởi do có việc yêu thỉnh cùng với tâm địa thiện lương, phối hợp Trí Tuệ.

3. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ: Câu hành hỷ bất tương ưng trí vô dẫn. Tâm sinh khởi do không có việc yêu thỉnh cùng với tâm địa thiện lương, bất phối hợp Trí Tuệ.

4. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ: Câu hành hỷ bất tương ưng trí hữu dẫn. Tâm sinh khởi do có việc yêu thỉnh cùng với tâm địa thiện lương, bất phối hợp Trí Tuệ.

5. Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ: Câu hành xả tương ưng trí vô dẫn. Tâm sinh khởi do không có việc yêu thỉnh cùng với sự tĩnh mặc, phối hợp Trí Tuệ.

6. Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ: Câu hành xả tương ưng trí hữu dẫn. Tâm sinh khởi do có việc yêu thỉnh cùng với sự tĩnh mặc, phối hợp Trí Tuệ.

7. Upekkhāsahagatam ñāṇavippayuttam asaṅkhārikam: Câu hành xả bất tương ưng trí vô dẫn. Tâm sinh khởi do không việc yêu thỉnh cùng với sự tĩnh mặc, bất phối hợp Trí Tuệ.

8. Upekkhāsahagatam ñāṇavippayuttam sasaṅkhārikam: Câu hành xả bất tương ưng trí hữu dẫn. Tâm sinh khởi do có việc yêu thỉnh cùng với sự tĩnh mặc, bất phối hợp với Trí Tuệ,

Phần **Pāṭi** và lời dịch của 8 Tâm Đại Quả và 8 Tâm Đại Duy Tác tương tự với 8 Tâm Đại Thiện ở mọi trường hợp.

15 TÂM SẮC GIỚI (RŪPĀVACARACITTA 15)

1. Vitakkavicārapītisukha ekaggaṭāsahitam paṭhamajjhāna kusalacittam vipāka cittam kriyacittam – 1 Tâm Thiện, 1 Tâm Dị Thục Quả, 1 Tâm Duy Tác Sơ Thiện câu sinh với 5 Chi Thiện Định là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

2. Vicārapītisukha ekaggaṭāsahitam dutiyajjhāna kusalacittam vipākacittam kriyacittam – 1 Tâm Thiện, 1 Tâm Dị Thục Quả, 1 Tâm Duy Tác Nhị Thiện câu sinh với 4 Chi Thiện Định là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

3. Pītisukha ekaggaṭāsahitam tatiyajjhāna kusalacittam vipākacittam kriya cittam – 1 Tâm Thiện, 1 Tâm Dị Thục Quả, 1 Tâm Duy Tác Tam Thiện câu sinh với 3 Chi Thiện Định là Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

4. Sukha ekaggaṭāsahitam catutthajjhāna kusalacittam vipākacittam kriyacittam – 1 Tâm Thiện, 1 Tâm Dị Thục Quả, 1 Tâm Duy Tác Tứ Thiện câu sinh với 2 Chi Thiện Định là Lạc, Nhứt Thống.

5. Upekkhā ekaggaṭāsahitam pañcamajjhāna kusalacittam vipākacittam kriya cittam – 1 Tâm Thiện, 1 Tâm Dị Thục Quả, 1 Tâm Duy Tác Ngũ Thiện Tác câu sinh với 2 Chi Thiện Định là Xả, Nhứt Thống.

12 TÂM VÔ SẮC GIỚI (ĀRŪPĀVACARACITTA 12)

1. Upekkhāekaggaṭāsahitam Ākāśañāṇācāyatanakusalacittam, vipākacittam, kriyacittam - 1 Tâm Thiện, 1 Tâm Dị Thục Quả, 1 Tâm Duy Tác Không Vô Biên Xứ câu sinh 2 Chi Thiện Định là Xả, Nhất Thống.

2. Upekkhāekaggaṭāsahitam Viññāṇañācāyatanakusalacittam, vipākacittam, kriyacittam - 1 Tâm Thiện, 1 Tâm Dị Thục Quả, 1 Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ câu sinh 2 Chi Thiện Định là Xả, Nhất Thống.

3. Upekkhāekaggaṭāsahitam Ākincaṇṇāyatanakusalacittam, vipākacittam, kriya cittam – 1 Tâm Thiện, 1 Tâm Dị Thục Quả, 1 Tâm Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ câu sinh 2 Chi Thiện Định là Xả, Nhất Thống.

4. Upekkhāekaggatāsahitaṃ Nevasaññānāsaññāyatanakusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriyacittaṃ – 1 Tâm Thiện, 1 Tâm Dị Thục Quả, 1 Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ câu sinh với 2 Chi Thiện Định là Xả, Nhất Thống.

40 TÂM SIÊU THỂ (LOKUTTARACITTA 40)

Tâm Đạo (Maggacitta):

1. Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānasotāpattimaggacittaṃ, sakadāgāmiaggacittaṃ, anāgāmiaggacittaṃ, arahattamaggacittaṃ – 1 Tâm Đạo Thất Lai, 1 Tâm Đạo Nhất Lai, 1 Tâm Đạo Bất Lai, 1 Tâm Đạo Vô Sinh Sơ Thiên câu sinh 5 Chi Thiện Định là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

2. Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhāna sotāpattimaggacittaṃ, sakadāgāmiaggacittaṃ, anāgāmiaggacittaṃ, arahattamaggacittaṃ – 1 Tâm Đạo Thất Lai, 1 Tâm Đạo Nhất Lai, 1 Tâm Đạo Bất Lai, 1 Tâm Đạo Vô Sinh Nhị Thiên câu sinh 4 Chi Thiện Định là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

3. Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna sotāpattimaggacittaṃ, sakadāgāmiaggacittaṃ, anāgāmiaggacittaṃ, arahattamaggacittaṃ – 1 Tâm Đạo Thất Lai, 1 Tâm Đạo Nhất Lai, 1 Tâm Đạo Bất Lai, 1 Tâm Đạo Vô Sinh Tam Thiên câu sinh 3 Chi Thiện Định là Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

4. Sukhaekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna sotāpattimaggacittaṃ, sakadāgāmiaggacittaṃ, anāgāmiaggacittaṃ, arahattamaggacittaṃ – 1 Tâm Đạo Thất Lai, 1 Tâm Đạo Nhất Lai, 1 Tâm Đạo Bất Lai, 1 Tâm Đạo Vô Sinh Tứ Thiên câu sinh 2 Chi Thiện Định là Lạc, Nhất Thống.

5. Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna sotāpattimaggacittaṃ, sakadāgāmiaggacittaṃ, anāgāmiaggacittaṃ, arahattamaggacittaṃ – 1 Tâm Đạo Thất Lai, 1 Tâm Đạo Nhất Lai, 1 Tâm Đạo Bất Lai, 1 Tâm Đạo Vô Sinh Ngũ Thiên câu sinh 2 Chi Thiện Định là Xả, Nhất Thống.

Tâm Quả (Phalacitta):

1. Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānasotāpattiphalacittaṃ, sakadāgāmiaphalacittaṃ, anāgāmiaphalacittaṃ, arahattaphalacittaṃ – 1 Tâm Quả Thất Lai, 1 Tâm Quả Nhất Lai, 1 Tâm Quả Bất Lai, 1 Tâm Quả Vô Sinh Sơ Thiên câu sinh 5 Chi Thiện Định là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

2. Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānasotāpattiphalacittaṃ, sakadāgāmiaphalacittaṃ, anāgāmiaphalacittaṃ, arahattaphalacittaṃ - 1 Tâm Quả Thất Lai, 1 Tâm Quả Nhất Lai, 1 Tâm Quả Bất Lai, 1 Tâm Quả Vô Sinh Nhị Thiên câu sinh 4 Chi Thiện Định là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

3. Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna sotāpattiphalacittaṃ, sakadāgāmiaphalacittaṃ, anāgāmiaphalacittaṃ, arahattaphalacittaṃ - 1 Tâm Quả Thất Lai, 1 Tâm

Quả Nhất Lai, 1 Tâm Quả Bất Lai, 1 Tâm Quả Vô Sinh Tam Thiên câu sinh 3 Chi Thiên Định là Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

4. Sukhaekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna sotāpattiphalacittaṃ, sakadāgāmi phalacittaṃ, anāgāmi phalacittaṃ, arahattaphalacittaṃ - 1 Tâm Quả Thất Lai, 1 Tâm Quả Nhất Lai, 1 Tâm Quả Bất Lai, 1 Tâm Quả Vô Sinh Tứ Thiên câu sinh 2 Chi Thiên Định là Lạc, Nhất Thống.

5. Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna sotāpattiphalacittaṃ, sakadāgāmi phalacittaṃ, anāgāmi phalacittaṃ, arahattaphalacittaṃ - 1 Tâm Quả Thất Lai, 1 Tâm Quả Nhất Lai, 1 Tâm Quả Bất Lai, 1 Tâm Quả Vô Sinh Ngũ Thiên câu sinh 2 Chi Thiên Định là Xả, Nhất Thống.

PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO RIÊNG TỪNG MỖI PHẦN HIỆN HỮU TRONG CHÍN PHẦN THỂ THEO CHI PHÁP

1. Phân chia Tâm theo Pháp Chung (Jātibhedanaya): việc phân chia Tâm theo Pháp Chung có 4 Pháp Chung, là: Pháp Chung Bất Thiện, Pháp Chung Thiện, Pháp Chung Dị Thực Quả, Pháp Chung Duy Tác.

2. Phân chia Tâm theo Địa Giới (Bhūmibhedanaya): việc phân chia Tâm theo cả 4 Địa Giới, là: Dục Địa Giới, Sắc Địa Giới, Vô Sắc Địa Giới, Siêu Thế Địa Giới.

3. Phân chia Tâm theo Tịnh Hảo (Sobhanābhedanaya): việc phân chia Tâm theo Vô Tịnh Hảo và Tịnh Hảo.

4. Phân chia Tâm theo Hiệp Thế (Lokābhedanaya): việc phân chia Tâm theo Hiệp Thế và Siêu Thế.

5. Phân chia Tâm theo Nhân (Hetubhedanaya): việc phân chia Tâm theo Vô Nhân và Hữu Nhân.

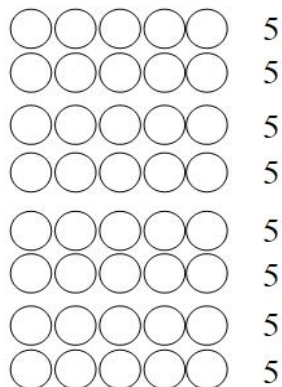
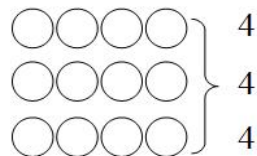
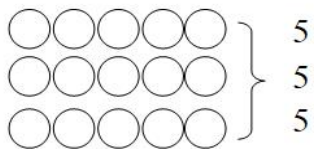
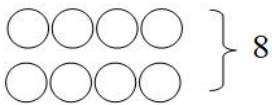
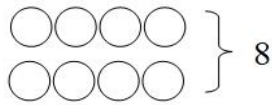
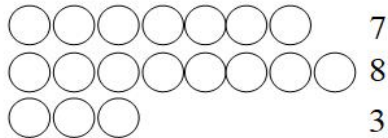
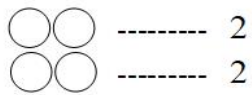
6. Phân chia Tâm theo Thiên Định (Jhānābhedanaya): việc phân chia Tâm theo Phi Thiên và Hữu Thiên.

7. Phân chia Tâm theo Thọ (Vedanābhedanaya): việc phân chia Tâm theo 5 Thọ, là Lạc Thọ, Khổ Thọ, Ưu Thọ, Hỷ Thọ, Xả Thọ.

8. Phân chia Tâm theo Phối Hợp (Sampayogābhedanaya): việc phân chia Tâm theo Tương Ứng và Bất Tương Ứng.

9. Phân chia Tâm theo Dẫn Dụ (Saṅkhārābhedanaya): việc phân chia Tâm theo Vô Dẫn và Hữu Dẫn.

1. Có Bốn Phân Loại Về **Chủng Loại**, đó là:



1. Có 12 Chủng Loại Bất Thiện, là:

- 8 Tâm căn Tham,
- 2 Tâm căn Sân,
- 2 Tâm căn Si.

2. Có 37 Chủng Loại Thiện, là:

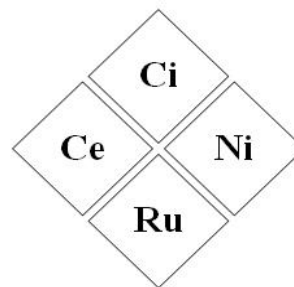
- 8 Tâm Đại Thiện,
- 9 Tâm Đáo Đại,
- 20 Tâm Đáo.

3. Có 52 Chủng Loại Dị Thục Quả, là:

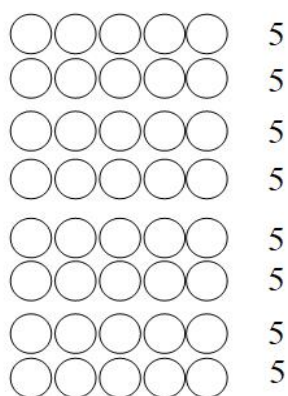
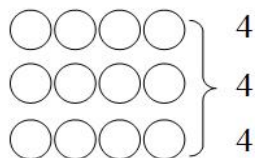
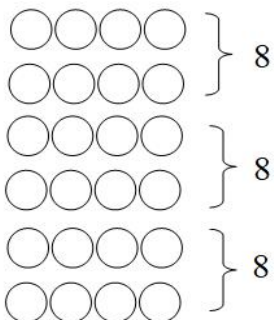
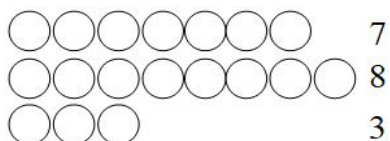
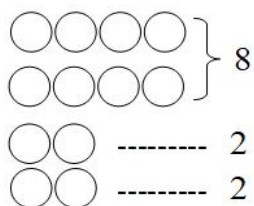
- 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện,
- 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân,
- 8 Tâm Đại Quả,
- 5 Tâm Quả Sắc Giới,
- 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới,
- 20 Tâm Quả Siêu Thế.

4. Có 20 Chủng Loại Duy Tác, là:

- 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân,
- 8 Tâm Đại Duy Tác,
- 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới,
- 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới.



2. Có 4 Phân Loại Về **Địa Giới**, là:

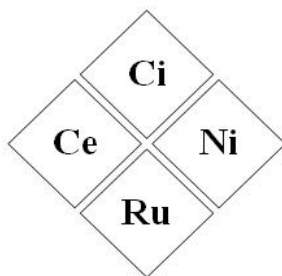


1. Có 54 Cối Dục Giới, là:
 - 12 Tâm Bất Thiện,
 - 18 Tâm Vô Nhân,
 - 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo.

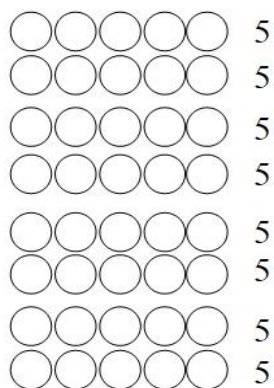
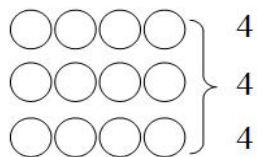
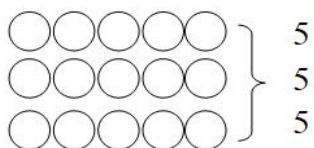
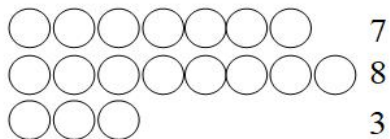
2. Có 15 Cối Sắc Giới, là:
 - 5 Tâm Thiện Sắc Giới,
 - 5 Tâm Quả Sắc Giới,
 - 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới

3. Có 12 Cối Vô Sắc Giới, là:
 - 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới,
 - 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới,
 - 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới.

4. Có 40 Cối Siêu Thế, là 20 Tâm Đạo
20 Tâm Quả.

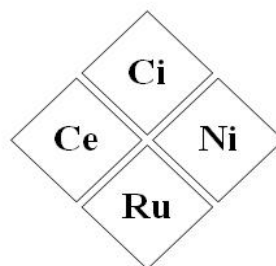


3. Có 2 Phân Loại Về **Tịnh Hảo**, là:

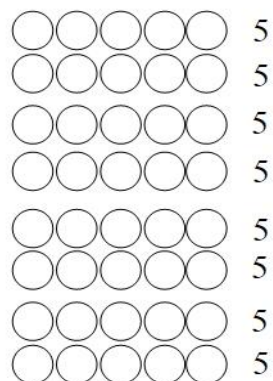
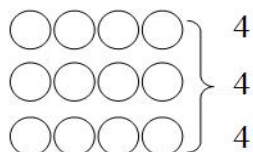
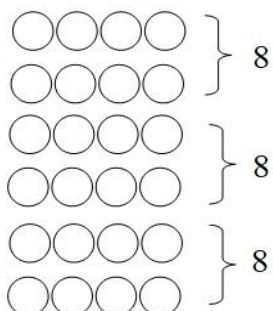
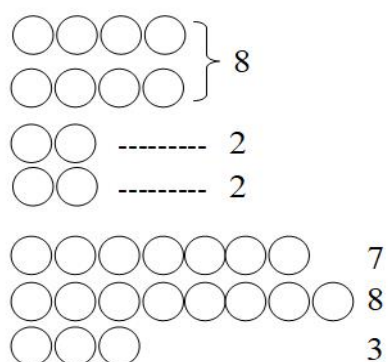


1. Có 30 Tâm Vô Tịch Hào, là 12 Tâm Bất Thiện,
18 Tâm Vô Nhân.

2. Có 91 Tâm Tịnh Hào, là:
- 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hào,
- 15 Tâm Sắc Giới,
- 12 Tâm Vô Sắc Giới,
- 40 Tâm Siêu Thế.

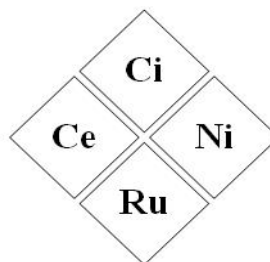


4. Có 2 Phân Loại Về **Hiệp Thế**, là:



1. Có 81 Tâm Hiệp Thế, là
- 12 Tâm Bất Thiện,
 - 18 Tâm Vô Nhân,
 - 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo,
 - 15 Tâm Sắc Giới,
 - 12 Tâm Vô Sắc Giới.

2. Có 40 Tâm Siêu Thế, là
- 20 Tâm Đạo,
- 20 Tâm Quả.



5. Có 2 Phân Loại Về **Nhân**, là:

 8

 2
 2

 7
 8
 3

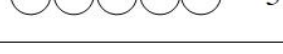
 8

 8

 8

 5
 5
 5

 4
 4
 4

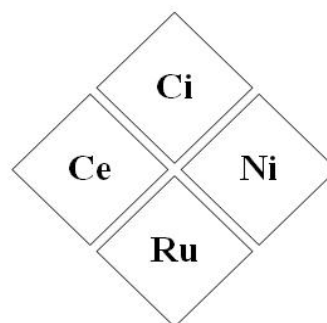
 5
 5
 5
 5
 5
 5
 5
 5

1. Có 18 Tâm Vô Nhân, là:

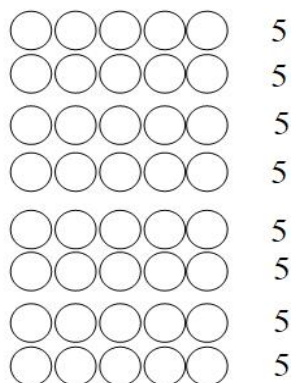
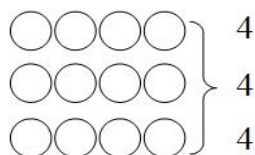
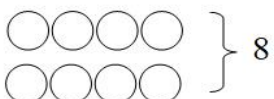
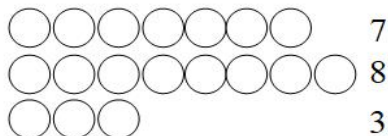
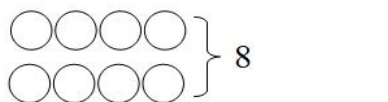
- 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện,
- 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân,
- 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân.

2. Có 103 Tâm Hữu Nhân, là:

- 12 Tâm Bất Thiện,
- 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hào,
- 15 Tâm Sắc Giới,
- 12 Tâm Vô Sắc Giới,
- 40 Tâm Siêu Thế.



6. Có 2 Phân Loại Về **Thiền Định**, là:

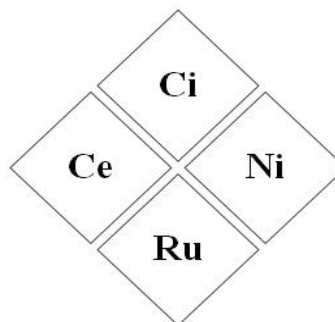


1. 54 Tâm Phi Thiên, là:

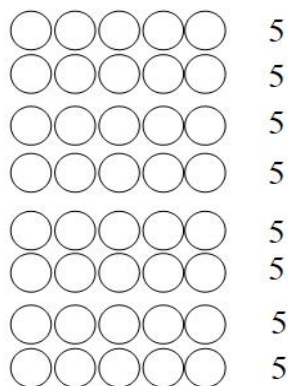
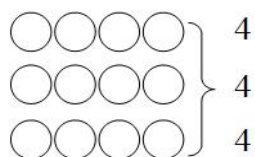
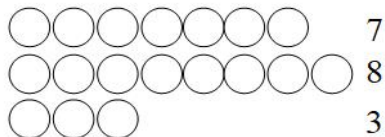
- 12 Tâm Bất Thiện,
- 18 Tâm Vô Nhân,
- 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo.

2. Có 67 Tâm Hữu Thiên, là:

- 15 Tâm Sắc Giới,
- 12 Tâm Vô Sắc Giới,
- 40 Tâm Siêu Thế.



7. Có 5 Phân Loại Về **Thọ**, là:



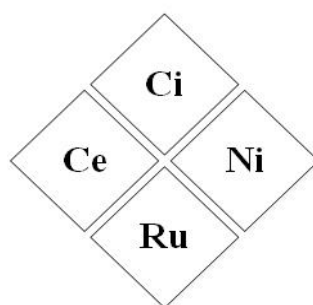
1. Lạc Thọ có 1, là Tâm Thân Thức câu hành Lạc.

2. Khổ Thọ có 1, là 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ.

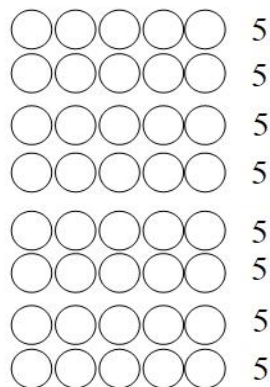
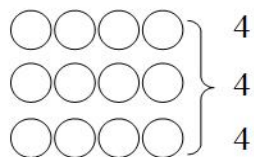
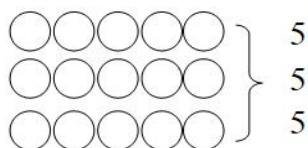
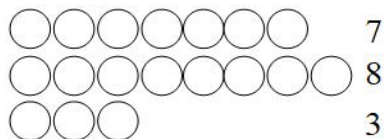
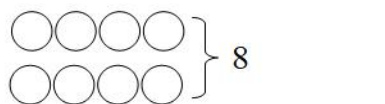
3. Hỷ Thọ có 62, là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ,
1 Tâm Thâm Tấn Hỷ Thọ,
1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ Thọ,
4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ,
4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ,
4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ,
11 Tâm Sơ Thiên,
11 Tâm Nhị Thiên,
11 Tâm Tam Thiên,
11 Tâm Tứ Thiên.

4. Ưu Thọ có 2, là 2 Tâm căn Sân.

5. Xả Thọ có 55, là 4 Tâm căn Tham Xả Thọ,
2 Tâm căn Si,
14 Tâm Vô Nhân Xả Thọ,
4 Tâm Đại Thiện Xả Thọ,
4 Tâm Đại Quả Xả Thọ,
4 Tâm Đại Duy Tác Xả Thọ,
23 Tâm Ngũ Thiên.



8. Có 2 Phân Loại Về **Tương Ứng**, là:

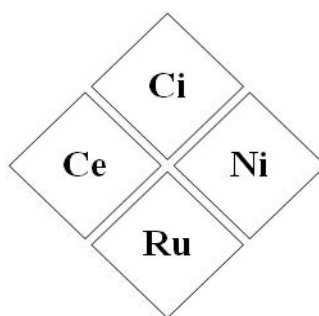


1. Có 87 Tâm Tương Ứng, là:

- 4 Tâm căn Tham Tương Ứng Kiến,
- 2 Tâm căn Sân,
- 2 Tâm căn Si,
- 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí,
- 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí,
- 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí,
- 15 Tâm Sắc Giới,
- 12 Tâm Vô Sắc Giới,
- 40 Tâm Siêu Thế.

2. Có 34 Tâm Bất Tương Ứng, là:

- 4 Tâm căn Tham Bất Tương Ứng Kiến,
- 18 Tâm Vô Nhân,
- 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí,
- 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí,
- 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí.



9. Có 2 Phân Loại Về **Dẫn Dụ**, là:

○○○○ } 8
○○○○ }

○○ ----- 2
○○ ----- 2

○○○○○○○○ 7
○○○○○○○○○○ 8
○○○○ 3

○○○○ } 8
○○○○ }

○○○○ } 8
○○○○ }

○○○○ } 8
○○○○ }

○○○○○○ } 5
○○○○○○ } 5
○○○○○○ } 5

○○○○ } 4
○○○○ } 4
○○○○ } 4

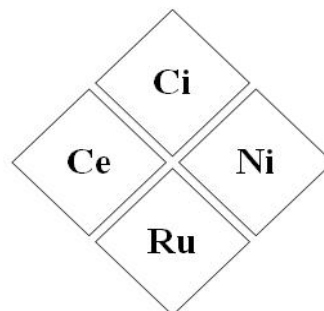
○○○○○○ 5
○○○○○○ 5
○○○○○○ 5
○○○○○○ 5
○○○○○○ 5
○○○○○○ 5
○○○○○○ 5
○○○○○○ 5

1. Có 37 Tâm Vô Dẫn, là:

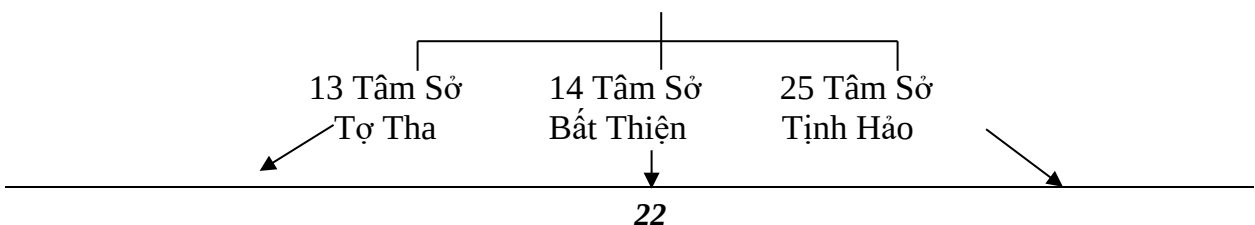
- Tâm căn Tham thứ 1, thứ 3, thứ 5, thứ 7,
- Tâm căn Sân thứ 1,
- 2 Tâm căn Si,
- 18 Tâm Vô Nhân,
- Tâm Đại Thiện thứ 1, thứ 3, thứ 5, thứ 7,
- Tâm Đại Quả thứ 1, thứ 3, thứ 5, thứ 7,
- Tâm Đại Duy Tác thứ 1, thứ 3, thứ 5, thứ 7.

2. Có 84 Tâm Hữu Dẫn, là:

- Tâm căn Tham thứ 2, thứ 4, thứ 6, thứ 8,
- Tâm căn Sân thứ 2,
- Tâm Đại Thiện thứ 2, thứ 4, thứ 6, thứ 8,
- Tâm Đại Quả thứ 2, thứ 4, thứ 6, thứ 8,
- Tâm Đại Duy Tác thứ 2, thứ 4, thứ 6, thứ 8,
- 15 Tâm Sắc Giới,
- 12 Tâm Vô Sắc Giới,
- 40 Tâm Siêu Thế.



52 TÂM SỞ (CETASIKA 52)



7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇa Cetasika 7) - Xúc (Phassa) - Thọ (Vedanā) - Tưởng (Saññā) - Tư (Cetanā) - Nhất Thống (Ekaggata) - Mạng Quyền (Jīvitndriya) - Tác Ý (Manasikāra) 6 Tâm Sở Biệt Cảnh: - Tầm (Vitakka) - Tứ (Vicāra) - Thắng Giải (Adhimokkha) - Cần (Viriya) - Hỷ (Pīti) - Dục (Chanda)	4 Tâm Sở Si Phần (Mocatukacetasaika 4) - Si (Moha) - Vô Tầm (Ahirika) - Vô Quý (Anottappa) - Trạo Cử (Uddhacca) 3 Tâm Sở Tham Phần - Tham (Lobha) - Tà Kiến (Diṭṭhi) - Ngã Mạn (Māna) 4 Tâm Sở Sân Phần Sân (Dosa) - Hối Hận (Kukkucca) - Tật Ốc (Issā) - Lận Sác (Macchhariya) 2 Tâm Sở Hôn Phần - Hôn Trầm (Thīna) - Thùy Miên (Middha) 1 Tâm Sở Hoài Nghi: - Hoài Nghi (Vicikicchā)	19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇa sādhāraṇacetasaika 25) - Tín (Saddhā) - Niệm (Sati) - Tầm (Hiri) - Quý (Ottappa) - Vô Tham (Alobha) - Vô Sân (Adosa) - Trung Gian (Tattramajjhataṭā) - Thân + Tâm An - Thân + Tâm Khinh - Thân + Tâm Nhu - Thân + Tâm Thích - Thân + Tâm Thuần - Thân + Tâm Chánh 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần - Chánh Ngữ - Chánh Nghiệp - Chánh Mạng 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần - Bi Mẫn - Tùy Hỷ 1 Tâm Sở Trí Tuệ - Tuệ Quyền

4 TRƯỜNG HỢP TRẠNG THÁI CỦA TÂM SỞ

1. Đồng Sinh (Ekuppāda): Tâm Sở này thường luôn câu sinh với Tâm; ý muốn nói là khi Tâm sinh Tâm Sở cũng cùng sinh khởi với nhau; sẽ không có được Tâm sinh trước, Tâm Sở sinh sau, hoặc Tâm Sở sinh trước, Tâm sinh sau.

2. Đồng Diệt (Ekanirodha): trong cùng một phương thức, khi Tâm diệt Tâm Sở cũng cùng diệt, không có ai diệt trước hoặc diệt sau.

3. Đồng Đối Tượng (Ekālabana): Cảnh mà Tâm Sở vào tiếp xúc cũng đồng một Cảnh với Tâm tiếp xúc; tỷ như Tâm tiếp xúc màu sắc trắng, Tâm Sở cũng tiếp xúc màu sắc trắng.

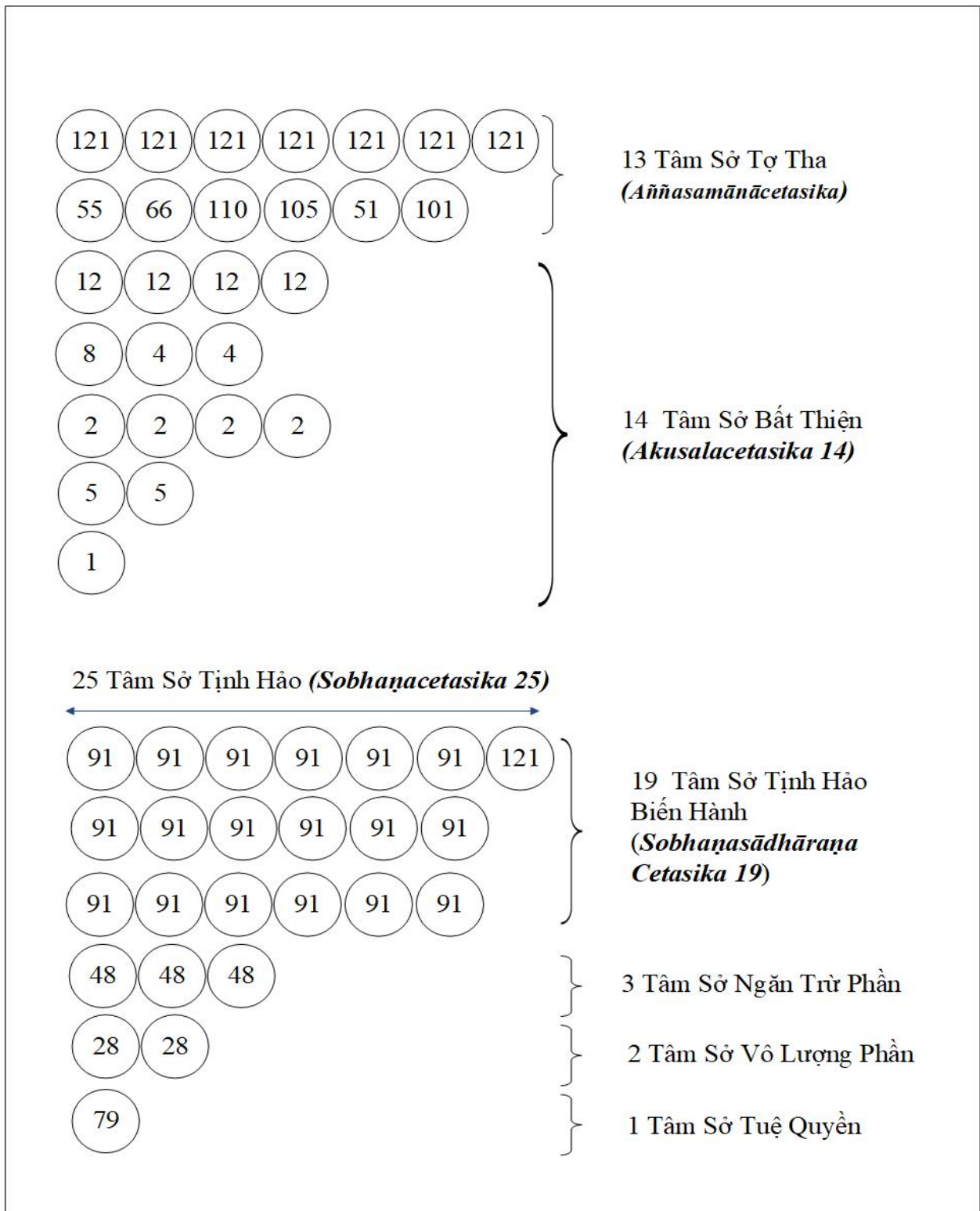
4. Đồng Trú Căn (Ekavattuka): Chỗ y sinh của Tâm Sở cũng cùng Pháp chủng với chỗ y sinh của Tâm; tỷ như Tâm y cứ con mắt sinh, Tâm Sở cũng y cứ con mắt sinh. Tâm y cứ trái tim sinh, Tâm Sở cũng y cứ trái tim sinh.

PHÂN CHIA 52 TÂM SỞ KHI THEO NHÓM, CÓ 3 NHÓM LÀ:

- (1) Nhóm Tợ Tha (Aññasamānarāsī).**
- (2) Nhóm Bất Thiện (Akusalarāsī).**
- (3) Nhóm Tịnh Hảo (Sobhaṇarāsī).**

Bản Đồ 52 Tâm Sở Phối Hợp Với Tâm (Cetasika 52)





TÂM SỞ SIÊU LÝ (CETASIKAPARAMATTHA)

Tâm Sở có 52 là: (1) 13 Tâm Sở Tợ Tha, (2) 14 Tâm Sở Bất Thiện, (3) 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

13 Tâm Sở Tợ Tha là: (1) 7 Tâm Sở Biến Hành, (2) 6 Tâm Sở Biệt Cảnh.

14 Tâm Sở Bất Thiện là: (1) 4 Tâm Sở Si Phần, (2) 3 Tâm Sở Tham Phần, (3) 4 Tâm Sở Sân Phần, (4) 2 Tâm Sở Hôn Phần, (5) 1 Tâm Sở Hoài Nghi.

25 Tâm Sở Tịnh Hảo là: (1) 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, (2) 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, (3) 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần, (4) 1 Tâm Sở Tuệ Quyền.

13 TÂM SỞ TỌ THA (AÑÑASAMĀNACETASIKA 13)

7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetāsika 7), là:

Xúc (Phassa): Pháp chủng tiếp xúc Cảnh.

Thọ (Vedanā): Pháp chủng thụ hưởng Cảnh.

Tưởng (Saññā): Pháp chủng ký ức Cảnh.

Tư (Cetanā): Pháp chủng đôn thúc và khuyến đạo Pháp tương ưng trong Cảnh để cho thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Nhất Thống (Ekaggatā): Pháp chủng an định và cho Pháp tương ưng hiện hữu duy nhất trong một Cảnh.

Mạng Quyền (Jīvitindriya): Pháp chủng bảo hộ Pháp tương ưng.

Tác Ý (Manasikāra): Pháp chủng lập tâm và dẫn đạo Pháp tương ưng đến Cảnh.

6 TÂM SỞ BIỆT CẢNH (PAKINŃAKACETASIKA 6)

Tầm (Vitakka): Pháp chủng đưa Pháp tương ưng đi đến Cảnh, là tư khảo Cảnh.

Tứ (Vicāra): Pháp chủng có việc ôm ấp phủ lấy Cảnh.

Thắng Giải (Adhimokkha): Pháp chủng phán đoán Cảnh.

Cần (Viriya): Pháp chủng có sự cần miến trong Cảnh.

Hỷ (Pīti): Pháp chủng có sự tán mỹ hỷ duyệt trong Cảnh.

Dục (Chanda): Pháp chủng dục cầu Cảnh.

14 TÂM SỞ BẤT THIỆN (AKUSALACETASIKA 14)

4 TÂM SỞ SI PHẦN (MOCATUKACETASIKA 4)

Si (Moha): Pháp chủng che đậy chân thực tính của Cảnh, là sự ngộ giải.

Vô Tàm (Ahirika): Pháp chủng không có sự hổ thẹn đối với Ác Hạnh.

Vô Quý (Anottappa): Pháp chủng không có sự ghê sợ đối với Ác Hạnh.

Trạo Cử (Uddhacca): Pháp chủng tâm thần bất định, tâm viên ý mã, là tiếp thân Cảnh bất kiên định.

3 TÂM SỞ THAM PHẦN (LOTIKACETASIKA 3)

Tham (Lobha): Pháp chủng có sự nhu cầu và mê luyến trong Cảnh dục trần (Kāma guṇārammaṇa).

Tà Kiến (Diṭṭhi): Pháp chủng có sự thấy sai trong Cảnh.

Ngã Mạn (Māna): Pháp chủng có sự ngạo mạn, bài giá tử.

4 TÂM SỞ SÂN PHẢN (DOCATUKACETASIKA 4)

Sân (Dosa): Pháp chủng làm nguy hại trong Cảnh.

Tật Đồ (Issā): Pháp chủng có sự bất mãn ý trong tài sản hoặc thiện công đức của tha nhân.

Lận Sắc (Macchhariya): Pháp chủng có sự cực độ ái tích về của cải tài vật hoặc thiện công đức của bản thân.

Hối Hận (Kukucca): Pháp chủng có sự tâm phiền trong Ác Hạnh đã tạo tác, và trong Thiện Hạnh chưa được thực hiện.

2 TÂM SỞ HÔN PHẢN (THIDUKACETASIKA 2)

Hôn Trầm (Thīna): Pháp chủng làm cho Tâm trì đốn thoái sức với Cảnh.

Thụy Miên (Middha): Pháp chủng làm cho Tâm Sở trì đốn thoái sức với Cảnh.

1 TÂM SỞ HOÀI NGHI (VICIKICCHĀCETASIKA 1)

Hoài Nghi (Vicikicchā): Pháp chủng có sự hoài nghi, bất hạ định quyết tâm, là phê phán trong Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng v.v.

25 TÂM SỞ TỊNH HẢO (SOBHAṆACETASIKA 25)

19 TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH (SOBHAṆASĀDHĀRAṆACETASIKA 19)

Tín (Saddhā): Pháp chủng có sự tương tín và tín phụng trong Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng theo sự xác tín, tương tín trong Nghiệp Lực và Hệ Quả của Nghiệp Lực.

Niệm (Sati): Pháp chủng có sự ký ức trong Cảnh liên quan với **Thiện Pháp (Kusala dhamma)**, có Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng v.v.(1)

Tàm (Hiri): Pháp chủng có sự yếm ố và tàm quý đối với công việc ở phần Ác Hạnh.

Quý (Ottappa): Pháp chủng có sự kinh hãi úy cù đối với công việc ở phần Ác Hạnh.

Vô Tham (Alobha): Pháp chủng bất tướng đắc đắc, và không dính mắc trong **Cảnh dục trần (Kāmaguṇārammaṇa)**.

Vô Sân (Adosa): Pháp chủng bất nguy hại trong Cảnh.

Trung Gian (Tatramajjhataṭṭā): Pháp chủng làm cho Tâm và Tâm Sở quân bình trong mỗi sự việc của mình, không có việc tăng giảm.

Thân Khinh An (Kāyapassaddhi): Pháp chủng có sự an tịnh của 3 **Uẩn Tâm Sở (Khandhacetasika)** trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Khinh An (Cittapassaddhi): Pháp chủng có sự an tịnh của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Khinh Khoái (Kāyalahutā): Pháp chủng có sự khinh khoái của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Khinh Khoái (Cittalahutā): Pháp chủng có sự khinh khoái của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Nhu Nhuyễn (Kāyamudutā): Pháp chủng có sự mềm dịu của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Nhu Nhuyễn (Cittamudutā): Pháp chủng có sự mềm dịu của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Thích Ứng (Kāyakammaññatā): Pháp chủng có sự thích ứng của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Thích Ứng (Cittakammaññatā): Pháp chủng có sự thích ứng của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Thuần Thực (Kāyapāguññatā): Pháp chủng có sự thuần thực của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Thuần Thực (Cittapāguññatā): Pháp chủng có sự thuần thực của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Chánh Trực (Kāyujukatā): Pháp chủng có sự chánh trực của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Chánh Trực (Cittujukatā): Pháp chủng có sự chánh trực của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

3 TÂM SỞ NGĂN TRỪ PHẦN (VIRATĪCETASIKA 3)

Chánh Ngữ (Sammāvācā): việc nói ngôn ngữ trừ **Tứ Ngữ Ác Hạnh (Vacīducarita)** ra, không liên quan đến công việc sinh kế.

Chánh Nghiệp (Sammākammanta): việc tạo tác hành động trừ **Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaducarita)** ra, không liên quan đến công việc sinh kế.

Chánh Mạng (Sammājīva): việc phối hợp sinh kế trừ **Tứ Ngữ Ác Hạnh (Vacīducarita)** và **Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaducarita)**.

3 Tâm Sở này gọi tên là **Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika)** vì có **Tư Tâm Sở (Cetanā)** ở ngoài phần Ác Hạnh làm chủ yếu.

2 TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN (APPAMAÑÑĀCETASIKA 2)

Bi Mẫn (Karūṇā): Pháp chủng có sự lân mẫn đối với **Khổ Đau Hữu Tình (Dukkhita satta)**, là người đang đón nhận sự khổ đau, hoặc sẽ đón nhận sự khổ đau trong thời gian tới.

Tùy Hỷ (Muditā): Pháp chủng có sự hoan hỷ đối với **An Lạc Hữu Tình (Sukkhita satta)**, là người đang đón nhận sự an vui, hoặc sẽ được an vui trong thời gian tới.

1 TÂM SỞ TUỆ QUYỀN (PAÑÑINDRĪYACETASIKA 1)

Trí Tuệ (Paññā): Pháp chủng liễu tri một cách phổ biến Pháp Thực Tính thể theo sự chân thực.

PHẦN PHỐI HỢP (SAMPOYOGA) CỦA 13 TÂM SỞ TỢ THA

13 Tâm Sở Tợ Tha phối hợp trong hết cả 89 hoặc 121 Tâm:

Tâm Sở Tầm (Vitakkacetāsika) phối hợp được trong 55 Tâm, là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức), 11 Tâm Sơ Thiền.

Tâm Sở Tứ (Vicāracetāsika) phối hợp được trong 66 Tâm, là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức), 11 Tâm Sơ Thiền, 11 Tâm Nhị Thiền.

Tâm Sở Thắng Giải (Adhimokkhetāsika) phối hợp được trong 110 Tâm, là 43 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi), 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế.

Tâm Sở Cần (Viriyacetāsika) phối hợp được trong 105 Tâm, là 38 Tâm Dục Giới (trừ 15 Tâm Quả Vô Nhân, 1 Tâm Khai Ngũ Môn), 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế.

Tâm Sở Hỷ (Pīticetāsika) phối hợp được trong 51 Tâm, là 18 Tâm Dục Giới câu hành hỷ, 11 Tâm Sơ Thiền, 11 Tâm Nhị Thiền, 11 Tâm Tam Thiền.

Tâm Sở Dục (Chandacetāsika) phối hợp được trong 101 Tâm, là 34 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân), 27 Tâm Đáo Đại, và 40 Tâm Siêu Thế.

PHẦN PHỐI HỢP (SAMPOYOGA) CỦA 14 TÂM SỞ BẤT THIỆN

Tâm Sở Si Phần (Mocatukacetāsika) phối hợp trong hết cả 12 Tâm Bất Thiện.

3 Tâm Sở Tham Phần (Lotikacetāsika): (1) Tâm Sở Tham phối hợp trong 8 Tâm căn Tham, (2) Tâm Sở Tà Kiến phối hợp với 4 Tâm Tương Ứng Kiến, (3) Tâm Sở Ngã Mạn phối hợp trong 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến.

4 Tâm Sở Sân Phần (Docatukacetāsika): phối hợp trong 2 Tâm căn Sân.

2 Tâm Sở Hôn Phần (Thūnacetāsika): phối hợp trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn.

1 Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchācetāsika): phối hợp trong 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi.

PHẦN PHỐI HỢP (SAMPAYOGA) CỦA 25 TÂM SỞ TỊNH HẢO

19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biện Hành (Sobhaṇasādhāraṇacetāsika) phối hợp trong hết cả 59 hay 91 Tâm Tịnh Hảo.

3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetāsika) phối hợp trong 16 hoặc 48 Tâm, là 8 Tâm Đáo Thiện, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññacetāsika) phối hợp trong 28 Tâm, là 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 12 Tâm Sắc Giới (trừ 3 Tâm Ngũ Thiện).

1 Tâm Sở Trí Tuệ (Paññācetasika) phối hợp trong 47 hoặc 79 Tâm, là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 27 Tâm Đáo Đại, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

13 TÂM SỞ TỌA THA CÓ 7 PHẦN PHỐI HỢP

7 Tâm Sở Biến Hành tính là 1 phần Phối Hợp.

6 Tâm Sở Biệt Cảnh tính là 6 phần Phối Hợp.

14 TÂM SỞ BẤT THIỆN THƯỜNG CHỈ PHỐI HỢP TRONG 12 TÂM BẤT THIỆN ĐƯỢC CHIA RA THÀNH 5 PHẦN:

4 Tâm Sở Si Phần phối hợp trong hết cả 12 Tâm Bất Thiện, tính là 1 phần.

3 Tham, Kiến, Ngã Mạn chỉ phối hợp trong 8 Tâm căn Tham thôi, tính là 1 phần.

4 Tâm Sở Sân Phần chỉ phối hợp trong 2 Tâm căn Sân thôi, tính là 1 phần.

2 Tâm Sở Hôn Phần chỉ phối hợp trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn thôi, tính 1 phần.

Tâm Sở Hoài Nghi phối hợp trong 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi thôi, tính 1 phần.

25 TÂM SỞ TỊNH HẢO THƯỜNG CHỈ PHỐI HỢP TRONG 59 HOẶC 91 TÂM SỞ TỊNH HẢO THÔI, ĐƯỢC CHIA RA THÀNH 4 PHẦN:

19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo, tính 1 phần.

3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp trong 16 hoặc 48 Tâm, tính là 1 phần.

2 Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp trong 28 Tâm tính là 1 phần.

Tâm Sở Trí Tuệ phối hợp trong 47 hoặc 79 Tâm, tính là 1 phần.

TÂM SỞ BẤT ĐỊNH (ANİYATAYOGĪCETASIKA) VÀ TÂM SỞ NHẤT ĐỊNH (NIYATAYOGĪCETASIKA)

Tâm Sở Bất Định (Aniyatayogīcetasika): ý muốn nói là Tâm Sở phối hợp bất định, có 11 Tâm Sở là: Tật Đố, Lận Sắc, Hối Hận, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Bi Mẫn, Tùy Hỷ, Ngã Mạn, Hôn Trầm, Thùy Miên.

Bất Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Nānākadācetasika): ý muốn nói là Tâm Sở phối hợp được khi có khi không, thỉnh thoảng, và không cùng nhau phối hợp, có 8 Tâm Sở là Tật Đố, Lận Sắc, Hối Hận, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Bi Mẫn, Tùy Hỷ.

Hữu Thời Tâm Sở (Kadācīcetasika) ý muốn nói là Tâm Sở phối hợp được khi có khi không, có 1 Tâm Sở là Ngã Mạn (Māna).

Cộng Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Sahakadācicetasika): tùy lúc và cùng nhau Tâm Sở ý muốn nói là Tâm Sở phối hợp được khi có khi không, thế nhưng cùng nhau phối hợp, có 2 Tâm Sở là Hôn Trầm, Thụy Miên.

Nhất Định Tâm Sở (Niyatayogicetasika): ý muốn nói là Tâm Sở phối hợp được một cách nhất định, có 41 Tâm Sở, là 41 Tâm Sở ở bên ngoài 11 Tâm Sở Bất Định.

TRONG 12 TÂM BẤT THIỆN CÓ 7 PHẦN TỔNG HỢP (SAṄGAHA):

Số lượng 19 Tâm Sở phối hợp trong Tâm căn Tham thứ 1 với thứ 3, tính là 1 phần.
Số lượng 18 Tâm Sở phối hợp trong Tâm căn Tham thứ 5 với thứ 7, tính là 1 phần.
Số lượng 20 Tâm Sở phối hợp trong Tâm căn Tham thứ 6 với thứ 8, tính là 1 phần.
Số lượng 21 Tâm Sở phối hợp trong Tâm căn Tham thứ 2 và thứ 4, tính là 1 phần.
Số lượng 20 Tâm Sở phối hợp trong Tâm căn Sân thứ 1, tính là 1 phần.
Số lượng 22 Tâm Sở phối hợp trong Tâm căn Sân thứ 2, tính là 1 phần.
Số lượng 15 Tâm Sở phối hợp trong 2 Tâm căn Si, tính là 1 phần.

TRONG 18 TÂM VÔ NHÂN CÓ 4 PHẦN TỔNG HỢP (SAṄGAHA):

Số lượng 12 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Tiểu Sinh, tính là 1 phần (trừ Dục).
Số lượng 11 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Thâm Tấn Hỷ Thọ (trừ Căn với Dục) với Tâm Khai Ý Môn (trừ Hỷ với Dục), tính là 1 phần.
Số lượng 11 Tâm Sở phối hợp trong 3 Ý Giới (là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 2 Tâm Thâm Tấn) với 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ (trừ Căn, Hỷ, Dục), tính là 1 phần.
Số lượng 7 Tâm Sở phối hợp trong 10 Tâm Ngũ Song Thức, tính là 1 phần.

TRONG 24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO CÓ 12 PHẦN TỔNG HỢP:

Số lượng 38 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Đại Thiện thứ 1 với thứ 2, tính là 1 phần.
Số lượng 37 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Đại Thiện thứ 3 với thứ 4, thứ 5 với thứ 6, tính là 2 phần.
Số lượng 36 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Đại Thiện thứ 7 với thứ 8, tính là 1 phần.
Ghi chú: 8 Tâm Đại Thiện có 4 phần Tổng Hợp, 8 Tâm Dị Thực Quả có 4 phần Tổng Hợp, 8 Tâm Đại Duy Tác có 4 phần Tổng Hợp.

TRONG 27 TÂM ĐÁO ĐẠI CÓ 5 PHẦN TỔNG HỢP:

Số lượng 35 Tâm Sở phối hợp trong 3 Tâm Sơ Thiện, tính là 1 phần.
Số lượng 34 Tâm Sở phối hợp trong 3 Tâm Nhị Thiện, tính là 1 phần.
Số lượng 33 Tâm Sở phối hợp trong 3 Tâm Tam Thiện, tính là 1 phần.
Số lượng 32 Tâm Sở phối hợp trong 3 Tâm Tứ Thiện, tính là 1 phần.

Số lượng 30 Tâm Sở phối hợp trong 15 Tâm Ngũ Thiên, tính là 1 phần.

TRONG 40 TÂM SIÊU THỂ CÓ 5 PHẦN TỔNG HỢP:

Số lượng 36 Tâm Sở phối hợp trong 8 Tâm Sơ Thiên, tính là 1 phần.

Số lượng 35 Tâm Sở phối hợp trong 8 Tâm Nhị Thiên, tính là 1 phần.

Số lượng 34 Tâm Sở phối hợp trong 8 Tâm Tam Thiên, tính là 1 phần.

Số lượng 33 Tâm Sở phối hợp trong 8 Tâm Tứ Thiên và 8 Tâm Ngũ Thiên, tính là 2 phần.

TRÌNH BÀY PHẦN TỔNG HỢP MỘT CÁCH QUẢNG NGHĨA PHÂN CHIA 27 TÂM SỞ THEO 12 TÂM BÁT THIỆN

1. Tâm căn Tham thứ 1 có 19 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 4 Si Phần, Tham, Tà Kiến.
2. Tâm căn Tham thứ 2 có 21 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 4 Si Phần, Tham, Tà Kiến, 2 Hôn Phần.
3. Tâm căn Tham thứ 3 có 19 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 4 Si Phần, Tham, Ngã Mạn.
4. Tâm căn Tham thứ 4 có 21 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 4 Si Phần, Tham, Ngã Mạn, 2 Hôn Phần.
5. Tâm căn Tham thứ 5 có 18 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, Tham, Tà Kiến.
6. Tâm căn Tham thứ 6 có 20 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, Tham, Tà Kiến, 2 Hôn Phần.
7. Tâm căn Tham thứ 7 có 18 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, Tham, Ngã Mạn.
8. Tâm căn Tham thứ 8 có 20 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, Tham, Ngã Mạn, 2 Hôn Phần.
9. Tâm căn Sân thứ 1 có 20 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, 4 Sân Phần.
10. Tâm căn Sân thứ 2 có 22 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, 4 Sân Phần, 2 Hôn Phần.
11. Tâm căn Si thứ 1 có 15 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Thắng Giải, Hỷ, Dục), 4 Si Phần, Hoài Nghi.
12. Tâm căn Si thứ 2 có 15 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục), 4 Si Phần.

PHÂN CHIA 12 TÂM SỞ THEO 18 TÂM VÔ NHÂN

10 Tâm Ngũ Song Thức có 7 Tâm Sở phối hợp, là 7 Tâm Sở Biến Hành.

2 Tâm Tiếp Thân, 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, gom 5 Tâm này có 10 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Cần, Hỷ, Dục).

Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ có 11 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Cần, Dục).

Tâm Khai Ý Môn có 11 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục).

Tâm Tiểu Sinh có 12 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Dục).

PHÂN CHIA 38 TÂM SỞ THEO 24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO

Tâm Đại Thiện thứ 1, thứ 2 có 38 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm Đại Thiện thứ 3, thứ 4 có 37 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 24 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Trí Tuệ).

Tâm Đại Thiện thứ 5, thứ 6 có 37 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm Đại Thiện thứ 7, thứ 8 có 36 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 24 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Trí Tuệ).

Tâm Đại Quả thứ 1, thứ 2 có 33 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, 1 Trí Tuệ.

Tâm Đại Quả thứ 3, thứ 4 có 32 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành.

Tâm Đại Quả thứ 5, thứ 6 có 32 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến hành, 1 Trí Tuệ.

Tâm Đại Quả thứ 7, thứ 8 có 31 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành.

Tâm Đại Duy Tác thứ 1, thứ 2 có 35 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần).

Tâm Đại Duy Tác thứ 3, thứ 4 có 34 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 21 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần, 1 Trí Tuệ).

Tâm Đại Duy Tác thứ 5, thứ 6 có 34 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần).

Tâm Đại Duy Tác thứ 7, thứ 8 có 33 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 21 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần, 1 Trí Tuệ).

PHÂN CHIA 35 TÂM SỞ THEO 27 TÂM ĐÁO ĐẠI

3 Tâm Sơ Thiện có 35 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần).

3 Tâm Nhị Thiện có 34 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm), 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần).

3 Tâm Tam Thiên có 33 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm, Tứ), 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần).

3 Tâm Tứ Thiên có 32 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm, Tứ, Hỷ), 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần).

15 Tâm Ngũ Thiên có 30 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm, Tứ, Hỷ), 20 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần, 2 Vô Lượng Phần).

PHÂN CHIA 36 TÂM SỞ THEO 40 TÂM SIÊU THỂ

8 Tâm Sơ Thiên có 36 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Vô Lượng Phần).

8 Tâm Nhị Thiên có 35 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm), 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Vô Lượng Phần).

8 Tâm Tam Thiên có 34 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm, Tứ), 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Vô Lượng Phần).

8 Tâm Tứ Thiên và 8 Tâm Ngũ Thiên có 33 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm, Tứ, Hỷ), 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Vô Lượng Phần).

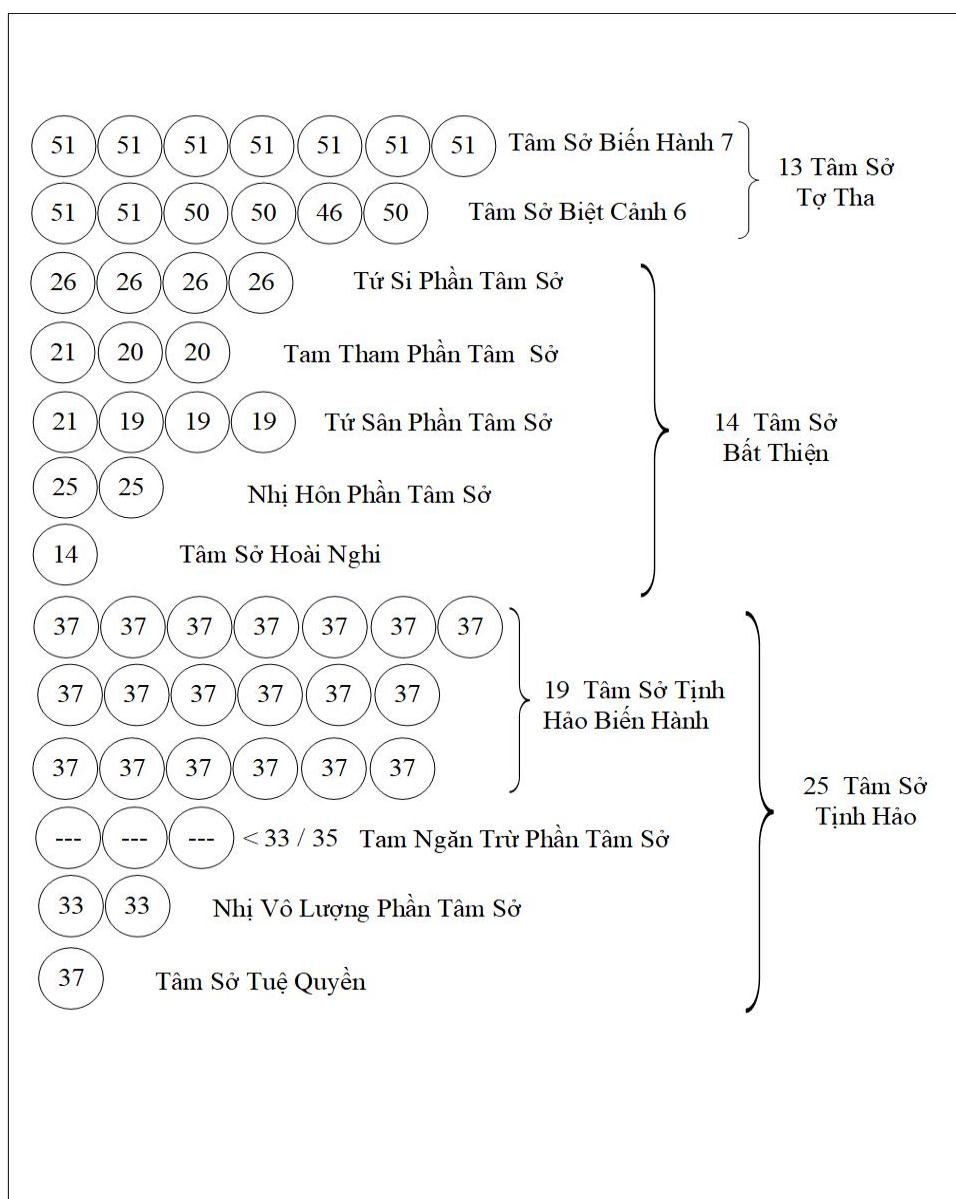
Trong **Phần Hối Hợp Cả Hai Phần (Tadubhayamissakanaya)** là việc nêu **Phần Hối Hợp (Sampayoga)** và **Phần Tổng Hợp (Saṅgaha)** này đưa Tâm Sở lên làm chủ yếu, và tầm kiểm Tâm Sở cùng câu sinh; tỷ như Tâm Sở có 52, khi đưa Tâm Sở Xúc lên làm chủ yếu thì bản thân Xúc không tính, vì làm chủ yếu rồi có 51 Tâm Sở câu sinh, trừ bản thân ra, và làm như thế này mỗi một Tâm Sở, là nói đến Tâm Sở ấy làm chủ yếu, và bản thân chủ yếu không tính, chỉ đặc biệt tính Tâm Sở câu sinh.

Ghi chú: Vì nguyên nhân nào Tâm Sở Biến Hành mới có 51 Tâm Sở câu sinh và một vài Tâm Sở có Tâm Sở câu sinh không bằng nhau ? Vì nguyên nhân là Tâm Sở Biến Hành phối hợp được trong hết cả các Tâm. Sát na Tâm Sở Biến Hành phối hợp trong Tâm Bất Thiện cũng có Tâm Sở Bất Thiện cùng câu sinh; sát na phối hợp trong Tâm Tịnh Hảo cũng có Tâm Sở Tịnh Hảo câu sinh; vì thế 51 Tâm Sở Biến Hành câu sinh trong Tâm Sở Biệt Cảnh cũng có ít nhiều Tâm Sở cùng phối hợp, vì phải trừ bản thân đang làm chủ yếu, rồi vẫn còn phải trừ Tâm Sở không vào phối hợp được nữa, tỷ như Tâm Sở Thắng Giải - trừ bản thân ra có 50 Tâm Sở cùng phối hợp và loại trừ 1 Tâm Sở Hoài Nghi. Vì cái chi phải trừ Tâm Sở Hoài Nghi ? Vì Hoài Nghi là Pháp chủng có đặc tính hoài nghi, thế nhưng Thắng Giải là Pháp chủng phán quyết Cảnh, cả 2 Tâm Sở này là Pháp chủng không vào nhau được, mới phải trừ đi vậy.

Tâm Sở Hỷ có 46 Tâm Sở câu sinh, trừ 4 Tâm Sở Sân Phần, 1 Tâm Sở Hoài Nghi, cùng với Tâm Sở Hỷ, và còn lại 46 Tâm Sở. Loại trừ là vì Tâm Sở Sân Phần phối hợp cố định trong Tâm căn Sân, còn Tâm Sở Hỷ không phối hợp với Tâm căn Sân được, vì thế coi như 4 Tâm Sở Sân Phần chẳng phải cùng nhóm Tâm Sở Hỷ. Tâm Sở Hoài Nghi cũng phối hợp trong Tâm căn Si thứ 1. Tâm căn Si lại là Xả Thọ vì thế Tâm Sở Hỷ mới không vào phối hợp tương tự.



Bản Đồ Hỗn Hợp Lương Phần (Tadubhayamissakanaya)



Tâm Sở Xúc có 51 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)

Tâm Sở Thọ có 51 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)

Tâm Sở Tưởng có 51 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)

Tâm Sở Tư có 51 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)

Tâm Sở Nhất Thống có 51 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)

Tâm Sở Mạng Quyền có 51 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)

Tâm Sở Tác Ý có 51 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)

Tâm Sở Tầm có 51 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)

Tâm Sở Tứ có 51 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)

Tâm Sở Thắng Giải có 50 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình và Hoài Nghi)

Tâm Sở Cần có 51 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)

Tâm Sở Hỷ có 46 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình và Tứ Sân Phần, Hoài Nghi)
Tâm Sở Dục có 50 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình và 1 Hoài Nghi)
Tâm Sở Si có 26 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)
Tâm Sở Vô Tàm có 26 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)
Tâm Sở Vô Quý có 26 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)
Tâm Sở Trạo Cử có 26 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)
Tâm Sở Tham có 21 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình, 4 Sân Phần, 1 Hoài Nghi)
Tâm Sở Tà Kiến có 20 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)
Tâm Sở Ngã Mạn có 20 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)
Tâm Sở Sân có 21 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình và Hỷ, 3 Tham Phần, Hoài Nghi)
Tâm Sở Hôn Trầm – Thùy Miên có 25 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình, 1 Hoài Nghi)
Tâm Sở Hoài Nghi có 14 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)
19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biện Hành có 37 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)
3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp trong **Tâm Hiệp Thế** có 33 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình).
3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp trong **Tâm Siêu Thế** có 35 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình).
2 Tâm Sở Vô Lượng Phần có 33 Tâm Sở câu sinh (trừ chính mình)
Tâm Sở Tuệ Quyền có 34 Tâm Sở câu sinh (loại trừ chính mình)
Ghi chú: Trong 52 Tâm Sở phần **Nhất Định (Niyata)** phối hợp được 41 Tâm Sở, và phần **Bất Định (Aniyata)** phối hợp được 11 Tâm Sở là: Ngã Mạn, Tật Đố, Lận Sắc, Hối Hận, Hôn Trầm, Thùy Miên, 3 Ngăn Trừ Phần Tâm Sở, 2 Vô Lượng Phần Tâm Sở, gom thành 11.

SẮC PHÁP SIÊU LÝ (RŪPAPARAMATTHA)

- 1. Sắc Pháp (Rūpa)** có 28, là: (1) 18 Sắc Thành Sở Tác, (2) 10 Sắc Phi Thành Sở Tác.
- 2. 18 Sắc Thành Sở Tác**, là: (1) 4 Sắc Đại Hiện, (2) 5 Sắc Thanh Triệt, (3) 4 hoặc 7 Sắc Thông Hành, (4) 2 Sắc Bản Tính, (5) 1 Sắc Tâm Cơ (Sắc Ý Vật), (6) 1 Sắc Mạng Quyền, (7) 1 Sắc Vật Thực.
- 3. 10 Sắc Phi Thành Sở Tác**, là: (1) 1 Sắc Hận Giới, (2) 2 Sắc Biểu Tri, (3) 3 hoặc 5 Sắc Biện Thể, (4) 4 Sắc Thực Tướng.
- 4. Tứ Sắc Đại Hiện**, là: Địa, Thủy, Hỏa, Phong.
- 5. Ngũ Sắc Thanh Triệt**, là: Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Ty Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt.
- 6. Thất Sắc Thông Hành**, là: Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Địa Xúc, Cảnh Họa Xúc, Cảnh Phong Xúc.
- 7. Nhị Sắc Bản Tính**, là: Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính.
- 8. Nhất Sắc Tâm Cơ**, là Ý Vật.
- 9. Nhất Sắc Mạng Quyền**, là Mạng Quyền.
- 10. Nhất Sắc Vật Thực**, là Đoàn Thực.
- 11. Nhất Sắc Hận Giới**, là Không Giới Tổ Chất (còn gọi là Sắc Giao Giới, là khoảng trống xen kẽ ở giữa Khối Tổng Hợp Sắc này với Khối Tổng Hợp Sắc nối tiếp)

12. Nhị Sắc Biểu Tri, là: Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri.

13. Ngũ Sắc Biến Thể, là: Khinh Khoái, Nhu Nhuyễn, Thích Sự, Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri.

14. Tứ Sắc Thực Tướng, là: Tích Lũy, Diên Tục, Lão Mai, Vô Thường.

28 Sắc Pháp ấy, khi sắp thành phân loại, Đại Phân Loại có 2, Tiểu Phân Loại có 11.

Đại Phân Loại có 2, là: (1) 18 Sắc Thành Sở Tác, (2) 10 Sắc Phi Thành Sở Tác.

Tiểu Phân Loại có 11, là: (1) 4 Sắc Đại Hiện, (2) 5 Sắc Thanh Triệt, (3) 4 hoặc 7 Sắc Thông Hành, (4) 2 Sắc Bản Tính, (5) 1 Sắc Tâm Cơ, (6) 1 Sắc Mạng Quyền, (7) 1 Sắc Vật Thực, (8) 1 Sắc Hạn Giới, (9) 2 Sắc Biểu Tri, (10) 3 hoặc 5 Sắc Biến Thể, (11) 4 Sắc Thực Tướng.

Trong số lượng 28 Sắc Pháp ấy, tính kể từ Sắc Đại Hiện cho đến Sắc Vật Thực, kết hợp thành 18 Sắc này là **Chân Sắc Siêu Lý (Rūpaparamattha)**. Còn 10 Sắc Pháp còn lại, tính kể từ Sắc Hạn Giới cho đến 4 Sắc Thực Tướng, chẳng phải là Chân Sắc Siêu Lý, chỉ là Sắc Đặc Biệt sinh khởi ở trong 18 Chân Sắc Siêu Lý (Ngụy Sắc Siêu Lý).

CHI PHÁP 28 SẮC PHÁP

1. Địa (Pathavī) đó là Sắc cứng và mềm.

2. Thủy (Āpo) đó là Sắc chảy lan ra hoặc quén tụ lại.

3. Hỏa (Tejo) đó là Sắc lạnh và nóng.

4. Phong (Vāyo) đó là Sắc căng phồng và chuyển động.

5. Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda) đó là sự thanh triệt có khả năng tiếp thu được Cảnh Sắc.

6. Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda) đó là sự thanh triệt có khả năng tiếp thu được Cảnh Thính.

7. Ty Thanh Triệt (Ghānapasāda): đó là sự thanh triệt có khả năng tiếp thu được Cảnh Khí.

8. Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda): đó là sự thanh triệt có khả năng tiếp thu được Cảnh Vị.

9. Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda) đó là sự thanh triệt có khả năng tiếp thu được Cảnh Xúc.

10. Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) đó là các màu sắc.

11. Cảnh Thính (Saddārammaṇa) đó là các âm thanh.

12. Cảnh Khí (Gandhārammaṇa) đó là các khí hơi.

13. Cảnh Vị (Rasārammaṇa) đó là các mùi vị.

14. Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa) đó là lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, lỏng.

15. Nữ Giới Tính (Itthibhāva) đó là Sắc làm tác nhân của sự hình thành nữ giới.

16. Nam Giới Tính (Purisabhāva) đó là Sắc làm tác nhân của sự hình thành nam giới.

17. Tâm Cơ (Hadaya) đó là Sắc sinh trú ở trong trái tim, và làm thành chỗ y sinh của các Tâm và Tâm Sở.

18. Mạng Quyền (Jīvita) đó là Sắc gìn giữ bảo hộ các Sắc Nghiệp Lực.

19. Vật Thực (Āhāra) đó là Sắc dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh.

20. Hạn Giới (Pariccheda) đó là Không Giới Sắc xen vào giữa Khối Tổng Hợp Sắc này với Khối Tổng Hợp Sắc kia (còn gọi là Sắc Giao Giới).

21. Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti) đó là các hoạt động của sắc thân.

22. Ngũ Biểu Tri (Vacīviññatti) đó là các hoạt động của lời nói.

23. Khinh Khoái (Lahutā) đó là sự nhẹ nhàng của Sắc Thành Sở Tác.

24. Nhu Nhuyễn (Mudutā) đó là sự mềm mòng của Sắc Thành Sở Tác.

25. Thích Sự (Kammaññatā) đó là sự thích dụng với sự việc của Sắc Thành Sở Tác.

26. Tích Lũy (Upacaya) đó là sự sinh khởi lần đầu tiên và sinh khởi những lần sau sau đó cho đến tròn đủ Sắc cần phải sinh khởi của Sắc Thành Sở Tác.

27. Diên Tục (Santati) đó là sự sinh khởi nối tiếp nhau của Sắc Thành Sở Tác cho đến tử vong.

28. Lão Mại (Jaratā) đó là sự lão mại già nua của Sắc Thành Sở Tác.

29. Vô Thường (Aniccatā) đó là sự diệt mất của Sắc Thành Sở Tác.

SINH TRÚ CỦA 28 SẮC PHÁP TRONG SẮC THÂN HỮU TÌNH

1. 4 Sắc Đại Hiện sinh trú trong khắp cả sắc thân.

2. Nhãn Thanh Triệt sinh trú trong con mắt.

3. Nhĩ Thanh Triệt sinh trú trong lỗ tai.

4. Tỵ Thanh Triệt sinh trú trong lỗ mũi.

5. Thiệt Thanh Triệt sinh trú ở cái lưỡi.

6. Thân Thanh Triệt sinh trú trong khắp cả sắc thân.

7. Cảnh Sắc

8. Cảnh Thính

9. Cảnh Khí

10. Cảnh Vị

11. Cảnh Xúc

} sinh trú trong khắp cả sắc thân.

12. Nữ Giới Tính sinh trú trong khắp cả sắc thân của nữ giới.

13. Nam Giới Tính sinh trú trong khắp cả sắc thân của nam giới.

14. Tâm Cơ sinh trú trong sắc trái tim.

15. Mạng Quyền

16. Đoàn Thực

17. Sắc Không Giới

} sinh trú ở trong khắp cả cơ thể.

18. Thân Biểu Tri sinh trú trong khắp cả sắc thân.

19. Ngũ Biểu Tri sinh trú ở nơi miệng.

20. 3 Sắc Biến Thể sinh trú trong khắp cả sắc thân.

21. 4 Sắc Thực Tướng sinh trú trong khắp cả sắc thân.

Các Sắc Pháp này có tên gọi theo 8 Thực Tính với nhau như thế này, là:

1. Gọi tên là **Vô Nhân (Ahetuka)** ý muốn nói là bất phối hợp với Nhân.

2. Gọi tên là **Hữu Duyên (Sapaccaya)** ý muốn nói là có 4 Duyên.

3. Gọi tên là **Hữu Lậu (Sāsava)** ý muốn nói là Cảnh của Lậu Hoặc.

4. Gọi tên là **Hữu Vi (Saṅkhata)** ý muốn nói là bị tạo tác sắp bày với 4 Duyên.

5. Gọi tên là **Hiệp Thế (Lokīya)** ý muốn nói là Pháp tổng hợp vào trong Pháp Hành Thế Tục (Saṅkhāraloka).

6. Gọi tên là **Dục Giới (Kāmāvacara)** ý muốn nói là Cảnh của **Ái Dục (Kāmatanāhā)**.
7. Gọi tên là **Bất Tri Cảnh (Anārammaṇa)** ý muốn nói là không có khả năng tri giác được Cảnh.
8. Gọi tên là **Phi Phóng Khí (Appahātabba)** ý muốn nói là chẳng phải thành Pháp đáng phóng khí.

PHÂN CHIA 28 SẮC PHÁP THEO VIỆC CHIA RA THÀNH 11 ĐÔI

1. Sắc Nội Bộ (Ajjhattikarūpa) Sắc Nội Bộ có 5, đó là 5 Sắc Thanh Triệt. **Sắc Ngoại Bộ (Bāhirarūpa)**: Sắc Ngoại Bộ có 23, đó là 23 Sắc Pháp còn lại.

2. Sắc Hữu Vật (Vatthurūpa): Sắc làm chỗ y sinh của Tâm Tâm Sở có 6, đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 1 Sắc Tâm Cơ. **Sắc Vô Vật (Avatthurūpa)**: Sắc không làm chỗ y sinh của Tâm Tâm Sở có 22, đó là 22 Sắc Pháp còn lại.

3. Sắc Hữu Môn (Dvārarūpa): Sắc làm tác nhân của việc sinh khởi Lộ Trình Ngũ Môn và Thân Nghiệp Lực, Ngũ Nghiệp Lực có 7, đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Biểu Tri. **Sắc Vô Môn (Advārarūpa)**: Sắc không làm tác nhân của việc sinh khởi Lộ Trình Ngũ Môn, và Thân Nghiệp Lực, Ngũ Nghiệp Lực có 21, đó là 21 Sắc Pháp còn lại.

4. Sắc Hữu Quyền (Indriyarūpa): Sắc làm chủ yếu, làm người trị lý trong việc khán kiến v.v. có 8, đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Mạng Quyền. **Sắc Vô Quyền (Anindriyarūpa)**: Sắc không làm chủ yếu, làm người trị lý trong việc khán kiến v.v. có 20, đó là 20 Sắc Pháp còn lại.

5. Sắc Tho Thiển (Olārikarūpa): Sắc thô thiển, lập ý đến Sắc Pháp hiện bày minh hiển có 12, đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể. **Sắc Vi Tế (Sukhumarūpa)**: Sắc vi tế, lập ý đến Sắc Pháp hiện bày bất minh hiển có 16, đó là 16 Sắc Pháp còn lại.

6. Sắc Cận Cận (Santikerūpa): Sắc lân cận, lập ý đến Sắc Pháp được nhận thấy dễ dàng có 12, đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể. **Sắc Dao Viễn (Dūrerūpa)**: Sắc xa cách, lập ý đến Sắc Pháp khó được nhận thấy biết có 16, đó là 16 Sắc Pháp còn lại.

7. Sắc Hữu Đối Chiếu (Sappaṭigharūpa): Sắc được tiếp xúc lẫn nhau có 12, đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể. **Sắc Vô Đối Chiếu (Appaṭigharūpa)**: Sắc bất tiếp xúc lẫn nhau có 16, đó là 16 Sắc Pháp còn lại.

8. Sắc Hữu Chấp Thủ (Upādinna-rūpa): Sắc sinh từ Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực có 18, đó là 18 Sắc Nghiệp Lực. **Sắc Phi Chấp Thủ (Anupādinna-rūpa)**: Sắc không có sinh từ Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực có 40, đó là 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết, 12 Sắc Vật Thực.

9. Sắc Hữu Kiến (Sanidassanarūpa): Sắc được trông thấy bằng mắt có 1, đó là Cảnh Sắc. **Sắc Phi Kiến (Anidassanarūpa)**: Sắc không được trông thấy bằng mắt có 27, đó là 27 Sắc Pháp còn lại.

10. Sắc Thủ Cảnh (Gocaraggāhakarūpa): Sắc tiếp thu được Ngũ Cảnh có 5, đó là 5 Sắc Thanh Triệt. **Sắc Bất Thủ Cảnh (Agocaraggāhakarūpa)**: Sắc không tiếp thu được Ngũ Cảnh có 23, đó là 23 Sắc Pháp còn lại.

11. Sắc Bất Giãn Biệt (Avinibbhogarūpa): Sắc không thể tách ly với nhau có 8, đó là 4 Sắc Đại Hiện, Cảnh Sắc, Khí Cảnh, Vị Cảnh, Sắc Vật Thực. **Sắc Khả Giãn Biệt (Vinibbhogarūpa):** Sắc có thể tách ly với nhau có 20, đó là 20 Sắc Pháp còn lại.

PHÁP LÀM TÁC NHÂN CHO SẮC PHÁP SINH KHỞI HIỆN HỮU 4 THỂ LOẠI (1) NGHIỆP LỰC, (2) TÂM, (3) QUÝ TIẾT, (4) VẬT THỰC

1. Nghiệp Lực (Kamma): lập ý đến việc tạo tác hữu quan với Thân, Lời và Ý là Thiện cũng có, là Bất Thiện cũng có, đã thực hiện trong Hữu trước hoặc Hữu này, đó là 25 Nghiệp Lực là **Tư Tâm Sở (Cetanā)** trong 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Sắc Giới, tập hợp thành 25 này làm cho Sắc Nghiệp Lực sinh khởi trong bốn tính của chúng hữu tình, mỗi một sát na của Tâm tính kể từ Tâm Tái Sinh trở đi.

2. Tâm Thức (Citta): đó là 75 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Dị Thực Vô Sắc Giới, Tâm Tái Sinh của chúng hữu tình, và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh), 52 Tâm Sở trong Hữu hiện tại làm cho Sắc Tâm sinh khởi trong bốn tính của chúng hữu tình, mỗi một sát na Khởi Sinh của Tâm tính kể từ Hữu Phần thứ 1 nối tiếp của Tâm Tái Sinh trở đi.

3. Quý Tiết (Utu): đó là **Hàn Lãnh Hỏa (Sītatejo)** sự lạnh, **Viêm Nhiệt Hỏa (Uṇhatejo)** sự nóng ở bên trong và bên ngoài hữu tình, làm cho Sắc Quý Tiết sinh khởi. Đối với bên trong hữu tình cho sinh khởi mỗi một sát na của Tâm tính kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Sinh trở đi. Còn sự lạnh và sự nóng ở bên ngoài hữu tình thời gian nào hiện khởi ổn thỏa rồi, thời gian ấy làm cho Sắc Quý Tiết sinh khởi luôn mãi không gián đoạn.

4. Vật Thực (Āhāra): đó là **Bồ Phẩm** ở trong các thực phẩm, làm cho Sắc Vật Thực sinh khởi trong bốn tính của chúng hữu tình mỗi một sát na của Tâm tính kể từ Bồ Phẩm của thực phẩm ấy đã thẩm nhập lan tỏa ra ổn thỏa trong sắc thân của các hữu tình ấy.

PHẦN TỔNG HỢP SẮC PHÁP (RŪPAKALĀPANAYA)

Từ ngữ **Kalāpa** dịch nghĩa là “nhóm, bộ phận, khối, quần thể”, như thế từ ngữ **Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpa)** mới lập ý nói đến Sắc Pháp thành các nhóm, thành các khối; và trong mỗi một Tổng Hợp Sắc Pháp ấy, sẽ phải có 3 thể loại thực tính đồng hiện hành, gọi là **Đồng Hành (Sahavutti)** là:

(1) **Đồng Sinh (Ekuppāda):** đồng sinh với nhau,

(2) **Đồng Diệt (Ekanirodha):** đồng diệt với nhau,

(3) **Đồng Y Chỉ (Ekanissaya):** có nơi y chỉ, là độc nhất Tứ Sắc Đại Hiện.

Khi có sự đồng hiện hành cả 3 thể loại này với nhau rồi, mới gọi là Tổng Hợp Sắc Pháp.

TỔNG HỢP SẮC PHÁP HIỆN HỮU 23 TỔNG HỢP:

9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực (Kammajakalāpa), 8 Tổng Hợp Sắc Tâm (Cittaja kalāpa), 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết (Utujakalāpa), 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực (Āhāra kalāpa).

CỬU TỔNG HỢP SẮC NGHIỆP LỰC (KAMMAJAKALĀPA 9)

1. Tổng Hợp Nhân Thập (Cakkhudasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp, có Nhân Thanh Triệt làm chủ yếu; đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, 1 Nhân Thanh Triệt.

2. Tổng Hợp Nhĩ Thập (Sotadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp, có Nhĩ Thanh Triệt làm chủ yếu; đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, 1 Nhĩ Thanh Triệt.

3. Tổng Hợp Ty Thập (Ghānadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp, có Ty Thanh Triệt làm chủ yếu; đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, 1 Ty Thanh Triệt.

4. Tổng Hợp Thiệt Thập (Jivhādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp, có Thiệt Thanh Triệt làm chủ yếu; đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, 1 Thiệt Thanh Triệt.

5. Tổng Hợp Thân Thập (Kāyadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp, có Thân Thanh Triệt làm chủ yếu; đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, 1 Thân Thanh Triệt.

6. Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập (Itthībhāvasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp, có Sắc Nữ Giới Tính làm chủ yếu; đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, 1 Sắc Nữ Giới Tính.

7. Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập (Purisabhāvasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp, có Sắc Nam Giới Tính làm chủ yếu; đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, và 1 Sắc Nam Giới Tính.

8. Tổng Hợp Vật Thập (Vatthudasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp, có Sắc Tâm Cơ làm chủ yếu; đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền, 1 Sắc Tâm Cơ.

9. Tổng Hợp Mạng Cửu (Jīvitānavakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp, có Sắc Mạng Quyền làm chủ yếu; đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền.

PHÂN CHIA 9 TỔNG HỢP SẮC NGHIỆP LỰC THEO 3 PHẦN SẮC THÂN

Trong sắc thân người ta chia ra làm 3 phần, là:

1. Thượng Thân (Uparimakāya): Phần trên sắc thân, tính kể từ cổ trở lên đến đầu.

2. Trung Thân (Majjhimakāya): Phần giữa sắc thân, tính kể từ cổ trở xuống đến rốn.

3. Hạ Thân (Hetthimakāya): Phần dưới sắc thân, tính kể từ rốn trở xuống đến chân.

Trong Thượng Thân có được 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh, là: (1) Tổng Hợp Nhân Thập, (2) Tổng Hợp Thính Thập, (3) Tổng Hợp Ty Thập, (4) Tổng Hợp Thiệt Thập, (5) Tổng Hợp Thân Thập, (6) Tổng Hợp Tính Thập, (7) Tổng Hợp Mạng Cửu.

Trong Trung Thân có được 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh, là: (1) Tổng Hợp Thân Thập, (2) Tổng Hợp Tính Thập, (3) Tổng Hợp Vật Thập, (4) Tổng Hợp Mạng Cửu.

Trong Hạ Thân có được 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh, là: (1) Tổng Hợp Thân Thập, (2) Tổng Hợp Tính Thập, (3) Tổng Hợp Mạng Cửu.

8 TỔNG HỢP SẮC TÂM (CITTAJAKALĀPA 8):

1. Tổng Hợp Bát Thuần (Suddhaṭṭhakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp, đó là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giản Biệt.

2. Tổng Hợp Thịnh Cửu (Saddanavakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có 9 Sắc Pháp, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thịnh.

3. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu (Kāyaviññattinavakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thân Biểu Tri.

4. Tổng Hợp Ngũ Biểu Tri Thịnh Thập (Vacīviññattisaddadasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 10 Sắc Pháp, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Ngũ Biểu Tri, 1 Thịnh.

5. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất (Lahutādiekādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 3 Sắc Biến Thê.

6. Tổng Hợp Thịnh Khinh Khoái Thập Nhị (Saddalahutādidvādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thịnh, 3 Sắc Biến Thê.

7. Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị (Kāyaviññattilahutādidvādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thân Biểu Tri, 3 Sắc Biến Thê.

8. Tổng Hợp Ngũ Biểu Tri Thịnh Khinh Khoái Thập Tam (Vacīviññattisaddalahutāditerasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 13 Sắc Pháp, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Ngũ Biểu Tri, 1 Thịnh, 3 Sắc Biến Thê.

Điều thứ 1 cho đến điều thứ 4, gọi là **Tổng Hợp Căn Nguyên (Mūlakalāpa)**. Và từ điều thứ 5 cho đến điều thứ 8, gọi là **Tổng Hợp Căn Hành (Mūlikalāpa)**.

PHÂN CHIA 8 TỔNG HỢP SẮC TÂM THEO 3 PHẦN SẮC THÂN

Trong Thượng Thân có được cả 8 Tổng Hợp Sắc Tâm sinh.

Trong Trung Thân và Hạ Thân có được 4 Tổng Hợp Sắc Tâm sinh, là: (1) Tổng Hợp Bát Thuần, (2) Tổng Hợp Thân Biểu Tri Cửu, (3) Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất, (4) Tổng Hợp Thân Biểu Tri Khinh Khoái Thập Nhị.

TỨ TỔNG HỢP SẮC QUÝ TIẾT (UTUJAKALĀPA 4):

1. Tổng Hợp Bát Thuần (Suddhaṭṭhakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp, đó là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giản Biệt.

2. Tổng Hợp Thịnh Cửu (Saddanavakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 9 Sắc Pháp, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thịnh.

3. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất (Lahutādiekādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 3 Sắc Biến Thê.

4. Tổng Hợp Thịnh Khinh Khoái Thập Nhị (Saddalahutādidvādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 12 Sắc Pháp, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Thịnh, 3 Sắc Biên Thê.

Điều thứ 1 và thứ 2, gọi là **Tổng Hợp Căn Nguyên (Mūlakalāpa)**. Và điều thứ 3 và thứ 4, gọi là **Tổng Hợp Căn Hành (Mūlikalāpa)**.

PHÂN CHIA 4 TỔNG HỢP SẮC QUÝ TIẾT THEO 3 PHẦN SẮC THÂN

Trong 3 phần sắc thân, cả 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết thường được sinh. Tổng Hợp Bát Thuần hoặc Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất thường luôn sinh trụ. Tổng Hợp Thịnh Cử hoặc Tổng Hợp Thịnh Khinh Khoái Thập Nhị, cả 2 này thỉnh thoảng sinh.

2 TỔNG HỢP SẮC VẬT THỰC (ĀHĀRAJAKALĀPA 2):

1. Tổng Hợp Bát Thuần (Suddhaṭṭhakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 8 Sắc Pháp, đó là đặc biệt chỉ có 8 Sắc Bất Giản Biệt, và được gọi tên **Tổng Hợp Căn Nguyên (Mūlakalāpa)**.

2. Tổng Hợp Khinh Khoái Thập Nhất (Lahutādiekādasakakalāpa): lập ý đến Tổng Hợp có số lượng 11 Sắc Pháp, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 3 Sắc Biên Thê; và được gọi tên **Tổng Hợp Căn Hành (Mūlikalāpa)**.

TRÌNH BÀY SẮC PHÁP SINH ĐƯỢC VÀ KHÔNG ĐƯỢC TRONG 31 ĐỊA GIỚI

Trong 11 Dục Địa Giới: cả 28 Sắc Pháp thường được sinh khởi.

Trong 15 Sắc Địa Giới: (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) 23 Sắc Pháp thường được sinh (trừ Ty, Thiệt, Thân, 2 Sắc Bản Tính).

Trong 1 Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới: 17 Sắc Pháp (trừ 5 Sắc Thanh Triệt, 1 Sắc Thịnh, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 2 Sắc Biểu Tri) thường được sinh.

Trong 4 Vô Sắc Địa Giới không có bất luận một Sắc Pháp nào sinh khởi.

TRÌNH BÀY VIỆC SINH KHỞI LẦN ĐẦU VÀ LẦN CUỐI CỦA CẢ 4 SẮC

1. Sắc Nghiệp Lực: sinh lần đầu tiên ở sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh, sinh lần cuối cùng ở sát na Khởi Sinh của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

2. Sắc Tâm: sinh lần đầu tiên ở sát na Khởi Sinh của Hữu Phần thứ 1. Phạm Phu và Bạc Hữu Học sinh lần cuối cùng ở sát na Khởi Sinh của Tâm Tử. Đối với Bạc Vô Sinh sinh lần cuối cùng ở sát na Khởi Sinh của Tâm thứ 2 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

3. Sắc Quý Tiết: sinh lần đầu tiên ở sát na Trụ của Tâm Tái Sinh và sinh khởi tiếp tục ngay cả hữu tình ấy tử vong thành tử thi đi nữa.

4. Sắc Vật Thực: nhóm Người Thấp Sinh và Người Hóa Sinh đấy, khi tái sinh rồi cũng thọ thực cập thời. Nhóm Người Thai Sinh ấy, Sắc Vật Thực sinh khi tuần lễ thứ 2 hoặc thứ 3, là người Mẹ thọ thực đã thẩm nhập vào sắc thân của thai nhi rồi.

TRÌNH BÀY SỰ DIỆT MẮT CẢ 4 SẮC PHÁP

1. Còn ngay khi cận tử lâm chung, kể từ sát na Trụ của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi thì Sắc Nghiệp Lực không còn sinh mới nữa, và Sắc Nghiệp Lực sinh khởi ở sát na Khởi Sinh của Tâm thứ 17 này thường được thụ lập cho đến Tâm Tử rồi đồng cùng diệt mất với Tâm Tử ấy.

2. Dĩ hậu từ Sắc Nghiệp Lực diệt mất rồi, Sắc Tâm, Sắc Vật Thực cũng diệt mất.

3. Dĩ hậu từ Sắc Tâm, là Sắc Nghiệp Lực, Sắc Vật Thực diệt mất rồi, việc sinh khởi nối tiếp nhau của Sắc Quý Tiết cũng sinh khởi sinh suốt cho đến tử vong.

KỆ TRÌNH BÀY SỰ CHUYỂN HỒI TRONG VÒNG LUÂN HỒI CỦA SẮC PHÁP

Accevaṃ matasattānaṃ Punadeva bhavantare

Paṭisandhimupādāya Tathā rūpaṃ pavattataṃ

Trong bốn tính của chúng hữu tình tử vong lìa khỏi trong thế gian này đi rồi, cả 4 Sắc Pháp thường sinh nữa trong Hữu mới kể từ Tâm Tái Sinh trở đi, cùng một phương thức với Hữu này, như đã được giải thích.

Sắc Nghiệp Lực là Sắc sinh từ nơi Nghiệp Lực có 18, là 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới.

Sinh nhất định từ nơi Nghiệp Lực có 9 là 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền. Sinh bất định từ nơi Nghiệp Lực có 9 là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới.

Sắc Tâm là Sắc sinh từ nơi Tâm có 15, là 2 Sắc Biểu Tri, 1 Cảnh Thịnh, 3 Sắc Biên Thê, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới.

Sinh nhất định từ ở nơi Tâm Thức có 2 là 2 Sắc Biểu Tri. Sinh bất định từ nơi Tâm có 13 là 1 Cảnh Thịnh, 3 Sắc Biên Thê, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới.

Sắc Quý Tiết là Sắc sinh từ nơi Quý Tiết có 13, là 1 Cảnh Thịnh, 3 Sắc Biên Thê, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới. Sinh nhất định từ nơi Quý Tiết không có, chỉ có sinh bất định hết cả thấy.

Sắc Vật Thực là Sắc sinh từ nơi Vật Thực có 12, là 3 Sắc Biên Thê, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới. Sinh nhất định từ Vật Thực không có, chỉ có sinh bất định hết cả thấy.

PHÂN CHIA 28 SẮC PHÁP THEO XUẤT SINH XỨ

1. Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ (Ekasamuṭṭhānikarūpa): là Sắc sinh từ duy nhất một Xuất Sinh Xứ có 11 là 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, tập hợp 9 Sắc này sinh từ duy nhất một Xuất Sinh Xứ là Nghiệp Lực. 2 Sắc Biểu Tri sinh từ duy nhất một Xuất Sinh Xứ là Tâm.

2. Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ (Dvisamuṭṭhānikarūpa): là Sắc sinh được từ cả 2 Xuất Sinh Xứ có 1 là Cảnh Thinh sinh từ Tâm, Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

3. Sắc Tam Xuất Sinh Xứ (Tisamuṭṭhānikarūpa): là Sắc sinh được từ cả 3 Xuất Sinh Xứ có 3 là 3 Sắc Biến Thể sinh từ Tâm, Quý Tiết, Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

4. Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ (Catusamuṭṭhānikarūpa): là Sắc sinh được từ cả 4 Xuất Sinh Xứ có 9 là 8 Sắc Bất Giãn Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, tập hợp 9 Sắc này sinh từ Nghiệp Lực, Tâm, Quý Tiết, Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

Sắc Vô Xuất Sinh Xứ (Nakutocisamuṭṭhānikarūpa): là Sắc không được sinh từ bất luận một Xuất Sinh Xứ nào có 4 là 4 Sắc Thực Tướng.

4 THỂ LOẠI SẮC QUÝ TIẾT (UTUJARŪPA 4):

1. Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết: Sắc sinh từ Quý Tiết có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ.

2. Sắc Tâm Duyên Quý Tiết: Sắc sinh từ Quý Tiết có Tâm làm Xuất Sinh Xứ.

3. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết: Sắc sinh từ Quý Tiết có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

4. Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết: Sắc sinh từ Quý Tiết có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

SẮC TÂM CÓ 7 THỂ LOẠI:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.

2. Sắc Tâm hữu quan việc cười vui.

3. Sắc Tâm hữu quan việc khóc lóc.

4. Sắc Tâm sinh từ việc chuyển đổi tiểu oai nghi.

5. Sắc Tâm hữu quan việc nói năng.

6. Sắc Tâm hữu quan với cả tứ đại oai nghi.

7. Sắc Tâm hữu quan với cả tứ đại oai nghi kiên cố.

PHÂN CHIA 75 SẮC TÂM THEO 7 THỂ LOẠI:

1. Có 75 Tâm làm cho Sắc Tâm Phổ Thông được sinh khởi, đó là hết cả 75 Tâm.

2. Có 13 Tâm làm cho sinh được việc cười vui, đó là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.

3. Có 2 Tâm làm cho việc khóc lóc rên la cho được sinh khởi, đó là 2 Tâm căn Sân.

4. Có 33 Tâm làm cho việc chuyển đổi Tiểu Oai Nghi được sinh khởi, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí.
5. Có 32 Tâm làm cho việc nói năng được sinh khởi (tương tự điều 4).
6. Có 32 Tâm làm cho cả 4 Đại Oai Nghi được sinh khởi (tương tự điều 4).
7. Có 58 Tâm ủng hộ cho cả Tứ Đại Oai Nghi được kiên trụ, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

PHÂN CHIA 7 THỂ LOẠI SẮC TÂM THEO PHÂN LOẠI CỦA TÂM

1. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ phối hợp với 22 Tâm Sở, là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm hữu quan việc cười vui.
3. Sắc Tâm hữu quan việc chuyển động.
4. Sắc Tâm hữu quan việc nói năng.
5. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi.
6. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi kiên cố.

2. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ 4 Tâm căn Tham Xả Thọ phối hợp với 21 Tâm Sở, là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm hữu quan việc chuyển động.
3. Sắc Tâm hữu quan việc nói năng.
4. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi.
5. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi kiên cố.

3. Có 6 thể loại Sắc Tâm sinh từ 2 Tâm căn Sân phối hợp với 22 Tâm Sở, là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm hữu quan việc khốc lóc.
3. Sắc Tâm hữu quan việc chuyển động.
4. Sắc Tâm hữu quan việc nói năng.
5. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi.
6. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi kiên cố.

4. Có 5 thể loại Sắc Tâm sinh từ 2 Tâm căn Si phối hợp với 16 Tâm Sở, là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm hữu quan việc chuyển động.
3. Sắc Tâm hữu quan việc nói năng.
4. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi.
5. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi kiên cố.

5. Không có Sắc Tâm sinh từ 10 Tâm Ngũ Song Thức phối hợp với 7 Tâm Sở.

6. Có 1 thể loại Sắc Tâm sinh từ 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thẩm Tấn, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, tập hợp 6 Tâm phối hợp với 11 Tâm Sở, là Sắc Tâm Phổ Thông.

7. Có 5 thẻ loại Sắc Tâm sinh từ 1 Tâm Khai Ý Môn phối hợp với 11 Tâm Sở, là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm hữu quan việc chuyển động.
 3. Sắc Tâm hữu quan việc nói năng.
 4. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi.
 5. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi kiên cố.
8. Có 6 thẻ loại Sắc Tâm sinh từ 1 Tâm Tiểu Sinh phối hợp với 12 Tâm Sở, là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm hữu quan việc cười vui.
 3. Sắc Tâm hữu quan việc chuyển động.
 4. Sắc Tâm hữu quan việc nói năng.
 5. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi.
 6. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi kiên trụ.
9. Có 6 thẻ loại Sắc Tâm sinh từ 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ phối hợp với 38 Tâm Sở, là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm hữu quan việc cười vui.
 3. Sắc Tâm hữu quan việc chuyển động.
 4. Sắc Tâm hữu quan việc nói năng.
 5. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi.
 6. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi kiên cố.
10. Có 5 thẻ loại Sắc Tâm sinh từ 4 cái Tâm Đại Thiện Xả Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Xả Thọ phối hợp với 37 Tâm Sở, là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm hữu quan việc chuyển động.
 3. Sắc Tâm hữu quan việc nói năng.
 4. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi.
 5. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi kiên cố.
11. Có 1 thẻ loại Sắc Tâm sinh từ 8 Tâm Đại Quả phối hợp với 33 Tâm Sở, là:
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
12. Có 2 thẻ loại Sắc Tâm sinh từ 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố (trừ 2 Tâm Thắng Trí) là 5 Tâm Thiện Sắc Giới, 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế phối hợp với 38 Tâm Sở, là;
1. Sắc Tâm Phổ Thông.
 2. Sắc Tâm làm cho cả 3 oai nghi, là việc đứng, ngồi, nằm sinh từ 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí cho được kiên cố lâu dài.
13. Có 1 thẻ loại Sắc Tâm sinh từ 5 Tâm Quả Sắc Giới phối hợp với 35 Tâm Sở, là: 1. Sắc Tâm Phổ Thông.
14. Không có Sắc Tâm sinh từ 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới phối hợp với 30 Tâm Sở.
15. Có 5 thẻ loại Sắc Tâm sinh từ 2 Tâm Thắng Trí phối hợp với 30 Tâm Sở, là:

1. Sắc Tâm Phổ Thông.
2. Sắc Tâm hữu quan việc chuyển động.
3. Sắc Tâm hữu quan việc nói năng.
4. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi.
5. Sắc Tâm hữu quan với cả 4 oai nghi kiên cố.

Tâm làm cho việc cười vui trong 3 nhóm Người, là:

1. Phạm Phu cười vui với 8 Tâm là: 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.
2. 3 Bậc Hữu Học cười vui với 6 Tâm là: 2 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ.
3. Bậc Vô Sinh cười vui với 5 Tâm là: 1 Tâm Tiểu Sinh, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.

TRÌNH BÀY SẮC PHÁP KHÔNG CÓ TRONG CHI PHÁP TỔNG HỢP SẮC PHÁP

4 Sắc Thực Tướng, 1 Sắc Hạn Giới, tập hợp 5 Sắc Pháp này không có trong Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp vì 4 Sắc Thực Tướng chỉ là tiêu chí của Tổng Hợp Sắc Pháp và 1 Sắc Hạn Giới chỉ là Sắc Pháp xen kẽ giữa Tổng Hợp Sắc Pháp tiếp nối Tổng Hợp Sắc Pháp thôi, vì thế cả 2 Sắc này mới không liệt vào trong Chi Pháp của Tổng Hợp Sắc Pháp.

PHẦN SẮC PHÁP CHUYỂN KHỞI (RŪPAPAVATTIKAMANAYA) (Việc Trình Bày Sắc Sinh Được Và Sinh Không Được Trong 31 Địa Giới)

**Aṭṭhaviṣati kāmesu Honti tevīsa rūpisu
Sattarasevasaññīnam Arūpe natthi kiñcipi**

Trong 11 Dục Địa Giới, cả 28 Sắc thường được sinh khởi. Trong 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) có 23 Sắc (trừ Ty, Thiết, Thân, 2 Sắc Bản Tình) thường được sinh khởi. Trong 1 Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới có 17 Sắc (trừ 5 Sắc Thanh Triệt, 1 Sắc Thịnh, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 2 Sắc Biểu Tri) thường được sinh khởi. Trong Vô Sắc Địa Giới không có bất luận một Sắc Pháp nào sinh khởi.

TRONG 11 DỤC ĐỊA GIỚI CÓ 4 SẮC XUẤT SINH XỨ SINH ĐƯỢC:

18 Sắc Nghiệp Lực, 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết, 12 Sắc Vật Thực.

Trong 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) có 3 Sắc Xuất Sinh Xứ sinh được, là: 13 Sắc Nghiệp Lực (trừ Ty, Thiết, Thân, Bản Tính), 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết. Trong Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới sinh được 2 Sắc Xuất Sinh Xứ là: 10 Sắc Nghiệp Lực, đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới, 1 Sắc Mạng Quyền, 12 Sắc Quý Tiết (trừ Thịnh).

TRÌNH BÀY SẮC PHÁP SINH KHÔNG ĐƯỢC TRONG THỜI KỲ TÁI SINH

VÀ SINH ĐƯỢC TRONG THỜI KỲ CHUYỂN KHỞI

1 Sắc Thịnh, 5 Sắc Biến Thể, 1 Sắc Lão Mai, 1 Sắc Vô Thường, tập hợp 8 Sắc này sinh không được trong Thời Kỳ Tái Sinh, là sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh. Còn trong Thời Kỳ Chuyển Khởi không có bất luận một Sắc Pháp nào sẽ sinh không được, thường sinh được hết tất cả.

SẢN ĐỊA HOẶC SẢN SINH XỨ (YONI) CÓ 4 THỂ LOẠI:

1. **Thấp Sinh Sản Địa (Samsedajayoni)** lập ý đến sinh trong chỗ có chất kết dính.
2. **Hóa Sinh Sản Địa (Opapātikayoni)** lập ý đến phát sinh to lớn cập thời.
3. **Thai Sinh Sản Địa (Gambhaseyyakayoni)** lập ý đến sản sinh ở trong thai bào của người Mẹ. Thai Sinh Sản Địa chia ra làm 2 thể loại, đó là:
 - a. **Noãn Sinh Sản Địa (Aṇḍajayoni)** lập ý đến sinh ở trong quả trứng.
 - b. **Bao Y Sinh Sản Địa (Jalābujayoni)** lập ý đến sinh ở trong cái nhau.Vì thế, khi kết hợp lại có được 4 Sản Địa, là: 1. Thấp Sinh Sản Địa, 2. Hóa Sinh Sản Địa, 3. Noãn Sinh Sản Địa, 4. Bao Y Sinh Sản Địa.

HỮU TÌNH THUỘC DUY NHẤT HÓA SINH SẢN ĐỊA CÓ SỐ LƯỢNG 24:

(1) Hữu Tình Địa Ngục, (2) Ái Dục Thiêu Đốt Ngạ Quỷ, (3) Chư Thiên sinh trú trong Tứ Đại Thiên Vương Thiên Giới (trừ nhóm Địa Cư Thiên), (4) Chư Thiên sinh trú trong 5 Thiên Giới tầng bậc trên, (5) 16 Sắc Phạm Thiên Giới.

PHÂN CHIA 4 SẢN ĐỊA THEO CỬU TỔNG HỢP SẮC NGHIỆP LỰC

I. Nhóm Thấp Sinh Sản Địa và Hóa Sinh Sản Địa: trong sát na Tái Sinh, Sản Địa Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, rằng khi theo **Phần Thượng Phẩm (Ukkatṭhanaya)** có được 7 Tổng Hợp tối đa, là: Tổng Hợp Nhân Thập, Tổng Hợp Nhĩ Thập, Tổng Hợp Ty Thập, Tổng Hợp Thiệt Thập, Tổng Hợp Thân Thập, Tổng Hợp Tính Thập, Tổng Hợp Vật Thập.

Rằng khi theo **Phần Hạ Phẩm (Omakanaya)** là Tổng Hợp thấp khuyết pháp có như thế này:

1. Nhóm Thấp Sinh Sản Địa: có được 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khuyết pháp, là: Tổng Hợp Nhân Thập, Tổng Hợp Nhĩ Thập, Tổng Hợp Ty Thập, Tổng Hợp Tính Thập.

2. Nhóm Khổ Thú Hóa Sinh Sản Địa: có được 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khuyết pháp, là: Tổng Hợp Nhân Thập, Tổng Hợp Nhĩ Thập, Tổng Hợp Tính Thập.

3. Nhóm Thiện Thú Hóa Sinh Sản Địa Nhân Loại: có được 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực khuyết pháp, là Tổng Hợp Tính Thập (điều này lập ý chỉ lấy riêng phần Nhân Loại ở trong thời kỳ Kiến Lập Kiếp Sơ thôi, nối tiếp theo đó thì không có).

4. Nhóm Hóa Sinh Sản Địa Thiên Giới: trong sát na Tái Sinh, Tổng Hợp Sắc Nghiệp thường sinh được mà bất khuyết pháp, bất khuyết điểm.

II. Nhóm Hóa Sinh Sản Địa Phạm Thiên Sắc Giới (trừ Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng), trong sát na Tái Sinh, 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh được, là: Tổng Hợp Nhân Thập, Tổng Hợp Nhĩ Thập, Tổng Hợp Vật Thập, Tổng Hợp Mạng Cữu.

III. Nhóm Hóa Sinh Sản Địa Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới, trong sát na Tái Sinh, 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh được, là Tổng Hợp Mạng Cữu.

IV. Nhóm Thai Sinh Sản Địa, trong sát na Tái Sinh, rằng theo Phần Thượng Phẩm sinh được tối đa 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, là: Tổng Hợp Thân Thập, Tổng Hợp Tính Thập, Tổng Hợp Vật Thập. Rằng khi theo Phần Hạ Phẩm, là phần thấp khuyết pháp sinh được 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực là Tổng Hợp Tính Thập Pháp.

PHÂN CHIA TỔNG HỢP SẮC NGHIỆP LỰC SINH TRONG 4 SẢN ĐỊA THỜI KỲ CHUYỂN KHỞI

1. Nhóm Thấp Sinh Sản Địa và Hóa Sinh Sản Địa trong Dục Địa Giới Thời Kỳ Chuyển Khởi có 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh được, là Tổng Hợp Mạng Cữu.

2. Nhóm Hóa Sinh Sản Địa sinh trong 16 Sắc Địa Giới Thời Kỳ Chuyển Khởi một cách đặc biệt không có Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh thêm nữa.

3. Nhóm Thai Sinh Sản Địa trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, 5 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh được, là: Tổng Hợp Nhân Thập, Tổng Hợp Nhĩ Thập, Tổng Hợp Tỳ Thập, Tổng Hợp Thiết Thập, Tổng Hợp Mạng Cữu. Thế nhưng phần thấp khuyết pháp có được 3 Tổng Hợp là: Tổng Hợp Nhân Thập, Tổng Hợp Nhĩ Thập, Tổng Hợp Tỳ Thập.

Cả 4 Tổng Hợp Nhân Thập, Tổng Hợp Nhĩ Thập, Tổng Hợp Tỳ Thập, Tổng Hợp Thiết Thập này sinh trong khoảng tuần lễ thứ 11 dĩ hậu tái sinh.

SỰ THỰC CỦA SẮC PHÁP KỂ TỪ TÁI SINH CHO ĐẾN CÓ KHÍ QUAN TỀ TOÀN

1. Trong tuần lễ đầu tiên của việc Tái Sinh, **Sắc Chủng Tử (Kalalarūpa)** sinh, là giọt nước trong suốt giống như nước dầu mè.

2. Trong tuần lễ thứ 2, dĩ hậu Sắc Chủng Tử, **Sắc Phôi Điểm (Abbudarūpa)** sinh, có trạng thái tương tự như trứng trứng đỏ, có sắc tựa như nước rửa thịt.

3. Trong tuần lễ thứ 3, dĩ hậu Sắc Phôi Điểm, **Sắc Phôi Thai (Pesirūpa)** sinh, có trạng thái như miếng thịt mềm nhão, có sắc màu đỏ.

4. Trong tuần lễ thứ 4, dĩ hậu Sắc Phôi Thai, **Sắc Thai Khối (Ghanarūpa)** sinh, có trạng thái thành một khối, có hình dáng giống quả trứng gà.

5. Trong tuần lễ thứ 5, dĩ hậu Sắc Thai Khối, **Ngũ Chi (Pañcasākhā)** sinh, là Sắc Pháp phát triển ra thành năm chi (**Tato param**). Tiếp nối từ nơi ấy là khoảng giữa tuần lễ thứ 12 đến tuần lễ thứ 42, các thể loại là tóc, lông, móng v.v. cũng hiện bày.

GIẢI THÍCH QUẢNG NGHĨA SẮC PHÁP SIÊU LÝ (RŪPAPARAMATTHA)

Kệ Trình Bày Tổng Hợp 5 Phần Sắc Pháp

**Samuddesā vibhāga ca Samuṭṭhānā kalāpato
Pavattikkamato ceti Pañcadhā tatthā saṅgaho**

Việc trình bày tổng hợp trong **Hạn Định Sắc Pháp (Rūpapariccheda)** này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhacariya** trình bày 5 Phần, là:

1. Phần Giản Yếu Sắc Pháp (Rūpasamuddesanaya): việc trình bày Sắc Pháp một cách giản yếu.

2. Phần Phân Tích Sắc Pháp (Rūpavibhāganaya): việc phân tích Sắc Pháp một cách quảng nghĩa.

3. Phần Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp (Rūpasamuṭṭhānanaya): việc trình bày xuất sinh xứ của Sắc Pháp.

4. Phần Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpanaya): việc trình bày Sắc Pháp sinh khởi thành từng nhóm.

5. Phần Phương Thức Diễn Tiến Sắc Pháp (Rūpapavattikamanaya): việc trình bày sự sinh khởi cùng với sự diệt mất của Sắc Pháp một cách thuận tự.



Giáo Thọ Sư Anuruddhacariya định danh 18 Chân Sắc Siêu Lý với 5 tên gọi:

1. Sắc Thực Tính (Sabhāvarūpa): là mỗi Sắc Pháp có thực tính của mình.

2. Sắc Thực Tướng (Lakkhaṇarūpa): là Sắc Pháp có thực tướng vô thường, khổ đau, vô ngã.

3. Sắc Thành Sở Tác (Nipphannarūpa): là Sắc Pháp sinh khởi từ Nghiệp Lực, Tâm, Quý Tiết, Vật Thực.

4. Sắc Sắc (Rūparūpa): là Sắc Pháp có sự thoái hóa, uy phong tảo địa.

5. Sắc Tư Duy (Sammasanarūpa): là Sắc Pháp mà hành giả tư khảo thể theo thực tướng là vô thường, khổ đau, vô ngã.

10 Sắc Pháp chẳng phải Chân Sắc Siêu Lý cũng có tên gọi là:

1. Sắc Phi Thực Tính (Asabhāvarūpa): là mỗi Sắc Pháp không có thực tính của mình.

2. Sắc Phi Thực Tướng (Asalakkhaṇarūpa): là Sắc Pháp không có thực tướng vô thường, khổ đau, vô ngã.

3. Sắc Phi Thành Sở Tác (Anipphannarūpa): là Sắc Pháp không được sinh khởi từ Nghiệp Lực, Tâm, Quý Tiết, Vật Thực.

4. Sắc Phi Sắc (Arūparūpa): là Sắc Pháp không có sự thoái hóa, uy phong tảo địa.

5. Sắc Phi Tư Duy (Asammasanarūpa): là Sắc Pháp mà hành giả không tư khảo thể theo thực tướng là vô thường, khổ đau, vô ngã được.

Một phần khác, 28 Sắc Pháp chia theo Phân Loại Chủ Yếu được 2 Phần là:

1. Sắc Đại Hiện (Mahābhūtarūpa): lập ý đến Sắc Pháp thành chủ yếu và hiện bày minh hiện có 4.

2. Sắc Y Sinh (Upādāyarūpa): lập ý đến Sắc Pháp y sinh Sắc Đại Hiện có 24.

4 Sắc Đại Hiện là Địa, Thủy, Hỏa, Phong.

5 Sắc Thanh Triệt là Nhãn, Nhĩ, Ty, Thiệt, Thân.

4/7 Sắc Thông Hành là Sắc, Thính, Khí, Vị, Địa Xúc Cảnh, Hỏa Xúc Cảnh, Phong Xúc Cảnh.

2 Sắc Bản Tính là Nữ Giới Tính, Nam Giới Tính.

1 Sắc Tâm Cơ là Ý Vật.

1 Sắc Mạng Quyền là Mạng Quyền Lực.

1 Sắc Vật Thực là Đoàn Thực.

1 Sắc Hạn Giới là Hư Không Giới.

2 Sắc Biểu Tri là Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri.

3/5 Sắc Biến Thể là Khinh Khoái, Nhu Nhuyễn, Thích Sự, Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri.

4 Sắc Thực Tướng là Tích Lũy, Diên Tục, Lão Mại, Vô Thường.

CHI PHÁP 28 SẮC PHÁP

1. Địa (Pathavī): là Sắc cứng và mềm.

2. Thủy (Āpo): là Sắc chảy lan ra và quên tụ lại.

3. Hỏa (Tejo): là Sắc lạnh và nóng.

4. Phong (Vāyo): là Sắc căng phồng và chuyển động.

5. Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda): là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Sắc.

6. Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda): là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Thính.

7. Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda): là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Khí.

8. Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda): là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Vị.

9. Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda): là sự trong suốt có khả năng tiếp thu được Cảnh Xúc.

10. Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa): là các sắc màu.

11. Cảnh Thính (Saddārammaṇa): là các âm thanh.

12. Cảnh Khí (Gandhārammaṇa): là các khí hơi.

13. Cảnh Vị (Rasārammaṇa): là các mùi vị.

14. Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa): là lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, lỏng.

15. Nữ Giới Tính (Itthibhāva): là Sắc làm tác nhân của sự hình thành nữ giới.

16. Nam Giới Tính (Purisabhāva): là Sắc làm tác nhân hình thành nam giới.

17. Tâm Cơ (Hadaya): là Sắc sinh trú ở trong trái tim, và làm thành chỗ nương sinh của tất cả Tâm và Tâm Sở.

18. Mạng Quyền (Jīvita): là Sắc gìn giữ bảo hộ tất cả các Sắc Nghiệp Lực.

19. Vật Thực (Āhāra): là Sắc dắt dẫn cho Sắc Vật Thực sinh khởi.

20. Hạn Giới (Pariccheda): là Không Giới Sắc xen vào giữa Khối Tổng Hợp Sắc này với Khối Tổng Hợp Sắc kia (còn gọi là Sắc Giao Giới).

21. Thân Biểu Tri (Kāyaviññatti): là các hoạt động của xác thân.

22. Ngữ Biểu Tri (Vacīviññatti): là các hoạt động của lời nói.

23. Khinh Khoái (Lahutā): là sự nhẹ nhàng của Sắc Thành Sở Tác.

24. Nhu Nhuyễn (Mudutā): là sự mềm mọng của Sắc Thành Sở Tác.

25. Thích Sự (Kammaññatā): là sự thích dụng đối với sự việc của Sắc Thành Sở Tác.

26. Tích Lũy (Upacaya): là sự sinh khởi lần đầu tiên và sinh khởi những lần sau sau đó cho đến tròn đủ Sắc cần phải sinh khởi của Sắc Thành Sở Tác.

27. Diên Tục (Santati): là sự sinh khởi nối tiếp nhau của Sắc Thành Sở Tác cho đến tử vong.

28. Lão Mại (Jaratā): là sự lão mại già nua của Sắc Thành Sở Tác.

29. Vô Thường (Aniccatā): là sự diệt mất của Sắc Thành Sở Tác.

Ghi chú: Đối với Cảnh Xúc, chính là Địa, Hỏa, Phong ở phần Sắc Đại Hiện ấy vậy, vì thế, nếu tính Sắc Pháp lần lượt theo thứ tự thì chỉ có số lượng 28.

TRÌNH BÀY SỐ LƯỢNG 28 SẮC PHÁP THEO THUẬN TỰ

Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Thính, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Nữ Giới Tính,

Nam Giới Tính, Ý Vật, Mạng Quyền, Vật Thực, Hạn Giới, Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri, Khinh Khoái, Nhu Nhuyễn, Thích Sự, Tích Lũy, Diên Tục, Lão Mại, Vô Thường.

Ghi chú: Việc tính số lượng 28 Sắc Pháp theo thuận tự này chỉ cho tính lấy **4 Sắc Thông Hành (Visayarūpa)** (trừ Cảnh Xúc) vì trùng lặp với Sắc Đại Hiện. Còn **Sắc Biến Thể (Vikārarūpa)** cũng chỉ cho tính lấy 3 Sắc Pháp (trừ Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri).

PHƯƠNG THỨC GIẢI THÍCH MỘT CÁCH GIẢN YẾU VỀ 28 SẮC PHÁP 4 SẮC ĐẠI HIỆN (MAHĀBHŪTARŪPA 4)

I. ĐỊA (PATHAVĪ) CHIA RA THÀNH 4 THỂ LOẠI:

1. Thực Tướng Địa (Lakkhaṇapathavī) hoặc **Siêu Lý Địa (Paramatthapathavī)** đó là đặc tính cứng và mềm (theo phần của Vô Tỷ Pháp). Địa là một thể loại **Giới (Dhātu)** gọi là Tổ Chất Đất có **đặc tính cương kiện (Kakkhaḷalakkhaṇa)** khi tỷ giao với 3 Sắc Đại Hiện khác còn lại.

2. Phủ Dưỡng Địa (Sasambhārapathavī) đó là phủ dưỡng của Đất hoặc **Kinh Địa (Suttantapathavī)** là Đất nói theo phần Kinh Tạng (32 Nhân Thể (Ākāra) là 20 Tổ Chất Đất) như thế này:

a. Bì Phu Ngũ Nghiệp Xứ (Tacapañcakammaṭṭhāna): Tóc (Kesā), Lông (Lomā), Móng (Nakhā), Răng (Dantā), Da (Taco).

b. Thận Tạng Ngũ Nghiệp Xứ (Vakkapañcakammaṭṭhāna): Thịt (Masam), Gân (Nahārū), Xương (Aṭṭhi), Tủy Xương (Aṭṭhimiñjam), Thận (Vakka).

c. Phế Phủ Ngũ Nghiệp Xứ (Papphāsapañcakammaṭṭhāna): Tim (Hadayam), Gan (Yakanam), Cân Mọc (Kilomakam), Thận (Pihakam), Phổi (Papphāsam).

d. Não Tủy Ngũ Nghiệp Xứ (Matthalumgapañcakammaṭṭhāna): Ruột Già (Antam), Ruột Non (Antagunam), Lá Lách (Indriyam), Phấn (Karīsam), Óc Não (Matthalumgam).

3. Địa Hoàn Tịnh (Kasiṇapathavī) hoặc **Cảnh Địa (Ārammaṇapathavī)** là Đất thành các tiêu chí, đó là **Sơ Thủy Tu Pháp Quan Sát Trung Triệu (Parikammanimitta : Sơ Tướng), Ấn Nhập Não Hải Hình Tượng (Uggahanimitta: Thô Tướng), Tướng Chính Thể Phân Cách Thể Toàn Trung Triệu (Paṭibhāganimitta: Quang Tướng).**

4. Chính Thường Địa (Pakatipathavī) hoặc **Giả Định Địa (Sammatipathavī)** đó là Địa theo chính thường giả định gọi với nhau là Đất.

Chú thích: Bì Phu Ngũ Nghiệp Xứ (Tacapañcakammaṭṭhāna) dịch nghĩa có Da (Taco) là thứ 5. Thận Tạng Ngũ Nghiệp Xứ (Vakkapañcakammaṭṭhāna) dịch nghĩa có Thận (Vakka) là thứ 5. Phế Phủ Ngũ Nghiệp Xứ (Papphāsapañcakammaṭṭhāna) dịch nghĩa có Phổi (Papphāsam) là thứ 5. Não Tủy Ngũ Nghiệp Xứ (Matthalumgapañcakammaṭṭhāna) dịch nghĩa có Óc Não (Matthalumgam) là thứ 5.

II. THỦY (ĀPO) CHIA RA THÀNH 4 THỂ LOẠI:

1. Thực Tướng Thủy (Lakkhaṇaāpo) hoặc Siêu Lý Thủy (Paramatthaāpo) đó là đặc tính rò rỉ chảy lan ra và quên tụ lại (theo phần của Vô Tỷ Pháp). Thủy là một thể loại **Giới (Dhātu)** gọi là Tổ Chất Nước có **đặc tính thấp thấu** hoặc có **đặc tính khỗn bẳng [Paggharaṇalakkhaṇa: thấp lâm lâm (Lậu Chi) hoặc Ābandhanalakkhaṇa: khỗn trát (Thúc Phược Vật)]** là nếu như **Thủy Giới (Āpodhātu)** có số lượng nhiều cũng sẽ làm cho vật dịch thể chảy lỏng và rò rỉ lan ra, nếu như Thủy Giới có số lượng ít cũng sẽ làm cho vật kiện ấy triển nhiều nhau thành khối, thành đông; tỷ như nhựa mủ có khả năng kết nối các **Địa Nguyên Tử (Paramāṇupathavi)** cho triển nhiều nhau thành sắc thái hình trạng được như thế ấy.

2. Phủ Dưỡng Thủy (Sasambhāraāpo) đó là phủ dưỡng của Nước hoặc **Kinh Thủy (Suttantaāpo)** là Nước nói theo phần Kinh Tạng hiện hữu 12 thể loại là:

a. Chỉ Phương Lục Nghiệp Xứ (Medacchakkammaṭṭhāna): Mật (**Pittam**), Đàm (**Semham**), Mủ (**Pubbo**), Máu (**Lohitam**), Mồ Hôi (**Sedo**), Mỡ Đặc (**Medo**).

b. Tiểu Tận Lục Nghiệp Xứ (Muttacchakkammaṭṭhāna): Nước Mắt (**Assu**), Mỡ Lỏng (**Vasā**), Nước Miếng (**Kheḷo**), Nước Mũi (**Saṅghāṇikā**), Chắt Lỏng Hoạt Dịch (**Lasi kā**), Nước Tiểu (**Muttam**).

3. Thủy Hoàn Tịnh (Kasiṇaāpo) hoặc Cảnh Thủy (Ārammaṇaāpo) là Nước thành các tiêu chí, đó là **Sơ Thủy Tu Pháp Quan Sát Trung Triệu (Parikammanimitta : Sơ Tướng)**, **Ẩn Nhập Não Hải Hình Tượng (Uggahanimitta: Thô Tướng)**, **Tướng Chính Thể Phân Cách Thể Toàn Trung Triệu (Paṭibhāganimitta: Quang Tướng)**.

4. Chính Thường Thủy (Pakatiāpo) hoặc Giả Định Địa (Sammatiāpo) đó là Thủy theo chính thường giả định gọi với nhau là Nước.

Chú thích: Chỉ Phương Lục Nghiệp Xứ (Medacchakkammaṭṭhāna): dịch nghĩa có Mỡ Đặc (**Medo**) là thứ 6. **Tiểu Tận Lục Nghiệp Xứ (Muttacchakkammaṭṭhāna)** dịch nghĩa có Nước Tiểu (**Muttam**) là thứ 6.

III. HỎA (TEJO) CHIA RA THÀNH 4 THỂ LOẠI:

1. Thực Tướng Hỏa (Lakkhaṇatejo) hoặc Siêu Lý Hỏa (Paramatthatejo) đó là đặc tính lạnh và nóng (theo phần của Vô Tỷ Pháp). Hỏa là một thể loại **Giới (Dhātu)** gọi là Tổ Chất Lửa có đặc tính nóng và lạnh. Đặc tính nóng gọi tên là **Ôn Noãn Hỏa (Uṇhatejo)**, đặc tính lạnh gọi tên là **Hàn Lãnh Hỏa (Sītatejo)**, thế nhưng cả 2 thể loại **Hỏa Giới (Tejodhātu)** này có trạng thái thực tính là bốc hơi (**Chung Khí Đặc Tính - Uṇhattalakkhaṇā**).

2. Phủ Dưỡng Hỏa (Sasambhāratejo) đó là phủ dưỡng của Lửa hoặc **Kinh Hỏa (Suttantatejo)** là Lửa nói theo phần Kinh Tạng hiện hữu 5 thể loại, là:

a. Hỏa Nhiệt Khí (Usmātejo): là Hỏa Giới thường trú trong sắc thân của chúng hữu tình (Noãn Khí).

b. Hỏa Khốc Nhiệt Khí (Santappanatejo): là Hỏa Giới có sức nóng cao độ.

c. Thiêu Chước Nhiệt Khí (Pahanatejo): là Hỏa Giới có sức nóng mãnh liệt, có khả năng thiêu hủy sắc thân cho phải dị thường đi.

d. Trần Hủ Nhiệt Khí (Jiraṇatejo): là Hỏa Giới làm cho sắc thân phá tổn già nua đi.

e. **Tiêu Hóa Nhiệt Khí (Pācakatejo):** là Hỏa Giới làm nhiệm vụ tiêu hóa vật thực.

3. **Hỏa Hoàn Tịnh (Kasiṇatejo)** hoặc **Cảnh Hỏa (Ārammaṇatejo)** là Hỏa thành các tiêu chí, đó là **Sơ Thủy Tu Pháp Quan Sát Trung Triệu (Parikammanimitta : Sơ Tướng), Ấn Nhập Não Hải Hình Tượng (Uggahanimitta: Thô Tướng), Tướng Chính Thể Phân Cách Thể Toàn Trung Triệu (Paṭibhāganimitta: Quang Tướng).**

4. **Chính Thường Hỏa (Pakatitejo)** hoặc **Giả Định Hỏa (Sammattitejo)** đó là Hỏa theo chính thường giả định gọi với nhau là Lửa.

Chú thích: Trong cả 5 thể loại Hỏa ấy, Hỏa Nhiệt Khí và Tiêu Hóa Nhiệt Khí cả hai ngàn này thường trú trong sắc thân của chúng hữu tình.

IV. PHONG (VĀYO) CHIA RA THÀNH 4 THỂ LOẠI:

1. **Thực Tướng Phong (Lakkhaṇavāyo)** hoặc **Siêu Lý Phong (Paramatthavāyo)** đó là đặc tính giảm nhược và băng khẩn (theo phần của Vô Tỷ Pháp). Phong là một thể loại **Giới (Dhātu)** gọi là **Tổ Chất Gió** có đặc tính nghiêm khẩn và nhu động (**Nghiêm Khẩn Phong - Vitthambhanalakkhaṇa** hoặc **Nhu Động Phong - Samīraṇalakkhaṇa**). **Tổ Chất Gió** có đặc tính nghiêm khẩn, gọi là **Đặc Tính Nghiêm Khẩn (Vitthambhanalakkhaṇa)**, **Tổ Chất Gió** có đặc tính nhu động, gọi là **Đặc Tính Nhu Động (Samīraṇalakkhaṇa)**.

2. **Phủ Dưỡng Phong (Sasambhāravāyo)** đó là phủ dưỡng của Phong hoặc **Kinh Phong (Suttantavāyo)** là Gió nói theo phần Kinh Tạng hiện hữu 6 thể loại, là:

a. **Hướng Thượng Phong (Uddhaṅgamavāyo):** là Phong Giới thổi hướng lên trên.

b. **Hạ Lạc Phong (Adhogamavāyo):** là Phong Giới thổi xuống phía dưới.

c. **Nội Tạng Phong (Kucchiṭṭhavāyo):** là Phong Giới hiện hữu trong khoang bụng.

d. **Tràng Y Phong (Koṭṭhāsavāyo):** là Phong Giới ở trong ruột già.

e. **Nhu Động Châu Thân Phong (Aṅgamaṅgānusārīvāyo):** là Phong Giới ở khắp cả sắc thân.

f. **Sổ Tức Phong (Assāsapassāsavāyo):** là Phong Giới khí tức vào ra.

3. **Phong Hoàn Tịnh (Kasiṇavāyo)** hoặc **Cảnh Phong (Ārammaṇavāyo)** là Phong thành các tiêu chí, đó là **Sơ Thủy Tu Pháp Quan Sát Trung Triệu (Parikammanimitta : Sơ Tướng), Ấn Nhập Não Hải Hình Tượng (Uggahanimitta: Thô Tướng), Tướng Chính Thể Phân Cách Thể Toàn Trung Triệu (Paṭibhāganimitta: Quang Tướng).**

4. **Chính Thường Phong (Pakativāyo)** hoặc **Giả Định Phong (Sammativāyo)** đó là Phong theo chính thường giả định gọi với nhau là Gió.

Chú thích: 6 thể loại Phong Giới đã đề cập đến đây, nếu như sinh trú trong sắc thân của hữu tình, gọi là **Nội Thân Phong (Ajjhattivāyo)**, còn gió thổi ở bên ngoài, gọi là **Ngoại Thân Phong (Bahiddhavāyo)**.

Thân (Kāya) có **Thức (Viññāṇa)** trị lý, gọi là **Nội Thân Địa (Ajjhattapathavī), Thủy (Āpo), Hỏa (Tejo), Phong (Vāyo).**

Thân (Kāya) không có **Thức (Viññāṇa)** trị lý, gọi là **Ngoại Thân Địa (Bahiddhapaṭhavī), Thủy (Āpo), Hỏa (Tejo), Phong (Vāyo).**

5 SẮC THANH TRIỆT (MAHĀBHŪTARŪPA 4)
GIẢI THÍCH KHÁI QUÁT TRONG 5 SẮC THANH TRIỆT
HOÀN KHẢ DĨ NỘI DUNG NHƯ THỂ NÀY:

5 Sắc Thanh Triệt là một thể loại Sắc sinh từ Nghiệp Lực có sự thanh triệt, làm thành dụng phẩm tiếp thu được Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc. Nhãn Thanh Triệt có hình thái to bằng đầu con chó, ở giữa tâm điểm trông mắt đen. Nhĩ Thanh Triệt có hình thái tương tự với vòng đai, là chỗ mọc lông sợi đen mịn, ở bên trong khoang tai. Ty Thanh Triệt có hình thái như móng con dê, ở bên trong khoang mũi. Thiệt Thanh Triệt có hình thái tương tự đóa hoa sen, ở khoảng giữa bề mặt lưỡi. Thân Thanh Triệt có hình thái y như núp bông gòn tằm dầu cho đến ướt sũng, phát sinh lan tỏa trong khắp cả sắc thân, chỉ ngoại trừ đầu ngọn tóc, lông, móng, bề mặt lớp da chết khô và chỗ tụ hội các vật thực mới ở dưới ruột già.

Có nhiệm vụ cho hoàn thành 2 thể loại Sự Vụ (Kicca) là:

1. Là **Ngũ Vật (Pañcavatthu)** làm vi chuẩn tắc của Tâm Ngũ Thức có Tâm Nhãn Thức v.v.

2. Là **Ngũ Môn (Pañcadvāra)** định sở y sinh của Tâm Lộ Trình Ngũ Môn có Tâm Lộ Trình Nhãn Môn v.v.

Giáo Khoa Thư Nghiên Cứu Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp của các bậc thông tuệ giải thích như thế này:

Từ ngữ **Thanh Triệt (Pasāda)** dịch nghĩa sự thanh triệt, sự tín phụng.

Từ ngữ **Sắc Thanh Triệt (Pasādarūpa)** là Sắc có sự thanh triệt có khả năng tiếp thu được Ngũ Cảnh.

(1) NHÃN THANH TRIỆT (CAKKHUPASĀDA): từ ngữ **Nhãn (Cakkhu)** hiện hữu 2 điều, là:

1. **Tuệ Nhãn (Paññācakkhu)** là việc liễu tri với Trí Tuệ. Chi Pháp đó là **Tâm Sở Trí Tuệ (Paññācetasika)**.

2. **Nhãn Nhục (Maṇsacakkhu)** là việc khán kiến với con mắt thịt. Chi Pháp đó là **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)**.

TUỆ NHÃN HIỆN HỮU 5 ĐIỀU:

1. **Phật Nhãn (Buddhacakkhu)** đó là Trí Tuệ tri đặc trong tính cách của **Hữu Tình Giới (Sattvāloka)** có (1) **Tính Cách Tùy Miên Trí (Āsayānussayañāṇa)** Trí Tuệ tri đặc tính cách của **Chúng Hữu Tình Khả Thuần Phục (Veneyyasatta)**, (2) **Quyền Căn Phân Biệt Trí (Indriyaparopariyattiñāṇa)** Trí Tuệ có khả năng tri đặc **Quyền Lực (Indriya)** của chúng hữu tình rằng là phi thường, hoặc bất hoàn chỉnh ngần nào. Chi Pháp đó là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí.

2. Toàn Tri Nhãn (Samantacakkhu) đó là **Toàn Giác Trí (Sabbaññutañña)** là Trí Tuệ có khả năng quảng văn bác thức trong các **Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma)** và **Pháp Vô Vi (Asaṅkhatadhamma)**. Chi Pháp đó là Đại Duy Tác Tương Ứng Trí thứ 1.

3. Trí Nhãn (Ñāṇacakkhu – Tuệ Nhãn) đó là **Trí Đạo Vô Sinh (Arahattamagga ñāṇa – Tuệ Đạo Vô Sinh)** là Trí Tuệ của Bậc Vô Sinh. Chi Pháp đó là Tâm Sở Trí Tuệ trong 1 Tâm Đạo Vô Sinh.

4. Pháp Nhãn (Dhammacakkhu) đó là Trí Tuệ của 3 Bậc Thánh Đạo thấp là Đạo Thất Lai, Đạo Nhất Lai, Đạo Bất Lai. Chi Pháp đó là Tâm Sở Trí Tuệ trong 3 Tâm Đạo bậc thấp.

5. Thiên Nhãn (Dibbacakkhu) đó là Trí Tuệ tri đắc với Thiên Nhãn Thắng Trí. Chi Pháp đó là 2 Tâm Thắng Trí.

Tổng kết, từ ngữ **Nhãn (Cakkhu)** hiện hữu 6 điều: 5 Tuệ Nhãn, 1 Nhãn Nhục.

(2) NHĨ THANH TRIỆT (SOTAPASĀDA): từ ngữ **Nhĩ (Sota)** dịch nghĩa khí thể đẳng (khí lưu thông tuần hoàn).

TỪ NGỮ NHĨ (SOTA) HIỆN HỮU 3 ĐIỀU:

1. Thiên Nhĩ (Dibbasota): Trí Tuệ tri đắc với Thiên Nhĩ Thắng Trí. Chi Pháp đó là 2 Tâm Thắng Trí.

2. Dục Nhĩ (Taṇhāsota): Dòng Ái Dục, ý muốn nói là Ái Dục là dòng lưu chuyển trong 6 Cảnh và lưu hành đến **Dục Hữu (Kāma bhava), Sắc Hữu (Rūpa bhava), Vô Sắc Hữu (Arūpa bhava).**

3. Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda): đó là sự thanh triệt có khả năng tiếp thu được Cảnh Thinh. Chi Pháp đó là Nhĩ Thanh Triệt.

(3) TỶ THANH TRIỆT (GHĀNAPASĀDA): đó là sự thanh triệt có khả năng tiếp thu được Cảnh Khí. Chi Pháp đó là Tỷ Thanh Triệt.

(4) THIỆT THANH TRIỆT (JIVHĀPASĀDA): đó là sự thanh triệt có khả năng tiếp thu được Cảnh Vị. Chi Pháp đó là Thiệt Thanh Triệt.

(5) THÂN THANH TRIỆT (KĀYAPASĀDA): đó là sự thanh triệt có khả năng tiếp thu được Cảnh Xúc. Chi Pháp đó là Thân Thanh Triệt.

TỪ NGỮ THÂN (KĀYA) HIỆN HỮU 4 ĐIỀU:

1. Thần Kinh Thân (Pasādakāya): Chi Pháp đó là Thân Thanh Triệt.

2. Sắc Thân (Rūpakāya): Chi Pháp đó là 27 Sắc Pháp (trừ Thân Thanh Triệt).

3. Danh Thân (Nāmakāya): Chi Pháp đó là Tâm Tâm Sở.

4. Chế Định Thân (Paññattikāya): Chi Pháp đó là **Đoàn Chế Định (Samūhapaññatti) Thân Tượng (Hatthikāya)** đoàn tượng, **Thân Mã (Assakāya)** đoàn mã v.v.

Chú thích: Cả 5 Sắc Thanh Triệt này có 4 Sắc Đại Hiện sinh từ **Nghiệp Lực (Kamma)** trong quá khứ làm Nhân cận lân cho sinh khởi, chính thị gọi là **Sắc Ái (Rūpatanāhā), Thinh Ái (Saddatanāhā), Khí Ái (Gandhatanāhā), Vị Ái (Rasatanāhā), Xúc Ái (Phoṭṭhabbatanāhā).**

HÀNH TRẠNG SẮC (VISAYARŪPA) hoặc THÔNG HÀNH SẮC (GOCARARŪPA)

Từ ngữ **Hành Trạng (Visaya)** dịch nghĩa là giới hạn, phạm vi, cảnh giới, cương vực, địa khu, sự sinh hoạt.

Hành Trạng Sắc (Visayarūpa) dịch nghĩa là Sắc làm thành Cảnh.

Thông Hành Sắc (Gocararūpa) dịch nghĩa là Sắc du hành tương tự con bò.

Quy nạp Hành Trạng Sắc theo **Phân Biệt Trạng Thái (Visesalakkhaṇa)** như vậy:

1. Có việc tiếp xúc với cả 5 Sắc Thanh Triệt có Nhãn Thanh Triệt v.v. làm Trạng Thái.
2. Cho thành Cảnh đối với cả 5 **Tâm Ngũ Thức (Pañcaviññānacitta)** có Tâm Nhãn Thức v.v. làm Phân Sự.
3. Cả 5 Tâm Ngũ Thức có Tâm Nhãn Thức v.v. tiếp thu lấy Cảnh làm quả hiện bày trong Trí Tuệ của Bậc Hiền Trí, làm Sự Thành Tựu.
4. Có cả 4 Sắc Đại Hiện sinh từ Nghiệp Lực trong quá khứ làm Nhân cận lân cho sinh.

TỪ NGŨ KHÍ (GANDHA) HIỆN HỮU 4 ĐIỀU:

1. **Giới Hương (Sīlagandha)** đó là Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.
 2. **Định Hương (Samādhigandha)** đó là Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.
 3. **Tuệ Hương (Paññāgandha)** đó là Chánh Kiến, Chánh Tư Duy.
- (Cả 3 **Gandha** này trong ý nghĩa là truyền bá cùng khắp, lan tỏa khắp nơi, khuếch tán phổ cập).
4. **Xứ Khí (Āyatanagandha)** đó là Cảnh Khí là **Hương Khí (Sugandha)**, **Xú Khí (Dugandha)** đến tiếp xúc lỗ mũi.

TỪ NGŨ VỊ (RASA) HIỆN HỮU 4 ĐIỀU:

1. **Pháp Vị (Dhammarasa)** đó là **Tâm Đạo Khởi Sinh (Maggacittuppāda)**, 17 Tâm Thiện Hiệp Thế, 12 Tâm Bất Thiện, là tất cả các Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện.
2. **Nghĩa Vị (Attharasa)** đó là **Tâm Quả Khởi Sinh (Phalacittuppāda)**, 32 Tâm Di Thực Quả Hiệp Thế (**Lokiyavipākacitta**), là Pháp Quả của các Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện.
3. **Giải Thoát Vị (Vimuttirasa)** đó là Níp Bàn.
4. **Xứ Vị (Āyatanarasa)** đó là Cảnh Vị khi tập hợp hết cả 6 Vị, là **vị chua (Ambila)**, **vị ngọt (Madhura)**, **vị mặn (Loṇika)**, **vị cay (Kaṭuka)**, **vị đắng (Titta)**, **vị chát (Kasāva)** (trích trong Tam Tạng).

Quy nạp Hành Trạng Sắc trong nền tảng Kinh Tạng:

1. **Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)**: là Sắc Pháp biểu thị sự tri giác của người cho hiện bày ra ngoài.
2. **Cảnh Thinh (Saddārammaṇa)**: đó là Sắc Pháp được phát âm ra ngoài (đó chỉ là âm thanh của vật hữu sinh mạng thôi) hoặc Sắc Pháp làm cho Tâm Nhĩ Thức tri đắc (đó là âm thanh của các vật hữu sinh mạng và cả phi hữu sinh mạng).

3. Cảnh Khí (Gandhāramma): là Sắc Pháp biểu hiện chỗ nương trú của mình cho hiện bày, hoặc là Sắc Pháp có thực tính y như thể báo hiệu cho biết rằng các vật kiện ấy đang ở chỗ này (tương tự như lay ông tôi ở bụi này) [Giáo Thọ Sư Phụ Chú Giải].

4. Cảnh Vị (Rasāramma): là Sắc Pháp mãn ý của Tâm Thiệt Thức, dù sẽ là hảo mỹ vị hoặc bất hảo mỹ đi nữa. Lời nói “mãn ý” ở đây lập ý chỉ lấy việc tri giác khẩu vị, chẳng phải lập ý đến con người, vì lẽ đương nhiên người ta thường chỉ mãn ý trong các hảo mỹ vị thôi.

5. Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbāramma): là Sắc Pháp mà Thân Thanh Triệt đáng phải tiếp xúc, hiện hữu 3 thể loại là:

5.1. Cảnh Địa Xúc (Pathavi-phoṭṭhabbāramma) đó là mềm, cứng.

5.2. Cảnh Hỏa Xúc (Tejophoṭṭhabbāramma) đó là lạnh, nóng.

5.3. Cảnh Phong Xúc (Vāyophoṭṭhabbāramma) đó là lỏng, căng.

Đối với **Thủy (Āpo)**, Thân Thanh Triệt tiếp xúc không được vì **Thủy (Āpo)** là Cảnh Pháp, chỉ tri đắc ở Lộ Ý thôi.

Kết luận, Hành Trạng Sắc hoặc Thông Hành Sắc là Sắc làm thành Cảnh, hoặc là chỗ thông hành của Tâm Tâm Sở, tỷ như:

Cảnh Sắc sinh Lộ Nhãn, làm thành Cảnh hoặc là chỗ thông hành của 2 Tâm Nhãn Thức, 7 Tâm Sở.

Cảnh Thính sinh Lộ Nhĩ, làm thành Cảnh hoặc là chỗ thông hành của 2 Tâm Nhĩ Thức, 7 Tâm Sở.

Cảnh Khí sinh Lộ Ty, làm thành Cảnh hoặc là chỗ thông hành của 2 Tâm Ty Thức, 7 Tâm Sở.

Cảnh Vị sinh Lộ Thiệt, làm thành Cảnh hoặc là chỗ thông hành của 2 Tâm Thiệt Thức, 7 Tâm Sở.

Cảnh Xúc sinh Lộ Thân, làm thành Cảnh hoặc là chỗ thông hành của 2 Tâm Thân Thức, 7 Tâm Sở.

2 SẮC BẢN TÍNH (BHĀVARŪPA 2)

Sắc Bản Tính (Bhāvarūpa) là Sắc Pháp tế trí (**Sukhumarūpa**), là Sắc Pháp dao viển (**Dūrerūpa**), là Sắc Pháp vô động vu trung, bất não nộ, bất sinh khí (**Appaṭigharūpa**); là Sắc Pháp tinh tế, bất biểu hiện minh hiển, là Sắc Pháp dao viển nan tri, là Sắc Pháp tiếp xúc lẫn nhau không được; rằng theo Cảnh là Cảnh Pháp chỉ tri đắc ở Lộ Ý thôi, sẽ nhìn xem sẽ trông thấy nữ tính, nam tính bằng mắt không được.

Việc sẽ tri đắc rằng là Nữ Tính, Nam Tính phải y cứ 4 thể loại biểu hiện cho biết:

1. Tính Biệt (Liṅga): sắc tướng hình thể có tay, chân, mặt, mắt, giới tính v.v.

2. Tiêu Ký (Nimitta): biểu tượng dấu hiệu như râu, ria v.v.

3. Tính Hạnh (Kutta): tập quán như việc chơi giỡn, các việc hành động tạo tác.

4. Nghi Biểu Đường Đường (Ākappa): cử chỉ oai nghi như việc đi, đứng, ngồi, nằm, việc nói v.v.

SẮC TÂM CƠ (HADAYARŪPA)

Sắc Tâm Cơ là Sắc Pháp làm tác nhân cho chúng hữu tình thực hiện được điều lợi ích và không lợi ích [**Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma) – Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusala kamma)**]. Sắc Tâm Cơ này ẩn trú trong khoang lỗ hồng có trạng thái tựa cái hồ, to ước chừng bằng hạt **hoa nguyệt quế (Punnāga)**. Bên trong trái tim, bên trong khoang này có máu phủ dưỡng độ chừng một bao tay, là chỗ nương sinh của Tâm và Tâm Sở, là **3 Ý Giới (Mano dhātu), 32 Ý Thức Giới (Manoviññāṇadhātu)** (trừ 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở.

Sắc Tâm Cơ hiện hữu 2 điều, là:

1. Nhục Tâm Sắc (Maṇsahadaya rūpa): đó là Sắc trái tim có trạng thái y như thể đoá hoa sen.

2. Vật Tâm Sắc (Vatthuhadaya rūpa): đó là thể loại Sắc Nghiệp Lực sinh trú bên trong Nhục Tâm Sắc.

Từ ngữ Sắc Tâm Cơ (Hadaya rūpa) trong chỗ này lập ý lấy **Vật Tâm Sắc (Vatthu hadaya rūpa)** hoặc **Sắc Ý Vật (Hadaya vatthurūpa)**.

Trong **Chú Giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga Atthakathā)** nói rằng:

Người nông hậu với **Tính Dục (Rāgacarita)** nước phủ dưỡng của trái tim thường có màu đỏ.

Người nông hậu với **Tính Sân (Dosacarita)** nước phủ dưỡng của trái tim thường có màu đen.

Người nông hậu với **Tính Si (Mohacarita)** nước phủ dưỡng của trái tim thường có màu đục như nước rửa thịt.

Người nông hậu với **Tính Tầm (Vitakkacarita)** nước phủ dưỡng của trái tim thường có màu nước màng đậu rồng.

Người nông hậu với **Tính Tín (Saddhācarita)** nước phủ dưỡng của trái tim thường có màu vàng nhạt y như thể màu hoa phong lan vũ nữ.

Người nông hậu với **Tính Giác (Buddhicarita)** nước phủ dưỡng của trái tim thường có màu trắng như màu ngọc kim cương.

SẮC MẠNG QUYỀN (JĪVITARŪPA)

Sắc Mạng Quyền là Sắc Pháp làm tác nhân cho các Sắc Pháp cấu sinh được tồn tại (Sắc Nghiệp Lực).

Sắc Mạng Quyền hiện hữu 2 thể loại là (1) **Sắc Mạng Quyền (Jīvitarūpa)**, (2) **Danh Mạng Quyền (Jīvitānāma)**.

Chúng hữu tình sinh trú trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** thường phối hợp với Sắc Pháp và Danh Pháp. Cả hai Sắc Pháp và Danh Pháp này sinh từ Nghiệp Lực trong quá khứ, thế nhưng Nghiệp Lực chẳng phải là người bảo hộ [**Mãnh Lực Xuất Sinh (Janakasatti)** dịch nghĩa “có mãnh lực làm cho sinh khởi”] còn Sắc Mạng Quyền và Tâm Sở

Mạng Quyền hình thành theo bảo hộ Sắc Danh trong hiện tại [**Mãnh Lực Tùy Hộ (Anupāla kasatti)** dịch nghĩa “có mãnh lực theo bảo hộ”].

Còn Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực không cần phải có Sắc Pháp đặc biệt làm người theo bảo hộ vì các thể loại Sắc Pháp này có **Xuất Sinh Xứ (Samuṭṭhāna)** của mình, chính thị làm người bảo hộ.

SẮC VẬT THỰC (ĀHĀRARŪPA)

Từ ngữ Đoàn Thực (Kabalīkārāhāra) là tên gọi của hết cả vật thực. Trong chỗ này từ ngữ Đoàn Thực đó là **Bổ Phẩm (Ojā)** ở trong các vật thực. Từ ngữ **Đoàn Thực (Kabalīkārāhāra)** hiện hữu 2 từ ngữ là **(1) Kabalīkāra, (2) Āhāra**.

Kabalīkāra dịch nghĩa “vật thực làm cho thành miếng nhỏ”.

Āhāra dịch nghĩa “vật thực đã ăn và nuốt đi”.

Kabalīkārāhāra dịch nghĩa “vật thực làm cho thành miếng nhỏ rồi ăn và nuốt đi”.

Āhāra dịch nghĩa “dẫn dắt cho sinh khởi”.

Āhāra hiện hữu 4 thể loại là:

- 1. Ý Tưởng Tư Thực (Manosaññacetanāhāra): Tư Nghiệp Lực (Cetanākamma)** dẫn dắt cho sinh **Tâm Thức Tái Sinh (Paṭisandhivīññāpacitta)**.
- 2. Xúc Thực (Phassacetanā)** dẫn dắt cho sinh **Tư (Cetanā)**.
- 3. Thức Thực (Viññāṇāhāra)** dẫn dắt cho sinh **Danh Sắc (Tâm Sở và Sắc Nghiệp Lực)**.
- 4. Đoàn Thực (Kabalīkārāhāra)** dẫn dắt cho sinh **Sắc Vật Thực [Bổ Phẩm (Ojā)]** sinh khởi.

SẮC HẠN GIỚI (PARICCHEDARŪPA)

Pariccheda đó là **Không Giới Sắc (Ākāsarūpa)** xen vào giữa Khối Tổng Hợp Sắc này với Khối Tổng Hợp Sắc kia (còn gọi là Sắc Giao Giới).

Ākāsa đó là nơi viết không được, đó là bầu không khí.

Ākāsa hiện hữu 4 thể loại là:

- 1. Hư Không Giới (Ajaṭākāsa):** đó là hư không trống không, phía dưới tính kể từ dưới nền lục địa và mặt nước hứng đón nền lục địa ấy, phía trên tính kể từ Vô Sắc Địa Giới khởi đi.
- 2. Hạn Chế Không Giới (Paricchinnākāsa):** đó là khoảng trống không có ấn định giới hạn, chẳng hạn như khoang cửa cái, khoang cửa sổ, khoang tai, khoang mũi, khoang miệng v.v.
- 3. Hoàn Tịnh Phóng Khí Hư Không (Kasiṇagghāṭimākāsa):** đó là hư không đã phóng khí khỏi cả 9 Hoàn Tịnh.
- 4. Hạn Giới Hư Không (Paricchedākāsa):** đó là khoảng trống xen kẽ giữa Khối Tổng Hợp Sắc này với Khối Tổng Hợp Sắc nối tiếp, chính thị là Sắc Hạn Giới.

2 SẮC BIỂU TRI (VIÑÑATTIRŪPA 2)

Sắc Biểu Tri (Viññattirūpa) đó là trạng thái đặc biệt làm cho biết được sở nguyện với việc hoạt động sắc thân và ngôn ngữ.

2 Sắc Biểu Tri chia ra thành 4 thể loại là:

1. Tri Thức Thân Biểu Tri (Bodhanakāyaviññatti): việc hoạt động của sắc thân làm cho tha nhân biết được sở nguyện của mình.

2. Tiến Triển Thân Biểu Tri (Pavattanakāyaviññatti): việc hoạt động của sắc thân hiện hành theo chính thường không lập ý cho tha nhân biết được sở nguyện của mình.

3. Tri Thức Ngữ Biểu Tri (Bodhanakāyaviññatti): việc hoạt động của ngôn ngữ làm cho tha nhân biết được sở nguyện của mình.

4. Tiến Triển Ngữ Biểu Tri (Pavattanakāyaviññatti): việc hoạt động của ngôn ngữ hiện hành theo chính thường không lập ý cho tha nhân biết được sở nguyện của mình.

3 SẮC BIẾN THỂ (VIKĀRARŪPA 3)

Sắc Biến Thể (Vikārarūpa) là trạng thái đặc biệt của Sắc Thành Sở Tác [Sắc Thành Sở Tác Quyền Lực (Indriyanipphannarūpa)].

Sắc Biến Thể là Sắc Pháp sinh khởi với vật hữu sinh mạng thôì, và nếu như sinh cũng đồng sinh với cả 3 Sắc Pháp trong sát na Tâm Thức an lạc không ốm đau bệnh hoạn.

Sắc Thành Sở Tác hiện hữu 2 thể loại là:

1. Sắc Thành Sở Tác Quyền Lực (Indriyanipphannarūpa): lập ý đến Sắc Pháp ở phần Chân Sắc và sinh khởi với vật hữu mạng quyền.

2. Sắc Thành Sở Tác Phi Quyền Lực (Anindriyanipphannarūpa): lập ý đến Sắc Pháp ở phần Chân Sắc, thể nhưng sinh khởi với vật phi hữu mạng quyền.

SẮC THỰC TƯỚNG (LAKKHAṆARŪPA)

Sắc Thực Tướng đó là Sắc Pháp làm tác nhân của việc quy định phán đoán rằng là **Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma)**.

Pháp (Dhamma) có 2 thể loại là:

1. Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma): Pháp bị điểm xuyết bố trí bởi 4 Duyên, là Nghiệp Lực, Tâm, Quý Tiết, Vật Thực; đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp.

2. Pháp Vô Vi (Asaṅkhatadhamma): Pháp không bị điểm xuyết bố trí bởi 4 Duyên, là Nghiệp Lực, Tâm, Quý Tiết, Vật Thực; đó là Níp Bàn, Chế Định.

Tâm và Tâm Sở (là Danh Pháp) có 3 thực tướng là Xuất Sinh (Jāti), Lão Mại (Jaratā), Vô Thường (Aniccata).

Sắc Pháp có 4 thực tướng là Tích Lũy (Upacaya), Diên Tục (Santati), Lão Mại (Jaratā), Vô Thường (Aniccata).

↓-----Xuất Sinh (Jāti)-----↓

Thực Tướng này chỉ hiện hữu đặc biệt trong Pháp Hữu Vi thôi, còn Pháp Vô Vi không có thực tướng hiện bày như thế này, vì rằng Pháp Vô Vi là Pháp không bị điểm xuyên bố trí bởi 4 Duyên và chính thị là Pháp không có việc sinh diệt.

1. Tích Lũy (Upacaya): trong sát na Tái Sinh, đối với sản địa Thai Sinh, Sắc Nghiệp Lực sinh khởi lần đầu tiên và sinh khởi những lần về sau cho đủ Sắc Pháp thích nghi được sinh khởi bên trong tuần lễ 11 gọi là **Tích Lũy**. Đối với sản địa Thập Sinh, Sắc Nghiệp Lực sinh khởi lần đầu tiên gọi là **Tích Lũy**.

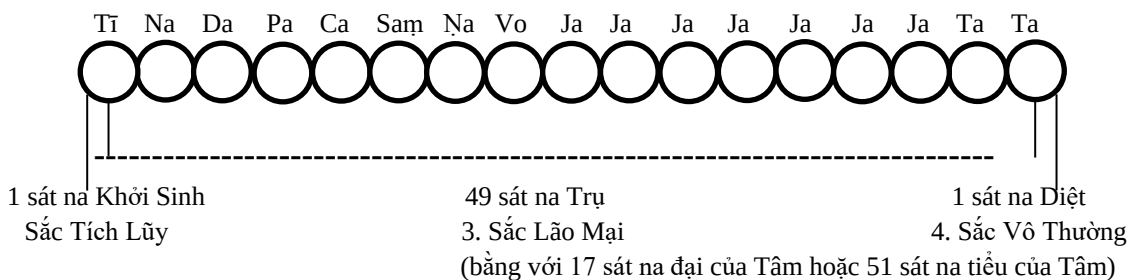
2. Diên Tục (Santati): Sắc Nghiệp Lực khi sinh khởi đủ rồi, thế nhưng vẫn có việc sinh nối tiếp đi suốt cả sinh mạng, gọi là **Diên Tục**.

Trong Bộ Chú Giải Aṭṭhasalinī và Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) có tỷ dụ **Tích Lũy (Upacaya)** và **Diên Tục (Santati)** tương tự giếng nước được đào lên gần bờ sông.

Ví như một giếng nước đã được đào lên ở sát cạnh con sông. Khi vừa mới đào xong, nước bắt đầu chảy vào bên trong giếng lần đầu tiên tương tự như Sắc Tích Lũy sinh khởi ở sát na đầu tiên. Tiếp đến nước vẫn tiếp tục luôn chảy vào bên trong giếng nước mãi cho đến đầy cả giếng, tương tự như **Sắc Tích Lũy** sinh khởi ở sát na đầu tiên, thế rồi tiếp nối từ sát na Tái Sinh, một khi nước đã đầy giếng cũng sẽ phải chảy tràn ra khỏi giếng và chảy trên mặt đất, tương tự với **Sắc Diên Tục**.



3 / 4 LÃO MẠI (JARATĀ) VÀ VÔ THƯỜNG (ANICCATĀ) BẢN ĐỒ TÂM LỘ TRÌNH PHỐI HỢP SẮC LÃO MẠI VÀ SẮC VÔ THƯỜNG



Ghi chú: Trong 22 Sắc Pháp [trừ 2 Sắc Biểu Tri (**Viññattirūpa**), 4 Sắc Thực Tướng (**Lakkhaṇarūpa**)] các thể loại Sắc Pháp này có tuổi thọ bằng với 17 sát na đại của Tâm hoặc 51 sát na tiểu của Tâm. Trong 51 sát na tiểu của Tâm ấy là **sát na Khởi Sinh (Upādakka**

na) là 1 sát na sinh khởi, **sát na Trụ (Tḥīṭikhana)** là 49 sát na thụ lập, và **sát na Diệt (Bhaṅgakkhana)** là 1 sát na diệt; đây là tuổi thọ của 22 Sắc Pháp.

Sinh trú của 28 Sắc Pháp trong sắc thân hữu tình giản lược được trong 4 nhóm là:

1. Sinh ở trong 21 Sắc Pháp còn lại.
2. Sinh trụ có 2 Sắc Pháp là Thiệt Thanh Triệt, Ý Vật.
3. Sinh được trong 5 Sắc Pháp là Cảnh Thinh, Cảnh Thân, 3 Sắc Biến Thê.
4. Sinh được 1 Sắc Pháp là Sắc Ngũ Biểu Tri.

Cho học viên chú ý cả 4 nhóm này làm nền tảng rồi mới bắt đầu nói lời nói cho đúng theo sự chân chính, tỷ như lời nói rằng “sinh ở trong” nếu như nêu Nhân Thanh Triệt cũng phải nói rằng Nhân Thanh Triệt sinh ở trong con mắt v.v. và lời nói rằng “sinh ở trong, sinh ở chỗ” ấy lập ý đến Sắc Pháp thường luôn sinh trụ; còn lời nói rằng “sinh được trong” sinh được ở chỗ” lập ý đến Sắc Pháp không được thường luôn sinh khởi.

Kết Thúc Phần Giản Yếu Sắc Pháp

NHÓM THỨ 2

2. PHÂN PHÂN TÍCH QUẢNG NGHĨA SẮC PHÁP (RŪPAVIBHĀGANAYA) VIỆC PHÂN CHIA SẮC PHÁP MỘT CÁCH QUẢNG NGHĨA

28 Sắc Pháp có tên gọi theo 8 thực tính, là chia 28 Sắc Pháp theo việc phân ra 11 đôi.

Mẫu Đề Đề Nhất (Ekamātikā)

1. Tên là Vô Nhân vì bất phối hợp với Nhân
2. Tên là Hữu Duyên vì có 4 Duyên
3. Tên là Hữu Lậu vì làm Cảnh của Lậu Hoặc
4. Tên là Hữu Vi vì bị điểm xuyết bố trí bởi 4 Duyên
5. Tên là Hiệp Thê vì Pháp liệt kê vào trong Thê Giới Hữu Vi.
6. Tên là Dục Giới vì làm Cảnh của Dục Ái
7. Tên là Bất Tri Cảnh vì không có khả năng tri đắc Cảnh được.
8. Tên là Phi Phóng Khí vì chẳng phải là Pháp thích đáng phóng khí.

Mẫu Đề Nhị (Dukamātikā)

1. 5 Sắc Nội Bộ, 23 Sắc Ngoại Bộ
2. 6 Sắc Hữu Vật, 22 Sắc Vô Vật
3. 7 Sắc Hữu Môn, 21 Sắc Vô Môn
4. 8 Sắc Hữu Quyền, 20 Sắc Vô Quyền
5. 12 Sắc Tho Thiên, 16 Sắc Vi Tế
6. 12 Sắc Lân Cận, 16 Sắc Dao Viễn
7. 12 Sắc Hữu Đối Chiếu, 16 Sắc Vô Đối Chiếu.
8. 18 Sắc Hữu Cháp Thủ, 40 Sắc Phi Cháp Thủ.
9. 1 Sắc Hữu Kiến, 27 Sắc Phi Kiến.
10. 5 Sắc Thủ Cảnh, 23 Sắc Bất Thủ Cảnh.
11. 8 Sắc Bất Giản Biệt, 20 Sắc Khả Giản Biệt.

Chú thích: Việc trình bày trong Nhóm thứ 2 này, rằng khi theo **Mẫu Đề (Mātikā)**, việc trình bày Sắc Pháp thành 8 tên gọi ấy là việc trình bày theo Độc Nhất Mẫu Đề, là việc trình bày thành Mẫu Đề độc nhất, còn việc trình bày Sắc Pháp thành 11 đôi là việc trình bày theo Mẫu Đề Đôi, là việc trình bày theo **Phần Thập Nhất (Ekādasakanaya)** là việc trình bày Sắc Pháp thành 11 Phần, chính thị là theo Mẫu Đề Đôi.

PHƯƠNG THỨC GIẢI THÍCH SẮC PHÁP CÓ TÊN GỌI THEO 8 THỰC TÍNH:

1. Tên là Vô Nhân vì bất phối hợp với Nhân. Tất cả đây cũng vì 6 Nhân là Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si, Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si ấy là Tâm Sở sinh khởi chỉ phối hợp với Tâm Hữu Nhân thôi, sẽ bất phối hợp với 28 Sắc Pháp.

2. Tên là Hữu Duyên vì có 4 Duyên là Nghiệp Lực, Tâm, Quý Tiết, Vật Thực; tỷ như 28 Sắc Pháp ở trong 11 Dục Địa Giới có 4 Duyên là Nghiệp Lực, Tâm, Quý Tiết, Vật Thực. 23 Sắc Pháp ở trong 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) có 3 Duyên là Nghiệp Lực, Tâm, Quý Tiết (trừ Vật Thực). 17 Sắc Pháp ở trong 1 Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên có 2 Duyên là Nghiệp Lực, Quý Tiết (trừ Tâm, Vật Thực).

3. Tên là Hữu Lậu vì làm Cảnh của Lậu Hoặc. Lậu Hoặc có 4 là Dục Lậu Hoặc, Hữu Lậu Hoặc, Kiến Lậu Hoặc, Vô Minh Lậu Hoặc. 28 Sắc ấy làm được Cảnh với hết cả Lậu Hoặc ấy.

4. Tên là Hữu Vi vì bị điểm xuyên bố trí bởi 4 Duyên. Pháp Hữu Vi đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, bởi do thế 28 Sắc Pháp vẫn hiện hữu ở Pháp Hữu Vi.

5. Tên là Hiệp Thế vì là Pháp liệt kê vào trong Thế Giới Hữu Vi. Thế Giới Hữu Vi rằng theo **Đĩ Nhân Vi Bồn (Puggalādhittāna)** đó là nhóm chúng hữu tình, rằng theo **Đĩ Pháp Vi Bồn (Dhammādhittāna)** đó là 81 Tâm Hiệp Thế, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp, vì thế 28 Sắc mới liệt kê vào trong Thế Giới Hữu Vi.

6. Tên là Dục Giới vì làm Cảnh của **Dục Ái (Kāmatanā)**. Dục Ái có 3 là Dục Ái, Hữu Ái, Ly Hữu Ái. **Ái Dục (Tanā)** dịch nghĩa sự hỷ duyệt, lạc ý. **Dục Ái (Kāmatanā)** dịch nghĩa “sự hỷ duyệt, lạc ý trong Tham Dục và Cảnh Dục là Cảnh đối với Dục Ái, cũng đó là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp, bởi do thế 28 Sắc Pháp mới thành Cảnh chỉ cho riêng với Dục Ái thôi.

7. Tên là Bất Tri Cảnh vì không có khả năng tri đắc Cảnh. Pháp sẽ tri đắc Cảnh gọi là **Hữu Tri Cảnh (Sāramma)** đó chỉ là Tâm, Tâm Sở thôi, còn Sắc Pháp và Níp Bàn là Pháp **Bất Tri Cảnh**.

8. Tên là Phi Phóng Khí vì chẳng phải là thích đáng phóng khí, gọi là **Pháp Khả Phóng Khí (Pahāttabbadhamma)** đó là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở. Pháp thích đáng tiến hóa gọi là **Pháp Khả Tiến Hóa (Bhāvetabbadhamma)** đó là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở. Pháp Bất Khả Phóng Khí và Bất Khả Tiến Hóa gọi là **Pháp Phi Phóng Khí (Appahātabba dhamma)** đó là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp, Níp Bàn; vì thế 28 Sắc Pháp mới gọi là **Phi Phóng Khí**.

Bản đồ phối hợp cùng với lời giải thích 11 Đôi Sắc Pháp một cách giản yếu:

+ **Đôi thứ 1: Sắc Nội Bộ** là Sắc Pháp ở bên trong, có 5 đó là 5 Sắc Thanh Triệt. **Sắc Ngoại Bộ** là Sắc Pháp phía bên ngoài, có 23 đó là 23 Sắc Pháp còn lại.

Sắc Nội Bộ là Sắc Pháp phía bên trong có 5, đó là 5 Sắc Thanh Triệt, lập ý lấy cả 5 hữu ích xứ của Sắc Pháp làm chủ yếu. Còn 23 Sắc Pháp còn lại là Sắc Pháp có sự hữu ích ít ỏi mới gọi là Sắc Ngoại Bộ; tỷ dụ như Sắc Nội Bộ giống như người bên trong nhà, Sắc Ngoại Bộ giống như người bên ngoài nhà như thế ấy.

+ **Đôi thứ 2: Sắc Hữu Vật** là Sắc Pháp làm chỗ y sinh của Tâm, Tâm Sở, có 6 đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 1 Sắc Ý Vật. **Sắc Vô Vật** là Sắc Pháp không làm chỗ y sinh của Tâm, Tâm Sở, có 22 đó là 22 Sắc Pháp còn lại; tỷ dụ như phi cơ là chỗ nương nhờ của người thông thường cần phải đi theo hư không.

Sắc Hữu Vật là Sắc Pháp làm chỗ y sinh của Tâm Tâm Sở, như: Nhãn Thanh Triệt gọi là Nhãn Vật làm y sinh xứ 2 Tâm Nhãn Thức, 7 Tâm Sở. Nhĩ Thanh Triệt gọi là Nhĩ Vật làm y sinh xứ 2 Tâm Nhĩ Thức, 7 Tâm Sở. Tỵ Thanh Triệt gọi là Tỵ Vật làm y sinh xứ 2 Tâm Tỵ Thức, 7 Tâm Sở. Thiệt Thanh Triệt gọi là Thiệt Vật làm y sinh xứ 2 Tâm Thiệt Thức, 7 Tâm Sở. Thân Thanh Triệt gọi là Thân Vật làm y sinh xứ 2 Tâm Thân Thức, 7 Tâm Sở. Sắc Ý Vật gọi là Ý Vật làm y sinh xứ 75 Tâm Ý Thức, 52 Tâm Sở.

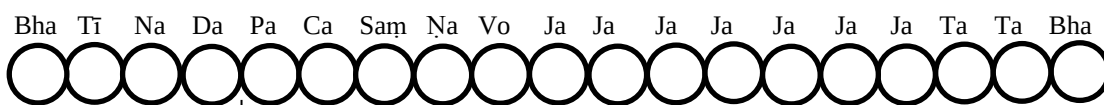
+ **Đôi thứ 3: Sắc Hữu Môn** là Sắc Pháp thành tác nhân cho việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình Ngũ Môn và **Thân Nghiệp Lực (Kāyakamma), Ngũ Nghiệp Lực (Vacīkamma)** có 7 đó là 5 Sắc Thanh Triệt 2 Sắc Biểu Tri. **Sắc Vô Môn** là Sắc Pháp bất thành tác nhân cho việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình Ngũ Môn và Thân Nghiệp Lực, Ngũ Nghiệp Lực, có 21 đó là 21 Sắc Pháp còn lại.

Môn có 2 là (1) Khởi Sinh Môn (Uppattidvāra), (2) Nghiệp Lực Môn (Kamma dvāra). 5 Sắc Thanh Triệt gọi là Khởi Sinh Môn. 2 Sắc Biểu Tri gọi là Nghiệp Lực Môn.

Môn (Dvāra) dịch nghĩa “tác nhân cho sinh khởi”.

Khởi Sinh Môn (Uppattidvāra) dịch nghĩa “tác nhân cho sinh Tâm Lộ Trình Ngũ Thức”, chẳng hạn như: Nhãn Thanh Triệt gọi là Nhãn Môn làm tác nhân cho sinh 46 Tâm Lộ Trình Nhãn Môn. Nhĩ Thanh Triệt gọi là Nhĩ Môn làm tác nhân cho sinh 46 Tâm Lộ Trình Nhĩ Môn. Tỵ Thanh Triệt gọi là Tỵ Môn làm tác nhân cho sinh 46 Tâm Lộ Trình Tỵ Môn. Thiệt Thanh Triệt gọi là Thiệt Môn làm tác nhân cho sinh 46 Tâm Lộ Trình Thiệt Môn. Thân Thanh Triệt gọi là Thân Môn làm tác nhân cho sinh 46 Tâm Lộ Trình Thân Môn.

Bản đồ 46 Tâm Lộ Trình Nhãn Môn (Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhãn Môn)



- 8 thế loại Cảnh Sắc thời hiện tại (Bất Duyệt Ý, Trung Bình Duyệt Ý, Cực Kỳ Duyệt Ý)

Chú thích: 29 Đồng Lực Dục Giới là 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Tiếu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác.

Chia 29 Đồng Lực Dục Giới theo 8 hạng Người như thế này:

1 Người Khổ Thú Vô Nhân	}	20 Đồng Lực Dục Giới sinh được (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Duy Tác)
1 Người Thiện Thú Vô Nhân		
1 Người Nhị Nhân		
1 Người Tam Nhân		
1 Người Thất Lai	}	15 Đồng Lực Dục Giới sinh được, là 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến, 2 Tâm căn Sân, 1 Tâm Tương Ứng Trạo Cử, 8 Tâm Đại Thiện.
1 Người Nhất Lai		
1 Người Bất Lai		
- 13 Đồng Lực Dục Giới sinh được, là 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến, 1 Tâm Tương Ứng Trạo Cử, 8 Tâm Đại Thiện.		

1 Người Vô Sinh: 9 Đồng Lực Dục Giới sinh được, là 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Duy Tác.

Nghiệp Lực Môn (Kammadvāra) dịch nghĩa “tác nhân cho sinh việc tạo tác”.

Tạo tác ở Thân Môn gọi là Thân Nghiệp Lực ở phần **3 Thân Ác Hạnh (Kāyaducarita)**, **3 Thân Thiện Hạnh (Kāyasucarita)**.

3 Thân Ác Hạnh là: **(1) Sát Tử (Pāṇātipāta)**, **(2) Thâu Đạo (Adinnādāna)**, **(3) Tính Dục Tà Hạnh (Kāmesumicchācāra)**.

3 Thân Thiện Hạnh là: **(1) Sát Tử (Pāṇātipāta)**, **(2) Thâu Đạo (Adinnādāna)**, **(3) Tính Dục Tà Hạnh (Kāmesumicchācāra)**.

Tạo tác ở Ngũ Môn gọi là Ngũ Nghiệp Lực ở phần **3 Ngũ Ác Hạnh (Vacīducarita)**, **3 Ngũ Thiện Hạnh (Vacīsucarita)**.

4 Ngũ Ác Hạnh là: (1) Vọng Ngữ là nói không có sự chân thật, (2) Ly Gián Ngữ là nói chia rẽ sự đoàn kết, (3) Thô Ác Ngữ là nói bất duyệt nhĩ, bất hảo thính, (4) Hồ Ngôn Loạn Ngữ là nói vô ý nghĩa, không có lợi ích.

4 Ngũ Thiện Hạnh là: (1) Giới Trừ Vọng Ngữ, (2) Giới Trừ Ly Gián Ngữ, (3) Giới Trừ Thô Ác Ngữ, (4) Giới Trừ Hồ Ngôn Loạn Ngữ.

+ Đôi thứ 4: Sắc Hữu Quyền là Sắc Pháp làm chủ yếu, làm người trị lý trong việc khán kiến v.v. có 8 đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Mạng Quyền. **Sắc Vô Quyền** là Sắc Pháp không làm chủ yếu, không làm người trị lý trong việc khán kiến v.v. có 20 đó là 20 Sắc Pháp còn lại.

Sắc Hữu Quyền là Sắc Pháp làm chủ yếu, làm người trị lý trong việc khán kiến v.v. như: Nhãn Thanh Triệt gọi là Nhãn Quyền làm chủ yếu, làm người trị lý trong việc khán kiến.

Nhĩ Thanh Triệt gọi là Nhĩ Quyền làm chủ yếu, làm người trị lý trong việc thính văn.

Tỷ Thanh Triệt gọi là Tỷ Quyền làm chủ yếu, làm người trị lý trong việc biết khí hơi.

Thiệt Thanh Triệt gọi là Thiệt Quyền làm chủ yếu, làm người trị lý trong việc biết khẩu vị.

Thân Thanh Triệt gọi là Thân Quyền làm chủ yếu, làm người trị lý trong việc biết xúc chạm.

Sắc Nữ Giới Tính gọi là Nữ Quyền làm chủ yếu, làm người trị lý trong sự thành nữ giới tính.

Sắc Nam Giới Tính gọi là Nam Quyền làm chủ yếu, làm người trị lý trong sự thành nam giới tính.

Sắc Mạng Quyền gọi là Mạng Quyền làm chủ yếu, làm người trị lý trong việc bảo trì Sắc Nghiệp Lực.

+ **Đôi thứ 5: Sắc Tho Thiển** là Sắc Pháp tho thiển, lập ý đến Sắc Pháp hiện bày minh hiện, có 12 đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

+ **Đôi thứ 6: Sắc Cận Lân** là Sắc Pháp cận lân, lập ý đến Sắc Pháp tri đắc được dễ dàng, có 12, đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

+ **Đôi thứ 7: Sắc Hữu Đối Chiếu** là Sắc Pháp được tiếp xúc lẫn nhau, có 12 đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 7 Sắc Biến Thể.

Thực tính 12 Sắc Pháp này lập ý lấy việc hiện bày minh hiện với người chủ nhân, và làm cho tri đắc dễ dàng căn cứ vào các thể loại Sắc này tiếp xúc lẫn nhau suốt trọn thời gian, như: Nhãn Thanh Triệt tiếp xúc với Cảnh Sắc, người ta mới thấy được. Nhĩ Thanh Triệt tiếp xúc với Cảnh Thính, người ta mới lắng nghe được. Tỵ Thanh Triệt tiếp xúc với Cảnh Khí, người ta mới biết được khí hơi. Thiệt Thanh Triệt tiếp xúc với Cảnh Vị, người ta mới biết được khẩu vị. Thân Thanh Triệt tiếp xúc với Cảnh Xúc, người ta mới cảm xúc lạnh, nóng v.v.

+ **Đôi thứ 8: Sắc Hữu Chấp Thủ** là Sắc Pháp sinh từ Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế, có 18 đó là 18 Sắc Nghiệp Lực. 18 Sắc Nghiệp Lực là 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạng Giới. **Sắc Phi Chấp Thủ** là Sắc Pháp không được sinh từ Bất Thiện Nghiệp Lực, và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế, có 40 đó là 15 Sắc Tâm, 13 Sắc Quý Tiết, 12 Sắc Vật Thực.

15 Sắc Tâm là 2 Sắc Biểu Tri, 1 Sắc Thính, 3 Sắc Biến Thể, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạng Giới. 13 Sắc Quý Tiết là 1 Sắc Thính, 3 Sắc Biến Thể, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạng Giới. 12 Sắc Vật Thực là 3 Sắc Biến Thể, 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạng Giới.

Sắc Hữu Chấp Thủ là Sắc Pháp sinh từ Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế như thế này: 12 Bất Thiện Nghiệp Lực đó là Tư Tâm Sở ở trong 12 Tâm Bất Thiện. 13 Tâm Thiện Hiệp Thế đó là Tư Tâm Sở ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Sắc Giới.

Tư Tâm Sở (Cetanā) trong 11 Tâm Bất Thiện (trừ Trạo Cử) làm cho **Thức Tái Sinh (Paṭisandhivīññāṇa)** là 1 Tâm Thảm Tán Dị Thực Quả Bất Thiện Xả Thọ và 20 Sắc Nghiệp Lực sinh trong 4 Thống Khổ Địa Giới, là Người Khổ Thú Vô Nhân.

Tư Tâm Sở (Cetanā) trong 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí làm cho Thức Tái Sinh là 1 Tâm Thảm Tán Dị Thực Quả Bất Thiện Xả Thọ, 20 Sắc Nghiệp Lực sinh trong 1 Nhân Địa Giới và 1 Tứ Đại Thiên Vương Địa Giới; **chỗ bất kiện toàn (Dubbala bhāva)** là điên, câm, mù, điếc là Người Thiện Thú Vô Nhân và làm cho Thức Tái Sinh là 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí, 20 Sắc Nghiệp Lực sinh trong 1 Nhân Địa Giới, 6 Thiên Địa Giới; ở phần Người Nhị Nhân là Người tái sinh với Dị Thực Quả chỉ có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân thôi. Loại Người này **Thực Hành An Chỉ Nghiệp Xứ (Paṭipattisamatha kammaṭṭhāna)** thì Thắng Trí không sinh được, và nếu như **Thực Hành Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Paṭipattivipassanā kammaṭṭhāna)** thì Đạo Quả Níp Bàn không sinh được.

Tư Tâm Sở (Cetanā) trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm cho Thức Tái Sinh là 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí, 20 Sắc Nghiệp Lực sinh trong 1 Nhân Địa Giới, 6 Thiên Địa Giới ở phần Người Tam Nhân là Người tái sinh với Dị Thục Quả có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si (Tâm Sở Trí Tuệ). Loại Người này nếu như thực hành An Chi Nghiệp Xứ và Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ rồi, làm cho Thắng Trí Thiên, Đạo, Quả, Níp Bàn được sinh khởi.

Tư Tâm Sở (Cetanā) trong 1 Tâm Thiện Sơ Thiên Sắc Giới làm cho Thức Tái Sinh là 1 Tâm Quả Sơ Thiên Sắc Giới, 15 Sắc Nghiệp Lực (trừ Ty Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính) sinh trong 3 Sơ Thiên Phạm Thiên Giới là **Phạm Chúng Phạm Thiên Giới (Hạ Đẳng Thiên – Hīnajhāna), Phạm Phụ Phạm Thiên Giới (Trung Đẳng Thiên – Majjhimajhāna), Đại Phạm Thiên Phạm Thiên Giới (Thượng Đẳng Thiên – Paṇītajhāna).**

Tư Tâm Sở (Cetanā) trong 1 Tâm Thiện Nhị Thiên Sắc Giới và 1 Tâm Thiện Tam Thiên Sắc Giới làm cho Thức Tái Sinh là 1 Tâm Quả Nhị Thiên Sắc Giới, 15 Sắc Nghiệp Lực sinh trong 3 Nhị Thiên Phạm Thiên Giới là **Thiểu Quang Phạm Thiên Giới (Hạ Đẳng Thiên – Hīnajhāna), Vô Lượng Quang Phạm Thiên Giới (Trung Đẳng Thiên – Majjhimajhāna), Biến Quang Phạm Thiên Giới (Thượng Đẳng Thiên – Paṇītajhāna).**

Tư Tâm Sở (Cetanā) trong 1 Tâm Thiện Tứ Thiên Sắc Giới làm cho Thức Tái Sinh là 1 Tâm Quả Tứ Thiên Sắc Giới, 15 Sắc Nghiệp Lực sinh trong 3 Tam Thiên Phạm Thiên Giới là **Thiểu Tịnh Phạm Thiên Giới (Hạ Đẳng Thiên – Hīnajhāna), Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên Giới (Trung Đẳng Thiên – Majjhimajhāna), Biến Tịnh Phạm Thiên Giới (Thượng Đẳng Thiên – Paṇītajhāna).**

Tư Tâm Sở (Cetanā) trong 1 Tâm Thiện Ngũ Thiên Sắc Giới làm cho Thức Tái Sinh là 1 Tâm Quả Ngũ Thiên Sắc Giới, 15 Sắc Nghiệp Lực sinh trong 6 Tứ Thiên Phạm Thiên Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) là **Quảng Quả Phạm Thiên Giới, Vô Phiền Phạm Thiên Giới, Vô Nhiệt Phạm Thiên Giới, Thiện Hiện Phạm Thiên Giới, Thiện Kiến Phạm Thiên Giới, Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới.**

Tư Tâm Sở (Cetanā) trong 1 Tâm Thiện Ngũ Thiên Sắc Giới hữu quan với việc tiến hóa **Tướng Ly Ái Tu Tập (Saññāvirāgabhāvanā)** làm cho Sắc Tái Sinh là Tổng Hợp Mạng Cữu, 12 Sắc Nghiệp Lực (trừ 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ) sinh trong 1 Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới.

Chú thích: Tái Sinh hiện hữu 2 thể loại, là:

(1) **Danh Tái Sinh (Paṭisandhināma)** đó là 2 Tâm Thảm Tấn Xả thọ, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đạo Đại.

(2) **Sắc Tái Sinh (Paṭisandhirūpa)** đó là Tổng Hợp Mạng Cữu.

Đại Thiện bất tương đồng bởi 3 thể loại Tư Tâm Sở (Cetanā), là:

1. **Thiện Hạ Hạ Phẩm (Omakamakakusala)** đó là Thiện có Tư Tâm Sở bất hảo cả 3 Thời, là trước khi cho, đang khi cho, và cho đi rồi.

2. **Thiện Hạ Thượng Phẩm (Omakukkaṭṭhakusala)** đó là Thiện có Tư Tâm Sở bất hảo trong lúc ban đầu, nhưng thiện hảo trong lúc về sau.

3. Thiện Thượng Thượng Phẩm (Ukkaṭṭhukkaṭṭhakusala) đó là Thiện có Tư Tâm Sờ thiện hảo cả 3 Thời.

Tư Tâm Sờ (Cetanā) có 3 thể loại là:

1. Tư Tiên (Pubbacetanā) đó là Tư Tâm Sờ trước khi cho.

2. Tư Hiện (Muñcacetanā) đó là Tư Tâm Sờ đang khi cho.

3. Tư Hậu (Aparāparacetanā) đó là Tư Tâm Sờ lúc về sau đã cho đi rồi.

+ **Đôi thứ 9: Sắc Hữu Kiến** là Sắc Pháp được trông thấy bằng con mắt, có 1 đó là Cảnh Sắc. **Sắc Phi Kiến** là Sắc Pháp không được trông thấy bằng con mắt, có 27 đó là 17 Sắc Pháp còn lại.

Cảnh Sắc chỉ là các màu sắc thô, được trông thấy bằng con mắt. Còn 27 Sắc Pháp còn lại nữa chẳng phải là Sắc Pháp được trông thấy bằng con mắt, và việc trông thấy Cảnh Sắc có các màu sắc ấy, là được trông thấy bằng Nhục Nhãn, là con mắt thịt, chẳng phải trông thấy bằng Tuệ Nhãn, là con mắt Trí Tuệ.

+ **Đôi thứ 10: Sắc Thủ Cảnh** là Sắc Pháp tiếp thu được Ngũ Cảnh, có 5 đó là 5 Sắc Thanh Triệt. **Sắc Bất Thủ Cảnh** là Sắc Pháp không tiếp thu được Ngũ Cảnh, có 23 đó là 23 Sắc Pháp còn lại.

Trong cả 5 Sắc Thủ Cảnh chia ra thành 2 thể loại là:

1. Sắc Thủ Cảnh Phi Xúc Giác (Asampattagahagocaraggāhakarūpa): là Sắc Pháp tiếp thu Cảnh vẫn không đụng đến, đó là Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt.

2. Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác (Samapattagahagocaraggāhakarūpa): là Sắc Pháp tiếp thu Cảnh đã đụng đến, đó là Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt.

Sắc Thủ Cảnh là Sắc Pháp tiếp thu được Cảnh như: Nhãn Thanh Triệt có khả năng tiếp thu Cảnh Sắc làm cho sinh khởi việc được trông thấy. Nhĩ Thanh Triệt có khả năng tiếp thu Cảnh Thính làm cho sinh khởi việc được lắng nghe. Tỷ Thanh Triệt có khả năng tiếp thu Cảnh Khí làm cho sinh khởi việc ngửi được mùi hơi. Thiệt Thanh Triệt có khả năng tiếp thu Cảnh Vị làm cho sinh khởi việc biết được khẩu vị. Thân Thanh Triệt có khả năng tiếp thu Cảnh Xúc làm cho sinh khởi việc biết được sự cảm xúc.

+ **Đôi thứ 11: Sắc Bất Giãn Biệt** là Sắc Pháp không thể tách rời với nhau được, có 8 đó là 4 Sắc Đại Hiện, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Sắc Vật Thực. **Sắc Khả Giãn Biệt** là Sắc Pháp tách rời với nhau được, có 20 đó là 20 Sắc Pháp còn lại.

Sắc Bất Giãn Biệt là Sắc Pháp không thể tách rời với nhau được, có 8 đó là 4 Sắc Đại Hiện, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Sắc Vật Thực, cả 8 Sắc Pháp này tập hợp nhau thành 1 khối, thành 1 nhóm, thành 1 tổng hợp, Ngài gọi là **Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpa)** ý muốn nói Sắc Pháp sẽ có kích cỡ nhỏ ngần nào cho dù sẽ không thể nào trông thấy được bằng mắt đi nữa, thế nhưng cũng phải phối hợp với 8 Sắc Pháp này, sẽ không thể nhỏ hơn được (trong khoa học, Ngài gọi là **Nguyên Tử (Paramāṇu – Cực Vi Trần)** hoặc tế bào).

Kết Thúc Phần Phân Tích Sắc Pháp

NHÓM THỨ 3

3. PHẦN XUẤT SINH XỨ SẮC PHÁP (RŪPASAMUṬṬHĀNĀNAYA) VIỆC TRÌNH BÀY XUẤT SINH XỨ CỦA SẮC PHÁP

Xuất Sinh Xứ (Samuṭṭhāna) dịch nghĩa “có 4 Pháp làm tác nhân cho Sắc Pháp sinh khởi, là (1) Nghiệp Lực, (2) Tâm, (3) Quý Tiết, (4) Vật Thực”.

Xuất Sinh Xứ của Sắc Pháp hiện hữu 4 thể loại là:

(1) Nghiệp Lực (Kamma): đó là 25 Nghiệp Lực, là **Tư Tâm Sở (Cetanā)** ở trong 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Sắc Giới, tập hợp thành 25. Hết cả thầy Nghiệp Lực có 33, thể nhưng Nghiệp Lực làm cho Sắc Pháp sinh khởi chỉ có 25 thôi (trừ 4 Thiện Nghiệp Lực Vô Sắc Giới, 4 Thiện Nghiệp Lực Siêu Thế).

(2) Tâm (Citta): đó là 75 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới, Tâm Tái Sinh của chúng hữu tình và Tâm Tử của Bậc Vô Sinh), 52 Tâm Sở trong Hữu hiện tại tính kể từ sát na Khởi Sinh của Hữu Phần thứ nhất sinh nối tiếp từ Tâm Tái Sinh.

(3) Quý Tiết (Utu): đó là **Hàn Lãnh Hỏa (Sītatejo)** sự lạnh, **Ôn Noãn Hỏa (Uṇhatejo)** sự nóng ở bên trong hữu tình, và bên ngoài hữu tình.

(4) Vật Thực (Āhāra): đó là **Bổ Phẩm (Ojā)** ở trong các vật thực.

KẾT LUẬN CẢ 4 XUẤT SINH XỨ VÀ SẮC PHÁP SINH TỪ XUẤT SINH XỨ

Có 25 Nghiệp Lực làm cho Sắc Pháp sinh khởi, có 18 Sắc Pháp sinh từ Nghiệp Lực, có 9 sinh nhất định, 9 sinh bất định.

Có 75 Tâm làm cho Sắc Pháp sinh khởi, có 15 Sắc Pháp sinh từ Tâm, 2 sinh nhất định, 13 sinh bất định.

Có 2 Quý Tiết làm cho Sắc Pháp sinh khởi, có 13 Sắc Pháp sinh từ Quý Tiết, không có sinh nhất định, chỉ có 13 sinh bất định.

Có 1 Vật Thực làm cho Sắc Pháp sinh khởi, có 12 Sắc Pháp sinh từ Vật Thực, không có sinh nhất định, chỉ có 12 sinh bất định.

PHÂN CHIA 28 SẮC PHÁP THEO CẢ 4 XUẤT SINH XỨ

1. Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ (Ekasamuṭṭhānikarūpa): là Sắc Pháp sinh được từ độc nhất Xuất Sinh Xứ có 11 đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 2 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền, tập hợp 9 Sắc Pháp này sinh từ độc nhất Nghiệp Lực Xuất Sinh Xứ; 2 Sắc Biểu Tri sinh từ độc nhất Tâm Xuất Sinh Xứ.

2. Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ (Dvisamuṭṭhānikarūpa): là Sắc Pháp sinh được từ cả 2 Xuất Sinh Xứ có 1 đó là Cảnh Thinh sinh từ Tâm hoặc Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

3. Sắc Tam Xuất Sinh Xứ (Tisamuṭṭhānikarūpa): là Sắc Pháp sinh được từ cả 3 Xuất Sinh Xứ có 3 đó là 3 Sắc Biến Thể sinh từ Tâm, Quý Tiết, Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

4. Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ (Catusamuṭṭhānikarūpa): là Sắc Pháp sinh được từ cả 4 Xuất Sinh Xứ có 9 đó là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 1 Sắc Hạn Giới sinh từ Nghiệp Lực, Tâm, Quý Tiết, Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

5. Sắc Vô Xuất Sinh Xứ (Nakutocisamuṭṭhānikarūpa): là Sắc Pháp không được sinh từ bất luận một Xuất Sinh Xứ nào có 4 đó là 4 Sắc Thực Tướng.

SỰ HIỆN HÀNH CẢ 4 SẮC PHÁP Ở TRONG SẮC THÂN

Trong sắc thân của chúng nhân loại và các bàng sinh có hình thái tướng trạng và các khí quan sai biệt hiện khởi lên được, thường nương sinh Sắc Nghiệp Lực làm nền tảng tiên khởi rồi các Sắc Pháp khác mới hỗ trợ cho hình thái tướng trạng và các khí quan hiện khởi lên được minh hiển. Nếu như không có Sắc Nghiệp Lực làm nền tảng khoản đãi rồi, sắc thân của các hữu tình ấy cũng không sai dị chi với cây cối, hoặc khúc gỗ. Sắc Pháp làm người hỗ trợ cho hình thái tướng trạng và các khí quan hiện bày được minh hiển ấy là 4 thể loại Sắc Quý Tiết và Sắc Vật Thực.

4 Thể Loại Sắc Quý Tiết là:

1. Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết (Kammapaccayaautujarūpa): Sắc Pháp sinh từ Quý Tiết có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ.

2. Sắc Tâm Duyên Quý Tiết (Cittapaccayaautujarūpa): Sắc Pháp sinh từ Quý Tiết có Tâm làm Xuất Sinh Xứ.

3. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết (Utupaccayaautujarūpa): Sắc Pháp sinh từ Quý Tiết có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

4. Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết (Āhārapaccayaautujarūpa): Sắc Pháp sinh từ Quý Tiết có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.

Sẽ thấy được rằng trong sắc thân của chúng nhân loại và các bàng sinh sẽ có Sắc Quý Tiết bao phủ khắp tất cả và khi hữu tình tử vong, Sắc Quý Tiết cũng vẫn còn hiện bày trọn vẹn. Còn Sắc Nghiệp Lực và Sắc Vật Thực chỉ có hiện bày trong khoảng thời gian hữu tình vẫn còn sinh mạng thôi, khi hữu tình ấy tử vong rồi, cả 2 Sắc Pháp này cũng diệt mất hết cả. Còn Sắc Tâm tự bản thân không hiện khởi lên được, phải nương vào Sắc Nghiệp Lực, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực, cả 3 Sắc Pháp này làm chỗ thụ lập mới sinh khởi được.

Sắc Tâm có 7 thể loại là:

1. Sắc Tâm phổ thông lập ý đến Sắc Tâm hiện hành một cách chính thường, chẳng hạn như việc hít thở vô ra. Tâm làm cho Sắc Tâm phổ thông được sinh khởi ấy là tất cả 75 Tâm.

2. Sắc Tâm hữu quan việc vui cười, đó là việc cười giòn, việc cười mỉm. Có 13 Tâm làm cho sinh khởi được việc cười giòn, là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ Thọ, 4 Đại Thiện Hỷ Thọ, 4 Đại Duy Tác Hỷ Thọ.

3. Sắc Tâm hữu quan việc khóc lóc, đó chính thị là việc khóc lóc. Có 2 Tâm làm cho sinh khởi được việc khóc lóc, là 2 Tâm căn Sân.

4. Sắc Tâm hữu quan việc chuyển đổi tiểu oai nghi, đó là việc co vào, duỗi ra, cúi xuống, ngẩng lên, ngoái nhìn bên trái, liếc nhìn bên phải, bước tới, thoái lui, nháy mắt, há miệng, nhai cắn v.v.

5. Sắc Tâm hữu quan việc nói năng, đó là việc nói năng, đọc kinh sách, ca hát.

6. Sắc Tâm hữu quan việc chuyển đổi cả 4 đại oai nghi, đó là việc đi, đứng, ngồi, nằm.

Việc chuyển đổi tiểu oai nghi } có 32 Tâm làm cho sinh khởi được là:

Tâm làm cho việc nói năng... } 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Đồng Lực Dục Giới,

Cả 4 đại oai nghi... } 2 Tâm Thắng Trí.

7. Sắc Tâm hữu quan cả 4 đại oai nghi kiên cố, đó là việc đi, đứng, ngồi, nằm được thành chính thường. Có 58 Tâm chi trì cho cả 4 đại oai nghi kiên cố, là 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Đồng Lực Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 26 Đồng Lực Kiên Cố.

Chú thích: Cả 7 thể loại Sắc Tâm này, rằng khi theo Chi Pháp rồi, chính thị đó là 15 Sắc Tâm.

PHÂN CHIA 75 TÂM THEO 7 THỂ LOẠI SẮC TÂM

75 Tâm	Tâm Sở Phối Hợp	7 Sắc Tâm
1. 4 Căn Tham Hỷ Thọ	22	có 6 thể loại (trừ khóc)
2. 4 Căn Tham Xả Thọ	21	có 5 thể loại (trừ cười, khóc)
3. 2 Tâm Căn Sân	22	có 6 thể loại (trừ cười)
4. 2 Tâm Căn Si	16	có 5 thể loại (trừ cười, khóc)
5. 10 Tâm Ngũ Song Thức	7	không có
6. 2 Tâm Tiếp Thâu 3 Tâm Thâm Tấn 1 Tâm Khai Ngũ Môn	11	có 1 thể loại là Sắc Tâm phổ thông
7. 1 Tâm Khai Ý Môn	11	có 5 thể loại (trừ cười, khóc)
8. 1 Tâm Tiểu Sinh	12	có 6 thể loại (trừ khóc)
9. 4 Đại Thiện Hỷ Thọ 4 Đại Duy Tác Hỷ Thọ	38	có 6 thể loại (trừ khóc)
10. 4 Đại Thiện Xả Thọ 4 Đại Duy Tác Xả Thọ	37	có 5 thể loại (trừ cười, khóc)
11. 8 Tâm Đại Quả	33	có 1 thể loại là Sắc Tâm phổ thông
12. 26 Đồng Lực Kiên Cố (trừ 2 Tâm Thắng Trí)	38	có 2 thể loại là 1. Sắc Tâm phổ thông 2. Sắc Tâm làm cho cả 3 đại oai nghi (việc đứng, ngồi, nằm) sinh từ 1 Ý, 29 Đồng Lực Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí kiên cố được lâu dài.

Chia 26 Đồng Lực Kiên Cố như thế này (Điều thứ 12):

5 Tâm Thiện Sắc Giới 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới 3 Tâm Quả Bậc thấp	38	có 2 thể loại là	1. Sắc Tâm phổ thông 2. Sắc Tâm làm cho cả 3 đại oai nghi (việc đứng, ngồi, nằm) sinh từ 1 Ý, 8 Đại Thiện,

		1 Tâm Thiện Thắng Trí kiên cố lâu dài.
5 Tâm Duy Tác Sắc Giới	} 35	có 2 thể loại là 1. Sắc Tâm phổ thông 2. Sắc Tâm làm cho cả 3 đại oai nghi (việc đứng, ngồi, nằm) sinh từ 1 Ý, 8 Đại Duy Tác, 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí kiên cố lâu dài.
4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới		
1 Tâm Đạo Vô Sinh	} 36	có 2 thể loại là 1. Sắc Tâm phổ thông 2. Sắc Tâm làm cho cả 3 đại oai nghi (việc đứng, ngồi, nằm) sinh từ 1 Ý, 8 Đại Duy Tác, 1 Tiểu Sinh, 1 Duy Tác Thắng Trí kiên cố lâu dài.
1 Tâm Quả Vô Sinh		
13. 5 Tâm Quả Sắc Giới	35	có 1 thể loại là Sắc Tâm phổ thông.
14. 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới	30	không có
15. 2 Tâm Thắng Trí	30	có 5 thể loại (trừ cười, khóc)

Chia 13 Đồng Lực Dục Giới Hỷ Thọ theo 3 Nhóm Người:

1 Người Khổ Thú Vô Nhân	}	4 Phàm Phu cười với 8 Tâm là: 4 Căn Tham Hỷ Thọ, 4 Đại Thiện Hỷ Thọ
1 Người Thiện Thú Vô Nhân		
1 Người Nhị Nhân		
1 Người Tam Nhân		
1 Người Thất Lai	}	3 Bạc Quả Hữu Học cười với 6 Tâm là: 2 Bất Tương Ứng Kiến Hỷ Thọ, 4 Đại Thiện Hỷ Thọ
1 Người Nhất Lai		
1 Người Bất Lai		
1 Người Vô Sinh: Bạc Vô Sinh cười với 5 Tâm là 1 Tâm Tiểu Sinh, 4 Đại Duy Tác Hỷ Thọ.		

Chú thích: Trong 18 Tâm Dục Giới câu hành Hỷ Thọ ấy, Tâm câu hành Hỷ Thọ sẽ làm cho sinh khởi được việc cười cần phải phối hợp với:

- (1) là **Tâm Dục Giới (Kāmacitta)**,
- (2) là **Hỷ Thọ (Somanassavedanā)**,
- (3) làm nhiệm vụ **Đồng Lực (Javana)**,
- (4) tiếp thu Cảnh Dục Giới.

vì thế **Đồng Lực Dục Giới Hỷ Thọ (Somanassakāmajavana)** mới chỉ có được 13 Tâm thôi, còn các Tâm còn lại không có khả năng sẽ làm cho sinh khởi được việc cười.

Tâm phối hợp 7 thể loại Sắc Tâm:

1. Có 14 Tâm không có khả năng làm cho bất luận một Sắc Tâm nào sinh khởi được, là: 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới.

2. Có 19 Tâm làm cho độc nhất Sắc Tâm phổ thông sinh khởi được, là: 2 Tâm Tiếp Thu, 3 Tâm Thâm Tấn, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Quả Sắc Giới.

3. Có 26 Tâm làm cho 2 thể loại Sắc Tâm là Sắc Tâm phổ thông và Sắc Tâm cho cả 3 đại oai nghi sinh khởi được, là: 5 Tâm Thiện Sắc Giới, 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế.

4. Có 15 Tâm làm cho 5 thể loại Sắc Tâm (trừ cười, khóc) sinh khởi được, là: 4 Căn Tham câu hành Xả Thọ, 2 Căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Thiện câu hành Xả Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác câu hành Xả Thọ, 2 Tâm Thắng Trí.

5. Có 13 Tâm làm cho 6 thể loại Sắc Tâm (trừ khóc) sinh khởi được, là: 4 Căn Tham câu hành Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh, 4 Tâm Đại Thiện câu hành Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác câu hành Hỷ Thọ.

6. Có 2 Tâm làm cho 6 thể loại Sắc Tâm (trừ cười) sinh khởi được, là: 2 Căn Sân.

NHÓM THỨ 4

4. PHẦN TỔNG HỢP SẮC PHÁP (RŪPAKALĀPANAYA)

Việc trình bày Sắc Pháp sinh khởi thành từng nhóm, trong mỗi một Tổng Hợp Sắc Pháp ấy, sẽ phải có thực tính hiện hành cùng với 3 thể loại gọi là **Đồng Hành (Sahavutti)**:

(1) Đồng Sinh (Ekuppāda): đồng sinh với nhau,

(2) Đồng Diệt (Ekanirodha): đồng diệt với nhau,

(3) Đồng Y Chỉ (Ekanissaya): có nơi y chỉ, là độc nhất Tứ Sắc Đại Hiện.

Từ ngữ **Tổng Hợp (Kalāpa)** lập ý đến nhóm, khối, quần thể.

Từ ngữ **Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpa)** lập ý đến Sắc Pháp sinh khởi thành nhóm, thành khối, thành quần thể.

Tổng Hợp Sắc Pháp hiện hữu 23 Tổng Hợp là:

1. 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực (Kammajakalāpa)

2. 8 Tổng Hợp Sắc Tâm (Cittajakalāpa)

3. 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết (Utuajakalāpa)

4. 2 Tổng Hợp Vật Thực (Āhārajakalāpa)

} gom thành
23 Tổng Hợp

Như có câu kệ bảo chứng rằng:

Kammacittotukāhāra Samuṭṭhānā yathākammaṃ

Navatṭha caturo dveti Kalāpā hi tevīsati

Tổng Hợp Sắc Pháp có Nghiệp Lực, Tâm, Quý Tiết, Vật Thực thành các thể loại Xuất Sinh Xứ này, rằng khi theo số lượng thực tại rồi có theo thuận tự như thế này: 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, 8 Tổng Hợp Sắc Tâm, 4 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết, 2 Tổng Hợp Sắc Vật Thực, tập hợp thành 23 Tổng Hợp.

ĐIỀU CHÚ Ý TRONG VIỆC TRÌNH BÀY 4 TỔNG HỢP SẮC PHÁP

Việc trình bày Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực ấy, là việc trình bày bằng cách rút lấy Sắc Pháp sinh từ Nghiệp Lực một cách nhất định lên đề cập làm chủ yếu, rồi cộng với 8 Sắc Bất Gian Biệt, 1 Sắc Mạng Quyền. Còn việc trình bày Tổng Hợp Sắc Tâm, Tổng Hợp Sắc Quý Tiết, Tổng Hợp Sắc Vật Thực ấy, là việc trình bày theo sự làm **căn nguyên (Mūla)** là Câu

Chú thích: Việc tính Sắc Pháp sinh được trong các Địa Giới ấy, tính theo Xuất Sinh Xứ cho sinh và Sắc Thực Tướng của các Xuất Sinh Xứ ấy. Còn việc tính Sắc Pháp một cách quảng nghĩa ấy, cho tính Sắc Thực Tướng có trong Sắc Thành Sở Tác của cả 2, 3, 4 Xuất Sinh Xứ, rồi cho cộng với số lượng Sắc Nghiệp Lực, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực.

VIỆC TÍNH SẮC PHÁP MỘT CÁCH QUẢNG NGHĨA

1. Trong 11 Dục Địa Giới, Sắc Pháp một cách quảng nghĩa có 230 là:

18 Sắc Nghiệp Lực là 17 Sắc Thành Sở Tác x 4 Sắc Thực Tướng tập hợp thành 68 cộng 18 mới thành 86.

15 Sắc Tâm là 9 Sắc Thành Sở Tác x 4 Sắc Thực Tướng tập hợp thành 36 cộng 15 mới thành 51.

13 Sắc Quý Tiết là 9 Sắc Thành Sở Tác x 4 Sắc Thực Tướng tập hợp thành 36 cộng 13 mới thành 49.

12 Sắc Vật Thực là 8 Sắc Thành Sở Tác x 4 Sắc Thực Tướng tập hợp thành 32 cộng 12 mới thành 44. **Tập hợp Sắc Pháp một cách quảng nghĩa thành 230.**

2. Trong 15 Sắc Địa Giới, Sắc Pháp một cách quảng nghĩa có 161 là:

13 Sắc Nghiệp Lực là 12 Sắc Thành Sở Tác x 4 Sắc Thực Tướng tập hợp thành 48 cộng 13 mới thành 61.

15 Sắc Tâm là 9 Sắc Thành Sở Tác x 4 Sắc Thực Tướng tập hợp thành 36 cộng 15 mới thành 51.

13 Sắc Quý Tiết là 9 Sắc Thành Sở Tác x 4 Sắc Thực Tướng tập hợp thành 36 cộng 13 mới thành 49. **Tập hợp Sắc Pháp một cách quảng nghĩa thành 161.**

3. Trong 1 Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới, Sắc Pháp một cách quảng nghĩa có 90 là:

10 Sắc Nghiệp Lực là 9 Sắc Thành Sở Tác x 4 Sắc Thực Tướng tập hợp thành 36 cộng 10 mới thành 46.

12 Sắc Quý Tiết là 8 Sắc Thành Sở Tác x 4 Sắc Thực Tướng tập hợp thành 32 cộng 12 mới thành 44. **Tập hợp Sắc Pháp một cách quảng nghĩa thành 90.**

2. THEO PHẦN THỜI GIAN:

Trong tuổi thọ mệnh chung của chúng hữu tình chia ra thành 3 thời gian là:

1. Thời Tái Sinh (Paṭisandhikāla).

2. Thời Chuyển Khởi (Pavattikāla).

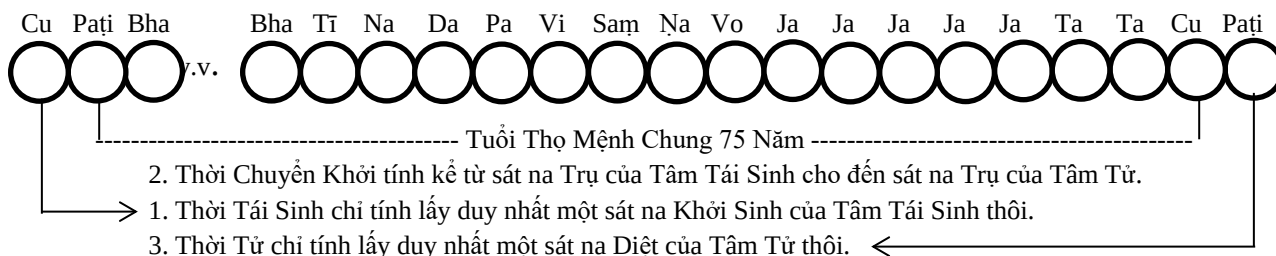
3. Thời Tử (Cutikāla).

KỆ TRÌNH BÀY SẮC PHÁP KHÔNG ĐƯỢC SINH TRONG THỜI TÁI SINH NHƯNG SINH ĐƯỢC TRONG THỜI CHUYỂN KHỞI

Saddo vikāro jaratā Maraṇaṇcopapattiyam
Na labbhanti pavatta Na kiñcipi na labbhati

1 Sắc Thịnh, 5 Sắc Biến Thể, 1 Sắc Lão Mại, 1 Sắc Vô Thường tập hợp cả 8 Sắc Pháp này sinh không được trong Thời Tái Sinh là sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh, còn trong Thời Chuyển Khởi ấy, không có bất luận một Sắc Pháp nào sẽ không sinh được, thường sinh được hết tất cả.

BẢN ĐỒ TÂM LỘ TRÌNH PHỐI HỢP CẢ 3 THỜI TRONG MỖI MỘT HỮU



3. THEO PHẦN SẢN ĐỊA:

Sản Địa có 3 hoặc 4 là:

3 Sản Địa là:

(1) **Thấp Sinh Sản Địa** lập ý đến sinh trong các chỗ có mũ nhựa dính.

(2) **Hóa Sinh Sản Địa** lập ý đến phát sinh to lớn cấp thời, y như thể là rớt từ ở trên cao xuống.

(3) **Thai Sinh Sản Địa** lập ý đến sinh trong thai bào người Mẹ.

4 Sản Địa là:

(1) **Thấp Sinh Sản Địa** sản sinh không cần phải có người Mẹ Cha, nương sinh từ cây cối v.v.

(2) **Hóa Sinh Sản Địa** sản sinh không cần phải có người Mẹ Cha, chỉ nương sinh duy nhất Nghiệp Lực quá khứ thôi.

(3) **Noãn Sinh Sản Địa** phải nương sinh từ bầu thai người Mẹ, khi tái sinh lần đầu tiên phải ở trong quả trứng trước.

(4) **Bao Y Sinh Sản Địa** phải nương sinh từ bầu thai người Mẹ, thế nhưng không cần phải có bao bọc quả trứng.

HỮU TÌNH THUỘC DUY NHẤT HÓA SINH SẢN ĐỊA CÓ 24 NHÓM:

1 Hữu Tình Địa Ngục, 1 Ái Dục Thiêu Đốt Nga Quỷ (Nga Quỷ bị thiêu đốt trong Địa Ngục), Chư Thiên ở trong 1 Tứ Đại Thiên Vương (trừ Địa Cư Thiên), Chư Thiên ở trong 5 Thiên Giới tầng trên, 16 Sắc Phạm Thiên Giới.

HỮU TÌNH SINH ĐƯỢC 4 SẢN ĐỊA:

1 Nhân Loại, 1 Địa Cư Thiên, 1 Hữu Tình Bàng Sinh, 1 Thân Atula, 1 Nga Quỷ (trừ Ái Dục Thiêu Đốt Nga Quỷ).

CÁC CHƯ THIÊN Ở TRONG TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG THIÊN GIỚI CÓ 3 NHÓM:

1. Địa Cư Thiên (Bhummaṭṭhadevatā): Chư Thiên nương trú trên mặt quả địa cầu, núi đồi, bảo tháp v.v.

2. Mộc Cư Thiên (Rukkhaṭṭhadevatā): Chư Thiên nương trú trên cây cối.

3. Không Cư Thiên (Ākāsaṭṭhadevatā): Chư Thiên nương trú trong hư không (từ ngữ **Aṭṭha** trong chỗ này dịch nghĩa “nương nhờ”).

TRÌNH BÀY CÂU KỆ ĐỀ CẬP ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN SẮC PHÁP KỂ TỪ TÁI SINH CHO ĐẾN KHI CÓ KHÍ QUAN TỀ TOÀN

**Paṭhamam kalalam hoti Kalalā hoti abbudam
Abbudā jāyate pesi Pesi nibbattate ghano
Ghanā pasājā jāyanti Kesā lomā najāpi ca**

1. Trong tuần lễ đầu tiên của việc Tái Sinh, **Sắc Chung Tử (Kalalarūpa)** sinh, là giọt nước trong suốt giống như nước dầu mè.

2. Trong tuần lễ thứ 2, dĩ hậu **Sắc Chung Tử, Sắc Phôi Điem (Abbudarūpa)** sinh, có trạng thái tương tự như trứng trứng đỏ, có sắc tựa như nước rửa thịt.

3. Trong tuần lễ thứ 3, dĩ hậu **Sắc Phôi Điem, Sắc Phôi Thai (Pesirūpa)** sinh, có trạng thái như miếng thịt mềm nhão, có sắc màu đỏ.

4. Trong tuần lễ thứ 4, dĩ hậu **Sắc Phôi Thai, Sắc Thai Khối (Ghanarūpa)** sinh, có trạng thái thành một khối, có hình dáng giống quả trứng gà.

5. Trong tuần lễ thứ 5, dĩ hậu **Sắc Thai Khối, Ngũ Chi (Pañcasākhā)** sinh, là Sắc Pháp phát triển ra thành năm chi (**Tato param**). Tiếp nối từ nơi ấy là khoảng giữa tuần lễ thứ 12 đến tuần lễ thứ 42, các thể loại là tóc, lông, móng v.v. cũng hiện bày.

TRÌNH BÀY VIỆC SINH KHỞI LẦN ĐẦU TIÊN VÀ LẦN CUỐI CÙNG CỦA SẮC NGHIỆP LỰC, SẮC TÂM, SẮC QUÝ TIẾT, SẮC VẬT THỰC

1. Sắc Nghiệp Lực sinh khởi lần đầu tiên ở sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh, sinh lần cuối cùng ở sát na Khởi Sinh của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

2. Sắc Tâm sinh khởi lần đầu tiên ở sát na Khởi Sinh của Hữu Phần thứ 1 (hoặc Tâm thứ 2 là Tâm thứ 2 trong Hữu Phần mới). Phàm Phu và Bạc Hữu Học sinh lần cuối cùng ở sát na Khởi Sinh của Tâm Tử. Đối với Bạc Vô Sinh sinh lần cuối cùng ở sát na Khởi Sinh của Tâm thứ 2 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

3. Sắc Quý Tiết sinh khởi lần đầu tiên ở sát na Trụ của Tâm Tái Sinh và sinh khởi tiếp tục ngay cả hữu tình ấy tử vong thành tử thi, thành xương cốt, tro bụi, hoặc đất đi nữa; sinh mãi cho đến khi thế gian bị hoại diệt.

4. Sắc Vật Thực sinh khởi kể từ Bồ Phâm thâm nhập khắp tất cả (trong tuần lễ thứ 2 – 3) và sinh khởi lần cuối cùng ở sát na Diệt của Tâm Tử (chỉ đối với Hữu Tình sinh theo Thai Sinh Sản Địa thôi). Đối với Thấp Sinh Sản Địa và Hóa Sinh Sản Địa (trừ Phạm Thiên Giới) sinh khởi lần đầu tiên ở Lộ Trình Ý Môn sinh khởi dĩ hậu Tâm Tái Sinh và Tâm Hữu Phần và thường sinh khởi nối tiếp mỗi một sát na của Tâm.

-----00000-----

NÍP BÀN SIÊU LÝ (NIBBĀNAPARAMATTHA) PHÂN LOẠI NÍP BÀN



Níp Bàn rằng khi theo trạng thái thực tính hiện hữu duy nhất là Trạng Thái Tịnh Lạc (**Santilakkhaṇa**), lập ý đến tỉnh trạng hết các Phiền Não và Ngũ Uẩn.

NÍP BÀN CÓ 2

Níp Bàn rằng khi **Phân Định Tác Nhân (Kāraṇapariyāyena)** có 2 thể loại, là:

1. Hữu Dư Y Níp Bàn (Saupādisesanibbāna)

2. Vô Dư Y Níp Bàn (Anupādisesanibbāna)

1. Hữu Dư Y Níp Bàn ý muốn nói là Níp Bàn hiện hành với 5 Uẩn, là Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực vẫn còn dư sót của các phiền não, đó là Níp Bàn của Bạc Vô Sinh vẫn còn sinh mệnh.

2. Vô Dư Y Níp Bàn ý muốn nói là Níp Bàn không có 5 Uẩn là Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp Lực còn lại, đó là Níp Bàn của Bạc Vô Sinh đã Viên Tịch Níp Bàn rồi.

NÍP BÀN CÓ 3

1. Không Hư Níp Bàn (Suññatanibbāna)

2. Vô Tướng Níp Bàn (Animittanibbāna)

3. Vô Nguyên Níp Bàn (Appaṇihitanibbāna)

1. Không Hư Níp Bàn ý muốn nói là trạng huống sinh hoạt của Níp Bàn ấy tiêu thất toàn bộ phiền não và 5 Uẩn, không có chi còn dư sót.

2. Vô Tướng Níp Bàn ý muốn nói là trạng huống sinh hoạt của Níp Bàn ấy không có bất luận tiêu chí, tiêu ký, hình thù tướng trạng, sắc màu nào cả.

3. Vô Nguyên Níp Bàn ý muốn nói là trạng huống sinh hoạt của Níp Bàn ấy không có Cảnh đáng sở cầu với Tham, và không có Ái Dục hình thành nhu yếu ở trong Níp Bàn ấy.

GIẢI THÍCH QUẢNG NGHĨA NÍP BÀN SIÊU LÝ

Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhāna) có 2 là:

1. An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhāna)

2. Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna).

Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhāna) dịch nghĩa “trú xứ của việc thực hành, việc hành động, công việc”.

I. AN CHỈ NGHIỆP XỨ (SAMATHAKAMMAṬṬHĀNA) dịch nghĩa “trú xứ của việc thực hành an chỉ”.

An Chỉ (Samatha) hiện hữu 2 thể loại là:

1. Hy Thiểu An Chỉ (Parittasamatha): là việc tiến tu An Chỉ Nghiệp Xứ của hạng Người vẫn chưa thâm nhập đạt đến **Thiền Định Kiên Cố (Appanājhāna)**.

2. Đáo Đại An Chỉ (Mahaggatasamatha): là việc tiến tu An Chỉ Nghiệp Xứ của hạng Người thâm nhập chứng đạt đến **Thiền Định Kiên Cố (Appanājhāna)** là đã chứng đạt đến **Thiền Định Đáo Đại (Mahaggatajhāna)** rồi.

An Chỉ (Samatha) ý muốn nói đến sự an chỉ, sự an tịnh, sự an định; hiện hữu 3 Phần:

Phần thứ 1: Đối với Phàm Tam Nhân có **Chú Giải (Vacanattha)** rằng: **Kilese sametīti = Samatho** dịch nghĩa “Pháp nào làm cho phiền não có **Tham Dục Triền Cái (Kāmachandanivarāṇa)** v.v. được an tịnh xuống, vì thế Pháp ấy gọi tên là **An Chỉ (Samatha)**”. Chi Pháp đó là **Định (Samādhi)** là **Tâm Sở Nhất Thống (Ekaggatācetasika)** trong 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Thiện Sơ Thiên Sắc Giới.

Phần thứ 2: Đối với Bạc Vô Sinh trở lại tiến tu An Chỉ Nghiệp Xứ lần nữa, có **Chú Giải (Vacanattha)** rằng: **Cittam sametīti = Samatho** dịch nghĩa “Pháp nào làm cho Tâm bất an tịnh do bởi việc tiếp thụ rất nhiều thể loại Cảnh được an tịnh xuống, nghiêm trú trong một Cảnh duy nhất, vì thế Pháp ấy gọi tên là **An Chỉ (Samatha)**”. Chi Pháp đó là **Định (Samādhi)** là **Tâm Sở Nhất Thống (Ekaggatācetasika)** trong 8 Tâm Đại Duy Tác, 1 Tâm Duy Tác Sơ Thiên Sắc Giới.

Phần thứ 3: Đối với Sơ Thiên Hạnh Vận Giả (Paṭhamajhānalābhīpuggala) và tất cả Bạc Thánh Nhân đã chứng đắc Thiền Định, có **Chú Giải (Vacanattha)** rằng: **Vitakkādi oḷhārikadhamme sametīti = Samatho** dịch nghĩa “Pháp nào làm cho thể loại Chi Thiên thô thiên có **Tâm (Vitakka)** v.v. được an tịnh xuống, là không cho sinh khởi, vì thế Pháp ấy gọi

Tóm lại 30 Cảnh Nghiệp Xứ theo Thiền Định Kiên Cố như thế này:

Tâm Sơ Thiền (Paṭhamajhānacitta) có 25 Cảnh Chế Định là 10 Hoàn Tĩnh, 10 Bất Tĩnh, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Tức, 1 Sở Ái Hoan Hỷ Hữu Tình Chế Định (Piyamaṇā pasattapaññatti), Khổ Đau Hữu Tình Chế Định (Dukkhasattapaññatti), An Lạc Hữu Tình Chế Định (Sukhasattapaññatti).

Tâm Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền có 14 Cảnh Chế Định là 10 Hoàn Tĩnh, 1 Sở Tức, 3 Hữu Tình Chế Định.

Tâm Ngũ Thiền có 12 Cảnh Chế Định là 10 Hoàn Tĩnh, 1 Sở Tức, 1 Trung Bình Hữu Tình Chế Định (Majjhassattapaññatti).

QUẢ PHƯỚC CỦA VIỆC TIẾN TU AN CHỈ NGHIỆP XỨ

1. Làm cho sinh khởi được Thiền Định.
2. Thực hiện được Thắng Trí.
3. Làm nền tảng cho Nhập Thiền Diệt được.
4. Với mãnh lực của Thiền Định khi tử vong cho phát sinh trong Sắc Địa Giới, Vô Sắc Địa Giới.

II. MINH SÁT TUỆ NGHIỆP XỨ (VIPASSANĀKAMMATTHĀNA) dịch nghĩa “trú xứ của việc tu tập Minh Sát Tuệ”. Từ ngữ **Minh Sát Tuệ (Vipassanā)** dịch nghĩa “Trí Tuệ kiến giải minh hiển một cách đặc biệt (Sắc, Danh)”.

Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ hiện hữu 6 nhóm là:

- (1) 7 Thanh Tịnh (Visuddhi),
- (2) 3 Thực Tướng (Lakkhaṇa),
- (3) Tùy Quán (Anupassanā),
- (4) 10 Minh Sát Trí (Vipassanāñāṇa),
- (5) 3 Giải Thoát (Vimokkha),
- (6) 3 Tiền Diện Giải Thoát (Vimokkhamukha).

Từ ngữ **Thanh Tịnh (Visuddhi)** dịch nghĩa “sự thanh tịnh tách khỏi phiền não một cách đặc biệt, với **Giới (Sīla), Định (Samādhi), Tuệ (Paññā)**”.

(1) 7 THANH TỊNH (VISUDDHI):

1. **Giới Thanh Tịnh (Sīlavisuddhi):** sự thanh tịnh của Giới đức.
2. **Tâm Thanh Tịnh (Cittavisuddhi):** sự thanh tịnh của Tâm thức.
3. **Kiến Thanh Tịnh (Ditṭhivisuddhi):** sự thanh tịnh của Trí Kiến.
4. **Đoạn Nghi Thanh Tịnh (Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi):** sự thanh tịnh của Trí Tuệ vượt thoát khỏi sự hoài nghi.

5. **Đạo Phi Đạo Trí Kiến Thanh Tịnh (Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi):** sự thanh tịnh trong việc kiến giải minh hiển của Trí Tuệ rằng là **Chánh Đạo (Maggapaṭipadā)** và **Phi Đạo** (chẳng phải Chánh Đạo).

6. Đạo Tri Kiến Thanh Tịnh (Paṭipadāññadassanavisuddhi): sự thanh tịnh trong việc kiến giải minh hiển của Trí Tuệ là dụng phẩm tiến hành đáo đạt duy nhất phần Chánh Đạo.

7. Tri Kiến Thanh Tịnh (Ñāṇadassanavisuddhi): sự thanh tịnh trong việc kiến giải minh hiển của Trí Tuệ (4 Tâm Đạo).

(2) 3 THỰC TƯỚNG (LAKKHAṆA):

1. Vô Thường Thực Tướng (Aniccalakkhaṇa): thực tướng không thường tồn.

2. Khổ Đau Thực Tướng (Dukkhalakkhaṇa): thực tướng khổ đau.

3. Vô Ngã Thực Tướng (Anattalakkhaṇa): thực tướng vô ngã.

(3) 3 TÙY QUÁN (ANUPASSANĀ):

1. Vô Thường Tùy Quán (Aniccanupassanā): tư khảo kiến giải theo trạng thái không thường tồn.

2. Khổ Đau Tùy Quán (Dukkhanupassanā): tư khảo kiến giải theo trạng thái khổ đau.

3. Vô Ngã Tùy Quán (Anattānupassanā): tư khảo kiến giải theo trạng thái vô ngã.

(4) 10 MINH SÁT TRÍ (VIPASSANĀÑĀṆA):

4.1. Quán Trạch Trí (Sammasanāñña - Phổ Thông Trí): Trí Tuệ quy định tri đặc Sắc Pháp – Danh Pháp thể theo Tam Thực Tướng.

4.2. Sinh Diệt Trí (Udayabbayañña): Trí Tuệ quy định tri đặc sự sinh diệt của Sắc Pháp – Danh Pháp.

4.3. Hoại Diệt Trí (Bhaṅgañña): Trí Tuệ quy định tri đặc sự hoại diệt của Sắc Pháp – Danh Pháp.

4.4. Kinh Cự Trí (Bhayañña – Bối Úy Trí): Trí Tuệ quy định tri đặc Sắc Pháp – Danh Pháp là tai họa đáng sợ hãi.

4.5. Khốn Khổ Trí (Ādīnavañña – Quá Hoạn Trí): Trí Tuệ quy định tri đặc tội nghiệt của Sắc Pháp – Danh Pháp.

4.6. Yếm Ó Trí (Nibbidāñña- Yếm Phiền Trí): Trí Tuệ quy định tri đặc yếm phiền trong Sắc Pháp – Danh Pháp.

4.7. Dục Thoát Trí (Muñcitukamayatañña): Trí Tuệ khởi sinh sự truy cầu dục niệm sẽ bài thoát Sắc Pháp – Danh Pháp.

4.8. Giãn Trạch Trí (Paṭisaṅkhāñña – Quyết Ly Trí): Trí Tuệ tư khảo Sắc Pháp – Danh Pháp một lần nữa thể theo Tam Tướng.

4.9. Hành Xả Trí (Saṅkhārupekkhāñña): Trí Tuệ an phóng tĩnh mặc trong Sắc Pháp – Danh Pháp.

4.10. Thuận Tùng Trí (Anulomañña): Trí Tuệ kiến giải nhất trí với Minh Sát Trí phía trên.

Có 10 Minh Sát Tùy Phiền Não (Vipassanūpakilesa) sinh nối tiếp từ Sinh Diệt Trí, là:

1. Ánh Sáng (Obhāsa) đó là Minh Sát Quang Minh (Vipassanobhāsa).

2. **Trí (Ñāṇa)** đó là **Minh Sát Trí (Vipassanāñāṇa)** là Trí Tuệ sinh khởi vì Minh Sát.

3. **Hỷ (Pīti)** đó là sự mãn túc sinh khởi từ việc tiến tu Minh Sát Tuệ.

Hỷ có 5 thể loại là:

3.1. **Tiểu Dẫn Hỷ (Khuddakāpīti):** Tâm hân hoan duyệt ý hy thiêu vừa đủ cảm giác sờ gai ốc.

3.2. **Sát Na Hỷ (Khaṇikāpīti):** tâm hân hoan duyệt ý thường luôn sinh khởi chỉ khoảng sát na.

3.3. **Hải Triều Hỷ (Okkantikāpīti):** tâm hân hoan duyệt ý cho đến sắc thân lúc lắc trầm bổng.

3.4. **Khinh Thân Hỷ (Ubbengāpīti):** tâm hân hoan duyệt ý cho đến sắc thân lơ lửng.

3.5. **Sung Mãn Hỷ (Pharaṇāpīti):** tâm hân hoan duyệt ý cho đến tâm khoáng thản đi sấm nhập khắp cả thân và tâm (Sung Mãn Hỷ này là Hỷ chân thật trong Thiền Định).

4. **Khinh An (Passaddhi)** đó là sự an tịnh khắp cả sắc thân và tâm thức.

5. **An Lạc (Sukha)** đó là sự an lạc tế trí thâm thúy.

6. **Thắng Giải (Adhimokkha)** đó là sự tín phụng có năng lực cường liệt.

7. **Kiên Nghị (Paggāha)** đó là sự kiên nghị một cách cường liệt.

8. **Phụng Thi (Uppatṭhāna)** đó là Niệm cực kỳ năng cán, mẫn tiệp.

9. **Hành Xả (Upekkhā)** đó là sự an phóng tĩnh mặc trong Hành và Cảnh.

10. **Thiết Vọng (Nikanti)** đó là **Minh Sát Tuệ Thiết Vọng (Vipassanānikanti)** là sự hỷ duyệt, mãn ý trong cả 9 Ân Đức trác tuyệt.

(5) 3 GIẢI THOÁT (VIMOKKHA):

5.1. **Không Hư Níp Bàn (Suññatanibbāna)** là bài thoát bởi sự hình thành tiêu thất, là **Thánh Đạo (Ariyamagga)** đã tiếp thu với sự quy định kiến giải minh hiển trong **Vô Ngã (Anattā)** (Bậc có **Tuệ Quyền (Paññindriya)** cường liệt).

5.2. **Vô Tướng Níp Bàn (Animittanibbāna)** là bài thoát bởi không có trung triệu tiêu chí, là **Thánh Đạo (Ariyamagga)** đã tiếp thu với sự quy định kiến giải minh hiển trong **Vô Thường (Aniccaṃ)** (Bậc có **Tín Quyền (Saddhindriya)** cường liệt).

5.3. **Vô Nguyện Níp Bàn (Appaṇihitanibbāna)** là bài thoát bởi bất thành vi chuẩn tắc của **Khát Ái (Taṇhāpaṇidhi)**, là **Thánh Đạo (Ariyamagga)** đã tiếp thu với sự quy định kiến giải minh hiển trong **Khổ Đau (Dukkhaṃ)** (Bậc có **Định Quyền (Samādhindriya)** cường liệt).

(6) 3 TIỀN DIỆN GIẢI THOÁT (VIMOKKHAMUKHA):

6.1. **Không Hư Tùy Quán (Suññatānupassanā)** là việc bài thoát với việc tư khảo kiến giải rằng là tiêu thất, **Hiện Khởi Tiếp Dẫn Minh Sát Tuệ (Vutṭhānagāminīvipassanā)** căn cứ dựa vào **Vô Ngã Thực Tướng (Anattalakkhaṇa)**.

6.2. **Vô Tướng Tùy Quán (Animittānupassanā)** là việc bài thoát với việc tư khảo kiến giải rằng là không có trung triệu tiêu chí, **Hiện Khởi Tiếp Dẫn Minh Sát Tuệ (Vutṭhānagāminīvipassanā)** căn cứ dựa vào **Vô Thường Thực Tướng (Aniccalakkhaṇa)**.

6.3. **Vô Nguyện Tùy Quán (Appaṇihitānupassanā)** là việc bài thoát với việc tư khảo kiến giải rằng là bất thành vi chuẩn tắc của **Khát Ái**, **Hiện Khởi Tiếp Dẫn Minh Sát Tuệ (Vutṭhānagāminīvipassanā)** căn cứ dựa vào **Khổ Đau Thực Tướng (Dukkhalakkhaṇa)**.

Chú thích: Giải Thoát (Vimokkha) hình thành Níp Bàn Siêu Lý trong 4 Pháp Siêu Lý. **Tiền Diện Giải Thoát (Vimokkhamukha)** là đạo lộ sẽ tiến hành để cho đạt Níp Bàn, chẳng phải bản thân Níp Bàn Siêu Lý.

TRÌNH BÀY VIỆC TỔNG HỢP 7 THANH TỊNH VÀO TRONG 16 TRÍ TUỆ:

I. GIỚI THANH TỊNH (SĪLAVISUDDHI) đó là 4 Thanh Tịnh Giới, là:

1. Biệt Biệt Giải Thoát Cảnh Giới (Pātimokkhasaṃvarasīla) đó là 5, 8, 10, 227 Thanh Tịnh Giới có được bởi **Thuần Tịnh Thuyết Giáo (Desanāsuddhi)**.

2. Căn Phòng Luật Nghi (Indriyasamvarasīla) đó là Thanh Tịnh Giới phòng hộ 6 Căn có được bởi **Thuần Tịnh Cảnh Giới (Saṃvarasuddhi)**.

3. Sinh Kế Thanh Tịnh Giới (Ājīvapārisuddhisīla) đó là Thanh Tịnh Giới cho việc sinh kế thanh tịnh có được bởi **Bát Thuần Tịnh (Aṭṭhasuddhi)**.

4. Khảo Sát Tất Nhu Vật Giới (Paccayanissitasīla) đó là Thanh Tịnh Giới y cứ việc tư khảo 4 Vật Dụng có được bởi **Thuần Tịnh Khảo Sát (Paccavekkhaṇasuddhi)**.

II. TÂM THANH TỊNH (CITTAVISUDDHI) đó là 2 Định (Samādhi) là Cận Hành Định (Upacarāsamādhi), Kiên Cố Định (Appanāsamādhi).

III. KIẾN THANH TỊNH (DITṬHIVISUDDHI) đó là Danh Sắc Phân Biệt Trí (Nāmarūpaparicchedañāṇa).

IV. ĐOẠN NGHI THANH TỊNH (KAṆKHĀVITARAṆAVISUDDHI) đó là Duyên Sinh Thủ Chấp Trí (Paccayapariggahañāṇa).

V. ĐẠO PHI ĐẠO TRI KIẾN THANH TỊNH (MAGGĀMAGGAÑÑADASSANAVISUDDHI) đó là Quán Trạch Trí (Sammāsanañāṇa - Phổ Thông Trí) và Sinh Diệt Trí (Udayabbayañāṇa) tiên khởi (Niên Khinh Sinh Diệt Trí - Taruṇaudayabbayañāṇa).

VI. ĐẠO TRI KIẾN THANH TỊNH (PAṬIPADĀÑÑADASSANAVISUDDHI) đó là cả 9 Minh Sát Trí (Vipassanāñāṇa) là Sinh Diệt Trí dĩ hậu (Lực Khí Sinh Diệt Trí - Balaudayabbayañāṇa) cho đến Thuận Tòng Trí (Anulomañāṇa) (Trí Tuệ thứ 4 đến Trí Tuệ thứ 12).

VII. TRI KIẾN THANH TỊNH (ÑĀṆADASSANAVISUDDHI) đó là cả 4 Tuệ Đạo (Maggāñāṇa) là Thất Lai Đạo, Nhất Lai Đạo, Bất Lai Đạo, Vô Sinh Đạo.

MINH SÁT TUỆ PHẢI PHỐI HỢP VỚI:

1. Cảnh của Minh Sát Tuệ là 6 Cảnh Minh Sát Tuệ Địa Giới (Ārammaṇavipassanā bhūmi) có 5 Uẩn v.v. (Sắc Pháp – Danh Pháp).

2. Công việc của Minh Sát Tuệ là **Tâm Sở Niệm (Saticetasika)** y chiếu hoài niệm trong Cảnh Sắc Danh.

3. Tự thân của Minh Sát Tuệ là **Tâm Sở Trí Tuệ (Paññācetasika)** y chiếu lý giải thấu triệt trong Cảnh Sắc Danh.

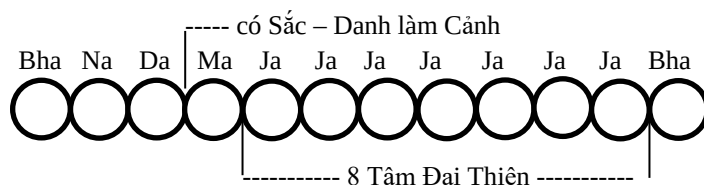
TUỆ CHUYỂN TỘC (GOTRABHŪÑĀṆA) [LÀ TUỆ THỨ 13 TRONG 16 TUỆ]

HIỆN HỮU 2 THỂ LOẠI:

1. Đáo Đại Chuyển Tộc (Mahaggatagotrabhū) sản trừ tuyệt **Chuyển Tộc Dục Giới (Gotrabhūkāma)** khởi lên **Chuyển Tộc Đáo Đại (Gotrabhūmahaggata)** (trong Lộ Trình Thiền Định).

2. Siêu Thế Chuyển Tộc (Lokuttaragotrabhū) sản trừ tuyệt **Chuyển Tộc Phàm Phu (Gotrabhūputhujjana)** khởi lên **Chuyển Tộc Thánh Nhân (Gotrabhūariya)** (trong Lộ Trình Đắc Đạo).

LỘ TRÌNH Ý MÔN QUY ĐỊNH SẮC – DANH TRONG PHẦN TIỀN KHỞI (Đếm không xuể)

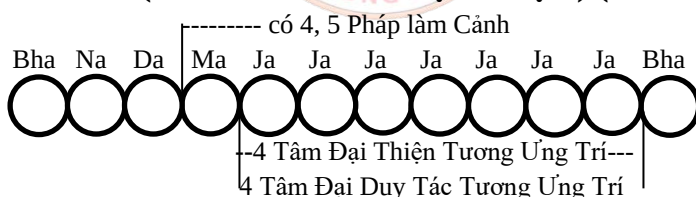


LỘ TRÌNH ĐẮC ĐẠO (MAGGAVITHĪ)

(Tuệ Đạo, Tuệ Quả là Trí Tuệ thứ 14 và 15 trong 16 Trí Tuệ)



TUỆ KHẢO SÁT (PACCAVEKKHAṆĀÑĀṆA) (Là Trí Tuệ thứ 16)



Khảo Sát (Paccavekkhaṇa) được trích từ ngữ **Paṭi + Ikkhaṇa**

Paṭi dịch nghĩa “một lần nữa”. **Ikkhaṇa** dịch nghĩa “tư khảo, khảo lự”.

Từ ngữ **Khảo Sát (Paccavekkhaṇa)** dịch nghĩa “tư khảo một lần nữa” là dĩ hậu Lộ Trình Thiền Định và Lộ Trình Đắc Đạo đã diệt rồi.

Tóm tắt lại: Chỉ có tiến tu Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ thôi sẽ cho thấm nhập đến Níp Bàn được. Việc tiến tu An Chỉ Nghiệp Xứ không làm cho được thấm nhập đến Níp Bàn.

THIỆN CÔNG QUẢ VIỆC TIẾN TU MINH SÁT TUỆ NGHIỆP XỨ

(ĀNISAMSAVIPASSANĀKAMMATTHĀNA)

(Trích từ Giáo Khoa Thư Minh Sát Tuệ Hành Giả (Vipassanāyānikayogī)

soạn tác bởi Saddhammajotika Dhammācariya)

Trong sát na tiền tu Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ, Tâm Bất Thiện loại ty liệt như việc sát tử hữu tình, thù đạo v.v. không cần phải nói rằng sẽ sinh khởi lên được; thậm chí Tâm Thiện loại tế trí như sự mãn ý, sự bất mãn ý, sự ngộ giải, sự tâm thần bất định, các sự tư khảo, đó là **Tham (Lobha), Sân (Dosa), Si (Moha)** các thể loại này cũng sinh khởi một cách cực tiểu, hoặc nếu như đã sinh khởi rồi cũng không có thể sẽ tồn tại được lâu dài. Tất cả đây cũng bởi vì trong sát na đang tiền tu Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ thường có **Niệm Tĩnh Giác (Satisampañña)** là thường luôn có việc hạn định liễu đắc, nhất thiết hành giả thực hành trong sát na ấy sẽ là Lộ Thân, Lộ Ngữ, Lộ Ý đi nữa, thường phải có **Niệm (Sati)** liễu đắc ở mọi sát na. Việc có Niệm liễu đắc ở mọi sát na, chính thị sát na này mới có khả năng sẽ không cho các phiền não, có Tham, Sân, Si v.v. ấy sinh khởi được dễ dàng, vì theo lẽ chính thường các phiền não người ta thường luôn sinh khởi trong sát na trông thấy, sát na được lắng nghe, sát na được ngửi, sát na được biết khẩu vị, sát na xúc chạm và sát na tư khảo; tỷ như sát na trông thấy nếu có sự mãn ý, dục cầu được sinh khởi, thể loại này cũng là **Tham phiền não (Lobhakilesa)**, nếu như bất mãn ý, tâm tình phiền muộn, thương tâm, sợ hãi sinh khởi, thể loại này cũng sắp là **Sân phiền não (Dosakilesa)**, nếu như có sự hoài nghi, hoặc sự ngộ giải sinh khởi, thể loại này cũng sắp là **Si phiền não (Mohakilesa)**. Còn phiền não ngoài ra đây cũng thường sinh khởi hiện hành vừa theo thích hợp. Sự việc như thế này chính thị cũng bởi vì khuyết pháp Niệm Tĩnh Giác, thế nhưng đối với hành giả ấy có Niệm Tĩnh Giác là thường luôn có việc hạn định liễu đắc, thế rồi trong việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. các thể loại ấy Tâm Thiện đó là **Vô Tham (Alobha), Vô Sân (Adosa), Vô Si (Amoha)** có Niệm làm chủ vị thường luôn có được cơ hội sinh khởi, vì thế Tâm Bất Thiện có các phiền não mới không có cơ hội sinh khởi, hoặc nếu như cũng sẽ có sinh khởi thì cũng không có khả năng tồn tại được lâu dài như đã nói rồi.

Nếu như hành giả luôn mãi có sự cần miến thực hành, **Phân Biệt Danh Sắc Trí (Nāmarūpaparicchedañña)** ở phần **Tu Sở Thành Tuệ (Bhāvanāmayapañña)** thường sinh khởi, và nếu như tiếp tục cần miến thực hành nữa, **Duyên Sinh Thủ Chấp Trí (Paccaya pariggahañña)** cũng sinh khởi. Khi hành giả đạt đến Duyên Sinh Thủ Chấp Trí này rồi, đáo đạt danh xưng **Bậc Tiểu Thất Lai (Cūlasotāpannapuggala)**. Nếu như tiếp tục cần miến thực hành, **Minh Sát Trí (Vipassanāñña)** cũng thường sinh khởi một cách thuận tự, là **Quán Trạch Trí (Sammasanāñña - Phổ Thông Trí), Sinh Diệt Trí (Udayabbayañña), Hoại Diệt Trí (Bhaṅgañña), Kinh Cự Trí / Bối Úy Trí (Bhayañña), Khốn Khổ Trí / Quá Hoạn Trí (Ādinavañña), Yếm Ố Trí / Yếm Phiền Trí (Nibbidāñña), Dục Thoát Trí (Muñcitukamyatāñña), Giải Trạch Trí / Quyết Ly Trí (Paṭisaṅkhāñña), Hành Xả Trí (Saṅkhārupekkhāñña)**. Khi hành giả có được Trí Tuệ tính kể từ Phổ Thông Trí trở đi cho đến Hành Xả Trí này, đáo đạt danh xưng **Bậc Trung Thất Lai (Majjhimasotāpanna puggala)**. Nếu cần miến tiếp tục, Trí Tuệ ở trong **Lộ Trình Đắc Đạo (Maggavithi)** là **Thuận Tòng Trí (Anulomañña), Chuyển Tộc Trí (Gotrabhūñña)** và **Thất Lai Đạo Trí (Sotāpattimaggañña), Thất Lai Quả Trí (Sotāpattiphalañña)** cũng sinh khởi với hành giả ấy và coi như là vị hành giả ấy đã đáo đạt thành **Bậc Thất Lai (Sotāpannapuggala)** một

cách tề toàn, đạt đạt danh xưng là **Bậc Thánh Nhân (Ariyapuggala)** đầu tiên trong Phật Giáo. Sự kiện thiện công quả trọng đại phát sinh từ việc cần miến thực hành Minh Sát Tuệ chính thị đã được trình bày ở phần Nghiệp Xứ ban đầu rồi.

Người nào đã cần miến thực hành tu dưỡng trong Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ cho đến khi đạt kết quả đến Đạo Quả rồi, coi như là vị ấy nhất định an tâm rằng sẽ không còn phải tiếp tục sinh tử chuyển hồi trong Vòng Luân Hồi lâu dài nữa và của cả 4 Thống Khổ Địa Giới thường đóng lại một cách nhất định đối với Bậc Thánh Nhân này, và khi thụ sinh thành Nhân Loại hoặc thành Thiên Tử trong kiếp sống nối tiếp thường không thụ sinh trong tông tộc hạ tiện, thường không sinh trong tông tộc **Tà Kiến (Micchādīṭṭhi)**, thường không thụ sinh trong quốc độ không có **Phật Giáo (Buddhasāsanā)**, thường không thụ sinh làm Người có khí quan khiếm khuyết, không thụ sinh làm hoại nhân, ác nhân, vô tri nhân, và việc sinh làm Người hoặc Thiên Tử của Bậc Thất Lai này cũng chỉ thụ sinh 7 kiếp sống thôi. Đây chính thị cũng là thiện công quả đã được tiếp thụ từ việc tiến tu Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ.

Cho dù hành giả sẽ thực hành vẫn chưa đạt **Bậc Đại Thất Lai (Mahāsotāpanna)** mà chỉ đạt Minh Sát Trí ở trong Bậc Trung Thất Lai, hoặc ở trong Bậc Tiểu Thất Lai, và nếu như vị ấy mệnh chung trong sát na đang thực hành, hoặc đình chỉ việc tiến tu Minh Sát Tuệ rồi tiếp đến ngay sau đó mệnh chung, cũng đảm bảo được rằng vị ấy sẽ không bị đọa vào cả 4 Thống Khổ Địa Giới; và khi đi thụ sinh thành Nhân Loại hoặc Thiên Tử cũng không đi thụ sinh trong tông tộc hạ tiện, sẽ là Người có **Chánh Kiến (Sammādīṭṭhi)** và có sự hoan hỷ sùng phụng đối với Giáo Pháp; và sẽ có được cơ duyên hội kiến với **Hiền Triết Nhân (Sappurisa)** có Pháp cao thượng; đây là thiện công quả đã có được y như thể tương tự với **Bậc Đại Thất Lai (Mahāsotāpanna)** phát sinh từ việc tiến tu Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ.

Hoặc nếu như hành giả sẽ thực hành vẫn chưa đạt Bậc Thất Lai mà chỉ đang hạn định liễu đắc có **Niệm (Sati)** và **Định (Samādhi)** thiện hảo rồi phát sinh mệnh chung ngay trong sát na ấy, hoặc vừa mới đình chỉ việc tiến tu Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ rồi liền mệnh chung một cách tương tự cũng không đọa vào cả 4 Thống Khổ Địa Giới; và khi thụ sinh thành Nhân Loại hoặc thành Thiên Tử cũng không thành Người tuệ tri thường có bốn tính gắn kết trong sự kiện Phật Giáo. Và khi được Thính Pháp thiện hảo rồi thường phát sinh hoan hỷ sùng phụng, quan tâm trong Giáo Pháp ấy, và cũng là thành kết quả đã được tiếp thụ y như thể với Bậc Tiểu Thất Lai, và đây chính thị cũng là thiện công quả đã được tiếp thụ từ việc tiến tu Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ.

Lại nữa, Bậc đã có được Thất Lai Đạo, Thất Lai Quả thành Bậc Thất Lai rồi, nếu như tiếp tục thực hành nữa, **Tuệ Đạo (Maggāñāṇa)**, **Tuệ Quả (Phalañāṇa)** trong thuận tự nối tiếp lại thường sinh khởi nữa, là **Nhất Lai Đạo (Sakadāgāṃimaggā)**, **Nhất Lai Quả (Sakadāgāṃiphala)**, **Bất Lai Đạo (Anāgāṃimaggā)**, **Bất Lai Quả (Anāgāṃiphala)**, **Vô Sinh Đạo (Arahattamaggā)**, **Vô Sinh Quả (Arahattaphala)**. Vị nào cần miến thực hành cho đạt Vô Sinh Đạo, Vô Sinh Quả thành **Bậc Vô Sinh (Arahantapuggala)**, coi như là Bậc ấy đã hành thiện sự trong Phật Giáo hoàn tất rồi, các **Phiền Não Lậu Hoặc (Kilesaāsava)** hiện hữu trong tâm tánh ấy đã bị tuyệt diệt một cách hoàn toàn. Bậc ấy đã hoạch đắc điều đầu tiên của Níp Bàn là **Hữu Dư Y Níp Bàn (Saupādisesanibbāna)**, ý muốn nói là các phiền não đã tuyệt

diệt không còn dư sót và khi Bạc ấy viên tịch cũng coi như là đạt Níp Bàn gọi là **Vô Dư Y Níp Bàn (Anupādisesanibbāna)** ấy là việc tuyệt diệt các **Thủ Uẩn (Upādānakhan dha)** đã tuyệt diệt **Hữu (Bhava)**, **Kiếp Sống (Jāti)** sẽ còn tiếp tục sinh nữa; coi như là Bạc ấy đạt **Tịnh Lạc (Santisukha)** là sự an lạc một cách an tịnh, không có **Sinh Chung (Jāti)**, **Lão Mại (Jarā)**, **Bệnh Hoạn (Vyādhi)**, **Tử Vong (Maraṇa)**, **Khổ Đau (Dukkha)**, **Ưu Thọ (Domanassa)**, **Não Hại (Upāyāsa)** mà ấy là sự an lạc một cách trác tuyệt mà Đức Chánh Đẳng Giác đã có ý nguyện một cách phi thường sẽ cho chúng hữu tình được hoạch đắc khắp mọi nơi đều có, và sự an lạc một cách trác tuyệt này cũng là thiện công quả phát sinh từ hành thiện sự tiến tu Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ đã được giải thích rồi.

KỆ MIÊU THUẬT ÂN ĐỨC CỦA NÍP BÀN

**Padamaccutamaccantam Asaṅkhatamanuttaram
Nibbānamiti bhāsanti Vānamuttā mahesayo**

Chư Chánh Đẳng Giác đã tầm cầu Ân Đức cực cự đại, là **Giới Uẩn (Sīlakhandha)**, **Định Uẩn (Samādhikhandha)**, **Tuệ Uẩn (Paññākhandha)**, Bạc đã thoát ly khỏi Pháp Ái Dục (**Taṇhā**) câu thúc khắn mật, thường đề cập đến một loại **Pháp Chung thực tính (Sabhāvadhamma)** thâm nhập được, hiện hữu một cách đặc biệt bất hữu quan với Pháp Hữu Vi, không có sự tử vong, và đã vượt thoát ra khỏi 5 Uẩn, đã không bị điểm xuyên bố trí với bất luận một Duyên nào trong 4 Duyên, là Pháp cực bảo quý, đó là Níp Bàn.

KỆ MIÊU THUẬT ÂN ĐỨC CỦA NÍP BÀN KHI CHIẾT TỰ CÓ ĐƯỢC 5 TỪ NGŨ:

1. (**Padam**) dịch nghĩa là “một phần”.
2. **Bất Tử (Accutam)** dịch nghĩa “Pháp không có sự tử vong”.
3. **Phi Thường (Accantam - Cực Kỳ)** dịch nghĩa “Pháp đã vượt thoát khỏi 5 Uẩn ở phần quá khứ và vị lai”.
4. **Vô Vi (Asaṅkhatam)** dịch nghĩa “Pháp không bị điểm xuyên bố trí bởi bất luận một Duyên nào trong 4 Duyên”.
5. **Vô Thượng (Anuttaram)** dịch nghĩa “Pháp cực bảo quý”.

Trình bày 1, 2, 3 Níp Bàn (Trình Bày Theo Phần Vô Tỷ Pháp):

Níp Bàn rằng khi theo trạng thái thực tính có 1, là Trạng Thái Tịnh Lạc (**Santilakkhaṇa**), lập ý đến tĩn trạng hết các Phiền Não và 5 Uẩn.

Níp Bàn rằng khi theo **Phân Định Tác Nhân (Kāraṇapariyāyena)** có 2, là:

1. **Hữu Dư Y Níp Bàn (Saupādisesanibbāna)**
2. **Vô Dư Y Níp Bàn (Anupādisesanibbāna)**

1. **Hữu Dư Y Níp Bàn** ý muốn nói Níp Bàn hiện hành với 5 Uẩn, là Dị Thực Quả và Sắc Nghiệp Lực vẫn còn dư sót các Phiền Não; đó là Níp Bàn của Bạc Vô Sinh vẫn còn sinh mạng; gọi là **Hiện Pháp Níp Bàn (Ditṭhadhammanibbāna – Kim Sinh Níp Bàn)** cũng

được, vì các Bậc Vô Sinh thâm nhập lý giải thấu triệt Níp Bàn vẫn còn sinh mệnh, vẫn chưa được **Viên Tịch Níp Bàn (Parinibbāna)**.

2. Vô Dư Y Níp Bàn ý muốn nói là Níp Bàn không có 5 Uẩn là Dị Thực Quả và Sắc Nghiệp Lực còn lại, đó là Níp Bàn của Bậc Vô Sinh đã Viên Tịch Níp Bàn rồi; gọi là **Lai Sinh Níp Bàn (Samparāyikanibbāna)** cũng được, vì các Bậc Vô Sinh khi Viên Tịch Níp Bàn mới thâm nhập Níp Bàn.

Níp Bàn rằng khi theo trạng hướng sinh hoạt (thâm nhập đến) có 3, là:

1. **Không Hư Níp Bàn (Suññatanibbāna)**

2. **Vô Tướng Níp Bàn (Animittanibbāna)**

3. **Vô Nguyện Níp Bàn (Appaṇihitanibbāna)**

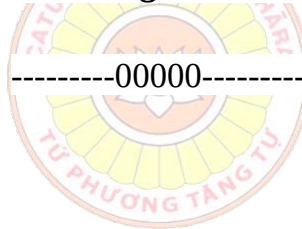
1. Không Hư Níp Bàn ý muốn nói là trạng hướng sinh hoạt của Níp Bàn ấy tiêu thất toàn bộ phiền não và 5 Uẩn, không có chi còn dư sót.

2. Vô Tướng Níp Bàn ý muốn nói là trạng hướng sinh hoạt của Níp Bàn ấy không có bất luận tiêu chí, tiêu ký, hình thù tướng trạng, sắc màu nào cả.

3. Vô Nguyện Níp Bàn ý muốn nói là trạng hướng sinh hoạt của Níp Bàn ấy không có Cảnh đáng sở cầu với Tham, và không có Ái Dục hình thành nhu yếu ở trong Níp Bàn ấy.

Kết Thúc Níp Bàn Siêu Lý

16 Tháng Sáu 2529



**ABHIDHAMMA PITAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG**

Bộ Sách Chú Giải

**ABHIDHAMMATTHA SAṄGAHA
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP**

TẬP I: CHƯƠNG I - IV

**CHƯƠNG I: CITTASAṄGAHA (TỔNG HỢP TÂM)
CHƯƠNG II: CETASIKAṄGAHA (TỔNG HỢP TÂM SỞ)
CHƯƠNG III: PAKINAKASAṄGAHA (TỔNG HỢP LINH TINH)
CHƯƠNG IV: VITHĪSAṄGAHA (TỔNG HỢP LỘ TRÌNH)
Bậc Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam – Đệ Nhị (Cūḷābhidhammika)
(Hiệu Đỉnh Và Tái Bản Lần Thứ Nhất)**



Tác Giả: SADDHAMMAJOTIKA MAHĀ THERA
Dịch Giả: SANTAKICCO MAHĀ THERA
(Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ)
Biên Tập: Bhikkhu PASĀDO

P.L. 2566

D.L. 2022





MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	96
LỜI KHAI ĐOAN (XUẤT BẢN LẦN THỨ HAI).....	97
CHƯƠNG THỨ NHẤT: TỔNG HỢP TÂM (CITTASAṄGAHA).....	113
CHƯƠNG THỨ HAI: TỔNG HỢP TÂM SỞ (CETASIKAṢAṄGAHA).....	180
CHƯƠNG THỨ BA: TỔNG HỢP LINH TINH (PAKIṆṆAKA SAṄGAHA)....	256
CHƯƠNG THỨ TƯ: TỔNG HỢP LỘ TRÌNH (VITHĪSAṄGAHA).....	336
Kệ Tóm Tắt (Nigamakathā).....	565
Lời Sở Nguyện.....	566
Có 5 Nguyên Nhân Làm Cho Chánh Pháp Được Nghiêm Thủ.....	567
Phụ Lục Kinh Điển Thi Tập.....	568
Sách Dẫn.....	582
Phương Danh Thí Chủ Cúng Dường.....	608
Kinh Sách Đã Được In Ấn Và Phát Hành.....	614
Kinh Sách Sắp Được In Ấn Và Sẽ Phát Hành.....	615



LỜI MỞ ĐẦU

(Xuất Bản Lần Thứ Tám)

Giáo khoa thư Siêu Lý Quang Minh (**Paramatthajotika**) với Chương thứ 1, thứ 2 và thứ 6 gồm **Tâm (Citta)**, **Tâm Sở (Cetasika)**, **Sắc Pháp (Rūpa)** và **Níp Bàn (Nibbāna)** là giáo khoa thư tiên khởi mà bậc học giả Vô Tỷ Pháp sẽ được nghiên cứu học hỏi. Chương trình đào tạo trong hạng bậc này đã được coi như làm thành nền tảng Giáo Pháp rất trọng yếu. Với người có sự mong mỏi để sẽ thấu hiểu được ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp thì càng cần phải có sự thấu hiểu cùng với sự ghi nhớ thật vi diệu, tương đương với Trí Tuệ của bậc học giả đã có được thực hiện vậy; vì rằng nền tảng Giáo Pháp mà sẽ nghiên cứu ở trong các hạng bậc cao hơn tiếp nối theo đây, thì đa phần cũng sẽ phải nói đến các vấn đề của Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn này vậy.

Còn về một khía cạnh khác nữa, là một khi bậc học giả đã có được nghiên cứu học hỏi một cách tốt đẹp rồi, thì cũng nên vận dụng nền tảng Giáo Pháp dắt dẫn vào việc trau dồi tu tập Pháp Hành, ngõ hầu rèn luyện thúc liễm tâm thức của mình để không phải bị rơi vào phía đạo lộ thấp hèn ty liệt; vì nhờ như bậc học giả không có khả năng thúc liễm tâm thức của mình để cho phải bị rơi về phía con đường ty liệt, ấy là tham lam, sân hận, làm lạc; thì hạng người ấy chẳng khác nào với cái vá mà chẳng biết được hương vị của canh vậy. Mong rằng quyển giáo khoa thư này sẽ chỉ dẫn đạo lộ cho bậc học giả được kiến tập xuyên suốt sự an vui sự tiến hóa ở trong Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác.

Xin **hoan hỷ tán thành (Anumodanā)** với Ngài Trưởng Lão cùng với tập thể ở trong việc xuất bản quyển giáo khoa thư này. Xin cho Ngài Trưởng Lão có được sự an vui, sự tiến hóa, tư duy nghĩ tưởng đến bất luận điều thích hợp nào với Giáo Pháp thì xin cho điều ấy được thành tựu viên mãn vẹn toàn; và cuối cùng xin cho Ngài Trưởng Lão được thành đạt đến Đạo Quả Níp Bàn ở trong thời vị lai cận đại này.

Đại Trưởng Lão **Dhammakāmo Mahā Thera**

Vụ Phó Vụ Chuyên Tu Pháp Hành

Hiệu Trưởng Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp

LỜI KHAI ĐOAN
(Đại Trưởng Lão Saddhammajotika Dhammācariya)

Jānitabbam pajānāti Desitabbam pi āsayam
Desako yena ñāṇena Desetu tassa tejasā

Đức Chánh Đẳng Giác là Bậc đã lập ý khái thuyết Chánh Pháp, là Bậc đã lập ý toàn tri đến **Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma)**, Đức Phật đã ứng đương khái thuyết với nhiều phương cách, cho đến liễu tri thấu suốt cả tâm tính tập khí của nhiều **Chúng Hữu Tình Khả Thuần Phục (Veneyyasatta)**; xin cho bất luận mãnh lực nào của cả ba mãnh lực **Toàn Giác Trí (Sabbaññutañāṇa)** ấy, hỗ trợ ban phát cho Đệ Tử Đức Phật phát sinh Trí Tuệ thậm thâm ngộ hầu có khả năng sẽ soạn tác bộ Kinh điển này cho được thành tựu một cách viên mãn.

Toàn Giác Trí của Bậc Chánh Đẳng Giác có ba thể loại mãnh lực, ấy là:

1. Thuyết Giảng Giáo Pháp (Desetabbadhamma): Toàn tri Giáo Pháp khả khái thuyết phổ truyền phổ cập, tức là năm trường hợp **Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma)**. [Đức Phật lập ý dạy bảo cho người hữu duyên được nghe, được hiểu biết những Pháp cao siêu, và sớm nhận thức chân như thực tính các Pháp đáng hiểu biết, đáng nhận thấy.]

2. Phương Quảng Thuyết Giảng Giáo Pháp (Desetabbadhammapakāra): Toàn tri trong việc thuyết giảng Giáo Pháp thành nhiều từng phần từng đoạn (**Tuần Tục Giáo Pháp**), tức là có khả năng thuyết giảng một cách tuyệt hảo, phương quảng, ngay ở trong cùng một đề tài. [Đức Phật lập ý giảng dạy bảo Giáo Pháp hữu lý đến với người hữu duyên được nghe, ngộ hầu có thể liễu tri đặng tầm cầu Pháp Chân Đế.]

3. Khả Tử Giáo Đạo Giả (Veneyyajjhāsaya): Toàn tri tâm tính tập khí của Chúng Hữu Tình Khả Thuần Phục phổ cập rằng Giáo Pháp nào sẽ thích hợp và làm thành hữu ích đối với nhóm người nào, thì cũng sẽ nêu lên những điều Pháp ấy ra giảng giải để cho thích hợp đối với tâm tính tập khí của nhóm người ấy. [Đức Phật lập ý giảng dạy đặc biệt phi thường đến với người hữu duyên, một khi đã thực hành theo Pháp Học - Pháp Hành thì hằng luôn đặng kết quả lợi ích.]

Vì Toàn Giác Trí có cả ba mãnh lực như đã được đề cập đến ở tại đây, và cũng chính vì lý do này mà một khi Đức Phật đang khi thuyết giảng thì tất cả hàng Phật Tử có được chú ý lắng nghe Chánh Giáo Pháp khái truyền của Đức Phật ở ngay trong sát na ấy, thì ai ai cũng đều được chứng đắc Đạo Quả, ước tính thành số lượng mười triệu, và kể ra Toàn Giác Trí đây quả là hữu ích một cách thù thắng đối với chúng hữu tình ở trong thế gian này.

Người soạn tác kinh điển, hoặc người hướng dẫn giảng giải về **Pháp Học (Pariyatti dhamma)** gồm Luật Tạng, Kinh Tạng, Vô Tỷ Pháp Tạng, và **Pháp Hành (Paṭipatti dhamma)** là **An Chỉ (Samatha) - Minh Sát Tuệ (Vipassanā)**, hoặc người đã là Bậc **Thuyết Pháp Giả (Dhammakathika)** có nhiệm vụ thuyết giảng Giáo Pháp đối với tất cả những Hội Chúng để dẫn đến khởi sinh đức tin và đồng thời tịch diệt các **Pháp Triền Cái (Nīvaraṇa)**; hết cả thấy toàn là những công việc có liên quan đến việc kiến tạo **Pháp Toàn Thiện (Pāramī**

– **Ba La Mật**), và luôn cả làm thành sự việc trọng yếu ở trong việc sẽ bảo toàn Phật Giáo cho được tồn tại và tăng trưởng tiến hóa. Vì thế, cả ba nhóm người này thiết yếu sẽ cần phải có được Trí Tuệ phối hợp với cả ba trường hợp mãnh lực Toàn Giác Trí này vừa theo thích hợp để sẽ có được.

1. Cả ba nhóm người đã vừa đề cập đến rồi đây, sẽ có được Trí Tuệ phối hợp với ba trường hợp mãnh lực Toàn Giác Trí đây, tức là những nhóm người ấy thiết yếu sẽ cần phải được thụ lãnh việc nghiên cứu học hỏi chương trình đào tạo các học khóa một cách hoàn mãn mới sẽ có được Trí Tuệ phối hợp với mãnh lực vừa theo thích hợp thể theo điều thứ nhất vậy.

2. Chương trình đào tạo các học khóa đã được nghiên cứu học hỏi một cách hoàn mãn rồi đây, sẽ phải là việc nghiên cứu học hỏi đã được lắng nghe lời giải thích tỷ giáo, so sánh ẩn dụ, và suy xét từng các ý nghĩa từ ở nơi vị Giáo Thọ có nền tảng luận chứng và trí đức tốt đẹp mới sẽ có được Trí Tuệ phối hợp với mãnh lực vừa theo thích hợp thể theo điều thứ hai vậy.

3. Khi đã được nghiên cứu học hỏi chương trình đào tạo các học khóa một cách hoàn mãn, luôn cả đã được lắng nghe các lời giải thích tốt đẹp rồi đây, sẽ cần phải liễu tri đến các hành động và việc nói năng của tất cả mỗi con người hiện hành theo **Thực Tính (Sabhāva)** vì rằng các hành động và việc nói năng mà phát sinh từ ở nơi Tâm Sở Bất Thiện, và các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi Tâm Sở Tịnh Hảo đây; rằng khi tính theo Cảnh, Lộ Trình, Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết thì có sự khác biệt với nhau. Cho dù quả thật có sự khác biệt nhau đi nữa, tuy nhiên các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi Tâm Sở Bất Thiện ở phần cực vi tế lại na ná tương tự với các hành động nói năng mà phát sinh từ ở nơi Tâm Sở Tịnh Hảo ở bên phía thiện hảo; vì thế, cả ba nhóm người này sẽ cần phải thấu hiểu tường tận đến sự khác biệt với nhau:

- Giữa các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Tham Lam (Lobha)** và các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Tín Niệm (Saddhā)**, **Vô Sân (Adosa)**, **Hoan Hỷ (Muditā)**, thể theo sự xác thực của Chân Đế.

- Giữa các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Sân Hận (Dosa)** và các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Tàm Quý (Hiri – Ottappa)**, **Bi Mẫn (Karunā)**, thể theo sự xác thực của Chân Đế.

- Giữa các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Tà Kiến (Ditṭhi)**, **Hoài Nghi (Vicikic chā)**, **Tật Đồ (Issā)** và các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Chánh Ngữ (Sammāvācā)**, **Chánh Nghiệp (Sammākammanta)**, **Chánh Mạng (Sammājīva)**, **Trí Tuệ (Paññā)**, thể theo sự xác thực của Chân Đế.

- Giữa các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Si Mê (Moha)**, **Ngã Mạn (Māna)**, **Hôn Thùy (Thīna Middha)** và các hành động nói năng phát sinh từ nơi **Vô Tham (Alobha)**, **Vô Sân (Adosa)**, **Trung Gian (Tatramajjhataṭā)**, **Bi Mẫn (Karunā)**, **Trí Tuệ (Paññā)**, thể theo sự xác thực của Chân Đế; như vậy v.v. mới sẽ có được Trí Tuệ phối hợp với mãnh lực vừa theo thích hợp thể theo điều thứ ba vậy.

Nếu như không có được hiện hành theo như điều đã vừa đề cập ở tại đây, thì người ấy sẽ không có được Trí Tuệ phối hợp với cả ba trường hợp mãnh lực, mà có thể chỉ có Trí Tuệ

ở thể loại thông thường. Vì lý do này, đa phần các việc nghĩ suy, việc thuyết giảng, và việc soạn tác các kinh điển, sẽ thiên hướng đi theo đường lối **Tur Kiến (Attanomati)**, sẽ xa rời những lời Phật Ngôn, Chú Giải và Phụ Chú Giải. Một khi đã là như vậy, thì người đã được thụ lãnh việc đào tạo (Học Giả), hoặc người đã được đọc (Độc Giả), hoặc đã được lắng nghe các loại kinh điển từ các vị này rồi (Thính Giả); mà nếu nhớ như phát sinh đức tin trong các lời nói ấy, thì cũng giống như người phải bệnh sốt lại đón nhận thuốc lầm, và quả thật là vô cùng đáng tiếc; vì rằng người đã được thụ lãnh việc đào tạo, hoặc đã được đọc, hoặc đã được lắng nghe từ các loại kinh điển này, sẽ chẳng thể nào có được sự liễu tri đến những lời Phật Ngôn và Chú Giải một cách rõ ràng.

Và nếu như cả ba nhóm người này [**Soạn Tác Giả (Ganthakāra)**, **Giảng Thuyết Giả (Ganthavācaka)** và **Thuyết Pháp Giả (Dhammakathika)**] có được Trí Tuệ phối hợp với cả ba trường hợp mãnh lực Toàn Giác Trí vừa theo thích hợp như vậy rồi; thế là kinh điển của các vị ấy soạn tác, hoặc Pháp Học hoặc Pháp Hành mà các vị ấy hướng dẫn giảng giải, hoặc Giáo Pháp mà các vị ấy đang thuyết giảng, nhất định hẳn là vô cùng hữu ích đến với người đã được đọc, đã được học, và đã được lắng nghe, thì cũng giống như bệnh nhân mà đã được dùng đúng bài thuốc hay vậy.

Với mãnh lực Thiện Tâm, Bàn Đạo đã truy niệm nghĩ tưởng đến Ân Đức Toàn Giác Trí, do vậy, nguyện cho cả ba trường hợp mãnh lực này hiện hữu trong nội tâm bốn tính Bàn Đạo vừa theo thích hợp, và xin được hiện khởi lên ngay ở trong sát na đang soạn tác kinh điển, để cho quyển kinh sách này được thành tựu một cách viên mãn, và sẽ được làm thành lợi ích đến với người nghiên cứu học hỏi quyển kinh sách này.

Lại nữa, trong **Pháp Học Giáo Truyền (Pariyattisāsanā)** phối hợp với cả ba Tạng là **Tạng Luật (Vinayapiṭaka)**, **Tạng Kinh (Suttantapiṭaka)** và **Tạng Vô Tỷ Pháp (Abhidhammapiṭaka)**; trong những cả ba Tạng này mà nếu nhớ như chỉ có việc dịch thuật **Pāli** ngữ, và lời giải thích đặc biệt chỉ có mỗi một Tạng Kinh ở trong các quốc độ ấy, thế thì cũng sẽ có việc giảng dạy việc học hỏi duy nhất chỉ mỗi một Tạng Kinh ấy thôi; và sẽ không có được việc giảng dạy việc học hỏi ở trong cả hai Tạng còn lại, ấy là Tạng Luật và Tạng Vô Tỷ Pháp. Một khi đã là như vậy thì sẽ phát sinh lên điều tác hại đến với tất cả các hàng Phật Tử; bởi vì tất cả những hàng Phật Tử ấy, chỉ có mỗi một bận tâm trong việc tìm kiếm mưu sinh, và sẽ thiếu mất đi việc rèn luyện kỷ cương về Thân về Lời, luôn cả mất đi đức tin và sự tín ngưỡng ở trong Phật Giáo; và rất chỉ có **Ái Dục (Taṇhā)**, **Ngã Mạn (Māna)**, **Tà Kiến (Diṭṭhi)**, khinh miệt bỉ báng đến Tạng Luật và Tạng Vô Tỷ Pháp mà chính đấy cũng là những Phật Ngôn. Và đấy cũng chính là điều tác hại đã phát sinh từ ở việc không được thụ lãnh việc nghiên cứu học hỏi ở trong Tạng Luật và Tạng Vô Tỷ Pháp ấy vậy.

Nếu ngặt như lời dịch thuật và lời giải thích mà duy nhất chỉ có hai Tạng Kinh và Tạng Luật này thôi, và chẳng có lời dịch thuật và lời giải thích ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp như vậy rồi ở trong các quốc độ ấy; thế thì cũng chỉ có việc giảng dạy và việc nghiên cứu học hỏi đặc biệt chuyên ở trong Tạng Kinh và Tạng Luật này thôi, và như thế, việc nghiên cứu học hỏi trong Tạng Vô Tỷ Pháp chẳng thể nào có cơ hội sinh khởi lên được. Một khi đã là như vậy, thì cũng sẽ phát sinh lên điều tác hại đến với tất cả các hàng Phật Tử, bởi vì tất cả những hàng

Phật Tử ấy sẽ cùng rủ nhau chỉ lo bận tâm trong việc tìm kiếm mưu sinh và trong việc rèn luyện kỹ cương về Thân về Lời, nhằm chỉ để tôn thêm sự xinh đẹp đáng vẻ diện mạo ở bên ngoài; còn về phía nội tâm bồn tính là phần ở bên trong thì lại thiếu mất đi đức tin, sự tín ngưỡng chẳng có được vững chắc ở trong tôn giáo của mình; và lại chỉ có tà kiến thấy sai chấp lầm, chỉ có ngã mạn chấp thủ tôi ta, và khinh miệt bỉ báng trong Tạng Vô Tỷ Pháp này. Và đây cũng chính là điều tác hại đã phát sinh từ ở việc không được thụ lãnh việc nghiên cứu học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp ấy vậy.

Vì thế, ở quốc độ nào nếu có được lời dịch thuật và lời giải thích ở trong cả ba Tạng một cách hoàn toàn tề bị, thì tất cả các hàng Phật Tử ở trong quốc độ ấy, cũng sẽ có được thụ lãnh việc nghiên cứu học hỏi trong cả ba Tạng một cách hoàn toàn tề bị. Một khi đã là như vậy, thì tâm trí của những hàng Phật Tử này sẽ được phối hợp với đức tin, sự tín ngưỡng ở trong Phật Giáo của mình một cách vững chắc bất thối chuyển, chẳng có tâm trí nghiêng ngã trong các đạo giáo khác; và luôn cả các đạo giáo ấy cũng không thể nào len lỏi xen lẫn vào, hoặc phá hại đức tin, sự tín ngưỡng của tất cả các hàng Phật Tử ấy được. **Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchādiṭṭhi), Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi), Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)** cả 3 Tà Kiến này cũng không thể nào sinh khởi được, mà có thể chỉ có **Hữu Thân Kiến (Sakāyādiṭṭhi)**, đây chỉ là loại Tà Kiến phổ thông.

Ayāthāvamāna sự kiêu mạn bất hợp, và Yāthāvamāna sự kiêu mạn thích hợp một cách thô thiển cũng không có thể sinh khởi được; và nếu có, chỉ có thể là **Yāthāva māna sự kiêu mạn thích hợp thuộc loại vi tế**. Và lại, cả **Tur Tiền (Pubbacetanā), Tur Hiện (Muñcacetanā), và Tur Hậu (Aparacetanā)** liên quan với việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập của tất cả các hàng Phật Tử ấy, cũng sẽ là loại **Tur Tâm Sở (Cetanā)** tịnh hảo, thanh tịnh và chân chánh; tránh xa khỏi Bất Thiện Pháp sẽ len lỏi xâm nhập vào trong cả ba Tur Tâm Sở ấy vừa theo thích hợp. Và đây cũng chính là ân đức ích trí phát sinh từ ở nơi việc nghiên cứu học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp ấy vậy.

Một khi kết luận lại, với việc nghiên cứu học hỏi ở trong cả ba Tạng này, thì việc học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp đã được xếp vào việc học hỏi mang lại rất nhiều lợi ích. Tất cả sự việc này, là cũng vì việc học hỏi ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp đã góp phần hỗ trợ, giúp đỡ sách tấn cho việc học hỏi trong cả hai Tạng còn lại, loại trừ đi tri kiến sai lầm và đã làm cho phát sinh lên chánh tri kiến; rằng tri kiến của mình đã được thụ lãnh từ việc nghiên cứu học hỏi Tạng Kinh ấy, thì chẳng thể nào chỉ bằng ấy đủ làm cho phát sinh lợi ích đặc biệt trong việc tự lập thân tác thành cơ nghiệp trong kiếp hiện sinh này, mà đó chỉ làm cho có tri kiến trong việc cư xử đối đãi với nhau ở cả hai phía tốt và xấu, để rồi sẽ xa lánh đi khỏi sự xấu ác, và sẽ sinh sống theo đường lối tốt đẹp tuần tự kể từ bậc thấp cho đến bậc cao, ngõ hầu cho được thành tựu lợi ích về bản thân và lợi ích cho quý Ngài, luôn cả trong kiếp sống này và kiếp sống vị lai.

Và tri kiến phát sinh từ ở việc học hỏi Tạng Luật, cũng chẳng phải chỉ nhằm để cho việc rèn luyện kỹ cương về Thân về Lời một cách viên mãn trong việc giao tiếp ở những nơi trọng yếu, hầu để tôn thêm sự xinh đẹp đáng vẻ diện mạo ở bên ngoài, mà lập ý chỉ nhằm cho

Thân và Lời ấy được thanh tịnh; và ngõ hầu cho bản thân chẳng phải bị thụ lãnh sự ưu não khốn khổ, hoặc tha nhân phải thụ lãnh sự khốn khổ bởi do dựa vào Thân và Lời của ta.

Điều này một khi sẽ nêu lên tỷ dụ để so sánh, thì **Tạng Vô Tỷ Pháp được ví như rễ cái, Tạng Luật được ví như thân cây, và Tạng Kinh được ví như cành nhánh của thân cây.** Hoặc một trường hợp khác, nếu sẽ tỷ dụ để sánh với cơ thể, thì **Tạng Vô Tỷ Pháp được ví như trái tim, Tạng Luật được ví như sinh mạng, và Tạng Kinh được ví như các chi phần của thân thể.**

Chính vì thế, Bản Đạo đã lập khởi việc giảng dạy vào mỗi ngày về Tạng Vô Tỷ Pháp đến với tất cả các vị học giả kể từ Phật Lịch 2492 (Dương Lịch 1950) tại Đại Học Đường Vô Tỷ Pháp **Chung Cáo Thị Tu Viện (Rakkhanghositārāma)** tỉnh lý **Dhonburi** trở đi cho đến Phật Lịch 2509 đây, Bản Đạo đã vừa giảng dạy các kinh điển và luôn cả với việc soạn tác các kinh sách liên quan với Tạng Vô Tỷ Pháp. Ngay hiện giờ, kinh sách liên quan với Tạng Vô Tỷ Pháp đã được liệt kê cho việc biên soạn và sẽ đăng làm thành tựu một cách mau chóng cho chương trình đào tạo các học khóa đây, thì đã có được 25 quyển kinh rồi.

Theo chỗ Bản Đạo đã vừa đề cập đến ở tại đây, chẳng phải là việc nói dưới hình thức dễ mà khoe khoang khoác lác. Bản Đạo chỉ có lập ý để cho tất cả các hàng Phật Tử đã có sùng tín ở trong Phật Giáo được thấu hiểu đến mục đích của Bản Đạo một cách chân thực rằng Bản Đạo đã phải thụ lãnh sự vất vả cả về thể xác lẫn tinh thần chẳng phải là không ít. Và lại khi việc soạn tác kinh điển đã được xong xuôi rồi, kể đến sẽ là việc sắp xếp in ấn cho thành quyển kinh sách để lên **Bảo Tháp Pháp Bảo (Dhammacetiya – Kho tàng kinh các)** thì việc sắp xếp in ấn cho được thành tựu cũng quả là khó khăn. Vì lẽ tất cả các hàng Phật Tử vẫn chưa có được ưa thích nghiên cứu học hỏi ở trong trình độ Giáo Pháp này, và cũng có một vài người có sự hiểu biết sai lầm rằng quyển Kinh Pháp ấy là kinh sách để cho người ưa thích in ấn và phân phát trong các tang lễ ma chay, chẳng cần thiết để sẽ bỏ vốn đầu tư cho việc tạo dựng hoặc cho việc mua bán. Vì lý do này, việc in ấn và xuất bản giáo khoa thư Vô Tỷ Pháp cho được thành tựu viên mãn thể theo chương trình đào tạo các học khóa đây, cũng quả là công việc vô cùng khó khổ.

Lại nữa, trong việc soạn tác các kinh điển ấy, cũng chẳng phải là công việc được thực hiện một cách dễ dàng, vì lẽ Bản Đạo chẳng phải là người Thái. Việc viết ra Thái Ngữ ắt hẳn không thể nào tự bản thân Bản Đạo làm được. Do bởi lý do ấy, mới cần phải có người phụ viết, mà người phụ viết này quả là vô cùng trọng yếu và tìm kiếm rất là khó khăn. Vì lẽ người sẽ phụ giúp ấy, chẳng phải chỉ có đơn thuần với việc viết ra y theo lời dạy bảo của Bản Đạo không thôi, mà người phụ viết kinh điển thiết yếu sẽ phải là:

1. Người có tri kiến túc dụng ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp,
2. Người ấy phải có đủ niềm tin chân thực, phải thực kham nhẫn và phải thực siêng năng,
3. Người ấy phải có kiến thức ở trong lãnh vực Thái ngữ vừa đủ thích hợp,
4. Người ấy phải có đủ cơ hội để sẽ làm được công việc.

Người đã hội đủ các đặc tính như vừa đề cập ở tại đây mới sẽ thành người phụ viết kinh điển được. Nếu chẳng là như thế, thì công việc bất thành. Sự kiện này, Bản Đạo đã từng

chỉ dẫn cho rất nhiều người phụ viết rồi, có cả hàng cư sĩ tại gia và luôn cả bậc xuất gia, có cả hàng nam giới và luôn cả các vị nữ nhân. Thoạt lúc ban đầu đã có được chỉ dẫn cho hàng xuất gia, ấy là các vị Tăng Sinh Vô Tỷ Pháp để cho làm người phụ viết; thế nhưng kết quả đón nhận lại chẳng thành công. Bởi vì có một vài vị chẳng hội đủ khả năng, có một vài vị thì hội đủ khả năng nhưng lại thiếu sự kham nhẫn và chăm chỉ siêng năng, một vài vị lại có những công việc lo lắng riêng tư; chính vì thế, mới làm cho công việc không được trôi chảy suôn sẻ, và như thế sự giúp đỡ có thể chỉ là chút ít và nho nhỏ mà thôi. Đến giai đoạn nối tiếp, đã có chỉ dẫn cho nam học viên để làm người phụ viết, và kết quả thành tựu cũng tương tự chỉ là phần nhỏ nhoi, cũng không có khả năng làm cho công việc được tiếp diễn phát triển. Với lý do này, Bản Đạo mới tuyển chọn rất nhiều bậc học giả hội đủ kiến thức và khả năng để sẽ hỗ trợ ở trong công việc phụ giúp cho việc viết kinh điển này của Bản Đạo mãi cho đến Phật Lịch 2503 thì đã mang lại kết quả viên mãn một cách tốt đẹp. Đó là 25 quyển kinh điển liên quan với Tạng Vô Tỷ Pháp, và 5 quyển giáo khoa thư liên quan với việc diễn thuyết và thuyết giảng Giáo Pháp đây, phần lớn cũng do nhờ vào các bậc học giả có đức tin, là người lèo lái dẫn tới sự thành tựu cho Bản Đạo. Sự kiện này trình bày cho thấy rằng trong khoảng thời gian đang tiến hành công việc đây, Bản Đạo đã phải đón nhận rất nhiều sự vất vả khó nhọc cả về thể xác lẫn tinh thần.

Cho dù chỉ có một mình Bản Đạo phải vất vả khó nhọc như thế nào đi nữa, tuy nhiên đã làm cho biết bao nhiêu người khác với số lượng đông đảo được đón nhận sự lợi ích và sự hạnh phúc ở trong kiếp hiện tại này và kiếp vị lai thì Bản Đạo cũng hoan hỷ đồng ý đón nhận với mọi trường hợp vất vả ấy; và chẳng nghĩ tưởng đến điều nào khác, chỉ ngoài ra sẽ còn nỗ lực khuyến khích cho tất cả các bậc học giả có đức tin, có sự sùng tín ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp đến để phụ giúp với nhau cho việc sáng tạo ra các kinh điển ngũ hầu thành tựu viên mãn; để cho làm thành giáo khoa thư ở trong các chương trình đào tạo các học khóa của Phật Giáo; và cho làm thành lợi ích đến với tất cả các bậc học giả Tạng Vô Tỷ Pháp ở thế hệ nối tiếp; và chính vì sự nghiệp kiến tạo Thập Pháp Toàn Thiện (Thập Ba La Mật) vừa theo điều kiện thích hợp sẽ được thành tựu với mọi trường hợp.

Quyển kinh sách này là giáo trình đào tạo đặc biệt dành cho các học viên thuộc Tiêu Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam. Và việc sắp đặt phần Vấn Đáp để ở trong quyển kinh sách này, là cũng vì lợi ích đến với các vị Giáo Thọ thực hiện việc giảng dạy, luôn cả đến với các học viên đang khảo cứu học hỏi sẽ được học hỏi nghiên cứu các phần Vấn Đáp này. Vì lẽ khi đến thời kỳ thi cử thì sẽ sắp xếp chọn lấy những câu hỏi đã được sắp đặt trong quyển kinh sách này, đem ra làm bài thi viết với cả 10 điều; cùng với lời giải đáp cũng được viết ra một cách rõ ràng. Còn 5 câu hỏi khảo hạch ấy, là cũng được sắp xếp chọn lấy từ những lời giải thích đã thiết lập ở phần trên, đem ra làm bài thi khảo hạch. Tất cả sự việc này cũng nhằm đem lại lợi ích đến với các vị học viên ấy vậy.

Về việc giảng dạy và việc khảo thí trong Đại Học Đường Vô Tỷ Pháp Chung Cáo Thị Tu Viện tại tỉnh lỵ **Dhonburi**, gồm có 9 Lớp dành cho Học Viên và 6 Lớp dành cho Bậc Giáo Thọ.

Có 9 Lớp Dành Cho Học Viên, đó là:

1. **Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Độ Tam (Cūḷābhidhammika Tri)**, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 1 – 2 – 6.

2. **Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhị (Cūḷābhidhammika Tho)**, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 3 – 7.

3. **Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhất**, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Pháp Tụ (Dhammasaṅgīṭīsarūpatthanissaya)**.

4. **Trung Học Vô Tỷ Pháp Độ Tam (Majjhimābhidhammika Tri)**, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 4 – 5.

5. **Trung Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhị**, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ pháp, Chương thứ 8 – 9.

6. **Trung Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhất**, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Nguyên Chất Ngũ (Dhātukathāsarūpatthanissaya)**.

7. **Đại Học Vô Tỷ Pháp Độ Tam (Mahābhidhammika Tri)**, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Song Đối – Phẩm I (Yamakasārūpatthanissaya)**.

8. **Đại Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhị**, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Song Đối – Phẩm II – III (Yamakasārūpatthanissaya)**.

9. **Đại Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhất**, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Đại Phát Thù (Mahāpaṭṭhānasārūpanissaya)**.

Có 6 Lớp Dành Cho Giáo Thọ, đó là:

1. **Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Độ Tam (Abhidhammakathika Tri)**, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 1 – 2 – 3 cùng với cả lời giải thích trích từ Chú Giải và Phụ Chú Giải.

2. **Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Độ Nhị**, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 5 – 6 – 7 cùng với lời giải thích trích từ Chú Giải và Phụ Chú Giải.

3. **Giảng Viên Vô Tỷ Pháp Độ Nhất**, kinh điển được quy định là Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, Chương thứ 4 – 8 – 9 cùng với lời giải thích trích từ Chú Giải và Phụ Chú Giải.

4. **Giáo Thọ Vô Tỷ Pháp Độ Tam (Abhidhammācariya)**, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Pháp Tụ và Nguyên Chất Ngũ**.

5. **Giáo Thọ Vô Tỷ Pháp Độ Nhị**, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Song Đối Phẩm 1 – 2 – 3**.

6. **Giáo Thọ Vô Tỷ Pháp Độ Nhất**, kinh điển được quy định là **Giảng Giải Tổng Lược Đại Phát Thù**, và Văn Phạm Pāli Ngữ trong phần dịch thuật Chú Giải Kinh Pháp Cú.

Việc học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp đây, là chẳng phải chỉ có mỗi một bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, mà lần lượt vẫn còn có nhiều bộ Kinh điển khác nữa với nội dung vô cùng vi tế; được tính kể từ Bộ **Kinh Pháp Tụ (Dhammasaṅgīṭīpakaṇa)** trở đi cho đến Bộ **Kinh Song Đối (Yamakapakaraṇa)** và Bộ **Kinh Đại Phát Thù (Mahāpaṭṭhānapakaṇa)**. Đối với Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, đó chỉ là Bộ Kinh làm thành nền tảng của 7 Bộ Kinh Tạng Vô Tỷ Pháp. Vì thế, việc học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp đây, nếu như

chỉ chuyên học hỏi ở mỗi một Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp này không thôi, thế rồi việc liễu tri nội dung của Tạng Vô Tỷ Pháp và sự thấu hiểu ở trong Thực Tính Pháp cho được thậm thâm uyên bác, ắt hẳn không thể nào hiện hành như ý được. Một trường hợp khác nữa, đang khi học hỏi ở Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đây, bậc học giả cũng nên học hỏi luôn ở trong phần Chú Giải, Phụ Chú Giải cùng với cả phần Vấn – Đáp. Và lại, nếu như bậc học giả đã có sự hiểu biết ở trong hết cả 9 Chương Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp này một cách tốt đẹp rồi, thì người ấy ắt hẳn có khả năng để nghiên cứu trong Tạng Vô Tỷ Pháp ở trình độ cao hơn, như có **Mẫu Đề Tam Pháp Tự (Dhammasaṅginīmātikā)** v.v. cho đến bộ Kinh Đại Phát Thụ quả là thuận lợi vô cùng. Một khi đã có sự hiểu biết trong các Bộ Kinh ở trình độ bậc cao, thế rồi ắt hẳn sẽ có được sự liễu tri đến **Nghĩa Vị (Attharasa)**, và **Pháp Vị (Dhammarasa)** trong Phật Giáo, luôn cả còn có được **Sở Năng (Indriya)** bền vững kiên cường ở trong Phật Giáo, chẳng có run sợ nao núng trong kiếp hiện tại này và cả ở kiếp vị lai, cho suốt trọn đến chứng đạt được **Giải Thoát Vị (Vimuttirasa)**, thành tựu viên mãn **Tuệ Chánh Đăng Giác (Sammāsambodhiñāṇa)**, **Tuệ Độc Giác (Paccekabodhiñāṇa)**, và **Tuệ Thịnh Văn Giác (Sāvakabodhiñāṇa)** y theo sở nguyện của mình.

Giáo khoa thư giảng giải ở Lớp Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam đã được sắp xếp xuất bản lần thứ 4 này đây, là cũng nhờ vào năng lực tinh tài từ ở tất cả các học viên, có cả hàng Tại Gia và Xuất Gia, đã hỗ trợ giúp đỡ với nhau trong việc kiến tạo lên các giáo khoa thư cho được làm thành số lượng phong phú.

Vì thế, Bản Đạo xin được **hoan hỷ tán thành (Anumodanā)** trong Tư Tâm Sở Thiện của tất cả các học viên, và luôn cả với việc đóng góp tinh tài để kiến tạo lên các giáo khoa thư này của các quý vị. Xin cho mãnh lực Tư Tâm Sở Thiện của các quý vị đây, hãy ban phát hồng phúc đến cho tất cả từng mỗi quý vị được thành tựu viên mãn ở trong Giáo Pháp thanh tịnh của Đức Chánh Đăng Giác.

ĐIỀU LỆ TUÂN HÀNH TRONG VIỆC GIẢNG DẠY VÀ VIỆC HỌC HỎI

Tất cả các vị Giáo Thọ Tạng Vô Tỷ Pháp và các bậc học giả nên thấu hiểu điều lệ tuân hành của việc giảng dạy và việc học hỏi, như vậy:

+ Bậc Giáo Thọ giảng dạy cần phải tuân hành theo 10 điều cơ bản như tiếp theo đây:

1. Phải cho các học viên thực hiện việc đọc các bài học đây cho được ghi nhớ trước đi.
2. Bài học nào có phần đoạn văn **Pāli** và lời dịch thuật, thì cũng cần nên giải thích một cách tóm tắt các lời dịch thuật ấy từ ở đoạn văn **Pāli** ngữ này cho các học viên được thấu hiểu, và phải cho các học viên đọc tới đọc lui một cách chuẩn xác cho đến nhuần miệng những phần **Pāli** ngữ từ các lời dịch thuật ấy.
3. Khi các học viên đã thực hiện việc đọc các bài học ấy một cách thật chuẩn xác rồi, thì cũng cần nên giải thích nội dung các bài học ấy cho các học viên được thấu hiểu rõ ràng.
4. Khi các học viên đã được lắng nghe lời giải thích rồi, thì cũng cần nên cho các học viên ấy đọc lại các lời đã được giải thích.

5. Nên tạo cơ hội cho đến với các học viên có được cơ hội vấn hỏi những ý nghĩa mà vẫn chưa được thấu hiểu.

6. Phải nêu lên các điều ẩn dụ trong những ý nghĩa mà các học viên đã vừa vấn hỏi.

7. Tiếp nối từ đây, bây giờ cũng cần nên đặt vấn đề vấn hỏi những ý nghĩa đang được giảng dạy, nhằm để cho các học viên sẽ giải đáp các vấn đề ấy. Khi các học viên vẫn chưa giải đáp trúng vấn đề đã được nêu lên, thì cũng cần phải hướng dẫn, chỉ bảo và giải thích các vấn đề ấy cho đến các học viên.

8. Về việc hướng dẫn chỉ bảo, thì cũng cần phải chỉ bảo đặc biệt chỉ ở trong các chuẩn mực đã được xác lập, không nên giải thích cho ra ngoài phạm vi của các nền tảng Giáo Pháp.

9. Phải nghiêm khắc dự phòng trong việc nêu ra câu hỏi chi tiết của các học viên, để ngăn ngừa không cho các học viên lấy các luận điểm ở ngoài đề tài đem ra để vấn hỏi.

10. Khi việc giảng dạy đã trải qua đủ một tuần, thì cũng cần phải đặt vấn đề đến với các học viên khoảng độ 10 điều ở trong bài học mà đã được giảng dạy suốt trọn một tuần lễ đấy; và cũng trong ngày đặt vấn đề này, thì cũng cần ngưng việc giảng dạy khoảng độ 1 ngày.

+ Các Học Viên cũng cần phải tuân hành theo 10 điều cơ bản như tiếp theo đây:

1. Các học viên nên học thuộc lòng phần **Pāli** ngữ trong lời dịch thuật và các nền tảng Giáo Pháp trọng yếu.

2. Các bài học phải đọc cho thật chuẩn xác cho đến nhuần miệng trước mặt vị Giáo Thọ.

3. Các lời giải thích mà đã được lắng nghe từ ở vị Giáo Thọ đã có giải thích, thì cũng nên ghi nhớ và đọc đi đọc lại các lời giải thích ấy một cách thật chuẩn xác.

4. Những vấn đề nào mà vẫn chưa được thấu hiểu một cách rõ ràng tường tận, thì cũng cần phải đem ra hỏi han mãi cho đến khi được đón nhận sự hiểu biết ở trong những ý nghĩa mà vẫn chưa được hiểu biết.

5. Phải cố gắng ghi chép lấy những cốt lõi Giáo Pháp trọng yếu, để sẽ đem ra mà suy xét kỹ lưỡng trong các nền tảng của Giáo Pháp.

6. Không nên đem các vấn đề chẳng có liên quan với môn học mà mình đang nghiên cứu học hỏi ra để vấn hỏi.

7. Các học viên chẳng nên chỉ ngồi lắng nghe và chỉ ghi chép không thôi, mà phải nên dùng miệng để nói trong sát na đang nghiên cứu học hỏi.

8. Khi đến thời lúc đặt vấn đề trong sát na mà tất cả các học viên đang nghiên cứu học hỏi ấy, thì trước hết các học viên nên cố gắng suy nghĩ kỹ lưỡng cho được thấu hiểu ở trong vấn đề đã vừa được nêu lên, rồi mới hăng trả lời.

9. Khi đã suy nghĩ kỹ lưỡng cho đến thấu hiểu ở trong vấn đề đã vừa được nêu lên, rồi thì các học viên nên trả lời các vấn đề ấy, chẳng sợ sẽ phải trả lời trúng hoặc sai.

10. Khi đã bắt tay vào việc học rồi, thì tất cả phải nên học hỏi cho liên tục một cách tiêm tiến, nhằm để huấn tập hết cả Ngũ Quyền Lực ấy là Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ cho sinh khởi thuần thực và vững chắc.

Cuối cùng thì, Bản Đạo sẽ đem các kệ ngôn của các **Bậc Hiền Trí (Paṇḍita)** đã có nói đến, để trình bày ở tại đây nhằm đem lại lợi ích đến với các vị Giáo Thọ và các Học Viên, nhằm để có được cơ hội thực hành theo những ý nghĩa ở trong các kệ ngôn này.

Vinā hatthena lekhanam

Mukhena paṭhanam vinā

Vinā cittaena jānanam

Na attham ñāyate kadā

Bỏ qua việc học, bỏ qua việc đọc, và bỏ qua cả sự thấu hiểu; nhận thức được cả ba điều này rồi, thì đến khi nào người ấy sẽ có được sự hiểu biết nội dung bài học ? Chắc chắn là sẽ không thể nào thấu hiểu đến nội dung của bài học được.

Potthakesu ca yam sippam

Parahatthesu yam dhanam

Yathā kicce samuppanne

Na tam sippam na tam dhanam

Các học thuật thì hiện hữu ở trong kinh điển, tài sản thì hiện hữu ở trong nắm tay của tha nhân; một khi hữu sự thiết yếu khởi sinh thì các học thuật ấy cũng chẳng phải là kiến thức của mình, và các tài sản ấy cũng chẳng phải là tài sản của mình.

Rūpayobbanasampannā

Visālakulasambhavā

Vijjāhīnā na sobhante

Niggandhā iva kimsukā

Người nào, cho dù có được sắc thân da dẻ hồng hào xinh đẹp đi nữa, và cho dù đã được sinh trong một gia tộc có tài sản của cải đi nữa; thế nhưng lại thiếu đi tri kiến hiểu biết, thì cũng chẳng phải là hạng mỹ nhân ở trong hội chúng, và như thế được ví như một đoá hoa bạch kim xinh đẹp nhưng lại chẳng có hương thơm.

Paṇḍito sutasampanno

Yattha atthīti ce suto

Mahussāhena tam ṭhānam

Gantabbam va sutesinā

Ở nơi nào mà có Bậc Hiền Trí hội đủ tri kiến với cả ba Tạng, và một khi người mà có sự ưa thích tâm cầu về những tri kiến ấy đã được biết tin rồi, thì càng phải cố gắng để đến cho được trú xứ ấy.

Ganthe visāradam chekam

Sotā seviya dullabham

Ganthavācakamāceram

Cakke vaḍḍhissate kamam

Với bậc học giả đã hữu phúc duyên thì thường sẽ có được nương nhờ vào vị Giáo Thọ hội túc năng chuyên môn thông thạo ở trong cả ba Tạng chẳng chút khó khăn nào cả, và rồi nhất định sẽ tuần tự tăng tiến trên con đường **Pháp Học Giáo Truyền (Pariyattisāsanā)**, **Pháp Hành Truyền Bá (Paṭipattisāsanā)** và **Pháp Thành Viên Mãn (Pativedhasāsanā)**.

Nipuṇe sutameseyya

Vicinitvā suddhatthiko

Bhaddam hukkhalīyam pakkam Bhājanepi tathā bhavē

Bậc đã có nguyện vọng sẽ cho mình có được tri kiến của một Bậc Hiền Trí, thì hãy nên thẩm sát một cách thận trọng, tinh tế, và hãy nên tìm kiếm và tích lũy tri kiến hiểu biết ở trong trú xứ của vị Giáo Thọ có Trí Tuệ sắc sảo tinh tường, điềm đạm và thận trọng với đủ khả năng

sẽ truyền đạt lại tri kiến hiểu biết cho một cách hoàn hảo, cũng giống như cơm ở trong nồi đã được nấu chín đúng độ, thì cho dù mức bỏ vào đĩa cũng vẫn là cơm đã được nấu chín tới như nhau (còn nếu ở trong nồi đã không được nấu chín đúng độ, thì cho dù có xới bỏ vào đĩa cũng vẫn chưa chín tới vậy, và có thể là cơm sượng, hoặc gạo vẫn còn sống.)

Yo sisso sippalobhena

Bahum gahāti tam sippam

Mūgoṇa supinaṃ passaṃ

Kathetumpi na ussahe

Bậc học giả nào đã thực hiện việc học hỏi với lắm nhiều môn học thuật do bởi tham vọng có được nhiều kiến thức, bậc học giả đó sẽ không có khả năng để sẽ nói lại các môn học thuật ấy được, cũng ví như một người câm đã nằm mộng寐 chiêm bao, thế nhưng không có khả năng để sẽ kể lại cho người khác nghe được.

Mātukhīraṃ supāyaṃso

Thanamūlaṃ nachindeyya

Satthusippaṃ uggaṇhanto

Satthudosaṃ titikkheyya

Trẻ thơ đang bú sữa người Mẹ, cũng không nên làm hủy hoại nắm vú phải bị đứt lìa như thế nào, thì bậc học giả đã được thụ lãnh việc giáo dục huấn tập của bậc Thầy Giáo Thọ, cũng nên kham nhẫn đối với những ngôn từ bảo ban của vị Thầy Giáo Thọ, và cũng không nên oán giận thù hằn như thế đó.

-----00000-----

PHI LỘ

(của Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự**)

Chúng tôi phiên dịch Tạng Vô Tỷ Pháp (Tạng Diệu Pháp) cũng không ngoài ra Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn.

Chỉ về Hữu Vi cho chúng ta thấy rõ Vô Thường, Khổ Nảo và Vô Ngã để làm bàn đạp, qua rồi mới hoàn toàn rốt ráo thật tự nhiên, nêu danh là Níp Bàn (**Nibbāna**) không Luân Hồi Sinh Tử chi cả.

Nhưng chúng ta muốn hiểu thấu, Đắc Chứng chắc phải nhờ Pháp Học - Pháp Hành hoàn toàn tề bị, hầu tránh khỏi sai lầm và mê tín.

Vì thế nên chúng tôi cố gắng đem lời kinh nghiệm uyển chuyển rất nhiều lần đa cách.

Nay in ra để giúp Quý Bạn đồng tìm.

Mong lợi ích kiến thức cùng nhau tiến hóa.

Santakicco Mahā Thera

(Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự**)

-----00000-----

HỆ THỐNG NGHIÊN CỨU HỌC HỎI TẠNG VÔ TỶ PHÁP
Trong Vô Tỷ Pháp Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu
Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường Hoàng Gia

Theo Kinh Văn Có 7 Bộ

1. Bộ Pháp Tụ (**Dhammasaṅgaṇī**)
2. Bộ Phân Tích (**Vibhaṅga**)
3. Bộ Nguyên Chất Ngữ (**Dhātukathā**)
4. Bộ Nhân Chế Định (**Puggalapaññatti**)
5. Bộ Ngữ Tông (**Kathāvatthu**)
6. Bộ Song Đối (**Yamaka**)
7. Bộ Đại Phát Thú (**Mahā Paṭṭhāna**)

Theo Chú Giải Có 7 Bộ

1. **Aṭṭhāsālinī Atthakathā**
2. **Sammohavinodanī Atthakathā**
3. **Dhātukathā Atthakathā**
4. **Puggalapaññatti Atthakathā**
5. **Kathāvatthu Atthakathā**
6. **Yamaka Atthakathā**
7. **Mahā Paṭṭhāna Atthakathā**

Ghi Chú: Bộ Chú Giải thứ 3 đến thứ 7 này gọi chung lại là Bộ Chú Giải Ngũ Bộ Kinh.

Theo Chương Có 9

Chương thứ 1 với Tổng Hợp Tâm.

Chương thứ 2 với Tổng Hợp Tâm Sở.

Chương thứ 3 với Tổng Hợp Linh Tinh.

Chương thứ 4 với Tổng Hợp Lộ Trình.

Chương thứ 5 với Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình.

Chương thứ 6 với Sắc Pháp Siêu Lý, với Níp Bàn Siêu Lý.

Chương thứ 7 với Tổng Hợp Tập Yếu.

Chương thứ 8 với Liên Quan Tương Sinh Minh Giải.

Chương thứ 9 với An Chỉ Minh Giải và Minh Sát Minh Giải

Theo Sắp Lớp Sẽ Cần Phải Học Trong Hiện Tại

Lớp Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Độ Tam học

Chương thứ 1, 2, 6.

Lớp Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhị học

Chương thứ 3, 7.

Lớp Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhất học Bộ Pháp Tụ.

Lớp Trung Học Vô Tỷ Pháp Độ Tam học Chương thứ 4, 5.

Lớp Trung Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhị học Chương thứ 8, 9.

Lớp Trung Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhất học Bộ Nguyên Chất Ngữ.

Lớp Đại Học Vô Tỷ Pháp Độ Tam học Uẩn Song Đối.

Lớp Đại Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhị học Xứ Song Đối, Giới Song Đối, Đế Song Đối.

Lớp Đại Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhất học Bộ Đại Pháp Thú.

Ghi Chú: Gom 9 Lớp thích dụng thời gian học 7 năm 6 tháng, là Lớp Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Độ Tam, Độ Nhị, Độ Nhất thích dụng thời gian mỗi Lớp 6 tháng. Lớp Trung Học Vô Tỷ Pháp Độ Tam, Độ Nhị, Độ Nhất, Lớp Đại Học Vô Tỷ Pháp Độ Tam, Độ Nhị, Độ Nhất gom 6 Lớp này thích dụng thời gian học mỗi Lớp 1 năm.

TẠNG VÔ TỶ PHÁP (ABHIDHAMMAPIṬAKA)

7 BỘ VÔ TỶ PHÁP	CHƯƠNG TRÌNH THUYẾT GIẢNG	CHƯ THIÊN CHỨNG ĐẮC
1. Bộ Pháp Tụ với bộ nhóm của Pháp Siêu Lý.	12 ngày	70 triệu
2. Bộ Phân Tích với việc phân tích Pháp Siêu Lý.	12 ngày	70 triệu
3. Bộ Nguyên Chất Ngũ về Giới (Dhātu) của Pháp Siêu Lý.	6 ngày	60 triệu
4. Bộ Nhân Chế Định với Chế Định Người và Siêu Lý.	6 ngày	60 triệu
5. Bộ Ngũ Tông với việc Vấn và Đáp trong Pháp Siêu Lý.	13 ngày	70 triệu
6. Bộ Song Đối với việc thuyết giảng Pháp Siêu Lý thành từng đôi.	18 ngày	70 triệu
7. Bộ Đại Phát Thú Pháp Duyên Siêu Lý.	23 ngày	400 triệu

(đến Kiết Tập Tam Tạng lần thứ 1)

GIÁO THỌ SƯ ANURUDDHĀCARIYA SOẠN TÁC TẠNG VÔ TỶ PHÁP

Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya:

- Là một vị **Trưởng Lão (Thera)**, là thị dân **Kāvilakañci**, địa khu **Maddarāṭha**, vùng nam bộ của Xứ **Ấn Độ (India)**.

- Đi học Tạng Vô Tỷ Pháp tại thị trấn **Anurādhapurī** (miền Trung Bắc Xứ Tích Lan, vùng Bắc Đông Bắc Colombo. Thủ đô cũ của các Vua **Sinhalese** của Xứ **Ceylon**, có nhiều đá đỏ và là trung tâm hành hương của Phật Giáo) trong Xứ **Tích Lan (Srilanka)**.

- Trú xứ tại Chùa **Wattumūlasomārāma**, Cận Sự Nam (**Upāsaka**) **Namba** là thí chủ đã **thỉnh cầu (Ārāḍhanā)** cho thu thập Tạng Vô Tỷ Pháp.

- Do nương vào **Tạng Pāḷi**, **Bộ Chú Giải (Atthakathā)**, **Bộ Phụ Chú Giải (Ṭikā)**, **Bộ Tiểu Phụ Chú Giải (Anuṭṭikā)** làm nền tảng trong việc thu thập.

- Soạn tác một cách giản lược Tạng Vô Tỷ Pháp và cho gọi tên là **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgaha)** ước độ lúc Phật Lịch 900 năm.

- Đã được đón nhận sự khen ngợi kính trọng là Bậc Đại Trưởng Lão **Soạn Tác Kinh Sư (Gantharacanācāriya)**.

1. **Tạng Pāḷi** lập ý đến **Phật Ngôn (Buddhavacana)**, là ngôn từ Bậc Chánh Đẳng Giác đã minh thuyết một cách chính trực.

2. **Bộ Chú Giải (Atthakathā)** dịch nghĩa theo từ ngữ là thuyết giảng nội dung (**Attha** nội dung, **Kathā** thuyết giảng ngôn từ).

Bộ Chú Giải (Atthakathā) dịch là thuyết minh nội dung trong **Tạng Pāli** (không phải ý muốn nói rằng nội dung trong **Tạng Pāli** ấy sai lầm).

Bậc trình bày Chú Giải được đón nhận sự khen ngợi kính trọng rằng là Bậc Giáo Thọ Sư mới gọi là **Bậc Chú Giải Sư (Atthakathācāriya)** (được đón nhận sự tín nhiệm một cách cao quý đến từ **Tạng Pāli**).

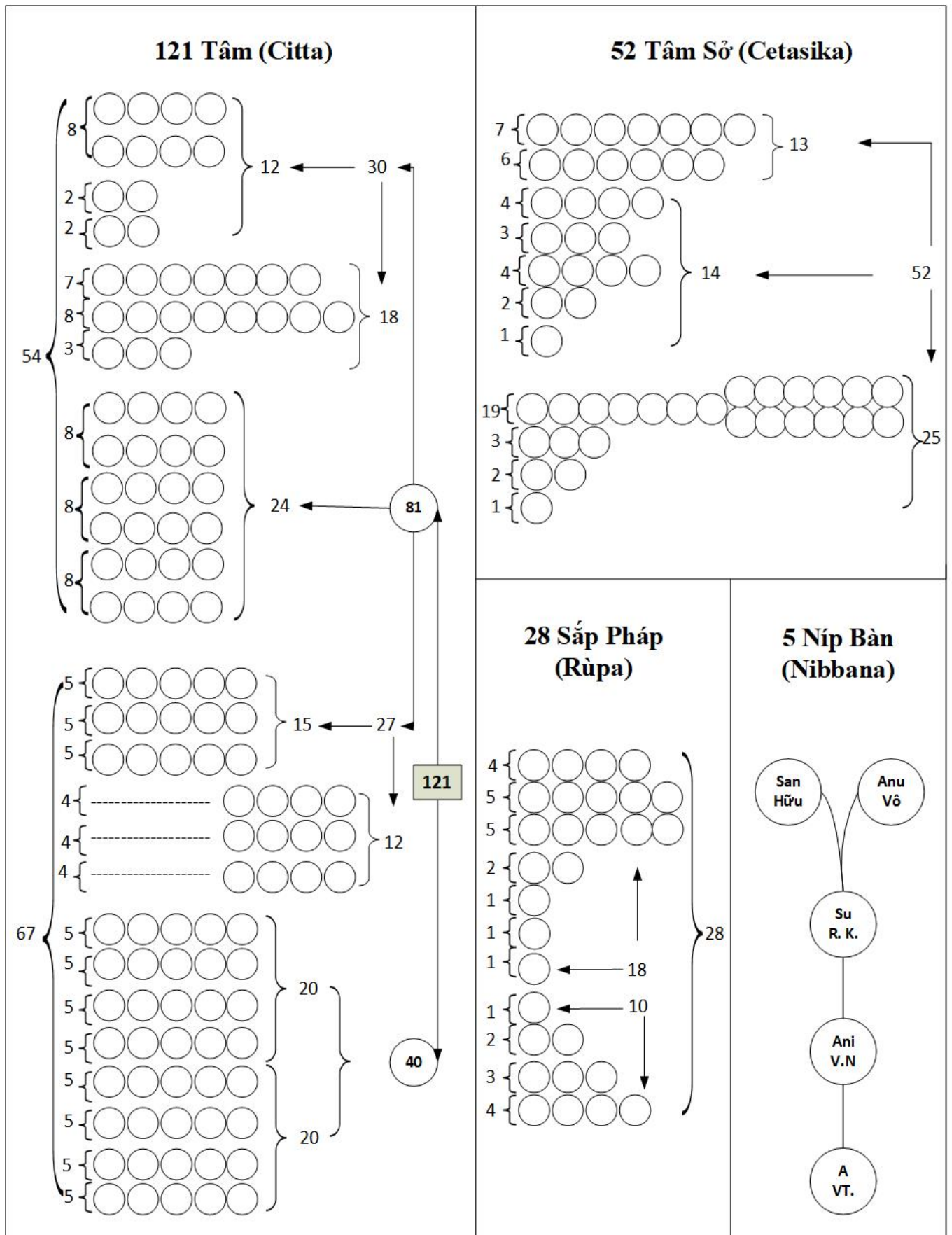
3. Bộ Phụ Chú Giải (Ṭikā) là lời thuyết minh Chú Giải một tầng cấp khác nữa, ý muốn nói rằng Bộ Chú Giải ấy có thể có nội dung đáng hoài nghi, không đủ minh bạch.

4. Bộ Tiểu Phụ Chú Giải (Anuṭṭikā) là Bậc thuyết minh điều hoài nghi chắc hẳn sẽ có trong **Bộ Phụ Chú Giải (Ṭikā)**.

5. Nhất Ban Giáo Thọ Sư (Keci Ācariya) là các Bậc Giáo Thọ khác khác trình ý kiến trong điều Pháp hoặc giải thích nội dung trong điều Pháp một cách phổ biến.

-----00000-----





PARAMATTHAJOTIKA - SIÊU LÝ QUANG MINH
KHÓA TRÌNH TIỂU HỌC VÔ TỶ PHÁP ĐỆ TAM

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDHASSA
CUNG KÍNH ĐỨC THỂ TÔN - ỨNG CÚNG - CHÁNH BIẾN TRI

PANĀMA - PAṬIÑÑĀ
TRÍ KÍNH LỄ VÀ LỜI THỆ NGUYỆN

1. Anaññavisayaṃ dhammaṃ Vandāmihaṃ vadaṃ jinaṃ
Tasseva dhammasaṅghaṇca Mahātheraṃ mamāceraṃ
2. Sotūnaṃ pāḍabhāvāya Abhidhammatthasaṅgahaṃ
Maṇḍessaṃ sādhippāyena Sarūpena sadā subhaṃ

1. Đệ tử Đức Phật xin nghiêng mình trí kính lễ đến Đức Phật là Bậc đã **chiến thắng Ác Ma (Janamāra)**, cũng là Bậc đã thuyết giảng Tạng Vô Tỷ Pháp, là Pháp chẳng thuộc khả năng của các **Bậc Độc Giác (Pacceka-buddha)** và **Thỉnh Văn Giác (Sāvaka-buddha)**, cùng với Chánh Pháp và Tăng Đoàn của Ngài, và cũng xin trí kính lễ đến cả tám Bậc Tăng Trưởng Ân Đức, đó là:

Tôn Sư **Bhaddanta Kumārathera**, Ngài là Sư Trưởng Đoàn Thuyết Pháp Giả (**Gaṇa-cariyadhammakathika**), Trụ Trì Chùa **Vāsotay**, tỉnh **Mienchān**.

Tôn Sư **Bhaddanta Ñāṇikathera**, Ngài là Luật Sư Bạc Phụ Chú Giải (**Vinayadhara Ṭikā**), là **Bậc Thượng Thủ Đại Trí Tuệ (Aggamahāpaṇḍita)** và cũng là Tăng Trưởng Chùa **Tieyyatotay**, tỉnh **Renkun**.

Tôn Sư **Bhaddanta Paññāthera**, Tôn Sư **Bhaddanta Sunadarathera** và Tôn Sư **Bhaddanta Nandavaṇsathera**, là **Bậc Thượng Thủ Đại Trí Tuệ Ngũ Bộ Kinh Đắc Đạo Giả (Aggamahāpaṇḍitapañcanikāyapārāgū)**, là **Bậc Thủ Tọa (Gaṇapāmomkha)** Chùa **Mahāvisutārāma**, tỉnh **Pagakaku**.

Tôn Sư **Bhaddanta Janakābhivamsa**, là **Bậc Thượng Thủ Đại Trí Tuệ (Aggamahāpaṇḍita)**, Ngài là **Pháp Sư Soạn Tác Kinh Điển (Dhammācariyaganthakāraka)**, Trụ Trì Chùa **Mahāgandhārāma**.

Tôn Sư **Bhaddanta Nandiyathera**, là Sư Trưởng Tập Thể Giáo Sư Vô Tỷ Pháp (**Abhi dhammagāṇācariya**), Trụ Trì Chùa **Tumongtay**.

Tôn Sư **Bhaddanta Vimalathera**, là Sư Trưởng Tập Thể Giáo Sư Vô Tỷ Pháp (**Abhi dhammagāṇācariya**), Trụ Trì Chùa **Maṅgalārāma**, tỉnh **Omrapura**, cũng là Bậc truyền giáo cả Tam Tạng cùng với Chú Giải, Phụ Chú Giải cho Bản Đạo.

2. Bây giờ, Bản Đạo sẽ tụng **Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhi dhammatthasaṅgahapakaraṇa)** với việc tóm tắt nội dung chính yếu cùng với lời giải thích

cho hữu điều lý ở mỗi chương, nhằm để làm nền tảng cho sự ổn định và sẽ hoạch đắc lợi ích trong việc nghiên cứu học hỏi của các học viên.

CHƯƠNG THỨ NHẤT: TỔNG HỢP TÂM (CITTASAṄGAHA)

TRÍ KÍNH LỄ VÀ LỜI THỆ NGUYỆN CỦA GIÁO THỌ SƯ ANURUDDHĀCĀRIYA

Sammāsambuddhamatulaṃ Sasaddhammagāṇuttamaṃ
Abhivādiya bhāsissaṃ Abhidhammatṭhasaṅgaṃ

Đệ tử Đức Phật (Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya) xin nghiêng mình thành kính dâng lễ Đức Phật là Bậc đã tự giác ngộ Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma), không có Bậc tỷ giáo, cùng với Chánh Pháp (Saddhamma – Phật Giáo Giáo Nghĩa) và Hội Chúng Thánh Tăng (Gaṇaariyaśaṅha) chí thượng, và tiếp theo là sẽ soạn tác bộ kinh có tên gọi Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatṭhasaṅga).

LỜI GIẢI THÍCH

Câu kệ này trình bày đến việc trí kính lễ (Paṇāma) là việc bày tỏ lòng cung kính đến Ân Đức Tam Bảo và lời thệ nguyện (Paṭiññā) là sự lập chí nói lời bảo chứng sẽ soạn tác bộ kinh này cho được thành tựu thể theo sự yếu cầu. Theo lẽ thường, người sẽ soạn tác kinh điển thì điều tất yếu trước tiên là sẽ phải nói lời cung kính đến Ân Đức Tam Bảo, để xin cho sự bảo hộ phòng chỉ các điều chướng ngại nguy hại không cho xâm nhập vào làm trở ngại trong việc soạn tác kinh điển này, ứng hợp như lời đã nói rằng Pūjā ca pūjanīyānaṃ, etam maṅgalamuttamaṃ - Cúng dường Bậc đáng cúng dường là kết tường thù thắng, cùng với lời nói bảo chứng rằng sẽ soạn tác bộ kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp. Với nguyên nhân này mới đưa câu kệ rằng Sammāsambuddhamatulaṃ v.v. lên trình bày cho thành câu kệ đầu tiên.

Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya bày tỏ việc cung kính Tam Bảo (Paṇāma) với câu kệ rằng Sammāsambuddhamatulaṃ sasaddhammagāṇuttamaṃ abhivādiya – trí kính lễ Đức Phật là Bậc đã tự giác ngộ Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma), không có Bậc tỷ giáo, cùng với Chánh Pháp (Saddhamma – Phật Giáo Giáo Nghĩa) và Hội Chúng Thánh Tăng (Gaṇaariyaśaṅha) chí thượng, và bày tỏ lời thệ nguyện (Paṭiññā) với câu nói bhāsissaṃ Abhidhammatṭhasaṅgaṃ. Khi phân tích câu kệ một cách phổ thông thì có được sáu câu là: Sammāsambuddhaṃ, atulaṃ, sasaddhammagāṇuttamaṃ, abhivādiya, bhāsissaṃ, Abhidhammatṭhasaṅgaṃ.

Sammāsambuddhaṃ có nghĩa Bậc đã giác ngộ tất cả Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma) bởi chính tự nơi Ngài một cách trọn vẹn, tức là duy nhất chỉ có Bậc Chánh Đẳng Giác, là việc phủ nhận cả hai Bậc Độc Giác và Bậc Thinh Văn Giác.

Atulam (Vô Khả Tử Nghi) có nghĩa không thể tìm kiếm được Bậc tử giáo. Sự việc **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** tưởng nhớ đến Ân Đức Phật với lời nói rằng **Atulam** đây, là việc rất thích hợp, bởi vì theo nguyên tắc thông thường thì việc đản sinh của Đức Phật và các Bậc Thánh Văn Giác là trong mỗi thời kỳ các Bậc Đốc Giác và Thánh Văn Giác thường đản sinh được rất nhiều vị một cách bất hạn định. Tuy nhiên đối với Bậc Chánh Đẳng Giác thì có thể đản sinh chỉ duy nhất có một vị. Với nguyên nhân này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** tưởng nhớ đến Ân Đức Phật với lời nói rằng **Atulam (Vô Khả Tử Nghi)** không thể tìm kiếm được Bậc tử giáo là việc rất thích hợp. Nếu như Bậc Chánh Đẳng Giác đản sinh lên trong từng mỗi thời kỳ mà có được nhiều hơn một vị thì việc tưởng nhớ đến Ân Đức Phật với lời nói rằng **Atulam (Vô Khả Tử Nghi)** cũng không thích hợp. Sự việc **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** tưởng nhớ đến Ân Đức Phật với lời nói rằng **Atulam** đây, là vì có ý định sẽ làm cho các học viên được thấu hiểu đến việc đản sinh của Bậc Chánh Đẳng Giác chính thị là Bậc Chánh Đẳng Giác ấy khi sẽ đản sinh trong thời kỳ nào thì có thể duy nhất chỉ có một vị, và sẽ không có được việc đản sinh đến hai vị.

Sasaddhammagāṇuttamaṃ có nghĩa cùng với Chánh Pháp và Hội Chúng Thánh Tăng chí thượng. Sự việc nói lời cung kính với câu nói rằng **Sasaddhammagāṇuttamaṃ** đây, lời nói **Saddhamma** là Chánh Pháp, **Gāṇuttamaṃ** là Chư Tăng. **Saddhamma** có ba thể loại, đó là **Pariyattidhamma (Pháp Học)** tức là Chánh Tạng **Pāli** và Chú Giải, **Paṭipatti dhamma (Pháp Hành)** tức là việc thọ trì Giới Luật, việc hành **Điều Tiết Dục (Dhutaṅga)**, việc tiến hóa **An Chỉ Nghiệp Xứ (Samatthakammaṭṭhāna)** và **Minh Sát Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)**. **Paṭivedhadhamma (Pháp Thành)** tức là **Đạo (Maggā)**, **Quả (Phala)**, **Níp Bàn (Nibbāna)**, **Nhập Thiền Định (Jhānasampatti)**, **Thắng Trí (Abhiññā)**.

Abhivādiya có nghĩa lời cung kính đối với Tam Bảo, chính thị là câu nói **Sammā sambuddhamatulam sasaddhammagāṇuttamaṃ**.

Bhāsissam có nghĩa lời bảo chứng sẽ soạn tác.

Abhidhammatthasaṅgahaṃ có nghĩa thể theo có được nói lời bảo chứng rằng sẽ soạn tác chính thị là bộ kinh **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp** này vậy.

Chỗ nói rằng **Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgahapakarāṇa)** vì bộ kinh này gom góp nội dung trong 7 bộ Vô Tỷ Pháp một cách tóm lược vào trong bộ kinh này.

Lời nói rằng **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgaha)** khi phân tách câu có thể có được bốn câu là: **Abhidhamma + attha + saṅ + gaha**.

Abhidhamma: Pháp rất thù thắng đặc biệt hơn Tạng Kinh, là 7 bộ Tạng Vô Tỷ Pháp.

Attha: Nội dung của Tạng Vô Tỷ Pháp, tức là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định.

Sam: một cách giản lược.

Gaha: Việc gom góp, tập hợp.

Vì thế, khi kết hợp cả 4 câu này lại thành **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp** dịch nghĩa là việc gom góp Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định mà Đức Phật đã lập ý thuyết giảng để trong 7 bộ kinh Vô Tỷ Pháp tóm lược vào trong bộ kinh này, vì thế các Bậc Giáo

Thọ mới gọi tên **Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgaha pakaraṇa)** này là **Chú Giải Tiểu Chỉ (Atthakathākāṇiṭṭhā – Chú Giải ngón tay út)**.

GIẢI THÍCH ĐẶC BIỆT TRONG KỆ NGÔN TRÍ KÍNH LỄ VÀ LỜI THỆ NGUYỆN

Lời nói rằng **Phật (Buddha)** hiện hữu 3 Bậc, là:

1. Một Bậc **Chánh Đẳng Giác (Sammāsambuddha)**.
2. Một Bậc **Độc Giác (Pacceka-buddha)**.
3. Một Bậc **Thinh Văn Giác (Sāvaka-buddha)**.

Quy Bái Lễ (Abhivādana) là việc lễ bái của người, có 4 thể loại, là:

1. **Tài Sản Quy Bái (Lābhavandanā)**: lễ bái vì nhu cầu tài sản.
2. **Úy Cự Quy Bái (Bhayavandanā)**: lễ bái vì sợ hãi.
3. **Phong Tục Quy Bái (Kulācāravandanā)**: lễ bái theo phong tục.
4. **Cung Kính Quy Bái (Abhivandanā)**: lễ bái cung kính một cách đặc biệt là trong **Ân Đức Giới Hạnh (Sīlaguṇa)**, **Ân Đức Định Hạnh (Samādhiguṇa)** và **Ân Đức Tuệ Hạnh (Paññāguṇa)**.

Việc lễ bái có sự triển thị 3 phương thức, là:

1. **Thân Quy Bái (Kāyavandanā)**: việc triển thị phương thức về thân.
2. **Ngữ Quy Bái (Vācīvandanā)**: việc triển thị phương thức về lời.
3. **Ý Quy Bái (Manovandanā)**: việc triển thị phương thức về ý.

Chánh Pháp (Saddhamma – Phật Giáo Giáo Nghĩa) có 10 điều, là **4 Đạo (Magga)**, **4 Quả (Phala)**, **1 Níp Bàn (Nibbāna)**, **1 Pháp Học (Pariyattidhamma)**. Hoặc **Chánh Pháp (Saddhamma)** có 3 thể loại, là:

1/. **Pariyattisaddhamma (Pháp Học Chánh Pháp)** đó là Chánh Tạng **Pāli** và Bộ Chú Giải.

2/. **Paṭipattisaddhamma (Pháp Hành Chánh Pháp)** đó là việc thọ trì Giới Luật, việc hành **Điều Tiết Dục (Dhutaṅga)**, việc tiến hóa **An Chỉ Nghiệp Xứ (Samatthakamma ṭṭhāna)** và **Minh Sát Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)**.

3/. **Paṭivedhasaddhamma (Pháp Thành Chánh Pháp)** tức là Đạo, Quả, Níp Bàn, Nhập Thiên Định, Thắng Trí.

Thánh Tăng (Ariya-saṅgha) có 4 Đôi 8 Bậc, là:

1. Thất Lai Đạo	2. Thất Lai Quả
3. Nhất Lai Đạo	4. Nhất Lai Quả
5. Bất Lai Đạo	6. Bất Lai Quả
7. Vô Sinh Đạo	8. Vô Sinh Quả

Nội dung hiện lộ trong **Tùy Niệm (Anussati) (Ấn Đức Phật - Buddhagaya) An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammattāna)**.

Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma) có năm thể loại, đó là:

1. Saṅkhāra - Hành: 89 Tâm, 52 Tâm Sở, **18 Sắc Thành Sở Tác (Nipphannarūpa)**.

2. Vikāra – Biến Thể: 5 Sắc Biến Thể.

3. Lakkhaṇa – Thực Tướng: 4 Sắc Thực Tướng.

4. Nibbāna – Níp Bàn: Trạng Thái An Tĩnh, Pháp chủng vượt thoát 5 Uẩn.

5. Chế Định – Paññatti: Thỉnh Danh Chế Định là các danh xưng, các ngôn từ v.v. - Nghĩa Lý Chế Định là nội dung, là giải thích đại ý trong câu chuyện.

BỐN PHÁP SIÊU LÝ - PARAMATTHADHAMMA 4

Tattha vuttābhidhammatthā	Ở đây được nói đến
Catudhā paramatthato	Nội Dung Vô Tỷ Pháp
Cittam cetasikam rūpam	Có bốn Pháp Siêu Lý
Nibbānamīti sabbathā.	Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn.

Trong lời nói rằng Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp ấy, rằng khi theo Pháp Siêu Lý mà chẳng phải thể loại nào khác thì thường chỉ có bốn thể loại nội dung của Tạng Vô Tỷ Pháp, đó là: Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp và Níp Bàn **(1)**.

[(1): Đối với bộ kinh này, cũng có thể trình bày một cách tuần tự bốn thể loại Pháp Siêu Lý, thể theo **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** đã rút đưa lên thành **Câu Khai Đoan (Ārambhapada)** với việc định danh gọi là **Bậc Tiểu Học Vô Tỷ Pháp (Cūḷābhidhammika)** nhằm để cho các học viên được thấu hiểu trong cả bốn Pháp Siêu Lý này trước, sẽ được làm thành việc thích hợp với thời gian và tính khí của các học viên.]

PHÂN GIẢI THÍCH

Câu kệ này là việc kết hợp sự việc trình bày bốn thể loại Pháp Siêu Lý một cách tuần tự mà **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** đã rút đưa lên trình bày thành **Câu Khai Đoan (Ārambhapada)** trong Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp này.

Paramattha chia ra thành hai câu, là **Parama + Attha**.

Parama: là Pháp bảo quý trác tuyệt, là không có việc ngộ giải biến đổi sai biệt, hoặc làm thành Pháp chủ yếu trong tất cả **Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti)** và **Thỉnh Danh Chế Định (Saddanāmapaññatti)**.

Attha: là nội dung, chính thị là Chi Pháp **Thực Tính (Sabhāva)** của Danh Sắc.

Vì thế, khi kết hợp cả hai câu này lại, chính thị là Chi Pháp **Thực Tính (Sabhāva)** của Danh Sắc ở phần bảo quý trác tuyệt, không có việc ngộ giải biến đổi sai biệt, và làm thành Pháp chủ yếu trong Nghĩa Lý Chế Định và Thỉnh Danh Chế Định, gọi tên là **Siêu Lý (Paramattha)**.

Việc thuyết giảng Chân Đế Pháp của Bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu ở hai thể loại:

1. Lập ý thuyết giảng Giáo Pháp theo sự chân thật thuộc **Ngôn Từ Giả Định (Sammutivohāra)** gọi là **Tục Đế (Sammutisacca)**, tức là Tạng Luật, Tạng Kinh, Bộ Nhân Chế Định.

2. Lập ý thuyết giảng Giáo Pháp theo sự chân thật thuộc **Thực Tính (Sabhāva)** gọi là **Siêu Lý Đế (Paramatthasacca)**, tức là sáu bộ kinh Tạng Vô Tỷ Pháp, trừ Bộ Nhân Chế Định, như có trình bày xiển minh để trong bộ **Manorathapūraṇī Atthakathā (Chú Giải Hoàn Thành Kỳ Vọng, Phẩm Thứ Nhất (Paṭhamabhāga), trang 74):**

**Duve saccāni akkhā si
Sammutiṃ paramattahañca**

**Sambuddho vadatam varo
Tatiyaṃ nupalabbhati**

Bậc Chánh Đăng Giác chí cao vô thượng hơn các bậc học giả hiền triết, Ngài không lập ý thuyết giảng Chân Đế Pháp đến ba thể loại, lập ý thuyết giảng chỉ có hai thể loại, đó là **Tục Đế Pháp (Sammutisaccadhamma)** một thể loại và **Siêu Lý Đế Pháp (Paramatthasaccadhamma)** một thể loại.

Sự việc Ngài lập ý thuyết giảng hai thể loại **Chân Đế (Sacca)** này cũng nhằm lợi ích đến Chúng Hữu Tình Khả Thuần Phục, vì rằng Chúng Hữu Tình Khả Thuần Phục ấy đã không từng nghiên cứu học hỏi và lắng nghe Tạng Vô Tỷ Pháp trong các thời kỳ Chư Phật đã trải qua ở quá khứ, vì thế Chúng Hữu Tình Khả Thuần Phục ấy mới không có khả năng sẽ được lắng nghe Pháp Siêu Lý; với nguyên nhân này, Đức Phật mới lập ý chủ yếu đưa Tục Đế Pháp là các câu chuyện mà Chúng Hữu Tình Khả Thuần Phục cần phải liễu tri một cách dễ dàng lên thuyết giảng, rồi lập ý sẽ đưa Siêu Lý Đế Pháp thuyết giảng phối hợp **một cách viên thành (Pariyosāna).**

Còn Chúng Hữu Tình Khả Thuần Phục nào đã từng nghiên cứu học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp trong các thời kỳ Chư Phật đã trải qua ở quá khứ, Chúng Hữu Tình Khả Thuần Phục ấy cũng có Trí Tuệ mãn túc sẽ được lắng nghe Pháp Siêu Lý, Đức Phật mới lập ý đưa hoàn toàn Siêu Lý Đế lên thuyết giảng đến Chúng Hữu Tình Khả Thuần Phục ấy. Sẽ là như thế nào đi nữa, việc thuyết giảng cả hai Chân Đế Pháp của Bậc Chánh Đăng Giác thường hữu ích đối với hết cả Chúng Hữu Tình Khả Thuần Phục.

Trong cả hai **Chân Đế (Sacca)** ấy, **Tục Đế Pháp (Sammutisaccadhamma)** có hai thể loại, đó là Tục Đế Pháp mà Đức Phật thuyết giảng để trong Tạng Luật, Tạng Kinh một thể loại, Tục Đế Pháp mà dân gian dùng để nói chuyện với nhau một thể loại. Cả hai thể loại Tục Đế Pháp này, cho dù sẽ là sự chân thật đi nữa, thế nhưng cũng chỉ là sự chân thật theo **Ngôn Từ Giả Định** thôi, một khi theo Chi Pháp **Thực Tính (Sabhāva)** thì không có sự chân thật, chẳng qua là một phần sự chân thật chỉ để thoát khỏi sự vi phạm **vọng ngữ (Musāvāda).**

Còn **Siêu Lý Đế Pháp (Paramatthasaccadhamma)** là Pháp có sự chân thật, chính thì là cả hai Danh và Sắc, vì thế sự việc Đức Phật lập ý thuyết giảng **Tục Đế Pháp (Sammutisaccadhamma)** để trong Tạng Luật và Tạng Kinh hoặc các dân gian ưa thích dùng để nói chuyện với nhau một cách chân chính, thường không có thành điều vọng ngữ chút nào cả, như có dẫn chứng **Pāli** trình bày để trong **Chú Giải Tăng Chi (Aṅguttara Atthakathā), Chương Thứ Nhất (Ekanipāta), Chú Giải Người (Puggalavaṇṇanā) [Manorathapūraṇī**

Atthakathā (Chú Giải Hoàn Thành Kỳ Vọng, Phẩm Thứ Nhất (Paṭhamabhāga), trang 74] như sau:

**Tasmā vohārakusalassa Lokanāthassa satthuno
Sammutiṃ voharantassa Musāvādo na jāyati**

Do nguyên nhân đã được nói đến đây, Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc thông tuệ trong **Ngôn Từ Giả Định** và là nơi nương nhờ của chúng hữu tình, khi lập ý thuyết giảng **Tục Đế Pháp** thì không thành lời vọng ngữ chút nào.

Tóm lại, **Siêu Lý Đế Pháp (Paramatthasaccadhamma)** gồm ba ý nghĩa:

1. Không bao giờ thay đổi (**Parama aviparito**): thường hằng, bất biến, trước sau đều giống nhau, không sai khác. Quá khứ, hiện tại và vị lai đều không thay đổi.
2. Đối tượng của trí tuệ cao siêu: nghĩa lý cao siêu, chân lý thù thắng (niệm theo Uẩn, Xứ, Giới, Đế v.v)
3. Chủ bản thể của Pháp Chế Định: Tạo tác hiện bày các Pháp Chế Định (Thịnh Danh Chế Định và Nghĩa Lý Chế Định).

CÓ HAI THỂ LOẠI SIÊU LÝ ĐẾ PHÁP (PARAMATTHASACCADHAMMA)

1. Thực Tính Đế (Sabhāvasacca): Pháp thành chân thật theo thực tính thực tướng; tức là **Pháp Thiện (Kusaladhamma), Pháp Bất Thiện (Akusaladhamma)** v.v. được trình bày đề trong **Tạng Vô Tỷ Pháp (Abhidhammapiṭaka)**.

2. Thánh Đế (Ariyasacca): Pháp thành chân thật một cách đặc biệt của Chư Thánh Nhân; tức là **Tứ Thánh Đế (Ariyasacca 4)** có **Khổ Đế (Dukkhasacca)** v.v. Như **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** đã trình bày thành câu kệ rằng **Tattha vuttābhidhammatthā** v.v. Đây là việc trình bày tính theo số lượng của **Siêu Lý Đế Pháp (Paramatthasaccadhamma)**.

TRÌNH BÀY THỰC TÍNH THỰC TƯỚNG 4 PHÁP SIÊU LÝ

1. Tâm Siêu Lý (Cittaparamattha) Tâm (Citta): là Pháp chủng biết Cảnh (**Āramma navijānanalakkhaṇaṃ**), là thường luôn được tiếp xúc Cảnh.

2. Tâm Sở Siêu Lý (Cetasikaparamattha) Tâm Sở (Cetasika): là Pháp chủng nương vào Tâm sinh (**Cittanisittalakkhaṇaṃ**).

3. Sắc Siêu Lý (Rūpaparamattha) Sắc (Rūpa): là Pháp chủng có sự chuyển biến, biến hóa, ảo diệt (**Rūppanalakkhaṇaṃ**).

4. Níp Bàn Siêu Lý (Nibbānaparamattha) Níp Bàn (Nibbāna): là Pháp chủng tĩnh lặng, lìa khỏi Danh Sắc Ngũ Uẩn (**Santilakkhaṇaṃ**).

Trong Bộ **Vô Ngại Giải (Paṭisambhidā)** Tạng **Pāli Đại Phẩm (Mahāvagga)** trình bày **Tâm (Citta)** này rằng có 10 danh xưng thích dụng để gọi nói với nhau, là: **Yaṃ cittam mano hadayaṃ mānaṣaṃ paṇḍaraṃ manāyatanaṃ manindriyaṃ viññāṇaṃ viññāṇak khandho tajjā manoviññāṇadhātu idaṃ cittam** - dịch nghĩa: **Tâm, Ý, Ý Vật, Tâm Lý, Tri Thức, Ý Xứ, Ý Quyền, Thức, Thức Uẩn, Ý Thức Giới**.

Trong Bộ Chú Giải **Atṭhasālinī Atthakathā** giải thích rằng:

1. Pháp chủng nào **thường tư khảo**, Pháp chủng ấy gọi tên là **Tâm (Cittam)**.
2. Pháp chủng nào **thường dẫn đi tìm Cảnh**, Pháp chủng ấy gọi tên là **Ý (Mano)**.
3. Chính thị Tâm ấy **thu thập Cảnh** để bên trong, như thế mới gọi tên là **Ý Vật (Hadayam)**.
4. Pháp chủng là **Dục (Chanda)** có trong chính Tâm ấy, gọi tên là **Tâm Lý (Mānasam - Tâm Địa)**.
5. Tâm là Pháp chủng **thuần tịnh**, Tâm được gọi tên là **Tri Thức (Paṇḍaram)**.
6. Chính thị Ý thành **Xứ (Āyatana: cảm giác khí quan)** là **vật tiếp nối** mới gọi tên là **Ý Xứ (Manāyatanam)**.
7. Chính thị Ý thành **Quyền Lực (Indriya)** là **thành trị lý chủ yếu** mới gọi tên là **Ý Quyền (Manindriyam)**.
8. Pháp chủng nào **lý giải Cảnh**, Pháp chủng ấy gọi tên là **Thức (Viññānam)**.
9. Chính thị Thức ấy **thành Uẩn (thành khối)** mới gọi tên là **Thức Uẩn (Viññānak khandho)**.
10. Chính thị Ý ấy **thành một chủng loại Giới (Dhātu)** lý giải Cảnh mới gọi tên là **Ý Thức Giới (Manoviññādhātu)**.

TÂM SIÊU LÝ (CITTAPARAMATTHA)

Tâm (Citta): là **Pháp chủng (Dhammajāti)** biết Cảnh (**Ārammaṇavijānanalak khaṇam**) chính thị là thường luôn được tiếp thấu Cảnh, mới gọi là biết Cảnh, như trình bày Chú Giải rằng **Ārammaṇa cintetīti = Cittam** dịch nghĩa “Pháp chủng nào thường biết Cảnh, là thường luôn được tiếp thấu Cảnh, vì thế Pháp chủng ấy gọi tên là **Tâm**”; hoặc một trường hợp khác **Cintenti sampayuttadhammā etenāti = Cittam** dịch nghĩa “Pháp tương ưng là các Tâm Sở thường biết Cảnh do nương nhờ Pháp chủng ấy, vì thế Pháp chủng làm thành nguyên nhân cho việc biết Cảnh của những loại Tâm Sở ấy, gọi tên là **Tâm**”; hoặc một trường hợp khác **Cintanamattam = Cittam** dịch nghĩa “Pháp chủng biết Cảnh, được tiếp thấu Cảnh, chính như thế gọi tên là **Tâm**”; hoặc một trường hợp khác **Cittī karotīti = Cittam** dịch nghĩa “Pháp chủng nào thực hiện sự sinh hoạt của chúng hữu tình cho mỹ lệ, vì thế Pháp chủng ấy gọi tên là **Tâm**”.

Các vật phi sinh mạng tinh xảo đẹp đẽ cũng do mãnh lực từ nơi Tâm, Tâm là người tạo tác cho khởi lên tinh xảo đẹp đẽ. Chúng hữu tình mỹ lệ cũng do sản sinh mỹ lệ, sản sinh mỹ lệ cũng do việc thực hiện thân, ngữ, ý mỹ lệ; việc thực hiện thân, ngữ, ý mỹ lệ ấy cũng do **Ái Dục (Taṇhā)** là sự mẫn ý mỹ lệ; **Ái Dục (Taṇhā)** mỹ lệ cũng do **Tướng (Saññā)** là sự ghi nhớ các tình tiết mỹ lệ; Tướng mỹ lệ cũng do Tâm mỹ lệ; như có **Pāḷi** trình bày đề trong **Siêu Lý Giải Minh (Paramatthadīpanī)** [Bộ Tân Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh của Ngài Ledi Mahā Thera, trang 17] rằng: **Cittavicittatāya saññāvicittā, saññāvicittatāya taṇhā vicittā, taṇhāvicittāya kammānivicittāni, kammanivicittātaya yoniyo vicittā, yonivicittatāya tesam tiracchānagatānam vicittatā veditabbā.**

Các học viên nên hiểu biết sự mỹ lệ của chúng hữu tình Bàng Sinh do sản sinh mỹ lệ, sản sinh mỹ lệ cũng do việc thực hiện thân, ngữ, ý mỹ lệ; việc thực hiện thân, ngữ, ý mỹ lệ ấy cũng do **Ái Dục (Taṇhā)** là sự mẩn ý mỹ lệ; **Ái Dục (Taṇhā)** mỹ lệ cũng do **Tưởng (Saññā)** là sự ghi nhớ các tình tiết mỹ lệ; **Tưởng** mỹ lệ cũng do **Tâm** mỹ lệ;

Tóm tắt nội dung Pháp chủng của Tâm hiện hữu ở ba thể loại, đó là:

1. Có việc thường luôn tiếp thân Cảnh.
2. Là nguyên nhân các Tâm Sở na ná biết được Cảnh với người dẫn dắt.
3. Làm cho các vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng tinh xảo đẹp đẽ.

Vì thế **Bậc Chánh Đẳng Giác** cùng với các **Ngài Chú Giải Sư** và các **Ngài Phụ Chú Giải Sư** mới trình bày rất nhiều về sự bất khả tư nghị và sự trọng yếu của Tâm, thế nhưng đặc biệt trong bộ kinh này sẽ đưa lên trình bày chỉ giản yếu vừa đủ như tiếp theo đây.

Ditṭhaṃ vo bhikkhave caraṇaṃ nāma cittaṃ cittaṇeva cittaṃ tenāpi kho bhikkhave caraṇena cittaṇeva cittaṇeva cittaṇeva. Nāhaṃ bhikkhave aññaṃ ekanikāyampi samanupassāmi evaṃ cittaṃ yathayidaṃ bhikkhave tiracchānagatā pāṇā, te pi kho bhikkhave tiracchānagatā pāṇā cittaṇeva cittaṇeva, tehi pi kho bhikkhave tiracchānagatā pāṇā cittaṇeva cittaṇeva cittaṇeva (Sampayuttanikāya Khandhavaggasampayutta Pupphavagga Dutiyagaddu labandhasutta, trang 123).

Dịch nghĩa là: Đức Thế Tôn lập ý vấn hỏi rằng “**Này Chư Tỳ Khuru, Sắc Hữu (Rūpa bhava)** mỹ lệ gọi là biểu hiện phổ truyền ở khắp mọi nơi, nhóm các người có thấy hoặc không? Dạ thấy, bạch Thế Tôn. **Này Chư Tỳ Khuru**, cho dù **Sắc Hữu** mỹ lệ đến như thế ấy, chính thị cũng do **Tâm** nghĩ khởi lên. **Này Chư Tỳ Khuru**, **Tâm** ấy là **Pháp** chủng rất mỹ lệ hơn cả **Sắc Hữu** mỹ lệ này. **Này Chư Tỳ Khuru**, các nhóm **Hữu Tình Bàng Sinh** nào hiện hữu trong thế gian, **Như Lai** không từng thấy rằng chúng hữu tình nào khác sẽ mỹ lệ tương tự với chúng hữu tình **Bàng Sinh** này vậy. **Này Chư Tỳ Khuru**, các nhóm **Hữu Tình Bàng Sinh** mỹ lệ đến chừng này chính thị cũng do **Tâm** này là người làm cho mỹ lệ. **Này Chư Tỳ Khuru**, chính thị **Tâm** này rất mỹ lệ hơn cả nhóm **Bàng Sinh**. (**Tương Ứng Bộ Kinh, Phẩm Uẩn Tương Ứng, Phẩm Hoa, trang 123**).

Cittena nīyate loka Cittena parikassati
Cittassa ekadhammassa Sabbeva vasamanvagū
(Sampayutta, Sagāthāvagga, Cittasutta, Trang 36)

Thiện Tâm thường dắt dẫn chúng sinh đi đến **Thiện Thú Địa Giới (Sugatibhūmi)**. **Bất Thiện Tâm** thường lôi kéo chúng sinh đi vào **Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi)**. Chúng hữu tình thường luôn hiện hành theo mãnh lực từ nơi **Tâm**. (**Tương Ứng, Phẩm Hữu Kê, Bài Kinh Tâm, Trang 36**).

Cittanānattamāgama Nānattaṃ hoti vāyuno
Vāyunānattato nānā Hoti kāyassa iñjanā

(Suttanipāta Atthakathā, Paramatthajotikā Atthakathā, Khuddakanikāya, Suttanipāta, Vijayasuttavaṇṇā, Trang 237).

Sắc Tâm Phong Giới (Cittajavāyodhātu) có khả năng làm cho việc đi, đứng, nằm, ngồi được sinh khởi lên, cũng do nương nhờ sự kỳ vọng của Tâm hiện hành sai khác làm tác nhân. Sắc thân đang hoạt động hiện hành sai khác, hiện khởi lên tựa như hình nộm mà có người đang nâng đỡ lên, cũng do nương nhờ vào sự hiện hành từ nơi **Sắc Tâm Phong Giới (Cittajavāyodhātu)** làm tác nhân. (**Chú Giải Kinh Tập, Chú Giải Siêu Lý Quang Minh, Tiểu Bộ Kinh, Kinh Tập, Trang 237**).

Vicittakaranā cittam
Cittakammakilesehi
Cinoti attasantānam

Attano cittatāya vā
Cittam tāyati vā tathā
Vicittārammananti

(Abhidhammatthavibhāvanīṭikā, Trang 74)

Gọi là Tâm vì làm cho hành động cử chỉ mỹ lệ (chủ yếu chỉ nhắm 32 Tâm), hoặc gọi là Tâm vì thực tính mỹ lệ của mình (chủ yếu lấy hết thấy 89 Tâm). **Tâm Dị Thục Quả (Vipākacitta)** gọi là Tâm vì các thể loại Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực và Phiền Não này làm thành người tích lũy; hoặc Tâm Dị Thục Quả gọi là Tâm vì thường gìn giữ lấy phần sắc thân được sinh từ nơi Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực và Phiền Não. Thức nào thường làm cho Uẩn tánh sinh khởi tiếp nối nhau một cách không gián đoạn, vì thế Thức đó gọi tên là Tâm (chủ yếu lấy Đồng Lực Bất Thiện và Đồng Lực Thiện Hiệp Thế). (Dịch một cách khác) Thức nào làm cho tâm tánh mình sinh khởi chuyển tiếp nối nhau một cách không gián đoạn (chủ yếu lấy 47 Đồng Lực Hiệp Thế làm được Trùng Dụng Duyên); Thức nào có Cảnh tinh xảo đẹp đẽ, vì thế Thức đó gọi tên là Tâm (chủ yếu lấy hết thấy 89 Tâm).

Sự diệt mất của Tâm này thường hiện hành một cách tấn tốc, thật khó mà sẽ tìm cái chi để so sánh được, vì thế, Đức Thế Tôn mới lập ý thuyết giảng đề trong **Tăng Chi Tạng Pāli (Aṅguttaranikāya Ekanipāta Paṇihitaacchavagga, Trang 9)** rằng: **Yāvañcidam bhikkhave uapamāpi na sukarā yāvalahuparivattam cittanti** - Đây Chư Tỳ Khuru, Tâm này sinh diệt một cách tấn tốc, với nguyên nhân này mới tìm kiếm điều tỷ dụ nêu lên để so sánh một cách rất khó khăn.”

Theo Bộ Chú Giải (**Atthakathā**) có chú giải Tâm như sau:

1. **Trạng thái:** Là biết cảnh (**Ārammaṇamvijāranalakkhanam**).
2. **Phận sự:** Chủ trì, hướng dẫn Tâm Sở (**Pubbamgamarasam**).
3. **Sự thành tựu:** Sinh diệt nối tiếp nhau không gián đoạn (**Sandhanapaccupaṭṭhānam**).
4. **Nhân cần thiết:** Là Tâm Sở và Sắc Pháp (**Nāmarūpapadaṭṭhanam**).

Lại nữa, cần phải biết Tứ Nhân Sinh Tâm:

1. **Nghiệp Quá Khứ (Atītakamma):** Là những hành động Thiện hoặc Bất Thiện trong quá khứ tạo ra quả hiện tại. Thành phần chính được nói đến là Tâm Quả Dị Thục.

2. **Tâm Sở (Cetasika):** Là thành phần phụ thuộc của Tâm. Nhân tố khởi sinh Tâm theo Tứ Đồng (đồng sinh, đồng diệt, đồng biết một cảnh và đồng nương một căn với Tâm).

3. Cảnh (Āramma): Là đối tượng của Tâm. Những cái chi được Tâm biết gọi là Cảnh.

4. Căn (Vatthu): Là những sắc thần kinh (như sắc thần kinh làm chỗ nương của Tâm Nhân Thức v.v), chỗ nương của Tâm Thức.

TÂM SỞ SIÊU LÝ (CETASIKAPARAMATTHA)

Tâm Sở (Cetasika): là Pháp chủng y cứ Tâm sinh (**Cittanisittalakkhanam**). Tâm Sở y cứ Tâm sinh khởi đây, khác biệt với cây phải nương nhờ y cứ vào mặt đất khởi sinh lên. Bởi vì mặt đất với cây ấy, mặt đất là **cơ địa chi xanh vật (Thānaākāra)**, còn cây là **chỗ đáng để nương sinh (Thānādhēyya)**. Đối với Tâm và Tâm Sở, Tâm là **nơi y chỉ (Nissaya)** và Tâm Sở là **tư cụ y chỉ (hoàn toàn nương đỡ - Nissita)** giống như thầy và đệ tử. Tất cả đây cũng vì các Tâm Sở sẽ biết Cảnh được cũng do y cứ Tâm làm chủ yếu; loại trừ Tâm đi rồi, Tâm Sở không thể biết được Cảnh, ghi nhớ là sẽ phải y cứ Tâm đang luôn thường sinh. Vì thế mới nói được rằng Pháp chủng của Tâm Sở thường sinh trong Tâm hoặc thường phối hợp một cách bền vững trong Tâm. Như có **Pāḷi** Chú Giải rằng: **Cetasi bhavam = Cetasi kam (vā) Cetasi niyuttam = Cetasikam** dịch nghĩa Pháp chủng sinh trong Tâm gọi tên Tâm Sở (hoặc) Pháp chủng phối hợp một cách bền vững trong Tâm gọi tên Tâm Sở.

TRÌNH BÀY SỰ HIỆN HÀNH CỦA TÂM, TÂM SỞ VÀ CẢNH

Sự hiện hành của cả ba thể loại Tâm, Tâm Sở và Cảnh đây, tỷ dụ như một họa sĩ đang vẽ những hình ảnh lên trên tấm vải. Khi nêu cả ba thể loại Tâm, Tâm Sở và Cảnh lên để so sánh với nhau thì Tâm giống như nước hòa hợp với các màu sắc; Tâm Sở giống như các màu sắc; Cảnh là các vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng giống như tấm vải; cây cọ giống như với cả sáu cửa có mắt, tai v.v. họa sĩ tựa như tất cả chúng sinh.

SẮC SIÊU LÝ (RŪPAPARAMATTHA)

Sắc (Rūpa): Pháp chủng có sự chuyển biến, biến hóa, ảo diệt (**Rūppanalakkhanam**) trong khi tiếp xúc với tác nhân bất phù hợp. Tác nhân bất phù hợp gọi là **Đối Nghịch Duyên (Virodhipaccaya)** là sự lạnh, nóng, đói cơm, khát nước, con muỗi, bọ mắt, con mòng, mặt, gió, nắng, rắn cắn, rít kẹp, bò cạp chích v.v. như có **Pāḷi** Chú Giải rằng: **Sītuñhādi virodhi paccayehi ruppattīti = Rūpam** dịch nghĩa “Pháp chủng nào thường biến hóa ảo diệt đi bởi Đối Nghịch Duyên có sự nóng, lạnh v.v như thế Pháp chủng ấy gọi tên Sắc Pháp”.

NÍP BÀN SIÊU LÝ (NIBBĀNAPARAMATTHA)

Níp Bàn (Nibbāna): là Pháp chủng tĩnh lặng, lìa khỏi Danh Sắc Ngũ Uẩn (**Santilakkhanam**). Sự việc như vậy cũng do Níp Bàn đây chính thị là Pháp chủng xa lìa **Ái Dục**

(**Taṇhā**) một cách tuyệt đối. Do nguyên nhân này, các Bậc Vô Sinh khi đã đạt đến **Uẩn Níp Bàn (Khandhapariniḥṣā)** thì các **Khổ Luân (Vaṭṭadukkha)** đó là sự sinh, già, đau, chết v.v những loại này cũng tiêu thất toàn bộ, không còn dư sót, như có **Pāḷi** Chú Giải rằng: **Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ (vā) Nibbāyanti sabbe vaṭṭadukkhasantāpā etasminti = Nibbānaṃ (vā) Nibbāyanti ariyajānā etasminti = Nibbānaṃ** dịch nghĩa Pháp chủng nào thường thoát khỏi **Ái Dục** gọi tên **Vāna (Dục Vọng)** đó là vật kết nối Hữu nhỏ Hữu lớn cho tiếp nối nhau một cách tuyệt đối, như thế Pháp chủng ấy gọi tên **Níp Bàn**, (hoặc) **Khổ Luân** và các sự thống khổ khác thường không có trong Níp Bàn này, vì thế Pháp chủng thành sự diệt tắt từ nơi **Khổ Luân** và các sự thống khổ khác gọi tên **Níp Bàn**, (hoặc) các Bậc Thánh Nhân khi đã đạt đến **Uẩn Níp Bàn** thường diệt tắt hết thảy, là bất sinh bất tử, vì thế Pháp chủng hủy diệt sự sinh, sự tử cho tiêu thất toàn bộ hết thảy, gọi tên **Níp Bàn**.

Lời nói rằng **Nibbāna** khi ngắt câu ra được hai câu là **Ni + Vāna**. **Ni** dịch là thoát lìa, hay xuất ra. **Vāna** dịch là Ái Dục. Khi kết hợp cả hai câu vào nhau thành **Nivāna** dịch là thoát khỏi Ái Dục, hoặc vượt ra khỏi Ái Dục. Lời nói rằng **Nivāna** thành **Nibbāna** hiện hành theo **Phần Ngũ Pháp (Veyyākaraṇanaya)**, là chỉ một chữ **V** cho thành hai chữ **V V** (bởi theo trạng thái), hai chữ **V V** thay đổi thành hai chữ **B B**, vì thế mới thành **Nibbāna**.

CHÌA KHÓA THỨ NHẤT PHÂN TÍCH TÂM THEO ĐỊA GIỚI (BHŪMI)

Tattha cittaṃ tava catubbidham hoti kāmāvacaraṃ rūpāvacaraṃ arūpāvacaraṃ lokuttarañceti.

Trong cả bốn Pháp Siêu Lý, **Pháp Tâm Siêu Lý (Cittaparamatthadhamma)** trình bày ở phần đầu tiên trong **Câu Khai Đoan (Ārambhapada)** có bốn thể loại, là: **Tâm Dục Giới (Kāmāvacaracitta)**, **Tâm Sắc Giới (Rūpāvacaracitta)**, **Tâm Vô Sắc Giới (Arūpāvacaracitta)**, **Tâm Siêu Thế (Lokuttaracitta)**.

PHÂN GIẢI THÍCH

Trong cả bốn Pháp Siêu Lý ấy, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** nêu Pháp Tâm Siêu Lý lên theo thứ tự trước tiên trong **Câu Khai Đoan (Ārambhapada)** như có câu kệ:

**Tatha vuttābhidhammatthā Catudhā paramatthato
Cittaṃ cetasikaṃ rūpaṃ Nibbānamiti sabbathā**

Tâm có bốn thể loại, là Tâm Dục Giới có 54, Tâm Sắc Giới có 15, Tâm Vô Sắc Giới có 12, Tâm Siêu Lý có 8 hoặc 40. Gộp lại thành 89 hay 121 Tâm.

Tâm Dục Giới có 30 Tâm Vô Tịnh Hảo	Gom lại thành
Và có 24 Tâm Tịnh Hảo	54 Tâm
Tâm Vô Tịnh Hảo có 12 Tâm Bất Thiện	Gom lại thành
và 18 Tâm Vô Nhân	30 Tâm

Tâm Bất Thiện có 8 Tâm căn Tham	Gom lại thành 12 Tâm
2 Tâm căn Sân	
và 2 Tâm căn Si	
Tâm Vô Nhân có 7 Tâm Quả Bất Thiện	Gom lại thành 18 Tâm
8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân	
và 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân	
Tâm Dục Giới Tịnh Hảo có 8 Tâm Đại Thiện	Gom lại thành 24 Tâm
8 Tâm Đại Quả	
và 8 Tâm Đại Duy Tác	
Tâm Sắc Giới có 5 Tâm Thiện	Gom lại thành 15 Tâm
5 Tâm Quả	
và 5 Tâm Duy Tác	
Tâm Vô Sắc Giới có 4 Tâm Thiện	Gom lại thành 12 Tâm
4 Tâm Quả	
và 4 Tâm Duy Tác	
Tâm Đáo Đại có 15 Tâm Sắc Giới	Gom lại thành 27 Tâm
và 12 Tâm Vô Sắc Giới	
Tâm Hiệp Thế có 54 Tâm Dục Giới	Gom lại thành 81 Tâm
Và 27 Tâm Đáo Đại	
Tâm Siêu Thế có 4 Tâm Đạo và 4 Tâm Quả hoặc có 20 Tâm Đạo và 20 Tâm Quả	Gom lại thành 8 Tâm (tính theo hẹp) Gom lại thành 40 Tâm (tính theo rộng)
Tâm Đạo có (Có 4 hoặc 20)	1 hay 5 Tâm Đạo Thất Lai 1 hay 5 Tâm Đạo Nhất Lai 1 hay 5 Tâm Đạo Bất Lai. 1 hay 5 Tâm Đạo Vô Sinh
Tâm Quả có (Có 4 hoặc 20)	1 hay 5 Tâm Quả Thất Lai 1 hay 5 Tâm Quả Nhất Lai 1 hay 5 Tâm Quả Bất Lai 1 hay 5 Tâm Quả Vô Sinh

Ghi chú: Tâm Đạo là Thiện, Tâm Quả là Dị Thục Quả bởi Tâm Đạo làm nhân cho Tâm Quả sinh.

Tâm Hữu Nhân có 12 Tâm Bất Thiện	Gom thành 71 hay 103 Tâm
24 Tâm Dục Giới	
và 40 Tâm Siêu Thế	

54 Tâm Dục Giới là 30 Tâm Vô Tịnh Hảo (**Asobhaṇacitta**)
24 Tâm Tịnh Hảo (**Sobhaṇacitta**) } gom thành 54 Tâm Dục Giới

30 Tâm Vô Tịnh Hảo là 12 Tâm Bất Thiện (**Akusalaṇacitta**) } gom thành 30 Tâm

	18 Tâm Vô Nhân (Ahetukacitta)		Vô Tịnh Hảo
12 Tâm Bất Thiện là	8 Tâm căn Tham (Lobhamūlacitta)	}	gom thành
	2 Tâm căn Sân (Dosamūlacitta)		12 Tâm
	2 Tâm căn Si (Mohamūlacitta)		Bất Thiện
18 Tâm Vô Nhân là	7 Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân	}	gom thành
	8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân		18 Tâm
	3 Tâm Duy Tác Vô Nhân		Vô Nhân
24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo là	8 Tâm Đại Thiện	}	gom thành
	8 Tâm Đại Quả		24 Tâm Dục Giới
	8 Tâm Đại Duy Tác		Tịnh Hảo
15 Tâm Sắc Giới là	5 Tâm Thiện (Kusalacitta)	}	gom thành
	5 Tâm Dị Thục Quả (Vipākacitta)		15 Tâm
	5 Tâm Duy Tác (Kiriyacitta)		Sắc Giới
12 Tâm Vô Sắc Giới là	4 Tâm Thiện (Kusalacitta)	}	gom thành
	4 Tâm Dị Thục Quả (Vipākacitta)		12 Tâm
	4 Tâm Duy Tác (Kiriyacitta)		Vô Sắc Giới
27 Tâm Đáo Đại là	15 Tâm Sắc Giới	}	gom thành 27 Tâm
	12 Tâm Vô Sắc Giới		Đáo Đại
81 Tâm Hiệp Thế là	54 Tâm Dục Giới	}	gom thành 81 Tâm
	27 Tâm Đáo Đại		Hiệp Thế
8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế là	4 Tâm Đạo (Maggacitta)	}	gom thành 8 Tâm
	4 Tâm Quả (Phalacitta)		Siêu Thế
	hoặc 20 Tâm Đạo (Maggacitta)	}	gom thành 40 Tâm
	20 Tâm Quả (Phalacitta)		Siêu Thế
4 hoặc 20 Tâm Đạo là	1 hoặc 5 Tâm Đạo Thất Lai (Sotāpattimaggacitta)		
	1 hoặc 5 Tâm Đạo Nhất Lai (Sakadāgāmimaggacitta)		
	1 hoặc 5 Tâm Đạo Bất Lai (Anāgāmimaggacitta)		
	1 hoặc 5 Tâm Đạo Vô Sinh (Arahattamaggacitta)		
4 hoặc 20 Tâm Quả là	1 hoặc 5 Tâm Quả Thất Lai (Sotāpattiphalacitta)		
	1 hoặc 5 Tâm Quả Nhất Lai (Sakadāgāmiphalacitta)		
	1 hoặc 5 Tâm Quả Bất Lai (Anāgāmiphalacitta)		
	1 hoặc 5 Tâm Quả Vô Sinh (Arahattaphalacitta)		
67 Tâm Thiền (Jhānacitta) là	27 Tâm Đáo Đại	}	gom thành
	40 Tâm Siêu Thế		67 Tâm Thiền
71 hoặc 103 Tâm Hữu Nhân là	12 Tâm Bất Thiện	}	gom thành
	24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo		71 hoặc 103
	27 Tâm Đáo Đại		Tâm
	8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế		Hữu Nhân

CHÌA KHÓA THỨ HAI

**12 TÂM BẤT THIỆN (AKUSALACITTA 12)
8 TÂM CĂN THAM (LOBHAMŪLACITTA 8):**

- 1. Somanassasahagatam Ditṭhigatasampayuttam Asañkhārikam**
Câu Hành Hỷ Tương Ứng Kiến Vô Dẫn.
- 2. Somanassasahagatam Ditṭhigatasampayuttam Sasañkhārikam**
Câu Hành Hỷ Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn.
- 3. Somanassasahagatam Ditṭhigatavippayuttam Asañkhārikam**
Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Kiến Vô Dẫn.
- 4. Somanassasahagatam Ditṭhigatavippayuttam Sasañkhārikam**
Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn.
- 5. Upekkhāsahagatam Ditṭhigatasampayuttam Asañkhārikam**
Câu Hành Xả Tương Ứng Kiến Vô Dẫn.
- 6. Upekkhāsahagatam Ditṭhigatasampayuttam Sasañkhārikam**
Câu Hành Xả Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn.
- 7. Upekkhāsahagatam Ditṭhigatavippayuttam Asañkhārikam**
Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Kiến Vô Dẫn.
- 8. Upekkhāsahagatam Ditṭhigatavippayuttam Sasañkhārikam**
Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn.

2 TÂM CĂN SÂN (DOSAMŪLACITTA 2):

- 1. Domanassasahagatam Paṭighasampayuttam Asañkhārikam**
Câu Hành Ưu Tương Ứng Phần Hận Vô Dẫn.
- 2. Domanassasahagatam Paṭighasampayuttam Sasañkhārikam**
Câu Hành Ưu Tương Ứng Phần Hận Hữu Dẫn.

2 TÂM CĂN SI (MOHAMŪLACITTA 2):

- 1. Upekkhāsahagatam Vicikicchāsampayuttam**
Câu Hành Xả Tương Ứng Hoài Nghi.
- 2. Upekkhāsahagatam Uddhaccasampayuttam**
Câu Hành Xả Tương Ứng Trạo Cử.

**18 TÂM VÔ NHÂN (AHETUKUCITTA 18)
7 TÂM DỊ THỰC QUẢ BẤT THIỆN (AKUSALAVIPĀKACITTA 7):**

- 1. Upekkhāsahagatam Cakkhaviññāṇam** – Nhãn Thức Câu Hành Xả
- 2. Upekkhāsahagatam Sotaviññāṇam** – Nhĩ Thức Câu Hành Xả

3. **Upekkhāsaḥagataṃ Ghānaviññāṇaṃ**– Tỷ Thức Câu Hành Xả
4. **Upekkhāsaḥagataṃ Jivhāviññāṇaṃ** – Thiệt Thức Câu Hành Xả
5. **Dukkhasaḥagataṃ Kāyaviññāṇaṃ** – Thân Thức Câu Hành Khổ.
6. **Upekkhāsaḥagataṃ Sampaticchanacittaṃ** – Tiếp Thâu Câu Hành Xả
7. **Upekkhāsaḥagataṃ Santīraṇacittaṃ** – Thâm Tấn Câu Hành Xả

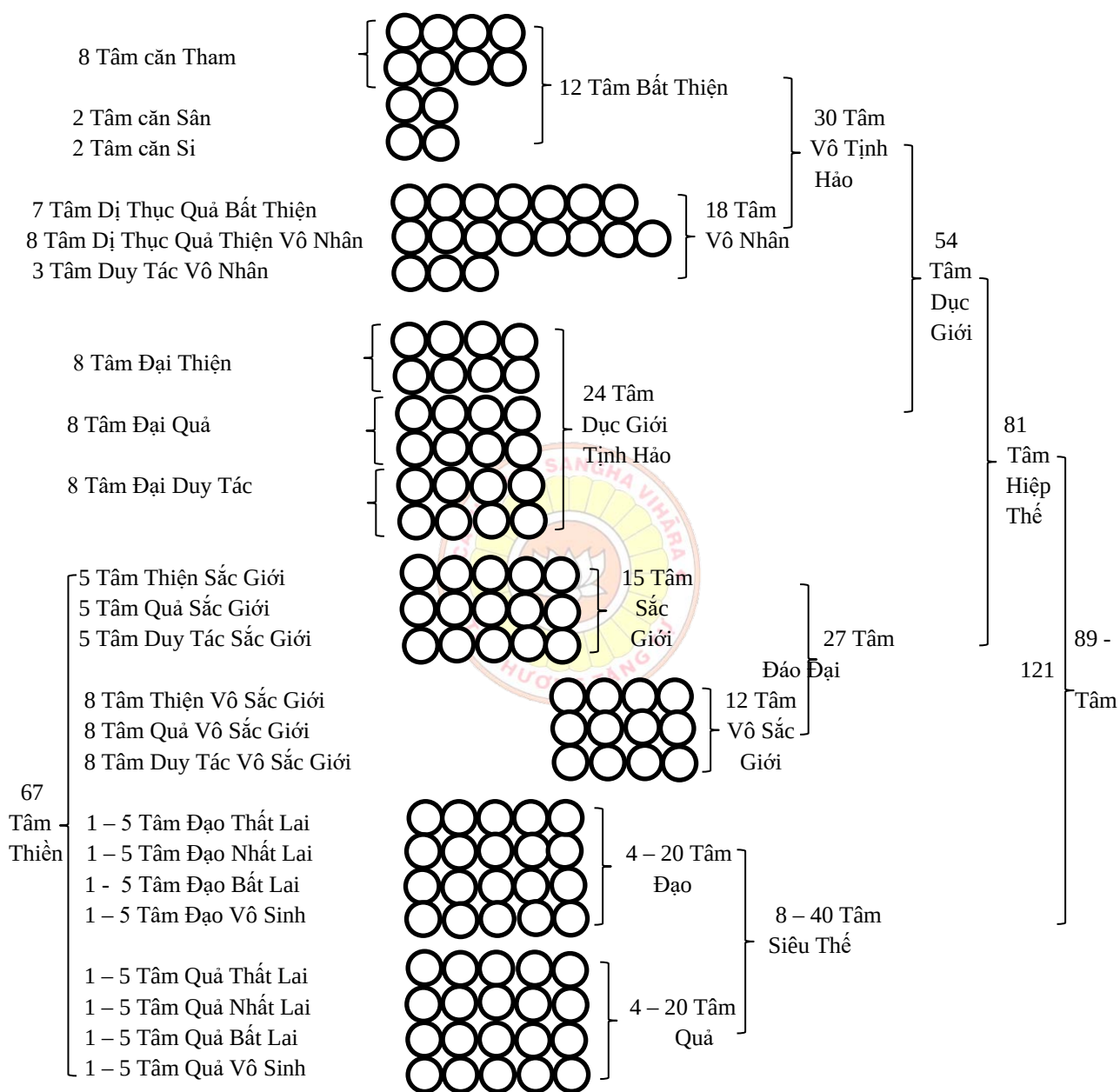
8 TÂM DỊ THỰC QUẢ THIỆN VÔ NHÂN (AHETUKAKUSALAVIPĀKACITTA 8)

1. **Upekkhāsaḥagataṃ Cakkhaviññāṇaṃ** – Nhãn Thức Câu Hành Xả
2. **Upekkhāsaḥagataṃ Sotaviññāṇaṃ** – Nhĩ Thức Câu Hành Xả
3. **Upekkhāsaḥagataṃ Ghānaviññāṇaṃ** – Tỷ Thức Câu Hành Xả
4. **Upekkhāsaḥagataṃ Jivhāviññāṇaṃ** – Thiệt Thức Câu Hành Xả
5. **Sukhasaḥagataṃ Kāyaviññāṇaṃ**– Thân Thức Câu Hành Lạc.
6. **Upekkhāsaḥagataṃ Sampaticchanacittaṃ** – Tâm Tiếp Thâu Câu Hành Xả
7. **Upekkhāsaḥagataṃ Santīraṇacittaṃ** – Tâm Thâm Tấn Câu Hành Xả
8. **Somanassasaḥagataṃ Santīraṇacittaṃ** – Tâm Thâm Tấn Câu Hành Hỷ.

3 TÂM DUY TÁC VÔ NHÂN (AHETUKAKIRIYĀCITTA 3)

1. **Upekkhāsaḥagataṃ Pañcadvārāvajjanacittaṃ** – Tâm Khai Ngũ Môn Câu Hành Xả
2. **Upekkhāsaḥagataṃ Manodvārāvajjanacittaṃ** - Tâm Khai Ý Môn Câu Hành Xả
3. **Somanassasaḥagataṃ Hasituppādacittaṃ** – Tâm Tiếu Sinh Câu Hành Hỷ.

BẢN LƯỢC ĐỒ CHÌA KHÓA THỨ NHẤT



**24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO (KĀMĀVACARASOBHAṆACITTA 24):
8 TÂM ĐẠI THIỆN (MAHĀKUSALACITTA 8), 8 TÂM ĐẠI QUẢ
(MAHĀVIPĀKACITTA 8), 8 TÂM ĐẠI DUY TÁC (MAHĀKIRIYĀCITTA 8)**

- 1. Somanassasahagataṃ Nāṇasampayuttaṃ Asaṅkhārikaṃ**
Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí Vô Dẫn.
- 2. Somanassasahagataṃ Nāṇasampayuttaṃ Sasaṅkhārikaṃ**
Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.
- 3. Somanassasahagataṃ Nāṇavippayuttaṃ Asaṅkhārikaṃ**
Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Vô Dẫn.
- 4. Somanassasahagataṃ Nāṇavippayuttaṃ Sasaṅkhārikaṃ**
Câu Hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.
- 5. Upekkhāsahagataṃ Nāṇasampayuttaṃ Asaṅkhārikaṃ**
Câu Hành Xả Tương Ứng Trí Vô Dẫn.
- 6. Upekkhāsahagataṃ Nāṇasampayuttaṃ Sasaṅkhārikaṃ**
Câu Hành Xả Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.
- 7. Upekkhāsahagataṃ Nāṇavippayuttaṃ Asaṅkhārikaṃ**
Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Trí Vô Dẫn.
- 8. Upekkhāsahagataṃ Nāṇavippayuttaṃ Sasaṅkhārikaṃ**
Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.

15 TÂM SẮC GIỚI (RŪPŪVACARACITTA 15)

- 1. Vitakkavicārapīṭisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhāna kusalacittaṃ, vipāka
cittaṃ, kriyacittaṃ.**

Tâm Thiện, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác Sơ Thiền Câu Hành Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhút Thống.

- 2. Vicārapīṭisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhāna kusalacittaṃ, vipākacittaṃ,
kriyacittaṃ.**

Tâm Thiện, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác Nhị Thiền Câu Hành Tứ, Hỷ, Lạc, Nhút Thống.

- 3. Pīṭisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna kusalacittaṃ, vipākacittaṃ,
kriyacittaṃ.**

Tâm Thiện, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác Tam Thiền Câu Hành Hỷ, Lạc, Nhút Thống.

4. Sukhaekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna kusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriyacittaṃ.

Tâm Thiện, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác Tứ Thiên Câu Hành Lạc, Nhứt Thống.

5. Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna kusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriyacittaṃ.

Tâm Thiện, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác Ngũ Thiên Câu Hành Xả, Nhứt Thống.

12 TÂM VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARACITTA 12)

1. Upekkhāekaggatāsahitaṃ Ākāśañāñcāyatanakusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriyacittaṃ

Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác Câu Hành Xả, Nhứt Thống.

2. Upekkhāekaggatāsahitaṃ Viññañañcāyatanakusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriyacittaṃ

Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác Câu Hành Xả, Nhứt Thống.

3. Upekkhāekaggatāsahitaṃ Ākiñcaññāyatanakusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriyacittaṃ

Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác Câu Hành Xả, Nhứt Thống.

4. Upekkhāekaggatāsahitaṃ Nevasaññānāsaññāyatanakusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriyacittaṃ

Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Duy Tác Câu Hành Xả, Nhứt Thống.

40 TÂM SIÊU THỂ (LOKUTTARACITTA 40)

5 TÂM ĐẠO THẤT LAI (SOTĀPATTIMAGGACITTA 5):

1. Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhāna Sotāpattimagga cittaṃ

Tâm Đạo Thất Lai Sơ Thiên Câu Hành Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

2. Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhāna Sotāpattimagga cittaṃ

Tâm Đạo Thất Lai Nhị Thiên Câu Hành Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

3. Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna Sotāpattimagga cittaṃ

Tâm Đạo Thất Lai Tam Thiên Câu Hành Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

4. Sukhaekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna Sotāpattimagga cittaṃ

Tâm Đạo Thất Lai Tứ Thiên Câu Hành Lạc, Nhứt Thống.

5. Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna Sotāpattimagga cittaṃ

Tâm Đạo Thất Lai Ngũ Thiên Câu Hành Xả, Nhứt Thống.

5 Tâm Đạo Nhất Lai (Sakadāgāṃimaggacitta), 5 Tâm Đạo Bất Lai (Anāgāmi maggacitta), 5 Tâm Đạo Vô Sinh (Arahattamaggacitta) và 20 Tâm Quả (Phalacitta) có 5 Tâm Quả Thất Lai v.v. cũng hiện hành trong cùng phương thức với 5 Tâm Đạo Thất Lai.

LỜI DỊCH MỘT CÁCH GIẢN LƯỢC TRONG CHÌA KHÓA THỨ HAI LỜI DỊCH TRONG 5 THỂ LOẠI TỪ NGŨ CÂU HÀNH (SAHAGATAM)

1. **Somanassasahagatam – Câu Hành Hỷ:** Tâm câu sinh Hỷ Thọ (Somanassavedanā), là sự hỷ duyệt ý.

2. **Upekkhāsahagatam – Câu Hành Xả:** Tâm câu sinh Xả Thọ (Upekkhāvedanā), là sự tĩnh mặc.

3. **Domanassasahagatam – Câu Hành Ưu:** Tâm câu sinh Ưu Thọ (Domanassa vedanā), là sự khả tích thống tâm.

4. **Dukkhasahagatam – Câu Hành Khổ:** Tâm câu sinh Khổ Thọ, là sự khổ thân.

5. **Sukhasahagatam – Câu Hành Lạc:** Tâm câu sinh Lạc Thọ, là sự lạc thân.

LỜI DỊCH TRONG 5 THỂ LOẠI TỪ NGŨ TƯƠNG ỨNG (SAMPAYUTTAM)

1. **Diṭṭhigatasampayuttam – Tương Ứng Kiến:** Tâm phối hợp với tà kiến, là sự thấy sai.

2. **Paṭighasampayuttam – Tương Ứng Phẫn Hận:** Tâm phối hợp với sân hận, là sự phát nộ não hỏa.

3. **Vicikicchāsampayuttam – Tương Ứng Hoài Nghi:** Tâm phối hợp với hoài nghi, là sự hoài nghi.

4. **Uddhaccasampayuttam – Tương Ứng Trạo Cử:** Tâm phối hợp với trạo cử, là tâm thần bất định, tâm viên ý mã.

5. **Ñāṇasampayuttam – Tương Ứng Trí:** Tâm phối hợp với Trí Tuệ, là sự tri đạo.

LỜI DỊCH TRONG 2 THỂ LOẠI TỪ NGŨ BẤT TƯƠNG ỨNG (VIPPAYUTTAM)

1. **Diṭṭhigatavippayuttam - Bất Tương Ứng Kiến:** Tâm bất phối hợp tà kiến, là không có sự thấy sai.

2. **Ñāṇavippayuttam - Bất Tương Ứng Trí:** Tâm bất phối hợp trí tuệ, là không có sự tri đạo.

LỜI DỊCH TRONG TỪ NGŨ ASAÑKHĀRIKAM - SASAÑKHĀRIKAM

1. **Asañkhārikam - Vô Dẫn:** Tâm sinh khởi do không có việc yêu thỉnh, khuyên đạo.

2. **Sasañkhārikam - Hữu Dẫn:** Tâm sinh khởi do có việc yêu thỉnh, khuyên đạo.

LỜI DỊCH TRONG 5 THỂ LOẠI TỪ NGŨ THỨC (VIÑÑĀṆAM)

1. Cakkhuvīññanam – Nhãn Thức: Tâm nương vào Nhãn vật khán kiến Cảnh Sắc ở phần tốt đẹp và không tốt đẹp.

2. Sotaviññāṇam – Nhĩ Thức: Tâm nương vào Nhĩ vật thính văn âm thanh ở phần tốt đẹp và không tốt đẹp.

3. Ghānaviññāṇam – Ty Thức: Tâm nương vào Ty vật khứu khí mùi hơi ở phần tốt đẹp và không tốt đẹp.

4. Jivhaviññāṇam – Thiệt Thức: Tâm nương vào Thiệt vật tri đặc khẩu vị ở phần tốt đẹp và không tốt đẹp.

5. Kāyaviññāṇam – Thân Thức: Tâm nương vào Thân vật tri giác Cảnh Xúc (sự lạnh, nóng, mềm, cứng, dòn, căng v.v) ở phần tốt đẹp và không tốt đẹp.

[Chú giải: + Tứ Nhân Sinh Tâm Nhãn Thức là: (1) Thần Kinh Nhãn, (2) Cảnh Sắc, (3) Ánh Sáng, (4) Tác Ý.

+ **Tứ Nhân Sinh Tâm Nhĩ Thức là:** (1) Thần Kinh Nhĩ, (2) Cảnh Thính, (3) Hư Không, (4) Tác Ý.

+ **Tứ Nhân Sinh Tâm Ty** Thức là: (1) Thần Kinh Ty, (2) Cảnh Khí, (3) Hơi Gió, (4) Tác Ý.

+ **Tứ Nhân Sinh Tâm Thiệt Thức** là: (1) Thần Kinh Thiệt, (2) Cảnh Vị, (3) Nước Tươi, (4) Tác Ý.

+ **Tứ Nhân Sinh Tâm Thân Thức** là: (1) Thần Kinh Thân, (2) Cảnh Xúc, (3) Tam Đại Hiện (Đất, Lửa, Gió), (4) Tác Ý.

+ **Tam Nhân Sinh Tâm Tiếp Thâu, Tâm Thắm Tấn là:** (1) Sắc Tâm Cơ, (2) Cảnh Ngũ, (3) Tác Ý]

LỜI DỊCH TRONG CẢ 5 TỪ NGỮ SAMPATICCHANACITTAM) v.v.

1. Sampaticchanacittam – Tâm Tiếp Thâu: Tâm tiếp thâu 5 Cảnh ở phần tốt đẹp và không tốt đẹp.

2. Santīranacittam – Tâm Thảm Tấn: Tâm thảm tấn 5 Cảnh ở phần tốt đẹp.

3. Pañcadvārāvajjanacittam – Tâm Khai Ngũ Môn: Tâm tư khảo Cảnh ở Lộ Ngũ Môn, có Lộ Nhãn, Lộ Nhĩ, Lộ Ty, Lộ Thiệt, Lộ Thân, ở phần tốt đẹp và không tốt đẹp.

4. Manodvārāvajjanacittam – Tâm Khai Ý Môn: Tâm tư khảo Cảnh ở Lộ Ý Môn, là Lộ Ý, ở phần tốt đẹp và không tốt đẹp.

5. Hasituppādacittam – Tâm Tiểu Sinh: Tâm làm cho sinh việc vi tiêu của Bạc Vô Sinh.

LỜI DỊCH TRONG TÂM SẮC GIỚI (RŪPŪVACARACITTA)

1. Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhāna kusalacittaṃ, vipāka cittaṃ, kriyacittaṃ: Một Tâm Thiện Sơ Thiện, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác câu sinh với năm Chi Thiện Định là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

2. Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhāna kusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriyacittaṃ: Một Tâm Thiện Nhị Thiện, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác câu sinh với bốn Chi Thiện Định là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

3. Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna kusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriyacit taṃ: Một Tâm Thiện Tam Thiện, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác câu sinh với ba Chi Thiện Định là Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

4. Sukhaekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna kusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriyacit taṃ: Một Tâm Thiện Tứ Thiện, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác câu sinh với hai Chi Thiện Định là Lạc, Nhứt Thống.

5. Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna kusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriyacit taṃ: Một Tâm Thiện Ngũ Thiện, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác câu sinh với hai Chi Thiện Định là Xả, Nhứt Thống.

LỜI DỊCH TRONG TÂM VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARACITTA)

1. Upekkhāekaggatāsahitaṃ Ākāśānañcāyatanakusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriya cittaṃ: Một Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác câu sinh với hai Chi Thiện Định là Xả, Nhứt Thống.

2. Upekkhāekaggatāsahitaṃ Viññāṇañcāyatanakusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriya cittaṃ: Một Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác câu sinh với hai Chi Thiện Định là Xả, Nhứt Thống.

3. Upekkhāekaggatāsahitaṃ Ākiñcaññāyatanakusalacittaṃ, vipākacittaṃ, kriya cittaṃ: Một Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác câu sinh với hai Chi Thiện Định là Xả, Nhứt Thống.

4. Upekkhāekaggatāsahitaṃ Nevasaññānāsaññāyatanakusalacittaṃ, vipākacit taṃ, kriyacittaṃ: Một Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác câu sinh với hai Chi Thiện Định là Xả, Nhứt Thống.

(Lời dịch trong 40 Tâm Siêu Thế tương tự với lời dịch trong Tâm Sắc Giới).

CỬ LỆ TỬ DỊCH NGÔN KẾT HỢP

1. Somanassasahagataṃ Ditṭhigatasampayuttaṃ Asañkhārikaṃ - Câu Hành Hỷ Tương Ưng Kiến Vô Dẫn: Tâm sinh khởi do không có việc yêu thính, khuyên đạo, cùng với sự hỷ duyệt ý, phối hợp với sự thấy sai.

2. Upekkhāsahagatam Ditṭhigatavippayuttam Sasaṅkhārikam - Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn: Tâm sinh khởi do có việc yêu thỉnh, khuyên đạo, cùng với sự tỉnh mặc, bất phối hợp sự thấy sai.

3. Domanassasahagatam Paṭighasampayuttam Asaṅkhārikam - Câu Hành Ưu Tương Ứng Phần Hận Vô Dẫn: Tâm sinh khởi do không có việc yêu thỉnh, khuyên đạo, cùng với sự phát nộ não hỏa, phối hợp với sự khả tích thông tâm.

4. Upekkhāsahagatam Vicikicchāsampayuttam - Câu Hành Xả Tương Ứng Hoài Nghi: Tâm sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc, phối hợp với sự hoài nghi.

5. Upekkhāsahagatam Cakkhuviññāṇam – Nhãn Thức Câu Hành Xả: Tâm y cú Nhãn Vật quán kiến Cảnh Sắc thiện hảo và bất hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

6. Dukkhasahagatam Kāyaviññāṇam – Thân Thức Câu Hành Khổ: Tâm y cú Thân Vật tri giác Cảnh Xúc thiện hảo và bất hảo, sinh khởi cùng với Khô Thọ.

7. Upekkhāsahagatam Sampāṭicchanacittam – Tâm Tiếp Thâu Câu Hành Xả: Tâm tiếp thâu năm Cảnh thiện hảo và bất hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

8. Somanassasahagatam Santīraṇacittam – Tâm Thảm Tán Câu Hành Hỷ: Tâm thảm tán năm Cảnh thiện hảo, sinh khởi cùng với sự hỷ duyệt ý.

9. Upekkhāsahagatam Pañcadvārāvajjanacittam – Tâm Khai Ngũ Môn Câu Hành Xả: Tâm tư khảo Cảnh ở Lộ Ngũ Môn thiện hảo và bất hảo, sinh khởi cùng với sự tỉnh mặc.

10. Somanassasahagatam Hasituppādacittam – Tâm Tiếu Sinh Câu Hành Hỷ: Tâm làm cho sinh việc vi tiếu của Bạc Vô Sinh, sinh khởi cùng với sự hỷ duyệt ý.

11. Somanassasahagatam Nāṇasampayuttam Asaṅkhārikam - Câu Hành Hỷ Tương Ứng Trí Vô Dẫn: Tâm sinh khởi do không có việc yêu thỉnh, khuyên đạo, cùng với sự hỷ duyệt ý, phối hợp với trí tuệ.

12. Upekkhāsahagatam Nāṇavippayuttam Sasaṅkhārikam - Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn: Tâm sinh khởi do có việc yêu thỉnh, khuyên đạo, cùng với sự tỉnh mặc, bất phối hợp trí tuệ.

GIẢI THÍCH THEO THUẬN TỰ Ý NGHĨA TÊN GỌI CỦA TÂM

12 TÂM BẤT THIỆN (AKUSALACITTA 12)

Aṭṭhadhā lobhamālāni

Mohamūlāni ca dveti

Dosamūlāni ca dvidhā

Dvādasākusalā siyumu

8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si; kết hợp 12 Tâm này là Tâm Bất Thiện.

Lobhamūlacitta – Tâm căn Tham có nghĩa Tâm sinh khởi do có Tâm Sở Tham làm khởi nhân, làm chủ yếu.

Dosamūlacitta – Tâm căn Sân có nghĩa Tâm sinh khởi do có Tâm Sở Sân làm khởi nhân, làm chủ yếu.

Mohamūlacitta – Tâm căn Si có nghĩa Tâm sinh khởi do có Tâm Sở Si làm khởi nhân, làm chủ yếu.

Akusalacitta – Tâm Bất Thiện có nghĩa là Tâm có sự xấu ác và cho quả tương phản với Tâm Thiện, hoặc là Tâm phối hợp với Tâm Sở Bất Thiện.

18 TÂM VÔ NHÂN (AHETUKACITTA 18)

Sattākusalapākāni

Puññapākāni aṭṭhadhā

Kriyacittāni tīṇi

Aṭṭhārasa ahetukā

7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, kết hợp 18 Tâm này là Tâm Vô Nhân.

Akusalavipākacitta – Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện có nghĩa quả dị thục sinh từ 12 Bất Thiện Nghiệp Lực; có việc thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi mùi hơi v.v., ở phần không tốt đẹp.

Ahetukākusalāvipākacitta – Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân có nghĩa quả dị thục sinh từ 8 Đại Thiện Nghiệp Lực; có việc thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi mùi hơi v.v. ở phần tốt đẹp, tuy nhiên là Vô Nhân.

Ahetukakriyācitta – Tâm Duy Tác Vô Nhân có nghĩa Tâm sinh khởi một cách đơn độc, không có được nương vào bất luận loại Nghiệp Lực nào và bất tác phúc hành tội, tuy nhiên cũng là Vô Nhân.

Ahetukacitta – Tâm Vô Nhân có nghĩa Tâm không có 6 Nhân phối hợp. Tâm còn lại ngoài 18 Tâm Vô Nhân ra, có số lượng 71 hoặc 103 đều là Tâm Hữu Nhân.

30 TÂM VÔ TỊNH HẢO (ASOBHAṆACITTA) VÀ 59 HOẶC 91 TÂM TỊNH HẢO (SOBHAṆACITTA)

Pāpāhetukamuttāni

Sobhaṇānīti vuccare

Ekūnasatṭhi cittāni

Athekanavutṭhi vā

59 hoặc 91 Tâm ngoài ra Tâm Bất Thiện, Tâm Vô Nhân ấy, gọi là **Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta)**. Trong câu kệ này trình bày cho hiểu biết đến tên gọi của Tâm có được hai thể loại, đó là 59 hoặc 91 Tâm gọi tên là **Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta)**; 12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân gọi tên là **Tâm Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇacitta)**. Việc trình bày phần **Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta)** là việc trình bày một cách trực tiếp, còn việc trình bày phần **Tâm Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇacitta)** ấy là không được trình bày một cách trực tiếp.

Asobhaṇacitta – Tâm Vô Tịnh Hảo có nghĩa Tâm ngoài ra phần **Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta)** là Tâm thiện hảo, hoặc là Tâm bất câu sinh với Tâm Sở Tịnh Hảo.

Sobhaṇacitta – Tâm Tịnh Hảo có nghĩa Tâm câu sinh với Tâm Sở Tịnh Hảo, hoặc là Tâm thiện hảo.

24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO (KĀMĀVACARASOBHAṆACITTA 24)

Mahākusalacitta – Tâm Đại Thiện có nghĩa Tâm không có xấu ác và cho quả là sự an vui, vì thế gọi tên Thiện và có khả năng cho quả khởi sinh nhiều hơn bản thân, luôn cả là tiên khởi của Thiện Định, Thắng Trí, Đạo, Quả vì thế mới gọi tên là **Đại (Mahā)**. Khi kết hợp cả hai câu này lại gọi tên là **Tâm Đại Thiện (Mahākusalacitta)**.

Mahāvipākacitta – Tâm Đại Quả có nghĩa Tâm là quả của Tâm Đại Thiện, vì khi phân loại theo **Thọ (Vedanā)**, **Phối Hợp (Sampayoga)**, **Dẫn Dụ (Saṅkhāra)** cũng tương tự Tâm Đại Thiện với mọi trường hợp, vì thế gọi tên là **Tâm Đại Quả (Mahāvipākacitta)**.

Mahākiriyaṇacitta – Tâm Đại Duy Tác có nghĩa chính thị là Tâm được gọi tên Đại Thiện sinh khởi trong tâm tánh Bậc Vô Sinh, vì thế gọi tên là **Tâm Đại Duy Tác (Mahākiriyaṇacitta)**.

54 TÂM DỤC GIỚI (KĀMĀVACARACITTA 54)

Kāme tevīsa pākāni Puññāpuññāni vīsati.
Ekādaśa kriyā ceti Catupaññāsa sabbathā.

Tâm phần nhiều du hành trong **11 Dục Địa Giới (Kāmabhūmi)**, khi tổng kết lại có số lượng 54, là 23 Tâm Dị Thục Quả, Tâm Thiện, Tâm Bất Thiện kết hợp 20, và 11 Tâm Duy Tác.

Câu kệ này trình bày việc tập hợp tất cả Tâm ở phần Dục Giới, luôn cả được trình bày việc phân loại các Tâm này. Chỗ gọi tên Tâm Dục Giới vì cả 54 Tâm này du hành sinh hoạt đa phần trong Địa Giới là sản địa của **Vật Dục (Vatthukāma: lòng dục vọng truy cầu vật chất)** và **Phiền Não Dục (Kilesakāma)**, như có **Pāḷi** Chú Giải trình bày: **Kāmetīti = Kāmo (vā) Kāmīyatīti = Kāmo** dịch nghĩa “Pháp chủng nào thường có sự mong muốn Cảnh Dục, vì thế Pháp chủng ấy gọi tên **Tham Dục (Kāma)**, tức là Phiền Não Dục, là **Dục Ái (Kāmatanāhā)**, hoặc Pháp chủng nào là chỗ hoan hỷ mãn ý của Dục Ái vì thế Pháp chủng ấy gọi tên Tham Dục tức là **Vật Dục (Vatthukāma: lòng dục vọng truy cầu vật chất)**, là **Tâm Tham Dục (Kāmacitta)**, Tâm Sở, Sắc Pháp”.

Kāmassa bhavoti = Kāmo dịch nghĩa “Địa Giới nào là sản địa của Phiền Não Dục và **Vật Dục (Vatthukāma: lòng dục vọng truy cầu vật chất)**, vì thế Địa Giới ấy gọi tên **Dục Giới (Kāma)**, tức là **11 Dục Địa Giới (Kāmabhūmi)**.

Kāme avacaratīti = Kāmāvacararam dịch nghĩa “Tâm nào thường du hành sinh hoạt trong Địa Giới là sản địa của Phiền Não Dục và **Vật Dục (Vatthukāma: lòng dục vọng truy cầu vật chất)**, vì thế gọi tên là **Tâm Dục Giới (Kāmāvacaracitta)**.

15 TÂM SẮC GIỚI (RŪPĀVACARACITTA 15)

Pañcadhā jhānabhedena Rūpāvacaramānasam
Puññapākakriyābhedā Tam pañcadasadhā bhavē

Tâm Sắc Giới khi phân loại theo **Thiền Định (Jhāna)** có 5 thể loại, khi phân tích theo **Thiện (Kusala), Quả (Vipāka), Duy Tác (Kriyā)** có 15 thể loại.

Câu kệ này trình bày việc tập hợp tất cả Tâm ở phần Sắc Giới, luôn cả được trình bày việc phân loại các Tâm này. Chỗ gọi tên Tâm Sắc Giới vì cả 15 Tâm này du hành sinh hoạt đa phần trong Địa Giới là sản địa của **Vật Sắc (Vatthurūpa)** và **Phiền Nảo Sắc (Kilesa rūpa)**. **Vật Sắc (Vatthurūpa)** ấy là 15 Tâm Sắc Giới, 35 Tâm Sở. **Phiền Nảo Sắc** ấy là **Sắc Ái (Rūpatanāhā)**, là sự mãn ý trong Thiền Định, Thắng Trí, Sắc Hữu như có **Pāli** Chú Giải trình bày: **Rūpassa bhavoti = Rūpaṃ** dịch nghĩa “Địa Giới nào là sản địa của Vật Sắc và Phiền Nảo Sắc, vì thế Địa Giới đó gọi tên Sắc Giới, tức là **16 Sắc Địa Giới (Rūpabhūmi)**.”

Rūpe avacaratīti = Rūpāvacaram dịch nghĩa “Tâm nào thường du hành sinh hoạt ở trong Địa Giới là sản địa của Phiền Nảo Sắc và Vật Sắc, vì thế Tâm ấy gọi tên **Tâm Sắc Giới (Rūpāvacaracitta)**”.

12 TÂM VÔ SẮC GIỚI (ARŪPĀVACARACITTA 12)

Ālambanappabhedena Catudhāruppamānasam

Puññapākkriyābheda Puna dvādasadhā ʾthitam

Tâm Vô Sắc Giới - rằng theo phân loại từ nơi **Cảnh (Ārammaṇa)** có 4 thể loại; khi phân tích theo **Thiện (Kusala), Quả (Vipāka), Duy Tác (Kriyā)** có 15.

Câu kệ này trình bày việc tập hợp tất cả Tâm ở phần Vô Sắc Giới, luôn cả được trình bày việc phân loại các Tâm này. Chỗ gọi tên Tâm Vô Sắc Giới vì cả 12 Tâm này du hành sinh hoạt đa phần trong Địa Giới là sản địa của **Vật Vô Sắc (Vatthuarūpa)** và **Phiền Nảo Vô Sắc (Kilesaarūpa)**. **Vật Vô Sắc** ấy là 12 Tâm Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở. **Phiền Nảo Vô Sắc** ấy là **Vô Sắc Ái (Arūpatanāhā)**, là sự mãn ý trong **Thiền Định Vô Sắc (Arūpajhāna)** và **Vô Sắc Hữu (Arūpabhava)** như có **Pāli** Chú Giải trình bày: **Arūpassa bhavoti = Arūpaṃ** dịch nghĩa “Địa Giới nào là sản địa của Vật Vô Sắc và Phiền Nảo Vô Sắc, vì thế Địa Giới ấy gọi tên Vô Sắc Giới, tức là 4 **Vô Sắc Địa Giới (Arūpabhūmi)**.”

Arūpe avacaratīti = Arūpāvacararam dịch nghĩa “Tâm nào thường du hành sinh hoạt ở trong Địa Giới là sản địa của Phiền Nảo Vô Sắc và Vật Vô Sắc, vì thế Tâm ấy gọi tên **Tâm Vô Sắc Giới (Arūpāvacaracitta)**”.

27 TÂM ĐÁO ĐẠI (MAHAGGACITTA 27)

15 Tâm Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới gom thành 27, gọi tên là Tâm Đáo Đại. Chỗ gọi tên **Tâm Đáo Đại (Mahaggacitta)**, vì những Tâm này đạt đến sự rộng lớn và trác tuyệt; như có Chú Giải **Pāli** như sau: **Mahantam gatoti = Mahaggato** dịch nghĩa “Tâm nào thường đạt đến sự rộng lớn và trác tuyệt, vì thế Tâm ấy gọi tên là **Tâm Đáo Đại (Mahaggacitta)**.”

81 TÂM HIỆP THỂ (LOKIYACITTA 81)

54 Tâm Dục Giới, 27 Tâm Đáo Đại gom thành 81, gọi tên là Tâm Hiệp Thế. Chỗ gọi tên **Tâm Hiệp Thế (Lokiyacitta)**, vì những Tâm này thường sinh ở trong cả Tam Giới, là **Dục Giới (Kāmaloka)**, **Sắc Giới (Rūpaloka)**, **Vô Sắc Giới (Arūpaloka)**, như có Chú Giải **Pāli** như sau: **Loke niyuttāti = Lokiyā** dịch nghĩa “Những Pháp nào phối hợp ở trong cả Tam Giới, vì thế những Pháp ấy gọi tên là **Hiệp Thế (Lokīya)**.”

TÍNH SỐ LƯỢNG 89 TÂM THEO CẢ 4 XUẤT SINH (SAÑJĀTI 4)

Dvādasakusalānevam Kusalānekavīsati
Chattimseva vipākāni Kriyacittāni vīsati.

Tính số lượng 89 Tâm theo phân loại từ nơi xuất sinh, như thế này: Tâm Bất Thiện có 12, Tâm Thiện có 21, Tâm Dị Thục Quả có 36, Tâm Duy Tác có 20.

TÍNH SỐ LƯỢNG 89 TÂM THEO ĐỊA GIỚI (BHŪMI)

Catupaññāsadhā kāme Rūpe pannarasāraye
Cittāni dvādasārūpe Atthadhānuttare tathā.

Các học giả nên tính số lượng 89 Tâm theo phân loại từ nơi cả 4 Địa Giới, như thế này: Tâm tổng hợp vào trong Dục Địa Giới có 54, Tâm tổng hợp vào trong Sắc Địa Giới có 15, Tâm tổng hợp vào trong Vô Sắc Giới có 12, Tâm tổng hợp vào Siêu Thế Địa Giới có 8.

ĐỊA GIỚI (BHŪMI) CÓ 2 THỂ LOẠI:

1. **Ṭhānabhūmi** – **Cơ Địa Địa Giới**: trú xứ của tất cả chúng sinh, là 31 Địa Giới.
2. **Avatthābhūmi** – **Sinh Hoạt Địa Giới**: các Pháp bị hạn định ranh giới theo cả Tam Ái Dục.

SINH HOẠT ĐỊA GIỚI CÓ 4 THỂ LOẠI:

1. **Kāmaavatthābhūmi** – **Dục Sinh Hoạt Địa Giới**: Pháp bị hạn định ranh giới theo Dục Ái, là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc.
 2. **Rūpaavatthābhūmi** – **Sắc Sinh Hoạt Địa Giới**: Pháp bị hạn định ranh giới theo Sắc Ái, là 15 Tâm Sắc Giới, 35 Tâm Sở.
 3. **Arūpaavatthābhūmi** – **Vô Sắc Sinh Hoạt Địa Giới**: Pháp bị hạn định ranh giới theo Vô Sắc Ái, là 12 Tâm Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở.
 4. **Lokuttaraavatthābhūmi** – **Siêu Thế Sinh Hoạt Địa Giới**: Pháp vượt thoát khỏi việc hạn định ranh giới của cả Tam Ái Dục, là 8 Tâm Siêu Thế, 36 Tâm Sở, Níp Bàn.
- Vì thế, chỗ gọi Dục Địa Giới, Sắc Địa Giới, Vô Sắc Địa Giới có được cả 2 Địa Giới, còn **Siêu Thế Địa Giới (Lokuttarabhūmi)** chỉ có duy nhất **Sinh Hoạt Địa Giới (Avatthābhūmi)**.

TÂM SIÊU THỂ THEO GIẢN LƯỢC VÀ THEO QUẢNG NGHĨA

(1) Catumaggappabhedena Pākam tassa phalattāti	Catudhā kusalam tathā Aṭṭhadhānuttaram matam
(2) Jhānaṅgayogabhedena Vuccatānuttaram cittam	Katvekekantu pañcadhā Cattāḷisavidhanti ca.

1. Các học viên nên hiểu biết Tâm Siêu Thể theo giản lược có 8, là Tâm Thiện – rằng theo phân loại từ nơi Đạo có 4, Tâm Quả cũng có 4 vì là quả của cả 4 Đạo.

2. 8 Tâm Siêu Thể khi trình bày một cách quảng nghĩa có 40, vì theo phân loại từ nơi việc phối hợp của Chi Thiện Định, từng mỗi Tâm Siêu Thể có 5, vì thế 8 Tâm Siêu Thể mới thành 40.

67 TÂM THIỀN (JHĀNACITTA 67)

(1) Yathā ca rūpāvacaram Paṭhamādiijhānabhede	Gayhatānuttaram tathā Āruppañcāpi pañcame
(2) Ekādasavidham tasmā Jhānamekekamante tu	Paṭhamādikamīritam Tevīsatividham bhava

1. Tâm Sắc Giới tính liệt kê trong cả 5 tầng Thiền Định có Sơ Thiền v.v được như thế nào, Tâm Siêu Thể cũng tính liệt kê trong cả 5 tầng Thiền Định có Sơ Thiền v.v. được như thế ấy. Còn 12 Tâm Vô Sắc Giới tính liệt kê trong tầng Ngũ Thiền Định.

2. Vì thế, Ngài mới nói rằng từng mỗi Tâm Thiền có Sơ Thiền v.v. có 11, đối với Tâm Ngũ Thiền có 23.

Câu kệ này trình bày việc tập hợp tất cả Tâm ở phần Hiệp Thế và Siêu Thế, là Tâm Sơ Thiền có 11, đó là 3 Tâm Sơ Thiền Hiệp Thế và 8 Tâm Sơ Thiền Siêu Thế; 11 Tâm Nhị Thiền, 11 Tâm Tam Thiền, 11 Tâm Tứ Thiền cũng tương tự. Đối với 23 Tâm Ngũ Thiền là 15 Tâm Ngũ Thiền Hiệp Thế, đó là 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới, 8 Tâm Ngũ Thiền Siêu Thế.

Những Tâm này được thành Tâm Thiền là vì phối hợp với cả 5 Chi Thiện Định, có **Tâm (Vitakka)** v.v. làm chủ yếu đi vào thẩm thị trong các **Cảnh Nghiệp Xứ (Kammaṭhāna ramaṇa)** hoặc **Cảnh Níp Bàn (Nibbānārammaṇa)**. Còn Tâm Siêu Thể theo phần giản lược, cho dù có cả năm Tâm Sở này đang phối hợp một cách xác thực, thế nhưng những Tâm Sở này không thành Chi Thiện Định vì không có bất luận mối tương quan liên nào với việc thẩm thị **Cảnh An Chỉ (Samathārammaṇa)** trong Hữu này và trong Hữu tới. Với nguyên nhân này, Tâm Siêu Thể theo giản lược mới không gọi là Tâm Thiền, như có Chú giải **Pāḷi** trình bày rằng: **Kasiṇādiārammaṇam jhāyati upanijjhāyatīti = Jhānam** dịch nghĩa “Các Tâm Sở có Tâm v.v. thường vào thẩm thị Cảnh có **Biến Xứ (Kasiṇa)** v.v. vì thế những Tâm Sở này gọi tên **Thiền Định (Jhāna)**, tức là cả năm Chi Thiện Định có Tâm v.v.

Vitakkādiijhānaṅgehi sampayuttam cittanti = Jhānacittam dịch nghĩa “Tâm nào thường phối hợp với năm Chi Thiền Định có Tầm v.v. vì thế Tâm ấy gọi tên là **Tâm Thiền.**”

PHÂN TÍCH 121 TÂM THÀNH TỪNG PHẦN HIỆN HỮU 9 PHẦN

1. Phần Phân Loại Pháp Chủng (Jātibhedanaya): việc phân loại Tâm theo Pháp Chủng, có bốn Pháp Chủng là: **Pháp Chủng Bất Thiện (Akusalajāti), Pháp Chủng Thiện (Kusalajāti), Pháp Chủng Dị Thục Quả (Vipākajāti), Pháp Chủng Duy Tác (Kriyājāti).**

2. Phần Phân Loại Địa Giới (Bhūmibhedanaya): việc phân loại Tâm theo cả 4 Địa Giới là: Dục Địa Giới, Sắc Địa Giới, Vô Sắc Địa Giới, Siêu Thế Địa Giới.

3. Phần Phân Loại Tịnh Hảo (Sobhaṇabhedanaya): việc phân loại Tâm theo **Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇacitta)** và **Tịnh Hảo (Sobhaṇa).**

4. Phần Phân Loại Thế Gian (Lokabhedanaya): việc phân loại Tâm theo **Hiệp Thế (Lokīya)** và **Siêu Thế (Lokuttara).**

5. Phần Phân Loại Nhân (Hetubhedanaya): việc phân loại Tâm theo **Vô Nhân (Ahetuka)** và **Hữu Nhân (Sahetuka).**

6. Phần Phân Loại Thiền Định (Jhānabhedanaya): việc phân loại Tâm theo **Phi Thiền Định (Ajhāna)** và **Hữu Thiền Định (Jhāna).**

7. Phần Phân Loại Thọ (Vedanābhedanaya): việc phân loại Tâm theo 5 Thọ, là **Lạc Thọ (Sukhavedanā), Khổ Thọ (Dukkavedanā), Ưu Thọ (Domanassavedanā), Hỷ Thọ (Somanassavedanā), Xả Thọ (Upekkhavedanā).**

8. Phần Phân Loại Phối Hợp (Sampayogabhedanaya): việc phân loại Tâm theo **Trương Ứng (Sampayutta)** và **Bất Trương Ứng (Vippayutta).**

9. Phần Phân Loại Dẫn Dụ (Saṅkhārabhedanaya): việc phân loại Tâm theo **Vô Dẫn (Asaṅkhārika)** và **Hữu Dẫn (Sasaṅkhārika).**

PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO PHÂN LOẠI PHÁP CHỦNG (JĀTIBHEDANAYA)

Tâm thuộc Pháp Chủng Bất Thiện hoặc Tâm Bất Thiện có 12 là v.v.

Tâm thuộc Pháp Chủng Thiện hoặc Tâm Thiện có 37 là v.v.

Tâm thuộc Pháp Chủng Dị Thục Quả hoặc Tâm Dị Thục Quả có 52 là v.v.

Tâm thuộc Pháp Chủng Duy Tác hoặc Tâm Duy Tác có 20 là v.v.

PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO PHÂN LOẠI ĐỊA GIỚI (BHŪMIBHEDANAYA)

Tâm thuộc Dục Giới hoặc Tâm Dục Giới có 54 là v.v.

Tâm thuộc Sắc Giới hoặc Tâm Sắc Giới có 15 là v.v.

Tâm thuộc Vô Sắc Giới hoặc Tâm Vô Sắc Giới có 12 là v.v.

Tâm thuộc Siêu Thế hoặc Tâm Siêu Thế có 40 là v.v.

PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO PHÂN LOẠI TỊNH HẢO (SOBHAṆABHEDANAYA)

Tâm thuộc Vô Tịnh Hảo hoặc Tâm Vô Tịnh Hảo có 30 là v.v.

Tâm thuộc Tịnh Hảo hoặc Tâm Tịnh Hảo có 91 là v.v.

PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO PHÂN LOẠI THỂ GIAN (LOKABHEDANAYA)

Tâm thuộc Hiệp Thế hoặc Tâm Hiệp Thế có 81 là v.v.

Tâm thuộc Siêu Thế hoặc Tâm Siêu Thế có 40 là v.v.

PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO PHÂN LOẠI NHÂN (HETUBHEDANAYA)

Tâm thuộc Vô Nhân hoặc Tâm Vô Nhân có 18 là v.v.

Tâm thuộc Hữu Nhân hoặc Tâm Hữu Nhân có 103 là v.v.

PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO PHÂN LOẠI THIỀN ĐỊNH (JHĀNABHEDANAYA)

Tâm bất phối hợp Chi Thiền Định, gọi tên Tâm Phi Thiền có 54 là v.v.

Tâm phối hợp Chi Thiền Định gọi tên Tâm Hữu Thiền có 67 là v.v.

PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO PHÂN LOẠI THỌ (VEDANĀBHEDANAYA)

Tâm câu hành Lạc có 1 là v.v.

Tâm câu hành Khổ có 1 là v.v.

Tâm câu hành Hỷ có 62 là v.v.

Tâm câu hành Ưu có 2 là v.v.

Tâm câu hành Xả có 55 là v.v.

PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO PHÂN PHÂN LOẠI PHỐI HỢP (SAMPAYOGABHEDANAYA)

Tâm thuộc Tương Ứng có 87 là v.v.

Tâm thuộc Bất Tương Ứng có 34 là v.v.

PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO PHÂN LOẠI DẪN DỤ (SAṆKHĀRABHEDANAYA)

Tâm thuộc Vô Dẫn hoặc Tâm Vô Dẫn có 37 là v.v.

Tâm thuộc Hữu Dẫn hoặc Tâm Hữu Dẫn có 84 là v.v.

Ghi chú: 18 Tâm Vô Nhân liệt kê vào trong Bất Tương Ứng. 67 Tâm Thiền liệt kê vào trong Tương Ứng.

2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân liệt kê vào trong Vô Dẫn. 67 Tâm Thiện liệt kê vào trong Hữu Dẫn.

GIẢI THÍCH ĐẶC BIỆT TRONG TÂM SIÊU LÝ (CITTAPARAMATTHA) GIẢI THÍCH TRONG 12 TÂM BẤT THIỆN (AKUSALACITTA 12)

TÂM BẤT THIỆN HỮU DẪN (AKUSALASASAÑKHĀRIKACITTA) SINH KHỞI DO Y CỨ THA NHÂN VÀ DO TỰ THÂN

(1) **Tâm Hữu Dẫn (Sasañkhārikacitta)** sinh khởi do y cứ tha nhân, chẳng hạn như mình đi ngang qua rạp chiếu bóng và tấm bảng mà người ta thông báo để trước rạp (chương trình) rằng sẽ chiếu phim truyện này phim truyện nọ, thế nhưng mình cũng chẳng nghĩ tưởng muốn xem tiếp. Khi được gặp người bạn, bạn ấy cũng nói lời khuyên đạo mình bằng cách bảo rằng phim truyện này tốt lắm, hay lắm và anh ta sẽ chi tiền cho. Khi nghe lời khuyên đạo như vậy, mình cũng khởi sinh việc muốn xem, như vậy **Tâm căn Tham Hữu Dẫn (Lobha mūlasasañkhārikacitta)** sinh khởi do y cứ tha nhân khuyên đạo.

TÂM HỮU DẪN (SASAÑKHĀRIKACITTA) SINH KHỞI DO Y CỨ THA NHÂN KHUYÊN ĐẠO CÓ 2 PHÁP CẦN MIỄN (PAYOGA)

1. Thân Cần Miễn (Kāyapagoga): là việc khuyên đạo do y cứ cử chỉ hành trạng, chẳng hạn như tay nắm tay, chỉ tay, gật đầu, nháy mắt, đánh, đấm v.v.

2. Ngữ Cần Miễn (Vacīpayoga): là việc khuyên đạo với ngôn ngữ, chẳng hạn như nói các lời khuyên đạo, hoặc nói lời thô tục, nói lời ca ngợi v.v.

(2) Thế nhưng trong sát na đang ngồi xem, khi mình khởi sinh lên sự hoan hỷ duyệt ý, trong sát na này **Tâm căn Tham Vô Dẫn (Lobhamūlaasañkhārikacitta)** thường sinh khởi. Nếu như trong sát na người ta đi ngang qua rạp chiếu bóng ấy, trong lúc đầu mình không chú tâm sẽ nhìn, thế nhưng khi nhìn thấy người ta đi vào với nhau xem chật kín nhiều hơn thông thường, cũng nghĩ suy rằng truyện phim này có thể sẽ hay lắm và phát khởi nghĩ tưởng muốn xem và rồi cũng đi vào xem mà không có ai khuyên đạo cả, như vậy là **Tâm căn Tham Hữu Dẫn (Lobhamūlasasañkhārikacitta)** sinh khởi do tự y cứ bản thân thành người tự khuyên đạo. Còn trong lúc đang ngồi xem ấy, Tâm căn Tham Vô Dẫn và Tâm căn Tham Hữu Dẫn cũng thường sinh khởi được cả 2 thể loại. Trong các Tâm Bất Thiện khác cũng hiện hành trong cùng phương thức như vậy.

TÂM HỮU DẪN (SASAÑKHĀRIKACITTA) SINH KHỞI DO TỰ Y CỨ BẢN THÂN CÓ 3 PHÁP CẦN MIỄN (PAYOGA)

1. Thân Cần Miễn (Kāyapayoga): là việc tự bản thân khuyên đạo do tự y cứ cử chỉ hành trạng của bản thân, chẳng hạn như cần miễn từ nơi sắc thân của mình cho xinh đẹp, khi

đã xinh đẹp rồi cũng khởi sinh sự mãn ý; hoặc cần miễn làm việc cho sắc thân mệt nhọc, khi sắc thân mệt nhọc rồi sẽ có được cảm giác đói và thọ dụng vật thực thật nhiều v.v.

2. Ngũ Cần Miễn (Vacīpayoga): là việc tự bản thân khuyên đạo do tự y cứ lời nói của bản thân, chẳng hạn như tự an ủi lòng, tự đề cao mình để cho phát sinh ngã mạn và cho **Tâm căn Tham (Lobhamūlacitta)** sinh khởi; hoặc đôi khi cảm khái các sự tình rồi làm cho thương tâm, tâm tình phiền muộn và phát nộ v.v.

3. Ý Cần Miễn (Manopayoga): là việc tự bản thân khuyên đạo do y cứ việc tư khảo, chẳng hạn như nghĩ đến câu chuyện vui thích cũng làm cho phát sinh sự mãn ý hỷ duyệt là **Tâm Tham (Lobhacitta)** sinh khởi; nghĩ đến các câu chuyện bất hảo, làm cho tâm ý bất an lạc hoặc phát nộ là như vậy **Tâm Sân (Dosacitta)** sinh khởi v.v.

Ghi chú: **Tâm Thiện Hữu Dẫn (Kusalasasaṅkhārikacitta)** và **Tâm Thiện Vô Dẫn (Kusalaasaṅkhārikacitta)** cũng hiện hành trong cùng một phương thức với mọi trường hợp của Tâm Bất Thiện, thế nhưng cải biến việc thực hiện tương phản với Bất Thiện, thay vào đó là việc thực hiện **Xả Thí Thiện (Dānakusala)**, **Trì Giới Thiện (Sīlakusala)**, **Tu Tập Thiện (Bhāvanākusala)**.

TÂM SỞ TÀ KIẾN (DITṬHICETASIKA) VÀO PHỐI HỢP VỚI TÂM CĂN THAM (LOBHAMŪLACITTA) CÓ ĐƯỢC 2 THỂ LOẠI (TAM GIẢNG KINH LUẬN ĐẠO GIẢ)

1. Tà Kiến Thông Thường (Ditṭhisāmañña): đó là **Hữu Thân Kiến (Sakkāya ditṭhi)**, là nhận thấy rằng 5 Uẩn khởi sinh ở bên trong ta hoặc bên ngoài ta ấy là tự kỷ, là tự thân, là chúng ta, là người ta, là con trai, là con gái v.v.

2. Tà Kiến Đặc Biệt: đó là **3 Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchādītṭhi):**

(1) Vô Nhân Kiến (Ahetukadītṭhi): Chủ thuyết của **Makkhaligōsāla**.

(2) Vô Hành Kiến (Akiriyaadītṭhi): Chủ thuyết của **Paruṇakassapa**.

(3) Vô Hữu Kiến (Natthikadītṭhi): Chủ thuyết của **Ajītakesakambali**.

Hoặc 2 thể loại Tà Kiến lớn, đó là:

(1) Thường Kiến (Sassatadītṭhi): có sự nhận thấy rằng thường tồn.

(2) Đoạn Kiến (Ucchedadītṭhi): có sự nhận thấy rằng tuyệt hậu. (Cả hai này sắp thành Tà Kiến Đặc Biệt).

ĐỐI VỚI TÂM BẤT TƯƠNG ỨNG KIẾN (TÂM CĂN THAM THỨ 3, 4, 7, 8) SINH KHỞI LIÊN QUAN VỚI NGÃ MẠN VÀ BẤT LIÊN QUAN VỚI NGÃ MẠN THEO TAM GIẢNG KINH LUẬN ĐẠO GIẢ

1. Tâm Bất Tương Ứng Kiến (Ditṭhigatavippayuttacitta) sinh khởi do hữu quan với Ngã Mạn ấy là các **Bậc Hữu Học (Sekkhapuggala)** đang có sự mãn ý trong các **Cảnh Hiệp Thế (Lokīyāārammaṇa)**. Ở trong sát na ấy nếu có tướng trạng Bản Pháp đưa tự kỷ lên rằng

Ta được trông thấy, Ta được lắng nghe, Ta được liễu tri v.v. sinh khởi như thế này, là Tâm Bất Tương Ứng Kiến hữu quan với Ngã Mạn sinh khởi.

Đối với Phàm Phu, khi có sự hỷ duyệt mãn ý Cảnh Hiệp Thế sinh khởi can thiệp vào trong sát na mình đang thực hiện việc tư khảo Danh Sắc như đã có đề cập (đang tư khảo Danh Sắc 5 Uẩn do nương vào việc dạy, việc học) ở phía trước và trong cùng lúc ấy, nếu như có sở kiến chi trạng thái bài giá tử hoặc tự đưa bản ngã sinh khởi như thế này, **Tâm căn Tham (Lobhamūlacitta)** sinh khởi với người ấy, cũng sắp thành Tâm Bất Tương Ứng Kiến hữu quan Ngã Mạn sinh khởi.

2. Tâm Bất Tương Ứng Kiến (Diṭṭhigatavippayuttacitta) sinh khởi do bất hữu quan Ngã Mạn, là các Bậc Hữu Học trong sát na có sự mãn ý hoặc đang có việc nhu cầu trong Cảnh Hiệp Thế có sắc, thanh, khí, vị, xúc và các Thực Tính Pháp, nếu như không có sở kiến chi trạng thái bài giá tử là tán dương tâm thức và sắc thân của mình khởi sinh một cách đặc biệt, **Tâm Tham (Lobhacitta)** sinh khởi trong sát na ấy, cũng sắp thành Tâm Bất Tương Ứng Kiến bất hữu quan Ngã Mạn.

Còn các Phàm Phu trong sát na đang tư khảo Danh Sắc hoặc các sự việc khác hữu quan với Pháp, Tâm Tham là sự mãn ý, sự hoan hỷ mãn ý trong các Cảnh ấy thường sinh khởi can thiệp vào, thế nhưng không có sở kiến chi trạng thái tán dương tâm thức và sắc thân của tự bản thân, cũng sắp thành Tâm Bất Tương Ứng Kiến bất hữu quan Ngã Mạn sinh khởi.

CÓ 4 NHÂN SINH THAM (LOBHA):

1. Tái Sinh Nghiệp Lực Hữu Tham Tùy Tùng (Lobhaparivārakammaṇḍisaṇḍhi katā) :Tái sinh với Nghiệp Lực có Tham làm tùy tùng.

2. Tử Vong Dĩ Cập Tiền Hữu Đa Tham (Lobhaussannabhavato cavantā): Tử vong từ **Hữu (Bhava)** trước có nhiều Tham.

3. Phối Hợp Cảnh Duyệt Ý (Iṭṭhārammaṇasamāyogo): Thường luôn được phối hợp với các Cảnh tốt đẹp.

4. Khán Kiến Sự Vật Hoan Hỷ Mãn Ý (Assadāḍassanam): Được trông thấy sự vật hoan hỷ mãn ý.

CÓ 5 NHÂN SINH TÀ KIẾN (DIṬṬHI):

1. Tính Cách Thường Kiến Đoạn Kiến (Sassataucchedadiṭṭhajjhāsayatā): Là người có tính cách Thường Kiến và Đoạn Kiến.

2. Kết Giao Người Có Thiên Hướng Tà Kiến (Diṭṭhivippannapuggalasevanā): Thích kết giao với người có sự thấy sai.

3. Bội Khí Chánh Pháp (Saddhammavimukhatā): Đi ngược lại và vứt bỏ Chánh Pháp.

4. Chủng Đa Tà Tư Khảo (Micchāvitakkabahulatā): Là người đi với nhiều sự tư khảo sai lầm.

5. Hiện Lộ Bất Minh Liễu (Ayoniso ummujjanam): Là người chìm ngập ở trong sự chú tâm sai lầm.

CÓ 4 NHÂN SINH CĂN THAM HỖ THỌ:

- 1. Tái Sinh Hỷ Thọ (Somanassapaṭisandhikatā):** Có Tâm Tái Sinh là Hỷ Thọ.
- 2. Bất Tinh Tế Chính Thường (Agambhīrapakatitā):** Có sự bất thâm thúy tinh tế, có sự suy nghĩ nông cạn, là thường luôn không có sự suy nghĩ sâu sắc.
- 3. Phối Hợp Cảnh Duyệt Ý (Itṭhārammaṇasamāyogo):** Được phối hợp với Cảnh tốt đẹp.
- 4. Bài Trừ Điều Tàn (Byasanamutti):** Vượt thoát khỏi 5 điều điều tàn.

5 ĐIỀU ĐIỀU TÀN (BYASANA: ÑĀ, BHO, RO, SĪ, DI)

- 1. Thân Thuộc Điều Tàn (Ñātibyasana):** Sự tắng thất thân thuộc, hoặc sự tổn thất thân thuộc.
- 2. Tài Sản Điều Tàn (Bhogabysana):** Sự tắng thất các của cải tài sản.
- 3. Bệnh Hoạn Điều Tàn (Rogabysana):** Là bị những tật bệnh, tai nạn, ốm đau.
- 4. Giới Luật Điều Tàn (Sīlabyasana):** Là việc đi đến hư hoại về giới luật.
- 5. Tri Kiến Điều Tàn (Diṭṭhibysana):** Việc tắng thất do phát sinh sự thấy sai từ nơi Chánh Kiến.

CÓ 5 NHÂN SINH CĂN THAM XẢ THỌ:

- 1. Tái Sinh Xả Thọ (Upekkhāpaṭisandhikatā):** Có Tâm Tái Sinh là Xả Thọ.
- 2. Tinh Tế Chính Thường (Gambhīrapakatitā):** Có sự thâm thúy tinh tế, có sự suy nghĩ sâu sắc thành thường luôn.
- 3. Tiếp Xúc Cảnh Trung Bình (Majjhattārammaṇasamāyogo):** Được tiếp xúc với Cảnh trung bình.
- 4. Bài Trừ Điều Tàn (Byasanamutti):** Vượt thoát khỏi 5 điều điều tàn.
- 5. Bản Tính Á Ba (Mūgadhātukatā):** Bản tính là người câm.

CÓ 5 NHÂN SINH 4 TÂM TƯƠNG ỨNG KIẾN:

- 1. Biểu Hiện Tính Cách Tà Kiến (Diṭṭhajjhāsayaṭā):** Có sự biểu hiện tính cách Tà Kiến.
- 2. Kết Giao Người Có Thiên Hướng Tà Kiến (Diṭṭhivippannapuggalasevanā):** Ưa thích kết giao với người tà kiến.
- 3. Bội Khí Chánh Pháp (Saddhammavimukhatā):** Không được học hỏi Chánh Pháp, đi ngược lại và vứt bỏ Chánh Pháp.

4. Chủng Đa Tà Tư Khảo (Micchāvitakkabahulatā): Là người đi với nhiều sự tư khảo sai lầm, chỉ ưa thích tư khảo các câu chuyện sai lạc.

5. Hiện Lộ Bất Minh Liễu (Ayoniso ummuḍḍanaṃ): Là người chìm ngập ở trong sự chú tâm sai lầm, chìm đắm ở trong sự tư khảo bất thâm thúy.

CÓ 5 NHÂN SINH 4 TÂM BẤT TƯƠNG ỨNG KIẾN:

1. Bất Biểu Hiện Tính Cách Thường Kiến Đoạn Kiến (Sassataucchedadiṭṭhianaj jhāsayatā): Không có biểu hiện tính cách Thường Kiến và Đoạn Kiến.

2. Bất Kết Giao Người Có Thiên Hướng Tà Kiến (Diṭṭhivippannapuggalaase vanā): Không thích kết giao, không thích giao du với người tà kiến.

3. Đối Diện Chánh Pháp (Saddhammasammukhatā): Trực chỉ tiếp xúc vào Chánh Pháp.

4. Chủng Đa Chánh Tư Khảo (Sammāvitakkabahulatā): Có nhiều sự nghĩ suy đúng đắn thích hợp.

5. Bất Hiện Lộ Bất Minh Liễu (Ayoniso na ummuḍḍanaṃ): Không có chìm ngập ở trong sự tư khảo bất thâm thúy.

CÓ 6 NHÂN SINH TÂM BẤT THIỆN VÔ DẪN:

1. Tái Sinh Nghiệp Lực Vô Dẫn (Asaṅkhārikakammajanikapatisandhikatā): Có Tâm Tái Sinh phát sinh từ nơi Vô Dẫn.

2. Thân Tâm Kiện Khang (Kallakāyacittatā): Có sự lạc thân lạc tâm (kiện khang).

3. Chủng Đa Nhẫn Thụ Ôn Hàn Thực Tất (Sītaṇhādīnaṃkhamanabahulatā): Có nhiều sự nhẫn nại đối với sự lạnh và nóng cho đến hiểu rõ.

4. Kiến Giải Hệ Quả Sự Việc Thích Đáng Thực Hiện (Katabbakammesudiṭṭhā nissamsatā): Kiến giải hệ quả trong sự việc sẽ thích đáng thực hiện.

5. Tinh Thông Thực Hiện Sự Việc (Kammesucinnaṇasitā): Có sự tinh thông trong sự việc thực hiện.

6. Hội Túc Duyên Phúc Lộc Nhu Yếu (Utubhojanādisappāyalābho): Có được đón nhận hảo quý tiết và hảo thực phẩm v.v.

CÓ 5 NHÂN SINH TÂM CĂN SÂN (DOSAMŪLACITTA):

1. Tính Cách Dị Phát Nộ (Kosajjhāsayatā): Là người có tính cách thường hay nổi giận.

2. Bất Tinh Tế Chính Thường (Agambhīrapakatitā): Có sự bất thâm thúy tinh tế, có sự suy nghĩ nông cạn, là thường luôn không có sự suy nghĩ sâu sắc.

3. Thiểu Văn (Appasuttā): Có sự học hỏi ít ỏi.

4. Phối Hợp Cảnh Bất Duyệt Ý (Aniṭṭhārammaṇasamāyogo): Được phối hợp với Cảnh không tốt đẹp.

5. Tiếp Xúc Pháp Hoài Hận Tại Tâm (Āghātavatthusamāyogo): Được tiếp xúc với **Thập Pháp Hoài Hận Tại Tâm (Āghātavatthu).**

THẬP PHÁP HOÀI HẬN TẠI TÂM (ĀGHĀTAVATTHU 10)

1. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng đã làm sự tổn hại cho mình.
2. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng đang làm sự tổn hại cho mình.
3. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng sẽ làm sự tổn hại cho mình.
4. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng đã làm sự tổn hại cho người mình thương mình thích
5. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng đang làm sự tổn hại cho người mình thương mình thích.
6. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng sẽ làm sự tổn hại cho người mình thương mình thích
7. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng đã làm điều lợi ích cho người mình ghét ghê mình hiềm ó.
8. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng đang làm điều lợi ích cho người mình ghét ghê mình hiềm ó.
9. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng sẽ làm điều lợi ích cho người mình ghét ghê mình hiềm ó.
10. Sự oán hận sinh khởi trong vị trí bất thích hợp, chẳng hạn như sinh khởi sự nổi giận khi đang đi vấp phải gốc cây, hoặc đạp giẫm gai v.v.

CÓ 1 NHÂN SINH TÂM CĂN SI (MOHAMŪLACITTA):

1. **Phi Như Lý Tác Ý (Ayonisomanasikāra):** Có việc tư khảo bất thâm thúy.

CÓ 2 PHÁP HOÀI NGHI (VICIKICCHĀ):

1. Hoài Nghi Triền Cái (Nivaraṇabhūtavicikicchā): Sự hoài nghi được sắp thành Triền Cái, đích thực chính là sự hoài nghi sắp thành **Kiết Sử (Saṇyojana).**

2. Hoài Nghi Thích Đáng (Paṭirūpakavicikicchā): Sự hoài nghi nhân tạo, đích thực không sắp thành Triền Cái, chẳng hạn như hoài nghi trong danh xưng người, trong đạo lộ v.v.

CÓ 6 NHÂN ĐOẠN TRỪ HOÀI NGHI (VICIKICCHĀ):

1. **Đa Văn (Bahussuttā):** Là được lắng nghe nhiều.
2. **Cần Miễn Tham Vấn (Paripucchakatā):** Siêng năng thăm tra vấn hỏi.
3. **Quảng Văn Bác Thức Nghiêm Minh Giới Luật (Vinayepakataññutā):** Bác học tinh thông và nghiêm minh trong Giới Luật.

4. Chủng Đa Thắng Giải (Adhimokkhabahulatā): Có nhiều sự tương tín hạ định quyết tâm.

5. Hảo Bằng Hữu (Kyāṇamittatā): Có bạn hữu tốt đẹp.

6. An Lạc (Sappāyakatā): Được nghe thoải ngữ đem đến an lạc.

CÓ 6 NHÂN ĐOẠN TRỪ TRẠO CỬ (UDDHACCA):

1. Đa Văn (Bahussuttā): Là được lắng nghe nhiều.

2. Cần Miễn Tham Vấn (Paripucchakatā): Siêng năng thẩm tra vấn hỏi.

3. Quảng Văn Bác Thức Nghiêm Minh Giới Luật (Vinayepakataññutā): Bác học tinh thông và nghiêm minh trong Giới Luật.

4. Thụ Đắc Pháp Phật (Buddhasevitā): Thường luôn được lắng nghe Giáo Pháp của Đức Phật.

5. Hảo Bằng Hữu (Kyāṇamittatā): Có bạn hữu tốt đẹp.

6. An Lạc (Sappāyakatā): Được nghe thoải ngữ đem đến an lạc.

GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH (UPAPATTIHE TU) 16 TÂM VÔ NHÂN CÓ 4 NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH (UPAPATTIHE TU) 2 TÂM NHÃN THỨC:

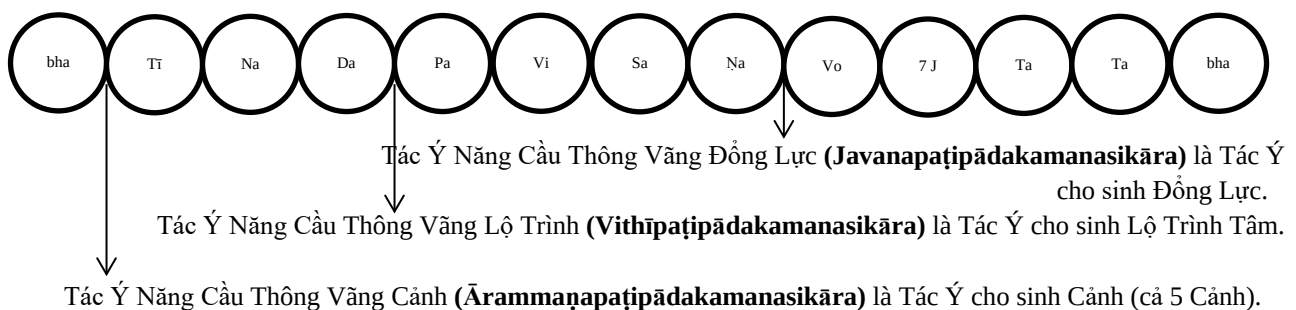
1. Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda): Có sắc thân kinh mắt tốt đẹp.

2. Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa): Có Sắc, là các màu sắc đến hiển hiện ngay trước mắt (Paccuppannakāla - Thời Hiện Tại).

3. Lượng Quang (Āloka): Có ánh sáng.

4. Tác Ý (Manasikāra): Có sự chú tâm (Pañcadvārāvajjanacitta - Tâm Khai Ngũ Môn).

BẢN ĐỒ PHỐI HỢP 3 TRƯỜNG HỢP TÁC Ý (MANASIKĀRA):



GIẢI THÍCH TRONG 18 TÂM VÔ NHÂN (AHETUKACITTA 18) CÓ 4 NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH (UPAPATTIHE TU) 2 TÂM NHĨ THỨC

1. Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda): Có sắc thân kinh nhĩ tốt đẹp.

2. Cảnh Thinh (Saddārammaṇa): Có các âm thanh đến hiển hiện ngay trước mắt.

3. **Không Địa (Vivarākāsa):** Có chỗ trống của lỗ tai (có không khí).
4. **Tác Ý (Manasikāra):** Có sự chú tâm.

CÓ 4 NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH (UPAPATTIHEṬU) 2 TÂM TỶ THỨC

1. **Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda):** Có sắc thân kinh tỷ tốt đẹp.
2. **Cảnh Khí (Gandhārammaṇa):** Có các mùi hơi đến hiển hiện ngay trước mắt.
3. **Không Địa (Vivarākāsa):** Có chỗ trống của lỗ tai (có không khí).
4. **Tác Ý (Manasikāra):** Có sự chú tâm.

CÓ 4 NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH (UPAPATTIHEṬU) 2 TÂM THIẾT THỨC

1. **Thiết Thanh Triệt (Jvīhāpasāda):** Có sắc thân kinh thiết tốt đẹp.
2. **Cảnh Vị (Rasārammaṇa):** Có các khẩu vị đến hiển hiện ngay trước mắt.
3. **Thủy Giới (Āpodhātu):** Có tổ chất nước (**Pakatiāpo - Thủy Thông Thường**).
4. **Tác Ý (Manasikāra):** Có sự chú tâm.

CÓ 4 NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH (UPAPATTIHEṬU) 2 TÂM THÂN THỨC

1. **Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda):** Có sắc thân kinh thân tốt đẹp.
2. **Cảnh Xúc (Gandhārammaṇa):** Có lạnh, nóng, mềm, cứng, chùng, căng đến hiển hiện ngay trước mắt.
3. **Kiên Ngạnh Địa (Thaddhapathavī):** Có Địa Giới có trạng thái kết thực.
4. **Tác Ý (Manasikāra):** Có sự chú tâm.

CÓ 4 NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH (UPAPATTIHEṬU) 3 Ý GIỚI (MANODHĀTU)

1. **Ngũ Môn (Pañcadvāra):** Có cả 5 sắc thân kinh là Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiết Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt.
2. **Ngũ Cảnh (Pañcārammaṇa):** Có cả 5 Cảnh có Cảnh Sắc v.v. đến hiển hiện ngay trước mắt.
3. **Tâm Cơ (Hodayavatthu – Ý Vật):** Có Tâm Cơ là trú căn của Tâm, Tâm Sở.
4. **Tác Ý (Manasikāra):** Có sự chú tâm.

CÓ 4 NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH (UPAPATTIHEṬU) 76 Ý THỨC GIỚI

1. **Ý Môn (Manodvāra):** Đó là 19 Tâm Hữu Phần, là 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại.
2. **6 Cảnh (Chārammaṇa):** Đó là Cảnh Sắc v.v. cho đến Cảnh Pháp.

3. Tâm Cơ (Hadayavatthu – Ý Vật): Đó là Sắc Tâm Cơ (đối với trong Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi) là Cõi Giới có 5 Uẩn) hoặc không có Sắc Tâm Cơ (đối với trong Tứ Uẩn Địa Giới (Catuvokārabhūmi) là Cõi Giới có 4 Uẩn).

4. Tác Ý (Manasikāra): Có sự chú tâm.

TRONG BỘ CHÚ GIẢI AṬṬHASĀLINĪ VÀ TRONG THANH TỊNH ĐẠO (VISUDDHIMAGGA) CÓ TỶ DỤ CẢ 6 THỨC (VIÑÑĀṆA) NHƯ THỂ NÀY:

1. Tâm Nhãn Thức (Cakkhaviññāṇadhātu) (con mắt) giống như con rắn, vì con rắn thích toàn nhập trong chỗ ẩn bí như thế nào, con mắt cũng thích sáp nhập vào chỗ lay động muốn trông thấy sự vật chỗ che giấu như thế ấy.

2. Tâm Nhĩ Thức (Sotaviññāṇacitta) (lỗ tai) giống như cá sấu, vì cá sấu thích vũng nước lạnh như thế nào, lỗ tai cũng thích nghe thoại ngữ hảo thính và duyệt nhĩ như thế ấy.

3. Tâm Tỷ Thức (Ghānaviññāṇacitta) (lỗ mũi) giống như con chim, vì con chim thích bay lượn trong hư không như thế nào, lỗ mũi cũng thích hấp nhập khứu vị thuận theo chiều gió huu huu thổi đến như thế ấy.

4. Tâm Thiệt Thức (Jivhaviññāṇacitta) (cái lưỡi) giống như con chó, vì con chó thường luôn chảy nước dãi như thế nào, cái lưỡi cũng muốn nếm vị ở mọi khi như thế ấy.

5. Tâm Thân Thức (Kāyaviññāṇacitta) (sắc thân) giống như con cáo, vì con cáo thích ẩm áp như thế nào, sắc thân cũng thích ẩm áp như thế ấy.

6. Tâm Ý Thức (Manoviññāṇacitta) (tâm) giống như con khỉ, vì con khỉ thích ở không yên như thế nào, tâm cũng thích nghịch ngợm mãi, ở không yên như thế ấy.

Ghi chú: Nói tóm lại **18 Tâm Vô Nhân (Ahetukacitta)** sinh khởi do y cứ Môn (Dvāra), Vật (Vatthu), Cảnh (Ārammaṇa).

CÓ 6 THỂ LOẠI TRẠNG THÁI VI TIỂU (TRONG KINH VĂN TU SỬA)

1. Vi Tiểu (Sita): Sự duyệt ý nơi diện mạo.

2. Thiệt Tiểu (Hasita): Cười nhìn thấy chân răng.

3. Tiểu Ngâm Ngâm (Vihasita): Phát tiểu nhẹ khẽ.

4. Tiểu Kha Kha (Upahasita): Phát tiểu rung vai lúc lắc cái đầu.

5. Phủng Phức Đại Tiểu (Apahasita): Phát tiểu cho đến nước mắt chảy.

6. Cáp Cáp Đại Tiểu (Atihasita): Phát tiểu cho đến rung cả thân.

VIỆC ĐẶT CÂU VẤN HỎI NHẪM ĐỂ PHỐI HỢP SỰ LIỄU TRI

Vấn: Vì lý do nào ? Về phần Tâm Thân Thức mới chỉ có câu sinh với 2 thể loại Lạc Thọ và Khổ Thọ, bắt câu sinh với Xả Thọ, và cả 4 thể loại Tâm Nhãn Thức, Tâm Nhĩ Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức này tại làm sao mới câu sinh chỉ có duy nhất với Xả Thọ, bắt câu sinh với Lạc Thọ và Khổ Thọ ?

Đáp: Tâm Nhãn Thức (Cakkhaviññāṇacitta), Tâm Nhĩ Thức (Sotaviññāṇacitta), Tâm Tỷ Thức (Ghānaviññāṇacitta), Tâm Thiệt Thức (Jivhāviññāṇacitta), cả 4 Tâm này sẽ sinh khởi do y cứ việc tiếp xúc lẫn nhau giữa Sắc Y Sinh (Upādāyarūpa) với Sắc Y Sinh (Upādāyarūpa), đề cập rằng Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda) với Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) khi đã đến tiếp xúc với nhau thì Tâm Nhãn Thức cũng sinh khởi. Nhĩ, Tỷ, Thiệt v.v. cũng hiện hành trong cùng một phương thức với nhau như thế này. Việc tiếp xúc lẫn nhau giữa Sắc Y Sinh với Sắc Y Sinh như đã vừa đề cập đây, thường có năng lực ít nhiều như việc tiếp xúc với nhau giữa 2 khối bông gòn, thường không làm cho âm thanh hiển hiện lên bất luận thể loại nào, điều này như thế nào, Tâm Nhãn Thức v.v. các thể loại ấy sinh khởi do y cứ việc tiếp xúc lẫn nhau giữa Sắc Y Sinh cũng không làm cho có sự tri giác đặc biệt, tức là an lạc hoặc khổ đau bất luận một thể loại nào sinh khởi cũng tương tự như nhau; với nguyên nhân này Tâm Nhãn Thức v.v. mới là Tâm chỉ câu sinh duy nhất với Xả Thọ.

Còn Tâm Thân Thức (Kāyaviññāṇacitta) sẽ sinh khởi được do y cứ giữa Sắc Y Sinh với Sắc Đại Hiện (Mahābhūtarūpa) khi đã đến tiếp xúc với nhau thì Tâm Thân Thức cũng sinh khởi; tỷ như một người lấy búa sắt đập cục bông gòn đặt trên đe, búa sắt này va chạm hoàn toàn cục bông gòn ngay trên đe, là vật có nhiều năng lực như thế nào, việc tiếp xúc lẫn nhau giữa Sắc Y Sinh là Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda) với Sắc Đại Hiện là Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa) cũng như thế ấy; vì thế sự tri giác phát sinh từ nơi Lộ Thân Môn này mới thành sự tri giác đặc biệt, tức là an lạc hoặc là khổ đau, gọi là Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc (Sukhasahagatakāyaviññāṇacitta) [Cảnh Xúc đến tiếp xúc là Cảnh Duyệt Ý (Iṭṭhārammaṇa)] và Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ (Dukkhasahagatakāyaviññāṇacitta) [Cảnh Xúc đến tiếp xúc là Cảnh Bất Duyệt Ý (Aniṭṭhārammaṇa)].

Đây là lý do người thực hiện việc giảng dạy sẽ nên trả lời câu vấn hỏi của học viên giá như sẽ có sinh khởi lời vấn hỏi ngay trong sát na thực hiện việc giảng dạy.

Vấn: Trong 18 Tâm Vô Nhân ấy có 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, thế nhưng phần Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện có 7, là như vậy vì lý do nào, cho lời giải thích ?

Đáp: Trong việc Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân có nhiều hơn 1 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện ấy, **sai biệt ở chỗ Tâm Thảm Tấn (Santīraṇacitta)**, là Tâm làm nhiệm vụ tư khảo thảm tấn. Bên phía Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân có 2 Tâm Thảm Tấn là 1 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ. Còn trong Dị Thục Quả Bất Thiện ấy chỉ có 1 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ thôi. Sự việc như thế này chính thị hữu quan với Cảnh, là Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân thường tiếp thân Cảnh ở phần duyệt ý, Dị Thục Quả Bất Thiện ấy tiếp thân Cảnh ở phần bất duyệt ý.

CÓ 2 THỂ LOẠI CỦA TỪNG MỖI THỂ LOẠI CẢNH DUYỆT Ý (IṬṬHĀRAMMAṆA) VÀ CẢNH BẤT DUYỆT Ý (ANĬṬṬHĀRAMMAṆA):

1. Cảnh bên phía Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân:

+ Loại Cảnh thiện hảo bình thường gọi là **Cảnh Duyệt Ý Trung Bình (Itṭhamajjhat tārammaṇa)**.

+ Loại Cảnh cực kỳ thiện hảo gọi là **Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý (Atiitṭhārammaṇa)**.

2. Cảnh bên phía Dị Thục Quả Bất Thiện:

+ Loại Cảnh bất thiện hảo bình thường gọi là **Cảnh Bất Duyệt Ý Trung Bình (Anitṭhamajjhattārammaṇa)**.

+ Loại Cảnh cực kỳ bất thiện hảo gọi là **Cảnh Cực Kỳ Bất Duyệt Ý (Anitiitṭhārammaṇa)**.

Tâm Thảm Tán Dị Thục Quả Bất Thiện Vô Nhân (Ahetukakusalavipākasantīraṇa citta) khi đã tiếp thân Cảnh Duyệt Ý Trung Bình thường câu sinh với Xả Thọ, khi đã tiếp thân Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý thường câu sinh với Hỷ Thọ. Còn **Tâm Thảm Tán Dị Thục Quả Bất Thiện (Akusalavipākasantīraṇacitta)** vào thời gian tiếp thân Cảnh Bất Duyệt Ý Trung Bình hoặc Cảnh Cực Kỳ Bất Duyệt Ý thường chỉ câu sinh duy nhất với Xả Thọ thôi.

Vấn: Vì lý do nào Tâm Thảm Tán Dị Thục Quả Bất Thiện mới thành Tâm chỉ câu sinh duy nhất với Xả Thọ ?

Đáp: Việc thụ hưởng câu sinh với **Khổ Thọ (Dukkhavedanā)** ấy, thường đa phần chỉ sinh khởi ở Lộ Thân Môn. Đối với việc trình bày Cảnh câu sinh với **Ưu Thọ (Domanassa vedanā)** ấy, xác thực sẽ sinh khởi ở Lộ Ý Môn, thế nhưng **Ưu Thọ này sẽ cần phải thường luôn phối hợp với Tâm Sở Sân**, loại trừ Tâm Sở Sân đi rồi sẽ không thể sinh khởi được. **Tâm Sở Sân đây, rằng khi theo Pháp Chủng thường là Pháp Chủng Bất Thiện (Akusala jāti);** còn Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện ấy duy nhất chỉ là **Pháp Chủng Dị Thục Quả (Vipākajāti)**, không phải là Pháp Chủng Bất Thiện được; với lý do này Tâm Thảm Tán Dị Thục Quả Xả Thọ mới chỉ câu sinh duy nhất với Xả Thọ.

GIẢI THÍCH TRONG 24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO

Tâm Dục Giới Tịnh Hảo (Kāmāvacarasobhaṇacitta) là Tâm mặc dù vẫn còn du hành trong Dục Địa Giới, tuy nhiên hiện hành trong phía thiện hảo, bất thủy tiết bất thông, hoặc gây sự khốn khổ cho tự bản thân hoặc cho tha nhân.

Tâm Đại Thiện (Mahākusalacitta) gọi là Đại Thiện không thôi cũng được. Chỗ gọi là Đại Thiện vì:

1. Là Tâm Thiện có được sự rộng lớn quảng khoáng ở cùng khắp, đề cập là trong 4 Thông Khổ Địa Giới, 1 Nhân Loại Địa Giới, 6 Thiên Địa Giới, xuyên suốt cho đến 15 Hữu Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng), 4 Vô Sắc Địa Giới khả năng sẽ có Tâm Đại Thiện, hoặc phối hợp được Nghiệp Lực ở phần Đại Thiện này.

2. Thành vì chuẩn tắc của tất cả Thiện và còn làm **Duyên (Paccaya)** để cho sinh Tâm Thiện Thiên, Tâm Đạo, Tâm Quả, luôn cả làm Duyên cho đến Níp Bàn được.

CÓ 5 ĐIỀU CHÚ GIẢI LỜI NÓI THIỆN (KUSALA):

1. **Phi Tật Bệnh (Ārogayattha):** không có tật bệnh, là không có tham ái, sân hận, si mê, điều này gọi là tật bệnh, vì thích thống tâm tính của chúng hữu tình.
2. **Mỹ Hảo (Sundarattha):** tốt đẹp, là lợi ích bang trợ đối với chúng hữu tình.
3. **Thông Tuệ (Chekattha):** thông tuệ, tư văn, là người có tâm thức thiện lương, thường có hành động, thoại ngữ, hữu giáo dưỡng, ưu nhã.
4. **Vô Khả Chỉ Trách (Anavajjattha):** không có tội lỗi sẽ đáng phải chỉ trách được.
5. **Quả Dị Thục An Lạc (Sukhavipākattha):** cho quả báo an lạc đáng dục cầu.

CÓ 5 NHÂN SINH TÂM ĐẠI THIỆN (MAHĀKUSALACITTA):

1. **Phúc Thiện Hạnh Tiền Sinh (Pubbe ca katapuññatā):** Từng tạo Phước Báo từ kiếp trước.
2. **Trú Xứ Thích Hợp (Paṭirūpadesavāsa):** Ở trong quốc độ thích hợp, là quốc độ có **Bậc Hiền Triết (Sappurisa).**
3. **Y Cú Hiền Triết (Sappurisūpanissaya):** Kết giao với Bậc Hiền Triết.
4. **Thính Văn Chánh Pháp (Saddhammassavana):** Thính Pháp của Bậc Hiền Triết.
5. **Tự Lập Trường Chân Chính (Attasammāpaṇidhi):** Tự đặt mình nơi thích hợp.

CÓ 6 NHÂN SINH ĐẠI THIỆN HỖ THỌ (MAHĀKUSALASOMANASSA):

1. **Tục Sinh Hỷ Thọ (Somanassaṭṭisandhikatā):** Có Tâm Tục Sinh là Hỷ Thọ.
2. **Đa Tín Lực (Saddhābahulatā):** Có nhiều đức tin.
3. **Kiến Tịnh (Visuddhadiṭṭhitā):** Có tri kiến chính xác không còn ô nhiễm.
4. **Quan Thưởng Thiện Quả (Ānissamsadassāvitā):** Kiến văn thiện quả của các Thiện Nghiệp Lực ấy.
5. **Phối Hợp Cảnh Duyệt Ý (Iṭṭhārammaṇasamāyogo):** Được tiếp xúc với Cảnh duyệt ý, là được **Thí Sả Vật Phẩm (Dayādhamma)** và **Tiếp Thụ Bồ Thí Giả (Paṭigāhaka)** đáng mừng ý.
6. **Nội Tâm Thư Thản (Kassaciṭṭābhāvo):** Không có điều chi trở tác chướng ngại nào cả.

CÓ 6 NHÂN SINH ĐẠI THIỆN XẢ THỌ (MAHĀKUSALAUPEKKHĀ):

1. **Tục Sinh Hỷ Thọ (Upekkhāṭṭisandhikatā):** Có Tâm Tục Sinh là Xả Thọ.
2. **Thiểu Tín Lực (Appasaddhatā):** Có đức tin ít ỏi.
3. **Bất Kiến Tịnh (Avisuddhadiṭṭhitā):** Có tri kiến không được thuần tịnh lắm, bất thuần chân.

4. Bất Quan Thưởng Thiện Quả (Ānissamsaadassāvitā): Bất kiến văn hoặc bất liễu giải trong thiện quả của các Thiện Nghiệp Lực ấy.

5. Phối Hợp Cảnh Duyệt Ý Trung Bình (Majjhattārammaṇasamāyogo): Được tiếp xúc với Cảnh duyệt ý trung bình, là được **Thí Sả Vật Phẩm (Dayādhamma)** và **Tiếp Thụ Bồ Thí Giả (Paṭigāhaka)** trung bình.

6. Nội Tâm Thư Thản (Kassacipīlabhāvo): Không có bất luận điều chi trở tắc chướng ngại nào cả.

CÓ 4 NHÂN SINH TÂM ĐẠI THIỆN TƯƠNG ỨNG TRÍ (MAHĀKUSALAÑĀNASAMPAYUTTACITTA):

1. Y Cứ Nghiệp Lực Tương Ứng Trí (Paññāsamvattanikakammupanissayatā): Tục sinh đến do nương vào Thiện Nghiệp Lực phối hợp với Trí Tuệ.

2. Bất Phát Sinh Kết Oán (Abyāpajjalokūpapattiyā): Sinh trong gia tộc không còn sự ưu lự hoài niệm, không có sự kết cừ, có cơ duyên được vào Chùa thánh Pháp.

3. Viễn Ly Phiền Nã (Kilesadūratā): cách xa phiền nã, bất quan tâm trong việc tầm cầu Pháp phiền nã.

4. Quyền Lực Thực Luyện (Indriyaparipākatā): Có **Tuệ Quyền (Paññindriya)** cường liệt, là có tuổi thọ giữa 40 đến 50 tuổi gọi là **Trí Tuệ Thập Phần (Paññādasaka)** là niên linh có Trí Tuệ tử tế nghiên cứu tư khảo một cách chu tường đến nhân quả.

MỘT PHẦN KHÁC NỮA, CÓ 7 NHÂN SINH TÂM ĐẠI THIỆN TƯƠNG ỨNG TRÍ (MAHĀKUSALAÑĀNASAMPAYUTTACITTA):

1. Cần Miễn Tham Vấn (Paripucchakatā): Siêng năng thẩm tra các Pháp vấn hỏi.

2. Thanh Khiết Vật Dụng (Vatthuvisadakiriyā): Thích thanh khiết cả thân tâm, cho đến cả vật dụng sử dụng.

3. Bảo Hộ Ôn Trụ Quyền Lực (Indriyasamattapaṭipādanā): Thích bảo hộ 5 Quyền Lực có Tín Quyền Lực v.v. cho ôn trụ một cách nhất quán với nhau.

4. Tỵ Miễn Ngu Xuẩn Nhân (Duppāññapuggalaparivajjanā): Thích né tránh cho thoát ly người không có Trí Tuệ.

5. Kết Giao Hiền Trí Giả (Paññavantapuggalasevanā): Thích kết giao với **Bạc Hiền Trí (Paṇḍita)**.

6. Trí Hành Thẩm Sát Pháp Thâm Thúy (Gambhīraññācariyapaccavekkhanā): Thích tư khảo Pháp thâm thúy.

7. (Tadadhimuttatā): Thích hướng tâm tâm cầu **Pháp Vị (Rasadhamma)**, và tư khảo làm cho phải phát sinh Trí Tuệ.

CÓ 4 NHÂN SINH TÂM ĐẠI THIỆN BÁT TƯƠNG ỨNG TRÍ (MAHĀKUSALAÑĀNAVIPPAYUTTACITTA):

1. Y Cú Nghiệp Lực Tương Ứng Trí (Paññāsaṃvattanikakammupanissaya tā): Tục sinh đến do không được nương vào Thiện Nghiệp Lực phối hợp với Trí Tuệ.

2. Hữu Sinh Kết Oán (Sabyāpajjalokūpapattiyā): Sinh trong gia tộc vẫn còn sự ưu lự hoài niệm, vẫn còn đầy đủ sự kết cừu.

3. Bất Viễn Ly Phiền Não (Kilesādūratā): Không làm cho Tâm viễn ly khỏi phiền não, vẫn còn quan tâm trong việc tâm cầu Pháp phiền não.

4. Quyền Lực Thực Luyện (Indriyaaparipākātā): Có Tuệ Quyền (Paññindriya) bất cường liệt, vì sự dễ duôi khinh suất trong tuổi thọ.

PHÚC HÀNH TÔNG (PUÑÑAKIRIYĀVATTHU – PHÚC NGHIỆP SỰ):

Phúc Hành Tông (Puññakiriyāvatthu – Phúc Nghiệp Sự) dịch nghĩa “việc thực hiện điều thiện hảo thích đáng phải thực hiện”.

Thập Phúc Hành Tông (Puññakiriyāvatthu – Phúc Nghiệp Sự) có 10 điều, đó là:

(1) Thí Hành Phúc Nghiệp Sự (Dānamaya – Xả Thí Phúc Hành Tông): Thành tựu phước báu với việc xả thí phóng khí, là việc cho vật phẩm lợi lạc đến người được thọ thí.

(2) Giới Hành Phúc Nghiệp Sự (Sīlamaya – Trì Giới Phúc Hành Tông): Thành tựu phước báu với việc thọ trì giới luật, là tiết chế thân ngữ cho thành chính thường, bất thành sự bất yếu tổn hại biệt nhân.

(3) Tu Hành Phúc Nghiệp Sự (Bhāvanāmaya – Tu Tập Phúc Hành Tông): Thành tựu phước báu với việc tiến hóa tu tập, là việc bồi huấn tâm thức cho sinh khởi tối thiện hảo và cho tiến hóa lên thập phần.

(4) Cung Kính Phúc Nghiệp Sự (Apacāyanamaya – Cung Kính Phúc Hành Tông): Thành tựu phước báu với hạnh kiểm tất cung tất kính đối với bậc trưởng bối, là việc bày tỏ sự kính ý và tất cung tất kính đối với Bậc tiến hóa, đối với **(1) Bậc Ân Đức Trưởng Thượng (Gūṇavuddhipuggala)** là bậc trưởng thượng với mãnh lực từ nơi **Ân Đức Giới Hạnh (Sīlaguṇa)**, **Ân Đức Định Hạnh (Samādhiguṇa)**, và **Ân Đức Tuệ Hạnh (Paññāguṇa)**, **(2) Bậc Niên Linh Trưởng Thượng (Vayavuddhipuggala)** là bậc trưởng thượng với mãnh lực ở tuổi thọ, **(3) Bậc Tộc Biểu Trưởng Thượng (Jātivuddhipuggala)** là bậc trưởng thượng với mãnh lực ở dòng dõi họ hàng.

(5) Nỗ Lực Biện Thành Phúc Nghiệp Sự (Veyyāvaccamaya – Phụng Hành Phúc Hành Tông): Thành tựu phước báu với việc tâm cầu trong sự việc thích hợp, là việc bang trợ chiếu cố công việc liên quan với Pháp Học và Pháp Hành.

(6) Công Đức Thí Phúc Nghiệp Sự (Pattidānamaya – Hồi Hưởng Công Đức Phúc Hành Tông): Thành tựu phước báu với việc phân hưởng phần phước báu cho đến tha nhân, là quyên hiến phần Thiện cho người có Ân Đức suốt cho đến chúng hữu tình.

(7) Tùy Hỷ Công Đức Phúc Nghiệp Sự (Pattānumodanāmaya – Tùy Hỷ Công Đức Phúc Hành Tông): Thành tựu phước báu với việc tùy hỷ công đức phần phước báu của tha

nhân, là việc tán thưởng tán thành và tùy họa với sự thiếp ý mãn túc trong phần phước báu có người quyền hiển cho.

(8) Thính Pháp Phúc Nghiệp Sự (Dhammassavanamaya – Thính Pháp Phúc Hành Tông): Thành tựu phước báu với việc Thính Pháp, là chú tâm khuynh nhĩ Thính Phật Pháp, ngay cả lắng nghe việc giảng dạy học thức đường lối thế gian bất tội nghiệt cũng được liệt kê vào trong điều này.

(9) Thuyết Pháp Phúc Nghiệp Sự (Dhammadesanāmaya – Thuyết Pháp Phúc Hành Tông): Thành tựu phước báu với việc Thuyết Pháp cho tha nhân nghe, là việc Thuyết Pháp cho người nhu yếu sẽ Thính Pháp, ngay cả việc giảng dạy học thức đường lối thế gian bất tội nghiệt cũng được liệt kê vào trong điều này.

(10) Chân Tri Chước Kiến Phúc Nghiệp Sự (Ditṭhujukamma – Chân Tri Chước Kiến Phúc Hành Tông): Việc thực hiện tri kiến cho chính xác theo sự chân thật ít ra cũng cần đến tri kiến ở phần **Nghiệp Lực Chủ Nhân Trí (Kamassakatāpaññā)** là biết rằng hữu tình có Nghiệp Lực là của mình, tác thiện phùng thiện, tác ác phùng ác v.v.

Thập Phúc Hành Tông (Puñṇakiriyāvatthu) này khi đã liệt kê trong phân loại **Xả Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla), Tu Tập (Bhāvanā) (Tam Phúc Nghiệp Sự)** có được như vậy:

Công Đức Thí Phúc Nghiệp Sự (Pattidānamaya – Hồi Hướng Công Đức Phúc Hành Tông) với **Tùy Hỷ Công Đức Phúc Nghiệp Sự (Pattānumodanāmaya – Tùy Hỷ Công Đức Phúc Hành Tông)** liệt kê vào trong **Thí Hành Phúc Nghiệp Sự (Dānamaya)**.

Cung Kính Phúc Nghiệp Sự (Apacāyanamaya – Cung Kính Phúc Hành Tông) với **Nỗ Lực Biện Thành Phúc Nghiệp Sự (Veyyāvaccamaya – Phụng Hành Phúc Hành Tông)** liệt kê vào trong **Giới Hành Phúc Nghiệp Sự (Sīlamaya)**.

Thính Pháp Phúc Nghiệp Sự (Dhammassavanamaya – Thính Pháp Phúc Hành Tông), Thuyết Pháp Phúc Nghiệp Sự (Dhammadesanāmaya – Thuyết Pháp Phúc Hành Tông) và Chân Tri Chước Kiến Phúc Nghiệp Sự (Ditṭhujukamma – Chân Tri Chước Kiến Phúc Hành Tông) liệt kê vào trong **Tu Hành Phúc Nghiệp Sự (Bhāvanāmaya)**.

THEO PHẦN CHÚ GIẢI PHẬT NGÔN TRÌNH BÀY RẰNG:

Thính Pháp Phúc Nghiệp Sự (Dhammassavanamaya – Thính Pháp Phúc Hành Tông) với **Thuyết Pháp Phúc Nghiệp Sự (Dhammadesanāmaya – Thuyết Pháp Phúc Hành Tông)** liệt kê vào trong **Thí Hành Phúc Nghiệp Sự (Dānamaya)** cũng được, như Đức Phật đã thuyết giảng rằng **Pháp Thí Thù Thắng Hơn Mọi Thí (Sabbadānaṃ Dhamma dānaṃ Jināti)** việc Thí Pháp là xả thí thường thù thắng hơn các việc xả thí.

Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí (Mahākusalañāṇasampayuttacitta) dịch rằng “Tâm phối hợp với Trí Tuệ”. Trong Tâm Đại Thiện này lập ý chỉ có là **(1) Nghiệp Lực Chủ Nhân Trí (Kamassakatāpaññā)** và **(2) Minh Sát Tuệ (Vipassanāpaññā)** cũng đã là Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí rồi.

(1) Nghiệp Lực Chủ Nhân Trí: Trí Tuệ tri đắc rằng hữu tình có Nghiệp Lực là tài sản của mình, tác thiện phùng thiện, tác ác phùng ác.

NGHIỆP LỰC CHỦ NHÂN TRÍ (KAMMASSAKATĀPAÑÑĀ) CÓ 10 ĐIỀU:

1. Hiện Hữu Quả Phúc Xả Thí (Atthidinnam): Trí Tuệ tri đặc rằng việc xả thí thường có quả báo.

2. Hiện Hữu Quả Phúc Cúng Dường (Atthiyittam): Trí Tuệ tri đặc rằng việc cúng dường thường có quả báo.

3. Hiện Hữu Quả Phúc Cúng Hiến (Atthihutam): Trí Tuệ tri đặc rằng việc cúng hiến Chư Thiên thường có quả báo.

4. Hiện Hữu Nghiệp Quả Dị Thục (Atthikammānam phalavipāko): Trí Tuệ tri đặc rằng quả dị thục của Thiện Nghiệp Lực và Ác Nghiệp Lực thường hiện hữu.

5. Hiện Hữu Kim Sinh (Atthiayamloko): Trí Tuệ tri đặc rằng kiếp sống này hiện hữu (sẽ có người tái sinh đến đây).

6. Hiện Hữu Lai Sinh (Atthiparoloko): Trí Tuệ tri đặc rằng kiếp sống tới hiện hữu (sẽ có người đi tái sinh).

7. Hiện Hữu Ân Đức Mẫu Thân (Atthimātā): Trí Tuệ tri đặc rằng Ân Đức của người Mẹ hiện hữu (việc tác Thiện tác Ác đối với người Mẹ thường sẽ thọ quả báo).

8. Hiện Hữu Ân Đức Phụ Thân (Atthipitā): Trí Tuệ tri đặc rằng Ân Đức của người Cha hiện hữu (việc tác Thiện tác Ác đối với người Mẹ thường sẽ thọ quả báo).

9. Hiện Hữu Hóa Sinh Hữu Tình (Atthisattaoppātikā): Trí Tuệ tri đặc rằng Hóa Sinh Hữu Tình hiện hữu (Hóa Sinh sản sinh 24 nhóm).

10. Hiện Hữu Kim Sinh Sa Môn Bà La Môn Thực Hành Chân Chánh (Atthiloke samaṇabrāhmaṇa sammāpaṭipannā): Sa Môn, Bà La Môn thiện hành giả hoan hỷ tự thực hành một cách chân chánh phối hợp với chân trí chước kiến minh hiển trong đời này và đời sau rồi tuyên cáo cho tha nhân hiện hữu trong thế gian này được biết noi theo.

(2) Minh Sát Tuệ: Trí Tuệ tri đặc 5 Uẩn Danh Sắc qua Tam Thực Tướng là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

Hoặc Trí Tuệ có 3 điều, là:

1. Tuệ Văn (Sutamayapaññā - Văn Sở Thành Tuệ): Trí Tuệ phát sinh từ việc được khuynh nhĩ Thính Pháp rất nhiều (Pháp Học).

2. Tuệ Tư (Tư Sở Thành Tuệ - Cintamayapaññā): Trí Tuệ phát sinh từ việc tư khảo theo Pháp đã được khuynh nhĩ Thính Pháp (Pháp Học).

3. Tuệ Tu (Bhāvanāmayapaññā - Tu Sở Thành Tuệ): Trí Tuệ phát sinh từ việc tiến hóa tu tập Minh Sát Tuệ (Pháp Hành).

GIẢI THÍCH TRONG 27 TÂM ĐÁO ĐẠI (MAHAGGATACITTA 27)

Tâm Đáo Đại (Mahaggatacitta) dịch nghĩa “Tâm đạt đến sự rộng lớn và trác tuyệt.

(1) Trong 15 Tâm Sắc Giới ấy, rằng khi theo phân loại của Thiền Định hiện hữu 5 điều, đó là:

(1) 3 Tâm Sơ Thiền Sắc Giới, (2) 3 Tâm Nhị Thiền Sắc Giới, (3) 3 Tâm Tam Thiền Sắc Giới, (4) 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới, (5) 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới.

Khi phân tích theo Thiện, Dị Thục Quả, Duy Tác hiện hữu 15 điều, đó là:

(1) 5 Tâm Thiện Sắc Giới, (2) 5 Tâm Quả Sắc Giới, (3) 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới.

Khi phân tích theo Chi Thiện Định hiện hữu 5 – 4 – 3 – 2, đó là:

(1) 3 Tâm Sơ Thiền Sắc Giới có 5 Chi Thiện Định, là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

(2) 3 Tâm Nhị Thiền Sắc Giới có 4 Chi Thiện Định, là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

(3) 3 Tâm Tam Thiền Sắc Giới có 3 Chi Thiện Định, là Hỷ, Lạc, Nhất Thống.

(4) 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới có 2 Chi Thiện Định, là Lạc, Nhất Thống.

(5) 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới có 2 Chi Thiện Định, là Xả, Nhất Thống.

Ghi chú: Đây là việc trình bày theo Phần của Tạng Vô Tỷ Pháp, gọi là **Ngũ Chi Phần (Pañcakanaya)**. Nếu như trình bày theo Phần của Tạng Kinh có 4, gọi là **Tứ Chi Phần (Catukanaya)**.

Rằng khi theo việc đoạn trừ Triền Cái (Nīvaraṇa) của Chi Thiện Định (Áp Úc Phóng Khí - Vikkhambhaṇapahāṇa) có như vậy:

Chi Thiện Tầm đoạn trừ Hôn Trầm Thụy Miên Triền Cái (giống như nước có bèo bám che phủ).

Chi Thiện Tứ đoạn trừ Hoài Nghi Triền Cái (giống như nước bùn đục hoặc ở trong bóng tối).

Chi Thiện Hỷ đoạn trừ Sân Độc Triền Cái (giống như nước sôi sùng sục).

Chi Thiện Lạc đoạn trừ Trạo Hối Triền Cái (giống như nước bị gió thường luôn thổi sóng sánh).

Chi Thiện Nhất Thống đoạn trừ Tham Dục Triền Cái (giống như nước lẫn lộn với thuốc màu).

Rằng khi theo Cảnh hành sử chú thị để cho phát sinh Tâm Thiện có như vậy:

+ 3 Tâm Sơ Thiền Sắc Giới có 25 Cảnh Chế Định (Ārammaṇapaññatti), đó là: 10 Hoàn Tịnh Chế Định (Kasiṇapaññatti), 10 Bất Tịnh Chế Định (Asubhapaññatti), 1 Sở Túc Chế Định (Ānāpānaññatti), 1 Thân Hành Tùy Niệm (Kāyagatāsati), 3 Hữu Tình Chế Định [Sattapaññatti: Sở Ái Hoan Hỷ Hữu Tình Chế Định (Piyamanāpasatta paññatti), Khổ Đau Hữu Tình Chế Định (Dukkhitasattapaññatti), An Lạc Hữu Tình Chế Định (Sukhitasattapaññatti)].

+ 3 Tâm Nhị Thiền Sắc Giới, 3 Tâm Tam Thiền Sắc Giới, 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới có 14 Cảnh Chế Định, đó là: 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 1 Sở Túc Chế Định, 3 Hữu Tình Chế Định.

+ 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới có 12 Cảnh Chế Định, đó là: 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 1 Sở Túc Chế Định, 1 Trung Bình Hữu Tình Chế Định (Majjhattasattapaññatti).

(2) Trong 12 Tâm Vô Sắc Giới ấy, rằng khi theo phân loại của Thiện Định hiện hữu 4 điều, đó là:

(1) 3 Tâm Không Vô Biên Xứ, (2) 3 Tâm Thức Vô Biên Xứ, (3) 3 Tâm Vô Sở Hữu Xứ, (4) 3 Tâm Phi Tường Phi Phi Tường Xứ.

Khi phân tích theo Thiện, Dị Thực Quả, Duy Tác hiện hữu 12 điều, đó là:

(1) 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, (2) 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới, (3) 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới.

Khi phân tích theo Chi Thiên Định: 12 Tâm Vô Sắc Giới có 2 Chi Thiên Định là Xả, Nhất Thống.

Rằng khi theo Cảnh hành sử chú thị để cho phát sinh Tâm Thiên có như vậy:

+ 3 Tâm Thiên Không Vô Biên Xứ có **Hoàn Tịnh Phóng Khí Hư Không Chế Định (Kasiṇugghāṭimākāsaṇṇatti)** làm Cảnh.

+ 3 Tâm Thiên Thức Vô Biên Xứ có Thiện và Duy Tác Không Vô Biên Xứ làm Cảnh.

+ 3 Tâm Thiên Vô Sở Hữu Xứ có **Vô Hữu Chế Định (Natthibhavapaṇṇatti)** làm Cảnh.

+ 3 Tâm Thiên Phi Tường Phi Phi Tường Xứ có Thiện và Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ làm Cảnh.

Ghi chú: 12 Tâm Vô Sắc Giới này liệt kê vào trong Ngũ Thiên, vì khi theo Chi Thiên Định chỉ có 2 Chi Thiên Định là Xả, Nhất Thống thôi.

GIẢI THÍCH TRONG 8 HOẶC 40 TÂM SIÊU THỂ (LOKUTTARACITTA)

Tâm Siêu Thể (Lokuttaracitta) khi ngắt câu có được 3 câu, là **Loka + Uttara + Citta**.

Loka ngụ ý đến cả 3 Địa Giới, là **Dục Địa Giới (Kāmaloka, Kāmabhūmi), Sắc Địa Giới (Rūpa loka, Rūpabhūmi), Vô Sắc Địa Giới (Arūpaloka, Arūpabhūmi)**, hoặc ngụ ý đến việc sinh diệt cũng được.

Uttara ý muốn nói là vượt khỏi hoặc thoát khỏi.

Lokuttaracitta ý muốn nói là Tâm vượt thoát khỏi cả 3 Giới, là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới.

Tâm vượt khỏi Thế Gian là Tâm tiếp thân Cảnh Níp Bàn, là Pháp vượt khỏi thế gian.

Tâm thoát khỏi Thế Gian là Tâm tiếp thân Cảnh Níp Bàn, là Pháp thoát khỏi thế gian.

Tâm Đạo (Maggacitta) đang đoạn trừ phiền não. **Tâm Quả** đã đoạn trừ phiền não rồi.

Trong 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thể ấy, Đạo là Thiện, Quả là Dị Thực Quả (Vipāka).

BẬC THẤT LAI (SOTĀPANNA) CÓ 3 HẠNG:

(1) Thất Lai Độc Nhất Sinh Hữu (Ekabījīsoṭāpanna): Là Bậc Thất Lai chỉ sẽ tái sinh tiếp tục duy nhất một kiếp sống nữa, cũng sẽ chứng đắc **Quả Vô Sinh (Arahattaphala)** rồi sẽ **Viên Tịch Níp Bàn (Parinibbāna)**.

(2) Thất Lai Tiếp Nhị Liên Lục Sinh Hữu (Kolaṅkolasotāpanna): Là Bậc Thất Lai sẽ phải tiếp tục tái sinh nữa kể từ 2 đến 6 kiếp sống là tối đa, cũng sẽ chứng đắc Quả Vô Sinh rồi sẽ Viên Tịch Níp Bàn.

(3) Thất Lai Tối Đa Thất Sinh Hữu (Sattakhattuparamasotāpanna): Là Bạc Thất Lai sẽ phải tiếp tục tái sinh nữa tối đa chỉ 7 kiếp sống, cũng sẽ chứng đắc Quả Vô Sinh rồi sẽ Viên Tịch Níp Bàn.

Việc tính 3 hạng Bạc Thất Lai ấy có cách thức với 2 hạng là:

+ Hạng thứ 1 khác biệt với năng lực của 5 **Quyền Lực (Indriya)** (hạng cao siêu, hạng trung đẳng, hạng non yếu).

+ Hạng thứ 2 khác biệt với sự lập chí đối với 3 Thánh Đạo bậc trên (nỗ lực cường liệt, trung bình, yếu đuối). Còn có một hạng Bạc Thất Lai nữa, đích thực là Bạc Thất Lai, thế nhưng không tính gộp ở trong 3 hạng Bạc Thất Lai đã vừa đề cập, hạng Bạc Thất Lai này gọi là **Thất Lai Luân Chuyển Hồi Quy (Vaṭṭabhiratasotāpanna)** là Bạc Thánh Thất Lai có tính cách mẫn ý hỷ duyệt trong **Vòng Luân Hồi (Vaṭṭa)**, vãng trình tái sinh trong cả Lục Dục Thiên Giới và đi suốt cho đến **Sắc Cứu Cánh Thiên Giới (Akaniṭṭhabhava)** có Đại Cạn Sự Nữ **Visākhā**, Bá Hộ **Anāthapiṇḍika**, Thiên Tử **Cuḷaratanatha**, Thiên Tử **Mahāratanatha**, Thiên Tử **Anekavaṇṇa**, Thiên Chủ **Sakka Đế Thích**.

BẠC NHẤT LAI (SAKADĀGĀMI) CÓ 5 HẠNG:

Có **Pāḷi** xiển minh trong **Đại Phụ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga Mahā Tīkā)** trình bày rằng **Sakam āgacchatīti = Sakadāgāmī** dịch nghĩa “Bậc sẽ tái sinh lại trong Nhân Loại Địa Giới duy nhất chỉ có một lần nữa thôi, gọi tên **Bạc Nhất Lai**”.

1. Idha patvā idha parinibbāyī: Thành tựu Bạc Nhất Lai trong Nhân Loại Địa Giới và chứng đắc **Quả Vô Sinh (Arahattaphala)** trong cùng kiếp sống Nhân Loại Địa Giới.

2. Tattha patvā tattha parinibbāyī: Thành tựu Bạc Nhất Lai trong Thiên Địa Giới và chứng đắc Quả Vô Sinh trong cùng kiếp sống Thiên Địa Giới.

3. Idha patvā tattha parinibbāyī: Thành tựu Bạc Nhất Lai trong Nhân Loại Địa Giới rồi tử vong từ Nhân Loại Địa Giới rồi đi tái sinh trong Thiên Địa Giới và chứng đắc Quả Vô Sinh trong Thiên Địa Giới.

4. Tattha patvā idha parinibbāyī: Thành tựu Bạc Nhất Lai trong Thiên Địa Giới rồi tử vong từ Thiên Địa Giới đi tái sinh trong Nhân Loại Địa Giới và chứng đắc Quả Vô Sinh trong Nhân Loại Địa Giới.

5. Idha patvā tattha nibbattitvā idha parinibbāyī: Thành tựu Bạc Nhất Lai trong Nhân Loại Địa Giới rồi tử vong từ Nhân Loại Địa Giới đi tái sinh trong Thiên Địa Giới, rồi tử vong từ Thiên Địa Giới đi tái sinh trong Nhân Loại Địa Giới và chứng đắc Quả Vô Sinh trong Nhân Loại Địa Giới.

Bạc Nhất Lai thứ 1 đến hạng thứ 4 là phần gián tiếp, hạng thứ 5 là phần trực tiếp.

BẠC BÁT LAI (ANĀGĀMĪ) CÓ 5 HẠNG:

1. Antarāparinibbāyī: Là Bạc Bát Lai tái sinh trong bất luận một trong Phạm Thiên Giới nào và sẽ chứng đắc Quả Vô Sinh (Arahattaphala) rồi sẽ Viên Tịch Níp Bàn (Parinibbāna) nội trong khoảng thời gian đầu của tuổi thọ trong Phạm Thiên Giới ấy.

2. Upahaccaparinibbāyī: Là Bạc Bát Lai tái sinh trong bất luận một trong Phạm Thiên Giới nào và sẽ chứng đắc Quả Vô Sinh rồi sẽ Viên Tịch Níp Bàn nội trong khoảng thời gian sau của tuổi thọ trong Phạm Thiên Giới ấy.

3. Asaṅkhāraparinibbāyī: Là Bạc Bát Lai tái sinh trong bất luận một trong Phạm Thiên Giới nào và sẽ chứng đắc Quả Vô Sinh một cách lưu lợi không cần phải trí lực nhiều, rồi Viên Tịch Níp Bàn.

4. Sasaṅkhāraparinibbāyī: Là Bạc Bát Lai tái sinh trong bất luận một trong Phạm Thiên Giới nào và sẽ chứng đắc Quả Vô Sinh một cách gian nan, cần phải trí lực một cách cường liệt, rồi Viên Tịch Níp Bàn.

5. Uddhamsoṭo akanitṭhagāmī: Là Bạc Bát Lai tái sinh trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới (Suddhāvāsabhūmi) bậc thấp là Vô Phiền Phạm Thiên Giới (Avihābhūmi) rồi tử vong và tái sinh trong Cõi Phạm Thiên Giới cao đi theo thuận tự là Vô Nhiệt Phạm Thiên Giới (Atappābhūmi), Thiệt Hiện Phạm Thiên Giới (Sudassābhūmi) cho đến Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới (Akinitṭhābhūmi) rồi được chứng đắc Quả Vô Sinh rồi Viên Tịch Níp Bàn.

Vấn: Bạc Bát Lai đã đắc Ngũ Thiên Sắc Giới sẽ tái sinh trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới tương tự nhau hết hay không ?

Đáp: Vấn đề sự kiện Bạc Bát Lai tử vong rồi sẽ tái sinh trong Cõi Phạm Thiên Giới nào, thì thường hay có người liễu giải rằng sẽ cần phải tái sinh khởi sinh lên trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới vì có một câu **Pāḷi** nói rằng **Anāgāmino pana suddhāvāsesu uppajjanti** dịch nghĩa “Bạc Bát Lai thường phát sinh trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới” thế nhưng câu **Pāḷi** điều này nếu trình bày một cách đầy đủ thì sẽ phải trình bày rằng.. **Anāgāmino pana pañcamajjhānaṃ bhāvetvā suddhāvāsesu uppajjanti** dịch nghĩa “Chỉ có Bạc Bát Lai thôi, khi đã tiến hóa Ngũ Thiên cho khởi sinh lên rồi, thường phát sinh trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, vì Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới là Tứ Thiên Phạm Thiên Giới, người không đắc Ngũ Thiên sẽ tái sinh trong Tứ Thiên Phạm Thiên Giới không thể được sao, thế nhưng cho dù Bạc Bát Lai đã đắc Ngũ Thiên đi nữa, ý nghĩa của câu **Pāḷi** này cũng lập ý chỉ riêng Bạc Bát Lai đã đạt đạo Ngũ Thiên với cả **5 Quyền Lực (Indriya)** là Tín Quyền Lực, Tấn Quyền Lực, Niệm Quyền Lực, Định Quyền Lực, Tuệ Quyền Lực, bất luận thể loại nào cường liệt một cách đặc biệt mới sẽ được tái sinh trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới. Nếu như đơn độc chỉ đắc được Ngũ Thiên một cách bình thường, không có bất luận một thể loại nào của Quyền Lực cường liệt một cách đặc biệt thì chỉ sẽ phải tái sinh trong **Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới (Vehapphalābhūmi)** thôi, trừ khi Bạc Bát Lai đắc được Thiên Vô Sắc Giới hoặc đắc được Thiên Sắc Giới bậc thấp hơn Ngũ Thiên thì sẽ phải tái sinh trong Địa Giới theo tầng bậc Thiên mà mình đã đắc hoặc đắc được tầng Thiên cao hơn thế nhưng có “lòng

tham muốn dục vọng” (**Nikkanti Taṇhā – Thiết Vọng Ái**) mãn ý trong Địa Giới tầng thấp hơn của Thiền Định mà mình đã đắc thì cũng phải tự tái sinh trong Địa Giới mà mình mãn ý.

BẬC VÔ SINH (ARAHANTA) CÓ 2 HẠNG:

Có **Pāḷi** xiển minh trong **Đại Phụ Chú Giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga Mahā Tīkā)** trình bày rằng **Pūjādivisesaṃ arhatīti = Arahaṃ** dịch nghĩa “Bậc thích đáng cho việc cúng dường của Chúng Chư Thiên và Nhân Loại, gọi tên là **Bậc Vô Sinh (Ứng Cúng)**”.

1. Bậc Vô Sinh đạt đạo bằng **Tâm Giải Thoát (Cetovimutti)** vì là Bậc thực hành **An Chỉ Tu Tập (Samathabhāvanā)** chứng đắc Thiền Định trước, về sau thực hành **Minh Sát Tuệ Tu Tập (Vipassanābhāvanā)** cho đến đắc thành Bậc Vô Sinh, hoặc Bậc thực hành chỉ riêng phần Minh Sát Tuệ Tu Tập không thôi, thế nhưng khi đắc được **Đạo (Maggā) Quả (Phala) Cảnh Thiền Định Thâm Thệ (Ārammaṇūpanijjhāna)** cùng với đắc được **3 Minh (Vijjā), 6 Thắng Trí (Abhiññā)** sinh khởi cũng sẽ được gọi là **Đạo Lực Viên Mãn Thiền Định (Maggasiddhijhāna)**.

2. Bậc Vô Sinh đạt đạo bằng **Tuệ Giải Thoát (Paññāvimutti)** vì thành đạt Bậc Vô Sinh với việc thực hành hoàn toàn **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)** không có được thực hành **An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhāna)**, hoặc sẽ gọi một cách khác là **Bậc Vô Sinh Lạc Quán (Sukhavipassaka Arahanta)** là Bậc thực hành làm cho Thiền Định khô cạn (**Ārammaṇūpanijjhāna - Cảnh Thiền Định Thâm Thệ**), chẳng phải **Thực Tướng Thiền Định Thâm Thệ (Lakkhaṇūpanijjhāna)**.

MỘT PHẦN KHÁC NỮA, BẬC VÔ SINH KHI PHÂN CHIA THEO ÂN ĐỨC ĐẶC BIỆT HIỆN HỮU 2 HẠNG:

1. **Bậc Vô Sinh Uyên Bác Vô Ngại Giải (Paṭisambhidāpatta Arahanta):** Là Bậc Vô Sinh đắc được cả **4 Vô Ngại Giải (Paṭisambhidā)** cùng với việc chứng đắc Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh.

2. **Bậc Vô Sinh Bất Uyên Bác Vô Ngại Giải (Appaṭisambhidāpatta Arahanta):** Là Bậc Vô Sinh bất uyên bác trong cả 4 Vô Ngại Giải, gọi là **Bậc Á Ba Vô Sinh (Mūga Arahanta)** là Bậc Vô Sinh không có tri thức trong phía **Pháp Học (Pariyattidhamma)**.

CẢ 4 VÔ NGẠI GIẢI (PAṬISAMBHIDĀ 4)

1. **Nghĩa Vô Ngại Giải (Atthapaṭisambhidā):** Uyên bác trong nghĩa lý (nội dung).
2. **Pháp Vô Ngại Giải (Dhammapaṭisambhidā):** Uyên bác trong Pháp (thực tính).
3. **Từ Vô Ngại Giải (Niruttapaṭisambhidā):** Uyên bác trong ngôn từ.
4. **Biện Vô Ngại Giải (Paṭibhāṇapaṭisambhidā):** Uyên bác trong tùy cơ ứng biến.

Ý NGHĨA CỦA TÂM (CITTA)

Tâm Dục Giới (Kāmāvacaracitta) ý muốn nói là Tâm đa phần du hành trong 11 Cõi Dục Giới.

Tâm Bất Thiện (Akusalacitta) ý muốn nói là Tâm có tội lỗi và cho quả tương phản với Tâm Thiện, hoặc là Tâm câu sinh với Tâm Sở Bất Thiện.

Tâm Căn Tham (Lobhamūlacitta) ý muốn nói là Tâm sinh khởi do có Tâm Sở Tham làm căn nguyên, làm chủ yếu.

Tâm Căn Sân (Dosamūlacitta) ý muốn nói là Tâm sinh khởi do có Tâm Sở Sân làm căn nguyên, làm chủ yếu.

Tâm Căn Si (Mohamūlacitta) ý muốn nói là Tâm sinh khởi do có Tâm Sở Si làm căn nguyên, làm chủ yếu.

Tâm Vô Nhân (Ahetukacitta) ý muốn nói là Tâm không có 6 Nhân phối hợp.

Tâm Hữu Nhân (Sahetukacitta) ý muốn nói là Tâm có 6 Nhân phối hợp.

Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện (Akusalavipākacitta) ý muốn nói là Dị Thục Quả sinh từ 12 Bất Thiện Nghiệp Lực có việc trông thấy, việc được nghe, việc được ngửi không tốt đẹp v.v.

Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân (Ahetukakusalavipākacitta) ý muốn nói là Dị Thục Quả sinh từ 8 Đại Thiện Nghiệp Lực có việc trông thấy, việc được nghe, việc được ngửi tốt đẹp, nhưng là Vô Nhân.

Tâm Duy Tác Vô Nhân (Ahetukakiriyācitta) ý muốn nói là Tâm sinh khởi một cách đơn độc, không có được nương nhờ bất luận thể loại Nghiệp Lực nào, và không là Phúc là Ác, nhưng là Vô Nhân.

Tâm Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇacitta) ý muốn nói là Tâm ngoài ra Tâm Tịnh Hảo là Tâm thiện hảo, hoặc là Tâm bất câu sinh với Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta) ý muốn nói là Tâm câu sinh với Tâm Sở Tịnh Hảo, hoặc là Tâm thiện hảo.

Tâm Đại Thiện (Mahākusalacitta) ý muốn nói là Tâm không có tội lỗi và cho quả là sự an vui, luôn cả có khả năng cho quả sinh khởi nhiều hơn bản thân, luôn cả là tiên khởi của Thiền Định, Thắng Trí, Đạo, Quả.

Tâm Đại Quả (Mahāvipākacitta) ý muốn nói là Tâm thành quả của Đại Thiện, vì khi là theo **Thọ (Vedanā)**, **Phối Hợp (Sampayoga)** và **Dẫn Dụ (Saṅkhāra)** thì cũng tương tự với Đại Thiện mọi trường hợp.

Tâm Đại Duy Tác (Mahākiriyacitta) ý muốn nói chính thị là Tâm có tên gọi Đại Thiện, thế nhưng sinh khởi trong bản tính của Bậc Vô Sinh.

Tâm Dục Giới Tịnh Hảo (Kāmāvacarasobhaṇacitta) ý muốn nói là Tâm thiện hảo và là Tâm Dục Giới câu sinh với Tâm Sở Tịnh Hảo đa phần du hành sinh hoạt trong Dục Địa Giới.

Tâm Sắc Giới (Rūpāvacaracitta) ý muốn nói là cả 15 Tâm này đa phần du hành sinh hoạt trong Cõi Địa Giới là sản địa của **Phiền Não Sắc (Kilesarūpa)** và **Vật Sắc (Vatthu rūpa)**.

Tâm Vô Sắc Giới (Arūpāvacaracitta) ý muốn nói là cả 12 Tâm này đa phần du hành sinh hoạt trong Cõi Địa Giới là sản địa của **Phiền Nã Vô Sắc (Kilesaarūpa)** và **Vật Vô Sắc (Vatthuarūpa)**.

Tâm Đáo Đại (Mahaggatacitta) ý muốn nói là Tâm đạt đến sự rộng lớn và trác tuyệt.

Tâm Hiệp Thế (Lokīyacitta) ý muốn nói là những thể loại Tâm này thường sinh hoạt trong cả Tam Giới, là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới.

Tâm Siêu Thế (Lokuttaracitta) ý muốn nói là những thể loại Tâm này vượt thoát khỏi cả Tam Giới, là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới.

Tâm Thiền (Jhānacitta) ý muốn nói là Tâm cấu sinh với 5 Chi Thiền Định có Chi Thiền Tầm v.v.

Tâm Phi Thiền (Ajhānacitta) ý muốn nói là Tâm bất cấu sinh với 5 Chi Thiền Định có Chi Thiền Định Tầm v.v.

Ghi chú: Điều chú ý trong việc kết hợp Tâm vào với nhau có được một tên gọi khác nữa, chẳng hạn như:

Kết hợp 12 Tâm Bất Thiện với 18 Tâm Vô Nhân gọi là 30 Tâm Vô Tịnh Hảo.

Kết hợp 15 Tâm Sắc Giới với 12 Tâm Vô Sắc Giới gọi là 27 Tâm Đáo Đại.

Kết hợp 54 Tâm Dục Giới với 27 Tâm Đáo Đại gọi là 81 Tâm Hiệp Thế.

Kết hợp 27 Tâm Đáo Đại với 40 Tâm Siêu Thế gọi là 67 Tâm Thiền.

PHÂN TÍCH 121 TÂM THEO CÁC PHẦN HIỆN HỮU 9 PHẦN (GỌI LÀ PHẦN PHÂN LOẠI)

Cả 9 Phần Phân Loại đọc rút gọn là **Jā, Bhū, So, Lo, He, Jhā, Ve, Sam, Sañ**.

Phần Phân Loại là việc phân loại của Tâm.

(1) PHẦN PHÂN LOẠI PHÁP CHŨNG (JĀTI): Việc phân loại của Tâm theo Pháp Chủng có 4 là: 12 Pháp Chủng Bất Thiện, 37 Pháp Chủng Thiện, 52 Pháp Chủng Dị Thực Quả, 20 Pháp Chủng Duy Tác.

12 Pháp Chủng Bất Thiện là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si gom thành 12 Pháp Chủng Bất Thiện.

37 Pháp Chủng Thiện là 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo gom thành 37 Pháp Chủng Thiện.

52 Pháp Chủng Dị Thực Quả là 15 Tâm Dị Thực Quả Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại, 20 Tâm Quả gom thành 52 Pháp Chủng Dị Thực Quả.

20 Pháp Chủng Duy Tác là 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại gom thành 20 Pháp Chủng Duy Tác.

(2) PHẦN PHÂN LOẠI THEO ĐỊA GIỚI (BHŪMI): Việc phân loại của Tâm theo Địa Giới có 4 là: 54 Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới, 12 Vô Sắc Địa Giới, 40 Tâm Siêu Thế Địa Giới.

54 Dục Địa Giới là 12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo gom thành 54 Dục Địa Giới.

15 Sắc Địa Giới là 5 Tâm Thiện Sắc Giới, 5 Tâm Quả Sắc Giới, 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới gom thành 15 Sắc Địa Giới.

12 Vô Sắc Địa Giới là 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới gom thành 12 Vô Sắc Địa Giới.

40 Siêu Thế Địa Giới là 20 Đạo, 20 Quả gom thành 40 Siêu Thế Địa Giới.

(3) PHẦN PHÂN LOẠI TỊNH HẢO (SOBHANA): Việc phân loại của Tâm theo Tịnh Hảo có 2 là 30 Tâm Vô Tịnh Hảo, 91 Tâm Tịnh Hảo.

30 Tâm Vô Tịnh Hảo là 12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân gom thành 30 Tâm Vô Tịnh Hảo.

91 Tâm Tịnh Hảo là 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế gom thành 91 Tâm Tịnh Hảo.

(4) PHẦN PHÂN LOẠI THỂ GIAN (LOKA): Việc phân loại của Tâm theo Thể Gian có 2 là: 81 Tâm Hiệp Thế, 40 Tâm Siêu Thế.

81 Tâm Hiệp Thế là 12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại gom thành 81 Tâm Hiệp Thế.

40 Tâm Siêu Thế là 20 Tâm Đạo, 20 Tâm Quả gom thành 40 Tâm Siêu Thế.

(5) PHẦN PHÂN LOẠI NHÂN (HETU): Việc phân loại của Tâm theo Nhân có 2 là: 18 Tâm Vô Nhân, 103 Tâm Hữu Nhân.

18 Tâm Vô Nhân là 7 Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân, 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, 3 Tâm Duy Tác Vô Nhân gom thành 18 Tâm Vô Nhân.

103 Tâm Hữu Nhân là 12 Tâm Bất Thiện, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế gom thành 103 Tâm Hữu Nhân.

(6) PHẦN PHÂN LOẠI THIỀN ĐỊNH (JHĀNA): Việc phân loại của Tâm theo Thiền Định có 2 là: 54 Tâm Phi Thiền, 67 Tâm Hữu Thiền.

54 Tâm Phi Thiền là 12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo gom thành 54 Tâm Phi Thiền.

67 Tâm Hữu Thiền là 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế gom thành 67 Tâm Hữu Thiền.

(7) PHẦN PHÂN LOẠI THỌ (VEDANĀ): Việc phân loại của Tâm theo Thọ có 5 là: 1 Tâm Câu Hành Lạc Thọ, 1 Tâm Câu Hành Khổ Thọ, 62 Tâm Câu Hành Hỷ Thọ, 2 Tâm Câu Hành Ưu Thọ, 55 Tâm Câu Hành Xả Thọ.

1 Tâm Câu Hành Lạc Thọ là 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc Thọ.

1 Tâm Câu Hành Khổ Thọ là 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ Thọ.

62 Tâm Câu Hành Hỷ Thọ là 18 Tâm Dục Giới Câu Hành Hỷ Thọ, 11 Tâm Sơ Thiền, 11 Tâm Nhị Thiền, 11 Tâm Tam Thiền, 11 Tâm Tứ Thiền gom thành 62 Tâm Câu Hành Hỷ Thọ.

2 Tâm Câu Hành Ưu Thọ là 2 Tâm căn Sân.

55 Tâm Câu Hành Xả Thọ là 32 Tâm Dục Giới Câu Hành Xả Thọ, 23 Tâm Ngũ Thiền gom thành 55 Tâm Câu Hành Xả Thọ.

Ghi chú: 18 Tâm Dục Giới Câu Hành Hỷ Thọ là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ.

32 Tâm Dục Giới Câu Hành Xả Thọ là 4 Tâm căn Tham Xả Thọ, 2 Tâm căn Si, 14 Tâm Xả Thọ Vô Nhân, 4 Tâm Đại Thiện Xả Thọ, 4 Tâm Đại Quả Xả Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Xả Thọ.

(8) PHẦN PHÂN LOẠI PHỐI HỢP (SAMPAYOGA): Việc phân loại của Tâm theo Phối Hợp có 2 là: 87 Tâm Tương Ứng, 34 Tâm Bất Tương Ứng.

87 Tâm Tương Ứng là 4 Tâm Tương Ứng Kiến, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 12 Tâm Dục Giới Tương Ứng Trí, 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế gom thành 87 Tâm Tương Ứng.

34 Tâm Bất Tương Ứng là 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến, 18 Tâm Vô Nhân, 12 Tâm Bất Tương Ứng Trí gom thành 34 Tâm Bất Tương Ứng.

Ghi chú: 12 Tâm Dục Giới Tương Ứng Trí là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí.

12 Tâm Bất Tương Ứng Trí là 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí.

(9) PHẦN PHÂN LOẠI DẪN DỤ (SAṆKHĀRA): Việc phân loại của Tâm theo Dẫn Dụ có 2 là: 37 Tâm Vô Dẫn, 84 Tâm Hữu Dẫn.

37 Tâm Vô Dẫn là 7 Tâm Bất Thiện Vô Dẫn, 18 Tâm Vô Nhân, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Vô Dẫn gom thành 37 Tâm Vô Dẫn.

84 Tâm Hữu Dẫn là 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Hữu Dẫn, 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu thế gom thành 84 Tâm Hữu Dẫn.

Ghi chú: 7 Tâm Bất Thiện Vô Dẫn là 4 Tâm căn Tham thứ 1, 3, 5, 7; 1 Tâm căn Sân thứ 1; 2 Tâm căn Si.

12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Vô Dẫn là 4 Tâm Đại Thiện thứ 1, 3, 5, 7; 4 Tâm Đại Quả thứ 1, 3, 5, 7; 4 Tâm Đại Duy Tác thứ 1, 3, 5, 7.

5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn là 4 Tâm căn Tham thứ 2, 4, 6, 8; 1 Tâm căn Sân thứ 2.

12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Hữu Dẫn là 4 Tâm Đại Thiện thứ 2, 4, 6, 8; 4 Tâm Đại Quả thứ 2, 4, 6, 8; 4 Tâm Đại Duy Tác thứ 2, 4, 6, 8.

Điều nên ghi nhớ Tâm tổng hợp vào trong các Phần Phân Loại như thế này:

18 Tâm Vô Nhân tổng hợp vào trong Tâm Bất Tương Ứng.

2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân tổng hợp vào trong Tâm Vô Dẫn.

67 Tâm Thiện tổng hợp vào trong Tâm Hữu Dẫn.

67 Tâm tổng hợp vào trong Tâm Tương Ứng.

PHẦN VẤN - ĐÁP TRONG TÂM SIÊU LÝ (CITTAPARAMATTHA)

1. Hỏi: Hãy dịch câu kệ như tiếp theo đây: **Sammāsambuddhamutalaṃ v.v. Abhi dhammatthasaṅgahaṃ.**

1. Đáp: Đệ tử Đức Phật (**Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya**) xin nghiêng mình thành kính đánh lễ Đức Phật là Bậc đã tự giác ngộ **Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma)**, không có Bậc tỷ giáo, cùng với **Chánh Pháp (Saddhamma – Phật Giáo Giáo Nghĩa)** và **Hội Chúng Thánh Tăng (Gaṇaariyaśaṅgha)** chí thượng, và tiếp theo là sẽ soạn tác bộ kinh có tên gọi **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgaha)**.

Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma) có năm thể loại, đó là:

- 1. Saṅkhāra - Hành:** 89 Tâm, 52 Tâm Sở, **18 Sắc Thành Sở Tác (Nipphannarūpa)**.
- 2. Vikāra – Biến Thể:** 3 Sắc Biến Thể.
- 3. Lakkhaṇa – Thực Tướng:** 4 Sắc Thực Tướng.
- 4. Nibbāna – Níp Bàn:** Trạng Thái An Tĩnh.
- 5. Chế Định – Paññatti:** Thịnh Danh Chế Định - Nghĩa Lý Chế Định.

2. Hỏi: Việc trình bày câu kệ này có sự lập ý chi ?

2. Đáp: Câu kệ này trình bày đến **việc trí kính lễ (Paṇāma)** là việc bày tỏ lời cung kính đến Ân Đức Tam Bảo và **lời thệ nguyện (Paṭiññā)** là sự lập chí nói lời bảo chúng sẽ soạn tác bộ kinh này cho được thành tựu thể theo sự yêu cầu.

3. Hỏi: Việc tỏ lòng nghiêng mình đánh lễ Tam Bảo trước khi soạn tác kinh điển có lợi ích như thế nào ?

3. Đáp: Theo lẽ thường, người sẽ soạn tác kinh điển thì điều tất yếu trước tiên là sẽ phải nói lời cung kính đến Ân Đức Tam Bảo, để xin cho sự bảo hộ phòng chỉ các điều chướng ngại nguy hại không cho xâm nhập vào làm trở ngại trong việc soạn tác kinh điển này, ứng hợp như lời đã nói rằng **Pūjā ca pūjanīyaṃ, etam maṅgalamuttamaṃ - Cúng dường Bậc đáng cúng dường là kiết tường thù thắng**, cùng với lời nói bảo chúng rằng sẽ soạn tác bộ kinh **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgaha)**. Với nguyên nhân này mới đưa câu kệ rằng **Sammāsambuddhamatulaṃ** v.v. lên trình bày cho thành câu kệ đầu tiên.

4. Hỏi: Đối với câu kệ này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** nói lời thệ nguyện bảo chúng rằng sẽ soạn tác kinh điển với lời **Pāḷi** như thế nào ? Và việc bày tỏ lời cung kính đến Ân Đức Tam Bảo với lời **Pāḷi** như thế nào ?

4. Đáp: **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** bày tỏ việc cung kính Tam Bảo (**Paṇāma**) với câu kệ rằng **Sammāsambuddhamatulaṃ sasaddhammagāṇuttamaṃ abhivādiya** – trí kính lễ Đức Phật là Bậc đã tự giác ngộ **Chánh Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma)**, không có Bậc tỷ giáo, cùng với **Chánh Pháp (Saddhamma – Phật Giáo Giáo Nghĩa)** và **Hội Chúng Thánh Tăng (Gaṇaariyaśaṅgha)** chí thượng, và bày tỏ **lời thệ nguyện (Paṭiññā)** với câu nói **bhāsisṣaṃ Abhidhammatthasaṅgahaṃ**. Khi phân tích câu kệ một cách phổ thông thì có được sáu câu là: **Sammāsambuddhaṃ, atulaṃ, sasaddhammagāṇuttamaṃ, abhivādiya, bhāsisṣaṃ, Abhidhammatthasaṅgahaṃ**.

Sammāsambuddham có nghĩa Bậc đã giác ngộ tất cả **Chánh Giáo Giáo Nghĩa Pháp (Ñeyyadhamma)** bởi chính tự nơi Ngài một cách trọn vẹn, tức là duy nhất chỉ có Bậc Chánh Đẳng Giác, là việc phủ nhận cả hai **Bậc Độc Giác (Paccekaбуддha)** và **Bậc Thinh Văn Giác (Sāvakabuddha)**.

Atulam (Vô Khả Tỉ Nghĩ) có nghĩa không thể tìm kiếm được Bậc tỷ giáo. Sự việc **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** tưởng nhớ đến Ân Đức Phật với lời nói rằng **Atulam** đây, là việc rất thích hợp, bởi vì theo nguyên tắc thông thường thì việc đản sinh của Đức Phật và các Bậc Thinh Văn Giác là trong mỗi thời kỳ các Bậc Độc Giác và Thinh Văn Giác thường đản sinh được rất nhiều vị một cách bất hạn định. Tuy nhiên đối với Bậc Chánh Đẳng Giác thì có thể đản sinh chỉ duy nhất có một vị. Với nguyên nhân này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** tưởng nhớ đến Ân Đức Phật với lời nói rằng **Atulam (Vô Khả Tỉ Nghĩ)** không thể tìm kiếm được Bậc tỷ giáo là việc rất thích hợp. Nếu như Bậc Chánh Đẳng Giác đản sinh lên trong từng mỗi thời kỳ mà có được nhiều hơn một vị thì việc tưởng nhớ đến Ân Đức Phật với lời nói rằng **Atulam (Vô Khả Tỉ Nghĩ)** cũng không thích hợp. Sự việc **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** tưởng nhớ đến Ân Đức Phật với lời nói rằng **Atulam** đây, là vì có ý định sẽ làm cho các học viên được thấu hiểu đến việc đản sinh của Bậc Chánh Đẳng Giác chính thị là Bậc Chánh Đẳng Giác ấy khi sẽ đản sinh trong thời kỳ nào thì có thể duy nhất chỉ có một vị, và sẽ không có được việc đản sinh đến hai vị.

Sasaddhammagāṇuttamaṃ có nghĩa cùng với Chánh Pháp và Hội Chúng Thánh Tăng chí thượng. Sự việc nói lời cung kính với câu nói rằng **Sasaddhammagāṇuttamaṃ** đây, lời nói **Saddhamma** là Chánh Pháp, **Gāṇuttamaṃ** là Chư Tăng. **Saddhamma** có ba thể loại, đó là **Pariyattidhamma (Pháp Học)** tức là Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải, **Paṭipattidhamma (Pháp Hành)** tức là việc thọ trì Giới Luật, việc hành **Điều Tiết Dục (Dhutaṅga)**, việc tiến hóa **An Chỉ Nghiệp Xứ (Samatthakammaṭṭhāna)** và **Minh Sát Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)**. **Paṭivedhadhamma (Pháp Thành)** tức là **Đạo (Magga)**, **Quả (Phala)**, **Níp Bàn (Nibbāna)**, **Nhập Định (Jhānasampatti)**, **Thắng Trí (Abhiññā)**.

Abhivādiya có nghĩa lời cung kính đối với Tam Bảo, chính thị là câu nói **Sammā sambuddhamatulam sasaddhammagāṇuttamaṃ**.

5. Hỏi: Chánh Pháp (Saddhamma – Phật Giáo Giáo Nghĩa) có mấy thể loại ? Là những chi ?

5. Đáp: Chánh Pháp (Saddhamma – Phật Giáo Giáo Nghĩa) có ba thể loại:

1/. Pariyattisaddhamma (Pháp Học Chánh Pháp) đó là Chánh Tạng **Pāḷi** và Chú Giải.

2/. Paṭipattisaddhamma (Pháp Hành Chánh Pháp) đó là việc thọ trì Giới Luật, việc hành **Điều Tiết Dục (Dhutaṅga)**, việc tiến hóa **An Chỉ Nghiệp Xứ (Samatthakammaṭṭhāna)** và **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)**.

3/. Paṭivedhasaddhamma (Pháp Thành Chánh Pháp) tức là **Đạo (Magga)**, **Quả (Phala)**, **Níp Bàn (Nibbāna)**, **Nhập Định (Jhānasampatti)**, **Thắng Trí (Abhiññā)**.

6. Hỏi: Từ ngữ **Paramattha (Siêu Lý)** có ý nghĩa gì và có mấy thể loại?

6. Đáp: Từ ngữ **Paramattha (Siêu Lý)** là Pháp bảo quý báu tuyệt, là không có việc ngộ giải biến đổi sai biệt, hoặc làm thành Pháp chủ yếu trong tất cả **Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti)** và **Thịnh Danh Chế Định (Saddanāmapaññatti)**.

Attha: là nội dung, chính thị là Chi Pháp **Thực Tính (Sabhāva)** của Danh Sắc.

Vì thế, khi kết hợp cả hai câu này lại, chính thị là Chi Pháp **Thực Tính (Sabhāva)** của Danh Sắc ở phần bảo quý báu tuyệt, không có việc ngộ giải biến đổi sai biệt, và làm thành Pháp chủ yếu trong **Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti)** và **Thịnh Danh Chế Định (Saddanāmapaññatti)**, gọi tên là **Siêu Lý (Paramattha)**.

Pháp Siêu Lý có 4 thể loại, đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc và Níp Bàn.

7. Hỏi: Hãy trình bày Pháp chủng của Tâm, Tâm Sở, Sắc, và Níp Bàn.

7. Đáp: **Tâm (Citta)** là **Pháp chủng (Dhammajāti)** biết Cảnh (**Ārammaṇavijāṇa nalakkhaṇam**) chính thị thường luôn được tiếp xúc Cảnh, mới gọi là biết Cảnh, như trình bày Chú Giải rằng **Ārammaṇa cintetīti = Cittam** dịch nghĩa “Pháp chủng nào thường biết Cảnh, là thường luôn được tiếp xúc Cảnh, vì thế Pháp chủng ấy gọi tên là **Tâm**”; hoặc một trường hợp khác **Cintenti sampayuttadhammā etenāti = Cittam** dịch nghĩa “Pháp tương ưng là các Tâm Sở thường biết Cảnh do nương nhờ Pháp chủng ấy, vì thế Pháp chủng làm thành nguyên nhân cho việc biết Cảnh của những loại Tâm Sở ấy, gọi tên là **Tâm**”; hoặc một trường hợp khác **Cintanamattam = Cittam** dịch nghĩa “Pháp chủng biết Cảnh, được tiếp xúc Cảnh, chính như thế gọi tên là **Tâm**”; hoặc một trường hợp khác **Cittī karotīti = Cittam** dịch nghĩa “Pháp chủng nào thực hiện sự sinh hoạt của chúng hữu tình cho mỹ lệ, vì thế Pháp chủng ấy gọi tên là **Tâm**”.

Tâm Sở (Cetasika): là Pháp chủng y cứ Tâm sinh (**Cittanisitalakkhaṇam**). Tâm Sở y cứ Tâm sinh khởi đây, khác biệt với cây phải nương nhờ y cứ vào mặt đất khởi sinh lên. Bởi vì mặt đất với cây ấy, mặt đất là **cơ địa chi xanh vật (Tḥānaākāra)**, còn cây là **chỗ đáng để nương sinh (Tḥānādhēyya)**. Đối với Tâm và Tâm Sở, Tâm là **nơi y chỉ (Nissaya)** và Tâm Sở là **tư cụ y chỉ (hoàn toàn nương đỡ - Nissita)** giống như vị thầy và đệ tử. Tất cả đây cũng vì các Tâm Sở sẽ biết Cảnh được cũng do y cứ Tâm làm chủ yếu; loại trừ Tâm đi rồi, Tâm Sở không thể biết được Cảnh, ghi nhớ là sẽ phải y cứ Tâm đang luôn thường sinh. Vì thế mới nói được rằng Pháp chủng của Tâm Sở thường sinh trong Tâm hoặc thường phối hợp một cách bền vững trong Tâm. Như có **Pāḷi** Chú Giải rằng: **Cetasi bhavam = Cetasikam (vā) Cetasi niyuttam = Cetasikam** dịch nghĩa Pháp chủng sinh trong Tâm gọi tên là Tâm Sở (hoặc) Pháp chủng phối hợp một cách bền vững trong Tâm gọi tên là Tâm Sở.

Sắc (Rūpa): là Pháp chủng có sự chuyển biến, biến hóa, ảo diệt (**Rūppanalakkhaṇam**) trong khi tiếp xúc với tác nhân không phù hợp nhau. Tác nhân không phù hợp nhau gọi là **Đối Nghịch Duyên (Virodhipaccaya)** tức là sự lạnh, nóng, đói cơm, khát nước, con muỗi, bộ mắt, con mòng, mặt, gió, nắng, rắn cắn, rít kẹp, bò cạp chích v.v. như có **Pāḷi** Chú Giải rằng: **Sītuñhādi virodhipaccayehi ruppattīti = Rūpam** dịch nghĩa “Pháp chủng nào thường

biến hóa ảo diệt đi bởi Đối Nghịch Duyên có sự nóng, lạnh v.v như thế Pháp chủng ấy gọi tên là **Sắc**”.

Níp Bàn (Nibbāna): là Pháp chủng tĩnh lặng, lìa khỏi Danh Sắc Ngũ Uẩn (**Santilak khaṇaṃ**). Sự việc như vậy cũng do Níp Bàn đây chính thị là Pháp chủng xa lìa **Ái Dục (Taṇhā)** một cách tuyệt đối. Do nguyên nhân này, các Bậc Vô Sinh khi đã đạt đến **Uẩn Níp Bàn (Khandhapariniḥṣāna)** thì các **Khổ Luân (Vaṭṭadukkha)** đó là sự sinh, già, đau, chết v.v những loại này cũng tiêu thất toàn bộ, không còn dư sót, như có **Pāḷi** Chú Giải rằng: **Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ (vā) Nibbāyanti sabbe vaṭṭadukkhasantāpā etasminti = Nibbānaṃ (vā) Nibbāyanti ariyajānā etasminti = Nibbānaṃ** dịch nghĩa Pháp chủng nào thường thoát khỏi **Ái Dục (Taṇhā)** gọi tên là **Vāna (Dục Vọng)** đó là vật kết nối Hữu nhỏ Hữu lớn cho tiếp nối nhau một cách tuyệt đối, như thế Pháp chủng ấy gọi tên là **Níp Bàn**, (hoặc) **Khổ Luân (Vaṭṭadukkha)** và các sự thống khổ khác thường không có trong Níp Bàn này, vì thế Pháp chủng thành sự diệt tắt từ nơi **Khổ Luân (Vaṭṭadukkha)** và các sự thống khổ khác gọi tên là **Níp Bàn**, (hoặc) các Bậc Thánh Nhân khi đã đạt đến **Uẩn Níp Bàn (Khandhapariniḥṣāna)** thường diệt tắt hết thảy, là bất sinh bất tử, vì thế Pháp chủng hủy diệt sự sinh, sự tử cho tiêu thất toàn bộ hết thảy, gọi tên là **Níp Bàn**.

Lời nói rằng **Nibbāna** khi ngắt câu ra được hai câu là **Ni + Vāna**. **Ni** dịch là thoát lìa, hay xuất ra. **Vāna** dịch là **Ái Dục (Taṇhā)**. Khi kết hợp cả hai câu vào nhau thành **Nivāna** dịch là thoát khỏi Ái Dục, hoặc vượt ra khỏi Ái Dục. Lời nói rằng **Nivāna** thành **Nibbāna** hiện hành theo **Phần Ngũ Pháp (Veyyākaraṇanaya)**, là chỉ một chữ **V** cho thành hai chữ **V V** (bởi theo trạng thái), hai chữ **V V** thay đổi thành hai chữ **B B**, vì thế mới thành **Nibbāna**.

8. Hỏi: Tâm có mấy thể loại, là những chi ? Nêu **Pāḷi** lên để trình bày.

8. Đáp: Tâm có 4 thể loại là: **Tâm Dục Giới (Kāmaṇvacaracitta)**, **Tâm Sắc Giới (Rūpāvacaracitta)**, **Tâm Vô Sắc Giới (Arūpāvacaracitta)**, **Tâm Siêu Thế (Lokuttara citta)**, như có **Pāḷi** trình bày: **Tattha cittaṃ tava catubbidham hoti kāmaṇvacaraṃ rūpāvacaraṃ arūpāvacaraṃ lokuttarañceti**.

9. Hỏi: Tâm Bất Thiện có ý nghĩa như thế nào ? Và có mấy thể loại ?

9. Đáp: **Tâm Bất Thiện (Akusalacitta)** có ý nghĩa Tâm có sự xấu ác và cho quả tương phản với Tâm Thiện, và là Tâm phối hợp với Tâm Sở Bất Thiện, có 3 thể loại, đó là: **1/. Tâm căn Tham (Lobhamūlacitta)**, **2/. Tâm căn Sân (Dosamūlacitta)**, **3/. Tâm căn Si (Mohamūlacitta)**.

10. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của Tâm sau đây: Tâm căn Si, Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, Tâm Vô Nhân, Tâm Đại Thiện, Tâm Đại Quả, Tâm Đại Duy Tác, Tâm Dục Giới.

10. Đáp: **Tâm căn Si (Mohamūlacitta)** có nghĩa Tâm sinh khởi do có Tâm Sở Si làm khởi nhân, làm chủ yếu.

Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện (Akusalavipākacitta) có nghĩa quả dị thục sinh từ 12 Bất Thiện Nghiệp Lực; có việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi mùi hơi v.v., ở phần không tốt đẹp.

Tâm Vô Nhân (Ahetukacitta) có nghĩa Tâm không có 6 Nhân phối hợp.

Tâm Đại Thiện (Mahākusalacitta) có nghĩa Tâm không có xấu ác và cho quả là sự an vui, vì thế gọi tên là **Thiện (Kusala)**, và có khả năng cho quả khởi sinh nhiều hơn bản thân, luôn cả là tiên khởi của **Thiền Định (Jhāna)**, **Thắng Trí (Abhiññā)**, **Đạo (Magga)**, **Quả (Phala)** vì thế mới gọi tên là **Đại (Mahā)**. Khi kết hợp cả hai câu này lại gọi tên là **Tâm Đại Thiện (Mahākusalacitta)**.

Tâm Đại Quả (Mahāvipākacitta) có nghĩa Tâm là quả của Tâm Đại Thiện, vì khi phân loại theo **Thọ (Vedanā)**, **Phối Hợp (Sampayoga)**, **Dẫn Dụ (Saṅkhāra)** cũng tương tự Tâm Đại Thiện với mọi trường hợp, vì thế gọi tên là **Tâm Đại Quả (Mahāvipākacitta)**.

Tâm Đại Duy Tác (Mahākiriyaṇacitta) có nghĩa chính thị cái Tâm gọi tên Đại Thiện sinh khởi trong tâm tánh Bạc Vô Sinh, vì thế gọi tên là **Tâm Đại Duy Tác (Mahākiriyaṇacitta)**.

Tâm Dục Giới (Kāmāvacaracitta) có nghĩa Tâm phần nhiều du hành trong **11 Dục Địa Giới (Kāmabhūmi)**, khi tổng kết lại có số lượng 54, là 23 Tâm Dị Thục Quả, Tâm Thiện, Tâm Bất Thiện kết hợp 20, và 11 Tâm Duy Tác.

Chỗ gọi tên Tâm Dục Giới vì cả 54 Tâm này du hành sinh hoạt đa phần trong Địa Giới là sản địa của **Vật Dục (Vatthukāma: lòng dục vọng truy cầu vật chất)** và Phiền Não Dục, như có **Pāli** Chú Giải trình bày: **Kāmetīti = Kāmo (vā) Kāmīyatīti = Kāmo** dịch nghĩa “Pháp chủng nào thường có sự mong muốn Cảnh Dục, vì thế Pháp chủng ấy gọi tên là **Tham Dục (Kāma)**, tức là Phiền Não Dục, là **Dục Ái (Kāmatanāhā)**, hoặc Pháp chủng nào là chỗ hoan hỷ mãn ý của Dục Ái vì thế Pháp chủng ấy gọi tên Tham Dục tức là **Vật Dục (Vatthukāma: lòng dục vọng truy cầu vật chất)**, là **Tâm Tham Dục (Kāmacitta)**, Tâm Sở, Sắc Pháp”.

Kāmassa bhavoti = Kāmo dịch nghĩa “Địa Giới nào là sản địa của Phiền Não Dục và **Vật Dục (Vatthukāma: lòng dục vọng truy cầu vật chất)**, vì thế Địa Giới ấy gọi tên **Dục Giới (Kāma)**, tức là **11 Dục Địa Giới (Kāmabhūmi)**.”

Kāme avacaratīti = Kāmāvacararam dịch nghĩa “Tâm nào thường du hành sinh hoạt trong Địa Giới là sản địa của Phiền Não Dục và **Vật Dục (Vatthukāma: lòng dục vọng truy cầu vật chất)**, vì thế gọi tên là **Tâm Dục Giới (Kāmāvacaracitta)**.”

11. Hỏi: Hãy phân tích 12 Tâm Bất Thiện theo **Phần Phân Loại Thọ (Vedanā bhedanaya)**, **Phần Phân Loại Phối Hợp (Sampayogabhedanaya)**, **Phần Phân Loại Dẫn Dụ (Saṅkhārabhedanaya)**.

11. Đáp: + **Phân tích 12 Tâm Bất Thiện theo Phần Phân Loại Thọ, đó là:**

4 Câu Hành Hỷ, 2 Câu Hành Ưu, 6 Câu Hành Xả gom thành 12 Tâm Bất Thiện.

+ **Phân tích 12 Tâm Bất Thiện theo Phần Phân Loại Phối Hợp, đó là:**

8 Tương Ứng, 4 Bất Tương Ứng gom thành 12 Tâm Bất Thiện.

+ **Phân tích 12 Tâm Bất Thiện theo Phần Phân Loại Dẫn Dụ, đó là:**

7 Vô Dẫn, 5 Hữu Dẫn gom thành 12 Tâm Bất Thiện.

12. Hỏi: Hãy trình bày câu kệ như tiếp theo đây **Aṭṭhadhā lobhamālāni v.v. Dvādasākusalā siyumu.**

12. Đáp: 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si; kết hợp 12 Tâm này là Tâm Bất Thiện.

13. Hỏi: Hãy phân chia Tâm Vô Tịnh Hảo theo **Phần Phân Loại Pháp Chung (Jātibhedanaya), Phần Phân Loại Thọ (Vedanābhedanaya), Phần Phân Loại Phối Hợp (Sampayogabhedanaya).**

13. Đáp: + **Phân tích Tâm Vô Tịnh Hảo theo Phần Phân Loại Pháp Chung, đó là:**
12 Pháp Chung Bất Thiện, 15 Pháp Chung Dị Thục Quả, 3 Pháp Chung Duy Tác gom thành 30 Tâm Vô Tịnh Hảo.

+ **Phân tích Tâm Vô Tịnh Hảo theo Phần Phân Loại Thọ, đó là:**
1 Câu Hành Lạc, 1 Câu Hành Khổ, 6 Câu Hành Hỷ, 2 Câu Hành Ưu, 20 Câu Hành Xả gom thành 30 Tâm Vô Tịnh Hảo.

+ **Phân tích Tâm Vô Tịnh Hảo theo Phần Phân Loại Phối Hợp, đó là:**
8 Tương Ứng, 22 Bất Tương Ứng gom thành 30 Tâm Vô Tịnh Hảo.

14. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt nhau giữa Tâm Câu Hành Lạc với Tâm Câu Hành Hỷ, và Tâm Câu Hành Khổ với Tâm Câu Hành Ưu.

14. Đáp: Sự khác biệt nhau giữa Tâm Câu Hành Lạc với Tâm Câu Hành Hỷ, và Tâm Câu Hành Khổ với Tâm Câu Hành Ưu, đó là:

Tâm Câu Hành Lạc là sự an lạc về Thân.

Tâm Câu Hành Hỷ là sự an lạc về Tâm.

Tâm Câu Hành Khổ là sự khổ đau về Thân.

Tâm Câu Hành Ưu là sự khổ đau về Tâm.

15. Hỏi: Tâm Tịnh Hảo ở phần Tâm Câu Hành Xả với Bất Tương Ứng, với Hữu Dẫn có số lượng bao nhiêu, là những gì ?

15. Đáp: Tâm Tịnh Hảo với phần Xả Thọ, với phần Bất Tương Ứng, với phần Dẫn Dụ có số lượng 3, đó là 4 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Quả, 4 Tâm Đại Duy Tác.

16. Hỏi: Nam nhân **K.** có sự liễu giải rằng việc sát tử hữu tình, việc thù đạo với những thể loại này là Bất Thiện. Một ngày người vợ bất an muốn ăn canh gà, thế rồi bảo cho nam nhân **K.** đi trộm cắp gà rồi giết. Nam nhân **K.** bắt đắc dĩ đi trộm cắp gà rồi giết gà ấy, thế nhưng trong sát na nam nhân **K.** đang trộm cắp gà và giết gà ấy, nam nhân **K.** không có sự hoan hỷ mãn ý dù chỉ chút ít, muốn biết là Tâm nào sinh khởi với nam nhân **K.** trong sát na ấy ?

16. Đáp: Trong sát na nam nhân **K.** trộm cắp gà, 8 Tâm căn Tham sinh khởi với nam nhân **K.** Trong sát na nam nhân **K.** giết gà, 2 Tâm căn Sân sinh khởi với nam nhân **K.**

17. Hỏi: Trong Tâm Dục Giới, Tâm ở phần Hỷ Thọ, với Bất Tương Ứng, với Hữu Dẫn có số lượng bao nhiêu, là những chi ?

17. Đáp: Trong Tâm Dục Giới, Tâm ở phần Hỷ Thọ, với Bất Tương Ứng, với Hữu Dẫn có số lượng 4, đó là 4 Tâm căn Tham, 4 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Quả, 4 Tâm Đại Dục Tác.

18. Hỏi: Hãy dịch **Pāli** như tiếp theo đây:

1. Somanassasahagatam Diṭṭhigatasampayuttam Asaṅkhārikam

2. Upekkhāsahagatam Diṭṭhigatavippayuttam Sasaṅkhārikam

3. Upekkhāsahagatam Uddhaccasampayuttam

4. Upekkhāsahagatam Sotaviññānam

5. Sukhasahagatam Kāyaviññānam

18. Đáp: 1. Câu Hành Hỷ Tương Ứng Kiến Vô Dẫn: Tâm sinh khởi do không có việc yêu thích, khuyên đạo, cùng với sự hỷ duyệt ý, phối hợp với sự thấy sai.

2. Câu Hành Xả Bất Tương Ứng Kiến Hữu Dẫn: Tâm sinh khởi do có việc yêu thích, khuyên đạo, cùng với sự tỉnh mặc, bất phối hợp sự thấy sai.

3. Tương Ứng Trạo Cử: Tâm sinh khởi phối hợp với trạo cử, là tâm thần bất định, tâm viên ý mã.

4. Nhĩ Thức Câu Hành Xả: Tâm nương vào Nhĩ Vật thính văn âm thanh, phối hợp với sự tỉnh mặc.

5. Thân Thức Câu Hành Lạc: Tâm nương vào Thân Vật tri giác Cảnh Xúc, sinh khởi cùng với Lạc Thọ.

19. Hỏi: Trong 18 Tâm Vô Nhân, 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện không gọi là Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Vô Nhân, thế nhưng 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện gọi là Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, là như vậy do bởi nguyên nhân nào ?

19. Đáp: 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện không gọi là Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Vô Nhân, do bởi nguyên nhân là thông thường quả ở bên phía Bất Thiện chỉ có duy nhất một thể loại Vô Nhân, không có Hữu Nhân, bởi nguyên nhân này mới không cần phải gọi là Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Vô Nhân. Còn quả sinh từ nơi Thiện hiện hữu 2 thể loại, đó là quả ở phần Vô Nhân và quả ở phần Hữu Nhân. Quả ở phần Vô Nhân ấy là 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện có Tâm Nhân Thức v.v. Còn quả ở phần Hữu Nhân ấy là Tâm Đại Quả, Tâm Quả Đáo Đại, Tâm Quả Siêu Thế, vì thế mới sẽ cần phải gọi quả của Thiện ở phần Vô Nhân là 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân.

20. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt nhau giữa Nhãn Thức Quả Bất Thiện với Nhãn Thức Quả Thiện, và Tâm Khai Ngũ Môn với Tâm Khai Ý Môn.

20. Đáp: Sự khác biệt nhau giữa Nhãn Thức Quả Bất Thiện với Nhãn Thức Quả Thiện, đó là: Nhãn Thức Quả Bất Thiện là việc khán kiến Cảnh Sắc không tốt đẹp, như thấy người đang đánh với nhau, thấy ma, thấy người tàn tật v.v. Nhãn Thức Quả Thiện ấy là việc khán kiến Cảnh Sắc tốt đẹp, như thấy hình dạng người, sắc da phũ sắc mỹ lệ, bông hoa xinh đẹp v.v. Sự khác biệt nhau giữa Tâm Khai Ngũ Môn với Tâm Khai Ý Môn là Tâm Khai Ngũ Môn có nhiệm vụ thẩm thị Ngũ Cảnh đang sinh khởi trong Ngũ Môn, còn Tâm Khai Ý Môn có nhiệm vụ thẩm thị Lục Cảnh ở cả 3 Thời và cả **Ngoại Thời (Kālavimutti)** trong Ý Môn, và sát na sinh trong Ngũ Môn có nhiệm vụ phán đoán Ngũ Cảnh là **duyệt ý (Itṭha)** hoặc **bất duyệt ý (Aniṭṭha)**.

21. Hỏi: Nam nhân áo trắng là người tín phụng Phật Giáo với nam nhân áo đỏ là người tín ngưỡng tôn giáo khác, cả hai người đã đến từ quốc gia khác nhau. Một ngày cả hai đã rủ nhau đi tham quan thánh địa Chùa **Pra Keo Phật Ngọc Lục Bảo** đáng tôn kính. Khi cả hai **bạn nối khố (Sahāya)** đã đi vào đến ngay chánh điện Chùa **Pra Keo Phật Ngọc Lục Bảo**, ngay tức thì nam nhân áo trắng phát sinh sự tín phụng tôn kính đã tiến về phía trước đánh lễ **Phật Pra Keo Ngọc Lục Bảo**. Còn nam nhân áo đỏ, khi được trông thấy **Phật Pra Keo Ngọc Lục Bảo** thì cũng chỉ có sự tri giác rằng đây là một nghệ thuật của người dân Thái thôi, không có bất luận sự tín phụng nào, có điều trông thấy bạn bày tỏ sự tín phụng tôn kính, nam nhân áo đỏ cũng nghĩ suy trong tâm rằng nếu như ta không thực hiện sự tôn kính lễ bái theo phong tục của họ thật cũng không nên chút nào, và có nhiều người hiện hữu trong chỗ này sẽ khiến trách ta được rằng là người không có kỷ luật. Khi đã nghĩ suy như vậy cũng thực hiện việc tôn kính lễ bái, thế nhưng trong sát na nam nhân áo đỏ đang thực hiện việc tôn kính lễ bái ấy, tâm thức của nam nhân áo đỏ tri giác tĩnh mặc, muốn biết rằng Tâm nào sinh khởi với nam nhân áo trắng và nam nhân áo đỏ trong sát na thực hiện việc lễ bái ấy ?

21. Đáp: Sát na nam nhân áo trắng thực hiện việc lễ bái **Phật Pra Keo Ngọc Lục Bảo** ấy, Tâm Đại Thiện thứ 1 hoặc thứ 3 sinh khởi với nam nhân áo trắng. Còn sát na nam nhân áo đỏ lễ bái theo nam nhân áo trắng ấy thì Tâm Đại Thiện thứ 8 sinh khởi với nam nhân áo đỏ.

22. Hỏi: Người Mẹ bảo cho con trai lên 3 – 4 tuổi vái lạy Phật đến trì bình khát thực và cho đón nhận vật thực, con trai cũng làm theo lời chỉ dạy của người Mẹ với mọi điều, luôn cả có sự hoan hỷ duyệt ý trong việc thực hiện ấy, muốn biết rằng Tâm nào sinh khởi đối với con trẻ ấy ?

22. Đáp: Sát na con trẻ thực hiện bỏ bát cúng dường vật thực theo lời chỉ dạy của người Mẹ với sự hoan hỷ duyệt ý, Tâm Đại Thiện thứ 4 sinh khởi với người con trẻ ấy.

23. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt nhau trong giữa các Tâm như tiếp theo đây: 1/. **Tâm Vô Dẫn (Asaṅkhārikacitta)** với **Tâm Hữu Dẫn (Sasaṅkhārikacitta)**, 2/. **Tâm Tương Ứng (Sampayuttacitta)** với **Tâm Bất Tương Ứng (Vippayuttacitta)**, 3/. **Tâm Dị Thực Quả**

Thiện Vô Nhân (Ahetukakusalavipākacitta) với Tâm Đại Quả (Mahāvipākacitta), 4/.
Tâm Duy Tác Vô Nhân (Ahetukakriyācitta) với Tâm Đại Duy Tác (Mahākriyācitta).

23. Đáp: 1. Sự khác biệt nhau giữa Tâm Vô Dẫn (Asaṅkhārikacitta) với Tâm Hữu Dẫn (Sasaṅkhārikacitta), đó là:

Tâm Vô Dẫn (Asaṅkhārikacitta): Tâm sinh khởi với ba điều: 1/. Tâm sinh khởi do không có việc yêu thỉnh, khuyến đạo; 2/. Khi thời gian trở quả cũng cho mạnh mẽ và rộng lớn (tức là cho quả lâu dài); 3/. Trong tâm tánh người ấy, Tâm Vô Dẫn thường sinh khởi được dễ dàng trong các Hữu tiếp nối.

Tâm Hữu Dẫn (Sasaṅkhārikacitta): Tâm sinh khởi với ba điều: 1/. Tâm sinh khởi do có việc yêu thỉnh, khuyến đạo; 2/. Khi thời gian trở quả thì cho quả yếu hơn Tâm Vô Dẫn và trở quả không rộng lớn; 3/. Trong tâm tánh người ấy, Tâm Hữu Dẫn thường đa phần sinh khởi trong các Hữu tiếp nối.

2. Sự khác biệt nhau giữa Tâm Tương Ứng (Sampayuttacitta) với Tâm Bất Tương Ứng, đó là:

Tâm Tương Ứng (Sampayuttacitta): Tâm sinh khởi với ba điều: 1/. Tâm phối hợp với 5 thể loại **Tâm Sở (Cetasika)** có **Tâm Sở Tà Kiến (Diṭṭhicetasika)** v.v.; 2/. Khi thời gian trở quả cũng cho mạnh mẽ và rộng lớn (tức là cho quả lâu dài); 3/. Trong tâm tánh người ấy, Tâm Tương Ứng thường sinh khởi được dễ dàng trong các Hữu tiếp nối.

Tâm Bất Tương Ứng (Vippayuttacitta): Tâm sinh khởi với ba điều: 1/. Tâm bất phối hợp với 5 thể loại **Tâm Sở (Cetasika)** có **Tâm Sở Tà Kiến (Diṭṭhicetasika)** v.v.; 2/. Khi thời gian trở quả thì cho quả yếu hơn Tâm Tương Ứng và trở quả không rộng lớn; 3/. Trong tâm tánh người ấy, Tâm Bất Tương Ứng thường đa phần sinh khởi trong các Hữu tiếp nối.

3. Sự khác biệt nhau giữa Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân (Ahetukakusala vipākacitta) với Tâm Đại Quả (Mahāvipākacitta), đó là:

Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân (Ahetukakusalavipākacitta): Tâm sinh khởi với ba điều: 1/. Tâm thành quả của Đại Thiện, thế nhưng bất phối hợp với Nhân; 2/. Khi sinh khởi tiếp thân Cảnh thì bất kiên cố; 3/. Và sinh được cả trong Dục Địa Giới, Sắc Địa Giới tùy thích hợp.

Tâm Đại Quả (Mahāvipākacitta): Tâm sinh khởi với ba điều: 1/. Tâm thành quả của Đại Thiện, và phối hợp với Nhân; 2/. Khi sinh khởi tiếp thân Cảnh thì kiên cố; 3/. Và chỉ sinh được trong Dục Địa Giới.

4. Sự khác biệt nhau giữa Tâm Duy Tác Vô Nhân (Ahetukakriyācitta) với Tâm Đại Duy Tác (Mahākriyācitta), đó là:

Tâm Duy Tác Vô Nhân (Ahetukakriyācitta): Tâm sinh khởi với hai điều: 1/. Tâm bất phối hợp với Nhân; 2/. **2 Tâm Khai Môn (Āvajjanacitta)** thành Tâm làm nhiệm vụ trong việc thực hiện việc phát ngôn, việc tư khảo; còn **Tâm Khai Ý Môn (Manodvārāvajjanacitta)** có nhiệm vụ phán đoán Cảnh; **Tâm Tiểu Sinh (Hasituppādacitta)** chỉ làm cho phát sinh việc vi tiểu của các Bậc Vô Sinh, ngoài ra đây thì công việc ở phần **Thiện Hạnh (Sucarita)** hoặc **Ác Hạnh (Duccarita)** cả 3 Tâm này bất khả năng sẽ thực hiện cho hoàn thành được.

Tâm Đại Duy Tác (Mahākriyācitta): Tâm sinh khởi với hai điều: 1/. Là Tâm phối hợp với Nhân; 2/. Là Tâm làm cho hoàn thành trong việc thực hiện việc phát ngôn, việc tư khảo của các Bậc Vô Sinh.

24. Hỏi: Hãy phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo **Phần Phân Loại Pháp Chủng (Jāti bhedanaya), Phần Phân Loại Địa Giới (Bhūmibhedanaya), Phần Phân Loại Tịnh Hảo (Sobhaṇabhedanaya), Phần Phân Loại Nhân (Hetubhedananaya), Phần Phân Loại Thiền Định (Jhānabhedanaya)** cho mình xác.

24. Đáp: + Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo Phần Phân Loại Pháp Chủng, đó là:

12 Tâm Bất Thiện thành Pháp Chủng Bất Thiện.

8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại gom 17 Tâm thành Pháp Chủng Thiện.

15 Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại gom 32 Tâm thành Pháp Chủng Dị Thục Quả.

3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại gom 20 Tâm thành Pháp Chủng Duy Tác.

+ Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo Phần Phân Loại Địa Giới (Bhūmibhedanaya), đó là:

12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân, 24 Tâm Tịnh Hảo Dục Giới gom 54 Tâm thành Tâm Dục Giới.

3 Tâm Sơ Thiện, 3 Tâm Nhị Thiện, 3 Tâm Tam Thiện, 3 Tâm Tứ Thiện, 3 Tâm Ngũ Thiện gom 15 Tâm thành Tâm Sắc Giới.

3 Tâm Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Vô Sở Hữu Xứ, 3 Tâm Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ gom 12 Tâm thành Tâm Vô Sắc Giới.

+ Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo Phần Phân Loại Tịnh Hảo (Sobhaṇabhedanaya), đó là:

12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân gom 30 Tâm thành Tâm Vô Tịnh Hảo.

24 Tâm Tịnh Hảo Dục Giới, 27 Tâm Đáo Đại gom 51 thành Tâm Tịnh Hảo.

+ Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo Phần Phân Loại Nhân (Hetubhedananaya):

18 Tâm Vô Nhân thành Tâm Vô Nhân.

12 Tâm Bất Thiện, 24 Tâm Tịnh Hảo Dục Giới, 27 Tâm Đáo Đại gom 63 Tâm thành Tâm Hữu Nhân.

+ Phân tích 81 Tâm Hiệp Thế theo Phần Phân Loại Thiền Định (Jhānabhedanaya):

12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân, 24 Tâm Tịnh Hảo Dục Giới gom 54 Tâm thành Tâm Phi Thiện.

15 Tâm Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới gom 27 Tâm thành Tâm Hữu Thiện.

25. Hỏi: Trong những 67 Tâm Thiền ấy, thì Pháp Chủng Thiện bao nhiêu, Pháp Chủng Dị Thục Quả bao nhiêu, Pháp Chủng Duy Tác bao nhiêu ?

25. Đáp: Trong những 67 Tâm Thiền ấy, thì 29 Pháp Chung Thiện, 29 Pháp Chung Dị Thục Quả, 9 Pháp Chung Duy Tác.

26. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa tên gọi như tiếp theo đây: 1/. **Tâm Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇacitta)**, 2/. **Tâm Sắc Giới (Rūpāvacaracitta)**, 3/. **Tâm Đáo Đại (Mahaggatacitta)**, 4/. **Tâm Hiệp Thế (Lokīyacitta)**, 5/. **Tâm Siêu Thế (Lokuttaracitta)**, 6/. **Tâm Thiền (Jhānacitta)**.

26. Đáp: 1/. **Tâm Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇacitta)** có nghĩa Tâm ngoài ra **Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta)** là Tâm thiện hảo, hoặc là Tâm bất phối hợp với Tâm Sở Tịnh Hảo.

2/. **Tâm Sắc Giới (Rūpāvacaracitta)** có nghĩa cả 15 Tâm này du hành ở trong Cõi Sắc Địa Giới ấy đa phần là sản địa của **Vật Sắc (Vatthurūpa)** và **Phiền Não Sắc (Kilesa rūpa)**. Vật Sắc ấy là 15 Tâm Sắc Giới, 35 Tâm Sở. Phiền Não Sắc ấy là **Sắc Ái (Rūpatanāhā)**, là sự mãn ý trong **Thiền Định Sắc Giới (Rūpajhāna)**, **Sắc Hữu (Rūpabhava)**, **Thắng Trí (Abhiññā)**.

3/. **Tâm Đáo Đại (Mahaggatacitta)** có nghĩa những Tâm đạt đến sự rộng lớn và trác tuyệt.

4/. **Tâm Hiệp Thế (Lokīyacitta)** có nghĩa những Tâm này thường sinh ở trong cả Tam Giới, là **Dục Giới (Kāmaloka)**, **Sắc Giới (Rūpaloka)**, **Vô Sắc Giới (Arūpaloka)**.

5/. **Tâm Siêu Thế (Lokuttaracitta)** có nghĩa những Tâm này vượt thoát khỏi cả Tam Giới, là **Dục Giới (Kāmaloka)**, **Sắc Giới (Rūpaloka)**, **Vô Sắc Giới (Arūpaloka)**.

6/. **Tâm Thiền (Jhānacitta)** có nghĩa Tâm phối hợp 5 Chi Thiền Định, có Tâm v.v.

27. Hỏi: Trong Tâm Dục Giới, Tâm Sắc Giới, Tâm Vô Sắc Giới có cả Thiện, Dị Thục Quả và Duy Tác, thế nhưng trong Tâm Siêu Thế chỉ có Thiện và Quả, là như vậy do bởi nguyên nhân nào ?

27. Đáp: Trong Tâm Dục Giới, Tâm Sắc Giới, Tâm Vô Sắc Giới có cả Thiện, Dị Thục Quả, Duy Tác, thế nhưng trong Tâm Siêu Thế chỉ có Thiện với Quả, không có Duy Tác, vì hữu quan với Thiện là cả ba Thiện Dục Giới, Thiện Sắc Giới, Thiện Vô Sắc Giới đây thường sinh khởi được rất nhiều lần trong cùng một con người. Còn Thiện Siêu Thế, trong từng một vị thường sinh khởi lên duy nhất chỉ có một lần, rồi không có việc khởi sinh tiếp nối nữa. Với nguyên nhân này, cả ba Thiện Dục Giới, Thiện Sắc Giới, Thiện Vô Sắc Giới đây, khi sinh khởi trong bản tính **Phàm Phu (Puthujjana)** và ba **Bậc Quả Hữu Học (Phalasekkhapuggala)** gọi là **Thiện (Kusala)**. Thế nhưng nếu sinh khởi trong bản tính Bậc Vô Sinh thì gọi là **Duy Tác (Kriyā)**. Đối với Thiện Siêu Thế không có sinh khởi trở lại trong bản tính Bậc Vô Sinh, vì thế trong Tâm Siêu Thế mới không có **Duy Tác (Kriyā)**.

28. Hỏi: Trong số lượng 89 Tâm theo giản lược, 121 Tâm theo quảng nghĩa, sai dị chỗ nào, và Tâm Thiền có 2 Chi Thiền Định có số lượng bao nhiêu, là những chi ?

28. Đáp: Số lượng 89 Tâm theo giản lược, 121 Tâm theo quảng nghĩa, sai dị ở chỗ Tâm Siêu Thế - rằng theo giản lược có 8 Tâm Siêu Thế, rằng theo quảng nghĩa có 40 Tâm

Siêu Thế; và Tâm Thiện có 2 Chi Thiện Định có số lượng 34, đó là 11 Tâm Tứ Thiện, 23 Tâm Ngũ Thiện.

29. Hỏi: Xin hãy phân chia 121 Tâm theo **Phần Phân Loại Pháp Chung (Jātibhedanaya), Phần Phân Loại Thọ (Vedanābhedanaya), Phần Phân Loại Tịnh Hảo (Sobhaṇabhedanaya).**

29. Đáp: + **Phân tích 121 Tâm theo Phần Phân Loại Pháp Chung (Jātibhedanaya), đó là:**

12 Tâm Bất Thiện thành Pháp Chung Bất Thiện.

8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Thiện Siêu Thế gom 37 Tâm thành Pháp Chung Thiện.

15 Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại, 20 Tâm Quả Siêu Thế gom 52 Tâm thành Pháp Chung Dị Thục Quả.

3 Tâm Duy Tác Vô Nhân, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại gom 20 Tâm thành Pháp Chung Duy Tác.

+ **Phân tích 121 Tâm theo Phần Phân Loại Thọ (Vedanābhedanaya), đó là:**

1 Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc thành Lạc Thọ.

1 Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ thành Khổ Thọ.

4 Tâm Căn Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Thảm Tấn Câu Hành Hỷ, 1 Tâm Tiểu Sinh Câu Hành Hỷ, 12 Tịnh Hảo Hỷ Thọ Dục Giới, 11 Tâm Sơ Thiện, 11 Tâm Nhị Thiện, 11 Tâm Tam Thiện, 11 Tâm Tứ Thiện gom 62 Tâm thành Hỷ Thọ.

6 Xả Bất Thiện, 14 Xả Vô Nhân, 12 Tịnh Hảo Xả Thọ Dục Giới, 23 Tâm Ngũ Thiện gom 55 Tâm thành Xả Thọ.

2 Tâm Căn Sân thành Ưu Thọ.

+ **Phân tích 121 Tâm theo Phần Phân Loại Tịnh Hảo (Sobhaṇabhedanaya), đó là:**

12 Tâm Bất Thiện, 18 Tâm Vô Nhân gom 30 Tâm thành Vô Tịnh Hảo.

24 Tâm Tịnh Hảo Dục Giới, 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế gom 91 Tâm thành Tịnh Hảo.

30. Hỏi: Hãy bỏ túc **Pāḷi** v.v. tiếp theo đây:

Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatāsahitaṃ v.v. kusalacittaṃ

Vicāra pīti sukha ekaggatāsahitaṃ v.v. vipākacittaṃ

Pīti sukha ekaggatāsahitaṃ v.v. kriyacittaṃ

Sukha ekaggatāsahitaṃ v.v. kusalacittaṃ

Upekkhā ekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna v.v.

30. Đáp: Bỏ túc **Pāḷi** v.v. như tiếp theo đây:

Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna kusalacittaṃ: Một Tâm Thiện Sơ Thiện câu hành với năm Chi Thiện Định là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

Vicāra pīti sukha ekaggatāsaḥitaṃ dutiyajjhāna vipākacittaṃ: Một Tâm Dị Thục Quả Nhị Thiền, một Tâm Duy Tác câu hành với bốn Chi Thiền Định là Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

Pīti sukha ekaggatāsaḥitaṃ tatiyajjhāna kriyacittaṃ: Một Tâm Duy Tác Tam Thiền câu hành với ba Chi Thiền Định là Hỷ, Lạc, Nhứt Thống.

Sukha ekaggatāsaḥitaṃ catutthajjhāna kusala-cittaṃ: Một Tâm Thiện Tứ Thiền câu hành với hai Chi Thiền Định là Lạc, Nhứt Thống.

Upekkhā ekaggatāsaḥitaṃ pañcamajjhāna kusala-cittaṃ, vipākacittaṃ, kriyacittaṃ: Một Tâm Thiện Ngũ Thiền, một Tâm Dị Thục Quả, một Tâm Duy Tác câu hành với hai Chi Thiền Định là Xả, Nhứt Thống.

31. Hỏi: Kể từ Sơ Thiền v.v. cho đến Tứ Thiền là Tâm câu hành Hỷ Thọ, có điều sẽ nên biết được ở chỗ nào ?

31. Đáp: Có điều nên biết được ở chỗ Chi Thiền Định, đó là Thiền Định nào phối hợp với Chi Thiền Định Lạc Thọ gọi là **Tâm Câu Hành Hỷ Thọ (Somanassahagata-citta)**.

32. Hỏi: Hãy dịch **Pāli** như tiếp theo đây:

**Ekādasavidhaṃ tasmā Paṭhamādikamīritam
Jhānamekekamante tu Tevīsatividhaṃ bhava**

32. Đáp: Dịch nghĩa: Vì thế, Ngài mới nói rằng từng mỗi Tâm Thiền có Sơ Thiền v.v. có 11, đối với Tâm Ngũ Thiền có 23.

33. Hỏi: Hãy phân tích Tâm Thiền có 2 Chi Thiền Định theo **Phần Phân Loại Pháp Chủng (Jātibhedanaya)**, **Phần Phân Loại Thế Gian (Lokabhedanaya)**, **Phần Phân Loại Thọ (Vedanābhedanaya)**.

33. Đáp: + **Phân tích Tâm Thiền có 2 Chi Thiền Định theo Phần Phân Loại Pháp Chủng (Jātibhedanaya)**, đó là: 14 Pháp Chủng Thiện, 14 Pháp Chủng Dị Thục Quả, 6 Pháp Chủng Duy Tác gom thành 34 Tâm.

+ **Phân tích Tâm Thiền có 2 Chi Thiền Định theo Phần Phân Loại Thế Gian (Lokabhedanaya)**, đó là: 18 Tâm Hiệp Thế, 16 Tâm Siêu thế gom thành 34 Tâm.

+ **Phân tích Tâm Thiền có 2 Chi Thiền Định theo Phần Phân Loại Thọ (Vedanābhedanaya)**, đó là: 11 Tâm Câu Hành Hỷ Thọ, 23 Tâm Câu Hành Xả Thọ gom thành 34 Tâm.

34. Hỏi: Hãy trình bày câu kệ phân tích 89 Tâm theo **Phần Phân Loại Pháp Chủng (Jātibhedanaya)**.

34. Đáp: Câu kệ phân tích 89 Tâm theo **Phần Phân Loại Pháp Chủng (Jātibhedanaya)**, đó là:

**Dvādasakusalānevam Kusalānekavīsati
Chattimseva vipākāni Kriyacittāni vīsati.**

Tính số lượng 89 Tâm theo phân loại từ nơi xuất sinh, như thế này: Tâm Bất Thiện có 12, Tâm Thiện có 21, Tâm Dị Thực Quả có 36, Tâm Duy Tác có 20.

35. Hỏi: Từ ngữ **Tương Ứng (Sampayuttam)** có mấy thể loại, là những chi, và Tâm không có lời nói rằng **Tương Ứng Trí (Ñāṇasamapayuttam)** nhưng được tính đếm vào trong **Tương Ứng Trí (Ñāṇasamapayuttam)** có số lượng bao nhiêu, là những chi và Tâm không có lời nói rằng **Ngũ Thiện (Pañcamajjhāna)** nhưng được tính liệt kê vào trong **Ngũ Thiện (Pañcamajjhāna)** có số lượng bao nhiêu, là những chi, cùng với việc tính liệt kê vào trong **Ngũ Thiện (Pañcamajjhāna)** do bởi nguyên nhân nào ?

35. Đáp: Từ ngữ **Tương Ứng (Sampayuttam)** có 5 thể loại, đó là: **Tương Ứng Kiến (Ditṭhisampayuttam)**, **Tương Ứng Phần Hận (Paṭighasampayuttam)**, **Tương Ứng Hoài Nghi (Vicikicchāsampayuttam)**, **Tương Ứng Trạo Cử (Uddhaccasampayuttam)**, **Tương Ứng Trí (Ñāṇasampayuttam)**.

Tâm không có lời nói rằng **Tương Ứng Trí (Ñāṇasamapayuttam)** nhưng được tính vào trong **Tương Ứng Trí (Ñāṇasamapayuttam)** có số lượng 67, đó là 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế.

Tâm không có lời nói rằng **Ngũ Thiện (Pañcamajjhāna)** nhưng được tính liệt kê vào trong **Ngũ Thiện (Pañcamajjhāna)** có số lượng 12, đó là 12 Tâm Vô Sắc Giới. Việc tính liệt kê vào trong **Ngũ Thiện (Pañcamajjhāna)** như vậy vì có 2 Chi Thiện Định thôi, đó là Xả và Nhất Thống.

36. Hỏi: Hãy trình bày một cách thuận tự thực tính 121 Tâm Siêu Lý.

Kết Thúc Chương Thứ Nhất – Tổng Hợp Tâm

-----00000-----

CHƯƠNG THỨ HAI: TỔNG HỢP TÂM SỞ (CETASIKAṆGAHA)

Trong chương thứ nhất – **Tổng Hợp Tâm (Cittasaṅgaha)** đã có đề cập đến phần Tâm Siêu Lý rồi, bây giờ sẽ đề cập đến thực tính phần Tâm Sở Siêu Lý.

Theo lẽ thường, tất cả chúng sinh cho dù hoàn toàn tê bì các bộ phận trong cơ thể đi nữa, nhưng nếu thiếu phần Danh Pháp là Tâm và Tâm Sở, thì tất cả chúng sinh cũng không có sự tri giác, và cũng không có khả năng làm được những cái chi, chẳng khác nào như hình nộm vậy thôi. Và trong cả hai, Tâm và Tâm Sở này, là hai loại Pháp đồng cùng sinh khởi, đồng cùng diệt tắt, đồng cùng tiếp thu một cảnh, và đồng nương một trú căn xuất sinh; muốn tách lìa nhau cũng không thể được. Tỷ dụ như, bánh xe răng xữ dụng dòng điện. Nếu chỉ có bánh xe răng không thôi, thì không thể làm được công việc, và bánh xe răng đang làm công việc xoay tròn cũng do nương vào dòng điện trong cả hai sợi dây điện. Nếu như đứt đi một sợi dây thì một mình bánh xe răng cũng không có khả năng làm công việc được. Vì thế, các

bậc trí thức cũng nên hiểu biết sự hiện hành theo thực tính của Tâm và Tâm Sở như vậy. **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** có trình bày như sau:

BỐN TRƯỜNG HỢP TRẠNG THÁI CỦA TÂM SỞ

Ekuppādanirodhā ca Ekāmbanavattukā
Cetoyuttā dvipaññāsa Dhammā cetasikā matā

Các học viên nên hiểu biết Pháp chủng của Tâm Sở có số lượng là 52 phối hợp với Tâm có trạng thái như vậy: 1/. đồng sinh với Tâm, 2/. đồng diệt với Tâm, 3/. đồng một Cảnh với Tâm, 4/. đồng nương một loại trú căn với Tâm.

PHÂN GIẢI THÍCH

Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya trình bày câu kệ trên nhằm để sẽ làm rõ thêm ý nghĩa lời nói rằng **Tâm Sở (Cetasikam)** đã đề cập ở trong lời khai đoạn phía trên của Bộ Kinh **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgaha)** này, là “**Cittam cetasikam rūpaṃ nibbānamiti sabbathā**”.

Và để cho các học viên hiểu biết đến trường hợp trạng thái phối hợp với Tâm của những 52 Tâm Sở này, gọi là **Tứ Đồng Trạng Thái (Cetoyuttalakkhaṇa)** hội đủ cả 4 trường hợp như sau:

1. Đồng Sinh (Ekuppāda): Tâm Sở này thường luôn câu sinh với Tâm, có nghĩa khi Tâm sinh Tâm Sở cũng sinh khởi với nhau. Rằng sẽ có Tâm sinh trước, Tâm Sở sinh phía sau, hoặc Tâm Sở sinh trước, Tâm sinh phía sau là không có được.

2. Đồng Diệt (Ekanirodha): trong cùng một phương thức với nhau, khi Tâm diệt Tâm Sở cũng diệt với nhau, không có ai diệt trước hoặc diệt phía sau.

3. Đồng Đối Tượng (Ekāmbana): Cảnh mà Tâm Sở đang đi vào tiếp thu chính thì cũng cùng một cảnh với Tâm đi vào tiếp thu, chẳng hạn như Tâm đang tiếp thu Cảnh Sắc trắng thì Tâm Sở cũng đang tiếp thu Cảnh Sắc trắng; hoặc là Tâm tiếp thu Cảnh Sắc đen thì Tâm Sở cũng tiếp thu Cảnh Sắc đen.

4. Đồng Trú Căn (Ekavattuka): chỗ nương sinh của Tâm Sở cũng cùng một thể loại với chỗ nương sinh của Tâm, chẳng hạn như Tâm nương vào con mắt sinh, Tâm Sở cũng nương vào con mắt sinh cùng. Tâm nương lỗ tai sinh, Tâm Sở cũng nương vào lỗ tai sinh cùng. Tâm nương vào Ý Vật sinh, Tâm Sở cũng nương vào Ý Vật sinh cùng.

Khi có đủ cả 4 trường hợp trạng thái như đã vừa đề cập đây thì được gọi tên là **Tâm Sở**. Trong cả **Tứ Đồng Trạng Thái (Cetoyuttalakkhaṇa)** ấy, thì **Đồng Sinh (Ekuppāda)**, **Đồng Diệt (Ekanirodha)**, **Đồng Đối Tượng (Ekāmbana)** cả 3 trường hợp này hiện hữu trong Tâm Sở một cách nhất định, còn trạng thái thứ tư là **Đồng Trú Căn (Ekavattuka)** ấy chẳng phải trạng thái hiện hữu một cách nhất định, bởi vì những thể loại Tâm Sở này khi sinh trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** mới sẽ cần phải nương vào **Căn (Vatthu)**

sinh, thể nhưng nếu sinh trong **Tứ Uẩn Địa Giới (Catuvokārabhūmi)** thì không cần phải nương vào **Căn (Vatthu)** sinh.

PHÂN TÍCH 52 TÂM SỞ THEO ĐỒNG NHÓM HOẶC BỌN (RĀSĪ)

52 Tâm Sở này, chia ra thành 3 nhóm, gọi là **Rāsī** (cùng nhóm): một **nhóm Tâm Sở Tợ Tha (Aññasamānarāsīcetasika)** có số lượng 13, một **nhóm Tâm Sở Bất Thiện (Akusalarāsīcetasika)** có số lượng 14, một **nhóm Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇarāsīcetasika)** có số lượng 25. Hoặc sẽ được gọi là **13 Tâm Sở Tợ Tha (Aññasamānacetāsika)**, **14 Tâm Sở Bất Thiện (Akusalacetāsika)**, **25 Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇacetāsika)**.

PHÂN TÍCH 3 NHÓM THEO PHÂN LOẠI

Tâm Sở thuộc **nhóm Tợ Tha (Aññasamānarāsī)** chia ra thành 2 thể loại, đó là: **7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetāsika)** một thể loại, **6 Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetāsika)** một thể loại.

Tâm Sở thuộc **nhóm Bất Thiện (Akusalarāsī)** chia ra thành 5 thể loại, đó là: **4 Tâm Sở Si Phần (Mocatukacetāsika)** một thể loại, **3 Tâm Sở Tham Phần (Lotikacetāsika)** một thể loại, **4 Tâm Sở Sân Phần (Docatukacetāsika)** một thể loại, **2 Tâm Sở Hôn Phần (Thīdukacetāsika)** một thể loại, **Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchācetāsika)** một thể loại.

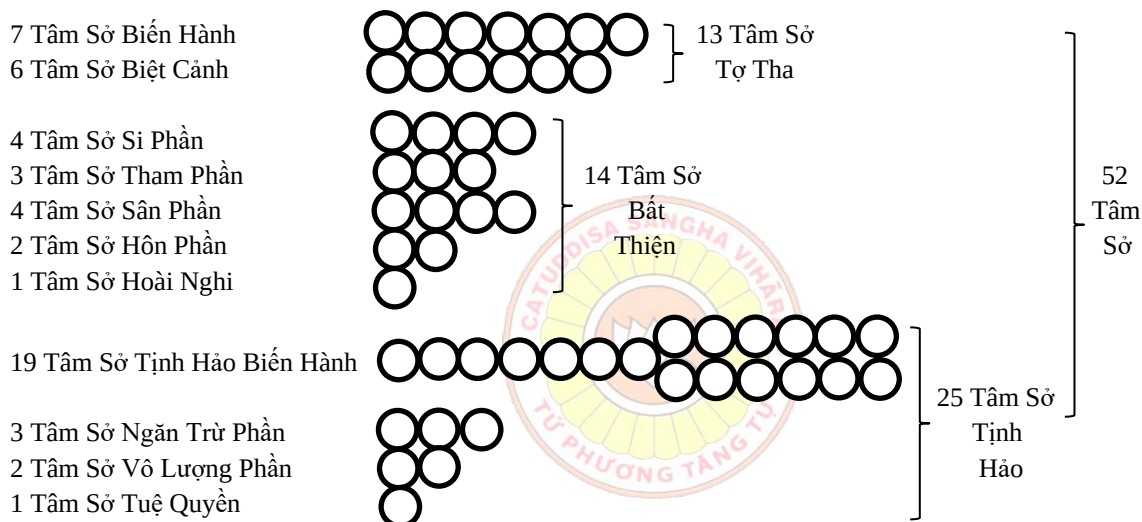
Tâm Sở thuộc **nhóm Tịnh Hảo (Sobhaṇarāsī)** chia ra thành 4 thể loại, đó là: **19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāraṇacetāsika)** một thể loại, **3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika)** một thể loại, **2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetāsika)** một thể loại, **Tâm Sở Tuệ Quyền (Paññindrīyacetāsika)** một thể loại.

CHÌA KHÓA THỨ NHẤT

Terasañña samānā ca Sobhaṇā pañcavīsati	Cuddasākusalā tathā Dvipaññāsa pavuccare.
52 Tâm Sở là: ▪ 13 Tâm Sở Tợ Tha ▪ 14 Tâm Sở Bất Thiện ▪ 25 Tâm Sở Tịnh Hảo	Gom thành 52 Tâm Sở.
13 Tâm Sở Tợ Tha có 7 Tâm Sở Biến Hành và 6 Tâm Sở Biệt Cảnh.	Gom thành 13 Tâm Sở.
14 Tâm Sở Bất Thiện có 4 Tâm Sở Si Phần, ▪ 3 Tâm Sở Tham Phần, ▪ 4 Tâm Sở Sân Phần, ▪ 2 Tâm Sở Hôn Phần, ▪ 1 Tâm Sở Hoài Nghi	Gom thành 14 Tâm Sở.

25 Tâm Sở Tịnh Hảo có: ▪ 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, ▪ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, ▪ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần, ▪ 1 Tâm Sở Tuệ Quyền	Gom thành 25 Tâm Sở.

52 TÂM SỞ (CETASIKA 52)



CHÌA KHÓA THỨ HAI

7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāranacetāsika): Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất Thống, Mạng Quyền, Tác Ý.

6 Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetāsika): Tầm, Tứ, Thắng Giải, Cần, Hỷ, Dục.

4 Tâm Sở Si Phần (Mocatukacetāsika): Si, Vô Tầm, Vô Quý, Trạo Cự.

3 Tâm Sở Tham Phần (Lotikacetāsika): Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn.

4 Tâm Sở Sân Phần (Docatukacetāsika): Sân, Tật Đố, Lận Sắc, Hối Hận.

2 Tâm Sở Hôn Phần (Thidukacetāsika): Hôn Trầm, Thụy Miên.

1 Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchācetāsika): Hoài Nghi.

19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāranacetāsika): Tín, Niệm, Tàm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Trung Gian, Thân An Tĩnh, Tâm An Tĩnh, Thân Khinh Khoái, Tâm Khinh Khoái, Thân Nhu Thuận, Tâm Nhu Thuận, Thân Thích Ứng, Tâm Thích Ứng, Thân Thuần Thực, Tâm Thuần Thực, Thân Chánh Trực, Tâm Chánh Trực.

3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viraticetasika): Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.

2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamannācetasika): Bi Mẫn, Tùy Hỷ.

1 Tâm Sở Tuệ Quyền (Paññindriyācetasika): Trí Tuệ.

GIẢI THÍCH Ý NGHĨA 52 TÂM SỞ THEO THUẬN TỰ
13 TÂM SỞ TỌ THA (AÑÑASAMĀNACETASIKA 13)
7 TÂM SỞ BIẾN HÀNH (SABBACITTASĀDHĀRAṆACETASIKA 7)

1. Xúc (Phassa): Pháp chủng tiếp xúc Cảnh.

2. Thọ (Vedanā): Pháp chủng thụ hưởng Cảnh.

3. Tưởng (Saññā): Pháp chủng ký ức Cảnh.

4. Tư (Cetanā): Pháp chủng đôn thúc và khuyến đạo Pháp tương ưng trong Cảnh để cho thực hiện các nhiệm vụ của mình.

5. Nhất Thống (Ekaggatā): Pháp chủng an định và cho Pháp tương ưng hiện hữu duy nhất trong một Cảnh.

6. Mạng Quyền (Jīvitindriya): Pháp chủng bảo hộ Pháp tương ưng.

7. Tác Ý (Manasikāra): Pháp chủng lập tâm và dẫn đạo Pháp tương ưng đến Cảnh.

7 cái Tâm Sở này gọi tên là **Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇa)** vì phối hợp với tất cả các Tâm. Khi phân chia câu có thể được ba câu: **Sabba + Citta + Sādhāraṇa**. **Sabba:** tất cả, **Citta:** Tâm, **Sādhāraṇa:** phổ biến, cùng khắp cả.

Kết hợp cả ba câu thành **Sabbacittasādhāraṇa** dịch nghĩa “phổ biến khắp cả Tâm”.

6 TÂM SỞ BIỆT CẢNH (PAKINṆAKACETASIKA 6)

1. Tầm (Vitakka): Pháp chủng đưa Pháp tương ưng đi đến Cảnh, là tư khảo Cảnh.

2. Tứ (Vicāra): Pháp chủng có việc ôm ấp phủ lấy Cảnh.

3. Thắng Giải (Adhimokkha): Pháp chủng phán đoán Cảnh.

4. Cần (Viriya): Pháp chủng có sự cần miến trong Cảnh.

5. Hỷ (Pīti): Pháp chủng có sự tán mỹ hỷ duyệt trong Cảnh.

6. Dục (Chanda): Pháp chủng dục cầu Cảnh.

Sáu cái Tâm Sở này gọi tên là **Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetasika)** vì phối hợp khắp cả Tâm, thế nhưng chỉ vài phần, không phải hết cả thấy. Khi phân tách câu được ba câu là: **Pa + Kiṇṇa + Ka**. **Pa:** một cách cùng khắp, **Kiṇṇa:** tán bố, **Ka:** không có ý nghĩa một cách riêng biệt. Kết hợp cả ba câu này thành **Pakiṇṇaka:** rải rác một cách cùng khắp, có nghĩa 6 Tâm Sở này phối hợp được khắp cả phần **Hiệp Thế (Lokīya)**, **Siêu Thế (Lokuttara)**, **Tịnh Hảo (Sobhaṇa)**, **Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇa)**, **Thiện (Kusala)**, **Bất Thiện (Akusala)**, **Dị Thục Quả (Vipāka)**, **Duy Tác (Kriyā)**, thế nhưng không phải hết cả thấy, khác biệt với việc phối hợp của **Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetasika)** là phối hợp được cùng khắp cả và hết cả thấy

7 Tâm Sở Biến Hành, 6 Tâm Sở Biệt Cảnh gom 13 Tâm Sở gọi tên là **Tâm Sở Tợ Tha (Aññasamānacetāsika)** vì những thể loại Tâm Sở này có thực tính tương tự Pháp khác; đề cập là **Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhañacetāsika)** có **Tín (Saddhā)** v.v. hoặc là **Tâm Sở Vô Tịnh Hảo (Asobhañacetāsika)** có **Si (Moha)** v.v. thường là Pháp khác đối với Tâm Sở Tợ Tha, thế nhưng Tâm Sở Tợ Tha cũng tương tự cả 2 nhóm Tâm Sở ấy được, mới cùng phối hợp được với Tâm; khác biệt với Tâm Sở Vô Tịnh Hảo thì không có thể tương tự Tâm Sở Tịnh Hảo được, hoặc Tâm Sở Tịnh Hảo không có thể tương tự Tâm Sở Vô Tịnh Hảo được, mới bắt phối hợp cùng với Tâm.

Tợ Tha (Aññasamāna) khi phân tách câu có thể được 2 câu **Añña + Samāna**, **Añña:** Pháp khác, **Samāna:** tương tự, gom cả 2 câu thành **Aññasamāna:** tương tự Pháp khác.

14 TÂM SỞ BẤT THIỆN (AKUSALACETASIKA 14) 4 TÂM SỞ SI PHẦN (MOCATUKACETASIKA 4)

1. **Si (Moha):** Pháp chũng che đậy chân thực tính của Cảnh, là ngộ giải.
2. **Vô Tàm (Ahirika):** Pháp chũng không có sự hổ thẹn đối với Ác hạnh.
3. **Vô Quý (Anottappa):** Pháp chũng không có sự ghê sợ đối với Ác hạnh.
4. **Trạo Cử (Uddhacca):** Pháp chũng tâm thần bất định, tâm viên ý mã, là tiếp thân Cảnh bất kiên định.

4 Tâm Sở này gọi tên **Tứ Si Phần (Mocatuka)** vì đưa Tâm Sở Si làm chủ yếu, và chính thị 4 Tâm Sở này gọi tên là **Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành (Sabbākusalasādhāraṇa cetāsika)**, vì nhóm Tâm Sở này phối hợp với hết tất cả 12 Tâm Bất Thiện.

3 TÂM SỞ THAM PHẦN (LOTIKACETASIKA 3)

1. **Tham (Lobha):** Pháp chũng có sự nhu cầu và mê luyến trong **Cảnh dục trần (Kāmaguṇārammaṇa)**.

2. **Tà Kiến (Diṭṭhi):** Pháp chũng có sự thấy sai trong Cảnh.
3. **Ngã Mạn (Māna):** Pháp chũng có sự ngạo mạn, bài giá tử.

3 Tâm Sở này gọi tên là **Tam Tham Phần (Lotika)** vì đưa **Tâm Sở Tham (Lobha cetāsika)** làm chủ yếu.

4 TÂM SỞ SÂN PHẦN (DOCATUKACETASIKA 4)

1. **Sân (Dosa):** Pháp chũng làm nguy hại trong Cảnh.
2. **Tật Đồ (Issā):** Pháp chũng có sự bất mãn ý trong tài sản hoặc thiện công đức của tha nhân.
3. **Lận Sắc (Macchariya):** Pháp chũng có sự cực độ ái tích về của cải tài vật hoặc thiện công đức của bản thân.

4. Hối Hận (Kukucca): Pháp chủng có sự tâm phiền trong Ác Hạnh đã tạo tác, và trong Thiện Hạnh chưa được thực hiện.

4 Tâm Sở này gọi tên là **Tứ Sân Phần (Docatuka)** vì đưa **Tâm Sở Sân (Dosa cetasika)** làm chủ yếu.

2 TÂM SỞ HÔN PHẦN (THIDUKACETASIKA)

1. Hôn Trầm (Thina): Pháp chủng làm cho Tâm trì đốn thoái sức với Cảnh.

2. Thuy Miên (Middha): Pháp chủng làm cho Tâm Sở trì đốn thoái sức với Cảnh.

1 TÂM SỞ HOÀI NGHI (VICIKICCHĀCETASIKA 1)

Hoài Nghi (Vicikicchā): Pháp chủng có sự hoài nghi, bất hạ định quyết tâm, là phê phán trong Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng v.v.

14 Tâm Sở này gọi tên là **Tâm Sở Bất Thiện (Akusalacetasika)**, vì phối hợp độc nhất nhóm **Tâm Bất Thiện (Akusalacitta)**.

25 TÂM SỞ TỊNH HẢO (SOBHAṆACETASIKA 25)

19 TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH (SOBHAṆSĀDHĀRAṆACETASIKA 19)

Tín (Saddhā): Pháp chủng có sự tương tín và tín phụng trong Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng theo sự xác tín, tương tín trong Nghiệp Lực và Hệ Quả của Nghiệp Lực.

Niệm (Sati): Pháp chủng có sự kỷ ức trong Cảnh liên quan với **Thiện Pháp (Kusala dhamma)**, có Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng v.v.(1)

[(1): Vua Milinda Sở Vấn Kinh (Milindapañhā) trang 36, Vấn Đề Trạng Thái Niệm (Satilakkhaṇapañhā) có trình bày rằng ...Sati mahārāja uppajjamānā kusalākusalasāvajjānavajjāhīnappñītanāhasukkasappaṭibhāgadhamme apilāpeti... dịch nghĩa ...Này Bệ Hạ, khi Niệm sinh khởi thường cho kỷ ức đến Pháp ở phần Thiện, Bất Thiện, có tội lỗi, không có tội lỗi, ty liệt, tinh lương, đen, trắng và Pháp có phần tương tự...]

Tàm (Hiri): Pháp chủng có sự yếm ố và tàm quý đối với công việc ở phần Ác Hạnh.

Quý (Ottappa): Pháp chủng có sự kinh hãi úy cù đối với công việc ở phần Ác Hạnh.

Vô Tham (Alobha): Pháp chủng bất tương đắc đáo, và không dính mắc trong **Cảnh dục trần (Kāmaguṇārammaṇa)**.

Vô Sân (Adosa): Pháp chủng bất nguy hại trong Cảnh.

Trung Gian (Tatramajjhataṭṭā): Pháp chủng làm cho Tâm và Tâm Sở quân bình trong mỗi sự việc của mình, không có việc tăng giảm.

Thân An Tĩnh (Kāyapassaddhi): Pháp chủng có sự an tịnh của 3 **Uẩn Tâm Sở (Khandhacetasika)** trong phần Thiện Hạnh.

Tâm An Tĩnh (Cittapassaddhi): Pháp chủng có sự an tịnh của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Khinh Khoái (Kāyalahutā): Pháp chủng có sự khinh khoái của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Khinh Khoái (Cittalahutā): Pháp chủng có sự khinh khoái của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Nhu Nhuyễn (Kāyamudutā): Pháp chủng có sự mềm dịu của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Nhu Nhuyễn (Cittamudutā): Pháp chủng có sự mềm dịu của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Thích Ứng (Kāyakammaññatā): Pháp chủng có sự thích ứng của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Thích Ứng (Cittakammaññatā): Pháp chủng có sự thích ứng của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Thuần Thực (Kāyapāguññatā): Pháp chủng có sự thuần thực của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Thuần Thực (Cittapāguññatā): Pháp chủng có sự thuần thực của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Chánh Trực (Kāyujukatā): Pháp chủng có sự chánh trực của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Chánh Trực (Cittujukatā): Pháp chủng có sự chánh trực của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Trong tất cả **Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāraṇacetāsika)** ấy, Tâm Sở An Tịnh, Tâm Sở Khinh Khoái, Tâm Sở Nhu Nhuyễn, Tâm Sở Thích Ứng, Tâm Sở Thuần Thực, Tâm Sở Chánh Trực, cả 6 Tâm Sở này có thành đôi với nhau mới gom thành 12 Tâm Sở, cộng chung với Tâm Sở Tín v.v. thành Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành mới có 19 Tâm Sở. Những thể loại Tâm Sở này gọi tên là Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành vì phối hợp trong hết tất cả **Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta)**. Khi phân tích câu ra có hai là **Sobhaṇa + sādhāraṇa**, **Sobhaṇa:** Tâm có sự tịnh hảo, không có tội lỗi, **sādhāraṇa:** cùng khắp cả. Khi kết hợp hai câu này thành **Sobhaṇasādhāraṇa:** cùng khắp cả trong Tâm có sự tịnh hảo, không có tội lỗi.

3 TÂM SỞ NGĂN TRỪ PHẦN (VIRATĪCETASIKA 3)

Chánh Ngữ (Sammāvācā): việc nói ngôn ngữ trừ **Tứ Ngữ Ác Hạnh (Vacīducarita)** ra, không liên quan đến công việc sinh kế.

Chánh Nghiệp (Sammākammanta): việc tạo tác hành động trừ **Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaducarita)** ra, không liên quan đến công việc sinh kế.

Chánh Mạng (Sammājīva): việc phối hợp sinh kế trừ **Tứ Ngữ Ác Hạnh (Vacīducarita)** và **Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaducarita)**.

3 Tâm Sở này gọi tên là **Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika)** vì có **Tư Tâm Sở (Cetanā)** ở ngoài phần Ác Hạnh làm chủ yếu.

2 TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN (APPAMAÑÑĀCETASIKA 2)

Bi Mẫn (Karūṇā): Pháp chúng có sự lân mẫn đối với **Khổ Đau Hữu Tình (Dukkhita satta)**, là người đang đón nhận sự khổ đau, hoặc sẽ đón nhận sự khổ đau trong thời gian tới.

Tùy Hỷ (Muditā): Pháp chúng có sự hoan hỷ đối với **An Lạc Hữu Tình (Sukhita satta)**, là người đang đón nhận sự an vui, hoặc sẽ được an vui trong thời gian tới.

2 Tâm Sở này gọi tên **Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika)** vì sinh khởi do y cứ tất cả Khổ Đau Hữu Tình hoặc An Lạc Hữu Tình một cách vô hạn lượng.

1 TÂM SỞ TUỆ QUYỀN (PAÑÑINDRĪYACETASIKA 1)

Trí Tuệ (Paññā): Pháp chúng liễu tri một cách phổ biến Pháp Thực Tính thể theo sự chân thực.

Tâm Sở này gọi tên là **Tuệ Quyền (Paññindriya)** vì có chức năng chi phối một cách phổ biến trong các việc liễu tri thể theo sự chân thực.

PHẦN PHỐI HỢP (SAMPAYOGANAYA) TRÌNH BÀY KỆ KHAI ĐOAN VỀ PHẦN PHỐI HỢP

**Tesaṃ cittāviyuttānaṃ Yathāyogamito paraṃ
Cittuppādesu paccekam Sampayogo pavuccati**

Tiếp theo đây sẽ trình bày việc phối hợp một cách riêng biệt của Tâm Sở có thực tính câu sinh với Tâm, khi Tâm sinh khởi sẽ theo phối hợp.

TRÌNH BÀY MỘT CÁCH GIẢN LƯỢC NGUYÊN TẮC PHẦN PHỐI HỢP

**Satta sabbattha yujjanti Yathāyogaṃ pakiṇṇakā
Cuddasākusalesveva Sobhaṇasveva sobhaṇā**

7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetasika) thường phối hợp trong hết tất cả Tâm. **6 Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetasika)** thường phối hợp trong các Tâm được phối hợp. **14 Tâm Sở Bất Thiện (Akusalacetasika)** thường chỉ phối hợp trong 12 Tâm Bất Thiện. **25 Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇacetasika)** thường chỉ phối hợp trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo.

LỜI GIẢI THÍCH

Câu kệ này trình bày Phần Phối Hợp một cách giản lược, nhằm để cho các học viên nắm giữ làm căn bản trước, rồi tiếp nối sẽ trình bày ý nghĩa trong Phần Phối Hợp một cách quảng nghĩa.

PHẦN PHỐI HỢP 13 TÂM SỞ TỌ THA (AÑÑASAMĀNACETASIKA)

13 Tâm Sở Tọa Tha (Aññasamānacetāsika) có 7 phần Phối Hợp, là:

7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetāsika) tính thành 1 phần Phối Hợp.

6 Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetāsika) tính thành 6 phần Phối Hợp.

7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetāsika) phối hợp trong tất cả 89 hoặc 121 Tâm.

Tâm Sở Tầm (Vitakkacetāsika) phối hợp được trong 55 Tâm, là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Ngũ Song Thức) và 11 Tâm Sơ Thiền, gom thành 55 Tâm. Bất phối hợp có được 66 Tâm, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 11 Tâm Nhị Thiền, 11 Tâm Tam Thiền, 11 Tâm Tứ Thiền, 23 Tâm Ngũ Thiền, gom thành 66 Tâm.

Tâm Sở Tứ (Vicāracetāsika) phối hợp được trong 66 Tâm, là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Ngũ Song Thức), 11 Tâm Sơ Thiền, và 11 Tâm Nhị Thiền, gom thành 66 Tâm. Bất phối hợp có được 55 Tâm, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 11 Tâm Tam Thiền, 11 Tâm Tứ Thiền, 23 Tâm Ngũ Thiền, gom thành 55 Tâm.

Tâm Sở Thắng Giải (Adhimokkhacetāsika) phối hợp được trong 110 Tâm, là 43 Tâm Dục Giới (trừ 10 Ngũ Song Thức, 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi), 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế, gom thành 110 Tâm. Bất phối hợp có được 11 Tâm, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi, gom thành 11 Tâm.

Tâm Sở Cần (Vīriyacetāsika) phối hợp được trong 105 Tâm, là 38 Tâm Dục Giới (trừ 15 Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân, 1 Tâm Khai Ngũ Môn), 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế, gom thành 105 Tâm. Bất phối hợp có được 16 Tâm, là 15 Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, gom thành 16 Tâm.

Tâm Sở Hỷ (Pīticetāsika) phối hợp được trong 51 Tâm, là 18 Tâm Dục Giới Câu Hành Hỷ, 11 Tâm Sơ Thiền, 11 Tâm Nhị Thiền, 11 Tâm Tam Thiền, gom thành 51 Tâm. Bất phối hợp có được 70 Tâm, là 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm Thân Thức, 55 Tâm Câu Hành Xả, 11 Tâm Tứ Thiền, gom thành 70 Tâm.

Tâm Sở Dục (Chandacetāsika) phối hợp được trong 101 Tâm, là 34 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân), 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế, gom thành 101 Tâm. Bất phối hợp có được 20 Tâm, là 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân, gom thành 20 Tâm.

GĀTHĀSAṄGAHA – KỆ TỔNG HỢP

Tóm tắt nội dung trong **6 Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetāsika)** theo phần bất phối hợp với Tâm và được phối hợp với Tâm theo tuần tự tiếp theo đây:

Te pana cittuppādā yathākkamaṃ

Chasaṭṭhi pañcapaññāsa

Sattati vīsati ceva

Pañcapaññāsa chasaṭṭhi

Ekādasā ca soḷasa

Pakiṇṇakavivajjitā

Tṭhisattati tisattati

Ekapaññāsa cekūna

Sattati sapakiṇṇakā

Tóm tắt nội dung rằng các Tâm ở phần 6 Tâm Sở Biệt Cảnh bất phối hợp có số lượng theo thuận tự của Tâm Sở như tiếp theo đây, là 66, 55, 11, 16, 70, 20. Các Tâm ở phần 6 Tâm Sở Biệt Cảnh phối hợp được có số lượng theo thuận tự của Tâm Sở như tiếp theo đây, là 55, 66, 78 (110), 73 (105), 51, 69 (101).

Trình bày các Tâm mà 6 Tâm Sở Biệt Cảnh phối hợp được và bất phối hợp theo Kệ Tổng Hợp là:

	Phối Hợp	Bất Phối Hợp
Tâm Sở Tầm	55	66
Tâm Sở Tứ	66	55
Tâm Sở Thắng Giải	78 (110)	11
Tâm Sở Cần	73 (105)	16
Tâm Sở Hỷ	51	70
Tâm Sở Dục	69 (101)	20

Kệ Tổng Hợp trình bày phần số lượng Tâm phối hợp với **6 Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetāsika)** có hai phần, là tính số lượng Tâm một cách giản lược, với một cách quảng nghĩa. Đề cập là nếu như Tâm Sở nào phối hợp được với các **Tâm Siêu Thế (Lokut taracitta)**, Tâm phối hợp với Tâm Sở ấy tính một cách giản lược, là Tâm phối hợp với Tâm Sở Thắng Giải, Tâm Sở Cần, Tâm Sở Dục. Nếu như Tâm Sở nào bất phối hợp với các Tâm Siêu Thế, Tâm phối hợp với Tâm Sở ấy được tính một cách quảng nghĩa, là Tâm phối hợp với Tâm Sở Tầm, Tâm Sở Tứ, Tâm Sở Hỷ.

Một trường hợp khác nữa, việc phối hợp Tâm Sở Biệt Cảnh đặc biệt chỉ các Tâm Sở Tầm, và Tâm Sở Tứ đã được trình bày đây, chủ ý lấy Tâm Siêu Thế của Bậc Thánh Nhân là **Hạnh Vận Thiên Giả (Jhānalābhīpuggala)** thôi. Nếu như các Bậc Thánh Nhân ấy là **Lạc Quán (Sukhavipassaka)** thì các Tâm Sở Tầm, Tâm Sở Tứ thường phối hợp được cả thảy. Còn Tâm Sở Hỷ thường tùy thuộc Tâm Siêu Thế sinh khởi, đề cập rằng, nếu như Tâm Siêu Thế ấy sinh khởi cùng với Hỷ Thọ thì Tâm Sở Hỷ phối hợp được, nếu như Tâm Siêu Thế ấy sinh khởi cùng với Xả Thọ thì Tâm Sở Hỷ bất phối hợp.

PHẦN PHỐI HỢP 14 TÂM SỞ BẤT THIỆN (AKUSALACETASIKA)

4 Tâm Sở Si Phần (Mocatukacetāsika) phối hợp trong tất cả 12 Tâm Bất Thiện.

Tâm Sở Tham (Lobhacetāsika) phối hợp trong 8 Tâm căn Tham.

Tâm Sở Tà Kiến (Diṭṭhacetāsika) phối hợp trong 4 Tâm Tương Ứng Kiến.

Tâm Sở Ngã Mạn (Mānacetāsika) phối hợp trong 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến.

4 Tâm Sở Sân Phần (Docatukacetāsika) phối hợp trong 2 Tâm căn Sân.

2 Tâm Sở Hôn Phần (Thidukacetāsika) phối hợp trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn.

Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchācetasika) phối hợp trong 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi.

KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY NĂM PHẦN PHỐI HỢP TRONG 14 TÂM SỞ BẤT THIỆN (AKUSALACETASIKA 14)

Sabbāpuññesu cattāro

Dosamūlesu cattāro

Vicikicchā vicikicchā

Dvādasākusalesveva

Lobhamūle tayo gatā

Sasaṅkhāre dvayaṃ tathā

Citte cāti catuddasa

Sampayujjanti pañcadhā

14 Tâm Sở Bất Thiện (Akusalacetasika) thường chỉ phối hợp trong **12 Tâm Bất Thiện (Akusalacitta)**, và chia ra thành 5 phần là:

4 Tâm Sở Si Phần (Mocatukacetasika) phối hợp trong tất cả **12 Tâm Bất Thiện (Akusalacitta)**, tính 1 phần. **3 Tham (Lobha), Tà Kiến (Diṭṭhi), Ngã Mạn (Māna)** chỉ phối hợp trong **8 Tâm căn Tham (Lobhamūlacitta)**, tính 1 phần. **4 Tâm Sở Sân Phần (Docatukacetasika)** chỉ phối hợp trong **2 Tâm căn Sân (Dosamūlacitta)**, tính 1 phần. **2 Tâm Sở Hôn Phần (Thidukacetasika)** chỉ phối hợp trong **5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn (Akusalasasaṅkhārikacitta)**, tính 1 phần. **Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchācetasika)** chỉ phối hợp trong **1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi (Vicikicchāsampayuttacitta)**, tính 1 phần.

PHẦN PHỐI HỢP 25 TÂM SỞ TỊNH HẢO (SOBHAṆACETASIKA 25)

19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biện Hành (Sobhaṇasādhāraṇacetasika) phối hợp trong tất cả 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta).

3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika) phối hợp trong 16 hoặc 48 Tâm, là **8 Tâm Đại Thiện (Mahākusalacitta)**, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế (Lokuttaracitta).

2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika) phối hợp trong 28 Tâm, là **8 Tâm Đại Thiện (Mahākusalacitta)**, 8 Tâm Đại Duy Tác (Mahākriyācitta), 12 Tâm Sắc Giới (Rūpāvacaracitta) (trừ 3 Tâm Ngũ Thiện).

Tâm Sở Tuệ Quyền (Paññindrīyacetasika) phối hợp trong 47 hoặc 79 Tâm, là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 27 Tâm Đáo Đại, và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

KỆ TRÌNH BÀY BỐN PHẦN PHỐI HỢP TRONG 25 TÂM SỞ TỊNH HẢO (SOBHAṆACETASIKA 25)

Ekūnavīsati dhammā

Tayo soḷasacittesu

Paññā pakāsītā satta

Sampayuttā catudhevaṃ

Jāyantekūnasatṭhisu

Aṭṭhavīsatiyaṃ dvayaṃ

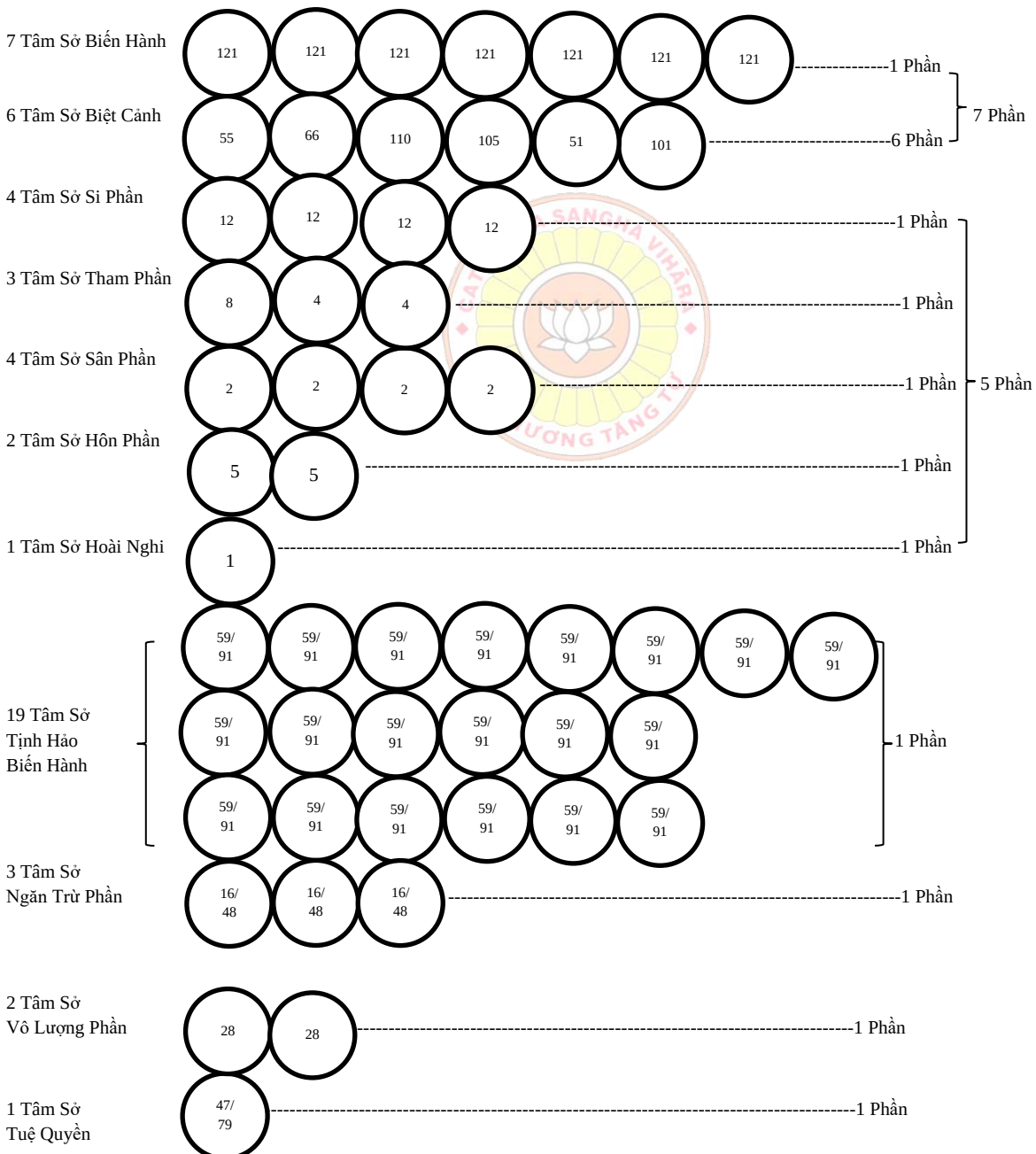
Cattālīsavidhesupi

Sobhaṇasveva sobhaṇā

25 Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇacetāsika) thường phối hợp trong **59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta)** và chia ra thành 4 phần là:

19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāraṇacetāsika) phối hợp trong **59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta)**, tính 1 phần. **3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratī cetāsika)** phối hợp trong **16 hoặc 48 Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta)**, tính 1 phần. **2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññacetāsika)** phối hợp trong 28 Tâm, tính 1 phần. **1 Tâm Sở Tuệ Quyền (Paññindriyacetāsika)** phối hợp trong 47 hoặc 79 Tâm, tính 1 phần.

PHẦN PHỐI HỢP (SAMPAYOYANAYA)



GIẢI THÍCH ĐẶC BIỆT TRONG VIỆC PHỐI HỢP 2 TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN (APPAMAÑÑĀCETASIKA 2)

Việc phối hợp của 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika) có 2 trường phái ý kiến (Vāda) là: (1) Liên Hợp Kiến, Nhất Trí Kiến (Samānavāda) đó là ý kiến của các Chú Giải Sư (Atthācariyā), có Giáo Thọ Sư Anuruddhācariyā v.v đều nói rằng 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp trong 28 Tâm như đã được đề cập rồi. Thế nhưng, (2) Nhất Hệ Kiến (Kecivāda) đó là ý kiến của một vài Chú Giải Sư trình bày rằng 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần này chỉ phối hợp trong 20 Tâm thôi, là 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ (Mahākusala somanassacitta), 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ (Mahākriyāsomānassacitta), và 12 Tâm Sắc Giới (Rūpāvacaracitta) (trừ 3 Tâm Ngũ Thiền); sẽ bắt phối hợp trong 4 Tâm Đại Thiện Xả Thọ (Mahākusalaupēkkhācitta) và 4 Tâm Đại Duy Tác Xả Thọ (Mahākriyāupēkkhācitta), bởi cho lý do rằng Thương Hại (Vihīṇsā: Tiễn Đạp, Nhu Lạn) là việc tâm hoại ác ý kết cừu tha nhân ấy, Chi Pháp đó là Tâm Sở Sân (Dosacetāsika). Thực tính của Bi Mẫn (Karūṇā) thường là đối lập diện với Tâm Sở Sân. Bất Nguyện Ý (Arati: Bất Mãn Ý) là sự bất hỷ duyệt, bất mãn ý, tinh thần bất du khoái trong sự thiện hảo của tha nhân, Chi Pháp đó là Ưu Thọ (Domanassavedanā) có Tật Đố (Issā) làm chủ yếu. Thực tính của Tùy Hỷ (Muditā) thường là đối lập diện với Ưu Thọ có Tật Đố làm chủ yếu. Vì thế, Bi Mẫn (Karūṇā), Tùy Hỷ (Muditā) mới cần phải phối hợp với Tâm Câu Hành Hỷ (Somanassa sahaḡatacitta), không nên phối hợp trong Tâm Câu Hành Xả (Upekkhāsaḡatacitta). Thế nhưng Nhất Trí Kiến (Samānavāda) là các Chú Giải Sư nói rằng ý kiến của Nhất Ban Giáo Thọ Sư (Keci Ācariya) này đúng một phần, sai một phần. Việc đúng một phần là người đang tiến tu Bi Mẫn Tùy Hỷ Nghiệp Xứ (Karūṇā Muditākammaṭṭhāna) trong giai đoạn đầu, khi vẫn còn là Chuẩn Bị Tu Tập (Parikammabhāvanā) và Sơ Thủy Tu Pháp Quan Sát Trung Triệu (Parikammanimitta : Sơ Tướng) vẫn chưa đến Ấn Nhập Nỗ Hối Hình Tượng (Uggahanimitta: Thô Tướng) Bi Mẫn Tùy Hỷ sẽ sinh khởi xác thực cần phải với Hỷ Thọ, nếu không Bi Mẫn Tùy Hỷ không thể nào sinh khởi được. Chỗ nói rằng Bi Mẫn (Karūṇā), Tùy Hỷ (Muditā) cần phải sinh trong Tâm phối hợp với Hỷ Thọ mới là việc xác thực, thế nhưng khi đã tiếp tục tiến tu Bi Mẫn Tùy Hỷ Nghiệp Xứ cho đến Ấn Nhập Nỗ Hối Hình Tượng thường trình bày rằng Tâm của vị tiến tu Nghiệp Xứ ấy đã có sự thực luyện tinh thông trong Bi Mẫn Tùy Hỷ Nghiệp Xứ một cách thiện hảo, vì thế trong sát na tiến tu Bi Mẫn Tùy Hỷ Nghiệp Xứ mà Ấn Nhập Nỗ Hối Hình Tượng đang sinh, Tâm của vị ấy do đã có sự thực luyện tinh thông như đã nói, mới có khả năng phối hợp với Hỷ Thọ (Somanassa vedanā) hoặc Xả Thọ (Upekkhāvedanā) cũng được, không cần phải thường luôn là Hỷ Thọ. Chỗ nói rằng Bi Mẫn, Tùy Hỷ không sinh trong Tâm phần Xả Thọ mới bất xác thực.

ANİYATAYOGĪ – NIYATAYOGĪCETASIKA TÂM SỞ BẤT ĐỊNH VÀ NHẤT ĐỊNH

Issāmaccherakukkucca

Nānā kadāci māno ca

Yathāvuttānusārena

Saṅghaṇca pavakkhāmi

Viratīkaruṇādayo

Thinamiddham tathā saha

Sesā niyatayogino

Tesaṃdāni yathārahaṃ

Tật Đồ (Issā), Lận Sắc (Macchariya), Hối Hận (Kukucca), 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika), Bi Mẫn (Karūṇā), Tùy Hỷ (Muditā) gom 8 Tâm Sở này phối hợp là khi có khi không, thỉnh thoảng, và không cùng nhau phối hợp, gọi tên là **Bất Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Nānākadācīcetasika: khác biệt và tùy lúc Tâm Sở)**. **Ngã Mạn (Māna)** phối hợp khi có khi không, gọi tên là **Hữu Thời Tâm Sở (Kadācīcetasika)**. Cả 2 **Hôn Trầm (Thina), Thụy Miên (Middha)** đây phối hợp khi có khi không, nhưng cùng nhau phối hợp, gọi tên là **Cộng Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Sahakadācīcetasika: tùy lúc và cùng nhau Tâm Sở)**. 41 Tâm Sở còn lại, ngoài 11 Tâm Sở này, là Tâm Sở phối hợp một cách nhất định, gọi tên là **Nhất Định Tâm Sở (Niyatayogīcetasika)**.

Bây giờ sẽ trình bày việc đếm số lượng Tâm Sở theo **Phần Phối Hợp (Sampayogānaya)** vừa theo thích hợp.

LỜI GIẢI THÍCH

Câu kệ này trình bày **11 Tâm Sở Bất Định (Aniyatayogīcetasika)** và **41 Tâm Sở Nhất Định (Niyatayogīcetasika)**, cùng với **lời thệ nguyện (Paṭiññā)** sẽ trình bày **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)**.

Việc tính Tâm Sở phối hợp như đã đề cập đây, một vài nhóm Tâm Sở thường luôn được phối hợp, bất luận là Tâm ấy sẽ sinh khởi trong Cảnh Nội Phần hoặc Ngoại Phần, hoặc bất luận **Sự Vụ (Kicca)** nào. Thế nhưng, một vài nhóm Tâm Sở chỉ sẽ được sinh khởi trong Cảnh phù hợp đặc biệt, không thể phổ thông được; vì thế, mới phối hợp được là khi có khi không. Tâm Sở có Cảnh hạn định một cách đặc biệt đây, hiện hữu 11 Tâm Sở, gọi tên là **Bất Định (Aniyatayogī)**, đó là **Ngã Mạn (Māna), Tật Đồ (Issā), Lận Sắc (Macchariya), Hối Hận (Kukucca), Hôn Trầm (Thina), Thụy Miên (Middha), 3 Ngăn Trừ Phần (Viratī), 2 Vô Lượng Phần (Appamañña)**.

Tâm Sở Ngã Mạn (Mānacetasika) chỗ nói rằng phối hợp với **4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến (Ditṭhigatavippayuttacitta)** thường phối hợp bất định, có nghĩa khi nào 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến sinh khởi một cách ngạo mạn, bài giá tử, đó là **Ngạo Mạn (Ahaṃgāha: Bài Giá Tử)** khi đó Tâm Sở Ngã Mạn phối hợp. Khi nào 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến sinh khởi mà không có sự ngạo mạn, là **Ngạo Mạn (Ahaṃgāha: Bài Giá Tử)** khi ấy Tâm Sở Ngã Mạn không có phối hợp. Vì thế, Tâm Sở Ngã Mạn này mới thành **Hữu Thời Tâm Sở (Kadācīcetasika)**.

Tật Đồ (Issā), Lận Sắc (Macchariya), Hối Hận (Kukucca), cả 3 Tâm Sở này đã được đề cập là phối hợp trong **2 Tâm căn Sân (Dosamūlacitta),** thường phối hợp bất định, và cả 3 Tâm Sở này cho dù có cơ hội phối hợp được 2 Tâm căn Sân, cũng phối hợp riêng từng mỗi cái, không cùng nhau. Chỗ phối hợp bất định có nghĩa khi Tâm Sân sinh khởi không có trạng thái đồ kỵ, lận sắc hoặc tâm phiền não, bất luận một thể loại nào thành Cảnh; có thể chỉ có Tâm Sân sinh khởi theo thể loại Cảnh khác, khi ấy Tâm Sân đó bất phối hợp với 3 Tâm Sở này, có thể chỉ có Tâm Sở Sân tự phối hợp. Khi nào Tâm Sân sinh khởi do có sự đồ kỵ thiện công đức của tha nhân, khi ấy Tâm Sân sinh khởi cũng có **Tâm Sở Tật Đồ (Issāceta sika)** vào phối hợp. Lận Sắc, Hối Hận sẽ không vào phối hợp. Khi nào Tâm Sân sinh khởi do có sự lận sắc trong thiện công đức của bản thân, khi ấy Tâm Sân sinh khởi cũng có **Tâm Sở Lận Sắc (Macchariyacetāsika)** vào phối hợp. Tật Đồ, Hối Hận sẽ không vào phối hợp. Khi nào Tâm Sân sinh khởi do có sự tâm phiền trong Ác Hạnh đã tạo tác, hoặc có sự tâm phiền trong Thiện Hạnh không được thực hiện, khi ấy Tâm Sân sinh khởi cũng có **Tâm Sở Hối Hận (Kukuccacetāsika)** vào phối hợp. Tật Đồ và Lận Sắc sẽ không vào phối hợp.

Tâm Sở Hôn Trầm Thụy Miên (Thīnamiddhacetāsika) chỗ nói rằng phối hợp với **5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn (Akusalasasāṅkhārikacitta)** cũng phối hợp được bất định. Thế nhưng khi sát na nào Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn sinh khởi và Tâm Sở Hôn Trầm Thụy Miên có cơ hội vào phối hợp, 2 Tâm Sở này thường luôn cùng nhau phối hợp. Chỗ nói rằng phối hợp được bất định có nghĩa sát na nào Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn sinh khởi, cho dù sẽ là Tâm Hữu Dẫn, thế nhưng tâm thức kiên cường bất thoái sức, khi ấy Hôn Trầm Thụy Miên cũng không vào phối hợp. Nếu như Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn sinh khởi có sự thoái sức, bất kiên cường, Hôn Trầm Thụy Miên cũng vào phối hợp.

3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika) chỗ phối hợp với 16 hoặc 48 Tâm, rằng là **Tâm Sở Bất Định (Aniyatayogīcetasika)** gọi tên là **Bất Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Nānākadācīcetasika:** khác biệt và tùy lúc Tâm Sở), lập ý chỉ lấy **Tâm Sở Ngăn Trừ Phần Hiệp Thế (Lokīyaviratīcetasika)** thôi. Đối với **Tâm Sở Ngăn Trừ Phần Siêu Thế (Lokutta viratīcetasika)** đó là **Nhất Định Đồng Thời Tâm Sở (Niyataekatocetasika)** là phối hợp được nhất định và thường luôn cùng nhau phối hợp. Như **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** trình bày rằng **Viratiyo pana tissopi lokuttaracittesu sabbathāpi niyatā ekatova labbhanti. Lokīyesu pana kāmāvacarakusalesveva kadāci sandissanti viṣum viṣum** dịch nghĩa là 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần khi phối hợp trong Tâm Siêu Thế thường phối hợp được nhất định và cùng nhau, **Nhất Định Đồng Thời (Niyataekato)** - trong vị trí thực hiện chức năng làm người đoạn trừ **Ác Hạnh (Duccarita)** qua việc mưu sinh xấu xa (**Durājīva: Tà Mạng**) thành **đoạn tuyệt (Samuccheda).** Thế nhưng, khi phối hợp trong **Tâm Hiệp Thế (Lokiyacitta),** là nói đến Tâm Đại Thiện thường chỉ thỉnh thoảng phối hợp và không cùng nhau phối hợp.

Việc **3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika)** này phối hợp trong **Tâm Đại Thiện (Mahākusalacitta)** bất định và bất đồng thời, vì khi nào Tâm Đại Thiện sinh khởi do y cứ **Tín (Saddhā), Niệm (Sati), Tuệ (Paññā), Từ Ái (Mettā), Bi Mẫn (Karūṇā), Tùy Hỷ (Muditā)** bất hữu quan với việc diệt trừ **Ác Hạnh (Duccarita)** qua việc mưu sinh xấu xa

(**Durājīva: Tà Mạng**), Tâm Đại Thiện ấy sinh khởi, các Tâm Sở Ngăn Trừ Phần cũng không được phối hợp. Khi nào Tâm Đại Thiện sinh khởi do việc diệt trừ **4 Ngũ Ác Hạnh (Vacīduccarita)** bất hữu quan việc sinh kế, khi ấy **Tâm Sở Chánh Ngũ (Sammāvācāceta sika)** cũng vào phối hợp, Chánh Nghiệp và **Chánh Mạng (Sammāājīva)** cũng không vào phối hợp. Khi nào Tâm Đại Thiện sinh khởi do việc loại trừ **3 Thân Ác Hạnh (Kāya duccarita)** bất hữu quan với việc sinh kế, khi ấy **Tâm Sở Chánh Nghiệp (Sammākam mantacetāsika)** cũng vào phối hợp, Chánh Ngũ, Chánh Mạng cũng không vào phối hợp. Khi nào Tâm Đại Thiện sinh khởi do việc loại trừ **3 Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita)**, **4 Ngũ Ác Hạnh (Vacīduccarita)** có việc sinh kế làm chủ yếu, khi ấy Chánh Mạng cũng vào phối hợp, Chánh Mạng, Chánh Nghiệp cũng không vào phối hợp.

2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika) chỗ nói rằng phối hợp bất định trong 28 Tâm ấy, vì khi nào **Tâm Đại Thiện (Mahākusalacitta)**, **Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ (Mahākriyācitta)** sinh khởi do y cứ **Tín (Saddhā)**, **Niệm (Sati)**, **Tuệ (Paññā)** v.v. không được y cứ Bi Mẫn, Tùy Hỷ, khi ấy **Tâm Đại Thiện (Mahākusalacitta)**, **Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ (Mahākriyācitta)** sinh khởi, Tâm Sở Vô Lượng Phần cũng không vào phối hợp. Khi nào **Tâm Thiền Sắc Giới (Rūpāvacarajhānacitta)** sinh khởi do y cứ việc tu tiến các Nghiệp Xứ khác khác, có **Hoàn Tịnh Nghiệp Xứ (Kasiṇakammaṭṭhāna)** v.v. không được y cứ việc tiến tu **Vô Lượng Nghiệp Xứ (Appamaññākammaṭṭhāna)**, khi ấy Tâm Thiền Sắc Giới sinh khởi, các Tâm Sở Vô Lượng Phần cũng không vào phối hợp. 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần này, cho dù sát na có cơ hội phối hợp với 28 Tâm cũng không cùng nhau phối hợp, là nói đến khi 28 Tâm này sinh khởi do y cứ **Khổ Đau Hữu Tình Chế Định (Dukkhitasatta paññatti)** làm Cảnh hoặc làm Nghiệp Xứ, khi ấy Tâm Sở Bi Mẫn mới vào phối hợp, còn **Tâm Sở Tùy Hỷ (Muditācetasika)** không còn phối hợp. Khi nào 28 Tâm này sinh khởi do y cứ **An Lạc Hữu Tình Chế Định (Sukkhitasattapaññatti)** làm Cảnh hoặc làm Nghiệp Xứ, khi ấy Tâm Sở Tùy Hỷ mới vào phối hợp, thế nhưng **Tâm Sở Bi Mẫn (Karūṇācetasika)** không vào phối hợp được.

PHẦN TỔNG HỢP (SAṄGAHANAYA) TRÌNH BÀY GIẢN LƯỢC NGUYÊN TẮC PHẦN TỔNG HỢP

Chattimsānuttare dhammā Aṭṭhatimsāpi labbhanti Sattavīsati puññamhi Yathāsambhavayogena	Pañcatimsa mahaggate Kāmāvacarasobhaṇe DvādasāHetuketi ca Pañcadhā tattha saṅgaho.

Phần Tổng Hợp là việc tính số lượng Tâm Sở trong 89 hoặc 121 Tâm có 5 trường hợp vừa theo thích hợp phối hợp, đó là:

Trong Tâm Siêu Thế có Tâm Sở phối hợp được 36, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần). Trong Tâm Đáo Đại có Tâm Sở phối hợp được 35, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần). Trong Tâm Dục Giới Tịnh Hảo có Tâm Sở phối hợp được 38, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 25 Tâm Sở

Tịnh Hào. Trong Tâm Bất Thiện có Tâm Sở phối hợp được 27, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 14 Tâm Sở Bất Thiện. Trong Tâm Vô Nhân có Tâm Sở phối hợp được 12, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm Sở Dục).

LỜI GIẢI THÍCH

Câu kệ này trình bày Phần Phối Hợp một cách giản lược, nhằm để cho các học viên nắm giữ làm căn bản trước, rồi tiếp nối sẽ trình bày ý nghĩa trong Phần Phối Hợp một cách quảng nghĩa.

PHÂN TÍCH 27 TÂM SỞ THEO 12 TÂM BẤT THIỆN (SATTAVĪSATI APUÑÑAMHI – 27 PHI PHÚC)

1. Tâm căn Tham thứ 1 có 19 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tợ Tha, 4 Si Phần, Tham, Tà Kiến.
2. Tâm căn Tham thứ 2 có 21 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tợ Tha, 4 Si Phần, Tham, Tà Kiến, 2 Hôn Phần.
3. Tâm căn Tham thứ 3 có 19 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tợ Tha, 4 Si Phần, Tham, Ngã Mạn.
4. Tâm căn Tham thứ 4 có 21 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tợ Tha, 4 Si Phần, Tham, Ngã Mạn, 2 Hôn Phần.
5. Tâm căn Tham thứ 5 có 18 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, Tham, Tà Kiến.
6. Tâm căn Tham thứ 6 có 20 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, Tham, Tà Kiến, 2 Hôn Phần.
7. Tâm căn Tham thứ 7 có 18 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, Tham, Ngã Mạn.
8. Tâm căn Tham thứ 8 có 20 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, Tham, Ngã Mạn, 2 Hôn Phần.
9. Tâm căn Sân thứ 1 có 20 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, 4 Sân Phần.
10. Tâm căn Sân thứ 2 có 22 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, 4 Sân Phần, 2 Hôn Phần.
11. Tâm căn Si thứ 1 có 15 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tợ Tha (trừ Thắng Giải, Hỷ, Dục), 4 Si Phần, Hoài Nghi.
12. Tâm căn Si thứ 2 có 15 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục), 4 Si Phần.

KỆ TRÌNH BÀY 7 PHẦN TỔNG HỢP TRONG 12 TÂM BẤT THIỆN (AKUSALACITTA 12)

Ekūnavīsattḥārasa

Vīsekavīsa vīsati

Dvāvīsa pannaraseti

Sattadhākusale tḥitā.

Trong 12 Tâm Bất Thiện có 7 Phần Tổng Hợp, là:

Số lượng 19 Tâm Sở phối hợp trong Vô Dẫn thứ 1 với thứ 2, tính 1 phần.

Số lượng 18 Tâm Sở phối hợp trong Vô Dẫn thứ 3 với thứ 4, tính 1 phần.

Số lượng 20 Tâm Sở phối hợp trong Vô Dẫn thứ 5, tính 1 phần.

Số lượng 21 Tâm Sở phối hợp trong Hữu Dẫn thứ 1 với thứ 2, tính 1 phần.

Số lượng 20 Tâm Sở phối hợp trong Hữu Dẫn thứ 3 với thứ 4, tính 1 phần.

Số lượng 22 Tâm Sở phối hợp trong Hữu Dẫn thứ 5, tính 1 phần.

Số lượng 15 Tâm Sở phối hợp trong 2 Tâm căn Si, tính 1 phần.

**KỆ TRÌNH BÀY 14 TÂM SỞ BẤT THIỆN BIẾN HÀNH
(SABBĀKUSALAYOGĪCETASIKA) LÀ TÂM SỞ PHỐI HỢP
TRONG TẤT CẢ 12 TÂM BẤT THIỆN**

Sādhāranā ca cattaro

Samānā ca dasāpare

Cuddase te pavuccanti

Sabbākusalayogino.

4 Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành (Tứ Si Phần), 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Thắng Giải, Hỷ, Dục) gom 14 Tâm Sở này Ngài gọi là **Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành (Sabbākusalayogīceta sika)**, là Tâm Sở phối hợp được trong tất cả 12 Tâm Bất Thiện.

PHÂN TÍCH 12 TÂM SỞ THEO 18 TÂM VÔ NHÂN (DVĀDASĀHETUKA)

10 Tâm Ngũ Song Thức có 7 Tâm Sở phối hợp, là 7 Tâm Sở Biến Hành.

2 Tâm Tiếp Thâu, 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 1 Tâm Khai Ngũ Môn gom 5 Tâm có 10 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Càn, Hỷ, Dục).

Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ có 11 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Càn, Dục).

Tâm Khai Ý Môn có 11 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục).

Tâm Tiểu Sinh có 12 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Dục).

KỆ TRÌNH BÀY 4 PHẦN TỔNG HỢP TRONG 18 TÂM VÔ NHÂN

Dvādashakādasā dasa

Satta cāti catubbidho

AṭṭhārasāHetukesu

Cattuppādesu saṅgaho

Trong **18 Tâm Vô Nhân (Ahetukacitta)** có 4 Phần Tổng Hợp là:

Số lượng 12 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Tiểu Sinh, tính 1 phần. Số lượng 11 Tâm Sở phối hợp trong Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ với Tâm Khai Ý Môn, tính 1 phần. Số lượng 10 Tâm Sở phối hợp trong 3 Ý Giới với 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, tính 1 phần. Số lượng 7 Tâm Sở phối hợp trong 10 Tâm Ngũ Song Thức, tính 1 phần.

PHÂN TÍCH 38 TÂM SỞ THEO 24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO (AṬṬHATIṢSĀPI LABBHANTI KĀMĀVACARASOBHANE)

Tâm Đại Thiện thứ 1 với thứ 2 có 38 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm Đại Thiện thứ 3 với thứ 4 có 37 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 24 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Trí Tuệ).

Tâm Đại Thiện thứ 5 với thứ 6 có 37 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm Đại Thiện thứ 7 với thứ 8 có 36 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 24 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tuệ Quyền).

Khi tính số lượng Tâm Sở phối hợp trong tất cả Tâm Đại Thiện có 38.

Tâm Đại Quả thứ 1 với cái thứ 2 có 33 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, và 1 Trí Tuệ.

Tâm Đại Quả thứ 3 với thứ 4 có 32 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành.

Tâm Đại Quả thứ 5 với thứ 6 có 32 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, 1 Trí Tuệ.

Cái Tâm Đại Quả thứ 7 với thứ 8 có 31 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành.

Khi tính số lượng Tâm Sở phối hợp trong tất cả Tâm Đại Quả có 33.

Tâm Đại Duy Tác thứ 1 với thứ 2 có 35 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần).

Tâm Đại Duy Tác thứ 3 với thứ 4 có 34 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 21 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần, 1 Trí Tuệ).

Tâm Đại Duy Tác thứ 5 với thứ 6 có 34 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần).

Tâm Đại Duy Tác thứ 7 với thứ 8 có 33 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 21 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tam Ngăn Trừ Phần, 1 Trí Tuệ).

Khi tính số lượng Tâm Sở phối hợp trong tất cả Tâm Đại Duy Tác có 35.

KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY 12 PHẦN TỔNG HỢP TRONG 24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO (KĀMĀVACARASOBHĀNACITTA 24)

**Aṭṭhatim̐sa sattatim̐sa
Pañcatim̐sa catuttim̐sa
Tettim̐sa pāke bāttim̐sa
Sahetukāmāvacara**

**Dvayaṃ chattim̐sakaṃ subhe
Dvayaṃ tettim̐sakaṃ kriye
Dvayekatim̐sakaṃ bhave
Puññāpākakriyāmane**

Trong các Tâm Thiện Dục Giới, Dị Thực Tâm Quả Dục Giới Hữu Nhân, Tâm Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân ấy, đối với trong 8 Tâm Thiện Dục Giới có 4 Phần Tổng Hợp là:

Số lượng 38 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ 1 với thứ 2, tính 1 phần. Số lượng 37 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ 3 thứ 4, và thứ 5 với thứ 6, tính thành 2 phần. Số lượng 36 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ 7 với thứ 8, tính 1 phần.

Trong 8 Tâm Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân có 4 Phần Tổng Hợp là:

Số lượng 35 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ 1 với thứ 2, tính 1 phần. Số lượng 34 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ 3 với thứ 4, và thứ 5 với thứ 6, tính thành 2 phần. Số lượng 33 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ 7 với thứ 8, tính 1 phần.

Trong 8 Tâm Dị Thực Quả Dục Giới Hữu Nhân có 4 Phần Tổng Hợp là:

Số lượng 33 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ 1 với thứ 2, tính 1 phần. Số lượng 32 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ 3 với thứ 4, và thứ 5 với thứ 6, tính thành 2 phần. Số lượng 31 Tâm Sở phối hợp trong Tâm thứ 7 với thứ 8, tính 1 phần.

PHÂN TÍCH 35 TÂM SỞ THEO 27 TÂM ĐÁO ĐẠI (PAÑCATIṂSA MAHAGGATE)

3 Tâm Sơ Thiện có 35 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần).

3 Tâm Nhị Thiện có 34 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm), 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần).

3 Tâm Tam Thiện có 33 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ), 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần).

3 Tâm Tứ Thiện có 32 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ), 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần).

15 Tâm Ngũ Thiện có 30 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ), 20 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Ngăn Trừ Phần, 2 Vô Lượng Phần).

KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY 5 PHẦN TỔNG HỢP TRONG 27 TÂM ĐÁO ĐẠI

Pañcatim̐sa catuttim̐sa

Bāttim̐sa ceva tim̐seti

Tettim̐sa ca yathākkamaṃ

Pañcadhāva mahaggate

Trong 27 Tâm Đáo Đại có 5 Phần Tổng Hợp là:

Số lượng 35 Tâm Sở phối hợp trong 3 Tâm Sơ Thiện, tính 1 phần.

Số lượng 34 Tâm Sở phối hợp trong 3 Tâm Nhị Thiện, tính 1 phần.

Số lượng 33 Tâm Sở phối hợp trong 3 Tâm Tam Thiện, tính 1 phần.

Số lượng 32 Tâm Sở phối hợp trong 3 Tâm Tứ Thiện, tính 1 phần.

Số lượng 30 Tâm Sở phối hợp trong 15 Tâm Ngũ Thiện, tính 1 phần.

PHÂN TÍCH 36 TÂM SỞ THEO 40 TÂM SIÊU THỂ

(CHATTIṢSĀNUTTARE DHAMMĀ)

8 Tâm Sơ Thiền có 36 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Vô Lượng Phần).

8 Tâm Nhị Thiền có 35 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm), 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Vô Lượng Phần).

8 Tâm Tam Thiền có 34 Tâm Sở phối hợp, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm, Tứ), 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Vô Lượng Phần).

8 Tâm Tứ Thiền và 8 Tâm Ngũ Thiền có 33 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm, Tứ, Hỷ), 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Vô Lượng Phần).

KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY 5 PHẦN TỔNG HỢP TRONG 40 TÂM SIÊU THỂ

**Chattiṣsa pañcatīṣā ca
Tettiṣsa dvayamiccevaṃ**

**Catuttiṣsa yathākkamaṃ
Pañcadhānuttare thitā.**

Trong 40 Tâm Siêu Thể có 5 Phần Tổng Hợp là:

Số lượng 36 Tâm Sở phối hợp trong 8 Tâm Sơ Thiền, tính 1 phần. Số lượng 35 Tâm Sở phối hợp trong 8 Tâm Nhị Thiền, tính 1 phần. Số lượng 34 Tâm Sở phối hợp trong 8 Tâm Tam Thiền, tính 1 phần. Số lượng 33 Tâm Sở phối hợp trong 8 Tâm Tứ Thiền và 8 Tâm Ngũ Thiền, tính thành 2 phần.

TRÌNH BÀY SỰ KHÁC BIỆT CỦA TÂM SỞ THỌ PHỐI HỢP VỚI CẢ 5 TÂM THIỀN

Tâm Sở Thọ phối hợp từ Tâm Sơ Thiền cho đến Tâm Tứ Thiền là **Hỷ Thọ (Soma nassavedanā)**. Tâm Sở Thọ phối hợp với Tâm Ngũ Thiền là **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)**.

KỆ TRÌNH BÀY TÂM SỞ TỊNH HẢO BẤT PHỐI HỢP VỚI MỘT VÀI PHẦN TÂM TỊNH HẢO

**Na vijjantettha viratī
Anuttare appamaññā**

**Kriyesu ca mahaggate
Kāmapāke dvayaṃ tathā**

Trong số lượng 91 Tâm Tịnh Hảo, đối với Tâm Đại Duy Tác và Tâm Đáo Đại, Tâm Sở Ngăn Trừ Phần thường bất phối hợp. Trong Tâm Siêu Thể, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần thường bất phối hợp. Còn Tâm Đại Quả, cả 3 **Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika)** và 2 **Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika)** thường bất phối hợp.

TRÌNH BÀY NGUYÊN NHÂN 3 TÂM SỞ NGĂN TRỪ PHẦN BẤT PHỐI HỢP VỚI TÂM ĐẠI QUẢ VÀ TÂM ĐẠI DUY TÁC

3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika) sinh khởi vì sự diệt trừ **Ác Hạnh (Duccarita)** hiện hữu **nhất thời (Tadaṅga)** trong **Hiệp Thế (Lokiya)**, thường là **Pháp Chủng Thiện (Kusalajāti)**, sẽ không thể là **Pháp Chủng Dị Thục Quả (Vipākajāti)** hoặc **Pháp Chủng Duy Tác (Kriyājāti)** được. Do nguyên nhân này, **3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika)** mới bất phối hợp với Tâm Đại Quả và Tâm Đại Duy Tác.

TRÌNH BÀY NGUYÊN NHÂN 3 TÂM SỞ NGĂN TRỪ PHẦN BẤT PHỐI HỢP VỚI TÂM ĐÁO ĐẠI

Những Tâm Thiện và Duy Tác Đáo Đại này thường sinh khởi do y cứ **Chuẩn Bị Định (Parikammasamādhī)**, **Cận Hành Định (Upacārasamādhī)** khởi sinh từ **Chuẩn Bị Tu Tập (Parikammabhāvanā)**, **Cận Hành Tu Tập (Upacarābhāvanā)** có **Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhāna)** làm Cảnh, không phải sinh khởi do y cứ sự diệt trừ **Ác Hạnh (Duccarita)**, cần phải có **Đề Mục Tiết Chế Vật (Viramittabbavatthu)** làm Cảnh bất luận trường hợp. Đối với Tâm Quả Đáo Đại thường là quả của Tâm Thiện Đáo Đại, nên cần phải hiện hành theo Tâm Thiện Đáo Đại với mọi trường hợp.

TRÌNH BÀY TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN BẤT PHỐI HỢP VỚI TÂM ĐẠI QUẢ VÀ TÂM SIÊU THỂ

2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika) là việc lân mẫn và việc hỷ duyệt đối với chúng hữu tình đang thụ lãnh sự khổ đau và sự an lạc. Pháp chủng của sự lân mẫn hoặc hỷ duyệt đối với tha nhân sẽ cần phải có **Chúng Sinh Chế Định (Sattapaññatti)** làm Cảnh. Đối với Tâm Đại Quả ấy sẽ sinh khởi được cũng phải y cứ **Siêu Lý (Paramattha)** ở phần **Cảnh Dục Giới (Kāmaārammaṇa)** và **Tâm Siêu Thể (Lokuttaracitta)** sẽ sinh khởi được cũng phải y cứ **Níp Bàn (Nibbāna)** làm Cảnh, chẳng phải có **Chúng Sinh Chế Định (Sattapaññatti)** làm Cảnh, vì thế **2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika)** thường bất phối hợp trong Tâm Đại Quả và Tâm Siêu Thể.

KỆ TRÌNH BÀY TÂM SỞ LÀM CHO TÂM KHÁC BIỆT NHAU

Anuttare jhānadhammā

Viratī ñāṇapīti ca

Appamaññā ca majjhime

Parittesu viśesakā

Cả 5 Chi Thiên Định trong Tâm Siêu Thể là Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhứt Thống thường làm cho Tâm Siêu Thể khác biệt nhau.

Trong Tâm Đáo Đại, cả **2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika)** và cả 5 Chi Thiên Định thường làm cho khác biệt nhau.

Trong Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, **3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika)**, **Tâm Sở Tuệ Quyền (Paññindriyācetasika)**, **Tâm Sở Hỷ (Pīcetasika)**, **2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika)** thường làm cho khác biệt nhau.

LỜI GIẢI THÍCH

Cả 5 Chi Thiên Định trong Tâm Siêu Thế làm cho khác biệt nhau ấy là **Tâm Sở Tầm (Vitakkacetāsika)** làm cho Tâm Sơ Thiên khác biệt với các Tâm Thiên khác ở phần còn lại. **Tâm Sở Tứ (Vicāracetāsika)** làm cho Tâm Nhị Thiên khác biệt với 3 Tâm Thiên còn lại, có Tâm Tam Thiên v.v. **Tâm Sở Hỷ (Pīticetāsika)** làm cho Tâm Tam Thiên khác biệt với Tâm Tứ Thiên và Tâm Ngũ Thiên. **Lạc Thọ (Sukhavedanā)** làm cho Tâm Tứ Thiên khác biệt với Tâm Ngũ Thiên. **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)** làm cho Tâm Ngũ Thiên khác biệt với 4 Tâm Thiên còn lại.

Trong Tâm Đáo Đại, 2 **Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetāsika)** làm cho 12 Tâm Đáo Đại, là Tâm Sơ Thiên cho đến Tâm Tứ Thiên khác biệt với 15 Tâm Ngũ Thiên. Còn cả 5 Chi Thiên Định thường làm cho Tâm Đáo Đại khác biệt cũng tương tự với trong Tâm Siêu Thế.

Trong Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 3 **Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetāsika)** làm cho Tâm Đại Thiện khác biệt với Tâm Đại Quả và Tâm Đại Duy Tác. **Tâm Sở Tuệ Quyền (Paññindriyacetāsika)** làm cho **Tâm Tương Ứng Trí (Ñāṇasamapayuttacitta)** khác biệt với **Tâm Bất Tương Ứng Trí (Ñāṇavippayuttacitta)**. **Tâm Sở Hỷ (Pīticetāsika)** làm cho **Tâm Câu Hành Hỷ (Somanassasahagatacitta)** khác biệt với **Tâm Câu Hành Xả (Upekkhā sahagatacitta)**. 2 **Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetāsika)** làm cho Tâm Đại Thiện, Tâm Đại Duy Tác khác biệt với Tâm Đại Quả.

TRÌNH BÀY HỖN HỢP HAI PHẦN (TADUBHAYAMISSAKANAYA = TAD + UBHĀYA + MISSAKA + NAYA) LÀ PHẦN PHỐI HỢP (SAMPAYOGA) VÀ PHẦN TỔNG HỢP (SAṄGAHA) KẾT HỢP NHAU TRONG NHÓM TÂM SỞ TỌ THA (AÑÑASAMĀNARĀSĪ)

Xúc (Phassa) có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình), vì khi đề cập theo **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)**, Xúc này phối hợp trong tất cả Tâm. Trong tất cả Tâm mà Xúc phối hợp được đây, khi đề cập theo **Phần Tổng Hợp (Saṅghanaya)** thường có 52 Tâm Sở phối hợp vừa theo thích hợp (kể cả Xúc), vì thế Tâm Sở phối hợp được với Xúc mới có 51 (trừ chính mình). Các Tâm Sở Biến Hành khác còn lại cũng hiện hành cùng một phương thức này:

Thọ (Vedanā) có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

Tưởng (Saññā) có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

Tư (Cetanā) có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

Nhất Thống (Ekaggatā) có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

Mạng Quyền (Jīvitindriya) có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

Tác Ý (Manasikāra) có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

Tầm (Vitakka) có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình) vì khi đề cập theo **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)**, **Tâm Sở Tầm (Vitakkacetāsika)** này phối hợp với 55 Tâm. Trong

55 Tâm này, khi đề cập theo **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)** thường có 52 Tâm Sở phối hợp vừa theo thích hợp, vì thế Tâm Sở mà phối hợp với Tâm mới có được 51 (trừ chính mình). 5 Tâm Sở Biệt Cảnh khác còn lại chính thị cũng hiện hành cùng một phương thức theo **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** và theo **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)**, là:

Tứ (Vicāra) có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

Thăng Giải (Adhimokkha) có 50 Tâm Sở phối hợp (trừ Hoài Nghi và chính mình).

Cần (Vīriya) có 51 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

Hỷ (Pīti) có 46 Tâm Sở phối hợp (trừ 4 Sân Phần, 1 Hoài Nghi, và chính mình).

Dục (Chanda) có 50 Tâm Sở phối hợp (trừ 1 Hoài Nghi, và chính mình).

TRONG NHÓM BÁT THIỆN (AKUSALARĀSĪ)

Si (Moha) có 26 Tâm Sở phối hợp là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 13 Tâm Sở Bát Thiện (trừ chính mình), vì khi đề cập theo **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)**, Si này phối hợp trong tất cả Tâm Bát Thiện. Trong tất cả Tâm Bát Thiện mà Si phối hợp được đây, khi đề cập theo **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)** thường có 27 Tâm Sở phối hợp vừa theo thích hợp, vì thế Tâm Sở phối hợp được với Si mới có 26 (trừ chính mình). 3 Tâm Sở Si Phần còn lại cũng hiện hành trong cùng một phương thức này, là:

Vô Tàm (Ahirika) có 26 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

Vô Quý (Anottappa) có 26 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

Trạo Cử (Uddhacca) có 26 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

Tham (Lobha) có 21 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 8 Tâm Sở Bát Thiện (trừ 4 Sân Phần, 1 Hoài Nghi, và chính mình), vì khi đề cập theo **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)**, Tâm Sở Tham này phối hợp trong 8 Tâm căn Tham. Trong 8 Tâm căn Tham này, khi đề cập theo **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)** thường có 22 Tâm Sở phối hợp vừa theo thích hợp, vì thế Tâm Sở phối hợp được với Tham mới có 21 Tâm Sở (trừ chính mình). 2 Tâm Sở Tham Phần còn lại cũng hiện hành trong cùng một phương thức này, là:

Tà Kiến (Ditṭhi) có 20 Tâm Sở phối hợp (trừ Ngã Mạn và chính mình).

Ngã Mạn (Māna) có 20 Tâm Sở phối hợp (trừ Tà Kiến và chính mình).

Sân (Dosa) có 21 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 9 Tâm Sở Bát Thiện (trừ 3 Tham Phần, 1 Hoài Nghi, và chính mình), vì khi đề cập theo **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)**, Tâm Sở Sân này phối hợp trong 2 Tâm căn Sân. Trong 2 Tâm căn Sân mà Tâm Sở Sân phối hợp được đây, khi đề cập theo **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)** thường có 22 Tâm Sở phối hợp, vì thế Tâm Sở phối hợp được với Sân mới có 21 (trừ chính mình).

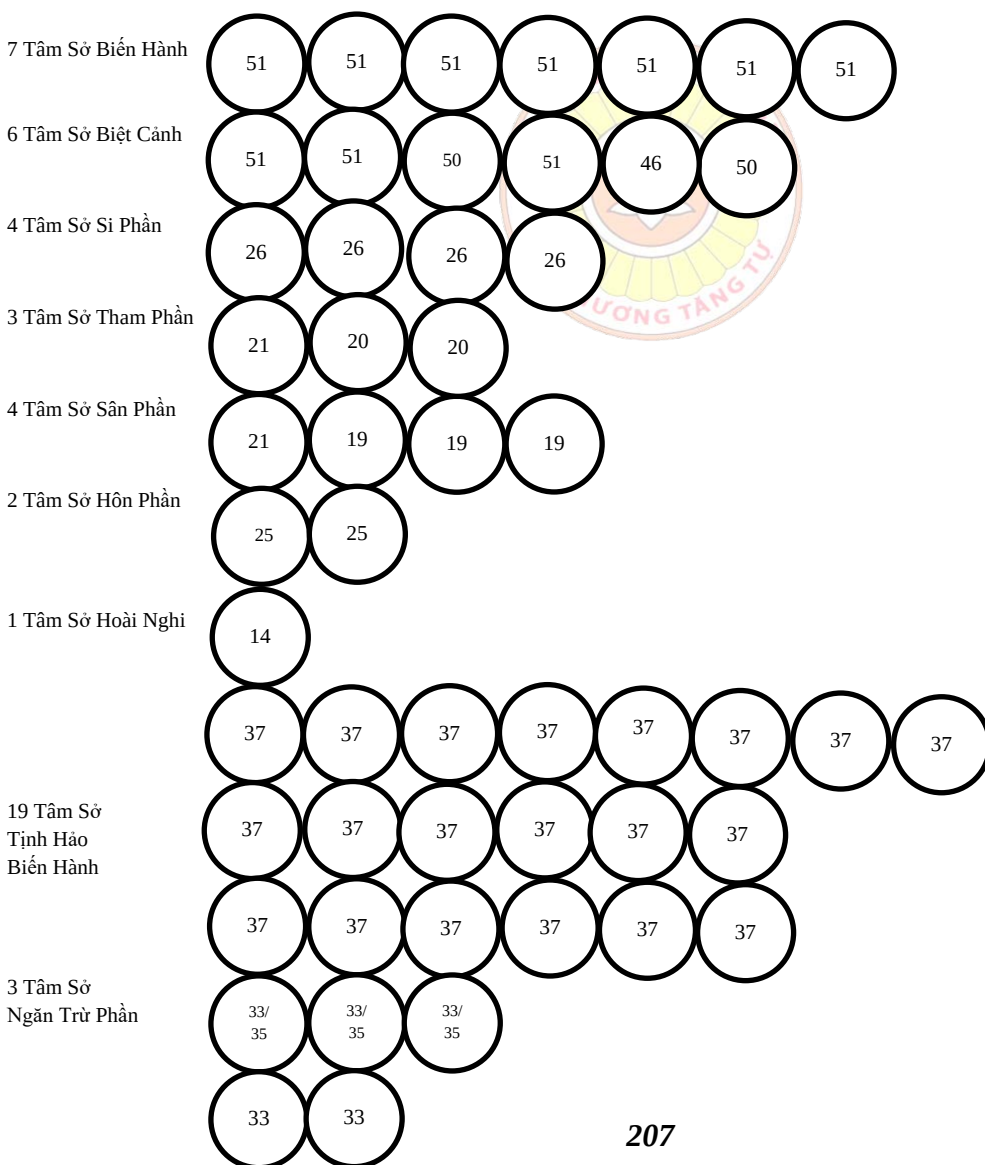
3 Tâm Sở **Tật Đồ (Issā)**, **Lận Sắc (Macchariya)**, **Hối Hận (Kukkucca)** này, mỗi Tâm Sở có 19 Tâm Sở phối hợp, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, 1 Sân, 2 Hôn Phần. 3 Tâm Sở này khi đề cập theo **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** thường phối hợp với 2 Tâm căn Sân, cũng tương tự như Tâm Sở Sân vậy, vì thế số lượng Tâm Sở phối hợp cũng hẳn sẽ là 21 Tâm Sở (trừ chính mình) tương tự như nhau. Thế nhưng, số lượng Tâm Sở phối hợp được riêng từng mỗi Tâm Sở sẽ là 19 Tâm Sở ấy, cũng vì 3 Tâm Sở này là **Bất Đồng Hữu**

Thời Tâm Sở (Nānakadācīcetasika): khác biệt và tùy lúc Tâm Sở), không sinh cùng với nhau, vì thế Tâm Sở phối hợp được với 3 Tâm Sở này mới có từng mỗi Tâm Sở là 19 Tâm Sở.

2 Tâm Sở Hôn Phần (Thīdukacetāsika): từng mỗi Tâm Sở có 22 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 12 Tâm Sở Bất Thiện (trừ Hoài Nghi và chính mình), vì khi đề cập theo **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** 2 Tâm Sở này phối hợp trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn. Trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn này, khi đề cập theo **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)** có 26 Tâm Sở phối hợp, vì thế Tâm Sở phối hợp với 2 Hôn Phần này, từng mỗi Tâm Sở mới có được 25 Tâm Sở (trừ chính mình).

1 Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchācetasika) có 14 Tâm Sở phối hợp, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Thắng Giải, Hỷ, Dục), 4 Si Phần, gom thành 14 Tâm Sở.

HỖN HỢP 2 PHẦN (TADUBHAYAMISSAKANAYA)



TRONG NHÓM TỊNH HẢO (SOBHAṆARĀSĪ)

19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāranacetāsika) có 37 Tâm Sở phối hợp theo từng mỗi Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 24 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ chính mình).

3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Vīratīcetasika) ở phần **Hiệp Thế (Lokiya)** có 33 Tâm Sở phối hợp theo từng mỗi Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, 1 Trí Tuệ. **3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần Hiệp Thế (Lokiyavīratīcetasika)** này phối hợp trong Tâm Đại Thiện, trong Tâm Đại Thiện có 38 Tâm Sở phối hợp, thế nhưng **3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Vīratīcetasika)** này với mỗi Tâm có Tâm Sở phối hợp chỉ có 33, cũng vì **3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika)** và **2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika)** gom 5 Tâm Sở này, không câu sinh với nhau được mới phải loại trừ đi.

3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Vīratīcetasika) ở phần **Siêu Thế (Lokuttara)** có 35 Tâm Sở phối hợp theo từng mỗi Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, 2 Ngăn Trừ Phần (trừ chính mình), 1 Trí Tuệ. Đối với **3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần Siêu Thế (Lokuttaravīratīcetasika)** này thường phối hợp được nhất định và câu sinh nhau, gọi tên là **Nhất Định Đồng Thời (Niyataekato)**. Trong Tâm Siêu Thế này có 36 Tâm Sở, vì thế **Tâm Sở Ngăn Trừ Phần Siêu Thế** mới có 35 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình) theo từng mỗi Tâm Sở.

2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika) có 33 Tâm Sở phối hợp theo từng mỗi Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh hảo Biến Hành, 1 Trí Tuệ. **2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika)** này phối hợp trong 28 Tâm Tịnh Hảo, có 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, và 12 Tâm Sắc Giới Hỷ Thọ. Trong 28 Tâm Tịnh Hảo ấy có 38 Tâm Sở phối hợp, thế nhưng trong từng mỗi **Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika)** phối hợp chỉ có 33, cũng vì **3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika)** và **2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika)** gom 5 Tâm Sở này, không câu sinh với nhau được mới phải loại trừ đi, như đã đề cập ở trong Ngăn Trừ Phần Hiệp Thế rồi vậy.

Tâm Sở Trí Tuệ (Paññācetasika) có 37 Tâm Sở phối hợp, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 24 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ chính mình), vì khi đề cập theo **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** Trí Tuệ này phối hợp trong tất cả **Tâm Tương Ứng Trí (Ñāṇasampayuttacitta)**. **Tâm Tương Ứng Trí (Ñāṇasampayuttacitta)** ấy có 38 Tâm Sở phối hợp, vì thế Trí Tuệ mới có 37 Tâm Sở phối hợp (trừ chính mình).

KỆ TRÌNH BÀY MỘT CÁCH QUẢNG NGHĨA SỐ LƯỢNG 3, 426 TÂM SỞ

Itthaṃ cittāviyuttānaṃ
Ñatvā bhedaṃ yathāyogaṃ

Sampayogañca saṅgahaṃ
Cittena samamuddise

Các học viên khi liễu giải **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** và **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)** của Tâm Sở phối hợp với Tâm một cách thông thường theo Phần đã đề cập đến rồi, tiếp theo là phần trình bày số lượng Tâm Sở ngang bằng với Tâm vừa theo thích hợp phối hợp, như sau:

LỜI GIẢI THÍCH

Kệ này trình bày phương pháp tính Tâm Sở một cách quảng nghĩa theo **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** và **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)** một cách tóm tắt là Tâm Sở nào phối hợp với Tâm được bao nhiêu Tâm thì tính Tâm Sở ấy có số lượng bằng với số lượng Tâm mà Tâm Sở ấy phối hợp được, tức là:

7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetāsika), thế nhưng từng mỗi Tâm Sở phối hợp được tất cả Tâm, vì thế mỗi Tâm Sở Biến Hành mới có số lượng bằng với tất cả Tâm, đó là mỗi Tâm Sở có 121. **Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetāsika)** hiện hữu 7 Tâm Sở mới thành tổng số lượng **Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetāsika)** là 847 ($121 \times 7 = 847$ **Tâm Sở Biến Hành**).

Cả 6 Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetāsika) có tổng số lượng là 488 Tâm Sở, là 55 Tầm, 66 Tứ, 110 Thắng Giải, 105 Cần, 51 Hỷ, 101 Dục, gom thành tổng số **Tâm Sở Tợ Tha** là 1,335 ($847 + 488 = 1,335$ **Tâm Sở Tợ Tha**).

14 Tâm Sở Bất Thiện (Akusalacetāsika) có tổng số lượng là 83 Tâm Sở, là 48 Si Phần, 16 Tham Phần, 8 Sân Phần, 10 Hôn Phần, 1 Hoài Nghi, gom thành tổng số lượng **Tâm Sở Bất Thiện** là 83.

25 Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇacetāsika) là 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, thế nhưng từng mỗi Tâm Sở phối hợp với tất cả 91 Tâm Tịnh Hảo, mới có số lượng 1,729 ($91 \times 19 = 1,729$ **Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành**). 3 Ngăn Trừ Phần, thế nhưng từng mỗi Tâm Sở phối hợp với 48 Tâm, mới có số lượng 144. 2 Vô Lượng Phần, từng mỗi Tâm Sở phối hợp được 28 Tâm, mới có số lượng là 56 Tâm Sở. Tâm Sở Trí Tuệ phối hợp với 79 Tâm, mới có số lượng 79 Tâm Sở, gom thành tổng số lượng là **2,008 Tâm Sở Tịnh Hảo**.

Tổng kết Tâm Sở có 3, 426. ($1,335 + 83 + 1,729 + 144 + 56 + 79 = 3,426$ **Tâm Sở**).

GIẢI THÍCH ĐẶC BIỆT TRONG TÂM SỞ SIÊU LÝ (CETASIKAPARAMATTHA) Ý NGHĨA CỦA 52 TÂM SỞ (CETASIKA) THEO THUẬN TỰ

Ý NGHĨA CỦA 13 TÂM SỞ TỢ THA (AÑÑASAMĀNACETASIKA 13) 7 TÂM SỞ BIẾN HÀNH (SABBACITTASĀDHĀRAṆACETASIKA 7)

Xúc (Phassa): Pháp chủng tiếp xúc Cảnh.

Thọ (Vedanā): Pháp chủng thụ hưởng Cảnh.

Tưởng (Saññā): Pháp chủng ký ức Cảnh.

Tư (Cetanā): Pháp chủng đôn thúc và khuyến đạo Pháp tương ưng trong Cảnh để cho thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Nhất Thống (Ekaggatā): Pháp chủng an định và cho Pháp tương ưng hiện hữu duy nhất trong một Cảnh.

Mạng Quyền (Jīvitindriya): Pháp chủng bảo hộ Pháp tương ưng.

Tác Ý (Manasikāra): Pháp chủng lập tâm và dẫn đạo Pháp tương ưng đến Cảnh.

6 TÂM SỞ BIỆT CẢNH (PAKINŃAKACETASIKA 6)

Tầm (Vitakka): Pháp chủng đưa Pháp tương ưng đi đến Cảnh, là tư khảo Cảnh.

Tứ (Vicāra): Pháp chủng có việc ôm ấp phủ lấy Cảnh.

Thắng Giải (Adhimokkha): Pháp chủng phán đoán Cảnh.

Cần (Viriya): Pháp chủng có sự cần miến trong Cảnh.

Hỷ (Pīti): Pháp chủng có sự tán mỹ hỷ duyệt trong Cảnh.

Dục (Chanda): Pháp chủng dục cầu Cảnh.

Ý NGHĨA CỦA 14 TÂM SỞ BẤT THIỆN (AKUSALACETASIKA 14)

4 TÂM SỞ SI PHẦN (MOCATUKACETASIKA 4)

Si (Moha): Pháp chủng che đậy chân thực tính của Cảnh, là sự ngộ giải.

Vô Tàm (Ahirika): Pháp chủng không có sự hổ thẹn đối với Ác Hạnh.

Vô Quý (Anottappa): Pháp chủng không có sự ghê sợ đối với Ác Hạnh.

Trạo Cử (Uddhacca): Pháp chủng tâm thần bất định, tâm viên ý mã, là tiếp thâu Cảnh bất kiên định.

3 TÂM SỞ THAM PHẦN (LOTIKACETASIKA 3)

Tham (Lobha): Pháp chủng có sự nhu cầu và mê luyến trong Cảnh dục trần (Kāma guṇārammaṇa).

Tà Kiến (Diṭṭhi): Pháp chủng có sự thấy sai trong Cảnh.

Ngã Mạn (Māna): Pháp chủng có sự ngạo mạn, bài giá tử.

4 TÂM SỞ SÂN PHẦN (DOCATUKACETASIKA 4)

Sân (Dosa): Pháp chủng làm nguy hại trong Cảnh.

Tật Đồ (Issā): Pháp chủng có sự bất mãn ý trong tài sản hoặc thiện công đức của tha nhân.

Lận Sắc (Macchhariya): Pháp chủng có sự cực độ ái tích về của cải tài vật hoặc thiện công đức của bản thân.

Hối Hận (Kukucca): Pháp chủng có sự tâm phiền trong Ác Hạnh đã tạo tác, và trong Thiện Hạnh chưa được thực hiện.

2 TÂM SỞ HÔN PHẦN (THIDUKACETASIKA 2)

Hôn Trầm (Thīna): Pháp chủng làm cho Tâm trì đốn thoái sức với Cảnh.

Thụy Miên (Middha): Pháp chủng làm cho Tâm Sở trì đốn thoái sức với Cảnh.

1 TÂM SỞ HOÀI NGHI (VICIKICCHĀCETASIKA 1)

Hoài Nghi (Vicikicchā): Pháp chủng có sự hoài nghi, bất hạ định quyết tâm, là phê phán trong Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng v.v.

Ý NGHĨA CỦA 25 TÂM SỞ TỊNH HẢO (SOBHAṆACETASIKA 25)

19 TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH (SOBHAṆASĀDHĀRAṆACETASIKA 19)

Tín (Saddhā): Pháp chủng có sự tương tín và tín phụng trong Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng theo sự xác tín, tương tín trong Nghiệp Lực và Hệ Quả của Nghiệp Lực.

Niệm (Sati): Pháp chủng có sự ký ức trong Cảnh liên quan với **Thiện Pháp (Kusala dhamma)**, có Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng v.v. **(1)**

Tàm (Hiri): Pháp chủng có sự yếm ố và tàm quý đối với công việc ở phần Ác Hạnh.

Quý (Ottappa): Pháp chủng có sự kinh hãi úy cù đối với công việc ở phần Ác Hạnh.

Vô Tham (Alobha): Pháp chủng bất tương đắc đáo, và không dính mắc trong **Cảnh dục trần (Kāmaguṇārammaṇa)**.

Vô Sân (Adosa): Pháp chủng bất nguy hại trong Cảnh.

Trung Gian (Tatramajjhataṭṭā): Pháp chủng làm cho Tâm và Tâm Sở quân bình trong mỗi sự việc của mình, không có việc tăng giảm.

Thân An Tĩnh (Kāyapassaddhi): Pháp chủng có sự an tịnh của 3 **Uẩn Tâm Sở (Khandhacetasika)** trong phần Thiện Hạnh.

Tâm An Tĩnh (Cittapassaddhi): Pháp chủng có sự an tịnh của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Khinh Khoái (Kāyalahutā): Pháp chủng có sự khinh khoái của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Khinh Khoái (Cittalahutā): Pháp chủng có sự khinh khoái của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Nhu Nhuyễn (Kāyamudutā): Pháp chủng có sự mềm dịu của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Nhu Nhuyễn (Cittamudutā): Pháp chủng có sự mềm dịu của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Thích Ứng (Kāyakammaññatā): Pháp chủng có sự thích ứng của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Thích Ứng (Cittakammaññatā): Pháp chủng có sự thích ứng của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Thuần Thực (Kāyapāguññatā): Pháp chủng có sự thuần thực của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Thuần Thực (Cittapāguññatā): Pháp chủng có sự thuần thực của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

Thân Chánh Trực (Kāyujukatā): Pháp chủng có sự chánh trực của ba Uẩn Tâm Sở trong phần Thiện Hạnh.

Tâm Chánh Trực (Cittujukatā): Pháp chủng có sự chánh trực của Tâm trong phần Thiện Hạnh.

3 TÂM SỞ NGĂN TRỪ PHẦN (VIRATĪCETASIKA 3)

Chánh Ngữ (Sammāvācā): việc nói ngôn ngữ trừ **Tứ Ngữ Ác Hạnh (Vacīducarita)** ra, không liên quan đến công việc sinh kế.

Chánh Nghiệp (Sammākammanta): việc tạo tác hành động trừ **Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaducarita)** ra, không liên quan đến công việc sinh kế.

Chánh Mạng (Sammājīva): việc phối hợp sinh kế trừ **Tứ Ngữ Ác Hạnh (Vacīducarita)** và **Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaducarita)**.

3 Tâm Sở này gọi tên là **Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika)** vì có **Tư Tâm Sở (Cetanā)** ở ngoài phần Ác Hạnh làm chủ yếu.

2 TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN (APPAMAÑÑĀCETASIKA 2)

Bi Mẫn (Karūṇā): Pháp chủng có sự lân mẫn đối với **Khổ Đau Hữu Tình (Dukkha satta)**, là người đang đón nhận sự khổ đau, hoặc sẽ đón nhận sự khổ đau trong thời gian tới.

Tùy Hỷ (Muditā): Pháp chủng có sự hoan hỷ đối với **An Lạc Hữu Tình (Sukha satta)**, là người đang đón nhận sự an vui, hoặc sẽ được an vui trong thời gian tới.

1 TÂM SỞ TUỆ QUYỀN (PAÑÑINDRĪYACETASIKA 1)

Trí Tuệ (Paññā): Pháp chủng liễu tri một cách phổ biến Pháp Thực Tính thể theo sự chân thực.

TẬP HỢP Ý NGHĨA CỦA TÂM SỞ (CETASIKA)

Tâm Sở (Cetasika) dịch là Pháp Thực Tính có ở trong Tâm (nuơng vào Tâm sinh).

Tâm Sở Tợ Tha (Aññasamānacetāsika) ý muốn nói là Tâm Sở tương tự với Pháp khác.

Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetāsika) ý muốn nói là Tâm Sở phối hợp với tất cả Tâm.

Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetāsika) ý muốn nói là Tâm Sở phối hợp rải rác khắp cả phần **Hiệp Thê (Lokīya)**, **Siêu Thê (Lokuttara)**, **Tịnh Hảo (Sobhaṇa)**, **Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇa)**, **Thiện (Kusala)**, **Bất Thiện (Akusala)**, **Dị Thực Quả (Vipāka)**, **Duy Tác (Kriyā)**, thế nhưng không phải hết cả thảy.

Tâm Sở Bất Thiện (Akusalacetāsika) ý muốn nói là Tâm Sở phối hợp được trong tất cả 12 Tâm Bất Thiện một cách thích hợp.

Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành (Sabbākusalasādhāraṇacetāsika) ý muốn nói là Tâm Sở phối hợp trong khắp cả 12 Tâm Bất Thiện.

Tứ Tâm Sở Si Phần (Mocatukacetāsika) ý muốn nói là 4 Tâm Sở có Tâm Sở Si làm chủ yếu.

Tam Tâm Sở Tham Phần (Lotikacetāsika) ý muốn nói là 3 Tâm Sở có Tâm Sở Tham làm chủ yếu.

Tứ Tâm Sở Sân Phần (Docatukacetāsika) ý muốn nói là 4 Tâm Sở có Tâm Sở Sân làm chủ yếu.

Tâm Sở Hôn Phần (Thidukacetāsika) ý muốn nói là Tâm Sở chỉ phối hợp được trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn thôi.

Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇacetāsika) ý muốn nói là Tâm Sở phối hợp được trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo một cách thích hợp.

Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāraṇacetāsika) ý muốn nói là Tâm Sở khắp cả trong Tâm có sự thiện hảo và không có tội lỗi.

Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetāsika) ý muốn nói là Tâm Sở có **Tư Tâm Sở (Cetanā)** ở ngoài phần Ác Hạnh làm chủ yếu.

Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetāsika) ý muốn nói là Tâm Sở sinh khởi do y cứ Hữu Tình Khổ Đau hoặc Hữu Tình An Lạc, cùng khắp vô hạn lượng.

Tâm Sở Tuệ Quyền (Paññindriyacetāsika) ý muốn nói là Tâm Sở có chức năng chỉ phối một cách phổ biến trong các việc liễu tri thế theo sự chân thực.

GIẢI THÍCH TÂM SỞ SIÊU LÝ (CETASIKAPARAMATTHA)

XÚC (PHASSA) HIỆN HỮU 6 ĐIỀU:

1. Nhãn Phủ Xúc (Cakkhusamphassa): Lấy Tâm Sở Xúc ở trong 2 Tâm Nhãn Thức tiếp xúc Cảnh Sắc.

2. Nhĩ Phủ Xúc (Sotasamphassa): Lấy Tâm Sở Xúc ở trong 2 Tâm Nhĩ Thức tiếp xúc Cảnh Thinh.

3. Tỷ Phủ Xúc (Ghānasamphassa): Lấy Tâm Sở Xúc ở trong 2 Tâm Tỷ Thức tiếp xúc Cảnh Khí.

4. Thiệt Phủ Xúc (Jivhāsamphassa): Lấy Tâm Sở Xúc ở trong 2 Tâm Thiệt Thức tiếp xúc Cảnh Vị.

5. Thân Phủ Xúc (Kāyasamphassa): Lấy Tâm Sở Xúc ở trong 2 Tâm Thân Thức tiếp xúc Cảnh Xúc.

6. Ý Phủ Xúc (Manosamphassa): Lấy Tâm Sở Xúc ở trong 76 Tâm Ý Thức tiếp xúc Cảnh Pháp.

THỌ (VEDANĀ) HIỆN HỮU 6 ĐIỀU:

1. Nhãn Phủ Xúc Thọ (Cakkhusamphassajāvedanā): Lấy Tâm Sở Thọ ở trong 2 Tâm Nhãn Thức thụ hưởng Cảnh Sắc (Xả Thọ).

2. Nhĩ Phủ Xúc Thọ (Sotasamphassajāvedanā): Lấy Tâm Sở Thọ ở trong 2 Tâm Nhĩ Thức thụ hưởng Cảnh Thính (Xả Thọ).

3. Tỷ Phủ Xúc Thọ (Ghānasamphassajāvedanā): Lấy Tâm Sở Thọ ở trong 2 Tâm Tỷ Thức thụ hưởng Cảnh Khí (Xả Thọ).

4. Thiệt Phủ Xúc Thọ (Jivhāsamphassajāvedanā): Lấy Tâm Sở Thọ ở trong 2 Tâm Thiệt Thức thụ hưởng Cảnh Vị (Xả Thọ).

5. Thân Phủ Xúc Thọ (Kāyasamphassajāvedanā): Lấy Tâm Sở Thọ ở trong 2 Tâm Thân Thức thụ hưởng Cảnh Xúc (Lạc Thọ, Khổ Thọ).

6. Ý Phủ Xúc Thọ (Manosamphassa): Lấy Tâm Sở Thọ ở trong 76 Tâm Ý Thức thụ hưởng Cảnh Pháp (Hy Thọ, Ưu Thọ, Xả Thọ).

TƯỚNG (SAÑÑĀ) HIỆN HỮU 6 ĐIỀU:

1. Tướng Sắc (Rūpasaññā): Lấy Tâm Sở Tướng ở trong 2 Tâm Nhãn Thức ký ức Cảnh Sắc (Sắc).

2. Tướng Thính (Saddasaññā): Lấy Tâm Sở Tướng ở trong 2 Tâm Nhĩ Thức ký ức Cảnh Thính (Thính).

3. Tướng Khí (Gandhasaññā): Lấy Tâm Sở Tướng ở trong 2 Tâm Tỷ Thức ký ức Cảnh Khí (Khí).

4. Tướng Vị (Rasasaññā): Lấy Tâm Sở Tướng ở trong 2 Tâm Thiệt Thức ký ức Cảnh Vị (Vị).

5. Tướng Xúc (Phoṭṭhabbasaññā): Lấy Tâm Sở Tướng ở trong 2 Tâm Thân Thức ký ức Cảnh Xúc (lạnh, nóng, mềm, cứng, dòn, căng).

6. Tướng Pháp (Dhammasaññā): Lấy Tâm Sở Tướng ở trong 76 Tâm Ý Thức ký ức Cảnh Pháp.

TƯ (CETANĀ) HIỆN HỮU 6 ĐIỀU:

1. Tư Tưởng Sắc (Rūpasaññācetanā): Lấy Tâm Sở Tư ở trong 2 Tâm Nhãn Thức khích phát Pháp tương ưng trong Cảnh Sắc.

2. Tư Tưởng Thinh (Saddasaññācetanā): Lấy Tâm Sở Tư ở trong 2 Tâm Nhĩ Thức khích phát Pháp tương ưng trong Cảnh Thinh.

3. Tư Tưởng Khí (Gandhasaññācetanā): Lấy Tâm Sở Tư ở trong 2 Tâm Tỷ Thức khích phát Pháp tương ưng trong Cảnh Khí.

4. Tư Tưởng Vị (Rasasaññācetanā): Lấy Tâm Sở Tư ở trong 2 Tâm Thiệt Thức khích phát Pháp tương ưng trong Cảnh Vị.

5. Tư Tưởng Xúc (Phoṭṭhabbasaññācetanā): Lấy Tâm Sở Tư ở trong 2 Tâm Thân Thức khích phát Pháp tương ưng trong Cảnh Xúc.

6. Tư Tưởng Pháp (Dhammasaññācetanā): Lấy Tâm Sở Tư ở trong 76 Tâm Ý Thức khích phát Pháp tương ưng trong Cảnh Pháp.

NHẤT THỐNG (EKAGGATĀ) HIỆN HỮU 3 HOẶC 6 ĐIỀU:

1. Lấy Tâm Sở Nhất Thống ở trong 2 Tâm Nhãn Thức an định và cho Pháp tương ưng đình trụ trong Cảnh Sắc.

2. Lấy Tâm Sở Nhất Thống ở trong 2 Tâm Nhĩ Thức an định và cho Pháp tương ưng đình trụ trong Cảnh Thinh.

3. Lấy Tâm Sở Nhất Thống ở trong 2 Tâm Tỷ Thức an định và cho Pháp tương ưng đình trụ trong Cảnh Khí.

4. Lấy Tâm Sở Nhất Thống ở trong 2 Tâm Thiệt Thức an định và cho Pháp tương ưng đình trụ trong Cảnh Vị.

5. Lấy Tâm Sở Nhất Thống ở trong 2 Tâm Thân Thức an định và cho Pháp tương ưng đình trụ trong Cảnh Xúc [là 1. **Sát Na Định (Khaṇikasamādhī)**].

6. Lấy Tâm Sở Nhất Thống ở trong 76 Tâm Ý Thức an định và cho Pháp tương ưng đình trụ trong Cảnh Pháp [là 2. **Cận Hành Định (Upacārasamādhī)**, 3. **Định An Chỉ (Appanāsamādhī – Định Kiên Cố)**].

MẠNG QUYỀN LỰC (JĪVITA) HIỆN HỮU 2 ĐIỀU:

1. Sắc Mạng Quyền Lực (Rūpajīvita): Bảo hộ các Sắc Nghiệp Lực (Kammaja rūpa).

2. Danh Mạng Quyền Lực (Nāmajīvita): Bảo hộ Danh Tâm (Nāmacitta) và Danh Tâm Sở (Nāmacetasika).

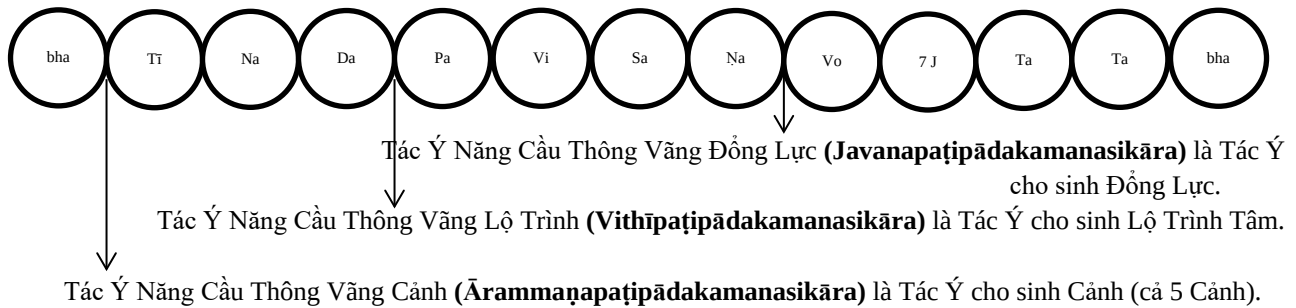
TÁC Ý (MANASIKĀRA) HIỆN HỮU 3 ĐIỀU:

1. **Tác Ý Năng Cầu Thông Vãng Cảnh (Ārammaṇapaṭipāḍakamanasikāra):** Là Tác Ý cho sinh Cảnh, đó là **Tâm Sở Tác Ý (Manasikāracetasika)**.

2. **Tác Ý Năng Cầu Thông Vãng Lộ Trình (Vithīpaṭipāḍakamanasikāra):** Là Tác Ý cho sinh Lộ Trình Tâm, đó là **Tâm Khai Ngũ Môn (Pañcadvārāvajjanacitta)**.

3. **Tác Ý Năng Cầu Thông Vãng Đồng Lực (Javanapaṭipāḍakamanasikāra):** Là Tác Ý cho sinh Đồng Lực, đó là **Tâm Khai Ý Môn (Manodvārāvajjanacitta)**.

BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM PHỐI HỢP 3 TRƯỜNG HỢP TÁC Ý:



TÂM (VITAKKA) HIỆN HỮU 6 ĐIỀU:

1. **Tâm Sắc (Rūpavittako):** Tư khảo trong Sắc.
2. **Tâm Thinh (Saddavittako):** Tư khảo trong Thinh.
3. **Tâm Khí (Gandhavittako):** Tư khảo trong Khí.
4. **Tâm Vị (Rasavittako):** Tư khảo trong Vị.
5. **Tâm Xúc (Phoṭṭhabbavittako):** Tư khảo trong Cảnh Xúc (Phủ Xúc).
6. **Tâm Pháp (Dhammavittako):** Tư khảo trong Cảnh Pháp.

MỘT PHẦN KHÁC NỮA, TÂM (VITAKKA) HIỆN HỮU 2 ĐIỀU:

1. **Chánh Tâm (Sammāvitakko):** Tư khảo trong phương thức thích hợp.
2. **Tà Tâm (Micchāvitakko):** Tư khảo trong phương thức bất hợp.

TỨ (VICĀRA) HIỆN HỮU 6 ĐIỀU:

1. **Tứ Sắc (Rūpavicāro):** Thẩm tra trong Sắc.
2. **Tứ Thinh (Saddavicāro):** Thẩm tra trong Thinh.
3. **Tứ Khí (Gandhavicāro):** Thẩm tra trong Khí.
4. **Tứ Vị (Rasavicāro):** Thẩm tra trong Vị.
5. **Tứ Xúc (Phoṭṭhabbavicāro):** Thẩm tra trong Cảnh Xúc.
6. **Tứ Pháp (Dhammavicāro):** Thẩm tra trong Cảnh Pháp.

THĂNG GIẢI (ADHIMOKKHA) HIỆN HỮU 2 ĐIỀU:

1. Chánh Thắng Giải (Sammādhimokkho): Phán quyết Cảnh được nghiêm mật và chính xác.

2. Tà Thắng Giải (Micchādhimokkho): Phán quyết Cảnh được nghiêm mật, thế nhưng ngộ giải.

CẦN (VIRIYA) HIỆN HỮU 2 ĐIỀU:

1. Thân Cần (Kāyikaviriya): Sự cần miến về Thân.

2. Ý Cần (Cetasikaviriya): Sự cần miến về Ý.

(Với **Bát Pháp Liên Mẫn (Saṁvegavatthu)** là Sinh, Lão, Bệnh, Tử và Tứ Thống Khổ Địa Giới).

HỠ (PĪTI) HIỆN HỮU 5 ĐIỀU:

1. Tiểu Dẫn Hỷ (Khuddakāpīti): Thê loại Hỷ hy thiếu hoặc Hỷ ít oi.

2. Sát Na Hỷ (Khaṇikāpīti): Hỷ cả sát na (Phiến khắc).

3. Hải Triều Hỷ (Okkantikāpīti): Hỷ hiện bày tản mạn, không đều.

4. Khinh Thân Hỷ (Ubbeṇṇāpīti): Hỷ một cách kỳ đặc (thân bay lơ lửng).

5. Sung Mãn Hỷ (Pharaṇāpīti): Hỷ thâm thấu (Hỷ trong Tâm Thiền).

DỤC (CHANDA) HIỆN HỮU 2 ĐIỀU:

1. Tham Dục (Kāmachanda): Sự mẫn ý trong dục vọng.

2. Tưởng Tác Dục (Kattukamyatāchanda): Sự mẫn ý mong muốn sẽ làm.

TÂM SỞ SI (MOHACETASIKA): SỰ NGỘ GIẢI VIỆC BÁT TRI TẠI ĐÂY CHỈ LẬP Ý LẤY SỰ BÁT TRI TRONG BÁT PHÁP:

1. Dukkhe añāṇaṃ (Bát Tri Khổ Đế): Bát tri trong khổ đau.

2. Dukkhasamudaye añāṇaṃ (Bát Tri Tập Đế): Bát tri nguyên nhân cho sinh khổ đau.

3. Dukkhanirodhe añāṇaṃ (Bát Tri Diệt Đế): Bát tri Pháp diệt tắt khổ đau.

4. Dukkhanirodhagāminīpaṭipadāya añāṇaṃ (Bát Tri Đạo Đế): Bát tri đạo lộ sẽ cho vào đến sự diệt tắt khổ đau.

5. Pubbante añāṇaṃ (Bát Tri Quá Khứ): Bát tri trong Uẩn, Xứ, Giới v.v. trong thời Quá Khứ [**Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi)**, bất tương tín tác nhân].

6. Aparante añāṇaṃ (Bát Tri Vị Lai): Bát tri trong Uẩn, Xứ, Giới v.v. trong thời Vị Lai [**Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)** nhận thấy rằng trống không và **Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi)**, bất tương tín hệ quả].

7. Pubbantāparante aññanam (Bất Tri Quá Khứ Vị Lai): Bất tri trong Uẩn, Xứ, Giới cả trong thời Quá Khứ và Vị Lai [**Vô Hành (Akriyādiṭṭhi)** bất tương tín cả tác nhân cả hệ quả].

8. Idappaccayatāpaṭiccasamuppannesu dhammesu aññanam (Bất Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh): Bất tri trong Pháp có tác nhân cho sinh hệ quả nối tiếp nhau [**Ngã Kiến (Attadiṭṭhi)** gọi tên là tự kỷ, là tự thân.

Tâm Sở Vô Tầm (Ahirikacetāsika) có việc không tự trọng mình làm nguyên nhân gần cho khởi sinh. Không có tự trọng mình vì (1) vô tầm quý đối với niên linh, (2) vô tầm quý đối với tính biệt, (3) vô tầm quý đối với tông tộc, (4) vô tầm quý đối Tâm Bất Thiện của mình sinh khởi ở nội tâm.

Tâm Sở Vô Quý (Anottappacetāsika) có việc không tôn trọng tha nhân làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

Tâm Sở Trạo Cử (Uddhaccacetāsika) có việc bất quan tâm phân thiện hảo đối với Cảnh làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

Tâm Sở Tham (Lobhacetāsika): Chú Giải của Tham theo sự giải thích trong ngữ pháp theo phần **Pāḷi** trong **Bộ Phụ Chú Giải Siêu Lý Minh Giải (Paramatthadīpanīṭikā)** đã chia ra thành 10 điều, là:

1. Ái Dục (Taṇhā): Sự nhu yếu, sự nhu cầu.

2. Rāga: Tính dục, tình dục, tính xung động.

3. Kāma: Dục niệm, tình dục.

4. Nandi: Xuất thần, nhập thần, nhập mê, tâm khoáng thần di, dẫn nhân nhập thăng.

5. Abhiṭṭhā: Sự chú thị, sự giám thị.

6. Janetti: Sự gây cho sinh phiền não.

7. Ponobbhavika: Sự dẫn dắt cho sinh trong Hữu mới [trích trong **Kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattanasutta)**].

8. Icchā: Dục, dục vọng, dục cầu, ý nguyện, nguyện vọng, tưởng yếu, nhu yếu, hy yếu, truy cầu.

9. Āsā: Hy vọng, kỳ vọng, phán vọng, nguyện vọng.

10. Saṃyojana: Sự quan hệ, hữu quan, tương can, sự quan liên, liên kết, thúc phược, ước thúc, chế ước, khỏn khản, thúc khản, triền khản, cần khản.

Ái Dục (Taṇhā): Sự nhu yếu, thể theo phân tích từ ngữ:

+ **Paritassatīti taṇhā (Visuddhimagga):** Sự khát vọng mong muốn được Cảnh, gọi là **Ái Dục (Thanh Tịnh Đạo)**.

+ **Kāma ca so taṇhā cāti kāmataṇhā (Paramatthadīpanīṭikā):** Sự tính dục mong muốn được Cảnh dục trần, gọi là **Dục Ái (Phụ Chú Giải Siêu Lý Minh Giải)**.

+ **Sassatadiṭṭhi saḥagato hi rāgo bhavataṇhāti vuccati (Visuddhimagga):** Ái Dục câu sinh với Thường Kiến, gọi là **Hữu Ái (Trong Sắc Hữu, Thiên Sắc Giới)**.

+ **Ucchedadiṭṭhi saḥagato hi rāgo vibhavataṇhā vuccati (Visuddhimagga):** Ái Dục câu sinh với Đoạn Kiến, gọi là **Ly Hữu Ái (Trong Vô Sắc Hữu, Thiên Vô Sắc Giới)**.

Tâm Sở Tà Kiến (Diṭṭhicasika): Lời nói rằng **Tà Kiến** dịch theo **Phụ Âm (Byañjana)** là theo mẫu tự, theo từ ngữ dịch rằng “ý kiến bất châm đôi rằng là ý kiến thổ ngộ hoặc ý kiến chính xác.

Theo Chú Giải: Là theo ý nghĩa của Pháp, nếu như sử dụng bất chỉ danh, rằng để mặc cho **Kiến** thì sẽ ngụ ý đến là **Tà Kiến**, tức là ý kiến thường thổ ngộ, trừ phi đặt trong chỗ nào chỉ mình rằng **Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi)** mới sẽ có ý nghĩa rằng ý kiến phù hợp hoặc ý kiến chính xác.

Tâm Sở Tà Kiến (Diṭṭhicasika) trong chỗ này ngụ ý đến ý kiến thường thổ ngộ.

Tà Kiến (Diṭṭhi) chia ra thành 2 thể loại, là:

1. Tà Kiến Thông Thường (Diṭṭhisāmañña): đó là **Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)**, là nhận thấy rằng 5 Uẩn khởi sinh ở bên trong ta hoặc bên ngoài ta ấy là tự kỷ, là tự thân, là chúng ta, là người ta, là con trai, là con gái v.v. đó là ý kiến thổ ngộ, thể nhưng được sắp là thông thường, vì thể loại Tà Kiến này hiện hữu theo lệ thường ở khắp mọi Hữu Tình thành bản tính chính thường (trừ Bậc Thánh Nhân).

2. Tà Kiến Đặc Biệt: đó là 3 **Chuẩn Xác Tà Kiến (Niyatamicchādiṭṭhi)**, là (1) **Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi):** Chủ thuyết của **Makkhaligosaḷa**, bất tương tín tác nhân; (2) **Vô Hữu Kiến (Natthikadiṭṭhi):** Chủ thuyết của **Ajitasakambali**, bất tương tín hệ quả; (3) **Vô Hành Kiến (Akiriyadiṭṭhi):** Chủ thuyết của **Paruṇakassapa**, bất tương tín cả tác nhân cả hệ quả, và **Thường Kiến (Sassatadiṭṭhi)** nhận thấy rằng xác thực thường tồn; **Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)** nhận thấy rằng trống không; suốt cho đến cả 62 Tà Kiến, những thể loại Tà Kiến này sắp thành Tà Kiến Đặc Biệt, bởi vì thể loại Tà Kiến này một số người có, và một số người không có.

NGÃ MẠN (MĀNA) ĐƯỢC SẮP CHO THÀNH 9 ĐIỀU:

Tâm Sở Ngã Mạn (Mānacetāsika) có Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

1. Là người ưu tú hơn người ta, cho rằng mình ưu tú hơn người ta.
2. Là người ưu tú hơn người ta, cho rằng mình tương đẳng người ta.
3. Là người ưu tú hơn người ta, cho rằng mình ty liệt hơn người ta.
4. Là người tương đẳng người ta, cho rằng mình ưu tú hơn người ta.
5. Là người tương đẳng người ta, cho rằng mình tương đẳng người ta.
6. Là người tương đẳng người ta, cho rằng mình ty liệt hơn người ta.
7. Là người ty liệt hơn người ta, cho rằng mình ưu tú hơn người ta.
8. Là người ty liệt hơn người ta, cho rằng mình tương đẳng người ta.
9. Là người ty liệt hơn người ta, cho rằng mình ty liệt hơn người ta.

Kiều Ngạo Tự Đại (Atimāna) bỉ thị người; **Hảo Cạnh Tranh (Sārambha)** phát nộ, dị nộ, báo tạo, nã hỏa, cạnh tranh; **Ngoan Bì (Thambha)** bướng bỉnh khó bảo; **Khoa Khẩu (Sātheyya)** khoe khoang, khoác lác; những thể loại này đều sắp là Ngã Mạn hết cả thấy.

Điều đáng chú ý ấy là “chẳng là việc tử giảo ấy sẽ thành việc tử giảo với bất luận là chủng tộc, dòng giống, dòng tộc, hình sắc, tài sản, của cải, khoa học nghệ thuật, công việc, hoặc tiên thiên thông tuệ đi nữa, mà nếu như có việc tử giảo sinh khởi khi nào cũng thành Ngã Mạn khi ấy”.

Tâm Sở Sân (Dosacetasika) có **Thập Pháp Hoài Hận Tại Tâm (Āghātavatthu)** làm nguyên nhân gần cho sinh khởi. **Thập Pháp Hoài Hận Tại Tâm (Āghātavatthu)** là sự kiện sẽ làm cho phát sinh sự sân hận, có 10 điều là:

THẬP PHÁP HOÀI HẬN TẠI TÂM (ĀGHĀTAVATTHU 10)

1. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng đã làm sự tổn hại cho mình.
2. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng đang làm sự tổn hại cho mình.
3. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng sẽ làm sự tổn hại cho mình.
4. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng đã làm sự tổn hại cho người mình thương mình thích
5. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng đang làm sự tổn hại cho người mình thương mình thích.
6. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng sẽ làm sự tổn hại cho người mình thương mình thích
7. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng đã làm điều lợi ích cho người mình ghét ghê mình hiềm ó.
8. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng đang làm điều lợi ích cho người mình ghét ghê mình hiềm ó.
9. Hoài hận tại tâm do nghĩ rằng sẽ làm điều lợi ích cho người mình ghét ghê mình hiềm ó.
10. Sự oán hận sinh khởi trong vị trí bất thích hợp, chẳng hạn như sinh khởi sự nổi giận khi đang đi vấp phải gốc cây, hoặc đập giẫm gai v.v.

Tâm Sở Tật Đố (Issācetasika) có tài sản của tha nhân làm nguyên nhân gần cho sinh khởi. (**Cảnh Ngoại Bộ - Bahiddhārammaṇa**).

Tâm Sở Lận Sắc (Macchariyacetasika) có tài sản của chính bản thân mình làm nguyên nhân gần cho sinh khởi (**Cảnh Nội Bộ - Ajjhattārammaṇa**).

LẬN SẮC (MACCHARIYA) HIỆN HỮU 5 ĐIỀU:

1. **Lận Sắc Trú Xứ (Āvāsamacchariya):** Trân ái chỗ nương trú, trú xứ phòng ốc.
2. **Lận Sắc Tông Tộc (Kulamacchariya):** Trân ái gia tộc.
3. **Lận Sắc Tiền Tài (Lābhamaccāhriya):** Trân ái doanh lợi.

4. Lận Sắc Nhan Sắc (Vaṇṇamacchariya): Trân ái phu sắc, nhan sắc.

5. Lận Sắc Giáo Pháp (Dhammacchariya): Trân ái Giáo Pháp.

Tâm Sở Trạo Cử (Kukkuccacetāsika) có việc tạo tác Ác Hạnh và vẫn chưa được thực hiện Phước Báo làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

Tâm Sở Hôn Trầm (Thīnacetasika) có việc bất quan tâm phân thiện hảo đối với Cảnh làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

Tâm Sở Thụy Miên (Middhacetāsika) có việc bất quan tâm phân thiện hảo đối với Cảnh làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchā) có việc bất quan tâm phân thiện hảo đối với Cảnh là nguyên nhân gần cho sinh khởi.

HOÀI NGHI (VICIKICCHĀ) HIỆN HỮU 2 ĐIỀU:

1. Hoài Nghi Thích Đáng (Paṭirūpakavicikicchā) ý muốn nói đến sự hoài nghi nhân tạo, đích thực không sắp thành Triền Cái, chẳng hạn như hoài nghi trong danh xưng người, hữu tình, các sự vật khác khác, trong đạo lộ v.v.

2. Hoài Nghi Triền Cái (Nivaraṇabhūtavikicchā) ý muốn nói đến sự hoài nghi được sắp thành Triền Cái, đích thực chính là sự hoài nghi sắp thành **Kiết Sử (Saṃyojana)**, đó là sự hoài nghi có 8 điều.

TÂM SỞ HOÀI NGHI (VICIKICCHĀCETASIKA) NÀY LẬP Ý LẤY 8 ĐIỀU HOÀI NGHI (TRÍCH TRONG TẠNG VÔ TỶ PHÁP)

1. Hoài Nghi Ân Đức Phật (Buddhe kaṅkhati): Hoài nghi trong cả 9 Ân Đức Phật có **Ứng Cúng (Arahant)** v.v. rằng sẽ là chân thật như đã đề cập đến hay không.

2. Hoài Nghi Ân Đức Pháp (Dhamme kaṅkhati): Hoài nghi trong cả 6 Ân Đức Pháp có **Pháp được Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng (Svākkhāto Bhagavatā Dhammo)** v.v. rằng sẽ là chân thật như đã đề cập đến hay không.

3. Hoài Nghi Ân Đức Tăng (Saṅghe kaṅkhati): Hoài nghi trong cả 9 Ân Đức Tăng có **Diệu Hạnh là Chúng Tăng đệ tử của Đức Thế Tôn (Supaṭipanno Bhagavato Sāvaka saṅgho)** v.v. rằng sẽ là chân thật như đã đề cập đến hay không.

4. Hoài Nghi Điều Học (Sikkhāye kaṅkhati): Hoài nghi trong các điều học, là điều Pháp Hành hữu quan với **Giới (Sīla), Định (Samādhi), Tuệ (Paññā)**, rằng các điều Pháp Hành khác khác mà Đức Phật **Gotama** đã thuyết giảng, điều nào sẽ là đúng sai, và sẽ được hoạch đắc lợi ích hay không.

5. Hoài Nghi Tiền Sinh (Pubbante kaṅkhati): Hoài nghi trong 5 Uẩn ở thời quá khứ, rằng là chúng hữu tình đã từng sinh đến tùy thuộc trong quá khứ, chân thật hay không.

6. Hoài Nghi Lai Sinh (Aparante kaṅkhati): Hoài nghi trong 5 Uẩn ở thời vị lai, rằng là khi chúng hữu tình tử vong rồi sẽ sinh tiếp tục nữa, sẽ là chân thật hay không.

7. Hoài Nghi Tiền Lai Sinh (Pubbantāparante kaṅkhati): Hoài nghi trong 5 Uẩn ở thời quá khứ và vị lai, rằng là chúng hữu tình đang hiện bày hiện giờ đây, nói với nhau rằng đã từng sinh đến và sẽ sinh tiếp tục nữa, sẽ là chân thật hay không.

8. Hoài Nghi Pháp Y Thứ Liên Quan Tương Sinh (Idappaccayatā Paṭiccasamuppannesu dhammesu kaṅkhati): Hoài nghi trong Pháp Liên Quan Tương Sinh có **Hành (Saṅkhāra)** v.v. do Pháp Y Thứ Liên Quan Tương Sinh có **Vô Minh (Avijjā)** v.v. làm duyên, đó là trong sự kiện **Tội - Phước (Puññā – Pāpa)** và việc kế thừa của Hữu mới, các việc trông thấy, việc được lắng nghe v.v. tương quan liên từ nơi sự ngộ giải và việc sắp bày điểm xuyết bố trí sắc thân v.v. đó là hữu tác nhân (**Sāhetu**), sẽ là chân thật hay không.

Hoài Nghi (Vicikicchā): Sự hoài nghi trích trong **Tạng Kinh (Suttantapiṭaka)** hiện hữu 16 điều (cho học viên xem trong Giáo Khoa Thư Việc Dạy – Việc Học Chương thứ 8, 9).

VIỆC GIẢI THÍCH TRONG TÂM SỞ TỊNH HẢO

Tâm Sở Tín (Saddhācetasika) có **Thánh Vật, kỷ niệm vật (Pūjanījavatthu)** làm nguyên nhân gần cho sinh khởi. **Tín (Saddham)**, **Thụ Chủng Tử (Bījaṃ)** Tín sánh như hạt giống, mà sẽ tươi tốt to lớn lên và cho ra hoa quả trong tương lai (Thiện mới).

NGUYÊN NHÂN VI CHUẨN TẮC TÍN PHỤNG (SADDHĀ) HIỆN HỮU 4 ĐIỀU:

1. Sắc Tướng Bất Khả Cô Lượng (Rūpappamāṇikā): Tín phụng vì trông thấy **Sắc Tướng (Rūpasampatti)** mỹ hảo.

2. Khốn Khổ Bất Khả Cô Lượng (Lūkhappamāṇikā): Tín phụng vì trông thấy sự thực hành hữu điều lý nghiêm minh trong **Pháp Luật (Dhammavinaya)**.

3. Truyền Văn Bất Khả Cô Lượng (Ghosappamāṇikā): Tín phụng vì được nghe tin đồn rằng tốt đẹp thế này thế nọ.

4. Giáo Pháp Bất Khả Cô Lượng (Dhammappamāṇikā): Tín phụng vì được khuynh nhĩ Thính Pháp của Bậc thông tuệ trong việc Thuyết Pháp.

Tâm Sở Niệm (Saticetasika) có việc ký đặc chuẩn xác làm nguyên nhân gần cho sinh khởi. **Tâm Sở Tàm (Hiricetasika)** có sự tôn trọng ở trong ta làm nguyên nhân gần cho sinh khởi. **Tâm Sở Quý (Ottappacetāsika)** có sự tôn trọng tha nhân làm nguyên nhân gần cho sinh khởi. **Tàm (Hiri)** với **Quý (Ottappa)** sẽ sinh khởi được cũng do y cứ bất luận một nguyên nhân nào trong 4 nguyên nhân ngoại bộ và 8 nguyên nhân nội bộ.

4 THỂ LOẠI NGUYÊN NHÂN NGOẠI BỘ

1. Úy Cự Tự Thân Chỉ Trách (Attānuvādabhayam): Sợ hãi đối với việc bị chỉ trách bởi tự bản thân.

2. **Úy Cụ Tha Nhân Chỉ Trách (Paravādānubhayam):** Sợ hãi đối với việc bị chỉ trách từ tha nhân.

3. **Úy Cụ Hình Phạt (Daṇḍabhayam):** Sợ hãi đối với nự hình, là quốc pháp.

4. **Úy Cụ Khổ Thú (Duggatibhayam):** Sợ hãi đối với bên trong thống khổ địa giới.

8 THỂ LOẠI NGUYÊN NHÂN NỘI BỘ

1. **Tông Tộc (Kula):** Tầm quý tội nghiệt, úy cụ tội ác do nghĩ đến tông tộc của mình.

2. **Niên Linh (Vaya):** Tầm quý tội nghiệt, úy cụ tội ác do nghĩ đến niên linh của mình.

3. **Đa Văn (Bāhusacca):** Tầm quý tội nghiệt, úy cụ tội ác do nghĩ đến sự giáo dục của mình.

4. **Chủng Tộc Ưu Tú (Jātimahatta):** Tầm quý tội nghiệt, úy cụ tội ác do nghĩ đến chủng tộc ưu tú của mình.

5. **Tôn Sư Kiệt Xuất (Satthumahatta):** Tầm quý tội nghiệt, úy cụ tội ác do nghĩ đến Đức Phật, Cha, Mẹ, Tôn Sư, Giáo Thọ.

6. **Di Sản Trân Quý (Dāyajjamahatta):** Tầm quý tội nghiệt, úy cụ tội ác do nghĩ đến di sản của Đức Phật, của Cha Mẹ mà tự bản thân sẽ phải tiếp thọ những thể loại di sản ấy.

7. **Trác Tuyệt Phạm Hạnh Giả (Sabrahmacārīmahatta):** Tầm quý tội nghiệt, úy cụ tội ác do nghĩ đến hảo bằng hữu đã từng kết giao.

8. **Dũng Cảm Tính (Sūrabhāva):** Tầm quý tội nghiệt, úy cụ tội ác do nghĩ đến lòng dũng cảm và sự an phận thủ kỷ của mình.

Tâm Sở Vô Tham (Alobhacetāsika) có sự hảo quan thiết đối với Cảnh làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

Tâm Sở Vô Sân (Adosacetāsika) có sự hảo quan thiết đối với Cảnh làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

Nhẫn Nại (Khanti) là sự nhẫn nại

Bất Phát Nộ (Akkodha) là sự không nổi giận

Từ Ái (Mettā) là lòng nhân từ, nhân ái

đó là

Chi Pháp

Tâm Sở Vô Sân

Tâm Sở Trung Gian (Tattramajjhatacetasika) có Pháp tương ưng làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

Thân An Tĩnh (Kāyapassaddhi), Tâm An Tĩnh (Cittapassaddhi) 2 Tâm Sở này có Tâm Sở, có Tâm làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

Thân Khinh Khoái (Kāyalahutā), Tâm Khinh Khoái (Cittalahutā) v.v. cho đến **Tâm Chánh Trực (Cittujukatā)** là cuối cùng, cũng có Tâm Sở, có Tâm làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

Tâm Sở Ngăn Trừ Phận (Viratīcetasika) 3 Tâm Sở này có Ân Đức Pháp là Tín, Tầm, Quý v.v. làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

CHÁNH NGŨ (SAMMĀVĀCĀ) HIỆN HỮU 3 ĐIỀU:

1. Thuyết Chánh Ngữ (Kathāsammāvācā): Là việc nói ngôn từ tốt đẹp có Giới Pháp để kỳ vọng sự lợi ích đến cho người lắng nghe, chẳng hạn như Giáo Thọ dạy đệ tử v.v.

2. Tư Tác Ý Chánh Ngữ (Cetanāsammāvācā): Là người có **Tư Tác Ý Thọ Trì Giới Luật (Cetanāsamādānasīla)** rằng sẽ loại trừ khỏi **Ngũ Ác Hạnh (Vacīducarita)**, có việc bất vọng ngữ v.v.

3. Ngăn Trừ Chánh Ngữ (Viratīśammāvācā): Là việc trừ liễu cả 4 Ngũ Ác Hạnh, có việc loại trừ vọng ngữ v.v. trong khi có Cảnh ứng đương sẽ trải bày trước mắt (**Viramitabba vatthu**).

CHÁNH NGHIỆP (SAMMĀKAMMANTA) HIỆN HỮU 3 ĐIỀU:

1. Lực Sở Năng Cập Chánh Nghiệp (Yathābalaṅsammākammanta): Là việc thực hiện công việc một cách thích hợp, công việc phi ác hạnh, có việc phối hợp với Thiện v.v. tùy theo năng lực của mình.

2. Tư Tác Ý Chánh Nghiệp (Cetanāsammākammanta): Là Tư Tác Ý chuyên tâm rằng sẽ loại trừ khỏi **Thân Ác Hạnh (Kāyaducarita)**, có việc sát tử hữu tình v.v.

3. Ngăn Trừ Chánh Nghiệp (Viratīśammākammanta): Là việc trừ liễu cả 3 Thân Ác Hạnh, có việc loại trừ sát tử hữu tình v.v. trong khi có Cảnh ứng đương sẽ trải bày trước mắt (**Viramitabbavatthu**: là vật nên cấm chỉ trước mắt).

CHÁNH MẠNG (SAMMĀĀJĪVA) HIỆN HỮU 2 ĐIỀU:

1. Cần Miễn Chánh Mạng (Viriyasammāājīva): Là sự cần miễn trong việc thực hiện công việc tìm kiếm phủ dưỡng sinh mạng một cách hợp pháp.

2. Ngăn Trừ Chánh Mạng (Viratīśammāājīva): Là việc cấm chỉ 3 Thân Ác Hạnh, 4 Ngũ Ác Hạnh hữu quan với sinh mạng.

Tâm Sở Bi Mẫn (Karūṇācetasika) có việc được trông thấy **hữu tình cô khổ linh đình (Anāthāsatta: hữu tình cô khổ vô y, hữu tình vô y vô khát)** bị khổ đau không chế làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

Tâm Sở Tùy Hỷ (Muditācetasika) có việc được trông thấy hữu tình có tài sản làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

SỞ KIẾN CHI TRẠNG THÁI SINH KHỞI TÂM SỞ TÙY HỖ

1. Ly Oán Độc (Avihiṅsā – Bất Tổn Hại): Bất yếu tổn hại biệt nhân.

2. Bi Mẫn (Karūṇā): Vẫn còn lợi ích giúp đỡ tha nhân cho thoát khỏi khổ đau nữa.

3. Sầu Muộn (Soka): Ta tổn thất vật phẩm ta yêu thích cũng bị ai.

4. Bi Mẫn (Karunā): Trông thấy tha nhân tổn thất vật phẩm họ yêu thích, ta cũng giúp đỡ cho họ thoát khổ đau, xa lìa sự bi ai.

Từ Ái (Mettā) với **Bi Mẫn (Karunā)** sắp thành **Bất Cừu Hận (Abyāpāda)**.

Tùy Hỷ (Muditā) với **Hành Xả (Upekkhā)** sắp thành **Bất Tham Ác (Anabhiṭṭhā)**.

Tâm Sở Trí Tuệ (Paññācetasika) có **An Chỉ (Samādhi)** làm nguyên nhân gần cho sinh khởi.

TRÍ TUỆ (PAÑÑĀ) CÓ 3 PHẦN:

1. Nghiệp Lực Chủ Nhân Trí (Kammasakatāpaññā): Trí Tuệ tri thức rằng Nghiệp Lực là tài sản của mình.

2. Minh Sát Trí (Vipassanāpaññā): Trí Tuệ tri thức 5 Uẩn Danh Sắc là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

3. Siêu Thế Trí (Lokuttarapaññā): Trí Tuệ lý giải thấu triệt trong 4 Thánh Đế.

KỆ TRÌNH BÀY TÂM SỞ BẤT ĐỊNH VÀ TÂM SỞ NHẤT ĐỊNH (ANİYATAYOGĪCETASIKA – NIYATAYOGĪCETASIKA)

Issāmaccherakukkucca	Viratīkaruṇādayo
Nānā kadāci māno ca	Thīnamiddham tathā saha
Yathāvuttānusārena	Sesā niyatayogino
Saṅghaṇca pavakkhāmi	Tesaṃdāni yathārahaṃ

Tật Đồ (Issā), Lận Sắc (Macchariya), Hối Hận (Kukucca), 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika), Bi Mẫn (Karunā), Tùy Hỷ (Muditā) gom 8 Tâm Sở này phối hợp là khi có khi không, thỉnh thoảng, và không cùng nhau phối hợp, gọi tên là **Bất Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Nānākadācīcetasika: khác biệt và tùy lúc Tâm Sở)**. **Ngã Mạn (Māna)** phối hợp khi có khi không, gọi tên là **Hữu Thời Tâm Sở (Kadācīcetasika)**. Cả 2 Tâm Sở **Hôn Trầm (Thīna), Thụy Miên (Middha)** đây phối hợp khi có khi không, nhưng cùng nhau phối hợp, gọi tên là **Cộng Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Sahakadācīcetasika: tùy lúc và cùng nhau Tâm Sở)**. 41 Tâm Sở còn lại, ngoài 11 Tâm Sở này, là Tâm Sở phối hợp một cách nhất định, gọi tên là **Nhất Định Tâm Sở (Niyatayogīcetasika)**.

Bây giờ sẽ trình bày việc đếm số lượng Tâm Sở theo **Phần Phối Hợp (Sampayoga naya)** vừa theo thích hợp.

Tâm Sở Bất Định (Aniyatayogīcetasika) ý muốn nói là Tâm Sở phối hợp với Tâm một cách bất định.

11 Tâm Sở Bất Định là **Tật Đồ, Lận Sắc, Hối Hận, Trạo Cử, Hôn Trầm, Thụy Miên, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần**.

Tâm Sở Bất Định có 3 thể loại là:

1. Bất Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Nānākadācīcetasika: khác biệt và tùy lúc Tâm Sở): Là Tâm Sở phối hợp được khi có khi không, thỉnh thoảng, và không cùng nhau phối hợp có

8 là **Tật Đố (Issā)**, **Lận Sắc (Macchariya)**, **Hối Hận (Kukucca)**, 3 **Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika)**, 2 **Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika)**.

2. **Hữu Thời Tâm Sở (Kadācīcetasika)** là Tâm Sở phối hợp được khi có khi không, có 1 là **Ngã Mạn (Māna)**.

3. **Cộng Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Sahakadācīcetasika)**: tùy lúc và cùng nhau Tâm Sở là Tâm Sở phối hợp được khi có khi không, nhưng cùng nhau phối hợp, có 2 Tâm Sở là **Hôn Trầm (Thīna)**, **Thụy Miên (Middha)**.

PHẦN PHỐI HỢP (SAMPAYOGANAYA)

Phần Phối Hợp (Sampayoganaya) là việc nêu Tâm Sở lên đề cập làm chủ yếu và tìm kiếm số lượng Tâm mà các Tâm Sở phối hợp được.

Có 16 Phần Phối Hợp (Sampayoganaya) đó là:

- (1) 13 Tâm Sở Tợ Tha có 7 Phần Phối Hợp.
- (2) 14 Tâm Sở Bất Thiện có 5 Phần Phối Hợp.
- (3) 25 Tâm Sở Tịnh Hảo có 4 Phần Phối Hợp.

gom lại thành 16 Phần Phối Hợp (Sampayoganaya).

13 TÂM SỞ TỢ THA CÓ 7 PHẦN PHỐI HỢP

7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetasika) từng mỗi Tâm Sở phối hợp được trong 89 hoặc 121 Tâm, tất cả tính thành 1 phần.

Tâm Sở Tầm (Vitakkacetasika) phối hợp được trong 55 Tâm, là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức), 11 Tâm Sơ Thiền. 66 Tâm không phối hợp được, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 11 Tâm Nhị Thiền, 11 Tâm Tam Thiền, 11 Tâm Tứ Thiền, 23 Tâm Ngũ Thiền, tính thành 1 phần.

Tâm Sở Tứ (Vicāracetasika) phối hợp được trong 66 Tâm, là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức), 11 Tâm Sơ Thiền, 11 Tâm Nhị Thiền. 55 Tâm không phối hợp được, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 11 Tâm Tam Thiền, 11 Tâm Tứ Thiền, 23 Tâm Ngũ Thiền, tính thành 1 phần.

Tâm Sở Thắng Giải (Adhimokkhaṇacetasika) phối hợp được trong 110 Tâm, là 43 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 1 Hoài Nghi), 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế. 11 Tâm không phối hợp được, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 1 Tâm Tương Ứng Ứng Hoài Nghi, tính thành 1 phần.

Tâm Sở Cần (Viriyacetasika) phối hợp được trong 105 Tâm, là 38 Tâm Dục Giới (trừ 15 Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân, 1 Tâm Khai Ngũ Môn), 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế. 16 Tâm không phối hợp được, là 15 Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, tính thành 1 phần.

Tâm Sở Hỷ (Pīticetasika) phối hợp được trong 51 Tâm, là 18 Tâm Dục Giới Câu Hành Hỷ, 11 Tâm Sơ Thiền, 11 Tâm Nhị Thiền, 11 Tâm Tam Thiền. 70 Tâm không phối hợp

được, là 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm Thân Thức, 55 Tâm Câu Hành Xả Thọ, 11 Tâm Tứ Thiện, tính thành 1 phần.

Tâm Sở Dục (Chandacetāsika) phối hợp được 101 Tâm, là 34 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân), 27 Tâm Đáo Đại, 40 Tâm Siêu Thế. 20 Tâm không phối hợp được, là 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân, tính thành 1 phần.

14 TÂM SỞ BẤT THIỆN CÓ 5 PHẦN PHỐI HỢP

4 Tâm Sở Si Phần (Mocatukacetāsika) từng mỗi Tâm Sở phối hợp được trong 12 Tâm Bất Thiện, tất cả tính thành 1 phần.

3 Tâm Sở Tham Phần (Lotikacetāsika): Tâm Sở Tham phối hợp được trong 8 Tâm căn Tham, Tâm Sở Tà Kiến phối hợp được trong 4 Tâm Tương Ứng Kiến, Tâm Sở Ngã Mạn phối hợp được trong 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến, tính thành 1 phần.

4 Tâm Sở Sân Phần (Docatukacetāsika) từng mỗi Tâm Sở phối hợp được trong 2 Tâm căn Sân, tính thành 1 phần.

2 Tâm Sở Hôn Phần (Thidukacetāsika) từng mỗi Tâm Sở phối hợp được trong 4 Tâm căn Sân, tính thành 1 phần.

1 Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchācetāsika) phối hợp được trong 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi, tính thành 1 phần.

25 TÂM SỞ TỊNH HẢO CÓ 4 PHẦN PHỐI HỢP

19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biện Hành (Sobhaṇasādhāraṇacetāsika) từng mỗi Tâm Sở phối hợp được trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo, là 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế, tính thành 1 phần.

3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetāsika) từng mỗi Tâm Sở phối hợp được trong 16 hoặc 48 Tâm, là 8 Tâm Đại Thiện, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế, tính thành 1 phần.

2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetāsika) từng mỗi Tâm Sở phối hợp được trong 28 Tâm, là 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 12 Tâm Sắc Giới (trừ 3 Tâm Ngũ Thiện), tính thành 1 phần.

1 Tâm Sở Trí Tuệ (Paññācetāsika) phối hợp được trong 47 hoặc 79 Tâm, là 12 Tâm Dục Giới Tương Ứng Trí, 27 Tâm Đáo Đại, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế, tính thành 1 phần.

TÓM TẮT NGUYÊN TẮC 16 PHẦN PHỐI HỢP

13 TÂM SỞ TỌ THA (AÑÑASAMĀNACETASIKA 13) CÓ 7 PHẦN PHỐI HỢP

Tâm Sở (Cetasika)	Phối Hợp Được Và Không Được	Tính Thành Phần
Biện Hành	7 89 hoặc 121	1
Tâm Sở Tầm	55 / 66	1
Tâm Sở Tứ	66 / 55	1

Tâm Sở Thắng Giải	110 / 11	1
Tâm Sở Cần	105 / 16	1
Tâm Sở Hỷ	51 / 70	1
Tâm Sở Dục	101 / 20	1

14 TÂM SỞ BẤT THIỆN (AKUSALACETASIKA 14) CÓ 5 PHẦN PHỐI HỢP

Tâm Sở (Cetasika)	Phối Hợp Được Và Không Được	Tính Thành Phần
4 Tâm Sở Si Phần	12	1
3 Tâm Sở Tham Phần	8, 4, 4	1
4 Tâm Sở Sân Phần	2	1
2 Tâm Sở Hôn Phần	5	1
1 Tâm Sở Hoài Nghi	1	1

25 TÂM SỞ TỊNH HẢO (SOBHAṆACETASIKA) CÓ 4 PHẦN PHỐI HỢP

Tâm Sở (Cetasika)	Phối Hợp Được Và Không Được	Tính Thành Phần
19 Biến Hành	59 hoặc 91	1
3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần	16 hoặc 48	1
2 Tâm Sở Vô Lượng Phần	28	1
1 Tâm Sở Trí Tuệ	47 hoặc 79	1

KỆ TRÌNH BÀY NGUYÊN TẮC PHẦN PHỐI HỢP MỘT CÁCH GIẢN LƯỢC

Satta sabbattha yujjanti Yathāyogaṃ pakiṇṇakā
Cuddasākusalesveva Sobhaṇasveva sobhaṇā

Dịch rằng 7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetasiika) thường phối hợp trong hết cả Tâm. 6 Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetasiika) thường phối hợp trong các Tâm được phối hợp. 14 Tâm Sở Bất Thiện (Akusalacetasiika) thường chỉ phối hợp trong 12 Tâm Bất Thiện. 25 Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇacetasiika) thường chỉ phối hợp trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo thôi.

PHẦN TỔNG HỢP (SAṄGAHANAYA)

Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya) là việc nêu Tâm lên đề cập làm chủ yếu và tìm kiếm số lượng Tâm Sở phối hợp được với các Tâm ấy.

Có 33 Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya) đó là:

- (1) 12 Tâm Bất Thiện có 7 Phần Tổng Hợp.
- (2) 18 Tâm Vô Nhân có 4 Phần Tổng Hợp.
- (3) 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo có 12 Phần Tổng Hợp.

- (4) 27 Tâm Đáo Đại có 5 Phần Tổng Hợp.
(5) 40 Tâm Siêu Thế có 5 Phần Tổng Hợp.
gom lại thành 33 Phần Phối Hợp (Saṅgahanaya).

12 TÂM BẤT THIỆN CÓ 7 PHẦN TỔNG HỢP

Số lượng 19 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ nhất và thứ hai Vô Dẫn, tính 1 phần. Số lượng 18 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ ba và thứ tư Vô Dẫn, tính 1 phần. Số lượng 20 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ năm Vô Dẫn, tính 1 phần. Số lượng 21 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ nhất và thứ hai Hữu Dẫn, tính 1 phần. Số lượng 20 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ ba và thứ tư Hữu Dẫn, tính 1 phần. Số lượng 22 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ năm Hữu Dẫn, tính 1 phần. Số lượng 15 Tâm Sở phối hợp được trong 2 Tâm căn Si, tính 1 phần.

18 TÂM VÔ NHÂN CÓ 4 PHẦN TỔNG HỢP

Số lượng 12 Tâm Sở phối hợp được trong 1 Tâm Tiểu Sinh, tính 1 phần. Số lượng 11 Tâm Sở phối hợp được trong 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ Thọ với 1 Tâm Khai Ý Môn, tính 1 phần. Số lượng 10 Tâm Sở phối hợp được trong 3 Tâm Ý Giới với 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, tính 1 phần. Số lượng 7 Tâm Sở phối hợp được trong 10 Tâm Ngũ Song Thức, tính 1 phần.

24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO CÓ 12 PHẦN TỔNG HỢP

Số lượng 38 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ 1 với thứ 2, tính 1 phần. Số lượng cả đôi 37 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ 3 / 4 với Tâm thứ 5 / 6, tính thành 2 phần. Số lượng 36 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ 7 với Tâm thứ 8, tính 1 phần. Số lượng 33 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ 1 với Tâm thứ 2, tính 1 phần. Số lượng cả đôi 32 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ 3 / 4 với Tâm thứ 5 / 6, tính 2 phần. Số lượng 31 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ 7 với Tâm thứ 8, tính 1 phần. Số lượng 35 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ 1 với Tâm thứ 2, tính 1 phần. Số lượng cả đôi 34 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ 3 / 4 với Tâm thứ 5 / 6, tính thành 2 phần. Số lượng 33 Tâm Sở phối hợp được trong Tâm thứ 7 với Tâm thứ 8, tính 1 phần.

27 TÂM ĐÁO ĐẠI CÓ 5 PHẦN TỔNG HỢP

Số lượng 35 Tâm Sở phối hợp được trong 3 Tâm Sơ Thiên, tính 1 phần. Số lượng 34 Tâm Sở phối hợp được trong 3 Tâm Nhị Thiên, tính 1 phần. Số lượng 33 Tâm Sở phối hợp được trong 3 Tâm Tam Thiên, tính 1 phần. Số lượng 32 Tâm Sở phối hợp được trong 3 Tâm Tứ Thiên, tính 1 phần. Số lượng 30 Tâm Sở phối hợp được trong 15 Tâm Ngũ Thiên, tính 1 phần.

40 TÂM SIÊU THỂ CÓ 5 PHẦN TỔNG HỢP

Số lượng 36 Tâm Sở phối hợp được trong 8 Tâm Sơ Thiên, tính 1 phần. Số lượng 35 Tâm Sở phối hợp được trong 8 Tâm Nhị Thiên, tính 1 phần. Số lượng 34 Tâm Sở phối hợp được trong 8 Tâm Tam Thiên, tính 1 phần. Số lượng cả đôi 33 Tâm Sở phối hợp được trong 8 Tâm Tứ Thiên với 8 Tâm Ngũ Thiên, tính thành 2 phần.

Ghi chú: Việc tính số lượng Phần Tổng Hợp ấy, cho tính đếm Tâm có số lượng Tâm Sở bằng nhau thành một phần, có vài Tâm có Tâm Sở phối hợp được bằng nhau, thể nhưng tính thành hai phần, chẳng hạn như Tâm Đại Thiện thứ 3 với thứ 4, thứ 5 với thứ 6; Tâm Đại Quả thứ 3 với thứ 4, thứ 5 với thứ 6; và Tâm Đại Duy Tác thứ 3 với thứ 4, thứ 5 với thứ 6; những thể loại Tâm này có Tâm Sở phối hợp được bằng nhau, thể nhưng tính thành 2 phần. Là như thế này do khác biệt nhau bởi theo **Thọ (Vedanā)** và **Phối Hợp (Sampayoga)**.

KỆ TRÌNH NGUYÊN TẮC PHẦN TỔNG HỢP MỘT CÁCH GIẢN LƯỢC

Chattimsānuttare dhammā	Pañcatimsa mahaggate
Aṭṭhatimsāpi labbhanti	Kāmāvacarasobhaṇe
Sattavīsati puññamhi	Dvādasāhetuketi ca
Yathāsambhavayogena	Pañcadhā tattha saṅgaho.

Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya) là việc tính số lượng Tâm Sở trong 89 hoặc 121 Tâm có 5 trường hợp vừa theo thích hợp được phối hợp, đó là:

Chattimsānuttare dhammā: Trong Tâm Siêu Thể có Tâm Sở phối hợp được 36, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

Pañcatimsa mahaggate: Trong Tâm Đáo Đại có Tâm Sở phối hợp được 35, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần).

Aṭṭhatimsāpi labbhanta Kāmāvacarasobhaṇe: Trong Tâm Dục Giới Tịnh Hảo có Tâm Sở phối hợp được 38, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

Sattavīsati puññamhi: Trong Tâm Bất Thiện có Tâm Sở phối hợp được 27, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 14 Tâm Sở Bất Thiện.

Dvādasāhetuketi ca: Trong Tâm Vô Nhân có Tâm Sở phối hợp được 12, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm Sở Dục).

PHÂN CHIA 27 TÂM SỞ THEO 12 TÂM BẤT THIỆN (SATTAVĪSATI PAÑÑAMHI)

Tâm Đại Thiện thứ 1 với thứ 2 phối hợp được 38 Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm Đại Thiện thứ 3 với thứ 4 phối hợp được 37 Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 24 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Trí Tuệ).

Tâm Đại Thiện thứ 5 với thứ 6 phối hợp được 37 Tâm Sở, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

Tâm Đại Thiện thứ 7 với thứ 8 phối hợp được 36 Tâm Sở, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 24 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Trí Tuệ).

Tâm Đại Quả thứ 1 với thứ 2 phối hợp được 33 Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, 1 Tâm Sở Trí Tuệ.

Tâm Đại Quả thứ 3 với thứ 4 phối hợp được 32 Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành.

Tâm Đại Quả thứ 5 với thứ 6 phối hợp được 32 Tâm Sở, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, 1 Tâm Sở Trí Tuệ.

Tâm Đại Quả thứ 7 với thứ 8 phối hợp được 31 Tâm Sở, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành.

Tâm Đại Duy Tác thứ 1 với thứ 2 phối hợp được 35 Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hạo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần).

Tâm Đại Duy Tác thứ 3 với thứ 4 phối hợp được 34 Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 21 Tâm Sở Tịnh Hạo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 1 Tâm Sở Trí Tuệ).

Tâm Đại Duy Tác thứ 5 với thứ 6 phối hợp được 34 Tâm Sở, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 22 Tâm Sở Tịnh Hạo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần).

Tâm Đại Duy Tác thứ 7 với thứ 8 phối hợp được 33 Tâm Sở, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 21 Tâm Sở Tịnh Hạo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 1 Tâm Sở Trí Tuệ).

PHÂN CHIA 35 TÂM SỞ THEO 27 TÂM ĐÁO ĐẠI (PAÑCATIMSA MAHAGGATE)

3 Tâm Sơ Thiện phối hợp được 35 Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hạo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần).

3 Tâm Nhị Thiện phối hợp được 34 Tâm Sở, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm), 22 Tâm Sở Tịnh Hạo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần).

3 Tâm Tam Thiện phối hợp được 33 Tâm Sở, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ), 22 Tâm Sở Tịnh Hạo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần).

3 Tâm Tứ Thiện phối hợp được 32 Tâm Sở, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ), 22 Tâm Sở Tịnh Hạo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần).

15 Tâm Ngũ Thiện phối hợp được 30 Tâm Sở, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ), 20 Tâm Sở Tịnh Hạo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

PHÂN CHIA 36 TÂM SỞ THEO 40 TÂM SIÊU THỂ (CHATTIMSĀNUTTARE DHAMMĀ)

8 Tâm Sơ Thiện phối hợp được 36 Tâm Sở, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 23 Tâm Sở Tịnh Hạo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

8 Tâm Nhị Thiên phối hợp được 35 Tâm Sở, là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm), 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

8 Tâm Tam Thiên phối hợp được 34 Tâm Sở, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tầm, Tứ), 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

8 Tâm Tứ Thiên và 8 Tâm Ngũ Thiên phối hợp được 33 Tâm Sở, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ tầm, Tứ, Hỷ), 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

TRÌNH BÀY HỖN HỢP HAI PHẦN (TADUBHAYAMISSAKANAYA = TAD + UBHĀYA + MISSAKA + NAYA) LÀ PHẦN PHỐI HỢP (SAMPAYOGA) VÀ PHẦN TỔNG HỢP (SAṄGAHA) KẾT HỢP NHAU

52 Tâm Sở (Cetasika)	Tổng Hợp (Saṅgaha)	Phối Hợp (Sampayoga)	Gom Tâm Sở phối hợp được
Từng mỗi cái – 7 Biến Hành	121	52	51 (trừ chính mình)
Tâm Sở Tầm	55	52	51 (trừ chính mình)
Tâm Sở Tứ	66	52	51 (trừ chính mình)
Tâm Sở Thắng Giải	110	51	50 (trừ Nghi, chính mình)
Tâm Sở Căn	105	52	51 (trừ chính mình)
Tâm Sở Hỷ	51	47	46 (trừ 4 Sân Phần, Hoài Nghi, chính mình)
Tâm Sở Dục	101	51	50 (trừ Nghi, chính mình)
Từng mỗi cái – 4 Tâm Sở Si Phần	12	27	26 (trừ chính mình)
Tâm Sở Tham	8	22	21 (trừ chính mình)
Tâm Sở Tà Kiến	4	21	20 (trừ Mạn, chính mình)
Tâm Sở Ngã Mạn	4	21	20 (trừ Kiến, chính mình)
Tâm Sở Sân	2	22	21 (trừ chính mình)
Tâm Sở Tật Đồ	2	22	19 (trừ Lận Sắc, Hối Hận, Hoài Nghi, chính mình)
Tâm Sở Lận Sắc	2	22	19 (trừ Tật Đồ, Hối Hận, Hoài Nghi, chính mình)
Tâm Sở Hối Hận	2	22	19 (trừ Tật Đồ, Lận Sắc, Hoài Nghi, chính mình)
Từng mỗi cái – 2 Tâm Sở Hôn Phần	5	26	25 (trừ Hoài Nghi, chính mình)
Tâm Sở Hoài Nghi	1	15	14 (trừ chính mình)
Từng mỗi cái – 19 Tâm Sở Tịnh Hảo	59 / 91	38	37 (trừ chính mình)
Từng mỗi cái – 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần	16 / 48	38	33 Hiệp Thế (trừ 3 Ngăn Trừ, 2 Vô Lượng) – 35 Siêu Thế (trừ mình)

Từng mỗi cái – 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần	28	38	33 (trừ 3 Ngăn Trừ Phần, 2 Vô Lượng Phần)
Tâm Sở Trí Tuệ	57 / 79	38	37 (trừ chính mình)

Trình bày Hối Hợp Hai Phần (Tadubhayamissakanaya) là việc nêu Tâm Sở lên đề cập làm chủ yếu và tìm kiếm số lượng Tâm Sở phối hợp với các Tâm Sở ấy, theo nguyên tắc của Phần Phối Hợp và Phần Tổng Hợp kết hợp nhau.

TRÌNH BÀY 3,426 TÂM SỞ MỘT CÁCH QUẢNG NGHĨA

Tâm Sở Biến Hành	7 x 121 = 847	gom thành 847 Tâm Sở Biến Hành	} gom thành 1,335 Tợ Tha
Tâm Sở Tầm	1 x 55 = 55	} gom thành 488 Biệt Cảnh	
Tâm Sở Tứ	1 x 66 = 66		
Tâm Sở Thắng Giải	1 x 110 = 110		
Tâm Sở Cần	1 x 105 = 105		
Tâm Sở Hỷ	1 x 51 = 51		
Tâm Sở Dục	1 x 101 = 101	} gom thành 83 Tâm Sở Bất Thiện	
Tâm Sở Si Phần	4 x 12 = 48		
Tâm Sở Tham	1 x 8 = 8		
Tâm Sở Tà Kiến	1 x 4 = 4		
Tâm Sở Ngã Mạn	1 x 4 = 4		
Tâm Sở Sân Phần	4 x 2 = 8		
Tâm Sở Hôn Phần	2 x 5 = 10		
Tâm Sở Hoài Nghi	1 x 1 = 1		
19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành	19 x 91 = 1,7 29	} gom thành 2, 008 Tâm Sở Tịnh Hảo	
Tâm Sở Ngăn Trừ Phần	3 x 48 = 144		
Tâm Sở Vô Lượng Phần	2 x 28 = 56		
Tâm Sở Trí Tuệ	1 x 79 = 79		

Gom thành 3, 426 Tâm Sở một cách quảng nghĩa.

PHẦN VẤN - ĐÁP TRONG TÂM SỞ SIÊU LÝ (CETASIKAPARAMATTHA)

1. Hỏi: Hãy trình bày 4 trường hợp đặc tính của Tâm Sở, và nêu luận chứng **Pāḷi** đến trình bày cho được thấy với (không cần phải dịch nghĩa).

1. Đáp: 4 trường hợp đặc tính (**Cetoyuttalakkhaṇa – Tứ Đồng Trạng Thái**) của Tâm Sở, là:

(1) Đồng Sinh (Ekuppāda): Tâm Sở này thường luôn câu sinh với Tâm có nghĩa khi Tâm sinh Tâm Sở cũng sinh khởi với nhau, sẽ không thể là Tâm sinh trước, Tâm Sở sinh sau, hoặc Tâm Sở sinh trước, Tâm sinh sau được.

(2) Đồng Diệt (Ekanirodha): Trong cùng một phương thức, khi Tâm diệt Tâm Sở cũng diệt với nhau, không có ai diệt trước hoặc diệt sau.

(3) Đồng Đối Tượng (Ekāmbana): Cảnh mà Tâm Sở vào tiếp thân là cùng một Cảnh với Tâm vào tiếp thân như nhau, Tâm tiếp thân Cảnh sắc trắng, Tâm Sở cũng tiếp thân Cảnh sắc trắng.

(4) Đồng Trú Căn (Ekavattuka): Chỗ nương sinh của Tâm Sở cũng như nhau với chỗ nương sinh của Tâm, chẳng hạn như Tâm nương vào con mắt sinh, Tâm Sở cũng nương vào con mắt sinh cùng; Tâm nương vào Ý Vật sinh, Tâm Sở cũng nương vào Ý Vật sinh cùng như vậy, như có **Pāḷi** trình bày rằng:

Ekuppādanirodhā ca	Ekāmbanavattukā
Cetoyuttā dvipaṇṇāsa	Dhammā cetasikā matā

2. Hỏi: Lễ thường chúng hữu tình thường có các khí quan lớn nhỏ, thế nhưng nếu như không có **Danh Pháp (Nāmadhamma)** là Tâm và Tâm Sở cùng vào phối hợp với nhau, những thể loại khí quan này cũng không có khả năng thành tựu các công việc nào cả; cho dù có Tâm vào phối hợp, thế nhưng nếu như không có Tâm Sở cùng vào phối hợp, hoặc có Tâm Sở vào phối hợp, thế nhưng nếu như không có Tâm cùng vào phối hợp, cũng không có khả năng thành tựu các công việc nào được, tương tự như nhau. Sự việc như vậy là do bởi nguyên nhân nào ? Hãy nêu thí dụ dẫn chứng cho thấy việc vào phối hợp của Tâm và Tâm Sở làm cho chúng hữu tình thành tựu được công việc.

2. Đáp: Lễ thường chúng hữu tình dù có trọn đủ khí quan lớn nhỏ đi nữa, thế nhưng nếu như không có **Danh Pháp (Nāmadhamma)** là Tâm và Tâm Sở cùng vào phối hợp với nhau, những thể loại khí quan này cũng không có khả năng thành tựu các công việc nào cả; chỉ đến dù chỉ có Tâm sinh khởi, thế nhưng không có Tâm Sở vào phối hợp, các khí quan ấy cũng không có khả năng thành tựu lợi ích nào được và một cách thống nhất với nhau, nếu như chỉ có Tâm Sở sinh khởi, không có Tâm cùng câu sinh, cũng không có khả năng thành tựu lợi ích nào được, tương tự như nhau. Sự việc như vậy là do bởi nguyên nhân thực tính của Tâm và Tâm Sở ấy là Pháp chủng cần phải cùng câu sinh với nhau, cùng diệt với nhau, cùng tiếp thân một Cảnh với nhau và cùng nương sinh vào Vật với nhau, tỷ dụ như bánh xe răng xữ dụng cho dòng điện. Nếu như chỉ có bánh xe răng không thôi thì không thể làm công việc được và bánh xe răng đang làm công việc xoay tròn do bởi nương vào dòng điện trong cả hai sợi dây điện. Nếu như đứt đi một sợi dây thì một mình bánh xe răng cũng không có khả năng làm công việc được.

3. Hỏi: 52 Tâm Sở ấy, rằng theo nhóm có bao nhiêu, là những chi ? và trong từng mỗi nhóm có số lượng bao nhiêu ? là những chi ?

3. Đáp: 52 Tâm Sở ấy, rằng theo nhóm có 3, là: **nhóm Tâm Sở Tợ Tha (Aññasamānarāsīcetasika), nhóm Tâm Sở Bất Thiện (Akusalarāsīcetasika), nhóm Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇarāsīcetasika).**

Trong **nhóm Tâm Sở Tợ Tha (Aññasamānarāsīcetasika)** có 13:

7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetāsika), 6 Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetāsika) gom thành 13.

Trong **nhóm Tâm Sở Bất Thiện (Akusalarāsīcetasika)** có 14:

4 Tâm Sở Si Phần (Mocatukacetāsika), 3 Tâm Sở Tham Phần (Lotikacetāsika), 4 Tâm Sở Sân Phần (Docatukacetāsika), 2 Tâm Sở Hôn Phần (Thidukacetāsika), 1 Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchācetasika) gom thành 14.

Trong **nhóm Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇarāsīcetasika)** có 25:

19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāraṇacetāsika), 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika), 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika), Tâm Sở Tuệ Quyền (Paññindriyacetasika) gom thành 25.

4. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa tên gọi những thể loại Tâm Sở này: (1) Tâm Sở Biến Hành, (2) Tâm Sở Biệt Cảnh, (3) Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành, (4) Tâm Sở Sân Phần, (5) Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, (6) Tâm Sở Vô Lượng Phần.

4. Đáp: Trình bày ý nghĩa của Tâm Sở là:

(1) Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetāsika) có nghĩa là Tâm Sở phối hợp với tất cả các Tâm.

(2) Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetāsika) có nghĩa là Tâm Sở phối hợp tản lác trong khắp cả các phần Hiệp Thế - Siêu Thế, phần Tịnh Hảo – Vô Tịnh Hảo, phần Thiện – Bất Thiện, Quả, Duy Tác; thế nhưng không phải hết cả thấy.

(3) Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành (Sabbākusalayogīcetasika) có nghĩa là Tâm Sở phối hợp được trong tất cả 12 Tâm Bất Thiện.

(4) Tâm Sở Sân Phần (Docatukacetāsika) có nghĩa là 4 Tâm Sở có **Tâm Sở Sân (Dosacetāsika)** làm chủ yếu.

(5) Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāraṇacetāsika) có nghĩa là Tâm Sở khắp cả trong Tâm có sự tịnh hảo và không có tội lỗi.

(6) Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika) có nghĩa là Tâm Sở sinh khởi do y cứ tất cả **Khổ Đau Hữu Tình (Dukkhitasatta)** hoặc **An Lạc Hữu Tình (Sukhitasatta)** vô hạn lượng.

5. Hỏi: Hãy trình bày thực tính của các Tâm Sở như tiếp theo đây: Xúc, Thọ, Tư, Tác Ý, Tầm, Thắng Giải, Hỷ, Dục, Si, Tham, Sân, Chánh Ngữ, Chánh Mạng, Bi Mẫn, Tùy Hỷ.

5. Đáp: Xúc (Phassa): Pháp chủng tiếp xúc Cảnh.

Thọ (Vedanā): Pháp chủng thụ hưởng Cảnh.

Tư (Cetanā): Pháp chủng đôn thúc và khuyến đạo Pháp tương ưng trong Cảnh để cho thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Tác Ý (Manasikāra): Pháp chủng lập tâm và dẫn đạo Pháp tương ưng đến Cảnh.

Tầm (Vitakka): Pháp chủng đưa Pháp tương ưng đi đến Cảnh, là tư khảo Cảnh.

Thắng Giải (Adhimokkha): Pháp chủng phán đoán Cảnh.

Hỷ (Pīti): Pháp chủng có sự tán mỹ hỷ duyệt trong Cảnh.

Dục (Chanda): Pháp chủng dục cầu Cảnh.

Si (Moha): Pháp chủng che đậy chân thực tính của Cảnh, là ngộ giải.

Tham (Lobha): Pháp chủng có sự nhu cầu và mê luyến trong **Cảnh dục trần (Kāmaguṇārammaṇa)**.

Sân (Dosa): Pháp chủng làm nguy hại trong Cảnh.

Chánh Ngữ (Sammāvācā): việc nói ngôn ngữ trừ **Tứ Ngũ Ác Hạnh (Vacīduccarita)** ra, không liên quan đến công việc sinh kế.

Chánh Nghiệp (Sammākammanta): việc tạo tác hành động trừ **Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita)** ra, không liên quan đến công việc sinh kế.

Chánh Mạng (Sammājīva): việc phối hợp sinh kế trừ **Tứ Ngũ Ác Hạnh (Vacīduccarita)** và **Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita)**.

Bi Mẫn (Karūṇā): Pháp chủng có sự lân mẫn đối với **Khổ Đau Hữu Tình (Dukkha satta)**, là người đang đón nhận sự khổ đau, hoặc sẽ đón nhận sự khổ đau trong thời gian tới.

Tùy Hỷ (Muditā): Pháp chủng có sự hoan hỷ đối với **An Lạc Hữu Tình (Sukha satta)**, là người đang đón nhận sự an vui, hoặc sẽ được an vui trong thời gian tới.

6. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa Tâm Sở như tiếp theo đây: (1) Tư với Tác Ý. (2) Tầm với Tư. (3) Dục với Tham. (4) Hôn Trầm với Thụy Miên.

6. Đáp: (1) Sự khác biệt giữa Tư (Cetanā) với Tác Ý (Manasikāra): đó là thực tính của **Tư (Cetanā)** là Pháp chủng đôn thúc và khuyến đạo Pháp tương ưng trong Cảnh để cho thực hiện các nhiệm vụ của mình. Thực tính của **Tác Ý (Manasikāra)** là Pháp chủng lập tâm và dẫn đạo Pháp tương ưng đến Cảnh.

2 Tâm Sở này có thực tính na ná nhau, chỗ khác biệt đó cũng là **Tư (Cetanā)** có nhiệm vụ đôn thúc, **Tác Ý (Manasikāra)** có nhiệm vụ dẫn đạo; tỷ dụ như chiếc xe đang chạy, chiếc xe chạy được cũng cần phải nương vào cả 4 bánh xe và trong số lượng cả 4 bánh xe này, hai bánh xe sau làm nhiệm vụ chuyển động và dẫn đạo chiếc xe đi đến đạo lộ sẽ cần phải đi; điều này như thế nào, **Tâm Sở Tư (Cetanācetasika)** cũng có nhiệm vụ đôn thúc và khuyến đạo Tâm và Tâm Sở cùng nhau sinh khởi với mình, cho làm các nhiệm vụ của mình, cho thành tựu tương tự với hai bánh xe phía sau, và **Tâm Sở Tác Ý (Manasikāracetasika)** có nhiệm vụ dẫn đạo Tâm và Tâm Sở cùng nhau sinh khởi với mình, cho trực chỉ đi thẳng đến các Cảnh tựa như hai bánh xe trước như thế ấy.

(2) Sự khác biệt giữa Tầm (Vitakka) với Tư (Vicāra): đó là thực tính của **Tầm (Vitakka)** là Pháp chủng tư khảo Cảnh và đưa Pháp tương ưng lên đến Cảnh. Thực tính của **Tư (Vicāra)** là Pháp chủng có việc ôm ấp phủ lấy Cảnh.

2 Tâm Sở này có sự khác biệt nhau, tỷ dụ như tiếng chuông, chuông vang lên lần đầu tiên được sánh với **Tầm (Vitakka)** làm nhiệm vụ đưa Tâm và Tâm Sở cùng nhau sinh khởi với mình, cho vào đến các Cảnh; tiếng chuông ngân vang vẫn chưa biến mất được sánh với **Tứ (Vicāra)** làm nhiệm vụ điều dắt Tâm và Tâm Sở cùng nhau sinh khởi với mình, cho ở trong Cảnh vẫn chưa biến mất đi.

(3) Sự khác biệt giữa Dục (Chanda) với Tham (Lobha): đó là thực tính của **Dục (Chanda)** là Pháp chủng dục cầu Cảnh. Thực tính của **Tham (Lobha)** là Pháp chủng có sự nhu cầu và mê luyến trong **Cảnh dục trần (Kāmaguṇārammaṇa)**.

2 Tâm Sở này có thực tính na ná nhau, thế nhưng sự dục cầu trong Cảnh là thực tính của **Dục (Chanda)** ấy không có việc khấu lưu. Còn việc dục cầu là thực tính của **Tham (Lobha)** ấy có việc khấu lưu trong Cảnh. Nếu như sẽ tỷ dụ so sánh 2 Tâm Sở này, ấy là sự dục cầu sẽ là thực tính của **Dục (Chanda)** tựa như một người bệnh cần phải uống thuốc, tiêm thuốc. Sự nhu cầu hạng loại này không có sự hấp lực một cách lao cố, mà chỉ là nhu cầu thờ ơ lãnh đạm thôi, còn sự nhu cầu sẽ là thực tính của **Tham (Lobha)** tựa như một người đói cần vật thực. Sự nhu cầu hạng loại này có sự hấp lực một cách lao cố.

(4) Sự khác biệt giữa Hôn Trầm (Thīna) với Thụy Miên (Middha): đó là thực tính của **Hôn Trầm (Thīna)** là Pháp chủng làm cho Tâm trì đốn thoái sức khỏi Cảnh. Còn **Thụy Miên (Middha)** có nhiệm vụ làm cho Tâm Sở câu sinh với mình trì đốn thoái sức khỏi Cảnh.

Thế nhưng cả 2 Tâm Sở này cũng hẳn là Pháp chủng thoái sức trong Cảnh tương tự như nhau, tỷ dụ như đốm lửa với ánh sáng. Trong sát na đốm lửa có năng lực giảm xuống thì ánh sáng cũng cùng nhau giảm xuống dần; năng lực giảm xuống của đốm lửa tỷ như **Hôn Trầm (Thīna)**, việc giảm xuống của ánh sáng tỷ như **Thụy Miên (Middha)**.

7. Hỏi: Hãy đọc tên các Tâm Sở có Pháp chủng như tiếp theo đây: (1) Pháp chủng ký ức Cảnh. (2) Pháp chủng an định và cho Pháp tương ưng hiện hữu trong một Cảnh. (3) Pháp chủng bảo hộ Pháp tương ưng. (4) Pháp chủng có việc ôm ấp phủ lấy Cảnh. (5) Pháp chủng có sự thấy sai trong Cảnh. (6) Pháp chủng có sự ngạo mạn, bài giá tử. (7) Pháp chủng có sự tâm phiền trong Ác Hạnh đã tạo tác, và trong Thiện Hạnh chưa được thực hiện.

7. Đáp: (1) Pháp chủng ký ức Cảnh, gọi tên là **Tâm Sở Tưởng (Saññācetasika)**.

(2) Pháp chủng an định và cho Pháp tương ưng hiện hữu duy nhất trong một Cảnh, gọi tên là **Tâm Sở Nhất Thống (Ekaggatācetasika)**:

(3) Pháp chủng bảo hộ Pháp tương ưng, gọi tên là **Tâm Sở Mạng Quyền (Jīvitin drīyacetasika)**.

(4) Pháp chủng có việc ôm ấp phủ lấy Cảnh, gọi tên là **Tâm Sở Tứ (Vicāracetasika)**.

(5) Pháp chủng có sự thấy sai trong Cảnh, gọi tên là **Tâm Sở Tà Kiến (Diṭṭhicetasika)**.

(6) Pháp chủng có sự ngạo mạn, bài giá tử, gọi tên là **Tâm Sở Ngã Mạn (Mānacetasika)**.

(7) Pháp chủng có sự tâm phiền trong Ác Hạnh đã tạo tác, và trong Thiện Hạnh chưa được thực hiện, gọi tên là **Hối Hận (Kukucca)**.

8. Hỏi: Sự hoài nghi như thế nào gọi tên là **Hoài Nghi (Vicikicchā)** ? Sự hoài nghi trong môn học đang học hỏi nghiên cứu, hoặc sự hoài nghi trong danh tánh người, danh xưng sự vật chưa từng rõ biết, cũng là Hoài Nghi hay không ? Hãy giải thích.

8. Đáp: Sự hoài nghi chỗ gọi tên là **Hoài Nghi (Vicikicchā)** ấy là sự hoài nghi, bất tương tín trong Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng, Cha, Mẹ, Giáo Thọ Sư rằng Ân Đức của những sự kiện này có hay không.

Bất tương tín trong Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực rằng có thực hay không.

Bất tương tín trong quả báo của Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực rằng có thực hay không.

Bất tương tín trong kiếp sống (**Bhava – Sinh Hữu**) này, kiếp sống tới rằng có thực hay không.

Bất tương tín trong các điều Pháp Hành rằng có thực hay không.

Bất tương tín trong Cõi Địa Ngục, Cõi Thiên Giới rằng có thực hay không.

Còn sự hoài nghi trong môn học đang học hỏi nghiên cứu, hoặc sự hoài nghi trong danh xưng sự kiện chưa từng rõ biết, không gọi tên là **Hoài Nghi (Vicikicchā)**.

Tâm sinh khởi Thiện (Kusalacittuppāda), Tâm sinh khởi Bất Thiện (Akusalacittuppāda), Tâm sinh khởi Duy Tác (Kriyācittuppāda), có với **Tâm (Vitakka), Tứ (Vicāra)** làm chủ yếu, có với **Thẩm Tuệ (Vicāraṇapāññā)** làm chủ yếu, tùy thuộc người, tức là nết hạng **Phàm Phu (Puthujjana)** và **Bậc Quả Hữu Học (Phalasekkhappuggala)** cũng là bất luận thể loại nào thuộc **Tâm sinh khởi Thiện (Kusalacittuppāda), Tâm sinh khởi Bất Thiện (Akusalacittuppāda),** nếu là **Bậc Vô Sinh** cũng là **Tâm sinh khởi Duy Tác (Kriyācittuppāda).**

9. Hỏi: Trong **19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāranacetasika)** kể từ **Tín (Saddha)** v.v. **Trung Gian (Tatramajjhataṭṭā)** là cuối cùng không có trình bày thành từng đôi, thế nhưng 6 Tâm Sở khác, có **An Tịnh (Passaddhi)** v.v. **Chánh Trực (Ujuka tā)** là cuối cùng, trình bày thành từng đôi, chỗ khác biệt như vậy do bởi nguyên nhân nào, và có sự lập ý khác biệt nhau như thế nào ?

9. Đáp: Trong **19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāranacetasika)** kể từ **Tâm Sở Tín (Saddhācetasa)** cho đến **Trung Gian (Tatramajjhataṭṭā),** Đức Phật không có lập ý trình bày thành từng đôi, vì thực tính của những thể loại Tâm Sở này hiện hành đặc biệt chỉ ở **Danh Pháp (Nāmadhamma)** và **Sắc Biểu Tri (Viññattirūpa)** thôi, bất phổ biến trong khắp cả sắc thân. Còn 6 thể loại Tâm Sở khác nữa có **An Tịnh (Passaddhi)** v.v. có khả năng làm cho **Danh Pháp (Nāmadhamma)** và khắp cả sắc thân có được trạng thái an tịnh, trạng thái khinh khoái v.v. hiển hiện được, vì thế Đức Phật mới lập ý để cho liễu tri rằng nương vào mãnh lực của 6 thể loại Tâm Sở này, cả Danh và Sắc thường có trạng thái hiện hành tương tự như nhau, mới lập ý trình bày thể loại Tâm Sở này thành từng đôi với nhau.

10. Hỏi: Hãy dịch câu kệ như tiếp theo đây:

Terasañña samānā ca Cuddasākusalā tathā
Sobhaṇā pañcavīsati Dvipaññāsa pavuccare.

10. Đáp: Dịch rằng “Ngài đề cập số lượng Tâm Sở rằng có 52, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 14 Tâm Sở Bất Thiện, 25 Tâm Sở Tịnh Hảo”.

11. Hỏi: Hãy dịch và giải thích câu kệ như tiếp theo đây:

Satta sabbattha yujjanti Yathāyogaṃ pakiṇṇakā
Cuddasākusalesveva Sobhaṇasveva sobhaṇā

11. Đáp: Dịch rằng “7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetāsika) thường phối hợp trong hết tất cả Tâm. 6 Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetāsika) thường phối hợp trong các Tâm được phối hợp. 14 Tâm Sở Bất Thiện (Akusalacetāsika) thường chỉ phối hợp trong 12 Tâm Bất Thiện. 25 Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇacetāsika) thường chỉ phối hợp trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo thôi.

Giải Thích: Câu kệ này trình bày một cách giản lược nguyên tắc của **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** nhằm để cho các học viên nắm giữ làm căn bản trước, rồi tiếp nối sẽ trình bày ý nghĩa trong **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** một cách quảng nghĩa.

12. Hỏi: Tâm Sở phối hợp được với tất cả Tâm Hiệp Thế có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ?

12. Đáp: Tâm Sở phối hợp được với tất cả Tâm Hiệp Thế có số lượng 7, là 7 **Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetāsika)**

13. Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm phối hợp được và không phối hợp được với Tâm Sở tiếp theo đây: **Tầm (Vitakka), Thắng Giải (Adhimokkha), Cần (Viriya), Hỷ (Pīti), Dục (Chanda).**

13. Đáp: Tâm phối hợp với **Tầm (Vitakka)** được 55, bất phối hợp được 66. Tâm phối hợp với **Thắng Giải (Adhimokkha)** được 110, bất phối hợp được 11. Tâm phối hợp với **Cần (Viriya)** được 105, bất phối hợp được 16. Tâm phối hợp với **Hỷ (Pīti)** được 51, bất phối hợp được 70. Tâm phối hợp với **Dục (Chanda)** được 101, bất phối hợp được 20.

14. Hỏi: **Tâm Câu Hành Hỷ (Somanassasahagatacitta)** bất phối hợp với **Hỷ (Pīti)** có số lượng bao nhiêu, và cho lời giải thích rằng bất phối hợp do bởi nguyên nhân nào ?

14. Đáp: **Tâm Câu Hành Hỷ (Somanassasahagatacitta)** bất phối hợp với **Hỷ (Pīti)** có số lượng 11, là 11 Tâm Tứ Thiện. Chỗ Hỷ bất phối hợp cũng vì Hỷ bất hợp đắc lai với **phẩm cách (Aḍḍhayāsaya)** của **Tam Thiền Hạnh Vận Giả (Tatīyajhānalābhīpuggala)**, có nghĩa Bậc Tam Thiền Hạnh Vận Giả này khi đã xuất khỏi Tam Thiền khán kiến tội hành của **Hỷ (Pīti)**, có sự yếm phiền đối với Hỷ, vì thế khi thực hành tầng Thiền kế tiếp và Tâm Thiền sinh khởi lần thứ 4 này mới bất phối hợp với **Hỷ (Pīti)**.

15. Hỏi: Hãy trình bày **Tâm Dị Thục Quả (Vipākacitta)** phối hợp được với các Tâm Sở tiếp theo đây: **Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā), Tứ (Vicāra), Cần (Viriya), Hỷ (Pīti).**

15. Đáp: Tâm Dị Thục Quả phối hợp với **Tâm Sở Xúc (Phassacetāsika)** là tất cả Tâm Dị Thục Quả. Tâm Dị Thục Quả phối hợp với **Tâm Sở Thọ (Vedanācetasika)** là tất cả Tâm Dị Thục Quả.

Tâm Dị Thục Quả phối hợp với **Tâm Sở Tứ (Vicāracetasika)** là 2 **Tâm Tiếp Thâu (Sampatīcchanacitta)**, 3 **Tâm Thầm Tấn (Santīraṇacitta)**, 8 **Tâm Đại Quả (Mahāvipākacitta)**, 5 **Tâm Quả Sơ Thiền (Paṭhamajhānavipākacitta)**, 5 **Tâm Quả Nhị Thiền (Dutiyajhānavipākacitta)** gom thành 23.

Tâm Dị Thục Quả phối hợp với **Tâm Sở Cần (Viriyacetāsika)** là 8 **Tâm Đại Quả (Mahāvipākacitta)**, 9 **Tâm Quả Đáo Đại (Mahaggatavipākacitta)**, 20 **Tâm Quả Siêu Thế (Lokuttaravipākacitta)** gom thành 37.

Tâm Dị Thục Quả phối hợp với **Tâm Sở Hỷ (Pīticetasika)** là 1 **Tâm Thầm Tấn Hỷ Thọ (Somanassasantīraṇacitta)**, 4 **Tâm Đại Quả Hỷ Thọ (Somanassamahāvipākacitta)**, 5 **Tâm Quả Sơ Thiền (Paṭhamajhānavipākacitta)**, 5 **Tâm Quả Nhị Thiền (Dutiyajhānavipākacitta)**, 5 **Tâm Quả Tam Thiền (Tatiyajhānavipākacitta)** gom thành 20.

16. Hỏi: Trong 89 Tâm theo phần giản lược, **Tâm Sở Tầm (Vitakkacetāsika)** phối hợp được bao nhiêu ? Là những chi ? Và hãy dịch câu kệ tiếp theo đây:

Sabbāpuññesu cattāro

Lobhamūle tayo gatā

Dosamūlesu cattāro

Sasaṅkhāre dvayaṃ tathā

16. Đáp: Trong 89 Tâm theo phần giản lược, **Tâm Sở Tầm (Vitakkacetāsika)** phối hợp được 55, là 44 **Tâm Dục Giới (Kāmacitta)** (trừ 10 Ngũ Song Thức), 3 **Tâm Sơ Thiền Hiệp Thế (Lokīyapaṭhamajhānacitta)**, 8 **Tâm Siêu Thế (Lokuttaracitta)**.

Dịch nghĩa câu kệ sau đây:

Sabbāpuññesu cattāro

Lobhamūle tayo gatā

Dosamūlesu cattāro

Sasaṅkhāre dvayaṃ tathā

Bốn được thấy trong các Tâm Bất Thiện, ba trong các Tâm căn Tham,

Bốn trong các Tâm căn Sân, hai trong các Tâm Hữu Dẫn.

(4 Tâm Sở Si Phần phối hợp trong tất cả 12 Tâm Bất Thiện, tính thành 1 phần. 3 Tâm Sở Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn chỉ phối hợp trong 8 Tâm Bất Thiện thôi, tính thành 1 phần. 4 Tâm Sở Sân Phần chỉ phối hợp trong 2 Tâm căn Sân thôi, tính thành 1 phần. 2 Tâm Sở Hôn Phần chỉ phối hợp trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn thôi, tính thành 1 phần).

17. Hỏi: Trong 89 Tâm theo phần giản lược, Tâm Sở Hỷ phối hợp được 27 cũng phải, và 35 cũng phải, bất định như vậy là do bởi nguyên nhân nào ? Và 27 với 35 Tâm, ấy là những Tâm nào ?

17. Đáp: Trong 89 Tâm theo phần giản lược, Tâm Sở Hỷ phối hợp được 27 cũng phải, 35 cũng phải, bất định như vậy, do bởi nguyên nhân là việc câu sinh với Thọ của Tâm Siêu Thế theo giản lược một cách bất định, tức là nếu như Tâm Siêu Thế ấy câu sinh với Xả Thọ

thì Tâm Sở Hỷ bất phối hợp Tâm Siêu Thế; vì thế mới phối hợp được 27 Tâm. Nếu như Tâm Siêu Thế câu sinh với Hỷ Thọ, Tâm Sở Hỷ cũng vào phối hợp với Tâm Siêu Thế, Tâm Sở Hỷ mới phối hợp được 35 Tâm như vậy.

27 Tâm ấy là 18 Tâm Dục Giới Câu Hành Hỷ, 3 Tâm Sơ Thiên Hiệp Thế, 3 Tâm Nhị Thiên Hiệp Thế, 3 Tâm Tam Thiên Hiệp Thế.

35 Tâm ấy là 18 Tâm Dục Giới Câu Hành Hỷ, 3 Tâm Sơ Thiên Hiệp Thế, 3 Tâm Nhị Thiên Hiệp Thế, 3 Tâm Tam Thiên Hiệp Thế, tất cả 8 Tâm Siêu Thế.

18. Hỏi: Hãy trình bày Tâm như tiếp theo đây: (1) Tâm phối hợp được với **Tầm (Vitakka)**, thế nhưng bất phối hợp với **Cần (Viriya)**. (2) Tâm phối hợp được với **Cần (Viriya)**, thế nhưng bất phối hợp với **Tầm (Vitakka)**. (3) Tâm phối hợp được với cả hai Tầm và Cần. (4) Tâm bất phối hợp với cả hai Tầm và Cần. (5) Tâm phối hợp được với **Ngăn Trừ Phần (Viratī)**, thế nhưng bất phối hợp với **Vô Lượng Phần (Appamaññā)**. (6) Tâm phối hợp được với Vô Lượng Phần, thế nhưng bất phối hợp với Ngăn Trừ Phần. (7) Tâm phối hợp được với cả hai Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần. (8) Tâm bất phối hợp với cả hai Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần.

18. Đáp: (1) Tâm phối hợp được với **Tầm (Vitakka)**, thế nhưng bất phối hợp với **Cần (Viriya)** có 6, là 2 Tâm Tiếp Thân, 3 Tâm Thẩm Tấn, 1 Tâm Khai Ngũ Môn.

(2) Tâm phối hợp được với **Cần (Viriya)**, thế nhưng bất phối hợp với **Tầm (Vitakka)** có 56, là 11 Tâm Nhị Thiên, 11 Tâm Tam Thiên, 11 Tâm Tứ Thiên, 23 Tâm Ngũ Thiên.

(3) Tâm phối hợp được với cả hai Tầm và Cần có 49, là 12 Tâm Bất Thiện, **1 Tâm Khai Ý Môn (Manodvārāvajjanacitta)**, 1 Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 11 Tâm Sơ Thiên.

(4) Tâm bất phối hợp với cả hai Tầm và Cần có 10, là 10 Tâm Ngũ Song Thức.

(5) Tâm phối hợp được với **Ngăn Trừ Phần (Viratī)**, thế nhưng bất phối hợp với **Vô Lượng Phần (Appamaññā)** có 8 hoặc 40, là 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

(6) Tâm phối hợp được với Vô Lượng Phần, thế nhưng bất phối hợp với Ngăn Trừ Phần có 20, là 8 Tâm Đại Duy Tác, 3 Tâm Sơ Thiên Sắc Giới, 3 Tâm Nhị Thiên Sắc Giới, 3 Tâm Tam Thiên Sắc Giới, 3 Tâm Tứ Thiên Sắc Giới.

(7) Tâm phối hợp được với cả hai Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần có 8, là 8 Tâm Đại Thiện.

(8) Tâm bất phối hợp với cả hai Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần có 53, là 30 Tâm Vô Tịnh Hảo, 8 Tâm Đại Quả, 15 Tâm Ngũ Thiên Hiệp Thế.

19. Hỏi: Hãy trình bày câu kệ trình bày số lượng Tâm bất phối hợp trong 6 Tâm Sở Biệt Cảnh.

19. Đáp: Câu kệ trình bày số lượng Tâm bất phối hợp trong 6 Tâm Sở Biệt Cảnh:

Chasatthi pañcapaññāsa

Sattati vīsati ceva

Ekādasa ca soḷasa

Pakiṇṇakavivajjitā.

Sáu mươi sáu, năm mươi lăm, mười một và mười sáu

Bảy mươi và hai mươi - không có Tâm Sở Biệt Cảnh.

Giải thích: (1) Tâm Sở Tầm bắt phối hợp **66 Tâm**. (2) Tâm Sở Tứ bắt phối hợp **55 Tâm**. (3) Tâm Sở Thắng Giải bắt phối hợp **11 Tâm**. (4) Tâm Sở Cần bắt phối hợp **16 Tâm**. (5) Tâm Sở Hỷ bắt phối hợp với **70 Tâm**. (6) Tâm Sở Dục bắt phối hợp **20 Tâm**.

20. Hỏi: Tâm Sở phối hợp được trong tất cả Tâm Bất Thiện có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ?

20. Đáp: Tâm Sở phối hợp trong tất cả Tâm Bất Thiện có 14, là 7 Tâm Sở Biền Hành, 1 Tâm Sở Tầm, 1 Tâm Sở Tứ, 1 Tâm Sở Cần, 4 Tâm Sở Si Phần.

21. Hỏi: Tâm Sở Bất Thiện phối hợp chỉ riêng trong Tâm căn Tham có bao nhiêu cái ? Là những chi ?

21. Đáp: Tâm Sở Bất thiện phối hợp một cách chỉ riêng trong Tâm căn Tham có 3, là Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn.

22. Hỏi: Hãy giải thích Tâm Sở Tà Kiến với Tâm Sở Ngã Mạn bắt đầu sinh trong cùng một cái Tâm do bởi nguyên nhân nào ?

22. Đáp: Cả 2 Tâm Sở Tà Kiến và Tâm Sở Ngã Mạn này bắt đầu sinh trong cùng một cái Tâm vì Tâm Sở Tà Kiến có sự kiến giải rằng 5 Uẩn Danh Sắc là “Ta” là “Của Ta” mà theo **Pāḷi** gọi là **Kiến Ngã (Attaggāha= Atta + Gāha: belief in an (eduring) self or soul)**. Còn Tâm Sở Ngã Mạn có sự kiến giải rằng 5 Uẩn Danh Sắc là “Ngã Môn/ Ta Môn” mà theo **Pāḷi** gọi là **Ngã Mạn (Ahaṃkāra: the (false) conception of one’s individuality, pride, conceit)**. Việc chấp thủ cả hai thể loại này nương vào 5 Uẩn Danh Sắc sinh khởi tương tự như nhau, thể nhưng thực tính của sự chấp thủ khác biệt nhau mới không có khả năng câu sinh trong cùng một cái Tâm được; tỷ dụ như **Trú Xứ Pháp Hành An Chỉ (Saṇṭhānakāra paṭipattisamatha)** và **Trú Xứ Pháp Hành Minh Sát Tuệ (Vipassanāsathāna)** cả 2 nơi này thường được gọi tương tự như nhau là **Trú Xứ Pháp Hành Nghiệp Xứ (Saṇṭhānakāra paṭipattikammaṭṭhāna)**, thể nhưng cả hai Viện Chủ Trú Xứ thường chấp thủ rằng công việc Tôi thực hành và Tôi giảng dạy ở nơi ấy tuyệt hảo, không có công việc nào khác tương đẳng; với sự kiến giải của hai Viện Chủ Trú Xứ từng mỗi phía như đã vừa đề cập đây, cả hai Viện Chủ Trú Xứ mới không thể nào có cùng một kiến giải được.

23. Hỏi: Tâm Sở Bất Thiện phối hợp trong Tâm Tương Ứng, bắt phối hợp trong Tâm Bất Tương Ứng có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ?

23. Đáp: Tâm Sở Bất Thiện phối hợp trong Tâm Tương Ứng, bắt phối hợp trong Tâm Bất Tương Ứng có số lượng 6, là 1 Tâm Sở Tà Kiến, 4 Tâm Sở Sân Phần, 1 Tâm Sở Hoài Nghi.

24. Hỏi: Hãy trình bày Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với số lượng Tâm như tiếp theo đây: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.

24. Đáp: Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với 1 là 1 Tâm Sở Hoài Nghi.
Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với 2 là 4 Tâm Sở Sân Phẫn.
Không có Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với 3.
Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với 4 là 1 Tâm Sở Tà Kiến, 1 Tâm Sở Ngã Mạn.
Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với 5 là 1 Tâm Sở Hôn Trâm, 1 Tâm Sở Thùy Miên.
Không có Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với 6.
Không có Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với 7.
Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với 8 là 1 Tâm Sở Tham.

25. Hỏi: Hãy phân tích Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp trong tất cả Tâm Tịnh Hảo, với phối hợp một cách riêng biệt ?

25. Đáp: Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp trong tất cả Tâm Tịnh Hảo là 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành. Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp một cách riêng biệt trong Tâm Tịnh Hảo là 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phẫn, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phẫn, 1 Tâm Sở Trí Tuệ.

26. Hỏi: Hãy trình bày việc phối hợp 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phẫn trong sát na phối hợp với Tâm Hiệp Thế, và Tâm Siêu Thế có trạng thái khác biệt như thế nào ?

26. Đáp: Trạng thái khác biệt nhau của Ngăn Trừ Phẫn trong sát na phối hợp với Tâm Hiệp Thế và Tâm Siêu Thế, có như vậy:

Việc phối hợp trong Tâm Đại Thiện của Ngăn Trừ Phẫn là phối hợp bất định và không cùng đi chung, gọi là **Bất Định (Aniyata)** và **Bất Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Nānākadāci cetasika)**: khác biệt và tùy lúc Tâm Sở).

Việc phối hợp trong Tâm Siêu Thế của Ngăn Trừ Phẫn là phối hợp nhất định và cùng chung nhau, gọi là **Nhất Định Đồng Thời (Niyataekato)**.

27. Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm phối hợp với 2 Tâm Sở Vô Lượng Phẫn theo cả hai phía **Liên Hợp Kiến (Samanāvāda)** và **Nhất Hệ Kiến (Kecivāda)**, và như thế phía nào là phía đúng đắn?

27. Đáp: Số lượng Tâm phối hợp với 2 Tâm Sở Vô Lượng Phẫn bên phía **Liên Hợp Kiến, Nhất Trí Kiến (Samanāvāda)** là 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác (trừ 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới) gom thành 28.

Số lượng Tâm phối hợp với 2 Tâm Sở Vô Lượng Phẫn bên phía **Nhất Hệ Kiến (Kecivāda)** là 4 Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ (**Mahākusalasomanassasahagatacitta**), 4 Tâm Đại Duy Tác Câu Hành Hỷ (**Mahākriyāsomanassasahagatacitta**), 12 Tâm Sắc Giới (**Rūpāvacaracitta**) (trừ 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới) gom thành 20.

Việc phối hợp của 2 Tâm Sở Vô Lượng Phẫn có ý kiến thành 2 Phần, là **Liên Hợp Kiến, Nhất Trí Kiến (Samanāvāda)** đó là ý kiến của các Chú Giải Sư có **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** v.v. nói rằng 2 Tâm Sở Vô Lượng Phẫn phối hợp trong 28 Tâm như đã đề cập đến rồi, thế nhưng **Nhất Hệ Kiến (Kecivāda)** đó là sự kiến giải của một vài vị Giáo Thọ Sư trình bày rằng 2 Tâm Sở Vô Lượng Phẫn này chỉ phối hợp trong 20 Tâm thôi, bởi cho lý

do rằng **Thương Hại (Vihīṃsā: Tiễn Đạp, Nhu Lạn)** là việc tâm hoại ác ý kết cừu tha nhân ấy, Chi Pháp đó là **Tâm Sở Sân (Dosacetāsika)**. Thực tính của **Bi Mẫn (Karūṇā)** thường là đối lập diện với Tâm Sở Sân. **Bất Nguyện Ý (Arati: Bất Mẫn Ý)** là sự bất hỷ duyệt, bất mẫn ý, tinh thần bất du khoái trong sự thiện hảo của tha nhân, Chi Pháp đó là **Ưu Thọ (Domanassavedanā)** có **Tật Đố (Issā)** làm chủ yếu. Thực tính của **Tùy Hỷ (Muditā)** thường là đối lập diện với Ưu Thọ có **Tật Đố** làm chủ yếu. Vì thế, **Bi Mẫn (Karūṇā)**, **Tùy Hỷ (Muditā)** mới cần phải phối hợp với **Tâm Câu Hành Hỷ (Somanassa sahaḡatacitta)**, không nên phối hợp trong **Tâm Câu Hành Xả (Upekkhāsahagatacitta)**. Thế nhưng **Nhất Trí Kiến (Samanāvāda)** là các Chú Giải Sư nói rằng ý kiến của **Nhất Ban Giáo Thọ Sư (Keci Ācariya)** này đúng một phần, sai một phần. Việc đúng một phần là người đang tiến tu **Bi Mẫn Tùy Hỷ Nghiệp Xứ (Karūṇā Muditākammaṡṡhāna)** trong giai đoạn đầu, khi vẫn còn là **Chuẩn Bị Tu Tập (Parikammabhāvanā)** và **Sơ Thủy Tu Pháp Quan Sát Trưng Triệu (Parikammanimitta : Sơ Tướng)** vẫn chưa đến **Án Nhập Não Hải Hình Tượng (Uggahanimitta: Thô Tướng)** Bi Mẫn Tùy Hỷ sẽ sinh khởi xác thực cần phải với Hỷ Thọ, nếu không Bi Mẫn Tùy Hỷ không thể nào sinh khởi được. Chỗ nói rằng **Bi Mẫn (Karūṇā)**, **Tùy Hỷ (Muditā)** cần phải sinh trong Tâm phối hợp với Hỷ Thọ mới là việc xác thực, thế nhưng khi đã tiếp tục tiến tu Bi Mẫn Tùy Hỷ Nghiệp Xứ cho đến **Án Nhập Não Hải Hình Tượng (Uggahanimitta: Thô Tướng)** thường trình bày rằng Tâm của vị tiến tu Nghiệp Xứ ấy đã có sự thực luyện tinh thông trong Bi Mẫn Tùy Hỷ Nghiệp Xứ một cách thiện hảo, vì thế trong sát na tiến tu Bi Mẫn Tùy Hỷ Nghiệp Xứ mà **Án Nhập Não Hải Hình Tượng (Uggahanimitta: Thô Tướng)** đang sinh, Tâm của vị ấy do đã có sự thực luyện tinh thông như đã nói, mới có khả năng phối hợp với **Hỷ Thọ (Somanassavedanā)** hoặc **Xả Thọ (Upekkhā vedanā)** cũng được, không cần phải thường luôn là Hỷ Thọ. Chỗ nói rằng **Bi Mẫn (Karūṇā)**, **Tùy Hỷ (Muditā)** không sinh trong Tâm phần Xả Thọ mới bất xác thực.

28. Hỏi: Tâm Câu Hành Hỷ Hiệp Thế (Lokīyasomanassasahagatacitta) phối hợp với Tâm Sở Tuệ có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Và hãy giải thích một cách giản lược **16 Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)**.

28. Đáp: Tâm Câu Hành Hỷ Hiệp Thế phối hợp với Tâm Sở Tuệ có số lượng 18, là: 2 Tâm Đại Thiện, 2 Tâm Đại Quả, 2 Tâm Đại Duy Tác, 3 Tâm Sơ Thiện, 3 Tâm Nhị Thiện, 3 Tâm Tam Thiện, 3 Tâm Tứ Thiện, gom thành 18.

Trình bày 16 **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** một cách giản lược, là:

13 Tâm Sở Tợ Tha có 7 Phần Phối Hợp, là:

- 7 Tâm Sở Biền Hành tính thành 1 Phần Phối Hợp.
- 6 Tâm Sở Biệt Cảnh tính thành 6 Phần Phối Hợp.

14 Tâm Sở Bất Thiện có 5 Phần Phối Hợp, là:

- 4 Tâm Sở Si Phần phối hợp trong 12 Tâm Sở Bất Thiện tính thành 1 phần.
- Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn phối hợp trong 8 Tâm căn Tham tính thành 1 phần.
- 4 Tâm Sở Sân Phần phối hợp trong 2 Tâm căn Sân tính thành 1 phần.
- 2 Tâm Sở Hôn Phần phối hợp trong 5 Tâm Bất Thiện Hữu Dẫn tính thành 1 phần.

- 1 Tâm Sở Hoài Nghi phối hợp trong 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi tính thành 1 phần.

25 Tâm Sở Tịnh Hảo có 4 Phần Phối Hợp, là:

- 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo tính thành 1 phần.

- 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp trong 16 hoặc 48 Tâm tính thành 1 phần.

- 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp trong 28 Tâm tính thành 1 phần.

- 1 Tâm Sở Trí Tuệ phối hợp trong 47 hoặc với 79 Tâm tính thành 1 phần.

29. Hỏi: Hãy dịch cả hai bài Kệ như tiếp theo đây:

(1) Ekūnavīsati dhammā	Jāyantekūnasatṭhisu
Tayo soḷasacittesu	Aṭṭhavīsatiyaṃ dvayaṃ
(2) Paññā pakāsitā satta	Cattālīsavidhesupi
Sampayuttā catudhevaṃ	Sobhaṇasveva sobhaṇā

29. Đáp: (1) 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāraṇacetāsika) phối hợp trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta), tính thành 1 phần.

3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika) phối hợp trong 16 hoặc 48 Tâm Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta), tính thành 1 phần.

2 Tâm Sở Vô Lượng Phần (Appamaññācetasika) phối hợp trong 28 Tâm, tính thành 1 phần.

(2) Tâm Sở Tuệ Quyền (Paññīndriyacetāsika) phối hợp trong 47 hoặc 79 Tâm, tính thành 1 phần.

25 Tâm Sở Tịnh Hảo thường chỉ phối hợp trong 59 hoặc 91 Tâm Tịnh Hảo và chia ra thành 4 Phần như thế này.

30. Hỏi: Hãy giải thích bài kệ sau đây:

Issāmaccherakukkucca	Viratīkaruṇādayo
Nānā kadāci māno ca	Thinamiddhaṃ tathā saha

30. Đáp: Câu kệ này trình bày đến Tâm Sở phối hợp bất định, gọi tên là **Tâm Sở Bất Định (Aniyatayogīcetasika)** luôn cả phân tích Tâm Sở Bất Định ra thành 3 nhóm, là:

(1) **Bất Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Nānākadācīcetasika)**: khác biệt và tùy lúc Tâm Sở có 8 đó là **Tật Đồ (Issā)**, **Lận Sắc (Macchārīya)**, **Hối Hận (Kukucca)**, **3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (Viratīcetasika)**, **Bi Mẫn (Karuṇā)**, **Tùy Hỷ (Muditā)**.

(2) **Cộng Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Sahakadācīcetasika)**: tùy lúc và cùng nhau Tâm Sở có 2 đó là **Hôn Trầm (Thīna)**, **Thụy Miên (Middha)**.

(3) **Hữu Thời Tâm Sở (Kadācīcetasika)** có 1 đó là **Ngã Mạn (Māna)**.

31. Hỏi: Lời nói rằng **Tâm Sở Bất Định (Aniyatayogīcetasika)** có ý nghĩa chi ? Có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Và hãy trình bày số lượng những thể loại Tâm Sở này khi phân tích theo Pháp chủng (**Jāti**).

31. Đáp: Lời nói rằng **Tâm Sở Bất Định (Aniyatayogīcetasika)** có ý nghĩa là Tâm Sở phối hợp một cách bất định với Tâm, có số lượng 11, là 1 Tâm Sở Ngã Mạn, 1 Tâm Sở Tật Đố, 1 Tâm Sở Lận Sắc, 1 Tâm Sở Hối Hận, 2 Tâm Sở Hôn Phần, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

Trình bày số lượng những thể loại Tâm Sở này khi phân theo Pháp chủng: (1) Pháp Chủng Bất Thiện có 6, (2) Pháp Chủng Thiện có 5, (3) Pháp Chủng Dị Thục Quả có 5, (4) Pháp Chủng Duy Tác có 2.

32. Hỏi: Hãy phân tích những thể loại Tâm Sở Bất Định ấy theo **Bất Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Nānākadācīcetasika)**, **Cộng Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Sahakadācīcetasika)** và **Hữu Thời Tâm Sở (Kadācīcetasika)** với nêu chứng cứ lên cho thấy (không cần dịch nghĩa).

32. Đáp: Tâm Sở Bất Định theo phần **Bất Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Nānākadācīcetasika)** có 8, là: Tật Đố, Lận Sắc, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần.

Tâm Sở Bất Định theo phần **Cộng Đồng Hữu Thời Tâm Sở (Sahakadācīcetasika)** có 2, là: Hôn Trầm, Thụy Miên.

Tâm Sở Bất Định theo phần **Hữu Thời Tâm Sở (Kadācīcetasika)** có 1 là Ngã Mạn, như có chứng cứ trình bày là:

Issāmaccherakukkucca Viratīkaruṇādayo
Nānā kadāci māno ca Thinamiddham tathā saha

33. Hỏi: Hãy trình bày Tâm Sở như tiếp theo đây: Tâm Sở Bất Định một cách xác định, Tâm Sở Bất Định không xác định, Tâm Sở Nhất Định một cách xác định, Tâm Sở Nhất Định không xác định.

33. Đáp: Tâm Sở Bất Định một cách xác định có 8, là: Tật Đố, Lận Sắc, Hối Hận, Vô Lượng Phần, Ngã Mạn, Hôn Trầm, Thụy Miên.

Tâm Sở Bất Định không xác định có 3 là 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần.

Tâm Sở Nhất Định một cách xác định có 41 (trừ 11 Tâm Sở Bất Định).

Tâm Sở Nhất Định không xác định có 3, là 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần.

34. Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm Sở phối hợp với Tâm như tiếp theo đây: (1) Tâm căn Tham thứ 1, (2) Tâm căn Tham thứ 4, (3) Tâm căn Tham thứ 5, (4) Tâm căn Tham thứ 8, (5) Tâm căn Si thứ 1.

34. Đáp: (1) Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Tham thứ 1 có 19.

(2) Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Tham thứ 4 có 21.

(3) Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Tham thứ 5 có 18.

(4) Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Tham thứ 8 có 20.

(5) Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Si thứ 1 có 15.

35. Hỏi: Hãy dịch câu kệ như theo đây:

Chattimsānuttare dhammā Pañcatimsa mahaggate

**Aṭṭhatimsāpi labbhanti
Sattavīsati puññamhi
Yathāsambhavayogena**

**Kāmāvacarasobhaṇe
Dvādasāhetuketi ca
Pañcadhā tattha saṅgaho.**

35. Đáp: Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya) là việc tính số lượng Tâm Sở trong 89 hoặc 121 Tâm có 5 trường hợp vừa theo thích hợp được phối hợp, đó là:

Trong Tâm Siêu Thế phối hợp được 36 Tâm Sở, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần). Trong Tâm Đáo Đại phối hợp được 35 Tâm Sở, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần). Trong Tâm Dục Giới Tịnh Hảo phối hợp được 38 Tâm Sở, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 25 Tâm Sở Tịnh Hảo. Trong Tâm Bất Thiện phối hợp được 27 Tâm Sở, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 14 Tâm Sở Bất Thiện. Trong Tâm Vô Nhân phối hợp được 12 Tâm Sở, đó là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Tâm Sở Dục).

36. Hỏi: Hãy trình bày Tâm Bất Thiện có số lượng Tâm Sở phối hợp như tiếp theo đây: 15, 18, 19, 20, 21, 22.

36. Đáp: Tâm Bất Thiện có số lượng 15 Tâm Sở phối hợp, là 2 Tâm căn Si.

Tâm Bất Thiện có số lượng 18 Tâm Sở phối hợp, là Tâm căn Tham thứ 5 với thứ 7.

Tâm Bất Thiện có số lượng 19 Tâm Sở phối hợp, là Tâm căn Tham thứ 1 với thứ 3.

Tâm Bất Thiện có số lượng 20 Tâm Sở phối hợp, là Tâm căn Tham thứ 6 với thứ 8, Tâm căn Sân thứ 1.

Tâm Bất Thiện có số lượng 21 Tâm Sở phối hợp, là Tâm căn Tham thứ 2 với thứ 4.

Tâm Bất Thiện có số lượng 22 Tâm Sở phối hợp, là Tâm căn Sân thứ 2.

37. Hỏi: Hãy phân tích Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Sân theo phần Tâm Sở Bất Định và Tâm Sở Nhất Định.

37. Đáp: Trong số lượng 20 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Sân thứ 1, là 3 Tâm Sở Bất Định, 17 Tâm Sở Nhất Định.

Trong số lượng 22 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Sân thứ 2, là 5 Tâm Sở Bất Định, 17 Tâm Sở Nhất Định.

38. Hỏi: Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành có bao nhiêu ? Là những chi ? Hãy dẫn chứng **Pāḷi** trình bày cho cụ thể.

38. Đáp: Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành có số lượng 14, là: 4 Tâm Sở Si Phần, 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Thắng Giải, Hỷ, Dục). Như có **Pāḷi** dẫn chứng trình bày rằng:

**Sādhāraṇā ca cattāro
Cuddasete pavuccanti**

**Samānā ca dasāpare
Sabbākusalayogino**

39. Hỏi: Trong 18 Tâm Vô Nhân, Tâm nào có Tâm Sở phối hợp tối đa, và Tâm nào có Tâm Sở phối hợp tối thiểu ?

39. Đáp: Trong 18 Tâm Vô Nhân này, Tâm có số lượng Tâm Sở phối hợp tối đa là Tâm Tiểu Sinh, và Tâm có số lượng Tâm Sở phối hợp tối thiểu là 10 Tâm Ngũ Song Thức.

40. Hỏi: Hãy trình bày Tâm Vô Nhân bất phối hợp với Tâm Sở như tiếp theo đây: Xúc, Cần, Tầm, Dục.

40. Đáp: Không có Tâm Vô Nhân bất phối hợp với Xúc.

Tâm Vô Nhân bất phối hợp với Tầm là 10 Tâm Ngũ Song Thức.

Tâm Vô Nhân bất phối hợp với Cần là 15 Tâm Quả Vô Nhân, 1 Tâm Khai Ngũ Môn.

Tâm Vô Nhân bất phối hợp với Dục là tất cả 18 Tâm Vô Nhân.

41. Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm Sở phối hợp với Tâm như tiếp theo đây: (1) 8 Tâm Đại Thiện, (2) 8 Tâm Đại Quả, (3) 8 Tâm Đại Duy Tác, (4) 3 Tâm Nhị Thiên Sắc Giới, (5) 3 Tâm Tứ Thiên Sắc Giới.

41. Đáp: Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện có 38.

Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm Đại Quả có 33.

Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm Đại Duy Tác có 35.

Tâm Sở phối hợp với 3 Tâm Nhị Thiên Sắc Giới có 34.

Tâm Sở phối hợp với 3 Tâm Tứ Thiên Sắc Giới có 32.

42. Hỏi: Hãy phân tích Tâm Sở phối hợp theo phần Nhất Định và Bất Định với Tâm như tiếp theo đây: (1) Tâm căn Tham thứ 3, (2) Tâm căn Tham thứ 8, (3) Tâm Đại Thiện thứ 1, (4) Tâm Đại Duy Tác thứ 8, (5) 3 Tâm Sơ Thiên Hiệp Thế, (6) 8 Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế.

42. Đáp: (1) Trong số lượng 19 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Tham thứ 1 là 18 Nhất Định, 1 Bất Định.

(2) Trong số lượng 20 Tâm Sở phối hợp với Tâm căn Tham thứ 8 là 17 Nhất Định, 3 Bất Định.

(3) Trong số lượng 38 Tâm Sở phối hợp với Tâm Đại Thiện thứ 1 là 33 Nhất Định, 5 Bất Định.

(4) Trong số lượng 33 Tâm Sở phối hợp với Tâm Đại Duy Tác thứ 8 là 31 Nhất Định, 2 Bất Định.

(5) Trong số lượng 35 Tâm Sở phối hợp với 3 Tâm Sơ Thiên Hiệp Thế là 33 Nhất Định, 2 Bất Định.

(6) Trong số lượng 33 Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế là tất cả Nhất Định.

43. Hỏi: Hãy trình bày Tâm Tịnh Hảo có số lượng Tâm Sở phối hợp như tiếp sau đây: 36, 35, 34, 33, 32, 31, 30.

43. Đáp: Tâm Tịnh Hảo có 36 Tâm Sở phối hợp, đó là: Tâm Đại Thiện thứ 7 - 8, 8 Tâm Sơ Thiên Siêu Thế, gom thành 10.

Tâm Tịnh Hảo có 35 Tâm Sở phối hợp, đó là: Tâm Đại Duy Tác thứ 1 - 2, 3 Tâm Sở Thiền Sắc Giới, 8 Tâm Nhị Thiền Siêu Thế, gom thành 13.

Tâm Tịnh Hảo có 34 Tâm Sở phối hợp, đó là: Tâm Đại Duy Tác thứ 3 - 4 - 5 - 6, 3 Tâm Nhị Thiền Sắc Giới, 8 Tâm Tam Thiền Siêu Thế, gom thành 15.

Tâm Tịnh Hảo có 33 Tâm Sở phối hợp, đó là: Tâm Đại Quả thứ 1 - 2, Tâm Đại Duy Tác thứ 7 - 8, 3 Tâm Tam Thiền Sắc Giới, 8 Tâm Tứ Thiền Siêu Thế, 8 Tâm Ngũ Thiền Siêu Thế, gom thành 23.

Tâm Tịnh Hảo có 32 Tâm Sở phối hợp, đó là: Tâm Đại Quả thứ 3 - 4 - 5 - 6, 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới, gom thành 7.

Tâm Tịnh Hảo có 31 Tâm Sở phối hợp, đó là Tâm Đại Quả thứ 7 - 8, gom thành 2.

Tâm Tịnh Hảo có 30 Tâm Sở phối hợp, đó là 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới, gom thành 15.

44. Hỏi: Hãy trình bày số lượng **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)** một cách giản lược trong Tâm như tiếp theo đây: (1) 12 Tâm Bất Thiện, (2) 18 Tâm Vô Nhân, (3) 8 Tâm Đại Thiện, (4) 12 Tâm Vô Sắc Giới, (5) 40 Tâm Siêu Thế.

44. Đáp: (1) Trong 12 Tâm Bất Thiện có 7 Phần Tổng Hợp.

(2) Trong 18 Tâm Vô Nhân có 4 Phần Tổng Hợp.

(3) Trong 8 Tâm Đại Thiện có 4 Phần Tổng Hợp.

(4) Trong 12 Tâm Vô Sắc Giới có 1 Phần Tổng Hợp.

(5) Trong 40 Tâm Siêu Thế có 5 Phần Tổng Hợp.

45. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** và **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)**.

45. Đáp: **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** và **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)** có ý nghĩa như tiếp theo đây: **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** là nêu Tâm Sở nói đến thành chủ yếu, rồi trình bày số lượng Tâm mà các Tâm Sở ấy phối hợp được là có số lượng bao nhiêu, là những Tâm chi. Còn **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)** là nêu Tâm nói đến thành chủ yếu, rồi trình bày số lượng Tâm Sở phối hợp với các Tâm ấy có được số lượng bao nhiêu, là những Tâm Sở chi; hoặc nói một cách ngắn gọn, Phần Phối Hợp là tính số lượng Tâm mà các Tâm Sở ấy phối hợp được, Phần Tổng Hợp là tính số lượng Tâm Sở phối hợp được với các Tâm ấy.

46. Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở như tiếp theo đây: Thọ, Tầm, Thắng Giải, Hỷ, Dục, Si, Tà Kiến, Tật Đố, Hôn Trầm, Hoài Nghi, Tín, Bi Mẫn.

46. Đáp: Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở Thọ có số lượng 51.

Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở Tầm có số lượng 51.

Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở Thắng Giải có số lượng 50.

Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở Hỷ có số lượng 46.

Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở Dục có số lượng 50.

Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở Si có số lượng 26.
Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở Tà Kiến có số lượng 20.
Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở Tật Đồ có số lượng 19.
Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở Hôn Trầm có số lượng 25.
Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở Hoài Nghi có số lượng 14.
Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở Tín có số lượng 37.
Tâm Sở câu sinh với Tâm Sở Bi Mẫn có số lượng 33.

47. Hỏi: Nữ nhân áo vàng là Bạc Thất Lai (Dự Lưu), một ngày nọ đi ngang qua rạp chiếu bóng trông thấy các hình ảnh quảng cáo, ngay tức thì có sự dục cầu muốn xem, mới đi vào xem và có nhiều sự vui thích. Muốn biết rằng sát na ấy Tâm Sở nào làm chủ yếu, và có bao nhiêu Tâm Sở khác nữa cùng câu sinh, là những chi ?

47. Đáp: Trong sát na ấy, Tâm Sở Tham làm chủ yếu, và có 18 hoặc 17 Tâm Sở khác cùng câu sinh với nhau, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 4 Tâm Sở Si Phần, 1 Tâm Sở Ngã Mạn, gom thành 18. Hoặc 13 Tâm Sở Tợ Tha, 4 Tâm Sở Si Phần, gom thành 17.

48. Hỏi: Trong lần đầu tiên, người Cha biết rằng con trai thi cử không đạt tiêu chuẩn (*khảo bất cập cách*) cũng không trừng phạt con trai, vì nghĩ rằng lẽ thường tình, thế nhưng tiếp đến một ngày thầy dạy bảo rằng con trai không chú tâm học, thường luôn bỏ học, mới phát nổi giận nhiều. Muốn biết rằng sát na ấy, Tâm Sở nào làm chủ yếu và có bao nhiêu Tâm Sở khác cùng câu sinh, là những chi ?

48. Đáp: Sát na ấy Tâm Sở Sân làm chủ yếu, và có 16 Tâm Sở khác cùng câu sinh, là: 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Tâm Sở Si Phần, gom thành 16.

49. Hỏi: Khi Ngài đã đọc câu hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp rồi, có khả năng biết câu trả lời tức khắc. Muốn biết rằng trong sát na ấy, Tâm Sở nào làm chủ yếu và có bao nhiêu Tâm Sở khác cùng câu sinh, là những chi ?

49. Đáp: Trong sát na ấy, Tâm Sở Trí Tuệ làm chủ yếu, có 34 Tâm Sở khác cùng câu sinh, là: 13 Tâm Sở Tợ Tha, 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần, gom thành 34.

50. Hỏi: Hãy trình bày một cách quảng nghĩa số lượng những thể loại Tâm Sở này: Xúc, Tứ, Hỷ, Trạo Cử, Ngã Mạn, Thụy Miên, Sân, Hoài Nghi, Vô Sân, Chánh Ngữ, Tùy Hỷ, Trí Tuệ.

50. Đáp: Một cách quảng nghĩa **Tâm Sở Xúc (Phassa)** có 121.

Một cách quảng nghĩa **Tâm Sở Tứ (Vicāra)** có 66.

Một cách quảng nghĩa **Tâm Sở Hỷ (Pīti)** có 51.

Một cách quảng nghĩa **Tâm Sở Trạo Cử (Uddhacca)** có 12.

Một cách quảng nghĩa **Tâm Sở Ngã Mạn (Māna)** có 4.

Một cách quảng nghĩa **Tâm Sở Thụy Miên (Middha)** có 5.

Một cách quảng nghĩa **Tâm Sở Sân (Dosa)** có 2.
Một cách quảng nghĩa **Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchā)** có 1.
Một cách quảng nghĩa **Tâm Sở Vô Sân (Adosa)** có 91.
Một cách quảng nghĩa **Tâm Sở Chánh Ngữ (Sammāvācā)** có 48.
Một cách quảng nghĩa **Tâm Sở Tùy Hỷ (Muditā)** có 28.
Một cách quảng nghĩa **Tâm Sở Trí Tuệ (Paññā)** có 79.

51. Hỏi: Hãy trình bày một cách thuận tự thực tính 52 Tâm Sở Siêu Lý.

Kết Thúc Chương Thứ Hai – Tổng Hợp Tâm Sở

CÁC PHẦN TÂM VÀ TÂM SỞ ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BIỂU ĐỒ Ở PHẦN DƯỚI



PHẦN TỔNG HỢP TÂM VÀ TÂM SỞ

CETASIKA (TÂM SỞ)		13 TỶ THA							14 BẤT THIỆN							25 TỊNH HẢO				TÂM CỐ TÂM SỞ PHỐI HỢP	
		7 BIẾN HÀNH	1 TÂM	1 TỬ	1 THẮNG GIẢI	1 CẦN	1 HỖ	1 DỤC	4 SI PHẢN	1 THAM	1 TÀ KIẾN	1 NGÃ MẠN	4 SÂN PHẢN	2 HỖN TRÂM THỤY MIỄN	1 HOÀI NGHI	19 TỊNH HẢO BIẾN HÀNH	3 NGĂN TRỪ PHẢN	2 VÔ LƯỢNG	1 TUỆ QUYỀN		
SANGAHANAYA (PHẦN TỔNG HỢP)	TTA (TÂM)																				
12 BẤT THIỆN	THAM CĂN THỨ 1	7	1	1	1	1	1	1	4	1	1									19	1
	THAM CĂN THỨ 2	7	1	1	1	1	1	1	4	1	1			2						21	
	THAM CĂN THỨ 3	7	1	1	1	1	1	1	4	1		1								19	1
	THAM CĂN THỨ 4	7	1	1	1	1	1	1	4	1		1		2						21	
	THAM CĂN THỨ 5	7	1	1	1	1		1	4	1	1									18	1
	THAM CĂN THỨ 6	7	1	1	1	1		1	4	1	1			2						20	
	THAM CĂN THỨ 7	7	1	1	1	1		1	4	1		1								18	1
	THAM CĂN THỨ 8	7	1	1	1	1		1	4	1		1		2						20	
	SÂN CĂN THỨ 1	7	1	1	1	1		1	4				4							20	1
	SÂN CĂN THỨ 2	7	1	1	1	1		1	4				4	2						22	1
	SI CĂN THỨ 1	7	1	1		1			4						1					15	1
	SI CĂN THỨ 2	7	1	1	1	1			4											15	
16 VU NHÂN	NGŨ SONG THỨC 10	7																		7	1
	THẨM TÂN XẢ THỌ 2	7	1	1	1															10	1
	3 Ý GIỚI (A) 3	7	1	1	1															10	
	THẨM TÂN HỖ THỌ 1	7	1	1	1		1													11	1
	KHAI Ý MÔN 1	7	1	1	1	1														11	
	TIỂU SINH 1	7	1	1	1	1	1													12	1
THIỆN	ĐẠI THIỆN ĐÔI 1	7	1	1	1	1	1	1								19	3	2	1	38	1
	ĐẠI THIỆN ĐÔI 2	7	1	1	1	1	1	1								19	3	2		37	1
	ĐẠI THIỆN ĐÔI 3	7	1	1	1	1		1								19	3	2	1	37	1
	ĐẠI THIỆN ĐÔI 4	7	1	1	1	1		1								19	3	2		36	1
ĐẠI QUẢ	ĐẠI QUẢ ĐÔI 1	7	1	1	1	1	1	1								19			1	33	1
	ĐẠI QUẢ ĐÔI 2	7	1	1	1	1	1	1								19				32	1
	ĐẠI QUẢ ĐÔI 3	7	1	1	1	1		1								19			1	32	1
	ĐẠI QUẢ ĐÔI 4	7	1	1	1	1		1								19				31	1
DUY TÁC	ĐẠI DUY TÁC ĐÔI 1	7	1	1	1	1	1	1								19		2	1	35	1
	ĐẠI DUY TÁC ĐÔI 2	7	1	1	1	1	1	1								19		2		34	1
	ĐẠI DUY TÁC ĐÔI 3	7	1	1	1	1		1								19		2	1	34	1
	ĐẠI DUY TÁC ĐÔI 4	7	1	1	1	1		1								19		2		33	1

HIỆP THỂ	SỐ THIỀN	3	7	1	1	1	1	1	1							19		2	1	35	1
	NHỊ THIỀN	3	7		1	1	1	1	1							19		2	1	34	1
	TAM THIỀN	3	7			1	1	1	1							19		2	1	33	1
	TỨ THIỀN	3	7			1	1		1							19		2	1	32	1
	NGŨ THIỀN	15	7			1	1		1							19			1	30	1
SIÊU THỂ	SỐ THIỀN	8	7 Hỷ	1	1	1	1	1	1							19	3		1	36	1
	NHỊ THIỀN	8	7 Hỷ		1	1	1	1	1							19	3		1	35	1
	TAM THIỀN	8	7 Hỷ			1	1	1	1							19	3		1	34	1
	TỨ THIỀN	8	7 Hỷ			1	1		1							19	3		1	33	1
	NGŨ THIỀN	8	7 Xả			1	1		1							19	3		1	33	1

A): 3 TÂM Ý GIỚI: 2 TÂM THIẾP THẦU XẢ THỌ + 1 TÂM KHAI NGŨ MÔN



PHÂN PHỐI HỢP TÂM VÀ TÂM SỞ

A AYOGANAYA (PHÂN PHỐI HỢP) SIKA (SỞ)		54 TÂM DỤC GIỚI											27 TÂM ĐÁO ĐẠI					40 TÂM SIÊU THỂ					GOTÂM		
		12 BẤT THIÊN				18 VÔ NHÂN				24 DỤC TỊNH HẢO			SẮC GIỚI VÀ VÔ SẮC GIỚI					GIẢI RỘNG					PHỐI HỢP GIẢN LƯỢC		
		8 THAM CĂN	2 SÂN CĂN	1 HOÀI NGHI	1 ĐIỆU CỬ	10 NGŨ SONG THỨC	2 TIẾP THẬU	3 THẨM TÁN	1 KHAI NGŨ MÔN	2 KHAI Ý - TIỂU SINH	8 ĐẠI THIÊN	8 ĐẠI QUẢ	8 ĐẠI DUY TÁC	3 SƠ THIÊN	3 NHỊ THIÊN	3 TAM THIÊN	3 TỨ THIÊN	15 NGŨ THIÊN	8 SƠ THIÊN	8 NHỊ THIÊN	8 TAM THIÊN	8 TỨ THIÊN			8 NGŨ THIÊN
BIẾN HÀNH - 7		8	2	1	1	10	2	3	1	2	8	8	8	3	3	3	3	15	8	8	8	8	8	89	
BIỆT CẢNH - (6)	TÂM	8	2	1	1		2	3	1	2	8	8	8	3					8						
	TỨ	8	2	1	1		2	3	1	2	8	8	8	3	3				8	8					
	THẮNG GIẢI	8	2	1	1		2	3	1	2	8	8	8	3	3	3	3	15	8	8	8	8	8	78	
	CĂN	8	2	1	1					2	8	8	8	3	3	3	3	15	8	8	8	8	8	73	
	HỖ	8						1		1	4	4	4	3	3	3	3		8	8	8				
	DỤC	8	2								8	8	8	3	3	3	3	15	8	8	8	8	8	69	
TỨ SI PHẦN	SI	8	2	1	1																			12	
	VÔ TÂM	8	2	1	1																			12	
	VÔ QUÝ	8	2	1	1																			12	
	ĐIỆU CỬ	8	2	1	1																			12	
TAM THAM PHẦN	THAM	8																						8	
	TÀ KIẾN	4																						4	
	NGÃ MẠN	4																						4	
TỨ SÂN PHẦN	SÂN		2																					2	
	TẬT ĐỎ		2																					2	
	LÂN SẮC		2																					2	
	HÔI HẬN		2																					2	
NHỊ HÔN TRÂM	HÔN TRÂM	4	1																					5	
	THUY MIỀN	4	1																					5	
HOÀI NGHI	HOÀI NGHI			1																				1	
TỊNH HẢO BIẾN HÀNH – 19											8	8	8	3	3	3	3	15	8	8	8	8	8	59	

TAM NGÃN TRÙ PHẦN	CHÁNH NGŨ										8								8	8	8	8	8	16
	CHÁNH NGHIỆP										8								8	8	8	8	8	16
	CHÁNH MẠNG										8								8	8	8	8	8	16
NHỊ VÔ LŨƠN G PHẦN	BI MÃN										8		8	3	3	3	3							28
	TÙY HỖ										8		8	3	3	3	3							28
TUỆ QUYỀ N	TUỆ QUYỀN										4	4	4	3	3	3	3	15	8	8	8	8	8	47



Văn kiện khóa trình đại cương **Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhị (Cūlabhidhammika Tho)** là khóa trình đại cương trong việc nghiên cứu học hỏi Lớp Vô Tỷ Pháp thứ 2 trong số lượng 9 Lớp khóa trình đại cương. Sự thành tựu quyền kinh sách này, Bản Đạo cam đoan rằng làm thành sự lợi ích rất nhiều cho việc sử dụng tùy thân, đối với học viên và Giáo Thọ giảng dạy, cả người tại gia và hàng xuất gia suốt thời gian lâu dài, tương tự với khóa trình đại cương **Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Độ Tam (Cūlabhidhammika Tri)** mà Bản Đạo đã soạn tác. Đối với nội dung thâm khắc hữu quan với việc nghiên cứu, đã phản bác điều đối chiếu đã không được đem đến trình bày trong khóa trình đại cương thuộc Lớp học viên này, vì chưa có phù hợp đối với năng lực học hỏi. Năng lực nghĩ suy thâm sát của Lớp học viên này, nếu như đem nội dung cực kỳ thâm khắc, vượt quá năng lực của học viên xen vào trong khóa trình đại cương này thì sẽ cho phát sinh điều lợi ích ít hơn là điều đáng sẽ hoạch đắc. Tỷ dụ như một người soi lỗ hoa tai, trong lúc ban đầu cần phải sử dụng mũi kim nhỏ soi cho thành lỗ hồng trước, rồi mới lấy cái vòng vàng đeo vào. Khi vết thương mất rồi sẽ phải làm việc mở rộng cho lỗ hoa tai ấy rộng ra, tuần tự thay đổi dần dần cái vòng vàng ấy cho to lớn lên dần, lỗ hoa tai ấy cũng được mở rộng lớn ra theo sự nhu cầu, mà không làm cho vị ấy cảm thụ bất luận sự khốn khổ nào. Nếu như vị ấy soi lỗ hoa tai mà bất liễu giải việc soi, chỉ cần phải làm cho lỗ hoa tai rộng vừa đủ để sẽ cài cuống hoa tai vào luôn một lúc, lại lấy cây kim to đến để soi theo kiểu này rồi sẽ làm cho người soi lỗ hoa tai ấy phải bị đón nhận sự đau đớn rất nhiều, đôi khi cũng có thể làm cho lỗ hoa tai ấy bị xé rách đi.

Điều này như thế nào, việc nghiên cứu học hỏi trong các môn học cũng tương tự như nhau. Học viên tất yếu sẽ cần phải cố định các môn học ấy cho được nhất quán trước, rồi tiếp đến mới hăng giải thích xiển minh cho rộng lớn quảng nghĩa ra bao nhiêu cũng được. Học viên khi đã được cố định rồi, sẽ không có cảm thụ bất luận khổ tâm nào, việc học hỏi ấy cũng sẽ trở sinh hệ quả tốt đẹp, như thế ấy. Với nguyên nhân này, nội dung tường tế thâm khắc như đã đề cập, Bản Đạo mới tập trung trình bày một cách đặc biệt, và thích dụng thành khóa trình đại cương đối với Lớp Giáo Thọ, gọi tên là Khóa Trình Đại Cương Lớp Giáo Thọ Vô Tỷ Pháp Độ Tam, Độ Nhị. Bản Đạo cực lực đảm bảo rằng sẽ được đón nhận lợi ích hơn rất nhiều mà các bạn sẽ chứng thực được nếu như các bạn đã được đọc nội dung trong khóa trình đại cương ấy rồi.

Lại nữa, Bản Đạo thường luôn kiên tín rằng việc nghiên cứu học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp này sẽ cần phải có sự phát triển tiên tiến phổ cập, làm thành chỗ hỷ ái đối với tất cả Phật Giáo Đồ hiện hữu trong quốc độ có Phật Giáo một cách nhất định, vì rằng Tạng Vô Tỷ Pháp này là Giáo Pháp thù thắng, có khả năng làm cho học viên cầu học có tri thức lý giải được chính xác theo thực tính, và có khả năng tu chính sự tà kiến, sự lý giải sai lầm, sự hoài nghi, sự sợ hãi trong sự việc không đáng sợ hãi, sự không sợ hãi trong sự việc đáng sợ hãi, sự tầm quý trong sự việc không đáng tầm quý, sự không tầm quý trong sự việc đáng tầm quý v.v. cho mất hết đi; với luôn cả các câu chuyện mà mình vẫn còn có sự hoài nghi không thấu hiểu, hoặc lý giải sai lầm hữu quan với việc được lắng nghe, việc học hỏi trong các Tạng Kinh, Tạng Luật ấy. Nếu như đã được học hỏi cho thấu hiểu tốt đẹp trong Tạng Vô Tỷ Pháp phổ cập rồi, thường có khả năng làm cho mất hết sự hoài nghi, có việc quyết định một cách kiên quyết, sự

không thấu hiểu khởi trở lên thấu hiểu, sự lý giải sai lầm cũng quay trở lại lý giải chính xác, là hệ quả phát sinh từ việc học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp hết cả thầy. Với nguyên nhân này, Bản Đạo mới có sự kiên tín rằng việc nghiên cứu học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp tất định sẽ cần phải tiến hóa như đã đề cập.

Y cứ sự kiên tín hiện hữu trong tâm trí Bản Đạo như đã đề cập, Bản Đạo mới tận lực từng ngày một bồi huấn giảng dạy học viên cho thấu hiểu trong Tạng Vô Tỷ Pháp kể từ Lớp đầu tiên cho đến Lớp cuối cùng bất tương đáo sự khôn khổ nào. Đâu có phải chỉ có bấy nhiêu đó, chính Bản Đạo đã có tác ý dục cầu sẽ giảng dạy học viên cho được tín thọ tri thức trong Giáo Pháp Đức Phật cho tròn đủ cả Tam Tạng, luôn cả Ngũ Pháp **Pāli** cho được tề toàn. Thế nhưng, vì Bản Đạo đã có trọng trách trong lãnh vực Tạng Vô Tỷ Pháp rồi, do đó mới tất bất khả thiếu buộc phải thực sự đình chỉ việc giảng dạy trong lãnh vực Tạng Kinh, Tạng Luật và Ngũ Pháp **Pāli** này trước tiên, Bản Đạo chỉ còn giảng dạy một chút ít thôi.

Đối với lãnh vực thực hành **Minh Sát Tuệ (Vipassanā)**, Bản Đạo cũng đã từng được thực hành tổng hợp thời gian khoảng độ 1 năm hơn, mà sự vụ của Phật Giáo trong lãnh vực này Bản Đạo cũng có tâm nguyện tương tự rằng nếu như trong tương lai có được cơ hội nối tiếp, Bản Đạo sẽ cố gắng hướng dẫn cho Phật Giáo Đồ quan chú trong các điều thực hành một cách thích hợp đối với sự lợi ích của các Phật Giáo Đồ.

Trong việc học hỏi Tạng Vô Tỷ Pháp, Bản Đạo có ý kiến rằng duy nhất chỉ có việc giảng dạy, mà không có việc khảo thí tri thức của các học viên, nhận thấy rằng hệ quả được đón nhận từ việc học hỏi ấy có ít ỏi, không được tương đương với điều đáng sẽ hoạch đắc, vì lẽ có một số học viên không có thực sự chú tâm cầu học, chỉ đến nghe chơi chơi thôi. Khi đã là như vậy, người sẽ có tri thức một cách chân chính, sẽ có khả năng bang trợ bảo hộ và truyền bá Pháp Quy của Giáo Pháp Đức Phật cũng sẽ không có được; với nguyên nhân này, Bản Đạo mới thiết lập việc khảo thí cuối năm môn học Tạng Vô Tỷ Pháp, vào lúc Phật Lịch 2498 trở đi và hệ quả việc chú tâm tỏ ra tốt đẹp như nguyện dĩ thường.

Đối với việc soạn tác kinh điển, là khóa trình đại cương trong việc khảo thí cuối năm ấy, Bản Đạo đã bắt đầu thực hiện kể từ Phật Lịch 2493, tính số lượng kinh điển mà Bản Đạo đã biên soạn cho đến quyển kinh khóa trình đại cương **Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị** này, là quyển kinh thứ 11, khi đến Phật Lịch 2505 đã có được 8 quyển kinh nữa, tổng hợp thành 19 quyển kinh. Tất cả này, Bản Đạo có ý kiến rằng nếu như có khóa trình đại cương trong việc học hỏi cho hoàn hảo tề toàn, cũng sẽ làm cho việc giảng dạy, việc cầu học, việc khảo thí, có sự thuận lợi rất nhiều; với luôn cả làm cho có khóa trình đại cương ổn cố đối với việc soạn tác kinh điển, là khóa trình đại cương trong việc học hỏi ấy, các Chú Giải Sư đã đề cập lời khuyên bảo một cách trung thực đối với tất cả các vị soạn tác kinh điển một cách đáng chú ý:

1. Gambhīraṃ Buddhavacanam	Adhippāyaṃ gahetabbam
Ācere upasitvāti	Vadantācariyāsabhā
2. Yo ca gantham na kareyya	Byākaraṇe akovido
Na laddhācariyovādo	Sāṭṭhakathāya piṭake

Dịch nghĩa rằng:

1. Bậc Chú Giải Sư có sự tinh thông thực luyện, nói lời khuyên bảo một cách trung thực các học viên rằng **Phật ngôn (Buddhavacana)** này có nội dung thâm khắc cực nan kiến, vì thế người cần phải tầm cầu tri thức chính xác, cần phải thường luôn vào tiếp kiến Bậc Giáo Thọ cấp trí hữu mẫn tiệp, rồi cố gắng ghi nhớ kỹ lời giải thích khó hiểu ấy.

2. Đối với người vẫn chưa có sự thấu hiểu đủ tốt trong Ngũ Pháp **Pāli** và cả 3 Tạng cùng với Chú Giải; với cả người vẫn chưa có được đón nhận lời giải thích hữu quan với việc hướng dẫn nghiên cứu từ Bậc Giáo Thọ ấy, không nên soạn tác kinh điển.

Saddhammajotika Dhammācariya
Pháp Sư Chánh Pháp Quang Minh
Ngày thứ 30 Tháng 9 Dương Lịch, Phật Lịch 2505

CHƯƠNG THỨ BA: TỔNG HỢP LINH TINH (PAKIṆṆAKA SAṄGAHA)

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA
CUNG KÍNH ĐỨC THỂ TÔN - ỨNG CÚNG - CHÁNH BIẾN TRI

CẢ 6 MẪU ĐỀ (MĀTIKĀ) VÀ LỜI THỆ NGUYỆN (PAṬIÑÑĀ)

1. Sampayuttā yathāyogaṃ Cittacetāsikā dhammā	Te paññāsa sabhāvato Tesandāni yathārahaṃ
2. Vedanāhetuto kicca Cittuppādaseneva	Dvārālabanavattuto Saṅgaho nāma nīyate

53 Pháp Thực Tính (Sabhāvadhamma) là Tâm và Tâm Sở, gọi tên là **Danh Ngũ Thập Tam (Nāmatepaññāsa)** rằng theo trạng thái tự bản thân phối hợp với **Đồng Sinh (Ekup pādāta)** v.v. vừa theo phối hợp, như đã trình bày một cách quảng nghĩa (trong Chương thứ 2). Bây giờ Tôi (**Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya**) sẽ trình bày **Tổng Hợp Linh Tinh (Pakiṇṇakasaṅgaha)** của Tâm và Tâm Sở, rằng với mãnh lực từ việc sinh khởi Tâm thể theo phân loại từ nơi **Thọ (Vedanā)**, **Nhân (Hetu)**, **Sự Vụ (Kicca)**, **Môn (Dvāra)**, **Cảnh (Ārammaṇa)** và **Vật (Vatthu)** một cách thích hợp.

Hai câu kệ này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** trình bày nhằm để lập ý cho thành **Tiền Liên Kết (Pubbānusandhi)** và **Hậu Liên Kết (Aparānusandhi)**, là việc nối tiếp giữa Chương thứ 2 đã có trình bày với Chương thứ 3 sẽ được trình bày tiếp theo. Nhằm để trình bày việc đặt chủ đề của Chương thứ 3 này, rằng sẽ trình bày 6 thể loại **Tổng Hợp (Saṅgaha)** có **Tổng Hợp Thọ (Vedanāsaṅgaha)** v.v. và để trình bày **Lời Thệ Nguyện (Paṭiññā)** là việc bảo chứng rằng sẽ trình bày xiển minh từ việc sinh khởi Tâm thể theo phân loại từ nơi **Thọ (Vedanā)**, **Nhân (Hetu)**, **Sự Vụ (Kicca)**, **Môn (Dvāra)**, **Cảnh (Ārammaṇa)** và **Vật (Vatthu)**, vì thế trong Chương thứ 3 của **Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhi**

dhammasaṅgaha) này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācāriya** mới trình bày việc phân chia chỉ có một nhóm Tâm thể theo **Tổng Hợp Thọ (Vedanāsaṅgaha)** v.v.

Sự thực, việc tổng hợp thể theo Thọ, Nhân, Sự Vụ, Môn, Cảnh, Vật mà gọi tên là Tổng Hợp Thọ v.v. chẳng phải chỉ tổng hợp duy nhất một thể loại Tâm, cần phải tổng hợp Tâm Sở với, vì Tâm và Tâm Sở ấy thường luôn câu sinh với nhau, với nguyên nhân này, trong khóa trình đại cương Tiểu Học Vô Tỷ Pháp Độ Nhị mới trình bày tổng hợp cả Tâm và Tâm Sở thể theo Thọ, Nhân v.v. để cho các học viên tri đắc một cách khinh nhi dị cử.

Lời nói rằng **Pakiṇṇaka (Linh Tinh)** dịch nghĩa “tân lạc, biến bố cùng khắp” vì thế lời nói rằng **Pakiṇṇakasaṅgaha (Tổng Hợp Linh Tinh)** mới dịch nghĩa là “việc trình bày tổng hợp Tâm Tâm Sở một cách tân lạc cùng khắp”, tức là việc trình bày tổng hợp thể theo phần Thọ, phần Nhân, phần Sự Vụ, phần Môn, phần Cảnh, phần Vật.

Lời nói rằng **Nāmatepaññāsa (Danh Ngũ Thập Tam)** là **53 Pháp Thực Tính (Sa bhāvadhamma)** đó là **1 Tâm (Citta)** **52 Tâm Sở (Cetasika)** này tính với sở kiến chi trạng thái của bản thân, tức là 89 Tâm ấy – rằng khi theo trạng thái thì chỉ có duy nhất một trạng thái là “có việc thường luôn được tiếp thu Cảnh” (**Ārammaṇavijāṇanalakkhaṇā**), là trạng thái giống nhau hết, vì thế mới tính thành 1. Còn 52 Tâm Sở ấy có trạng thái của bản thân một cách riêng biệt, không giống nhau, chẳng hạn như **Tâm Sở Xúc (Phassacetāsika)** có trạng thái xúc cảm Cảnh (**Phusanalakkhaṇā**), **Tâm Sở Thọ (Vedanācetasika)** có trạng thái cảm thụ Cảnh (**Anubhavanalakkhaṇā**) như thế này v.v. vì thế khi kết hợp Tâm và Tâm Sở vào nhau mới gọi là **Danh Ngũ Thập Tam (Nāmatepaññāsa)**, là **53 Pháp Thực Tính (Sa bhāvadhamma)**.

TỔNG HỢP THỌ (VEDANĀSAṄGAHA)

Việc tổng hợp Tâm – Tâm Sở theo phân loại từ nơi **Thọ (Vedanā)**, gọi tên là **Tổng Hợp Thọ (Vedanāsaṅgaha)**.

KỆ TRÌNH BÀY 3 VÀ 5 THỌ (VEDANĀ)

1. Sukhaṃ dukkhamupekkhāti

Somanassaṃ domanassa

Tividhā tattha vedanā

Miti bhedenā pañcadhā

Trong Tổng Hợp Thọ, rằng theo **Trạng Thái Cảm Thụ Cảnh (Ārammaṇānubhavanalakkhaṇā)**, là trạng thái từ sự việc đã cảm thụ Cảnh, có 3 thể loại Thọ là (1) **Lạc Thọ (Sukhavedanā)**, (2) **Khổ Thọ (Dukkavedanā)**, (3) **Xả Thọ (Upekkhavedanā)**; rằng theo **Phân Loại Quyền Lực (Indriyabheda)** có 5 thể loại Thọ là (1) **Lạc Thọ (Sukhavedanā)**, (2) **Khổ Thọ (Dukkavedanā)**, (3) **Hỷ Thọ (Somanassavedanā)**, (4) **Ưu Thọ (Domanassa vedanā)**, (5) **Xả Thọ (Upekkhavedanā)**.

KỆ TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN CHIA 121 TÂM THEO 5 THỌ (VEDANĀ)

**2. Sukhamekattha dukkhañca
Dvāsaṭṭhīsu somanassaṃ**

**Domanassaṃ dvaye ṭhitam
Pañcapaññāsaketarā.**

Lạc Thọ (Sukhavedanā) và **Khổ Thọ (Dukkhavedanā)** phối hợp trong Tâm Thân Thức, từng mỗi loại 1 Tâm. **Ưu Thọ (Domanassavedanā)** phối hợp trong 2 Tâm. **Hỷ Thọ (Somanassavedanā)** phối hợp trong 62 Tâm. Thọ ngoài ra đây, là **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)** phối hợp trong 55 Tâm.

GIẢI THÍCH TRONG KỆ THỨ 1

Việc trình bày phân loại từ nơi **Thọ (Vedanā)** đây, có 2 phần là:

Phần thứ 1 trình bày thể theo **Ārammaṇānubhavanalakkhaṇanaya** là trạng thái hiện hành từ việc cảm thụ Cảnh.

Phần thứ 2 trình bày thể theo **Indriyabhedanaya** là việc thành chủ yếu, thành người trị lý.

THEO PHẦN TRẠNG THÁI CẢM THỤ CẢNH (3 THỌ) (ĀRAMMAṆĀNUBHAVANALAKKHAṆANAYA)

Trạng thái hiện hành từ việc cảm thụ Cảnh của chúng hữu tình thường hiện hữu 3 thể loại với nhau, là:

1. Trong sát na đang cảm thụ Cảnh, đôi khi cũng cảm giác an lạc, gọi là **Lạc Thọ (Sukhavedanā)**.

2. Trong sát na đang cảm thụ Cảnh, đôi khi cũng cảm giác bất an, gọi là **Khổ Thọ (Dukhavedanā)**.

3. Trong sát na đang cảm thụ Cảnh, đôi khi cũng cảm giác tỉnh mặc, không có an lạc, không có khổ đau, gọi là **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)**.

THEO PHẦN PHÂN LOẠI QUYỀN LỰC (5 THỌ) (INDRIYABHEDANAYA)

Việc cảm thụ Cảnh của chúng hữu tình đây, hữu quan với phần Thân, hữu quan với phần Tâm. Hữu quan với Thân có 2 là: cảm giác an lạc và bất an. Hữu quan với Tâm có 3 là: cảm giác an lạc, bất an và tỉnh mặc.

1. Sự cảm giác an lạc hữu quan với Thân, Tâm Sở Thọ ở trong Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc thành chủ yếu, thành người trị lý, gọi là **Lạc Thọ (Sukhavedanā)**.

2. Sự cảm giác bất an hữu quan với Thân, Tâm Sở Thọ ở trong Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ thành chủ yếu, thành người trị lý, gọi là **Khổ Thọ (Dukhavedanā)**.

3. Sự cảm giác an lạc hữu quan với Tâm, Tâm Sở Thọ ở trong Tâm Câu Hành Hỷ thành chủ yếu, thành người trị lý, gọi là **Hỷ Thọ (Somanassavedanā)**.

4. Sự cảm giác bất an hữu quan với Tâm, Tâm Sở Thọ ở trong Tâm căn Sân thành chủ yếu, thành người trị lý, gọi là **Ưu Thọ (Domanassavedanā)**.

5. Sự cảm giác tĩnh mặc hữu quan với Tâm, Tâm Sở Thọ ở trong Tâm Câu Hành Xả thành chánh yếu, thành người trị lý, gọi là **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)**.

GIẢI THÍCH TRONG KỆ THỨ 2

1. Tâm câu sinh Lạc Thọ có 1 là 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc.
2. Tâm câu sinh Khổ Thọ có 1 là 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ.
3. Tâm câu sinh Hỷ Thọ có 62 là 62 Tâm Câu Hành Hỷ.
4. Tâm câu sinh Ưu Thọ có 2 là 2 Tâm căn Sân.
5. Tâm câu sinh Xả Thọ có 55 là 55 Tâm Câu Hành Xả.

VIỆC PHÂN CHIA 121 TÂM THEO 3 THỌ

1. Tâm Câu Sinh Lạc Thọ có 63 là:

+ 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc (Sukhasahagatakāyaviññānacitta).

+ 62 Tâm Câu Hành Hỷ (Somanassasahagatacitta).

Kết hợp thành 63 Tâm Câu Sinh Lạc Thọ.

2. Tâm Câu Sinh Khổ Thọ có 3 là:

+ 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ (Dukkhasahagatakāyaviññānacitta).

+ 2 Tâm Câu Hành Ưu (Domanassasahagatacitta).

Kết hợp thành 3 Tâm Câu Sinh Khổ Thọ.

3. Tâm Câu Sinh Xả Thọ có 55 là:

+ 55 Tâm Câu Hành Xả (Upekkhāsahagatacitta).

VIỆC PHÂN CHIA 52 TÂM SỞ THEO 5 THỌ

1. Tâm Sở chỉ câu sinh độc nhất một Thọ, có 6 là:

+ 4 Tâm Sở Sân Phần (Docatukacetāsika) câu sinh độc nhất Ưu Thọ.

+ 1 Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchācetāsika) câu sinh độc nhất Xả Thọ.

+ 1 Tâm Sở Hỷ (Pīticetāsika) câu sinh độc nhất Hỷ Thọ.

2. Tâm Sở câu sinh với 2 Thọ, có 28 là:

+ 3 Tâm Sở Tham Phần (Lotikacetāsika) câu sinh với Hỷ Thọ và Xả Thọ.

+ 25 Tâm Sở Tịnh Hảo (Sobhaṇacetāsika) câu sinh với Hỷ Thọ và Xả Thọ.

3. Tâm Sở câu sinh với 3 Thọ, có 11 là:

+ 5 Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇakacetāsika) (trừ Hỷ) câu sinh với Hỷ Thọ, Ưu Thọ và Xả Thọ.

+ 4 Tâm Sở Si Phần (Mocatukacetāsika) câu sinh với Hỷ Thọ, Ưu Thọ và Xả Thọ.

+ 2 Tâm Sở Hôn Phần (Thīdukacetāsika) câu sinh với Hỷ Thọ, Ưu Thọ và Xả Thọ.

4. Không có Tâm Sở câu sinh với 4 Thọ.
5. Tâm Sở câu sinh với 5 Thọ, có 6 là:
+ 6 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇacetasika) (trừ Thọ) câu sinh với hết cả 5 Thọ.
6. Tâm Sở bất câu sinh với bất luận một thể loại Thọ nào, có 1 là Tâm Sở Thọ.

Việc phân chia Tâm và Tâm Sở thể theo Thọ (Vedanā) đây, học viên nên kiên thủ **Phần Phối Hợp (Sampayoganaya)** và **Phần Tổng Hợp (Saṅgahanaya)** làm căn bản. Nếu như đã liễu giải Phần Phối Hợp và Phần Tổng Hợp rồi, cũng sẽ liễu giải việc phân tích Tâm và Tâm Sở theo phần Thọ như nhau.

Các Tổng Hợp nối tiếp có **Tổng Hợp Nhân (Hetusaṅgaha)** v.v. cũng hiện hành trong cùng phương thức này.

Kết Thúc Tổng Hợp Thọ

TỔNG HỢP NHÂN (HETUSAṅGAHA)

Việc tổng hợp Tâm Tâm Sở theo phân loại từ nơi **Nhân (Hetu)**, gọi là **Tổng Hợp Nhân (Hetusaṅgaha)**.

KỆ TRÌNH BÀY 6 HOẶC 9 NHÂN (HETU)

Lobho doso ca moho ca Hetū akusalā tayo
Alobhādosāmoho ca Kusalābyākatā tathā

Nhân Bất Thiện (Akusalahetu) có 3 là **Nhân Tham (Lobhahetu)**, **Nhân Sân (Dosa hetu)**, **Nhân Si (Mohahetu)**. **Nhân Thiện (Kusalahetu)** và **Nhân Vô Ký (Abyākatahetu)**, mỗi thể loại có ba là **Nhân Vô Tham (Alobhahetu)**, **Nhân Vô Sân (Adosahetu)**, **Nhân Vô Si (Amohahetu)**.

LỜI GIẢI THÍCH

Lời nói rằng **Hetu (Nhân)** ý muốn nói là Pháp làm cho Quả sinh khởi và cho **Pháp Quả (Phaladhamma)** ấy kiên trụ trong Cảnh, và cho được phát triển lên.

Quả (Phala) sinh từ **Nhân (Hetu)**: đó là **Thân Nghiệp Lực (Kāyakamma)**, **Ngũ Nghiệp Lực (Vacīkamma)**, **Ý Nghiệp Lực (Manokamma)** ở phần **Thiện (Kusala)**, phần **Bất Thiện (Akusala)**, phần **Vô Ký (Abyākata)**.

Cảnh (Ārammaṇa): đó là Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Pháp thực tính hữu quan với sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng, danh xưng sai biệt, thoại ngữ sai biệt, sự kiện sai biệt.

PHÁP TÁC THÀNH NHÂN (HETU)

Pháp được tác thành **Nhân (Hetu)** đó là **Tâm Sở (Cetasika)** hiện hữu 6, là: **(1) Tham (Lobha)** sự tưởng đắc đáo, sự tưởng yếu, **(2) Sân (Dosa)** sự phát nộ, sự nảo hỏa, **(3) Si (Moha)** sự bất tri, **(4) Vô Tham (Alobha)** sự bất tưởng đắc đáo, sự bất tưởng yếu, **(5) Vô Sân (Adosa)** sự bất phát nộ, sự bất nảo hỏa, **(6) Vô Si (Amoha)**, **Trí Tuệ (Paññā)** sự bất ngộ giải, sự bất trầm mị, sự bất trầm túy, sự bất ngộ hội, là liễu tri.

Trong tất cả **6 Nhân (Hetu)** này:

1. Nếu như phân loại từ nơi Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇa) và Tịnh Hảo (Sobhaṇa) có 6, là:

+ **Nhân Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇahetu)** có 3, đó là **Nhân Tham (Lobhaṇahetu)**, **Nhân Sân (Dosa hetu)**, **Nhân Si (Mohahetu)**.

+ **Nhân Tịnh Hảo (Sobhaṇahetu)** có 3, đó là **Nhân Vô Tham (Alobhaṇahetu)**, **Nhân Vô Sân (Adosaṇahetu)**, **Nhân Vô Si (Amohaṇahetu)**.

2. Nếu như phân loại từ nơi Bất Thiện (Akusala), Thiện (Kusala), Vô Ký (Abyākata) có 9 là:

+ **Nhân Bất Thiện (Akusalahetu)** có 3, đó là **Nhân Tham**, **Nhân Sân**, **Nhân Si**.

+ **Nhân Thiện (Kusalahetu)** có 3, đó là **Nhân Vô Tham**, **Nhân Vô Sân**, **Nhân Vô Si**.

+ **Nhân Vô Ký (Abyākatahetu)** có 3, đó là **Nhân Vô Tham**, **Nhân Vô Sân**, **Nhân Vô Si**.

3. Nếu như phân loại từ nơi Pháp Chủng (Jāti) có 12 là:

+ **Pháp Chủng Bất Thiện (Akusalajāti)** có 3, đó là **Nhân Tham**, **Nhân Sân**, **Nhân Si**.

+ **Pháp Chủng Thiện (Kusalajāti)** có 3, đó là **Nhân Vô Tham**, **Nhân Vô Sân**, **Nhân Vô Si**.

+ **Pháp Chủng Dị Thục Quả (Vipākajāti)** có 3, đó là **Nhân Vô Tham**, **Nhân Vô Sân**, **Nhân Vô Si**.

+ **Pháp Chủng Duy Tác (Kiriyaājāti)** có 3, đó là **Nhân Vô Tham**, **Nhân Vô Sân**, **Nhân Vô Si**.

4. Nếu như phân loại từ nơi Địa Giới (Bhūmi) có 15 là:

+ **Nhân Dục Giới (Kāmahetu)** có 6, đó là **Nhân Tham**, **Nhân Sân**, **Nhân Si**, **Nhân Vô Tham**, **Nhân Vô Sân**, **Nhân Vô Si**.

+ **Nhân Sắc Giới (Rūpahetu)** có 3, đó là **Nhân Vô Tham**, **Nhân Vô Sân**, **Nhân Vô Si**.

+ **Nhân Vô Sắc Giới (Arūpahetu)** có 3, đó là **Nhân Vô Tham**, **Nhân Vô Sân**, **Nhân Vô Si**.

+ **Nhân Siêu Thế (Lokuttarahetu)** có 3, đó là **Nhân Vô Tham**, **Nhân Vô Sân**, **Nhân Vô Si**.

5. Nếu như phân loại từ nơi Nhân Loại (Puggala) có 26 là:

+ Nhân sinh trong **Phàm Phu (Puthujjana)** có 6, đó là Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si, Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

+ Nhân sinh trong **Bặc Thất Lai (Sotāpannapuggala)** có 6, đó là Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si, Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

+ Nhân sinh trong **Bặc Nhất Lai (Sakadāgāmipuggala)** có 6, đó là Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si, Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

+ Nhân sinh trong **Bặc Bất Lai (Anāgāmipuggala)** có 5, đó là Nhân Tham, Nhân Si, Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

+ Nhân sinh trong **Bặc Vô Sinh (Arahantapuggala)** có 3, đó là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

Nhân làm cho **Pháp Quả (Phaladhamma)** được kiên trụ trong Cảnh, là khi mắt trông thấy sắc, tai được nghe âm thanh v.v. suốt cho đến Tâm khảo lự các câu chuyện, **Tâm Bất Thiện (Akusalacitta)** là **Tâm Tham (Lobhacitta)**, **Tâm Sân (Dosacitta)**, **Tâm Si (Mohacitta)**, hoặc **Tâm Thiện (Kusalacitta)** là **Tâm Tín (Saddhācitta)**, **Tâm Từ (Mettācitta)**, **Tâm Bi (Karūṇācitta)**, **Tâm Tương Ứng Trí (Ñāṇasampayuttacitta)** những thể loại này thường sinh khởi và kiên thủ các thể loại Cảnh ấy một cách ổn cố, **chính điều này làm thành Quả kiên trụ trong Cảnh khởi sinh từ những thể loại Nhân ấy.**

Nhân làm cho **Pháp Quả (Phaladhamma)** ấy cho được phát triển lên, là khi Tâm kiên thủ các thể loại Cảnh ấy, từ từ khởi lên có nhiều năng lực, ý muốn nói là **Tham (Lobha)** hoặc **Sân (Dosa)**, hoặc những thể loại **Tín (Saddhā)** v.v. khi sát na ban đầu sinh khởi, có năng lực vẫn còn yếu kém, vẫn chưa đi đến cho hoàn thành **Ác Hạnh (Duccarita)** hoặc **Thiện Hạnh (Sucarita)** được; thế nhưng ngay khi khởi lên có nhiều năng lực, thường có khả năng làm cho người ấy tạo tác được Ác Hạnh, hoặc thực hiện được Thiện Hạnh trong Thập Ác Hạnh hoặc Thập Thiện Hạnh; **chính điều này làm thành Quả phát triển lên do nương vào những thể loại Nhân ấy.**

KỆ TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN CHIA TÂM THEO NHÂN (HETU)

Ahetukāṭṭhāraseka Hetukā dve dvāvāsati

Dvīhetukā matā satta Cattalīsa tīhetukā

Các học viên nên hiểu biết rằng **Tâm Vô Nhân (Ahetukacitta)** có 18, **Tâm Nhất Nhân (Ekahetukacitta)** có 2, **Tâm Nhị Nhân (Dvīhetukacitta)** có 22, **Tâm Tam Nhân (Tīhetukacitta)** có 47.

LỜI GIẢI THÍCH

Trong số lượng 89 hoặc 121 Tâm ấy, được phân chia ra thành 2 loại, đó là một loại **Tâm Vô Nhân (Ahetukacitta)** và một loại **Tâm Hữu Nhân (Sahetukacitta)**.

Tâm Vô Nhân (Ahetukacitta): Tâm bất phối hợp với Nhân có 18, đó là **1 Tâm Khai Ngũ Môn (Pañcadvārāvajjanacitta)**, **10 Tâm Ngũ Song Thức (Dvipaṇcaviññāṇacitta)**, **2**

Tâm Tiếp Thân (Sampaṭicchanacitta), 3 Tâm Thầm Tấn (Santīraṇacitta), 1 Tâm Đoán Định (Voṭṭhabbacitta), 1 Tâm Tiểu Sinh (Hasituppādacitta); kết hợp thành 18 Tâm Vô Nhân (Ahetukacitta).

Tâm Hữu Nhân (Sahetukacitta): Tâm phối hợp với Nhân có 71 hoặc 103, đó là **12 Tâm Bất Thiện (Akusalacitta), 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo (Kāmaṇvacarasobhaṇacitta), 27 Tâm Đáo Đại (Mahaggatacitta), 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế (Lokuttaracitta); kết hợp thành 71 hoặc 103 Tâm Hữu Nhân (Sahetukacitta).**

VIỆC PHÂN CHIA TÂM HỮU NHÂN (SAHETUKACITTA) THEO NHÂN (HETU)

Trong 71 hoặc 103 Tâm Hữu Nhân (Sahetukacitta) ấy:

1. Tâm Nhất Nhân (Ekahetukacitta): Tâm có 1 Nhân có 2 là 2 Tâm căn Si có 1 nhân là Nhân Si.

2. Tâm Nhị Nhân (Dvīhetukacitta): Tâm có 2 Nhân có 22 là:

+ 8 Tâm căn Tham có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si.

+ 2 Tâm căn Sân có 2 Nhân là Nhân Sân, Nhân Si.

+ 12 Tâm Bất Tương Ứng Trí có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân.

3. Tâm Tam Nhân (Tīhetukacitta): Tâm có 3 Nhân có 47 hoặc 79 là:

+ 12 Tâm Dục Giới Tương Ứng Trí có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

+ 27 Tâm Đáo Đại có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

+ 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

Đối với Tâm có 4, 5, 6 Nhân là không có, vì Tham, Sân, Si là bên phía **Nhân Vô Tịnh Hảo (Asobhaṇacitta);** và Vô Tham Vô Sân, Vô Si là bên phía **Nhân Tịnh Hảo (Sobhaṇacitta),** những thể loại này không phối hợp chung với nhau được.

VIỆC PHÂN CHIA TÂM SỞ THEO NHÂN (HETU) RẰNG THEO PHẦN “TÂM SỞ ĐÃ TÍNH RỒI KHÔNG TÍNH NỮA” (AGAHITAGGAHANANAYA)

1. Tâm Sở Vô Nhân (Ahetukacetāsika): Tâm Sở không có Nhân là không có.

2. Tâm Sở Nhất Nhân (Ekahetukacetāsika): Tâm Sở có 1 Nhân là:

+ **Tâm Sở Tham (Lobhacetāsika)** có 1 Nhân là **Nhân Si (Mohahetu).**

+ **Tâm Sở Sân (Dosacetāsika)** có 1 Nhân là **Nhân Si (Mohahetu).**

+ **Tâm Sở Hoài Nghi (Vicikicchācetāsika)** có 1 Nhân là **Nhân Si (Mohahetu).**

3. Tâm Sở Nhị Nhân (Dvīhetukacetāsika): Tâm Sở có 2 Nhân, có 9 là:

+ Tâm Sở Si có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Sân.

+ Tâm Sở Tà Kiến có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si.

+ Tâm Sở Ngã Mạn có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si.

+ Tâm Sở Tật Đố có 2 Nhân là Nhân Sân, Nhân Si.

- + Tâm Sở Lận Sắc có 2 Nhân là Nhân Sân, Nhân Si.
- + Tâm Sở Hối Hận có 2 Nhân là Nhân Sân, Nhân Si.
- + Tâm Sở Vô Tham có 2 Nhân là Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.
- + Tâm Sở Vô Sân có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Si.
- + Tâm Sở Trí Tuệ có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân.

4. Tâm Sở Tam Nhân (Tihetukacetāsika): Tâm Sở có 3 Nhân có 27 là:

- + Tâm Sở Vô Tàm có 3 Nhân là Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si.
- + Tâm Sở Vô Quý có 3 Nhân là Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si.
- + Tâm Sở Trạo Cử có 3 Nhân là Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si.
- + Tâm Sở Hôn Trầm có 3 Nhân là Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si.
- + Tâm Sở Thụy Miên có 3 Nhân là Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si.

+ 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tâm Sở Vô Tham, Tâm Sở Vô Sân, Tâm Sở Trí Tuệ) có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

5. Tâm Sở Tứ Nhân (Catuhetukacetāsika): Tâm Sở có 4 Nhân là không có.

6. Tâm Sở Ngũ Nhân (Pañcahetukacetāsika): Tâm Sở có 5 Nhân có 1 là Tâm Sở Hỷ có 5 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si, Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

7. Tâm Sở Lục Nhân (Chahetukacetāsika): Tâm Sở có 6 Nhân có 12 là: **12 Tâm Sở Tợ Tha (Aññasamānacetāsika)** (trừ Tâm Sở Hỷ) có 6 Nhân là Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si, Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

Kết hợp Tâm Sở có 1 Nhân có 3 Tâm Sở.	} Kết hợp thành 52 Tâm Sở
Kết hợp Tâm Sở có 2 Nhân có 9 Tâm Sở.	
Kết hợp Tâm Sở có 3 Nhân có 27 Tâm Sở.	
Kết hợp Tâm Sở có 5 Nhân có 1 Tâm Sở.	
Kết hợp Tâm Sở có 6 Nhân có 12 Tâm Sở.	

VIỆC PHÂN CHIA TÂM SỞ THEO NHÂN (HETU) RẰNG THEO PHẦN “TÂM SỞ ĐÃ TÍNH RỒI LẠI TÍNH NỮA” (GAHITAGGAHANANAYA)

1. Tâm Sở Vô Nhân (Ahetukacetāsika): Tâm Sở không có Nhân có 13 là:

+ **12 Tâm Sở Tợ Tha (Aññasamānacetāsika)** (trừ Tâm Sở Dục) phối hợp với Tâm Vô Nhân.

+ Tâm Sở Si phối hợp với Tâm căn Si.

2. Tâm Sở Nhất Nhân (Ekahetukacetāsika): Tâm Sở có 1 Nhân có 20 là:

+ **11 Tâm Sở Tợ Tha (Aññasamānacetāsika)** (trừ Tâm Sở Hỷ, Tâm Sở Dục) phối hợp Tâm căn Si, có 1 Nhân là Nhân Si.

+ Tâm Sở Vô Tàm, Tâm Sở Vô Quý, Tâm Sở Trạo Cử phối hợp với Tâm căn Si có 1 Nhân là Nhân Si.

+ 1 Tâm Sở Hoài Nghi phối hợp với Tâm Tương Ứng Hoài Nghi có 1 Nhân là Nhân Si.

- + 1 Tâm Sở Tham phối hợp với Tâm căn Tham có 1 Nhân là Nhân Si.
- + 1 Tâm Sở Sân phối hợp với Tâm căn Sân có 1 Nhân là Nhân Si.
- + 1 Tâm Sở Si phối hợp với Tâm căn Tham có 1 Nhân là Nhân Tham, và phối hợp với Tâm căn Sân có 1 Nhân là Nhân Sân.
- + 1 Tâm Sở Vô Tham phối hợp với Tâm Bất Tương Ứng Trí có 1 Nhân là Nhân Vô Sân.
- + 1 Tâm Sở Vô Sân phối hợp với Tâm Bất Tương Ứng Trí có 1 Nhân là Nhân Vô Tham.

3. Tâm Sở Nhị Nhân (Dvīhetukacetāsika): Tâm Sở có 2 Nhân, có 48 là:

- + 45 Tâm Sở phối hợp với 22 Tâm Nhị Nhân, đó là:
 - **12 hoặc 13 Tâm Sở Tợ Tha (Aññasamānacetāsika)** phối hợp với Tâm căn Tham có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si; và phối hợp với Tâm căn Sân có 2 Nhân là Nhân Sân, Nhân Si; và phối hợp với Tâm Bất Tương Ứng Trí có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân.
 - Tâm Sở Vô Tàm, Tâm Sở Vô Quý, Tâm Sở Trạo Cự phối hợp với Tâm căn Tham có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si; và phối hợp với Tâm căn Sân có 2 Nhân là Nhân Sân, Nhân Si.
 - Tâm Sở Tà Kiến, Tâm Sở Ngã Mạn có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si.
 - Tâm Sở Tật Đố, Tâm Sở Lận Sặc, Tâm Sở Hối Hận có 2 Nhân là Nhân Sân, Nhân Si.
 - Tâm Sở Hôn Trầm, Tâm Sở Thụy Miên phối hợp với Tâm căn Tham Hữu Dẫn có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si; và phối hợp với Tâm căn Sân Hữu Dẫn có 2 Nhân là Nhân Sân, Nhân Si.
 - 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Vô Tham, Vô Sân, Trí Tuệ) phối hợp với Tâm Bất Tương Ứng Trí có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân.
 - Tâm Sở Vô Tham phối hợp với Tâm Tương Ứng Trí có 2 Nhân là Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.
 - Tâm Sở Vô Sân phối hợp với Tâm Tương Ứng Trí có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Si.
 - Tâm Sở Trí Tuệ phối hợp với Tâm Tương Ứng Trí có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân.

4. Tâm Sở Tam Nhân (Tīhetukacetāsika): Tâm Sở có 3 Nhân có 35 là:

- **13 Tâm Sở Tợ Tha (Aññasamānacetāsika)** và 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tâm Sở Vô Tham, Tâm Sở Vô Sân, Tâm Sở Trí Tuệ) phối hợp với 47 hoặc 79 Tâm Tam Nhân có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

VIỆC TÍNH SỐ LƯỢNG 283 NHÂN (HETU) THEO QUẢNG NGHĨA

- 1. Nhân Bất Thiện (Akusalahetu)** có số lượng 22 là: (1) Nhân Tham có 8, (2) Nhân Sân có 2, (3) Nhân Si có 12; gom thành 22 Nhân Bất Thiện.

2. Nhân Thiện (Kusalahetu) có số lượng 107 là: (1) Nhân Vô Tham có 37, (2) Nhân Vô Sân có 37, (3) Nhân Vô Si có 33, gom thành 107 Nhân Thiện.

3. Nhân Dị Thục Quả (Vipākahetu) có số lượng 107 là: (1) Nhân Vô Tham có 37, (2) Nhân Vô Sân có 37, (3) Nhân Vô Si có 33, gom thành 107 Nhân Dị Thục Quả.

4. Nhân Duy Tác (Kiriyaetu) có số lượng 47 là: (1) Nhân Vô Tham có 17, (2) Nhân Vô Sân có 17, (3) Nhân Vô Si có 13, gom thành 47 Nhân Duy Tác.

Nhân Bất Thiện có 22.

Nhân Thiện có 107.

Nhân Dị Thục Quả có 107.

Nhân Duy Tác có 47.

Gom Nhân theo quảng nghĩa
có 283

Kết Thúc Tổng Hợp Nhân

TỔNG HỢP SỰ VỤ (KICCASAṄGAHA)

Việc tổng hợp Tâm và Tâm Sở theo phân loại từ nơi **Sự Vụ (Kicca)**, gọi tên là **Tổng Hợp Sự Vụ (Kiccasaṅgaha)**.

KỆ TRÌNH BÀY 14 SỰ VỤ (KICCA) VÀ 10 SỞ TẠI ĐỊA (TĪHĀNA)

Paṭisandhādayo nāma

Kiccabhedena cuddasa

Dasadhā tñānabhedena

Cittuppādā pakāsītā

Trình bày **Tâm Khởi Sinh (Cittuppāda)** có danh xưng là **Tâm Tái Sinh (Paṭisandhi citta)** v.v. rằng theo phân loại từ nơi **Sự Vụ (Kicca)** có 14 Sự Vụ, rằng theo phân loại từ nơi **Sở Tại Địa (Tīhāna)** có 10 Sở Tại Địa.

LỜI GIẢI THÍCH

Các công việc hữu quan với Thân Ngũ Ý sẽ được thành tựu cũng cần phải nương vào Tâm Tâm Sở làm người trị lý, công việc hữu quan với Thân Ngũ mới thành tựu được. Còn công việc hữu quan với Ý, là việc khảo lự các sự kiện ấy, Tâm Tâm Sở là người tự thực hiện lấy. Điều này trình bày cho thấy rằng Tâm Tâm Sở sinh khởi và diệt mất đi tương tự như dòng nước trôi chảy, thường có nhiệm vụ của tự bản thân ở từng mỗi cái. Tâm Tâm Sở sinh khởi một cách vô chức năng là không có được, và Tâm Tâm Sở đang thực hiện nhiệm vụ của tự bản thân cũng cần phải có sở tại địa làm thành sở tại của các công việc ấy một cách riêng biệt. Chính những sở tại này gọi tên là **Sở Tại Địa (Tīhāna)**. Nếu như sẽ nêu lên điều so sánh thì Tâm Tâm Sở tỷ như người làm công việc, **Sự Vụ (Kicca)** tỷ như các công việc, **Sở Tại Địa (Tīhāna)** tỷ như sở tại người làm công việc.

14 SỰ VỤ (KICCA)

Nhiệm vụ của Tâm Tâm Sở thực hiện hiện hữu 14 thể loại, là:

1. **Sự Tái Sinh (Paṭisandhikicca)** thực hiện nhiệm vụ thừa tiếp Hữu (kiếp sống) mới.
2. **Sự Hữu Phần (Bhavaṅgakicca)** thực hiện nhiệm vụ bảo hộ Hữu (kiếp sống).
3. **Sự Khai Môn (Āvajjanakicca)** thực hiện nhiệm vụ tư khảo Cảnh mới.
4. **Sự Khán Kiến (Dassanakicca)** thực hiện nhiệm vụ trông thấy.
5. **Sự Thính Văn (Savanakicca)** thực hiện nhiệm vụ được lắng nghe.
6. **Sự Khí Vị (Ghāyanakicca)** thực hiện nhiệm vụ tri đắc khí vị.
7. **Sự Khẩu Vị (Sāyanakicca)** thực hiện nhiệm vụ tri đắc khẩu vị.
8. **Sự Xúc Cảm (Phusanakicca)** thực hiện nhiệm vụ tri đắc xúc cảm.
9. **Sự Tiếp Thâu (Sampaṭicchana-kicca)** thực hiện nhiệm vụ tiếp thâu Cảnh.
10. **Sự Thẩm Tấn (Santīraṇakicca)** thực hiện nhiệm vụ thẩm tấn Cảnh.
11. **Sự Đoán Định (Voṭṭhabbanakicca)** thực hiện nhiệm vụ phán đoán Cảnh.
12. **Sự Đồng Lực (Javanakicca)** thực hiện nhiệm vụ hưởng thụ Cảnh.
13. **Sự Na Cảnh (Tadārammaṇakicca)** thực hiện nhiệm vụ tiếp thâu Cảnh tiếp nối từ

Đồng Lực.

14. **Sự Tử Vong (Cutikicca)** thực hiện nhiệm vụ lìa khỏi Hữu cũ.

10 SỞ TẠI ĐỊA (TĀNA)

Sở Tại Địa thực hiện công việc của Tâm và Tâm Sở hiện hữu 10 vị trí, là:

1. **Sở Tại Địa Tái Sinh (Paṭisandhiṭhāna)** Sở Tại Địa thực hiện công việc thừa tiếp Hữu (kiếp sống) mới.
2. **Sở Tại Địa Hữu Phần (Bhavaṅgaṭhāna)** Sở Tại Địa thực hiện công việc bảo hộ Hữu.
3. **Sở Tại Địa Khai Môn (Āvajjanaṭhāna)** Sở Tại Địa thực hiện công việc tư khảo Cảnh mới.
4. **Sở Tại Địa Ngũ Thức (Pañcaviññāṇaṭhāna)** Sở Tại Địa thực hiện công việc trông thấy, được lắng nghe, tri đắc khí vị, tri đắc khẩu vị, tri đắc xúc cảm.
5. **Sở Tại Địa Tiếp Thâu (Sampaṭicchanaṭhāna)** Sở Tại Địa thực hiện công việc tiếp thâu Cảnh.
6. **Sở Tại Địa Thẩm Tấn (Santīraṇaṭhāna)** Sở Tại Địa thực hiện công việc thẩm tấn Cảnh.
7. **Sở Tại Địa Đoán Định (Voṭṭhabbaṇaṭhāna)** Sở Tại Địa thực hiện công việc phán đoán Cảnh.
8. **Sở Tại Địa Đồng Lực (Javanaṭhāna)** Sở Tại Địa thực hiện công việc hưởng thụ Cảnh.

9. Sở Tại Địa Na Cảnh (Tadārammaṇaṭhāna) Sở Tại Địa thực hiện công việc tiếp
thâu Cảnh tiếp nối từ nơi Đồng Lực.

10. Sở Tại Địa Tử Vong (Cutīṭhāna) Sở Tại Địa thực hiện công việc là khỏi Hữu cũ.

VIỆC PHÂN CHIA 14 SỰ VỤ (KICCA) THEO TÂM

1. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Sự Tái Sinh (Paṭisandhikicca)**, **Sự Hữu Phần (Bhavaṇṇakicca)**, **Sự Tử Vong (Cutikicca)** có 19 là 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại.

2. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Sự Khai Môn (Āvajjanakicca)** có 2 là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Khai Ý Môn.

3. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Sự Khán Kiến (Dassanakicca)** có 2 là 2 Tâm Nhãn Thức.

4. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Sự Thính Văn (Savanakicca)** có 2 là 2 Tâm Nhĩ Thức.

5. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Sự Khí Vị (Ghāyanakicca)** có 2 là 2 Tâm Tỷ Thức.

6. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Sự Khẩu Vị (Sāyanakicca)** có 2 là 2 Tâm Thiệt Thức.

7. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Sự Xúc Cầm (Phusanakicca)** có 2 là 2 Tâm Thân Thức.

8. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Sự Tiếp Thâu (Sampaṭicchanakicca)** có 2 là 2 Tâm Tiếp Thâu.

9. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Sự Thảm Tấn (Santīraṇakicca)** có 3 là 3 Tâm Thảm Tấn.

10. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Sự Đoán Định (Voṭṭhabbanakicca)** có 1 là 1 Tâm Khai Ý Môn.

11. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Sự Đồng Lực (Javanakicca)** có 55 là 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 8 Tâm Siêu Thế.

12. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Sự Na Cảnh (Tadārammaṇakicca)** có 11 là 3 Tâm Thảm Tấn, 8 Tâm Đại Quả.

VIỆC PHÂN CHIA TÂM THEO 14 SỰ VỤ (KICCA)

1. Tâm thực hiện 5 loại nhiệm vụ có 2 là 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ thực hiện 5 loại nhiệm vụ, đó là (1) Sự Tái Sinh, (2) Sự Hữu Phần, (3) Sự Tử Vong, (4) Sự Thảm Tấn, (5) Sự Na Cảnh.

2. Tâm thực hiện 4 loại nhiệm vụ có 8 là 8 Tâm Đại Quả thực hiện 4 loại nhiệm vụ, đó là (1) Sự Tái Sinh, (2) Sự Hữu Phần, (3) Sự Tử Vong, (4) Sự Na Cảnh.

3. Tâm thực hiện 3 loại nhiệm vụ có 9 là Tâm Quả Đáo Đại thực hiện 3 loại nhiệm vụ, đó là (1) Sự Tái Sinh, (2) Sự Hữu Phần, (3) Sự Tử Vong.

4. Tâm thực hiện 2 loại nhiệm vụ có 2 là 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ thực hiện 2 loại nhiệm vụ, đó là (1) Sự Thảm Tấn, (2) Sự Na Cảnh; và 1 Tâm Khai Ý Môn thực hiện 2 loại nhiệm vụ, đó là (1) Sự Đoán Định, (2) Sự Khai Môn.

5. Tâm thực hiện 1 loại nhiệm vụ có 68 hoặc 100 là:

- 1 Tâm Khai Ngũ Môn thực hiện Sự Khai Môn.
- 2 Tâm Nhân Thức thực hiện Sự Khán Kiến.
- 2 Tâm Nhĩ Thức thực hiện Sự Thính Văn.
- 2 Tâm Tỷ Thức thực hiện Sự Khí Vị.
- 2 Tâm Thiệt Thức thực hiện Sự Khâu Vị.
- 2 Tâm Thân Thức thực hiện Sự Xúc Cảm.
- 2 Tâm Tiếp Thâu thực hiện Sự Tiếp Thâu.
- 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế thực hiện Sự Đồng Lực.

VIỆC PHÂN CHIA 10 SỞ TẠI ĐỊA THEO TÂM

1. Tâm thực hiện nhiệm vụ trong **Sở Tại Địa Tái Sinh (Paṭisandhiṭhāna)**, **Sở Tại Địa Hữu Phần (Bhavaṅgaṭhāna)**, **Sở Tại Địa Tử Vong (Cutīṭhāna)** có 19 là 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại.
2. Tâm thực hiện nhiệm vụ trong **Sở Tại Địa Khai Môn (Āvajjanaṭhāna)** có 2 là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Khai Ý Môn sát na sinh trong Lộ Ý Môn.
3. Tâm thực hiện nhiệm vụ trong **Sở Tại Địa Ngũ Thức (Pañcaviññāṇaṭhāna)** có 10 là 10 Tâm Ngũ Song Thức.
4. Tâm thực hiện nhiệm vụ trong **Sở Tại Địa Tiếp Thâu (Sampaticchanāṭhāna)** có 2 là 2 Tâm Tiếp Thâu.
5. Tâm thực hiện nhiệm vụ trong **Sở Tại Địa Thâm Tấn (Santīraṇaṭhāna)** có 3 là 3 Tâm Thâm Tấn.
6. Tâm thực hiện nhiệm vụ trong **Sở Tại Địa Đoán Định (Voṭṭhabbanāṭhāna)** có 1 là 1 Tâm Khai Ý Môn sát na sinh trong Lộ Ngũ Môn.
7. Tâm thực hiện nhiệm vụ trong **Sở Tại Địa Đồng Lực (Javanaṭhāna)** có 55 hoặc 87 là 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.
8. Tâm thực hiện nhiệm vụ trong **Sở Tại Địa Na Cảnh (Tadārammaṇaṭhāna)** có 11 là 3 Tâm Thâm Tấn, 8 Tâm Đại Quả.

KỆ TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN CHIA TÂM THEO SỰ VỤ VÀ SỞ TẠI ĐỊA

Aṭṭhasatṭhi tathā dve ca

Eka dvi ti catu pañca

Navāṭṭha dve yathākkamaṃ

Kiccaṭṭhānāni niddise

Trình bày số lượng Tâm theo Sự Vụ và Sở Tại Địa một cách thuận tự như vậy:

- Tâm có 1 Sự Vụ và 1 Sở Tại Địa có số lượng 68.
- Tâm có 2 Sự Vụ và 2 Sở Tại Địa có số lượng 2.
- Tâm có 3 Sự Vụ và 3 Sở Tại Địa có số lượng 9.
- Tâm có 4 Sự Vụ và 4 Sở Tại Địa có số lượng 8.

- Tâm có 5 Sự Vụ và 5 Sở Tại Địa có số lượng 2.

LỜI GIẢI THÍCH

1. Tâm có 1 Sự Vụ và 1 Sở Tại Địa có số lượng 68 là:

- 1 Tâm Khai Ngũ Môn có Sự Khai Môn và Sở Tại Địa Khai Môn.
- 2 Tâm Tiếp Thâu có Sự Tiếp Thâu và Sở Tại Địa Tiếp Thâu.
- 2 Tâm Nhân Thức có Sự Khán Kiến và Sở Tại Địa Ngũ Thức.
- 2 Tâm Nhĩ Thức có Sự Thính Văn và Sở Tại Địa Ngũ Thức.
- 2 Tâm Tỷ Thức có Sự Khí Vị và Sở Tại Địa Ngũ Thức.
- 2 Tâm Thiệt Thức có Sự Khẩu Vị và Sở Tại Địa Ngũ Thức.
- 2 Tâm Thân Thức có Sự Xúc Cảm và Sở Tại Địa Ngũ Thức.
- 55 Tâm Đồng Lực có Sự Đồng Lực và Sở Tại Địa Đồng Lực.

2. Tâm có 2 Sự Vụ và 2 Sở Tại Địa có số lượng 2 là 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ có Sự Thảm Tấn, Sự Na Cảnh và Sở Tại Địa Thảm Tấn, Sở Tại Địa Na Cảnh.

- 1 Tâm Khai Ý Môn có Sự Khai Môn, Sự Đoán Định, và Sở Tại Địa Khai Môn, Sở Tại Địa Đoán Định.

3. Tâm có 3 Sự Vụ và 3 Sở Tại Địa có số lượng 9 là 9 Tâm Quả Đáo Đại có Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, và Sở Tại Địa Tái Sinh, Sở Tại Địa Hữu Phần, Sở Tại Địa Tử Vong.

4. Tâm có 4 Sự Vụ và 4 Sở Tại Địa có số lượng 8 là 8 Tâm Đại Quả có Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Na Cảnh, và Sở Tại Địa Tái Sinh, Sở Tại Địa Hữu Phần, Sở Tại Địa Tử Vong, Sở Tại Địa Na Cảnh.

5. Tâm có 5 Sự Vụ và 5 Sở Tại Địa có số lượng 2 là 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ có Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Thảm Tấn, Sự Na Cảnh, và Sở Tại Địa Tái Sinh, Sở Tại Địa Hữu Phần, Sở Tại Địa Tử Vong, Sở Tại Địa Thảm Tấn, Sở Tại Địa Na Cảnh.

VIỆC PHÂN CHIA 52 TÂM SỞ THEO 14 SỰ VỤ (KICCA)

1. Tâm Sở thực hiện 1 nhiệm vụ có số lượng 17 là 14 Tâm Sở Bất Thiện, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần thực hiện 1 nhiệm vụ là **Sự Đồng Lực (Javanakicca)**.

Giải thích rằng: 14 Tâm Sở Bất Thiện này chỉ phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện thô, và 12 Tâm Bất Thiện ấy cũng chỉ độc nhất thực hiện Sự Đồng Lực, vì thế 14 Tâm Sở Bất Thiện mới chỉ thực hiện một nhiệm vụ độc nhất là **Sự Đồng Lực (Javanakicca)**.

- 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần phối hợp với Tâm Đại Thiện và Tâm Siêu Thế; 2 nhóm Tâm Đại Thiện và Tâm Siêu Thế này chỉ thực hiện một nhiệm vụ độc nhất là **Sự Đồng Lực (Javanakicca)**, vì thế 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần mới tương tự chỉ thực hiện một nhiệm vụ độc nhất là **Sự Đồng Lực (Javanakicca)**.

2. Tâm Sở thực hiện 4 nhiệm vụ có số lượng 2 là 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần thực hiện 4 nhiệm vụ là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Đồng Lực.

Giải thích rằng: 2 cái Tâm Sở Vô Lượng Phần này khi sát na phối hợp với Tâm Quả Sắc Giới thực hiện nhiệm vụ Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong; khi sát na phối hợp với Tâm Đại Thiện, Tâm Đại Duy Tác, Tâm Thiện Sắc Giới, Tâm Duy Tác Sắc Giới thực hiện nhiệm vụ **Sự Đồng Lực (Javanakicca)**.

3. Tâm Sở thực hiện 5 nhiệm vụ có số lượng 21 là **19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāraṇacetasika)**, 1 Tâm Sở Trí Tuệ, 1 Tâm Sở Dục thực hiện 5 nhiệm vụ là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

Giải thích rằng: 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhaṇasādhāraṇacetasika), 1 Tâm Sở Trí Tuệ, 1 Tâm Sở Dục gom 21 cái này không có được phối hợp với 18 Tâm Vô Nhân, vì thế mới loại trừ 9 Sự Vụ có Sự Khai Môn cho đến Sự Đoán Định một cách đặc biệt là những nhiệm vụ của Tâm Vô Nhân ra, chỉ có thể thực hiện 5 nhiệm vụ còn lại như đã đề cập rồi vậy.

4. Tâm Sở thực hiện 6 nhiệm vụ có số lượng 1 là Tâm Sở Hỷ thực hiện 6 nhiệm vụ là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Thảm Tấn, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

Giải thích rằng: Tâm Sở Hỷ này khi phối hợp với Tâm Câu Hành Hỷ Thọ ở phần Tâm Bất Thiện, Tâm Thiện, Tâm Duy Tác và **Tâm Quả (Phalacitta)** thực hiện nhiệm vụ **Sự Đồng Lực (Javanakicca)**. Khi phối hợp với Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ thực hiện nhiệm vụ **Sự Thảm Tấn (Santīraṇakicca)**, **Sự Na Cảnh (Tadārammaṇakicca)**. Khi phối hợp với Tâm Câu Hành Hỷ Thọ ở phần Tâm Quả Sắc Giới thực hiện nhiệm vụ **Sự Tái Sinh (Paṭisandhi kicca)**, **Sự Hữu Phần (Bhavaṅgakicca)**, **Sự Tử Vong (Cutikicca)**. Khi phối hợp với Tâm Câu Hành Hỷ Thọ ở phần Tâm Đại Quả thực hiện nhiệm vụ Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Na Cảnh.

5. Tâm Sở thực hiện 7 nhiệm vụ có số lượng 1 là Tâm Sở Càn thực hiện 7 nhiệm vụ là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Khai Môn, Sự Đoán Định, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

Giải thích rằng: Tâm Sở Càn này khi phối hợp với những Tâm Bất Thiện, Tâm Thiện, Tâm Duy Tác và **Tâm Quả (Phalacitta)** này làm nhiệm vụ **Sự Đồng Lực (Javana kicca)**. Khi phối hợp với Tâm Khai Ý Môn thực hiện nhiệm vụ **Sự Khai Môn (Āvajjana kicca)**, **Sự Đoán Định (Voṭṭhabbanakicca)**. Khi phối hợp với Tâm Quả Đáo Đại thực hiện nhiệm vụ **Sự Tái Sinh (Paṭisandhikicca)**, **Sự Hữu Phần (Bhavaṅgakicca)**, **Sự Tử Vong (Cutikicca)**. Khi phối hợp với Tâm Đại Quả thực hiện nhiệm vụ **Sự Tái Sinh (Paṭisandhi kicca)**, **Sự Hữu Phần (Bhavaṅgakicca)**, **Sự Tử Vong (Cutikicca)**, **Sự Na Cảnh (Tadārammaṇakicca)**.

6. Tâm Sở thực hiện 9 nhiệm vụ có số lượng 3 là Tâm Sở Tầm, Tâm Sở Tứ, Tâm Sở Thắng Giải thực hiện 9 nhiệm vụ là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Khai Môn, Sự Tiếp Thân, Sự Thảm Tấn, Sự Đoán Định, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

Giải thích rằng: Tâm Sở Tầm, Tâm Sở Tứ, Tâm Sở Thắng Giải, 3 Tâm Sở này khi sát na phối hợp với những Tâm Bất Thiện, Tâm Thiện, Tâm Duy Tác, và **Tâm Quả (Phalacitta)** thực hiện nhiệm vụ **Sự Đồng Lực (Javanakicca)**. Khi sát na phối hợp với Tâm Khai Ý Môn thực hiện nhiệm vụ **Sự Khai Môn (Āvajjanakicca)**, **Sự Đoán Định**

(**Voṭṭhabbanakicca**). Khi sát na phối hợp với Tâm Tiếp Thâu thực hiện nhiệm vụ **Sự Tiếp Thâu (Sampaṭicchana-kicca)**. Khi sát na phối hợp với Tâm Thắm Tấn thực hiện nhiệm vụ **Sự Thắm Tấn (Santīraṇa-kicca)**, **Sự Na Cảnh (Tadārammaṇa-kicca)**. Khi sát na phối hợp với Tâm Quả Đáo Đại thực hiện nhiệm vụ **Sự Tái Sinh (Paṭisaṇḍhika-kicca)**, **Sự Hữu Phần (Bhavaṅga-kicca)**, **Sự Tử Vong (Cutikicca)**. Khi sát na phối hợp với Tâm Đại Quả thực hiện nhiệm vụ **Sự Tái Sinh (Paṭisaṇḍhika-kicca)**, **Sự Hữu Phần (Bhavaṅga-kicca)**, **Sự Tử Vong (Cutikicca)**, **Sự Na Cảnh (Tadārammaṇa-kicca)**.

7. Tâm Sở thực hiện 14 nhiệm vụ có số lượng 7 là **7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇa-cetasika)** thực hiện 14 nhiệm vụ là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Khai Môn, Sự Khán Kiến, Sự Thính Văn, Sự Khí Vị, Sự Khẩu Vị, Sự Xúc Cảm, Sự Tiếp Thâu, Sự Thắm Tấn, Sự Đoán Định, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

Giải thích rằng: 7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇa-cetasika) này phối hợp được hết cả Tâm, vì thế mới thực hiện hết tất cả 14 thể loại nhiệm vụ.

Ghi Chú: Không có Tâm Sở thực hiện 2, 3, 8, 10, 11, 12, 13 nhiệm vụ vì không có Tâm Sở nào phối hợp một cách riêng biệt với các Tâm thực hiện 2, 3, 8, 10, 11, 12 và 13 nhiệm vụ.

KỆ TRÌNH BÀY SỞ TẠI ĐỊA (THÂN) MỘT CÁCH QUẢNG NGHĨA

Sandhi ekaṃ cha bhavaṅgaṃ Dvāvajjanaṃ pañcādyekaṃ
Dve vo jo cha tadā dveti Cutitī pañcavīsati

Sở Tại Địa Tái Sinh có 1, Sở Tại Địa Hữu Phần có 6, Sở Tại Địa Khai Môn có 2, Sở Tại Địa Ngũ Thức có 1, Sở Tại Địa Tiếp Thâu có 1, Sở Tại Địa Thắm Tấn có 1, Sở Tại Địa Đoán Định có 2, Sở Tại Địa Đồng Lực có 6, Sở Tại Địa Na Cảnh có 2, Sở Tại Địa Tử Vong có 3, gom thành 25 Sở Tại Địa.

KỆ TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN CHIA 25 SỞ TẠI ĐỊA THEO LỘ TRÌNH TÂM

1. Sandhiṭṭhānaṃ cubhantaraṃ	Paā, taā, jaā, voā
Tacu jacuntaraṃ bhassa	Cha ṭhānaṃ paridīpaye.
2. Bhavi bhajantaraṃ yeva	Du āṭhānaṃ āsantaraṃ
Vithānekaṃ vitintaraṃ	Sam ṭhānekaṃ samvantaraṃ.
3. Tī ṭhānekaṃ du voṭhānaṃ	Tīja tībhantaraṃ tathā
Vota vobha vocuntaraṃ	Āta ābha ācuntaraṃ
4. Jāṭhānaṃ cha jabha jacun	Taraṃ ñeyyaṃ du taṭhānaṃ
Tapa japa bhapancaraṃ	Cutiṭhānaṃ tidhā matam.

(Trích trong **Saṅkhepapavaṇṇanāṭikā**)

CÁC HỌC VIÊN NÊN HIỂU BIẾT 25 SỞ TẠI ĐỊA (THÂN)
MỘT CÁCH RIÊNG BIỆT PHÂN CHIA THEO LỘ TRÌNH TÂM

1. Sở Tại Địa Tái Sinh (Paṭisandhiṭhāna) có 1 Sở Tại Địa là khoảng giữa **Tâm Tử (Cuticitta)** và **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)** trong **Lộ Trình Cận Tử (Maraṇāsanna vithī)**.

Sở Tại Địa Hữu Phần (Bhavaṅgaṭhāna) có 6 Sở Tại Địa là:

- khoảng giữa Tâm Tái Sinh với Tâm Khai Môn sinh tiếp nối từ nơi **Lộ Trình Cận Tử (Maraṇāsannavithī)** cho đến **Lộ Trình Đồng Lực Tham Ái Luyến Hữu (Bhavanikanta lobhajavanavithī)**.

- khoảng giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Khai Môn trong khoảng giữa **Lộ Trình Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāravithī)** với các Lộ Trình khác sinh tiếp nối với nhau.

- khoảng giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Khai Môn trong khoảng giữa **Lộ Trình Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāravithī)** với các Lộ Trình Tâm khác khác sinh tiếp nối với nhau.

- khoảng giữa Tâm Đoán Định với Tâm Khai Môn trong khoảng giữa **Lộ Trình Ngũ Môn (Pañcadvāravithī)** ở thời kỳ Đoán Định với các Lộ Trình Tâm khác khác sinh tiếp nối với nhau.

- khoảng giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Tử trong Lộ Trình Cận Tử ở thời kỳ Na Cảnh.

- khoảng giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Tử, trong Lộ Trình Cận Tử ở thời kỳ Đồng Lực.

2. Sở Tại Địa Khai Môn (Āvajjanaṭhāna) có 2 Sở Tại Địa là:

- khoảng giữa Tâm Hữu Phần với Tâm Ngũ Thức trong Lộ Trình Ngũ Môn.

- khoảng giữa Tâm Hữu Phần với Tâm Đồng Lực trong Lộ trình Ý Môn.

Sở Tại Địa Ngũ Thức (Pañcaviññāṇaṭhāna) có 1 Sở Tại Địa là khoảng giữa Tâm Khai Ngũ Môn với Tâm Tiếp Thâu trong Lộ Trình Ngũ Môn.

Sở Tại Địa Tiếp Thâu (Sampaṭicchanaṭhāna) có 1 Sở Tại Địa là khoảng giữa Tâm Ngũ Thức với Tâm Thẩm Tấn trong Lộ Trình Ngũ Môn.

3. Sở Tại Địa Thẩm Tấn (Santīraṇaṭhāna) có 1 Sở Tại Địa là khoảng giữa Tâm Tiếp Thâu với Tâm Đoán Định trong Lộ Trình Ngũ Môn.

Sở Tại Địa Đoán Định (Voṭṭhabbanāṭhāna) có 2 Sở Tại Địa là:

- khoảng giữa Tâm Thẩm Tấn với Tâm Đồng Lực trong Lộ Trình Ngũ Môn ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)** và **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Thẩm Tấn với Tâm Hữu Phần trong Lộ Trình Ngũ Môn ở **Thời Kỳ Đoán Định (Voṭṭhabbanavāra)**.

Sở Tại Địa Đồng Lực (Javanaṭhāna) có 6 Sở Tại Địa là:

- khoảng giữa Tâm Đoán Định với Tâm Na Cảnh trong Lộ Trình Ngũ Môn ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Đoán Định với Tâm Hữu Phần trong Lộ Trình Ngũ Môn ở **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Đoán Định với Tâm Tử trong **Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn (Pañcadvāramaraṇāsannavithī)** ở **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Khai Ý Môn với Tâm Na Cảnh trong **Lộ trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavanamanodvāravithī)** ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Khai Ý Môn với Tâm Hữu Phần trong **Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới** ở **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Khai Ý Môn với Tâm Tử trong **Lộ Trình Cận Tử Ý Môn (Manodvāramaraṇāsannavithī)** ở **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**.

4. Sở Tại Địa Na Cảnh (Tadārammaṇaṭhāna) có 2 Sở Tại Địa là:

- khoảng giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Hữu Phần trong **Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ trình Ý Môn** ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Tử trong **Lộ Trình Cận Tử** ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**.

Sở Tại Địa Tử Vong (Cutīṭhāna) có 3 Sở Tại Địa là:

- khoảng giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Tái Sinh trong **Lộ Trình Cận Tử** ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Tái Sinh trong **Lộ Trình Cận Tử** ở **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Hữu Phần với Tâm Tái Sinh trong **Lộ Trình Cận Tử**.

Ghi chú: Đối với Lộ Trình trình bày trong những Sở Tại Địa quảng rộng này, học viên nên liễu giải tốt đẹp trong thời gian tiếp nối, khi nghiên cứu học hỏi **Lớp Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Tam (Majjhimābhidhammika Tri)**.

LỜI GIẢI THÍCH PĀLI TRÌNH BÀY TÊN GỌI SỞ TẠI ĐỊA (ṬHĀNA), THỤ LẬP SỞ TẠI ĐỊA VÀ SỐ LƯỢNG SỞ TẠI ĐỊA THEO BÀI KỆ NÀY

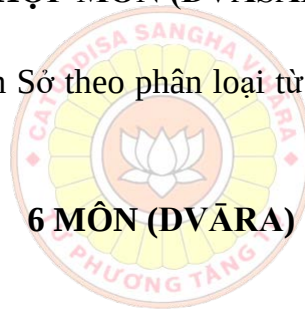
- (1) **Sandhiṭṭhānaṃ** = Sở Tại Địa Tái Sinh. (2) **Bhassaṭhānaṃ** = Sở Tại Địa Hữu Phần.
(3) **Āṭhānaṃ** = Sở Tại Địa Khai Môn. (4) **Samṭhānaṃ** = Sở Tại Địa Tiếp Thâu.
(5) **Tiṭhānaṃ** = Sở Tại Địa Thâm Tấn. (6) **Voṭhānaṃ** = Sở Tại Địa Đoán Định.
(7) **Jāṭhānaṃ** = Sở Tại Địa Đồng Lực. (8) **Taṭhānaṃ** = Sở Tại Địa Na Cảnh.
(9) **Cutīṭhānaṃ** = Sở Tại Địa Tử Vong. (10) **Ekamaṃ** = 1
(11) **Du** = 2 (12) **Tidhā** = 3 (13) **Cha** = 6
(14) **Paridīpaye** = thường trình bày. (15) **Ñeyyaṃ** = thường tri đắc.
(16) **Matamaṃ** = nên hiểu biết. (17) **Tathā** = là câu nói hạ xuống dịu dàng của ngôn ngữ.
(18) **Cubhantaram** (**Cubha** + **Antaram**) = dịch rằng giữa Tử với Hữu Phần.
(19) **Paā** = giữa Tái Sinh với Khai Môn. (20) **Taā** = giữa Na Cảnh với Khai Môn.
(21) **Jaā** = giữa Đồng Lực với Khai Môn. (22) **Voā** = giữa Đoán Định với Khai Môn.
(23) **Tacu** = giữa Na Cảnh với Tử.
(24) **Jacuntaram** (**Jacu** + **Antaram**) = giữa Đồng Lực với Tử.
(25) **Bhavi** = giữa Hữu Phần với Ngũ Thức.
(26) **Bhajantaram** (**Bhaja** + **Antaram**) = giữa Hữu Phần với Đồng Lực.
(27) **Āsantaram** (**Āsaṃ** + **Antaram**) = giữa Khai Môn với Tiếp Thâu.

- (28) **Vitintaraṃ (Vitī + Antaraṃ)** = giữa Ngũ Thức với Thâm Tấn.
 (29) **Samvontaraṃ (Samvo + Antaraṃ)** = giữa Tiếp Thâu với Đoán Định.
 (30) **Tija** = giữa Thâm Tấn với Đồng Lực.
 (31) **Tibhantaraṃ (Tibha + Antaraṃ)** = giữa Thâm Tấn với Hữu Phần.
 (32) **Vota** = giữa Đoán Định với Na Cảnh.
 (33) **Vobha** = giữa Đoán Định với Hữu Phần.
 (34) **Vocuntaraṃ (Vocu + Antaraṃ)** = giữa Đoán Định với Tử.
 (35) **Āta** = giữa Khai Môn với Na Cảnh. (36) **Ābha** = giữa Khai Môn với Hữu Phần.
 (37) **Ācuntaraṃ (Ācu + Antaraṃ)** = giữa Khai Môn với Tử.
 (38) **Jabha** = giữa Đồng Lực với Hữu Phần.
 (39) **Jacuntaraṃ (Jacu + Antaraṃ)** = giữa Đồng Lực với Tử.
 (40) **Tapa** = giữa Na Cảnh với Tái Sinh. (41) **Japa** = giữa Đồng Lực với Tái Sinh.
 (42) **Bhapanaraṃ (Bhapa + Antaraṃ)** = giữa Hữu Phần với Tái Sinh.

Kết Thúc Tổng Hợp Sự Vụ

TỔNG HỢP MÔN (DVĀSAṄGAHA)

Việc tổng hợp Tâm và Tâm Sở theo phân loại từ nơi **Môn (Dvāra)**, gọi tên là **Tổng Hợp Môn (Dvārasaṅgaha)**.



Môn (Dvāra) có 6 là:

1. **Nhãn Môn (Cakkhuvāra)** đó là **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)**.
2. **Nhĩ Môn (Sotadvāra)** đó là **Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda)**.
3. **Tỷ Môn (Ghānavāra)** đó là **Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda)**.
4. **Thiệt Môn (Jivhadvāra)** đó là **Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda)**.
5. **Thân Môn (Kāyadvāra)** đó là **Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda)**.
6. **Ý Môn (Manadvāra)** đó là 19 Tâm Hữu Phần.

Lời nói rằng **Dvāra (Môn)** dịch là “Cửa” tương xứng làm thành chỗ ra vào của tất cả nhân loại. **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)** v.v, gọi tên là **Môn (Dvāra)** vì như cái cửa làm chỗ ra vào của các Lộ Trình Tâm. Lễ thường chúng hữu tình nếu như không có cả 5 **Sắc Thanh Triệt (Pasādarūpa)** và **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)** thì Lộ Trình Tâm không sinh khởi được. Khi Lộ Trình Tâm không sinh khởi được thì coi như thế là việc hành động, việc nói năng, việc nghĩ suy tốt hoặc xấu, cũng không thể có được như nhau.

VIỆC PHÂN CHIA TÂM THEO 6 MÔN (DVĀRA)

1. Tâm Nhân Môn (Cakkhadvārikacitta): Tâm được sinh trong Nhân Môn có 46 là 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức).

2. Tâm Nhĩ Môn (Sotadvārikacitta): Tâm được sinh trong Nhĩ Môn có 46 là 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức).

3. Tâm Tỷ Môn (Ghānavārikacitta): Tâm được sinh trong Tỷ Môn có 46 là 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức).

4. Tâm Thiệt Môn (Jivhadvārikacitta): Tâm được sinh trong Thiệt Môn có 46 là 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thân Thức).

5. Tâm Thân Môn (Kāyadvārikacitta): Tâm được sinh trong Thân Môn có 46 là 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức).

6. Tâm Ý Môn (Manadvārikacitta): Tâm được sinh trong Ý Môn có 67 hoặc 99 là 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

7. Tâm Ngoại Môn (Dvāravimuttacitta): Tâm sinh vượt ra ngoài cả 6 Môn có 19 là 2 Tâm Thảm Tán Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại.

19 Tâm này trong sát na thực hiện nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần, Tử Vong sẽ thành Ngoại Môn; ý muốn nói là sát na thực hiện nhiệm vụ Tái Sinh và Tử Vong, tự bản thân vẫn không có được thành Ý Môn vì không có Lộ Trình Tâm sinh khởi, và trong sát na thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần, tự bản thân cũng đã là Ý Môn rồi.

VIỆC PHÂN CHIA TÂM MÔN (DVĀRIKACITTA) MỘT CÁCH NHẤT ĐỊNH VÀ BẤT ĐỊNH

1. Tâm sinh trong Nhân Môn một cách nhất định có 2 là 2 Tâm Nhân Thức.
2. Tâm sinh trong Nhân Môn một cách bất định có là 44 là 44 Tâm còn lại, đó là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).
3. Tâm sinh trong Nhĩ Môn một cách nhất định có 2 là 2 Tâm Nhĩ Thức.
4. Tâm sinh trong Nhĩ Môn một cách bất định có là 44 là 44 Tâm còn lại, đó là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).
5. Tâm sinh trong Tỷ Môn một cách nhất định có 2 là 2 Tâm Tỷ Thức.
6. Tâm sinh trong Tỷ Môn một cách bất định có là 44 là 44 Tâm còn lại, đó là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).
7. Tâm sinh trong Thiệt Môn một cách nhất định có 2 là 2 Tâm Thiệt Thức.
8. Tâm sinh trong Thiệt Môn một cách bất định có là 44 là 44 Tâm còn lại, đó là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).
9. Tâm sinh trong Thân Môn một cách nhất định có 2 là 2 Tâm Thân Thức.
10. Tâm sinh trong Thân Môn một cách bất định có là 44 là 44 Tâm còn lại, đó là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).

11. Tâm sinh trong Ý Môn một cách nhất định có 26 hoặc 58 là 26 hoặc 58 **Tâm Đồng Lực Kiên Cố (Appanājavana)**.

12. Tâm sinh trong Ý Môn một cách bất định có 41 là 1 Tâm Khai Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 11 Tâm Na Cảnh.

KỆ TRÌNH BÀY VIỆC CHIA 5 THỂ LOẠI TÂM

1. **Ekadvārikacittāni**
Chadvārikavimuttāni

2. **Chattimsati tathā tīpi**
Dasodhā navadhā ceti

Pañcachadvārikāni ca
Vimuttāni ca sabbathā.

Ekattimsa yathākkamaṃ
Pañcadhā paridīpaye.

Tâm sinh độc nhất trong một Môn, Tâm sinh trong 5 Môn, Tâm sinh trong 6 Môn, Tâm đôi khi sinh trong 6 Môn, đôi khi sinh vượt ra ngoài 6 Môn, và Tâm luôn luôn sinh vượt ra ngoài 6 Môn có số lượng theo thuận tự như vậy: 36, 3, 31, 10 và 9.

TÂM NHẤT MÔN, TÂM NGŨ MÔN, TÂM LỤC MÔN, TÂM NGOẠI MÔN MỘT CÁCH NHẤT ĐỊNH VÀ BẤT ĐỊNH

1. **Tâm Nhất Môn Nhất Định (Ekadvārikacitta ekanta)** Tâm sinh độc nhất trong một Môn một cách nhất định có 36 hoặc 68 là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 26 hoặc 58 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

2. **Tâm Nhất Môn Bất Định (Ekadvārikacitta anekanta)** Tâm sinh độc nhất trong một Môn một cách bất định có 44 là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).

3. **Tâm Ngũ Môn Nhất Định (Pañcadvarikacitta ekanta)** Tâm sinh trong 5 Môn một cách nhất định có 3 là 3 Tâm Ý Giới.

4. **Tâm Ngũ Môn Bất Định (Pañcadvārikacitta anekanta)** Tâm sinh trong 5 Môn một cách bất định có 41 là 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới).

5. **Tâm Lục Môn Nhất Định (Chadvārikacitta ekanta)** Tâm sinh trong 6 Môn một cách nhất định có 31 là 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ Thọ, 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 **Tâm Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavanacitta)**.

6. **Tâm Lục Môn Bất Định (Chadvārikacitta anekanta)** Tâm sinh trong 6 Môn một cách bất định có 10 là 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả.

7. **Tâm Môn Nhất Định (Dvārikacitta ekanta)** Tâm sinh trong Môn một cách nhất định có 70 hoặc 102 là 44 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả), 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

8. **Tâm Môn Bất Định (Dvārikacitta anekanta)** Tâm sinh trong Môn một cách bất định có 10 là 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả.

9. **Tâm Ngoại Môn Nhất Định (Dvāravimuttacitta ekanta)** Tâm sinh vượt ngoài Môn một cách nhất định có 9 là 9 Tâm Quả Đáo Đại.

10. Tâm Ngoại Môn Bất Định (Dvāravimuttacitta anekanta) Tâm sinh vượt ngoài Môn một cách bất định có 10 là 2 Tâm Thảm Tán Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả.

VIỆC PHÂN CHIA TÂM SỞ THEO MÔN (DVĀRA)

1. Tâm Sở Nhất Môn Nhất Định (Ekadvārikacetāsika ekanta) Tâm Sở sinh độc nhất trong một Môn một cách nhất định có 2 là 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần sinh trong một Môn độc nhất là Ý Môn, vì 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần này sinh khởi tiếp thu **Hữu Tình Chế Định (Sattapaññatti)** làm Cảnh. Lộ Trình Tâm sẽ được tiếp thu **Cảnh Chế Định (Āram maṇapaññatti)** ấy một cách duy nhất phải là Lộ Trình Tâm sinh trong Ý Môn, vì thế 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần này mới chỉ sinh một cách duy nhất trong Ý Môn [đề cập như thế này lập ý đặc biệt chỉ lấy Tâm Sở Vô Lượng Phần phối hợp với Thiện và Duy Tác thôi; nếu như 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần này phối hợp với 4 Tâm Quả Sắc Giới cũng thành **Ngoại Môn (Dvāravimutti)**]

2. Tâm Sở Nhất Môn Bất Định (Ekadvārikacetāsika anekanta) Tâm Sở sinh độc nhất trong một Môn một cách bất định có 50 là 50 Tâm Sở (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

3. Tâm Sở Ngũ Môn Nhất Định (Pañcadvārikacetāsika ekanta) Không có Tâm Sở sinh trong 5 Môn một cách nhất định vì không có Tâm Sở phối hợp riêng biệt với 3 Ý Giới.

4. Tâm Sở Ngũ Môn Bất Định (Pañcadvārikacetāsika anekanta) Tâm Sở sinh trong 5 Môn một cách bất định có 50 là 50 Tâm Sở (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

5. Tâm Sở Lục Môn Nhất Định (Chadvārikacetāsika ekanta) Tâm Sở sinh trong 6 Môn một cách nhất định là sinh khởi không được vượt ra ngoài bất luận một Môn nào trong 6 Môn có 17 là 14 Tâm Sở Bất Thiện, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, vì 14 Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện thường luôn sinh trong bất luận một Môn nào trong 6 Môn, và 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần cũng phối hợp với Tâm Đại Thiện, Tâm Siêu Thế mà thường luôn sinh trong bất luận một Môn nào trong 6 Môn một cách tương tự như nhau, vì thế 17 Tâm Sở này mới sinh trong 6 Môn một cách nhất định.

6. Tâm Sở Lục Môn Bất Định (Chadvārikacetāsika anekanta) Tâm Sở sinh trong 6 Môn một cách bất định có 33 là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 20 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần), vì 33 Tâm Sở này phối hợp với Tâm sinh trong cả 6 Môn cũng được, hoặc phối hợp với Tâm vượt ra ngoài 6 Môn cũng được, vì thế 33 Tâm Sở này mới thành Tâm Sở Lục Môn một cách bất định.

7. Tâm Sở Môn Nhất Định (Dvārikacetāsika ekanta) Tâm Sở sinh trong Môn một cách nhất định có 17 là 14 Tâm Sở Bất Thiện, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, vì 17 Tâm Sở này thường luôn phối hợp với Tâm sinh trong Môn.

8. Tâm Sở Môn Bất Định (Dvārikacetāsika anekanta) Tâm Sở sinh trong Môn một cách bất định có 35 là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần) vì 35 Tâm Sở này phối hợp với Tâm sinh trong Môn cũng được, hoặc phối hợp với Tâm sinh vượt ra ngoài Môn cũng được, vì thế 35 Tâm Sở này mới sinh trong Môn một cách bất định.

9. Tâm Sở Ngoại Môn Nhất Định (Dvāravimuttacetāsika ekanta) Không có Tâm Sở sinh vượt ra ngoài Môn một cách nhất định, vì không có Tâm Sở phối hợp một cách riêng biệt với Tâm Quả Đáo Đại.

10. Tâm Sở Ngoại Môn Bất Định (Dvāravimuttacetāsika anekanta) Tâm Sở sinh vượt ra ngoài Môn một cách bất định có 35, đó chính là 35 Tâm Sở Môn Bất Định (phần # 8) là sát na phối hợp với 9 Tâm Quả Đáo Đại cũng vượt ra ngoài Môn; sát na phối hợp với các Tâm khác nữa cũng sinh trong Môn, vì thế, 35 Tâm Sở này mới thành Tâm Sở Ngoại Môn Bất Định.

Kết Thúc Tổng Hợp Môn

TỔNG HỢP CẢNH (ĀRAMMAṆASAṄGAHA)

Việc tổng hợp Tâm và Tâm Sở theo phân loại từ nơi **Cảnh (Ārammaṇa)**, gọi tên là **Tổng Hợp Cảnh (Ārammaṇasaṅgaha)**.

6 CẢNH (ĀRAMMAṆA)

- 1. Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)** là các màu sắc.
- 2. Cảnh Thính (Saddārammaṇa)** là các âm thanh.
- 3. Cảnh Khí (Gandhārammaṇa)** là các khí hơi.
- 4. Cảnh Vị (Rasārammaṇa)** là các mùi vị.
- 5. Cảnh Xúc (Photthabbārammaṇa)** là lạnh, nóng, mềm, cứng, dòn dãn, căng thẳng.
- 6. Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)** là Tâm, Tâm Sở, 5 Sắc Thanh Triệt, 16 Sắc Vi Tế, Níp Bàn, Chế Định.

LỜI GIẢI THÍCH

Cảnh (Ārammaṇa) ý muốn nói là nơi hoan hỷ, ví như một hoa viên là nơi hoan hỷ đối với tất cả mọi người như thế nào, cả 6 Cảnh có Cảnh Sắc v.v. cũng thường là nơi hoan hỷ đối với Tâm và Tâm Sở như thế ấy, như trình bày Chú Giải rằng **Ā abhimukhaṃ ramanti etthāti ārammaṇaṃ (ā – pubba, ramu – dhātu, yu - paccaya)** dịch nghĩa “Các Tâm Tâm Sở thấy đều hoan hỷ với nhau trong Pháp chủng này, vì thế Pháp chủng này gọi tên là Cảnh, đó là 6 Cảnh”.

Cảnh này, gọi là **Đối Tượng (Ālambana)** cũng được, ý muốn nói là thành vật duy hệ của Tâm và Tâm Sở, ví như vị niên lão hoặc bất kiện toàn thường phải nương vào cây gậy hoặc sợi dây làm vật duy hệ cho thân hình được đứng lên và bước đi như thế nào, các Tâm Tâm Sở cũng tương tự như vậy, cần phải có Cảnh làm vật duy hệ để sinh khởi nối tiếp nhau như thế ấy, như trình bày Chú Giải rằng: **Cittacetāsikehi ālambiyatīti Ālambanaṃ** dịch nghĩa “Pháp chủng duy hệ các Tâm và Tâm Sở, vì thế mới gọi tên Đối Tượng, đó là 6 Cảnh.

6 Cảnh này chia ra thành 2 thể loại là:

1. Cảnh Phổ Thông (Sāmaññārammaṇa) thể loại Cảnh phổ thông bình thường, không có chi là đặc biệt.

2. Cảnh Tăng Thượng (Adhipatiārammaṇa) Cảnh đặc biệt có khả năng trì hữu Tâm và Tâm Sở, và vẫn lưu các Tâm và Tâm Sở ấy cho đi vào tìm kiếm mình, ví như Đức Vua **Kusa** đeo đuổi nàng **Bhāvatī** suốt đoạn đường 100 do tuần do mãnh lực của sự mỹ lệ, là Cảnh Sắc của nàng **Bhāvatī** có khả năng trì hữu tâm ý của Đức Vua **Kusa** khiến phải đeo đuổi theo cho được; hoặc ví như một bức tranh họa người ta treo quảng cáo tại Hý Lạc Trường, bức tranh này có nét đẹp lạ lùng và sự kiện là phơi bày đường nét đặc biệt hoàn hảo, và như thế khiến tất cả mọi người khi bước qua Hý Lạc Trường không thể bỏ đi luôn, buộc phải ghé vào và ngắm nhìn bức tranh họa ấy, điều này như thế nào, Cảnh ở phần Tăng Thượng cũng như thế ấy, là có khả năng vẫn lưu Tâm và Tâm Sở cho nghiêng ngả tìm đến mình, như trình bày Chú Giải rằng: **Cittacetāsike ālambatīti Ālambanam** dịch nghĩa “Pháp chủng nào thường vẫn lưu các Tâm và Tâm Sở, như thế Pháp chủng ấy mới gọi tên là Đối Tượng, tức là 6 Cảnh ở phần Tăng Thượng.

VIỆC PHÂN CHIA TÂM MÔN (DVĀRIKACITTA) VÀ TÂM NGOẠI MÔN (DVĀRAVIMUTTACITTA) THEO 6 CẢNH

- 1. 46 Tâm Nhãn Môn (Cakkhuvārikacitta)** có Cảnh Sắc chỉ độc nhất thời hiện tại.
- 2. 46 Tâm Nhĩ Môn (Sotadvārikacitta)** có Cảnh Thính chỉ độc nhất thời hiện tại.
- 3. 46 Tâm Tỷ Môn (Ghānavārikacitta)** có Cảnh Khí chỉ độc nhất thời hiện tại.
- 4. 46 Tâm Thiệt Môn (Jivhadvārikacitta)** có Cảnh Vị chỉ độc nhất thời hiện tại.
- 5. 46 Tâm Thân Môn (Kāyadvārikacitta)** có Cảnh Xúc chỉ độc nhất thời hiện tại.
- 6. 67 hoặc 99 Tâm Ý Môn (Manadvārikacitta)** có 6 Cảnh ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai và Ngoại Thời một cách thích hợp với Cảnh.

7. Tâm Ngoại Môn (Dvāravimuttacitta) sinh khởi thực hiện nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần, Tử Vong, cả 19 cái ấy có bất luận loại Cảnh nào trong hết cả 6 Cảnh gọi là **Nghiệp (Kamma)**, **Nghiệp Tướng (Kammanimitta)**, và **Thú Tướng (Gatinimitta)** ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, và Chế Định trong **Lộ Trình Đồng Lực Cận Tử Lực Môn (Chadvārika kamaranāsannajavanavithī)** đa phần tiếp thụ từ Hữu trước khi cận tử lâm chung.

LỜI GIẢI THÍCH

6 Cảnh đã đề cập đến, chia ra thành 2 nhóm là:

1. Tam Thời Cảnh (Tekālikārammaṇa) là Cảnh hữu quan với cả 3 Thời là Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai, tức là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp.

Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp ở phần **Cảnh Hiện Tại (Pacuppannārammaṇa)** ngụ ý đến sát na đang hiện bày ngay trước mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tức là đang trông thấy, đang được lắng nghe, đang tri đặc khí vị, đang tri đặc khẩu vị, đang tri đặc xúc cảm, đang tri đặc trong

Cảnh sinh khởi vẫn chưa diệt mất, những thể loại này gọi là **Cảnh Hiện Tại (Pacuppannā rammaṇa)**.

Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp ở phần **Cảnh Quá Khứ (Atītārammaṇa)** ngụ ý đến những thể loại Cảnh đã trải qua rồi, tức là đã được trông thấy rồi, đã được lắng nghe rồi, đã tri đắc khí vị rồi, đã tri đắc khẩu vị rồi, đã tri đắc xúc cảm rồi; đối với Lộ Ý, tư khảo trong Cảnh đã trải qua rồi, những thể loại này gọi là **Cảnh Quá Khứ (Atītārammaṇa)**.

Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp ở phần **Cảnh Vị Lai (Anāgatārammaṇa)** ngụ ý đến các thể loại Cảnh ấy sẽ đến hiện bày trong Lộ Nhân, Lộ Nhĩ, Lộ Tỷ, Lộ Thiết, Lộ Thân, Lộ Ý, tức là sẽ trông thấy, sẽ được lắng nghe, sẽ tri đắc khí vị, sẽ tri đắc khẩu vị, sẽ tri đắc xúc cảm; đối với Lộ Ý, tư khảo đến các thể loại Cảnh ấy sẽ đến hiện bày, những thể loại này gọi là **Cảnh Vị Lai (Anāgatā rammaṇa)**.

Kết hợp cả 3 thể loại này gọi là **Tam Thời Cảnh (Tekālikārammaṇa)**.

2. Ngoại Thời Cảnh (Kālavimuttārammaṇa) là Cảnh bất hữu quan với cả 3 Thời, đó là **Níp Bàn (Nibbāna)** và **Chế Định (Paññatti)**.

Níp Bàn (Nibbāna) và **Chế Định (Paññatti)** ở phần **Ngoại Thời Cảnh (Kālavimuttā rammaṇa)**, vì 2 nhóm Pháp này thuộc **Pháp Vô Vi (Asaṅkhatadhamma)**, không có bị tạo tác bởi **4 Duyên (Paccaya)**, vì thế việc sinh khởi cả 2 nhóm Pháp này mới không có. Khi không có việc sinh khởi, cũng không nói được rằng các thể loại Níp Bàn và Chế Định này là Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai, mới gọi là **Ngoại Thời Cảnh (Kālavimuttārammaṇa)**.

Chỗ trình bày rằng từng mỗi thể loại **46 Tâm Nhãn Môn (Cakkhudvārikacitta)** v.v. cho đến **46 Tâm Thân Môn (Kāyadvārikacitta)** có Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc chỉ độc nhất thời hiện tại ấy, ý muốn nói Tâm Nhãn Môn sẽ tri đắc Cảnh Sắc cũng phải là Cảnh Sắc ấy đang hiện bày ở ngay trước mắt thôi. **Tâm Nhĩ Môn (Sotadvārikacitta)** v.v. cho đến **Tâm Thân Môn (Kāyadvārikacitta)** sẽ tri đắc Cảnh Thinh v.v. cho đến Cảnh Xúc thì cũng tương tự phải là Cảnh đang hiện bày ở ngay trước mắt. Tất cả đây cũng chỉ vì Tâm Nhãn Môn v.v. sẽ sinh khởi được cũng cần phải y cứ Cảnh làm chủ yếu, nếu như không có Cảnh hiện bày ở ngay trước mắt thì những thể loại Tâm này cũng không sinh khởi được.

Đối với 67 hoặc 99 Tâm Ý Môn có 6 Cảnh ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai và Ngoại Thời **vừa theo thích hợp với Cảnh**, ý muốn nói là nếu như Cảnh ở phần Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, đang hiện bày ngay trước mắt, hoặc đã trải qua rồi, hoặc sẽ đến hiện bày trong tương lai, những thể loại Tâm Ý Môn này thường tri đắc hết cả, gọi là tiếp thu 6 Cảnh ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai, và khi tiếp thu Ngoại Thời Cảnh ấy, ngụ ý đến những thể loại Tâm này tiếp thu Níp Bàn hoặc Chế Định, bất luận một thể loại nào làm Cảnh, vì thế chỗ trình bày rằng **vừa theo thích hợp với Cảnh**, lập ý lấy như đã được giải thích đến đây.

Rằng theo tổng thể, Tâm Ý Môn thường tri đắc hết tất cả các Cảnh, bất quản ở phần Siêu Lý, bất quản ở phần Chế Định, tùy thuộc ở người. Là như thế này cũng vì Tâm Ý Môn sinh khởi được, không chủ yếu y cứ Cảnh, nương vào Tâm Tâm Sở làm chủ yếu, tức là Cảnh đang hiện bày, hoặc đã diệt mất rồi, hoặc sẽ sinh khởi trong tương lai, hoặc Cảnh bất hữu

quan với cả 3 Thời, những thể loại Tâm Ý Môn này thường có khả năng sinh khởi tri đắc các Cảnh ấy.

Tâm Ngoại Môn (Dvāravimuttacitta) là Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử, cả 3 thể loại này cho dù sẽ sinh khởi bởi do không có được y cứ vào bất luận một loại Môn nào, sinh khởi thiết thực với mãnh lực của Nghiệp Lực trong quá khứ, thế nhưng cũng thường tiếp thu bất luận một Cảnh nào trong những 6 Cảnh mà những loại Cảnh này bất hữu quan với Hữu hiện tại, chỉ là Cảnh có được từ nơi Hữu trước mà **Đồng Lực Cận Tử (Marañā sannajavana)** tiếp thu lấy khi cận tử lâm chung. Bất luận Đồng Lực Cận Tử của người ấy sẽ tiếp thu Cảnh chi, nếu như Đồng Lực Cận Tử đã tiếp thu Cảnh Sắc rồi, chính Cảnh Sắc ấy thành Cảnh của Tâm Ngoại Môn; và nếu như Đồng Lực Cận Tử đã tiếp thu Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Cảnh Pháp rồi, chính những Cảnh Thinh ấy v.v. thành Cảnh của Tâm Ngoại Môn, vì thế mới trình bày được rằng **Cảnh của Tâm Ngoại Môn có bất luận một loại Cảnh nào trong những 6 Cảnh.**

Cảnh của **Tâm Ngoại Môn (Dvāravimuttacitta)** chỗ gọi là **Nghiệp (Kamma)**, **Nghiệp Tướng (Kammanimitta)**, và **Thú Tướng (Gatinimitta)** chính thị cũng hữu quan với Đồng Lực Cận Tử, vì lẽ thường 6 Cảnh này đến hiện bày đối với người cận tử, nếu như là Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, bất luận một loại nào trong cả 5 Cảnh này gọi là **Cảnh Nghiệp Tướng (Kammanimittārammaṇa)** hoặc **Cảnh Thú Tướng (Gati nimittārammaṇa)** tùy thuộc thực tính của Cảnh đến hiện bày thành **Tiên Triệu (Nimitta – điềm báo trước)** ấy, nếu như đã là **Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)** gọi là **Cảnh Nghiệp (Kammārammaṇa)** cũng được, Cảnh Nghiệp Tướng cũng được, Cảnh Thú Tướng tùy thuộc thực tính của Cảnh đến hiện bày thành **Tiên Triệu** đồng như nhau. Với nguyên nhân này, **Cảnh của Tâm Ngoại Môn hữu quan với Đồng Lực Cận Tử tiếp thu lấy từ nơi Hữu trước khi cận tử lâm chung mới gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng.**

Còn 6 Cảnh đến hiện bày nơi Lộ Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý trong thời gian bình thường, đa phần không gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, và 6 Cảnh đến hiện bày nơi Lộ Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý của Bạc Vô Sinh vào thời gian sắp sửa **Viên Tịch Níp Bàn (Parinibbāna)** cũng không gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, vì không có việc sinh nổi tiếp nữa.

Chỗ đề cập rằng Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, và Chế Định ấy, giải thích rằng nếu như Cảnh của Đồng Lực Cận Tử là **Sắc Thành Sở Tác (Nipphannarūpa)** có Cảnh Sắc v.v. thời gian Tâm Tử đã diệt đi rồi mà Cảnh ấy vẫn chưa diệt đi; khi là như thế Tâm Tái Sinh và Tâm Hữu Phần tối đa 6 cái sinh trong Hữu mới, cũng có Cảnh là Hiện Tại. Còn Tâm Hữu Phần sinh tiếp nối nhau từ nơi đó cho đến Tâm Tử thì không có Cảnh là Hiện Tại được. Nếu như **Cảnh Sắc Thành Sở Tác (Nipphannarūpa rammaṇa)** đã vừa đề cập đến đồng diệt mất với Tâm Tử hoặc Cảnh của Đồng Lực Cận Tử là Cảnh Pháp ở phần Tâm Tâm Sở, và như thế Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử trong Hữu mới thường có Cảnh là Quá Khứ. Còn Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của **Người Dục Giới (Kāmapuggala)** sinh trong **Dục Địa Giới (Kāma bhūmi)** không có Cảnh Ngoại Thời là Chế Định được, vì 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, những thể loại này có

6 Cảnh chỉ độc nhất là **Pháp Dục Giới (Kāmadhamma)**, vì thế Cảnh của Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của Người Dục Giới mới là Cảnh ở bất luận một loại nào thuộc Hiện Tại hoặc Quá Khứ mà thôi.

Nếu như Cảnh của Đồng Lực Cận Tử là **Cảnh Pháp Chế Định (Paññattidhammārammaṇa)** là chế định hữu quan với **Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhāna)**, **Hoàn Tịnh Chế Định (Kasiṇapaññatti)** v.v. những thể loại này rồi, Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử trong Hữu mới thường có Cảnh là Cảnh Ngoại Thời, chính thị là Chế Định.

Cảnh của những thể loại Tâm Ngoại Môn này thường không có được Cảnh Vị Lai, vì việc tiếp thâu Cảnh của Tâm Ngoại Môn này, chính thị là tiếp thâu Cảnh mà Đồng Lực Cận Tử tiếp thâu lấy từ Hữu trước khi cận tử lâm chung.

Chỗ trình bày rằng Tâm Ngoại Môn có bất luận một loại Cảnh nào trong những 6 Cảnh chỗ gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng mà **Đồng Lực Cận Tử Lục Môn (Chadvārikamaraṇāsannajavana)** tiếp thâu lấy từ nơi Hữu trước khi cận tử là **phần nhiều**. Lời nói rằng “là phần nhiều” ý muốn nói là cũng có trường hợp Cảnh của Tâm Ngoại Môn cũng không có được Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng mà Đồng Lực Cận Tử Lục Môn tiếp thâu từ Hữu trước khi cận tử lâm chung, chẳng hạn như nhóm Nhân Loại và Chư Thiên là **Bậc Ngũ Thiền Hạnh Vận Giả (Pañcamajhānalābhīpuggalā)** hữu quan với **Tướng Ly Ái Tu Tập (Sañña virāgabhāvanā)**, khi đã tử vong từ Dục Địa Giới cũng đi hóa sinh trong **Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới (Asaññasattabhūmi)** thành Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng. Khi đã **thọ mạng diệt (Āyusaṅkkhaya)** **500 Đại Kiếp (Mahākappa)** cũng mệnh chung xuống tái sinh trong Dục Địa Giới làm Nhân Loại hoặc Chư Thiên nữa, Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của những người này thường có Cảnh là bất luận một loại nào trong những Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, thế nhưng những loại Cảnh này không phải là Cảnh của Đồng Lực Cận Tử Lục Môn tiếp thâu từ Hữu trước, tức là Hữu ở phần Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng khi cận tử lâm chung, vì Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng này mệnh chung với Sắc Pháp, chính thị là **Mạng Quyền Cử Tổng Hợp (Jīvitāvakalāpa)** diệt lần cuối cùng. Cảnh chỗ gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng của những người này là Cảnh được thâu từ nơi **Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakamma)** mà bản thân đã từng thực hiện để trong các Hữu trước tính kể từ Hữu thứ 3 v.v tùy theo thích hợp, ý muốn nói là **Hậu Hậu Báo Thiện Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakusalakamma)** nào có cơ hội cho **Quả Tái Sinh (Phalapaṭisandhi)** trong Dục Địa Giới, chính Cảnh của **Hậu Hậu Báo Thiện Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakusalakamma)** ấy thành Cảnh chỗ gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng từ nơi Tâm Ngoại Môn của Chúng Nhân - Thiên này. Chính thị với nguyên nhân này, **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** mới trình bày lời nói rằng “là phần nhiều” trong điều này.

KỆ TRÌNH BÀY 4 THỂ LOẠI TÂM TIẾP THÊU CẢNH NHẤT ĐỊNH VÀ 3 THỂ LOẠI BẤT ĐỊNH

1. Pañcavīsaparittamhi

Cha cittāni mahaggaṭṭe

Ekavīsati vohāre
2. Vīsānuttaramuttamhi

Pañca sabbattha chacceti

Atṭha nibbānagocare
Aggamaggaphalujjhite
Sattadhā tattha saṅgaho

1. 25 Tâm là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, 3 Tâm Thâm Tấn, 8 Tâm Đại Quả, 1 Tâm Tiểu Sinh sinh được trong 6 Cảnh, độc nhất chỉ ở Pháp Dục Giới.

+ 6 Tâm là 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ chỉ sinh độc nhất trong Cảnh Pháp ở phần Đáo Đại.

+ 21 Tâm là 15 Tâm Sắc Giới (trừ 2 Tâm Thắng Trí), 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ chỉ sinh độc nhất trong Cảnh Pháp Chế Định.

+ 8 Tâm là 8 Tâm Siêu Thế chỉ sinh độc nhất trong Cảnh Pháp Níp Bàn.

2. 20 Tâm là 12 Tâm Bất Thiện, 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí sinh được trong 6 Cảnh ở phần Dục Giới, Đáo Đại, Chế Định (trừ 9 Pháp Siêu Thế).

+ 5 Tâm là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 1 Tâm Thiện Thắng Trí sinh được trong cả 6 Cảnh ở phần Dục Giới, Đáo Đại, Siêu Thế, Chế Định (trừ Đạo – Quả Vô Sinh).

+ 6 Tâm là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí, 1 Tâm Khai Ý Môn sinh được trong cả 6 Cảnh ở phần Dục Giới, Đáo Đại, Siêu Thế, Chế Định một cách không dư sót.

Trong Tổng Hợp Cảnh này, có việc tổng hợp 7 phần Tâm theo phân loại từ nơi 4 Nhất Định, 3 Bất Định, như đã có đề cập đến với trường hợp như thế này.

GIẢI THÍCH TRONG BÀI KỆ THỨ 1

Cả 6 thể loại Cảnh này, khi theo phân loại chủ yếu có 4 thể loại là:

1. **Cảnh Dục Giới (Kāmārammaṇa)** đó là cả 6 Cảnh.

2. **Cảnh Đáo Đại (Mahāaggatārammaṇa)** đó là Cảnh Pháp.

3. **Cảnh Siêu Thế (Lokuttarārammaṇa)** đó là Cảnh Pháp.

4. **Cảnh Chế Định (Paññattārammaṇa)** đó là Cảnh Pháp.

Tiếp theo đây sẽ trình bày việc phân chia Tâm sinh khởi tiếp thu cả 4 thể loại Cảnh theo thuận tự như vậy:

VIỆC PHÂN CHIA 60 HOẶC 92 TÂM TIẾP THÊU CẢNH NHẤT ĐỊNH THEO 6 CẢNH (ĀRAMMAṆA) VÀ 3 THỜI (KĀLA)

25 TÂM CÓ ĐỐI TƯỢNG DỤC GIỚI (PAÑCAVĪSA PARITTAMHI)

1. **2 Tâm Nhãn Thức (Cakkhaviññāṇacitta)** chỉ có độc nhất Cảnh Sắc ở phần hiện tại.

2. **2 Tâm Nhĩ Thức (Sotaviññāṇacitta)** chỉ có độc nhất Cảnh Thính ở phần hiện tại.

3. **2 Tâm Tỷ Thức (Ghānaviññāṇacitta)** chỉ có độc nhất Cảnh Khí ở phần hiện tại.

4. 2 Tâm Thiệt Thức (**Jivhāviññāṇacitta**) chỉ có độc nhất Cảnh Vị ở phần hiện tại.
5. 2 Tâm Thân Thức (**Kāyaviññāṇacitta**) chỉ có độc nhất Cảnh Xúc ở phần hiện tại.
6. 3 Tâm Ý Giới (**Manodhātu**): chỉ có độc nhất Cảnh Ngũ ở phần hiện tại.
7. 3 Tâm Thầm Tấn (**Santīraṇacitta**), 8 Tâm Đại Quả (**Mahāvipākacitta**), 1 Tâm Tiểu Sinh (**Hasituppādacitta**) có 6 Cảnh ở phần hiện tại, quá khứ, vị lai.

6 TÂM CÓ ĐỐI TƯỢNG ĐÁO ĐẠI (CHA CITTĀNI MAHAGGATE)

8. 1 Tâm Thiện, 1 Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ (**Viññāṇañcāyatanakusalacitta – vipākacitta**) chỉ có độc nhất Cảnh Pháp Đáo Đại là Thiện Không Vô Biên Xứ ở phần quá khứ.

9. 1 Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ (**Viññāṇañcāyatanakiriyācitta**) chỉ có độc nhất Cảnh Pháp Đáo Đại là Thiện và Duy Tác Không Vô Biên Xứ ở phần quá khứ.

10. 1 Tâm Thiện, 1 Tâm Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ (**Nevasaññānāsāññāyatanakusalacitta – vipākacitta**) chỉ có độc nhất Cảnh Pháp Đáo Đại là Thiện Vô Sở Hữu Xứ ở phần quá khứ.

11. 1 Tâm Duy Tác (**Nevasaññānāsāññāyatanakiriyācitta**) chỉ có độc nhất Cảnh Pháp Đáo Đại là Thiện và Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ ở phần quá khứ.

21 TÂM CÓ ĐỐI TƯỢNG GIẢ ĐỊNH (EKAVĪSATI VOHĀRE)

12. 3 Tâm Sơ Thiền Sắc Giới (**Rūpāvacarapaṭhamajhānacitta**) chỉ có độc nhất Cảnh Pháp Chế Định, là 10 Hoàn Tịnh Chế Định (**Kasiṇapaññatti**), 10 Bất Tịnh Chế Định (**Asubhapaññatti**), 1 Thân Phần Chế Định (**Koṭṭhāsapaññatti**), 1 Sở Tức Chế Định (**Ānāpānapaññatti**), 1 Sở Ái Hoan Hỷ Hữu Tình Chế Định (**Piyamanāpasattapaññatti**), 1 Khổ Đau Hữu Tình Chế Định (**Dukkhasattapaññatti**), 1 An Lạc Hữu Tình Chế Định (**Sukhasattapaññatti**) ở phần Ngoại Thời.

13. 3 Tâm Nhị Thiền Sắc Giới (**Rūpāvacaradutiyajhānacitta**), 3 Tâm Tam Thiền Sắc Giới (**Rūpāvacaratatijhānacitta**), 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới (**Rūpāvacaratutthajhānacitta**) chỉ có độc nhất Cảnh Pháp Chế Định, là 10 Hoàn Tịnh Chế Định (**Kasiṇapaññatti**), 1 Sở Tức Chế Định (**Ānāpānapaññatti**), 1 Sở Ái Hoan Hỷ Hữu Tình Chế Định (**Piyamanāpasattapaññatti**), 1 Khổ Đau Hữu Tình Chế Định (**Dukkhasattapaññatti**), 1 An Lạc Hữu Tình Chế Định (**Sukhasattapaññatti**) ở phần Ngoại Thời.

14. 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới (**Rūpāvacarapañcamajhānacitta**) (trừ Tâm Thắng Trí) chỉ có độc nhất Cảnh Pháp Chế Định, là 10 Hoàn Tịnh Chế Định (**Kasiṇapaññatti**), 1 Sở Tức Chế Định (**Ānāpānapaññatti**), 1 Trung Bình Hữu Tình Chế Định (**Majjhataṭṭapaññatti**) ở phần Ngoại Thời.

15. 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ (**Ākāśañcāyatanajhānacitta**) chỉ có độc nhất Cảnh Pháp Chế Định là Hoàn Tịnh Phóng Khí Hư Không Chế Định (**Kasiṇugghāti mākāsaññatti**) ở phần Ngoại Thời.

16. 3 Tâm Thiên Vô Sở Hữu Xứ (Ākiñcaññāyatana-jhānacitta) chỉ có độc nhất Cảnh Pháp Chế Định là **Vô Hữu Chế Định (Natthibhāvapaññatti)** ở phần Ngoại Thời.

8 TÂM CÓ ĐỐI TƯỢNG NÍP BÀN (AṬṬHA NIBBĀNAGOCARE)

17. 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế (Lokuttaracitta) chỉ có độc nhất Cảnh Pháp là Níp Bàn ở phần Ngoại Thời [ý nói đến **Hữu Dư Y Níp Bàn (Saupādisesanibbāna)**].

VIỆC PHÂN CHIA 31 TÂM TIẾP THẬU CẢNH BẤT ĐỊNH THEO 6 CẢNH (ĀRAMMAṆA) VÀ 3 THỜI (KĀLA)

20 TÂM CÓ ĐỐI TƯỢNG PHI SIÊU THẾ (VISĀNUTTARAMUTTAMHI)

1. 12 Tâm Bất Thiện, 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí, gom 20 cái này có 6 Cảnh là Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, và Cảnh Pháp, tức là Tâm Tâm Sở Hiệp Thế, Sắc Thanh Triệt, Sắc Vi Tế, Thinh Danh Chế Định, Nghĩa Lý Chế Định ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai, và Ngoại Thời.

5 TÂM CÓ ĐỐI TƯỢNG PHI ĐẠO QUẢ VÔ SINH (AGGAMAGGAPHALUJJHĪTE PAÑCA)

2. 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 1 Tâm Thiện Thắng Trí, gom 5 cái này có 6 Cảnh là Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc và Cảnh Pháp, tức là 87 Tâm (trừ Tâm Đạo - Quả Vô Sinh), 52 Tâm Sở, Sắc Thanh Triệt, Sắc Vi Tế, Níp Bàn, Thinh Danh Chế Định, Nghĩa Lý Chế Định ở phần Quá Khứ, Hiện tại, Vị Lai, và Ngoại Thời.

VÀ 6 TÂM CÓ TẤT CẢ ĐỐI TƯỢNG (SABBATTHA CHA CA)

3. 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí, gom 6 cái này có 6 Cảnh là Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, và Cảnh Pháp, tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, Sắc Thanh Triệt, Sắc Vi Tế, Níp Bàn, Thinh Danh Chế Định, Nghĩa Lý Chế Định ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai, và Ngoại Thời trọn vẹn, và không có dư sót.

21 CẢNH QUẢNG NGHĨA

1. Cảnh Dục Giới (Kāmārammaṇa) Chi Pháp đó là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp, được 6 Cảnh.

2. Cảnh Đáo Đại (Mahaggatārammaṇa) Chi Pháp đó là 27 Tâm Đáo Đại, 35 Tâm Sở, được 1 Cảnh là Cảnh Pháp.

3. Cảnh Níp Bàn (Nibbānārammaṇa) Chi Pháp đó là Níp Bàn, được 1 Cảnh là Cảnh Pháp.

4. Cảnh Danh Pháp (Nāmārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Níp Bàn, được 1 Cảnh là Cảnh Pháp.

5. Cảnh Sắc Pháp (Rūpārammaṇa) Chi Pháp đó là 28 Sắc Pháp, được 6 Cảnh.

6. Cảnh Hiện Tại (Paccuppannārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp hiện đang sinh khởi, được 6 Cảnh.

7. Cảnh Quá Khứ (Atītārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp đã diệt đi rồi, được 6 Cảnh.

8. Cảnh Vị Lai (Anāgatārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp sẽ sinh, được 6 Cảnh.

9. Cảnh Ngoại Thời (Kālavimuttārammaṇa) Chi Pháp đó là Níp Bàn, Chế Định, được 1 Cảnh là Cảnh Pháp.

10. Cảnh Chế Định (Paññattiārammaṇa) Chi Pháp đó là Thình Danh Chế Định, Nghĩa Lý Chế Định, được 1 Cảnh là Cảnh Pháp.

11. Cảnh Siêu Lý (Paramatthārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn, được 6 Cảnh.

12. Cảnh Nội Bộ (Ajjhattārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, sinh khởi bên trong bản thân, được 6 Cảnh.

13. Cảnh Ngoại Bộ (Bahiddhārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp sinh khởi ở tha nhân, và Sắc Vô Hữu Sinh Mạng, Níp Bàn, Chế Định, được 6 Cảnh.

14. Cảnh Nội Ngoại Bộ (Ajjhatabhiddhārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp sinh khởi cả nội bộ và ngoại bộ, được 6 Cảnh.

15. Cảnh Ngũ (Pañcārammaṇa) Chi Pháp đó là 7 Hành Cảnh Sắc, được 5 Cảnh

16. Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) Chi Pháp đó là các màu sắc.

17. Cảnh Thính (Saddārammaṇa) Chi Pháp đó là các âm thanh.

18. Cảnh Khí (Gandhārammaṇa) Chi Pháp đó là các khí hơi.

19. Cảnh Vị (Rasārammaṇa) Chi Pháp đó là các mùi vị.

20. Cảnh Xúc (Photthabbārammaṇa) Chi Pháp đó là lạnh nóng, cứng mềm, lỏng căng.

21. Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Thanh Triệt, Sắc Vi Tế, Níp Bàn, Chế Định.

VIỆC PHÂN CHIA TÂM TIẾP THẬU CẢNH MỘT CÁCH NHẤT ĐỊNH

1. Tâm tiếp thâu độc nhất **Cảnh Dục Giới (Kāmārammaṇa)** có 25, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, 3 Tâm Thảm Tấn, 8 Tâm Đại Quả, 1 Tâm Tiểu Sinh, tập hợp lại 25.

2. Tâm tiếp thâu độc nhất **Cảnh Đáo Đại (Mahaggatārammaṇa)** có 6, là 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tập hợp lại 6.

3. Tâm tiếp thâu độc nhất **Cảnh Níp Bàn (Nibbārammaṇa)** có 8, là 8 Tâm Siêu Thế.

4. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Danh Pháp (Nāmārammaṇa)** có 14, là 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 8 Tâm Siêu Thế, tập hợp lại 14.

5. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Sắc Pháp (Rūpārammaṇa)** có 13, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, tập hợp lại 13.

6. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Hiện Tại (Paccuppannārammaṇa)** có 13, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, tập hợp lại 13.

7. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Quá Khứ (Atītārammaṇa)** có 6, đó là 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, tập hợp lại 6.

8. **Không có Tâm tiếp thâm độc nhất Cảnh Vị Lai (Anāgatārammaṇa).**

9. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Ngoại Thời (Kālavimuttārammaṇa)** có 29, đó là 15 Tâm Sắc Giới (trừ Tâm Thắng Trí), 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ, 8 Tâm Siêu Thế, tập hợp lại 29.

10. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Chế Định (Paññattārammaṇa)** có 21, đó là 15 Tâm Sắc Giới (trừ Tâm Thắng Trí), 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ, tập hợp lại 21.

11. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Siêu Lý (Paramatthārammaṇa)** có 39, đó là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, 3 Tâm Thâm Tấn, 8 Tâm Đại Quả, 1 Tâm Tiểu Sinh, 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 8 Tâm Siêu Thế, tập hợp lại 39.

12. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Nội Bộ (Ajjhattārammaṇa)** có 6, đó là 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, tập hợp lại 6.

13. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Ngoại Bộ (Bahiddhārammaṇa)** có 26, đó là 15 Tâm Sắc Giới (trừ Tâm Thắng Trí), 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 8 Tâm Siêu Thế, tập hợp lại 26.

14. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Ngũ (Pañcārammaṇa)** có 3, đó là ba Ý Giới.

15. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)** có 2, đó là 2 Tâm Nhãn Thức.

16. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Thinh (Saddārammaṇa)** có 2, đó là 2 Tâm Nhĩ Thức.

17. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Khí (Gandhārammaṇa)** có 2, đó là 2 Tâm Tỷ Thức.

18. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Vị (Rasārammaṇa)** có 2, đó là 2 Tâm Thiệt Thức.

19. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)** có 2, đó là 2 Tâm Thân Thức.

20. Tâm tiếp thâm độc nhất **Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)** có 35, đó là 27 Tâm Đáo Đại (trừ 2 Tâm Thắng Trí), 8 Tâm Siêu Thế, tập hợp lại 35.

21. Tâm tiếp thâm được một Cảnh độc nhất có 28, đó là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ, 1 Tâm Thiện - 1 Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Thiện - 1 Tâm Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 8 Tâm Siêu Thế, tập hợp lại 28.

GIẢI THÍCH TÂM TIẾP THẬU CHỈ CÓ MỘT CẢNH

Trong 10 Tâm Ngũ Song Thức ấy:

1. 2 Tâm Nhân Thức có độc nhất một Cảnh là Cảnh Sắc.
 2. 2 Tâm Nhĩ Thức có độc nhất một Cảnh là Cảnh Thính.
 3. 2 Tâm Tỷ Thức có độc nhất một Cảnh là Cảnh Khí.
 4. 2 Tâm Thiệt Thức có độc nhất một Cảnh là Cảnh Vị.
 5. 2 Tâm Thân Thức có độc nhất một Cảnh là Cảnh Xúc.
 6. 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ có độc nhất một Cảnh là Hoàn Tịnh Phóng Khí Hư Không Chế Định.
 7. 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ có độc nhất một Cảnh là Vô Hữu Chế Định.
 8. 1 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ có độc nhất một Cảnh là Thiền Thiền Không Vô Biên Xứ đã từng sinh đến cho bản thân trong Hữu này và Hữu trước.
 9. 1 Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ có độc nhất một Cảnh là Thiền Thiền Không Vô Biên Xứ đã từng sinh đến cho bản thân trong Hữu trước.
 10. 1 Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ có độc nhất một Cảnh là Thiền Thiền Vô Sở Hữu Xứ đã từng sinh đến cho bản thân trong Hữu này và Hữu trước.
 11. 1 Tâm Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ có độc nhất một Cảnh là Thiền Thiền Vô Sở Hữu Xứ đã từng sinh đến cho bản thân trong Hữu trước.
 12. 8 Tâm Siêu Thế có độc nhất một Cảnh là Níp Bàn.
22. Tâm tiếp thâu được 2 loại Cảnh, có 2 là 1 Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

GIẢI THÍCH TÂM TIẾP THẬU 2 LOẠI CẢNH

1. 1 Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ có 2 Cảnh là Thiền Thiền Không Vô Biên Xứ đã từng sinh đến cho bản thân trong Hữu này và Hữu trước, và Duy Tác Thiền Không Vô Biên Xứ đã từng sinh đến cho bản thân trong Hữu này.
 2. 1 Tâm Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ có 2 Cảnh là Thiền Thiền Vô Sở Hữu Xứ đã từng sinh đến cho bản thân trong Hữu này và Hữu trước, và Duy Tác Thiền Vô Sở Hữu Xứ đã từng sinh đến cho bản thân trong Hữu này.
23. Tâm tiếp thâu được 5 loại Cảnh có 3 là 3 Ý Giới.
Tiếp thâu 5 loại Cảnh là Cảnh Sắc, Cảnh Thính, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc.
24. Tâm tiếp thâu được 12 loại Cảnh có 3 là 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới.
Tiếp thâu 12 loại Cảnh là **10 Hoàn Tịnh Chế Định (Kasīṇapaññatti), 1 Sở Túc Chế Định (Ānāpānaññatti), 1 Trung Bình Hữu Tình Chế Định (Majjhattasattapaññatti).**
25. Tâm tiếp thâu được 14 loại Cảnh có 9 là 3 Tâm Nhị Thiền Sắc Giới, 3 Tâm Tam Thiền Sắc Giới, 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới.

Tiếp thu 14 loại Cảnh là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 1 Sở Tức Chế Định, **1 Sở Ái Hoan Hỷ Hữu Tình Chế Định (Piyamanāpasattapaññatti)**, **1 Khổ Đau Hữu Tình Chế Định (Dukkhitasattapaññatti)**, **1 An Lạc Hữu Tình Chế Định (Sukkhitasattapaññatti)**

26. Tâm tiếp thu được 25 loại Cảnh có 3 là 3 Tâm Sơ Thiên Sắc Giới.

Tiếp thu 25 loại Cảnh là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, **10 Bất Tịnh Chế Định (Asubhapaññatti)**, **1 Thân Phần Chế Định (Koṭṭhāsapaññatti)**, 1 Sở Tức Chế Định, 1 Sở Ái Hoan Hỷ Hữu Tình Chế Định, 1 Đau Khổ Hữu Tình Chế Định, 1 An Lạc Hữu Tình Chế Định.

VIỆC PHÂN CHIA TÂM TIẾP THU CẢNH MỘT CÁCH BẤT ĐỊNH

1. Tâm tiếp thu được 5 loại Cảnh gồm Cảnh Dục Giới, Cảnh Đáo Đại, Cảnh Ngoại Thời, Cảnh Chế Định, Cảnh Siêu Lý, có 31 là 1 Tâm Khai Ý Môn, 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 2 Tâm Thắng Trí, kết hợp 31.

2. Tâm tiếp thu được 6 loại Cảnh gồm Cảnh Hiện Tại, Cảnh Quá Khứ, Cảnh Vị Lai, Cảnh Pháp, Cảnh Sắc Pháp, Cảnh Danh Pháp, có 43 là 1 Tâm Khai Ý Môn, 3 Tâm Thảm Tán, 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 2 Tâm Thắng Trí, kết hợp 43.

3. Tâm tiếp thu được 3 loại Cảnh gồm Cảnh Nội Bộ, Cảnh Ngoại Bộ, Cảnh Nội Ngoại Bộ, có 56 là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, kết hợp 56.

4. Tâm tiếp thu bất định **Cảnh Níp Bàn (Nibbārammaṇa)**, có 11 là 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 2 Tâm Thắng Trí, kết hợp 11.

5. Tâm tiếp thu bất định 5 loại Cảnh là gồm Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, có 46 là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức), 2 Tâm Thắng Trí.

6. Tâm tiếp thu bất định **Cảnh Ngũ (Pañcārammaṇa)** cũng là tiếp thu được **Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)** có 43, là 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 2 Tâm Thắng Trí.

TẬP HỢP LẠI VIỆC PHÂN CHIA TÂM TIẾP THU CẢNH MỘT CÁCH NHẤT ĐỊNH VÀ BẤT ĐỊNH

1. Tâm tiếp thu **Cảnh Dục Giới (Kāmarammaṇa)** có được 56 là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, tập hợp lại 56.

2. Tâm tiếp thu **Cảnh Đáo Đại (Mahaggatārammaṇa)** có được 37 là 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Khai Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 2 Tâm Thắng Trí, 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, tập hợp lại 37.

3. Tâm tiếp thu **Cảnh Níp Bàn (Nibbārammaṇa)** có được 19 là 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 2 Tâm Thắng Trí, 8 Tâm Siêu Thế, tập hợp lại 19.

4. Tâm tiếp thân **Cảnh Danh Pháp (Nāmārammaṇa)** có được 57 là 12 Tâm Bất Thiện, 3 Tâm Thảm Tán, 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 2 Tâm Thắng Trí, 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, 8 Tâm Siêu Thế, tập hợp lại 57.

5. Tâm tiếp thân **Cảnh Sắc Pháp (Rūpārammaṇa)** có được 56 là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, tập hợp lại 56.

6. Tâm tiếp thân **Cảnh Hiện Tại (Paccuppannārammaṇa)** có được 56 là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, tập hợp lại 56.

7. Tâm tiếp thân **Cảnh Quá Khứ (Atītārammaṇa)** có được 49 là 12 Tâm Bất Thiện, 3 Tâm Thảm Tán, 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 2 Tâm Thắng Trí, 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tập hợp lại 49.

8. Tâm tiếp thân **Cảnh Vị Lai (Anāgatārammaṇa)** có được 43 là 1 Tâm Khai Ý Môn, 3 Tâm Thảm Tán, 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 2 Tâm Thắng Trí, tập hợp lại 43.

9. Tâm tiếp thân **Cảnh Ngoại Thời (Kālavimuttārammaṇa)** có được 58 hoặc 60 là 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 15 Tâm Sắc Giới cùng với 2 Tâm Thắng Trí, 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ, 8 Tâm Siêu Thế, tập hợp lại 58 hoặc 60.

10. Tâm tiếp thân **Cảnh Chế Định (Paññattārammaṇa)** có được 50 hoặc 52 là 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 15 Tâm Sắc Giới cùng với 2 Tâm Thắng Trí, 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ, tập hợp lại 50 hoặc 52.

11. Tâm tiếp thân **Cảnh Siêu Lý (Paramatthārammaṇa)** có được 70 là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, 8 Tâm Siêu Thế, tập hợp lại 70.

12. Tâm tiếp thân **Cảnh Nội Bộ (Ajjhattārammaṇa)** có được 62 là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tập hợp lại 62.

13. Tâm tiếp thân **Cảnh Ngoại Bộ (Bahiddhārammaṇa)** có được 80 hoặc 82 là 54 Tâm Dục Giới, 15 Tâm Sắc Giới cùng với 2 Tâm Thắng Trí, 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 8 Tâm Siêu Thế, tập hợp lại 80 hoặc 82.

14. Tâm tiếp thân **Cảnh Nội Ngoại Bộ (Ajjhatabhiddhārammaṇa)** có được 56 là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, tập hợp lại 56.

15. Tâm tiếp thân **Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)** có được 48 là 12 Tâm Bất Thiện, 2 Tâm Nhân Thức, 3 Tâm Ý Giới, 3 Tâm Thảm Tán, 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 2 Tâm Thắng Trí, tập hợp lại 48.

16. Tâm tiếp thân **Cảnh Thịnh (Saddārammaṇa)** có được 48 là tương tự với Tâm tiếp thân Cảnh Sắc, chỉ thay đổi Tâm Nhân Thức thành Tâm Nhĩ Thức thôi.

17. Tâm tiếp thân **Cảnh Khí (Gandhārammaṇa)** có được 48 là tương tự với Tâm tiếp thân Cảnh Sắc, chỉ thay đổi Tâm Nhãn Thức thành Tâm Tỷ Thức thôi.

18. Tâm tiếp thân **Cảnh Vị (Rasārammaṇa)** có được 48 là tương tự với Tâm tiếp thân Cảnh Sắc, chỉ thay đổi Tâm Nhãn Thức thành Tâm Thiệt Thức thôi.

19. Tâm tiếp thân **Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)** có được 48 là tương tự với Tâm tiếp thân Cảnh Sắc, chỉ thay đổi Tâm Nhãn Thức thành Tâm Thân Thức thôi.

20. Tâm tiếp thân **Cảnh Ngũ (Pañcārammaṇa)** có được 46 là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức), 2 Tâm Thắng Trí, tập hợp lại 46.

21. Tâm tiếp thân **Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)** có được 76 hoặc 78 là 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 15 Tâm Sắc Giới cùng với 2 Tâm Thắng Trí, 12 Tâm Vô Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế, tập hợp lại 76 hoặc 78.

VIỆC PHÂN CHIA TÂM SỞ THEO 21 CẢNH NHẤT ĐỊNH VÀ BẤT ĐỊNH

1. Không có Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Dục Giới.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Dục Giới có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

2. Không có Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Đáo Đại.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Đáo Đại có 47 (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

3. Không có Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Níp Bàn.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Níp Bàn có 36 là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

4. Không có Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Danh Pháp.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Danh Pháp có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

5. Không có Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Sắc Pháp.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Sắc Pháp có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

6. Không có Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Hiện Tại.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Hiện Tại có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

7. Không có Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Quá Khứ.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Quá Khứ có 47 (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

8. Không có Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Vị Lai.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Vị Lai có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

9. Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Ngoại Thời có 2 là 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Ngoại Thời có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

10. Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Chế Định có 2 là 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Chế Định có 47 là (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

11. Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Siêu Lý có 3 là 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Siêu Lý có 47 (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

12. Không có Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Nội Bộ

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Nội Bộ có 49 (trừ 1 Tật Đố, 2 Vô Lượng Phần).

13. Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Ngoại Bộ có 3 là 1 Tật Đố, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Ngoại Bộ có 49 (trừ 1 Tật Đố, 2 Vô Lượng Phần).

14. Không có Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Nội Ngoại Bộ (là không có được).

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Nội Ngoại Bộ có 49 (trừ 1 Tật Đố, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

15. Không có Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

16. Không có Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Ngũ.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Ngũ có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

17. Tâm Sở tiếp thân nhất định Cảnh Pháp có 2 là 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

Tâm Sở tiếp thân bất định Cảnh Pháp có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

Kết Thúc Tổng Hợp Cảnh

-----000-----

TỔNG HỢP VẬT (VATTHUSAṄGAHA)

Việc tổng hợp Tâm Sở theo phân loại từ nơi **Vật (Vatthu)**, gọi tên là **Tổng Hợp Vật (Vatthusañgaha)**.

6 VẬT (VATTHU)

Vật (Vatthu) có 6 là:

1. **Nhãn Vật (Cakkhuvatthu)** đó là **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)**.

2. **Nhĩ Vật (Sotavatthu)** đó là **Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda)**.

3. **Tỷ Vật (Ghānavatthu)** đó là **Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda)**.

4. **Thiệt Vật (Jivhāvatthu)** đó là **Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda)**.

5. **Thân Vật (Kāyavatthu)** đó là **Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda)**.

6. **Ý Vật (Hadayavatthu)** đó là **Sắc Tâm Cơ (Hadayarūpa)**.

CHÚ GIẢI (VACANATTHA) VÀ LỜI GIẢI THÍCH

Vasanti patiṭṭhahanti cittacetasikā etthāti = **Vatthu** dịch nghĩa “Các Tâm Tâm Sở thường nương trú trong Pháp nào, vì thế Pháp thành chỗ nương nhờ của những Tâm và Tâm Sở ấy, gọi tên là **Vật (Vatthu)**.”

Lẽ thường nhiên, nền đất liền thường là chỗ nương trú của **Vật Vô Thức (Aviññāṇa vatthu)**, là các vật phi hữu sinh mạng, có sở tại địa, núi non, cây cối, sông nước v.v và **Vật Hữu Thức (Saviññāṇa vatthu)**, là các vật hữu sinh mạng, có **Nhân Loại (Manussa)**, **Hữu Tình Bàng Sinh (Sattatiracchāna)** v.v. và nền đất liền này cũng thường tiếp đãi hết tất cả các vật vô thức, vật hữu thức ấy theo lẽ thường nhiên của mình; điều này như thế nào, cả 6 Sắc Vật, có **Nhãn Vật (Cakkhuvatthu)** v.v. cũng thường thành chỗ nương trú của các Tâm Tâm Sở, và tiếp đãi các Tâm Tâm Sở ấy theo thực tính của mình tương tự như vậy.

Tất cả mọi cây cối thường khởi sinh tươi tốt phát triển lên được cũng do nương vào nền đất liền như thế nào, các Tâm Tâm Sở hiện bày lên được và sinh khởi được luôn mãi cũng do y cứ cả 6 Sắc Vật như thế ấy, vì thế cả 6 Sắc Vật này mới được so sánh ví tựa như nền đất liền, Tâm Tâm Sở tỷ giảo tựa như vật vô thức, vật hữu thức. Với nguyên nhân này mới nói được rằng các Tâm Tâm Sở ở trong cả 6 Sắc Vật, thế nhưng điều viển đần này chẳng phải là theo **phần Siêu Lý (Paramatthanaya)**, chỉ nói theo **Ngôn Từ Giả Định (Sammuti vohāra)** thôi, tương tự việc nói rằng các cây cối ở trong hạt giống, hoặc tiếng chuông ở trong cái chuông, mà sự thực là cây cối không ở trong hạt giống được, tiếng chuông cũng không ở trong cái chuông được. Tâm Tâm Sở sinh khởi do y cứ 6 Sắc Vật cũng tương tự, nếu như đã có đủ **Nhân Duyên (Hetupaccaya)** rồi, Tâm Tâm Sở cũng sinh khởi từ nơi Sắc Vật được; nếu như không hội đủ Nhân Duyên, Tâm Tâm Sở cũng không sinh khởi từ nơi Sắc Vật được.

Pháp làm thành Nhân thành Duyên cho Tâm Tâm Sở sinh khởi từ 6 Sắc Vật ấy, có 3 thể loại Nhân làm nền tảng chủ yếu, đó là (1) **Nghiệp Lực Quá Khứ (Atītakamma)**, (2) **Vật (Vatthu)**, (3) **Cảnh (Ārammaṇa)**, khi hội đủ 3 thể loại này rồi, Tâm Tâm Sở cũng sinh khởi từ 6 Sắc Vật ấy được. Việc trình bày Nhân Duyên từ việc sinh khởi của Tâm Tâm Sở hữu quan với 6 Sắc Vật, cũng lập ý chỉ lấy riêng ở trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokāra bhūmi)** thôi. Đối với trong **Tứ Uẩn Địa Giới (Catuvokārabhūmi)**, Nhân Duyên làm cho Tâm Tâm Sở sinh khởi thường chỉ có 2 thể loại, đó là (1) **Nghiệp Lực Quá Khứ**, (2) **Cảnh**.

KỆ TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN CHIA 30 ĐỊA GIỚI (BHŪMI) THEO 6 SẮC VẬT (VATTHURŪPA) VÀ 7 THỨC GIỚI (VIÑÑĀNADHĀTU)

1. Chavatthum nissitā kāme Satta rūpe catubbidhā
Tivatthum nissitārūpe Dhātvekānissitā matā

Các học viên nên hiểu biết 7 **Thức Giới (Viññāṇadhātu)** nương vào 6 **Sắc Vật (Vatthurūpa)** sinh trong 11 **Cõi Dục Giới (Kāmabhūmi)**.

Nên hiểu biết 4 **Thức Giới (Viññāṇadhātu)** là **Nhãn Thức Giới (Cakkhaviññāṇa dhātu)**, **Nhĩ Thức Giới (Sotaviññāṇa dhātu)**, **Ý Giới (Manodhātu)**, và **Ý Thức Giới (Manoviññāṇa dhātu)** nương vào 3 **Sắc Vật (Vatthurūpa)** là **Nhãn Vật (Cakkhuvatthu)**,

Nhĩ Vật (Sotavatthu), Ý Vật (Hadayavatthu) sinh trong 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Nên hiểu biết **Ý Thức Giới (Manoviññāṇadhātu)** không được nương vào Sắc Vật sinh trong 4 Vô Sắc Địa Giới.

KỆ TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN CHIA TÂM Y CỨ VÀ BẤT Y CỨ SẮC VẬT MỘT CÁCH NHẤT ĐỊNH VÀ BẤT ĐỊNH MÀ KHỞI SINH

2. Tecattālisa nissāya Dvecattālisa jāyare

Nissāya ca anissāya Pākāruppā anissitā

43 Tâm là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, 30 Ý Thức Giới đó là 2 Tâm căn Sân, 3 Tâm Thâm Tấn, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Quả, 15 Tâm Sắc Giới, 1 Tâm Đạo Thất Lai, các thể loại này do y cứ Sắc Vật một cách nhất định sinh khởi.

42 Tâm là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế (trừ Tâm Đạo Thất Lai), các thể loại này do y cứ Sắc Vật một cách bất định sinh khởi. 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới thường sinh khởi một cách bất y cứ Sắc Vật.

GIẢI THÍCH TRONG CÂU KỆ THỨ 1

VIỆC PHÂN CHIA 7 THỨC GIỚI DO Y CỨ 6 SẮC VẬT KHỞI SINH TRONG 11 DỤC ĐỊA GIỚI (CHAVATTHUṀ NISSITĀ KĀME SATTĀ)

1. 2 Nhãn Thức Giới (**Cakkhaviññāṇadhātu**) y cứ Nhãn Vật khởi sinh.
2. 2 Nhĩ Thức Giới (**Sotaviññāṇadhātu**) y cứ Nhĩ Vật khởi sinh.
3. 2 Tỷ Thức Giới (**Ghānaviññāṇadhātu**) y cứ Tỷ Vật khởi sinh.
4. 2 Thiệt Thức Giới (**Jivhāviññāṇadhātu**) y cứ Thiệt Vật khởi sinh.
5. 2 Thân Thức Giới (**Kāyaviññāṇadhātu**) y cứ Thân Vật khởi sinh.
6. 3 Ý Giới (**Manodhātu**) y cứ Ý Vật mà khởi sinh.
7. 67 Ý Thức Giới (**Manoviññāṇadhātu**) đó là 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 8 Tâm Siêu Thế y cứ Ý Vật khởi sinh.

VIỆC PHÂN CHIA 4 THỨC GIỚI Y CỨ 3 SẮC VẬT KHỞI SINH TRONG 15 SẮC ĐỊA GIỚI (RŪPE CATUBBIDHĀ TIVATTHUṀ NISSITĀ)

1. 2 Nhãn Thức Giới (**Cakkhaviññāṇadhātu**) y cứ Nhãn Vật khởi sinh.
2. 2 Nhĩ Thức Giới (**Sotaviññāṇadhātu**) y cứ Nhĩ Vật khởi sinh.
3. 3 Ý Giới (**Manodhātu**) y cứ Ý Vật khởi sinh.
4. 62 Ý Thức Giới (**Manoviññāṇadhātu**) đó là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 3 Tâm Thâm Tấn, 1 Tâm Khai Ý Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy

Tác, 15 Tâm Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 8 Tâm Siêu Thế, những thể loại này y cứ Ý Vật khởi sinh.

1 THỨC GIỚI SINH TRONG 4 VÔ SẮC ĐỊA GIỚI MỘT CÁCH BẤT Y CỨ SẮC VẬT (ARŪPE DHĀTVEKĀNISSITĀ)

46 Ý Thức Giới (Manoviññāṇadhātu) đó là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 12 Tâm Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế (trừ Tâm Đạo Thất Lai), những thể loại này thường sinh khởi một cách bất y cứ bất luận một loại Sắc Vật nào.

GIẢI THÍCH TRONG CÂU KỆ THỨ 2 VIỆC PHÂN CHIA 43 TÂM Y CỨ MỘT CÁCH NHẤT ĐỊNH VÀO 6 SẮC VẬT MÀ KHỞI SINH (TECATTĀLĪSA NISSĀYA JĀYARE)

1. Tâm nhất định y cứ Nhãn Vật mà khởi sinh có 2, đó là 2 Tâm Nhãn Thức.
2. Tâm nhất định y cứ Nhĩ Vật mà khởi sinh có 2, đó là 2 Tâm Nhĩ Thức.
3. Tâm nhất định y cứ Tỷ Vật mà khởi sinh có 2, đó là 2 Tâm Tỷ Thức.
4. Tâm nhất định y cứ Thiệt Vật mà khởi sinh có 2, đó là 2 Tâm Thiệt Thức.
5. Tâm nhất định y cứ Thân Vật mà khởi sinh có 2, đó là 2 Tâm Thân Thức.
6. Tâm nhất định y cứ Ý Vật mà khởi sinh có 33, đó là 2 Tâm căn Sân, 3 Tâm Ý Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh, 15 Tâm Sắc Giới, 1 Tâm Đạo Thất Lai.

Cả 43 thể loại Tâm này nhất định y cứ Sắc Vật mà khởi sinh, vì những thể loại Tâm này thường chỉ sinh trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** thôi, ý muốn nói là 43 thể loại Tâm này đặc biệt chỉ sinh được trong **người Dục Giới (Kāmapuggala)** và **người Sắc Giới (Rūpapuggala)** thôi, không được sinh trong **người Vô Sắc Giới (Arūpapuggala)**.

VIỆC PHÂN CHIA 42 TÂM BẤT ĐỊNH Y CỨ 6 SẮC VẬT MÀ KHỞI SINH (DVECATTĀLĪSA NISSĀYA CA ANISSĀYA JĀYARE)

1. Không có Tâm y cứ Nhãn Vật một cách bất định mà khởi sinh.
2. Không có Tâm y cứ Nhĩ Vật một cách bất định mà khởi sinh.
3. Không có Tâm y cứ Tỷ Vật một cách bất định mà khởi sinh.
4. Không có Tâm y cứ Thiệt Vật một cách bất định mà khởi sinh.
5. Không có Tâm y cứ Thân Vật một cách bất định mà khởi sinh.
6. Tâm y cứ Ý Vật một cách bất định mà khởi sinh có 42, đó là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế (trừ Tâm Đạo Thất Lai).

Cả 42 thể loại Tâm này y cứ Ý Vật một cách bất định mà khởi sinh, vì những thể loại Tâm này sinh trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** cũng được, sinh trong **Tứ Uẩn**

Địa Giới (Catuvokārabhūmi) cũng được. Nếu như sinh trong Ngũ Uẩn Địa Giới cũng y cứ Ý Vật mà khởi sinh, nếu như sinh trong Tứ Uẩn Địa Giới cũng phải y cứ Ý Vật mà khởi sinh.

4 TÂM QUẢ VÔ SẮC GIỚI KHỞI SINH NHẤT ĐỊNH BẤT Y CỨ SẮC VẬT (PĀKĀRUPPĀ ANISSITĀ JĀYARE)

Tâm nhất định bất y cứ Sắc Vật có 4, đó là **4 Tâm Quả Vô Sắc Giới (Arūpavipāka citta)**, vì 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới này đặc biệt chỉ sinh trong **Vô Sắc Địa Giới (Arūpa bhūmi)**, là Địa Giới không có Sắc Pháp, vì thế 4 Tâm này mới khởi sinh mà nhất định bất y cứ **Sắc Vật (Vatthurūpa)**.

VIỆC PHÂN CHIA 52 TÂM SỞ THEO 6 SẮC VẬT

1. Không có Tâm Sở nhất định y cứ Nhân Vật mà khởi sinh. Tâm Sở y cứ Nhân Vật một cách bất định mà khởi sinh có 7, đó là **7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇa cetasika)** phối hợp với 2 Tâm Nhãn Thức.

2. Không có Tâm Sở nhất định y cứ Nhĩ Vật, Tỷ Vật, Thiệt Vật, Thân Vật mà khởi sinh. Tâm Sở y cứ Nhĩ Vật, Tỷ Vật, Thiệt Vật, Thân Vật một cách bất định mà khởi sinh có 7, đó là **7 Tâm Sở Biến Hành (Sabbacittasādhāraṇa cetasika)** phối hợp với 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức.

3. Tâm Sở nhất định y cứ Ý Vật mà khởi sinh có 6, đó là 4 Tâm Sở Sân Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần, vì 4 Tâm Sở Sân Phần này thường chỉ sinh trong **Dục Địa Giới (Kāma bhūmi)** thôi, còn 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần cũng chỉ được sinh trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** thôi. Tâm Sở y cứ Ý Vật một cách bất định mà khởi sinh có 46, đó là **13 Tâm Sở Tợ Tha (Aññasānacetasika)**, 10 Tâm Sở Bất Thiện (trừ 4 Sân Phần), 23 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần), tập hợp lại 46 Tâm Sở.

4. Tâm Sở nhất định y cứ Sắc Vật mà khởi sinh có 6, đó là: 4 Tâm Sở Sân Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần. Tâm Sở y cứ Sắc Vật một cách bất định mà khởi sinh có 46, đó là 46 Tâm Sở (trừ 4 Tâm Sở Sân Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần), ý muốn nói là 46 thể loại Tâm Sở này nếu như sinh trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** cũng y cứ Sắc Vật mà khởi sinh, nếu như sinh trong **Tứ Uẩn Địa Giới (Catuvokārabhūmi)** cũng không phải y cứ Sắc Vật mà khởi sinh.

Kết Thúc Tổng Hợp Vật

-----00000-----

PHẦN VẤN - ĐÁP TRONG TỔNG HỢP THỌ (VEDANĀSAṄGAHA)

1. **Hỏi:** Vì nguyên nhân chi mà Chương thứ 3 gọi là **Tổng Hợp Linh Tinh (Pakiṇṇakaṅgaha)** ? Hãy trình bày cả **6 Mẫu Đề (Mātikā)** cùng với ý nghĩa.

1. Đáp: Chương thứ 3 gọi là **Tổng Hợp Linh Tinh (Pakiṇṇakasaṅgaha)** vì nguyên nhân là việc trình bày tổng hợp Tâm Tâm Sở một cách tản lạc cùng khắp, đó là việc trình bày tổng hợp theo phân loại từ nơi phần **Thọ (Vedanā)**, phần **Nhân (Hetu)**, phần **Sự Vụ (Kicca)**, phần **Môn (Dvāra)**, phần **Cảnh (Ārammaṇa)**, phần **Vật (Vatthu)**, vì những thể loại này, Chương thứ 3 mới gọi **Tổng Hợp Linh Tinh (Pakiṇṇakasaṅgaha)**.

Trình bày cả **6 Mẫu Đề (Mātikā)** cùng với ý nghĩa:

(1) Tổng Hợp Thọ (Vedanāsaṅgaha) ý muốn nói là việc tổng hợp Tâm Tâm Sở theo phân loại từ nơi 3 hoặc 5 Thọ.

(2) Tổng Hợp Nhân (Hetusaṅgaha) ý muốn nói là việc tổng hợp Tâm Tâm Sở theo phân loại từ nơi 6 Nhân.

(3) Tổng Hợp Sự Vụ (Kiccasaṅgaha) ý muốn nói là việc tổng hợp Tâm Tâm Sở theo phân loại từ nơi 14 Sự Vụ và 10 Sở Tại Địa.

(4) Tổng Hợp Môn (Dvārasaṅgaha) ý muốn nói là việc tổng hợp Tâm Tâm Sở theo phân loại từ nơi 6 Môn.

(5) Tổng Hợp Cảnh (Ārammanasaṅgaha) ý muốn nói là việc tổng hợp Tâm Tâm Sở theo phân loại từ nơi 6 Cảnh.

(6) Tổng Hợp Vật (Vatthusaṅgaha) ý muốn nói là việc tổng hợp Tâm Tâm Sở theo phân loại từ nơi 6 Vật.

2. Hỏi: Danh Ngũ Thập Tam (Nāmatepañña) là 53 Pháp Thực Tính, đó là chi ? Và hãy trình bày phân loại của Thọ ở cả hai phần Pháp ấy.

2. Đáp: Danh Ngũ Thập Tam (Nāmatepañña) là 53 Pháp Thực Tính ấy, đó là các Tâm – rằng theo theo trạng thái tính gom lại thành 1, 52 Tâm Sở và phân loại của Thọ theo cả 2 Phần ấy là:

(1) Ārammaṇānubhavanalakkhaṇanaya (Theo Phần Trạng Thái Cảm Thụ Cảnh) là trạng thái hiện hành từ việc cảm thụ Cảnh.

(2) Indriyabhedanaya (Theo Phần Phân Loại Quyền Lực) là việc thành chủ yếu, thành người trị lý.

3. Hỏi: Hãy trình bày sự hiện hành theo phân loại 3 Thọ và 5 Thọ, và hãy dịch câu kệ như tiếp theo đây:

Sukhaṃ dukkhamupekkhāti tividhā	Tattha vedanā
Somanassaṃ domanassa	Miti bhedenā pañcadhā

3. Đáp: Sự hiện hành theo phân loại 3 Thọ có như vậy: việc cảm thụ Cảnh của chúng hữu tình hiện hữu 3 thể loại với nhau là:

(1) Trong sát na đang cảm thụ Cảnh, đôi khi cũng cảm giác an lạc, gọi là **Lạc Thọ (Sukhavedanā)**.

(2) Trong sát na đang cảm thụ Cảnh, đôi khi cũng cảm giác bất an, gọi là **Khổ Thọ (Dukhavedanā)**.

(3) Trong sát na đang cảm thụ Cảnh, đôi khi cũng cảm giác tĩnh mặc, không có an lạc, không có khổ đau, gọi là **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)**.

Sự cảm thụ Cảnh của chúng hữu tình theo 5 Thọ là:

1. Sự cảm giác an lạc hữu quan với Thân, Tâm Sở Thọ ở trong Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc thành chủ yếu, thành người trị lý, gọi là **Lạc Thọ (Sukhavedanā)**.

2. Sự cảm giác bất an hữu quan với Thân, Tâm Sở Thọ ở trong Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ thành chủ yếu, thành người trị lý, gọi là **Khổ Thọ (Dukhavedanā)**.

3. Sự cảm giác an lạc hữu quan với Tâm, Tâm Sở Thọ ở trong Tâm Câu Hành Hỷ thành chủ yếu, thành người trị lý, gọi là **Hỷ Thọ (Somanassavedanā)**.

4. Sự cảm giác bất an hữu quan với Tâm, Tâm Sở Thọ ở trong Tâm căn Sân thành chủ yếu, thành người trị lý, gọi là **Ưu Thọ (Domanassavedanā)**.

5. Sự cảm giác tĩnh mặc hữu quan với Tâm, Tâm Sở Thọ ở trong Tâm Câu Hành Xả thành chánh yếu, thành người trị lý, gọi là **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)**.

Câu kệ này dịch nghĩa là trong **Tổng Hợp Thọ (Vedanāsaṅgaha)** ấy, rằng theo **Ārammaṇānubhavanalakkhaṇanaya (Theo Phần Trạng Thái Cảm Thụ Cảnh)** là trạng thái hiện hành từ việc cảm thụ Cảnh, có 3 Thọ đó là **Lạc Thọ (Sukhavedanā)**, **Khổ Thọ (Dukhavedanā)**, **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)**. Rằng theo **Indriyabhedanaya (Phần Theo Phân Loại Quyền Lực)** là phân loại từ nơi Quyền Lực có 5 Thọ đó là **Lạc Thọ (Sukhavedanā)**, **Khổ Thọ (Dukhavedanā)**, **Hỷ Thọ (Somanassavedanā)**, **Ưu Thọ (Domanassavedanā)**, **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)**.

4. Hỏi: Hãy trình bày Tâm câu sinh với **62 Hỷ Thọ (Somanassavedanā)** và **55 Xả Thọ (Upekkhāvedanā)** rằng có những chi ? Hãy trình bày theo thuận tự của Tâm và hãy phân chia 121 Tâm theo 3 Thọ.

4. Đáp: Tâm câu sinh với **62 Hỷ Thọ (Somanassavedanā)**, đó là: 4 căn Tham Hỷ Thọ, 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh Hỷ Thọ, 4 Đại Thiện Hỷ Thọ, 4 Đại Quả Hỷ Thọ, 4 Đại Duy Tác Hỷ Thọ, 12 Sắc Giới Hỷ Thọ, 32 Siêu Thế Hỷ Thọ.

Tâm câu sinh **55 Xả Thọ (Upekkhāvedanā)**, đó là: 6 Bất Thiện Xả Thọ, 14 Vô Nhân Xả Thọ, 4 Đại Thiện Xả Thọ, 4 Đại Quả Xả Thọ, 4 Đại Duy Tác Xả Thọ, 3 Sắc Giới Xả Thọ, 12 Vô Sắc Giới Xả Thọ, 8 Siêu Thế Xả Thọ.

Phân chia 121 Tâm theo **3 Thọ (Vedanā)**, là:

(1) Tâm câu sinh Lạc Thọ có 63, đó là 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Lạc Thọ, 62 Tâm Câu Hành Hỷ Thọ.

(2) Tâm câu sinh Khổ Thọ có 3, đó là 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ Thọ, 2 Tâm căn Sân.

(3) Tâm câu sinh Xả Thọ có 55, đó là 55 Tâm Câu Hành Xả Thọ.

5. Hỏi: Hãy trình bày số lượng Tâm Sở như tiếp theo đây: (1) Tâm Sở câu sinh độc nhất một Thọ, (2) Tâm Sở câu sinh 2 Thọ, (3) Tâm Sở câu sinh 3 Thọ, (4) Tâm Sở câu sinh 4 Thọ, (5) Tâm Sở câu sinh 5 Thọ; (6) Tâm Sở không được câu sinh Thọ, (7) Tâm Sở câu sinh Hỷ Thọ được, thế nhưng câu sinh Xả Thọ không được, (8) Tâm Sở câu sinh Xả Thọ được, thế nhưng câu sinh Hỷ Thọ không được, (9) Tâm Sở câu sinh Hỷ Thọ và Xả Thọ được cả hai, (10) Tâm Sở câu sinh Hỷ Thọ và Xả Thọ không được cả hai.

5. Đáp: (1) Tâm Sở câu sinh độc nhất một Thọ có 6, đó là 1 Tâm Sở Hỷ, 4 Tâm Sở Sân Phần, 1 Tâm Sở Hoài Nghi.

(2) Tâm Sở câu sinh với 2 Thọ có 28, đó là 3 Tâm Sở Tham Phần, 25 Tâm Sở Tịnh Hảo.

(3) Tâm Sở câu sinh với 3 Thọ có 11, đó là **5 Tâm Sở Biệt Cảnh (Pakiṇṇaka cetasika)** (trừ Hỷ), 4 Tâm Sở Si Phần, 2 Tâm Sở Hôn Phần.

(4) Không có Tâm Sở câu sinh với 4 Thọ.

(5) Tâm Sở câu sinh với 5 Thọ có 6, đó là **6 Tâm Sở Biền Hành (Sabbacitta sādharma-cetasika)** (trừ Thọ).

(6) Tâm Sở không được câu sinh với Thọ có 1, đó là Tâm Sở Thọ.

(7) Tâm Sở câu sinh với Hỷ Thọ được, thế nhưng câu sinh với Xả Thọ không được, đó là Tâm Sở Hỷ.

(8) Tâm Sở câu sinh với Xả Thọ được, thế nhưng câu sinh với Hỷ Thọ không được, đó là Tâm Sở Hoài Nghi.

(9) Tâm Sở câu sinh với Hỷ Thọ và Xả Thọ được cả hai, đó là 45 Tâm Sở (trừ Thọ, Hỷ, 4 Sân Phần, Hoài Nghi).

(10) Tâm Sở câu sinh với Hỷ Thọ và Xả Thọ không được cả hai, đó là 4 Tâm Sở Sân Phần.

6. Hỏi: Trong cả 4 Pháp chủng (Jāti) Tâm ấy:

(1) Tâm là **Pháp chủng Thiện (Kusalajāti)** câu sinh với Thọ được bao nhiêu, là những chi ?

(2) Tâm là **Pháp chủng Bất Thiện (Akusalajāti)** câu sinh với Thọ được bao nhiêu, là những chi ?

(3) Tâm là **Pháp chủng Dị Thục Quả (Vipākajāti)** câu sinh với Thọ được bao nhiêu, là những chi ?

(4) Tâm là **Pháp chủng Duy Tác (Kriyajāti)** câu sinh với Thọ được bao nhiêu, là những chi ?

và Tâm Sở Thọ không được câu sinh với bất luận một loại Thọ nào vì nguyên nhân nào ? Hãy giải thích.

6. Đáp: Trong cả 4 Pháp chủng (Jāti) Tâm ấy:

(1) Tâm là **Pháp chủng Thiện (Kusalajāti)** câu sinh với Thọ được 2, đó là Hỷ Thọ và Xả Thọ.

(2) Tâm là **Pháp chủng Bất Thiện (Akusalajāti)** câu sinh với Thọ được 3, đó là: Hỷ Thọ, Ưu Thọ, Xả Thọ.

(3) Tâm là **Pháp chủng Dị Thực Quả (Vipākajāti)** câu sinh với Thọ được 4, đó là: Lạc Thọ, Khổ Thọ, Hỷ Thọ và Xả Thọ.

(4) Tâm là **Pháp chủng Duy Tác (Kriyajāti)** câu sinh với Thọ được 2, đó là: Hỷ Thọ và Xả Thọ.

Tâm Sở Thọ không được câu sinh với bất luận một loại Thọ nào cũng bởi vì việc cảm thụ Cảnh hữu quan với Lộ Thân, hoặc hữu quan với Lộ Ý, là hết cả thấy thực tính của Tâm Sở Thọ, ngoài Tâm Sở Thọ ra rồi, không có thực tính nào khác thực hiện việc cảm thụ Cảnh được. Vì thế, Tâm Sở Thọ cảm thụ Cảnh tốt đẹp hữu quan với Lộ Thân gọi là **Lạc Thọ (Sukhavedanā)**, Tâm Sở Thọ cảm thụ Cảnh không tốt đẹp hữu quan với Lộ Thân gọi là **Khổ Thọ (Dukhavedanā)**, Tâm Sở Thọ cảm thụ Cảnh tốt đẹp hữu quan với Lộ Ý gọi là **Hỷ Thọ (Somanassavedanā)**, Tâm Sở Thọ cảm thụ Cảnh không tốt đẹp hữu quan với Lộ Ý gọi là **Ưu Thọ (Domanassavedanā)**, Tâm Sở Thọ cảm thụ Cảnh trung bình hữu quan với Lộ Ý gọi là **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)**.

Với nguyên nhân này, Tâm Sở Thọ này mới không được câu sinh với các Thọ khác.

7. Hỏi: Hãy trình bày câu kệ trình bày đến phân loại từ nơi 3 và 5 Thọ, và câu kệ phân chia Tâm theo 5 Thọ.

7. Đáp: Câu kệ trình bày đến phân loại từ nơi 3 và 5 Thọ, có như thế này:

Sukham dukkhamupekkhāti Tividhā tattha vedanā
Somanassam domanassa- Miti bhedenā pañcadhā

Câu kệ phân chia Tâm theo 5 Thọ có như thế này:

Sukhamekattha dukkhañca Domanassam dvaye ṭhitam
Dvāsatṭhīsu somanassam Pañcapaññāsaketarā

Kết Thúc Tổng Hợp Thọ

-----00000-----

PHẦN VẤN - ĐÁP TRONG TỔNG HỢP NHÂN (HETUSAṄGAHA)

1. Hỏi: Chỗ gọi tên là **Tổng Hợp Nhân (Hetusaṅgaha)** ý muốn nói điều chi, và trong việc 6 Tâm Sở có **Tham (Lobha)** v.v. gọi tên là **Nhân (Hetu)** ấy có ý nghĩa như thế nào, các **Pháp Siêu Lý (Paramatthadhamma)** khác, ngoài 6 Tâm Sở ấy ra làm Nhân không được vì nguyên nhân nào ? Hãy giải thích.

1. Đáp: Chỗ gọi tên Tổng Hợp Nhân ý muốn nói là việc tổng hợp Tâm Tâm Sở theo phân loại từ nơi **Nhân (Hetu)**. Gọi tên Tổng Hợp Nhân và trong việc 6 Tâm Sở có **Tham (Lobha)** v.v. gọi tên là **Nhân (Hetu)** ấy vì là Pháp làm cho Quả sinh khởi và cho **Pháp Quả (Phaladhamma)** ấy kiên trụ trong Cảnh và cho phát triển lên được. Việc các Pháp Siêu Lý

khác, ngoài 6 Tâm Sở ấy ra, làm Nhân không được vì lời nói rằng Nhân trong Tổng Hợp Nhân này cần phải Pháp làm **căn nguyên (Mūla)**, làm căn cơ của Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp; còn các Pháp Siêu Lý khác không thể làm căn cơ của Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp được, vì thế các Pháp Siêu Lý khác, ngoài 6 Tâm Sở này ra, mới không thể làm Nhân được.

2. Hỏi: Hãy phân chia 6 Nhân theo phần Tịnh Hảo, theo phần Pháp Chủng, theo phần Địa Giới và cho trình bày Nhân sinh đối với Người như tiếp theo đây:

- (1) Nhân sinh cho Bạc Bất Lai được, thế nhưng sinh cho Bạc Vô Sinh không được.
- (2) Nhân sinh cho Bạc Vô Sinh được, thế nhưng sinh cho Bạc Bất Lai không được.
- (3) Nhân sinh cho Bạc Bất Lai và Bạc Vô Sinh được cả hai.
- (4) Nhân sinh cho Bạc Bất Lai và Bạc Vô Sinh không được cả hai.

2. Đáp: Phân chia 6 Nhân theo phần Tịnh Hảo là:

- Nhân Vô Tịnh Hảo có 3 đó là Tham, Sân, Si.
- Nhân Tịnh Hảo có 3 đó là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

Phân chia 6 Nhân theo phần Pháp Chủng là:

- Pháp Chủng Bất Thiện có 3 đó là Tham, Sân, Si.
- Pháp Chủng Thiện có 3 đó là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
- Pháp Chủng Dị Thục Quả có 3 đó là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
- Pháp Chủng Duy Tác có 3 đó là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

Phân chi 6 Nhân theo phần Địa Giới là:

- Nhân Dục Giới có 6 đó là cả 6 Nhân.
- Nhân Sắc Giới có 3 đó là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
- Nhân Vô Sắc Giới có 3 đó là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
- Nhân Siêu Thế có 3 đó là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

và (1) Nhân sinh cho Bạc Bất Lai được, thế nhưng sinh cho Bạc Vô Sinh không được, đó là Nhân Tham, Nhân Si.

(2) Không có Nhân sinh cho Bạc Vô Sinh được, thế nhưng sinh cho Bạc Bất Lai không được.

(3) Nhân sinh cho Bạc Bất Lai và Bạc Vô Sinh được cả hai, đó là: Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

(4) Nhân sinh cho Bạc Bất Lai và Bạc Vô Sinh không được cả hai, đó là Nhân Sân.

3. Hỏi: Hãy trình bày **Pháp Quả (Phaladhamma)** kiên trụ trong Cảnh ấy, và ở trong Cảnh phát triển lên được do nương vào Nhân.

3. Đáp: Nhân làm cho **Pháp Quả (Phaladhamma)** được kiên trụ trong Cảnh, là khi mắt trông thấy sắc, tai được nghe âm thanh v.v. suốt cho đến Tâm khảo lự các câu chuyện, **Tâm Bất Thiện (Akusalacitta)** là **Tâm Tham (Lobhacitta)**, **Tâm Sân (Dosacitta)**, **Tâm Si (Moha citta)**, hoặc **Tâm Thiện (Kusalacitta)** là **Tâm Tín (Saddhācitta)**, **Tâm Từ (Mettācitta)**, **Tâm Bi (Karūṇācitta)**, **Tâm Tương Ứng Trí (Ñāṇasampayuttacitta)** những

thể loại này thường sinh khởi và kiên thủ các thể loại Cảnh ấy một cách ổn cố, **chính điều này làm thành Quả kiên trụ trong Cảnh khởi sinh từ những thể loại Nhân ấy.**

Nhân làm cho **Pháp Quả (Phaladhamma)** ấy cho được phát triển lên, là khi Tâm kiên thủ các thể loại Cảnh ấy, từ từ khởi lên có nhiều năng lực, ý muốn nói là **Tham (Lobha)** hoặc **Sân (Dosa)**, hoặc những thể loại **Tín (Saddhā)** v.v. khi sát na ban đầu sinh khởi, có năng lực vẫn còn yếu kém, vẫn chưa đi đến cho hoàn thành **Ác Hạnh (Duccarita)** hoặc **Thiện Hạnh (Sucarita)** được; thế nhưng ngay khi khởi lên có nhiều năng lực, thường có khả năng làm cho người ấy tạo tác được Ác Hạnh, hoặc thực hiện được Thiện Hạnh trong Thập Ác Hạnh hoặc Thập Thiện Hạnh; **chính điều này làm thành Quả phát triển lên do nương vào những thể loại Nhân ấy.**

4. Hỏi: Hãy tính số lượng Nhân theo câu kệ như tiếp theo đây:

Lobho doso ca moho ca Hetū akusalā tayo

Alobhādosāmo ho ca Kusalābyākata tathā.

Và hãy phân chia 89 Tâm theo Tâm Vô Nhân, Tâm Hữu Nhân, Tâm Nhất Nhân, Tâm Nhị Nhân, Tâm Tam Nhân, luôn cả nêu câu kệ lên trình bày mà không cần phải dịch nghĩa.

4. Đáp: Tính số lượng Nhân theo câu kệ này có 9, đó là:

- Nhân Bất Thiện có 3, đó là Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si.

- Nhân Thiện có 3, đó là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

- Nhân Vô Ký có 3, đó là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

và phân chia 89 Tâm theo Tâm Vô Nhân v.v. có như thế này:

- **Tâm Vô Nhân (Ahetukacitta)** có 18, đó là 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, 3 Tâm Dục Tác Vô Nhân, gom thành 18.

- **Tâm Hữu Nhân (Sahetukacitta)** có 71, đó là 12 Tâm Bất Thiện, 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại, 8 Tâm Siêu Thế, gom thành 71.

- **Tâm Nhất Nhân (Ekahetukacitta)** có 2, đó là 2 Tâm căn Si.

- **Tâm Nhị Nhân (Dvihetukacitta)** có 22, đó là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Bất Tương Ứng Trí, gom thành 22.

- **Tâm Tam Nhân (Tihetukacitta)** có 47, đó là 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Tương Ứng Trí, 27 Tâm Đáo Đại, 8 Tâm Siêu Thế, gom thành 47.

Như có câu kệ trình bày rằng:

Ahetukāṭṭhāraseka Hetukā dve dvāvīsati

Dvihetukā mahā satta- Cattālīsa tihetukā.

5. Hỏi: Hãy trình bày Tâm có Nhân như tiếp theo đây:

(1) Tâm Bất Thiện có Nhân Tham, thế nhưng không có Nhân Sân.

(2) Tâm Bất Thiện có Nhân Sân, thế nhưng không có Nhân Tham.

(3) Tâm Bất Thiện Nhân Tham và Nhân Sân.

(4) Tâm Bất Thiện không có Nhân Tham và Nhân Sân.

và (1) Tâm Thiện có Nhân Vô Tham, thế nhưng không có Nhân Vô Si.

(2) Tâm Thiện có Nhân Vô Si, thế nhưng không có Nhân Vô Tham.

(3) Tâm Thiện có Nhân Vô Tham và Nhân Vô Si.

(4) Tâm Thiện không có Nhân Vô Tham và Nhân Vô Si.

5. Đáp: (1) Tâm Bất Thiện có Nhân Tham, thế nhưng không có Nhân Sân, đó là 8 Tâm căn Tham.

(2) Tâm Bất Thiện có Nhân Sân, thế nhưng không có Nhân Tham, đó là 2 Tâm căn Sân.

(3) **Không có** Tâm Bất Thiện có Nhân Tham và Nhân Sân.

(4) Tâm Bất Thiện không có Nhân Tham và Nhân Sân, đó là 2 Tâm căn Si.

và (1) Tâm Thiện có Nhân Vô Tham, thế nhưng không có Nhân Vô Si, đó là 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí.

(2) **Không có** Tâm Thiện có Nhân Vô Si, thế nhưng không có Nhân Vô Tham.

(3) Tâm Thiện có Nhân Vô Tham và Nhân Vô Si, đó là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 hoặc 20 Tâm Đạo.

(4) **Không có** Tâm Thiện không có Nhân Vô Tham và Nhân Vô Si.

6. Hỏi: Khi phân chia Tâm theo 6 Nhân rồi, chỉ có Tâm Vô Nhân, Tâm Nhất Nhân, Tâm Nhị Nhân, Tâm Tam Nhân, còn Tâm Tứ Nhân, Tâm Ngũ Nhân, Tâm Lục Nhân ấy không có, là như thế này vì nguyên nhân nào ? Và hãy trình bày sự khác biệt giữa Tâm Vô Nhân với Tâm Hữu Nhân.

6. Đáp: Sự việc Tâm Tứ Nhân, Tâm Ngũ Nhân, Tâm Lục Nhân không có ấy, vì Nhân Bất Thiện chỉ có 3, Nhân Thiện và Nhân Vô Ký cũng chỉ có 3. Lẽ thường, Nhân Bất Thiện với Nhân Thiện, hoặc với Nhân Vô Ký ấy, sinh khởi trong cùng một Tâm với nhau không được, vì thế Tâm Tứ Nhân, Tâm Ngũ Nhân, Tâm Lục Nhân mới không có.

Sự khác biệt giữa Tâm Vô Nhân với Tâm Hữu Nhân, đó là:

(1) Tâm Vô Nhân, Tâm không có Nhân ấy có năng lực yếu kém, bất ổn cố trong việc tiếp thụ Cảnh. Tâm Hữu Nhân, Tâm có Nhân có năng lực kiên cường, ổn cố trong việc tiếp thụ Cảnh.

(2) Tâm Vô Nhân, rằng khi theo **Pháp Chủng (Jāti)** rồi, chỉ có 2 Pháp Chủng, đó là Pháp Chủng Dị Thục Quả và Pháp Chủng Duy Tác.

Tâm Hữu Nhân, rằng khi theo **Pháp Chủng (Jāti)** có 4 Pháp Chủng, đó là Pháp Chủng Bất Thiện, Pháp Chủng Thiện, Pháp Chủng Dị Thục Quả, Pháp Chủng Duy Tác.

(3) Tâm Vô Nhân chỉ là nhóm Dục Giới.

Tâm Hữu Nhân là Dục Giới, và Đáo Đại, Siêu Thế, được cả 3.

(4) Tâm Vô Nhân là Hiệp Thế.

Tâm Hữu Nhân là Hiệp Thế và Siêu Thế, được cả 2.

7. Hỏi: Hãy phân chia 52 Tâm Sở theo **Tâm Sở Đã Tính Rồi Không Tính Nữa (Aga hitaggahananaya)** như tiếp theo đây: (1) Tâm Sở Vô Nhân, (2) Tâm Sở Nhất Nhân, (3) Tâm

Sở Nhị Nhân, (4) Tâm Sở Tam Nhân, (5) Tâm Sở Tứ Nhân, (6) Tâm Sở Ngũ Nhân, (7) Tâm Sở Lục Nhân. Và hãy trình bày tên gọi Nhân theo số lượng Nhân ấy.

7. Đáp: Phân chia 52 Tâm Sở theo **Tâm Sở Đã Tính Rồi Không Tính Nữa (Aga hitaggahananaya)** đó là:

- (1) Không có Tâm Sở Vô Nhân.
- (2) Tâm Sở Nhất Nhân có 3, đó là Tâm Sở Tham, Tâm Sở Sân, Tâm Sở Hoài Nghi có 1 Nhân là Nhân Si.
 - (3) Tâm Sở Nhị Nhân có 9, đó là Tâm Sở Si có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Sân.
 - Tâm Sở Tà Kiến, Tâm Sở Ngã Mạn có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si.
 - Tâm Sở Tật Đố, Tâm Sở Lận Sắc, Tâm Sở Hối Hận có 2 Nhân là Nhân Sân, Nhân Si.
 - Tâm Sở Vô Tham có 2 Nhân là Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.
 - Tâm Sở Vô Sân có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Si.
 - Tâm Sở Vô Si có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân.
 - (4) Tâm Sở Tam Nhân có 27, đó là Tâm Sở Vô Tàm, Tâm Sở Vô Quý, Tâm Sở Trạo Cử, Tâm Sở Hôn Trầm, Tâm Sở Thụy Miên, có 3 Nhân là: Nhân Tham, Nhân Sân, Nhân Si.
 - 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Vô Tham, Vô Sân, Trí Tuệ) có 3 Nhân là: Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.
 - (5) Không có Tâm Sở Tứ Nhân.
 - (6) Tâm Sở Ngũ Nhân có 1, đó là Tâm Sở Hỷ có 5 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si, Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.
 - (7) Tâm Sở Lục Nhân có 12 là 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ) có cả 6 Nhân.

8. Hỏi: Tâm Sở Vô Nhân có số lượng bao nhiêu, là những chi ? Hãy trình bày phần **Tâm Sở đã tính rồi lại tính nữa (Gahitaggahananaya)** và hãy phân chia Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, theo sự thành Tâm Sở Vô Nhân, Tâm Sở Nhất Nhân v.v. theo sự việc sẽ làm được.

8. Đáp: Tâm Sở Vô Nhân theo phần **Tâm Sở Đã Tính Rồi Lại Tính Nữa (Gahitaggahananaya)** có số lượng 13, là **12 Tâm Sở Tợ Tha (Aññsamānacetāsika)** (trừ Dục) phối hợp với 18 Tâm Vô Nhân, Tâm Sở Si phối hợp với 2 Tâm căn Si, gom lại 13 Tâm Sở.

- + Trong 22 Tâm Sở phối hợp với 8 Tâm căn Tham ấy:
 - Không có Tâm Sở Vô Nhân.
 - Tâm Sở Nhất Nhân có 2 là Tâm Sở Tham có 1 Nhân là Nhân Si.
 - Tâm Sở Si có 1 Nhân là Nhân Tham.
- + Trong 20 Tâm Sở còn lại là Tâm Sở Nhị Nhân có 2 Nhân là Nhân Tham và Nhân Si.
- + Trong 22 Tâm Sở phối hợp với 2 Tâm căn Sân ấy:
 - Không có Tâm Sở Vô Nhân.
 - Tâm Sở Nhất Nhân có 2 là Tâm Sở Sân có 1 Nhân là Nhân Si.
 - Tâm Sở Si có 1 Nhân là Nhân Sân.

+ 20 Tâm Sở còn lại nữa là Tâm Sở phần Tâm Sở Nhị Nhân có 2 Nhân là Nhân Sân và Nhân Si.

+ Trong 16 Tâm Sở phối hợp 2 Tâm căn Si ấy:

- Tâm Sở Si là Tâm Sở Vô Nhân, là không có Nhân nào khác đến phối hợp.

- 15 Tâm Sở còn lại nữa là Tâm Sở Nhất Nhân có 1 Nhân là Nhân Si.

9. Hỏi: Vô Tham, Vô Sân phối hợp với Tâm Bất Tương Ứng Trí ấy là nhóm Tâm Sở nào ? Vô Tham, Vô Sân phối hợp với Tâm Tương Ứng Trí là nhóm Tâm Sở nào ? Và 35 Tâm Sở Tam Nhân đó là những chi ? 3 Nhân ấy là chi ? Hãy trình bày theo phần **Tâm Sở Đã Tính Rồi Lại Tính Nữa (Gahitaggahananaya)**.

9. Đáp: Vô Tham, Vô Sân phối hợp với Tâm Bất Tương Ứng Trí là nhóm Tâm Sở Nhất Nhân.

Vô Tham, Vô Sân phối hợp với Tâm Tương Ứng Trí là nhóm Tâm Sở Nhị Nhân.

- Và 35 Tâm Sở Tam Nhân ấy, đó là **13 Tâm Sở Tợ Tha (Aññsamānacetāsika)**, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Vô Tham, Vô Sân, Trí Tuệ) phối hợp với Tâm Tương Ứng Trí, 3 Nhân đó là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

10. Hỏi: Hãy trình bày số lượng Nhân Bất Thiện, Nhân Thiện, và Nhân Duy Tác một cách quảng nghĩa và hãy phân chia những loại Nhân ấy cho thấy rõ ràng.

10. Đáp: Nhân Bất Thiện (**Akusalahetu**) có 22, là Nhân Tham (**Lobhahetu**) có 8 trong 8 Tâm căn Tham, Nhân Sân (**Dosahetu**) có 2 trong 2 Tâm căn Sân, Nhân Si (**Mohahetu**) có 12 trong 12 Tâm Bất Thiện.

Nhân Thiện (**Kusalahetu**) có 107, là Nhân Vô Tham (**Alobhahetu**) có 37 trong 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo; Nhân Vô Sân (**Adosahetu**) có 37 trong 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo; Nhân Vô Si (**Amohahetu**) có 33 trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo.

Nhân Duy Tác (**Kriyāhetu**) có 47, là Nhân Vô Tham (**Alobhahetu**) có 17 trong 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại; Nhân Vô Sân (**Adosahetu**) có 17 trong 8 Tâm Đại Duy tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại; Nhân Vô Si (**Amohahetu**) có 13 trong 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại.

Kết Thúc Tổng Hợp Nhân

-----00000-----

PHẦN VẤN - ĐÁP TRONG TỔNG HỢP SỰ VỤ (KICCASAṄGAHA)

1. Hỏi: Lời nói rằng Sự Vụ (**Kicca**) trong Tổng Hợp Sự Vụ (**Kiccasaṅgaha**) ý muốn nói là chi ? Và Sự Vụ có số lượng bao nhiêu, là những chi ? Hãy nói ý nghĩa của các Sự Vụ ấy.

1. Đáp: Lời nói rằng **Sự Vụ (Kicca)** trong **Tổng Hợp Sự Vụ (Kiccasaṅgaha)** ý muốn nói là công việc của Tâm Tâm Sở, gọi tên là Sự Vụ là tên gọi của Tâm Tâm Sở, và Sự Vụ có số lượng 14, đó là:

1. Sự Tái Sinh (Paṭisandhikicca) ý muốn nói là thực hiện nhiệm vụ thừa tiếp Hữu (kiếp sống) mới. v.v.

14. Sự Tử Vong (Cutikicca) ý muốn nói là thực hiện nhiệm vụ lìa khỏi Hữu cũ.

2. Hỏi: Sự Vụ có **14 Sự Vụ (Kicca)**, thế nhưng **Sở Tại Địa (Tḥāna)** của những loại Sự Vụ ấy chỉ có **10 Sở Tại Địa (Tḥāna)**, là như vậy vì nguyên nhân nào, hãy trình bày **Sở Tại Địa (Tḥāna)** một cách quảng nghĩa rằng có số lượng bao nhiêu, là những chi ? Luôn cả nêu dẫn chứng **Pāḷi** lên trình bày với.

2. Đáp: Sự Vụ có **14 Sự Vụ (Kicca)**, thế nhưng **Sở Tại Địa (Tḥāna)** của những loại Sự Vụ ấy chỉ có **10 Sở Tại Địa (Tḥāna)**, là như vậy vì **Sự Khán Kiến (Dassanakkicca)**, **Sự Thính Văn (Savanakkicca)**, **Sự Khí Vị (Ghāyanakkicca)**, **Sự Khẩu Vị (Sāyanakkicca)**, **Sự Xúc Cầm (Phusanakkicca)**, cả 5 này chỉ thụ lập ở trong khoảng giữa Tâm Khai Ngũ Môn với Tâm Tiếp Thâu thôì, không thể thụ lập ở chỗ nào khác, **Sở Tại Địa (Tḥāna)** này gọi là **Sở Tại Địa Ngũ Thức (Pañcaviññāṇaṭṭhāna)**, với nguyên nhân này **Sở Tại Địa (Tḥāna)** mới chỉ có **10 Sở Tại Địa (Tḥāna)**.

Sở Tại Địa (Tḥāna) một cách quảng nghĩa có số lượng 25, là (1) **Sở Tại Địa Tái Sinh (Paṭisandhiṭṭhāna)** có 1, (2) **Sở Tại Địa Hữu Phần (Bhavaṅgaṭṭhāna)** có 6, (3) **Sở Tại Địa Khai Môn (Āvajjanaṭṭhāna)** có 2, (4) **Sở Tại Địa Ngũ Thức (Pañcaviññāṇaṭṭhāna)** có 1, (5) **Sở Tại Địa Tiếp Thâu (Sampaticchanāṭṭhāna)** có 1, (6) **Sở Tại Địa Thẩm Tấn (Santīraṇa ṭṭhāna)** có 1, (7) **Sở Tại Địa Đoán Định (Voṭṭhabbanāṭṭhāna)** có 2, (8) **Sở Tại Địa Đồng Lực (Javanāṭṭhāna)** có 6, (9) **Sở Tại Địa Na Cảnh (Tadārammaṇaṭṭhāna)** có 2, (10) **Sở Tại Địa Tử Vong (Cutīṭṭhāna)** có 3, gom thành 25, như có dẫn chứng **Pāḷi** trình bày rằng:

Sandhi ekam cha bhavaṅgam Dvāvajjanam pañcādyekam
Dve vo jo cha tadādveti Cutīti pañcavīsati

3. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa **Sự Vụ (Kicca)** và **Sở Tại Địa (Tḥāna)** và hãy chỉ cho thấy rằng **1 Sở Tại Địa Tái Sinh (Paṭisandhiṭṭhāna)**, **6 Sở Tại Địa Hữu Phần (Bhavaṅgaṭṭhāna)**, các **Sở Tại Địa (Tḥāna)** ấy ở chỗ nào?

3. Đáp: Sự khác biệt giữa **Sự Vụ (Kicca)** và **Sở Tại Địa (Tḥāna)** có như vậy: nhiệm vụ của Tâm, Tâm Sở có Tâm Tái Sinh v.v. gọi tên là **Sự Vụ (Kicca)**. **Sở Tại Địa** thực hiện công việc của các Tâm, Tâm Sở, đề cập là khi cái thứ 1 diệt mất và trong khoảng thời gian cái thứ 3 vẫn chưa sinh khởi, có thời gian khoảng 1 sát na Đại của Tâm là thời gian đối với cái thứ 2 sẽ sinh khởi được, và thực hiện nhiệm vụ của **Sự Tái Sinh (Paṭisandhikicca)** v.v. chính trong khoảng thời gian này gọi tên là **Sở Tại Địa (Tḥāna)**. Nếu như sẽ tỷ dụ thì công việc của con người giống với Sự Vụ, các chỗ làm việc giống với Sở Tại Địa.

+ 1 Sở Tại Địa Tái Sinh (Paṭisandhiṭhāna) là khoảng giữa Tâm Tử (Cuticitta) và Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta) trong Lộ Trình Cận Tử (Maraṇāsannavithī).

+ 6 Sở Tại Địa Hữu Phần (Bhavaṅgaṭhāna) là:

- khoảng giữa Tâm Tái Sinh với Tâm Khai Môn sinh tiếp nối từ nơi Lộ Trình Cận Tử (Maraṇāsannavithī) cho đến Lộ Trình Đồng Lực Tham Ái Luyến Hữu (Bhavanikanta lobhajavanavithī).

- khoảng giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Khai Môn trong khoảng giữa Lộ Trình Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāravithī) với các Lộ Trình khác sinh tiếp nối với nhau.

- khoảng giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Khai Môn trong khoảng giữa Lộ Trình Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāravithī) với các Lộ Trình Tâm khác khác sinh tiếp nối với nhau.

- khoảng giữa Tâm Đoán Định với Tâm Khai Môn trong khoảng giữa Lộ Trình Ngũ Môn (Pañcadvāravithī) ở thời kỳ Đoán Định với các Lộ Trình Tâm khác khác sinh tiếp nối với nhau.

- khoảng giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Tử trong Lộ Trình Cận Tử ở thời kỳ Na Cảnh.

- khoảng giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Tử, trong Lộ Trình Cận Tử ở thời kỳ Đồng Lực.

4. Hỏi: Hãy phân chia 14 Sự Vụ theo 89 Tâm, và phân chia 89 Tâm theo 14 Sự Vụ.

4. Đáp: + **Phân chia 14 Sự Vụ theo 89 Tâm, có như vậy:**

- Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong có 29, là 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại.

- Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Khai Môn có 2, là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Khai Ý Môn.

- Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Khán Kiến có 2, là 2 Tâm Nhân Thức.

- Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Thính Văn có 2, là 2 Tâm Nhĩ Thức.

- Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Khí Vị có 2, là 2 Tâm Tỷ Thức.

- Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Khẩu Vị có 2, là 2 Tâm Thiệt Thức.

- Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Xúc Cảm có 2, là 2 Tâm Thân Thức.

- Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Tiếp Thâu có 2, là 2 Tâm Tiếp Thâu.

- Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Thâm Tấn có 3, là 3 Tâm Thâm Tấn.

- Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Đoán Định có 1, là 1 Tâm Khai Ý Môn.

- Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Đồng Lực có 55, là 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 8 Tâm Siêu Thế.

- Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Na Cảnh có 11, là 3 Tâm Thâm Tấn, 8 Tâm Đại Quả.

+ **Phân tích 89 Tâm theo 14 Sự Vụ có như vậy:**

- 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ thực hiện 5 loại nhiệm vụ, là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Thâm Tấn, Sự Na Cảnh.

- 8 Tâm Đại Quả thực hiện 4 loại nhiệm vụ, là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Na Cảnh.

- 9 Tâm Quả Đáo Đại làm 3 loại nhiệm vụ, là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong.
- 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ thực hiện 2 loại nhiệm vụ, là Sự Thảm Tấn, Sự Na Cảnh.
- 1 Tâm Khai Ý Môn thực hiện 2 hai nhiệm vụ, là Sự Đoán Định, Sự Khai Môn.
- 1 Tâm Khai Ngũ Môn thực hiện 1 nhiệm vụ, là Sự Khai Môn.
- 2 Tâm Nhân Thức thực hiện 1 nhiệm vụ, là Sự Khán Kiến.
- 2 Tâm Nhĩ Thức thực hiện 1 nhiệm vụ, là Sự Thính Văn.
- 2 Tâm Tỷ Thức thực hiện 1 nhiệm vụ, là Sự Khí Vị.
- 2 Tâm Thiệt Thức thực hiện 1 nhiệm vụ, là Sự Khẩu Vị.
- 2 Tâm Thân Thức thực hiện 1 nhiệm vụ, là Sự Xúc Cảm.
- 2 Tâm Tiếp Thâu thực hiện 1 nhiệm vụ, là Sự Tiếp Thâu.
- 12 Tâm Bất Thiện, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 8 Tâm Siêu Thế thực hiện 1 nhiệm vụ, là Sự Đồng Lực.

5. Hỏi: Hãy trình bày Chú Giải các từ ngữ như tiếp theo đây: Sự Vụ, Sở Tại Địa, Tái Sinh, Hữu Phần, Khai Môn, Tiếp Thâu, Thảm Tấn, Đoán Định, Đồng Lực, Na Cảnh, Tử.

5. Đáp: Chú giải của lời nói rằng **Sự Vụ (Kicca)** là **Karanam = Kiccam** dịch nghĩa “việc thực hiện, gọi tên là Sự Vụ”.

Chú giải của lời nói rằng **Sở Tại Địa (Tḥāna)** là **Tiṭṭhati pavattaticittam etthāti = Tḥanam** dịch nghĩa “Tâm Tái Sinh v.v. sinh khởi hiện hữu trong khoảng giữa cái Tâm trước và cái sau, vì thế gọi tên là **Sở Tại Địa (Tḥāna)**”.

Chú giải của lời nói rằng **Tái Sinh (Paṭisandhi)** là **Paṭisandhānam = Paṭisandhi** dịch nghĩa “việc thừa tiếp Hữu (kiếp sống) mới, gọi tên là Tái Sinh.

Chú giải của lời nói rằng **Hữu Phần (Bhavaṅga)** là **Bhavassa aṅgam = Bhavaṅgam** dịch nghĩa “Tâm làm thành nguyên nhân chủ yếu khi sự sinh khởi từ **Sinh Khởi Hữu (Upapattibhava)** không dứt dòng, gọi tên là Hữu Phần.

Chú giải của lời nói rằng **Khai Môn (Āvajjana)** là **Āvajjiyate = Āvajjanam (vā) Āvattiyate = Āvajjanam** dịch nghĩa “sự tư khảo Cảnh mới, gọi tên là Khai Môn (hoặc) việc thực hiện cho việc nối tiếp tuần hoàn luân chuyển từ nơi luồng Tâm Hữu Phần Dứt Dòng, gọi tên là Khai Môn”.

Chú giải của lời nói rằng **Tiếp Thâu (Sampaṭicchana)** là **Sampaṭicchīyate = Sampaṭicchanam** dịch nghĩa “sự tiếp đãi lấy Ngũ Cảnh, gọi tên là Tiếp Thâu”.

Chú giải của lời nói rằng **Thảm Tấn (Santīraṇa)** là **Sammātīraṇam = Santīraṇam** dịch nghĩa “sự thảm tấn Ngũ Cảnh một cách chính xác, gọi tên là Thảm Tấn”.

Chú giải của lời nói rằng **Đoán Định (Voṭṭhabbana)** là **Vavatthāpiyate = Voṭṭhabbanam** dịch nghĩa “sự quyết định, sự phán đoán Ngũ Cảnh rằng là **duyệt ý (Itṭha)** hoặc **bất duyệt ý (Aniṭṭha)**, gọi tên là Đoán Định.

Chú giải của lời nói rằng **Đồng Lực (Javana)** là **Javatīti = Javanam** dịch nghĩa “Pháp chủng sinh khởi hữu năng lực cường liệt, là có khả năng thụ hưởng lấy Cảnh được, gọi tên là Đồng Lực.

Chú giải của lời nói rằng **Na Cảnh (Tadārammaṇa)** là **Tassa ārammaṇaṃ ārammaṇaṃ yassāti = Tadārammaṇaṃ** dịch nghĩa “Cảnh của Tâm nào là Cảnh của Đồng Lực, vì thế Tâm có Cảnh của Đồng Lực ấy, gọi tên là Na Cảnh.

Chú giải của lời nói rằng **Tử (Cutī)** là **Cavanam = Cutī** dịch nghĩa “việc di động khỏi Hữu hiện tại đi, gọi tên là Tử.

8. Hỏi: Hãy dịch nghĩa và giải thích trong câu kệ như tiếp theo đây:

Atthasatthi tathā dve ca Navattha dve yathākkamaṃ
Eka dvi ti catu pañca Kiccaṭṭhānāni niddise

8. Đáp: Câu kệ này dịch nghĩa rằng **trình bày số lượng Tâm theo Sự Vụ và Sở Tại Địa một cách thuận tự như vậy:**

- Tâm có 1 Sự Vụ và 1 Sở Tại Địa có số lượng 68.
- Tâm có 2 Sự Vụ và 2 Sở Tại Địa có số lượng 2.
- Tâm có 3 Sự Vụ và 3 Sở Tại Địa có số lượng 9.
- Tâm có 4 Sự Vụ và 4 Sở Tại Địa có số lượng 8.
- Tâm có 5 Sự Vụ và 5 Sở Tại Địa có số lượng 2.

Giải thích rằng:

1. Tâm có 1 Sự Vụ và 1 Sở Tại Địa có số lượng 68 là:

- 1 Tâm Khai Ngũ Môn có Sự Khai Môn và Sở Tại Địa Khai Môn.
- 2 Tâm Tiếp Thâu có Sự Tiếp Thâu và Sở Tại Địa Tiếp Thâu.
- 2 Tâm Nhãn Thức có Sự Khán Kiến và Sở Tại Địa Ngũ Thức.
- 2 Tâm Nhĩ Thức có Sự Thính Văn và Sở Tại Địa Ngũ Thức.
- 2 Tâm Tỷ Thức có Sự Khí Vị và Sở Tại Địa Ngũ Thức.
- 2 Tâm Thiệt Thức có Sự Khẩu Vị và Sở Tại Địa Ngũ Thức.
- 2 Tâm Thân Thức có Sự Xúc Cảm và Sở Tại Địa Ngũ Thức.
- 55 Tâm Đồng Lực có Sự Đồng Lực và Sở Tại Địa Đồng Lực.

2. Tâm có 2 Sự Vụ và 2 Sở Tại Địa có số lượng 2 là:

- 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ Thọ có Sự Thâm Tấn, Sự Na Cảnh và Sở Tại Địa Thâm Tấn, Sở Tại Địa Na Cảnh.

- 1 Tâm Khai Ý Môn có Sự Khai Môn, Sự Đoán Định, và Sở Tại Địa Khai Môn, Sở Tại Địa Đoán Định.

3. Tâm có 3 Sự Vụ và 3 Sở Tại Địa có số lượng 9 là:

- 9 Tâm Quả Đáo Đại có Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, và Sở Tại Địa Tái Sinh, Sở Tại Địa Hữu Phần, Sở Tại Địa Tử Vong.

4. Tâm có 4 Sự Vụ và 4 Sở Tại Địa có số lượng 8 là:

- 8 Tâm Đại Quả có Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Na Cảnh, và Sở Tại Địa Tái Sinh, Sở Tại Địa Hữu Phần, Sở Tại Địa Tử Vong, Sở Tại Địa Na Cảnh.

5. Tâm có 5 Sự Vụ và 5 Sở Tại Địa có số lượng 2 là:

- 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ có Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Thảm Tấn, Sự Na Cảnh, và Sở Tại Địa Tái Sinh, Sở Tại Địa Hữu Phần, Sở Tại Địa Tử Vong, Sở Tại Địa Thảm Tấn, Sở Tại Địa Na Cảnh.

9. Hỏi: Hãy chỉ cho thấy **Sở Tại Địa (Tḥāna)** như tiếp theo đây: 2 Sở Tại Địa Khai Môn, 1 Sở Tại Địa Ngũ Thức, 1 Sở Tại Địa Tiếp Thâu, 1 Sở Tại Địa Thảm Tấn, 2 Sở Tại Địa Đoán Định, 6 Sở Tại Địa Đồng Lực, 2 Sở Tại Địa Na Cảnh, 3 Sở Tại Địa Tử Vong.

9. Đáp: **Sở Tại Địa Khai Môn (Āvajjanaṭhāna)** có 2 Sở Tại Địa là:

- khoảng giữa Tâm Hữu Phần với Tâm Ngũ Thức trong Lộ Trình Ngũ Môn.
- khoảng giữa Tâm Hữu Phần với Tâm Đồng Lực trong Lộ trình Ý Môn.

Sở Tại Địa Ngũ Thức (Pañcaviññāṇaṭhāna) có 1 Sở Tại Địa là khoảng giữa Tâm Khai Ngũ Môn với Tâm Tiếp Thâu trong Lộ Trình Ngũ Môn.

Sở Tại Địa Tiếp Thâu (Sampaṭicchanāṭhāna) có 1 Sở Tại Địa là khoảng giữa Tâm Ngũ Thức với Tâm Thảm Tấn trong Lộ Trình Ngũ Môn.

Sở Tại Địa Thảm Tấn (Santīraṇaṭhāna) có 1 Sở Tại Địa là khoảng giữa Tâm Tiếp Thâu với Tâm Đoán Định trong Lộ Trình Ngũ Môn.

Sở Tại Địa Đoán Định (Voṭṭhabbanāṭhāna) có 2 Sở Tại Địa là:

- khoảng giữa Tâm Thảm Tấn với Tâm Đồng Lực trong Lộ Trình Ngũ Môn ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)** và **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Thảm Tấn với Tâm Hữu Phần trong Lộ Trình Ngũ Môn ở **Thời Kỳ Đoán Định (Voṭṭhabbanavāra)**.

Sở Tại Địa Đồng Lực (Javanaṭhāna) có 6 Sở Tại Địa là:

- khoảng giữa Tâm Đoán Định với Tâm Na Cảnh trong Lộ Trình Ngũ Môn ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Đoán Định với Tâm Hữu Phần trong Lộ Trình Ngũ Môn ở **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Đoán Định với Tâm Tử trong **Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn (Pañcadvāramaraṇāsannavithī)** ở **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Khai Ý Môn với Tâm Na Cảnh trong **Lộ trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavanamanodvāravithī)** ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Khai Ý Môn với Tâm Hữu Phần trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới ở **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Khai Ý Môn với Tâm Tử trong **Lộ Trình Cận Tử Ý Môn (Manodvāramaraṇāsannavithī)** ở **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**.

Sở Tại Địa Na Cảnh (Tadārammaṇaṭhāna) có 2 Sở Tại Địa là:

- khoảng giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Hữu Phần trong Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ trình Ý Môn ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Tử trong Lộ Trình Cận Tử ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**.

Sở Tại Địa Tử Vong (Cutīṭhāna) có 3 Sở Tại Địa là:

- khoảng giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Tái Sinh trong Lộ Trình Cận Tử ở **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Tái Sinh trong Lộ Trình Cận Tử ở **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**.

- khoảng giữa Tâm Hữu Phần với Tâm Tái Sinh trong Lộ Trình Cận Tử.

9. Hỏi: Hãy trình bày Tâm Sở thực hiện nhiệm vụ như tiếp theo đây: (1) nhiệm vụ sinh Hữu mới, (2) nhiệm vụ bảo hộ Hữu, (3) nhiệm vụ tử biệt Hữu cũ, (3) nhiệm vụ tư khảo Cảnh, (4) nhiệm vụ khán kiến, (5) nhiệm vụ xúc cảm, (6) nhiệm vụ tiếp thu Cảnh, (7) nhiệm vụ thẩm tấn Cảnh, (8) nhiệm vụ phán đoán Cảnh, (9) nhiệm vụ thụ hưởng lấy Cảnh, (10) nhiệm vụ tiếp thu Cảnh tiếp nối từ nơi Đồng Lực.

9. Đáp: Tâm Sở thực hiện nhiệm vụ sinh Hữu mới có 35, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 22 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ tâm Sở Ngăn Trừ Phần) trong sát na phối hợp Tâm Tái Sinh.

Tâm Sở thực hiện nhiệm vụ bảo hộ Hữu có 35, là chính Tâm Sở đã đề cập đến trong sát na phối hợp với Tâm Hữu Phần.

Tâm Sở thực hiện nhiệm vụ tử biệt Hữu cũ có 35, là chính những Tâm Sở đã đề cập đến trong sát na phối hợp với Tâm Tử.

Tâm Sở tư khảo Cảnh mới ở Lộ Ngũ Môn có 10, là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Cần, Hỷ, Dục) phối hợp với Tâm Khai Ngũ Môn. Tâm Sở tư khảo Cảnh mới ở Lộ Ý Môn có 11, là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục) khi phối hợp với Tâm Khai Ý Môn.

Tâm Sở thực hiện nhiệm vụ khán kiến có 7, đó là 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với 2 Tâm Nhân Thức.

Tâm Sở thực hiện nhiệm vụ xúc cảm có 7, đó là 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp với 2 Tâm Thân Thức.

Tâm Sở thực hiện nhiệm vụ tiếp thu Cảnh có 10, đó là 10 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Cần, Hỷ, Dục) phối hợp với 2 Tâm Tiếp Thu.

Tâm Sở thực hiện nhiệm vụ thẩm tấn Cảnh có 11, đó là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Cần, Dục) phối hợp với 3 Tâm Thẩm Tấn.

Tâm Sở thực hiện nhiệm vụ phán đoán Cảnh có 11, đó là 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục) phối hợp với Tâm Khai Ý Môn.

Tâm Sở thực hiện nhiệm vụ thụ hưởng lấy Cảnh có 52, đó là 52 Tâm Sở phối hợp với 55 Tâm Đồng Lực.

Tâm Sở thực hiện nhiệm vụ tiếp thu Cảnh tiếp nối từ nơi Đồng Lực có 33, đó là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 20 Tâm Sở Tịnh Hảo (trừ Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, Tâm Sở Vô Lượng Phần) phối hợp với 11 Tâm Na Cảnh.

11. Hỏi: Hãy trình bày Tâm Sở có số lượng nhiệm vụ 1,2,3,4,5,6, 7,8,9,10,11,12,13,14 và hãy nói các nhiệm vụ ấy với.

11. Đáp: + Tâm Sở thực hiện 1 nhiệm vụ có 17, là 14 Tâm Sở Bất Thiện, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 1 nhiệm vụ là Sự Đồng Lực.

+ **Không có Tâm Sở thực hiện 2 - 3 nhiệm vụ.**

+ Tâm Sở thực hiện 4 nhiệm vụ có 2, là 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần, 4 nhiệm vụ là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Đồng Lực.

+ Tâm Sở thực hiện 5 nhiệm vụ có 21, là 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biên Hành, 1 Tâm Sở Trí Tuệ, 1 Tâm Sở Dục, 5 nhiệm vụ là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

+ Tâm Sở thực hiện 6 nhiệm vụ có 1, là 1 Tâm Sở Hỷ, 6 nhiệm vụ là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Thảm Tán, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

+ Tâm Sở thực hiện 7 nhiệm vụ có 1, là 1 Tâm Sở Cẩn, 7 nhiệm vụ là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Khai Môn, Sự Đoán Định, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

+ **Không có Tâm Sở thực hiện 8 nhiệm vụ.**

+ Tâm Sở thực hiện 9 nhiệm vụ có 3, là 1 Tâm Sở Tầm, 1 Tâm Sở Tứ, 1 Tâm Sở Thắng Giải, 9 nhiệm vụ là Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Khai Môn, Sự Tiếp Thâu, Sự Thảm Tán, Sự Đoán Định, Sự Đồng Lực, Sự Na Cảnh.

+ **Không có Tâm Sở thực hiện 10, 11, 12, 13 nhiệm vụ.**

+ Tâm Sở thực hiện 14 nhiệm vụ có 7, là 7 Tâm Sở Biên Hành, 14 nhiệm vụ là Sự Tái Sinh v.v.

Kết Thúc Tổng Hợp Sự Vụ

-----00000-----

PHẦN VẤN - ĐÁP TRONG TỔNG HỢP MÔN (DVĀRASAṄGAHA)

1. Hỏi: Tổng Hợp Môn (Dvārasaṅgha) dịch nghĩa là chi, lời nói rằng **Dvāra (Môn)** trong chỗ này ý muốn nói là chi, và có bao nhiêu thể loại, là những chi ? Hãy nói Chi Pháp của các loại Môn ấy với.

2. Đáp: Tổng Hợp Môn (Dvārasaṅgha) dịch nghĩa là việc tổng hợp Tâm Tâm Sở theo phân loại từ nơi Môn, gọi tên là Tổng Hợp Môn. Lời nói rằng **Dvāra (Môn)** trong chỗ này ý muốn nói là “cửa” là chỗ ra vào của các **Lộ Trình Tâm (Vithicitta)** tỷ như cửa là chỗ để ra vào của mọi người. Có 6 thể loại đó là:

- 1. Nhãn Môn (Cakkhuvāra)** Chi Pháp là **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)**.
- 2. Nhĩ Môn (Sotadvāra)** Chi Pháp là **Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda)**.
- 3. Tỷ Môn (Ghānavāra)** Chi Pháp là **Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda)**.
- 4. Thiệt Môn (Jivhadvāra)** Chi Pháp là **Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda)**.
- 5. Thân Môn (Kāyadvāra)** Chi Pháp là **Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda)**.
- 6. Ý Môn (Manadvāra)** Chi Pháp là **19 Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)**.

2. Hỏi: Giáo Sư Phụ Chú Giải (Ṭikācāriya) trình bày rằng chúng hữu tình hiện hữu 2 thể loại **Dvāra (Môn)**, là một loại **Không Khích Môn (Ākāśadvāra)** và một loại **Thanh**

Triệt Môn (Maṇḍadvāra). Muốn biết rằng **Không Khích Môn (Ākāśadvāra)** đó là loại Môn nào, **Thanh Triệt Môn (Maṇḍadvāra)** là loại Môn nào ? Hãy giải thích.

2. Đáp: Theo **Giáo Sư Phụ Chú Giải (Tīkācāriya)** trình bày rằng chúng hữu tình hiện hữu 2 thể loại Môn, cả hai thể loại Môn đó là:

1. Không Khích Môn (Ākāśadvāra): khe hở trống không làm thành Môn, đó là 2 lỗ trống con mắt, 2 lỗ trống của tai, 2 lỗ trống của mũi, 1 lỗ trống của miệng, 1 lỗ trống của đại, 1 lỗ trống của tiểu, chín trăm tám chục ngàn lỗ trống chân lông.

2. Thanh Triệt Môn (Maṇḍadvāra): sự trong ngần làm thành Môn, đó là 5 Sắc Thanh Triệt, 19 Tâm Hữu Phần.

Giải thích rằng: Lỗ trống con mắt gọi là Môn, là vì chỗ chảy ra của nước mắt, mục dịch. Lỗ trống của tai gọi là Môn, là vì chỗ chảy ra của nước ráy, nhĩ dịch. Lỗ trống của mũi gọi là Môn, là vì chỗ chảy ra của nước mũi (tị thể). Lỗ trống của miệng gọi là Môn, là vì chỗ chảy ra của nước miếng (thóa dịch), đàm dịch. Lỗ trống của đại gọi là Môn, là vì chỗ chảy ra của phân phần. Lỗ trống của tiểu gọi là Môn, là vì chỗ chảy ra của nước tiểu. Lỗ trống chân lông gọi là Môn, là vì chỗ chảy ra của mồ hôi cáu ghét, hơi mùi toát ra, vì thế những lỗ trống con mắt v.v. được gọi là **Không Khích Môn (Ākāśadvāra)**.

5 Sắc Thanh Triệt và các **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)**, những thể loại này gọi là **Thanh Triệt Môn (Maṇḍadvāra)**, vì lời nói rằng **Maṇḍa (Thanh Triệt)** ngụ ý đến sự trong suốt, là **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)** có sự trong suốt hữu năng lực tiếp thu được các hình sắc, và các hình sắc cũng hiện bày được trong Nhãn Thanh Triệt. **Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda)** có sự trong suốt hữu năng lực tiếp thu được các âm thanh, và các âm thanh cũng hiện bày được trong Nhĩ Thanh Triệt. **Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda)** có sự trong suốt hữu năng lực tiếp thu được các mùi hơi, và các mùi hơi cũng hiện bày được trong Tỷ Thanh Triệt. **Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda)** có sự trong suốt hữu năng lực tiếp thu được các mùi vị, và các mùi vị cũng hiện bày được trong Thiệt Thanh Triệt. **Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda)** có sự trong suốt hữu năng lực tiếp thu được nóng lạnh, mềm cứng, lỏng căng, và nóng lạnh, mềm cứng, lỏng căng cũng hiện bày được trong Thân Thanh Triệt. **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)** có sự trong suốt là vì không có phiền não. Như Đức Phật đã có giải thích trong phần **Pāḷi** Tương Ưng Bộ Kinh rằng **Pabhassaramidaṃ bhikkhave cittaṃ** dịch nghĩa “Này Chư Tỳ Khru, Tâm Hữu Phần có sự trong suốt tương tự với **Vật (Vatthu)** có sự sáng trong, vì thế có khả năng tiếp thu được cả 6 Cảnh, và cả 6 Cảnh cũng hiện bày được trong Tâm Hữu Phần.

3. Hỏi: Hãy trình bày Tâm sinh khởi trong các loại Môn như tiếp theo đây: Tâm Nhãn Môn, Tâm Nhĩ Môn, Tâm Tỷ Môn, Tâm Thiệt Môn, Tâm Thân Môn, Tâm Ý Môn, Tâm Ngoại Môn, và hãy phân chia Tâm Nhãn Môn, Tâm Ý Môn, Tâm Ngoại Môn, những thể loại này một cách nhất định và bất định.

3. Đáp: Tâm sinh trong các loại Môn có như thế này:

Tâm Nhãn Môn, Tâm sinh được trong Nhãn Môn có 46, là 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức).

Tâm Nhĩ Thức, Tâm sinh được trong Nhĩ Môn có 46, là 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiết Thức, 2 Tâm Thân Thức).

Tâm Tỷ Thức, Tâm sinh được trong Tỷ Môn có 46, là 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Thiết Thức, 2 Tâm Thân Thức).

Tâm Thiết Thức, Tâm sinh được trong Thiết Môn có 46, là 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thân Thức).

Tâm Thân Thức, Tâm sinh được trong Thân Môn có 46, là 46 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiết Thức).

Tâm Ý Môn, Tâm sinh được trong Ý Môn có 67 hoặc 99, là 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Đại Duy Tác, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

Tâm Ngoại Môn, Tâm sinh vượt ngoài cả 6 Môn ra có 19, là 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại, trong sát na thực hiện nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần, Tử.

Phân chia Tâm Nhân Môn một cách nhất định và bất định, là 2 Tâm Nhân Thức nhất định sinh trong Nhân Môn, 44 Tâm còn lại sinh bất định trong Nhân Môn.

Phân chia Tâm Ý Môn một cách nhất định và bất định, là 26 hoặc 58 Tâm Đồng Lực Kiên Cố nhất định sinh trong Ý Môn, 41 Tâm Dục Giới sinh bất định trong Ý Môn.

Phân chia Tâm Ngoại Môn một cách nhất định và bất định, là 9 Tâm Quả Đáo Đại nhất định sinh vượt ngoài Môn, 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả sinh bất định vượt ngoài Môn.

4. Hỏi: Hãy trình bày Tâm sinh trong số lượng Môn và vượt ngoài Môn một cách nhất định và bất định như tiếp theo đây: (1) Tâm sinh độc nhất trong một Môn, (2) Tâm sinh trong 5 Môn, (3) Tâm sinh trong 6 Môn, (4) Tâm sinh vượt ngoài 6 Môn, và hãy dịch câu kệ như tiếp theo đây:

1. Ekadvārikacittāni

Chadvārikavimuttāni

2. Chattimsati tathā tīpi

Dasodhā navadhā ceti

Pañcachadvārikāni ca

Vimuttāni ca sabbathā.

Ekattimsa yathākkamaṃ

Pañcadhā paridīpaye.

4. Đáp: (1) Tâm sinh một cách nhất định trong một Môn độc nhất có 36 hoặc 68, đó là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 26 hoặc 58 Tâm Đồng Lực Kiên Cố; một cách bất định đó là 44 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).

(2) Tâm sinh một cách nhất định trong 5 Môn có 3, đó là 3 Ý Giới; một cách bất định đó là 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới).

(3) Tâm sinh một cách nhất định trong 6 Môn có 31, đó là 1 Tâm Thâm Tấn Hỷ Thọ, 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới; một cách bất định đó là 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả.

(4) Tâm sinh một cách nhất định vượt ngoài 6 Môn có 9, đó là 9 Tâm Quả Đáo Đại; một cách bất định đó là 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả.

Câu kệ này dịch nghĩa là Tâm sinh độc nhất trong một Môn, Tâm sinh trong 5 Môn, Tâm sinh trong 6 Môn, Tâm đôi khi sinh trong 6 Môn, đôi khi sinh vượt ngoài 6 Môn, và Tâm thường luôn sinh vượt ngoài 6 Môn có số lượng theo thuận tự như vậy 36, 3, 31, 10, 9.

5. Hỏi: Tâm Sở sinh khởi bất luận thời gian nào, thường phải sinh độc nhất trong một Môn, có số lượng bao nhiêu, là chi ? Là như thế này vì nguyên nhân nào, và Tâm Sở không sinh vượt ngoài Môn được, thường phải sinh trong Môn có số lượng bao nhiêu, là chi ? vì nguyên nhân nào ?

5. Đáp: Tâm Sở sinh khởi bất luận thời gian nào, thường phải sinh độc nhất trong một Môn, có số lượng 2 Tâm Sở, là 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần; là như thế này vì 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần này sinh khởi tiếp thu **Hữu Tình Chế Định (Sattapaññatti)** làm Cảnh. Lộ Trình Tâm sẽ tiếp thu được Hữu Tình Chế Định làm Cảnh phải là Lộ Trình Tâm chỉ sinh độc nhất ở Lộ Ý Môn. Việc đề cập như thế này lập ý chỉ lấy Tâm Sở Vô Lượng Phần chỉ phối hợp với Tâm Đại Thiện, Tâm Đại Duy Tác, Tâm Thiện Sắc Giới, Tâm Duy Tác Sắc Giới thôi; nếu như Tâm Sở Vô Lượng Phần đã phối hợp với Tâm Quả Sắc Giới cũng là Ngoại Môn, vì thế, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần này mới chỉ sinh độc nhất trong Lộ Ý Môn thôi.

Và Tâm Sở không sinh vượt ngoài Môn được, thường luôn phải sinh trong Môn, có số lượng 17, là 14 Tâm Sở Bất Thiện, 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, tất cả này cũng vì 14 Tâm Sở Bất Thiện phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện là những Tâm thường luôn sinh trong bất luận một Môn nào của cả 6 Môn. Còn 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần ấy, cũng tương tự là phối hợp với Tâm Đại Thiện và Tâm Siêu Thế, là những Tâm thường luôn sinh trong bất luận một Môn nào của cả 6 Môn, vì thế 17 Tâm Sở này mới nhất định sinh trong Môn.

6. Hỏi: Tâm Sở Nhân Môn, Tâm Sở Ngũ Môn, Tâm Sở Ngoại Môn cả 3 thể loại này không có một cách nhất định, vì nguyên nhân nào ? Và Tâm Sở Trí Tuệ sinh khởi chẳng phải bởi Lộ Nhân, Lộ Nhĩ, Lộ Tỷ, Lộ Thiệt, Lộ Thân, Lộ Ý, có hoặc không, nếu có, là Tâm Sở Trí Tuệ nào ?

6. Đáp: Tâm Sở Nhân Môn, Tâm Sở Ngũ Môn, Tâm Sở Ngoại Môn, cả 3 thể loại này không có một cách nhất định, vì nguyên nhân là không có Tâm Sở chỉ phối hợp riêng biệt với Tâm Nhân Thức, không có Tâm Sở chỉ phối hợp riêng biệt với 3 Ý Giới, không có Tâm Sở chỉ phối hợp riêng biệt với 9 Tâm Quả Đáo Đại, vì thế cả 3 loại Tâm Sở này mới không là Tâm Sở nhất định được.

Và Tâm Sở Trí Tuệ sinh khởi chẳng phải bởi Lộ Nhân, Lộ Nhĩ, Lộ Tỷ, Lộ Thiệt, Lộ Thân, Lộ Ý, có Tâm Sở Trí Tuệ phối hợp với 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí trong sát na thực hiện nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần, Tử Vong; và Tâm Sở Trí Tuệ phối hợp với 9 Tâm Quả Đáo Đại.

Kết Thúc Tổng Hợp Môn

-----00000-----

PHẦN VẤN - ĐÁP TRONG TỔNG HỢP CẢNH (ĀRAMMAṆASAṄGAHA)

1. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa khác biệt giữa lời nói rằng **Cảnh (Ārammaṇa)** với lời nói rằng **Đối Tượng (Ālambana)**, và có mấy loại Cảnh, là những chi ? Hãy trình bày Chi Pháp của những loại Cảnh ấy theo riêng từng mỗi phần với.

1. Đáp: Ý nghĩa khác biệt giữa lời nói rằng **Cảnh (Ārammaṇa)** với lời nói rằng **Đối Tượng (Ālambana)** ấy, có như thế này: **Cảnh (Ārammaṇa)** ý muốn nói là Pháp chung thành nơi hoan hỷ của các Tâm Tâm Sở, tỷ như hoa viên là nơi hoan hỷ của tất cả mọi người. **Đối Tượng (Ālambana)** ý muốn nói là Pháp chung thành vật duy hệ của các Tâm Tâm Sở, ví như cây gậy hoặc sợi dây làm vật duy hệ của vị niên lão hoặc bất kiên toàn

Cảnh có 6 loại, là:

- 1. Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)** Chi Pháp đó là các màu sắc.
- 2. Cảnh Thính (Saddārammaṇa)** Chi Pháp đó là các âm thanh.
- 3. Cảnh Khí (Gandhārammaṇa)** Chi Pháp đó là các khí hơi.
- 4. Cảnh Vị (Rasārammaṇa)** Chi Pháp đó là các mùi vị.
- 5. Cảnh Xúc (Photthabbārammaṇa)** Chi Pháp đó là lạnh, nóng, cứng, mềm, lỏng, căng.
- 6. Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)** Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Thanh Triệt, Sắc Vi Tế, Níp Bàn, Chế Định.

2. Hỏi: Khi thẩm sát Chi Pháp của cả 6 Cảnh sẽ thấy được rằng từ Cảnh Sắc đến Cảnh Xúc ấy, hoàn toàn là Siêu Lý và là Sắc Pháp, luôn cả số lượng Chi Pháp cũng ít ỏi, còn Cảnh Pháp ấy có cả Siêu Lý và Chế Định, có cả Sắc và Danh, có cả Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn gộp lại; là như thế này vì nguyên nhân nào ? Hãy giải thích.

2. Đáp: Kể từ Cảnh Sắc đến Cảnh Xúc hoàn toàn là Sắc Siêu Lý ấy, vì Chi Pháp của cả những 5 Cảnh này đều là những sự vật hiện thực, chẳng hạn như các loại màu sắc, có màu xanh, màu đỏ v.v. gọi là Cảnh Sắc; các loại âm thanh, có âm thanh nhân loại, âm thanh hữu tình, âm thanh nước, âm thanh sấm vang v.v. gọi là Cảnh Thính; các loại mùi hơi, có mùi thơm, mùi thúi v.v. gọi là Cảnh Khí; các loại mùi vị, có vị chua, ngọt, mặn, béo v.v. gọi là Cảnh Vị; các loại cảm xúc, có lạnh nóng, mềm cứng, lỏng căng v.v. gọi là Cảnh Xúc; tất cả những loại này hiện bày ở trong thế gian, ai ai cũng có khả năng trông thấy, được nghe, được ngửi, biết vị, giác đắc các điều ấy. Khi là như thế này, cả 5 Cảnh như đề cập đến đây mới thành Pháp Siêu Lý, Pháp Chế Định không được, vì Pháp Chế Định là Pháp không hiện thực.

Chi Pháp của cả 5 Cảnh này đã đề cập đến rồi đây, cũng chẳng phải là **Pháp Danh Thực Tính (Sabhāvanāmadhamma)**, vì lẽ thường Danh Pháp là Thực Tính có khả năng dắt dẫn đi tới các loại Cảnh, là vật hữu sinh mạng, vật phi hữu sinh mạng, và các sự kiện sai khác. Còn cả 5 Cảnh có Cảnh Sắc v.v. không có khả năng dắt dẫn đi tới Cảnh, là các sự vật hoặc các sự kiện được, vì thế, hết cả 5 loại Cảnh này mới hoàn toàn chỉ là Sắc Pháp.

Chi Pháp của cả 5 loại Cảnh này có số lượng ít ỏi, cũng vì trong số lượng 28 Sắc, Sắc chỗ gọi là Cảnh Sắc cũng chỉ có một loại là màu sắc, 27 Sắc còn lại không gọi là Cảnh Sắc.

Sắc chỗ gọi là Cảnh Thinh cũng chỉ có một loại là âm thanh, 27 Sắc còn lại không gọi là Cảnh Thinh. Sắc chỗ gọi là Cảnh Khí cũng chỉ có một loại là mùi hơi, 27 Sắc còn lại không gọi là Cảnh Khí. Sắc chỗ gọi là Cảnh Vị cũng chỉ có một loại là mùi vị, 27 Sắc còn lại không gọi là Cảnh Vị. Sắc chỗ gọi là Cảnh Xúc cũng chỉ là lạnh nóng, mềm cứng, lỏng căng thối; 25 Sắc còn lại không gọi là Cảnh Xúc, vì Sắc còn lại ngoài 7 loại Sắc này ra; vì thế, Chi Pháp của Cảnh Sắc cho đến Cảnh Xúc mới có ít ỏi.

Còn Cảnh Pháp có cả Siêu Lý và Chế Định, có cả Sắc và Danh, có cả Tâm, Tâm Sở, Sắc, Níp Bàn ấy, cũng vì Pháp thành sự vật cho tri đắc các Cảnh ấy, cũng chẳng phải chỉ có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc bấy nhiêu thôi, Pháp Siêu Lý còn lại ấy là Tâm, Tâm Sở, 21 Sắc, Níp Bàn và Chế Định, những thể loại Pháp này cũng thành sự vật cho tri đắc Cảnh tương tự như nhau, thế nhưng loại Pháp này có thực tính vi tế hơn 5 Cảnh đã được đề cập đến; vì thế, những loại Pháp này mới gọi là Cảnh Pháp.

Lại nữa, thực tính của các loại Cảnh Pháp này, đều rằng không hiện bày ở Lộ Nhân, Lộ Nhĩ, Lộ Tỷ, Lộ Thiệt, Lộ Thân và Lộ Trình Tâm sinh khởi ở Lộ Nhân, Lộ Nhĩ, Lộ Tỷ, Lộ Thiệt, Lộ Thân, các thể loại này cũng không có cơ hội sẽ tri đắc Cảnh Pháp một cách xác thực, thế nhưng các loại Cảnh Pháp này cũng được hiện bày ở Lộ Ý, vì thế, Lộ Trình Ý Môn mới tri đắc Cảnh Pháp được, tuy nhiên sẽ tri đắc nhiều bao nhiêu, tri đắc ít bao nhiêu, cũng tùy thuộc việc hiện bày của Cảnh Pháp ấy. Nếu như đã hiện bày đến Lộ Ý của Bậc Chánh Đẳng Giác, Cảnh Pháp này được hiện bày một cách trọn vẹn, không có dư sót, vì thế, Lộ Trình Tâm Ý Môn ở phần **Toàn Giác Trí (Sabbaññutañña)**, mới có khả năng tri đắc Cảnh Pháp được hết cả. Nếu như hiện bày ở Lộ Ý của các tha nhân, cũng hiện bày không hết được, vì thế, Lộ Trình Tâm Ý Môn của tha nhân mới tri đắc không hết được Cảnh Pháp. Với nguyên nhân này, Cảnh Pháp mới có được cả Siêu Lý và Chế Định, có cả Sắc và Danh, có cả Tâm, Tâm Sở, Sắc, Níp Bàn, kết hợp một cách đầy đủ.

3. Hỏi: Hãy phân chia Tâm Môn và Tâm Ngoại Môn theo Cảnh và Thời như tiếp theo đây: (1) Tâm Nhân Môn, (2) Tâm Nhĩ Môn, (3) Tâm Tỷ Môn, (4) Tâm Thiệt Môn, (5) Tâm Thân Môn, (6) Tâm Ý Môn, (7) Tâm Ngoại Môn, và Níp Bàn với Chế Định cả 2 này vượt ngoài cả 3 Thời, gọi là Cảnh Ngoại Thời, như thế này vì nguyên nhân nào ?

3. Đáp: Phân chia Tâm Môn, Tâm Ngoại Môn theo Cảnh và Thời, có như vậy:

1. 46 Tâm Nhân Môn (Cakkhuvārikacitta) có Cảnh Sắc chỉ độc nhất thời hiện tại.

2. 46 Tâm Nhĩ Môn (Sotadvārikacitta) có Cảnh Thinh chỉ độc nhất thời hiện tại.

3. 46 Tâm Tỷ Môn (Ghānavārikacitta) có Cảnh Khí chỉ độc nhất thời hiện tại.

4. 46 Tâm Thiệt Môn (Jivhādvārikacitta) có Cảnh Vị chỉ độc nhất thời hiện tại.

5. 46 Tâm Thân Môn (Kāyadvārikacitta) có Cảnh Xúc chỉ độc nhất thời hiện tại.

6. 67 hoặc 99 Tâm Ý Môn (Manodvārikacitta) có 6 Cảnh ở phần Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai và Ngoại Thời một cách thích hợp với Cảnh.

7. Tâm Ngoại Môn (Dvāravimuttacitta) sinh khởi thực hiện nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần, Tử Vong, cả 19 Tâm ấy có bất luận loại Cảnh nào trong hết cả 6 Cảnh gọi là **Nghiệp (Kamma)**, **Nghiệp Tướng (Kammanimitta)**, và **Thú Tướng (Gatinimitta)** ở phần Hiện

Tại, Quá Khứ, và Chế Định trong **Lộ Trình Đồng Lực Cận Tử Lục Môn (Chadvārika kamaranāsannajavanavithī)** đa phần tiếp thu từ Hữu trước khi cận tử lâm chung.

Và **Níp Bàn (Nibbāna)** và **Chế Định (Paññatti)** ở phần **Ngoại Thời Cảnh (Kālavi muttārammaṇa)**, vì 2 nhóm Pháp này thuộc **Pháp Vô Vi (Asaṅkhatadhamma)**, không có bị tạo tác bởi **4 Duyên (Paccaya)**, vì thế việc sinh khởi cả 2 nhóm Pháp này mới không có. Khi không có việc sinh khởi, cũng không nói được rằng những thể loại Níp Bàn và Chế Định này là Hiện Tại, Quá Khứ, Vị Lai, mới gọi là **Ngoại Thời Cảnh (Kālavimuttārammaṇa)**.

4. Hỏi: Tâm Ngoại Môn không được tiếp thu Cảnh của Đồng lực Cận Tử trong Hữu trước, là Hữu thứ 2 khi cận tử lâm chung, có hoặc không ? Nếu như có, là Tâm Ngoại Môn của nhóm người nào, đó là Tâm chi, và Cảnh của Tâm Ngoại Môn được đến từ Đồng Lực Cận Tử ấy, là Đồng Lực Cận Tử sinh trong Môn nào ?

4. Đáp: Có Tâm Ngoại Môn không được tiếp thu Cảnh của Đồng Lực Cận Tử trong Hữu trước, là Hữu thứ 2 khi cận tử lâm chung, đó là bất luận một Tâm nào trong 8 Tâm Đại Quả của Nhân Loại hoặc Chư Thiên mệnh chung từ nơi nhóm **Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới (Asaññasattabhūmi)**; bất luận một Tâm nào trong 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí có **Nghiệp Tướng (Kammanimitta)** hoặc **Thú Tướng (Gatinimitta)** làm thành Sắc Pháp, của Nhân Loại hoặc Chư Thiên mệnh chung từ nơi nhóm Phạm Thiên Vô Sắc Giới.

Và Cảnh của Tâm Ngoại Môn được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử ấy, là Đồng Lực Cận Tử sinh trong một Môn nào trong cả 6 Môn.

5. Hỏi: Hãy phân chia **Nghiệp (Kamma)**, **Nghiệp Tướng (Kammanimitta)**, **Thú Tướng (Gatinimitta)**, cả 3 này theo cả 6 Cảnh và Tâm Ngoại Môn không được tiếp thu loại Cảnh ở phần Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, những thể loại này có hoặc không ? Hãy nêu Nhân Quả đến trình bày cho được thấy với, và chỗ nói rằng Cảnh của các Tâm Ngoại Môn này là Hiện Tại cũng có, Quá Khứ cũng có, Ngoại Thời cũng có, muốn biết rằng nhóm Tâm Ngoại Môn nào có được Cảnh là Hiện Tại, nhóm nào có được Cảnh là Quá Khứ, nhóm nào có được Cảnh là Ngoại Thời ? Hãy giải thích cùng với nêu Chi Pháp của cả 3 Cảnh này.

5. Đáp: Phân chia Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng theo 6 Cảnh có như vậy:

- Cảnh Nghiệp độc nhất chỉ có một loại Cảnh, là Cảnh Pháp.
- Cảnh Nghiệp Tướng và Cảnh Thú Tướng có được 6 Cảnh.

Và Tâm Ngoại Môn không được tiếp thu loại Cảnh ở phần Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, tất cả đây cũng vì Tâm Ngoại Môn ấy chính là 19 Tâm trong sát na thực hiện nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần, Tử Vong. Lại nữa, theo lẽ thường nhiên Cảnh của cả 3 loại Tâm này thường có một loại Cảnh đồng nhất chung suốt từ các Hữu trước, sẽ không có khác biệt được, đề cập là Tâm Tái Sinh có loại Cảnh nào, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử cũng có loại Cảnh ấy, như **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** trình bày câu kệ rằng:

**Paṭisandhi bhavaṅgaṇa
Ekameva tatthevaka-**

**Tathā vacanamānaṃ
Visayañcekajātiyaṃ**

Trong một Pháp chủng ấy, Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử, cả 3 thể loại này là Tâm đồng nhất chủng, và Cảnh của Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử cũng phải là đồng nhất chủng. (Ý muốn nói là chỉ có một loại Tâm chung cho cả ba loại Cảnh Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thù Tướng, và cũng chỉ có một loại Cảnh cho cả ba loại Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử).

Lẽ thường, Tâm Tái Sinh của chúng hữu tình, bất luận sẽ là **Khô Thú (Duggati)**, **Thiện Thú (Sugati)**, **Phàm Phu (Puthujjana)** hoặc là **Bặc Thánh Nhân (Ariyapuggala)**, thường có Cảnh bất luận là một trong các Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thù Tướng, được tiếp thu từ nơi Đồng Lực Cận Tử trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung đều như thế ấy hết cả thấy với nhau, Tâm Ngoại Môn thường được tiếp thu bất luận một loại Cảnh nào là một trong các Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thù Tướng.

Trong tất cả 19 loại Tâm ấy, 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, gom 10 Tâm này có được Cảnh là Hiện Tại, Chi Pháp của Cảnh Hiện Tại đó là **18 Sắc Thành Sở Tác (Nipphannarūpa)**.

Giải thích rằng: Trong Lộ Trình Cận Tử của những hạng người Dục Giới (**Kāma puggala**) này, nếu như có **Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại (Paccuppannanipphannarūpa)** làm thành Cảnh, khi đến thời gian **Tâm Tử (Cuticitta)** diệt tắt mà Cảnh ấy cũng vẫn chưa diệt mất, khi là như thế này, 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả thực hiện nhiệm vụ Tái Sinh và Hữu Phần tối đa 6 sát na, sinh trong Hữu mới ấy cũng có Cảnh Hiện Tại.

2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 1 Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, gom 12 Tâm này có được Cảnh là Quá Khứ, Chi Pháp của Cảnh Quá Khứ đó là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc, và 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, 30 Tâm Sở, 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, 30 Tâm Sở.

Giải thích rằng: Trong Lộ Trình Cận Tử của những hạng người Dục Giới này, nếu như đã có 6 Cảnh ở phần Quá Khứ rồi, Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của người Dục Giới trong Hữu mới ấy cũng có Cảnh là Quá Khứ, trong chỗ này Chi Pháp của Cảnh Quá Khứ đó là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc.

Và trong Lộ Trình Cận Tử của những hạng người Dục Giới này, dù cho có **Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại (Paccuppannanipphannarūpa)** làm thành Cảnh đi nữa, thế nhưng những thể loại Cảnh này cùng diệt tắt chung với Tâm Tử rồi, Tâm Tái Sinh, Tâm Hữu Phần, Tâm Tử của người Dục Giới trong Hữu mới cũng có cùng một loại Cảnh là Quá Khứ như nhau, trong chỗ này Chi Pháp của Cảnh Quá Khứ là **18 Sắc Thành Sở Tác (Nipphannarūpa)**.

Còn 1 Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ và 1 Tâm Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, gom 2 Tâm này có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Quá Khứ (Atītakammanimittadhammārammaṇa)**, trong chỗ này Chi Pháp của Cảnh Pháp Quá Khứ đó là 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, 30 Tâm Sở, 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, 30 Tâm Sở.

5 Tâm Quả Sắc Giới, 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, gom 7 Tâm này có được Cảnh thuộc Ngoại Thời, Chi Pháp của Cảnh Ngoại Thời là: **10 Hoàn Tịnh Chế Định (Kasiṇapaññatti)**, **10 Bất Tịnh Chế Định (Asubhapaññatti)**, **1 Sở Túc Chế Định (Ānāpānaññatti)**, **1 Thân Hành Tùy Niệm (Kāyagatāsati)**, **1 Hữu Tình Chế**

Định (Sattapaññatti), Hư Không Chế Định (Ākāsapaññatti) và Vô Hữu Chế Định (Natthibhavapaññatti).

Giải thích rằng: Trong Lộ Trình Cận Tử của những **Bậc Hạnh Vận Thiền Giả (Jhānalābhīpuggala)** thường nhất định có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng (Kammanimitta dhammārammaṇa)** thuộc Ngoại Thời, khi là như thế này, 5 Tâm Quả Sắc Giới, 1 Tâm Quả Không Vô Biên Xứ, 1 Tâm Quả Vô Sở Hữu Xứ thực hiện nhiệm vụ Tái Sinh, Hữu Phần, Tử Vong của **Người Sắc Giới (Rūpapuggala)** và **Người Vô Sắc Giới (Arūpapuggala)** ở trong Hữu mới, cũng phải có đồng cùng Cảnh thuộc Ngoại Thời như nhau.

6. Hỏi: Hãy phân chia những loại Tâm Ngoại Môn ấy theo Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, 6 Cảnh, và Tâm Tái Sinh Dục Giới của người mệnh chung từ Vô Sắc Phạm Thiên Giới, nếu như có Sắc thành Cảnh rồi, sẽ nói được không rằng Cảnh này được đến từ Đồng Lực Cận Tử sinh trong Hữu trước khi cận tử lâm chung ? Hãy giải thích.

6. Đáp: Phân chia Tâm Ngoại Môn theo Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, và 6 Cảnh, có như thế này: Trong 19 Tâm Ngoại Môn ấy, 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả, gom 10 Tâm này được cả **3 Tiên Triệu (Nimitta – điềm báo trước)**, là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, cả 3 thể loại này khi sắp vào trong 6 Cảnh rồi, Nghiệp một cách độc nhất là Cảnh Pháp, Nghiệp Tướng và Thú Tướng được cả 6 Cảnh.

5 Tâm Quả Sắc Giới, 1 Tâm Quả Không Vô Biên Xứ, 1 Tâm Quả Vô Sở Hữu Xứ, gom 7 Tâm này được độc nhất là **Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimitta)**, khi sắp vào trong 6 Cảnh là Cảnh Pháp.

1 Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, gom 2 Tâm này được độc nhất là **Nghiệp Tướng Đáo Đại (Mahaggatakammanimitta)**, khi sắp vào trong 6 Cảnh là Cảnh Pháp.

Và Tâm Tái Sinh Dục Giới của người mệnh chung từ Vô Sắc Phạm Thiên Giới, nếu như có Sắc thành Cảnh rồi, cũng nói được rằng Cảnh này không được tiếp thâu từ Đồng Lực Cận Tử Dục Giới sinh trong Hữu trước, tức là Hữu Vô Sắc Giới khi cận tử lâm chung, vì Tâm Ngoại Môn của Nhân Loại hoặc Chư Thiên khi mệnh chung từ Vô Sắc Phạm Thiên Giới, nếu như có Cảnh Nghiệp hoặc Nghiệp Tướng, Thú Tướng ở phần Cảnh Danh Pháp hoặc Cảnh Chế Định rồi, cũng biết được rằng Cảnh của những loại Tâm Ngoại Môn này đến từ Hữu thứ 2, tức là Vô Sắc Phạm Thiên Giới khi cận tử lâm chung. Thế nhưng, nếu như Tâm Ngoại Môn của nhóm người này, có Cảnh Nghiệp Tướng, Thú Tướng ở phần Cảnh Sắc Pháp rồi, cũng biết được rằng không được tiếp thâu từ Hữu thứ 2, tức là Vô Sắc Phạm Thiên Giới, phải được đến từ Hữu thứ 3 trở đi. Sát na thành Nhân Loại, Chư Thiên hoặc Phạm Thiên Sắc Giới, tất cả đây cũng bởi vì Tâm Lộ Trình của các nhóm Phạm Thiên Vô Sắc Giới không được tiếp thâu Cảnh ở phần Sắc Pháp nào cả.

7. Hỏi: Hãy trình bày Tâm cùng với Cảnh, theo số lượng trình bày để trong câu kệ như tiếp theo đây: **Pañcavīsa (25), Cha (6), Ekavīsa (21), Atṭha (8), Vīsa (20), Pañca (5), Cha (6).**

7. Đáp: Trình bày Tâm cùng với Cảnh theo số lượng được trình bày đề trong câu kệ, có như thế này:

+ **Pañcavīsa** đó là 25 Tâm, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh, gom 25 Tâm này có 6 Cảnh ở phần Pháp Dục Giới.

+ **Cha** đó là 6 Tâm, là 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, gom 6 Tâm này có Cảnh Pháp ở phần Đáo Đại.

+ **Ekavīsa** đó là 21 Tâm, là 15 Tâm Sắc Giới (trừ 2 Tâm Thắng Trí), 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ, gom 21 Tâm này có Cảnh Pháp ở phần Chế Định.

+ **Atṭha** đó là 8 Tâm, là 8 Tâm Siêu Thế, có Cảnh Pháp ở phần Níp Bàn.

+ **Vīsa** đó là 20 Tâm, là 12 Tâm Bất Thiện, 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí, gom 20 Tâm này có 6 Cảnh ở phần Hiệp Thế và Chế Định.

+ **Pañca** đó là 5 Tâm, là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 1 Tâm Thiền Thắng Trí, gom 5 Tâm này có 6 Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế và Chế Định (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh).

+ **Cha** đó là 6 Tâm, là 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí, gom 6 Tâm này có 6 Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế và Chế Định một cách không có dư sót.

8. Hỏi: Siêu Lý và Chế Định, cả 2 thể loại này khi sắp thành Cảnh một cách quảng nghĩa có mấy thể loại, là những chi ? Hãy trình bày Chi Pháp của các Cảnh ấy.

8. Đáp: Siêu Lý và Chế Định, cả 2 thể loại này khi sắp thành Cảnh một cách quảng nghĩa có 21 thể loại, là:

1. Cảnh Dục Giới (Kāmārammaṇa) Chi Pháp đó là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp, được 6 Cảnh.

2. Cảnh Đáo Đại (Mahaggatārammaṇa) Chi Pháp đó là 27 Tâm Đáo Đại, 35 Tâm Sở, được 1 Cảnh là Cảnh Pháp.

3. Cảnh Níp Bàn (Nibbānārammaṇa) Chi Pháp đó là Níp Bàn, được 1 Cảnh là Cảnh Pháp.

4. Cảnh Danh Pháp (Nāmārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Níp Bàn, được 1 Cảnh là Cảnh Pháp.

5. Cảnh Sắc Pháp (Rūpārammaṇa) Chi Pháp đó là 28 Sắc Pháp, được 6 Cảnh.

6. Cảnh Hiện Tại (Paccuppannārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp hiện đang sinh khởi, được 6 Cảnh.

7. Cảnh Quá Khứ (Atītārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp đã diệt đi rồi, được 6 Cảnh.

8. Cảnh Vị Lai (Anāgatārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp sẽ sinh, được 6 Cảnh.

9. Cảnh Ngoại Thời (Kālavimuttārammaṇa) Chi Pháp đó là Níp Bàn, Chế Định, được 1 Cảnh là Cảnh Pháp.

10. Cảnh Chế Định (Paññattiārammaṇa) Chi Pháp đó là Thinh Danh Chế Định, Nghĩa Lý Chế Định, được 1 Cảnh là Cảnh Pháp.

11. Cảnh Siêu Lý (Paramatthārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn, được 6 Cảnh.

12. Cảnh Nội Bộ (Ajjhattārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, sinh khởi bên trong bản thân, được 6 Cảnh.

13. Cảnh Ngoại Bộ (Bahiddhārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp sinh khởi ở tha nhân, và Sắc Vô Hữu Sinh Mạng, Níp Bàn, Chế Định, được 6 Cảnh.

14. Cảnh Nội Ngoại Bộ (Ajjhatabhiddhārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp sinh khởi cả nội bộ và ngoại bộ, được 6 Cảnh.

15. Cảnh Ngũ (Pañcārammaṇa) Chi Pháp đó là 7 Hành Cảnh Sắc, được 5 Cảnh

16. Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) Chi Pháp đó là các màu sắc.

17. Cảnh Thinh (Saddārammaṇa) Chi Pháp đó là các âm thanh.

18. Cảnh Khí (Gandhārammaṇa) Chi Pháp đó là các khí hơi.

19. Cảnh Vị (Rasārammaṇa) Chi Pháp đó là các mùi vị.

20. Cảnh Xúc (Photthabbārammaṇa) Chi Pháp đó là lạnh nóng, cứng mềm, lỏng căng.

21. Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa) Chi Pháp đó là Tâm, Tâm Sở, Sắc Thanh Triệt, Sắc Vi Tế, Níp Bàn, Chế Định.

9. Hỏi: Hãy trình bày Tâm và Tâm Sở tiếp thâu Cảnh một cách nhất định như tiếp theo đây: (1) Cảnh Dục Giới, (2) Cảnh Đáo Đại, (3) Cảnh Níp Bàn, (4) Cảnh Danh Pháp, (5) Cảnh Sắc Pháp, (6) Cảnh Hiện Tại, (7) Cảnh Quá Khứ, (8) Cảnh Ngoại Thời, (9) Cảnh Chế Định, (10) Cảnh Siêu Lý, (11) Cảnh Nội Bộ, (12) Cảnh Ngoại Bộ, và hãy trình bày Tâm và Tâm Sở tiếp thâu Cảnh như tiếp theo đây một cách bất định: (1) Cảnh Dục Giới, (2) Cảnh Đáo Đại, (3) Cảnh Hiện Tại, (4) Cảnh Quá Khứ, (5) Cảnh Vị Lai, (6) Cảnh Ngoại Thời, (7) Cảnh Chế Định, (8) Cảnh Siêu Lý, (9) Cảnh Ngũ, (10) Cảnh Pháp, (11) Cảnh Sắc Pháp, (12) Cảnh Danh Pháp, (13) Cảnh Nội Bộ, (14) Cảnh Ngoại Bộ, (15) Cảnh Níp Bàn.

9. Đáp: Trình bày Tâm và Tâm Sở tiếp thâu Cảnh một cách nhất định có như thế này:

(1) Tâm tiếp thâu Cảnh Dục Giới một cách nhất định có 25, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh. Không có Tâm Sở tiếp thâu Cảnh Dục Giới một cách nhất định.

(2) Tâm tiếp thâu Cảnh Đáo Đại một cách nhất định có 6, là 3 Tâm Thiên Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Không có Tâm Sở tiếp thâu Cảnh Đáo Đại một cách nhất định.

(3) Tâm tiếp thâu Cảnh Níp Bàn một cách nhất định có 8 hoặc 40, là 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế. Không có Tâm Sở tiếp thâu Cảnh Níp Bàn một cách nhất định.

(4) Tâm tiếp thân Cảnh Danh Pháp một cách nhất định có 14, là 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 8 Tâm Siêu Thế. Không có Tâm Sở tiếp thân Cảnh Danh Pháp một cách nhất định.

(5) Tâm tiếp thân Cảnh Sắc Pháp một cách nhất định có 13, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới. Không có Tâm Sở tiếp thân Cảnh Sắc Pháp một cách nhất định.

(6) Tâm tiếp thân Cảnh Hiện Tại một cách nhất định có 13, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới. Không có Tâm Sở tiếp thân Cảnh Hiện Tại một cách nhất định.

(7) Tâm tiếp thân Cảnh Quá Khứ một cách nhất định có 6, là 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Không có Tâm Sở tiếp thân Cảnh Quá Khứ một cách nhất định.

(8) Tâm tiếp thân Cảnh Ngoại Thời một cách nhất định có 29, là 15 Tâm Sắc Giới (trừ 2 Tâm Thắng Trí), 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ, 8 Tâm Siêu Thế. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Ngoại Thời một cách nhất định có 2, là 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

(9) Tâm tiếp thân Cảnh Chế Định một cách nhất định có 21, là 15 Tâm Sắc Giới (trừ 2 Tâm Thắng Trí), 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Chế Định một cách nhất định có 2, là 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

(10) Tâm tiếp thân Cảnh Siêu Lý một cách nhất định có 39, là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh, 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 8 Tâm Siêu Thế. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Siêu Lý một cách nhất định có 3, là 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần.

(11) Tâm tiếp thân Cảnh Nội Bộ một cách nhất định có 6, là 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ, 3 Tâm Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Không có Tâm Sở tiếp thân Cảnh Nội Bộ một cách nhất định.

(12) Tâm tiếp thân Cảnh Ngoại Bộ một cách nhất định có 26, là 15 Tâm Sắc Giới (trừ 2 Tâm Thắng Trí), 3 Tâm Thiền Không Vô Biên Xứ, 8 Tâm Siêu Thế. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Ngoại Bộ một cách nhất định có 3, là 1 Tâm Sở Tật Đồ, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần.

Và Tâm Tâm Sở tiếp thân Cảnh một cách bất định, có như thế này:

1. Tâm tiếp thân Cảnh Dục Giới một cách bất định có 31, là 1 Tâm Khai Ý Môn, 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 2 Tâm Thắng Trí. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Dục Giới một cách bất định có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

2. Tâm tiếp thân Cảnh Đáo Đại một cách bất định có 31, tương tự với Cảnh Dục Giới. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Đáo Đại một cách bất định có 47 (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

3. Tâm tiếp thân Cảnh Hiện Tại một cách bất định có 43, là 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 2 Tâm Thắng Trí. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Hiện Tại một cách bất định có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

4. Tâm tiếp thân Cảnh Quá Khứ một cách bất định có 43, tương tự với Cảnh Hiện Tại. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Quá Khứ một cách bất định có 47 (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

5. Tâm tiếp thân Cảnh Vị Lai một cách bất định có 43, tương tự với Cảnh Hiện Tại. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Vị Lai một cách bất định có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

6. Tâm tiếp thân Cảnh Ngoại Thời một cách bất định có 31, là 1 Tâm Khai Ý Môn, 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 2 Tâm Thắng Trí. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Ngoại Thời một cách bất định có 50 (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

7. Tâm tiếp thân Cảnh Chế Định một cách bất định có 31, tương tự với Cảnh Ngoại Thời. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Chế Định một cách bất định có 47 (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

8. Tâm tiếp thân Cảnh Siêu Lý một cách bất định có 31, tương tự với Cảnh Ngoại Thời. Tâm Sở tiếp thân cảnh Siêu Lý một cách bất định có 47 (trừ 3 Tâm Sở Ngăn Trừ Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

9, 10, 11, 12. Tâm tiếp thân Cảnh Ngũ, Cảnh Pháp, Cảnh Sắc Pháp, Cảnh Danh Pháp một cách bất định có 43 bằng nhau, là 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới). Tâm Sở tiếp thân Cảnh Ngũ, Cảnh Pháp, Cảnh Sắc Pháp, Cảnh Danh Pháp một cách bất định có 50 bằng nhau (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

13, 14. Tâm tiếp thân Cảnh Nội Bộ, Cảnh Ngoại Bộ một cách bất định có 56 bằng nhau, là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Nội Bộ, Cảnh Ngoại Bộ một cách bất định có 49 bằng nhau (trừ 1 Tâm Sở Tật Đồ, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

15. Tâm tiếp thân Cảnh Níp Bàn một cách bất định có 11, là 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 2 Tâm Thắng Trí. Tâm Sở tiếp thân Cảnh Níp Bàn một cách bất định có 36, là 13 Tâm Sở Tợ Tha, 23 Tâm Sở Tịnh Hào (trừ 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần).

Ghi chú: Cảnh của **Phòng Chỉ Giới Miễn (Sampattavirati)** và **Đoạn Tuyệt Giới Miễn (Samucchadavirati)**, các Giáo Thọ Sư đều có ý kiến tương phản nhau, là Phòng Chỉ Giới Miễn có Cảnh Hiện Tại, Đoạn Tuyệt Giới Miễn có Cảnh Ngoại Thời. Còn Cảnh của **Tuân Thủ Giới Miễn (Samādānavirati)** ấy, ý kiến của các Giáo Thọ Sư bất tương phản nhau, là nhiều Giáo Thọ Sư có Giáo Thọ Sư Đại Trưởng Lão **Ledi (Ledi Mahāthera)** v.v. nói rằng Tuân Thủ Giới Miễn có Cảnh Vị Lai, thế nhưng một vài Giáo Thọ Sư có **Giáo Thọ Sư Phụ Chú Giải Ngôn Ngữ (Bhāsāṭīkācariya)** v.v. nói rằng Tuân Thủ Giới Miễn có Cảnh Hiện Tại.

10. Hỏi: Hãy trình bày Tâm và Tâm Sở thực hiện các sự việc như tiếp theo đây cho được thành Cảnh: (1) sự khốn khổ, (2) sự an lạc, (3) sự phát nộ, (4) tâm địa thiện lương, (5) sự ngu xuẩn, (6) sự thông minh, (7) mỹ nhân hiện hữu đương tiền, (8) âm thanh vô tuyến điện đang khai triển, (9) sự nóng, (10) sự lạnh, (11) bệnh nhân, (12) phú nhân, (13) sinh mạng chúng hữu tình, (14) thô lỗ ngữ, (15) Cha Mẹ Tôn Sư Giáo Thọ, (16) sắc thân diện mạo tha nhân, (17) sắc thân diện mạo bản thân, (18) tính cách tha nhân, (19) tính cách bản thân, (20) sự nhận tội của bản thân.

10. Đáp: Tâm và Tâm Sở thực hiện các sự việc như tiếp theo đây cho được thành Cảnh, có được như thế này:

(1) Tâm Tâm Sở hoạch tri sự khôn khéo, đó là 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 45 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Lận Sắc, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Tùy Hỷ).

(2) Tâm Tâm Sở hoạch tri sự an lạc, đó là 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 47 Tâm Sở (trừ Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Bi Mẫn).

(3) Tâm Tâm Sở hoạch tri sự phát nộ, đó là 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 45 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Lận Sắc, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

(4) Tâm Tâm Sở hoạch tri tâm địa thiện lương, đó là 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 47 Tâm Sở (trừ Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Bi Mẫn).

(5) Tâm Tâm Sở hoạch tri sự ngu xuẩn, đó là 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 45 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Lận Sắc, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Tùy Hỷ).

(6) Tâm Tâm Sở hoạch tri sự thông minh, đó là 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 47 Tâm Sở (trừ Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Bi Mẫn).

(7) Tâm Tâm Sở đang trông thấy mỹ nhân hiện hữu đương tiền, đó là 41 Tâm Dục Giới (trừ 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, 1 Tâm Nhĩ Thức Quả Thiện, 1 Tâm Tỷ Thức Quả Thiện, 1 Tâm Thiệt Thức Quả Thiện, 1 Tâm Thân Thức Quả Thiện, 1 Tâm Thâm Tấn Quả Thiện Xả Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh), 47 Tâm Sở (trừ Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Bi Mẫn).

(8) Tâm Tâm Sở tiếp thu âm thanh vô tuyến điện đang khai khai, đó là: 45 Tâm Dục Giới (trừ Tâm Nhân Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Thân Thức, 1 Tâm Tiểu Sinh), 49 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần).

(9) Tâm Tâm Sở tiếp thụ xúc cảm sự nóng, đó là: 45 Tâm Dục Giới (trừ Tâm Nhân Thức, Tâm Nhĩ Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, 1 Tâm Tiểu Sinh), 45 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Hối Hận, Vô Lượng Phần).

(10) Tâm Tâm Sở tiếp thụ xúc cảm sự lạnh, có được số lượng bằng với Tâm Tâm Sở tiếp thụ xúc cảm sự nóng.

(11) Tâm Tâm Sở đang trông thấy bệnh nhân, đó là: 45 Tâm Dục Giới (trừ Tâm Nhĩ Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Thân Thức, 1 Tâm Tiểu Sinh), 46 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Tùy Hỷ).

(12) Tâm Tâm Sở đang trông thấy phú nhân, đó là 45 Tâm Dục Giới (trừ Tâm Nhĩ Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Thân Thức, 1 Tâm Tiểu Sinh), 46 Tâm Sở (trừ Lận Sắc, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Bi Mẫn).

(13) Tâm Tâm Sở đang tưởng ảo sinh mạng chúng hữu tình, đó là 41 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới), 51 Tâm Sở (trừ Hối Hận).

(14) Tâm Tâm Sở đang lắng nghe thô lỗ ngữ, đó là 33 Tâm Dục Giới (trừ 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, Tâm Nhân Thức Quả Bất Thiện, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Thân Thức, 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Quả), 44 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Lận Sắc, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

(15) Tâm Tâm Sở tướng đáo Cha Mẹ, Tôn Sư, Giáo Thọ, đó là 40 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, 1 Tâm Tiểu Sinh), 2 Tâm Thắng Trí, 47 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần).

(16) Tâm Tâm Sở tầm thị sắc thân diện mạo tha nhân, đó là 46 Tâm Dục Giới (trừ Tâm Nhĩ Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Thân Thức), 2 Tâm Thắng Trí, 48 Tâm Sở (trừ Hối Hận, Ngăn Trừ Phần).

(17) Tâm Tâm Sở tầm thị sắc thân diện mạo bản thân, đó là 45 Tâm Dục Giới (trừ Tâm Nhĩ Thức, Tâm Tỷ Thức, Tâm Thiệt Thức, Tâm Thân Thức, 1 Tâm Tiểu Sinh), 2 Tâm Thắng Trí, 45 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần). Khi tính Tâm Thắng Trí vào, ngụ ý đến sắc thân diện mạo bản thân trong quá khứ và vị lai.

(18) Tâm Tâm Sở biết đến tính cách tha nhân, đó là 40 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, 1 Tâm Tiểu Sinh), 45 Tâm Sở (trừ Lận Sắc, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

(19) Tâm Tâm Sở tướng đáo tính cách bản thân, đó là 40 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, 1 Tâm Tiểu Sinh), 46 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

(20) Tâm Tâm Sở tướng đáo sự nhận tội của bản thân, đó là 40 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, 1 Tâm Tiểu Sinh), 45 Tâm Sở (trừ Tật Đố, Lận Sắc, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

Kết Thúc Tổng Hợp Cảnh

-----00000-----

PHẦN VẤN - ĐÁP TRONG TỔNG HỢP VẬT (VATTHUSAṄGAHA)

1. Hỏi: Lời nói rằng **Vatthu (Vật)** trong **Tổng Hợp Vật (Vatthusaṅgaha)** ý muốn nói là chi, Vật có mấy thể loại, là những chi ? Hãy nói Chi Pháp của các Vật ấy với và hãy dịch ghĩa câu kệ như tiếp theo đây:

Chavatthum nissitā kāme

Tivatthu nissitā rūpe

Satta rūpe catubbidhā

Dhātvekā nissitā matā.

1. Đáp: Lời nói rằng **Vatthu (Vật)** trong **Tổng Hợp Vật** ý muốn nói là Pháp làm thành chỗ nương nhờ của Tâm Tâm Sở, gọi tên là **Vật (Vatthu)**. Vật có 6 thể loại, là:

1. Nhãn Vật (Cakkhuvatthu) Chi Pháp đó là Nhãn Thanh Triệt.

2. Nhĩ Vật (Sotavatthu) Chi Pháp đó là Nhĩ Thanh Triệt.

3. Tỷ Vật (Ghānavatthu) Chi Pháp đó là Tỷ Thanh Triệt.

4. Thiệt Vật (Jivhāvatthu) Chi Pháp đó là Thiệt Thanh Triệt.

5. Thân Vật (Kāyavatthu) Chi Pháp đó là Thân Thanh Triệt.

6. Ý Vật (Hadayavatthu) Chi Pháp đó là Sắc Tâm Cơ.

Dịch nghĩa câu kệ này:

Chavatthum nissitā kāme

Satta rūpe catubbidhā

Tivatthu nissitā rūpe

Dhātvekā nissitā matā.

Trong Dục Địa Giới, 7 Pháp y cứ 6 Vật

Trong Sắc Địa Giới, 4 Pháp y cứ 3 Vật

Trong Vô Sắc Địa Giới, chỉ có Tâm độc nhất,

Không tùy thuộc vào Vật nào.

Câu kệ này dịch nghĩa là “các học viên nên hiểu biết **7 Thức Giới (Viññāṇadhātu)** y cứ **6 Vật (Vatthu)** sinh trong **11 Dục Địa Giới (Kāmaabhūmi)**; nên hiểu biết 4 Thức Giới là Nhân Thức Giới, Nhĩ Thức Giới, Ý Giới, Ý Thức Giới y cứ 3 Sắc Vật là Nhân Vật, Nhĩ Vật, Ý Vật sinh trong **15 Sắc Địa Giới (Rūpabhūmi)** (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới); nên hiểu biết 1 Ý Thức Giới bất y cứ Sắc Vật sinh khởi trong **4 Vô Sắc Địa Giới (Arūpabhūmi)**.

2. Hỏi: 7 Thức Giới là những chi ? Hãy trình bày Chi Pháp với và Thức Giới bất y cứ Vật cũng sinh được, có hoặc không, nếu như có là loại Thức Giới nào, và việc sinh khởi Thức Giới bất y cứ Vật này là Thức Giới của người nào, y cứ chi làm **Duyên (Paccaya)** cho sinh khởi ?

2. Đáp: 7 Thức Giới là:

1. Nhân Thức Giới (Cakkhaviññāṇadhātu) Chi Pháp đó là 2 Tâm Nhân Thức.

2. Nhĩ Thức Giới (Sotaviññāṇadhātu) Chi Pháp đó là 2 Tâm Nhĩ Thức.

3. Tỷ Thức Giới (Ghānaviññāṇadhātu) Chi Pháp đó là 2 Tâm Tỷ Thức.

4. Thiệt Thức Giới (Jivhaviññāṇadhātu) Chi Pháp đó là 2 Tâm Thiệt thức.

5. Thân Thức Giới (Kāyaviññāṇadhātu) Chi Pháp đó là 2 Tâm Thân Thức.

6. Ý Giới (Manodhātu) Chi Pháp đó là 2 Tâm Tiếp Thâu, 1 Tâm Khai Ngũ Môn.

7. Ý Thức Giới (Manoviññāṇadhātu) Chi Pháp đó là 76 hoặc 108 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới).

Có Thức Giới bất y cứ Sắc Vật cũng sinh khởi được ấy, là loại Ý Thức Giới và việc sinh khởi Ý Thức Giới bất y cứ Sắc Vật này là Ý Thức Giới của Phạm Thiên Vô Sắc Giới y cứ **Nghiệp Thiện Vô Sắc Giới (Arūpakusalakamma)** ở phần quá khứ và Cảnh làm duyên cho sinh khởi.

3. Hỏi: Hãy trình bày Tâm như tiếp theo đây: (1) Tâm sinh khởi nhất định y cứ Sắc Vật, (2) Tâm sinh khởi bất định y cứ Sắc Vật, (3) Tâm sinh khởi nhất định bất y cứ Sắc Vật, (4) Tâm sinh khởi bất định bất y cứ Sắc Vật, và hãy phân chia Tâm sinh khởi nhất định y cứ Sắc Vật theo 6 Sắc Vật.

3. Đáp: (1) Tâm sinh khởi nhất định y cứ Sắc Vật có 43 đó là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, 2 Tâm căn Sân, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh, 15 Tâm Sắc Giới, 1 Tâm Đạo Thất Lai.

(2) Tâm sinh khởi bất định y cứ Sắc Vật có 42, đó là: 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai).

(3) Tâm khởi sinh nhất định bất y cứ Sắc Vật có 4, đó là: 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới.

(4) Tâm sinh khởi bất định bất y cứ Sắc Vật có 42, tương tự với điều (2).

Phân chia 43 Tâm y cứ Sắc Vật nhất định sinh khởi theo 6 Sắc Vật, có như sau:

(1) 2 Tâm Nhãn Thức y cứ Nhãn Vật sinh khởi

(2) 2 Tâm Nhĩ Thức y cứ Nhĩ Vật sinh khởi.

(3) 2 Tâm Tỷ Thức y cứ Tỷ Vật sinh khởi.

(4) 2 Tâm Thiệt Thức y cứ Thiệt Vật sinh khởi.

(5) 2 Tâm Thân Thức y cứ Thân Vật sinh khởi.

(6) 3 Ý Giới, 2 Tâm căn Sân, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh, 15 Tâm Sắc Giới, 1 Tâm Đạo Thất Lai, gom 33 Tâm này y cứ Ý Vật sinh khởi.

4. Hỏi: Hãy phân chia Tâm y cứ Sắc Vật sinh khởi bất định theo 6 Sắc Vật, và người không có trái tim ấy, sự phát nộ, việc thị hiện thần thông, việc tu tiến **Minh Sát Tuệ (Vipassanā)** cho đến Tâm Đạo Thất Lai sinh khởi, những thể loại này sẽ sinh được hoặc không ? Hãy giải thích.

4. Đáp: Phân chia 42 Tâm y cứ Sắc Vật sinh khởi bất định theo 6 Sắc Vật, đó là những 42 Tâm này khi sinh trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** chỉ y cứ Sắc Tâm Cơ sinh khởi thôi, và người không có trái tim ấy hiện hữu trong 2 nhóm với nhau, đó là (1) Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, (2) Phạm Thiên Vô Sắc Giới. Đối với Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng ấy không có Danh Pháp hiện hữu, sự phát nộ, việc thị hiện thần thông, v.v. thực tế là Danh Pháp và sinh từ Danh Pháp, vì thế trong điều này mới bất hữu quan Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng với bất luận trường hợp nào. Còn Phạm Thiên Vô Sắc Giới, cho dù xác thực là Danh Pháp, thế nhưng lẽ thường nhiên các Phạm Thiên bất hiện hữu sự sân hận, vì thế sự phát nộ mới không sinh khởi được. Đối với việc thị hiện thần thông sẽ sinh khởi được cũng phải y cứ **Tâm Thắng Trí Ngũ Thiền Sắc Giới (Rūpāvacarapañca jhānābhiniññā)**, thế nhưng các Phạm Thiên Vô Sắc Giới ấy đã không có loại **Thiền Sắc Giới (Rūpajhāna)**, như thế mới không thị hiện thần thông được. Còn việc tiến hóa Minh Sát Tuệ cho đến Tâm Đạo Thất Lai sinh khởi, cũng tương tự thường không thực hiện được, tất cả đây cũng vì khuyết pháp **Thính Giảng Tha Nhân Thuyết Duyên (Paratoghosaṇṇa)** đó chính là không được tiếp thu lời giảng dạy Giáo Pháp từ tha nhân.

5. Hỏi: Hãy phân chia 52 Tâm Sở theo 6 Sắc Vật và chỗ nói rằng 4 Tâm Sở Sân Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần nhất định phải y cứ Sắc Vật sinh khởi, vì nguyên nhân nào ?

5. Đáp: Phân chia 52 Tâm Sở theo 6 Sắc Vật ấy có như thế này: đó là trong những 52 Tâm Sở ấy, 7 Tâm Sở Biến Hành y cứ 6 Sắc Vật cũng được, bất y cứ 6 Sắc Vật sinh khởi cũng được; 39 Tâm Sở còn lại (trừ 4 Tâm Sở Sân Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần) y cứ Sắc

Tâm Cơ sinh khởi cũng được, bất y cứ Sắc Tâm Cơ sinh khởi cũng được; 4 Tâm Sở Sân Phần, 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần nhất định y cứ Sắc Tâm Cơ sinh khởi.

Và chỗ nói rằng 4 Tâm Sở Sân Phần và 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần nhất định phải y cứ Sắc Tâm Cơ sinh khởi ấy, vì nguyên nhân là 4 Tâm Sở Sân Phần này đặc biệt chỉ sinh khởi trong Dục Địa Giới, còn 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần đặc biệt chỉ sinh khởi trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** thôi.

Kết Thúc Tổng Hợp Cảnh

-----00000-----

PHẦN VẤN - ĐÁP TRONG PHẦN TẬP HỢP CÁC TỔNG HỢP

1. Hỏi: Tâm có 5 – 6 Tâm Sở Biệt Cảnh phối hợp, có số lượng bao nhiêu, là những chi ? và hãy phân chia những thể loại Tâm này theo **Thọ (Vedanā), Nhân (Hetu), Sự Vụ (Kicca), Môn (Dvāra), Cảnh (Ārammaṇa), Vật (Vatthu)**.

1. Đáp: (1) Tâm có 6 Tâm Sở Biệt Cảnh phối hợp, có 27 Tâm, là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ, 11 Tâm Sơ Thiện, gom 27 Tâm.

+ **Phân chia theo Thọ (Vedanā)** là những 27 Tâm này cấu sinh Hỷ Thọ.

+ **Phân chia theo Nhân (Hetu)** là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si.

2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Hỷ Thọ, 2 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí Hỷ Thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Hỷ Thọ, 11 Tâm Sơ Thiện, gom 17 Tâm này có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si. 2 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí Hỷ Thọ, 2 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí Hỷ Thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí Hỷ Thọ, gom 6 Tâm này có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân.

+ **Phân chia theo Sự Vụ (Kicca)** là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ, 1 Tâm Thiện Sơ Thiện Hiệp Thế, 1 Tâm Duy Tác Sơ Thiện Hiệp Thế, 8 Tâm Sơ Thiện Siêu Thế, gom 22 Tâm này thực hiện nhiệm vụ Sự Đồng Lực. 4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ thực hiện nhiệm vụ Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Na Cảnh. 1 Tâm Quả Sơ Thiện Hiệp Thế thực hiện nhiệm vụ Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong.

+ **Phân chia theo Môn (Dvāra)** là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ, gom 12 Tâm này sinh được trong 6 Môn. 4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ sinh trong 6 Môn cũng được, sinh vượt ngoài 6 Môn cũng được. 10 Tâm Sơ Thiện (trừ 1 Tâm Quả Sơ Thiện Hiệp Thế) sinh được trong Ý Môn, 1 Tâm Quả Sơ Thiện Hiệp Thế sinh vượt ngoài Môn.

+ **Phân chia theo Cảnh (Ārammaṇa)** là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 2 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí Hỷ Thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí Hỷ Thọ, gom 8 Tâm này có 6 Cảnh, ở phần Hiệp Thế và Chế Định. 2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Hỷ Thọ có

6 Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế và Chế Định (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh). 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Hỷ Thọ có 6 Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế, và Chế Định một cách không có dư sót. 4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ có 6 Cảnh, duy nhứt ở Pháp Dục Giới. 3 Tâm Sơ Thiền Hiệp Thế có Cảnh Pháp ở phần Chế Định. 8 Tâm Sơ Thiền Siêu Thế có Cảnh Pháp ở phần Níp Bàn.

+ **Phân chia theo Vật (Vatthu)** là 4 Tâm căn Tham Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Hỷ Thọ, 7 Tâm Sơ Thiền Siêu Thế (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai Sơ Thiền), gom 19 Tâm này, nếu như sinh trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** y cứ Sắc Tâm Cơ sinh khởi, nếu như sinh trong **Tứ Uẩn Địa Giới (Catuvokārabhūmi)** sinh khởi bất y cứ Sắc Tâm Cơ. 4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ, 3 Tâm Sơ Thiền Hiệp Thế, 1 Tâm Đạo Thất Lai Sơ Thiền, gom 8 Tâm này thường luôn y cứ Sắc Tâm Cơ sinh khởi.

(2) Tâm chỉ có 5 Tâm Sở Biệt Cảnh phối hợp, có 30 Tâm, là 4 Tâm căn Tham Xả Thọ, 2 Tâm căn Sân, 1 Tâm Tiểu Sinh, 4 Tâm Đại Thiện Xả Thọ, 4 Tâm Đại Quả Xả Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Xả Thọ, 11 Tâm Nhị Thiền, gom 30 Tâm.

+ **Phân chia theo Thọ (Vedanā)** là 4 Tâm căn Tham Xả Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Xả Thọ, 4 Tâm Đại Quả Xả Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Xả Thọ, gom 16 Tâm này câu sinh Xả Thọ. 2 Tâm căn Sân câu sinh Ưu Thọ. 1 Tâm Tiểu Sinh, 11 Tâm Nhị Thiền, gom 12 Tâm này câu sinh Hỷ Thọ.

+ **Phân chia theo Nhân (Hetu)** là 4 Tâm căn Tham Xả Thọ có 2 Nhân là Nhân Tham, Nhân Si. 2 Tâm căn Sân có 2 Nhân là Nhân Sân và Nhân Si. 1 Tâm Tiểu Sinh không có Nhân. 2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Xả Thọ, 2 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí Xả Thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xả Thọ, 11 Tâm Nhị Thiền, gom 17 Tâm này có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si. 2 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí Xả Thọ, 2 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí Xả Thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí Xả Thọ, gom 6 Tâm này có 2 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân.

+ **Phân chia theo Sự Vụ (Kicca)** là 4 Tâm căn Tham Xả Thọ, 2 Tâm căn Sân, 1 Tâm Tiểu Sinh, 4 Tâm Đại Thiện Xả Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Xả Thọ, 1 Tâm Thiện Sơ Thiền Hiệp Thế, 1 Tâm Duy Tác Sơ Thiền Hiệp Thế, 8 Tâm Nhị Thiền Siêu Thế, gom 25 Tâm này thực hiện nhiệm vụ Sự Đồng Lực. 4 Tâm Đại Quả Xả Thọ thực hiện nhiệm vụ Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Na Cảnh. 1 Tâm Quả Nhị Thiền Hiệp Thế thực hiện nhiệm vụ Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong.

+ **Phân chia theo Môn (Dvāra)** là 4 Tâm căn Tham Xả Thọ, 2 Tâm căn Sân, 1 Tâm Tiểu Sinh, 4 Tâm Đại Thiện Xả Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Xả Thọ, gom 15 Tâm này sinh được trong 6 Môn. 4 Tâm Đại Quả Xả Thọ sinh trong 6 Môn cũng được, sinh vượt ngoài 6 Môn cũng được. 10 Tâm Nhị Thiền (trừ 1 Tâm Quả Nhị Thiền Hiệp Thế) sinh trong Ý Môn. 1 Tâm Quả Nhị Thiền Hiệp Thế sinh vượt ngoài Môn.

+ **Phân chia theo Cảnh (Ārammaṇa)** là 4 Tâm căn Tham Xả Thọ, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí Xả Thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí Xả Thọ, gom 10 Tâm này có 6 Cảnh ở phần Hiệp Thế và Chế Định. 2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Xả Thọ có 6 Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế, và Chế Định (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh).

2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xả Thọ có 6 Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế, và Chế Định một cách không có dư sót. 4 Tâm Đại Quả Xả Thọ, 1 Tâm Tiểu Sinh, gom 5 Tâm này có 6 Cảnh duy nhứt ở Pháp Dục Giới. 3 Tâm Nhị Thiên Hiệp Thế có Cảnh Pháp ở phần Chế Định. 8 Tâm Nhị Thiên Siêu Thế có Cảnh Pháp ở phần Níp Bàn.

+ **Phân chia theo Vật (Vatthu)** là 4 Tâm căn Tham Xả Thọ, 4 Tâm Đại Thiện Xả Thọ, 4 Tâm Đại Duy Tác Xả Thọ, 7 Tâm Nhị Thiên Siêu Thế (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai Nhị Thiên), gom 19 Tâm này, nếu như sinh trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** y cứ Sắc Tâm Cơ sinh khởi, nếu như sinh trong **Tứ Uẩn Địa Giới (Catuvokārabhūmi)** sinh khởi bất y cứ Sắc Tâm Cơ. 2 Tâm căn Sân, 1 Tâm Tiểu Sinh, 4 Tâm Đại Quả Xả Thọ, 3 Tâm Nhị Thiên Hiệp Thế, 1 Tâm Đạo Thất Lai Nhị Thiên, gom 11 Tâm này thường luôn y cứ Sắc Tâm Cơ sinh khởi.

2. Hỏi: Tâm có Tâm Sở Biệt Cảnh chỉ phối hợp được 3 – 4 Tâm Sở, có số lượng bao nhiêu, là những chi ? và hãy phân chia những thể loại Tâm này theo **Thọ (Vedanā), Nhân (Hetu), Sự Vụ (Kicca), Môn (Dvāra), Cảnh (Ārammaṇa), Vật (Vatthu)**. Và Tâm bất phối hợp với cả 6 Tâm Sở Biệt Cảnh có số lượng bao nhiêu, là những chi ? cùng với phân chia những thể loại Tâm này theo **Thọ (Vedanā), Nhân (Hetu), Sự Vụ (Kicca), Môn (Dvāra), Cảnh (Ārammaṇa), Vật (Vatthu)**.

2. Đáp: (1) **Tâm chỉ có 4 Tâm Sở Biệt Cảnh phối hợp có 14 Tâm**, là: 1 Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử, 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ, 1 Tâm Khai Ý Môn, 11 Tâm Tam Thiên, gom 14 Tâm.

+ **Phân chia theo Thọ (Vedanā)** là 1 Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử, 1 Tâm Khai Ý Môn, gom 2 Tâm này câu sinh Xả Thọ. 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ, 11 Tâm Tam Thiên, gom 12 Tâm này câu sinh Hỷ Thọ.

+ **Phân chia theo Nhân (Hetu)** là 1 Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử có 1 Nhân là Nhân Si. 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ, 1 Tâm Khai Ý Môn, gom 2 Tâm này không có Nhân. 11 Tâm Tam Thiên có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

+ **Phân chia theo Sự Vụ (Kicca)** là 1 Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử, 1 Tâm Thiện Tam Thiên Hiệp Thế, 1 Tâm Duy Tác Tam Thiên Hiệp Thế, 8 Tâm Siêu Thế Tam Thiên, gom 11 Tâm thực hiện nhiệm vụ Sự Đồng Lực. 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ thực hiện nhiệm vụ Sự Thảm Tấn, Sự Na Cảnh. 1 Tâm Khai Ý Môn thực hiện nhiệm vụ Sự Khai Môn, Sự Đoán Định. 1 Tâm Quả Tam Thiên Hiệp Thế thực hiện nhiệm vụ Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Từ Vong.

+ **Phân chia theo Môn (Dvāra)** là 1 Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử, 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ, 1 Tâm Khai Ý Môn, gom 3 Tâm này sinh được trong 6 Môn. 1 Tâm Thiện Tam Thiên Hiệp Thế, 1 Tâm Duy Tác Tam Thiên Hiệp Thế, 8 Tâm Siêu Thế Tam Thiên, gom 10 Tâm này sinh trong Ý Môn. 1 Tâm Quả Tam Thiên Hiệp Thế sinh vượt ngoài Môn.

+ **Phân chia theo Cảnh (Ārammaṇa)** là 1 Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử có 6 Cảnh ở phần Hiệp Thế và Chế Định. 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ có 6 Cảnh, duy nhứt ở Pháp Dục Giới. 1 Tâm Khai Ý Môn có 6 Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế và Chế Định, được hết tất cả không

có dư sót. 3 Tâm Tam Thiên Hiệp Thế có Cảnh Pháp ở phần Chế Định. 8 Tâm Tam Thiên Siêu Thế có Cảnh Pháp ở phần Níp Bàn.

+ **Phân chia theo Vật (Vatthu)** là 1 Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử, 1 Tâm Khai Ý Môn, 7 Tâm Siêu Thế Tam Thiên (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai Tam Thiên), gom 9 Tâm này nếu như sinh trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** y cứ Sắc Tâm Cơ sinh khởi, nếu như sinh trong **Tứ Uẩn Địa Giới (Catuvokārabhūmi)** sinh khởi bất y cứ Sắc Tâm Cơ. 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ, 3 Tâm Tam Thiên Hỷ Thọ, 1 Tâm Đạo Thất Lai Tam Thiên, gom 5 Tâm này thường luôn y cứ Sắc Tâm Cơ sinh khởi.

(2) Tâm chỉ có 3 Tâm Sở Biệt Cảnh phối hợp, có 40 Tâm, là 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi, 3 Tâm Ý Giới, 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 11 Tâm Tứ Thiên, 23 Tâm Ngũ Thiên, gom 40 Tâm.

+ **Phân chia theo Thọ (Vedanā)** là 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi, 3 Tâm Ý Giới, 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 23 Tâm Ngũ Thiên, gom 29 Tâm này cấu sinh Xả Thọ. 11 Tâm Tứ Thiên cấu sinh Hỷ Thọ.

+ **Phân chia theo Nhân (Hetu)** là 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có 1 Nhân là Nhân Si. 3 Tâm Ý Giới, 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, gom 5 Tâm này không có Nhân. 11 Tâm Tứ Thiên, 23 Tâm Ngũ Thiên, gom 34 Tâm này có 3 Nhân là Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si.

+ **Phân chia theo Sự Vụ (Kicca)** là 1 Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử, 1 Tâm Thiện Tứ Thiên Hiệp Thế, 1 Tâm Duy Tác Tứ Thiên Hiệp Thế, 5 Tâm Thiện Ngũ Thiên Hiệp Thế, 5 Tâm Duy Tác Ngũ Thiên Hiệp Thế, 8 Tâm Tứ Thiên Siêu Thế, 8 Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế, gom 29 Tâm này thực hiện nhiệm vụ Sự Đồng Lực. 1 Tâm Khai Ngũ Môn thực hiện nhiệm vụ Sự Khai Môn. 2 Tâm Tiếp Thâu thực hiện nhiệm vụ Sự Tiếp Thâu. 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ thực hiện nhiệm vụ Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong, Sự Thảm Tấn, Sự Na Cảnh. 1 Tâm Quả Tứ Thiên Hiệp Thế, 5 Tâm Quả Ngũ Thiên Hiệp Thế, gom 6 Tâm này thực hiện nhiệm vụ Sự Tái Sinh, Sự Hữu Phần, Sự Tử Vong.

+ **Phân chia theo Môn (Dvāra)** là 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi sinh được trong 6 Môn. 3 Tâm Ý Giới sinh được trong 5 Môn. 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ sinh trong 6 Môn cũng được, sinh vượt ngoài 6 Môn cũng được. 1 Tâm Thiện Tứ Thiên Hiệp Thế, 1 Tâm Duy Tác Tứ Thiên Hiệp Thế, 5 Tâm Thiện Ngũ Thiên Hiệp Thế, 5 Tâm Duy Tác Ngũ Thiên Hiệp Thế, 8 Tâm Siêu Thế Tứ Thiên, 8 Tâm Siêu Thế Ngũ Thiên, gom 28 Tâm này sinh trong Ý Môn. 1 Tâm Quả Tứ Thiên Hiệp Thế, 5 Tâm Quả Ngũ Thiên Hiệp Thế, gom 6 Tâm này sinh vượt ngoài Môn.

+ **Phân chia theo Cảnh (Ārammaṇa)** là 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có 6 Cảnh ở phần Hiệp Thế và Chế Định. 3 Tâm Ý Giới có Cảnh Ngũ. 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ có 6 Cảnh, duy nhứt ở Pháp Dục Giới. 3 Tâm Tứ Thiên Hiệp Thế, 3 Tâm Ngũ Thiên Sắc Giới (trừ Thắng Trí), gom 6 Tâm này có Cảnh Pháp ở phần Chế Định. 1 Tâm Thiện Thắng Trí có 6 Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế và Chế Định (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh). 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí có 6 Cảnh ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế và Chế Định, được hết tất cả không có dư sót. 3 Tâm Thiên Không Vô Biên Xứ có Cảnh Pháp ở phần **Hoàn Tịnh Phóng Khí Hư**

Không Chế Định (Kasiṇugghātimākāsapaññatti). 3 Tâm Thiền Thức Vô Biên Xứ có Cảnh Pháp ở phần Thiện và Duy Tác Không Vô Biên Xứ. 3 Tâm Thiền Vô Sở Hữu Xứ có Cảnh Pháp ở phần **Vô Hữu Chế Định (Natthibhāvapaññatti).** 3 Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ có Cảnh Pháp ở phần Thiện và Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ. 8 Tâm Siêu Thế Tứ Thiền, 8 Tâm Siêu Thế Ngũ Thiền có Cảnh Pháp ở phần Níp Bàn.

+ **Phân chia theo Vật (Vatthu)** là 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi, 4 Tâm Thiền Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế Tứ Thiền, 7 Tâm Siêu Thế Ngũ Thiền (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai Tứ Thiền, 1 Tâm Đạo Thất Lai Ngũ Thiền), gom 23 Tâm này nếu như sinh trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** y cứ Sắc Tâm Cơ sinh khởi, nếu như sinh trong **Tứ Uẩn Địa Giới (Catuvokārabhūmi)** sinh khởi bất y cứ Sắc Tâm Cơ. 3 Tâm Ý Giới, 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 3 Tâm Tứ Thiền Sắc Giới, 3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới, 1 Tâm Đạo Thất Lai Tứ Thiền, 1 Tâm Đạo Thất Lai Ngũ Thiền, gom 13 Tâm này thường luôn y cứ Sắc Tâm Cơ sinh khởi. 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới sinh khởi bất y cứ Sắc Vật.

Và Tâm bất phối hợp với 6 Tâm Sở Biệt Cảnh có số lượng 10, là 10 Tâm Ngũ Song Thức.

+ **Phân chia theo Thọ (Vedanā)** là 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, gom 8 Tâm này câu sinh Xả Thọ. 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ, câu sinh Khổ Thọ. 1 Tâm Thân Thức câu hành Lạc, câu sinh Lạc Thọ.

+ **Phân chia theo Nhân (Hetu)** là 10 Tâm Ngũ Song Thức này không có Nhân.

+ **Phân chia theo Sự Vụ (Kicca)** là 2 Tâm Nhân Thức thực hiện nhiệm vụ Sự Khán Kiến. 2 Tâm Nhĩ Thức thực hiện nhiệm vụ Sự Thính Văn. 2 Tâm Tỷ Thức thực hiện nhiệm vụ Sự Khí Vị. 2 Tâm Thiệt Thức thực hiện nhiệm vụ Sự Khẩu Vị. 2 Tâm Thân Thức thực hiện nhiệm vụ Sự Xúc Cảm.

+ **Phân chia theo Môn (Dvāra)** là 2 Tâm Nhân Thức sinh trong Nhân Môn. 2 Tâm Nhĩ Thức sinh trong Nhĩ Môn. 2 Tâm Tỷ Thức sinh trong Tỷ Môn. 2 Tâm Thiệt Thức sinh trong Thiệt Môn. 2 Tâm Thân Thức sinh trong Thân Môn.

+ **Phân chia theo Cảnh (Ārammaṇa)** là 2 Tâm Nhân Thức có Cảnh Sắc, là các màu sắc v.v. 2 Tâm Nhĩ Thức có Cảnh Thính, là các âm thanh v.v. 2 Tâm Tỷ Thức có Cảnh Khí, là các khí hơi v.v. 2 Tâm Thiệt Thức có Cảnh Vị, là các mùi vị v.v. 2 Tâm Thân Thức có Cảnh Xúc, là lạnh nóng, mềm cứng, dòn căng.

+ **Phân chia theo Vật (Vatthu)** là 2 Tâm Nhân Thức y cứ Nhân Vật sinh khởi. 2 Tâm Nhĩ Thức y cứ Nhĩ Vật sinh khởi. 2 Tâm Tỷ Thức y cứ Tỷ Vật sinh khởi. 2 Tâm Thiệt Thức y cứ Thiệt Vật sinh khởi. 2 Tâm Thân Thức y cứ Thân Vật sinh khởi.

3. Hỏi: Hãy phân chia Tâm có số lượng Tâm Sở Bất Thiện và Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp như tiếp theo đây theo phân loại **Thọ (Vedanā)**, cùng với số lượng và tên gọi của các Tâm để cho được thấy với: (1) Tâm có Tâm Sở Bất Thiện phối hợp được 10, 8, 6, 5, 4 Tâm Sở, (2) Tâm có Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp được 25, 24, 23, 22, 20, 19 Tâm Sở.

3. Đáp: (1) Tâm có 10 Tâm Sở Bất Thiện phối hợp có 1 Tâm, là Tâm căn Sân Hữu Dẫn câu sinh Ưu Thọ.

Tâm có 8 Tâm Sở Bất Thiện phối hợp có 5 Tâm, là 2 Tâm Tương Ứng Tà Kiến Hữu Dẫn, 2 Tâm Bất Tương Ứng Tà Kiến Hữu Dẫn, gom 4 cái này, câu sinh 2 Hỷ Thọ, câu sinh 2 Xả Thọ, 1 Tâm căn Sân Vô Dẫn câu sinh Ưu Thọ.

Tâm có 6 Tâm Sở Bất Thiện phối hợp có 4 Tâm, là 2 Tâm Tương Ứng Tà Kiến Vô Dẫn, 2 Tâm Bất Tương Ứng Tà Kiến Vô Dẫn, gom 4 Tâm này, câu sinh 2 Hỷ Thọ, câu sinh 2 Xả Thọ. Tâm có 5 Tâm Sở Bất Thiện phối hợp có 1 Tâm, là Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi câu sinh Xả Thọ. Tâm có 4 Tâm Sở Bất Thiện phối hợp có 1 Tâm, là Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử câu sinh Xả Thọ.

(2) Tâm có 25 Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp có 4 Tâm, là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, câu sinh 2 Hỷ Thọ, câu sinh 2 Xả Thọ. Tâm có 24 Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp có 4 Tâm, là 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, câu sinh 2 Hỷ Thọ, câu sinh 2 Xả Thọ. Tâm có 23 Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp có 8 hoặc 40 Tâm, là 8 Tâm Siêu Thế câu sinh với Hỷ Thọ hoặc Xả Thọ. 40 Tâm Siêu Thế câu sinh 32 Hỷ Thọ, câu sinh 8 Xả Thọ.

Tâm có 22 Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp có 16 Tâm, là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí câu sinh 2 Hỷ Thọ, câu sinh 2 Xả Thọ; 12 Tâm Sắc Giới (trừ 3 Tâm Ngũ Thiền) câu sinh Hỷ Thọ.

Tâm có 21 Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp có 4 Tâm, là 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí câu sinh 2 Hỷ Thọ, câu sinh 2 Xả Thọ.

Tâm có 20 Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp có 19 Tâm, là 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí câu sinh 2 Hỷ Thọ, câu sinh 2 Xả Thọ; 15 Tâm Ngũ Thiền Hiệp Thế câu sinh Xả Thọ.

Tâm có 19 Tâm Sở Tịnh Hảo phối hợp có 4 Tâm, là 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí câu sinh với 2 Hỷ Thọ, câu sinh 2 Xả Thọ.

Kết Thúc Phần Tập Hợp Các Tổng Hợp
Kết Thúc Phần Vấn - Đáp Trong Chương Thứ 3
Kết Thúc Chương Thứ 3 – Tổng Hợp Linh Tinh

-----00000-----

CHƯƠNG THỨ TƯ: TỔNG HỢP LỘ TRÌNH (VITHĪSAṄGAHA)

PHẦN LIÊN KẾT VÀ THỆ NGUYỆN

1. Cittuppādānamiccevaṃ	Katvā saṅghamuttaram
Bhūmipuggalabhedena	Pubbāparaniyāmitaṃ
Pavattisaṅghaṃ nāma	Paṭisandhipavattiyaṃ
Pavakkhāmi samāseṇa	Yathāsambhavato kathaṃ

Dịch nghĩa là: Tôi (Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya) đã soạn tác **Tổng Hợp Linh Tinh (Pakiṇṇakasaṅgha)** của Tâm và Tâm Sở, là Tổng Hợp rất chủ yếu theo phần đã đề cập trong Chương thứ 3, sẽ trình bày Tổng Hợp có tên gọi là **Chuyển Khởi (Pavatti – Tiển Triển)** là sự hiện hành của Tâm, Tâm Sở trong **Thời Kỳ Tái Sinh (Paṭisandhi kāla)** và **Thời Kỳ Chuyển Khởi (Pavattikāla – Thời Kỳ Tiển Triển)**, là Tổng Hợp chỉ định đích danh đến Tâm sinh trước và sinh đằng sau, cùng với phân loại theo **Địa Giới (Bhūmi)** và **Người (Puggala)** vừa theo thích hợp sẽ hiện hành một cách giản lược. Về việc trình bày **Tổng Hợp Chuyển Khởi (Pavattisaṅgha)** từ nơi Tâm và Tâm Sở một cách giản lược như thế nào thì có như thế này:

6 NỘI DUNG CHỦ YẾU VÀ ĐÁNG GHI NHỚ TRONG CHƯƠNG THỨ 4

2. Cha vatthūni, cha dvārāni, cha ārammaṇāni, cha viññāṇāni, cha vīthiyo, chadhā visayappavatti ceti vīthisaṅgahe cha chakkāni vedittabbāni dịch nghĩa là “nên hiểu biết **Bộ Lục (Chakka)** trong **Tổng Hợp Lộ Trình (Vithisaṅgha)** như thế này, là **6 Vật (Vatthu)**, **6 Môn (Dvāra)**, **6 Cảnh (Ārammaṇa)**, **6 Thức (Viññāṇa)**, **6 Lộ Trình (Vithi)**, **6** hoặc **8 Phạm Vi Chuyển Khởi (Visayappavatti)**”.

3. Vīthimuttānaṃ pana kammakammanimittagatinimittavasena tividhā hoti visayappavatti dịch nghĩa là “về Phạm Vi Chuyển Khởi của **19 Tâm Thoát Ly Lộ Trình (Vithīvimuttacitta – Tâm Ngoại Lộ)** có 3 thể loại là **Cảnh Nghiệp (Kammāram maṇa)**, **Cảnh Nghiệp Tướng (Kammanimittārammaṇa)** và **Cảnh Thú Tướng (Gati nimittārammaṇa)**”.

4. Tattha vatthudvārārammaṇāni pubbe vuttanayāneva dịch nghĩa là “trong cả **6 Bộ Lục (Chakka)** ấy, **Bộ Lục Vật (Vatthuchakka)**, **Bộ Lục Môn (Dvārachakka)**, **Bộ Lục Cảnh (Ārammaṇachakka)**, cả 3 thể loại ấy có lộ tuyến đã được nói đến ở Chương trước rồi, chính thị là Chương thứ 3”.

BỘ LỤC THỨC (VIÑÑĀṄACHAKKA) = THỨC CÓ 6

5. **Cakkhuvīññāṇaṃ sotavīññāṇaṃ ghānavīññāṇaṃ jivhāvīññāṇaṃ kāya vīññāṇaṃ manovīññāṇaṃ ceti cha vīññāṇāni** dịch nghĩa là “nên hiểu biết 6 Thức như vậy: Nhân Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiết Thức, Thân Thức, và Ý Thức.

BỘ LỤC LỘ TRÌNH (VITHĪCHAKKA) = LỘ TRÌNH CÓ 6

6. **Cha vīthiyo pana cakkhudvāravīthi sotadvāravīthi ghānavdāravīthi jivhā dvāravīthi kāyadvāravīthi manodvāravīthi ceti dvāravasena vā, cakkhuvīññāṇavīthi sotavīññāṇavīthi ghānavīññāṇavīthi jivhāvīññāṇavīthi kāyavīññāṇavīthi mano vīññāṇavīthi ceti vīññāṇavasena vā, dvārappavattā cittappavattiyo yojetabbā** dịch nghĩa là “nên hiểu biết còn 6 loại Lộ Trình trình bày đến sự hiện hành Tâm sinh khởi trong cả 6 thể loại Môn ấy nhất định phải phối hợp tương quan liên với Môn hoặc Thức có như thế này, là Lộ Trình Nhân Môn, Lộ Trình Nhĩ Môn, Lộ Trình Tỷ Môn, Lộ Trình Thiết Môn, Lộ Trình Thân Môn, và Lộ Trình Ý Môn (là theo Môn). Lộ Trình Nhân Thức, Lộ Trình Nhĩ Thức, Lộ Trình Tỷ Thức, Lộ Trình Thiết Thức, Lộ Trình Thân Thức, và Lộ Trình Ý Thức (là theo Thức)”.

BỘ LỤC PHẠM VI CHUYỂN KHỞI (VISAYAPPAVATTICHAKKA) = SỰ HIỆN HÀNH CỦA CẢNH CÓ 6

7. **Atimahantaṃ mahantaṃ parittaṃ atiparittañceti pañcadvāre manodvāre pana vibhūtamavibhūtañceti chadhā visayyappavatti veditabbā** dịch nghĩa là “nên hiểu biết 6 loại Phạm Vi Chuyển Khởi.

Trong Ngũ Môn (Pañcadvāra) có như vậy:

(1) **Cảnh Cực Kỳ Cự Đại (Atimahantārammaṇa)** là Cảnh có số lượng **khoảnh khắc sát na Tâm (Cittakkhaṇa)** quá dư thừa, tính kể từ việc hiện bày Cảnh trong **Ngũ Môn (Pañcadvāra)**.

(2) **Cảnh Cự Đại (Mahantārammaṇa)** là Cảnh có số lượng nhiều **khoảnh khắc sát na Tâm (Cittakkhaṇa)**, tính kể từ việc hiện bày Cảnh trong Ngũ Môn.

(3) **Cảnh Hy Thiểu (Parittārammaṇa)** là Cảnh có số lượng ít **khoảnh khắc sát na Tâm**, tính kể từ việc hiện bày Cảnh trong Ngũ Môn.

(4) **Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu (Atiparittārammaṇa)** là Cảnh có số lượng rất ít **khoảnh khắc sát na Tâm** rất ít, tính kể từ việc hiện bày Cảnh trong Ngũ Môn.

Đối với trong Ý Môn (Manodvāra) có như vậy:

(5) **Cảnh Minh Hiện (Vibhūtārammaṇa)** là Cảnh hiện bày minh hiện trong Lộ Ý.

(6) **Cảnh Bất Minh Hiện (Avibhūtārammaṇa)** là Cảnh hiện bày bất minh hiện trong Lộ Ý.

BỘ BÁT PHẠM VI CHUYỂN KHỞI (VISAYAPPAVATTIATṬHAKA) (MỘT PHẦN KHÁC NỮA) SỰ HIỆN HÀNH CỦA CẢNH CÓ 8

8. Atimahantaṃ mahantaṃ parittaṃ atiparittañceti pañcadvāre manodvāre pana ativibhūtaṃ vibhūtamavibhūtaṃ ativibhūtañceti aṭṭhadhā visayappavatti veditabbā dịch nghĩa là “nên hiểu biết 8 loại Phạm Vi Chuyên Khởi.

Trong Ngũ Môn có như vậy:

(1) Cảnh Cực Kỳ Cự Đại (Atimahantārammaṇa) là Cảnh có số lượng khoảnh khắc sát na Tâm quá dư thừa, tính kể từ việc hiện bày Cảnh trong Ngũ Môn.

(2) Cảnh Cự Đại (Mahantārammaṇa) là Cảnh có số lượng nhiều khoảnh khắc sát na Tâm, tính kể từ việc hiện bày Cảnh trong Ngũ Môn.

(3) Cảnh Hy Thiểu (Parittārammaṇa) là Cảnh có số lượng ít khoảnh khắc sát na Tâm, tính kể từ việc hiện bày Cảnh trong Ngũ Môn.

(4) Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu (Atiparittārammaṇa) là Cảnh có số lượng rất ít khoảnh khắc sát na Tâm, tính kể từ việc hiện bày Cảnh trong Ngũ Môn.

Đối với trong Ý Môn có như vậy:

(5) Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện (Ativibhūtārammaṇa) là Cảnh hiện bày cực minh hiện trong Lộ Ý.

(6) Cảnh Minh Hiện (Vibhūtārammaṇa) là Cảnh hiện bày minh hiện trong Lộ Ý.

(7) Cảnh Bất Minh Hiện (Avibhūtārammaṇa) là Cảnh hiện bày bất minh hiện trong Lộ Ý.

(8) Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện (Atiavibhūtārammaṇa) là Cảnh hiện bày cực bất minh hiện trong Lộ Ý.

TRÌNH BÀY TUỔI THỌ CỦA TÂM VÀ SẮC

9. Kathaṃ uppādaḥītibhaṅgavasena khaṇattayaṃ ekacittakkhaṇaṃ nāma dịch nghĩa là “đối với sự hiện hành của 6 hoặc 8 Phạm Vi Chuyển Khởi như thế nào thì có như tiếp theo đây: cả 3 sát na Tâm là **Sát Na Khởi Sinh (Uppādakkhaṇa)**, **Sát Na Trụ (Ṭhitikkhaṇa)**, **Sát Na Diệt (Bhaṅgakkhaṇa)**, những thể loại này gọi tên là một sát na Tâm, là tuổi thọ của một Tâm”.

10. Tāni pana sattarasa cittakhaṇāni rūpadhammānamāyu dịch nghĩa là “còn khoảng thời gian của 17 sát na Tâm sinh khởi rồi diệt mất, là tuổi thọ của bất luận một Sắc Pháp nào trong 22 Sắc Pháp [trừ 2 Sắc Biểu Tri (Viññattirūpa), 4 Sắc Tướng (Lakkhaṇarūpa)].

LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ CỰ ĐẠI NHÃN MÔN (CAKKHUVĀRIKA ATIMAHANTĀRAMMAṆAVITHĪ)

Câu dẫn ngôn (Ārambhapada) và sự hiện hành Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Lộ Nhãn Môn (Atimahantārammaṇavithīcakkhuvāra).

11. **Ekacittakkhaṇātītāni vā bahucittakkhaṇātītāni vā thitippattāneva pañcārammaṇāni pañcadvāre āpātamāgacchanti tasmā yadi ekacittakkhaṇātītakam rūpārammaṇam cakkhussa āpākamāgacchati** dịch nghĩa là “khi 1 sát na hoặc nhiều sát na Tâm Hữu Phần trải qua rồi, cả 5 Cảnh đến **Sát Na Trụ (Thitikhana)** thời gian nào, thời gian ấy thường hiện bày được cả trong 5 Môn, bởi do thế, nếu như **Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)** đã trải qua một sát na Tâm Hữu Phần rồi, cũng sẽ hiện bày đến Nhân Thanh Triệt”.

12. **Tato dvikkhattum bhavaṅge calite bhavaṅgasotam vocchinditvā tameva rūpārammaṇam āvajjantam pañcadvārāvajjanacittam uppajjitvā nirujjhati** dịch nghĩa “tiếp theo đó, Tâm Hữu Phần Chấn Động sinh khởi 2 lần rồi Tâm Khai Ngũ Môn mới cắt đứt dòng Tâm Hữu Phần và chính thị tứ khảo Cảnh Sắc ấy, sinh khởi rồi cũng diệt mất”.

13. **Tato tassānantaram tameva rūpa passantam cakkhuvīññānam sampa ticchantam sampa ticchannacittam santīrayamānam santīraṇacittam vavaṭṭhapen tam voṭṭhabbanacittañceti yathākkamam uppajjitvā nirujjhanti** dịch nghĩa là “chính thị là khi Tâm Khai Ngũ Môn đã diệt mất rồi trong thuận tự của Tâm Khai Ngũ Môn một cách vô gián đoạn, Tâm Nhãn Thức người khán kiến Cảnh Sắc, Tâm Tiếp Thâu người tiếp thâu Cảnh Sắc, Tâm Thảm Tấn người thảm tấn Cảnh Sắc, Tâm Đoán Định người phán đoán Cảnh Sắc, các thể loại này thường sinh khởi một cách thuận tự, cũng diệt mất một cách thuận tự với nhau”.

14. **Tato param ekūnatimśa kāmāvacarajavanesu yamkiñci laddhapaccayaṃ yebhuyyena sattakhattum javati** dịch nghĩa là “sau khi Tâm Đoán Định đã diệt mất rồi, bắt luận một Tâm Đồng Lực nào trong 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới tùy thuộc nhân duyên, đề cập là **Tác Ý (Manasikāra)** và **Người (Puggala)** hữu quan với mỗi bản thân thường sinh khởi với khả năng có số lượng tối đa 7 sát na, đã tiếp thâu ủng hộ giúp đỡ”.

15. **Javanānubandhāni ca dve tadārammaṇapākāni yathārahaṃ pavattanti tato param bhavaṅgapāto** dịch nghĩa là “2 sát na Tâm Na Cảnh hiện hành theo Đồng Lực thường sinh khởi vừa theo thích hợp đối với **Người (Puggala)**, sau khi Tâm Na Cảnh thứ 2 diệt mất, Tâm cũng trở lại Hữu Phần”.

16. **Ettāvatā cuddasa vithicittuppādā dve bhavaṅgacalanāni pubbevātītaka mekacittakkhaṇanti katvā sattarasa cittakkhaṇāni paripūrenti tato param nirujjhati ārammaṇametam atimahantam nāma gocaram** dịch nghĩa là “theo phần đã được đề cập đến rồi, theo thuận tự này, 17 khoảnh khắc sát na Tâm cũng hoàn toàn tề bị, là việc sinh khởi 14 Tâm Lộ Trình, 2 Tâm Hữu Phần Chấn Động, 1 Tâm Hữu Phần Quá Khứ là Hữu Phần đã trải qua trước rồi, bởi do thế Cảnh Sắc cũng thường diệt mất đi, Cảnh Sắc này là Cảnh đã được gọi tên **Cảnh Cực Kỳ Cự Đại (Atimahantā rammaṇa)**”.

LỘ TRÌNH CẢNH CỰ ĐẠI NHÂN MÔN (CAKKHUDVĀRIKA MAHANTĀRAMMAṆAVITHĪ)

17. **Yāva tadārammaṇuppādā pana appahontātītakamāpāthamāgatam ārammaṇam mahantam nāma, tattha javanāvasāne bhavaṅgapātova hoti, natthi tadā rammaṇuppādo** dịch nghĩa là “còn Cảnh Sắc hiện bày đến Nhân Thanh Triệt, khi 2 hoặc 3

sát na Hữu Phần Quá Khứ đã trải qua trước rồi, vì thế mới không có khả năng sẽ thụ lập cho đến 2 sát na Tâm Na Cảnh sinh khởi. Cảnh Sắc này được gọi tên là **Cảnh Cự Đại (Mahantārammaṇa)**. Trong Lộ Trình Cảnh Cự Đại này, chỗ cuối cùng Đồng Lực chỉ có Tâm Hữu Phần thường sinh khởi thôi, việc sinh khởi Tâm Na Cảnh thường không có”.

LỘ TRÌNH CẢNH HY THIỂU NHÃN MÔN (CAKKHUVĀRIKA PARITTĀRAMMAṆAVITHĪ)

18. Yāva javanuppādāpi appahontātīkamāpāthamāgataṃ ārammaṇaṃ parittaṃ nāma, tattha javanampi anuppajjitvā davattikkhattuṃ voṭṭhabbanameva pavattati, tato paraṃ bhavaṅgapātova hoti dịch nghĩa “Cảnh Sắc hiện bày đến Nhãn Thanh Triệt, khi 4, 5, 6, 7, 8 hoặc 9 sát na Tâm Hữu Phần đã trải qua trước rồi, vì thế, mới không có khả năng sẽ thụ lập cho đến 7 sát na Đồng Lực sinh khởi. Cảnh Sắc này được gọi tên **Cảnh Hy Thiểu (Parittārammaṇa)**. Trong Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu này, Tâm Đồng Lực cũng không sinh khởi, chính vì thế 2 hoặc 3 sát na Tâm Đoán Định thường sinh khởi, tiếp nối từ Tâm Đoán Định diệt mất rồi, Tâm cũng chỉ trở lại Hữu Phần thôi”.

LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ HY THIỂU NHÃN MÔN (CAKKHUVĀRIKA ATIPARITTĀRAMMAṆAVITHĪ)

19. Yāva voṭṭhabbanuppādā ca appahontātīkamāpāthamāgataṃ nirodhā sannamārammaṇaṃ atiparittaṃ nāma, tattha bhavaṅgacalanameva hoti, natthi vithicittuppādo dịch nghĩa là “còn Cảnh Sắc trải qua 10 – 11 – 12 – 13 – 14 – 15 hoặc 16 sát na Hữu Phần Quá Khứ trước, đã gần sắp diệt mất rồi, đến hiện bày Nhãn Thanh Triệt, vì thế, mới không có khả năng sẽ thụ lập cho đến 2 sát na Tâm Đoán Định sinh khởi. Cảnh Sắc này được gọi tên **Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu (Atiparittārammaṇa)**. Trong Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu này, chỉ có Hữu Phần Chấn Động thường sinh khởi thôi, việc sinh khởi Tâm Lộ Trình thường không có.

TRÌNH BÀY LỘ TRÌNH NHĨ MÔN CHO ĐẾN LỘ TRÌNH THÂN MÔN

20. Iccevaṃ cakkhuvāre tathā sotadvārādisuceti sabbathāpi pañcadvāre tadārammaṇajavanavoṭṭhabbanamoghavārasaṅkhātānaṃ catunnaṃ vārānaṃ ya thākkamaṃ ārammaṇabhūtā visayyappavatti catudhā veditabbā dịch nghĩa là “cả 4 Phạm Vi Chuyển Khởi trong Lộ Nhãn Môn hiện hành theo phần đã được nói đến như thế nào, cả 4 Phạm Vi Chuyển Khởi trong Lộ Nhĩ Môn v.v. cũng hiện hành theo như đã được đề cập đến như thế ấy”.

Nên hiểu biết cả 4 Phạm Vi Chuyển Khởi làm thành Cảnh của cả 4 **Thời Kỳ (Vāra)** đề cập là **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**, **Thời Kỳ Đồng Lực (Javana vāra)**,

Thời Kỳ Đoán Định (Voṭṭhabbanavāra), và Thời Kỳ Vô Hiệu Lực (Mogha vāra) theo thuận tự trong Ngũ Môn bằng cách kết hợp lại tất cả các loại chỉ là như vậy.

KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY VIỆC TỔNG KẾT SỐ LƯỢNG TÂM LỘ TRÌNH TRONG NGŨ MÔN

- 21. Vīthicittāni satteva Cittuppādā catuddasa
Catupaññāsa vitthāra Pancadvāre yathārahaṃ
Ayamettha pañcadvāre Vīthicittappavattinayo.**

Dịch nghĩa là “các Tâm Lộ Trình trong Ngũ Môn vừa theo thích hợp đối với Môn và Cảnh chỉ có 7 thôi (đó là 1 Khai Ngũ Môn, 1 Ngũ Thức, 1 Tiếp Thâu, 1 Thâm Tấn, 1 Đoán Định, 1 Đồng Lực, 1 Na Cảnh). Các Tâm Lộ Trình ấy rằng khi theo việc sinh khởi có được 14 lần (là Khai Ngũ Môn sinh 1 lần, bất luận một Tâm nào trong Ngũ Thức sinh 1 lần, Tiếp Thâu sinh 1 lần, Thâm Tấn sinh 1 lần, Đoán Định sinh 1 lần, Đồng Lực sinh 7 lần, Na Cảnh sinh 2 lần). Các Tâm Lộ Trình ấy khi là một cách quảng nghĩa có 54 (chính thị là 54 Tâm Dục Giới).

Lời miêu thuật như đã vừa đề cập đến đây, là điều cơ bản của lời giải thích việc sinh khởi Tâm Lộ Trình chỉ riêng ở Ngũ Môn trong Tổng Hợp Lộ Trình này.

LỘ TRÌNH Ý MÔN ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI MỘT CÁCH GIẢN YẾU LỘ TRÌNH CẢNH MINH HIỂN (VIBHŪTĀRAMMAṆAVITHĪ)

22. Manodvāre pana yadi vibhūtamārammaṇaṃ āpāthamāgacchati, tato bhavaṅgacalanamanodvārāvajjana javānāvasāne tadārammaṇapākāni pavattanti tato param bhavaṅgapāto dịch nghĩa là “còn cả 6 Cảnh hiện bày minh hiển, nếu như đã đến hiện bày trong Ý Môn rồi, với nguyên nhân này các **Tâm Dị Thục Quả Na Cảnh (Tadārammaṇavipākacitta)** thường sinh khởi trong chỗ cuối cùng của Hữu Phần Chấn Động, Khai Ý Môn, và Đồng Lực, tiếp nối từ Tâm Na Cảnh diệt mất, Tâm cũng trở lại Hữu Phần”.

LỘ TRÌNH CẢNH BẤT MINH HIỂN

23. Avibhūte panārammaṇe javanāvasāne bhavaṅgapātova hoti, natthi tadārammaṇuppādoti dịch nghĩa là “còn cả 6 Cảnh hiện bày bất minh hiển, một cách duy nhất Tâm trở lại Hữu Phần trong chỗ cuối cùng của Đồng Lực. Việc sinh khởi Tâm Na Cảnh thường không có. Phạm vi chuyển khởi (6 thể loại hoặc 8 thể loại) có sự hiện hành như đã được đề cập đến rồi vậy.

TRÌNH BÀY 4 THỜI KỲ (VĀRA) VÀ 4 PHẠM VI CHUYỂN KHỞI

24. **Imasmim manodvārepi tadārammaṇajavanavoṭṭhabbanamoghavārasaṇ khātānaṃ catunnaṃ vārānaṃ yathākkamaṃ ārammaṇabhūtā visayyappavatti catuddhā veditabbā** dịch nghĩa là “nên hiểu biết trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới cũng có cả 4 Phạm Vi Chuyển Khởi làm thành Cảnh của cả 4 Thời Kỳ, đó là **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**, **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**, **Thời Kỳ Đoán Định (Voṭṭhabbanavāra)**, và **Thời Kỳ Vô Hiệu Lực (Moghavāra)** theo thuận tự”

25. **Tattha tadārammaṇavārassa ārammaṇabhūtā ativibhūtā nāma, javana vārassa vibhūtā nāma, voṭṭhabbanavārassa avibhūtā nāma, moghavārassa ārammaṇabhūtā ativibhūtā nāmāti yojetabbā** dịch nghĩa là “trong cả 4 thể loại Phạm Vi Chuyển Khởi ấy, Phạm Vi Chuyển Khởi làm thành Cảnh của Thời Kỳ Na Cảnh được gọi tên là **Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiển (Ativibhūtārammaṇavithī)**. Phạm Vi Chuyển Khởi làm thành Cảnh của Thời Kỳ Đồng Lực được gọi tên là **Lộ Trình Cảnh Minh Hiển (Vibhūtārammaṇavithī)**. Phạm Vi Chuyển Khởi làm thành Cảnh của Thời Kỳ Đoán Định gọi tên là **Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiển (Avibhūtārammaṇavithī)**. Và Phạm Vi Chuyển Khởi làm thành Cảnh của Thời Kỳ Vô Hiệu Lực gọi tên là **Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiển (Ativibhūtārammaṇavithī)**. Việc phối hợp với nhau giữa cả 4 Thời Kỳ với cả 4 Phạm Vi Chuyển Khởi trong **Ý Môn Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavanamanodvāra)** có theo thuận tự như đã được đề cập đến rồi vậy.

KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY VIỆC TỔNG KẾT SỐ LƯỢNG TÂM LỘ TRÌNH TRONG Ý MÔN ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI

26. **Vithicittāni tīveva Cittuppādā daseritā**
Vitthārena panettheke Cattālīsa vibhāvaye
Ayamettha parittajavanavāro

Dịch nghĩa là: Nên đề cập được rằng trong Ý Môn Đồng Lực Dục Giới này, chỉ có **3 Tâm Lộ Trình (Vithicitta)** (là 1 Khai Ý Môn, 1 Đồng Lực và 1 Na Cảnh). Các Tâm Lộ Trình ấy, rằng khi theo việc sinh khởi có 10 lần (là Khai Ý Môn sinh 1 lần, Đồng Lực sinh 7 lần và Na Cảnh sinh 2 lần). Còn các Tâm Lộ Trình ấy, rằng theo quảng nghĩa thường trình bày có được là 41 (là 41 Tâm Dục Giới, trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức và 3 Ý Giới).

Lời miêu thuật như đã vừa đề cập đến đây, là Ý Môn Đồng Lực Dục Giới trong Tổng Hợp Lộ Trình này.

TRÌNH BÀY LỘ TRÌNH Ý MÔN ĐỒNG LỰC KIÊN CỐ

27. **Appanājavanavāre pana vibhūtāvibhūtabhedo natthi, tathā tadāramma nuppādo ca** dịch nghĩa là “còn trong **Lộ Trình Kiên Cố Thời Kỳ Đồng Lực (Appanā vithijavanavāra)** này, sự khác biệt nhau ở thể loại **Cảnh Minh Hiển (Avibhūtārammaṇa)**, **Cảnh Bất Minh Hiển (Avibhūtārammaṇa)** – kiểu loại này không có – [chỉ có duy nhất là **Cảnh Minh Hiển (Vibhūtārammaṇa)** hoặc **Cảnh Cực Kỳ Minh Hiển (Ati**

vibhūtārammaṇa] và việc sinh khởi Tâm Na Cảnh tương tự cũng không có (đề cập là khi Đồng Lực đã diệt mất rồi, Tâm cũng trở lại Hữu Phần).

TRÌNH BÀY LỘ TRÌNH ĐẮC THIÊN ĐỊNH (JHĀNAVITHĪ) VÀ LỘ TRÌNH ĐẮC ĐẠO (MAGGAVITHĪ)

28. Tattha hi ñāṇasampayuttakāmāvacarajavanānamatṭhannaṃ aññata rasmiṃ parikammopacārānulomagotrabhunāmena catukkhattum tikkhattumeva vā yathākkamaṃ uppajjitvā niruddhānantarameva yathārahaṃ catutthaṃ pañca maṃ vā chabbīsati mahaggata lokuttarajavanesu yathābhinihāravasena yaṅkiñci javanaṃ appaṇṇāvīthimotarati, tato paraṃ appanāvasāne bhavaṇgapātova hoti dịch nghĩa là “giải thích xiển minh rằng trong Lộ Trình Kiên Cố Thời Kỳ Đồng Lực này, bất luận một Đồng Lực nào trong cả 8 Đồng Lực Dục Giới Tương Ứng Trí ấy thường sinh khởi chỉ có 4 lần là tối đa hoặc chỉ có 3 lần là tối thiểu, với có tên gọi **Chuẩn Bị (Parikamma)**, **Cận Hành (Upācāra)**, **Thuận Tòng (Anuloma)** và **Chuyển Tộc (Gotrabhū – Chủng Tính)** đi theo thuận tự rồi cũng diệt mất. Khi Đồng Lực Dục Giới Tương Ứng Trí đã diệt mất rồi, chính trong thuận tự một cách vô gián đoạn ấy, bất luận một Đồng Lực nào trong 26 Đồng Lực Đáo Đại và Đồng Lực Siêu Thế tương quan liên với bất luận việc **Thực Hành Tu Tập An Chỉ (Paṭipattisamathabhāvanā)** hoặc **Tu Tập Minh Sát Tuệ (Vipassanābhāvanā)** cũng tùy, thường tiến nhập **Lộ Trình Kiên Cố (Appanāvithī)** ở phần thuận tự thứ 4 hoặc thuận tự thứ 5 vừa theo thích hợp đối với **Người Lợi Căn (Tikkhapuggala)** hoặc **Người Độn Căn (Mandapuggala)**, tiếp nối nơi ấy, Tâm cũng trở lại Hữu Phần”.

QUY TRÌNH THỦ TẮC LUẬN THUẬT SỰ KIẾN THỌ (VEDANĀ) GIỮA ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI VỚI ĐỒNG LỰC KIÊN CỐ

29. Tattha somanassasahagatajavanānantaraṃ appanāpi somanassasahagatā va pāṭikaṅkhitabbā, upekkhāsahagatajavanānantaraṃ upekkhāsahagatāva dịch nghĩa là “trong Lộ Trình Kiên Cố Thời Kỳ Đồng Lực này, trong thuận tự của Đồng Lực Dục Giới Câu Hành Hỷ Thọ một cách vô gián đoạn, Đồng Lực Kiên Cố phát sinh lên được cũng chỉ là Đồng Lực Câu Hành Hỷ Thọ thôi. Trong thuận tự của Đồng Lực Dục Giới Câu Hành Xả Thọ một cách vô gián đoạn, Đồng Lực Kiên Cố phát sinh lên được cũng chỉ là Đồng Lực Câu Hành Xả Thọ thôi”.

QUY TRÌNH THỦ TẮC LUẬN THUẬT SỰ KIẾN PHÁP CHỨNG (JĀTI) GIỮA ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI VỚI ĐỒNG LỰC KIÊN CỐ

30. Tatthāpi kusalajavanānantaraṃ kusalajavanañceva heṭṭhimañca phalat tayamappeti, kriyajavanānantaraṃ kriyajavanaṃ arahattaphalancāti dịch nghĩa là “dù trong Lộ Trình Kiên Cố Thời Kỳ Đồng Lực có **Thọ (Vedanā)** đồng nhất chủng với Đồng Lực

Dục Giới đây, nên hiểu biết như vậy: trong thuận tự của 4 Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí một cách vô gián đoạn là 29 Đồng Lực Thiện Đáo Đại - Siêu Thế, và hoặc 15 Đồng Lực Quả Bậc Thấp thường sinh khởi thành Kiên Cố; trong thuận tự của 4 Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí một cách vô gián đoạn là 9 Đồng Lực Duy Tác Đáo Đại hoặc 5 Đồng Lực Quả Vô Sinh thường sinh khởi thành Kiên Cố.

**KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY ĐẾN SỐ LƯỢNG ĐỒNG LỰC KIÊN CỐ
SINH TIẾP NỐI TỪ ĐỒNG LỰC ĐẠI THIỆN VÀ ĐẠI DUY TÁC
RẰNG THEO DĨ PHÁP VI BỒN (DHAMMĀDIṬṬHĀNA)**

**31. Davattiṃsa sukkhapuññaṃhā Dvādasopekkhakā param
Sukhitakriyato aṭṭha Cha sambhonti upekkhakā**

Dịch nghĩa là “sau khi 2 Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí Hỷ Thọ đã diệt mất rồi, 32 Đồng Lực Kiên Cố (là 4 Thiện Đáo Đại Hỷ Thọ, 16 Đạo Hỷ Thọ, 12 Quả Bậc Thấp Hỷ Thọ) thường sinh khởi; sau khi 2 Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí Xả Thọ đã diệt mất rồi, 12 Đồng Lực Kiên Cố (là 5 Thiện Đáo Đại Xả Thọ, 4 Đạo Xả Thọ, 3 Quả Bậc Thấp Xả Thọ) thường sinh khởi; sau khi 2 Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Hỷ Thọ đã diệt mất rồi, 8 Đồng Lực Kiên Cố (là 4 Duy Tác Đáo Đại Hỷ Thọ, 4 Quả Vô Sinh Hỷ Thọ) thường sinh khởi; sau khi 2 Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xả Thọ đã diệt mất rồi, 6 Đồng Lực Kiên Cố (là 5 Duy Tác Đáo Đại Xả Thọ, 1 Quả Vô Sinh Xả thọ) thường sinh khởi”.

**KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY ĐẾN SỐ LƯỢNG ĐỒNG LỰC KIÊN CỐ
SINH TIẾP NỐI TỪ ĐỒNG LỰC ĐẠI THIỆN VÀ ĐẠI DUY TÁC
RẰNG THEO DĨ NHÂN VI BỒN (PUGGALĀDIṬṬHĀNA)**

**32. Puthujjanāna sekkhānaṃ Kāmapuññatīhetuto
Tīhetukāmakriyato Vītarāgānamappanā
Ayametthe manodvāre vīthiccittappavattinayo**

Dịch nghĩa là “sau khi 4 Tâm Thiện Dục Giới Tam Nhân của hạng **Phàm Tam Nhân (Tīhetukaputhujjana)** và **3 Bậc Quả Hữu Học (Phalasekkhapuggala)** đã diệt mất rồi, 44 Đồng Lực Kiên Cố (là 9 Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo, 15 Tâm Quả Bậc Thấp) thường sinh khởi; sau khi 4 Tâm Duy Tác Dục Giới Tam Nhân của các Bậc Vô Sinh đã diệt mất rồi, 14 Đồng Lực Kiên Cố (là 9 Duy Tác Đáo Đại, 5 Tâm Quả Vô Sinh) thường sinh khởi.

Lời miêu thuật như đã vừa đề cập đến đây, là điều cơ bản của lời giải thích việc sinh khởi Tâm Lộ Trình chỉ riêng trong Ý Môn trong Tổng Hợp Lộ Trình này.

**NIÊM LUẬT NA CẢNH (TADĀRAMMAṆANIYAMA)
QUY TRÌNH THỦ TẮC LUẬN THUẬT SỰ KIỆN TÂM NA CẢNH**

33. **Sabbatthāpi panettha anitthe ārammaṇe akusalavipākāneva pañcaviññāṇasampañicchanasantīraṇatadārammaṇāni** dịch nghĩa là “lại nữa, trong Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ Trình Ý Môn này, ngay cho là Phạm Vi Chuyển Khởi một cách phổ biến trong **Cảnh Bất Duyệt Ý (Anittārammaṇa)**, **Ngũ Thức (Pañcaviññāṇa)**, **Tiếp Thâu (Sampañicchana)**, **Thẩm Tấn (Santīraṇa)**, **Na Cảnh (Tadārammaṇa)** thường sinh khởi duy nhất ở phần Dị Thục Quả Bất Thiện”.

34. **Itthe kusalavipākāni** dịch nghĩa là “trong **Cảnh Duyệt Ý (Itthārammaṇa)** [**Cảnh Trung Bình Duyệt Ý (Itthamajjhāttārammaṇa)**], Ngũ Thức, Tiếp Thâu, Thẩm Tấn, Na Cảnh thường sinh khởi chỉ ở phần Dị Thục Quả Bất Thiện thôi”.

35. **Atiitthe pana somanassasahagatāneva santīraṇatadārammaṇāni** dịch nghĩa là “còn trong **Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý (Atiitthārammaṇa)** ấy, Thẩm Tấn và Na Cảnh thường sinh khởi chỉ câu sinh duy nhất với Hỷ Thọ thôi”.

36. **Tatthāpi somanassasahagatakriyajanāvasāne somanassasahagatāneva tadārammaṇāni bhavanti** dịch nghĩa là “ngay trong 11 Tâm Na Cảnh ấy, 5 Tâm Na Cảnh thường sinh khởi chỉ câu sinh duy nhất với Hỷ Thọ trong chỗ cuối cùng của 5 Đồng Lực Duy Tác Hỷ Thọ”.

37. **Upekkhāsahagatakriyajanāvasāne ca upekkhāsahagatāneva honti** dịch nghĩa là “5 Tâm Na Cảnh thường sinh khởi chỉ câu sinh duy nhất với Xả Thọ thôi ngay trong chỗ cuối cùng của 4 Đồng Lực Duy Tác Câu Hành Xả Thọ”.

38. **Domanassasahagatajanāvasāne ca pana tadārammaṇāni ceva bhavaṇ gāṇi ca upekkhāsahagatāneva bhavanti, tasmā yadi somanassapaṭisandhi kassa domanassasahagatajanāvasāne tadārammaṇasambhavo natthi, tadā yaṇkiñci paricitaṭṭham parittārammaṇamārabha upekkhāsahagatasantīraṇam uppajjati, tamanantaritvā bhavaṇgapātova hotīti vadanti ācariyā** dịch nghĩa là “còn 6 Tâm Na Cảnh và 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới thường sinh khởi chỉ câu sinh duy nhất với Xả Thọ thôi, ngay trong chỗ cuối cùng của Đồng Lực Sân câu sinh với Ưu Thọ, bởi do thế trong chỗ cuối cùng của Đồng Lực Sân câu sinh với Ưu Thọ ở người tái sinh với Hỷ Thọ, nếu như Tâm Na Cảnh đã không có cơ hội sinh khởi rồi, các Giáo Thọ Sư Chú Giải đã nói rằng trong thời gian ấy 2 Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ (và 4 Đại Quả Xả Thọ) đã được thực hiện bất luận một Pháp Dục Giới nào từng tích lũy sự thực luyện từ trước rồi trong Hữu này thành Cảnh, thường sinh khởi với **Sở Tại Địa (Tṭhāna)** là **Hữu Phần Khách (Āgantukabhavaṇṇa)**, trong thuận tự của **Hữu Phần Khách (Āgantukabhavaṇṇa)** diệt mất một cách vô gián đoạn, Hữu Phần Hỷ Thọ thường sinh khởi hiện hữu thường trú trong bốn tính của chính người ấy”.

3 LOẠI QUY TRÌNH THỦ TẮC LUẬN THUẬT TRONG VIỆC TÂM NA CẢNH ĐƯỢC KHỞI SINH

39. **Tathā kāmāvacarajanāvasāne kāmāvacarasattānaṃ kāmāvacaradhammesveva ārammaṇabhūtesu tadārammaṇaṃ icchantīti** dịch nghĩa là “một trường hợp khác nữa, các Giáo Thọ Sư Chú Giải có cùng chung ý kiến với nhau trong việc trình bày và

phân tích sự sinh khởi Tâm Na Cảnh trong Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại và Lộ Trình Cực Kỳ Minh Hiển rằng trong chỗ cuối cùng của Đồng Lực Dục Giới trong bốn tính của người Dục Giới và trong Cảnh ở phần Pháp Dục Giới. Khi đã hội đủ cả 3 Chi này chỉ có ngần ấy thôi (Tâm Na Cảnh thường sinh khởi được)”.

KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY CẢ 3 CHI VÀ CẢ 2 PHẠM VI CHUYỂN KHỞI CÓ TÂM NA CẢNH (TADĀRAMMAṆA)

**40. Kāme javanasattālamu- Banānaṃ niyame sati
Vibhūtetimahante ca Tadārammaṇamīritam
Ayamettha tadārammaṇaniyamo.**

Dịch nghĩa là “các Giáo Thọ Sư Chú Giải đã nói rằng việc quy định của cả 3 Chi là **Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavana)**, **Người Dục Giới (Kāmapuggala)** và **Cảnh Dục Giới (Kāmārammaṇa)**. Khi đã hoàn toàn tề bị rồi, Lộ Trình Cực Kỳ Minh Hiển và Lộ Trình Cực Kỳ Cự Đại có Tâm Na Cảnh sinh khởi được”.

Lời miêu thuật như đã vừa đề cập đến đây, là việc quy định quy trình thủ tắc sự sinh khởi Tâm Na Cảnh trong Tổng Hợp Lộ Trình này.

NIÊM LUẬT ĐỒNG LỰC (JAVANANIYAMA) QUY TRÌNH THỦ TẮC LUẬN THUẬT SỐ LƯỢNG TÂM ĐỒNG LỰC SINH KHỞI KHI THEO THỜI GIAN (KĀLA)

**41. Javanesu ca parittajavanavīthiyaṃ kāmāvacarajavanāni sattakkhattuṃ
chakkhattumeva vā javanti** dịch nghĩa là “trong 55 Tâm Đồng Lực ấy, đối với Đồng Lực Dục Giới thường chỉ sinh khởi 6 lần hoặc 7 lần thôi trong thời gian bình thường, trong Lộ Trình có Đồng Lực Dục Giới”.

42. Mandappavattiyaṃ pana maraṇakālādīsu pañcavārameva dịch nghĩa là “còn trong thời gian cận tử lâm chung, chẳng hạn là **trong thời gian cận tử lâm chung (Maraṇāsannakāla)**, **trong thời gian trầm mị (Mucchākāla)**, **trong thời gian hôn mê bất tỉnh (Visaññībhūtakāla – Thất Khứ Tri Giác)**, và **trong thời gian Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** có **năng lực yếu kém (Atitaruṇakāla)**, đó là những thời gian vừa mới sinh ra khỏi bụng người Mẹ, đó là thời gian việc sinh khởi Tâm Lộ Trình có năng lực yếu kém, các Đồng Lực Dục Giới này thường sinh khởi chỉ có 5 lần thôi”.

**43. Bhagavato pana yamakapāṭihāriyakālādīsu lahuḥkappavattiyaṃ cattāri pañca
vā paccavekkhaṇacittāni bhavāntīti vadanti** dịch nghĩa là “các Giáo Thọ Sư Chú Giải cũng đã nói rằng còn có thời gian Tâm Lộ Trình sinh khởi một cách tấn tốc, đó là trong sát na Bạc Chánh Đẳng Giác (Đức Thế Tôn) thị hiện Song Thông (Song Đối Thắng Trí) v.v. các Đồng Lực thâm sát này thường sinh khởi chỉ có 4 lần hoặc 5 lần”.

**44. Ādikammikassa pana paṭhamakappanāyaṃ mahaggatajavanāni abhiñ
ñājavanāni ca sabbadāpi ekavārameva javanti, tato paraṃ bhavaṅgapāto** dịch nghĩa là

“còn trong Thiền Định sinh khởi lần đầu tiên của người có việc tiến hóa sơ bộ **An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhāna)** từ tầng Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền và Ngũ Thiền, các Đồng Lực Đáo Đại này thường sinh khởi chỉ 1 lần thôi. Đối với các Đồng Lực Thắng Trí này thường sinh khởi chỉ 1 lần, không kể trong bất luận thời gian nào, tiếp nối từ Đồng Lực Đáo Đại hoặc Đồng Lực Thắng Trí đã sinh khởi 1 lần rồi diệt mất, Tâm cũng trở lại Hữu Phần”.

45. Cattāro pana magguppādā ekacittakkhanikā, tato param dve tīni phala cittāni yathārahaṃ uppajjanti, tato param bhavaṅgapāto dịch nghĩa là “còn việc sinh khởi cả 4 Tâm Đạo ấy chỉ có duy nhất **khoảnh khắc sát na Tâm (Cittakkhaṇa)**, tiếp nối từ Tâm Đạo đã sinh khởi 1 lần rồi diệt mất, Tâm Quả thường sinh khởi 2 hoặc 3 lần vừa theo thích hợp với **Người Độn Căn (Mandapuggala)** hoặc **Người Lợi Căn (Tikkha puggala)**, tiếp nối từ Tâm Quả cuối cùng diệt mất, Tâm cũng trở lại Hữu Phần”.

46. Nirodhasamāpattikāle dvikkhattuṃ catutthārappajavanam javati, tato param nirodham phusati, vuṭṭhānakāle ca anāgāmiphalaṃ vā arahattaphalaṃ vā yathārahamekavaram uppajjitvā niruddhe bhavaṅgapātova hoti dịch nghĩa là “trong thời gian gần thâm nhập **Thiền Diệt (Nirodhasamāpatti)**, Đồng Lực Thiền hoặc Đồng Lực Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ thường sinh khởi 2 lần, tiếp nối từ Đồng Lực thứ 2 diệt mất thường thâm nhập sự diệt tắt của Tâm, Tâm Sở và Sắc Tâm, và lúc thời gian xuất khỏi Thiền Diệt, Tâm Quả Bất Lai hoặc Tâm Quả Vô Sinh, một cách thích hợp với Bạc Bất Lai hoặc Bạc Vô Sinh sinh khởi 1 lần rồi diệt mất (khi Tâm Quả diệt mất rồi), Tâm cũng trở lại Hữu Phần”.

47. Sabbatthāpi samāpattivīthiyaṃ bhavaṅgasoto viya vīthiniyamo natthīti katvā bahūnīpi labbhantīti dịch nghĩa là “trong Lộ Trình Nhập Thiền Định và Lộ Trình Nhập Thiền Quả, cho dù một cách phổ biến thường không có quy định số lượng Đồng Lực sinh khởi, cũng tương tự với việc sinh khởi dòng Hữu Phần không có quy định số lượng, bởi thế các Tâm Đồng Lực cũng sinh khởi được rất nhiều lần. Việc quy định số lượng Tâm Đồng Lực sinh khởi, rằng khi theo thời gian được kết thúc chỉ ngần này”.

KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY ĐẾN SỐ LƯỢNG TÂM ĐỒNG LỰC (JAVANACITTA) SINH KHỞI

**48. Sattakkhattuṃ parittāni Maggābhiññā sakim matā
Avasesāni labbhanti Javanāni bahūnīpi
Ayamettha javananiyamo**

Dịch nghĩa là “nên hiểu biết rằng các **Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavana)** này thường sinh khởi tối đa được 7 lần.

Đồng Lực Đạo (Maggajavana) và **Đồng Lực Thắng Trí (Abhiññājavana)** thường được sinh khởi 1 lần.

Đồng Lực Đáo Đại (Mahaggatajavana) và **Đồng Lực Quả (Phalajavana)** ngoài Đồng Lực Đạo và Đồng Lực Thắng Trí ra, sinh khởi cho dù rất nhiều lần cũng được (sinh 1 lần cũng được)”.

Lời miêu thuật như đã vừa đề cập đến đây, là quy trình của việc quy định số lượng Đồng Lực sinh khởi trong Tổng Hợp Lộ Trình này.

PHÂN LOẠI NGƯỜI (PUGGALABHEDA) TRÌNH BÀY SỐ LƯỢNG TÂM LỘ TRÌNH THEO PHÂN LOẠI VỀ NGƯỜI

49. Duhetukānamahetukānañca panetha kriyajavanāni ceva appanājavanāni ca na labbhanti dịch nghĩa là “trong 80 Tâm Lộ Trình (trừ 9 Quả Đáo Đại) ấy, đối với **9 Đồng Lực Duy Tác Dục Giới (Kāmakiriyājavana)** và **26 Đồng Lực Kiên Cố (Appa nājavana)** thường không được sinh khởi trong bốn tính của **người Nhị Nhân (Dvihetu kapuggala)** và **người Vô Nhân (Ahetukapuggala)**”.

50. Tattha nānasampayuttavipākāni ca sugatiyam dịch nghĩa là “lại nữa, 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí này thường không được sinh khởi trong bốn tính của người Nhị Nhân và người Vô Nhân sinh ở trong **Thiện Thú Địa Giới (Sugatibhūmi)**”.

51. Duggatiyam pana nānavippayuttāni ca mahāvipākāni na labbhanti dịch nghĩa là “còn trong bốn tính của **người Vô Nhân (Ahetukapuggala)** sinh ở trong **Khổ Thú Địa Giới (Duggatibhūmi)** ấy, 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí này cũng thường không được sinh khởi (đối với 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí không được sinh khởi là không thành vấn đề)”.

52. Tihetukesu ca khīṇasavānaṃ kusalākusalajavanāni na labbhanti dịch nghĩa là “tổng số lượng **9 hạng người Tam Nhân (Tihetukapuggala)** ấy thì trong bốn tính của các Bậc Vô Sinh (Bậc Lưu Tận), 21 Đồng Lực Thiện và 12 Đồng Lực Bất Thiện thường không được sinh khởi”.

53. Tathā sekkhaputhujjanānaṃ kriyajavanāni dịch nghĩa là “trong bốn tính của 3 Bậc Hữu Học và 1 Phạm Tam Nhân một cách tương tự 18 Đồng Lực Duy Tác này thường không được sinh khởi”.

54. Diṭṭhigatasampayuttavicikicchājavanāni ca sekkhānaṃ dịch nghĩa là “4 Đồng Lực Tương Ứng Kiến và 1 Đồng Lực Tương Ứng Hoài Nghi cũng thường không được sinh khởi trong bốn tính của 3 Bậc Hữu Học (đối với 18 Đồng Lực Duy Tác ấy đã hiện bày minh hiển là không được sinh khởi)”.

55. Anāgāmipuggalānaṃ paṭighajavanāni ca na labbhanti dịch nghĩa là “còn trong bốn tính của các Bậc Bất Lai, 2 Đồng Lực Sân cũng không được sinh khởi (18 Đồng Lực Duy Tác và Đồng Lực Tương Ứng Tà Kiến, Đồng Lực Tương Ứng Hoài Nghi, các thể loại này cũng thường không được sinh khởi)”.

56. Lokuttarajavanāni ca yathāsakaṃ ariyānameva samuppujantīti dịch nghĩa là “đối với 8 hoặc 40 Đồng Lực Siêu Thế ấy thường sinh khởi đặc biệt chỉ trong bốn tính của mỗi bản thân 8 Bậc Thánh Nhân thôi, việc phân chia Tâm Lộ Trình theo phân loại của **Người (Puggala)** được kết thúc chỉ ngần này”.

KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY ĐẾN SỐ LƯỢNG TÂM LỘ TRÌNH SINH KHỞI TRONG BỐN TÍNH CỦA PHẠM PHU, BẠC HỮU HỌC VÀ BẠC VÔ HỌC

57. Asekkhānaṃ catucattā- Līsa sekkhāna muddise
Cha paññāsāva sesānaṃ Catupaññāsa sambhavā
Ayamettha puggalabhedo

Dịch nghĩa là “rằng một khi thích hợp cũng sẽ nên nói rằng trong bốn tính của các Bạc Vô Sinh có Tâm Lộ Trình khởi sinh được tối đa 44, trong bốn tính của 7 Bạc Hữu Học có Tâm Lộ Trình khởi sinh được tối đa 56, trong bốn tính của 4 Phạm Phu còn lại có Tâm Lộ Trình sinh khởi tối đa 54.

Lời miêu thuật như đã vừa đề cập đến đây, là việc phân chia Tâm Lộ Trình theo phân loại của **Người (Puggala)** trong Tổng Hợp Lộ Trình này.

PHÂN TÍCH ĐỊA GIỚI (BHŪMIVIBHĀGA) - TRÌNH BÀY VIỆC PHÂN CHIA TÂM LỘ TRÌNH THEO PHÂN LOẠI CỦA ĐỊA GIỚI

58. Kāmāvacarabhūmiyaṃ panetāni sabbānipi vithicittāni yathārahamupa labbhanti dịch nghĩa là “việc phân chia Tâm Lộ Trình theo phân loại của **Người (Puggala)** đã kết thúc, tiếp nối sẽ trình bày việc phân chia Tâm Lộ Trình theo phân loại của **Địa Giới (Bhūmi)**, đối với trong **11 Dục Địa Giới (Kāmabhūmi)** hết cả thấy 80 Tâm Lộ Trình cũng thường được sinh khởi, hiện hành vừa theo thích hợp với **Người**”.

59. Rūpāvacarabhūmiyaṃ paṭighajavanatadārammaṇavajjitāni dịch nghĩa là “trong **15 Sắc Địa Giới (Rūpabhūmi)** (trừ Hữu Tình Vô Tình Phạm Thiên Giới) 64 Tâm Lộ Trình (loại trừ 2 Đồng Lục Sân, **8 Đại Quả Na Cảnh (Mahāvipākatadārammaṇa)** và Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức) thường được sinh khởi”.

60. Arūpāvacarabhūmiyaṃ paṭhamamaggarūpāvacarahasanaheṭṭhimārappa vajjitāni ca labbhanti dịch nghĩa là “trong **4 Vô Sắc Địa Giới (Arūpabhūmi)**, 42, 40, 38, 36 Tâm Lộ Trình (loại trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai, 10 Đồng Lục Sắc Giới, 1 Tiểu Sinh và Đồng Lục Vô Sắc Giới bậc thấp hơn) thường được sinh khởi”.

61. Sabbatthāpi ca taṃtampasādarahitānaṃ taṃtampdvārikavithicittāni na labbhanteva dịch nghĩa là “ngay trong Địa Giới phổ biến đối với bốn tính của người không có các **Sắc Thanh Triệt (Pasādarūpa)**, Tâm Lộ Trình thường không sinh khởi trong các Môn ấy”.

62. Asaññasattānaṃ pana sabbathāpi cittappavatti natthevāti dịch nghĩa là “còn trong bốn tính của Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, thường không có sự sinh khởi Tâm bất luận trường hợp nào đi nữa, việc phân chia Tâm Lộ Trình theo phân loại của Địa Giới kết thúc chỉ ngần này.

KỆ TỔNG HỢP TRÌNH BÀY SỐ LƯỢNG TÂM LỘ TRÌNH SINH KHỞI TRONG CẢ 3 ĐỊA GIỚI

**63. Asīti vīthicittāni Kāme rūpe yathārahaṃ
Catusatthī tathārūpe Dvecattālīsa labbhare
Ayamettha bhūmivibhāgo**

Dịch nghĩa là “trong 11 Dục Địa Giới, hết cả thấy 80 Tâm Lộ Trình thường sinh khởi vừa theo thích hợp với Người. Trong 15 Sắc Địa Giới, ngoài Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới ra, 64 Tâm Lộ Trình thường sinh khởi vừa theo thích hợp với Người. Còn trong cả 4 Vô Sắc Địa Giới, 42 Tâm Lộ Trình thường sinh khởi vừa theo thích hợp với Người.

Lời miêu thuật như đã vừa đề cập đến đây, là việc phân chia Tâm Lộ Trình theo phân loại của **Địa Giới (Bhūmi)** trong Tổng Hợp Lộ Trình này.

**KỆ TRÍCH YẾU (NIGGAMAGĀTHĀ)
LỜI ĐỀ CẬP KHÁI QUÁT ĐOẠN KẾT THÚC**

64. Iccevaṃ cha dvārikacittappavatti yathāsambhavaṃ bhavaṅgantarikā yāvatāyukamabbocchinnā pavattati dịch nghĩa là “theo như phần đã được trình bày đến đây, sự hiện hành của Tâm Lộ Trình sinh khởi trong cả 6 Môn thường sinh khởi là Tâm Hữu Phần phân cách Tâm Lộ Trình luôn mãi như thế này không dứt dòng cho đến trọn đời vừa theo thích hợp sinh khởi trong từng mỗi Môn ấy”.

65. Abhidhammaṭṭhasaṅgahe vīthisaṅgahavibhāgo nāma catuttho paricchedo dịch nghĩa là Chương thứ 4 gọi tên **Phân Tích Tổng Hợp Lộ Trình (Vithisaṅgaha vibhāga)** trong bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp được kết thúc chỉ ngần này.

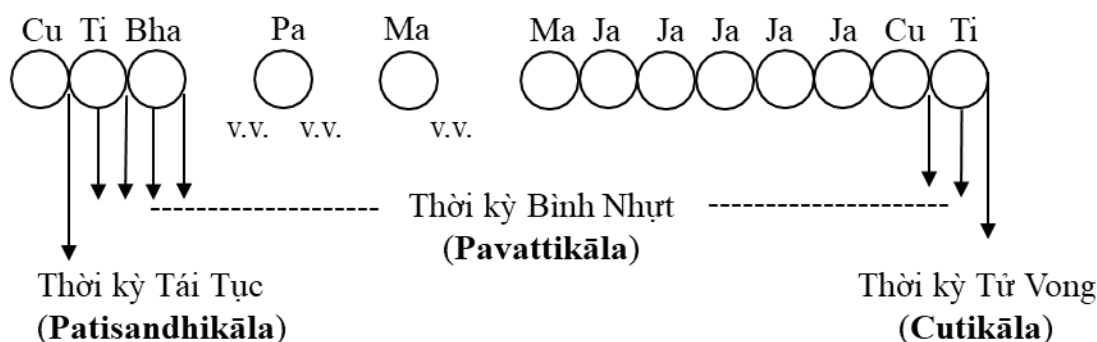
**Kết Thúc Phần Pāli Và Lời Dịch Nghĩa Chương 4
Trong Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp**

GIẢI THÍCH Ý NGHĨA TRONG TỔNG HỢP LỘ TRÌNH (VITHISAṅGAHA)

Tổng Hợp Chuyển Khởi (Pavattisaṅgaha) là việc kết hợp sự hiện hành của Tâm, Tâm Sở ở trong **Thời Kỳ Tái Sinh (Paṭisandhikāla)** và **Thời Kỳ Chuyển Khởi (Pavattikāla – Thời Kỳ Tiến Triển)**, kết hợp cả **Địa Giới (Bhūmi)** và **Người (Puggala)** vừa theo thích hợp. Thời kỳ Tái Sinh là **Sát Na Khởi Sinh (Uppādakkhaṇa)** của Tâm Tái Sinh. Thời kỳ Chuyển Khởi là kể từ **Sát Na Trụ (Ṭhitikhaṇa)** của Tâm Tái Sinh v.v. cho đến Tâm sinh trước Tâm Tử (Đại Phát Thú điều 74) hoặc là kể từ sát na Trụ của Tâm Tái Sinh v.v cho đến sát na Trụ của Tâm Tử (*) (Chương thứ 1, điều 109, Phật Lịch 2525).

(*): Sát Na Diệt của Tâm Tử gọi là **Thời Kỳ Tử Vong (Cūtikāla)**.

**BẢN ĐỒ MINH HỌA TRÌNH BÀY ĐẾN THỜI KỲ TÁI SINH,
THỜI KỲ CHUYỂN KHỞI CÙNG VỚI THỜI KỲ TỬ VONG
TRONG LỘ TRÌNH CẬN TỬ (MARANĀSANNVITHĪ)**



31 Địa Giới (Bhūmi) đó là **(1) 11 Dục Địa Giới (Kāmaabhūmi)**, **(2) 16 Sắc Địa Giới (Rūpabhūmi)**, **(3) 4 Vô Sắc Địa Giới (Arūpabhūmi)**. Địa Giới hữu quan với Tâm Lộ Trình có 30 Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới), 31 Địa Giới ấy Ngài đã trình bày trong **Địa Giới Bộ Tứ Phần (Bhūmicatukka)** Chương thứ 5.

12 Người (Puggala) đó là:

1. Người Khổ Thú Vô Nhân (Dugatiahetukapuggala)	} Kết hợp với nhau gọi là Tứ Phàm Phu (Puthujjana)
2. Người Thiện Thú Vô Nhân (Sugatiahetukapuggala)	
3. Người Nhị Nhân (Dvihetukapuggala)	
4. Người Tam Nhân (Tihetukapuggala)	
5. Người Đạo Thất Lai (Sotāpattimaggapuggala)	} Có tám bậc Thánh Nhân
6. Người Quả Thất Lai (Sotāpattiphhalapuggala – Bậc Thất Lai)	
7. Người Đạo Nhất Lai (Sakadāgāmmimaggapuggala)	
8. Người Quả Nhất Lai (Sakadāgāmmiphhalapuggala – Bậc Nhất Lai)	
9. Người Đạo Bất Lai (Anāgāmmimaggapuggala)	
10. Người Quả Bất Lai (Anāgāmmiphhalapuggala – Bậc Bất Lai)	
11. Người Đạo Vô Sinh (Arahattamaggapuggala).	
12. Người Quả Vô Sinh (Arahattaphalapuggala – Bậc Vô Sinh).	
- 12 Người này sẽ hiện bày minh hiển ở đoạn Phân Chia Tâm Lộ Trình theo Người.

**TRÌNH BÀY TỪNG MỖI BỘ TRONG BỘ 6 (CHAKKA)
VÀ CHI PHÁP TRONG TỔNG HỢP LỘ TRÌNH NHƯ VẬY:**

BỘ LỤC VẬT (VATTHUCHAKKA) = 6 VẬT

- (1) Nhãn Vật (Cakkhuvatthu)** Chi Pháp đó là **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasā da)**.
- (2) Nhĩ Vật (Sotavatthu)** Chi Pháp đó là **Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda)**.
- (3) Tỷ Vật (Ghānavatthu)** Chi Pháp đó là **Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda)**.
- (4) Thiệt Vật (Jivhāvatthu)** Chi Pháp đó là **Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda)**.
- (5) Thân Vật (Kāyavatthu)** Chi Pháp đó là **Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda)**.

(6) Ý Vật (Hadayavatthu) Chi Pháp đó là Sắc Tâm Cơ (Hadayarūpa).

BỘ LỤC MÔN (DVĀRACHAKKA) = 6 MÔN

(1) Nhãn Môn (Cakkhuvāra) Chi Pháp đó là Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda).

(2) Nhĩ Môn (Sotadvāra) Chi Pháp đó là Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda).

(3) Tỷ Môn (Ghānavāra) Chi Pháp đó là Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda).

(4) Thiệt Môn (Jivhadvāra) Chi Pháp đó là Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda).

(5) Thân Môn (Kāyadvāra) Chi Pháp đó là Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda). (6) Ý Môn (Manodvāra) Chi Pháp đó là 19 Tâm Hữu Phần.

BỘ LỤC CẢNH (ĀRAMMAṄACHAKKA) = 6 CẢNH

(1) Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) Chi Pháp đó là các màu sắc.

(2) Cảnh Thính (Saddārammaṇa) Chi Pháp đó là các âm thanh.

(3) Cảnh Khí (Gandhārammaṇa) Chi Pháp đó là các khí hơi.

(4) Cảnh Vị (Rasārammaṇa) Chi Pháp đó là các mùi vị.

(5) Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa) Chi Pháp đó là lạnh nóng, mềm cứng, dòn căng.

(6) Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa) Chi Pháp đó là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 5 Sắc Thanh Triệt, 16 Sắc Vi Tế, Níp Bàn, Ché Định.

BỘ LỤC THỨC (VIÑÑĀṄACHAKKA) = 6 THỨC

(1) Nhãn Thức (Cakkhuvīññāṇa) Chi Pháp đó là 2 Tâm Nhãn Thức.

(2) Nhĩ Thức (Sotavīññāṇa) Chi Pháp đó là 2 Tâm Nhĩ Thức.

(3) Tỷ Thức (Ghānavīññāṇa) Chi Pháp đó là 2 Tâm Tỷ Thức.

(4) Thiệt Thức (Jivhāvīññāṇa) Chi Pháp đó là 2 Tâm Thiệt Thức.

(5) Thân Thức (Kāyavīññāṇa) Chi Pháp đó là 2 Tâm Thân Thức.

(6) Ý Thức (Manovīññāṇa) Chi Pháp đó là 79 Tâm còn lại.

BỘ LỤC LỘ TRÌNH (VĪTHICHAKKA) CÓ 6 LỘ TRÌNH RẰNG THEO MÔN (DVĀRA) CÓ 6:

(1) Lộ Trình Nhãn Môn (Cakkhuvāravithī) sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở sinh khởi ở Lộ Nhãn, Chi Pháp đó là 46 Tâm, 50 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

(2) Lộ Trình Nhĩ Môn (Sotadvāravithī) sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở sinh khởi ở Lộ Nhĩ, Chi Pháp đó là 46 Tâm, 50 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

(3) Lộ Trình Tỷ Môn (Ghādvāravithī) sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở sinh khởi ở Lộ Tỷ, Chi Pháp đó là 46 Tâm, 50 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

(4) **Lộ Trình Thiệt Môn (Jivhādvāravithī)** sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở sinh khởi ở Lộ Thiệt, Chi Pháp đó là 46 Tâm, 50 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

(5) **Lộ Trình Thân Môn (Kāyaviññāṇavithī)** sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở sinh khởi ở Lộ Thân, Chi Pháp đó là 46 Tâm, 50 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

(6) **Lộ Trình Ý Môn (Manodvāravithī)** sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở sinh khởi ở Lộ Ý, Chi Pháp đó là 67 Tâm, 52 Tâm Sở (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới, 9 Tâm Quả Đáo Đại).

RẰNG THEO THỨC (VIÑÑĀṆA) CÓ 6

(1) **Lộ Trình Nhân Thức (Cakkhaviññāṇavithī)** sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở đưa Tâm Nhân Thức lên làm chủ yếu.

(2) **Lộ Trình Nhĩ Thức (Sotaviññāṇavithī)** sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở đưa Tâm Nhĩ Thức lên làm chủ yếu.

(3) **Lộ Trình Ty Thức (Ghānaviññāṇavithī)** sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở đưa Tâm Ty Thức lên làm chủ yếu.

(4) **Lộ Trình Thiệt Thức (Jivhāviññāṇavithī)** sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở đưa Tâm Thiệt Thức lên làm chủ yếu.

(5) **Lộ Trình Thân Thức (Kāyaviññāṇavithī)** sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở đưa Tâm Thân Thức lên làm chủ yếu.

(6) **Lộ Trình Ý Thức (Manoviññāṇavithī)** sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở đưa Ý Thức là 55 Đồng Lực lên làm chủ yếu.

Còn 6 hoặc 8 Phạm Vi Chuyển Khởi trong **Pāḷi** điều thứ 7 và thứ 8 ấy, đã được dịch và giải thích minh hiển rồi.

TUỔI THỌ CỦA TÂM (CITTA) CÙNG VỚI TÂM SỞ (CETASIKA) VÀ SẮC PHÁP (RŪPA)

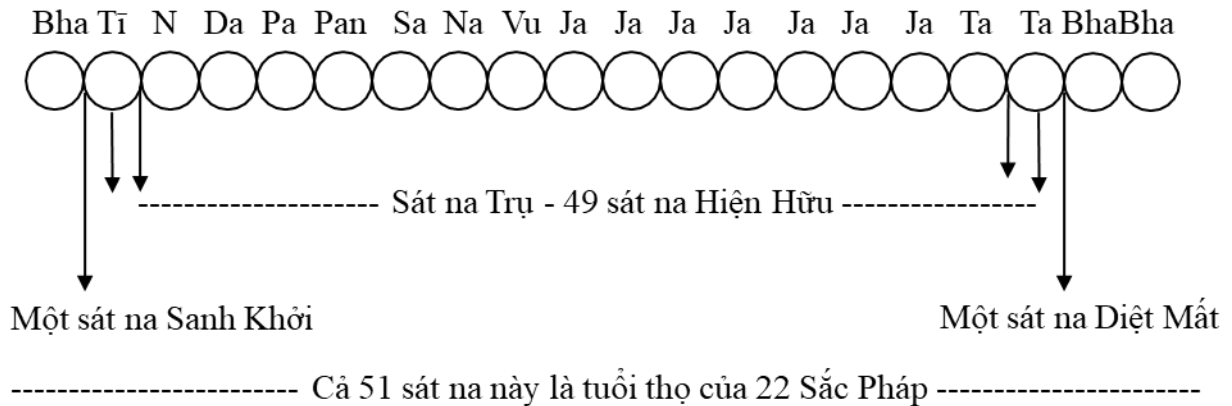
Trong số lượng 89 hoặc 121 Tâm ấy, từng mỗi Tâm hiện hữu với 3 sát na tiểu (**Anukhaṇa**), tức là **Sát Na Khởi Sinh (Uppādakhaṇa)**, **Sát Na Trụ (Ṭhitikhaṇa)**, **Sát Na Diệt (Bhaṅgakkhaṇa)** và cả 3 loại sát na này (gom cả Tâm Sở) là tuổi thọ của từng mỗi Tâm.



Tâm còn lại, đó là 19 Tâm Hữu Phần, **Lộ Trình Ngũ Môn (Pancadvāravithī)** và **Lộ Trình Ý Môn (Manodvāravithī)** có **Tâm Khai Ngũ Môn (Pancadvāravajjana citta)** và

Tâm Khai Ý Môn (Manodvāravajjanacitta) v.v. và 19 Tâm Tử cũng hiện hành trong cùng một phương thức như nhau.

Bất luận một Sắc nào của 22 Sắc Pháp [trừ **2 Sắc Biểu Tri (Viññattirūpa)** và **4 Sắc Tướng (Lakkhaṇarūpa)**] có tuổi thọ bằng với khoảng giữa thời gian của 17 sát na Tâm đã sinh khởi rồi diệt mất 17 hoặc 51 sát na Tiểu.



Tuổi thọ của Danh và Sắc trong cả 3 sát na ấy, có sự khác biệt nhau ngay sát na Trụ, là sát na Trụ của Danh Pháp có 1 sát na, còn sát na Trụ của Sắc Pháp có 49 sát na. Đối với sát na Khởi Sinh và sát na Diệt ấy có 1 sát na bằng nhau.

Lời nói rằng **Sát Na (Khaṇa)** ý muốn nói là khoảng thời gian vô cùng cực nhỏ sẽ không có cái chi so sánh được.

Tổng Hợp Lộ Trình (Vithisaṅgaha) chia ra thành 2 từ ngữ, là **Lộ Trình (Vithī)** + **Tổng Hợp (Saṅgaha)**.

Lộ Trình (Vithī) ý muốn nói là việc sinh khởi một cách thuận tự tiếp nối nhau thành một hàng dãy của Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp.

Tổng Hợp (Saṅgaha) ý muốn nói là việc tổng hợp lại hoặc việc tập hợp lại. Khi kết hợp lại nhau thành **Tổng Hợp Lộ Trình (Vithisaṅgaha)** ý muốn nói là việc tổng hợp sự sinh khởi một cách thuận tự tiếp nối nhau thành hàng dãy của Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp.

CÓ 75 HOẶC 100 LỘ TRÌNH NGŨ MÔN (PAÑCADVĀRAVITHĪ)

Điều **Pāḷi** thứ 11 đến điều thứ 20 Bộ Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đã có trình bày đến sự hiện hành của Lộ Trình Ngũ Môn và điều thứ 21 trình bày tổng kết số lượng hết cả thấy Lộ Trình Ngũ Môn.

LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ CỰ ĐẠI NHÃN MÔN CÓ 3 LỘ TRÌNH:

(1) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhãn Môn có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ ở Thời Kỳ Na Cảnh.

(2) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhãn Môn có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ ở Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

(3) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ ở Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách.

CẢ 3 LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ CỰ ĐẠI NHÂN MÔN NÀY (CAKKHUVĀRIKAATIMAHANTĀRAMMAṆAVITHĪ) KHI ĐỀ CẬP THEO PHÂN LOẠI CÓ 5 PHÂN LOẠI

(1) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Na Cảnh có 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân).

(2) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Na Cảnh có 2 Đồng Lực Sân.

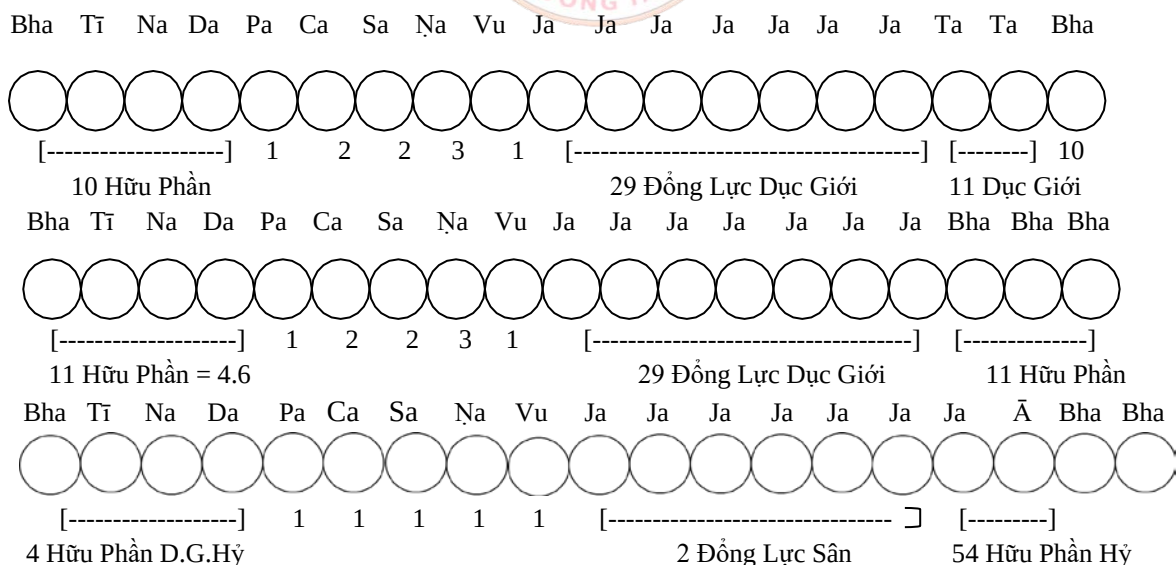
(3) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách sinh trong 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

(4) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Đồng Lực không có Tâm Hữu Phần Khách sinh trong 11 Dục Địa Giới.

(5) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách sinh trong 7 Thiện Dục Địa Giới.

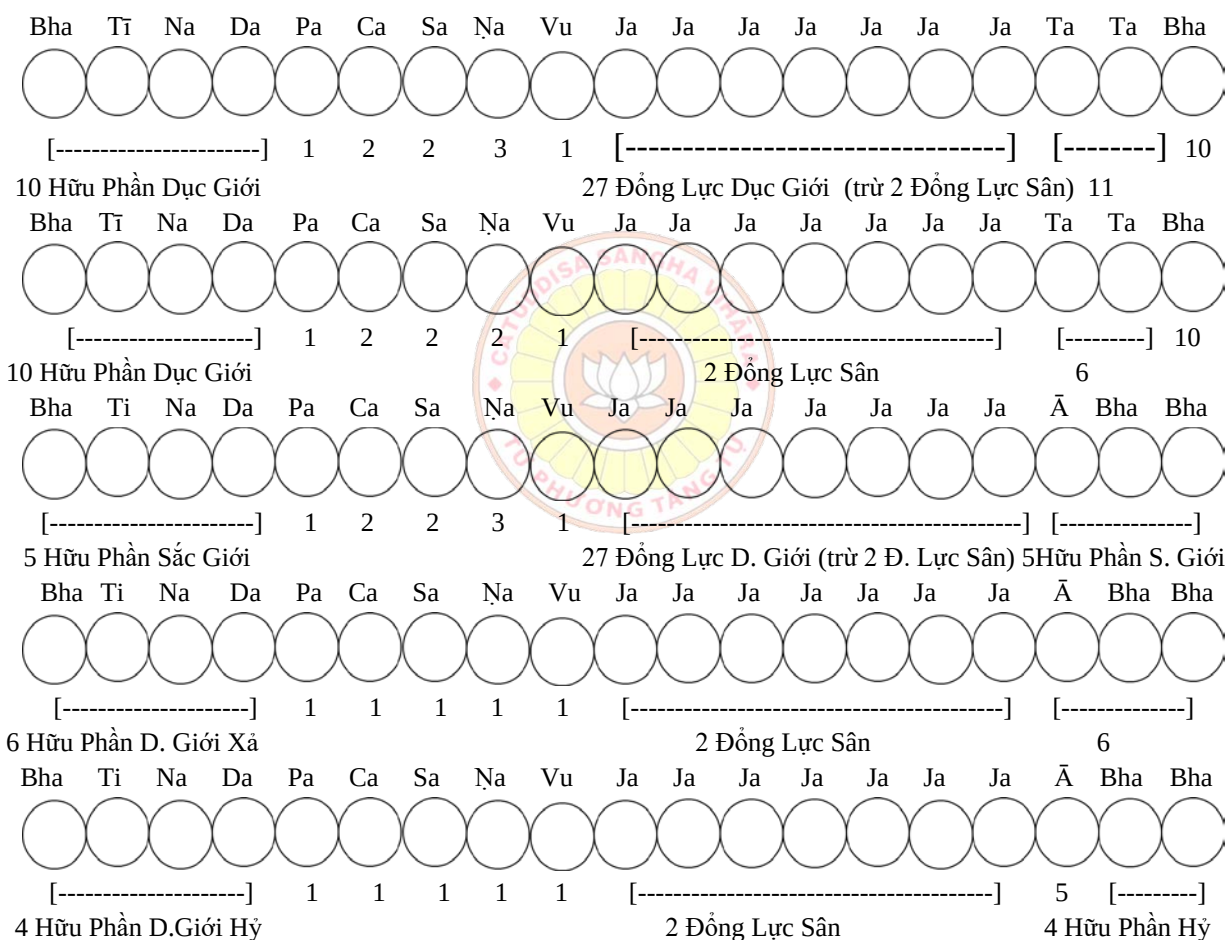
Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Ngũ Môn còn lại là 3 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhĩ Môn 5 Phân Loại, và 3 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Tỷ Môn, Thiết Môn, Thân Môn 4 Phân Loại (trừ Phân Loại Lộ Trình thứ 3 sinh trong 15 Sắc Địa Giới) cũng tương tự 3 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại 5 Phân Loại.

BẢN ĐỒ 3 LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ CỰ ĐẠI NHÂN MÔN



1. Lộ Trình thứ 1 là Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)** sinh trong Dục Địa Giới tùy theo thích hợp đối với thể loại của **Cảnh (Ārammaṇa)**, **Đồng Lực (Javana)** và **Na Cảnh (Tadārammaṇa)** chia ra thành 2 loại, là Lộ Trình thứ 1 và thứ 2.

3. Lộ Trình thứ 3 là Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực có **Hữu Phần Khách (Āgantukabhavaṅga)** sinh trong 7 Thiện Dục Địa Giới, có 3 Chi phối hợp là (1) Tái Sinh Dục Giới Hỷ Thọ, (2) Đồng Lực Sân, và **(3) Cảnh Cự Kỳ Duyệt Ý (Ati itthārammana)**, và rằng khi theo phân loại là Lộ Trình thứ 5.



Rằng theo Người: sinh khởi với 8 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 4 Bậc Thánh Quả. Đối với việc sinh khởi Tâm Đồng Lực trong những hạng Người ấy, nên hiểu biết tùy theo thích hợp đối với Người và Địa Giới.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới tùy theo Người. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy, đó là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thâm Tấn, 1 Tâm Đoán Định, 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân), 11 Tâm Na Cảnh, tùy theo chủng loại của Cảnh Sắc.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng đã được tiếp thâu từ **Đồng Lực Cận Tử Lực Môn (Chadvārikakamaranāsannajavana)** trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Đối với các Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý ở thời hiện tại, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo làm thành Cảnh đang hiện bày ngay trước mắt.

Rằng theo Vật: 2 Tâm Nhân Thức y cứ Nhân Vật sinh khởi, các Tâm Lộ Trình còn lại, Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2:

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phạm Phu, 2 Thánh Quả bậc thấp (1 Bậc Thất Lai, 1 Bậc Nhất Lai).

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới tùy theo Người. Còn các Tâm Lộ Trình ấy, đó là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 1 Tâm Đoán Định, 2 Đồng Lực Sân, 6 Tâm Na Cảnh Xả Thọ.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, có Cảnh với Loại Lộ Trình thứ 1. Đối với các Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý ở thời hiện tại, là Cảnh Sắc thiện hảo bình thường, hoặc Cảnh Sắc bất thiện hảo làm thành Cảnh đang hiện bày ngay trước mắt.

Rằng theo Vật: cũng y cứ Vật sinh khởi tương tự với Loại Lộ Trình thứ 1.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 3:

Rằng theo Người: sinh khởi với 5 hạng Người, là một Phạm Tam Nhân, 4 Bậc Thánh Quả. Việc sinh khởi Đồng Lực trong các hạng Người ấy, nên hiểu biết tùy theo thích hợp đối với Người.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới. Còn các Tâm Lộ Trình ấy, đó là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 2 Tâm Nhân

Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thắm Tấn, 1 Tâm Đoán Định, 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với **26 Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhāna)**, là **10 Hoàn Tịnh Chế Định (Kasiṇapaññatti)**, **10 Bất Tịnh Chế Định (Asubhapaññatti)**, **1 Sở Tức Chế Định (Ānāpānapaññatti)**, **1 Thân Hành Tùy Niệm (Kāyagatāsati)** và **4 Hữu Tình Chế Định (Sattapaññatti)** đã tiếp thâu từ **Đồng Lực Cận Tử Ý Môn (Manodvārikamarāṇasannajavana)** trong Hữu trước khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Đối với các Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, có Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý ở thời hiện tại, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo làm thành Cảnh đang hiện bày ngay trước mắt.

Rằng theo Vật: cũng y cứ Vật sinh khởi tương tự với Loại Lộ Trình thứ 1.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 4:

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phàm Phu, 2 Thánh Quả bậc thấp (1 Bậc Thất Lai, 1 Bậc Nhất Lai).

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy, đó là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Nhân Thức Dị Thục Quả Thiện, 1 Tâm Tiếp Thâu Dị Thục Quả Thiện, 1 Tâm Thắm Tấn Hỷ Thọ, 1 Tâm Đoán Định, 2 Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, có Cảnh tương tự với Loại Lộ Trình thứ 1. Đối với các Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý ở thời hiện tại, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo làm thành Cảnh đang hiện bày ngay trước mắt.

Rằng theo Vật: cũng y cứ Vật sinh khởi tương tự với Loại Lộ Trình thứ 1.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 5:

Rằng theo Người: sinh khởi với 4 hạng Người, là hai Phàm Phu bậc trên (1 Người Nhị Nhân, 1 Người Tam Nhân) và 2 Thánh Quả bậc thấp (1 Bậc Thất Lai, 1 Bậc Nhất Lai).

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 4 Tâm Hữu Phần Dục Giới Hỷ Thọ. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Hữu Phần Khách (Āgantukabhavaṅga)** đó là 5 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ (trừ 1 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Thắm Tấn Xả Thọ). Còn các loại Tâm Lộ Trình đó là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Nhân Thức Dị Thục Quả Thiện, 1 Tâm Tiếp Thâu Dị Thục Quả Thiện, 1 Tâm Thắm Tấn Hỷ Thọ, 1 Tâm Đoán Định, 2 Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, có Cảnh cũng tương tự với Loại Lộ Trình thứ 1. Tâm thực hiện nhiệm vụ **Hữu Phần Khách (Āgantuka bhavaṅga)** có bất luận một trong 6 loại Cảnh ở phần Pháp Dục Giới đã từng có sự thực luyện trong Hữu này làm thành Cảnh. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình ở trong Lộ Trình này có Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý ở thời hiện tại, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo làm thành Cảnh đang hiện bày ngay trước mắt.

Sự hiện hành của loại Lộ Trình thứ 5 giải thích rằng người tái sinh với bất luận một cái nào của 4 Đại Quả Hỷ Thọ, sát na tiếp xúc với **Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý (Ati iṭṭhārammaṇa)** thể nhưng sinh khởi sự úy cụ, sự bất mãn ý. Trong sát na ấy Tâm Đồng Lực của người ấy là Đồng Lực Sân, vì Cảnh là Cực Kỳ Duyệt Ý nên Tâm Na Cảnh sinh khởi sẽ phải là Tâm Na Cảnh Hỷ Thọ, thể nhưng khi Đồng Lực sinh khởi là Đồng Lực Sân, Tâm Na Cảnh Hỷ Thọ cũng không sinh khởi tiếp thu Cảnh tiếp nối từ Đồng Lực ấy được. Hữu Phần nguyên tiên (**Hữu Phần khởi nguyên - Mūlabhavaṅga**) là Hỷ Thọ cũng tương tự sẽ không sinh tiếp nối từ Đồng Lực Sân được, vì thế 1 Thảm Tấn Dị Thục Quả Thiện Xả Thọ, hoặc bất luận một Tâm nào của 4 Đại Quả Xả Thọ mới sinh khởi làm **Hữu Phần Khách (Āgantukabhavaṅga)** 1 lần tiếp nối từ Đồng Lực Sân cũng diệt mất. **Hữu Phần khởi nguyên (Mūlabhavaṅga)** là Hỷ Thọ mới sinh khởi tiếp nối từ Hữu Phần Khách. Hữu Phần Khách này không tiếp thu Cảnh mới được, là Cảnh của Đồng Lực ở trong cùng một Lộ Trình với mình, và không được tiếp thu bất luận một loại Cảnh Dục Giới nào trong cả 6 Cảnh ấy đã từng có sự thực luyện trong Hữu này làm thành Cảnh.

MẪU TỰ TRÍCH YẾU TRONG BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH VÀ Ý NGHĨA NÊN BIẾT

Bha. Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta) là Tâm có cá tính của chúng hữu tình ở trong từng mỗi Hữu trong 30 Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới), đó là 19 Tâm Hữu Phần có Cảnh là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng hoặc là Cảnh Thú Tướng làm thành Hữu Phần hiện hành theo một cách thường nhiên, và chưa hữu quan với Lộ Trình Tâm bất luận một trường hợp nào.

Ti. Hữu Phần Quá Khứ (Atītabhavaṅga) là Hữu Phần trôi qua trong khoảng giữa của Ngũ Cảnh (Lộ Ngũ Môn) hoặc 6 Cảnh ở phần **18 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại (Paccuppannanipphannarūpa)** (Lộ Ý Môn) đã sinh khởi rồi, thể nhưng vẫn chưa hiện bày trong Ngũ Môn, hoặc trong Ý Môn.

Na. Hữu Phần Chấn Động (Bhavaṅgacalana) Hữu Phần chấn động với mãnh lực Ngũ Cảnh (Lộ Ngũ Môn) hoặc 6 Cảnh ở phần **18 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại (Paccuppannanipphannarūpa)** (Lộ Ý Môn) đã đến hiện bày trong Ngũ Môn hoặc trong Ý Môn rồi.

Da. Hữu Phần Đình Chỉ (Bhavaṅgapaccheda) dịch nghĩa là cắt đứt dòng Hữu Phần. Gọi là Hữu Phần Đình Chỉ ấy, vì nguyên nhân là việc sinh khởi của Tâm Hữu Phần, là Hữu

Phần Chấn Động thứ 2 ấy đã được sinh khởi lần cuối cùng trước sẽ là Tâm Lộ Trình trong từng các Lộ Trình, vì thế mới gọi là Tâm Hữu Phần Đình Chỉ.

CÓ 4 LỘ TRÌNH CẢNH CỰ ĐẠI NHÂN MÔN (CAKKHUVĀRIKA MAHANTĀRAMMAṆA)

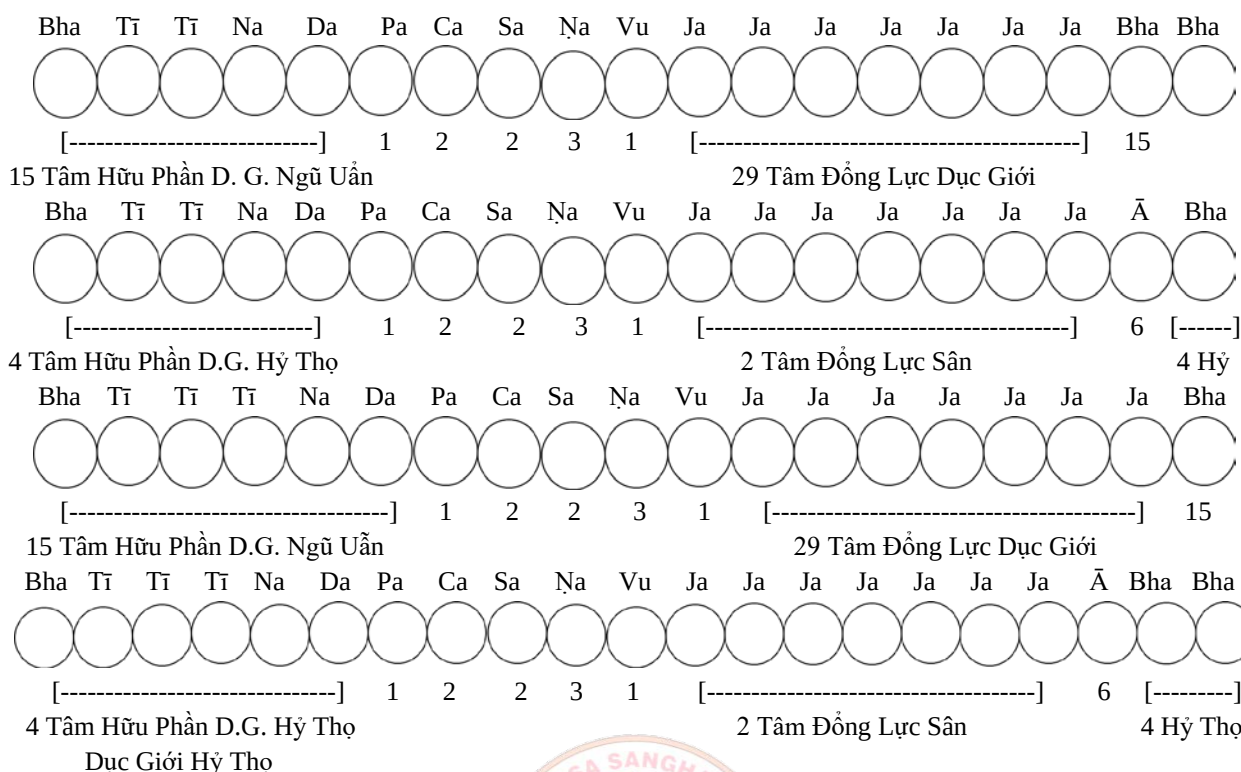
1. Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ, không có Hữu Phần Khách.
2. Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ, có Hữu Phần Khách.
3. Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn có 3 sát na Hữu Phần Quá Khứ, không có Hữu Phần Khách.
4. Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn có 3 sát na Hữu Phần Quá Khứ, có Hữu Phần Khách.

CẢ 4 LỘ TRÌNH CẢNH CỰ ĐẠI NHÂN MÔN NÀY (CAKKHUVĀRIKA MAHANTĀRAMMAṆAVITHĪ) KHI ĐỀ CẬP THEO PHÂN LOẠI CÓ 6 LOẠI

1. Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ, không có Hữu Phần Khách, có 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân) sinh trong **26 Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)**.
 2. Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ, không có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân sinh trong **11 Dục Địa Giới (Kāmaabhūmi)**.
 3. Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ, có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân sinh trong **7 Thiệt Dục Địa Giới (Kāmasugatibhūmi)**.
- Còn loại Lộ Trình thứ 4, 5, 6 tương tự với loại Lộ Trình thứ 1, 2, 3, khác biệt chỉ có Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi 3 sát na thôi.

Lộ Trình Ngũ Môn còn lại, có 4 loại Lộ Trình Nhĩ Môn v.v. 6 loại Lộ Trình cũng hiện hành trong cùng một phương thức tương tự với 6 Thể Loại 4 Lộ Trình Nhân Môn.

Lại nữa, 6 Thể Loại ở 4 Lộ Trình Cảnh Cự Đại Ty Môn, Thiệt Môn, Thân Môn ấy cũng phải loại trừ Lộ Trình sinh trong Sắc Địa Giới ra, vì lẽ các Thể Loại Lộ Trình này không sinh trong Sắc Địa Giới được. Cho dù sẽ loại trừ ra đi nữa cũng vẫn chia ra thành 6 Thể Loại như ban đầu, vì Thể Loại Lộ Trình thứ 1 và Thể Loại Lộ Trình thứ 4 ấy sinh được trong 11 Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới. Khi đã loại trừ Lộ Trình sinh trong Sắc Địa Giới ra rồi, chỉ còn Lộ Trình sinh trong Dục Địa Giới, cũng vẫn có thể hiện hữu và thành Thể Loại Lộ Trình tương tự Thể Loại Lộ Trình thứ 1 và Thể Loại Lộ Trình thứ 4.



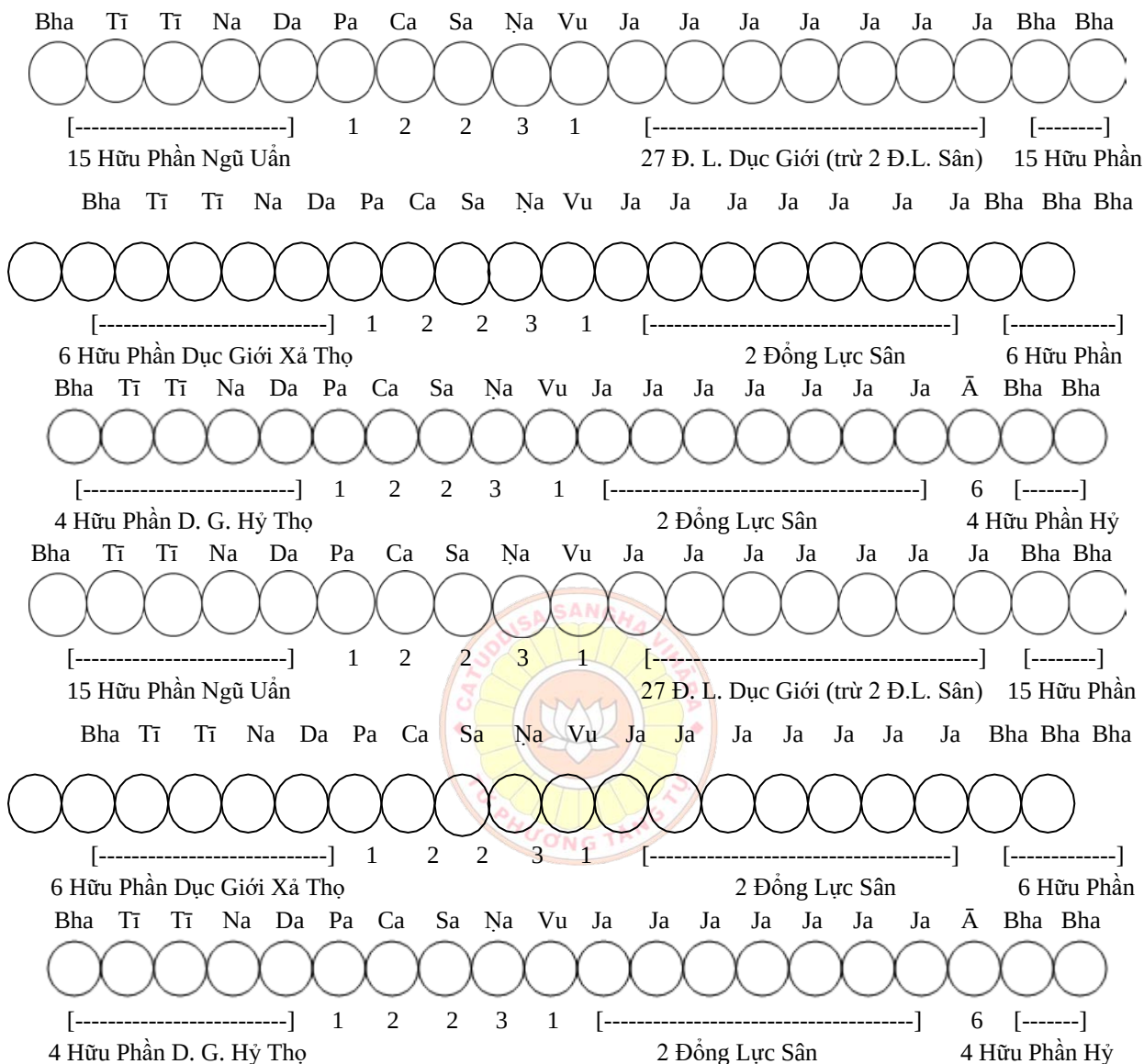
Lộ Trình thứ 1 là Lộ Trình Cảnh Cự Đại có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ, không có Hữu Phần Khách, sinh trong 11 Dục Địa Giới và 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) tùy theo thích hợp đối với **Đồng Lực (Javana)**. Nếu như Lộ Trình có 2 Đồng Lực Sân phải sinh cho người tái sinh chỉ với 6 Dục Giới Xả Thọ thôi, mới sẽ là **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**, không có Hữu Phần Khách. Như thế Lộ Trình này mới chia ra thành 2 Thể Loại là Thể Loại thứ 1 có 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân) và Thể Loại thứ 2 có 2 Đồng Lực Sân.

Lộ Trình thứ 2: Lộ Trình này rằng khi theo phân loại là Thể Loại thứ 3.

Lộ Trình thứ 3 cũng tương tự với Lộ Trình thứ 1, khác biệt nhau chỉ có 3 sát na Hữu Phần Quá Khứ thôi, và chia ra thành 2 Thể Loại, đó là Thể Loại thứ 4 và Thể Loại thứ 5.

Lộ Trình thứ 4: Lộ Trình này cũng tương tự với Lộ Trình thứ 2, khác biệt nhau chỉ có 3 sát na Hữu Phần Quá Khứ thôi, rằng khi theo phân loại đó là Thể Loại Lộ Trình thứ 6.

BẢN ĐỒ 6 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẢNH CỤ ĐẠI NHÃN MÔN



GIẢI THÍCH THEO THUẬN TỰ TRONG 6 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẢNH CỤ ĐẠI NHÃN MÔN (CAKKHUVĀRIKA MAHANTĀRAMMAṆAVITHĪ) THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng Theo Người: sinh khởi với 8 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 4 Bậc Thánh Quả. Đối với việc sinh khởi Đồng Lực tùy theo thích hợp đối với Người và Địa Giới.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 26 Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhū mi) là 11 Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 15 Tâm Hữu Phần Ngũ Uẩn (Pañcavokārabhavaṅgacitta) tùy theo Người. Còn các loại Tâm

Lộ Trình ấy, đó là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thẩm Tấn, 1 Tâm Đoán Định, 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau ở phần **10 Tâm Hữu Phần Dục Giới (Kāmaḥavaṅgacitta)** có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng đã được tiếp thâu từ **Đồng Lực Cận Tử Lục Môn (Chadvārikakamara nāsannajavana)** trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Còn **4 Tâm Hữu Phần Sắc Giới (Rūpabhavaṅgacitta)** có 4 Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (**Paññattikammanimittadhammārammaṇa**) hữu quan với **26 Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhā na)**, là **10 Hoàn Tịnh Chế Định (Kasiṇapaññatti)**, **10 Bất Tịnh Chế Định (Asubhapaññatti)**, **1 Sở Túc Chế Định (Ānāpānapaññatti)**, **1 Thân Hành Tùy Niệm (Kāyagatāsati)** và **4 Hữu Tình Chế Định (Sattapaññatti)** đã tiếp thâu từ **Đồng Lực Cận Tử Ý Môn (Mano dvārikamarāṇasannajavana)** trong Hữu trước khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Đối với các Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, có Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở thời hiện tại, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo làm thành Cảnh đang hiện bày ngay trước mắt.

Rằng theo Vật: 2 Tâm Nhân Thức y cứ Nhân Vật sinh khởi. Các Tâm Lộ Trình còn lại, Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau y cứ Ý Vật sinh khởi (Thể Loại Lộ Trình thứ 2, 3, 4, 5, 6 cũng tương tự với Lộ Trình này).

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2:

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phạm Phu, 2 Thánh Quả bậc thấp (1 Bậc Thất Lai, 1 Bậc Nhất Lai).

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ tùy theo Người. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thẩm Tấn, 1 Tâm Đoán Định, 2 Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 ở phần Tâm Hữu Phần Dục Giới. Đối với hết cả bảy Tâm Lộ Trình ở trong Lộ Trình này có Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý ở thời hiện tại, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo làm thành Cảnh đang hiện bày ngay trước mắt.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 3:

Rằng theo Người: sinh khởi với 4 hạng Người, là hai Phạm Phu bậc trên (1 Người Nhị Nhân, 1 Người Tam Nhân) và 2 Thánh Quả bậc thấp (1 Bậc Thất Lai, 1 Bậc Nhất Lai).

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 7 Thiệt Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là **4 Tâm Hữu Phần Dục Giới Hỷ Thọ (Kāmasomanassabhavaṅgacitta)** thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách ấy là **6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ (Kāmaupekkhābhavaṅgacitta)** tùy thuộc Cảnh Trung Bình Duyệt Ý hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý mà mình đang tiếp thu. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 2 Tâm Nhãn Thức, 2 Tâm Tiếp Thu, 3 Tâm Thẩm Tán, 1 Tâm Đoán Định, 2 Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 ở phần Tâm Hữu Phần Dục Giới. Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách ấy có 6 Cảnh, bất luận một loại Cảnh nào ở phần Cảnh Pháp Dục Giới mà đã từng có sự thực luyện trong Hữu này làm thành Cảnh. Đối với hết cả bảy Tâm Lộ Trình ở trong Lộ Trình này có Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý ở thời hiện tại, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo làm thành Cảnh đang hiện bày ngay trước mắt.

Còn Thể Loại Lộ Trình thứ 4, 5, 6 ấy, rằng theo **Người (Puggala)** v.v. cho đến rằng theo **Vật (Vatthu)** đây, hiện hành tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1, 2, 3 với mọi trường hợp, khác biệt nhau chỉ có Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi 3 lần thôi.

Sự hiện hành của Thể Loại Lộ Trình thứ 3 giải thích rằng việc sinh khởi Hữu Phần Khách trong **Lộ Trình Cảnh Cự Đại (Mahantārammaṇavithī)** hiện hành trong cùng một phương thức với **Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại (Atimahantārammaṇavithī)**, là trong **Người Tái Sinh Hỷ Thọ (Somanassapaṭisandhipuggala)** sau khi Đồng Lực Sân đã sinh khởi rồi, Hữu Phần nguyên tiên (**Hữu Phần khởi nguyên - Mūlabhavaṅga**) ở phần Hỷ Thọ sẽ không khởi sinh tiếp nối từ Đồng Lực ấy được, 2 Tâm Thẩm Tán Xả Thọ hoặc 4 Tâm Đại Quả Xả Thọ - bất luận một Tâm nào trong các loại Tâm này mới sinh khởi làm Hữu Phần Khách, và Hữu Phần nguyên tiên (**Hữu Phần khởi nguyên - Mūlabhavaṅga**) cũng tiếp tục sinh khởi tiếp nối từ Hữu Phần Khách.

CÓ 6 LỘ TRÌNH CẢNH HY THIỂU NHÃN MÔN (CAKKHUVĀRIKA PARITTĀRAMMAṆAVITHĪ)

1. Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Nhãn Môn có 4 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đoán Định.
2. Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Nhãn Môn có 5 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đoán Định.
3. Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Nhãn Môn có 6 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đoán Định.
4. Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Nhãn Môn có 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đoán Định.
5. Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Nhãn Môn có 8 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đoán Định.

6. Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Nhân Môn có 9 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đoán Định.

4 Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Nhân Môn này - rằng khi theo phân loại có 6 Thể Loại: Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Ngũ Môn còn lại, có Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Nhĩ Môn v.v. cũng có 6 Thể Loại Lộ Trình như sau:

BẢN ĐỒ 6 LỘ TRÌNH CẢNH HY THIỂU NHÂN MÔN (CAKKHUDVĀRIKAPARITTĀRAMMANAVITHĪ)

Bha Tī Tī Tī Tī Na Da Pa Ca Sa Na Vu Vu Vu Bha Bha Bha Bha


[15 Hữu Phần Ngũ Uẩn Địa Giới--] 1 2 2 3 [-----1-----] [-----15-----]

Bha Tī Tī Tī Tī Tī Na Da Pa Ca Sa Na Vu Vu Vu Bha Bha Bha



[---15 Hữu Phần Ngũ Uẩn Địa Giới ---] 1 2 2 3 [-----1-----] [-----15-----]

Bha Tī Tī Tī Tī Tī Tī Na Da Pa Ca Sa Na Vu Vu Vu Bha Bha



[---15 Tâm Hữu Phần Ngũ Uẩn Địa Giới ----] 1 2 2 3 [-----1-----] [--15---]

Bha Tī Tī Tī Tī Tī Tī Tī Na Da Pa Ca Sa Na Vu Vu Vu Bha



[-----15 Tâm Hữu Phần Ngũ Uẩn Địa Giới -----] 1 2 2 3 [-----1-----] [--15--]

Bha Tī Tī Tī Tī Tī Tī Tī Tī Na Da Pa Ca Sa Na Vu Vu Vu



[-----15 Tâm Hữu Phần Ngũ Uẩn Địa Giới -----] 1 2 2 3 [---1---] [--15--]

Bha Tī Tī Tī Tī Tī Tī Tī Tī Na Da Pa Ca Sa Na Vu Vu



[-----15 Tâm Hữu Phần Ngũ Uẩn Địa Giới -----] 1 2 2 3 [---1---]

GIẢI THÍCH TRONG 6 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẢNH HY THIỂU NHÂN MÔN THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 8 hạng Người.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 26 Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhū mi).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 15 Tâm Hữu Phần Ngũ Uẩn, tùy theo Người. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thâm Tấn, 1 Tâm Đoán Định (sinh 3 sát na).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 **Cảnh Cự Đại Nhãn Môn (Cakkhuvārika Mahantāramma ṇavithī)**. Đối với hết thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý thời hiện tại làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Tâm Nhãn Thức y cứ Nhãn Vật sinh khởi. Hết thấy Tâm Lộ Trình còn lại và Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau y cứ Ý Vật sinh khởi. Trong Thể Loại Lộ Trình thứ 2, 3, 4, 5, 6, rằng theo **Vật (Vatthu)** nên hiểu biết tương tự với Lộ Trình này).

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2, 3, 4, 5, 6:

Rằng theo Người v.v. cho đến rằng theo Vật, nên hiểu biết theo phần Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là có 5, 6, 7, 8, 9 sát na Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi thôi. (Đối với Thể Loại Lộ Trình thứ 2, 3, 4, 5 có 3 sát na Tâm Đoán Định sinh khởi. Còn Thể Loại Lộ Trình thứ 6 có 2 sát na Tâm Đoán Định sinh khởi).

Trong cả 6 Thể Loại **Lộ Trình Nhĩ Môn (Sotadvārikavithī)** cho đến cả 6 Thể Loại **Lộ Trình Thân Môn (Kāyadvārikavithī)** cũng hiện hành cùng một phương thức tương tự với cả 6 Thể Loại Lộ Trình Nhãn Môn. Chỉ khác biệt là Lộ Trình Ty Môn cho đến Lộ Trình Thân Môn, các thể loại này không sinh khởi trong Sắc Địa Giới, vì thế, rằng khi theo Chi Pháp Địa Giới và rằng khi theo Cảnh trong cả 3 Lộ Trình này không cần phải đề cập đến **Sắc Địa Giới (Rūpabhūmi)**, **Hữu Phần Sắc Giới (Rūpabhavaṅga)** và **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với bất luận loại **Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhāna)** nào cả. Ngoài ra đây, trong các Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu không có Hữu Phần Khách vì không phải là **Lộ Trình Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**, mà là **Lộ Trình Thời Kỳ Đoán Định (Voṭṭhabbanavāra)**, vì thế mới không có Hữu Phần Khách.

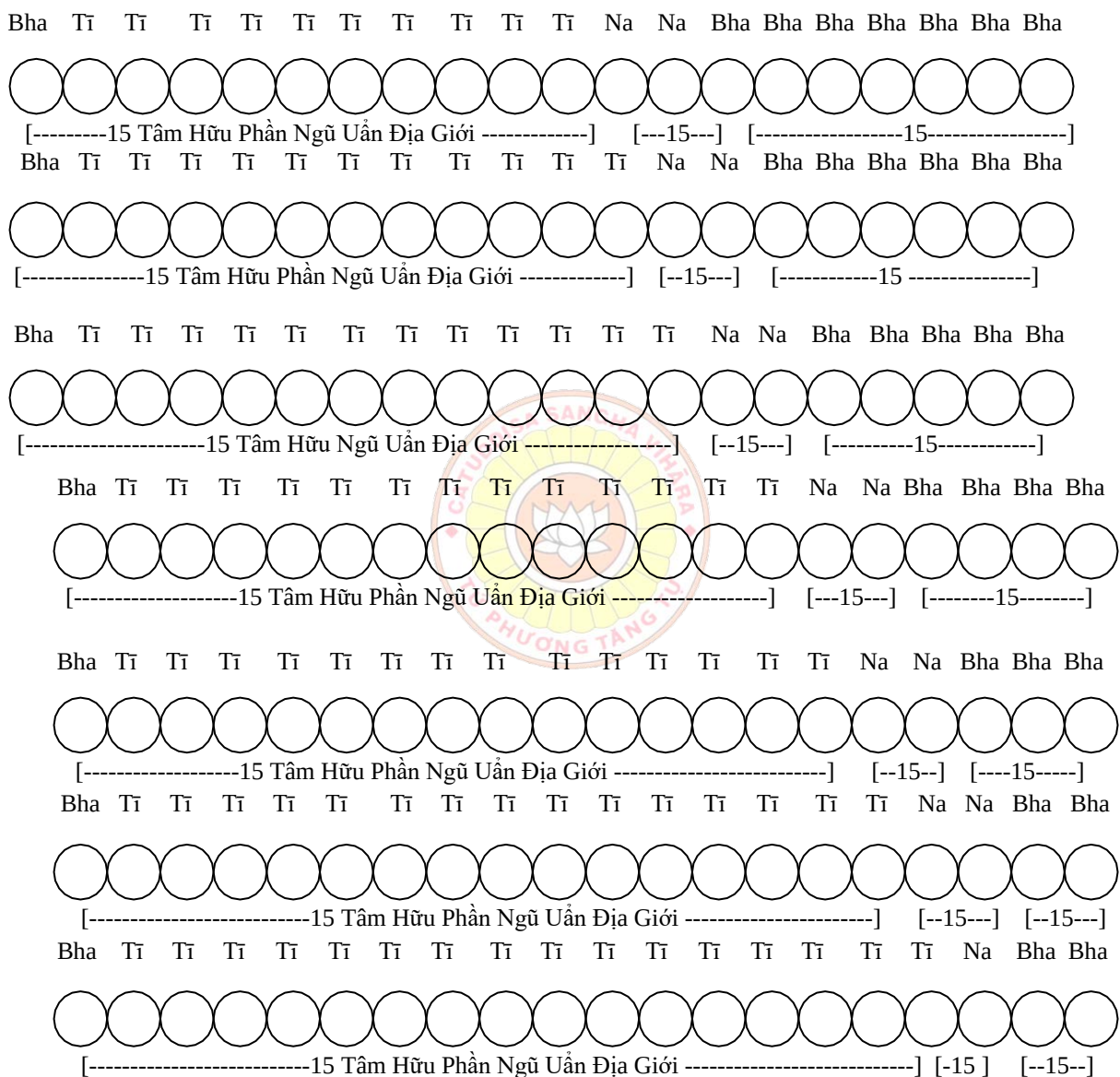
CÓ 6 HOẶC 7 LỘ TRÌNH CỰC KỲ HY THIỂU NHÃN MÔN (CAKKHIDVĀRIKA ATIPARITTĀRAMMAṆAVITHĪ)

1. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu Nhãn Môn có 10 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Vô Hiệu Lực.
2. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu Nhãn Môn có 11 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Vô Hiệu Lực.
3. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu Nhãn Môn có 12 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Vô Hiệu Lực.
4. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu Nhãn Môn có 13 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Vô Hiệu Lực.
5. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu Nhãn Môn có 14 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Vô Hiệu Lực.
6. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu Nhãn Môn có 15 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Vô Hiệu Lực.

7. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu Nhân Môn có 16 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Vô Hiệu Lực.

6 hoặc 7 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu Nhân Môn này – rằng khi theo phân loại cũng có 6 hoặc 7 thể loại. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu Ngũ Môn còn lại, có Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu Nhĩ Môn v.v. tương tự cũng có 6 hoặc 7 Lộ Trình như nhau.

BẢN ĐỒ 6 HOẶC 7 LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ HY THIỂU NHÂN MÔN



GIẢI THÍCH MỘT CÁCH TUẦN TỰ TRONG 6 HOẶC 7 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ HY THIỂU NHÂN MÔN THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 8 hạng Người.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 26 Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhū mi).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần, Hữu Phần Quá Khứ, Hữu Phần Chấn Động, đó là 15 Tâm Hữu Phần Ngũ Uẩn Địa Giới tùy theo Người.

Rằng theo Cảnh: 15 Tâm Hữu Phần Quá Khứ và Tâm Hữu Phần Chấn Động hiện hữu ở trong Lộ Trình này có Cảnh tương tự với Thể Loại **Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhãn Môn thứ 1 (Cakkhudvārikamahantārammanavithī).**

Rằng theo Vật: hết thấy các loại Tâm Hữu Phần này y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2, 3, 4, 5, 6, 7:

Rằng theo Người v.v. nên hiểu biết theo phần Thể Loại Lộ Trình thứ 1. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 1 có 10 sát na Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi. Đối với Thể Loại Lộ Trình thứ 2, 3, 4, 5, 6 hoặc 7 ấy có 11, 12, 13, 14, 15 hoặc 16 sát na Hữu Phần Quá Khứ theo thuận tự sinh khởi.

Trong cả 7 Thể Loại Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu đây, Thể Loại Lộ Trình thứ 1, 2, 3, 4, 5, 6 có 2 sát na Hữu Phần Chấn Động sinh khởi. Còn Thể Loại Lộ Trình thứ 7 có 1 sát na Hữu Phần Chấn Động sinh khởi.

Trong cả 7 Thể Loại Lộ Trình Nhĩ Môn v.v. cho đến cả 7 Lộ Trình Thân Môn cũng hiện hành trong cùng một phương thức. Chỉ khác biệt là Lộ Trình Tỷ Môn v.v. không sinh trong Sắc Địa Giới. Vì nguyên nhân này, rằng khi nói theo **Địa Giới (Bhūmi), Chi Pháp (Aṅgadhama)** và **Cảnh (Āramma)** trong cả 3 Lộ Trình này không cần phải đề cập đến **Sắc Địa Giới (Rūpabhūmi), Hữu Phần Sắc Giới (Rūpabhavaṅga)** và **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammā ramma)** hữu quan với bất luận một thể loại Nghiệp Xứ nào. Ngoài ra đây, sự việc hữu quan với Hữu Phần Khách không cần phải đề cập đến, bởi vì trong 7 Thể Loại Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu này, không chỉ là Đồng Lực mà ngay đến mỗi một Tâm Lộ Trình khác nữa cũng không sinh khởi. Đối với các loại Lộ Trình này, chỗ được gọi tên là Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu ấy, chính thị theo lẽ thường nhiên là do nương vào việc sinh khởi Hữu Phần Chấn Động. Nếu như bất luận một loại Cảnh nào hữu quan với Hữu này, khi không đến hiện bày ở Lộ Nhãn, Lộ Nhĩ, Lộ Tỷ, Lộ Thiệt, Lộ Thân thì **Hữu Phần Chấn Động (Bhavaṅgalana)** cũng không có được, có thể chỉ có Hữu Phần thông thường, và Hữu Phần thông thường này không gọi là **Hữu Phần Quá Khứ (Atīta bhavaṅga)**, sẽ gọi được Hữu Phần Quá Khứ là đến khi **Ngũ Cảnh Hiện Tại (Pacuppan napañcāramma)** sinh khởi rồi, thế nhưng vẫn chưa hiện bày trong **Ngũ Môn (Pañca dvāra)**, và một khi Ngũ Cảnh đã đi đến hiện bày trong Lộ Ngũ Môn rồi, Tâm Hữu Phần ấy gọi tên là **Hữu Phần Chấn Động (Bhavaṅgalana).**

Khoảnh khắc sát na Tâm (Cittakkhaṇa) dịch nghĩa là sát na của Tâm cùng với Tâm Sở, ý muốn nói từng mỗi Tâm sinh khởi (sinh), hiện hữu (trụ) và diệt mất (diệt), gọi là từng mỗi **khoảnh khắc sát na Tâm (Cittakkhaṇa).** Trong **Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại (Atimahantārammanavithī) Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammanavāra)** có 17 khoảnh khắc sát na Tâm, tính kể từ Hữu Phần Quá Khứ v.v. cho đến Tâm Na Cảnh thứ 2. Thế nhưng, nếu là **Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu (Parittārammanavithī) Thời Kỳ Đoán Định (Vothabbana**

vāra), Lộ Trình thứ 1 có tối thiểu 13 khoảnh khắc sát na Tâm, tính kể từ Hữu Phần Quá Khứ thứ 1 v.v. cho đến Tâm Đoán Định thứ 3.

4 PHẠM VI CHUYỂN KHỞI (VISAYAPPAVATTI) VÀ 4 THỜI KỲ (VĀRĀ)

Phạm Vi Chuyển Khởi (Visayappavatti) = sự hiện hành của Cảnh, chỗ thành Cảnh của Tâm Lộ Trình hoặc Tâm Lộ Trình sinh khởi do có Phạm Vi Chuyển Khởi làm thành Cảnh ấy. Nếu như đi đến tận cùng ở Tâm Na Cảnh, gọi là **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**. Nếu như đi đến tận cùng ở Tâm Đồng Lực, gọi là **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**. Nếu như đi đến tận cùng ở Tâm Đoán Định, gọi là **Thời Kỳ Đoán Định (Voṭṭhabbanavāra)**. Thế nhưng, nếu như Ngũ Cảnh trải qua **Hữu Phần Quá Khứ (Atītabhavaṅga)** kể từ 10 sát na đến 15 hoặc 16 sát na và gần sắp diệt mất, mới hiện bày đến với Ngũ Thanh Triệt, rồi làm cho **Hữu Phần Chấn Động (Bhavaṅgacala na)** sinh khởi chỉ 1 hoặc 2 sát na ngăn ấy thôi, cũng gọi là **Thời Kỳ Vô Hiệu Lực (Moghavāra)**. Như thế, 4 Phạm Vi Chuyển Khởi và 4 Thời Kỳ trong Ngũ Môn mới có mối tương quan với nhau như thế này:

Cảnh Cực Kỳ Cự Đại	Thời Kỳ Na Cảnh
Cảnh Cự Đại	Thời Kỳ Đồng Lực
Cảnh Hy Thiểu	Thời Kỳ Đoán Định
Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu	Thời Kỳ Vô Hiệu Lực

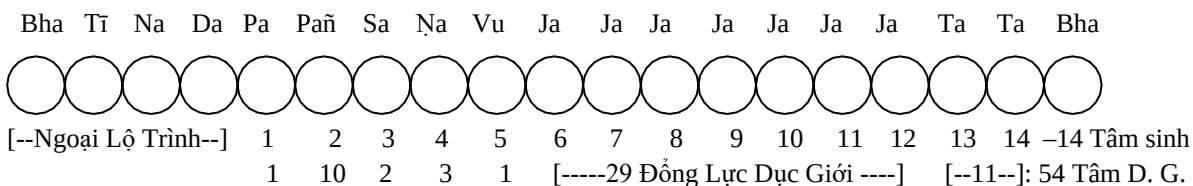
TRÌNH BÀY VIỆC TÍNH SỐ LƯỢNG TÂM LỘ TRÌNH TRONG NGŨ MÔN

Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Ngũ Môn (Pañcadvārika atimahantāram maṇavithī) Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra) trong Bộ Kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgaha) có việc tóm tắt phương thức tính Tâm Lộ Trình như thế này:

1. Rằng theo Tâm Lộ Trình có 7 thể loại là (1) Tâm Khai Ngũ Môn, (2) bất luận một Môn nào trong 10 Tâm Ngũ Song Thức, (3) Tâm Tiếp Thâu, (4) Tâm Thẩm Tấn, (5) Tâm Đoán Định, (6) Tâm Đồng Lực, (7) Tâm Na Cảnh.

2. Rằng theo Tâm khởi sinh (Cittuppāda): việc sinh khởi Tâm Lộ Trình có 14 sát na, là: Tâm Khai Ngũ Môn, Tâm Ngũ Song Thức, Tâm Tiếp Thâu, Tâm Thẩm Tấn, Tâm Đoán Định, từng mỗi thể loại tính là 1 sát na, kết hợp 5 sát na. Tâm Đồng Lực tính là 7 sát na, và Tâm Na Cảnh tính là 2 sát na, kết hợp tất cả là 14 sát na. (Khi tính 3 sát na Tâm Ngoại Lộ Trình (**Vithīmutticitta** – Tâm thoát ly Lộ Trình) là **Hữu Phần Quá Khứ (Atītabhavaṅga)**, **Hữu Phần Chấn Động (Bhavaṅgacalana)**, **Hữu Phần Đình Chỉ (Bhavaṅgupacchada)** lại kết hợp vào nữa thành 17 sát na Tâm, cũng mãn ngạch khắp hảo số lượng **17 khoảnh khắc sát na (Citakkhaṇa)** trong Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Na Cảnh).

3. Rằng theo số lượng Tâm Lộ Trình sinh khởi trong hết cả bảy Ngũ Môn có 54, chính thị là 54 Tâm Dục Giới.



KHÁI QUÁT LỘ TRÌNH NGŨ MÔN (PAÑCADVĀRAVITHĪ)

Tâm Lộ Trình sinh khởi Lộ Ngũ Môn do y cứ cả 4 Phạm Vi Chuyển Khởi có Cảnh Cự Kỳ Cự Đại v.v. được tóm tắt như thế này:

1. Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại trong một Môn theo cách giản lược có 1 Lộ Trình, theo cách quảng nghĩa có 3 Lộ Trình.

2. Lộ Trình Cảnh Cự Đại trong một Môn theo cách giản lược có 2 Lộ Trình, theo cách quảng nghĩa có 4 Lộ Trình.

3. Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu trong một Môn theo cách giản lược có 6 Lộ Trình, theo cách quảng nghĩa có 6 Lộ Trình.

4. Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu trong một Môn theo cách giản lược có 6 Lộ Trình, theo cách quảng nghĩa có 7 Lộ Trình.

Kết hợp Tâm Lộ Trình sinh khởi bất luận một Môn nào trong Ngũ Môn ấy theo cách giản lược có 15 Lộ Trình, theo cách quảng nghĩa có 20 Lộ Trình.

Khi kết hợp Tâm Lộ Trình cả 5 Môn thành hết cả thấy Lộ Trình Ngũ Môn theo cách giản lược có 75 Lộ Trình (15 x 5), theo cách quảng nghĩa có 100 Lộ Trình (20 x 5).

Kết Thúc Lộ Trình Ngũ Môn

52 LỘ TRÌNH Ý MÔN (MANODVĀRAVITHĪ)

Lộ Trình Ý Môn ý muốn nói là việc sinh khởi một cách thuận tự tiếp nối nhau thành hàng dãy của Tâm, Tâm Sở theo Lộ Ý, có 52 Lộ Trình, là:

Có 45 Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavanamanodvāravithī).

Có 7 Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố (Appanājavanamanodvāravithī).

Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới là **Lộ Trình Ý Môn (Manodvāvithī)** có **Tâm Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavana)** làm chủ yếu, có 45 Lộ Trình, là:

1. **Lộ Trình Ý Môn Na Tàng Lưu Hành (Tadanuvattikamanodvāravithī)** hoặc **Lộ Trình Ý Môn Tùy Liên Kết (Anubandhakamanodvāravithī)** có 4 Lộ Trình.

2. **Lộ Trình Thuần Ý Môn (Suddhamanodvāravithī)** hoặc **Lộ Trình Thuần Ý Môn Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavanasuddhamanodvāravithī)** có 41 Lộ Trình.

Lộ Trình Ý Môn Na Tòng Lưu Hành hoặc Lộ Trình Ý Môn Tùy Liên Kết là Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới sinh khởi tiếp nối một cách trực tiếp từ Lộ Trình Ngũ Môn, có 4 Lộ Trình, là:

1. Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ (Atītaggaṇavithī) là Lộ Trình thực hiện nhiệm vụ tiếp thu Ngũ Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện (Ativibhūtañcārammaṇa) ở thời quá khứ, là Ngũ Cảnh Quá Khứ (Atītañcārammaṇa) hiện bày cực kỳ minh hiện trong Lộ Ý, hoặc Ngũ Cảnh Minh Hiện (Vibhūtañcārammaṇa) ở thời quá khứ, là Ngũ Cảnh Quá Khứ hiện bày minh hiện trong Lộ Ý sinh khởi tiếp nối từ Lộ Trình Ngũ Môn.

2. Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (Samūhaggahaṇavithī) là Lộ Trình thực hiện nhiệm vụ tập trung lại từng mỗi phần, mỗi đoạn của Ngũ Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện ở thời quá khứ, hoặc Ngũ Cảnh Minh Hiện ở thời quá khứ, sinh khởi tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ.

3. Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa (Atthaggahaṇavithī) là Lộ Trình có nhiệm vụ tiếp thu sắc thái hình trạng vi chuẩn tắc của Ngũ Cảnh, ở phần Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti) sinh khởi tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Tập Thành.

4. Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng (Nāmaggaṇavithī) là Lộ Trình có nhiệm vụ tiếp thu danh xưng của các sắc thái hình trạng ấy, ở phần Thịnh Danh Chế Định (Saddanāmapaññatti) hiện hành theo Ngôn Từ Giả Định (Sammutivohāra) của dân gian kêu gọi nói với nhau, sinh khởi tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa, hoặc sinh khởi tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, tùy theo thích hợp đối với Thịnh Danh Chế Định (Saddanāmapaññatti), là gọi tên với nhau, nói chuyện với nhau, hữu quan với các Ngũ Cảnh ấy.

Cả 4 Lộ Trình Ý Môn Na Tòng Lưu Hành (Tadanuvattikamanodvāravithī) này, rằng khi theo phân loại có 16 thể loại, là:

1. Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh có 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân).

2. Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh có 2 Tâm Sân.

3. Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách, có 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân) sinh khởi trong 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới), là Lộ Trình sinh khởi tiếp nối được cả hai, là từ **Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại (Atimahantārammaṇavithī)** hoặc từ **Lộ Trình Cảnh Cự Đại (Mahantārammaṇavithī)**. Thế nhưng, nếu là Lộ Trình sinh khởi trong 11 Dục Địa Giới thì phải là Lộ Trình độc nhất chỉ sinh khởi tiếp nối từ Lộ Trình Cảnh Cự Đại thôi, mới sẽ là **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)** không có Hữu Phần Khách, và không là **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**.

4. Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân, sinh trong 11 Dục Địa Giới.

5. Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực có Tâm Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân, sinh trong 7 Thận Dục Địa Giới (Kāmasugatibhūmi).

Kết hợp lại có 5 Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ.

6. Lộ Trình Thu Dung Tập Thành Thời Kỳ Na Cảnh có 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân).

7. Lộ Trình Thu Dung Tập Thành Thời Kỳ Na Cảnh có 2 Đồng Lực Sân.

8. Lộ Trình Thu Dung Tập Thành Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách, có 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân) sinh khởi trong 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới), là Lộ Trình sinh khởi tiếp nối được cả hai, là từ **Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại (Atimahantārammaṇavithī)** hoặc từ **Lộ Trình Cảnh Cự Đại (Mahantārammaṇavithī)**. Thế nhưng, nếu là Lộ Trình sinh khởi trong 11 Dục Địa Giới thì phải là Lộ Trình độc nhất chỉ sinh khởi tiếp nối từ Lộ Trình Cảnh Cự Đại thôi, tương tự với Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ thứ 3.

9. Lộ Trình Thu Dung Tập Thành Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân, sinh trong 11 Dục Địa Giới.

10. Lộ Trình Thu Dung Tập Thành Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân, sinh trong 7 Thiện Dục Địa Giới (**Kāmasugatibhūmi**).

Kết hợp lại có 5 Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Tập Thành.

11. Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách, có 26 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân, 1 Đồng Lực Tiểu Sinh), sinh trong 26 Dục Địa Giới Ngũ Uẩn.

12. Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân, sinh trong 11 Dục Địa Giới.

13. Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân, sinh trong 7 Thiện Dục Địa Giới (**Kāmasugatibhūmi**).

Kết hợp lại có 3 Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa.

14. Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách, có 26 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân, 1 Đồng Lực Tiểu Sinh), sinh trong 26 Dục Địa Giới Ngũ Uẩn.

15. Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân, sinh trong 11 Dục Địa Giới.

16. Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân, sinh trong 7 Thiện Dục Địa Giới (**Kāmasugatibhūmi**).

Kết hợp lại có 3 Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng.

Ngoài 4 Lộ Trình Ý Môn Na Tòng Lưu Hành như đã trình bày này ra, vẫn còn có 3 Lộ Trình nữa, là: **1. Lộ Trình Thu Dung Thân Biểu Tri (Kāyaviññattiggahaṇavi thī)**, **2. Lộ Trình Thu Dung Ngũ Biểu Tri (Vacīviññattiggahaṇavithī)**, và **3. Lộ Trình Thu Dung Giải Minh (Adhippāyaggahaṇavithī)** là những Lộ Trình được tính hỗ trợ vào trong Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa.

BẢN ĐỒ 16 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH Ý MÔN NA TÒNG LƯU HÀNH SINH KHỞI TIẾP NỐI TỪ LỘ TRÌNH CẢNH CỰ KỲ CỰ ĐẠI NHÃN MÔN THỜI KỲ NA CẢNH HOẶC LỘ TRÌNH CẢNH CỰ ĐẠI THỜI KỲ ĐỒNG LỰC

5 THẺ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG QUÁ KHỨ (ATĪTAGGAHAṆAVITHĪ)

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha Bha



[-10 H.P.D.G.-] 1 [--27 Đồng Lực D.G.(trừ 2 Đ.L.Sân)--] [---11---] [---10----]

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha Bha



[-10 H.P.D.G.-] 1 [-----2 Đồng Lực Sân -----] [---6---] [---10----]

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha Bha



[5 Sắc / 10 Dục] 1 [-27 Đồng Lực D.G.(trừ 2 Đ.L.Sân)-] [----- 5 / 10-----]

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha Bha



[6 H.P Xá D.G.] 1 [----- 2 Đồng Lực Sân -----] [----- 6 -----]

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ā Bha Bha Bha



[4 H.P Hỷ D.G.] 1 [----- 2 Đồng Lực Sân -----] 5 [-----4-----]

5 THẺ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG TẬP THÀNH (SAMŪHAGGAṆAVITHĪ)

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha Bha



[-10 H.P.D.G.-] 1 [--27 Đồng Lực D.G.(trừ 2 Đ.L.Sân)--] [---11---] [---10----]

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha Bha



[-10 H.P.D.G.-] 1 [-----2 Đồng Lực Sân -----] [---6---] [---10----]

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha Bha



[5 Sắc / 10 Dục] 1 [--27 Đồng Lực D.G.(trừ 2 Đ.L.Sân)--] [-----5 / 10-----]

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha Bha



[6 H.P.Xả D.G.] 1 [----- 2 Đồng Lực Sân -----] [-----6-----]

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ā Bha Bha Bha



[4 H.P.Hỷ D.G.] 1 [----- 2 Đồng Lực Sân -----] 5 [-----5 -----]

3 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG Ý NGHĨA (ATTHAGGAHAṆAVITHĪ)

Bha Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha



[15 H.P.D.G.Ngũ Uẩn] 1 [26 Đồng Lực D.G.(trừ 2 Sân, 1 Tiểu)] [----- 15-----]

Bha Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha



[---6 H.P.Xả D.G.---] 1 [----- 2 Đ.L.Sân -----] [-----6-----]

Bha Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ā Bha Bha



[--4 H.P.Hỷ D.G.--] 1 [----- 2 Đồng Lực Sân -----] 5 [----5 ----]

3 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG DANH XƯNG (NĀMAGGAHAṆAVITHĪ)

Bha Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha



[15 H.P.D.G.Ngũ Uẩn] 1 [26 Đồng Lực D.G.(trừ 2Sân, 1 Tiểu)] [-----15 -----]

Bha Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha



[--6 H.P.Xả D.G.--] 1 [-----2 Đồng Lực Sân -----] [-----6-----]

Bha Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ā Bha Bha



[--4 H.P.Hỷ D.G.--] 1 [-----2 Đồng Lực Sân -----] 5 [----4----]

GIẢI THÍCH TRONG 16 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH Ý MÔN NA TÙNG LƯU HÀNH

Sinh tiếp nối từ Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Na Cảnh hoặc từ Lộ Trình Cảnh Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực.

Những loại Lộ Trình Ý Môn này được gọi tên **Na Tùng Lưu Hành (Tadanuvatti ka)** hoặc **Lộ Trình Ý Môn Tùy Liên Kết (Anubandhakamanodvāravithī)** là vì Lộ Trình Ý Môn sinh khởi tiếp nối từ nơi Lộ Trình Ngũ Môn. Còn việc phân chia theo **Người (Puggala)** và **Địa Giới (Bhūmi)** v.v. cũng nên hiểu biết theo Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Na Cảnh, hoặc Lộ Trình Cảnh Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Lộ Trình Nhân Môn v.v. cho đến Lộ Trình Thân Môn có Ngũ Cảnh Hiện Tại làm thành Cảnh. Còn Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ và Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, cả hai này có Ngũ Cảnh Quá Khứ làm thành Cảnh. Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa và Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng, cả hai này có Nghĩa Lý Chế Định và Thỉnh Danh Chế Định làm thành Cảnh. Tiếp theo đây sẽ trình bày việc phân chia theo **Người (Puggala)** v.v. cho trông thấy có thể làm thành kiểu mẫu.

5 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG QUÁ KHỨ THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG QUÁ KHỨ THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 8 hạng người, là 4 Phạm Phu và 4 Bậc Thánh Quả. Về việc sinh khởi Tâm Đồng Lực đối với những hạng Người này, nên hiểu biết tùy theo thích hợp đối với Người và Địa Giới.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới tùy theo hạng Người. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 27 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực Sân), và 11 Tâm Na Cảnh tùy theo Pháp chủng của Cảnh Sắc.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng đã được tiếp thu từ nơi **Đồng Lực Cận Tử Lực Môn (Chadvārikamarāṇāsannajavana)** trong Hữu trước khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có Cảnh Sắc Cự Kỳ Minh Hiện ở phần **Cảnh Sắc Cự Kỳ Duyệt Ý (Atiṭṭharūpāramma ṇa)**, **Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý (Itthamajjhatarūpārammaṇa)** hoặc **Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý (Aniṭṭharūpārammaṇa)** ở thời quá khứ, là Cảnh Sắc cự kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình y cứ Ý Vật sinh khởi. (Còn Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ thứ 2, 3, 4 và 5, rằng khi theo Vật cũng nên hiểu biết tương tự với Lộ Trình này).

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG QUÁ KHỨ THỨ 2:

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phàm Phu, 2 Thánh Quả bậc thấp (1 Bạc Thất Lai, 1 Bạc Nhất Lai).

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới tùy theo hạng Người. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy, đó là 1 Tâm Khai Ý Môn, 2 Tâm Đồng Lực Sân, và 6 Tâm Na Cảnh Xả Thọ.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ thứ 1. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có Cảnh Sắc Cực Kỳ Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý ở thời quá khứ, là Cảnh Sắc thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo thuộc về Quá Khứ, làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: tương tự với Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ thứ 1 (đã trình bày ở phần trên).

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG QUÁ KHỨ THỨ 3:

Rằng theo Người: sinh khởi với 8 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 4 Bạc Thánh Quả. Về việc sinh khởi Tâm Đồng Lực đối với các hạng Người ấy, nên hiểu biết tùy theo thích hợp đối với Người và Địa Giới.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 26 Dục Địa Giới Ngũ Uẩn, là 11 Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 15 Tâm Hữu Phần Dục Địa Giới Ngũ Uẩn, là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới, 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, và 27 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực Sân).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau ở phần 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng đã được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh; ở phần 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammana)** hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, là **10 Hoàn Tịnh Chế Định (Kasiṇapaññatti)**, **10 Bất Tịnh Chế Định (Asubhapaññatti)**, **1 Thân Phần Chế Định (Kotthāsaṇapaññatti)**, **1 Sở Túc Chế Định (Ānāpānaṇapaññatti)**, hoặc **4 Hữu Tình Chế Định (Sattapaññatti)** có được tiếp thu từ **Đồng Lực Cận Tử Ý Môn (Manodvārika maraṇāsannajavana)** trong Hữu trước khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, nếu như sinh tiếp nối từ Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn sinh trong 15 Sắc Địa Giới cũng có Cảnh Sắc Cực Kỳ Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý ở thời quá khứ, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo làm thành Cảnh.

Nếu như sinh tiếp nối từ Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn sinh trong 26 Dục Địa Giới Ngũ Uẩn cũng có Cảnh Sắc Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Cự Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý ở thời quá khứ, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo làm thành Cảnh.

THẺ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG QUÁ KHỨ THỨ 4:

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phạm Phu, 2 Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 2 Tâm Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với Thẻ Loại Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ thứ 1. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, nếu như sinh tiếp nối từ Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn cũng có Cảnh Sắc Cự Kỳ Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Cự Kỳ Duyệt Ý ở thời quá khứ, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo làm thành Cảnh; nếu như sinh tiếp nối từ Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn cũng có Cảnh Sắc Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Cự Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý ở thời quá khứ, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo làm thành Cảnh.

THẺ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG QUÁ KHỨ THỨ 5:

Rằng theo Người: sinh khởi với 4 hạng Người, là 1 Người Nhị Nhân, 1 Người Tam Nhân và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới (Kāmasugatibhū mi).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 4 Tâm Hữu Phần Dục Giới Hỷ Thọ. Nếu như Thẻ Loại Tâm Lộ Trình này sinh tiếp nối từ Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn, Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách ấy là 5 Tâm Hữu Phần Xả Thọ (trừ 1 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Thảm Tấn Xả Thọ); nếu như Thẻ Loại Tâm Lộ Trình này sinh tiếp nối từ Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn, Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách ấy là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ.

Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 2 Tâm Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với Thẻ Loại Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ thứ 1.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, nếu như sinh tiếp nối từ Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn, hoặc nếu như sinh tiếp nối từ Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn cũng có Cảnh tương tự với Thẻ Loại Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ thứ 4 với mọi trường hợp.

Còn Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách Ấy, có 6 Cảnh ở bất luận một loại **Pháp Dục Giới (Kāmadhamma)** nào mà đã từng có sự thực luyện trong Hữu này làm thành Cảnh.

5 Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, khi phân chia theo Người, Địa Giới, Chi Pháp Siêu Lý, Cảnh và Vật tương tự với 5 Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, với mọi trường hợp.

3 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG Ý NGHĨA THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG Ý NGHĨA THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 8 hạng Người, đó là 4 Phàm Phu, 4 Bậc Thánh Quả.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 26 Dục Địa Giới Ngũ Uẩn, là 11 Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 15 Tâm Hữu Phần Dục Địa Giới Ngũ Uẩn, là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới, 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 26 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân, 1 Tâm Tiểu Sinh).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau ở phần 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng hoặc là Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh; ở phần 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, đó là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Tức Chế Định, hoặc 4 Hữu Tình Chế Định có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả bảy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, nếu như sinh khởi trong thuận tự từ Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn, Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ và Lộ Trình Thu Dung Tập Thành cũng có nhiệm vụ tiếp thu sắc thái hình trạng vi chuẩn tắc của Cảnh Sắc Cực Kỳ Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo ở phần **Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti)** làm thành Cảnh; nếu như sinh khởi trong thuận tự từ Lộ Trình Cự Đại Nhân Môn, Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ và Lộ Trình Thu Dung Tập Thành cũng có nhiệm vụ tiếp thu sắc thái hình trạng vi chuẩn tắc của Cảnh Sắc Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo ở phần **Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti)** làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau, và các Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG Ý NGHĨA THỨ 2:

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ, còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 2 Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu Cảnh từ Đồng Lực Cận Tử Lực Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, nếu như sinh khởi trong thuận tự từ Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn, Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ và Lộ Trình Thu Dung Tập Thành cũng có nhiệm vụ tiếp thu sắc thái hình trạng vi chuẩn tắc của Cảnh Sắc Cực Kỳ Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo ở phần **Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti)** làm thành Cảnh; nếu như sinh khởi trong thuận tự từ Lộ Trình Cự Đại Nhân Môn, Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ và Lộ Trình Thu Dung Tập Thành cũng có nhiệm vụ tiếp thu sắc thái hình trạng vi chuẩn tắc của Cảnh Sắc Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo ở phần **Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti)** làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau, và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG Ý NGHĨA THỨ 3:

Rằng theo Người: sinh khởi với 4 hạng Người, là 1 Người Nhị Nhân, 1 Người Tam Nhân và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 7 Thiệm Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, là 4 Tâm Hữu Phần Dục Giới Hỷ Thọ. Đối với Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách, nên hiểu biết như thế này: nếu như Thể Loại Tâm Lộ Trình này sinh khởi trong thuận tự từ Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn, Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ và Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, cũng là 5 Tâm Hữu Phần Xả Thọ (trừ 1 Tâm Dị Thực Quả Bất Thiện Thảm Tấn Xả Thọ); nếu như sinh khởi trong thuận tự từ Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn, Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ và Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, cũng là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ.

Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 2 Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa thứ 2. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này cũng có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa thứ 2, với mọi trường hợp. Còn Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách, có 6 Cảnh ở bất luận một

loại **Pháp Dục Giới (Kāmadhamma)** nào đã từng có sự thực luyện trong Hữu này làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau, Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

3 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG DANH XƯNG THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG DANH XƯNG THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 8 hạng Người, là 4 Phàm Phu, 4 bậc Thánh Quả.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 26 Dục Địa Giới Ngũ Uẩn, đó là 11 Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 15 Tâm Hữu Phần Dục Địa Giới Ngũ Uẩn, là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới, 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 26 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân, 1 Tiểu Sinh).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa thứ 1. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, nếu như sinh khởi trong thuận tự của Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn, Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành và Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa cũng có nhiệm vụ tiếp thu danh xưng của sắc thái hình trạng vi chuẩn tắc của Cảnh Sắc Cực Kỳ Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo theo **Ngôn Từ Giả Định (Sammutivohāra)** của dân gian kêu gọi nói với nhau ở phần **Thịnh Danh Chế Định (Saddanāmapaññatti)** làm thành Cảnh; nếu như sinh khởi trong thuận tự từ Lộ Trình Cảnh Cực Đại Nhân Môn, Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành và Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa cũng có nhiệm vụ tiếp thu danh xưng của sắc thái hình trạng vi chuẩn tắc của Cảnh Sắc Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo theo **Ngôn Từ Giả Định (Sammutivohāra)** của dân gian kêu gọi nói với nhau ở phần **Thịnh Danh Chế Định (Saddanāmapaññatti)** làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau, và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG DANH XƯNG THỨ 2:

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phàm Phu, 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 2 Tâm Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa thứ 2. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, nếu như sinh khởi trong thuận tự từ Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn, Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành và Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa cũng có nhiệm vụ tiếp thu danh xưng của sắc thái hình trạng vi chuẩn tắc của Cảnh Sắc Cực Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, theo **Ngôn Từ Giả Định (Sammutivohāra)** của dân gian kêu gọi nói với nhau ở phần **Thịnh Danh Chế Định (Saddanāmapaññatti)** làm thành Cảnh; nếu như sinh khởi trong thuận tự từ Lộ Trình Cảnh Cực Đại Nhân Môn, Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành và Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa cũng có nhiệm vụ tiếp thu danh xưng của sắc thái hình trạng Cảnh Sắc Minh Hiện ở phần Cảnh Sắc Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Sắc Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Sắc Bất Duyệt Ý, là Cảnh Sắc cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo theo **Ngôn Từ Giả Định (Sammutivohāra)** của dân gian kêu gọi nói với nhau ở phần **Thịnh Danh Chế Định (Saddanāmapaññatti)** làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau, và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THU DUNG DANH XÜNG THỨ 3:

Rằng theo Người: sinh khởi với 4 hạng Người, là 1 Người Nhị Nhân, 1 Người Tam Nhân và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau, Hữu Phần Khách và hết cả thấy Tâm Lộ Trình có Chi Pháp tương tự với Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa thứ 3.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa thứ 3. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này cũng có Cảnh tương tự với Cảnh của Thể Loại Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng thứ 2 với mọi trường hợp. Còn Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách có 6 Cảnh ở bất luận một loại **Pháp Dục Giới (Kāmadhamma)** nào đã từng có sự thực luyện trong Hữu này làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau, Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

Việc sinh khởi tiếp nối nhau theo thuận tự của Lộ Trình Ý Môn Na Tòng Lưu Hành sinh khởi tiếp nối từ Lộ Trình Ngũ Môn, nên hiểu biết như tiếp theo đây:

Nếu như việc sinh khởi Lộ Trình Ý Môn Na Tòng Lưu Hành sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhân Môn, Lộ Trình Tỷ Môn, Lộ Trình Thiệt Môn, hoặc Lộ Trình Thân Môn có 4 Lộ Trình

hiện hành theo thuận tự như sau: (1) Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, (2) Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, (3) Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa, (4) Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng.

Còn việc sinh khởi Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhĩ Môn có 4 Lộ Trình hiện hành theo thuận tự như sau: (1) Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, (2) Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, (3) Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng, (4) Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa, hoặc có 3 Lộ Trình là (1) Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, (2) Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng, (3) Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa.

Đối với Lộ Trình Thu Dung Tập Thành sinh khởi trong thuận tự từ Lộ Trình Nhĩ Môn và Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ ấy, đôi khi có và đôi khi không có, vì hữu quan với việc nói chuyện, chỉ với một tiếng nói hoặc nhiều tiếng nói. Nếu như duy nhất chỉ có một tiếng nói, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành cũng không sinh khởi; nếu như 2 tiếng nói trở lên, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành sẽ mới sinh khởi, thu tập 2 tiếng nói khởi lên.

Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ và Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, rằng khi theo phân loại thì mỗi Lộ Trình có 5 Thể Loại ngang bằng nhau. Việc sinh khởi tiếp nối nhau có lẽ không có vấn đề. Thế nhưng, Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa và Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng, rằng khi theo phân loại thì mỗi Lộ Trình chỉ có 3 Thể Loại ngắn ấy thôi. Các loại Lộ Trình này sẽ sinh khởi tiếp nối nhau như thế nào với Lộ Trình có đến 5 Thể Loại được ? Điều này cũng có lẽ tương tự là không có vấn đề, nên quan sát kiểu mẫu như tiếp theo đây:

Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh (Thể Loại thứ 1), Lộ Trình Thu Dung Tập Thành Thời Kỳ Na Cảnh (Thể Loại thứ 1), Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa (Thể Loại thứ 1 sinh trong Dục Địa Giới) sinh khởi tiếp nối nhau theo thuận tự từ Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Na Cảnh.

Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách (Thể Loại thứ 3 sinh trong Sắc Địa Giới), Lộ Trình Thu Dung Tập Thành Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách (Thể Loại thứ 3 sinh trong Sắc Địa Giới), Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách (Thể Loại thứ 1 sinh trong Sắc Địa Giới), và Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách (Thể Loại thứ 1 sinh trong Sắc Địa Giới) sinh khởi tiếp nối nhau theo thuận tự từ Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách (Thể Loại thứ 4 sinh trong Dục Địa Giới), Lộ Trình Thu Dung Tập Thành Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách (Thể Loại thứ 4 sinh trong Dục Địa Giới), Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách (Thể Loại thứ 2 sinh trong Dục Địa Giới), và Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách (Thể Loại thứ 2 sinh trong Dục Địa Giới) sinh khởi tiếp nối nhau theo thuận tự từ Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách, như vậy chẳng hạn.

ĐIỀU NÊN QUY ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẶC BIỆT

Người tái sinh với bất luận một trong 4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ trong sát na được tiếp xúc với Cảnh Trung Bình Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý, thế nhưng các sự bất mãn ý, sự thống tâm, sự úy cụ này sinh khởi, Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành của những hạng người này sinh khởi tiếp nối từ Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Na Cảnh có Ngũ Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Ngũ Cảnh Bất Duyệt Ý ở phần **7 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại (Paccuppannanipphannarūpa)** làm thành Cảnh có sự đặc biệt như thế này, là Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành Thời Kỳ Na Cảnh, Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách, Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách.

Nên quan sát bản đồ Lộ Trình sinh khởi tiếp nối nhau theo thuận tự như vậy:

LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ CỰ ĐẠI NGŨ MÔN THỜI KỲ NA CẢNH

Bha Tī Na Da Pa Pañ Sa Na Vu Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha Bha



[4 Tâm H.P.Hỷ D.G.] 1 10 2 2 1 [-----2 Đồng Lực Sân-----] [---6---] [---4---]

LỘ TRÌNH THU DUNG QUÁ KHỨ THỜI KỲ NA CẢNH

Bha Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha Bha



[4 Tâm H.P. Hỷ D.G.] 1 [-----2 Đồng Lực Sân-----] [---6---] [---4---]

LỘ TRÌNH THU DUNG TẬP THÀNH THỜI KỲ NA CẢNH

Bha Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha Bha



[4 Tâm H.P.Hỷ D.G.] 1 [-----2 Đồng Lực Sân-----] [---6---] [---4---]

LỘ TRÌNH THU DUNG Ý NGHĨA THỜI KỲ ĐỒNG LỰC, CÓ HỮU PHẦN KHÁCH

Bha Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ā Bha Bha Bha



[4 Tâm H.P. Hỷ D.G.] 1 [-----2 Đồng Lực Sân-----] 1 [---- 4 ----]

LỘ TRÌNH THU DUNG DANH XƯNG THỜI KỲ ĐỒNG LỰC, CÓ HỮU PHẦN KHÁCH

Bha Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ā Bha Bha Bha



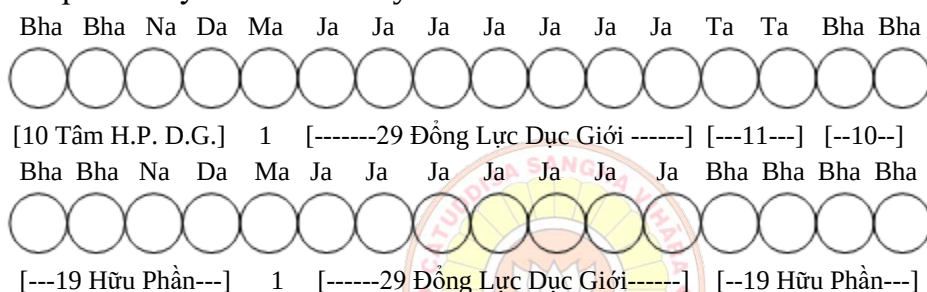
[4 Tâm H.P.Hỷ D.G.] 1 [-----2 Đồng Lực Sân-----] 1 [---- 4 ----]

LỘ TRÌNH Ý MÔN ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI HOẶC LỘ TRÌNH THUẦN Ý MÔN ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI MỘT CÁCH GIẢN LƯỢC

Trong Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgaha) đã có trình bày về Phạm Vi Chuyển Khởi (Visayappavatti) Lộ Ý Môn, chỉ có 2 thể loại là:

1. Cảnh Minh Hiện (Vibhūtārammaṇa) là Cảnh hiện bày minh hiện trong Lộ Ý Môn. Rằng khi theo Lộ Trình là Lộ Trình Cảnh Minh Hiện **Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)**.

2. Cảnh Bất Minh Hiện (Avibhūtārammaṇa) là Cảnh hiện bày bất minh hiện trong Lộ Ý Môn. Rằng khi theo Lộ Trình là Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện **Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)**. Và cả 2 Lộ Trình này cũng không có cái chi là đặc biệt cả. Về bản đồ Lộ Trình và Chi Pháp Siêu Lý có như thế này:



Tuy nhiên, theo phần Chú Giải, Phụ Chú Giải đã có trình bày sắp đặt 4 Phạm Vi Chuyển Khởi Lộ Ý Môn, là:

1. Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện (Ativibhūtārammaṇa) là Cảnh hiện bày cực kỳ minh hiện ở Lộ Ý Môn.

2. Cảnh Minh Hiện (Vibhūtārammaṇa) là Cảnh hiện bày minh hiện ở Lộ Ý Môn.

3. Cảnh Bất Minh Hiện (Avibhūtārammaṇa) là Cảnh hiện bày bất minh hiện ở Lộ Ý Môn.

4. Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện (Atiavibhūtārammaṇa) là Cảnh hiện bày cực kỳ bất minh hiện ở Lộ Ý Môn.

Vāra dịch nghĩa “thời kỳ, kỳ hạn, hạn định thời gian”, ý muốn nói là việc kết thúc Tâm Lộ Trình từng mỗi thời kỳ, gọi là **Thời Kỳ (Vāra)**, và Thời Kỳ đây cũng hữu quan với 4 Phạm Vi Chuyển Khởi Lộ Ý Môn, là (1) Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Na Cảnh, (2) Cảnh Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, (3) Cảnh Bất Minh Hiện Thời Kỳ Đoán Định, (4) Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện Thời Kỳ Vô Hiệu Lực.

41 LỘ TRÌNH THUẦN Ý MÔN (SUDDHAMANODVĀRAVITHĪ)

1. Trong cả 2 Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới:

Lộ Trình Thuần Ý Môn hoặc là Lộ Trình Thuần Ý Môn Đồng Lực Dục Giới ý muốn nói là Lộ Trình sinh khởi một cách đặc định. Đề cập rằng: một loại là Lộ Trình Thuần Ý Môn có **Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại (Paccuppannanipphannarūpa)** làm thành Cảnh; và một loại là Lộ Trình Thuần Ý Môn có Sắc Thành Sở Tác Quá Khứ, Vị Lai; Tâm Tâm Sở; **Sắc Phi Thành Sở Tác (Anipphannarūpa)** ở cả **Tam Thời (Tekālika)**, Níp Bàn, Chế Định, làm thành Cảnh.

Các loại Lộ Trình này được gọi tên là Lộ Trình Thuần Ý Môn, vì là Lộ Trình Ý Môn không sinh tiếp nối từ Lộ Trình Ngũ Môn, chỉ sinh khởi một cách đặc định ở Lộ Ý Môn, ý muốn nói là khi cả 6 Cảnh đến hiện bày ở Lộ Ý Môn rồi, cũng thường sinh khởi tiếp theo Cảnh ấy, vì thế sự hiện hành của các loại Lộ Trình này, đôi khi cũng sinh tiếp nối từ Lộ Trình Ý Môn Na Tòng Lưu Hành, đôi khi cũng không được sinh tiếp nối từ Lộ Trình Ý Môn Na Tòng Lưu Hành, với bất luận trường hợp nào.

2. Lộ Trình Thuần Ý Môn này, rằng khi theo cả 4 Phạm Vi Chuyển Khởi có 41 Lộ Trình, là (1) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 22 Lộ Trình, (2) Lộ Trình Cảnh Minh Hiện có 16 Lộ Trình, (3) Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện có 2 Lộ Trình, (4) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện có 1 Lộ Trình.

3. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 22 Lộ Trình, là (1) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Na Cảnh có 6 Lộ Trình, (2) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực có 16 Lộ Trình.

4. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Na Cảnh có 6 Lộ Trình, là (1) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 1 sát na đến 5 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh có 5 Lộ Trình, (2) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện không có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh có 1 Lộ Trình.

5. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực có 16 Lộ Trình, là (1) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách có 8 Lộ Trình, (2) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách có 8 Lộ Trình.

6. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách có 8 Lộ Trình, là (1) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 1 sát na đến 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách có 7 Lộ Trình, (2) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện không có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực và không có Hữu Phần Khách có 1 Lộ Trình.

7. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách có 8 Lộ Trình, là (1) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 1 sát na đến 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách có 7 Lộ Trình, (2) Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện không có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, thế nhưng có Hữu Phần Khách có 1 Lộ Trình.

8. 22 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện này, rằng khi theo phân loại có 36 Thể Loại (31 Thể Loại có Hữu Phần Quá Khứ, và 5 Thể Loại không có Hữu Phần Quá Khứ).

31 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CÓ HỮU PHẦN QUÁ KHỨ' NÀY, LÀ:

Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiền có 1 sát na đến 5 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh có 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân) có 5 Thể Loại.

Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiền có 1 sát na đến 5 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh, có 2 Đồng Lực Sân có 5 Thể Loại.

Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiền có 1 sát na đến 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách, có 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân) có 7 Thể Loại.

Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiền có 1 sát na đến 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân có 7 Thể Loại.

Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiền có 1 sát na đến 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân có 7 Thể Loại.

5 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH KHÔNG CÓ HỮU PHẦN QUÁ KHỨ', LÀ:

Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh, có 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân).

Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh, có 2 Đồng Lực Sân.

Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách, có 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân) sinh trong 30 Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân.

Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách, có 2 Đồng Lực Sân.

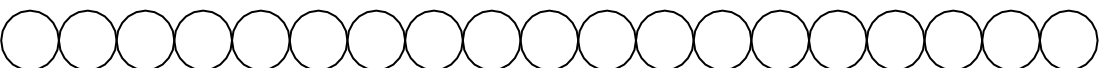
BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH CẢNH CỰ KỲ MINH HIỀN THUẦN Ý MÔN CÓ 36 THỂ LOẠI, CÓ 31 HỮU PHẦN QUÁ KHỨ' THỜI KỲ NA CẢNH HỮU QUAN VỚI 27 ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI CÓ 5 THỂ LOẠI:

Bha Tī Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha Bha Bha Bha Bha



[10 Tâm H. P. D. G.] 1 [27 Đồng Lực D.G. (trừ 2 Đ.L.Sân)] [--11--] [-----10-----]

Bha Tī Tī Tī Tī Tī Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha



[-----10 Tâm Hữu Phần Dục Giới-----] 1 [27 Đồng Lực D.G. (trừ 2 Đ.L. Sân)] [--11--] 10

THỜI KỲ NA CẢNH HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN CÓ 5 THẺ LOẠI:

Bha Tĩ Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha Bha Bha Bha Bha



[10 Tâm H.P.D.G.] 1 [-----2 Đồng Lực Sân -----] [-- 6---] [-----10 -----]

Bha Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha



[-----10 Tâm Hữu Phần Dục Giới -----] 1 [-----2 Đồng Lực Sân-----] [---6---] 10

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 27 ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI CÓ 7 THẺ LOẠI

Bha Tĩ Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha Bha Bha Bha Bha



[-5 Tâm H.P.S.G.-] 1 [27 Đồng Lực D. G.(trừ 2 Đ.L.Sân)] [---5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới---]

Bha Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha



[-----5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới-----] 1 [-27 Đồng Lực S.G.(trừ 2 Đ.L.Sân)-] 5

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN KHÔNG HỮU PHẦN KHÁCH, CÓ 7 THẺ LOẠI

Bha Tĩ Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha Bha Bha



[--6 H.P.Xả D.G.--] 1 [-----2 Đồng Lực Sân-----] [6 Hữu Phần Xả Dục Giới]

Bha Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha



[-----6 Hữu Phần Xả Thọ Dục Giới -----] 1 [-----2 Đồng Lực Sân-----] [---6---]

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN VÀ CÓ HỮU PHẦN KHÁCH, CÓ 7 THẺ LOẠI

Bha Tĩ Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ā Bha Bha Bha



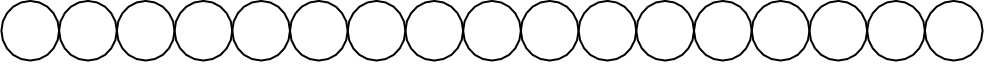
[--4 H.P.Hỷ D.G.--] 1 [-----2 Đồng Lực Sân -----] 5 [---- 4-----]

Bha Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Tĩ Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ā Bha

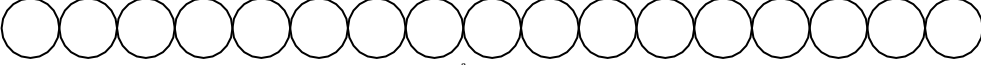


[-----4 Hữu Phần Hỷ Thọ Dục Giới-----] 1 [-----2 Đồng Lực Sân-----] 5 4

5 THỂ LOẠI KHÔNG CÓ HỮU PHẦN QUÁ KHỨ
THỜI KỲ NA CẢNH HỮU QUAN VỚI 27 ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI (TRỪ 2 SÂN)

1. Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha Bha Bha Bha

 [10 H.P.D.G.] 1 [27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Sân) [--11--] [----- 10 -----]

THỜI KỲ NA CẢNH HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta Bha Bha Bha Bha

 [10 H.P.D.G.] 1 [-----2 Đồng Lực Sân -----] [--- 6---] [-----10-----]

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 27 ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha Bha

 [19 Hữu Phần] 1 [27 Đồng Lực D.G. (trừ 2 Đ.L. Sân)] [---19 Hữu Phần---]

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN
KHÔNG CÓ HỮU PHẦN KHÁCH

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha

 [6 H.P. Xả D.G.] 1 [-----2 Đồng Lực Sân -----] [-----6 -----]

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN
CÓ HỮU PHẦN KHÁCH

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Æ Bha Bha

 [4 H.P.Hỷ D.G.] 1 [-----2 Đồng Lực Sân-----] 5 [--- 4---]

GIẢI THÍCH 36 LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ MINH HIỂN THUẦN Ý MÔN

31 THỂ LOẠI CÓ HỮU PHẦN QUÁ KHỨ

THỜI KỲ NA CẢNH HỮU QUAN VỚI 27 ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI

CÓ 5 THỂ LOẠI

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 8 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 4 Bậc Thánh Quả. Về việc sinh khởi Tâm Đồng Lực đối với các hạng Người ấy, nên hiểu biết tùy theo thích hợp đối với Người và Địa Giới.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới, tùy theo hạng Người. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 27 Tâm Đồng Lực (trừ 2 Tâm Đồng Lực Sân) và 11 Tâm Na Cảnh, tùy theo Pháp chủng của Cảnh.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu Cảnh từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở phần 18 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại, là Sắc Thành Sở Tác cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo hiện bày ngay trước mắt làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2, 3, 4, VÀ 5

Rằng khi theo Người v.v. cho đến Vật, các thể loại này cũng hiện hành trong cùng phương thức tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 1 có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi, còn Thể Loại Lộ Trình thứ 2, 3, 4 và 5 có 2, 3, 4 và 5 sát na Hữu Phần Quá Khứ theo thuận tự sinh khởi.

THỜI KỲ NA CẢNH HỮU QUAN 2 ĐỒNG LỰC SÂN CÓ 5 THỂ LOẠI THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi đối với 6 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần cuối cùng, đó là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới tùy theo hạng Người. Còn đối với các Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 2 Tâm Đồng Lực Sân, và 6 Tâm Na Cảnh Xả Thọ.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu Cảnh từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở phần 18 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại, là Sắc Thành Sở Tác thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo hiện bày ngay trước mắt làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2, 3, 4 VÀ 5

Rằng khi theo Người v.v. cho đến Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành theo cùng một phương thức tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 1 có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi, còn Thể Loại Lộ Trình thứ 2, 3, 4, 5, 6 và 7 có 2, 3, 4, 5, 6 và 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ theo thuận tự sinh khởi ngàn ấy thôi.

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN 27 ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI CÓ 7 THỂ LOẠI THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 5 hạng Người, là 1 Phạm Tam Nhân và 4 bậc Thánh Quả. Về việc sinh khởi Tâm Đồng Lực đối với những hạng Người này, nên hiểu biết tùy theo thích hợp đối với Người.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Rằng theo Chi Pháp: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 27 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực Sân).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, đó là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Tức Chế Định, và 4 Hữu Tình Chế Định có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 3 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý [**Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)**, **Cảnh Thinh (Saddārammaṇa)**, **Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)**] ở phần 13 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại [trừ **Tỵ Thanh Triệt (Ghānapasāda)**, **Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda)**, **Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda)**, **2 Sắc Bản Tính (Bhāvarūpa)**] là Sắc Thành Sở Tác cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo hiện bày ngay trước mắt làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2, 3, 4, 5, 6 VÀ 7:

Rằng khi theo Người v.v. cho đến Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành theo cùng một phương thức tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 1 có sát na Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi, còn Thể Loại Lộ Trình thứ 2, 3, 4, 5, 6 và 7 có 2, 3, 4, 5, 6 và 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ theo thuận tự sinh khởi ngàn ấy thôi.

**THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN
THỂ NHƯNG KHÔNG CÓ HỮU PHẦN KHÁCH, CÓ 7 THỂ LOẠI
THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:**

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 2 Tâm Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần cuối cùng, có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thủ Tướng có được tiếp thu Cảnh từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý ở phần 18 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại, là Sắc Thành Tự Sở Tác cực kỳ thiện hảo hiện bày ngay trước mắt làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2, 3, 4, 5, 6 VÀ 7:

Rằng khi theo Người v.v. cho đến Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành theo cùng một phương thức tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 1 có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi, còn Thể Loại Lộ Trình thứ 2, 3, 4, 5, 6 và 7 có 2, 3, 4, 5, 6 và 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ theo thuận tự sinh khởi ngàn ấy thôi.

**THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN
VÀ CÓ HỮU PHẦN KHÁCH, CÓ 7 THỂ LOẠI
THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:**

Rằng theo Người: sinh khởi với 4 hạng Người, là 1 Người Nhị Nhân, 1 Người Tam Nhân và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 4 Tâm Hữu Phần Dục Giới Hỷ Thọ. Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách, đó là 5 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ (trừ 1 Tâm Dị Thực Quả Bất Thiện Thảm Tấn Xả Thọ). Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 2 Tâm Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu Cảnh từ nơi Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý ở phần 18 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại, là Sắc Thành Sở Tác cực kỳ thiện hảo hiện bày ngay trước mắt làm thành Cảnh. Còn Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách có 6 Cảnh ở bất luận một loại **Pháp Dục Giới (Kāmadhamma)** nào đã từng có sự thực luyện trong Hữu này làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau, Hữu Phần Khách và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2, 3, 4, 5, 6, VÀ 7:

Rằng khi theo Người v.v. cho đến Vật, các thể loại này cũng hiện hành trong cùng một phương thức tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 1 có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi, còn Thể Loại Lộ Trình thứ 2, 3, 4, 5, 6 và 7 có 2, 3, 4, 5, 6 và 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ theo thuận tự sinh khởi ngàn ấy thôi.

5 THỂ LOẠI KHÔNG CÓ HỮU PHẦN QUÁ KHỨ THỜI KỲ NA CẢNH HỮU QUAN VỚI 27 ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI (TRỪ 2 ĐỒNG LỰC SÂN) THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người:	} tương tự với nhau	{ Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh hữu quan với 27 Đồng Lực Dục Giới, có 5 Thể Loại
Rằng theo Địa Giới:		
Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý:		

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu Cảnh từ nơi Tâm Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở thời quá khứ, hoặc **18 Sắc Thành Sở Tác Vị Lai (Anāgatanipphannarūpa)** và **Cảnh Pháp (Dhammāramma ña)** đó là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, và **10 Sắc Phi Thành Sở Tác (Anipphanna rūpa)** sinh khởi trong cả 3 Thời (Tekālika) làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

Còn Thể Loại Lộ Trình thứ 2, 4 và 5, rằng khi theo Vật cũng nên hiểu biết tương tự với Thể Loại Lộ Trình này.

THỜI KỲ NA CẢNH HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2:

Rằng theo Người:	{ tương tự với nhau	Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh hữu quan với 2 Đồng Lực Sân, có 5 Thể Loại
Rằng theo Địa Giới:		
Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý:		

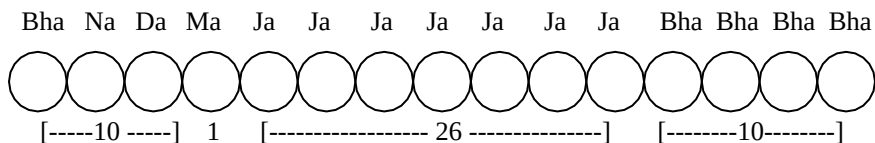
Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Trung Bình Duyệt Ý hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở thời quá khứ, hoặc **18 Sắc Thành Sở Tác Vị Lai (Anāgatanipphannarūpa)** và **Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)** đó là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, và **10 Sắc Phi Thành Sở Tác (Anipphannarūpa)** sinh khởi trong cả 3 Thời (Tekālika) làm thành Cảnh.

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 27 ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI (TRỪ 2 TÂM ĐỒNG LỰC SÂN)

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2 CHIA RA THÀNH 3 THEO PHÂN LOẠI ĐỊA GIỚI SINH KHỞI

1. SINH TRONG DỤC ĐỊA GIỚI (KĀMABHŪMI):



Rằng theo Người: sinh khởi với 8 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 4 Bậc Thánh Quả. Về việc sinh khởi Tâm Đồng Lực đối với những hạng Người này, nên hiểu biết tùy theo thích hợp đối với Người và Địa Giới.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 26 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực Sân và 1 Tâm Đồng Lực Tiểu Sinh).

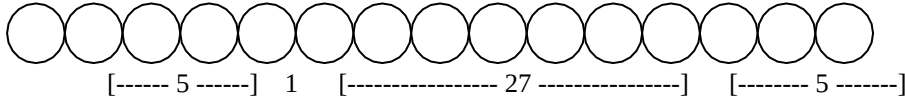
Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 1 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, hoặc Cảnh Trung Bình Duyệt Ý ở phần **Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)** đó là Tâm Đáo Đại, Tâm Siêu Thế, Tâm Sở phối hợp sinh khởi trong cả 3 Thời và Níp Bàn, Chế Định ở phần **Ngoại Thời (Kālavimutti)** làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

2. SINH TRONG SẮC ĐỊA GIỚI (RŪPABHŪMI):

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha Bha



Rằng theo Người: sinh khởi với 5 hạng Người, là 1 Người Tam Nhân và 4 Bạc Thánh Quả. Về việc sinh khởi Tâm Đồng Lực đối với những hạng Người này nên hiểu biết tùy theo thích hợp đối với Người.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 27 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực Sân).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, đó là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Tức Chế Định và 4 Hữu Tình Chế Định có được tiếp thâu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 3 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý [**Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)**, **Cảnh Thinh (Saddārammaṇa)** và **Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)**] ở thời quá khứ, hoặc 13 **Sắc Thành Sở Tác Vị Lai (Anāgatanippphannarūpa)** [trừ **Tỷ Thanh Triệt (Ghāna pasāda)**, **Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda)**, **Thân Thanh Triệt (Kāya pasāda)**, 2 **Sắc Bản Tính (Bhāvarūpa)**], và Cảnh Pháp ở phần Tâm Dục Giới, Tâm Đáo Đại, Tâm Siêu Thế, Tâm Sở phối hợp (trừ 4 Tâm Sở Sân Phần), Sắc Phi Thành Sở Tác sinh khởi trong cả 3 Thời, và Níp Bàn, Chế Định ở phần Ngoại Thời làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

3. SINH TRONG VÔ SẮC ĐỊA GIỚI (ARŪPABHŪMI)

Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha Bha



Rằng theo Người: sinh khởi với 5 hạng Người, là 1 Người Tam Nhân và 4 Bạc Thánh Quả. Về việc sinh khởi Tâm Đồng Lực đối với những hạng Người này, nên hiểu biết tùy theo thích hợp đối với Người.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 4 Vô Sắc Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 4 Tâm Hữu Phần Vô Sắc Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 26 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực Sân và 1 Tâm Đồng Lực Tiểu Sinh).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** và **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Đáo Đại (Mahaggatakammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với **4 Vô Sắc Nghiệp Xứ (Arūpakammaṭṭhāna)** đó là **Hoàn Tịnh Phóng Khí Hư Không Chế Định (Kasinugghātimākāsapaññatti)**, **Thiền Không Vô Biên Xứ (Ākāśānañcāyatana jhāna)**, **Vô Hữu Chế Định (Natthibhāvapaññatti)** và **Thiền Vô Sở Hữu Xứ (Ākiñcaññāyatana jhāna)** có được tiếp thâu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, có 1 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở phần Cảnh Pháp, đó là 27 Tâm Dục Giới, là 10 Tâm Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Sân), 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện và 8 Tâm Đại Duy Tác, 12 Tâm Vô Sắc Giới, tùy theo thích hợp đối với Địa Giới, 7 Tâm Siêu Thế (trừ 1 Tâm Đạo Thát Lai), 46 Tâm Sở (trừ 4 Tâm Sở Sân Phần và 2 Tâm Sở Vô Lượng Phần) sinh khởi trong cả 3 Thời, Níp Bàn và Chế Định (hữu quan với 2 Vô Sắc Nghiệp Xứ) làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều không cần phải y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN KHÔNG CÓ HỮU PHẦN KHÁCH THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 4:

Rằng theo Người:	{ tương tự với nhau {	{ Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực hữu quan với Đồng Lực Sân, thế nhưng không có Hữu Phần Khách, 7 Thể Loại. }
Rằng theo Địa Giới:		
Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý:		

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện ở thời quá khứ, hoặc 18 Sắc Thành Sở Tác Vị Lai và Cảnh Pháp đó là 51 Tâm

Dục Giới [trừ 2 Tâm căn Sân và 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ (*Dukkhasahagata kāyaviññāṇacitta*)], Tâm Đáo Đại, 48 Tâm Sở (trừ 4 Tâm Sở Sân Phần), 10 Sắc Phi Thành Sở Tác sinh khởi trong cả 3 Thời (*Tekālika*) và Chế Định làm thành Cảnh.

**THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN
CÓ HỮU PHẦN KHÁCH
THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 5:**

Rằng theo Người:	} tương tự với nhau	{	Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện
Rằng theo Địa Giới:			có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ
Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý:			Đồng Lực hữu quan với 2 Đồng Lực Sân và có Hữu Phần Khách, có 7 Thể Loại.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1.

Đối với hết cả bảy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện ở thời quá khứ, hoặc 18 Sắc Thành Sở Tác Vị Lai và Cảnh Pháp, đó là 51 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm căn Sân và 1 Tâm Thân Thức Câu Hành Khổ), Tâm Đáo Đại, 48 Tâm Sở (trừ 4 Tâm Sở Sân Phần), 10 Sắc Phi Thành Sở Tác sinh khởi trong cả 3 Thời và Chế Định làm thành Cảnh.

Còn Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách có 6 Cảnh ở bất luận một loại Pháp Dục Giới nào đã từng có sự thực luyện trong Hữu Phần này làm thành Cảnh.

**TỔNG KẾT SỐ LƯỢNG 22 LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ MINH HIỆN
SỐ LƯỢNG 6 LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ MINH HIỆN THỜI KỲ NA CẢNH**

1. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh.
2. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh.
3. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 3 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh.
4. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 4 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh.
5. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 5 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh.
6. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện không có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Na Cảnh.

**SỐ LƯỢNG 8 LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ MINH HIỆN THỜI KỲ ĐỒNG LỰC
KHÔNG CÓ HỮU PHẦN KHÁCH**

1. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

2. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

3. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 3 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

4. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 4 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

5. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 5 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

6. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 6 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

7. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

8. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

SỐ LƯỢNG 8 LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ MINH HIỀN THỜI KỲ ĐỒNG LỰC CÓ HỮU PHẦN KHÁCH

1. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.

2. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.

3. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 3 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.

4. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 4 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.

5. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 5 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.

6. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 6 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.

7. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền có 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.

8. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.

CÓ 16 LỘ TRÌNH CẢNH MINH HIỀN

8 Lộ Trình Cảnh Minh Hiền Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách.

8 Lộ Trình Cảnh Minh Hiền Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách.

**LỘ TRÌNH CẢNH MINH HIỂN THỜI KỲ ĐỒNG LỰC
KHÔNG CÓ HỮU PHẦN KHÁCH:**

7 Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 1 sát na đến 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách. 1 Lộ Trình Cảnh Minh Hiển không có Hữu Phần Khách Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

**LỘ TRÌNH CẢNH MINH HIỂN THỜI KỲ ĐỒNG LỰC
KHÔNG CÓ HỮU PHẦN KHÁCH CÓ 8 LỘ TRÌNH LÀ:**

7 Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 1 sát na đến 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách. 1 Lộ Trình Cảnh Minh Hiển không có Hữu Phần Khách, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

**LỘ TRÌNH CẢNH MINH HIỂN THỜI KỲ ĐỒNG LỰC
CÓ HỮU PHẦN KHÁCH CÓ 8 LỘ TRÌNH LÀ:**

7 Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 1 sát na đến 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển không có Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách.

16 Lộ Trình Cảnh Minh Hiển này, rằng khi theo phân loại có 24 Thể Loại là:

7 Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 1 sát na đến 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách chia ra thành 14 Thể Loại là Lộ Trình có 27 Đồng Lực Dục Giới có 7 Thể Loại và Lộ Trình có 2 Đồng Lực Sân có 7 Thể Loại.

1 Lộ Trình Cảnh Minh Hiển không có Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách chia ra thành 2 Thể Loại là Lộ Trình có 27 Đồng Lực Dục Giới có 1 Thể Loại và Lộ Trình có 2 Đồng Lực Sân có 1 Thể Loại.

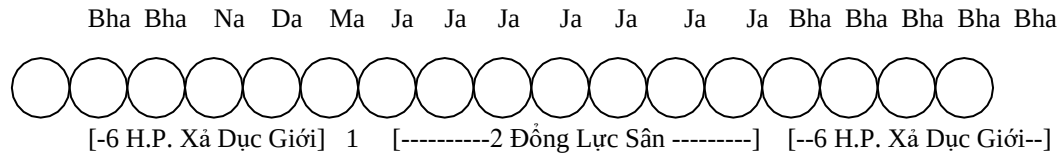
7 Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 1 sát na đến 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách chia ra thành 7 Thể Loại.

1 Lộ Trình Cảnh Minh Hiển không có Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách chia ra thành 1 Thể Loại.

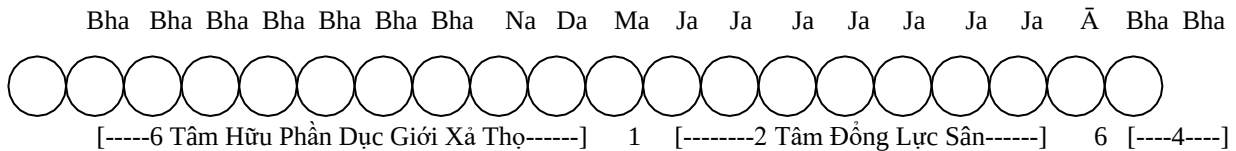
Trong 24 Thể Loại Lộ Trình này là 21 Thể Loại Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có Hữu Phần Quá Khứ, và là 3 Thể Loại Cảnh Minh Hiển không có Hữu Phần Quá Khứ.

**BẢN ĐỒ 24 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẢNH MINH HIỂN THUẦN Ý MÔN
(SUDDHAMANODVĀRAVIBHŪTĀRAMMAṆAVITHĪ)**

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN KHÔNG CÓ HỮU PHẦN KHÁCH



THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN CÓ HỮU PHẦN KHÁCH



GIẢI THÍCH 24 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẢNH MINH HIỂN THUẦN Ý MÔN (SUDDHAMANODVĀRAVIBHŪTĀRAMMANAVITHĪ)

21 THỂ LOẠI HỮU PHẦN QUÁ KHỨ:

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 27 ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI (TRỪ 2 ĐỒNG LỰC SÂN) CÓ 7 THỂ LOẠI THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 8 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 4 Bậc Thánh Quả. Về việc sinh khởi Tâm Đồng Lực đối với những hạng Người ấy, nên hiểu biết tùy theo thích hợp đối với Người và Địa Giới.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 26 Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhū mi) là 11 Dục Địa Giới và 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới và 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 27 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực Sân).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, ở phần 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Còn ở phần 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới thì có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Túc Chế Định và 4 Hữu Tình Chế Định có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, nếu như sinh trong Sắc Địa Giới có 3 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý [**Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa), Cảnh Thinh (Saddārammaṇa) và Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa)**] ở phần 13 **Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại (Paccuppannanipphannarūpa)** [trừ **Tỳ Thanh Triệt (Ghānapasāda), Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda), Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda), 2 Sắc Bản Tính (Bhāvarūpa)**], là Sắc Thành Sở Tác cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo hiện bày ngay trước mắt làm thành Cảnh.

Nếu như sinh trong Dục Địa Giới có 6 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở phần 18 **Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại**, là Sắc Thành Sở Tác cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo hiện bày ngay trước mắt làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2, 3, 4, 5, 6 VÀ 7

Rằng khi theo Người v.v. cho đến Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành theo cùng một phương thức tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 1 có 1 sát na Tâm Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi, còn Thể Loại Lộ Trình thứ 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì có 2, 3, 4, 5, 6 và 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ theo thuận tự sinh khởi ngân ấy thôi.

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN THỂ NHƯNG KHÔNG CÓ HỮU PHẦN KHÁCH, CÓ 7 THỂ LOẠI THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phàm Phu và hai hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 2 Tâm Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thâu từ Đồng Lực Cận Tử Lực Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở phần 18 **Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại**, là Sắc Thành Sở Tác cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo hiện bày ngay trước mắt làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thảy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2, 3, 4, 5, 6 VÀ 7:

Rằng khi theo Người v.v. cho đến Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành theo cùng một phương thức tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 1 có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi, còn Thể Loại Lộ Trình thứ 2, 3, 4, 5, 6 và 7 có 2, 3, 4, 5, 6 và 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ theo thuận tự sinh khởi ngàn ấy thôi.

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN VÀ CÓ HỮU PHẦN KHÁCH, CÓ 7 THỂ LOẠI THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 4 hạng Người, là 1 Người Nhị Nhân, 1 Người Tam Nhân và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 4 Tâm Hữu Phần Dục Giới Hỷ Thọ. Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách, đó là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 2 Tâm Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần cuối cùng có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lực Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thảy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở phần 18 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại, là Sắc Thành Sở Tác cực kỳ thiện hảo, thiện hảo bình thường, hoặc bất thiện hảo hiện bày ngay trước mắt làm thành Cảnh.

Còn Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách có 6 Cảnh ở bất luận một loại Pháp Dục Giới nào đã từng có sự thực luyện trong Hữu này làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau, Hữu Phần Khách và hết cả thảy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2, 3, 4, 5, 6, VÀ 7:

Rằng khi theo Người v.v. cho đến Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành theo cùng một phương thức tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 1 có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi, còn Thể Loại Lộ Trình

thứ 2, 3, 4, 5, 6 và 7 có 2, 3, 4, 5, 6 và 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ theo thuận tự sinh khởi ngân ấy thôi.

3 THỂ LOẠI KHÔNG CÓ HỮU PHẦN QUÁ KHỨ
THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 27 ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI
(TRỪ 2 ĐỒNG LỰC SÂN)
THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 8 hạng Người, là 4 Phạm Phu và 4 Bậc Thánh Quả.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong **4 Tứ Uẩn Địa Giới (Catuvokārabhūmi)**, **26 Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)**.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 19 Tâm Hữu Phần, là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới, 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới, 4 Tâm Hữu Phần Vô Sắc Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 27 Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Đồng Lực Sân).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau,

- ở phần 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thủ Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh;

- ở phần 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định hữu quan với 26 Nghiệp Xứ là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Túc Chế Định và 4 Hữu Tình Chế Định có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh;

- ở phần 4 Tâm Hữu Phần Vô Sắc Giới có Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định và Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Đáo Đại hữu quan với 4 Vô Sắc Nghiệp Xứ là Hoàn Tịnh Hư Không Phóng Khí Chế Định, Thiên Không Vô Biên Xứ, Vô Hữu Chế Định và Thiên Vô Sở Hữu Xứ có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở thời quá khứ, hoặc 18 Sắc Thành Sở Tác Vị Lai và Cảnh Pháp ở phần 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 10 Sắc Phi Thành Sở Tác ở cả 3 Thời, và Níp Bàn, Chế Định ở phần Ngoại Thời làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình, nếu như sinh trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** đều y cứ Ý Vật sinh khởi, nếu sinh trong Tứ Uẩn Địa Giới cũng không cần phải y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN VỚI 2 ĐỒNG LỰC SÂN
KHÔNG CÓ HỮU PHẦN KHÁCH
THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2:

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phạm Phu và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 2 Tâm Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở thời quá khứ, hoặc 18 Sắc Thành Sở Tác Vị Lai và Cảnh Pháp ở phần Tâm Dục Giới, Tâm Đáo Đại, Tâm Sở phối hợp, 10 Sắc Phi Thành Sở Tác ở cả 3 Thời và Chế Định làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỜI KỲ ĐỒNG LỰC HỮU QUAN 2 ĐỒNG LỰC SÂN CÓ HỮU PHẦN KHÁCH THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 3:

Rằng theo Người: sinh khởi với 4 hạng Người, là 1 Người Nhị Nhân, 1 Người Tam Nhân và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 4 Tâm Hữu Phần Dục Giới Hỷ Thọ. Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách ấy là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 2 Đồng Lực Sân.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở thời quá khứ, hoặc 18 Sắc Thành Sở Tác Vị Lai và Cảnh Pháp ở phần Tâm Dục Giới, Tâm Đáo Đại, Tâm Sở phối hợp, 10 Sắc Phi Thành Sở Tác ở cả 3 Thời và Chế Định làm thành Cảnh. Còn Tâm thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách ấy, có 6 Cảnh ở bất luận một loại Pháp Dục Giới nào đã từng có sự thực luyện trong Hữu này làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

TỔNG KẾT SỐ LƯỢNG 16 LỘ TRÌNH CẢNH MINH HIỂN (VIBHŪTĀRAMMAṆAVITHĪ 16)

**SỐ LƯỢNG 8 LỘ TRÌNH CẢNH MINH HIỂN THỜI KỲ ĐỒNG LỰC
KHÔNG CÓ HỮU PHẦN KHÁCH:**

1. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.
2. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.
3. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 3 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.
4. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 4 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.
5. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 5 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.
6. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 6 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.
7. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.
8. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển không có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách.

**SỐ LƯỢNG 8 LỘ TRÌNH CẢNH MINH HIỂN THỜI KỲ ĐỒNG LỰC
CÓ HỮU PHẦN KHÁCH**

1. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.
2. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.
3. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 3 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.
4. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 4 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.
5. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 5 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.
6. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 6 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.
7. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.
8. Lộ Trình Cảnh Minh Hiển không có Hữu Phần Quá Khứ Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Khách.

LỘ TRÌNH CẢNH BÁT MINH HIỂN VÀ

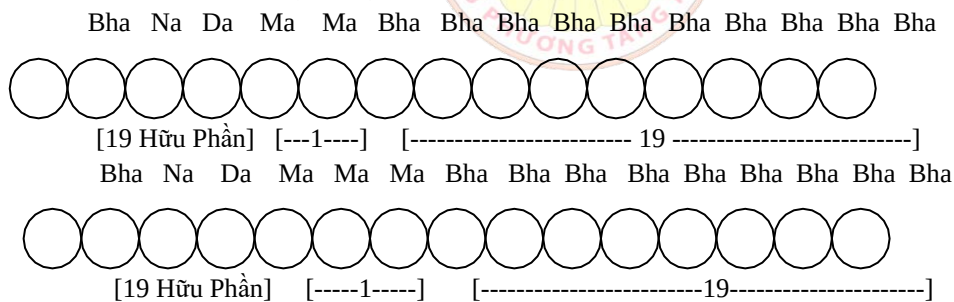
CẢNH CỰC KỲ BẤT MINH HIỂN THUẦN Ý MÔN (SUDDHAMANODVĀRAAVIBHŪTĀRAMMAṆAVITHĪ - ATIAVIBHŪTĀRAMMAṆAVITHĪ)

Các loại Lộ Trình này gọi là **Lộ Trình Vô Ký (Abyākatavīthi)** vì không có Đồng Lực Thiện và Bất Thiện sinh khởi, và các loại Lộ Trình này sinh khởi trong sát na khảo lự các tình tiết câu chuyện nghĩ suy không ra, hoặc sinh khởi trong sát na đang thụ mộng, thể nhưng thụ mộng bất tri sự kiện mộng ảo, bất hiện bày thanh sở; chỉ tri giác rằng thụ mộng bất thiếp mật thôi. Một cách đặc biệt, Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiển ấy sinh khởi trong sát na Cảnh đến hiện bày nơi Lộ Ý, thể nhưng vẫn bất tri giác, chính thị chỉ hiện hành theo **Đĩ Pháp Vi Bôn (Dhammādiṭṭhāna)** thôi.

Kết luận rằng, các Thể Loại Lộ Trình này (2 Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiển Thuần Ý Môn Thời Kỳ Đoán Định và 1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiển) sinh khởi trong thời gian chính thường khảo lự các tình tiết câu chuyện nghĩ suy không ra, hoặc ký ức không được mà bất hữu quan với thụ mộng cũng có, hoặc sinh khởi trong sát na đã thụ mộng rồi, gọi là **Lộ Trình Vô Ký Thụ Tưởng (Supinaabyākatavīthi)** cũng có.



BẢN ĐỒ 2 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẢNH BẤT MINH HIỂN THUẦN Ý MÔN



GIẢI THÍCH 2 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẢNH BẤT MINH HIỂN THUẦN Ý MÔN THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: trong sát na thời chính thường sinh khởi với 8 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 4 Bậc Thánh Quả; trong sát na lúc thụ mộng bất thiếp mật sinh khởi với 7 hạng Người là 4 Phàm Phu và 3 Bậc Quả Hữu Học.

Rằng theo Địa Giới: trong sát na thời chính thường sinh khởi trong 26 Ngũ Uẩn Địa Giới và 4 Tứ Uẩn Địa Giới; trong sát na lúc thụ mộng bất thiếp mật sinh khởi trong 4 Địa Giới, là 1 Nhân Loại Địa Giới (Manussabhūmi) và 3 Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi) [trừ Địa Ngục Địa Giới (Nirayabhūmi)].

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 19 Tâm Hữu Phần, là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới, 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới và 4 Tâm Hữu Phần Vô Sắc Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình là 1 Tâm Khai Ý Môn (sinh 2 sát na).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau

- ở phần 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh;

- ở phần 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, đó là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Túc Chế Định và 4 Hữu Tịnh Chế Định có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh;

- còn ở phần 4 Tâm Hữu Phần Vô Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** và Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Đáo Đại hữu quan với 4 Vô Sắc Nghiệp Xứ (**Arūpakammaṭṭhāna**) đó là Hoàn Tịnh Phóng Khí Hư Không Chế Định, Thiên Không Vô Biên Xứ, Vô Hữu Chế Định và Thiên Vô Sở Hữu Xứ có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này (là Tâm Khai Ý Môn) có 6 Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý ở thời quá khứ, hoặc **18 Sắc Thành Sở Tác Vị Lai (Anāgatanipphannarūpa)** và Cảnh Pháp đó là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 10 Sắc Phi Thành Tựu sinh khởi ở 3 cả Thời, và Chế Định ở phần Ngoại Thời làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình, nếu như sinh trong Ngũ Uẩn Địa Giới đều y cứ Ý Vật sinh khởi, nếu như sinh trong Tứ Uẩn Địa Giới cũng không cần phải y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2:

Rằng khi theo Người v.v cho đến Vật đây, cũng có lẽ hiện hành trong cùng một phương thức tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 1 có Tâm Khai Ý Môn sinh khởi 2 sát na, còn Thể Loại Lộ Trình thứ 2 có Tâm Khai Ý Môn sinh khởi 3 sát na ngàn ấy thôi.

BẢN ĐỒ 1 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ BẤT MINH HIỂN THUẦN Ý MÔN

Bha Bha Na Na Bha Bha Bha Bha Bha Bha Bha



[--19--] [-- 19--] [-----19 Tâm Hữu Phần-----]

**GIẢI THÍCH 1 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH
CẢNH CỰC KỲ BẤT MINH HIỂN THUẦN Ý MÔN
THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:**

Rằng khi theo Người v.v. cho đến Vật đây, cũng có lẽ hiện hành trong cùng một phương thức tương tự với cả 2 Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện. Chỉ khác biệt là Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện có Tâm Lộ Trình là Tâm Khai Ý Môn sinh khởi 2 hoặc 3 sát na. Còn Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện ấy, không có việc sinh khởi bất luận một loại Tâm Lộ Trình nào cả, có thể chỉ có **Tâm Hữu Phần Chấn Động (Bhavaṅgalana)** sinh khởi 2 sát na ngàn ấy thôi.

**TÓM TẮT LỘ TRÌNH CẢNH BẤT MINH HIỂN
VÀ LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ BẤT MINH HIỂN
LỘ TRÌNH CẢNH BẤT MINH HIỂN CÓ SỐ LƯỢNG 2 LỘ TRÌNH:**

1. Hữu Phần, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ, 2 sát na Khai Ý Môn, rồi Hữu Phần tiếp nối.
2. Hữu Phần, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ, 3 sát na Khai Ý Môn, rồi Hữu Phần tiếp nối.

LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỲ BẤT MINH HIỂN CÓ SỐ LƯỢNG 1 LỘ TRÌNH:

1. Hữu Phần, 2 sát na Hữu Phần Chấn Động rồi Hữu Phần tiếp nối.

Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện sinh khởi trong sát na tư khảo trong 6 Cảnh tinh tế chu mật, ở cả Siêu Lý và Chế Định, đã đi đến hiện bày ở Lộ Ý thể nhưng cũng nghĩ suy không ra, ký ức cũng không được; hoặc sinh khởi trong sát na đang mộng ảo và câu chuyện đang mộng ảo ấy cũng bất thanh sở, chỉ nói được rằng thụy mộng bất thiếp mật thôi, thành ra việc sinh khởi Tâm Khai Ý Môn chỉ có 2, 3 sát na thôi.

Còn Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện ấy, sinh khởi trong sát na 6 Cảnh tinh tế chu mật, ở cả Siêu Lý và Chế Định, đi đến hiện bày ở Lộ Ý nhưng bất tri giác, hoặc sự tri giác sinh khởi trong sát na ấy y như thể đã thụy mộng một cách thiếp mật, vì không có Tâm Lộ Trình sinh khởi, có thể có chỉ Tâm Hữu Phần Chấn Động sinh khởi 2 sát na ngàn ấy thôi.

Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện và Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện, nếu như sinh khởi bất hữu quan với sự mộng ảo (là thời gian chính thường nghĩ suy không ra, hoặc ký ức không được), sinh khởi với 8 hạng Người, là 4 Phạm Phu và 4 Bậc Thánh Quả ở trong 26 Ngũ Uẩn Địa Giới và 4 Tứ Uẩn Địa Giới.

Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện và Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện, nếu như sinh khởi trong sát na mộng ảo, sinh khởi với 7 hạng Người, là 4 Phạm Phu và 3 Bậc Quả Hữu Học trong 1 Nhân Loại Địa Giới và 3 Thống Khổ Địa Giới (trừ Địa Ngục Địa Giới).

LỘ TRÌNH THỤY TƯỚNG (SUPINAVITHĪ)

Người đang thụ mộng thiếp mật ấy, Lộ Trình Thụy Tướng là Lộ Trình Tâm hữu quan với các sự mộng ảo sinh khởi không được, bởi vì Lộ Trình Thụy Tướng không sinh khởi với người đang thụ mộng thiếp mật, hoặc người đang giác tỉnh một cách chính thường, sẽ có thể khởi lên được chỉ với người đang thụ mộng bất thiếp mật thôi.

LỘ TRÌNH THỤY TƯỚNG CÓ SỐ LƯỢNG 12 THỂ LOẠI:

1. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Na Cảnh, không có Hữu Phần Quá Khứ.
2. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Quá Khứ, và không có Hữu Phần Khách.
3. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng có Hữu Phần Khách.
4. Lộ Trình Cảnh Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Quá Khứ và không có Hữu Phần Khách.
5. Lộ Trình Cảnh Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng có Hữu Phần Khách.
6. Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện Thời Kỳ Đoán Định.
7. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện Thời Kỳ Vô Hiệu Lực.
8. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Na Cảnh, có Hữu Phần Quá Khứ.
9. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng không có Hữu Phần Khách.
10. Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Quá Khứ và có Hữu Phần Khách.
11. Lộ Trình Cảnh Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng không có Hữu Phần Khách.
12. Lộ Trình Cảnh Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Quá Khứ và có Hữu Phần Khách.

Lộ Trình Thụy Tướng sinh khởi với 7 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 3 Bậc Quả Hữu Học trong 1 Nhân Loại Địa Giới và 3 Thống Khổ Địa Giới (trừ Địa Ngục Địa Giới).

Lộ Trình Thụy Tướng có Hữu Phần Quá Khứ (Thể Loại Lộ Trình thứ 8 đến 12) như đã có đề cập rồi, sinh khởi trong sát na tiếp thân Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại làm thành Cảnh, ví như người đang thụ mộng khi có người đến réo gọi, hoặc lay lắc thân thể để đánh thức dậy. Trong sát na ấy, Lộ Trình Nhĩ Môn, Lộ Trình Thân Môn và Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ thường sinh khởi. Còn các Lộ Trình Tâm khác không sinh khởi, mới hóa thành Lộ Trình Thụy Tướng bởi do nương vào âm thanh và việc đụng chạm vào sắc thân ở phần Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại, vì thế các loại Lộ Trình Tâm này mới có Hữu Phần Quá Khứ.

LỘ TRÌNH Ý MÔN ĐỒNG LỰC KIÊN CỐ

(APPANĀJAVANAMANODVĀRAVITHĪ)

Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố là Lộ Trình Ý Môn đưa Đồng Lực Kiên Cố lên làm chủ yếu, bởi do có bất luận một trong 8 Đồng Lực Tương Ứng Trí có tên gọi là **Chuẩn Bị (Parikamma)**, **Cận Hành (Upacāra)** v.v. sinh khởi làm cơ sở khoản đãi các Đồng Lực Kiên Cố này, vì thế mới cần phải hiểu biết với lời tóm lược, lời đầy đủ và ý nghĩa trong Lộ Trình Kiên Cố ở phần trên, như tiếp theo đây:

CHUẨN BỊ (PARIKAMMA), CẬN HÀNH (UPĀCĀRA), THUẬN TÙNG (ANULOMA), CHUYỂN TỘC (GOTRABHŪ) VÀ DŨ TỊNH (VODĀNA)

1. Pari: Chuẩn Bị (Parikamma): Đồng Lực Dục Giới gọi tên là **Chuẩn Bị**, bởi vì làm nguyên nhân cho việc chuẩn bị điểm xuyết bố trí để cho Đồng Lực Kiên Cố - đề cập đến là **Thiền Định (Jhāna)**, **Thắng Trí (Abhiññā)**, **Đồ Đạo (Magga)** và **Quả (Phala)** sinh khởi, vì thế mới gọi tên **Chuẩn Bị (Parikamma)**, như trình bày Chú Giải rằng **Indriyasamatādīhi parito bhāgehi appanā kariyati sajjīyati etenāti = Parikammaṃ** dịch nghĩa “hành giả nên chuẩn bị điểm xuyết bố trí từng các phần kiên cố một cách chu tường có việc bồi huấn cả 5 **Quyền Lực (Indriya)** cho nhất quán với Tâm Đồng Lực này, vì thế Tâm Đồng Lực làm nguyên nhân cho việc chuẩn bị điểm xuyết bố trí cho Đồng Lực Kiên Cố ấy sinh khởi mới gọi tên **Chuẩn Bị**”, hoặc một phần khác nữa **Parikaroti appannaṃ abhisankharotīti = Parikammaṃ** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường chuẩn bị điểm xuyết bố trí Thiền Định, Thắng Trí, Đồ Đạo và Quả cho thành kiên cố sinh khởi, vì thế Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Chuẩn Bị**”.

2. Upa: Cận Hành (Upacāra): Đồng Lực Dục Giới gọi tên là **Cận Hành**, vì thành Đồng Lực sinh khởi cận kề phạm vi của Đồng Lực Kiên Cố, như trình bày Chú Giải rằng **Appanāya upecca caratīti = Upacāro** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường sinh khởi tiếp cận với Kiên Cố, vì thế Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Cận Hành**”, hoặc một phần khác nữa **Samīpe caratīti = Upacāro** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường sinh khởi trong sát na tiếp cận với Kiên Cố là Thiền Định, Thắng Trí, Đồ Đạo và Quả, vì thế, Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Cận Hành**”.

3. Nu: Thuận Tùng (Anuloma): Đồng Lực Dục Giới gọi tên là **Thuận Tùng**, vì hiện hành vừa theo thích hợp với Kiên Cố, với việc căn trừ Pháp đối lập nhau, vì thế mới gọi tên là **Thuận Tùng**, như trình bày Chú Giải rằng **Paccanīkadhammavidha manena appanāya anukulanti = Anulomaṃ** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường hiện hành vừa theo thích hợp với Kiên Cố, với việc bài khai Pháp đối lập nhau, vì thế, Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Thuận Tùng**”, hoặc một phần khác nữa **Pubbāparānaṃ anulometīti = Anulomaṃ** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường sinh khởi truy tùy Đồng Lực cả hai phía, đề cập đến là Đồng Lực Chuẩn Bị sinh trước **Lộ Trình Thiền Định (Jhānavithī)** và **Lộ Trình Đắc Đạo (Maggavithī)** sẽ sinh khởi, và Đồng Lực Kiên Cố sinh khởi phía sau, vì thế, Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Thuận Tùng**”.

4. Go: Chuyển Tộc (Gotrabhū): Đồng Lực Dục Giới gọi tên là **Chuyển Tộc**, vì trong sát na ấy thực hiện việc sản trừ tuyệt **Nhân Chung Dục Giới (Jātikāma)** (trong Lộ Trình Thiền Định) và thực hiện việc sản trừ tuyệt **Chung Tộc Phàm Phu (Jātiputhujja na)** (trong Lộ Trình Đắc Đạo), cho thâm nhập **Chung Tộc Đáo Đại (Jātimahaggata)** và **Chung Tộc Siêu Thế (Jātilokuttara)**, vì thế Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Chuyển Tộc**, như trình bày Chú Giải rằng **Gottam abhībhūyati chijjati etthāti = Gotrabhū** dịch nghĩa “hành giả thường sản trừ tuyệt Nhân Chung Dục Giới, hoặc sản trừ tuyệt Chung Tộc Phàm Phu bởi Tâm Đồng Lực ấy, vì thế Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Chuyển Tộc**, hoặc một phần khác nữa **Gottam bhāveti vuddhetīti = Gotrabhū** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường thực hiện cho **Chung Tộc Đáo Đại (Jātimahaggata)** và **Chung Tộc Siêu Thế (Jātilokuttara)** phát triển lên, vì thế, Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Chuyển Tộc**.”

5. Vo: Dũ Tịnh (Vodāna – Thánh Khiết): Đồng Lực Dục Giới gọi tên là **Dũ Tịnh**, vì thực hiện cho Bậc Thánh Nhân thâm nhập sự thuần tịnh một cách đặc thù phi thường. Đề cập đến là Bậc Thất Lai sát na đắc **Đạo Nhất Lai (Sakadāgāmicarā)**, **Quả Nhất Lai (Sakadāgāmicaphala)** thường có Đồng Lực Dục Giới có nhiệm vụ nghênh tiếp Níp Bàn, và phóng trí **Pháp Hữu Vi (Saññhetadhamma)** trước, để sẽ cho Đạo Nhất Lai sinh khởi tiếp thân Níp Bàn làm thành Cảnh, luôn cả thực hiện việc đoạn trừ **Tùy Miên Phiền Não (Anusayakilesa)** có mãnh lực đặc thù phi thường hơn cả việc đoạn trừ Tùy Miên Phiền Não của Đạo Thất Lai.

Bậc Nhất Lai sát na đắc **Đạo Bất Lai (Anāgāmicarā)**, **Quả Bất Lai (Anāgāmicaphala)** và Bậc Bất Lai sát na đắc **Đạo Vô Sinh (Arahattacarā)**, **Quả Vô Sinh (Arahattaphala)** thường có Đồng Lực Dục Giới có nhiệm vụ tương tự như nhau, để cho Đạo Bất Lai và Đạo Vô Sinh sinh khởi tiếp thân Níp Bàn làm thành Cảnh, luôn cả thực hiện việc đoạn trừ Tùy Miên Phiền Não, có mãnh lực đặc thù phi thường hơn cả việc đoạn trừ Tùy Miên Phiền Não của Tâm Đạo bậc thấp, vì thế mới gọi tên **Dũ Tịnh**, như trình bày Chú Giải trình bày rằng **Vodānetīti = Vodānam** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường làm cho Bậc Thánh Nhân thâm nhập sự thuần tịnh một cách đặc thù phi thường, vì thế Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Dũ Tịnh**”.

LỘ TRÌNH Ý MÔN ĐỒNG LỰC KIÊN CỐ CÓ 7 LỘ TRÌNH (APPANĀJAVANAMANODVĀRAVITHĪ)

- 1. Lộ Trình Sơ Khởi Thiền (Ādikammikajhānavithī).**
- 2. Lộ Trình Nhập Thiền Định (Jhānasamāpattivithī).**
- 3. Lộ Trình Thiền Cơ Bản (Pādakajhānavithī).**
- 4. Lộ Trình Thắng Trí (Abhiññānavithī).**
- 5. Lộ Trình Đắc Đạo (Maggavithī).**
- 6. Lộ Trình Nhập Thiền Quả (Phalasamāpattijhāna).**
- 7. Lộ Trình Nhập Thiền Diệt (Nirodhasamāpattijhāna).**

Phạm Vi Chuyển Khởi của các loại Lộ Trình này có 1, là Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện (theo phần Chú Giải và Phụ Chú Giải) hoặc Cảnh Minh Hiện (theo phần Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp). Còn Thời Kỳ Cảnh Minh Hiện của loại Lộ Trình này có 1, là Thời Kỳ Đồng Lực.

BẢN ĐỒ 7 LỘ TRÌNH Ý MÔN KIÊN CỐ

1. LỘ TRÌNH SƠ KHỞI THIỀN

Bha Na Da Ma Pari U Nu Go Jha Bha Bha Bha

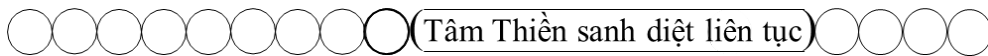


[----13 ----] 1 [-----8-----] 18 [----13 ----]

2. LỘ TRÌNH NHẬP THIỀN ĐỊNH

Bha Na Da Ma Pari U Nu Go Jha

Jha Bha Bha Bha



[----13----] 1 [----- 8 ----] [----- 18 -----] [---- 13 ----]

3. LỘ TRÌNH THIỀN CƠ BẢN

Bha Na Da Ma Pari U Nu Go Jha

Jha Bha Bha



[---- 9 ----] 1 [----- 4 ----] [----- 2 -----] [-- 9 --]

4. LỘ TRÌNH THẮNG TRÍ

Bha Na Da Ma Pari U Nu Go Bhi Bha Bha Bha



[---- 9 ----] 1 [----- 4 ----] 2 [---- 9 ----]

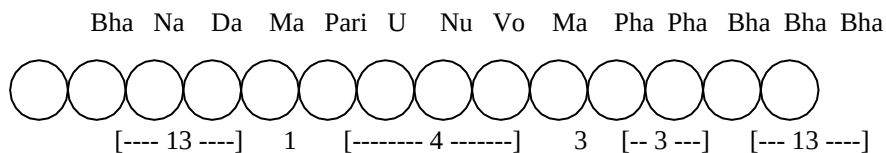
5. LỘ TRÌNH ĐẮC ĐẠO LỘ TRÌNH ĐẮC ĐẠO THẤT LAI

Bha Na Da Ma Pari U Nu Go Ma Pha Pha Bha Bha Bha

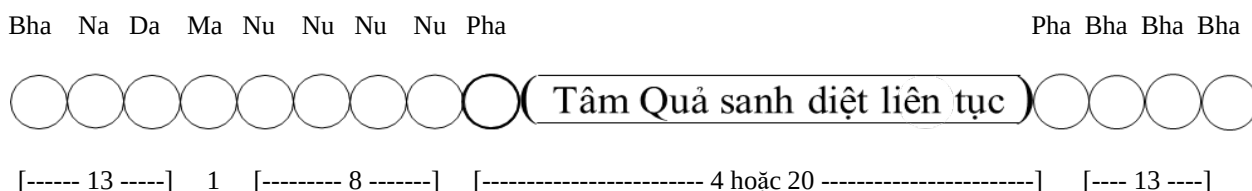


[---- 9 ----] 1 [----- 4 ----] 1 [--- 2 ---] [---- 9 ----]

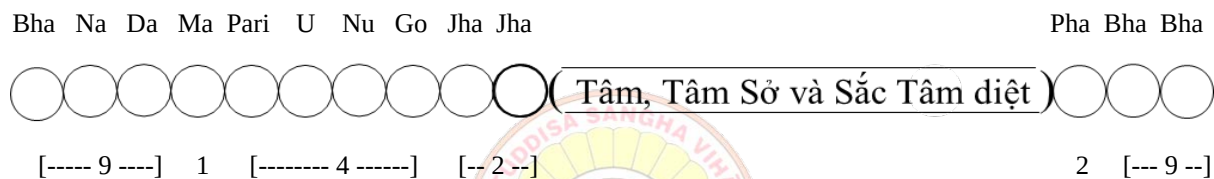
LỘ TRÌNH ĐẮC ĐẠO 3 BẬC TRÊN



6. LỘ TRÌNH NHẬP THIỀN QUẢ



7. LỘ TRÌNH NHẬP THIỀN DIỆT



Ghi chú: Cả 7 bản đồ Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố này đặc biệt chỉ trình bày sinh khởi với **Người Độn Căn (Mandapuggala)** thôi, và nên chú ý rằng nếu như Tâm Lộ Trình sinh khởi với Người Độn Căn sẽ có từ ngữ **Pari (Parikamma – Chuẩn Bị)** ở trong bản đồ Lộ Trình, trong bản đồ **Lộ Trình Đắc Đạo (Maggavithī)** sẽ có Tâm Quả sinh khởi 2 sát na, và trong bản đồ **Lộ Trình Nhập Thiền Quả (Phalasamāpatti vithī)** sẽ có từ ngữ **Nu (Anuloma – Thuận Tùng)** sinh khởi 4 sát na. Thế nhưng, nếu như Tâm Lộ Trình sinh khởi với **Người Lợi Căn (Tikkhapuggala)**, trong bản đồ Lộ Trình sẽ không có từ ngữ **Pari (Parikamma – Chuẩn Bị)**, tuy nhiên bất luận thế nào, trong bản đồ Lộ Trình Đắc Đạo sẽ có Tâm Quả sinh khởi 3 sát na, và trong bản đồ Lộ Trình Nhập Thiền Quả sẽ có từ ngữ **Nu (Anuloma – Thuận Tùng)** sinh khởi 3 sát na.

GIẢI THÍCH 7 LỘ TRÌNH Ý MÔN ĐỒNG LỰC KIÊN CỐ

1. LỘ TRÌNH SƠ KHỞI THIỀN (ĀDIKAMMIKAJHĀNAVITHĪ)

Rằng theo Người: sinh khởi với 5 hạng Người, là 1 Người Tam Nhân và 4 Bậc Thánh Quả.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong **26 (*)** Địa Giới, là 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) và 4 Vô Sắc Địa Giới.

[(*): Trong **Lộ Trình Sơ Khởi Thiền (Ādikammikajhānavithī)** này,

- nếu như Đồng Lực Kiên Cố là 5 Tâm Thiện Sắc Giới, 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới sinh được trong 22 Địa Giới là 7 Thiện Dục Địa Giới và 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới);

- nếu như Đồng Lực Kiên Cố là 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, 1 Tâm Duy Tác Không Vô Biên Xứ sinh được trong 23 Địa Giới, là 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) và Không Vô Biên Xứ Địa Giới;

- nếu như Đồng Lực Kiên Cố là 1 Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ sinh được trong 24 Địa Giới, là 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới), Không Vô Biên Xứ Địa Giới và Thức Vô Biên Xứ Địa Giới.

- nếu như Đồng Lực Kiên Cố là 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, 1 Tâm Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ sinh được trong 25 Địa Giới, là 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới), Không Vô Biên Xứ Địa Giới, Thức Vô Biên Xứ Địa Giới và Vô Sở Hữu Xứ Địa Giới.

- nếu như Đồng Lực Kiên Cố là 1 Tâm Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 1 Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ sinh được trong 26 Địa Giới, là 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) và 4 Vô Sắc Địa Giới.]

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 13 Tâm Hữu Phần Tam Nhân, là 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới và 9 Tâm Hữu Phần Đáo Đại, tùy theo Người và Địa Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 9 Tâm Thiện Đáo Đại và 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, ở phần 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh; ở phần 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Túc Chế Định và 4 Hữu Tình Chế Định có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Còn ở phần 4 Tâm Hữu Phần Vô Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hoặc **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Đáo Đại (Mahaggatakammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với 4 Vô Sắc Nghiệp Xứ là Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh Chế Định, Thiên Không Vô Biên Xứ, Vô Hữu Chế Định và Thiên Vô Sở Hữu Xứ có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, nếu như 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, bất luận một Tâm nào có tên gọi là **Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tòng, Chuyển Tộc** và Đồng Lực Kiên Cố là 5 Tâm Thiện Sắc Giới, 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, 1 Tâm Duy Tác Không Vô Biên Xứ, 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, 1 Tâm Duy Tác Vô Sở Hữu

Xứ có **Quang Tướng (Paṭibhāganimitta)** của 28 Nghiệp Xứ, là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Túc Chế Định, 4 Hữu Tình Chế Định và 1 Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh Chế Định, 1 Vô Hữu Chế Định làm thành Cảnh; nếu như 1 Tâm Khai Ý Môn, 2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Xả Thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xả Thọ, bất luận một Tâm nào có tên gọi là **Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tòng, Chuyển Tộc** và Đồng Lực Kiên Cố là 1 Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 1 Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ có **Quang Tướng Đáo Đại (Mahaggataparikammanimitta)** của 2 Nghiệp Xứ Vô Sắc, là 1 Thiên Không Vô Biên Xứ và 1 Thiên Vô Sở Hữu Xứ làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và hết cả thấy Tâm Lộ Trình, nếu như sinh trong 7 Thiện Dục Địa Giới và 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) đều y cứ Ý Vật sinh khởi; thế nhưng, nếu như sinh trong 4 Vô Sắc Địa Giới cũng không cần phải y cứ Ý Vật sinh khởi.

(Còn trong Lộ Trình thứ 2, 3, 4, 5, 6 và 7, rằng khi theo **Vật (Vatthu)** cũng nên hiểu biết tương tự với Lộ Trình này).

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH SƠ KHỞI THIỀN VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH SƠ KHỞI THIỀN CỦA NGƯỜI ĐỘN CĂN

Hành giả tiến tu 30 loại **Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhāna)** có **Địa Biên Xứ (Paṭhavī kasiṇa)** v.v khi gần sẽ chứng đắc Thiền Định, bất luận một thể loại nào về **Quang Tướng Chế Định (Paññattipaṭibhāganimitta)** hoặc **Quang Tướng Đáo Đại (Mahaggatapaṭibhāganimitta)** trong số lượng 30 thể loại mà bản thân đã hành sử tiến tu đến hiện bày nơi Lộ Ý Môn, vì thế Tâm Hữu Phần mới sinh khởi 2 sát na gọi tên là **Hữu Phần Chấn Động (Bhavaṅgalana)** và **Hữu Phần Đình Chỉ (Bhavaṅgupaccheda)** rồi cũng diệt mất. Trong thuận tự ấy, bất luận một Tâm nào trong 8 Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí hoặc Đại Duy Tác Tương Ứng Trí sinh khởi tiếp thân Quang Tướng Chế Định hoặc Quang Tướng Đáo Đại 4 sát na, trong vị trí là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tòng và Chuyển Tộc gọi là **Đồng Lực Cận Hành Định (Upacārasamādhijavana)** rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, **Thiền Thiền (Jhānakusala)** hoặc **Duy Tác Thiền (Jhānakiriyā)** sinh khởi 1 sát na tiếp thân Quang Tướng Chế Định hoặc Quang Tướng Đáo Đại gọi là **Đồng Lực Định An Chỉ (Appanāsamādhijavana – Đồng Lực Định Kiên Cố)** 1 sát na rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Hữu Phần cũng sinh tiếp nối đằng sau ấy, Lộ Trình Ý Môn có 8 Đồng Lực Đại Thiện hoặc 8 Đồng Lực Đại Duy Tác thường sinh khởi thực hiện nhiệm vụ với vị trí là **Lộ Trình Khảo Sát (Paccavekkhaṇavithī)** nói đến là khảo sát **Chi Thiền Định (Aṅgajhāna)** có **Tầm (Vitakka)** v.v. sinh khởi tiếp nối nhiều vòng vừa theo thích hợp.

2. LỘ TRÌNH NHẬP THIỀN ĐỊNH (JHĀNASAMĀPATTIVITHĪ)

Rằng khi theo Người v.v. cho đến Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành tương tự với Lộ Trình Sơ Khởi Thiền với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Lộ Trình Sơ Khởi Thiền có **Tâm Thiền (Jhānacitta)** chỉ sinh khởi 1 sát na thôi, còn Lộ Trình Nhập Thiền Định có Tâm Thiền sinh khởi nối tiếp nhau liên tục một cách nhu yếu mà **Hạnh Vận Thiền Giả (Jhānalābhīpuggala)** đã được lập tâm kỳ nguyện.

THỦ TIÊN YẾU TỔ NHẬP THIỀN ĐỊNH

Hành giả trước khi Nhập Thiền Định có được lập tâm kỳ nguyện rằng **Sơ Thiền (Paṭhamajhāna)** (hoặc **Nhị Thiền (Dutiyajhāna)**, **Tam Thiền (Tatiyajhāna)** v.v. cho đến **Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ (Nevasaññānāsaññāyatana-jhāna)** tùy theo sự nhu yếu) mà tôi đã chứng đắc, xin hãy phát sinh lên đối với tôi suốt trọn thời gian 1 giờ đồng hồ (hoặc suốt trọn 2 – 3 giờ đồng hồ, tùy theo sở cầu), thế rồi chú thị Quang Tướng của Nghiệp Xứ ấy, cùng với tinh tâm chú niệm rằng **Địa (Paṭhavī), Địa (Paṭhavī)** [hoặc **Thủy (Āpo), Hỏa (Tejo), Phong (Vāyo)**, hoặc **Chúng Hữu Tình Đùng Có Oan Trái Lẫn Nhau (Sabbe sattā sabbe pānā averā hontu)** hoặc **Sinh Chướng Thăm Đen (Uddhumātakam vinīlakam)** v.v. tùy theo Nghiệp Xứ mà bản thân hành sử tiến tu].

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH NHẬP THIỀN ĐỊNH

Việc sinh khởi Lộ Trình Nhập Thiền Định có như thế này: **Hạnh Vận Thiền Giả (Jhānalābhīpuggala)** trước khi Nhập Thiền có được lập tâm kỳ nguyện rằng **Sơ Thiền (Paṭhamajhāna)** (hoặc **Nhị Thiền (Dutiyajhāna)**, **Tam Thiền (Tatiyajhāna)** v.v. cho đến **Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ (Nevasaññānāsaññāyatana-jhāna)** tùy theo sự nhu yếu) mà tôi đã chứng đắc, xin hãy phát sinh lên đối với tôi suốt trọn thời gian 1 giờ đồng hồ (hoặc suốt trọn 2 – 3 giờ đồng hồ, tùy theo sở cầu), thế rồi chú thị Quang Tướng của Nghiệp Xứ ấy, cùng với tinh tâm chú niệm rằng **Địa (Paṭhavī), Địa (Paṭhavī)** [hoặc **Thủy (Āpo), Hỏa (Tejo), Phong (Vāyo)**, hoặc **Chúng Hữu Tình Đùng Có Oan Trái Lẫn Nhau (Sabbe sattā sabbe pānā averā hontu)** hoặc **Sinh Chướng Thăm Đen (Uddhumātakam vinīlakam)** v.v. tùy theo Nghiệp Xứ mà bản thân hành sử tiến tu]. Trước khi Tâm Thiền sẽ sinh khởi, Hữu Phần chuyển động sinh khởi 2 sát na gọi là Hữu Phần Chấn Động và Hữu Phần Đình Chỉ rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Khai Ý Môn cũng sinh khởi tiếp thu Cảnh Quang Tướng rồi cũng diệt mất. Trong thuận tự ấy, Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí hoặc Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, bất luận một Tâm nào sinh khởi 3 hoặc 4 sát na (tùy theo Người) tiếp thu Quang Tướng theo vị trí là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng và Chuyển Tộc, hoặc Cận Hành, Thuận Tùng và Chuyển Tộc, rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Thiền cũng sinh khởi nối tiếp nhau liên tục suốt thời gian đã có lập tâm kỳ nguyện.

Khi đáo kỳ hạn như đã lập tâm kỳ nguyện, Tâm Hữu Phần cũng sinh khởi, dĩ hậu **Lộ Trình Khảo Sát (Paccavekkhaṇavithī)** cũng sinh khởi nối tiếp một cách thích hợp.

3. LỘ TRÌNH THIỀN CƠ BẢN (PĀDAKAJHĀNAVITHĪ)

Rằng theo Người: sinh khởi với 5 hạng Người, là 1 Người Tam Nhân và 4 Bậc Thánh Quả.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 22 Địa Giới, là 7 Thiện Dục Địa Giới và 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 9 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Ngũ Uẩn Địa Giới, là 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới và 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới, tùy theo Người và Địa Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Xả Thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xả Thọ, và 1 Tâm Thiện Ngũ Thiền Sắc Giới, 1 Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Sắc Giới.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, ở phần 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh; ở phần 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, đó là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Tác Chế Định và 4 Hữu Tình Chế Định có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này chỉ có Quang Tướng hữu quan với 10 Hoàn Tịnh Chế Định làm thành Cảnh thôi.

4. LỘ TRÌNH THẮNG TRÍ (ABHIÑÑVITHĪ)

Rằng theo Người, Rằng theo Địa Giới: tương tự với Lộ Trình Thiền Cơ Bản.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 9 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Ngũ Uẩn Địa Giới, tùy theo Người và Địa Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Xả Thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xả Thọ và 1 Tâm Thiện Thắng Trí Ngũ Thiền Sắc Giới, 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí Ngũ Thiền Sắc Giới.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, ở phần 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới và 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có Cảnh tương tự với Lộ Trình Thiền Cơ Bản. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh ở hết cả phần Siêu Lý và Chế Định làm thành Cảnh.

THỦ TIÊN YẾU TỐ THỰC HIỆN THẮNG TRÍ

1. Nhập Thiền Cơ Bản trước, đề cập đến là Nhập Ngũ Thiền Sắc Giới.
2. Khi xuất ra khỏi Thiền Cơ Bản rồi, cũng lập tâm kỳ nguyện vừa theo sở cầu.
3. Khi sự lập tâm kỳ nguyện đã ổn thỏa, cũng trở lại Nhập Thiền Cơ Bản lần nữa.

4. Khi xuất ra khỏi Thiền Cơ Bản lần thứ 2, Lộ Trình Thăng Trí cũng sinh khởi. Khi Lộ Trình Thăng Trí đã sinh khởi rồi, chính thị trong sát na ấy, mọi sở nguyện theo mọi sở cầu bản thân nhu yếu cũng sẽ phát sinh lên.

Hành giả trước khi sẽ thực hiện Thăng Trí ấy, cần phải lập tâm kỳ nguyện rằng “xin cho Ngũ Thiền Sắc Giới mà tôi đã thành đạt rồi đó, xin hãy phát sinh lên đối với tôi”. Thế rồi chú thị bất luận một thể loại nào trong 10 Hoàn Tịnh Chế Định (**sẽ không được chú thị ở các Nghiệp Xứ khác được**). Tiếp nối từ nơi ấy, **Nhập Thiền Định (Jhānasamāpatti)** hữu quan với Ngũ Thiền cũng sinh khởi theo thuận tự như thế này: Hữu Phần, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi, Tâm Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng và Chuyển Tộc rồi Ngũ Thiền Sắc Giới cũng sinh khởi một cách liên tục ước chừng 1 giây hoặc 1 phút này gọi là **Lộ Trình Thiền Cơ Bản**.

Khi xuất ra khỏi Thiền Cơ Bản rồi, cũng cần phải tĩnh tâm chú niệm hữu quan với việc thực hiện Thăng Trí, đề cập đến là: nếu như có bất luận một sở nguyện nào, chẳng hạn như thực hiện việc phi đẳng cũng lập tâm kỳ nguyện rằng “xin cho sắc thân tôi được bay liêng trong hư không”; nếu như nguyện vọng sẽ trông thấy địa ngục, thiên đường cũng lập tâm kỳ nguyện rằng “xin cho tôi được trông thấy sự sinh hoạt của hữu tình địa ngục hoặc của Chư Thiên”; nếu như sẽ nhu cầu việc biến hóa ra các vật thể nào, cũng lập tâm kỳ nguyện theo sở cầu của bản thân; mong muốn sẽ thấu hiểu đến tâm ý của bất luận người nào cũng lập tâm kỳ nguyện rằng “xin cho tôi được thấu hiểu sự hiện hành tâm ý người ấy”, hoặc nhu cầu sẽ tự mình biến hóa cho thành nhiều người, cũng lập tâm kỳ nguyện theo sở cầu của bản thân. Trong sát na đang thực hiện việc lập tâm kỳ nguyện ấy, Lộ Trình Tâm chỗ gọi là **Lộ Trình Chuẩn Bị (Parikammavithi)** cũng sinh khởi một cách liên tục như thế này: Hữu Phần, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi, Tâm Khai Ý Môn, 7 sát na Tâm Đồng Lực rồi Hữu Phần nối tiếp sinh khởi được rất nhiều vòng đến đổi đếm không xiết.

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH THĂNG TRÍ

Khi sự lập tâm kỳ nguyện đã ổn thỏa, cũng nhập lại Thiền Cơ Bản lần nữa, chính thị là Ngũ Thiền Sắc Giới. Việc nhập Ngũ Thiền Sắc Giới lần thứ hai này, việc Nhập Thiền cũng có lẽ hiện hành trong cùng một phương thức tương tự với lần thứ 1. Khi xuất ra khỏi Ngũ Thiền rồi, Lộ Trình Thăng Trí cho được thành tựu theo việc đã lập tâm kỳ nguyện cũng sinh khởi như thế này: Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi, Tâm Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng, Chuyển Tộc, và 1 sát na Tâm Thăng Trí, rồi Tâm Hữu Phần sinh tiếp nối. Trong sát na Tâm Thăng Trí sinh khởi các sự việc theo bản thân đã lập tâm kỳ nguyện cho được thành tựu với mọi trường hợp.

5. LỘ TRÌNH ĐẮC ĐẠO (MAGGAVITHI) LỘ TRÌNH ĐẮC ĐẠO THẮT LAI (SOTĀPATTIMAGGAVITHI)

Ràng theo Người: sinh khởi với Người Tam Nhân.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 17 Địa Giới, là 7 Thiện Dục Địa Giới, và 15 Sắc Địa Giới [trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới và Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới (Suddhāvāsabhūmi)].

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 9 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Ngũ Uẩn Địa Giới, tùy theo Người và Địa Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 1 hoặc 5 Tâm Đạo Thất Lai, và 1 hoặc 5 Tâm Quả Thất Lai.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, ở phần 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới và 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có Cảnh tương tự với **Lộ Trình Thiện Cơ Bản (Pāḍakajhānavithī)**.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, 1 Tâm Khai Ý Môn và 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí trong sát na thực hiện nhiệm vụ Chuẩn Bị, Cận Hành và Thuận Tùng có Tam Tướng của Danh Sắc làm thành Cảnh. Còn trong sát na thực hiện nhiệm vụ Chuyển Tộc và 1 hoặc 5 Tâm Đạo Thất Lai, 1 hoặc 5 Tâm Quả Thất Lai có Níp Bàn làm thành Cảnh.

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH ĐẮC ĐẠO THẤT LAI

Việc sinh khởi Lộ Trình Đắc Đạo Thất Lai của người Lợi Căn có như thế này: hành giả đang **thực hành Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Paṭipattivipassanākammaṭ ṭhāna)**, trước khi sẽ chứng đắc Đạo Quả và Níp Bàn, cần phải được khán kiến Tam Tướng một cách minh hiển cực điểm, và trong sát na ấy Hữu Phần chuyển động sinh khởi được 2 sát na gọi tên là Hữu Phần Chấn Động và Hữu Phần Đình Chi rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Khai Ý Môn cũng sinh khởi tiếp thu thực tính của Danh hoặc Sắc rồi cũng diệt mất. Trong thuận tự ấy, bất luận một trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí sinh khởi 3 sát na, trong 3 sát na ấy, Cận Hành và Thuận Tùng tiếp thu Cảnh ở phần Sắc hoặc Danh rồi cũng diệt mất. Còn Chuyển Tộc tiếp thu Níp Bàn làm thành Cảnh theo vị trí ở phần khai mở (**Āvajjana**) của Tâm Đạo Thất Lai và sản trừ tuyệt **Chủng Tộc Phàm Phu (Jātiputhujjana)** rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Đạo Thất Lai cũng sinh khởi 1 sát na tiếp thu Níp Bàn làm thành Cảnh, cùng với đoạn trừ **Tà Kiến (Diṭṭhi)** và **Hoài Nghi (Vicikicchā)** một cách không có dư sót rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Quả Thất Lai cũng sinh khởi 3 sát na tiếp thu Níp Bàn làm thành Cảnh rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Hữu Phần cũng sinh khởi và Lộ Trình Ý Môn có bất luận một trong những Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí thường sinh khởi thực hiện nhiệm vụ theo sở tại địa **Lộ Trình Khảo Sát (Paccavek khaṇavithī)** đề cập đến là thực hiện nhiệm vụ tư khảo Đạo, Quả, Níp Bàn, Phiền Nã đã được phóng khí và Phiền Nã vẫn còn dư sót, sinh khởi tiếp nối nhiều vòng vừa theo thích hợp.

LỘ TRÌNH ĐẮC ĐẠO 3 BẬC TRÊN

Rằng theo Người: sinh khởi với 3 hạng Người, nói đến là Lộ Trình Đạo Nhất Lai sinh khởi với Bạc Thất Lai, Lộ Trình Đạo Bất Lai sinh khởi với Bạc Nhất Lai, Lộ Trình Đạo Vô Sinh sinh khởi với Bạc Bất Lai.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 26 Địa Giới vừa theo thích hợp đối với Đạo, như thế này: Lộ Trình Đạo Nhất Lai và Lộ Trình Đạo Bất Lai sinh được trong 21 Địa Giới, là 7 Thiện Dục Địa Giới, 10 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới và Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới) và 4 Vô Sắc Địa Giới. Còn Lộ Trình Đạo Vô Sinh sinh được trong 26 Địa Giới, là 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) và 4 Vô Sắc Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 13 Tâm Hữu Phần Tam Nhân, là 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới và 9 Tâm Hữu Phần Đáo Đại, tùy theo Người và Địa Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 3 hoặc 15 Tâm Đạo bậc trên, và 3 hoặc 15 Tâm Quả bậc trên.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với **Lộ Trình Sơ Khởi Thiện (Ādikammikajhānavithī)**. Đối với hết cả bảy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, 1 Tâm Khai Ý Môn và 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí trong sát na thực hiện nhiệm vụ Chuẩn Bị, Cận Hành và Thuận Tòng có Tam Tướng của Danh Sắc làm thành Cảnh. Còn trong sát na thực hiện nhiệm vụ Dữ Tịnh và 3 hoặc 15 Tâm Đạo bậc trên, 3 hoặc 15 Tâm Quả bậc trên có Níp Bàn làm thành Cảnh.

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH ĐẮC ĐẠO 3 BẬC TRÊN

Việc sinh khởi Lộ Trình Đắc Đạo 3 bậc trên của người Độn Căn có như thế này: hành giả đang thực hành **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Paṭipattivipassanākam maṭṭhāna)**, trước khi Lộ Trình Đắc Đạo bậc trên sẽ sinh khởi, cần phải được khán kiến Tam Tướng một cách minh hiển tột bậc, và trong sát na ấy Hữu Phần chuyển động sinh khởi được 2 sát na gọi tên là Hữu Phần Chấn Động và Hữu Phần Đình Chỉ rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Khai Ý Môn cũng sinh khởi tiếp thu thực tính Danh hoặc Sắc rồi cũng diệt mất. Trong thuận tự ấy, bất luận một trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí sinh khởi 4 sát na, trong 4 sát na ấy, Chuẩn Bị, Cận Hành và Thuận Tòng tiếp thu Cảnh ở phần Sắc hoặc Danh rồi cũng diệt mất. Còn Dữ Tịnh tiếp thu Níp Bàn làm thành Cảnh theo vị trí ở phần khai mở (**Āvajjana**) của 3 Tâm Đạo bậc trên. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Đạo Bất Lai, hoặc Tâm Đạo Vô Sinh cũng sinh khởi 1 sát na (vừa theo thích hợp đối với Người) tiếp thu Níp Bàn làm thành Cảnh, cùng với đoạn trừ **Phiền Não (Kilesa)** vừa theo thích hợp một cách không có dư sót rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Quả Nhất Lai, Tâm Quả Bất Lai, hoặc Tâm Quả Vô Sinh cũng sinh khởi 2 sát na (vừa theo thích hợp đối với Người) tiếp thu Níp Bàn làm thành Cảnh rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Hữu Phần cũng sinh khởi, rồi **Lộ Trình Khảo Sát (Paccavekkhaṇavithī)** có nhiệm vụ tư khảo Đạo, Quả, Níp Bàn, Phiền Não đã được phóng khí và Phiền Não còn lại, cũng sinh khởi tiếp nối vừa theo thích hợp.

6. LỘ TRÌNH NHẬP THIỀN QUẢ (PHALASAMĀPATTIVITHĪ)

Rằng theo Người: sinh khởi với 4 hạng Người, đó là 4 Bậc Thánh Quả.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 26 Địa Giới, tùy theo thích hợp đối với Bậc Thánh Quả như thế này: Lộ Trình Nhập Thiền Quả Thất Lai và Lộ Trình Nhập Thiền Quả Nhất Lai sinh được 21 Địa Giới, là: 7 Thiện Dục Địa Giới, 10 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới và Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới), và 4 Vô Sắc Địa Giới. Còn Lộ Trình Nhập Thiền Quả Bát Lai và Lộ Trình Nhập Thiền Quả Vô Sinh sinh được 26 Địa Giới, là: 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) và 4 Vô Sắc Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 13 Tâm Hữu Phần Tam Nhân. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí (trong sát na thực hiện nhiệm vụ 3 hoặc 4 sát na Thuận Tùng tùy theo thích hợp đối với Người) và 4 hoặc 20 Tâm Quả.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau có Cảnh tương tự với **Lộ Trình Sơ Khởi Thiền (Ādikammikajhānavithī)**. Đối với hết cả bảy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí và 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí có Tam Tướng của Danh Sắc làm thành Cảnh. Còn 4 hoặc 20 Tâm Quả có Níp Bàn làm thành Cảnh.

THỦ TIÊN YẾU TỐ NHẬP THIỀN QUẢ

Hành giả trước khi Nhập Thiền Quả cần phải lập tâm kỳ nguyện rằng “**Pháp Siêu Thế (Lokuttaradhamma)** mà tôi đã được chứng đắc hãy phát sinh lên và Cảnh ở phần **Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma)** hãy diệt mất suốt trọn thời gian 1 – 2 giờ đồng hồ tùy theo thích hợp sở cầu”, rồi cũng thực hành theo phương thức cả **4 Niệm Xứ (Sati paṭṭhāna)** đề cập đến là hạn định Danh Sắc đang sinh ở bên trong bản thân làm thành Cảnh.

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH NHẬP THIỀN QUẢ

Việc sinh khởi Lộ Trình Nhập Thiền Quả của Người Độn Căn và Người Lợi Căn có như thế này: các Bậc Thánh Nhân trước khi sẽ thụ hưởng **An Lạc Giải Thoát (Vimuttisukha)** nói đến là việc được Nhập Thiền Quả, cần phải lập tâm kỳ nguyện rằng “**Pháp Siêu Thế (Lokuttaradhamma)** mà tôi đã được chứng đắc hãy phát sinh lên và Cảnh ở phần **Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma)** hãy diệt mất suốt trọn thời gian 1 - 2 giờ đồng hồ”, rồi cũng thực hành theo phương thức cả **4 Niệm Xứ (Satipaṭṭhāna)** đề cập đến là việc hạn định Danh Sắc đang sinh ở bên trong bản thân. Trước khi Tâm Quả sẽ sinh khởi, Hữu Phần chuyển động sinh khởi được 2 sát na, gọi tên là Hữu Phần Chấn Động và Hữu Phần Đình Chỉ rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Khai Ý Môn cũng sinh khởi tiếp đầu thực tính Sắc hoặc Danh rồi cũng diệt mất. Trong thuận tự ấy, bất luận một trong 8 Tâm

Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí hoặc Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí sinh khởi 3 hoặc 4 sát na tùy theo hạng Người tiếp thu thực tính Sắc hoặc Danh theo vị trí là Thuận Tùng rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Quả cũng sinh khởi nối tiếp nhau liên tục suốt thời gian mà bản thân đã có lập tâm kỳ nguyện. Khi đáo kỳ hạn theo bản thân đã lập tâm kỳ nguyện rồi, Tâm Hữu Phần cũng sinh khởi, dĩ hậu **Lộ Trình Khảo Sát (Paccavekkhaṇavithī)** có nhiệm vụ tư khảo Quả và Níp Bàn cũng sinh khởi nối tiếp một cách thích hợp.

NHẬP THIỀN ĐỊNH (JHĀNASAMĀPATTI) VÀ NHẬP THIỀN QUẢ (PHALASAMĀPATTI)

Trong cả hai thể loại Nhập Thiền Định và Nhập Thiền Quả này, đều là Lộ Trình Nhập Thiền Định cả. Thế nhưng, trong Lộ Trình Nhập Thiền Quả ấy, không có gọi tên theo thuận tự, chỉ có gọi tên là cả 3 sát na hoặc 4 sát na Thuận Tùng. Còn trong Lộ Trình Nhập Thiền Định có gọi tên theo thuận tự là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng và Chuyển Tộc. Là như thế, vì việc sinh khởi Tâm Thiền và Tâm Quả ấy, không có giống nhau, ý muốn nói là Tâm Thiền sinh khi đắc Thiền lần đầu tiên với Tâm Thiền sinh khởi sát na Nhập Thiền Định ấy, **Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavana)** với **Đồng Lực Kiên Cố (Appanājavana)** trong cùng Lộ Trình sẽ phải là cùng một **chủng loại Tâm (Cittajāti)** với nhau, vì **Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavana)** ở phần **Pháp Chủng Thiện (Kusalajāti)** hoặc **Pháp Chủng Duy Tác (Kriyajāti)** có tên gọi là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng và Chuyển Tộc ấy, cần phải có Đồng Lực Kiên Cố cùng một chủng loại Tâm với mình tiếp nối sinh khởi, vì thế Lộ Trình Nhập Thiền Định mới tất yếu sẽ phải có tên gọi theo thuận tự. Thế nhưng, đối với Lộ Trình Nhập Thiền Quả ấy, duy nhất chỉ có **Tâm Quả (Phalacitta)** là **Pháp Chủng Dị Thục Quả (Vipākajāti)** sinh khởi, **Tâm Đạo (Maggacitta)** không có sinh khởi nữa, và **Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavana)** trong Lộ Trình Nhập Thiền Quả không có **Pháp Chủng Thiện (Kusalajāti)** hoặc **Pháp Chủng Duy Tác (Kriyajāti)**, chỉ có độc nhất Pháp Chủng **Đồng Lực Kiên Cố (Appanājavana)** sinh khởi nối tiếp với mình. Chỉ có **Đồng Lực Kiên Cố (Appanājavana)** là **Tâm Quả (Phalacitta)** ở phần **Pháp Chủng Dị Thục Quả (Vipākajāti)** sinh nối tiếp ngàn ấy thôi; vì thế, Lộ Trình Nhập Thiền Quả mới không có gọi tên theo thuận tự, có thể chỉ có gọi tên là 3 sát na hoặc 4 sát na Thuận Tùng.

7. LỘ TRÌNH NHẬP THIỀN DIỆT (NIRODHASAMĀPATTIVITHĪ)

Rằng theo Người: sinh khởi với 2 hạng Người, là Bạc Thánh Quả Bất Lai và Bạc Thánh Quả Vô Sinh, đã có được 8 hoặc 9 Thiền Định.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 22 Địa Giới, là 7 Thiện Dục Địa Giới và 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, đó là 9 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Ngũ Uẩn Địa Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý

Môn, 2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Xả Thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xả Thọ, 1 Tâm Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 1 Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 1 Tâm Quả Bất Lai và 1 Tâm Quả Vô Sinh, tùy theo thích hợp đối với hạng Người.

Ràng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Hữu Phần phía sau, ở phần 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới và 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới, có Cảnh tương tự với **Lộ Trình Thiền Cơ Bản (Pāḍakajhānavithī)**.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, là 1 Tâm Khai Ý Môn, 2 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí Xả Thọ, 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xả Thọ, 1 Tâm Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, và 1 Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, có **Quang Tướng Đáo Đại (Mahaggatapaṭibhāganimitta)** của Thiền Vô Sở Hữu làm thành Cảnh. Còn 1 Tâm Quả Bất Lai và 1 Tâm Quả Vô Sinh sinh khởi trong sát na xuất ra khỏi Thiền Diệt ấy, có Níp Bàn làm thành Cảnh.

THỦ TIÊN YẾU TỐ NHẬP THIỀN DIỆT

Bậc Bất Lai hoặc Bậc Vô Sinh trước khi Nhập Thiền Diệt cần phải Nhập Sơ Thiền trước. Khi đã xuất ra khỏi Sơ Thiền, cũng tư khảo Tâm Sơ Thiền và Tâm Sở đã diệt mất rồi, theo sự việc là **Vô Thường (Aniccam)**, **Khổ Đau (Dukkham)** và **Vô Ngã (Anattā)**. Thế rồi mới nhập Nhị Thiền v.v. theo thuận tự cho đến Thiền Thứ Vô Biên Xứ, theo cùng một phương thức này mỗi khi xuất ra khỏi Nhị Thiền v.v. theo thuận tự cho đến Thiền Thứ Vô Biên Xứ, cần phải tư khảo Tâm và Tâm Sở đã diệt mất ấy, theo sự việc là **Vô Thường (Aniccam)**, **Khổ Đau (Dukkham)** và **Vô Ngã (Anattā)**, trong tất cả mọi tầng Thiền một cách thường luôn, rồi mới Nhập Thiền Vô Sở Hữu Xứ. Khi xuất ra khỏi Thiền Vô Sở Hữu Xứ rồi, không hẳn phải tiến tu **Minh Sát Tuệ (Vipassanā)** ngay, mà cần phải thực hiện 3 loại **Thủ Tiên Yếu Tố (Pubbakicca)**. (Trong thời kỳ này, loại trừ **Bốn Sư Triệu Tập (Satthupakkosana)** là việc lập tâm kỳ nguyện sẽ xuất ra ngay khi Đức Phật có nhu cầu gặp gỡ bản thân), là:

1. Chủng Chủng Vật Phẩm Bất Tiêu Hủy (Nānābaddhaavikopana) là việc lập tâm kỳ nguyện rằng các tư cụ của tôi đang ở nơi khác, xin hãy thoát khỏi tất cả mọi điều nguy hại, có **Hỏa Tai Nạn (Aggibhaya)**, **Đạo Tặc Tai Nạn (Corabhaya)**, **Thủy Tai Nạn (Udakabhaya)** v.v.

2. Tăng Chúng Kỳ Vọng (Saṅghapaṭimānana) là việc lập tâm kỳ nguyện rằng khi Tăng triệu khai hội nghị có nhu cầu hội kiến bản thân tôi, xin cho xuất ra khỏi Thiền Diệt được cập thời hội tập.

3. Viễn Trình Kỳ Hạn (Addhānapariccheda) là việc lập tâm kỳ nguyện quy định khảo lự kiểm nghiệm sinh mạng của mình rằng sẽ hiện hữu được trọn 7 ngày hay không ? Khi đã khảo lự rồi kiểm nghiệm biết rằng vẫn hiện hữu lâu dài hơn 7 ngày, hoặc nhiều tháng, nhiều năm, cũng không có bất luận vấn đề nào cả. Tuy nhiên, nếu như là sinh mạng của mình không có thể sẽ quá hoạt được suốt cho đến kỳ mãn 7 ngày. Khi vị ấy vẫn đang là Bậc Bất Lai cũng sẽ tư khảo rằng không nên Nhập Thiền Diệt, mà tốt hơn là phải nên tiến tu **Minh**

Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna) để chứng đắc Quả Vô Sinh. Thế nhưng, nếu như vị ấy là Bậc Vô Sinh cũng tự khải rằng nên Nhập Thiền Diệt, tuy nhiên cần phải lập tâm kỳ nguyện việc quy định thời gian Nhập Thiền Diệt ấy cho giảm xuống, bằng cách xuất ra trước thời gian sẽ Viên Tịch Níp Bàn. Tất cả sự việc này, cũng để sẽ có được cơ hội nói lời cáo biệt, nhả nhủ thân ái đối với các Pháp Hữu đồng đạo với nhau.

Lại nữa, trong cả 3 Thủ Tiên Yếu Tố này, **Chủng Chủng Vật Phẩm Bất Tiêu Hủy** và **Tăng Chúng Kỳ Vọng**, cả 2 này không cần phải lập tâm kỳ nguyện cũng được. Tuy nhiên, đối với **Viễn Trình Kỳ Hạn** tất yếu cần phải thực hiện khi ở trong Nhân Loại Địa Giới. Thế nhưng trong Sắc Địa Giới không cần phải thực hiện Thủ Tiên Yếu Tố cũng được; tuy nhiên, nếu như sẽ thực hiện thì chỉ thực hiện **Viễn Trình Kỳ Hạn** là việc lập tâm kỳ nguyện quy định thời gian để nhập. Khi đã thực hiện cả 3 thể loại Thủ Tiên Yếu Tố này một cách hoàn tất ổn thỏa, rồi cũng Nhập Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ cũng sinh khởi 2 sát na. Tiếp nối từ nơi ấy, **Tâm (Citta)**, **Tâm Sở (Cetasika)** và **Sắc Tâm (Cittajarūpa)** cũng diệt mất, chỉ có thể là **Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)**, **Sắc Quý Tiết (Utujarūpa)**, và **Sắc Vật Thực (Āhāra rūpa)** vẫn còn xuất sinh, tóm lại là hoàn thành việc Nhập Thiền Diệt với mọi trường hợp.

Người có khả năng nhập được Thiền Diệt ấy là Bậc Bất Lai và Bậc Vô Sinh đã được nhập 8 hoặc 9 Thiền Định trong 7 Thiện Dục Địa Giới và 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới). Trong sát na đang Nhập Thiền Diệt, khi có bất luận điều **nguy hiểm (Antarāya)** nào sinh khởi, các thể loại ấy không có khả năng sẽ tiêu diệt sinh mạng của các Bậc này được; và sự việc các điều nguy hiểm cũng không có khả năng sẽ tiêu diệt sinh mạng của các Bậc này được, cũng do mãnh lực từ **Pháp Định Lực Thâm Nhập (Samādhivipphārādhi)**. Pháp Định Lực Thâm Nhập là Định Lực đã thâm nhập biến cập khắp cả sắc thân của Bậc đang Nhập Thiền Diệt.

LỘ TRÌNH VI NHIỄU (PAVIVĀRAVITHĪ)

Lộ Trình Vi Nhiễu (Parivāravithī) là **Lộ Trình Thuần Ý Môn Đồng Lực Dục Giới (Kāmajāvanasuddhamanodvāravithī)** sinh khởi hữu quan với việc tiến tu **An Chỉ (Samatha)** và **Minh Sát Tuệ (Vipassanā)** ở phần cơ sở sơ bộ giúp đỡ hỗ trợ nhằm để cho sinh khởi Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố, hoặc là Lộ Trình sinh khởi thực hiện nhiệm vụ tự khải các **Thực Tính Pháp (Sabhāvadhamma)** có 5 Chi Thiền v.v. nhằm để sau đó được thành tựu Lộ Trình Kiên Cố. Lộ Trình Vi Nhiễu này hiện hữu 2 thể loại, là:

1. Lộ Trình Chuẩn Bị (Parikammavithī) là Tâm Lộ Trình sinh khởi thực hiện nhiệm vụ chú thị hoặc **tĩnh tâm chú niệm tu tập (Parikammabhāvanā)** trong các **Cảnh An Chỉ (Samathārammaṇa)**, có **Địa Hoàn Tịnh (Paṭhavīkaṣiṇa)** v.v. hoặc là Lộ Trình sinh khởi thực hiện nhiệm vụ quy định tự khải trong **Pháp Hữu Vi Danh Sắc (Saṅkhārādhamma rūpanāma)**, xuất phát kể từ việc tiến tu bắt đầu từng mỗi Nghiệp Xứ liên tục mãi trực đáo đắc chứng Thiền Định, Thắng Trí, Đạo, Quả, ở phần Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố.

2. Lộ Trình Khảo Sát (Paccavekkhaṇavithī) là Lộ Trình sinh khởi phía sau Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố, bởi do thực hiện nhiệm vụ tư khảo 5 Chi Thiên, hoặc tư khảo Đạo, Quả, Níp Bàn, Phiền Não đã phóng khí rồi, và Phiền Não còn dư sót.

Còn bản đồ Tâm Lộ Trình của Lộ Trình Vi Nhiều này, không có chi là đặc biệt cả, là Lộ Trình hiện hành chính thị tương tự với chính Lộ Trình Thuần Ý Môn Đồng Lực Dục Giới ở phần Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện, hoặc Lộ Trình Cảnh Minh Hiện có Đồng Lực Đại Thiện và Đồng Lực Đại Duy Tác.

LỘ TRÌNH CẬN TỬ (MARAṆĀSANNVITHĪ)

Lộ Trình Cận Tử (Maraṇāsannavithī) là Tâm Lộ Trình sinh khởi trong thời gian cận tử lâm chung. Rằng khi theo số lượng thường có hàng chục, hàng trăm Lộ Trình và các loại Tâm Lộ Trình này cũng đều được gọi tên với nhau là **Lộ Trình Cận Tử (Maraṇāsannavithī)** hết cả thảy. Lộ Trình Cận Tử này, cũng chẳng phải là Lộ Trình Tâm chỉ sinh khởi duy nhất ở lần cuối cùng, như có Chú Giải trình bày rằng **Maraṇassa āsannaṃ = Maraṇāsannaṃ** (Tâm Lộ Trình) cận kề sự tử vong, gọi tên **Cận Tử (Maraṇāsanna)**, **Maraṇāsanne pavattāvithī = Maraṇāsannavithī** (Tâm Lộ Trình) sinh khởi trong thời gian cận tử lâm chung, gọi tên **Lộ Trình Cận Tử (Maraṇāsanna vithī)**.

Việc sinh khởi Tâm Lộ Trình trong thời gian cận tử ấy đang có sự sụt giảm xuống, bởi vì trong thời gian ấy dòng tâm thức có năng lực yếu kém, và Ý Vật làm chỗ y cứ nương sinh các Tâm, Tâm Sở lại cũng đang có sự suy giảm xuống dần, vì thế, Tâm Đồng Lực trong Lộ Trình Cận Tử mới sinh chỉ được 5 sát na ngắn ấy thôi. Trong Lộ Trình Cận Tử này, rằng khi theo khoảng thời gian cận tử lâm chung được chia ra thành 2 thể loại, là:

1. Lộ Trình Cận Tử Thông Thường (Maraṇasannavithī) là Lộ Trình Cận Tử sinh khởi với người sẽ tử vong trong thời gian 1 - 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ v.v. Đối với loại hạng Người này gọi là **Người Cận Tử (Maraṇasannapuggala)** là người cận tử lâm chung theo thường nhiên.

2. Lộ Trình Hậu Kỳ Cận Tử (Pacchāsannamarāṇavithī) là Lộ Trình Cận Tử sinh khởi với người sẽ tử vong trong thời gian cuối cùng, ý muốn nói là khi Lộ Trình Hậu Kỳ Cận Tử sinh khởi trong thời gian cuối cùng không đến 10 giây, hoặc không đến 20 giây đã diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, **Tâm Hữu Phần khởi sinh (Bhavaṅgacittuppāda)** cải hoán nhiệm vụ đổi thành **Tâm Tử (Cuticitta)** và **Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** cũng sinh khởi lần cuối cùng rồi đi đến diệt mất cùng với Tâm Tử. Nói tóm lại sự sống của Hữu hiện tại đã kết thúc, hoặc có thể nói được rằng Lộ Trình Hậu Kỳ Cận Tử đã được sinh khởi lần cuối cùng trong Hữu hiện tại. Đối với hạng Người cận tử lâm chung trong thời gian cuối cùng này gọi là **Người Hậu Kỳ Tử (Pacchāsannamarāṇapuggala)**.

Lại nữa, Lộ Trình Cận Tử sẽ được đề cập tiếp nối theo đây, lập ý lấy Lộ Trình Hậu Kỳ Cận Tử sinh nối tiếp với Tâm Tử thôi.

LỘ TRÌNH CẬN TỬ CHIA RA THÀNH 2 THỂ LOẠI:

1. Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn (Pañcadvāramaraṇasannavithī) là việc sinh khởi Tâm Lộ Trình trong sát na cận tử ở Ngũ Môn, có 4 thể loại là: (1) Đồng Lực, Na Cảnh, Tử. (2) Đồng Lực, Na Cảnh, Hữu Phần, Tử. (3) Đồng Lực, Tử. (4) Đồng Lực, Hữu Phần, Tử.

2. Lộ Trình Cận Tử Ý Môn (Manodvāramaraṇasannavithī) là việc sinh khởi Tâm Lộ Trình trong sát na cận tử ở Ý Môn, có 2 thể loại là:

a. Lộ Trình Cận Tử Ý Môn Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavanamanodvāra – maraṇasannavithī) là việc sinh khởi Tâm Lộ Trình trong sát na cận tử ở Ý Môn của 4 Phàm Phu và 3 Bậc Quả Hữu Học, chia thành 4 thể loại là:

- Đồng Lực, Na Cảnh, Tử.
- Đồng Lực, Na Cảnh, Hữu Phần, Tử.
- Đồng Lực, Tử.
- Đồng Lực, Hữu Phần, Tử.

b. Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn (Parinibbānavithī) là việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình trong sát na sát cận Diệt Uẩn – Viên Tịch Níp Bàn của Bậc Vô Sinh, thể loại Lộ Trình này không làm **Nhân Duyên (Hetupaccaya)** cho có việc Tái Sinh trong Hữu mới được nữa, chia ra thành 2 thể loại là:

1. Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn sinh tiếp nối từ Đồng Lực Dục Giới, hoặc Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn thông thường, là Lộ Trình Cận Tử Ý Môn của Bậc Vô Sinh hiện hành một cách phổ thông bình thường, không có chi là đặc biệt cả, v có 4 thể loại tương tự với Lộ Trình Cận Tử Ý Môn Đồng Lực Dục Giới. Chỉ khác biệt là thể loại Lộ Trình này chỉ sinh khởi với Bậc Vô Sinh thôi.

2. Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn sinh tiếp nối từ Đồng Lực Kiên Cố, hoặc là Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn đặc biệt, là Lộ Trình Cận Tử Ý Môn của Bậc Vô Sinh sinh tiếp nối với Tâm Đồng Lực Kiên Cố, có 4 thể loại như thế này:

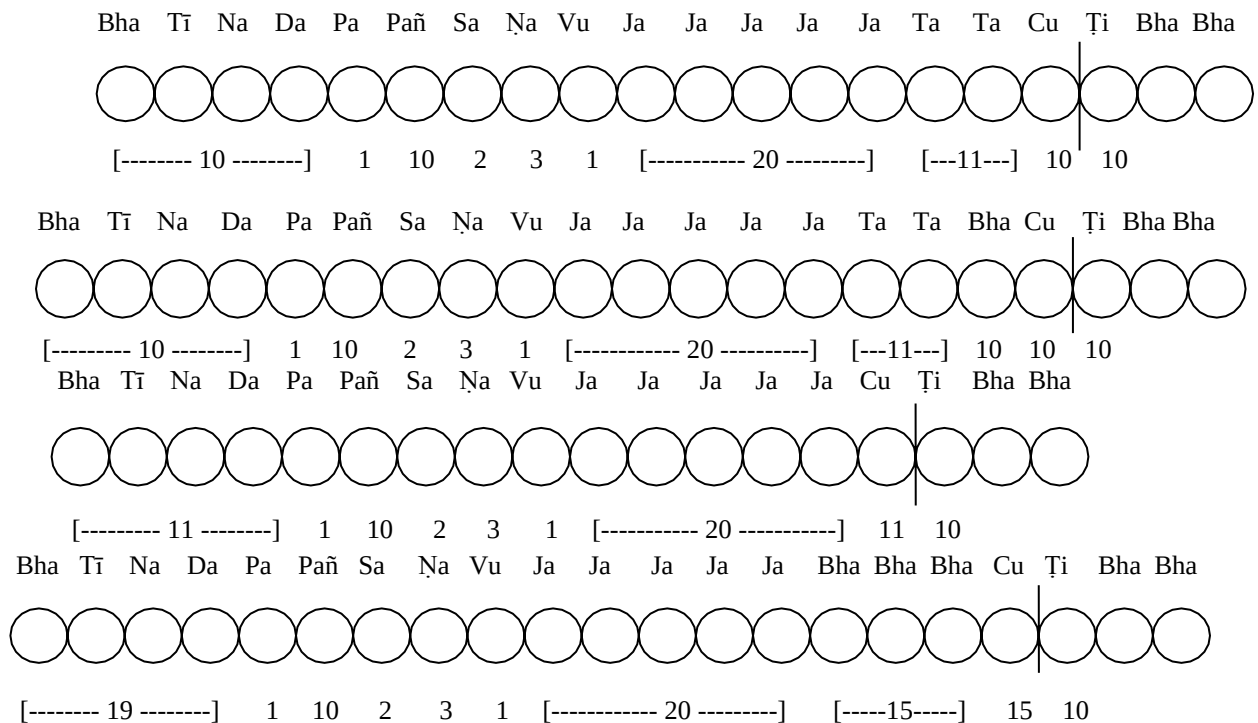
+ **Lộ Trình Đăng Liên Thiền (Jhānasamanantaravithī)** là Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn của Bậc Vô Sinh sinh khởi tiếp nối từ Lộ Trình Nhập Thiền Định một cách không có Tâm Lộ Trình nào khác đến xen kẽ vào.

+ **Lộ Trình Đăng Liên Khảo Sát (Paccavekkhaṇasamanantaravithī)** là Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn của Bậc Vô Sinh sinh khởi tiếp nối từ việc khảo sát các Chi Thiền một cách không có Tâm Lộ Trình nào khác đến xen kẽ vào.

+ **Lộ Trình Đăng Liên Thắng Trí (Abhiññāsamānāntaravithī)** là Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn của Bậc Vô Sinh sinh khởi tiếp nối từ Tâm Thắng Trí hữu quan với việc trình bày **Thần Túc Thắng Trí (Iddhividhābhiññā)** một cách không có Tâm Lộ Trình nào khác đến xen kẽ vào.

+ **Lộ Trình Đắc Đạo Tuyệt Mệnh (Jīvitasamasīvivithī)** là Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn của Bậc Vô Sinh sinh khởi tiếp nối từ việc tư khảo Đạo, Quả, Níp Bàn và Phiền Não đã được đoạn trừ một cách không có Tâm Lộ Trình nào khác đến xen kẽ vào.

BẢN ĐỒ 4 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẬN TỬ NGŨ MÔN



Ghi chú: Bản đồ cả 4 Thể Loại Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn này Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại chủng loại Lộ Trình Ngũ Môn. Còn Lộ Trình Cảnh Cực Đại cũng hiện hành trong cùng một phương thức với Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại. Chỉ khác biệt là số lượng của Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ của Tâm Lộ Trình và sự hiện hành của Cảnh thôi. Thế nhưng, đối với Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu và Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu không sắp thành Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn, vì không có việc sinh khởi của bất luận Tâm Đồng Lực Cận Tử nào cả.

Lại nữa, bản đồ Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn này, có mục đích để trình bày vị trí của Tâm Tử thôi, mới trình bày sắp đặt thành 4 thể loại bản đồ như đã đề cập đến. Cho nên cần phải thấu hiểu câu chuyện hữu quan với Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn một cách tường tế. Cần phải so sánh đối chiếu từ nơi Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại và Lộ Trình Cảnh Cực Đại một cách quảng nghĩa, đã có được trình bày ở phía trên trong Lộ Trình Ngũ Môn. Và đối với số lượng của Tâm Hữu Phần xen kẽ ở giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Tử, hoặc ở giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Tử, là số lượng Tâm Hữu Phần sinh được ít hoặc nhiều, bởi do căn cứ vào nguyên tắc là “**Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** sinh lần cuối cùng ở **sát na Khởi Sinh (Uppādakkhana)** của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi, và cùng diệt mất với **sát na Diệt (Bhaṅgakkhāṇa)** của Tâm Tử”.

Đối với 4 Thể Loại Lộ Trình Cảnh Cận Tử Ngũ Môn, theo như đã có trình bày, đây là Lộ Trình cũng có được Tâm Na Cảnh, thế nhưng bất tất yếu sẽ cần phải tính số lượng như đã có trình bày để trong chỗ này.

GIẢI THÍCH 4 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẬN TỬ NGŨ MÔN

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 10 Tâm Ngũ Song Thức, 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thâm Tấn, 1 Tâm Đoán Định, 20 Tâm Đồng Lực Dục Giới, là 12 Đồng Lực Bất Thiện, 8 Đồng Lực Đại Thiện và 11 Tâm Na Cảnh.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thâu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có Ngũ Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng ở phần Cảnh hữu quan với **Nghiệp Lực (Kamma)** đã từng thực hiện sắp đặt trong Hữu này, hoặc các Hữu trước làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: 10 Tâm Ngũ Song Thức y cứ Ngũ Vật sinh khởi. Còn hết cả thấy Tâm Lộ Trình còn lại, Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2:

Rằng khi theo Người v.v. cho đến theo Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 2 có Tâm Hữu Phần sinh xen kẽ ở giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Tử thôi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 3:

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 21 Địa Giới, là 11 Dục Địa Giới và 10 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới, Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, đó là 11 Tâm Hữu Phần Ngũ Uẩn Địa Giới, là 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ và 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 10 Tâm Ngũ Song Thức tùy theo thích hợp đối với Địa Giới, 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Thâm Tấn, 1 Tâm Đoán Định và 20 Tâm Đồng Lực Dục Giới, là 12 Đồng Lực Bất Thiện, 8 Đồng Lực Đại Thiện.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử ở phần 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng đã có được tiếp thâu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Còn ở phần 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, đó là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Túc Chế Định và 4 Hữu

Tình Chế Định có được tiếp thâu từ **Đồng Lực Cận Tử Ý Môn** trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

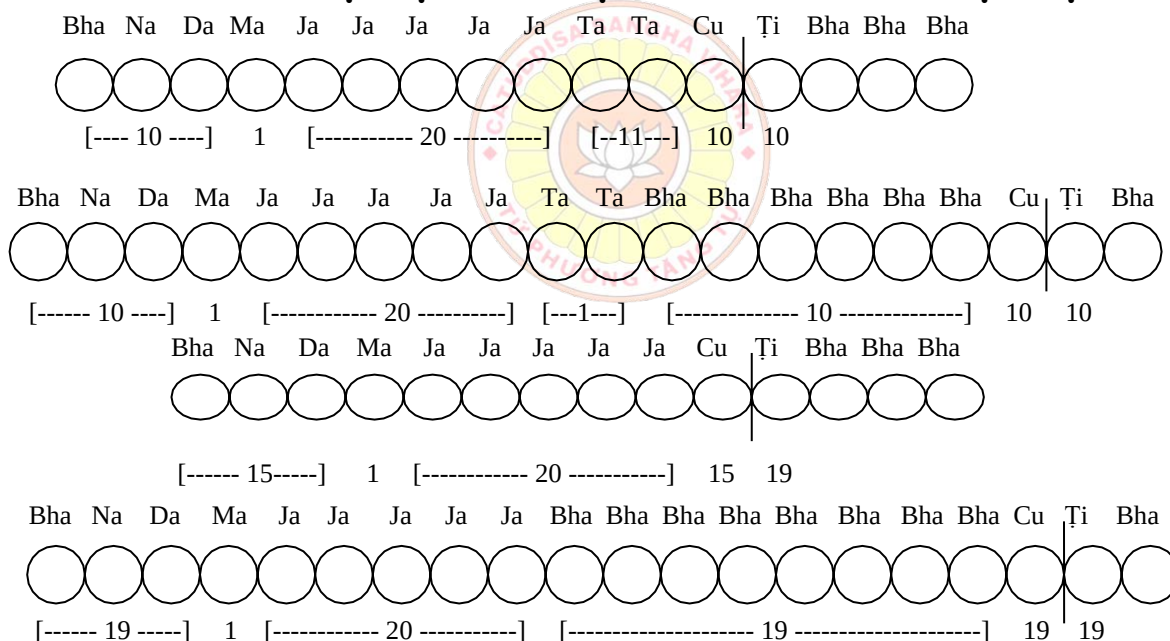
Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có Ngũ Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp Tướng hoặc Cảnh Thú Tướng ở phần Cảnh hữu quan với **Nghiệp Lực (Kamma)** đã từng thực hiện sắp đặt trong Hữu này, hoặc các Hữu trước làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: 10 Tâm Ngũ Song Thức y cứ Ngũ Vật sinh khởi. Còn hết cả thấy Tâm Lộ Trình còn lại, Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử y cứ Ý Vật sinh khởi.

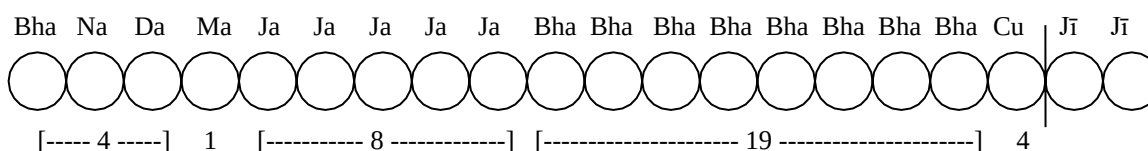
THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 4:

Rằng khi theo Người v.v. cho đến theo Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 3 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt Chi Pháp Siêu Lý là Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và Tâm Tử có số lượng 15. Đối với Hữu Phần xen kẽ giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Tử ấy là Hữu Phần thông thường, hoặc là Tâm Hữu Phần Khách cũng được.

BẢN ĐỒ 4 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẬN TỬ Ý MÔN ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI



LỘ TRÌNH CẬN TỬ ĐẶC BIỆT



Ghi chú: Bản đồ cả 4 Thể Loại Lộ Trình Cận Tử Ý Môn Đồng Lực Dục Giới đây, là Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện loại Ý Môn Đồng Lực Dục Giới không có Tâm Hữu Phần Quá Khứ (thể nhưng, nếu như có Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại làm thành Cảnh thì cũng có

Hữu Phần Quá Khứ, nếu như không có Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại làm thành Cảnh thì cũng không có Hữu Phần Quá Khứ). Còn Lộ Trình Cảnh Minh Hiện cũng hiện hành trong cùng một phương thức với Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện. Chỉ khác biệt chỗ số lượng của Hữu Phần Quá Khứ, Thời Kỳ của Tâm Lộ Trình và sự hiện hành của Cảnh ngàn ấy thôi. Tuy nhiên, đối với Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện và Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện thì không sắp thành Lộ Trình Cận Tử Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, vì không có việc sinh khởi của bất luận Tâm Đồng Lực Cận Tử nào cả.

Lại nữa, các loại bản đồ Lộ Trình Cận Tử Ý Môn Đồng Lực Dục Giới này, có mục đích để trình bày vị trí của Tâm Tử thôi, mới trình bày thành 4 thể loại bản đồ như đã đề cập đến. Cho nên cần phải thấu hiểu câu chuyện hữu quan với Lộ Trình Cận Tử Ý Môn một cách tường tận. Cần phải so sánh đối chiếu từ nơi Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện một cách quảng nghĩa, đã có được trình bày ở phía trên trong Lộ Trình Đồng Lực Dục Giới và đối với số lượng của Tâm Hữu Phần xen kẽ ở giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Tử, hoặc ở giữa Tâm Đồng Lực với Tâm Tử, là số lượng Tâm Hữu Phần sinh được ít hoặc nhiều, bởi do căn cứ vào nguyên tắc là “**Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** sinh lần cuối cùng ở **sát na Sinh (Uppāḍakkhaṇa)** của Tâm thứ 17 tính hậu thôi từ Tâm Tử khởi đi, và cùng diệt mất với **sát na Diệt (Bhaṅgakkhaṇa)** của Tâm Tử”.

Đối với 4 Thể Loại Lộ Trình Cảnh Cận Tử Ý Môn, theo như đã có trình bày đây, là Lộ Trình cũng có được Tâm Na Cảnh, thế nhưng bất tất yếu sẽ cần phải tính số lượng như đã có trình bày đề trong chỗ này.

GIẢI THÍCH 4 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH CẬN TỬ Ý MÔN ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với 6 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 2 hạng Thánh Quả bậc thấp.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 11 Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, là 10 Tâm Hữu Phần Dục Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 20 Tâm Đồng Lực Dục Giới là 12 Đồng Lực Bất Thiện, 8 Đồng Lực Đại Thiện và 11 Tâm Na Cảnh.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng ở phần **bảo mãn Nghiệp Lực** (đầy đủ), hoặc Cảnh hữu quan với **Nghiệp Lực (Kamma)** đã từng thực hiện sắp bày trong Hữu này, hoặc trong các Hữu trước làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Tâm Tử và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ vào Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2:

Rằng khi theo Người v.v. cho đến theo Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 2 có Tâm Hữu Phần sinh xen kẽ ở giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Tử.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 3:

Rằng theo Người: sinh khởi với 7 hạng Người, là 4 Phàm Phu và 3 Bậc Quả Hữu Học.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 29 Địa Giới, là 11 Dục Địa Giới và 14 Sắc Địa Giới [trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới, **Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới (Akanitthābhūmi)**] và 4 Vô Sắc Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, là 15 Tâm Hữu Phần (trừ 4 Tâm Hữu Phần Dục Giới Hỷ Thọ). Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 20 Tâm Đồng Lực Dục Giới là 12 Đồng Lực Bất Thiện, 8 Đồng Lực Đại Thiện.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, ở phần 6 Tâm Hữu Phần Dục Giới Xả Thọ có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng, có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh; ở phần 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, đó là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Túc Chế Định và 4 Hữu Tình Chế Định có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Còn ở phần 4 Tâm Hữu Phần Vô Sắc Giới thì có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** và **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Đáo Đại (Mahaggatakammanimittadhammārammaṇa)** hữu quan với 4 Vô Sắc Nghiệp Xứ, là Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh Chế Định, Thiên Không Vô Biên Xứ, Vô Hữu Chế Định và Thiên Vô Sở Hữu Xứ đã được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng, ở phần **bảo mãn Nghiệp Lực** (đầy đủ), hoặc Cảnh hữu quan với **Nghiệp Lực (Kamma)** đã từng thực hiện sắp bày trong Hữu này, hoặc trong các Hữu trước làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Tâm Tử và hết cả thấy Tâm Lộ Trình, nếu như sinh trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)** đều y cứ Ý Vật sinh khởi, nếu như sinh trong **Tứ Uẩn Địa Giới (Catuvokārabhūmi)** cũng không cần phải y cứ vào Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 4:

Rằng khi theo Người v.v. cho đến theo Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 3 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt Chi Pháp Siêu Lý là Hữu

Phần đầu tiên, Hữu Phần cuối cùng, và Tâm Tử có số lượng 19. Đối với Hữu Phần xen kẽ ở giữa Đồng Lực với Tử ấy là Hữu Phần thông thường, hoặc Hữu Phần Khách cũng được.

Lộ Trình Cận Tử Đặc Biệt chính thị là Lộ Trình thu tập ở trong Thể Loại Lộ Trình Cận Tử Ý Môn thứ 3 hoặc thứ 4. Từ sau khi Tâm Tử đã diệt mất rồi thì chỉ tái sinh với Sắc Pháp là **Tổng Hợp Mạng Cửu (Jīvitānavakakalāpa)** ở trong Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới ngàn ấy thôi. Khi phân chia theo Người v.v. có được như tiếp theo đây:

Rằng theo Người: sinh khởi với Phạm Tam Nhân.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới.

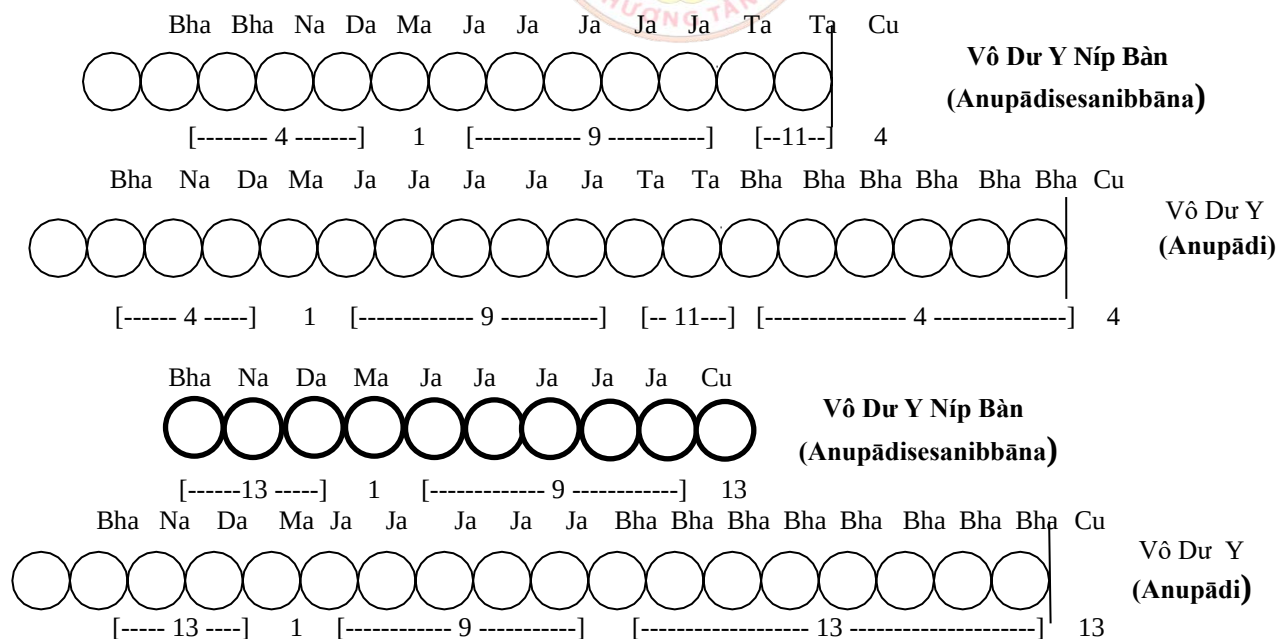
Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và Tâm Tử, đó là 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 8 Tâm Đồng Lực Đại Thiện.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau và Tâm Tử có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thù Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định dựa vào 12 Nghiệp Xứ, là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 1 Sở Túc Chế Định và **1 Phạm Trú Xả Thọ (Upekkhābrahmavihāra)** làm thành Cảnh.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Hữu Phần phía sau, Tâm Tử và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

BẢN ĐỒ 4 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH VIÊN TỊCH NÍP BÀN THÔNG THƯỜNG



Ghi chú: Bản đồ cả 4 Thể Loại Lộ Trình Níp Bàn thông thường này, cũng hiện hành trong cùng một phương thức với Lộ Trình Cận Tử Ý Môn Đồng Lực Dục Giới với mọi trường

hợp. Chỉ khác biệt là các loại Lộ Trình này chỉ sinh khởi với Bạc Vô Sinh thôi, và không được làm **Nhân Duyên (Hetupaccaya)** cho có việc tái sinh trong Hữu mới. Đối với số lượng Hữu Phần phía sau sinh khởi có chuẩn tắc tương tự với Lộ Trình Cận Tử Ý Môn Đồng Lực Dục Giới của 4 Phàm Phu và 3 Bạc Quả Hữu Học.

GIẢI THÍCH 4 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH VIÊN TỊCH NÍP BÀN THÔNG THƯỜNG THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 1:

Rằng theo Người: sinh khởi với Bạc Vô Sinh.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, đó là 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 9 Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác và 11 Tâm Na Cảnh.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này, có 6 Cảnh ở phần Danh Sắc mà Bạc này thường luôn có sự quan chú tư khảo ở phần **Cảnh Tướng Duy Tác (Kiriyanimittārammaṇa)**.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Tâm Tử và hết cả thấy Tâm Lộ Trình đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 2:

Rằng khi theo Người v.v. cho đến theo Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 1 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 2 có Tâm Hữu Phần sinh khởi xen kẽ ở giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Tử.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 3:

Rằng theo Người: sinh khởi với Bạc Vô Sinh.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 26 Địa Giới, đó là 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) và 4 Vô Sắc Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, đó là 13 Tâm Hữu Phần Tam Nhân. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 9 Tâm Đồng Lực Duy Tác Dục Giới (**Kāmakiriyājavanacitta**).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, ở phần 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh; ở phần 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định**

(**Paññattikammanimittadhammārammaṇa**) hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, đó là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Túc Chế Định và 4 Hữu Tịnh Chế Định có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Còn ở phần 4 Tâm Hữu Phần Vô Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññattikammanimittadhammārammaṇa)** hoặc Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Đáo Đại hữu quan với 4 Vô Sắc Nghiệp Xứ là Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh Chế Định, Thiên Không Vô Biên Xứ, Vô Hữu Chế Định và Thiên Vô Sở Hữu Xứ đã được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thầy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 6 Cảnh ở phần Danh Sắc mà Bậc này thường luôn có sự quan chú tư khảo ở phần **Cảnh Tướng Duy Tác (Kiriyanimittārammaṇa)**.

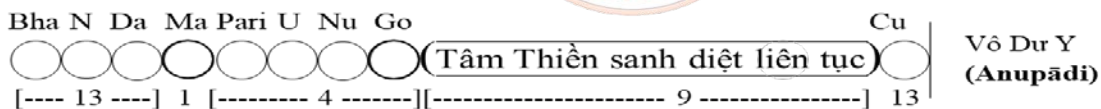
Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Tâm Tử và hết cả thầy Tâm Lộ Trình, nếu như sinh trong 22 Ngũ Uẩn Địa Giới (**Pañcavokārabhūmi**) đều y cứ Ý Vật sinh khởi, nếu như sinh trong 4 Vô Sắc Địa Giới cũng không cần phải y cứ Ý Vật sinh khởi.

THỂ LOẠI LỘ TRÌNH THỨ 4:

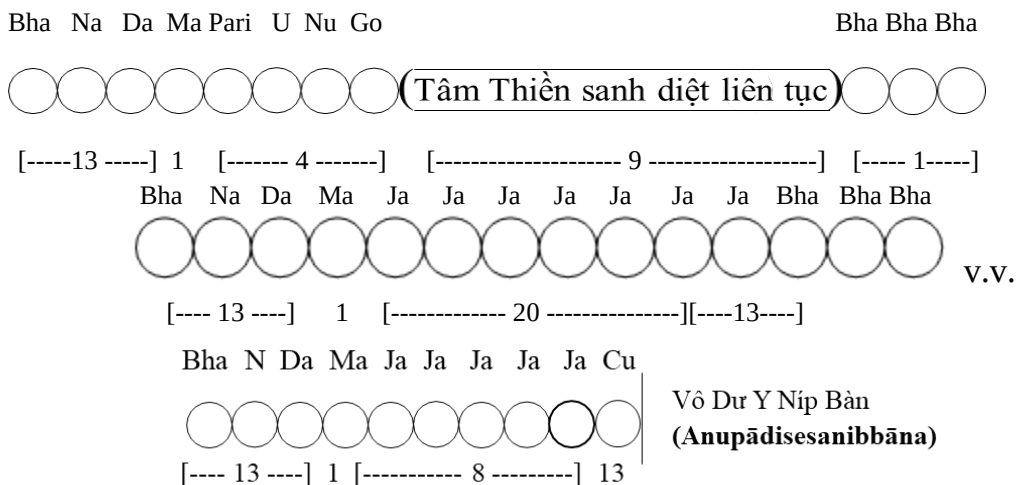
Rằng khi theo Người v.v. cho đến theo Vật, các thể loại này cũng có lẽ hiện hành tương tự với Thể Loại Lộ Trình thứ 3 với mọi trường hợp. Chỉ khác biệt là Thể Loại Lộ Trình thứ 4 có Tâm Hữu Phần sinh khởi xen kẽ ở giữa Tâm Na Cảnh với Tâm Tử.

BẢN ĐỒ 4 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH VIÊN TỊCH NÍP BÀN ĐẶC BIỆT

1. THỂ LOẠI ĐĂNG LIÊN THIỀN



2. LỘ TRÌNH ĐĂNG LIÊN KHẢO SÁT



3. THỂ LOẠI ĐĂNG LIÊN THẮNG TRÍ

Bha N Da Ma Ja Ja Ja Ja Bhi Cu

 [---- -9 ----] 1 [-----2 -----] 1 9

Vô Dư Y Níp Bàn
(Anupādisesanibbāna)

4. THỂ LOẠI ĐẶC ĐẠO TUYỆT MỆNH

Bha Na Da Ma Pari U Nu Vo Mag Pha Pha Bha Bha Bha
 v.v
 [---- 4 ----] 1 [----- 4 -----] 1 [--- 2 ---][---- 4 ----]
 Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha Bha
 v.v
 [---- 4 ----] 1 [----- 8 -----][---- 4 ----]
 Bha Na Da Ma Ja Ja Ja Ja Ja Cu

 [---- 4 ----] 1 [----- 8 -----] 4

Ghi chú: Bản đồ cả 4 Thể Loại Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn đặc biệt đây, là của Bạc Vô Sinh ở phần **Người Độn Căn (Mandapuggala)**. Còn **Người Lợi Căn (Tikkha puggala)** nên hiểu biết theo phần của Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố đã có được trình bày ở phần trên, và các loại Tâm Lộ Trình này chỉ trình bày đặc biệt ở **Thời Kỳ (Vāra)** không có Tâm Hữu Phần sinh khởi xen kẽ ở giữa Đồng Lực với Tâm Tử thô, như thật sẽ có Tâm Hữu Phần sinh khởi xen kẽ giữa Đồng Lực với Tâm Tử cũng được.

GIẢI THÍCH 4 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH VIÊN TỊCH NÍP BÀN ĐẶC BIỆT

1. LỘ TRÌNH ĐẲNG LIÊN THIỀN (JHĀNASAMANANTARAVITHĪ)

Rằng theo Người: sinh khởi với Bạc Vô Sinh.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 26 Địa Giới, đó là 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) và 4 Vô Sắc Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, đó là 13 Tâm Hữu Phần Tam Nhân. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí và 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại (Tâm Đồng Lực Cận Tử đó là 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, ở phần 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh; ở phần 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định** hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Túc Chế Định, và 4 Hữu Tình Chế Định có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Còn ở phần 4 Tâm Hữu Phần Vô Sắc Giới có Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định hoặc Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Đáo Đại hữu

quan với 4 Vô Sắc Nghiệp Xứ, là Hư Không Phóng Khí Hoàn Tịnh Chế Định, Thiền Không Vô Biên Xứ, Vô Hữu Chế Định và Thiền Vô Sở Hữu Xứ đã được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh.

Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có Cảnh Pháp Chế Định hoặc Cảnh Pháp Đáo Đại hữu quan với 30 Nghiệp Xứ ở phần **Cảnh Tượng Duy Tác (Kiriyanimittārammaṇa)**.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Tâm Tử và hết cả thấy Tâm Lộ Trình, nếu như sinh trong 22 Ngũ Uẩn Địa Giới đều y cứ Ý Vật sinh khởi, nếu như sinh trong Tứ Vô Sắc Địa Giới cũng không cần phải y cứ Ý Vật sinh khởi.

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH ĐĂNG LIÊN THIỀN

Bậc Vô Sinh khi sẽ gần Viên Tịch Níp Bàn đã Nhập Thiền Định trước, nhằm sẽ trần tịnh diệt mất hết cả Khổ Thọ sinh khởi ở sắc thân, hiện hành như thế này: Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ, Tâm Khai Ý Môn, bất luận một Tâm nào trong các Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác có tên gọi là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng và Chuyển Tộc sinh khởi rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, 9 Tâm Đồng Lực Duy Tác Đáo Đại với bất luận một cái nào có Hoàn Tịnh Chế Định v.v. làm thành Cảnh, sinh khởi luôn mãi suốt trọn thời gian đã có lập tâm kỳ nguyện. Khi đến thời gian vừa theo đã hạn kỳ chú nguyện, Tâm Tử cũng sinh khởi trong thuận tự từ Tâm Thiền lần cuối cùng, và không có Tâm Lộ Trình nào khác xen kẽ vào.

2. LỘ TRÌNH ĐĂNG LIÊN KHẢO SÁT (PACCAVEKKHAṆASAMANANTARAVITHĪ)

Rằng theo Người: sinh khởi với Bậc Vô Sinh.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 26 Địa Giới, là 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) và 4 Vô Sắc Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, đó là 13 Tâm Hữu Phần Tam Nhân. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 8 Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử có Cảnh tương tự với Lộ Trình Đăng Liên Thiền. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có 5, 4, 3, hoặc 2 Chi Thiền Định ở phần **Cảnh Tượng Duy Tác (Kiriyanimittārammaṇa)**.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Tâm Tử và hết cả thấy Tâm Lộ Trình, nếu như sinh trong 22 Ngũ Uẩn Địa Giới đều y cứ Ý Vật sinh khởi, nếu như sinh trong Tứ Vô Sắc Địa Giới cũng không cần phải y cứ Ý Vật sinh khởi.

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH ĐĂNG LIÊN KHẢO SÁT

Bạc Vô Sinh khi sẽ gần Viên Tịch Níp Bàn đã Nhập Thiền Định trước, nhằm sẽ trấn tịnh diệt mất hết cả Khổ Thọ sinh khởi ở sắc thân, hiện hành như thế này: Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi, Tâm Khai Ý Môn, bất luận một Tâm nào trong các Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác có tên gọi là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tòng và Chuyển Tộc sinh khởi rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, 9 Tâm Đồng Lực Duy Tác Đáo Đại với bất luận một cái nào có Hoàn Tịnh Chế Định v.v. làm thành Cảnh, sinh khởi sinh mãi suốt trọn thời gian đã có lập tâm kỳ nguyện. Khi đến thời gian vừa theo đã hạn kỳ chú nguyện, Lộ Trình Ý Môn Khảo Sát có nhiệm vụ tư khảo Chi Thiền Định cũng sinh khởi, dĩ hậu đã xuất ra khỏi Nhập Thiền Định, hàng trăm hàng ngàn vòng vừa theo thích hợp rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Tử cũng sinh khởi trong thuận tự của **Đồng Lực Khảo Sát (Paccavekkhaṇajavana)** (Đồng Lực, Tử) hoặc **Đồng Lực Khảo Sát (Pacca vekkhaṇajavana)** (Đồng Lực, Hữu Phần, Tử).

3. LỘ TRÌNH ĐẲNG LIÊN THẮNG TRÍ (ABHIÑÑĀSAMANANTARAVITHĪ)

Rằng theo Người: sinh khởi với Bạc Vô Sinh.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 22 Địa Giới, là 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới).

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Tâm Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, đó là 9 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Ngũ Uẩn Địa Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn, 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xả Thọ và 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí. (Tâm Đồng Lực Cận Tử đó là 2 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xả Thọ và 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí).

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, ở phần 4 Tâm Hữu Phần tam Nhân Dục Giới có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng, có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Còn ở phần 5 Tâm Hữu Phần Sắc Giới có Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định hữu quan với 26 Nghiệp Xứ, là 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định, 1 Sở Tức Chế Định, và 4 Hữu Tình Chế Định có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Ý Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Đối với hết cả thấy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có **32 Thể Trước (Karajakāya)** phối hợp thành tựu ở các bộ phận lớn nhỏ, ở phần **Cảnh Tướng Duy Tác (Kiriyanimittārammaṇa)**.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Tâm Tử và hết cả thấy Tâm Lộ Trình, đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH ĐẲNG LIÊN THẮNG TRÍ

Bạc Vô Sinh khi gần sắp Viên Tịch Níp Bàn có sở nguyện sẽ được trình bày Thần Túc Thắng Trí đương diện Đức Thế Tôn v.v. Việc trình bày Thần Túc Thắng Trí có được như thế này: Nhập Thiền Cơ Bản trước, khi xuất ra khỏi Thiền Cơ Bản rồi cũng lập tâm kỳ nguyện

vừa theo sở cầu của mình trong sự việc sẽ trình bày Thần Túc Thắng Trí ấy. Khi đã lập tâm kỳ nguyện hoàn tất rồi, cũng lại Nhập Thiền Cơ Bản lần nữa, khi xuất ra khỏi Thiền Cơ Bản lần thứ 2 rồi Lộ Trình Thắng Trí cũng sinh khởi như vậy: Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi, Tâm Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tòng và Chuyển Tộc, và Tâm Duy Tác Thắng Trí sinh khởi 1 sát na. Chính ngay trong sát na ấy, Tâm Duy Tác Thắng Trí sinh khởi các loại thần thông cũng thành tựu vừa theo sở cầu của mình. Dĩ hậu Tâm Duy Tác Thắng Trí đã diệt mất rồi, Tâm Tử cũng sinh khởi tiếp nối từ nơi Đồng Lực Duy Tác Thắng Trí (Thắng Trí, Tử) hoặc Đồng Lực Duy Tác Thắng Trí, Hữu Phần (Thắng Trí, Hữu Phần, Tử).

4. LỘ TRÌNH ĐẠO TUYỆT MỆNH (JĪVITASAMASSĪSĪVITHĪ)

Rằng theo Người: sinh khởi với Bậc Vô Sinh.

Rằng theo Địa Giới: sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới.

Rằng theo Chi Pháp Siêu Lý: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử, đó là 4 Tâm Hữu Phần Tam Nhân Dục Giới. Còn các loại Tâm Lộ Trình ấy là 1 Tâm Khai Ý Môn và 8 Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác.

Rằng theo Cảnh: Hữu Phần đầu tiên và Tâm Tử có 6 Cảnh gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thú Tướng đã có được tiếp thu từ Đồng Lực Cận Tử Lục Môn trong Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh. Đối với hết cả bảy Tâm Lộ Trình hiện hữu trong Lộ Trình này có Đạo, Quả, Níp Bàn và Phiền Nã đã được phóng khí ở phần **Cảnh Tướng Duy Tác (Kiriyanimittārammaṇa)**.

Rằng theo Vật: Hữu Phần đầu tiên, Tâm Tử và hết cả bảy Tâm Lộ Trình, đều y cứ Ý Vật sinh khởi.

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH ĐẠO TUYỆT MỆNH

Bậc Bất Lai khi gần sẽ tử vong do y cứ bởi bất luận một trong các nguyên nhân, là bị hãm hại do bởi tha nhân gây ra, hoặc tự mình hủy diệt, hay là sẽ tử vong theo bản chất thường nhiên. Lộ Trình Đạo Vô Sinh thường sinh khởi như thế này: Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi, Tâm Khai Ý Môn, bất luận một trong những Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí có tên gọi là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tòng, Dĩ Tịnh sinh khởi theo thuận tự rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Đạo Vô Sinh cũng sinh khởi 1 sát na rồi cũng diệt mất. Trong thuận tự ấy, Tâm Quả Vô Sinh sinh khởi 2 sát na. Dĩ hậu từ Tâm Quả Vô Sinh đã diệt mất rồi, Lộ Trình Ý Môn Khảo Sát thực hiện nhiệm vụ tư khảo Đạo, Quả, Níp Bàn và Phiền Nã đã phóng khí rồi, cũng sinh khởi nhiều lần vừa theo thích hợp. Dĩ hậu từ Lộ Trình Đồng Lực Khảo Sát đã diệt mất rồi, Tâm Tử cũng sinh khởi tiếp nối từ Đồng Lực Khảo Sát (Đồng Lực, Tử) hoặc Đồng Lực Khảo Sát, Hữu Phần (Đồng Lực, Hữu Phần, Tử).

Lại nữa, người sẽ chứng đắc thành Bạc Vô Sinh vào thời gian cận tử, chẳng phải chỉ có duy nhất một hạng Người Bất Lai thôi, Phàm Tam Nhân, Bạc Thất Lai, hoặc Bạc Nhất Lai cũng có được như thế này:

Các Phàm Tam Nhân khi cận tử đã được thành tựu Bạc Vô Sinh, cả 4 Lộ Trình Đắc Đạo và Lộ Trình Khảo Sát của các Lộ Trình Đắc Đạo ấy thường sinh khởi theo thuận tự trước hết, rồi Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn mới sẽ sinh khởi.

Nếu là Bạc Thất Lai cũng chỉ sinh khởi Lộ Trình Đắc Đạo 3 Bạc trên và Lộ Trình Khảo Sát của Lộ Trình Đắc Đạo 3 Bạc trên thôi.

Nếu là Bạc Nhất Lai cũng chỉ sinh khởi Lộ Trình Đắc Đạo 2 Bạc trên và Lộ Trình Khảo Sát của Lộ Trình Đắc Đạo 2 Bạc trên thôi.

PHÂN CHIA 19 TÂM THOÁT LY LỘ TRÌNH THEO NGƯỜI VÀ ĐỊA GIỚI (VITHĪMUTTACITTA – TÂM NGOẠI LỘ TRÌNH) (CHỈ RIÊNG TÂM HỮU PHẦN VÀ TÂM TỬ)

1. 1 Người Khổ Thú Vô Nhân (**Duggatiahetukapuggala**) trong 4 Thống Khổ Địa Giới (**Apāyabhūmi**) có được 1 Tâm ngoại Lộ Trình sinh khởi, là 1 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Thảm Tấn Xả Thọ.

2. 1 Người Thiện Thú Vô Nhân (**Sugatiahetukapuggala**) trong 1 Nhân Loại Địa Giới, 1 Tứ Đại Thiên Vương Địa Giới có được 1 Tâm ngoại Lộ Trình sinh khởi, là 1 Tâm Dị Thục Quả Thiện Thảm Tấn Xả Thọ.

3. 1 Người Nhị Nhân (**Dvīhetukapuggala**) trong 7 Thiện Dục Địa Giới có được 4 Tâm ngoại Lộ Trình sinh khởi, là bất luận một trong 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí.

4. 1 Người Tam Nhân (**Tīhetukapuggala**), 4 Bạc Thánh Quả trong 7 Thiện Dục Địa Giới có được 4 Tâm ngoại Lộ Trình sinh khởi, là bất luận một trong 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí.

5. 1 Người Tam Nhân, 2 Bạc Quả Hữu Học bậc thấp trong 10 Sắc Địa Giới (trừ 1 Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới, Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới) và 2 Bạc Thánh Quả bậc trên trong 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) có được 5 Tâm ngoại Lộ Trình sinh khởi, là bất luận một trong 5 Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới vừa theo thích hợp đối với Địa Giới.

6. 1 Người Tam Nhân, 4 Bạc Thánh Quả trong 4 Vô Sắc Địa Giới có được 4 Tâm ngoại Lộ Trình sinh khởi, là bất luận một trong 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới.

PHÂN CHIA 3 CHỦNG LOẠI PHÁP DỤC GIỚI THEO 11 TÂM NA CẢNH (KĀMADHAMMA - 54 TÂM, 52 TÂM SỞ, 28 SẮC)

1. 1 Tâm Na Cảnh Xả Thọ là 1 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Thảm Tấn Xả Thọ, có 6 Cảnh ở phần Pháp Dục Giới, chủng loại Cảnh Bất Duyệt Ý làm thành Cảnh.

2. 5 Tâm Na Cảnh Xả Thọ là 1 Tâm Dị Thục Quả Thiện Thảm Tấn Xả Thọ, 4 Tâm Đại Quả Xả Thọ, có 6 Cảnh ở phần Pháp Dục Giới, chủng loại Cảnh Trung Bình Duyệt Ý làm thành Cảnh.

3. 5 Tâm Na Cảnh Hỷ Thọ là 1 Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ, có 6 Cảnh ở phần Pháp Dục Giới, chủng loại Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý làm thành Cảnh.

PHÂN CHIA 11 TÂM NA CẢNH THEO 8 HẠNG NGƯỜI (TRỪ 4 BẬC ĐẠO NHÂN)

1. 1 Người Khổ Thú Vô Nhân có được 3 Tâm Na Cảnh sinh khởi, là 3 Tâm Thảm Tấn.

2. 1 Người Thiện Thú Vô Nhân, 1 Người Nhị Nhân có được 7 Tâm Na Cảnh sinh khởi, là 3 Tâm Thảm Tấn, 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí.

3. 1 Người Tam Nhân, 4 Bậc Thánh Quả có được 11 Tâm Na Cảnh sinh khởi, là 3 Tâm Thảm Tấn, 8 Tâm Đại Quả.

Việc sinh khởi của Tâm Na Cảnh trong Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại và Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có Tâm Na Cảnh sinh khởi, cần phải có 3 Chi Pháp phối hợp, là: **(1) Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavana), (2) Người Dục Giới (Kāmapuggala), (3) Cảnh Dục Giới (Kāmārammaṇa).**

PHÂN CHIA 89 TÂM, 80 TÂM LỘ TRÌNH (TRỪ 9 TÂM DỊ THỤC QUẢ ĐÁO ĐẠI) VÀ 55 TÂM ĐỒNG LỰC THEO 12 HẠNG NGƯỜI

1. 1 Người Khổ Thú Vô Nhân có Tâm và Tâm Lộ Trình sinh được 37, là 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Vô Nhân (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Quả. Trong những 37 loại Tâm ấy thành 20 Tâm Đồng Lực, là 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện.

2. 1 Người Thiện Thú Vô Nhân, 1 Người Nhị Nhân có Tâm và Tâm Lộ Trình sinh được 41, là 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Vô Nhân (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Quả, 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí. Trong những 41 loại Tâm ấy thành 20 Tâm Đồng Lực, là 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện.

3. 1 Phạm Tam Nhân có được 63 Tâm sinh khởi, là 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Vô Nhân (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại. Trong những 63 loại Tâm ấy thành được 54 Tâm Lộ Trình, là 54 Tâm (trừ 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại) và thành 29 Tâm Đồng Lực, là 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại.

4. 1 Bậc Đạo Thất Lai có Tâm và Tâm Lộ Trình sinh được 1, là 1 Tâm Đạo Thất Lai (1 Tâm trong 5 Tâm Đạo Thất Lai).

5. 1 Bậc Quả Thất Lai (**Bậc Thất Lai Nhân – Sotāpannapuggala**) có được 59 Tâm sinh khởi, là 7 Tâm Bất Thiện đó là 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến, 2 Tâm căn Sân, 1 Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử, 17 Tâm Vô Nhân (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 8

Tâm Đại Quả, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại, 1 Tâm Quả Thất Lai. Trong những 59 loại Tâm ấy thành được 50 Tâm Lộ Trình (trừ 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại) và thành 25 Tâm Đồng Lực là 7 Tâm Bất Thiện (trừ 4 Tâm Tương Ứng Kiến, 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi), 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 1 Tâm Quả Thất Lai.

6. 1 Bạc Đạo Nhất Lai có Tâm và Tâm Lộ Trình được 1, là 1 Tâm Đạo Nhất Lai (1 Tâm trong 5 Tâm Đạo Nhất Lai).

7. 1 Bạc Quả Nhất Lai (**Bạc Nhất Lai Nhân – Sakadāgāmipuggala**) có được 59 Tâm sinh khởi, là 58 Tâm (trừ 1 Tâm Quả Thất Lai) tương tự với Tâm sinh khởi với Bạc Quả Thất Lai và 1 Tâm Quả Nhất Lai, kết hợp thành 59. Trong những 59 loại Tâm ấy thành được 50 Tâm Lộ Trình (trừ 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại) và thành 25 Tâm Đồng Lực là 7 Tâm Bất Thiện (trừ 4 Tâm Tương Ứng Kiến, 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi), 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 1 Tâm Quả Nhất Lai.

8. 1 Bạc Đạo Bất Lai có Tâm và Tâm Lộ Trình sinh được 1 là 1 Tâm Đạo Bất Lai (1 Tâm trong 5 Tâm Đạo Bất Lai).

9. 1 Bạc Quả Bất Lai (**Bạc Bất Lai Nhân – Anāgāmipuggala**) có được 57 Tâm sinh khởi, là 5 Tâm Bất Thiện đó là 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến, 1 Tâm Tương Ứng Trạo Cử, 17 Tâm Vô Nhân (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại, 1 Tâm Quả Bất Lai. Trong những 57 loại Tâm ấy thành được 48 Tâm Lộ Trình là 48 Tâm (trừ 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại) và thành 23 Tâm Đồng Lực là 5 Tâm Bất Thiện (trừ 4 Tâm Tương Ứng Kiến, 2 Tâm căn Sân, 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi), 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 1 Tâm Quả Bất Lai.

10. 1 Bạc Đạo Vô Sinh có Tâm và Tâm Lộ Trình sinh được 1 là 1 Tâm Đạo Vô Sinh (1 Tâm trong 5 Tâm Đạo Vô Sinh).

11. 1 Bạc Quả Vô Sinh (**Bạc Vô Sinh Nhân – Arahantapuggala**) có 53 Tâm sinh được là 18 Tâm Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 1 Tâm Quả Vô Sinh. Trong những 53 loại Tâm ấy thành Tâm Lộ Trình được 44 là 44 Tâm (trừ 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại) và thành 19 Tâm Đồng Lực là 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 1 Tâm Quả Vô Sinh.

TRÌNH BÀY SỐ LƯỢNG TÂM ĐỒNG LỰC SINH KHỞI 1 SÁT NA, 2 SÁT NA V.V. TRONG CÁC LỘ TRÌNH TÂM

1. Tâm Đồng Lực sinh khởi 1 sát na có 26 là 9 Tâm Thiện Đáo Đại và 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại trong **Lộ Trình Sơ Khởi Thiên (Ādikammikajhānavithī)**; 4 Tâm Đạo trong **Lộ Trình Đắc Đạo (Maggavithī)**; 2 Tâm Thắng Trí trong **Lộ Trình Thắng Trí (Abhiññāvithī)**; 1 Tâm Quả Bất Lai, 1 Tâm Quả Vô Sinh trong sát na xuất ra khỏi **Lộ Trình Nhập Thiên Diệt (Nirodhasamāpattivithī)**.

2. Tâm Đồng Lực sinh khởi 2 sát na có 6 là 4 Tâm Quả của Người Độn Căn trong Lộ Trình Đắc Đạo; 1 Tâm Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ và 1 Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ trong sát na Nhập Lộ Trình Thiên Diệt.

3. Tâm Đồng Lực sinh khởi 3 sát na có 12 là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí trong sát na thực hiện nhiệm vụ **Cận Định (Upācarasamādhī)** trong Lộ Trình Đắc Đạo, Lộ Trình Sơ Khởi Thiền, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, Lộ Trình Nhập Thiền Định, Lộ Trình Thắng Trí và Lộ Trình Nhập Thiền Diệt của Người Lợi Căn; 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí trong sát na thực hiện nhiệm vụ Cận Định trong Lộ Trình Sơ Khởi Thiền, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, Lộ Trình Nhập Thiền Định và Lộ Trình Nhập Thiền Diệt của Người Tam Nhân; 4 Tâm Quả trong Lộ Trình Đắc Đạo của Người Lợi Căn.

4. 8 Tâm Đồng Lực sinh khởi 4 sát na là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí trong sát na thực hiện nhiệm vụ Cận Định trong Lộ Trình Đắc Đạo, Lộ Trình Sơ Khởi Thiền, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, Lộ Trình Nhập Thiền Định, Lộ Trình Thắng Trí và Lộ Trình Nhập Thiền Diệt của Người Độn Căn; 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí trong sát na thực hiện nhiệm vụ Cận Định trong Lộ Trình Sơ Khởi Thiền, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, Lộ Trình Nhập Thiền Định, Lộ Trình Thắng Trí và Lộ Trình Nhập Thiền Diệt của Người Độn Căn và thực hiện nhiệm vụ Lộ Trình Khảo Sát của Bạc Chánh Đẳng Giác trong sát na thị hiện Thần Túc Thắng Trí có sự tất yếu sẽ phải thực hiện một cách tấn tốc, chẳng hạn như sát na đang thị hiện **Song Đối Thần Túc Thắng Trí (Yamakapātihāriya)** v.v..

5. Tâm Đồng Lực sinh khởi 5 sát na có 29 là 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới sinh khởi trong **thời gian cận tử lâm chung (Maraṇāsannakāla)**, trong **thời gian trầm mị (Mucchākāla)**, trong **thời gian hôn mê bất tỉnh (Visaṇṇībhūtakāla – Thất Khứ Trí Giác)**, và trong **thời gian Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa) có năng lực yếu kém (Atitaruṇakāla)** [đối với thời gian Sắc Nghiệp Lực có năng lực yếu kém phải trừ 8 Tâm Đại Duy Tác, 1 Tâm Tiểu Sinh], 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí và 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí thực hiện nhiệm vụ Lộ Trình Khảo Sát của **Bạc Thịnh Văn Giác (Sāvaka)** trong sát na thị hiện Thần Túc Thắng Trí hữu quan trong tình huống đặc thù.

6. Tâm Đồng Lực sinh khởi 6 sát na có 29 là 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới trong Lộ Trình Cảnh Cự Đại và Lộ Trình Cảnh Minh Hiện trong thời gian chính thường.

7. Tâm Đồng Lực sinh khởi 7 sát na có 29 là 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới trong Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại, Lộ Trình Cảnh Cự Đại, Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiện và Lộ Trình Cảnh Minh Hiện trong thời gian chính thường.

8. Tâm Đồng Lực sinh khởi 8 sát na trở đi có 22 là 22 Tâm Đồng Lực Kiên Cố (trừ 4 Tâm Đồng Lực Đạo và 2 Tâm Đồng Lực Thắng Trí) trong sát na Lộ Trình Nhập Thiền Định và Lộ Trình Nhập Thiền Quả.

ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI VỚI ĐỒNG LỰC KIÊN CỐ TRONG CÙNG MỘT LỘ TRÌNH KIÊN CỐ PHẢI CÓ THỌ (VEDANĀ) TƯƠNG ĐỒNG

1. Sau khi 2 Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí Hỷ Thọ theo vị trí là Chuyển Tộc trong **Lộ Trình Đắc Thiền Định (Jhānavithī)** và Lộ Trình Đắc Đạo Thất Lai, hoặc theo vị trí là Dữ Tịnh trong Lộ Trình Đắc Đạo ba Bạc trên, hoặc theo vị trí là Thuận Tòng trong Lộ Trình Nhập Thiền Quả ba Bạc trên đã diệt mất rồi, 32 Đồng Lực Kiên Cố Hỷ Thọ là 4 Đồng

Lực Thiện Sắc Giới Hỷ Thọ, 16 Đồng Lực Đạo Hỷ Thọ, 12 Đồng Lực Quả Bậc thấp Hỷ Thọ thường sinh khởi.

2. Sau khi 2 Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí Xả Thọ theo vị trí là Chuyển Tộc trong Lộ Trình Đắc Thiền Định và Lộ Trình Đắc Đạo Thất Lai, hoặc theo vị trí là Dữ Tịnh trong Lộ Trình Đắc Đạo ba Bậc trên, hoặc theo vị trí là Thuận Tòng trong Lộ Trình Nhập Thiền Quả ba Bậc thấp đã diệt mất rồi, 12 Đồng Lực Kiên Cố Xả Thọ là 5 Đồng Lực Thiện Ngũ Thiền Hiệp Thế Xả Thọ, 4 Đồng Lực Đạo Ngũ Thiền Siêu Thế Xả Thọ, 3 Đồng Lực Quả Ngũ Thiền Siêu Thế Xả Thọ Bậc thấp thường sinh khởi.

3. Sau khi 2 Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Hỷ Thọ theo vị trí là Chuyển Tộc trong Lộ Trình Đắc Thiền Định, hoặc theo vị trí là Thuận Tòng trong Lộ Trình Nhập Thiền Quả Vô Sinh đã diệt mất rồi, 8 Đồng Lực Kiên Cố Hỷ Thọ là 4 Đồng Lực Duy Tác Sắc Giới Hỷ Thọ, 4 Đồng Lực Quả Vô Sinh Hỷ Thọ thường sinh khởi.

4. Sau khi 2 Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xả Thọ theo vị trí là Chuyển Tộc trong Lộ Trình Đắc Thiền Định, hoặc theo vị trí là Thuận Tòng trong Lộ Trình Nhập Thiền Quả Vô Sinh đã diệt mất rồi, 6 Đồng Lực Kiên Cố Xả Thọ là 5 Đồng Lực Duy Tác Ngũ Thiền Xả Thọ, 1 Đồng Lực Quả Vô Sinh Ngũ Thiền Xả Thọ thường sinh khởi.



TRÌNH BÀY 12 HẠNG NGƯỜI VỚI CẢ TÁI SINH VÀ TỬ TRONG 31 ĐỊA GIỚI

12 Hạng Người	Tái sinh và Tử (kết hợp cả Danh – Sắc)	Địa Giới
1. Người Khổ Thú Vô Nhân	1 Quả Bất Thiện Thảm Tấn Xả Thọ, 10 Tâm Sở, 3 -7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực	4 Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi)
2. Người Thiện Thú Vô Nhân	1 Quả Thiện Thảm Tấn Xả Thọ, 10 Tâm Sở, 3 - 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, Tổng Hợp Cửu Mạng Quyền	1 Cõi Nhân Loại, 1 Cõi Tứ Thiên Vương, 1 Cõi Phạm Thiên Vô Tướng
3. Người Nhị Nhân	4 Đại Quả Bất Tương Ứng Trí, 32 Tâm Sở, 3 – 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực	7 Thiện Dục Địa Giới
4. Người Tam Nhân	4 Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở, 3 – 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực 5 Tâm Quả Sắc Giới, 35 Tâm Sở, 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực	7 Thiện Dục Địa Giới (Kāmasugatibhūmi) 10 Sắc Giới (trừ 1 Cõi Vô Tướng, Ngũ Tịnh Cư
	4 Tâm Quả Vô Sắc Giới, 30 Tâm Sở	Tứ Vô Sắc Địa Giới
5. Bậc Đạo Thất Lai	Không có Tái Sinh và Tử (Paṭisandhi – Cuti)	7 Thiện Dục Địa Giới, 10 Sắc Địa Giới
6. Bậc Quả Thất Lai	4 Đại Quả Tương Ứng Trí, 5 Quả Sắc Giới, 4 Quả Vô Sắc Giới, 35 Tâm Sở, 3, 7, 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực	7 Thiện Dục Địa Giới, 10 Sắc Địa Giới, 4 Vô Sắc Địa Giới
7. Bậc Đạo Nhất Lai	Không có Tái Sinh và Tử (Paṭisandhi – Cuti)	7 Thiện Dục Giới, 10 Sắc Giới, 4 Vô Sắc Giới
8. Bậc Quả Nhất Lai	4 Đại Quả Tương Ứng Trí, 5 Quả Sắc Giới, 4 Quả Vô Sắc Giới, 35 Tâm Sở, 3, 7, 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực	7 Cõi Thiện Dục Giới, 10 Sắc Địa Giới, 4 Vô Sắc Địa Giới
9. Bậc Đạo Bất Lai	Không có Tái Sinh và Tử (Paṭisandhi – Cuti)	7 Thiện Dục Giới, 10 Sắc Địa Giới, 4 Vô Sắc Giới

10. Bậc Quả Bất Lai	Tái Sinh là 5 Quả Sắc Giới, 4 Quả Vô Sắc, 35 Tâm Sở, 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Tử là 4 Đại Quả Tương Ứng Trí, 5 Quả Sắc Giới, 4 Quả Vô Sắc Giới, 35 Tâm Sở Sắc Giới diệt lần cuối cùng (tùy theo thích hợp)	15 Sắc Địa Giới (trừ Vô Tưởng) 4 Vô Sắc Giới, 7 Thiện Dục Địa Giới, 14 Sắc Địa Giới (trừ Vô Tưởng, Sắc Cứu Cánh), 4 Vô Sắc Địa Giới
11. Bậc Đạo Vô Sinh	Không có Tái Sinh và Tử (Paṭisandhi – Cuti)	7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Giới, 4 Vô Sắc Giới
12. Bậc Quả Vô Sinh	Không có Tái Sinh, nhưng có Tử là 4 Đại Quả Tương Ứng Trí, 5 Sắc Giới, 4 Vô Sắc, 35 Tâm Sở, Sắc Nghiệp Lực	7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Cõi Vô Tưởng), 4 Vô Sắc Giới

Kết Thúc Giải Thích Trong Bản Đồ Lộ Trình

-----00000-----

PHẦN VẤN - ĐÁP TRONG TRONG LỘ TRÌNH DANH PHÁP

1. Hỏi: Từ ngữ **Vīthi (Lộ Trình)** nghĩa là chi ? Trong cả **4 Pháp Siêu Lý (Paramatthadhamma)** phần Pháp Siêu Lý nào làm được Lộ Trình ?

1. Đáp: Từ ngữ **Vīthi (Lộ Trình)** ý muốn nói là việc sinh khởi theo thuận tự nối tiếp nhau thành hàng dãy của Tâm, Tâm Sở, và Sắc Pháp, gọi tên là Lộ Trình. Trong cả 4 Pháp Siêu Lý, Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp làm được Lộ Trình.

2. Hỏi: Việc tổng hợp sự hiện hành của Tâm, Tâm Sở, gọi tên là chi ? Và sự hiện hành các loại Tâm, Tâm Sở này, rằng khi theo thời gian có mấy thể loại ? Và những thời gian nào ?

2. Đáp: Việc tổng hợp sự hiện hành của Tâm, Tâm Sở, gọi tên là **Tổng Hợp Chuyển Khởi (Pavattisaṅgaha)**, sự hiện hành của các loại Tâm, Tâm Sở này, rằng khi theo thời gian có 2 thể loại là **Thời Kỳ Tái Sinh (Paṭisandhikāla)** và **Thời Kỳ Chuyển Khởi (Pavattikāla – Thời Kỳ Tiến Triển)**.

3. Hỏi: **Bộ Lục (Chakka)** có 6 là những chi ? Và cả **3 Bộ Lục (Chakka)** có **Lục Vật (Vatthuchakka)**, **Lục Môn (Dvārachakka)**, **Lục Cảnh (Ārammaṇachakka)** đã trình bày ở trong Chương thứ 3 rồi, tuy nhiên vì sao **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** lại dẫn đến trình bày trong Chương này lần nữa, có ý định chi ?

3. Đáp: **Bộ Lục (Chakka)** có 6 là **(1) Lục Vật (Vatthuchakka)**, **(2) Lục Môn (Dvārachakka)**, **Lục Cảnh (Ārammaṇachakka)**, **Lục Thức (Viññāṇachakka)**, **Lục Lộ Trình (Vithīchakka)**, **Lục Phạm Vi Chuyển Khởi (Visayappavattichakka)**.

Việc **Giáo Thọ Sư Anuruddhācariya** đã trình bày Lục Vật, Lục Môn, Lục Cảnh hoàn tất ở trong Chương thứ 3, tuy nhiên lại dẫn đến trình bày trong Chương thứ 4 này lần nữa, cũng bởi vì 6 Vật, 6 Môn, 6 Cảnh này có sự trọng yếu rất nhiều; vì rằng Thức sẽ sinh khởi

được cũng cần phải có Vật, Môn, Cảnh, nếu như khuyết pháp Vật, Môn, Cảnh đi rồi, 6 Thức cũng sinh khởi không được. Khi 6 Thức sinh khởi không được, hết thấy các Lộ Trình Tâm cũng sinh khởi không được. Khi Lộ Trình Tâm sinh khởi không được, tương tự 6 Phạm Vi Chuyển Khởi cũng sinh khởi không được. Vì nguyên nhân này mới phải dẫn đến trình bày trong Chương thứ 4 này lần nữa để cho học viên thấu hiểu đến sự trọng yếu của cả 3 Bộ Lục (Chakka).

4. Hỏi: Từ ngữ Visayappavatti (Phạm Vi Chuyển Khởi hoặc Khu Vực Diễn Tiến) ý muốn nói là chi ? Và hãy trình bày số lượng Phạm Vi Chuyển Khởi trong Tâm Thoát Ly Lộ Trình (Vithīmuttacitta – Tâm Ngoại Lộ) và Tâm Lộ Trình (Vithīcitta).

4. Đáp: Từ ngữ Visayappavatti (Phạm Vi Chuyển Khởi) ý muốn nói là sự hiện hành của Cảnh trong Môn. Số lượng Phạm Vi Chuyển Khởi trong Tâm thoát ly Lộ Trình (Tâm ngoại Lộ) có 3 thể loại, là: (1) Cảnh Nghiệp (Kammārammaṇa), (2) Cảnh Nghiệp Tướng (Kammanimittārammaṇa), (3) Cảnh Thú Tướng (Gatinimittārammaṇa).

Phạm Vi Chuyển Khởi trong Tâm Lộ Trình có 6 hoặc có 8, có 6 là (1) Cảnh Cực Kỳ Cự Đại (Atimahantārammaṇa), (2) Cảnh Cự Đại (Mahantārammaṇa), (3) Cảnh Hy Thiểu (Parittārammaṇa), (4) Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu (Atiparittārammaṇa), (5) Cảnh Minh Hiển (Vibhūtārammaṇa), (6) Cảnh Bất Minh Hiển (Avibhūtārammaṇa) có 8 là (1) Cảnh Cực Kỳ Cự Đại (Atimahantārammaṇa), (2) Cảnh Cự Đại (Mahantārammaṇa), (3) Cảnh Hy Thiểu (Parittārammaṇa), (4) Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu (Atiparittārammaṇa), (5) Cảnh Cực Kỳ Minh Hiển (Ativibhūtārammaṇa), (6) Cảnh Minh Hiển (Vibhūtārammaṇa), (7) Cảnh Bất Minh Hiển (Avibhūtārammaṇa), (8) Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiển (Atiavibhūtārammaṇa).

5. Hỏi: Từ ngữ Vithī (Lộ Trình) rằng khi theo Môn và Thức rồi, là những chi ?

5. Đáp: Từ ngữ Vithī (Lộ Trình) rằng khi đã theo Môn (Dvāra) rồi, có 6 là (1) Lộ Trình Nhãn Môn (Cakkhadvāravithī), (2) Lộ Trình Nhĩ Môn (Sotadvāravithī), (3) Lộ Trình Tỷ Môn (Ghānavāravithī), (4) Lộ Trình Thiệt Môn (Jivhādvāravithī), (5) Lộ Trình Thân Môn (Kāyadvāravithī), (6) Lộ Trình Ý Môn (Manodvāravithī).

Rằng khi đã theo Thức (Viññāṇa) rồi, có 6 là (1) Lộ Trình Nhãn Thức (Cak khuviññāṇavithī), (2) Lộ Trình Nhĩ Thức (Sotaviññāṇavithī), (3) Lộ Trình Tỷ Thức (Ghānaviññāṇavithī), (4) Lộ Trình Thiệt Thức (Jivhāviññāṇavithī), (5) Lộ Trình Thân Thức (Kāyaviññāṇavithī), (6) Lộ Trình Ý Thức (Manoviññāṇavithī).

6. Hỏi: Trong Bộ Lục Thức (Viññāṇachakka) ấy, Ý Thức đó là nhóm Tâm nào, và Phạm Vi Chuyển Khởi Lộ Ngũ Môn có mấy thể loại, là những chi ?

6. Đáp: Trong Bộ Lục Thức (Viññāṇachakka) ấy, Ý Thức đó là 79 Tâm (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức), và Phạm Vi Chuyển Khởi Lộ Ngũ Môn có 4 là (1) Cảnh Cực Kỳ Cự Đại (Atimahantārammaṇa), (2) Cảnh Cự Đại (Mahantārammaṇa), (3) Cảnh Hy Thiểu (Parittārammaṇa), (4) Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu (Atiparittārammaṇa).

7. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của Phạm Vi Chuyển Khởi như tiếp theo đây: **(1) Cảnh Cực Kỳ Cự Đại (Atimahantārammaṇa), (2) Cảnh Cự Đại (Mahantāramma ṇa), (3) Cảnh Hy Thiểu (Parittārammaṇa), (4) Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu (Atiparittā rammaṇa).**

7. Đáp: Ý nghĩa của những Phạm Vi Chuyển Khởi có như thế này:

(1) Cảnh Cực Kỳ Cự Đại (Atimahantārammaṇa) ý muốn nói là Ngũ Cảnh có Tâm Lộ Trình sinh khởi được tối đa tròn đủ 7 thể loại.

(2) Cảnh Cự Đại (Mahantārammaṇa) ý muốn nói là Ngũ Cảnh có Tâm Lộ Trình sinh khởi được nhiều lắm chỉ có 6 thể loại.

(3) Cảnh Hy Thiểu (Parittārammaṇa) ý muốn nói là Ngũ Cảnh có Tâm Lộ Trình sinh khởi được ít ỏi chỉ có 5 thể loại.

(4) Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu (Atiparittārammaṇa) ý muốn nói là Ngũ Cảnh có Tâm Lộ Trình sinh khởi được tối thiểu, đề cập đến duy nhất chỉ có Hữu Phần Chấn Động.

8. Hỏi: Hãy trình bày tuổi thọ của Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp luôn cả nêu chứng cứ **Pāḷi** lên trình bày, không cần dịch thuật.

8. Đáp: Tuổi thọ của Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp có như thế này: là cả 3 sát na tiểu, đó là **Sát Na Khởi Sinh (Uppādakkhaṇa), Sát Na Trụ (Ṭhitikkhaṇa), Sát Na Diệt (Bhaṅgakkhaṇa)** (sinh – trụ - diệt) là tuổi thọ của một Tâm và Tâm Sở.

Còn tuổi thọ của Sắc Pháp bằng với **17 Tâm**, rằng theo sát na tiểu có 51 sát na tiểu, như có chứng cứ **Pāḷi** trình bày là **Uppādaṭṭhītibhaṅgavasena khaṇattayaṃ ekacittakkhaṇaṃ nāma, tāni pana sattarasa cittakkhaṇāni rūpadhammānamāyu.**

9. Hỏi: Từ ngữ **Khaṇa (Sát na)** ý muốn nói là chi ? Và hãy trình bày tuổi thọ Danh và Sắc trong cả 3 sát na ấy có sự khác biệt như thế nào ?

9. Đáp: Từ ngữ **Khaṇa (Sát na)** ý muốn nói là khoảng thời gian thiểu lượng cực điểm, sẽ không thể tìm cái chi đến tỷ giao được. Tuổi thọ của Danh và Sắc trong cả 3 sát na ấy có sự sai biệt ngay chỗ **Sát Na Trụ (Ṭhitikkhaṇa)**, là Sát Na Trụ của Danh có 1 sát na, còn Sát Na Trụ của Sắc có 49 sát na. Đối với **Sát Na Khởi Sinh (Uppādakkhaṇa)** và **Sát Na Diệt (Bhaṅgakkhaṇa)** có 1 sát na bằng nhau.

10. Hỏi: Phiến khắc đàn chỉ một lần búng ngón tay, Lộ Trình Danh và Sắc đã sinh khởi và rồi diệt đi có số lượng là bao nhiêu ?

10. Đáp: Phiến khắc đàn chỉ một lần búng ngón tay, Danh Pháp sinh khởi và diệt đi trăm ngàn chục triệu lần, Sắc Pháp sinh khởi rồi diệt đi nhiều hơn năm nghìn chục triệu lần (58,820,000,000 lần).

11. Hỏi: Vì nguyên nhân nào Ngài nói rằng **2 Sắc Biểu Tri (Viññattirūpa), 4 Sắc Thực Tướng (Lakkhaṇarūpa)** có tuổi thọ không dài đến 17 sát na Tâm ? Và Cảnh Sắc đến hiện bày ở Lộ Nhân, sẽ hiện bày lên ngay sát na nào trong cả 3 sát na ?

11. Đáp: Chỗ Ngài nói rằng 2 Sắc Biểu Tri, 4 Sắc Thực Tướng có tuổi thọ không dài đến 17 sát na Tâm, là vì 2 Sắc Biểu Tri này đồng sinh với Tâm, đồng diệt với Tâm, như trình bày để ở trong **Nhị Đề Mẫu (Dukamātikā) Nhị Đề Cự Đại (Mahantaraduka)** là **Cittasahabhūnodhammā** dịch nghĩa “các Pháp Thực Tính thường luôn có việc đồng sinh với Tâm”, và **Cittānuparivattinodhammā** dịch nghĩa “các Pháp Thực Tính sinh khởi hiện hành theo tâm linh cảm ứng”.

Còn 4 Sắc Thực Tướng ấy chỉ là tiêu ký của **Sắc Thành Sở Tác (Nipphanna rūpa)** thôi, là Sắc Siêu Lý giả hóa (bất thực) mới không có tuổi thọ đến 17 sát na Tâm. Sắc có tuổi thọ đến 17 sát na Tâm phải là Sắc Siêu Lý chân thật.

Cảnh Sắc đến hiện bày nơi Lộ Nhãn ấy, sẽ hiện bày ngay tại **Thời Gian Trụ (Thītipatta)** là bất luận một sát na nào trong số lượng 49 sát na của Cảnh Sắc ấy.

12. Hỏi: Hữu Phần Quá Khứ, Hữu Phần Chấn Động ý muốn nói là chi ? Tâm Hữu Phần sinh ở trong sát na Ngũ Cảnh sinh khởi rồi nhưng vẫn chưa tiếp xúc với Lộ Ngũ Môn, Tâm Hữu Phần ấy gọi như thế nào ? Và khi Ngũ Cảnh đã đến tiếp xúc với Lộ Ngũ Môn rồi, Tâm Hữu Phần ấy gọi tên thế nào ?

12. Đáp: **Hữu Phần Quá Khứ (Atītabhavaṅga)** ý muốn nói là Hữu Phần trải qua trong khoảng thời gian Ngũ Cảnh sinh khởi rồi, thế nhưng vẫn chưa hiện bày trong Lộ Ngũ Môn. **Hữu Phần Chấn Động (Bhavaṅgacalana)** ý muốn nói là Hữu Phần chấn động với mãnh lực Ngũ Cảnh đến hiện bày trong Lộ Ngũ Môn rồi. Tâm Hữu Phần sinh ở trong sát na Ngũ Cảnh sinh khởi rồi, thế nhưng vẫn chưa đến tiếp xúc Lộ Ngũ Môn, Tâm Hữu Phần ấy gọi là **Hữu Phần Quá Khứ**, và khi Ngũ Cảnh đã đến tiếp xúc Lộ Ngũ Môn rồi, Tâm Hữu Phần ấy gọi tên là **Hữu Phần Chấn Động**.

13. Hỏi: Hữu Phần Đình Chỉ ý muốn nói thế nào ? Nguyên nhân nào mới gọi là Hữu Phần Đình Chỉ ?

13. Đáp: **Hữu Phần Đình Chỉ (Bhavaṅgupaccheda)** ý muốn nói là cắt đứt dòng Hữu Phần gọi là Hữu Phần Đình Chỉ, bởi do nguyên nhân việc sinh khởi của Tâm Hữu Phần là Hữu Phần Chấn Động thứ 2 sinh khởi được lần cuối cùng trong mỗi Lộ Trình, vì thế mới gọi là **Hữu Phần Đình Chỉ**.

14. Hỏi: Hữu Phần Quá Khứ, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ sinh trước Lộ Trình Ngũ Môn có số lượng bao nhiêu ? Và sinh trước Lộ Trình Ý Môn có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ?

14. Đáp: Hữu Phần Quá Khứ, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ sinh trước Lộ Trình Ngũ Môn có số lượng 15, là 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Quả Sắc Giới.

Và sinh trước Lộ Trình Ý Môn có **Hữu Phần Quá Khứ** có 15, là 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 5 Tâm Quả Sắc Giới; **không có Hữu Phần Quá Khứ** có 19, là 2 Tâm Thảm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại.

15. Hỏi: Nhóm Tâm nào, nhóm Cảnh nào có cá tính của chúng hữu tình trong từng mỗi Hữu, và nhóm Tâm nào, nhóm Cảnh nào mới sinh khởi ?

15. Đáp: Tâm có cá tính của chúng hữu tình trong từng mỗi Hữu, đó là 19 Tâm Hữu Phần; Cảnh đó là bất luận một loại Cảnh nào trong Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, Cảnh Thú Tướng.

Tâm mới sinh khởi đó là hết cả thấy **Tâm Lộ Trình**. Cảnh mới sinh khởi đó là **6 Cảnh**, chỗ ngoài ra Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng.

16. Hỏi: Đã hiểu Phạm Vi Chuyển Khởi có 4 rồi, thế nhưng chúng ta sẽ chú ý được ngay chỗ nào rằng Lộ Trình nào là Cảnh Cực Kỳ Cự Đại, Cảnh Cực Đại, Cảnh Hy Thiểu, Cảnh Cực Lỳ Hy Thiểu ?

16. Đáp: Chú ý được ngay chỗ Hữu Phần Quá Khứ như vậy:

Nếu như có 1 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Lộ Trình ấy là Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại. Nếu như có 2, 3 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Lộ Trình ấy là Lộ Trình Cảnh Cực Đại. Nếu như có 4 đến 9 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Lộ Trình ấy là Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu. Nếu như có 10 đến 16 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Lộ Trình ấy là Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu.

17. Hỏi: Hãy trình bày điểm chú ý tổ thành bộ phận trong việc sinh khởi các Pháp như tiếp theo đây: **(1) Tâm Na Cảnh (Tadārammaṇacitta), (2) Hữu Phần Đình Chỉ (Bhavaṅgupaccheda).**

17. Đáp: **(1) Na Cảnh, Cảnh Cực Kỳ Cự Đại và Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện** sẽ sinh khởi được, sẽ cần phải phối hợp với 3 Chi Pháp, là (1) Đồng Lực phải là Đồng Lực Dục Giới, (2) Người phải là Người Dục Giới, (3) Cảnh phải là Cảnh Dục Giới.

(Tất cả đây sẽ cần phải không có **Nhân xuất cổ chướng (trục trặc)**. Nếu như có **Nhân xuất cổ chướng** rồi, Tâm Na Cảnh cũng không sinh khởi được, cho dù sẽ phối hợp với cả 3 Chi Pháp đi nữa].

[Có 3 **Nhân xuất cổ chướng (trục trặc)**, đó là **(1) Tái Sinh Dục Giới Xả Thọ (Paṭisandhikāmaupekkhā), (2) Đồng Lực Sân (Javanadosa)** và **(3) Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý (Attiṭṭha)**].

(2) Hữu Phần Đình Chỉ (Bhavaṅgupaccheda) sẽ sinh khởi được, sẽ cần phải phối hợp với 3 Chi Pháp, là: (1) Người cần phải tái tục với bất luận một Tâm nào trong **4 Đại Quả Hỷ Thọ (Mahāvipākasomanassa), (2) Đồng Lực phải là Đồng Lực Sân (Dosajavana), (3) Cảnh phải là Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý (Attiṭṭhārammaṇa)**, đặc biệt Cảnh Cực Kỳ Cự Đại và Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện. Nếu là Cảnh Cự Đại và Cảnh Minh Hiện rồi, bất hạn định Cảnh, bất thuyết Cảnh ấy là **Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý (Attiṭṭhā rammaṇa), Cảnh Trung Bình Duyệt Ý (Itṭhamajjhāttārammaṇa)** hoặc **Cảnh Bất Duyệt Ý (Aniṭṭhārammaṇa)** cũng thường vẫn có khả năng Hữu Phần Đình Chỉ sinh khởi hết cả thấy.

18. Hỏi: Lộ Ngũ Môn có Phạm Vi Chuyển Khởi đến 4 thể loại. Dựa vào cái chi làm căn cơ cho trình bày một cách riêng biệt theo từng mỗi **Môn (Dvāra)** luôn cả trình bày số lượng cả 3 thể loại của **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)** là **Nọa Độn Thọ Nhãn Thanh Triệt (Mandāyukacakkhupasāda)**: tuổi thọ lâu dài), **Phi Nọa Độn Thọ Nhãn Thanh Triệt (Amandāyukacakkhupasāda)**: tuổi thọ không lâu dài, ngắn), **Trung Bình Thọ Nhãn Thanh Triệt (Majjhimāyukacakkhupasāda)**: tuổi thọ trung bình) trong Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Na Cảnh và **Lộ Trình Cảnh Cự Đại Thứ Nhất (Paṭhamamahantārammaṇa)** đến xem ?

18. Đáp: Lộ Ngũ Môn có Phạm Vi Chuyển Khởi đến 4 thể loại, y cứ 4 Chi Pháp làm căn cơ là:

(1) Lộ Nhãn Môn (Cakkhudvāra):

- **Nhãn Thanh Triệt (Cakkhupasāda)**: thị lực hảo, nhãn lực hảo.
- **Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)**: có vật kiện trông thấy được đến hiện bày ngay trước mắt.

- **Khán Kiến (Āloka)**: lượng quang, lượng minh, quang tuyền.

- **Tư Lường (Manasikāra)**: sự chuyên tâm, lập chí.

(2) Lộ Nhĩ Môn (Sotadvāra):

- **Nhĩ Thanh Triệt (Sotapasāda)**: thính lực hảo, nhĩ lực hảo.

- **Cảnh Thinh (Saddārammaṇa)**: có âm thanh đến hiện bày ngay trước mắt.

- **Không Trung (Ākāsa)**: không khích (chỗ trống), không tử (khe hở)

- **Tư Lường (Manasikāra)**: sự chuyên tâm, lập chí.

(3) Lộ Tỷ Môn (Ghānavāra):

- **Tỷ Thanh Triệt (Ghānapasāda)**: tỷ tử hảo, khứu quan hảo.

- **Cảnh Khí (Gandhārammaṇa)**: có mùi hơi đến hiện bày ngay trước mắt.

- **Phong (Vāyo)**: gió.

- **Tư Lường (Manasikāra)**: sự chuyên tâm, lập chí.

(4) Lộ Thiệt Môn (Jivhādvāra):

- **Thiệt Thanh Triệt (Jivhāpasāda)**: vị giác khí hảo.

- **Cảnh Vị (Rasārammaṇa)**: các khẩu vị đến hiện bày ngay trước mắt.

- **Thủy (Āpo)**: nước (khẩu dịch, thoa dịch hoặc nước ở trong vật kiện ấy).

- **Tư Lường (Manasikāra)**: sự chuyên tâm, lập chí.

(5) Lộ Thân Môn (Kāyadvāra):

- **Thân Thanh Triệt (Kāyapasāda)**: sắc thân kiện Khang.

- **Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)**: lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng đến hiện bày ngay trước mắt.

Kiên Ngạnh (Thaddha): Địa Giới (Pathaviḍhātu) có trạng thái kiện Khang.

- **Tư Lường (Manasikāra)**: sự chuyên tâm, lập chí.

Nếu như cả 4 thể loại Pháp này tề toàn, Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc này gọi tên là **Cảnh Cực Kỳ Cự Đại**. Nếu như cả 4 thể loại Pháp này, bất luận một thể loại nào giảm nhược đi, Cảnh Sắc v.v. gọi tên là **Cảnh Cự Đại**. Nếu như giảm nhược

nhiều cũng gọi tên là **Cảnh Hy Thiểu**. Nếu như giảm nhược tối đa cũng gọi tên là **Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu**.

Trình bày cả 3 thể loại Nhân Thanh Triệt trong Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Na Cảnh và Lộ Trình Cảnh Cự Đại Thứ Nhất có như thế này:

1. Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Na Cảnh: Nọa Độn Thọ Nhân Thanh Triệt (Mandāyukacakkhupasāda: tuổi thọ lâu dài) có 37 sát na, Phi Nọa Độn Thọ Nhân Thanh Triệt (Amandāyukacakkhupasāda: tuổi thọ không lâu dài, ngắn) có 11 sát na, Trung Bình Thọ Nhân Thanh Triệt (Majjhimāyukacakkhupasāda: tuổi thọ trung bình) có 1 sát na.

2. Lộ Trình Cảnh Cự Đại Thứ Nhất (Paṭhamamahantārammaṇa) có như vậy: Nọa Độn Thọ Nhân Thanh Triệt (Mandāyukacakkhupasāda: tuổi thọ lâu dài) có 34 sát na, Phi Nọa Độn Thọ Nhân Thanh Triệt (Amandāyukacakkhupasāda: tuổi thọ không lâu dài, ngắn) có 14 sát na, Trung Bình Thọ Nhân Thanh Triệt (Majjhimāyuka cakkhupasāda: tuổi thọ trung bình) có 1 sát na.

19. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của từ ngữ như tiếp theo đây: **(1) Nọa Độn Thọ Nhân Thanh Triệt (Mandāyukacakkhupasāda), (2) Phi Nọa Độn Thọ Nhân Thanh Triệt (Amandāyukacakkhupasāda), (3) Trung Bình Thọ Nhân Thanh Triệt (Majjhimāyukacakkhupasāda)** của Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Na Cảnh ?

19. Đáp: **(1) Nọa Độn Thọ Nhân Thanh Triệt (Mandāyukacakkhupasāda)** ý muốn nói là Nhân Thanh Triệt có tuổi thọ ít hơn Cảnh Sắc câu sinh với Hữu Phần Quá Khứ có số lượng 37, là tính lấy Nhân Thanh Triệt câu sinh với Hữu Phần Chấn Động của Tâm Hữu Phần tính thụt lùi lại từ Hữu Phần Quá Khứ cho đến Hữu Phần Chấn Động của Tâm thứ 13 (Nhân Thanh Triệt sinh trước Cảnh Sắc và diệt trước Cảnh Sắc).

(2) Phi Nọa Độn Thọ Nhân Thanh Triệt (Amandāyukacakkhupasāda) ý muốn nói là Nhân Thanh Triệt có tuổi thọ nhiều hơn Cảnh Sắc câu sinh với Hữu Phần Quá Khứ có số lượng 11, là tính lấy Nhân Thanh Triệt câu sinh với sát na Trụ của Hữu Phần Quá Khứ cho đến Hữu Phần Chấn Động của Tâm Khai Ngũ Môn (Nhân Thanh Triệt sinh sau Cảnh Sắc và diệt lần sau Cảnh Sắc).

(3) Trung Bình Thọ Nhân Thanh Triệt (Majjhimāyukacakkhupasāda) ý muốn nói là Nhân Thanh Triệt có tuổi thọ khớp hỏ với Cảnh Sắc câu sinh Hữu Phần Quá Khứ có số lượng 1, chính thị là Nhân Thanh Triệt sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần Quá Khứ (**Hữu Phần Quá Khứ Thứ Nhất - Paṭhamaatītabha vaṇṇa**). [Nhân Thanh Triệt đồng sinh với Cảnh Sắc và đồng diệt với Cảnh Sắc].

20. Hỏi: Hãy trình bày bản đồ Lộ Trình của cả 3 Nhân Thanh Triệt làm duyên cho sinh Nhân Thức trong Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Na Cảnh và Lộ Trình Cự Đại Thứ Nhất luôn cả lời giải thích vừa đủ liễu giải ? Chỉ riêng trong Lộ Trình Cự Đại Thứ Nhất ?

20. Đáp: Trình bày cả 3 Nhân Thanh Triệt làm duyên cho sinh Nhân Thức trong Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Na Cảnh như thế này (**Vật Tiền Sinh Duyên – Vatthu purejātapaccaya**).

ĐIỀU ĐÁNG GHI NHỚ LÀ:

1. Sẽ tìm kiếm cả 3 Nhãn Thanh Triệt của bất luận Lộ Trình nào đi nữa, cần phải tìm kiếm **Trung Bình Thọ Nhãn Thanh Triệt (Majjhimāyukacakkhupasāda)** trước.
2. **Trung Bình Thọ Nhãn Thanh Triệt (Majjhimāyukacakkhupasāda)** thường luôn sẽ có 1, sẽ là 2 hoặc 3 không được.
3. **Trung Bình Thọ Nhãn Thanh Triệt (Majjhimāyukacakkhupasāda)** thường luôn sẽ phải sinh **Sát Na Khởi Sinh (Uppādakkhana)** của Hữu Phần Quá Khứ Thứ Nhất, sẽ sinh chỗ khác không được.
4. Kết hợp cả 3 loại sát na Trụ Nhãn Thanh Triệt rồi phải có số lượng 49 Sát.

21. Hỏi: Hãy trình bày việc sinh khởi của 4 Phạm Vi Chuyển Khởi có Cảnh Cực Kỳ Cự Đại v.v. Lộ Nhãn Môn theo thuận tự ?

21. Đáp: Việc sinh khởi của cả 4 Phạm Vi Chuyển Khởi Lộ Nhãn Môn theo thuận tự có như thế này:

Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhãn Môn: Cảnh Sắc trải qua Tâm Hữu Phần sát na thứ nhất rồi cũng sẽ hiện bày với Nhãn Thanh Triệt. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Hữu Phần chấn động 2 lần rồi Tâm Khai Ngũ Môn cắt đứt dòng Hữu Phần, và chính thị tứ khảo Cảnh Sắc ấy sinh khởi rồi cũng diệt mất. Khi Tâm Khai Ngũ Môn diệt mất rồi trong thuận tự ấy Tâm Nhãn Thức người khán kiến Cảnh Sắc, Tâm Tiếp Thâu y như người tiếp thâu Cảnh Sắc, Tâm Thâm Tấn y như người thâm tấn Cảnh Sắc, Tâm Đoán Định y như người phán đoán Cảnh Sắc, các thể loại này thường sinh khởi một cách thuận tự rồi cũng diệt theo. Sau khi Tâm Đoán Định diệt mất rồi, bất luận một Tâm Đồng Lực nào trong 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới có **Như Lý Tác Ý (Yonisomanasikāra – Như Chung Liễu Giải, Như Chung Minh Bạch)** v.v. làm duyên thường sinh nhiều lắm chỉ 7 lần. Tâm Dị Thục Quả Na Cảnh sinh khởi một cách thích hợp với hữu tình. Sau khi Tâm Na Cảnh thứ 2 diệt mất rồi, Tâm Hữu Phần cũng sinh tiếp nối, chiếu theo đã đề cập theo thuận tự rồi **17 khoảnh khắc sát na Tâm (Cittakkhāṇa)** cũng tề toàn mãn túc, là sự sinh khởi của Lộ Trình có 14 Tâm, 2 Tâm Hữu Phần Chấn Động, Tâm Hữu Phần trải qua 1 cái, kết hợp 17 Tâm. Khi kết hợp 17 Tâm rồi Cảnh Sắc ấy cũng diệt mất, Cảnh Sắc này gọi tên Cảnh Cực Kỳ Cự Đại.

Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Nhãn Môn: Cảnh Sắc sinh khởi trải qua Tâm Hữu Phần 2, 3 sát na rồi đến hiện bày với Nhãn Thanh Triệt, vì thế mới không có khả năng sẽ được đình trụ cho đến Tâm Na Cảnh 2 lần. Cảnh Sắc này gọi tên là Cảnh Cực Đại. Trong Lộ Trình Cảnh Cực Đại này, khi hoàn kết 7 Đồng Lực, Tâm Hữu Phần cũng sinh khởi, sự sinh khởi của Tâm Na Cảnh thường không có.

Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Nhãn Môn: Cảnh Sắc sinh khởi trải qua 4, 5, 6, 7, 8, 9 Tâm Hữu Phần rồi mới hiện bày với Nhãn Thanh Triệt, vì thế mới không có khả năng sẽ đình trụ được cho đến Tâm Đồng Lực 7 lần. Cảnh Sắc này gọi tên là Cảnh Hy Thiểu. Trong Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu này, cả 7 Đồng Lực không sinh, chỉ sinh Tâm Đoán Định 2, 3 lần ngắn ấy thôi, tiếp nối từ nơi ấy Hữu Phần mới sinh nối tiếp.

Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu Nhân Môn: Cảnh Sắc sinh khởi trải qua Tâm Hữu Phần trước được 10 đến 16 sát na, gần sẽ diệt rồi mới hiện bày với Nhân Thanh Triệt, vì thế mới không có khả năng sẽ đình trụ được cho đến Tâm Đoán Định 2 lần. Cảnh Sắc này gọi tên là Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu. Trong Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu này chỉ có Hữu Phần chân động thôi, không có việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình nào cả.

22. Hỏi: Hãy trình bày Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Na Cảnh loại thông thường xem ?

22. Đáp: Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Na Cảnh loại thông thường có như thế này: Hữu Phần Quá Khứ, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ, Khai Ngũ Môn, Nhân Thức, Tiếp Thâu, Thâm Tấn, Đoán Định, Đồng Lực 7 lần, Na Cảnh 2 lần, Hữu Phần tiếp nối.

23. Hỏi: Trong Thời Kỳ Na Cảnh, Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn ấy có mấy loại Tâm Lộ Trình ? Là những chi ? Các loại Tâm Lộ Trình này, khi tính theo việc sinh khởi của Tâm rồi có bao nhiêu ? Và nếu như một cách quảng nghĩa có số lượng bao nhiêu, là những chi ?

23. Đáp: Trong Thời Kỳ Na Cảnh, Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn ấy có 7 loại Tâm Lộ Trình, là Khai Ngũ Môn, Nhân Thức, Tiếp Thâu, Thâm Tấn, Đoán Định, Đồng Lực, Na Cảnh.

Các loại Tâm Lộ Trình này khi tính theo việc sinh khởi của Tâm rồi có 14, là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Nhân Thức, 1 Tâm Tiếp Thâu, 1 Tâm Thâm Tấn, 1 Tâm Đoán Định, Tâm Đồng Lực 7 lần, Tâm Na Cảnh 2 lần, gom thành 14.

Và nếu như một cách quảng nghĩa rồi có số lượng 46, là 46 Tâm Dục Giới (trừ 8 Tâm Ngũ Song Thức).

24. Hỏi: Thời Kỳ Na Cảnh, Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn sinh khởi với hạng Người nào và trong Địa Giới nào ?

24. Đáp: Thời Kỳ Na Cảnh, Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn sinh được trong 8 hạng Người trong 11 Dục Địa Giới.

25. Hỏi: Thời Kỳ Đồng Lực, Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn có mấy loại, là chi ? Và hãy phân chia các loại Lộ Trình này theo Người và Địa Giới ?

25. Đáp: Thời Kỳ Đồng Lực, Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn có 2 loại, là 1 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Đồng Lực, không có **Hữu Phần Khách (Āgantukabhavaṅga)**, và 1 Lộ Trình có Hữu Phần Khách.

1 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách sinh được trong 8 hạng Người và trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokāra bhūmi)**. 1 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách chỉ sinh

được trong 4 hạng Người (trừ Khổ Thú, Thiện Thú, Bất Lai, Vô Sinh) và sinh trong 7 Thiện Dục Địa Giới thôi.

26. Hỏi: Hãy viết Chi Pháp phối hợp bản đồ Lộ Trình trong Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Na Cảnh và Thời Kỳ Đồng Lực, Đồng Lực Sân đến cho chính xác ?

26. Đáp: Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Na Cảnh, Đồng Lực Sân:

Ti Na Da Pa Ca Saṃ Na Vu Ja Ja Ja Ja Ja Ja Ta Ta

[----10----] 1 2 2 2 1 [-----2-----] [--6--]

Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Nhân Môn Thời Kỳ Đồng Lực, Đồng Lực Sân:

Ti Na Da Pa Ca Saṃ Na Vu Ja Ja Ja Ja Ja Ja Bha Bha

[----6----] 1 1 1 1 1 [-----2-----] [---2---]

27. Hỏi: Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn có mấy loại, là những chi ? Và các loại Lộ Trình này tổng hợp vào Thời Kỳ nào ?

27. Đáp: Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn có 4 loại, là (1) Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ, không có Hữu Phần Khách, (2) Lộ Trình Cảnh Cự Đại có 2 sát na Hữu Phần Quá Khứ, có Hữu Phần Khách, (3) Lộ Trình Cảnh Cự Đại Nhân Môn có 3 sát na Hữu Phần Quá Khứ, không có Hữu Phần Khách, (4) Lộ Trình Cảnh Cự Đại có 3 sát na Hữu Phần Quá Khứ, có Hữu Phần Khách, gom thành 4 Lộ Trình, và các loại Lộ Trình này tổng hợp vào trong Thời Kỳ Đồng Lực.

28. Hỏi: Lộ Trình Cảnh Cự Đại có Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi đến 4 sát na có hay không, hãy nêu lên lý do cùng với lời giải thích ?

28. Đáp: Cũng có Lộ Trình Cảnh Cự Đại có Hữu Phần Quá Khứ sinh khởi được đến 4 sát na, vì theo chính thường Đồng Lực cũng có thể sinh khởi được chỉ 6 lần. Trong khi tính theo tuổi thọ của Cảnh Sắc (Ngũ Cảnh) cũng sẽ nên thấy được như thế này: 4 sát na Hữu Phần Quá Khứ, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi, Khai Ngũ Môn, Ngũ Thức, Tiếp Thâu, Thảm Tán, Đoán Định, Đồng Lực 6 lần. Khi đến sát na Diệt của Đồng Lực thứ 6, Ngũ Cảnh ấy cũng diệt mất. Ngũ Cảnh ấy cũng có tuổi thọ đủ khắp hạo 17 sát na Tâm, với nguyên nhân này mới nói rằng cũng có Lộ Trình Cảnh Cự Đại có được 4 sát na Hữu Phần Quá Khứ.

29. Hỏi: Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại có Hữu Phần Khách và Lộ Trình Cảnh Cự Đại có Hữu Phần Khách ấy, có việc sai biệt như thế nào ?

29. Đáp: Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại có Hữu Phần Khách và Lộ Trình Cảnh Cự Đại có Hữu Phần Khách ấy bất tương đồng Cảnh, là Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại có Hữu Phần Khách, Cảnh phải là Cảnh Cự Kỳ Duyệt Ý mới sẽ có Hữu Phần Khách được, ngoài Cảnh Cự Kỳ Duyệt Ý ra rồi, Hữu Phần Khách cũng không có sinh khởi được; còn Lộ Trình Cảnh Cự Đại có Hữu Phần khách ấy không có việc hạn định Cảnh, bất thuyết Cảnh ấy sẽ là **Cảnh Bất Duyệt Ý (Aniṭṭhārammaṇa)** hoặc **Cảnh Trung Bình Duyệt Ý (Iṭṭhamajjhat tārammaṇa)**, **Cảnh Cự Kỳ Duyệt Ý (Atiṭṭhārammaṇa)** đi nữa, phải có Hữu Phần Khách hết cả thấy.

30. Hỏi: Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách sinh khởi với Người Dục Giới có hay không, nêu lý do lên giải thích với ?

30. Đáp: Có Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách sinh khởi với Người Dục Giới, là **1 Người Khổ Thú Vô Nhân (Dugatiahetukapuggala)**, **1 Người Thiện Thú Vô Nhân (Sugatiahetukapuggala)** và Nhân Loại, Chư Thiên tái sinh với Đại Quả Xả Thọ. Trong sát na được tiếp xúc với Ngũ Cảnh ở phần Cự Kỳ Duyệt Ý, là nhiều thiện hảo, chẳng phải Cảnh bình thường, thế nhưng người ấy có sự bất mãn ý, sự thông tâm, sự úy cụ sinh khởi, nên Tâm Na Cảnh sẽ sinh nối tiếp cũng phải là Na Cảnh Hỷ Thọ, thế nhưng Na Cảnh Hỷ Thọ sẽ không sinh nối tiếp trong đồng cùng một tuyến với Đồng Lực Sân được. Trong khi Na Cảnh Hỷ Thọ không sinh được, Hữu Phần nguyên tiên (**Hữu Phần khởi nguyên - Mūlabhavaṅga**) cũng sinh tiếp nối với Đồng Lực Sân, bởi không cần phải có **Hữu Phần Khách (Āgantukabhavaṅga)**.

31. Hỏi: Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại và Lộ Trình Cảnh Cự Đại có Hữu Phần Khách sinh khởi trong Người Dục Giới được mấy hạng, là những hạng Người nào ?

31. Đáp: Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại và Lộ Trình Cảnh Cự Đại có Hữu Phần Khách sinh khởi trong 4 hạng Người Dục Giới là **1 Người Nhị Nhân (Dvihetukapuggala)**, **1 Người Tam Nhân (Tihetukapuggala)**, **1 Người Thất Lai (Sotāpannapuggala)**, **1 Người Nhất Lai (Sakadāgāmīpuggala)** tái sinh với Hỷ Thọ và **Hạnh Vận Thiền Giả (Jhānalābhīpuggala)** trong sát na tắng thất Thiền Định, Hữu Phần Khách cũng có được.

32. Hỏi: Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Nhân Môn có mấy thể loại, là những chi ? Tổng hợp vào trong Thời Kỳ nào và sinh khởi với hạng Người nào, trong Địa Giới nào ?

32. Đáp: Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Nhân Môn có 6 thể loại là Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu Nhân Môn có Hữu Phần Quá Khứ trải qua 4,5,6,7,8,9 sát na, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ, Khai Ngũ Môn, Nhân Thức, Tiếp Thâu, Thẩm Tấn, Đoán Định, Hữu Phần tiếp nối; tổng hợp vào trong **Thời Kỳ Đoán Định (Voṭṭhabbanavāra)** sinh khởi với 8 hạng Người trong **Ngũ Uẩn Địa Giới (Pañcavokārabhūmi)**.

33. Hỏi: Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu có mấy thể loại, là những chi ? Thường hiểu rằng Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu này là **Thời Kỳ Vô Hiệu Lực (Moghavāra)** là Tâm Lộ Trình không sinh, thế nhưng vì sao mới sắp thành Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu được ?

33. Đáp: Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu có 7 thể loại, là Hữu Phần Quá Khứ trải qua 10,11,12,13,14,15,16 sát na, Hữu Phần Chấn Động 2 - 3 lần rồi Hữu Phần tiếp nối. Việc sắp Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu vào trong Lộ Trình được cũng vì Tâm Hữu Phần này có việc chấn động sinh khởi với mãnh lực của Ngũ Cảnh đến tiếp xúc, chẳng phải là Hữu Phần theo thông thường, với nguyên nhân này mới sắp thành Lộ Trình được.

34. Hỏi: Cho trình bày việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình ở Lộ Trình Nhãn Môn một cách tường tế như tiếp theo đây: (1) Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Na Cảnh, (2) Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách, (3) Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Khách, (4) Lộ Trình Cảnh Cự Đại thứ nhất có Hữu Phần Khách và (5) không có Hữu Phần Khách.

34. Đáp: (1) Việc sinh khởi Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Na Cảnh có như thế này: Khi Cảnh Sắc đến hiện bày một cách đặc biệt ở Lộ Nhãn ngay khi nào, 1 Tâm Hữu Phần có bất luận một loại Cảnh nào là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, sinh khởi rồi cũng trải qua, gọi tên là Hữu Phần Quá Khứ. Khi Cảnh Sắc ấy đã đến tiếp xúc với Nhãn Thanh Triệt, Tâm Hữu Phần ấy cũng cải hoán thực tính thành trạng thái chấn động 2 sát na rồi cũng diệt mất, gọi tên là Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi; tiếp nối từ nơi ấy Tâm Lộ Trình cũng sinh khởi đi theo thuận tự là:

- Tâm Khai Ngũ Môn là Tâm có nhiệm vụ tư khảo Cảnh mới, phóng khí Cảnh cũ cùng với cắt đứt dòng Hữu Phần, sinh khởi 1 sát na rồi cũng diệt mất.

- Tâm Nhãn Thức sinh khởi có nhiệm vụ khán kiến Cảnh Sắc rồi cũng diệt mất.

- Tâm Tiếp Thâu sinh khởi có nhiệm vụ tiếp thâu Cảnh rồi cũng diệt mất.

- Tâm Thăm Tán sinh khởi có nhiệm vụ thăm tán Cảnh Sắc rằng là duyệt ý hoặc bất duyệt ý rồi cũng diệt mất.

- Tâm Đoán Định sinh khởi có nhiệm vụ phán đoán Cảnh Sắc rằng là duyệt ý hoặc bất duyệt ý rồi cũng diệt mất.

- Bất luận một Tâm Đồng Lực Dục Giới nào trong 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới sinh khởi có nhiệm vụ thụ hưởng Cảnh Sắc nối tiếp nhau 7 sát na rồi cũng diệt mất.

- Bất luận một Tâm Na Cảnh nào trong 11 Tâm Na Cảnh sinh khởi 2 sát na có nhiệm vụ tiếp thâu Cảnh Sắc nối tiếp từ Đồng Lực rồi cũng diệt mất.

Cảnh Sắc với Nhãn Thanh Triệt, cả 2 này cũng đồng diệt với Tâm Na Cảnh thứ 2, vì tròn đủ 17 sát na Tâm bằng với tuổi thọ của từng mỗi Sắc. Tiếp nối từ nơi ấy đi, Tâm Hữu Phần cũng sinh khởi vừa theo thích hợp và tiếp nối Lộ Trình như đã đề cập rồi đây, cũng lại sinh khởi xen lẫn một cách liên tục với Tâm Hữu Phần mãi cho đến Tâm Lộ Trình Ý Môn sẽ sinh.

(2) Việc sinh khởi Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách có như thế này: Người tái sinh với Hỷ Thọ, sát na khán kiến Cảnh Sắc ở phần Cự Kỳ Duyệt Ý, chẳng hạn như người có tướng mạo mỹ lệ cực điểm, vật kiện ưu mỹ cực điểm v.v. thế nhưng tri giác bất mãn ý, thống tâm, úy cụ sinh khởi, Tâm Lộ Trình sinh theo thuận tự như thế này: Tâm Tái Sinh Hỷ Thọ thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Quá Khứ, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi có Cảnh Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, bất luận một loại nào mà Tâm Đồng Lực cận tử đã có tiếp thâu từ Hữu trước, khi cận tử lâm chung sinh khởi rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Khai Ngũ Môn thực hiện nhiệm vụ tư khảo Cảnh mới, Nhãn Thức Dị Thục Quả Thiện người khán kiến Cảnh Sắc ở phần Cự Kỳ Duyệt Ý, Tiếp Thâu Dị Thục Quả Thiện thực hiện nhiệm vụ tiếp thâu Cảnh Sắc ở phần Cự Kỳ Duyệt Ý, Thăm Tán Hỷ Thọ thực hiện nhiệm vụ thăm tán Cảnh Sắc ở phần Cự Kỳ Duyệt

Ý, Tâm Đoán Định phán đoán trong Cảnh Sắc rằng là cực kỳ duyệt ý và chính thị các loại Tâm này cũng diệt mất trong thuận tự, Đồng Lực Sân cũng sinh khởi hưởng thụ Cảnh Sắc ở phần Cực Kỳ Duyệt Ý 7 sát na rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Thâm Tấn Di Thực Quả Thiện Xả Thọ hoặc Đại Quả Xả Thọ, bất luận một cái nào cũng sinh khởi thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách thay thế Na Cảnh có 6 Cảnh ở phần Pháp Dục Giới đã có sự thực luyện trong Hữu này làm thành Cảnh sinh khởi rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Đại Quả Hỷ Thọ ở phần Hữu Phần nguyên tiên (**Hữu Phần khởi nguyên - Mūlabhavaṅga**) có Cảnh tương đồng với Hữu Phần đầu tiên sinh khởi nhiều lần vừa theo thích hợp, và các loại Tâm Lộ Trình này cũng có lẽ sinh khởi hàng trăm hàng ngàn vòng, tùy theo thời gian đang khán kiến Cảnh Sắc ở phần Cực Kỳ Duyệt Ý.

(3) Việc sinh khởi Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực không có Tâm Hữu Phần Khách có như thế này: Người tái sinh với Xả Thọ, sát na được khán kiến Cảnh Sắc ở phần Cực Kỳ Duyệt Ý, chẳng hạn như người có tướng mạo mỹ lệ cực điểm, vật kiện ưu mỹ cực điểm v.v. thế nhưng tri giác bất mãn ý, thông tâm, úy cụ sinh khởi, Tâm Lộ Trình sinh theo thuận tự như thế này: Tâm Tái Sinh Xả Thọ thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Quá Khứ, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ có Cảnh Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, bất luận một loại nào mà Tâm Đồng Lực cận tử đã tiếp thu từ Hữu trước, khi cận tử lâm chung sinh khởi rồi diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Khai Ngũ Môn thực hiện nhiệm vụ tư khảo Cảnh mới, Nhân Thức Di Thực Quả Thiện thực hiện nhiệm vụ khán kiến Cảnh Sắc ở phần Cực Kỳ Duyệt Ý, Tiếp Thâu Di Thực Quả Thiện thực hiện nhiệm vụ tiếp thu Cảnh Sắc ở phần Cực Kỳ Duyệt Ý, Thâm Tấn Hỷ Thọ thực hiện nhiệm vụ thâm tấn Cảnh Sắc ở phần Cực Kỳ Duyệt Ý, Tâm Đoán Định sinh khởi phán đoán trong Cảnh Sắc ở phần Cực Kỳ Duyệt Ý rồi các thể loại Tâm này cũng diệt mất. Chính thị trong thuận tự ấy, Đồng Lực Sân cũng sinh khởi hưởng thụ Cảnh Sắc ở phần Cực Kỳ Duyệt Ý 7 sát na rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Tái Sinh Xả Thọ thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần có Cảnh là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, bất luận một loại nào sinh khởi nhiều lần tùy theo thích hợp, và các thể loại Tâm Lộ Trình này cũng có lẽ sinh khởi hàng trăm hàng ngàn vòng, tùy theo thời gian đang khán kiến Cảnh Sắc ở phần Cực Kỳ Duyệt Ý.

Các Phạm Thiên Sắc Giới trong sát na khán kiến Cảnh Sắc ở phần Cực Kỳ Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý có Tâm Hữu Phần trải qua 1 sát na rồi cũng hiện bày với Nhân Thanh Triệt. Trong thuận tự ấy, các Đồng Lực khác – ngoài Đồng Lực Sân ra – thường sinh khởi lần cuối cùng Đồng Lực rồi Tái Sinh Sắc Giới có **Cảnh Pháp Nghiệp Tướng Chế Định (Paññat tikammanimittadhammārammaṇa)** sinh khởi thực hiện nhiệm vụ Tâm Hữu Phần tiếp nối. Thể loại Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực này tương tự cũng không có Hữu Phần Khách.

(4) Việc sinh khởi Lộ Trình Cảnh Cực Đại Thứ Nhất có Tâm Hữu Phần Khách có như thế này: Người tái sinh với Hỷ Thọ, sát na được khán kiến Cảnh Sắc dù ở phần Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý đi nữa, thế nhưng tri giác bất mãn ý, thông tâm, úy cụ sinh khởi, Tâm Lộ Trình sinh theo thuận tự như thế này: Tái sinh Hỷ Thọ thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Quá Khứ trải qua 2, 3 sát na, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ có Cảnh là Nghiệp,

Nghiệp Tướng, Thú Tướng, bất luận một loại nào mà Đồng Lực cận tử tiếp thân từ Hữu trước, khi cận tử lâm chung sinh khởi rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Khai Ngũ Môn thực hiện nhiệm vụ tư khảo Cảnh mới, Tâm Nhân Thức thực hiện nhiệm vụ khán kiến Cảnh Sắc ở phần Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý, Tiếp Thân thực hiện nhiệm vụ tiếp thân Cảnh Sắc ở phần Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý, Thâm Tấn thực hiện nhiệm vụ thâm tấn Cảnh Sắc ở phần Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý, các loại Tâm này sẽ là Dị Thục Quả Thiện hoặc Dị Thục Quả Bất Thiện, tùy thuộc theo Cảnh. Tâm Đoán Định phán đoán trong Cảnh Sắc rằng là Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý rồi chính thị các thể loại Tâm này cũng diệt mất. Đồng Lực Sân cũng sinh khởi thực hiện nhiệm vụ hưởng thụ Cảnh Sắc ở phần Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý 7 sát na rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Thâm Tấn Dị Thục Quả Thiện Xả Thọ, Thâm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện hoặc Đại Quả Xả Thọ, bất luận một cái nào sinh khởi thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Khách có 6 Cảnh ở phần Pháp Dục Giới đã có sự thực luyện rồi trong Hữu này làm thành Cảnh sinh khởi rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Đại Quả Hỷ Thọ ở phần Hữu Phần nguyên tiên (**Hữu Phần khởi nguyên - Mūlabhavaṅga**) có Cảnh tương đồng với Hữu Phần đầu tiên sinh khởi nhiều lần vừa theo thích hợp, và các loại Tâm Lộ Trình này cũng có lẽ sinh khởi hàng trăm hàng ngàn vòng, tùy theo thời gian đang khán kiến Cảnh Sắc.

(5) Việc sinh khởi Lộ Trình Cảnh Cự Đại Thứ Nhất không có Tâm Hữu Phần Khách có như thế này: Người tái sinh với Xả Thọ, sát na được khán kiến Cảnh Sắc dù ở phần Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý đi nữa, thể nhưng tri giác bất mãn ý, thống tâm, úy cụ sinh khởi, Tâm Lộ Trình sinh theo thuận tự như thế này: Tâm Tái Sinh Xả Thọ thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần Quá Khứ trải qua 2 sát na, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ có Cảnh là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, bất luận một loại nào mà Đồng Lực cận tử đã tiếp thân từ Hữu trước, khi cận tử lâm chung làm thành Cảnh sinh khởi rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Khai Ngũ Môn thực hiện nhiệm vụ tư khảo Cảnh mới, Nhân Thức thực hiện nhiệm vụ khán kiến Cảnh Sắc ở phần Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý, Tiếp Thân thực hiện nhiệm vụ tiếp thân Cảnh Sắc ở phần Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý, Thâm Tấn thực hiện nhiệm vụ thâm tấn Cảnh Sắc ở phần Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý, các loại Tâm này sẽ là Dị Thục Quả Thiện hoặc Dị Thục Quả Bất Thiện, tùy theo Cảnh, Đoán Định thực hiện nhiệm vụ phán đoán trong Cảnh Sắc ở phần Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý, và các loại Tâm này cũng diệt mất. Chính thị trong thuận tự ấy, Đồng Lực Sân cũng sinh khởi thực hiện nhiệm vụ hưởng thụ Cảnh Sắc ở phần Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý 7 sát na rồi diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy Tâm Tái Sinh Xả Thọ thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần có Cảnh là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng bất luận một loại nào sinh khởi nhiều lần vừa theo thích hợp, và các loại Tâm Lộ Trình này cũng có lẽ sinh khởi hàng trăm hàng ngàn vòng tùy theo thời gian đang khán kiến Cảnh Sắc ấy.

Hoặc người tái sinh với Hỷ Thọ, khi được khán kiến Cảnh Sắc ở phần Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý có Tâm Hữu Phần trải qua 2, 3 sát na rồi cũng hiện bày với Nhân Thanh Triệt, trong thuận tự ấy Đồng Lực Sân không sinh, có lẽ chỉ có các Đồng Lực khác sinh khởi, các loại Tâm Lộ Trình này tương tự cũng không có Hữu Phần Khách, lần cuối cùng Đồng Lực rồi Tâm Tái Sinh Hỷ Thọ cũng thực hiện nhiệm vụ Hữu Phần tiếp nối tương tự với Lộ Trình như đã có trình bày đến rồi.

35. Hỏi: Tâm sinh khởi Lộ Ngũ Môn có số lượng bao nhiêu, là những chi, khi tính một cách giản lược rồi Lộ Ngũ Môn có 75 Lộ Trình, khi tính một cách quảng nghĩa rồi có 100 Lộ Trình, vì thế khó hiểu rằng việc tính một cách giản lược, tính như thế nào, tính một cách quảng nghĩa, tính như thế nào ?

35. Đáp: Tâm sinh khởi Lộ Ngũ Môn có số lượng 54, chính thị là 54 Tâm Dục Giới, Lộ Trình Ngũ Môn một cách giản lược có 75 ấy, có việc tính như thế này: 1 Cảnh Cực Kỳ Cự Đại, 2 Cảnh Cự Đại, 6 Cảnh Hy Thiểu, 6 Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu, gom thành 15 nhân (x) với cả 5 Môn gom thành 75 Lộ Trình. Một cách quảng nghĩa có 100 ấy, có việc tính như thế này: 3 Cảnh Cực Kỳ Cự Đại, 4 Cảnh Cự Đại, 6 Cảnh Hy Thiểu, 7 Cảnh Cực Kỳ Hy Thiểu, gom thành 20 nhân (x) với cả 5 Môn gom thành 100 Lộ Trình.

36. Hỏi: Hãy dịch câu kệ như tiếp theo đây:

Vīthiccittāni satteva Cittuppādā catuddasa
Catupaññāsa vitthārā Pañcadvāre yathārahaṃ

36. Đáp: Theo câu kệ này dịch nghĩa là: “theo Cảnh sinh trong cả 5 Môn, rằng theo Tâm Lộ Trình có 7 (là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Ngũ Thức, 1 Tâm Tiếp Thâu, 1 Tâm Thẩm Tấn, 1 Tâm Đoán Định, 1 Tâm Đồng Lực, 1 Tâm Na Cảnh gọi là Tâm Lộ Trình), rằng theo việc sinh khởi của Tâm có 14 (là 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Khai Ngũ Môn sinh khởi vừa theo thích hợp, 1 Tâm Tiếp Thâu, 1 Tâm Thẩm Tấn, 1 Tâm Đoán Định, Tâm Đồng Lực 7 lần, Tâm Na Cảnh 2 lần, gom 14 gọi là Tâm Lộ Trình tương tự), rằng theo quảng nghĩa có 54, chính thị là 54 Tâm Dục Giới”.

37. Hỏi: Hãy trình bày Phạm Vi Chuyển Khởi ở Lộ Ý Môn theo phần **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgaha)** và Chú Giải, Phụ Chú Giải rằng có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? cùng với ý nghĩa các loại Phạm Vi Chuyển Khởi này. Việc nói rằng Cảnh đến hiện bày được ở Lộ Ý Môn, có cả Siêu Lý và Chế Định, ở phần quá khứ, vị lai, hiện tại, và ngoại thời, được như thế này do y cứ chi làm căn cứ ?

37. Đáp: Phạm Vi Chuyển Khởi ở Lộ Ý Môn theo phần **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammatthasaṅgaha)** có số lượng 2 thể loại, là:

(1) **Cảnh Minh Hiện (Vibhūtārammaṇa)** ý muốn nói là Cảnh hiện bày minh hiện trong Lộ Ý.

(2) **Cảnh Bất Minh Hiện (Avibhūtārammaṇa)** ý muốn nói Cảnh hiện bày bất minh hiện trong Lộ Ý.

Theo phần Chú Giải – Phụ Chú Giải có 4, là:

(1) **Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện (Ativibhūtārammaṇa)** ý muốn nói là Cảnh hiện bày cực kỳ minh hiện trong Lộ Ý.

(2) **Cảnh Minh Hiện (Vibhūtārammaṇa)** ý muốn nói là Cảnh hiện bày minh hiện trong Lộ Ý.

(3) Cảnh Bất Minh Hiện (Avibhūtārammaṇa) ý muốn nói là Cảnh hiện bày bất minh hiện trong Lộ Ý.

(4) Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện (Atiavibhūtārammaṇa) ý muốn nói là Cảnh hiện bày cực kỳ bất minh hiện trong Lộ Ý.

Được như thế này do y cứ 14 thể loại làm căn cứ, là:

1. Kiến Giải (Diṭṭhato) với mãnh lực chúng ta từng kiến đắc cả 6 Cảnh rồi, vì thế các loại Cảnh này mới đến hiện bày được ở Lộ Ý.

2. Kiến Giải Hữu Quan (Diṭṭhasambandhato) cả 6 Cảnh đang hiện bày tương tự với 6 Cảnh đã từng kiến đắc rồi, vì thế... v.v.

3. Hoạch Thính (Sutato) với mãnh lực chúng ta đã từng thính đắc, đã từng cầu học, hoặc trong sát na đang thính văn, đang cầu học, đang đọc nội dung, vì thế... v.v.

4. Hoạch Thính Hữu Quan (Sutasambandhato) cả 6 Cảnh đang hiện bày tương tự với 6 Cảnh chúng ta đã từng thính đắc, đã được cầu học, đã được đọc rồi, vì thế.. v.v.

5. Tín Tâm (Saddhāya) với mãnh lực từ sự tương tín trong thuyết thoại của tha nhân, vì thế... v.v.

6. Mãn Ý (Ruciṃ) với mãnh lực từ sự mãn ý của bản thân, vì thế v.v.

7. Trạng Thái Tư Khảo (Ākāraparivittakkena) với mãnh lực từ việc tư khảo do y cứ sự kiện thuyết thoại, nhân quả, vì thế... v.v.

8. Kham Nhẫn Kiến Giải Minh Sát (Diṭṭhinijjhānakkhantiṃ) với mãnh lực từ việc tư khảo các Cảnh với Trí Tuệ cùng với **Giáo Lý (Laddhi)** của mình, phán đoán, vì thế...v.v.

9. Chủng Chủng Nghiệp Lực (Nānākammabalena) với mãnh lực các Nghiệp Lực tương tự với Nghiệp Lực, Nghiệp Tướng, Thủ Tướng đến hiện bày khi cận tử lâm chung, vì thế... v.v.

10. Chủng Chủng Thần Túc Lực (Nānāiddhibalena) với mãnh lực các thể loại Thần Túc Thắng Trí sinh khởi từ Bậc có Thần Túc Thắng Trí đến hiện bày cho kiến đắc, vì thế... v.v.

11. Năng Lực Tổ Chất Hư Hoại (Dhātukkhobhavasena) với mãnh lực từ **Giới (Dhātu)** trong sắc thân có mật, đàm, nước vàng, máu, gió, các loại này thất thường đi, chẳng hạn như người bệnh tâm thần có việc trông thấy mê sảng, hoặc đôi khi người nằm ngủ trong mùa giá rét thường mộng mị, vì thế...v.v.

12. Năng Lực Thần Phú Dữ Linh Cảm (Devatopasamhāravasena) với mãnh lực từ Chư Thiên đến phú dữ linh cảm, vì thế...v.v.

13. Năng Lực Tùy Giác (Anubodhavasena) với mãnh lực từ việc liễu tri **4 Thánh Đế (Ariyasacca)** do y cứ **Tuệ Văn (Sutamayaapaññā - Văn Sở Thành Tuệ), Tuệ Tư (Tu Sở Thành Tuệ - Cintamayapaññā), Tuệ Tu (Bhāvanāmayapaññā - Tu Sở Thành Tuệ)**, một cách thích hợp, bất mâu thuẫn với **Tuệ Đạo (Maggañāṇa), Tuệ Quả (Phalañāṇa)**, vì thế.. v.v.

14. Năng Lực Thành Chính Quả (Paṭivedhavasena) với mãnh lực từ việc lý giải thấu triệt 4 Thánh Đế do y cứ Tuệ Đạo, Tuệ Quả, tương tự **Tuệ Chính Quả (Paṭivedhañāṇa)**

– **Tuệ Chính Giác**) của Bậc Chánh Đẳng Giác đã lập ý thuyết giảng trong Kinh Chuyển Pháp Luân rằng **Pubbe ananusutesu dhammesu cakkhum udapādi ñāṇaṃ udapādi**

Lại nữa, việc Ý Môn tiếp thu được mọi loại Cảnh, vì Ý Môn là Tâm Hữu Phần hữu cường lực, còn Ngũ Cảnh là Sắc Pháp. Theo thông thường, Sắc Pháp có năng lực yếu kém hơn Danh Pháp, với nguyên nhân này, Cảnh đến hiện bày Lộ Ý Môn mới hiện bày được mọi loại Cảnh, một cách bất hạn định.

38. Hỏi: Lộ Trình Ngũ Môn nhất định có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng đối với Lộ Ý Môn có Hữu Phần Quá Khứ một cách bất định, là Lộ Trình Ý Môn có Hữu Phần Quá Khứ cũng có, không có Hữu Phần Quá Khứ cũng có. Là như vậy vì nguyên nhân nào ?

38. Đáp: Lộ Trình Ngũ Môn có Hữu Phần Quá Khứ một cách nhất định, thế nhưng Lộ Trình Ý Môn có Hữu Phần Quá Khứ một cách bất định, vì hữu quan với việc tính đếm Cảnh theo các Môn, là Lộ Trình Ngũ Môn tiếp thu Ngũ Cảnh, độc nhất chỉ là **Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại (Paccuppannanipphannarūpa)**.

Còn trong Lộ Trình Ý Môn có khả năng tiếp thu cả 6 Cảnh ở phần Siêu Lý và Chế Định, ở cả **Tam Thời (Tekālika)** và **Ngoại Thời (Kālavimutti)**, vì thế sát na nào **Tâm Ý Môn (Manodvārikacitta)** tiếp thu 6 Cảnh ở phần Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại, trong sát na ấy cũng có Hữu Phần Quá Khứ. Nếu như sát na nào Tâm Ý Môn tiếp thu 6 Cảnh, ở ngoài Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại ra, thế rồi trong sát na ấy cũng không có Hữu Phần Quá Khứ.

39. Hỏi: Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Na Cảnh có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Hãy trình bày theo phần Chú Giải – Phụ Chú Giải.

39. Đáp: Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Na Cảnh, theo phần Chú Giải – Phụ Chú Giải có số lượng 6 Lộ Trình, là: Lộ Trình Ý Môn có 1 đến 5 sát na Hữu Phần Quá Khứ, có 5 Lộ Trình; không có Hữu Phần Quá Khứ có 1 Lộ Trình, gom thành 6 Lộ Trình.

40. Hỏi: Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực có số lượng bao nhiêu, là những chi ?

40. Đáp: Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực có số lượng 16 Lộ Trình, là:

- 7 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 1 đến 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ, không có Hữu Phần Khách.

- 7 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có 1 đến 7 sát na Hữu Phần Quá Khứ, có Hữu Phần Khách.

- 1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện không có Hữu Phần Quá Khứ và không có Hữu Phần Khách.

- 1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện không có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng có Hữu Phần Khách, gom thành 16 Lộ Trình.

41. Hỏi: Hãy trình bày Cảnh của Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện cả 2 Thời Kỳ Na Cảnh có Hữu Phần Quá Khứ và không có Hữu Phần Quá Khứ.

41. Đáp: Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Na Cảnh có Hữu Phần Quá Khứ, có Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại làm thành Cảnh; không có Hữu Phần Quá Khứ, có Sắc Thành Sở Tác Quá Khứ, Vị Lai, Hiện Tại, và Cảnh Pháp ở phần **Tâm Dục Giới (Kāmacitta)**, Tâm Sở, Sắc Phi Thành Sở Tác sinh khởi trong cả 3 Thời làm thành Cảnh.

42. Hỏi: Hãy trình bày Cảnh của 8 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách, và 8 Lộ Trình có Hữu Phần Khách cho chính xác.

42. Đáp: 7 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Quá Khứ, không có Hữu Phần Khách và 7 Lộ Trình có Hữu Phần Khách, gom 14 Lộ Trình này, chỗ có Hữu Phần Khách sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới, chỗ không có Hữu Phần Khách sinh được trong 11 Dục Địa Giới có 6 Cảnh ở phần Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại ở phần Cực Kỳ Duyệt Ý làm thành Cảnh, và chỗ không có Hữu Phần Khách sinh được trong 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) có Cảnh Sắc, Cảnh Thinh và Cảnh Pháp, ở phần Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại loại Cực Kỳ Duyệt Ý, Trung Bình Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý làm thành Cảnh.

1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Quá Khứ và không có Hữu Phần Khách sinh trong 11 Dục Địa Giới có 6 Cảnh ở phần Sắc Thành Sở Tác Quá Khứ, Vị Lai và Cảnh Pháp ở phần Tâm, Tâm Sở, Sắc Phi Thành Sở Tác ở Tam Thời loại Cực Kỳ Duyệt Ý, Níp Bàn, Chế Định ở phần Ngoại Thời làm thành Cảnh; chỗ sinh trong 15 Sắc Địa Giới, 4 Vô Sắc Địa Giới có Cảnh Sắc, Cảnh Thinh và Cảnh Pháp ở phần Sắc Thành Sở Tác Quá Khứ, Vị Lai và Cảnh Pháp ở phần Tâm, Tâm Sở, Sắc Phi Thành Sở Tác ở Tam Thời loại Cực Kỳ Duyệt Ý, Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Bất Duyệt Ý, Níp Bàn, Chế Định ở phần Ngoại Thời làm thành Cảnh (đối với Vô Sắc Địa Giới loại trừ Cảnh Sắc).

1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng có Hữu Phần Khách sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới có 6 Cảnh ở phần Sắc Thành Sở Tác Quá Khứ, Vị Lai và Cảnh Pháp ở phần Tâm Hiệp Thế, Tâm Sở, Sắc Thành Sở Tác ở Tam Thời loại Cực Kỳ Duyệt Ý, Chế Định ở Ngoại Thời làm thành Cảnh.

43. Hỏi: Hãy nêu Người và Địa Giới là sản địa Lộ Trình Cực Kỳ Minh Hiện như tiếp theo đây: (1) Thời Kỳ Na Cảnh, (2) Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách, (3) Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách.

43. Đáp: Trình bày Người và Địa Giới là sản địa của Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện có như thế này:

(1) Thời Kỳ Na Cảnh được 8 Người, trong 11 Dục Địa Giới.

(2) Thời Kỳ Đồng Lực không có Hữu Phần Khách được 8 Người, trong Ngũ Uẩn Địa Giới và Tứ Uẩn Địa Giới.

(3) Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách được 4 Người, trong 7 Thiện Dục Địa Giới (trừ Người Khổ Thú Vô Nhân, Người Thiện Thú Vô Nhân, Bạc Bất Lai, Bạc Vô Sinh).

44. Hỏi: Lộ Trình Cảnh Minh Hiền có số lượng bao nhiêu, là những chi ? Và hãy trình bày Cảnh của Lộ Trình Cảnh Minh Hiền không có Hữu Phần Khách, và có Hữu Phần Khách.

44. Đáp: Lộ Trình Cảnh Minh Hiền có số lượng 16 Lộ Trình, là:

- 7 Lộ Trình Cảnh Minh Hiền có 1 – 7 Hữu Phần Quá Khứ, không có Hữu Phần Khách.
- 7 Lộ Trình Cảnh Minh Hiền có 1 - 7 Hữu Phần Quá Khứ, có Hữu Phần Khách.
- 1 Lộ Trình Cảnh Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ và không có Hữu Phần Khách.
- 1 Lộ Trình Cảnh Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng có Hữu Phần Khách, gom thành 16 Lộ Trình.

Lộ Trình Cảnh Minh Hiền có Hữu Phần Quá Khứ, không có Hữu Phần Khách và có Hữu Phần Khách, có 6 Cảnh ở phần Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại.

Lộ Trình Cảnh Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ và không có Hữu Phần Khách, có 6 Cảnh ở phần Sắc Thành Sở Tác Quá Khứ, Vị Lai, và Cảnh Pháp ở phần Tâm, Tâm Sở, Sắc Phi Thành Sở Tác ở phần Tam Thời, Níp Bàn, Chế Định.

Lộ Trình Cảnh Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng có Hữu Phần Khách có 6 Cảnh ở phần Sắc Thành Sở Tác Quá Khứ, Vị Lai, và Cảnh Pháp ở phần Tâm Hiệp Thế, Tâm Sở, Sắc Phi Thành Sở Tác ở phần Tam Thời, Chế Định.

45. Hỏi: Hãy nêu Người và Địa Giới là sản địa của Lộ Trình Cảnh Minh Hiền không có Hữu Phần Khách và có Hữu Phần Khách.

45. Đáp: Người và Địa Giới là sản địa của Lộ Trình Cảnh Minh Hiền không có Hữu Phần Khách và có Hữu Phần Khách, rằng theo Người và Địa Giới có như thế này:

- 7 Lộ Trình Cảnh Minh Hiền có 1 - 7 Hữu Phần Quá Khứ, không có Hữu Phần Khách sinh được trong 8 hạng Người, trong Ngũ Uẩn Địa Giới.

- 1 Lộ Trình Cảnh Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ và không có Hữu Phần Khách sinh được trong 8 hạng Người, trong Tứ Uẩn Địa Giới, Ngũ Uẩn Địa Giới.

- 7 Lộ Trình Cảnh Minh Hiền có 1 – 7 Hữu Phần Quá Khứ có Hữu Phần Khách sinh được trong 4 hạng Người, trong 7 Thiện Dục Địa Giới (trừ Người Khổ Thú Vô Nhân, Người Thiện Thú Vô Nhân, Bậc Bất Lai, Bậc Vô Sinh).

- 1 Lộ Trình Cảnh Minh Hiền không có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng có Hữu Phần Khách sinh được trong 4 hạng Người, trong 7 Thiện Dục Địa Giới (trừ Người Khổ Thú Vô Nhân, Người Thiện Thú Vô Nhân, Bậc Bất Lai, Bậc Vô Sinh).

46. Hỏi: Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiền và Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiền có số lượng bao nhiêu, là những chi ? Và các loại Lộ Trình này sinh khởi trong sát na nào ? sinh khởi với hạng Người nào, trong Địa Giới nào?

46. Đáp: Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiền có số lượng 2 Lộ Trình, là Hữu Phần, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ, Khai Ý Môn 2 lần, Hữu Phần tiếp nối; và Khai Ý Môn 3 lần, Hữu Phần tiếp nối.

Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện có 1 Lộ Trình, là Hữu Phần, Hữu Phần Chấn Động 3 lần, Hữu Phần tiếp nối; cả 2 loại Lộ Trình này, Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện sinh khởi trong sát na tư khảo 6 Cảnh tinh tế chu mật cả ở phần Siêu Lý và Chế Định rồi cũng nghỉ không ra được, sẽ ký ức không được; hoặc trong sát na đang mộng ảo, các tình tiết câu chuyện đang mộng ảo sẽ bất minh xác, chỉ nói được rằng thụy mộng bất thiếp mật thôi. Còn Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện khi **Tiên Triệu (Nimitta – điềm báo trước)** sinh khởi hiện bày Lộ Ý với người đang ngủ, chỉ làm cho Tâm Hữu Phần chuyển động ngân ấy thôi, người ấy không có bất luận sự tri giác nào, và sự tri giác sinh khởi trong sát na ấy hao hao với thụy mộng thiếp mật.

Cả 2 Lộ Trình sinh khởi trong sát na mộng ảo này, sinh với 7 hạng Người (trừ Bạc Vô Sinh) trong Nhân Loại Địa Giới, 3 Thống Khổ Địa Giới (trừ Địa Ngục).

Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện và Lộ Trình Cực Kỳ Bất Minh Hiện bất hữu quan với việc mộng ảo ấy, sinh với 8 hạng Người trong Tứ Uẩn Địa Giới, Ngũ Uẩn Địa Giới.

47. Hỏi: Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới đây Ngài nói rằng hiện hữu 2 thể loại, là một thể loại **Lộ Trình Thuần Ý Môn (Suddhamanodvāravithī)**, và một thể loại **Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành (Tadanuvattikamanodvāravithī)**, cả 2 thể loại này có ý nghĩa như thế nào ? và tập hợp Lộ Trình Thuần Ý Môn có bao nhiêu, là những chi ? Không cần trình bày tên gọi của Lộ Trình một cách riêng biệt.

47. Đáp: Trong cả 2 thể loại Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới ấy, Lộ Trình Thuần Ý Môn ý muốn nói là Lộ Trình sinh một cách đặc biệt, đề cập là: một thể loại Lộ Trình Thuần Ý Môn có Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại, một thể loại Lộ Trình Thuần Ý Môn có Sắc Thành Sở Tác Quá Khứ - Vị Lai, Tâm, Tâm Sở, Sắc Phi Thành Sở Tác ở Tam Thời, Níp Bàn, Chế Định.

Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành ý muốn nói là Lộ Trình sinh tiếp nối một cách trực tiếp từ Lộ Trình Ngũ Môn; tập hợp Lộ Trình Thuần Ý Môn có 41, là: (1) 22 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện, (2) 16 Lộ Trình Cảnh Minh Hiện, (3) 2 Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện, (4) 1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện.

48. Hỏi: Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhãn Môn và Lộ Trình Nhĩ Môn có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Hãy trình bày việc sinh khởi theo thuận tự của các loại Lộ Trình này.

48. Đáp: Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhãn Môn có số lượng 4 thể loại, là (1) **Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ (Atātaggahaṇavithī)**, (2) **Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (Samūhaggahaṇavithī)**, (3) **Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa (Atthaggahaṇavithī)**, (4) **Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng (Nāmaggahaṇavithī)**. Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhĩ Môn có số lượng 3 hoặc 4, **có số lượng 4 là:** (1) Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, (2) Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, (3) Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng, (4) Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa; **có số lượng 3 là:** (1) Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, (2) Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng, (3) Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa. Việc sinh

khởi của Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhãn Môn có 4 hiện hành theo thuận tự như thế này:

1. Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ: sau khi Tâm Hữu Phần sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhãn Môn đã diệt mất rồi, Cảnh Sắc ở phần quá khứ cũng hiện bày ở Lộ Ý, vì thế Tâm Hữu Phần mới có trạng thái chấn động sinh khởi 2 sát na, gọi là Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi. Tiếp nối từ nơi ấy, Khai Ý Môn, Đồng Lực 7 lần, Na Cảnh 2 lần sinh khởi theo thuận tự tiếp thu Cảnh Sắc Cực Kỳ Minh Hiện ở phần quá khứ, hoặc Khai Ý Môn, Đồng Lực 7 lần sinh khởi theo thuận tự tiếp thu Cảnh Sắc Minh Hiện ở phần quá khứ, rồi Tâm Hữu Phần cũng sinh nối tiếp.

2. Lộ Trình Thu Dung Tập Thành: tiếp nối từ nơi ấy, Lộ Trình Ý Môn cũng sinh khởi thu tập từng mỗi phần của Cảnh Sắc ở phần quá khứ, hiện hành như thế này: Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi, Khai Ý Môn, Đồng Lực 7 lần, Na Cảnh 2 lần, Hữu Phần sinh tiếp tục trong Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện. Còn trong Cảnh Minh Hiện, việc sinh khởi của Na Cảnh thường không có.

3. Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa: khi Lộ Trình Thu Dung Tập Thành sinh khởi thu tập rất nhiều vòng cho đến ổn thỏa. Trong thuận tự ấy, Lộ Trình Ý Môn có nhiệm vụ tiếp thu hình trạng vi chuẩn tắc của Cảnh Sắc ở phần **Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti)** sinh khởi hiện hành trong cùng một phương thức ở mọi điều của Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, chỉ ngoại trừ Tâm Na Cảnh không sinh thôi. Tất cả điều này cũng vì Lộ Trình Ý Môn này có **Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti)** làm thành Cảnh.

4. Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng: khi Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa sinh khởi tiếp thu hình trạng vi chuẩn tắc của Cảnh Sắc ở phần **Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti)** rất nhiều vòng cho đến ổn thỏa rồi, Lộ Trình Ý Môn tiếp thu danh xưng của các hình trạng ấy theo **Ngôn Từ Giả Định (Sammutivohāra)** của dân gian thích dụng kêu gọi nói với nhau, sinh khởi rất nhiều vòng. Sự hiện hành của loại Lộ Trình này cũng có lẽ hiện hành trong cùng một phương thức ở mọi điều của Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa, vì cũng có Chế Định làm thành Cảnh tương tự.

Việc sinh khởi Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhĩ Môn có 4 thể loại hiện hành theo thuận tự như thế này:

1. Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ: sau khi Tâm Hữu Phần sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhĩ Môn đã diệt mất rồi, Cảnh Thinh ở phần quá khứ có nhiều hơn một từ ngữ, chẳng hạn như con chó, cái môi, cái bao tử, nhà ga xe lửa, đi lễ bái cúng dường ở Thánh Địa, đang thuyết giảng, tư khảo trong nội dung trong Lộ Trình Danh, Lộ Trình Sắc v.v. các thể loại này cũng hiện bày lên ở Lộ Ý Môn, vì thế Tâm Hữu Phần mới có trạng thái chấn động sinh khởi 2 sát na, gọi là Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi. Tiếp nối từ nơi ấy, Khai Ý Môn, Đồng Lực 7 lần, Na Cảnh 2 lần sinh khởi theo thuận tự tiếp thu Cảnh Thinh Cực Kỳ Minh Hiện ở phần quá khứ; hoặc Khai Ý Môn, Đồng Lực 7 lần sinh khởi theo thuận tự tiếp thu Cảnh Thinh Cực Kỳ Minh Hiện ở phần quá khứ, rồi Tâm Hữu Phần cũng sinh nối tiếp.

2. Lộ Trình Thu Dung Tập Thành: tiếp nối từ nơi ấy, Lộ Trình Ý Môn cũng sinh khởi thu tập Cảnh Thinh có 2 từ ngữ hoặc 3 từ ngữ v.v. ở phần quá khứ hiện hành như thế

này: Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ, Khai Ý Môn, Đồng Lực 7 lần, Na Cảnh 2 lần, Hữu Phần tiếp tục trong Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện. Còn trong Cảnh Minh Hiện ấy, việc sinh khởi của Na Cảnh thường không có.

3. Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng: khi Lộ Trình Thu Dung Tập Thành sinh khởi thu tập Cảnh Thịnh có 2 từ ngữ hoặc 3 từ ngữ v.v. ở phần quá khứ cho tiếp nối rất nhiều vòng cho đến ổn thỏa rồi Lộ Trình Ý Môn có nhiệm vụ tiếp thu hết mọi thể loại tên gọi hữu quan với Cảnh Thịnh theo **Ngôn Từ Giả Định (Sammutivohāra)** của dân gian thích dụng kêu gọi nói với nhau trong mỗi vật kiện ấy, suốt cho đến trạng thái hiện hành hữu quan với Thân Ngũ Ý sinh khởi rất nhiều vòng. Sự hiện hành loại Lộ Trình này cũng có lẽ hiện hành trong cùng một phương thức ở mọi điều của Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, chỉ ngoại trừ Na Cảnh không sinh thôi, bởi vì Lộ Trình Ý Môn này có **Thịnh Danh Chế Định (Saddanāmapaññatti)** làm thành Cảnh.

4. Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa: khi Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng sinh khởi tiếp thu hết mọi thể loại tên gọi hữu quan với Cảnh Thịnh theo **Ngôn Từ Giả Định (Sammutivohāra)** của dân gian thích dụng kêu gọi nói với nhau trong mỗi vật kiện ấy, suốt cho đến trạng thái hiện hành hữu quan với Thân Ngũ Ý rất nhiều vòng. Trong thuận tự ấy, Lộ Trình Ý Môn có nhiệm vụ tiếp thu hình trạng hữu quan với tên gọi và trạng thái hiện hành ở phần **Nghĩa Lý Chế Định (Atthapaññatti)** cũng sinh khởi hiện hành trong cùng một phương thức ở mọi điều của Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng, bởi vì Lộ Trình Ý Môn này cũng có **Chế Định (Paññatti)** làm thành Cảnh tương tự.

Còn Lộ Trình Ý Môn Na Tòng Lưu Hành sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhĩ Môn có 3, vì Cảnh Thịnh chỉ có duy nhất một từ ngữ như sát na được nghe là rắn, gà, mắt, chân, ăn, đi v.v. như vậy, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành không sinh, có lẽ chỉ sinh Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng, Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa, gom 3 Lộ Trình này chỉ ngân ấy thôi.

49. Hỏi: Hãy trình bày việc sinh khởi của Lộ Trình Tâm như tiếp theo đây:

(1) Khi trông thấy bất luận một người nào vẫy tay gọi cũng tức thời biết rằng người ấy gọi mình.

(2) Khi sát na được nghe người ta gọi tên mình cũng tức thời biết rằng người ấy gọi.

49. Đáp: (1) Khi trông thấy bất luận một người nào vẫy tay gọi cũng tức thời biết người ấy gọi mình, Lộ Trình Tâm sinh 6 Lộ Trình, là:

1. Lộ Trình Nhãn Môn (Cakkhuvāravithī) trông thấy người đang vẫy tay gọi, thế nhưng việc trông thấy này, chỉ là trông thấy thôi, vẫn chưa có việc hiểu biết bất luận điều tình tiết câu chuyện nào.

2. Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ (Atāggaṇavithī) là Lộ Trình sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhãn Môn tiếp thu Cảnh Sắc ở phần quá khứ, chính thị là Cảnh Sắc mà Lộ Trình Nhãn Môn đã tiếp thu và diệt mất. Việc sinh khởi của Lộ Trình Nhãn Môn và Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, cả 2 này sinh khởi xen lẫn lồng vòng với nhau nhiều chục vòng.

3. Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (Samūhaggahaṇavithī) là Lộ Trình sinh tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, thu tập Cảnh Sắc mà Lộ Trình Nhân Môn và Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ đã tiếp thu và đã diệt, sinh khởi nhiều chục vòng tùy theo Cảnh Sắc sẽ nhỏ hoặc lớn.

4. Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa (Atthaggaṇavithī) là Lộ Trình sinh tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, khi Lộ Trình này sinh rồi thường biết được ý nghĩa, là biết rằng ấy người đang vẫy tay.

5. Lộ Trình Thu Dung Thân Biểu Tri (Kāyaviññattigahaṇavithī) là Lộ Trình sinh tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa, khi Lộ Trình này sinh rồi cũng biết rằng người đang vẫy tay ấy đang gọi.

6. Lộ Trình Thu Dung Giải Minh (Adhippāyaggahaṇavithī) là Lộ Trình sinh tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Thân Biểu Tri, khi Lộ Trình này sinh rồi cũng biết rằng người ấy có sự sở cầu cho mình đi tìm và mình cũng đã đi tìm.

Trong cả 6 Lộ Trình này, Lộ Trình Nhân Môn, Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, cả 3 Lộ Trình này ngàn ấy có Na Cảnh sinh khởi, ngoài cả 3 Lộ Trình này ra rồi, Tâm Na Cảnh không sinh.

(2) Khi sát na được nghe người ta gọi tên mình cũng tức thời biết rằng người ta gọi, Lộ Trình Tâm sinh khởi 7 Lộ Trình, là:

1. Lộ Trình Nhĩ Môn (Sotadvāravithī) chỉ được nghe âm thanh ngàn ấy thôi, thế nhưng vẫn chưa biết Thính Danh Chế Định, Nghĩa Lý Chế Định.

2. Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ (Atitaggaṇavithī) là Lộ Trình sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhĩ Môn tiếp thu Cảnh Thính ở phần quá khứ, chính thị là Cảnh Thính mà Lộ Trình Nhĩ Môn đã tiếp thu và đã diệt. Việc sinh khởi của Lộ Trình Nhĩ Môn và Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, cả 2 này sinh khởi xen lẫn lòng vòng với nhau nhiều chục vòng.

3. Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (Samūhaggahaṇavithī) là Lộ Trình sinh tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ kết hợp Cảnh Thính có nhiều hơn một từ ngữ mà Lộ Trình Nhĩ Môn và Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ đã tiếp thu và đã diệt rồi, sinh khởi nhiều vòng tùy theo lời nói sẽ nhiều hoặc ít.

4. Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng (Nāmaggaṇavithī) là Lộ Trình sinh tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Tập Thành tiếp thu Thính Danh Chế Định, là tên gọi.

5. Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa (Atthaggaṇavithī) là Lộ Trình sinh tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng, khi Lộ Trình này sinh khởi rồi thường biết được Nghĩa Lý Chế Định hữu quan với trạng thái hành động.

6. Lộ Trình Thu Dung Ngữ Biểu Tri (Vacīviññattigahaṇavithī) là Lộ Trình sinh tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa, khi Lộ Trình này sinh khởi rồi thường biết được âm thanh này là âm thanh hữu quan với việc gọi.

7. Lộ Trình Thu Dung Giải Minh (Adhippāyaggahaṇavithī) là Lộ Trình sinh tiếp nối từ Lộ Trình Thu Dung Ngữ Biểu Tri, khi Lộ Trình này sinh khởi rồi thường biết rằng người ấy gọi mình và có sự sở cầu sẽ cho mình đi tìm.

Trong cả 7 Lộ Trình này, Lộ Trình Nhĩ Môn, Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành, cả 3 Lộ Trình này ngần ấy có Tâm Na Cảnh sinh khởi, ngoài cả 3 Lộ Trình này ra rồi, Tâm Na Cảnh không sinh.

50. Hỏi: Việc sinh khởi của Lộ Trình Thu Dung Tập Thành sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhĩ Môn, sinh khởi bất định, là đôi khi có, đôi khi không có. Là như vậy vì nguyên nhân nào ? Hãy giải thích.

50. Đáp: Việc sinh khởi của Lộ Trình Thu Dung Tập Thành tiếp nối từ Lộ Trình Nhĩ Môn, đôi khi có, đôi khi không có, vì hữu quan với lời nói, ở chỗ chỉ có độc nhất một lời nói hoặc nhiều lời nói. Nếu như chỉ có độc nhất một lời nói, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành không sinh. Nếu như 2 lời nói trở đi, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành mới sinh khởi thu tập lời nói thứ 1, 2, với 3, với 4, một Lộ Trình như vậy dần dần đi, tùy thuộc số lượng lời nói. Nếu như lời nói ấy có nhiều, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành cũng sinh khởi nhiều cho đến đếm không xiết, với nguyên nhân này, Lộ Trình Thu Dung Tập Thành sinh tiếp nối từ Lộ Trình Nhĩ Môn mới có bất định.

51. Hỏi: Người đang thụ mộng thiếp mật, **Lộ Trình Thụ Tượng (Supinavithi)** là các sự mộng ảo sinh khởi được hay không ? Lộ Trình Thụ Tượng có bao nhiêu ? Là những chi ? Lộ Trình Thụ Tượng sinh với hạng Người nào và trong Địa Giới nào ?

51. Đáp: Người đang thụ mộng thiếp mật ấy, Lộ Trình Thụ Tượng là các sự mộng ảo sinh khởi không được. Lộ Trình Thụ Tượng không sinh với người đang thụ mộng thiếp mật, hoặc đang giác tỉnh bình thường, sẽ có khởi lên được cũng có lẽ có với người thụ mộng bất thiếp mật thôi.

LỘ TRÌNH THỤ TƯỢNG CÓ 12 LỘ TRÌNH:

1. 1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Na Cảnh, không có Hữu Phần Quá Khứ.
2. 1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Quá Khứ, và không có Hữu Phần Khách.
3. 1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng có Hữu Phần Khách.
4. 1 Lộ Trình Cảnh Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Quá Khứ và không có Hữu Phần Khách.
5. 1 Lộ Trình Cảnh Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, không có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng có Hữu Phần Khách.
6. 1 Lộ Trình Cảnh Bất Minh Hiện Thời Kỳ Đoán Định.
7. 1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Bất Minh Hiện Thời Kỳ Vô Hiệu Lực.
8. 1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Na Cảnh, có Hữu Phần Quá Khứ.

9. 1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng không có Hữu Phần Khách.

10. 1 Lộ Trình Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Quá Khứ và có Hữu Phần Khách.

11. 1 Lộ Trình Cảnh Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Quá Khứ, thế nhưng không có Hữu Phần Khách.

12. 1 Lộ Trình Cảnh Minh Hiện Thời Kỳ Đồng Lực, có Hữu Phần Quá Khứ và có Hữu Phần Khách.

Các loại Lộ Trình Thụy Tướng này sinh khởi với 4 Phàm Phu, 3 Bậc Hữu Học, trong 1 Nhân Loại Địa Giới, 3 Thống Khổ Địa Giới (trừ Địa Ngục Địa Giới).

Ghi chú: Hữu Tình Địa Ngục không có cơ hội ngủ mới không có mộng ảo, vì lửa thiêu đốt suốt thời gian. Còn Chư Thiên thượng tăng không có việc mộng ảo vì có **Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** vi tế, và nguyên nhân của sự mộng ảo là tâm hoài niệm, chư thiên thác mộng, nghiệp lực biến thành, thực phẩm biến chuyển xấu, không có sự tất yếu đối với nhóm Thiên Chúng vì thế mới không có việc mộng ảo như đã đề cập, (Lộ Trình Thụy Tướng có Hữu Phần Quá Khứ như đã đề cập rồi đây, sinh khởi trong sát na tiếp thân Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại, ví như người đang thụy mộng khi có người đến réo gọi, hoặc lay lắc thân thể để đánh thức dậy. Trong sát na ấy, Lộ Trình Nhĩ Môn, Lộ Trình Thân Môn và Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ thường sinh khởi, thế nhưng các Lộ Trình Tâm khác không sinh, mới hóa thành Lộ Trình Thụy Tướng bởi do nương vào âm thanh và việc đụng chạm vào sắc thân ở phần Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại, vì thế các loại Lộ Trình Tâm này mới có Hữu Phần Quá Khứ).

52. Hỏi: Hãy dịch 2 câu kệ như tiếp theo đây:

1. Vīthiccittāni tīṇeva

Cittuppādā dāseritā

Vitthārena panettheḥka

Cattālīsa vibhāvaye.

2. Saddaṃ paṭhamacittena

Tītaṃ duttiyacetasā

Nāmaṃ tatiyacittena

Atthaṃ catutthacetāsā.

52. Đáp: Lời dịch cả 2 câu kệ có như thế này:

1. Cảnh hiện bày trong Lộ Ý Môn, rằng theo Tâm Lộ Trình chỉ có 3 thôi, là: Khai Ý Môn, Đồng Lực, Na Cảnh; rằng theo việc sinh khởi của Tâm có 10 là: Khai Ý Môn 1 lần, Đồng Lực 7 lần, Na Cảnh 2 lần, gom thành 10; rằng theo quảng nghĩa có 41 là: 41 Tâm Dục Giới (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 3 Ý Giới).

2. Thường tri đặc Cảnh Thịnh hiện tại với Lộ Trình Nhĩ Môn thứ nhất; thường tri đặc Cảnh Thịnh quá khứ với Lộ Trình Ý Môn thứ hai, đó là Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ; thường tri đặc Thịnh Danh Chế Định với Lộ Trình Ý Môn thứ ba, đó là Lộ Trình Thu Dung Danh Xung; thường tri đặc Nghĩa Lý Chế Định với Lộ Trình Ý Môn thứ tư, đó là Lộ Trình Thu Dung Ý Nghĩa.

53. Hỏi: Theo thường nhiên Ngũ Cảnh khi đến hiện bày ở Lộ Ngũ Môn rồi, chính thị cũng thường hiện bày ở Lộ Ý Môn trong cùng một sát na với nhau, tỷ như một con chim bay đến đậu xuống trên một nhánh cây, hình bóng chim ấy cũng như thế cùng một lúc hiện bày lên mặt đất, thế nhưng việc sinh khởi của Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành lại không cùng nhau sinh khởi tiếp thủ Ngũ Cảnh. Là như thế này vì nguyên nhân nào ? Và vì sao Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành mới không sinh trước Lộ Trình Ngũ Môn được, cho lời giải thích ?

53. Đáp: Là như thế này chính thị cũng vì hữu quan với việc sinh khởi của Tâm, là thông thường khi Tâm sinh khởi trong bản tính của chúng hữu tình ấy, có Tâm sinh được mỗi lần 1 cái thôi, sẽ sinh khởi cùng với nhau trong cùng một sát na 2, 3 cái không được, với nguyên nhân này, Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành mới đồng sinh với nhau trong cùng một sát na không được.

Và việc Lộ Trình Ý Môn Na Tùng Lưu Hành sinh trước Lộ Trình Ngũ Môn không được đó, cũng vì hữu quan với nhân quả chỉ đối với trong chỗ này là Ngũ Cảnh đến hiện bày ở Lộ Ngũ Môn làm nhân, hiện bày ở Lộ Ý Môn làm quả, quả thường không sinh trước nhân, ví như ánh sáng với ngọn đèn, xác thực là ngay khi hiện bày lên cũng đồng hiện bày với nhau, thế nhưng ánh sáng sẽ hiện bày lên trước ngọn đèn, thường là hiện hành không được. Trong sát na đồng sinh với nhau, cần phải đưa ngọn đèn làm nhân, ánh sáng làm quả như thế nào, Ngũ Cảnh đến hiện bày ở Lộ Ngũ Môn làm nhân, hiện bày ở Lộ Ý Môn làm quả cũng như thế ấy.

54. Hỏi: Ngài nói rằng thời gian nào Cảnh Sắc là các màu sắc đã đến hiện bày Lộ Nhân, thời gian ấy Tâm Hữu Phần nương vào trái tim sinh khởi có được trạng thái chấn động lên khác thường, mặc cho con mắt với trái tim đây cũng thụ lập trong cự ly xa nhau. Nếu như sẽ nói đến con mắt với trái tim của Thiên Tử **Rāhū** cũng thụ lập trong cự ly xa nhau hàng trăm cây số, hẳng là thụ lập đáng kỳ đặc rằng Tâm Hữu Phần nương vào trái tim sinh khởi có được trạng thái chấn động lên khác thường, chính thị cũng vì y cứ Cảnh Sắc là màu sắc đến hiện bày Lộ Nhân; có được như thế này vì nguyên nhân nào, cho lời giải thích ?

54. Đáp: Theo thường nhiên Cảnh Sắc khi đến hiện bày nơi tuyến con mắt vào lúc nào, cũng có lẽ được hiện bày trong Lộ Ý, là Tâm Hữu Phần nương vào trái tim sinh như nhau, vì thế Tâm Hữu Phần mới có trạng thái chấn động sinh khởi, gọi tên là Hữu Phần Chấn Động, như **Giáo Thọ Sư Buddhaghosācāriya** trình bày để trong **Bộ Chú Giải Aṭṭhasālinī** rằng **Ekekam ārammaṇam dvīsu dvāresu āpātamāgacchati, rūpāramma ṇam hi cakkhu pasādam ghaṭṭetvā taṅkhaṇaṇṇeva manodvāre āpātamāgacchati, bhavaṅgacalanassa paccayo hotīti attho** dịch thuận theo ý nghĩa rằng “thông thường mỗi một Cảnh trong cả 5 Cảnh thường hiện bày cùng với nhau trong cả hai Môn là một Ngũ Môn và một Ý Môn, vì thế khi Cảnh Sắc đến tiếp xúc Lộ Nhân vào lúc nào, chính thị Cảnh Sắc ấy cũng thường được đồng hiện bày nơi Ý Môn trong cùng một sát na như nhau. Việc hiện bày của Cảnh Sắc ở Lộ Ý Môn trong cùng một sát na, đây là nhân là duyên của việc chấn động Tâm Hữu Phần, và đây là lời giải thích trong Hữu Phần Chấn Động. Lại nữa, cho dù con mắt với trái tim xác thực

là sẽ đặt ở trong cự ly xa nhau, thế nhưng có được thực tính tương quan liên nhau, vì thế Tâm Hữu Phần nương vào trái tim sinh, mới có được trạng thái chấn động, điều này tỷ dụ tựa như có hai cục đường được đặt trong một cự ly xa cách nhau trên mặt trống. Một cục đường có con ruồi đang đậu, một cục kia không có con ruồi đậu. Nếu như sẽ dùng ngón tay gõ xuống ngay cục đường không có con ruồi đậu, con ruồi đang đậu trên một cục đường kia cũng liên đới giật mình và bay mất đi. Việc hiện hành được như thế này, cũng vì cả hai cục đường cùng thụ lập trên một mặt trống, chính thị có một mặt phẳng nối liền mặt nhau. Cho dù sẽ không được gõ xuống ngay cục đường có ruồi đậu đi nữa, thế nhưng sự rung chuyển chấn động có thể tiếp nối nhau làm cho con ruồi giật mình bay mất đi. Như **Giáo Thọ Sư Dhammapāla (Trưởng Lão Hộ Pháp)** trình bày để trong Bộ **Chú Giải Chân Đế Giải Lược (Sacca saṅkhepaatthakathā)** rằng:

**Ghaṭṭite aññavatthumhi
Ekābaddhena hotīti**

**Aññanissita kampanaṃ
Sakkharo pamaya vade**

Khi Cảnh Sắc đến tiếp xúc với Nhãn Vật, ngoài Ý Vật ra rồi, Tâm Hữu Phần y cứ Ý Vật, chẳng phải là Vật để tiếp xúc Cảnh, thế nhưng thường có được việc chấn động, là như thế này, vì Nhãn Vật và Ý Vật cả hai có thực tính tương quan liên nhau. Cho dù sẽ đặt trong cự ly xa nhau đi nữa, điều này nên trình bày cho thấy được qua việc nêu tỷ dụ tựa như 2 cục đường như đã đề cập đến rồi.

55. Hỏi: Bên trong một căn nhà, người phục vụ đã sắp xếp công việc nhà cho gia chủ một cách tề toàn, với các bông hoa xinh tươi, tranh ảnh ưu mỹ, bên trong phòng dùng các hương thơm xông hơi, mở máy phát thanh và vận quạt máy, cùng thực phẩm và tráng miệng tươi ngọt. Khi đã sắp đặt hoàn tất ổn thỏa rồi cũng đi trình báo cho gia chủ biết. Khi gia chủ vào đến cũng thụ đắc cả 5 thực phẩm hiện hữu bên trong phòng. Muốn biết rằng trong sát na ấy, loại Cảnh nào hiện bày lên đối với gia chủ trước, và việc luân hoán của Lộ Trình Tâm tiếp thu các loại Cảnh ấy, có trạng thái luân hoán được như thế nào, cho lời giải thích ?

55. Đáp: Cảnh hiện bày lên trước và việc luân hoán của Lộ Trình Tâm tiếp thu Cảnh ấy, tùy thuộc tính cách của người thụ đắc và năng lực của Cảnh, ý muốn nói là nếu như người ấy có tính cách mẫn ý trong Cảnh Sắc, tranh ảnh và bông hoa xinh đẹp cũng hiện bày lên trước, rồi Lộ Trình Nhãn Môn cũng sinh khởi tiếp thu Cảnh Sắc ấy. Nếu như người ấy có tính cách mẫn ý trong Cảnh Thính, âm thanh máy phát thanh cũng hiện bày lên trước, rồi Lộ Trình Nhĩ Môn cũng sinh khởi tiếp thu Cảnh Thính ấy. Đối với Cảnh Khí, Cảnh Vị và Cảnh Xúc cũng hiện hành trong cùng một phương thức như nhau này. Đối với người có tính cách mẫn ý trong việc tiến thực nhiều hơn các loại khác rồi, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Xúc, Cảnh Vị hữu quan với thực phẩm cũng sinh khởi theo thuận tự, rồi Lộ Trình Nhãn Môn, Lộ Trình Ty Môn, Lộ Trình Thân Môn, Lộ Trình Thiệt Môn cũng sinh khởi tiếp thu các Cảnh ấy đi theo thuận tự. Nếu như người ấy là người có tính cách bất khát vọng, sẽ hướng tâm đi trong bất luận một Cảnh nào trong cả 5 Cảnh, có lẽ hiện hành theo thường nhiên, cuối cùng rồi cũng từ năng lực mạnh mẽ của các Cảnh ấy, là nếu như âm thanh máy phát thanh có năng lực mạnh

mẽ nhiều hơn, Cảnh Thinh cũng hiện bày lên trước; nếu như bông hoa hoặc tranh ảnh xinh đẹp có năng lực mạnh mẽ nhiều hơn, Cảnh Sắc này cũng hiện bày lên trước như thế này chẳng hạn.

Còn việc luân hoán của Lộ Trình Tâm sinh khởi tiếp thu Cảnh ấy, cần phải hiểu trước tiên rằng mỗi một Lộ Trình Tâm có lẽ tiếp thu được mỗi một Cảnh thôi, sẽ tiếp thu Cảnh nhiều hơn một là không được; ý muốn nói là khi mỗi một Lộ Trình sinh khởi, việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc biết khí hơi, việc biết khẩu vị, việc xúc chạm, sẽ không được đồng sinh khởi với nhau.

Lại nữa, cho dù Lộ Trình Tâm sinh khởi tiếp thu độc nhất Cảnh Sắc đi nữa, thế nhưng nếu như Cảnh Sắc ấy có hình trạng và các loại màu sắc, rồi trong mỗi một Lộ Trình Tâm sẽ tiếp thu hình trạng cùng với các màu sắc trong độc nhất Lộ Trình là cũng không được; ý muốn nói là trong sát na đang xem tranh ảnh ấy, Lộ Trình Nhãn Môn ở phần đầu, tóc, mặt, tai, mũi, miệng, các thể loại này sinh khởi một cách riêng biệt, và Lộ Trình Nhãn Môn trông thấy các phần khác của hết cả sắc thân, là phần giữa và phần dưới cũng có lẽ hiện hành trong cùng một phương thức này. Nếu như tranh ảnh ấy có việc tô màu với các màu sắc, Lộ Trình Nhãn Môn khán kiến các màu sắc ấy cũng sinh khởi một cách riêng biệt. Tuy nhiên, người đang xem tranh ảnh, có sự tri giác và liễu giải rằng Ta khán kiến tranh ảnh này trong cùng một sát na; hết cả thấy được như thế chính thị cũng vì hiện hành với mãnh lực từ sự tấn tốc của Lộ Trình Tâm sinh khởi nối tiếp nhau một cách tấn tốc cực điểm, sẽ không tìm kiếm vật thể nào đến để tỷ giao được.

Vì thế, Lộ Trình Tâm của gia chủ có việc luân hoán trong sát na đang thụ đắc các Cảnh sai biệt ấy, thường luân hoán cải biến một phần theo tính cách, một phần theo năng lực của Cảnh, như **Đại Giáo Thọ Sư Buddhaghosācāriya** trình bày để trong **Bộ Chú Giải Aṭṭhasālinī** rằng **Katham pana cittassa ārammaṇato saṅkanti hontīti ? Dvihākārehi ajjhāsayato vā visayā adhimattato vā** dịch nghĩa là “việc luân hoán Cảnh, Lộ Trình Tâm hiện hành được như thế nào ? Việc luân hoán hiện hành được do nương vào 2 nguyên nhân, là (1) với mãnh lực tính cách của người ấy, (2) với mãnh lực sự mạnh mẽ của Cảnh.

56. Hỏi: Danh Pháp và Sắc Pháp, cả 2 này là **Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma)** đều có **Vô Thường Thực Tướng (Aniccalakkhaṇa)** với nhau, thế nhưng đối với Danh Pháp có tuổi thọ ngắn, còn Sắc Pháp có tuổi thọ dài, là như thế này vì nguyên nhân nào ?

56. Đáp: Danh Pháp có tuổi thọ ngắn vì Danh Pháp có nhiệm vụ tri đắc Cảnh. Trong việc tri đắc Cảnh này có Tâm làm chủ yếu. Pháp chủng Tâm là Pháp chủng linh mẫn. Khi được tiếp thu Cảnh nối tiếp nhau theo nhiệm vụ của bản thân hoàn tất ổn thỏa rồi cũng diệt mất, rồi các Tâm khác cũng sinh khởi tiếp thu Cảnh nối tiếp nhau theo thuận tự, rồi cũng diệt mất theo thuận tự. Khi Tâm là chủ yếu diệt mất, Tâm Sở câu sinh với Tâm cũng phải diệt mất, vì thế Danh Pháp mới có tuổi thọ ngắn hơn Sắc Pháp.

Phía Sắc Pháp có tuổi thọ dài, trong tất cả các Sắc Pháp có **Sắc Đại Hiện (Mahā bhūtarūpa)** làm chủ yếu và Sắc Đại Hiện này là Pháp chủng nghiêm trọng, với nguyên nhân này khi đã mới sinh khởi, thụ lập được lâu dài. Khi Sắc Đại Hiện thụ lập được lâu dài, **Sắc**

Y Sinh (Upādāyarūpa) là Sắc y cứ Sắc Đại Hiện sinh, cũng thụ lập được lâu dài, với nguyên nhân này Sắc Pháp mới có tuổi thọ lâu dài hơn Danh Pháp.

57. Hỏi: Hãy trình bày nhân quả Hữu Phần Chấn Động sinh khởi 2 sát na, Na Cảnh cũng sinh khởi 2 sát na, luôn cả dịch câu kệ như tiếp theo đây:

Maṇindhanātape aggi Amantopi samāgame
Yathā hoti tadā cittaṃ Vatthālabhādisaṅgame.

[Trích trong bộ **Chú Giải Chân Đế Giảm Lược (Saccasaṅkhepaatthakathā)**]

57. Đáp: Nhân - Quả: việc sinh khởi 2 sát na của Hữu Phần Chấn Động có như thế này: việc sinh khởi tiếp nối nhau của Tâm Hữu Phần trong bản tính của chúng hữu tình trong khoảng thời gian Cảnh mới vẫn chưa đến hiện bày, thường có Cảnh cũ. Tiếp đến, khi có Cảnh mới đến hiện bày lên rồi, trong sát na ấy Tâm Hữu Phần đang tiếp thu Cảnh cũ, thường có trạng thái chấn động lên, đề cập là tiếp thu Cảnh cũ bất ổn cố, và việc sinh khởi nối tiếp của Tâm Hữu Phần sẽ diệt mất một cách cập thời trong sát na Cảnh mới đến hiện bày, thường là hiện hành không được, tương tự với người đang chạy đua trong cuộc thể thao điền kinh, trong sát na chạy đến chung điểm sẽ dừng khựng lại lập tức êm thấm trong sát na bước đầu đạt mức đến thì cũng thường dừng lại không được, phải bước tiếp thêm 2 bước nữa rồi mới dừng lại êm thấm được như thế nào, việc sinh khởi của 2 sát na Hữu Phần Chấn Động cũng tương tự như thế ấy, như **Giáo Thọ Sư Sumanālasāmi** trình bày để trong Bộ **Phụ Chú Giải Xiển Minh (Vibhāvanīṭikā)** rằng:

Yathā vegena dhāvanto Dhātukāmo na tītti
Evaṃ dvikkhattuṃ bhavaṅgaṃ Uppajjitvā va chijjati.

Người đang chạy một cách tấn tốc, cho dù có sự sở nguyện sẽ dừng lại, thế nhưng cũng không dừng lại lập tức được, phải bước tiếp khoảng chừng 2 bước mới sẽ dừng lại êm thấm được như thế nào, Hữu Phần Chấn Động cũng phải sinh khởi 2 sát na rồi mới sẽ dứt lìa khỏi dòng Hữu Phần cũng như thế ấy.

Nhân - Quả: việc sinh khởi của 2 sát na Na Cảnh có như thế này: (1) hữu quan với năng lực của Đồng Lực, (2) hữu quan với sự tấn tốc của Tâm.

Theo thường nhiên khi Tâm Lộ Trình vẫn chưa sinh, Tâm Hữu Phần cũng thường luôn sinh khởi mãi, ví như dòng nước từ trên cao chảy đổ xuống. Thế nhưng, nếu như thời gian nào Tâm Lộ Trình sinh khởi, thời gian ấy dòng Hữu Phần cũng dứt, vì thế khi Tâm Đồng Lực cuối cùng đã diệt mất rồi, cũng đáng lý Tâm Hữu Phần sẽ sinh tiếp nối, thế nhưng có Na Cảnh sinh khởi 2 sát na nối tiếp từ Đồng Lực ấy, vì việc thụ đắc Cảnh của Đồng Lực có năng lực cường liệt, có khả năng làm cho Tâm tiếp nối từ nơi mình sinh khởi tiếp thu Cảnh theo mình được. Khi là như vậy, Tâm sinh khởi tiếp thu Cảnh nối tiếp từ nơi Đồng Lực ấy phải gọi là **Tâm Na Cảnh (Tadārammaṇacitta)**, sẽ gọi là **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)** không được. Việc Tâm Đồng Lực có năng lực làm cho Tâm sinh nối tiếp từ nơi mình, có khả năng tiếp thu Cảnh theo mình được, phải có năng lực khá hảo để sẽ làm cho Tâm ấy sinh khởi đến 2 sát na nối tiếp với nhau. Sự việc này hiện hành theo **Pháp Án (Dhammaniyāma)** tỷ dụ với chiếc thuyền đang chạy ngược dòng nước đến sông cái sẽ xuôi dòng nước chảy xuống đi

nữa, thế nhưng với mãnh lực cường liệt của tốc lực mới làm cho nước ngược dòng theo chiếc thuyền lên được chút ít. Tâm Na Cảnh sinh khởi tiếp thân Cảnh tiếp nối từ Đồng Lực cũng tương tự như vậy.

Lại nữa, chỗ đã đề cập đến rằng mãnh lực tấn tốc của Tâm cũng có khả năng làm cho Tâm Na Cảnh sinh khởi tiếp thân Cảnh tiếp nối từ Đồng Lực được đến 2 sát na, tỷ dụ với người được trông thấy bong bóng nước sinh khởi rồi bể vỡ đi. Cho dù bong bóng nước này sẽ bể vỡ đi một cách tấn tốc đi nữa, thế nhưng việc trông thấy sẽ phải trông thấy với cả hai phía con mắt, chẳng phải trông thấy với độc nhất một phía con mắt được, và việc trông thấy ấy cũng chẳng phải được trông thấy cùng cả hai, độc nhất một phía, bất luận độc nhất một phía nào được trông thấy trước, rồi một phía kia cũng trông thấy theo. Hoặc một trường hợp khác nữa, trong sát na được nghe âm thanh một lần búng ngón tay, cho dù âm thanh búng ngón tay sẽ diệt mất một cách tấn tốc đi nữa, thế nhưng việc được nghe búng ngón tay ấy, phải được nghe với cả hai phía lỗ tai, chẳng phải được nghe với độc nhất một phía lỗ tai, và việc được nghe này cũng chẳng phải là sẽ được nghe cùng một lúc cả hai phía, nếu như một phía được nghe trước rồi phía kia cũng được nghe theo. Tất cả đây cũng bởi vì cả hai phía con mắt với lỗ tai này có việc tiếp thân Cảnh được một cách tấn tốc. Tâm Na Cảnh sinh khởi tiếp thân Cảnh tiếp nối từ Đồng Lực cho đến kỳ mãn 2 sát na cũng tỷ dụ như thế ấy.

Lời dịch trong câu kệ với lời nói rằng **Maṇindhanātape** v.v có như thế này: khi có việc tiếp xúc nhau giữa viên **bảo ngọc như ý (Suriyakanta)**, cục đá với ánh sáng mặt trời, cho dù trước đó thực sự lửa không có ở trong cục đá ấy, thế nhưng lửa cũng thường hiện bày sinh khởi theo thường nhiên; tỷ dụ điều này như thế nào, các Tâm Lộ Trình khác khác vẫn chưa được hiện bày hiện hữu, thế nhưng khi có việc cùng nhau hội tập giữa **Vật (Vatthu)** với **Cảnh (Ārammaṇa)** v.v. rồi các loại Tâm Lộ Trình ấy thường được hiện bày lên một cách đáng kỳ diệu cũng như thế ấy.

58. Hỏi: Vì sao Tâm Na Cảnh mới sinh tiếp nối từ Đồng Lực Kiên Cố không được, và sinh tiếp nối từ Đồng Lực Dục Giới có Cảnh là Chế Định, Đáo Đại, Siêu Thế không được, luôn cả trình bày Nhân Quả chỗ Tâm Na Cảnh không sinh trong bốn tính của Chúng Phạm Thiên, thế nhưng Tâm Nhân Thức v.v. duy nhất chỉ có nhóm Dị Thục Quả Dục Giới với Na Cảnh ấy, tại làm sao mới sinh khởi được ?

58. Đáp: Tâm Na Cảnh sinh tiếp nối từ Đồng Lực Kiên Cố không được, vì các loại Na Cảnh này đều toàn là quả của Bất Thiện và Đại Thiện ở phần Đồng Lực Dục Giới cả thảy, vì thế Tâm Na Cảnh khi sẽ sinh cũng phải sinh tiếp nối từ Đồng Lực Bất Thiện, Đồng Lực Đại Thiện, đó là nhân một cách trực tiếp của mình. Còn Tâm Na Cảnh sinh tiếp nối từ Đồng Lực Tiểu Sinh, Đồng Lực Đại Duy Tác, và Đồng Lực Bất Thiện, Đồng Lực Thiện, đó là nhân một cách đặc biệt của Tâm Na Cảnh được đó, cũng bởi vì các loại Tâm Đồng Lực ấy, là nhóm Đồng Lực Dục Giới với nhau, mới sinh tiếp nối nhau được, tỷ dụ như một nam anh hài khi sẽ bước đi đâu cũng phải bước đi theo Cha Mẹ, hoặc không là như thế, cũng phải bước theo Chị, Cậu, Cô, Chú, Ông Nội, Bà Nội, Ông Ngoại, Bà Ngoại, hoặc chị vú nuôi, đó là đồng một nhóm với nam anh hài, ngoài ra đây nam anh hài cũng sẽ không chịu bước đi theo bất luận

người nào cả thấy; điều này như thế nào, Tâm Na Cảnh cũng không có việc sinh tiếp nối từ Đồng Lực Kiên Cố cũng như thế ấy, như **Giáo Thọ Sư Sumaṅgalasāmi** trình bày để trong Bộ **Phụ Chú Giải Xiển Minh (Vibhāvanīṭikā)** rằng:

Kāmatanḥā sannidāna	Kāmanibbattabhāvato
Janakaṃ taṃ samānaṃ vā	Javanaṃ anubandhati
Na tu aññaṃ tadālambaṃ	Bāladāraka sīlayā.

Tâm Na Cảnh thường sinh khởi theo Đồng Lực Bất Thiện, Đồng Lực Thiện như một Cha Mẹ, và sinh khởi theo Đồng Lực Bất Thiện, Duy Tác, Đại Thiện tương tự với một anh chị, bác gái, cậu dì, cô chú v.v. Tất cả đây chính thị cũng vì các loại Tâm Na Cảnh này sinh khởi bởi do y cứ Bất Thiện, Thiện Dục Giới có **Dục Ái (Kāmatanḥā)** làm chủ yếu, vì thế Tâm Na Cảnh mới sinh khởi theo Đồng Lực Kiên Cố không được, tỷ dụ tựa như nam anh hài đang chạy chơi.

Tâm Na Cảnh sinh tiếp nối từ Đồng Lực Dục Giới có Cảnh là Chế Định, Đáo Đại, Siêu Thế không được đó, tỷ dụ như một nam anh hài khi sẽ đi theo Cha Mẹ, gia quyến, anh chị em bất luận ở đâu được đó, cũng có lẽ đặc biệt chỉ được đi theo bên trong khu vực nam anh hài thích hợp được đi thôi. Nếu như Cha, Mẹ hoặc gia quyến, anh chị em, những người này ra đi đến nơi rừng già phối hợp với các công việc mưu sinh, nam anh hài cũng thường không được đi theo; điều này như thế nào, Tâm Na Cảnh cũng không được sinh nối tiếp từ Đồng Lực Dục Giới có Cảnh là Chế Định, Đáo Đại, Siêu Thế cũng như thế ấy.

Việc Tâm Na Cảnh không sinh trong bốn tính của Chúng Phạm Thiên vì Chúng Phạm Thiên không được tái sinh với Dị Thục Quả Dục Giới, chỉ có tái sinh với Dị Thục Quả Sắc Giới, Dị Thục Quả Vô Sắc Giới là chủng tộc bất tương đồng với Tâm Na Cảnh. Chỉ có người tái sinh với Dị Thục Quả Dục Giới thôi, mới làm cho Tâm Na Cảnh sinh khởi được trong **Thời Kỳ Chuyển Khởi (Pavattikāla – Thời Kỳ Tiến Triển)**. Tất cả đây cũng bởi vì Tâm Tái Sinh Dục Giới đây là chủng tử đầu tiên sẽ làm cho Tâm Na Cảnh sinh, vì thế Tâm Na Cảnh mới không sinh đối với Chúng Phạm Thiên, như **Giáo Thọ Sư Sumaṅgalasāmi** trình bày để trong Bộ **Phụ Chú Giải Xiển Minh (Vibhāvanī ṭikā)** rằng:

Bijassa bhāvato natthi	Brahmānaṃ pi imassahi
Paṭisandhi mano bijaṃ	Kāmāvacara saññitaṃ

Tâm Na Cảnh thường không có trong bốn tính của Chúng Phạm Thiên, vì không có chủng tử làm cho sinh Tâm Na Cảnh, chỉ có độc nhất Tâm Tái Sinh Dục Giới thôi, là chủng tử của Tâm Na Cảnh.

Việc Tâm Nhân Thức v.v. thường sinh khởi được đó, chính thị vì hữu quan với việc tiếp xúc giữa Nhân Thanh Triệt với Cảnh Sắc, Nhĩ Thanh Triệt với Cảnh Thinh. Cho dù Tâm Na Cảnh với Tâm Nhân Thức v.v. các thể loại này sẽ là đồng nhóm Dị Thục Quả Dục Giới xác thực đi nữa, thế nhưng việc sinh khởi của Tâm Na Cảnh phải hữu quan với Tâm Tái Sinh Dục Giới; còn việc sinh khởi của Tâm Nhân Thức v.v. bất hữu quan với Tâm Tái Sinh Dục Giới, ý muốn nói là người nào có Nhân Thanh Triệt, người ấy cũng phải thường luôn có việc tiếp xúc giữa Nhân Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Khi là như thế này, Tâm Nhân Thức cũng

thường sinh khởi một cách thường nhiên. Khi Tâm Nhân Thức sinh khởi rồi, việc sinh khởi kế tục giữa Tâm đầu tiên với các Tâm sau cũng thường khởi lên theo quán lệ **quy định của Tâm (Cittaniyāma)**. Khi Chúng Phạm Thiên có Nhân Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt thì một cách tự nhiên cũng sẽ phải có việc tiếp xúc giữa Nhân Thanh Triệt với Cảnh Sắc, Nhĩ Thanh Triệt giữa Cảnh Thinh. Khi có việc tiếp xúc nhau như vậy rồi, Lộ Trình Nhân Môn, Lộ Trình Nhĩ Môn cũng phải sinh khởi. Khi Lộ Trình Nhân Môn, Lộ Trình Nhĩ Môn sinh khởi rồi, Nhân Thức, Nhĩ Thức, Tiếp Thâu, Thâm Tấn ở phần Dị Thục Quả Dục Giới, các thể loại này cũng thường sinh khởi theo nhau một cách thuận tự.

59. Hỏi: Hãy trình bày sự sinh khởi Lộ Trình Tâm theo thuận tự của con ruồi trong sát na bị đập với cây búa cho đến sự chết.

59. Đáp: Việc sinh khởi theo thuận tự Lộ Trình Tâm sinh khởi của con ruồi bị đập với cây búa cho đến sự chết có như thế này: trong sát na bị đập với cây búa, Lộ Trình Ý Môn sinh khởi trước là lần đầu tiên, tiếp đến Lộ Trình Thân Môn cũng sinh. Khi Lộ Trình Thân Môn diệt mất rồi, Lộ Trình Ý Môn Na Tòng Lưu Hành cũng sinh tiếp chỉ 1 Lộ Trình thôi, tiếp nối ấy Lộ Trình Ý Môn Cận Tử cũng sinh khởi là lần cuối cùng.

Ý muốn nói là trong sát na bị đập với cây búa, Tâm Khai Ngũ Môn không có thể sẽ sinh khởi làm nhiệm vụ tư khảo Cảnh mới, là việc cắt đứt dòng Hữu Phần được, với nguyên nhân này, Khai Ý Môn mới thay thế sinh khởi làm nhiệm vụ tư khảo Cảnh mới, là việc cắt đứt dòng Hữu Phần. Thuận tự từ nơi ấy, năm lần Tâm Đồng Lực có Cảnh Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, bất luận một loại Cảnh nào, được sinh khởi rồi diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy Tâm Hữu Phần cũng sinh tiếp đi và Lộ Trình Thân Môn có 5 lần Đồng Lực cũng sinh khởi tiếp thâu Cảnh Xúc rồi diệt mất. Sau khi 5 lần Đồng Lực Lộ Trình Thân Môn diệt mất rồi, Tâm Hữu Phần cũng sinh. Tiếp nối từ nơi ấy, 1 Lộ Trình Ý Môn Na Tòng Lưu Hành có 5 lần Đồng Lực cũng sinh khởi tiếp thâu Cảnh Xúc rồi diệt mất. Tiếp đến Lộ Trình Ý Môn Cận Tử có Cảnh là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, bất luận một loại nào cũng sinh khởi là lần cuối cùng.

60. Hỏi: Các **Bậc Hiền Trí (Paṇḍita)** nói rằng việc sinh khởi của Tâm Dị Thục Quả là nhất định, không có việc cải biến; còn việc sinh khởi của Đồng Lực bất định, có việc cải biến cũng có, không có việc cải biến cũng có. Muốn biết rằng Dị Thục Quả nhất định, không có việc cải biến như thế nào ? Đồng Lực có việc cải biến cũng có, không có việc cải biến cũng có, bất định như thế nào ? Hãy giải thích.

60. Đáp: Việc sinh khởi của Dị Thục Quả nhất định, không có việc cải biến, ý muốn nói là thời gian nào được thu hiệu với Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý rồi, Tâm Nhân Thức v.v. cho đến Tiếp Thâu, Thâm Tấn, Tâm Na Cảnh, các thể loại này phải là Dị Thục Quả Thiện cả thấy, và trong các loại Tâm Lộ Trình ấy, một cách đặc biệt Tâm Thâm Tấn, Tâm Na Cảnh - cả hai nhóm này thường luôn câu sinh với **Hỷ Thọ (Somanassavedanā)**. Nếu như Cảnh ấy là **Cảnh Trung Bình Duyệt Ý (Iṭṭhamajjhataṭṭarammaṇa) (Cảnh Thục Tính Duyệt Ý – Sabhāva iṭṭhārammaṇa)** Tâm Nhân Thức v.v. cho đến Tiếp Thâu, Thâm Tấn, Tâm Na Cảnh - các thể

loại này phải là Dị Thục Quả Thiện tương tự, và trong các thể loại Tâm Lộ Trình này, một cách đặc biệt Tâm Thâm Tấn, Tâm Na Cảnh – cả 2 nhóm này thường luôn câu sinh với **Xả Thọ (Upekkhāvedanā)**. Nếu như Cảnh ấy là **Cảnh Bất Duyệt Ý (Aniṭṭhārammaṇa)** rồi (**Cảnh Thục Tính Bất Duyệt Ý – Sabhāvaaniṭṭhārammaṇa**) Tâm Nhân Thức v.v. cho đến Tiếp Thâu, Thâm Tấn, Tâm Na Cảnh - các thể loại này phải là Dị Thục Quả Bất Thiện câu sinh một cách duy nhất với Xả Thọ. Chính như thế này, các **Bậc Hiền Trí (Paṇḍita)** mới nói rằng việc sinh khởi của Dị Thục Quả ấy không có việc cải biến.

Còn việc sinh khởi của Đồng Lực có việc cải biến, bất định, ý muốn nói chính thị là Thọ phối hợp với Tâm Đồng Lực bất tương đồng với Cảnh, nói rằng các **Phàm Phu (Puthujjana)** vẫn có **Tướng Biến Dị (Saññāvipallāsa – Tướng Thất Thường)**, **Tâm Biến Dị (Cittavipallāsa – Tâm Thất Thường)**, **Kiến Biến Dị (Ditṭhivipallāsa – Kiến Thất Thường)** và các **Bậc Hữu Học (Sekkhapuggala)** vẫn có Tướng Điên Đảo, Tâm Điên Đảo, tại đó, Thọ phối hợp với Đồng Lực của các hạng Người này cũng sinh khởi bất định, nói rằng đôi khi cũng sinh khởi tương đồng với Cảnh, đôi khi cũng bất tương đồng với Cảnh, là việc sinh khởi của Đồng Lực Bất Thiện – Thiện Hỷ Thọ trong Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, hoặc là việc sinh khởi của Đồng Lực Sân trong Cảnh Bất Duyệt Ý, các thể loại này đều hiện hành một cách thường nhiên.

Thế nhưng, các hạng Người ấy khi thu hiệu với Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, một số người Đồng Lực Sân sinh khởi với mãnh lực **Pháp Biến Dị (Vipallāsadhamma – Pháp Thất Thường)**, cũng có một số người Đồng Lực Thiện Xả Thọ câu sinh với mãnh lực Pháp Biến Dị, và Sân Si là sự ngộ giải, sự bất tri và ngã mạn, hoặc là một số người Đồng Lực Thiện Xả Thọ sinh khởi với mãnh lực **Niệm (Sati)** và **Tỉnh Giác (Sampajañña)** cũng có

Khi thu hiệu với Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, một số người Đồng Lực Sân sinh, hoặc Đồng Lực Bất Thiện Hỷ Thọ sinh với mãnh lực Pháp Biến Dị, cũng có một số người Đồng Lực Thiện Hỷ Thọ sinh khởi với mãnh lực Niệm Tỉnh Giác, hoặc Tín cũng có.

Khi thu hiệu với Cảnh Bất Duyệt Ý, một số người Đồng Lực Bất Thiện Hỷ Thọ, hoặc Đồng Lực Bất Thiện Xả Thọ sinh khởi với mãnh lực Pháp Biến Dị và Si là sự ngộ giải, sự bất liễu tri cũng có, một số người Đồng Lực Thiện Hỷ Thọ hoặc Đồng Lực Thiện Xả Thọ sinh khởi với Niệm – Tỉnh Giác cũng có. Chính sự hiện hành như thế này, Ngài mới nói rằng việc sinh khởi của Đồng Lực ấy bất định, có việc cải biến được.

ĐỒNG LỰC KHÔNG CÓ VIỆC CẢI BIẾN ẤY LÀ ĐỒNG LỰC DUY TÁC:

Ý muốn nói là thời gian nào các Bậc Vô Sinh được thu hiệu với Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, thời gian ấy Đồng Lực Duy Tác Hỷ Thọ thường sinh khởi. Thời gian nào được thu hiệu với Cảnh Trung Bình Duyệt Ý, hoặc Cảnh Bất Duyệt Ý rồi, thời gian ấy Đồng Lực Duy Tác Xả Thọ thường sinh khởi. Chính như thế này là Đồng Lực nhất định, không có việc cải biến.

Điều này cũng sẽ có khởi lên lời phản bác rằng khi sát na Bậc Chánh Đẳng Giác hoặc các Bậc Vô Sinh có được kiến diện các nhóm **Nga Quỷ (Peta)**, trong sát na ấy cũng vì tiêu được, đây là Đồng Lực Duy Tác Hỷ Thọ sinh khởi tiếp thâu Cảnh Nga Quỷ ấy chẳng phải ư

? Trả lời rằng chẳng phải là như thế, là trong sát na khán kiến Nga Quý ấy, Tâm Lộ Trình phải là Đồng Lực Duy Tác Xả Thọ sinh khởi trước, tiếp đến khi lập ý tư khảo đến thực tính sự hiện hữu của Nga Quý phải thụ đắc các sự khổ nạn, khốn khổ với đủ cả mọi điều, cũng vì Ác Hạnh Bất Thiện bản thân đã từng tạo tác tích lũy, rồi lập ý hồi ức đến sự hiện hành của Ngài đã được vượt thoát khỏi **Thống Khổ Tai Nạn (Apāyabhaya)**, **Thảm Tào Chiết Ma Tai Nạn (Vinipātikabhaya)**, **Ác Hạnh Tai Nạn (Ducaritabhaya)**, **Luân Hồi Tai Nạn (Saṁsāravattabhaya)** là **Mỹ Đức (Guṇasampatti)** hiện hữu ở bên trong Ngài cũng lập ý vi tiêu với sự vừa lòng.

Việc liễu giải rằng lập ý vi tiêu trong sát na ngự lãm kiến diện Nga Quý, chính thị là sự tấn tốc của Tâm Lộ Trình có Cảnh là Nga Quý, và Tâm Lộ Trình có Cảnh là mỹ đức sinh khởi liên tục với nhau một cách tấn tốc, vì Đồng Lực Duy Tác Hỷ Thọ làm cho sinh được việc vi tiêu, chẳng phải có Cảnh là Nga Quý, mà trái lại chỉ có Cảnh là mỹ đức đang hiện hữu bên trong Ngài.

61. Hỏi: Hãy cử lệ tử Đồng Lực Bất Thiện có Thọ bất tương đồng với Cảnh bởi các mãnh lực khác khác, đến trình bày cho thấy với ?

61. Đáp: 1. Đồng Lực Sân sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, hoặc Cảnh Trung Bình Duyệt Ý với mãnh lực Pháp Biến Di, như di giáo đồ hoặc người tín phụng học thuyết ngoài Phật Giáo trong sát na được trông thấy ảnh tượng Đức Phật, Tỳ Khưu Sa Di có thân tâm ôn hòa an tịnh, phu sắc tư nhuận mỹ hảo; hoặc trong sát na đang đọc, đang lắng nghe Phật Sử hoặc câu chuyện Phật Giáo hữu quan với Danh – Sắc, 5 Uẩn, trong sát na ấy sự bất mãn ý cũng sinh khởi, hoặc một số người khi được trông thấy vật hữu sinh mạng và phi hữu sinh mạng mỹ lệ; hoặc được thính đạo, được nghe lời nói cát lợi, biểu dương, tán thán, ca tụng trong sự vật hữu sinh mạng và phi hữu sinh mạng ở phần đối lập diện với mình, như thế này rồi sự bất mãn ý cũng sinh khởi. Chính điều này là Đồng Lực Sân trong Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý, hoặc Cảnh Trung Bình Duyệt Ý với mãnh lực Pháp Biến Di.

2. Đồng Lực Sân sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý hoặc Cảnh Trung Bình Duyệt Ý với mãnh lực Si Mê, là một số người khi được trông thấy người đang **thực hành Minh Sát Tuệ (Paṭipattivipassanā)**, hoặc đang nghiên cứu câu học **Vô Tỷ Pháp (Abhidhamma)**, hoặc được nghe lời đề cập đến câu chuyện thực hành chính xác Minh Sát Tuệ; hoặc câu chuyện **Phước (Puñña) – Tội (Pāpa)**, Địa Ngục – Thiên Giới, việc sinh, việc tử, sự hiện hành của 5 Uẩn Danh Sắc rồi cũng cảm giác bất mãn ý sinh khởi đã nói lời phản đối, chỉ trích, tranh luận; hoặc một số người khi được trông thấy, được nghe sự vật tốt đẹp, mỹ lệ; thế nhưng cũng nghĩ không đến, trông không thấy trong các sự vật ấy rằng có sự tốt đẹp chừng nào, giá trị ngàn nào. Chính vì nghĩ không đến, trông không thấy đây, sự bất mãn ý, muộn muộn bất lạc, thống tâm mới sinh khởi. Chính điều này là Đồng Lực Sân sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý hoặc Cảnh Trung Bình Duyệt Ý với mãnh lực Si Mê là sự ngộ giải, sự bất tri.

3. Đồng Lực Bất Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý với mãnh lực Pháp Biến Di ấy, là một vài nhóm người Phật Giáo đồ vẫn chưa có được việc tiếp thu bồi huấn tâm trí trong lãnh vực Pháp bậc cao thượng là căn cơ bản nguyên trọng yếu trong Phật

Giáo, đề cập là việc cầu học **Vô Tỷ Pháp (Abhidhamma)** và việc **thực hành Minh Sát Tuệ (Paṭipattivipassanā)** trong trú xứ của Bậc Minh Sư; chỉ có việc cầu học duy nhất ở phần tri thức theo đường lối thế gian, thế nhưng người nghe ấy có thói quen thích nghe việc biện luận để tìm kiếm sự khoái lạc, tâm khoáng thần di với các thể loại câu chuyện ấy.

Một ngày được nghe việc giải thích đến câu chuyện việc tử rồi sinh, địa ngục, thiên giới, là có thật. Cây cối là vật phi hữu sinh mạng tương phản vật hữu sinh mạng, rồi nêu chứng cứ lên viện dẫn đối chiếu, tỷ giáo cho thấy sự khác biệt nhau, là chỗ đáng nghe đáng tin rất nhiều; sẽ khó mà tìm kiếm được người đến giải thích được như vậy. Trong sát na ấy, hẳn là người ấy chỉ tri giác duy nhất là có sự mãn ý với người đang giải thích thôi, thế nhưng không có sự khoái lạc, hân hoan, thỏa thích bất luận điều nào. Chính điều này là Đồng Lực Bất Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cự Kỳ Duyệt Ý với mãnh lực Pháp Biến Di.

4. Đồng Lực Bất Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cự Kỳ Duyệt Ý với mãnh lực của Sân, là người đang có sự thông tâm do y cứ **Tài Sản Điều Tàn (Bhogabyasana)**, **Thân Thuộc Điều Tàn (Ñātibyasana)**, **Tật Bệnh Điều Tàn (Rogabyasana)**, bất luận một loại nào thì cho dù trong sát na ấy bản thân sẽ có cơ duyên được đi xem ngày lễ tết hoành đại kỳ diệu chừng nào đi nữa, thế nhưng phần bên trong nội tâm hẳn là chỉ có sự mãn ý trong các Cảnh ấy thôi, chẳng có được thâm cảm hỷ duyệt bất luận điều nào. Chính điều này là Đồng Lực Bất Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cự Kỳ Duyệt Ý với mãnh lực Đồng Lực Sân.

5. Đồng Lực Bất Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cự Kỳ Duyệt Ý với mãnh lực Si Mê, là người ở thôn quê từ trước không từng được kiến diện bất luận loại vật kiện nào có giá trị và mỹ lệ. Đến một ngày người ở thôn quê này có cơ duyên đi vào xem kinh đô. Ngay sát na bước đi ngang qua theo các đường lộ rồi được trông thấy các cửa hàng trang sức phẩm xinh đẹp, có giá trị cao quý, những thủy xoàn ngọc quý tuyệt đẹp và các vật kiện khác mà tự bản thân cũng chưa từng được thấy, và cũng chưa từng có dùng tới, bản thân cũng không có sự hiểu biết về những loại vật phẩm quý giá này có giá trị rẻ mắc như thế nào. Khi ngấm xem các thể loại vật phẩm này, hẳn là chỉ có sự cảm giác hờ hững thờ ơ, chỉ hoan hỷ ngấm nhìn thôi. Đây là Đồng Lực Bất Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cự Kỳ Duyệt Ý với mãnh lực Si Mê là sự ngộ giải, sự bất tri.

6. Đồng Lực Bất Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cự Kỳ Duyệt Ý với mãnh lực Ngã Mạn, là người có địa vị cao cả khi được đón nhận vật kiện là tiêu phí phẩm tinh mỹ. Trong sát na ấy hẳn là chỉ có sinh khởi sự cảm giác hờ hững thờ ơ, vì các loại vật phẩm này bản thân từng sử dụng, từng hưởng thụ rồi. Chính điều này là Đồng Lực Bất Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cự Kỳ Duyệt Ý với mãnh lực Ngã Mạn.

7. Đồng Lực Bất Thiện Hỷ Thọ sinh khởi trong Cảnh Trung Bình Duyệt Ý với mãnh lực Pháp Biến Di, là người chưa từng có vật phẩm mỹ lệ để sử dụng, hoặc thực phẩm ngon ngọt để thọ dụng. Khi được đón nhận vật phẩm như đã nói rồi đây, cho dù chỉ là loại mỹ lệ thông thường, chẳng có bảo quý bao nhiêu lắm, người ấy cũng có sự vui mừng hoan hỷ một cách tột cùng. Chính điều này là Đồng Lực Bất Thiện Hỷ Thọ sinh khởi trong Cảnh Trung Bình Duyệt Ý với mãnh lực Pháp Biến Di.

8. Đồng Lực Bất Thiện Hỷ Thọ sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Bất Duyệt Ý, hoặc trong Cảnh Trung Bình Bất Duyệt Ý với mãnh lực Pháp Biến Di, ví như loài chim kên kên vui thích với xác chết sinh thú hoặc tử thi, chó vui thích phân. Một số người thích xem, thích nghe, thích kết giao, thích ăn trong vật bất hảo, hoặc người tinh thần điên dại thích nhặt lượm các đồ vật xấu xa, hôi thúi. Chính điều này là Đồng Lực Bất Thiện Hỷ Thọ sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Bất Duyệt Ý, hoặc Cảnh Trung Bình Bất Duyệt Ý với mãnh lực Pháp Biến Di.

9. Đồng Lực Bất Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Bất Duyệt Ý hoặc Cảnh Trung Bình Bất Duyệt Ý với mãnh lực Pháp Biến Di, như người thích xem tù phạm bị hành quyết, hoặc đang bị trừng phạt với việc đánh đập, và người có nghề nghiệp trong việc sắp đặt an táng tử thi, đó là các nhóm người phụ trách lễ truy điệu, hoặc khâm liệm mai táng. Trong sát na bản thân đang thực hiện, đang trông thấy; trong sát na ấy chỉ là thích xem, thích làm thôi, không có sự tán dương, hỷ duyệt, khoái lạc, bất luận điều nào. Chính điều này là Đồng Lực Bất Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Bất Duyệt Ý, hoặc Cảnh Trung Bình Bất Duyệt Ý với mãnh lực Pháp Biến Di.

10. Đồng Lực Bất Thiện Hỷ Thọ hoặc Đồng Lực Bất Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Bất Duyệt Ý, hoặc Cảnh Trung Bình Bất Duyệt Ý với mãnh lực Si Mê, như nam anh hài đang nhào trộn phân phần chơi, hoặc đôi khi ăn phân phần ấy; và một số người không biết trong sự cư xử hiện hành của một vài nhóm người đang có sự che giấu Ác Hạnh mà lại đi đến kết giao với đoàn thể ấy. Chính điều này là Đồng Lực Bất Thiện Hỷ Thọ hoặc Đồng Lực Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Bất Duyệt Ý hoặc Cảnh Trung Bình Bất Duyệt Ý với mãnh lực Si Mê.

62. Hỏi: Hãy cử lệ tử Đồng Lực Thiện có Thọ bất tương đồng với Cảnh và các mãnh lực khác khác, đến trình bày cho thấy với ?

62. Đáp: 1. Đồng Lực Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý với mãnh lực Niệm Tỉnh Giác, là hành giả có sự thực luyện trong việc tiến hóa **Tướng Vật Thực Ô Uế (Āhārepatikūlesaññā)** ngay lúc đang thọ dụng thực phẩm tinh hảo, hoặc người có sự chú tâm định bụng rằng Ta sẽ bất quan tâm trong bất luận Cảnh nào hữu quan đường lối thế gian, vì các loại Cảnh đường lối thế gian này đều là nhân sinh Pháp Bất Thiện cả thấy. Đề cập là trong sát na được thu hiệu với Cảnh mỹ lệ, sự mãn ý, sự hợp ý trong Cảnh ấy cũng sẽ sinh khởi, đây là **Tham Bất Thiện (Lobhākusala)**. Nếu như được thu hiệu với Cảnh bất mỹ lệ, sự bất mãn ý, sự bất hợp ý trong Cảnh ấy cũng sẽ sinh khởi, đây là **Sân Bất Thiện (Dosākusala)**, hoặc đôi khi được thu hiệu với Cảnh khác rồi cũng thân nhiên đi, không hiện bày rằng hoan hỷ hay bất hoan hỷ, đây là **Si Bất Thiện (Mohākusala)**. Với nguyên nhân này, chúng ta sẽ cần phải tận lực khảo tra, lưu ý tâm trí liệu định trong các Cảnh mà chúng ta sẽ phải ngộ kiến; khi có được lập chí như vậy rồi thì cho dù người này sẽ phải ngộ kiến Cảnh mỹ lệ, quang thái diệu nhân, huyễn lệ đoạt mục như thế nào đi nữa, họ thường có niệm lực quy định hiểu biết rằng “thấy hờ, thấy hờ” như vậy một cách liên tục, không có sự quan tâm hoặc phê bình đối với Cảnh ấy bất luận điều nào. Chính điều này là Đồng Lực Thiện Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Duyệt Ý với mãnh lực của Niệm Tỉnh Giác.

2. Đồng Lực Thiện Hỷ Thọ sinh khởi trong Cảnh Trung Bình Duyệt Ý với mãnh lực Niệm Tĩnh Giác hoặc Tín, như người được trông thấy Chư Tỳ Khuru Sa Di bước đi tiếp thọ **trì bình khát thực (Piṇḍapāta)** xếp với nhau thành hàng có số lượng hàng chục vị. Trong tất cả Chư Tỳ Khuru Sa Di này không có vị Tỳ Khuru nào sẽ là vị **Lão Tư Cách (Guṇavuddhi)** và **Niên Bối (Vayavuddhi)** cả, rồi cũng nghĩ hoài niệm chỉ ở nội tâm rằng thời kỳ Đức Phật đang còn tại thế, việc ngự tiếp thọ trì bình khát thực của Đức Phật cùng với Chư Tỳ Khuru Tăng cũng có lẽ hiện hành như thế này, rồi cũng ngồi xuống chấp tay lên đánh lễ trình thượng hiến cấp Chư Tỳ Khuru Sa Di đang bước đi tiếp thọ trì bình khát thực với sự hân hoan hỷ duyệt một cách cực điểm. Chính điều này là Đồng Lực Thiện Hỷ Thọ sinh khởi trong Cảnh Trung Bình Duyệt Ý với mãnh lực Niệm, Tĩnh Giác và Tín.

3. Đồng Lực Thiện Hỷ Thọ hoặc Đồng Lực Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Bất Duyệt Ý hoặc Cảnh Trung Bình Bất Duyệt Ý với mãnh lực Niệm Tĩnh Giác, là hành giả đang tiến hóa **Bất Tịnh Nghiệp Xứ (Asubhakammaṭṭhāna)**, hoặc người **thực hành Minh Sát Tuệ (Paṭipattivipassanā)** trong thời gian đi vệ sinh bất thanh khiết cũng có việc quy định hiểu biết, các thể loại Cảnh này là Đồng Lực Thiện Hỷ Thọ hoặc Đồng Lực Xả Thọ sinh khởi trong Cảnh Cực Kỳ Bất Duyệt Ý hoặc Cảnh Trung Bình Bất Duyệt Ý với mãnh lực Niệm Tĩnh Giác.

63. Hỏi: Việc phân chia Cảnh rằng đây là Cảnh duyệt ý hoặc Cảnh bất duyệt ý được đó, y cứ sự vật nào làm dụng phẩm thẩm định ?

63. Đáp: Việc phân chia Cảnh theo sự việc là duyệt ý hay bất duyệt ý được đó, do y cứ 5 loại dụng phẩm phân chia là: **(1) Bạc Trung Nhân (Majjhimapuggala), (2) Tâm Dị Thục Quả (Vipākacitta), (3) Môn (Dvāra), (4) Cảnh (Ārammaṇa), (5) Thời Gian (Kāla).**

1. Cảnh ở phần duyệt ý hoặc bất duyệt ý do y cứ Bạc Trung Nhân làm dụng phẩm phân chia, vì theo thường nhiên Bạc Thượng Nhân cho dù sẽ được tiếp thụ vật kiện mỹ lệ đi nữa, thế nhưng gần như không ai sẽ có sự hoan hỷ cho lắm, còn hạng Hạ Nhân và chúng bàng sinh chỉ được tiếp thọ các vật kiện hạ liệt xấu xa, hoặc thực phẩm hư thối, các thể loại này cũng có sự rất hoan hỷ mãn ý. Đối với Bạc Trung Nhân, khi được tiếp thọ các vật kiện mỹ lệ cũng có sự hoan hỷ mãn ý; nếu như bất hảo, bất mỹ lệ cũng bất hỷ duyệt, bất mãn ý. Với nguyên nhân này mới phải y cứ duy nhất hạng Trung Nhân làm dụng phẩm phân chia.

2. Y cứ Tâm Dị Thục Quả làm dụng phẩm phân chia, bởi vì nếu như Cảnh là duyệt ý rồi, Tâm Dị Thục Quả sinh khởi tiếp thân Cảnh ấy, cũng phải là Tâm Dị Thục Quả Thiện. Nếu như Cảnh là bất duyệt ý, Tâm Dị Thục Quả sinh khởi tiếp thân Cảnh ấy, cũng phải là Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện. Còn đối với Tâm Đồng Lực ấy, sẽ y cứ làm dụng phẩm phán đoán không được, vì việc sinh khởi của Đồng Lực tương đồng với Cảnh cũng có, bất tương đồng với Cảnh cũng có, như các nhóm dị giáo đồ trong sát na được kiến diện Bạc Chánh Đẳng Giác, hoặc Bạc Thinh Văn Giác của Đức Phật rồi, cũng không có sự hoan hỷ mãn ý bất luận điều nào, trái lại bày tỏ hành trạng bằng cách ngoảnh mặt bỏ đi mất, cũng có khi dùng tay bịt mắt, hoặc nhắm mắt đi, mà sự thật là việc được hội kiến Bạc Chí Thượng đến nhường này,

cũng đều là Dị Thực Quả Thiện y cứ **Thiện Nghiệp Lực (Kusalakamma)** trong quá khứ cả thấy.

Các heo trong làng ngay khi được người hoặc ăn phân phần rồi cũng cảm giác hoan hỷ mãn ý, thế nhưng sự chân chính ấy là việc được người phân phần, hoặc được ăn phân phần đây, đều chính thị là Dị Thực Quả Bất Thiện sinh khởi y cứ **Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma)** trong quá khứ. Một số người được thọ hảo ngật thực, thế nhưng cũng bất hợp ý trong các loại thực phẩm ấy, chỉ vọng cầu thọ ngật phạn ty liệt; khi là theo sự chân chính rồi, việc được thọ thực tinh lương đây, tương tự đều là Dị Thực Quả Thiện y cứ Thiện Nghiệp Lực trong quá khứ; vì thế sẽ nên thấy được rằng việc sinh khởi của Tâm Đồng Lực đây, bất tương đồng với Cảnh mới phải y cứ Tâm Dị Thực Quả làm dụng phẩm phân chia Cảnh rằng Cảnh này là duyệt ý hoặc bất duyệt ý.

3. Y cứ Môn làm dụng phẩm phân chia Cảnh, là một vài loại vật kiện đâu có phải sẽ là duyệt ý hoặc bất duyệt ý trong cả 6 Môn, như phân phần rằng khi theo Thân Môn rồi là duyệt ý, vì có cảm giác nhu nộn, tinh tế, nhuyễn miên; thế nhưng rằng khi theo Nhãn Môn và Tỵ Môn rồi cũng thành bất duyệt ý, vì Cảnh Sắc ấy đáng yếm ố và có xú khí. Ý Môn sinh nối tiếp từ Thân Môn là duyệt ý, sinh nối tiếp từ Nhãn Môn, Tỵ Môn là bất duyệt ý. Hoặc kim cương, hắc sắc châu, như ý châu, các loại ngọc Mañi, các thể loại này rằng khi theo Nhãn Môn cũng thành duyệt ý vì là vật mỹ lệ, thế nhưng rằng khi theo Thân Môn rồi cũng thành bất duyệt ý vì cảm giác rất là cương kiện. Còn Ý Môn sẽ là duyệt ý hoặc bất duyệt ý được đó, cuối cùng rồi cũng chỉ là việc sinh khởi theo cả 5 Môn. Một vài trường hợp vật kiện cũng thành duyệt ý hoặc bất duyệt ý được cả 6 Môn. Một vài loại bông hoa, rằng khi theo Nhãn Môn cũng là duyệt ý, là có màu sắc xinh đẹp, thế nhưng rằng khi theo Tỵ Môn rồi cũng thành bất duyệt ý vì có xú khí.

4. Y cứ Cảnh làm dụng phẩm phân chia Cảnh, là một số người rằng theo Cảnh Sắc, Cảnh Thịnh rồi cũng là duyệt ý, là có phu sắc ưu mỹ, hình thể mỹ lệ, âm thanh duyệt nhĩ; rằng khi theo Cảnh Pháp là tính cách rồi cũng thành bất duyệt ý, là không được tín nhiệm. Một vài loại bông hoa, rằng theo Cảnh Sắc là màu sắc rồi cũng thành duyệt ý, là khả ái khả mãn ý, thế nhưng theo mùi hơi rồi cũng không có hương thơm mới thành bất duyệt ý, là bất khả mãn ý. Một vài loại thực phẩm rằng theo Cảnh Pháp là duyệt ý, là thành lợi ích đối với sắc thân, rằng theo Cảnh Vị, Cảnh Khí rồi cũng thành bất duyệt ý.

5. Y cứ Thời Gian làm dụng phẩm phân chia Cảnh, là lửa hoặc nước hoặc gió, chính thị cả 3 thể loại này, rằng khi theo Thời Gian rồi cũng được cả duyệt ý và bất duyệt ý. Đề cập là lửa trong thời tiết đông quý, hoặc trong sát na thời gian cần phải sử dụng hữu quan với mỗi loại công việc rồi lửa đây cũng thành duyệt ý, khi đến thời tiết hạ quý, hoặc lửa thiêu tiêu phòng ốc cũng thành bất duyệt ý. Nước và gió, cả hai này khi thời tiết hạ quý cũng thành duyệt ý, khi đến thời tiết đông quý cũng thành bất duyệt ý. Mặt trời hiện hành cùng một phương thức này, là thời tiết đông quý cần phải nhật quang dục (tắm nắng) cũng thành duyệt ý, hoặc khi thời tiết hạ quý không cần phải nhật quang dục cũng thành bất duyệt ý.

64. Hỏi: Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố có mấy loại, là những gì ? Phạm Vi Chuyển Khởi và thời kỳ của các thể loại Lộ Trình này có những gì ?

64. Đáp: Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố có 7 loại, là:

1. Lộ Trình Sơ Khởi Thiền (Ādikammikajhānavithī): Thiền Định sinh khởi lần đầu tiên.

2. Lộ Trình Nhập Thiền Định (Jhānasamāpattivithī): việc thụ hưởng sự an lạc trong Thiền Định.

3. Lộ Trình Thiền Cơ Bản (Pādakajhānavithī): Thiền Định làm cơ sở của Thắng Trí, một cách đặc biệt thành tên gọi của Ngũ Thiền Sắc Giới).

4. Lộ Trình Thắng Trí (Abhiññavithī): Tâm đặc thù hữu quan với việc hiện bày các loại thần túc thông.

5. Lộ Trình Đắc Đạo (Maggavithī): thực hiện nhiệm vụ phóng khí phiền não theo các tầng Đạo ấy.

6. Lộ Trình Nhập Thiền Quả (Phalasangāpattivithī): việc thụ hưởng an lạc giải thoát trong Níp Bàn.

7. Lộ Trình Nhập Thiền Diệt (Nirodhasamāpattivithī): việc diệt Thọ, Tưởng (Tâm, Tâm Sở, Sắc Tâm diệt).

Phạm Vi Chuyển Khởi của các loại Lộ Trình này có 1 thể loại, là Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện (theo phần Chú Giải và Phụ Chú Giải) hoặc Cảnh Minh Hiện (theo phần Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp). Còn **Thời Kỳ (Vāra)** của các loại Lộ Trình này có 1, là Thời Kỳ Đồng Lực.

65. Hỏi: Hãy trình bày việc sinh khởi của Lộ Trình như tiếp theo đây:

1. Lộ Trình Sơ Khởi Thiền của người độn căn.
2. Lộ Trình Nhập Thiền Định.
3. Lộ Trình Đắc Đạo Thất Lai của người lợi căn,
4. Lộ Trình Đắc Đạo bậc trên của người độn căn,
5. Lộ Trình Nhập Thiền Quả của người độn căn và lợi căn.

65. Đáp: **1. Việc sinh khởi Lộ Trình Sơ Khởi Thiền của người Độn Căn có như thế này:** Hành giả tiến hóa 30 Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhāna) có Địa Hoàn Tịnh (Pathavīkaṣiṇa) v.v. khi gần sắp chứng đắc Thiền, bất luận một loại nào thuộc Quang Tướng Chế Định (Paññattipaṭibhāganimitta) trong số lượng 30 mà bản thân đã thích dụng tiến hóa đã được hiện bày theo Lộ Ý Môn, vì thế Tâm Hữu Phần mới sinh khởi 2 sát na gọi tên là Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ rồi cũng diệt mất. Tiếp nối, Tâm Khai Ý Môn cũng sinh khởi tiếp thu Quang Tướng Chế Định 1 lần rồi cũng diệt mất. Trong thuận tự ấy, bất luận một loại Tâm nào trong Đồng Lực Đại Thiện hoặc Đại Duy Tác Tương Ứng Trí sinh khởi 4 sát na tiếp thu Quang Tướng Chế Định trong sở tại địa **Chuẩn Bị (Parikamma), Cận Hành (Upacāra), Thuận Tòng (Anulomā), Chuyển Tộc (Gotrabhū)** gọi là **Đồng Lực Cận Hành Định (Upacārasamādhijavana)** rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, **Thiền Thiền (Jhānakusala)** hoặc **Duy Tác Thiền (Jhāna kiriyā)** sinh khởi 1 lần tiếp thu Quang Tướng

Chế Định gọi là **Đồng Lực Định An Chỉ (Appanāsamādhijavana – Đồng Lực Định Kiên Cố)** 1 lần rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Hữu Phần cũng sinh tiếp nối đằng sau ấy. Dĩ hậu, Lộ Trình Ý Môn có **Đồng Lực Đại Thiện** hoặc **Đồng Lực Đại Duy Tác** thường sinh khởi thực hiện nhiệm vụ theo sở tại địa là **Lộ Trình Khảo Sát (Paccavekkhaṇavithi)**, nói đến là tư khảo **Chi Thiện Định (Aṅgajhāna)** có **Tầm (Vitakka)** v.v. sinh khởi nhiều vòng vừa theo thích hợp.

2. Việc sinh khởi Lộ Trình Nhập Thiện Định có như thế này: Hạnh Vận Thiện Giả (Jhānalābhīpuggala) trước khi Nhập Thiện có được lập tâm kỳ nguyện rằng **Sơ Thiện (Paṭhamajhāna)** (hoặc **Nhi Thiện (Dutiyajhāna)**, **Tam Thiện (Tatiyajhāna)** v.v. cho đến **Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ (Nevasaññānāsaññāyatana-jhāna)** tùy theo sự nhu yếu) mà tôi đã chứng đắc, xin hãy phát sinh lên đối với tôi suốt trọn thời gian 1 giờ đồng hồ (hoặc suốt trọn 2 – 3 giờ đồng hồ, tùy theo sở cầu), thế rồi chú thị Quang Tướng của Nghiệp Xứ ấy, cùng với tinh tâm chú niệm rằng **Địa (Paṭhavī)**, **Địa (Paṭhavī)** [hoặc **Thủy (Āpo)**, **Hỏa (Tejo)**, **Phong (Vāyo)**, hoặc **Chúng Hữu Tình Đùng Có Oan Trái Lẫn Nhau (Sabbe sattā sabbe pānā averā hontu)** hoặc **Sinh Chướng Thảm Đen (Uddhumātakam vinīlakam)** v.v. tùy theo Nghiệp Xứ mà bản thân hành sử tiến tu]. Trước khi Tâm Thiện sẽ sinh khởi, Hữu Phần chuyển động sinh khởi 2 sát na gọi là Hữu Phần Chấn Động và Hữu Phần Đình Chỉ rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Khai Ý Môn cũng sinh khởi tiếp thu Cảnh Quang Tướng rồi cũng diệt mất. Trong thuận tự ấy, Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí hoặc Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, bất luận một cái nào sinh khởi 3 hoặc 4 sát na (tùy theo Người) tiếp thu Quang Tướng theo vị trí là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tòng và Chuyển Tộc, hoặc Cận Hành, Thuận Tòng và Chuyển Tộc, rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Thiện cũng sinh khởi nối tiếp nhau liên tục suốt thời gian đã có lập tâm kỳ nguyện.

Khi đáo kỳ hạn như đã lập tâm kỳ nguyện, Tâm Hữu Phần cũng sinh khởi, dĩ hậu **Lộ Trình Khảo Sát (Paccavekkhaṇavithi)** cũng sinh khởi nối tiếp một cách thích hợp.

3. Việc sinh khởi Lộ Trình Đắc Đạo Thất Lai của người Lợi Căn có như thế này: hành giả đang thực hành **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Paṭipattivipassanākammaṭ ṭhāna)**, trước khi sẽ chứng đắc Đạo Quả và Níp Bàn, cần phải được khán kiến Tam Tướng một cách minh hiển cực điểm, và trong sát na ấy Hữu Phần chuyển động sinh khởi được 2 sát na gọi tên là Hữu Phần Chấn Động và Hữu Phần Đình Chỉ rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Khai Ý Môn cũng sinh khởi tiếp thu thực tính của Danh hoặc Sắc rồi cũng diệt mất. Trong thuận tự ấy, bất luận một trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí sinh khởi 3 sát na, trong 3 sát na ấy, Cận Hành và Thuận Tòng tiếp thu Cảnh ở phần Sắc hoặc Danh rồi cũng diệt mất. Còn Chuyển Tộc tiếp thu Níp Bàn làm thành Cảnh theo vị trí ở phần khai mở (**Āvajjana**) của Tâm Đạo Thất Lai và sản trừ tuyệt **Chủng Tộc Phàm Phu (Jātiputhujjana)** rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Đạo Thất Lai cũng sinh khởi 1 sát na tiếp thu Níp Bàn làm thành Cảnh, cùng với đoạn trừ **Tà Kiến (Diṭṭhi)** và **Hoài Nghi (Vicikicchā)** một cách không có dư sót rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Quả Thất Lai cũng sinh khởi 3 sát na tiếp thu Níp Bàn làm thành Cảnh rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Hữu Phần cũng sinh khởi và Lộ Trình Ý Môn có bất luận một trong những Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng

Trí thường sinh khởi thực hiện nhiệm vụ theo sở tại địa **Lộ Trình Khảo Sát (Paccavekkhaṇavithī)** đề cập đến là thực hiện nhiệm vụ tư khảo Đạo, Quả, Níp Bàn, Phiền Não đã được phóng khí và Phiền Não vẫn còn dư sót, sinh khởi tiếp nối nhiều vòng vừa theo thích hợp.

4. Việc sinh khởi Lộ Trình Đắc Đạo bậc trên của người Độn Căn có như thế này: hành giả đang thực hành **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Paṭipattivipassanākam maṭṭhāna)**, trước khi Lộ Trình Đắc Đạo bậc trên sẽ sinh khởi, cần phải được khán kiến Tam Tướng một cách minh hiển tốt bậc, và trong sát na ấy Hữu Phần chuyển động sinh khởi được 2 sát na gọi tên là Hữu Phần Chấn Động và Hữu Phần Đình Chi rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Khai Ý Môn cũng sinh khởi tiếp thu thực tính Danh hoặc Sắc rồi cũng diệt mất. Trong thuận tự ấy, bất luận một trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí sinh khởi 4 sát na, trong 4 sát na ấy, Chuẩn Bị, Cận Hành và Thuận Tòng tiếp thu Cảnh ở phần Sắc hoặc Danh rồi cũng diệt mất. Còn Dữ Tịnh tiếp thu Níp Bàn làm thành Cảnh theo vị trí ở phần khai mở (**Āvajjana**) của 3 Tâm Đạo bậc trên. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Đạo Bất Lai, hoặc Tâm Đạo Vô Sinh cũng sinh khởi 1 sát na (vừa theo thích hợp đối với Người) tiếp thu Níp Bàn làm thành Cảnh, cùng với đoạn trừ **Phiền Não (Kilesa)** vừa theo thích hợp một cách không có dư sót rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Quả Nhất Lai, Tâm Quả Bất Lai, hoặc Tâm Quả Vô Sinh cũng sinh khởi 2 sát na (vừa theo thích hợp đối với Người) tiếp thu Níp Bàn làm thành Cảnh rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Hữu Phần cũng sinh khởi, rồi **Lộ Trình Khảo Sát (Paccavekkhaṇavithī)** có nhiệm vụ tư khảo Đạo, Quả, Níp Bàn, Phiền Não đã được phóng khí và Phiền Não còn lại, cũng sinh khởi tiếp nối vừa theo thích hợp.

5. Việc sinh khởi Lộ Trình Nhập Thiền Quả của Người Độn Căn và Người Lợi Căn có như thế này: các Bậc Thánh Nhân trước khi sẽ thụ hưởng **An Lạc Giải Thoát (Vimuttisukha)** nói đến là việc được Nhập Thiền Quả, cần phải lập tâm kỳ nguyện rằng “**Pháp Siêu Thế (Lokuttaradhamma)** mà tôi đã được chứng đắc hãy phát sinh lên và Cảnh ở phần **Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma)** hãy diệt mất suốt trọn thời gian 1 - 2 giờ đồng hồ”, rồi cũng thực hành theo phương thức cả **4 Niệm Xứ (Satipaṭṭhāna)** đề cập đến là việc hạn định Danh Sắc đang sinh ở bên trong bản thân. Trước khi Tâm Quả sẽ sinh khởi, Hữu Phần chuyển động sinh khởi được 2 sát na, gọi tên là Hữu Phần Chấn Động và Hữu Phần Đình Chi rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Khai Ý Môn cũng sinh khởi tiếp thu thực tính Sắc hoặc Danh rồi cũng diệt mất. Trong thuận tự ấy, bất luận một trong 8 Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí hoặc Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí sinh khởi 3 hoặc 4 sát na tùy theo hạng Người tiếp thu thực tính Sắc hoặc Danh theo vị trí là Thuận Tòng rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Quả cũng sinh khởi nối tiếp nhau liên tục suốt thời gian mà bản thân đã có lập tâm kỳ nguyện. Khi đáo kỳ hạn theo bản thân đã lập tâm kỳ nguyện rồi, Tâm Hữu Phần cũng sinh khởi, dĩ hậu **Lộ Trình Khảo Sát (Paccavekkhaṇavithī)** có nhiệm vụ tư khảo Quả và Níp Bàn cũng sinh khởi nối tiếp một cách thích hợp.

66. Hỏi: Tất cả Lộ Trình Đắc Thiền có số lượng bao nhiêu, là những chi ? Và Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối Lộ Trình Đắc Thiền có số lượng bao nhiêu, là những chi ?

66. Đáp: Các Lộ Trình Đắc Thiên có số lượng 72, là: (1) Lộ Trình Sơ Khởi Thiên có 36, (2) **Lộ Trình Nhập Thiên Định (Samāpajjanavithī)** có 36, gom thành Lộ Trình Đắc Thiên có 72.

Lộ Trình Sơ Khởi Thiên có 36, là: 9 Thiện Thiên, 9 Duy Tác Thiên, gom thành 18; của Người Lợi Căn có 18, của Người Độn Căn có 18, gom thành 36.

Lộ Trình Nhập Thiên Định có 36 ấy, là 9 Thiện Thiên, 9 Duy Tác Thiên, gom thành 18; của Người Lợi Căn có 18, của Người Độn Căn có 18, gom thành 36.

Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Thiên có 1,536, là:

- 1 Lộ Trình Sơ Thiện Thiên, 1 Lộ Trình Duy Tác Sơ Thiện} 2×2 là Sơ Khởi Thiên và Nhập Thiên Định = 4 Lộ.

- 4×2 là Người Độn Căn và Người Lợi Căn = 8 Lộ.

gom thành Sơ Thiện có $8 \times 5 = 40$ là việc tư khảo 5 Chi Thiên.

Trong Sơ Thiện có 40 này:

- Thiện Sơ Thiện 20×8 là Đại Thiện ở phần Khảo Sát = 160 Lộ.

- Duy Tác Sơ Thiện 20×8 là Đại Duy Tác ở phần Khảo Sát = 160 Lộ.

gom Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Sơ Thiện có 320.

Trong Nhị Thiên có 8×4 là việc tư khảo trong 4 Chi Thiên = 32 Lộ.

Trong 32 Lộ Trình Nhị Thiên này:

- Thiện Nhị Thiên 16×8 là Đại Thiện ở phần Khảo Sát = 128 Lộ.

- Duy Tác Nhị Thiên 16×8 là Đại Duy Tác ở phần Khảo Sát = 128 Lộ.

gom Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Nhị Thiên có 256.

Trong Tam Thiên có 8×3 là việc tư khảo trong 3 Chi Thiên = 24 Lộ.

Trong 24 Lộ Trình Tam Thiên này:

- Thiện Tam Thiên 12×8 là Đại Thiện ở phần Khảo Sát = 96 Lộ.

- Duy Tác Tam Thiên 12×8 là Đại Duy Tác ở phần Khảo Sát = 96 Lộ.

gom Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Tam Thiên có 192.

Trong Tứ Thiên có 8×2 là việc tư khảo trong 2 Chi Thiên = 16 Lộ.

Trong 16 Lộ Trình Tứ Thiên này:

- Thiện Tứ Thiên 8×8 là Đại Thiện ở phần Khảo Sát = 64 Lộ.

- Duy Tác Tứ Thiên 8×8 là Đại Duy Tác ở phần Khảo Sát = 64 Lộ.

gom Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Tứ Thiên có 128.

Trong Ngũ Thiên có 40×2 là việc tư khảo trong 2 Chi Thiên = 80 Lộ.

Trong 80 Lộ Trình Ngũ Thiên này:

- Thiện Ngũ Thiên 40×8 là Đại Thiện ở phần Khảo Sát = 320 Lộ.

- Duy Tác Ngũ Thiên 40×8 là Đại Duy Tác ở phần Khảo Sát = 320 Lộ.

gom Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Ngũ Thiên có 640.

- 320 Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Sơ Thiện.

- 256 Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Nhị Thiên.

- 182 Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Tam Thiên.

- 128 Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Tứ Thiên.

- 640 Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Ngũ Thiền.
gom thành Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Thiền có số lượng 1536.

67. Hỏi: Công việc nên thực hành nhiệm vụ trước khi sẽ Nhập Thiền Định, Nhập Thiền Quả, Nhập Thiền Diệt và thực hiện Thắng Trí (thần thông) sẽ thực hành như thế nào ? mới sẽ Nhập Thiền Định, Nhập Thiền Quả, Nhập Thiền Diệt và thực hiện Thắng Trí được ? Và người đang thụ mộng thiếp mật sẽ gọi là **Nhập Thiền Hữu Phần (Bha vaṅgasamāpatti)** được hay không ?

67. Đáp: Công việc nên thực hành trước khi sẽ Nhập Thiền Định, Nhập Thiền Quả, Nhập Thiền Diệt, và thực hiện Thắng Trí (thần thông) có như thế này:

THỦ TIÊN YẾU TỐ NHẬP THIỀN ĐỊNH

Hành giả trước khi Nhập Thiền Định có được lập tâm kỳ nguyện rằng **Sơ Thiền (Paṭhamajhāna)** (hoặc **Nhị Thiền (Dutiya-jhāna)**, **Tam Thiền (Tatiya-jhāna)** v.v. cho đến **Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ (Nevasaññānāsaññāyatana-jhāna)** tùy theo sự nhu yếu) mà tôi đã chứng đắc, xin hãy phát sinh lên đối với tôi suốt trọn thời gian 1 giờ đồng hồ (hoặc suốt trọn 2 – 3 giờ đồng hồ, tùy theo sở cầu), thế rồi chú thị Quang Tướng của Nghiệp Xứ ấy, cùng với tinh tâm chú niệm rằng **Địa (Paṭhavī), Địa (Paṭhavī)** [hoặc **Thủy (Āpo), Hỏa (Tejo), Phong (Vāyo)**, hoặc **Chúng Hữu Tình Đùng Có Oan Trái Lẫn Nhau (Sabbe sattā sabbe pānā averā hontu)** hoặc **Sinh Chướng Thăm Đen (Uddhumātakam vinīlakam)** v.v. tùy theo Nghiệp Xứ mà bản thân hành sử tiến tu].

THỦ TIÊN YẾU TỐ NHẬP THIỀN QUẢ

Hành giả trước khi Nhập Thiền Quả cần phải lập tâm kỳ nguyện rằng “**Pháp Siêu Thế (Lokuttaradhamma)** mà tôi đã được chứng đắc hãy phát sinh lên và Cảnh ở phần **Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma)** hãy diệt mất suốt trọn thời gian 1 – 2 giờ đồng hồ tùy theo thích hợp sở cầu”, rồi cũng thực hành theo phương thức cả **4 Niệm Xứ (Sati paṭṭhāna)** đề cập đến là hạn định Danh Sắc đang sinh ở bên trong bản thân làm thành Cảnh.

THỦ TIÊN YẾU TỐ NHẬP THIỀN DIỆT

Bậc Bất Lai hoặc Bậc Vô Sinh trước khi Nhập Thiền Diệt cần phải Nhập Sơ Thiền trước. Khi đã xuất ra khỏi Sơ Thiền, cũng tư khảo Tâm Sơ Thiền và Tâm Sở đã diệt mất rồi, theo sự việc là **Vô Thường (Aniccam), Khổ Đau (Dukkham)** và **Vô Ngã (Anattā)**. Thế rồi mới nhập Nhị Thiền v.v. theo thuận tự cho đến Thiền Thứ Vô Biên Xứ, theo cùng một phương thức này mỗi khi xuất ra khỏi Nhị Thiền v.v. theo thuận tự cho đến Thiền Thứ Vô Biên Xứ, cần phải tư khảo Tâm và Tâm Sở đã diệt mất ấy, theo sự việc là **Vô Thường (Aniccam), Khổ Đau (Dukkham)** và **Vô Ngã (Anattā)**, trong tất cả mọi tầng Thiền một cách

thường luôn, rồi mới Nhập Thiền Vô Sở Hữu Xứ. Khi xuất ra khỏi Thiền Vô Sở Hữu Xứ rồi, không hẳn phải tiến tu **Minh Sát Tuệ (Vipassanā)** ngay, mà cần phải thực hiện 3 loại **Thủ Tiên Yếu Tố (Pubbakicca)**. (Trong thời kỳ này, loại trừ **Bổn Sur Triệu Tập (Satthu pakkosana)** là việc lập tâm kỳ nguyện sẽ xuất ra ngay khi Đức Phật có nhu cầu gặp gỡ bản thân), là:

1. Chủng Chủng Vật Phẩm Bất Tiêu Hủy (Nānābaddhaavikopana) là việc lập tâm kỳ nguyện rằng các tư cụ của tôi đang ở nơi khác, xin hãy thoát khỏi tất cả mọi điều nguy hại, có **Hỏa Tai Nạn (Aggibhaya)**, **Đạo Tặc Tai Nạn (Corabhaya)**, **Thủy Tai Nạn (Udaka bhaya)** v.v.

2. Tăng Chúng Kỳ Vọng (Saṅghapaṭimānana) là việc lập tâm kỳ nguyện rằng khi Tăng triệu khai hội nghị có nhu cầu hội kiến bản thân tôi, xin cho xuất ra khỏi Thiền Diệt được cập thời hội tập.

3. Viễn Trình Kỳ Hạn (Addhānapariccheda) là việc lập tâm kỳ nguyện quy định khảo lự kiểm nghiệm sinh mạng của mình rằng sẽ hiện hữu được trọn 7 ngày hay không? Khi đã khảo lự rồi kiểm nghiệm biết rằng vẫn hiện hữu lâu dài hơn 7 ngày, hoặc nhiều tháng, nhiều năm, cũng không có bất luận vấn đề nào cả. Tuy nhiên, nếu như là sinh mạng của mình không có thể sẽ quá hoạt được suốt cho đến kỳ mãn 7 ngày. Khi vị ấy vẫn đang là Bạc Bát Lai cũng sẽ tự khảo rằng không nên Nhập Thiền Diệt, mà tốt hơn là phải nên tiến tu **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Vipassanākammatthāna)** để chứng đắc Quả Vô Sinh. Thế nhưng, nếu như vị ấy là Bạc Vô Sinh cũng tự khảo rằng nên Nhập Thiền Diệt, tuy nhiên cần phải lập tâm kỳ nguyện việc quy định thời gian Nhập Thiền Diệt ấy cho giảm xuống, bằng cách xuất ra trước thời gian sẽ Viên Tịch Níp Bàn. Tất cả sự việc này, cũng để sẽ có được cơ hội nói lời cáo biệt, nhả nhủ thân ái đối với các Pháp Hữu đồng đạo với nhau.

Lại nữa, trong cả 3 Thủ Tiên Yếu Tố này, **Chủng Chủng Vật Phẩm Bất Tiêu Hủy** và **Tăng Chúng Kỳ Vọng**, cả 2 này không cần phải lập tâm kỳ nguyện cũng được. Tuy nhiên, đối với **Viễn Trình Kỳ Hạn** tất yếu cần phải thực hiện khi ở trong Nhân Loại Địa Giới. Thế nhưng trong Sắc Địa Giới không cần phải thực hiện Thủ Tiên Yếu Tố cũng được; tuy nhiên, nếu như sẽ thực hiện thì chỉ thực hiện **Viễn Trình Kỳ Hạn** là việc lập tâm kỳ nguyện quy định thời gian để nhập. Khi đã thực hiện cả 3 thể loại Thủ Tiên Yếu Tố này một cách hoàn tất ổn thỏa, rồi cũng Nhập Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ cũng sinh khởi 2 sát na. Tiếp nối từ nơi ấy, **Tâm (Citta)**, **Tâm Sở (Cetasika)** và **Sắc Tâm (Cittajarūpa)** cũng diệt mất, chỉ có thể là **Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)**, **Sắc Quý Tiết (Utujarūpa)**, và **Sắc Vật Thực (Āhāra rūpa)** vẫn còn xuất sinh, tóm lại là hoàn thành việc Nhập Thiền Diệt với mọi trường hợp.

Người có khả năng nhập được Thiền Diệt ấy là Bạc Bát Lai và Bạc Vô Sinh đã được nhập 8 hoặc 9 Thiền Định trong 7 Thiện Dục Địa Giới và 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới). Trong sát na đang Nhập Thiền Diệt, khi có bất luận điều **nguy hiểm (Antarāya)** nào sinh khởi, các thể loại ấy không có khả năng sẽ tiêu diệt sinh mạng của các Bạc này được; và sự việc các điều nguy hiểm cũng không có khả năng sẽ tiêu diệt sinh mạng của các Bạc này được, cũng do mãnh lực từ nơi **Pháp Định Lực Thâm Nhập**

(**Samādhivipphārādhī**). Pháp Định Lực Thâm Nhập là Định Lực đã thâm nhập biến cập khắp cả sắc thân của Bậc đang Nhập Thiền Diệt.

THỦ TIÊN YẾU TỔ THỰC HIỆN THẮNG TRÍ

1. Nhập Thiền Cơ Bản trước, đề cập đến là Nhập Ngũ Thiền Sắc Giới.
2. Khi xuất ra khỏi Thiền Cơ Bản rồi, cũng lập tâm kỳ nguyện vừa theo sở cầu.
3. Khi sự lập tâm kỳ nguyện đã ổn thỏa, cũng trở lại Nhập Thiền Cơ Bản lần nữa.
4. Khi xuất ra khỏi Thiền Cơ Bản lần thứ 2, Lộ Trình Thắng Trí cũng sinh khởi. Khi Lộ Trình Thắng Trí đã sinh khởi rồi, chính thị trong sát na ấy, mọi sở nguyện theo mọi sở cầu bản thân nhu yếu cũng sẽ phát sinh lên.

Hành giả trước khi sẽ thực hiện Thắng Trí ấy, cần phải lập tâm kỳ nguyện rằng “xin cho Ngũ Thiền Sắc Giới mà tôi đã thành đạt rồi đó, xin hãy phát sinh lên đối với tôi”. Thế rồi chú thị bất luận một thể loại nào trong 10 Hoàn Tịnh Chế Định (**sẽ không được chú thị ở các Nghiệp Xứ khác được**). Tiếp nối từ nơi ấy, **Nhập Thiền Định (Jhānasamāpatti)** hữu quan với Ngũ Thiền cũng sinh khởi theo thuận tự như thế này: Hữu Phần, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ, Tâm Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tòng và Chuyển Tộc rồi Ngũ Thiền Sắc Giới cũng sinh khởi một cách liên tục ước chừng 1 giây hoặc 1 phút này gọi là **Lộ Trình Thiền Cơ Bản**.

Khi xuất ra khỏi Thiền Cơ Bản rồi, cũng cần phải tĩnh tâm chú niệm hữu quan với việc thực hiện Thắng Trí, đề cập đến là: nếu như có bất luận một sở nguyện nào, chẳng hạn như thực hiện việc phi đẳng cũng lập tâm kỳ nguyện rằng “xin cho sắc thân tôi được bay liệng trong hư không”; nếu như nguyện vọng sẽ trông thấy địa ngục, thiên đường cũng lập tâm kỳ nguyện rằng “xin cho tôi được trông thấy sự sinh hoạt của hữu tình địa ngục hoặc của Chư Thiên”; nếu như sẽ nhu cầu việc biến hóa ra các vật thể nào, cũng lập tâm kỳ nguyện theo sở cầu của bản thân; mong muốn sẽ thấu hiểu đến tâm ý của bất luận người nào cũng lập tâm kỳ nguyện rằng “xin cho tôi được thấu hiểu sự hiện hành tâm ý người ấy”, hoặc nhu cầu sẽ tự mình biến hóa cho thành nhiều người, cũng lập tâm kỳ nguyện theo sở cầu của bản thân. Trong sát na đang thực hiện việc lập tâm kỳ nguyện ấy, Lộ Trình Tâm chỗ gọi là **Lộ Trình Chuẩn Bị (Parikammavithi)** cũng sinh khởi một cách liên tục như thế này: Hữu Phần, Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ, Tâm Khai Ý Môn, 7 sát na Tâm Đồng Lực rồi Hữu Phần nối tiếp sinh khởi được rất nhiều vòng đến đổi đếm không xiết.

Khi sự lập tâm kỳ nguyện đã ổn thỏa, cũng nhập lại Thiền Cơ Bản lần nữa, chính thị là Ngũ Thiền Sắc Giới. Việc nhập Ngũ Thiền Sắc Giới lần thứ hai này, việc Nhập Thiền cũng có lẽ hiện hành trong cùng một phương thức tương tự với lần thứ 1. Khi xuất ra khỏi Ngũ Thiền rồi, Lộ Trình Thắng Trí cho được thành tựu theo việc đã lập tâm kỳ nguyện cũng sinh khởi như thế này: Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ, Tâm Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tòng, Chuyển Tộc, và 1 sát na Tâm Thắng Trí, rồi Tâm Hữu Phần sinh tiếp nối. Trong sát na Tâm Thắng Trí sinh khởi các sự việc theo bản thân đã lập tâm kỳ nguyện cho được thành tựu với mọi trường hợp.

Và người đang thụy mộng thiếp mật gọi là **Nhập Thiền Hữu Phần (Bhavaṅgasa māpatti)** không được. Nếu như sẽ gọi cũng có lẽ gọi là **Hữu Phần Ân Đức (Bhavaṅga patti)** hoặc **Hữu Phần An Lạc (Bhavaṅgapāta)** thôi, vì sự an lạc hữu quan với việc thụy mộng thiếp mật đây hiện hữu đối với chúng hữu tình. Thế nhưng từ ngữ **Samāpatti (Nhập Định, Thiền Định)** ý muốn nói là thâm nhập một cách hoan hỷ, thâm nhập một cách phù hợp, là có việc được tiếp thân Cảnh cao thượng, chúng hữu tình sẽ không thể nào thụ đắc sự an lạc loại này được.

68. Hỏi: Hãy trình bày Đồng Lực Kiên Cố sinh tiếp nối từ Đồng Lực Dục Giới như thế này: 1. Đại Thiện Tương Ứng Trí 2 Hỷ Thọ và 2 Xả Thọ, 2. Đại Duy Tác Tương Ứng Trí 2 Hỷ Thọ và 2 Xả Thọ, cùng với cử lệ từ câu kệ **Pāli** lên trình bày với.

68. Đáp: 1. Đồng Lực Kiên Cố sinh tiếp nối từ Đại Thiện Tương Ứng Trí Hỷ Thọ có 32, là: 4 Thiện Sắc Giới Hỷ Thọ, 16 Đạo Hỷ Thọ, 12 Quả Hỷ Thọ, gom thành 32.

Đồng Lực Kiên Cố sinh tiếp nối từ Đại Thiện Tương Ứng Trí Xả Thọ có 12, là: 5 Thiện Ngũ Thiền Hiệp Thế, 4 Đạo Ngũ Thiền Siêu Thế, 3 Quả Ngũ Thiền Siêu Thế Bậc Thập; gom thành 12.

2. Đồng Lực Kiên Cố sinh tiếp nối từ Đại Duy Tác Tương Ứng Trí có 8, là: 4 Duy Tác Sắc Giới Hỷ Thọ, 4 Quả Vô Sinh Hỷ Thọ, gom thành 8.

Đồng Lực Kiên Cố sinh tiếp nối từ Đại Duy Tác Tương Ứng Trí Xả Thọ có 6, là: 5 Duy Tác Ngũ Thiền, 1 Quả Vô Sinh Ngũ Thiền, gom thành 6.

Như có dẫn chứng câu kệ **Pāli** trình bày rằng:

**Dvattiṃsa sukhapuññamhā Dvādasopekkhakā param
Sukhitakriyato attha cha Sambhonti upekkhakā**

69. Hỏi: Hãy dịch và giải thích trong câu kệ như tiếp theo đây:

**Putthujjanāna sekkhānam KāmapunnatiHetuko
TiHetukāmakriyato Vitarāgānamappanā.**

69. Đáp: Dĩ hậu 4 Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí của Người Lợi Căn và 3 Bậc Quả Hữu Học sinh khởi, 44 Đồng Lực Kiên Cố thường sinh khởi theo. Dĩ hậu 4 Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí của Bậc Vô Sinh, 14 Đồng Lực Kiên Cố thường sinh khởi theo.

Giải thích: Nói rằng dĩ hậu 4 Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí của **Phàm Tam Nhân (Tihetukaputhujjana)** và **3 Bậc Quả Hữu Học (Phalasekkhapuggala)** sinh khởi rồi, 44 Đồng Lực Kiên Cố thường sinh khởi. Chỗ đề cập đến số lượng theo phần tập hợp khi chia 44 Đồng Lực Kiên Cố theo cả 4 hạng Người rồi cũng có như thế này: dĩ hậu Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí của **Phàm Tam Nhân (Tihetukaputhujjana)**, Đồng Lực Kiên Cố thường sinh được 14 là: 9 Thiện Đáo Đại, 5 Tâm Đạo Thất Lai } tập hợp thành 14.

Ý muốn nói là Phàm Tam Nhân này nếu như tiến hóa **An Chỉ Nghiệp Xứ (Samathakammaṭṭhāna)** cũng sẽ thành tựu **Sắc Giới Hạnh Vận Thiền Giả (Rūpajhānalābhīpuggala)** và **Vô Sắc Giới Hạnh Vận Thiền Giả (Arūpajhānalābhīpuggala)**. Nếu như tiến hóa **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ (Vipassanākammaṭṭhāna)** cũng sẽ thành tựu **Bậc**

Thất Lai (Sotāpanna). Dĩ hậu Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí của Bạc Thất Lai, Đồng Lực Kiên Cố thường sinh được 19 là: 9 Thiện Đáo Đại, 5 Tâm Đạo Nhất Lai, 5 Tâm Quả Thất Lai } gom thành 19.

Ý muốn nói là Bạc Thất Lai này nếu như tiến hóa An Chi Nghiệp Xứ rồi cũng sẽ thành tựu **Sắc Giới Hạnh Vận Thiền Giả** và **Vô Sắc Giới Hạnh Vận Thiền Giả**. Nếu như tiến hóa **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ** cũng sẽ thành tựu Bạc Nhất Lai. Dĩ hậu Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí của Bạc Nhất Lai, Đồng Lực Kiên Cố thường sinh được 19 là: 9 Thiện Đáo Đại, 5 Tâm Đạo Bất Lai, 5 Tâm Quả Nhất Lai } gom thành 19.

Ý muốn nói là Bạc Nhất Lai này nếu như tiến hóa An Chi Nghiệp Xứ rồi cũng sẽ thành tựu **Sắc Giới Hạnh Vận Thiền Giả** và **Vô Sắc Giới Hạnh Vận Thiền Giả**. Nếu như tiến hóa **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ** cũng sẽ thành tựu Bạc Bất Lai. Dĩ hậu Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí của Bạc Bất Lai, Đồng Lực Kiên Cố thường sinh được 19 là: 9 Thiện Đáo Đại, 5 Tâm Đạo Vô Sinh, 5 Tâm Quả Bất Lai } gom thành 19.

Ý muốn nói là Bạc Bất Lai này nếu như tiến hóa An Chi Nghiệp Xứ rồi cũng sẽ thành tựu **Sắc Giới Hạnh Vận Thiền Giả** và **Vô Sắc Giới Hạnh Vận Thiền Giả**. Nếu như tiến hóa **Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ** cũng sẽ thành tựu Bạc Vô Sinh. 14 Đồng Lực Kiên Cố sinh khởi dĩ hậu 4 Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí là: 9 Duy Tác Đáo Đại, 5 Tâm Quả Vô Sinh } gom thành 14.

Việc sinh khởi 14 Đồng Lực Kiên Cố đây có như thế này: Bạc Vô Sinh lần đầu đắc chứng Thiền Định, 9 Duy Tác Đáo Đại thường sinh khởi theo phía sau bất luận một Tâm Đồng Lực nào trong Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí nào diệt mất rồi trong Lộ Trình Sơ Khởi Thiền. Bạc Vô Sinh đắc chứng Thiền Định rồi; khi Nhập Thiền Định, 9 Duy Tác Đáo Đại thường sinh khởi theo phía sau từ bất luận một Tâm Đồng Lực nào trong Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí diệt mất rồi trong Lộ Trình Nhập Thiền.

Bạc Vô Sinh khi thực hiện Thắng Trí (thần thông), Duy Tác Ngũ Thiền Sắc Giới thường sinh khởi theo phía sau từ bất luận một Tâm Đồng Lực nào trong Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí diệt mất rồi trong Lộ Trình Thắng Trí. **Bạc Vô Sinh khi Nhập Thiền Diệt (1 Duy Tác Thiền Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ),** 9 Duy Tác Đáo Đại thường sinh khởi theo sau bất luận một Tâm Đồng Lực nào trong Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí diệt mất rồi trong Lộ Trình Nhập Thiền Diệt. **Bạc Vô Sinh khi Nhập Thiền Quả,** bất luận một Đồng Lực Quả Vô Sinh nào trong số lượng 5 Tâm Đồng Lực thường sinh khởi theo phía sau từ bất luận một Tâm Đồng Lực nào trong Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí diệt mất rồi trong Lộ Trình Nhập Thiền Quả.

70. Hỏi: Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Đạo có số lượng bao nhiêu, là những chi ? Và hãy chia 11 Tâm Na Cảnh theo Cảnh và Người theo thuận tự.

70. Đáp: Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Đạo có số lượng 368, là:
(1) Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Đạo Thất Lai có 92, (2) Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Đạo Nhất Lai có 92, (3) Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp

nổi từ Lộ Trình Đắc Đạo Bất Lai có 92, (4) Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Đạo Vô Sinh có 92, gom thành 368.

Trong 11 Tâm Na Cảnh ấy, theo Cảnh và Người như sau:

- 1 Tâm Di Thực Quả Bất Thiện Thâm Tấn Xả Thọ có 6 Cảnh Pháp Dục Giới ở phần Cảnh bất duyệt ý.

- 1 Tâm Di Thực Quả Thiện Thâm Tấn Xả Thọ, 4 Tâm Đại Quả Xả Thọ, gom 5 Tâm này có 6 Cảnh Pháp Dục Giới ở phần Cảnh trung bình duyệt ý.

- 1 Tâm Di Thực Quả Thâm Tấn Hỷ Thọ, 4 Tâm Đại Quả Hỷ Thọ, gom 5 Tâm này có 6 Cảnh Pháp Dục Giới ở phần Cảnh cực kỳ duyệt ý.

- 3 Tâm Na Cảnh Vô Nhân sinh được trong 8 hạng Người.

- 4 Tâm Na Cảnh Bất Tương Ứng Trí Hữu Nhân sinh được trong 7 hạng Người (trừ người Khổ Thú Vô Nhân).

- 4 Tâm Na Cảnh Tương Ứng Trí Hữu Nhân sinh được trong 5 hạng Người (trừ Người Khổ Thú Vô Nhân, Người Thiện Thú Vô Nhân, Người Nhị Nhân).

Ghi chú : Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Đạo Thất Lai có 92 ấy là: 1 Đạo Tư Khảo, 1 Quả, 1 Níp Bàn, gom 3×4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí = 12 Lộ. Tư Khảo Phiền Não phóng khí đi rồi và vẫn chưa được phóng khí có 10×8 Tâm Đại Thiện = 80 Lộ, gom thành 92. Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Đạo Thất Lai. Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ 92 Lộ Trình Đắc Đạo Nhất Lai, 92 Lộ Trình Đắc Đạo Bất Lai, cũng có lẽ nghĩ suy theo cùng một phương thức này với mọi điều kiện.

Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Đạo Vô Sinh có 92 ấy là:

- 1 Đạo Khảo Sát, 1 Quả, 1 Níp Bàn, gom 3×4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí ($3 \times 4 = 12$). Tư Khảo Phiền Não phóng khí đi rồi 10×8 Tâm Đại Duy Tác ($10 \times 8 = 80$), gom thành 92.

Đối với Lộ Trình Khảo Sát sinh tiếp nối từ Lộ Trình Đạo Vô Sinh này, không có việc tư khảo Phiền Não vẫn phần chưa được phóng khí; dù như thế nào đi nữa, Lộ Trình Khảo Sát hữu quan với việc tư khảo Phiền Não phải có 10, vì chính thị Phiền Não bị phóng khí có 10 loại.

71. Hỏi: Hãy trình bày Tâm Đồng Lực sinh khởi theo số lượng như tiếp theo đây, luôn cả chỉ dẫn Lộ Trình cho thấy với Đồng Lực này sinh khởi 1 sát na, 2 sát na, 3 sát na, 4 sát na, 5 sát na, 6 sát na, 7 sát na, 8 sát na trở đi.

71. Đáp: Đồng Lực sinh khởi 1 sát na có 26 Tâm, là: 9 Thiện Đáo Đại, 9 Duy Tác Đáo Đại trong Lộ Trình Sơ Khởi Thiện.

- 4 Tâm Đạo trong Lộ Trình Đắc Đạo.

- 2 Tâm Thắng Trí trong Lộ Trình Thắng Trí.

- 1 Tâm Quả Bất Lai, 1 Tâm Quả Vô Sinh trong sát na xuất khỏi Lộ Trình Nhập Thiện Diệt.

Đồng Lực sinh khởi 2 sát na có 6 Tâm, là: 4 Tâm Quả của Người Độn Căn trong Lộ Trình Đắc Đạo.

- 1 Tâm Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 1 Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ trong sát na nhập Lộ Trình Nhập Thiền Diệt.

Đồng Lực sinh khởi 3 sát na có 12 Tâm, là: 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí trong sát na thực hiện nhiệm vụ **Cận Hành Định (Upacārasamādhī)** trong Lộ Trình Đắc Đạo, Lộ Trình Sơ Khởi Thiền, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, Lộ Trình Nhập Thiền Định, **Lộ Trình Thiền Cơ Bản (Pāḍakajhānavithī)**, Lộ Trình Thắng Trí và Lộ Trình Nhập Thiền Diệt của **Người Lợi Căn (Tikkhapuggala)**.

- 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí trong sát na thực hiện nhiệm vụ Cận Hành Định trong Lộ Trình Sơ Khởi Thiền, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, Lộ Trình Nhập Thiền Định, Lộ Trình Thiền Cơ Bản, Lộ Trình Thắng Trí và Lộ Trình Nhập Thiền Diệt của Người Lợi Căn, 4 Tâm Quả trong Lộ Trình Đắc Đạo của Người Lợi Căn.

Đồng Lực sinh khởi 4 sát na có 8 Tâm, là: 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí trong sát na thực hiện nhiệm vụ Cận Hành Định trong Lộ Trình Đắc Đạo, Lộ Trình Sơ Khởi Thiền, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, Lộ Trình Nhập Thiền Định, Lộ Trình Thiền Cơ Bản, Lộ Trình Thắng Trí, Lộ Trình Nhập Thiền Diệt của Người Lợi Căn.

4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí trong sát na thực hiện nhiệm vụ Cận Hành Định trong Lộ Trình Sơ Khởi Thiền, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, Lộ Trình Nhập Thiền Định, Lộ Trình Thiền Cơ Bản, Lộ Trình Thắng Trí, Lộ Trình Nhập Thiền Diệt của Người Lợi Căn; cùng với thực hiện nhiệm vụ Lộ Trình Khảo Sát của Bậc Chánh Đẳng Giác trong sát na lập ý hiện bày Thần Túc Thắng Trí có sự tất yếu sẽ phải thực hiện một cách tấn tốc, như sát na đang lập ý hiện bày **Song Đôi Thắng Trí (Yamakaṇṭhāriya)** v.v.

Đồng Lực sinh khởi 5 sát na có 29 Tâm là: 29 Đồng Lực Dục Giới sinh khởi trong **thời gian cận tử lâm chung (Marāṇāsannakāla)**, trong **thời gian trầm mị (Mucchākāla)**, trong **thời gian hôn mê bất tỉnh (Visaṇṇībhūtakāla – Thất Khứ Trí Giác)**, và trong **thời gian Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** có **năng lực yếu kém (Atitaruṇakāla)** [đối với **thời gian Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa)** có **năng lực yếu kém (Atitaruṇakāla)** phải trừ 8 Tâm Đại Duy Tác, 1 Tâm Tiểu Sinh].

4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí thực hiện nhiệm vụ Lộ Trình Khảo Sát của Bậc Thánh Văn Giác trong sát na lập ý hiện bày Thần Túc Thắng Trí hữu quan với tình huống đặc thù.

Đồng Lực sinh khởi 6 sát na có 29 Tâm, là: 29 Đồng Lực Dục Giới trong Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại, Lộ Trình Cảnh Cự Đại, Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiện, Lộ Trình Cảnh Minh Hiện trong Thời Kỳ Chuyển Khởi.

Đồng Lực sinh khởi 7 sát na có 29 Tâm, là: 29 Đồng Lực Dục Giới trong Lộ Trình Cảnh Cự Đại và Lộ Trình Cảnh Minh Hiện, trong Thời Kỳ Chuyển Khởi.

Đồng Lực sinh khởi 8 sát na trở đi có 22 Tâm, là: 22 Đồng Lực Kiên Cố (trừ Đồng Lực Đạo, Đồng Lực Thắng Trí) trong sát na Nhập Thiền Định và Nhập Thiền Quả; 1 Thiện – 1 Duy Tác Ngũ Thiền Sắc Giới trong Lộ Trình Thiền Cơ Bản.

72. Hỏi: Thông thường Đồng Lực Kiên Cố sinh một cách hy thiếu chỉ được 1 lần cũng có, một cách cự đa tính không xiết cũng có. Thế nhưng Đồng Lực Đại Thiện – Đại Duy Tác sinh một cách hy thiếu chỉ được 3 sát na, một cách cự đa chỉ 7 sát na trong mỗi một Lộ Trình. Là như vậy vì nguyên nhân nào ? và hãy nêu lý do trong việc Đồng Lực Bất Thiện sinh ít hơn năm lần không có, lên trình bày cho giải thích chuẩn xác với.

72. Đáp: Thông thường Đồng Lực Kiên Cố sinh một cách hy thiếu chỉ được 1 lần, vì Đồng Lực Kiên Cố này thực hiện nhiệm vụ của mình cho được thành tựu việc triệt hạ, đề cập là Đồng Lực Kiên Cố sinh trong Lộ Trình Sơ Khởi Thiện có việc sản trừ tuyệt đối **Dục chủng tộc (Kāmagotra)** và thâm nhập **Đáo Đại (Mahaggata)**; sinh trong Lộ Trình Đắc Đạo cũng sản trừ Phiền Não và Nhân chủng tộc cho kiệt tận rồi thâm nhập **Bậc Thánh Nhân (Ariyapuggala)**; sinh trong Lộ Trình Thắng Trí cũng cho thành tựu các thần túc thông theo sở cầu của hành giả, vì thế mới bắt tất yếu sẽ cần phải sinh nhiều lần.

Còn Đồng Lực Kiên Cố sinh một cách cự đa cho đến không thể đếm xiết, vì hiện hành theo sở nguyện của hành giả có chủng tộc Đáo Đại hoặc Thánh Tộc có sự sở cầu sẽ thụ hưởng **An Lạc Thiện (Jhānasukha)** hoặc **An Lạc Giải Thoát (Vimuttisukha)**.

Đối với Đồng Lực Đại Thiện và Đồng Lực Đại Duy Tác sinh được một cách hy thiếu 3 sát na, một cách cự đa 7 sát na, vì Đại Thiện và Đại Duy Tác này là Đồng Lực Dục Giới của người Lợi Căn có Đồng Lực Kiên Cố sinh khởi tiếp nối nhau trong độc nhất một Lộ Trình, vì thế mới sinh được một cách hy thiếu chỉ 3 sát na. Còn việc sinh khởi được một cách cự đa chỉ 7 sát na, vì Đồng Lực Dục Giới này sinh khởi một Cảnh duy nhất nối tiếp nhau một cách vô gián đoạn tương tự với Đồng Lực Kiên Cố ấy là không được, vì có pháp lực ít ví tựa như hạt giống rất nhỏ bé và yếu kém, cho dù có được gieo trồng trong vùng đất tốt hoặc xấu đi nữa, khi mầm đâm chồi lên thành cây thì cũng theo đặc tánh của chủng tử hạt giống ấy, chẳng phải sẽ làm cho to lớn ví tựa như thành cây bồ đề sinh từ hạt giống lớn mạnh cũng không có được.

Còn Đồng Lực Bất Thiện sinh ít hơn 5 lần không được đó, vì Đồng Lực Bất Thiện này không có Đồng Lực Kiên Cố sanh tiếp nối, luôn cả không có nhiệm vụ sẽ sinh khởi trong Lộ Trình Khảo Sát, vì thế mới không có sinh ít hơn 5 lần.

73. Hỏi: Lộ Ngũ Môn có Tâm Lộ Trình sinh được đến 7 thể loại có Tâm Khai Ngũ Môn v.v. cho đến Tâm Na Cảnh là nơi cuối cùng, thế nhưng đối với Lộ Ý Môn có Tâm Lộ Trình sinh được chỉ 3 thể loại là Khai Ý Môn, Đồng Lực, Na Cảnh; là như vậy vì nguyên nhân nào ? và hãy phân chia 55 Tâm Đồng Lực theo Địa Giới và theo 12 hạng Người.

73. Đáp: Lộ Trình Ngũ Môn có Tâm Lộ Trình sinh được đến 7 thể loại, còn ở Lộ ý Môn có Tâm Lộ Trình chỉ sinh được 3 thể loại; tất cả này cũng bởi vì năng lực Lộ Ngũ Môn và Lộ Ý Môn sai biệt nhau là Lộ Ngũ Môn là Sắc Pháp có ít năng lực, Lộ Ý Môn là Danh Pháp có nhiều năng lực, và Tâm Lộ Trình sinh ở Lộ Ngũ Môn y cứ Cảnh là chủ yếu, vì thế mới có Tâm Lộ Trình sinh khởi tiếp nối các Cảnh tiếp nối nhau đến nhiều thể loại, Tâm Đồng Lực sẽ có khả năng sinh khởi được.

Tâm Lộ Trình sinh ở Lộ Ý Môn chẳng có chủ yếu y cứ Cảnh, chỉ y cứ Tâm ở phần Danh Pháp là chủ yếu, vì thế Tâm Đồng Lực mới sinh khởi được mà bất tất yếu y cứ các Tâm Lộ Trình khác đến bang trợ. Khi Khai Ý Môn thực hiện nhiệm vụ tư khảo Cảnh mới, phóng khí Cảnh cũ, rồi Đồng Lực cũng có khả năng sinh khởi tiếp thân Cảnh được lập tức.

Trong 55 Tâm Đồng Lực ấy, khi phân chia theo Địa Giới có như thế này:

1. Đồng Lực sinh trong 4 Thống Khố Địa Giới có 20, là 12 Đồng Lực Bất Thiện, 8 Đồng Lực Đại Thiện.

2. Đồng Lực sinh trong 7 Thiện Dục Địa Giới có 7, được cả 55 Tâm.

3. Đồng Lực sinh trong 10 Sắc Địa Giới (trừ Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, 1 Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) có 53 Tâm, là: 10 Đồng Lực Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Sân), 1 Đồng Lực Tiểu Sinh, 8 Đồng Lực Đại Thiện, 8 Đồng Lực Đại Duy Tác, 9 Đồng Lực Thiện Đáo Đại, 9 Đồng Lực Duy Tác Đáo Đại, 8 Đồng Lực Siêu Thế.

4. Đồng Lực sinh trong 5 Tịnh Cư Phạm Thiên Giới có 43 Tâm, là: 4 Đồng Lực Bất Tương Ứng Tà Kiến, 1 Đồng Lực Tương Ứng Trạo Cử, 1 Đồng Lực Tiểu Sinh, 8 Đồng Lực Đại Thiện, 8 Đồng Lực Đại Duy Tác, 9 Đồng Lực Thiện Đáo Đại, 9 Đồng Lực Duy Tác Đáo Đại, 3 Đồng Lực Siêu Thế ấy là 1 Tâm Quả Bất Lai, 1 Tâm Đạo Vô Sinh, 1 Tâm Quả Vô Sinh.

5. Không có Đồng Lực sinh trong Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới.

6. Đồng Lực sinh trong Không Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới có 41 Tâm, là: 10 Đồng Lực Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Sân), 8 Đồng Lực Đại Thiện, 8 Đồng Lực Đại Duy Tác, 4 Đồng Lực Thiện Vô Sắc, 4 Đồng Lực Duy Tác Vô Sắc, 7 Tâm Đồng Lực Siêu Thế (trừ Tâm Đạo Thất Lai).

7. Đồng Lực sinh trong Thức Vô Biên Xứ Phạm Thiên Giới có 38 Tâm, là: 10 Đồng Lực Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Sân), 8 Đồng Lực Đại Thiện, 8 Đồng Lực Đại Duy Tác, 6 Đồng Lực Vô Sắc (trừ Thiện – Duy Tác Không Vô Biên Xứ), 7 Đồng Lực Siêu Thế (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai).

8. Đồng Lực sinh trong Vô Sở Hữu Xứ Phạm Thiên Giới có 37 Tâm, là: 10 Đồng Lực Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Sân), 8 Đồng Lực Đại Thiện, 8 Đồng Lực Đại Duy Tác, 4 Đồng Lực Vô Sắc ấy là Thiện – Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ, và Thiện – Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 7 Đồng Lực Siêu Thế (trừ Đạo Thất Lai).

9. Đồng Lực sinh trong Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Phạm Thiên Giới có 35 Tâm, là: 10 Đồng Lực Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Sân), 8 Đồng Lực Đại Thiện, 8 Đồng Lực Đại Duy Tác, 2 Đồng Lực Vô Sắc là Thiện – Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 7 Đồng Lực Siêu Thế (trừ Đạo Thất Lai).

Phân chia 55 Đồng Lực theo 12 hạng Người có như thế này:

1. 1 Người Khổ Thú Vô Nhân, 1 Người Thiện Thú Vô Nhân, 1 Người Nhị Nhân được 20 Đồng Lực, là: 12 Đồng Lực Bất Thiện, 8 Đồng Lực Đại Thiện.

2. 1 Phạm Tam Nhân được 29 Đồng Lực, là: 12 Đồng Lực Bất Thiện, 8 Đồng Lực Đại Thiện, 9 Đồng Lực Thiện Đáo Đại.

3. 1 Người Quả Thất Lai được 25 Đồng Lực, là: 7 Đồng Lực Bất Thiện (trừ 4 Tâm Tương Ứng Tà Kiến, 1 Tâm Đồng Lực Tương Ứng Hoài Nghi), 8 Đồng Lực Đại Thiện, 9 Đồng Lực Thiện Đáo Đại, 1 Đồng Lực Quả Thất Lai.

4. 1 Người Quả Nhất Lai được 25 Đồng Lực, là: 7 Đồng Lực Bất Thiện (trừ 4 Tâm Tương Ứng Tà Kiến, 1 Tâm Đồng Lực Tương Ứng Hoài Nghi), 8 Đồng Lực Đại Thiện, 9 Đồng Lực Thiện Đáo Đại, 1 Đồng Lực Quả Nhất Lai.

5. 1 Người Quả Bất Lai được 23 Đồng Lực, là: 4 Tâm Đồng Lực Bất Tương Ứng Tà Kiến, 1 Tâm Đồng Lực Tương Ứng Trạo Cử, 8 Đồng Lực Đại Thiện, 9 Đồng Lực Thiện Đáo Đại, 1 Đồng Lực Quả Bất Lai.

6. 1 Người Quả Vô Sinh được 19 Đồng Lực, là: 1 Đồng Lực Tiểu Sinh, 8 Đồng Lực Đại Duy Tác, 9 Đồng Lực Duy Tác Đáo Đại, 1 Đồng Lực Quả Vô Sinh.

7. 1 Người Đạo Thất Lai được 1 Đồng Lực Đạo Thất Lai.

8. 1 Người Đạo Nhất Lai được 1 Đồng Lực Đạo Nhất Lai.

9. 1 Người Đạo Bất Lai được 1 Tâm Đồng Lực Đạo Bất Lai.

10. 1 Người Đạo Vô Sinh được 1 Tâm Đồng Lực Đạo Vô Sinh.

74. Hỏi: Hãy trình bày số lượng Lộ Trình Cận Tử như tiếp theo đây:

1. Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn (Pañcadvāramaraṇāsannavithī).

2. Lộ Trình Cận Tử Ý Môn (Manodvāramaraṇāsannavithī).

74. Đáp: 1. Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn có 20, là trong Lộ Trình Cận Tử Nhân Môn có 4, đó là:

1. Đồng Lực, Na Cảnh, Hữu Phần, Tử,

2. Đồng Lực, Na Cảnh, Tử,

3. Đồng Lực, Hữu Phần, Tử,

4. Đồng Lực, Tử.

Trong Lộ Trình Cận Tử Nhĩ Môn, trong Lộ Trình Cận Tử Ty Môn, trong Lộ Trình Cận Tử Thiệt Môn, trong Lộ Trình Cận Tử Thân Môn, cũng có 4 thể loại tương tự như nhau, gom thành 20.

Ghi chú: Các Bậc Bất Lai và Bậc Vô Sinh không có tử vong và việc viên tịch Níp Bàn ở Lộ Ngũ Môn.

2. Lộ Trình Cận Tử Ý Môn có 2 thể loại, là:

a. Lộ Trình Cận Tử Ý Môn của Phạm Phu và ba Bậc Quả Hữu Học.

b. Lộ Trình Cận Tử Ý Môn của Bậc Vô Sinh.

Lộ Trình Cận Tử Ý Môn của 4 Phạm Phu và 3 Bậc Quả Hữu Học có 4 thể loại, là:

1. Đồng Lực, Na Cảnh, Hữu Phần, Tử,

2. Đồng Lực, Na Cảnh, Tử,

3. Đồng Lực, Hữu Phần, Tử,

4. Đồng Lực, Tử.

Ghi chú: Trong Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn và Lộ Trình Cận Tử Ý Môn theo như đã được trình bày rồi, cũng có được Lộ Trình có Hữu Phần Khách, thế nhưng bất tất yếu sẽ cần phải tính số lượng đến để trình bày trong chỗ này.

Lộ Trình Cận Tử Ý Môn của Bạc Vô Sinh chia ra thành 2 nhóm, là:

a. một nhóm là Tâm viên tịch Níp Bàn sinh tiếp nối từ Đồng Lực Dục Giới.

b. một nhóm là Tâm viên tịch Níp Bàn sinh tiếp nối từ Đồng Lực Kiên Cố.

Tâm viên tịch Níp Bàn sinh tiếp nối từ Đồng Lực Dục Giới là Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn thông thường, Tâm viên tịch Níp Bàn sinh tiếp nối từ Đồng Lực Kiên Cố là Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn đặc biệt; trong cả 2 thể loại Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn, **Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn thông thường có 4 thể loại**, là:

1. Đồng Lực, Na Cảnh, Hữu Phần, Tử,
2. Đồng Lực, Na Cảnh, Tử,
3. Đồng Lực, Hữu Phần, Tử,
4. Đồng Lực, Tử.

Còn Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn đặc biệt có 4 thể loại, là:

1. **Lộ Trình Đăng Liên Thiên (Jhānasamanantaravithī).**
2. **Lộ Trình Đăng Liên Khảo Sát (Paccavekkhaṇasamanantaravithī)**
3. **Lộ Trình Đăng Liên Thắng Trí (Abhiññāsamānāntaravithī).**
4. **Lộ Trình Đắc Đạo Tuyệt Mệnh (Jīvitasamasāsivithī).**

1. Lộ Trình Đăng Liên Thiên có 36 là: (1) Thiên, Tử; (2) Thiên, Hữu Phần, Tử, gom thành 2 Lộ Trình; cả 2 Lộ Trình này x với Duy Tác Đáo Đại 2 x 9 thành 18, cả 18 Lộ Trình này x với Người Lợi Căn và Người Độn Căn 2 x 18 gom thành 36 Lộ Trình Đăng Liên Thiên.

2. Lộ Trình Đăng Liên Khảo Sát có 48 là: (1) Đồng Lực, Tử; (2) Đồng Lực, Hữu Phần, Tử, gom thành 2 Lộ Trình; cả 2 Lộ Trình này sinh khởi trong sát na tư khảo Chi Thiên có Tầm v.v. vì thế Lộ Trình Đăng Liên Khảo Sát sinh tiếp nối từ Duy Tác Sơ Thiên có 10, Lộ Trình Đăng Liên Khảo Sát sinh tiếp nối từ Duy Tác Nhị Thiên có 8, Lộ Trình Đăng Liên Khảo Sát sinh tiếp nối từ Duy Tác Tam Thiên có 6, Lộ Trình Đăng Liên Khảo Sát sinh tiếp nối từ Duy Tác Tứ Thiên có 4, Lộ Trình Đăng Liên Khảo Sát sinh tiếp nối từ Duy Tác Ngũ Thiên có 20, gom thành 48 Lộ Trình Đăng Liên Khảo Sát.

3. Lộ Trình Đăng Liên Thắng Trí có 4 thể loại, là: (a) Duy Tác Thắng Trí, Tử; (b) Duy Tác Thắng Trí, Hữu Phần, Tử, gom thành 2 Lộ Trình, cả 2 Lộ Trình này x với Người Lợi Căn và Người Độn Căn 2 x 2 gom thành 4 Lộ Trình Đăng Liên Thắng Trí.

4. Lộ Trình Đắc Đạo Tuyệt Mệnh có 22, là việc tư khảo Đạo, Quả, Níp Bàn rồi viên tịch Níp Bàn. Tâm Lộ Trình sinh là Đồng Lực, Tử, có 1 Lộ Trình.

Việc tư khảo Đạo, Quả, Níp Bàn rồi đến Hữu Phần, tiếp nối Tâm Tử viên tịch Níp Bàn sinh là Đồng Lực, Hữu Phần, Tử, có 1 Lộ Trình.

Việc tư khảo 10 Phiền Nã phóng khí đi rồi, tiếp nối đến Tâm Tử viên tịch Níp Bàn sinh là Đồng Lực, Tử, có 10 Lộ Trình.

Việc tư khảo 10 Phiền Nảo phóng khí đi rồi đến Hữu Phần, tiếp nối đến Tâm Tử viên tịch Níp Bàn là Đồng Lực, Hữu Phần, Tử, có 10 Lộ Trình, gom thành 22 Lộ Trình Đắc Đạo Tuyệt Mệnh.

Cả 2 thể loại trong 22 Lộ Trình Cận Tử này, bất luận một thể loại nào hữu quan với việc tư khảo Đạo, Quả, Níp Bàn ấy là sinh khởi một cách nhất định với **Bậc Đắc Đạo Tuyệt Mệnh (Jīvitasamasīpuggala)**; còn 20 Lộ Trình còn lại hữu quan với việc tư khảo 10 Phiền Nảo phóng khí đi rồi ấy là sinh khởi bất định; tập hợp hết cả Lộ Trình Cận Tử có số lượng 138 là: (1) Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn có 20, (2) Lộ Trình Cận Tử Ý Môn của 4 Phạm Phu và 3 Bậc Quả Hữu Học có 4, (3) Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn thông thường có 4, (4) Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn đặc biệt có 110.

75. Hỏi: Đồng Lực Dục Giới với Đồng Lực Kiên Cố sinh khởi trong cùng một Lộ Trình được hay không ? Nếu như sinh được sinh trong Lộ Trình chi ? Và trong sát na sinh trong cùng một Lộ Trình ấy, Cảnh của Đồng Lực Dục Giới với Đồng Lực Kiên Cố tương tự hoặc sai biệt, cho giải thích ?

75. Đáp: Đồng Lực Dục Giới và Đồng Lực Kiên Cố sinh được trong cùng một Lộ Trình, là Lộ Trình Sơ Khởi Thiền, Lộ Trình Nhập Thiền Định, Lộ Trình Thiền Cơ Bản, Lộ Trình Thắng Trí, Lộ Trình Đắc Đạo, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, Lộ Trình Nhập Thiền Diệt, và trong sát na sinh trong cùng một Lộ Trình với nhau, Cảnh của Đồng Lực Dục Giới với Đồng Lực Kiên Cố tương tự cũng có, sai biệt cũng có, hỗn tạp nhau đề cập là phần tương tự, phần sai biệt trong cùng một Lộ Trình cũng có.

Phần tương tự ấy là Đồng Lực Dục Giới với Đồng Lực Kiên Cố trong Lộ Trình Sơ Khởi Thiền, Lộ Trình Nhập Thiền Định, Lộ Trình Thiền Cơ Bản, Lộ Trình Thắng Trí, Lộ Trình Nhập Thiền Diệt, có Cảnh là Chế Định và Siêu Lý có cùng một loại Nghiệp Xứ

Phần bất tương tự ấy là Đồng Lực Dục Giới với Đồng Lực Kiên Cố trong Lộ Trình Nhập Thiền Quả là Đồng Lực Dục Giới có **Pháp Hữu Vi Danh Sắc (Saṅkhatadhamma rūpanāma)** làm Cảnh, còn Tâm Quả có **Pháp Vô Vi (Asaṅkhatadhamma)** làm Cảnh.

Phần hỗn tạp trong cùng một Lộ Trình ấy là Lộ Trình Đắc Đạo, là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng, có Pháp Hữu Vi Danh Sắc làm Cảnh. Chuyển Tộc, Dữ Tịnh, và Tâm Đạo, Tâm Quả có Pháp Vô Vi làm Cảnh.

Ghi chú: Tâm Quả Bất Lai, Tâm Quả Vô Sinh sinh khởi trong sát na xuất khỏi Thiền Diệt ấy, cho dù sẽ có Cảnh sai biệt với Đồng Lực Thiện Hiệp Thế - Bất Thiện – Duy Tác đi nữa, thế nhưng bất hữu quan vì xuất khỏi Thiền Diệt rồi.

76. Hỏi: Các Giáo Thọ Sư có sự hiểu biết trong việc hiện hành của các thể loại Tâm Lộ Trình ấy, nói rằng theo thông thường Tâm Lộ Trình ấy khi sinh khởi tiếp thu Cảnh sẽ cần phải có Khai Môn là người chỉ đạo cho Cảnh, sẽ không loại trừ Khai Môn được. Ngài nói như vậy sẽ hiện hành chung trong khắp cả Lộ Trình được hay không, hãy giải thích ? cùng với dịch câu kệ như tiếp theo đây:

Nirāvajjāṃ kathāṃ cittāṃ

Hoti netāṃ hi sammataṃ

76. Đáp: Ngài nói như thế ấy sẽ không hiện hành trong khắp cả Lộ Trình được, có lẽ chỉ hiện hành duy nhất trong Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới không có **Tâm Hữu Phần Khách (Āgantukabhavaṅgacitta)**. Thế nhưng, các Giáo Thọ Sư nói như thế ấy, cũng vì Ngài lập ý đặc biệt chỉ lấy Lộ Trình đã đề cập đến ở đây thôi, bởi vì Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới có **Hữu Phần Khách (Āgantukabhavaṅga)**, là người thay thế Na Cảnh, đơn độc tự sinh khởi tiếp thân Cảnh một mình mà không cần phải y cứ Khai Môn là người chỉ đạo bất luận điều nào; hoặc là Tâm Chuyển Tộc, Tâm Dữ Tịnh trong Lộ Trình Đắc Đạo; Tâm Quả trong Lộ Trình Nhập Thiền Quả; Tâm Quả Bất Lai, Tâm Quả Vô Sinh sinh khởi lần đầu tiên trong sát na xuất khỏi Thiền Diệt, các loại Tâm Lộ Trình này đơn độc tự mình sinh khởi tiếp thân Cảnh, không cần phải y cứ Khai Môn bất luận điều nào, vì thế nên hiểu biết được rằng lời đề cập của các Giáo Thọ Sư là không lập ý đến khắp cả Lộ Trình được.

Câu kệ này dịch nghĩa là: loại trừ Khai Môn đi rồi, Tâm Lộ Trình sẽ sinh khởi được như thế nào và các Giáo Thọ Sư cổ đại cũng không có đề cập đến việc sinh khởi của Tâm Lộ Trình mà không có Khai Môn có đúng không ? Giải đáp rằng không có việc đặt ra một chuẩn tắc nào cho Tâm Lộ Trình nếu loại trừ Khai Môn rồi, thường không sinh khởi được, vì trông thấy việc sinh khởi một cách không có Khai Môn của Tâm Quả Bất Lai – Tâm Quả Vô Sinh của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt.

77. Hỏi: Hãy dịch cả hai câu kệ như tiếp theo đây:

Kāme javanasattālam

banānaṃ niyame sati

Vibhūte timahanteca

Tadārammaṇamīritam

Sattakkhatkhum parittāni

Maggābhiññā sakim matā

Avasesāni labbhanti

Javanāni bahūnipi

77. Đáp: Câu kệ thứ nhất dịch nghĩa là: các Giáo Thọ Sư nói rằng việc quy định cả 3 Chi là Đồng Lực, Hữu Tình, Cảnh với tính liên quán trong Dục Địa Giới, khi hoàn toàn tẻ bị rồi, Cảnh Cực Kỳ Minh Hiện và Cảnh Cực Kỳ Cự Đại, Na Cảnh thường được sinh khởi.

Câu kệ thứ hai dịch nghĩa là: các học giả nên biết rằng Đồng Lực Dục Giới chỉ sinh được tối đa 7 lần. Tâm Đồng Lực Đạo và Tâm Đồng Lực Thắng Trí chỉ sinh được độc nhất một lần thôi. Đồng Lực còn lại, ấy là Đồng Lực Thiền và Đồng Lực Quả dù sinh bao nhiêu lần cũng được.

78. Hỏi: Tâm Lộ Trình và Tâm thoát ly Lộ Trình khi tập hợp rồi có số lượng bao nhiêu, là những chi ? Và hãy phân chia các loại Tâm Lộ Trình, Tâm thoát ly Lộ Trình này theo Địa Giới, theo 12 hạng Người ?

78. Đáp: Tâm Lộ Trình và Tâm thoát ly Lộ Trình, khi tập hợp rồi có số lượng 89, là: 80 Tâm Lộ Trình đó là: 54 Tâm Dục Giới, 9 Thiện Đáo Đại, 9 Duy Tác Đáo Đại, 8 Siêu Thế. 19 Tâm thoát ly Lộ Trình đó là: 2 Thảm Tán Xả Thọ, 8 Đại Quả, 9 Dị Thục Quả Đáo Đại.

Trong số lượng 80 Tâm Lộ Trình và 19 Tâm thoát ly Lộ Trình đây, 2 Tâm Thảm Tán Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả, tập hợp 10 Tâm này tổng hợp vào được cả 2 phía, vì thế Tâm Lộ Trình và Tâm thoát ly Lộ Trình, khi tập hợp rồi cũng có lẽ chính thị là 89 Tâm, và Tâm hiện hữu một cách đặc biệt ngoài ra cả hai Tâm Lộ Trình và Tâm thoát ly Lộ Trình này rồi thường không có.

PHÂN CHIA 80 TÂM LỘ TRÌNH THEO ĐỊA GIỚI NHƯ THẾ NÀY:

Trong 11 Dục Địa Giới có Tâm Lộ Trình sinh được cả 80. **Trong 15 Sắc Địa Giới** (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) có Tâm Lộ Trình sinh được 64, là 38 Tâm Dục Giới (trừ 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm Tỵ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức, 8 Tâm Đại Quả), 9 Thiện Đáo Đại, 9 Duy Tác Đáo Đại, 8 Siêu Thế. **Trong 4 Vô Sắc Địa Giới** có Tâm Lộ Trình sinh được 42, là 10 Tâm Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Sân), 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Đại Thiện, 8 Đại Duy Tác, 4 Thiện Vô Sắc Giới, 4 Duy Tác Vô Sắc Giới, 7 Siêu Thế (trừ Đạo Thất Lai).

PHÂN CHIA 80 TÂM LỘ TRÌNH THEO 12 HẠNG NGƯỜI NHƯ THẾ NÀY:

1 Người Khô Thú Vô Nhân có Tâm Lộ Trình sinh được 37, là 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Vô Nhân (trừ Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện.

1 Người Thiện Thú Vô Nhân, 1 Người Nhị Nhân có Tâm Lộ Trình sinh được 41, là 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Vô Nhân (trừ Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí.

1 Người Phàm Tam Nhân có Tâm Lộ Trình sinh được 54, là 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Vô Nhân (trừ Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Thiện Đáo Đại.

1 Bậc Thất Lai, 1 Bậc Nhất Lai có Tâm Lộ Trình sinh được 50, là 7 Tâm Bất Thiện (trừ 4 Tâm Tương Ứng Kiến, 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi), 17 Tâm Vô Nhân (trừ Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Thiện Đáo Đại và 1 Tâm Quả Thất Lai với Bậc Thất Lai, và 1 Tâm Quả Nhất Lai với Bậc Nhất Lai.

1 Bậc Bất Lai có Tâm Lộ Trình sinh được 48, là 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến, 1 Tâm Tương Ứng Trạo Cử, 17 Tâm Vô Nhân (trừ Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 1 Tâm Quả Bất Lai.

1 Bậc Vô Sinh có được Tâm Lộ Trình sinh được 44, là 18 Tâm Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 1 Tâm Quả Vô Sinh.

Còn Tâm Lộ Trình sinh với 4 Người Đạo có số lượng theo từng mỗi Người, đó là 4 Tâm Đạo một cách đặc biệt của từng mỗi Người.

PHÂN CHIA 19 TÂM THOÁT LY LỘ TRÌNH THEO ĐỊA GIỚI NHƯ THẾ NÀY:

4 Thống Khổ Địa Giới được 1 Tâm thoát ly Lộ Trình, là Tâm Di Thực Quả Bất Thiện Thảm Tấn Xả Thọ.

1 Nhân Loại Địa Giới, 1 Tứ Đại Thiên Vương Địa Giới được 9 Tâm thoát ly Lộ Trình, là 1 Tâm Quả Thiện Thảm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả.

5 Thiên Địa Giới bậc trên, có Đạo Lợi Thiên Giới trở đi được 8 Tâm thoát ly Lộ Trình, là 8 Tâm Đại Quả.

Trong 3 Sơ Thiên Địa Giới được 1 Tâm thoát ly Lộ Trình, là 1 Tâm Quả Sơ Thiên.

Trong 3 Nhị Thiên Địa Giới được 2 Tâm thoát ly Lộ Trình, là 1 Tâm Quả Nhị Thiên, 1 Tâm Quả Tam Thiên.

Trong 3 Tam Thiên Địa Giới được 1 Tâm thoát ly Lộ Trình, là 1 Tâm Quả Tứ Thiên.

Trong 6 Tứ Thiên Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) được 1 Tâm thoát ly Lộ Trình, là 1 Tâm Quả Ngũ Thiên Sắc Giới.

Trong 1 Không Vô Biên Xứ Địa Giới được 1 Tâm thoát ly Lộ Trình, là 1 Tâm Quả Không Vô Biên Xứ.

Trong Thức Vô Biên Xứ Địa Giới được 1 Tâm thoát ly Lộ Trình, là 1 Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ.

Trong Vô Sở Hữu Xứ Địa Giới được 1 Tâm thoát ly Lộ Trình, là 1 Tâm Quả Vô Sở Hữu Xứ.

Trong Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Địa Giới được 1 Tâm thoát ly Lộ Trình, là 1 Tâm Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

PHÂN CHIA 19 TÂM THOÁT LY LỘ TRÌNH THEO NGƯỜI NHƯ THẾ NÀY:

1 Người Khổ Thú Vô Nhân được 1 Tâm thoát ly Lộ Trình, là 1 Tâm Quả Bất Thiện Thảm Tấn Xả Thọ.

1 Người Thiện Thú Vô Nhân được 1 Tâm thoát ly Lộ Trình, là 1 Tâm Quả Thiện Thảm Tấn Xả Thọ.

1 Người Nhị Nhân được 4 Tâm thoát ly Lộ Trình, là bất luận một trong 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí.

1 Người Phàm Tam Nhân, 4 Bậc Thánh Quả trong Dục Địa Giới được 4 Tâm thoát ly Lộ Trình, là bất luận một trong 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí.

1 Người Phàm Tam Nhân, 4 Bậc Thánh Quả trong 15 Sắc Địa Giới được 5 Tâm thoát ly Lộ Trình, là bất luận một trong 5 Tâm Quả Sắc Giới tùy theo mỗi Địa Giới.

1 Người Phàm Tam Nhân, 4 Bậc Thánh Quả trong 4 Vô Sắc Địa Giới được 4 Tâm thoát ly Lộ Trình, là bất luận một trong 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới tùy theo mỗi Địa Giới.

79. Hỏi: Hãy dịch cả hai bài kệ như tiếp theo đây:

Asekkhānaṃ catucattā

Cha paññāsāvasesānaṃ

Asīti vithicittāni

līsa sekkhānamuddise

Catupaññāsa sambhavā

Kāmerūpe yathārahaṃ

79. Đáp: Câu kệ thứ nhất dịch nghĩa là: trình bày số lượng Tâm Lộ Trình sinh khởi được một cách thích hợp là: trong bốn tính các Bạc Vô Học có cự đa 44 Tâm, trong bốn tính các Bạc Hữu Học có 56, trong bốn tính các hạng Phàm Phu có cự đa 45 Tâm.

Câu kệ thứ hai dịch nghĩa là: trong 11 Dục Địa Giới, 80 Tâm Lộ Trình thường sinh khởi được một cách thích hợp với Người. Trong 15 Sắc Địa Giới, 64 Tâm Lộ Trình thường sinh khởi được một cách thích hợp với Người. Còn trong 4 Vô Sắc Địa Giới, 42 Tâm Lộ Trình thường sinh khởi được một cách thích hợp với Người.

80. Hỏi: Hãy trình bày Tâm sinh khởi trong các hạng Người như tiếp theo đây: (1) Người Khổ Thú Vô Nhân, (2) Người Thiện Thú Vô Nhân, (3) Người Nhị Nhân, (4) Người Phàm Tam Nhân trong Dục Địa Giới không chứng đắc Thiền, (5) Người Phàm Tam Nhân trong Dục Địa Giới có chứng đắc Thiền, (6) Người Phàm Tam Nhân trong Sắc Địa Giới không chứng đắc Thiền, (7) Người Phàm Tam Nhân trong Sắc Địa Giới có chứng đắc Thiền, (8) Người Phàm Tam Nhân trong Vô Sắc Địa Giới không chứng đắc Thiền, (9) Người Phàm Tam Nhân trong Vô Sắc Địa Giới có chứng đắc Thiền.

80. Đáp: (1) 1 Người Khổ Thú Vô Nhân có được 37 Tâm sinh, là: 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Vô Nhân (trừ Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện.

(2) 1 Người Thiện Thú Vô Nhân, 1 Người Nhị Nhân có được 41 Tâm sinh, là: 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Vô Nhân (trừ Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí.

(3) 1 Người Phàm Tam Nhân trong Dục Địa Giới không chứng đắc Thiền có được 45 Tâm sinh, là 45 Tâm Dục Giới (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Duy Tác).

(4) 1 Người Phàm Tam Nhân trong Dục Địa Giới có chứng đắc Thiền có được 54 Tâm sinh, là: 45 Tâm Dục Giới (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Duy Tác), 9 Tâm Thiện Đáo Đại.

(5) 1 Người Phàm Tam Nhân trong Sắc Địa Giới không chứng đắc Thiền có được 30 Tâm sinh, là: 10 Tâm Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Sân), 11 Tâm Vô Nhân (trừ 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức, Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Quả Sắc Giới (tùy theo Địa Giới).

(6) 1 Người Phàm Tam Nhân trong Sắc Địa Giới có chứng đắc Thiền có được 39 Tâm sinh, là: 10 Tâm Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Sân), 11 Tâm Vô Nhân (trừ 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức, Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 1 Tâm Quả Sắc Giới (tùy theo Địa Giới).

(7) 1 Người Phàm Tam Nhân trong Vô Sắc Địa Giới không chứng đắc Thiền có được 20 Tâm sinh, là: 10 Tâm Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Sân), 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Quả Vô Sắc Giới (tùy theo Địa Giới).

(8) 1 Người Phàm Tam Nhân trong Vô Sắc Địa Giới có chứng đắc Thiền có được cự đa 24 Tâm sinh và hy thiểu là 21 Tâm sinh.

81. Hỏi: Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn trong Lộ Ý Môn Đồng Lực Dục Giới có bao nhiêu, là những chi ? và hãy trình bày luôn cả bốn Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn như tiếp theo đây: (1) Lộ Trình Đăng Liên Thiên, (2) Lộ Trình Đăng Liên Khảo Sát, (3) Lộ Trình Đăng Liên Thắng Trí, (4) Lộ Trình Đắc Đạo Tuyệt Mệnh.

81. Đáp: Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn trong Lộ Ý Môn Đồng Lực Dục Giới có 4 thể loại, là: (1) Đồng Lực, Na Cảnh, Hữu Phần, Tử, (2) Đồng Lực, Na Cảnh, Tử, (3) Đồng Lực, Hữu Phần, Tử, (4) Đồng Lực, Tử.

Việc sinh khởi cả 4 Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn có như thế này:

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH ĐĂNG LIÊN THIÊN

Bậc Vô Sinh khi sẽ gần Viên Tịch Níp Bàn đã Nhập Thiên Định trước, nhằm sẽ trấn tịnh diệt mất hết cả Khổ Thọ sinh khởi ở sắc thân, hiện hành như thế này: Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ, Tâm Khai Ý Môn, bất luận một Tâm nào trong các Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác có tên gọi là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng và Chuyển Tộc sinh khởi rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, 9 Tâm Đồng Lực Duy Tác Đáo Đại với bất luận một cái nào có Hoàn Tịnh Chế Định v.v. làm thành Cảnh, sinh khởi luôn mãi suốt trọn thời gian đã có lập tâm kỳ nguyện. Khi đến thời gian vừa theo đã hạn kỳ chú nguyện, Tâm Tử cũng sinh khởi trong thuận tự từ Tâm Thiên lần cuối cùng, và không có Hữu Phần xen kẽ vào.

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH ĐĂNG LIÊN KHẢO SÁT

Bậc Vô Sinh khi sẽ gần Viên Tịch Níp Bàn đã Nhập Thiên Định trước, nhằm sẽ trấn tịnh diệt mất hết cả Khổ Thọ sinh khởi ở sắc thân, hiện hành như thế này: Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chỉ, Tâm Khai Ý Môn, bất luận một Tâm nào trong các Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác có tên gọi là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng và Chuyển Tộc sinh khởi rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, 9 Tâm Đồng Lực Duy Tác Đáo Đại với bất luận một cái nào có Hoàn Tịnh Chế Định v.v. làm thành Cảnh, sinh khởi sinh mãi suốt trọn thời gian đã có lập tâm kỳ nguyện. Khi đến thời gian vừa theo đã hạn kỳ chú nguyện, Lộ Trình Ý Môn Khảo Sát có nhiệm vụ tư khảo Chi Thiên Định cũng sinh khởi, dĩ hậu đã xuất ra khỏi Nhập Thiên Định, hàng trăm hàng ngàn vòng vừa theo thích hợp rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Tử cũng sinh khởi trong thuận tự của **Đồng Lực Khảo Sát (Paccavekkhaṇajavana)** (Đồng Lực, Tử) hoặc **Đồng Lực Khảo Sát (Paccavekkhaṇajavana)** (Đồng Lực, Hữu Phần, Tử).

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH ĐĂNG LIÊN THẮNG TRÍ

Bậc Vô Sinh khi gần sắp Viên Tịch Níp Bàn có sở nguyện sẽ được trình bày Thần Túc Thắng Trí đương diện Đức Thế Tôn v.v. Việc trình bày Thần Túc Thắng Trí có được như thế này: Nhập Thiên Cơ Bản trước, khi xuất ra khỏi Thiên Cơ Bản rồi cũng lập tâm kỳ nguyện

vừa theo sở cầu của mình trong sự việc sẽ trình bày Thần Túc Thắng Trí ấy. Khi đã lập tâm kỳ nguyện hoàn tất rồi, cũng lại Nhập Thiền Cơ Bản lần nữa, khi xuất ra khỏi Thiền Cơ Bản lần thứ 2 rồi Lộ Trình Thắng Trí cũng sinh khởi như vậy: Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi, Tâm Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng và Chuyển Tộc, và Tâm Duy Tác Thắng Trí sinh khởi 1 sát na. Chính ngay trong sát na ấy, Tâm Duy Tác Thắng Trí sinh khởi các loại thần thông cũng thành tựu vừa theo sở cầu của mình. Dĩ hậu Tâm Duy Tác Thắng Trí đã diệt mất rồi, Tâm Tử cũng sinh khởi tiếp nối từ nơi Đồng Lực Duy Tác Thắng Trí (Thắng Trí, Tử) hoặc Đồng Lực Duy Tác Thắng Trí, Hữu Phần (Thắng Trí, Hữu Phần, Tử).

VIỆC SINH KHỞI LỘ TRÌNH ĐẮC ĐẠO TUYỆT MỆNH

Bậc Bất Lai khi gần sẽ tử vong do y cứ bởi bất luận một trong các nguyên nhân, là bị hãm hại do bởi tha nhân gây ra, hoặc tự mình hủy diệt, hay là sẽ tử vong theo bản chất thường nhiên. Lộ Trình Đạo Vô Sinh thường sinh khởi như thế này: Hữu Phần Chấn Động, Hữu Phần Đình Chi, Tâm Khai Ý Môn, bất luận một trong những Tâm Đồng Lực Đại Thiện Tương Ứng Trí có tên gọi là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tùng, Dĩ Tịnh sinh khởi theo thuận tự rồi cũng diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Đạo Vô Sinh cũng sinh khởi 1 sát na rồi cũng diệt mất. Trong thuận tự ấy, Tâm Quả Vô Sinh sinh khởi 2 sát na. Dĩ hậu từ Tâm Quả Vô Sinh đã diệt mất rồi, Lộ Trình Ý Môn Khảo Sát thực hiện nhiệm vụ tư khảo Đạo, Quả, Níp Bàn và Phiền Não đã phóng khí rồi, cũng sinh khởi nhiều lần vừa theo thích hợp. Dĩ hậu từ Lộ Trình Đồng Lực Khảo Sát đã diệt mất rồi, Tâm Tử cũng sinh khởi nối tiếp từ Đồng Lực Khảo Sát (Đồng Lực, Tử) hoặc Đồng Lực Khảo Sát, Hữu Phần (Đồng Lực, Hữu Phần, Tử).

Lại nữa, người sẽ chứng đắc thành Bậc Vô Sinh vào thời gian cận tử, chẳng phải chỉ có duy nhất một hạng Người Bất Lai thôi, Phàm Tam Nhân, Bậc Thất Lai, hoặc Bậc Nhất Lai cũng có được như thế này:

Các Phàm Tam Nhân khi cận tử đã được thành tựu Bậc Vô Sinh, cả 4 Lộ Trình Đắc Đạo và Lộ Trình Khảo Sát của các Lộ Trình Đắc Đạo ấy thường sinh khởi theo thuận tự trước hết, rồi Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn mới sẽ sinh khởi.

Nếu là Bậc Thất Lai cũng chỉ sinh khởi Lộ Trình Đắc Đạo 3 Bậc trên và Lộ Trình Khảo Sát của Lộ Trình Đắc Đạo 3 Bậc trên thôi.

Nếu là Bậc Nhất Lai cũng chỉ sinh khởi Lộ Trình Đắc Đạo 2 Bậc trên và Lộ Trình Khảo Sát của Lộ Trình Đắc Đạo 2 Bậc trên thôi.

82. Hỏi: Cả 4 Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn sinh tiếp nối từ các thể loại Đồng Lực Kiên Cố có ý nghĩa như thế nào, sinh được trong những Địa Giới nào ? và Cảnh của các Tâm Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn này không là bất luận thể loại nào về Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, là như vậy vì nguyên nhân nào ?

82. Đáp: Cả 4 Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn sinh tiếp nối từ các thể loại Đồng Lực Kiên Cố có ý nghĩa như thế này:

Cả 4 Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn sinh tiếp nối từ Đồng Lực Kiên Cố, hoặc là Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn đặc biệt, là Lộ Trình Cận Tử Ý Môn của Bạc Vô Sinh sinh tiếp nối với Tâm Đồng Lực Kiên Cố, có 4 thể loại như thế này:

+ **Lộ Trình Đăng Liên Thiền (Jhānasamanantaravithī)** ý muốn nói là Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn của Bạc Vô Sinh sinh khởi tiếp nối từ Lộ Trình Nhập Thiền Định một cách không có Tâm Lộ Trình nào khác đến xen kẽ vào.

+ **Lộ Trình Đăng Liên Khảo Sát (Paccavekkhaṇasamanantaravithī)** ý muốn nói là Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn của Bạc Vô Sinh sinh khởi tiếp nối từ việc khảo sát các Chi Thiền một cách không có Tâm Lộ Trình nào khác đến xen kẽ vào.

+ **Lộ Trình Đăng Liên Thắng Trí (Abhiññāsamānāntaravithī)** ý muốn nói là Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn của Bạc Vô Sinh sinh khởi tiếp nối từ Tâm Thắng Trí hữu quan với việc trình bày **Thần Túc Thắng Trí (Iddhividhābhiññā)** một cách không có Tâm Lộ Trình nào khác đến xen kẽ vào.

+ **Lộ Trình Đắc Đạo Tuyệt Mệnh (Jīvitasamasīṣivithī)** ý muốn nói là Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn của Bạc Vô Sinh sinh khởi tiếp nối từ việc tư khảo Đạo, Quả, Níp Bàn và Phiền Não đã được đoạn trừ một cách không có Tâm Lộ Trình nào khác đến xen kẽ vào.

Phần Thủ Sự (Sīsa) (đứng đầu làm việc) của Ngũ Uẩn hiện hữu 2 thể loại, là: **(1) Luân Hồi Thủ Sự (Vaṭṭasīsa)** đó là: (1) một thể loại **Tâm Sở Mạng Quyền (Jīvi tindriyacetasika)** và **Sắc Mạng Quyền (Jīvitarūpa)**, là thủ não của **Luân Hồi Khổ (Vaṭṭadukkha)**, (2) một thể loại **Phiền Não Thủ Sự (Kilesasīsa)** đó là Tâm Sở Si, là thủ não của tất cả mọi phiền não.

Trong cả 2 thể loại Thủ Sự này, bất luận một thể loại nào về Tâm Sở Mạng Quyền và Sắc Mạng Quyền, hoặc cả 2 thể loại hiện hữu chừng nào, chừng ấy chúng hữu tình cũng vẫn không gọi là tử vong. Khi cả 2 thể loại Thủ Sự này diệt mất, không sinh tiếp nối lại nữa rồi thì gọi là hữu tình ấy đã tử vong, vì thế Tâm Sở Mạng Quyền và Sắc Mạng Quyền, cả 2 thể loại này mới được gọi tên là **Luân Hồi Thủ Sự (Vaṭṭasīsa)**.

Còn Phiền Não Thủ Sự của chúng hữu tình, khi vẫn có Tâm Sở Si hiện hữu ngăn nào cũng được gọi tên là các thể loại Phiền Não ấy vẫn chưa toàn bộ tiêu thất ngăn ấy; thế nhưng khi **Phiền Não Si (Mohakilesa)** đã toàn bộ tiêu thất, không có việc sinh tiếp nối được nữa rồi, các thể loại Phiền Não ấy cũng phải toàn bộ tiêu thất hết cả, vì thế Tâm Sở Si mới được gọi tên là **Phiền Não Thủ Sự (Kilesasīsa)**.

Bất luận **tín đồ Phật Giáo (Buddhamāmakajana)** nào khi có những tật bệnh ốm đau khổ nạn sinh khởi rồi cũng liễu tri sự yếm phiền trong việc sinh tử chuyển hồi trong vòng luân hồi, rồi cũng quyết tâm thực hành theo phương thức cả **4 Niệm Xứ (Satipaṭ ṭhāna)** cho đến đạt đạo Đạo Quả một cách thuận tự. Khi Lộ Trình Đắc Đạo Vô Sinh sinh khởi, Tâm Sở Si ở phần **Phiền Não Thủ Sự** cũng bị phóng khí một cách tuyệt đối. Trong thời gian ấy, Tâm Sở Mạng Quyền và Sắc Mạng Quyền ở phần Tự Thân Luân Hồi Thủ Sự cũng đồng diệt mất, vì thế Bạc Vô Sinh ấy mới được gọi tên là **Bạc Đắc Đạo Tuyệt Mệnh (Jīvitasamasīṣipuggala)** và Lộ Trình Tâm cũng gọi tên là Lộ Trình Đắc Đạo Tuyệt Mệnh, như trình bày **Pāḷi Chú Giải** rằng **Jīvite na samam avijjāsīsam assāti = Jīvitasamasīṣi** dịch nghĩa là “Thủ não là Vô Minh có đồng diệt với Tâm Sở Mạng Quyền và Sắc Mạng Quyền với người nào, vì thế người

ấy gọi tên là Đắc Đạo Tuyệt Mệnh”. Lại nữa, chỗ nói rằng Vô Minh và Mạng Quyền đồng diệt mất, không phải lập ý nói rằng đồng diệt trong cùng sát na với Tâm, hoặc trong cùng một Lộ Trình với nhau, mà chỉ là trong cùng một thời gian với nhau thôi; vì khi Lộ Trình Đắc Đạo Vô Sinh sinh khởi thực hiện việc phóng khí Vô Minh diệt mất đi, tiếp nối từ nơi ấy Lộ Trình Khảo Sát có việc tư khảo Đạo Quả Níp Bàn, phải sinh khởi và mất trước Tâm Sở Mạng Quyền và Sắc Mạng Quyền mới sẽ diệt mất nối tiếp theo sau. Cho dù trong sát na Vô Minh diệt mất với trong sát na mà Tâm Sở Mạng Quyền và Sắc Mạng Quyền đã diệt mất, sẽ có khoảng cách nhiều Lộ Trình một cách xác thực đi nữa; thế nhưng, rằng khi theo thời gian thì sự diệt mất của 2 loại Thủ Sự này, cũng nói được rằng là đồng diệt với nhau, vì thế Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn này mới gọi tên là Lộ Trình Đắc Đạo Tuyệt Mệnh.

TRONG CẢ 4 THỂ LOẠI LỘ TRÌNH VIÊN TỊCH NÍP BÀN NÀY:

Lộ Trình Đẳng Liên Thiên, Lộ Trình Đẳng Liên Khảo Sát, cả 2 Lộ Trình này sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ một Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới), 4 Vô Sắc Địa Giới.

Lộ Trình Đẳng Liên Thắng Trí sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ 1 Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới) gần ấy thôi.

Lộ Trình Đắc Đạo Tuyệt Mệnh sinh được trong 7 Thiện Dục Địa Giới, Cảnh của cả 4 thể loại Lộ Trình Viên Tịch Níp Bàn này không là bất luận một loại nào của Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng, vì trong bốn tính của Bạc Vô Sinh không có Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực; với nguyên nhân này, cả 3 thể loại **Tiên Triệu (Nimitta – điềm báo trước)** kể trên mới không hiện bày.

Ghi chú: Lộ Trình Đẳng Liên Thắng Trí sinh không được trong Vô Sắc Địa Giới vì Chúng Phạm Thiên Vô Sắc Giới không có Ngũ Thiên Sắc Giới làm nền tảng tiên khởi của việc thực hiện Thắng Trí. Lộ Trình Đắc Đạo Tuyệt Mệnh sinh không được trong Sắc Địa Giới và Vô Sắc Địa Giới, vì Chúng Phạm Thiên không có việc tử vong bởi y cứ **Thân Khổ Thọ (Kāyikadukkhavedanā)** hoặc **Tâm Sở Khổ Thọ (Cetasikadukkhavedanā)**.

83. Hỏi: Lộ Trình Đẳng Liên Thắng Trí là loại thắng trí nào ? và Lộ Trình Tâm của nam anh hài ở phúc trung thai người Mẹ sinh được bao nhiêu Lộ Trình , là những Lộ Trình chi ?

83. Đáp: Lộ Trình Đẳng Liên Thắng Trí là loại thắng trí ở phần thần túc thông, và Lộ Trình Tâm của nam anh hài ở phúc trung thai người Mẹ sinh được 4 Lộ Trình, là: (1) Lộ Trình Nhĩ Môn, (2) Lộ Trình Thiệt Môn, (3) Lộ Trình Thân Môn, (4) Lộ Trình Ý Môn. Còn Lộ Trình Nhân Môn, Lộ Trình Ty Môn không sinh, vì nam anh hài không có mở mắt và không có việc hô hấp theo mũi.

84. Hỏi: Người nhập được Thiên Diệt ấy là hạng Người nào và Địa Giới nào ? Trong sát na đang thâm nhập Thiên Diệt, khi có điều nguy hiểm sinh khởi, người ấy sẽ đón nhận

điều nguy hiểm đến sinh mệnh hay không ? Nếu như đón nhận sự nguy hiểm hoặc là không đón nhận sự nguy hiểm, hãy nêu lý do lên trình bày với.

84. Đáp: Người nhập được Thiền Diệt ấy là một hạng Người Bất Lai, một hạng Người Vô Sinh đã đắc được 9 Thiền Định, trong 7 Thiền Dục Địa Giới, 15 Sắc Địa Giới (trừ Hữu Tình Vô Tướng Phạm Thiên Giới). Trong sát na đang thâm nhập Thiền Diệt, các điều nguy hiểm không thể nào sẽ tiêu diệt sinh mệnh của các hạng Người này được. Các điều nguy hiểm không thể nào sẽ tiêu diệt được sinh mệnh các hạng Người này cũng vì với mãnh lực **Pháp Định Lực Thâm Nhập (Samādhivipphāriddhi)**, là Định Lực đã thâm nhập đi tỏa khắp cả trong sắc thân của người đang Nhập Thiền Diệt.

85. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa trong cả 4 Thủ Tiên Yếu Tố (**Pubbakicca**) hữu quan với việc thâm nhập Thiền Diệt như tiếp theo đây: **1. Chủng Chủng Vật Phẩm Bất Tiêu Hủy (Nānābaddhaavikopana)**, **2. Tăng Chúng Kỳ Vọng (Saṅghapaṭimānana)**, **3. Bốn Sur Triệu Tập (Satthupakkosana)**, **4. Viễn Trình Kỳ Hạn (Addhānapariccheda)**; và trong cả 4 thể loại Thủ Tiên Yếu Tố này, trong Dục Địa Giới thể loại nào tất yếu cực điểm để sẽ phải thực hiện mà không loại trừ được, trong Sắc Địa Giới thể loại nào tất yếu và bất tất yếu ?

85. Đáp: Ý nghĩa trong cả 4 Thủ Tiên Yếu Tố hữu quan với việc thâm nhập Thiền Diệt có như thế này:

1. Chủng Chủng Vật Phẩm Bất Tiêu Hủy (Nānābaddhaavikopana) ý muốn nói là việc lập tâm kỳ nguyện rằng các tư cụ của tôi đang ở nơi khác, xin hãy thoát khỏi tất cả mọi điều nguy hại, có **Hỏa Tai Nạn (Aggibhaya)**, **Đạo Tặc Tai Nạn (Corabha ya)**, **Thủy Tai Nạn (Udakabhaya)** v.v.

2. Tăng Chúng Kỳ Vọng (Saṅghapaṭimānana) ý muốn nói là việc lập tâm kỳ nguyện rằng khi Tăng Đoàn triệu khai hội nghị có nhu cầu hội kiến bản thân tôi, xin cho xuất ra khỏi Thiền Diệt được cập thời hội tập.

3. Bốn Sur Triệu Tập (Satthupakkosana) ý muốn nói là việc lập tâm kỳ nguyện rằng thời gian mà Đức Phật lập ý nhu cầu gấp gỡ bản thân xin cho được xuất ra.

4. Viễn Trình Kỳ Hạn (Addhānapariccheda) ý muốn nói là việc lập tâm kỳ nguyện quy định khảo lự kiểm nghiệm thời gian tuổi thọ của bản thân rằng Ta đây sẽ có tuổi thọ lâu dài nối tiếp được bao nhiêu nữa, và quy định thời gian của việc thâm nhập Thiền Diệt.

Trong cả 4 Thủ Tiên Yếu Tố này, Viễn Trình Kỳ Hạn là yếu tố tất yếu cực điểm đối với trong Dục Địa Giới sẽ loại trừ không được. Đối với Chủng Chủng Vật Phẩm Bất Tiêu Hủy, Tăng Chúng Kỳ Vọng, Bốn Sur Triệu Tập, cả 3 yếu tố này sẽ bất dữ hà tất yếu đối với trong Dục Địa Giới, thực hiện cũng được không thực hiện cũng được. Cho dù sẽ không thực hiện việc lập tâm kỳ nguyện hữu quan với Chủng Chủng Vật Phẩm Bất Tiêu Hủy đi nữa, tư cụ có dính mắc với bản thân của vị ấy nhất định sẽ không có bất luận điều nguy hiểm nào. Còn Tăng Chúng Kỳ Vọng cho dù sẽ không có lập tâm kỳ nguyện, nếu như Tăng Đoàn có nhu cầu hội kiến bản thân tôi thời gian nào, cũng chỉ thị cho bất luận một vị Tăng nào đi mời, bằng cách đi đến đứng gần vừa đủ sẽ được nghe âm thanh, vị Tăng đi theo ấy cũng nói rằng “Bạch Tôn Giả, hiện giờ Tăng Đoàn mong cầu được hội kiến Tôn Giả, xin cho Tôn Giả kíp

mau đi đến chỗ hội kiến ngay bây giờ” cũng sẽ xuất ra khỏi Thiền Diệt được cập thời. Bồn Sur Triệu Tập cũng có lẽ tương tự như vậy, là khi Đức Phật lập ý hội kiến bản thân thời gian nào, bất luận một vị Tăng nào đi mời, bằng cách đi đến đứng gần vừa đủ sẽ được nghe âm thanh rồi nói rằng “Bach Tôn Giả, hiện Đức Thế Tôn có sự việc quan trọng, có nhu yếu được hội kiến, xin cho Tôn Giả kíp mau đi đến diện kiến ngay bây giờ” cũng sẽ xuất ra khỏi Thiền Diệt được cập thời; hoặc không là như thế, Đức Phật cũng lập ý kêu gọi cho đến yết kiến một cách trực tiếp cũng được, và không nhất thiết phải nhờ một vị nào đi mời.

Trong Sắc Địa Giới bất tất yếu cả 4 thể loại, nếu như sẽ thực hiện cũng có lẽ chỉ thực hiện duy nhất Viễn Trình Kỳ Hạn, là việc hạn định thời gian.

86. Hỏi: Hãy trình bày Tâm sinh khởi được trong các hạng Người như tiếp theo đây: (1) Tâm sinh với chó được, thể nhưng sinh với người không được. (2) Tâm sinh với người, thể nhưng sinh với chó không được. (3) Tâm sinh với chó và người được cả hai. (4) Tâm sinh với chó và người không được cả hai. (5) Tâm sinh với Phạm Thiên Sắc Giới được, thể nhưng sinh với Phạm Thiên Vô Sắc Giới không được. (6) Tâm sinh với Phạm Thiên Vô Sắc Giới được, thể nhưng sinh với Phạm Thiên Sắc Giới không được. (7) Tâm sinh với Phạm Thiên Sắc Giới và Phạm Thiên Vô Sắc Giới được cả hai. (8) Tâm sinh với Phạm Thiên Sắc Giới và Phạm Thiên Vô Sắc Giới không được cả hai.

86. Đáp: (1) Tâm sinh với chó được, thể nhưng sinh với người không được, là không có.

(2) Tâm sinh với người được, thể nhưng sinh với chó không được, có 43 Tâm là 1 Tâm Tiểu Sinh, 8 Tâm Đại Quả, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Thiện Đáo Đại, 9 Duy Tác Đáo Đại, 8 Tâm Siêu Thế.

(3) Tâm sinh người và chó được cả hai có 37 Tâm là 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Vô Nhân (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện.

(4) Tâm sinh với người và chó không được cả hai, có 9 Tâm là 9 Tâm Quả Đáo Đại.

(5) Tâm sinh với Phạm Thiên Sắc Giới, thể nhưng sinh với Phạm Thiên Vô Sắc Giới không được, có 27 Tâm là 11 Tâm Vô Nhân (trừ 1 Tâm Khai Ý Môn), 15 Tâm Sắc Giới, 1 Tâm Đạo Thất Lai.

(6) Tâm sinh với Phạm Thiên Vô Sắc Giới, thể nhưng với Phạm Thiên Sắc Giới không được có 4 Tâm là 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới.

(7) Tâm sinh với Phạm Thiên Sắc Giới và Phạm Thiên Vô Sắc Giới được cả hai có 42 Tâm là: 10 Tâm Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Sân), 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế (trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai).

(8) Tâm sinh với Phạm Thiên Sắc Giới và Phạm Thiên Vô Sắc Giới không được cả hai có 16 Tâm là 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm Tỵ Thúc, 2 Tâm Thiệt Thúc, 2 Tâm Thân Thúc, 8 Tâm Đại Quả.

87. Hỏi: Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ Trình Ý Môn sinh một cách đặc biệt trong Dục Địa Giới có số lượng bao nhiêu, là những chi ? và hãy trình bày Tâm sinh trong các hạng Người như tiếp theo đây: (1) Bạc Thất Lai trong Dục Địa Giới không chứng đắc Thiên và chứng đắc Thiên. (2) Bạc Thất Lai trong Sắc Địa Giới chứng đắc Thiên và không chứng đắc Thiên. (3) Bạc Thất Lai trong Vô Sắc Địa Giới chứng đắc Thiên và không chứng đắc Thiên. (4) Bạc Nhất Lai trong Dục Địa Giới chứng đắc Thiên và không chứng đắc Thiên. (5) Bạc Bất Lai trong Dục Địa Giới không chứng đắc Thiên và Bạc Bất Lai trong Sắc Địa Giới chứng đắc Thiên. (6) Bạc Vô Sinh trong Dục Địa Giới chứng đắc Thiên và Bạc Vô Sinh trong Vô Sắc Địa Giới chứng đắc Thiên.

87. Đáp: Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ Trình Ý Môn sinh một cách đặc biệt trong Dục Địa Giới có như thế này: Lộ Trình Ngũ Môn sinh một cách đặc biệt trong Dục Địa Giới có 68 là:

20 Lộ Trình Tỵ Môn đó là 3 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại, 4 Lộ Trình Cảnh Cự Đại, 6 Cảnh Hy Thiểu, 7 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu.

20 Lộ Trình Thiệt Môn đó là 3 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại, 4 Lộ Trình Cự Đại, 6 Lộ Trình Hy Thiểu, 7 Lộ Trình Cự Kỳ Hy Thiểu.

20 Lộ Trình Thân Môn đó là 3 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại, 4 Lộ Trình Cảnh Cự Đại, 6 Lộ Trình Cảnh Hy Thiểu, 7 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Hy Thiểu.

4 Lộ Trình Nhãn Môn đó là 1 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Na Cảnh, 1 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách, 2 Lộ Trình Cảnh Cự Đại có Hữu Phần Khách.

4 Lộ Trình Nhĩ Môn đó là 1 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Na Cảnh, 1 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Cự Đại Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách, 2 Lộ Trình Cảnh Cự Đại có Hữu Phần Khách.

Lộ Trình Ý Môn sinh một cách đặc biệt trong Dục Địa Giới có như thế này: 6 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiển Thời Kỳ Na Cảnh, 8 Lộ Trình Cảnh Cự Kỳ Minh Hiển Thời Kỳ Đồng Lực có Hữu Phần Khách, 8 Lộ Trình Cảnh Minh Hiển có Hữu Phần Khách.

Các Lộ Trình Thụy Tướng có Đồng Lực Thiện hoặc Đồng Lực Bất Thiện, hoặc Đồng Lực Vô Ký không sinh 12 Lộ Trình Ý Môn Na Tòng Lưu Hành sinh tiếp nối từ Lộ Trình Tỵ Môn, Lộ Trình Thiệt Môn, Lộ Trình Thân Môn.

(1) Bạc Thất Lai trong Dục Địa Giới không chứng đắc Thiên có 41 Tâm sinh được, là: 7 Tâm Bất Thiện (trừ 4 Tâm Tương Ứng Kiến, 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi), 17 Tâm Vô Nhân (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả, 1 Tâm Quả Thất Lai.

Bạc Thất Lai trong Dục Địa Giới chứng đắc Thiên có 50 Tâm sinh được, là: thêm 9 Tâm Thiện Đáo Đại.

(2) Bạc Thất Lai trong Sắc Địa Giới không chứng đắc Thiên có 26 Tâm sinh được, là: 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến, 1 Tâm Tương Ứng Trạo Cử, 11 Tâm Vô Nhân (trừ 2 Tâm Tỵ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức, 1 Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Quả Sắc Giới (tùy theo Địa Giới), 1 Tâm Quả Thất Lai.

Bậc Thất Lai trong Sắc Địa Giới chứng đắc Thiên có 35 Tâm sinh được, là: thêm 9 Tâm Thiện Đáo Đại.

(3) Bậc Thất Lai trong Vô Sắc Địa Giới không chứng đắc Thiên có 16 Tâm sinh được, là: 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến, 1 Tâm Tương Ứng Trạo Cự, 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Quả Vô Sắc Giới (tùy theo Địa Giới), 1 Tâm Quả Thất Lai.

Bậc Thất Lai trong Vô Sắc Địa Giới chứng đắc Thiên có 20, 19, 18, 17 Tâm sinh được một cách cụ thể tùy theo Địa Giới mình sinh trú, là:

Phạm Thiên Không Vô Biên Xứ bổ sung 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới gom thành 20. Phạm Thiên Thức Vô Biên Xứ bổ sung 3 Thiện Vô Sắc Giới 3 Bậc trên gom thành 19. Phạm Thiên Vô Sở Hữu Xứ bổ sung 2 Thiện Vô Sắc Giới 2 Bậc trên gom thành 18. Phạm Thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ bổ sung 1 Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ gom thành 17.

(4) Bậc Nhất Lai trong Dục Địa Giới không chứng đắc Thiên có 41 Tâm sinh được, là: 7 Tâm Bất Thiện (trừ 4 Tâm Tương Ứng Tà Kiến, 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi), 17 Tâm Vô Nhân (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả, 1 Tâm Quả Nhất Lai.

Bậc Nhất Lai trong Dục Địa Giới chứng đắc Thiên có 50 Tâm sinh được, là thêm 9 Tâm Thiện Đáo Đại.

(5) Bậc Bất Lai trong Dục Địa Giới không chứng đắc Thiên có 39 Tâm sinh được, là: 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến, 1 Tâm Tương Ứng Trạo Cự, 17 Tâm Vô Nhân (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Quả, 1 Tâm Quả Bất Lai.

Bậc Bất Lai trong Sắc Địa Giới chứng đắc Thiên có 31 Tâm sinh được, là: 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến, 1 Tâm Si Tương Ứng Trạo Cự, 11 Tâm Vô Nhân (trừ 2 Tâm Tỵ Thúc, 2 Tâm Thiệt Thúc, 2 Tâm Thân Thúc, 1 Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Sắc Giới, 1 Tâm Quả Sắc Giới (tùy theo Địa Giới), 1 Tâm Quả Bất Lai.

(6) Bậc Vô Sinh trong Dục Địa Giới chứng đắc Thiên có 44 Tâm sinh được, là: 18 Tâm Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 1 Tâm Quả Vô Sinh.

Bậc Vô Sinh trong Vô Sắc Địa Giới chứng đắc Thiên có 15, 14, 13, 12 Tâm sinh được một cách cụ thể tùy theo Địa Giới mình sinh trú, là: 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đại Duy Tác, 1 Tâm Quả Vô Sắc Giới (tùy theo Địa Giới), 1 Tâm Quả Vô Sinh gom thành 11 Tâm. Trong số lượng 11 Tâm này, Bậc Vô Sinh ở trong Không Vô Biên Xứ Địa Giới bổ sung 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới gom thành 15. Thức Vô Biên Xứ Địa Giới bổ sung 3 Duy Tác Vô Sắc Giới bậc trên gom thành 14. Vô Sở Hữu Xứ Địa Giới bổ sung 2 Duy Tác Vô Sắc Giới bậc trên gom thành 13. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Địa Giới bổ sung 1 Tâm Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ gom thành 12.

88. Hỏi: Hãy phân chia Tâm Lộ Trình theo Địa Giới như tiếp theo đây: (1) 80 Tâm Lộ Trình theo 11 Dục Địa Giới, (2) 64 Tâm Lộ Trình theo 15 Sắc Địa Giới, (3) 42 Tâm Lộ Trình theo 4 Vô Sắc Địa Giới.

88. Đáp: 1. Phân chia 80 Tâm Lộ Trình theo 11 Dục Địa Giới, là: (1) Trong 4 Thống Khổ Địa Giới có 37 Tâm Lộ Trình, là 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Vô Nhân (trừ 1 Tâm Tiểu Sinh), 8 Tâm Đại Thiện. (2) Trong 7 Thiện Dục Địa Giới, Tâm Lộ Trình sinh được cả 80.

2. Phân chia 64 Tâm Lộ Trình theo 15 Sắc Địa Giới, là: (1) Trong 10 Sắc Địa Giới (trừ Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới) có Tâm Lộ Trình sinh được cả 64. (2) Trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới có Tâm Lộ Trình sinh được 54, trừ 10 Tâm là 4 Tâm Tương Ứng Kiến, 1 Tâm Tương Ứng Hoài Nghi, 3 Đạo Bậc thấp, 2 Quả Bậc thấp.

3. Phân chia 42 Tâm Lộ Trình theo 4 Vô Sắc Địa Giới, là: (1) Trong Không Vô Biên Xứ Địa Giới có Tâm Lộ Trình sinh được cả 42. (2) Trong Thức Vô Biên Xứ Địa Giới có Tâm Lộ Trình sinh được cả 40, trừ 2 Tâm là 1 Thiện, 1 Duy Tác Không Vô Biên Xứ. (3) Trong Vô Sở Hữu Xứ Địa Giới có Tâm Lộ Trình sinh được cả 38, trừ 4 Tâm là 1 Thiện, 1 Duy Tác Không Vô Biên Xứ; 1 Thiện, 1 Duy Tác Thức Vô Biên Xứ. (4) Trong Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ có Tâm Lộ Trình sinh được cả 36, trừ 6 Tâm là 1 Thiện, 1 Duy Tác Không Vô Biên Xứ; 1 Thiện, 1 Duy Tác Thức Vô Biên Xứ; 1 Thiện, 1 Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ.

89. Hỏi: Lộ Trình Nhập Thiền Định, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, cả hai này đều là Lộ Trình Nhập Thiền Định với nhau, thế nhưng trong Lộ Trình Nhập Thiền Quả không có tên gọi theo thuận tự, chỉ có tên gọi là **Thuận Tòng (Anuloma)** cho cả 4 sát na. Còn trong Lộ Trình Nhập Thiền Định có tên gọi là **Chuẩn Bị (Parikamma)**, **Cận Hành (Upacāra)**, **Thuận Tòng (Anuloma)**, **Chuyển Tộc (Gotrabhū)** theo thuận tự. Là như vậy vì nguyên nhân nào ?

89. Đáp: Là như thế ấy, chính vì việc sinh khởi của Tâm Thiền và Tâm Quả không giống nhau. Ý muốn nói là Tâm Thiền sinh khởi trong sát na chứng đắc Thiền lần đầu tiên với Tâm Thiền thâm nhập Thiền Định ấy, là **Pháp Chủng Thiện (Kusalajāti)** hoặc **Pháp Chủng Duy Tác (Kiriyaājāti)**, vì thế mới tất yếu sẽ phải có tên gọi theo thuận tự; thế nhưng đối với Lộ Trình Nhập Thiền Quả, chỉ có Tâm Quả là **Pháp Chủng Dị Thục Quả (Vipākajāti)** sinh khởi một cách duy nhất. Tâm Đạo không sinh lại nữa vì Đồng Lực Dục Giới gọi là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tòng, Chuyển Tộc phải có đồng chủng loại là Đồng Lực Kiên Cố với bản thân sinh khởi tiếp nối. Đối với Đồng Lực Dục Giới trong Lộ Trình Nhập Thiền Quả không có đồng chủng loại Đồng Lực Kiên Cố với bản thân sinh nối tiếp, chỉ có Tâm Quả là **Pháp Chủng Dị Thục Quả** ngàn ấy sinh tiếp nối thôi, vì thế mới không có tên gọi theo thuận tự, có lẽ chỉ có tên gọi là Thuận Tòng cho cả 4 sát na.

90. Hỏi: Vì nguyên nhân nào Đồng Lực Dục Giới mới có tên gọi là Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Tòng, Chuyển Tộc, và Dĩ Tịnh, hãy giải thích cùng với nêu **Pāṭi** Chú Giải lên trình bày với.

90. Đáp: Chuẩn Bị (Parikamma): Đồng Lực Dục Giới gọi tên **Chuẩn Bị**, bởi vì làm nguyên nhân cho việc chuẩn bị điểm xuất bố trí để cho Đồng Lực Kiên Cố - đề cập đến **Thiền Định (Jhāna)**, **Thắng Trí (Abhiññā)**, **Đồ Đạo (Magga)** và **Quả (Phala)** sinh khởi, vì thế mới gọi tên **Chuẩn Bị (Parikamma)**, như trình bày Chú Giải rằng **Indriya samatādīhi**

parito bhāgehi appanā karīyati sajjīyati etenāti = Parikammaṃ dịch nghĩa “hành giả nên chuẩn bị điểm xuất phát từng các phần kiên cố một cách chu tường có việc bồi huấn cả 5 **Quyền Lực (Indriya)** cho nhất quán với Tâm Đồng Lực này, vì thế Tâm Đồng Lực làm nguyên nhân cho việc chuẩn bị điểm xuất phát cho Đồng Lực Kiên Cố ấy sinh khởi mới gọi tên **Chuẩn Bị**”, hoặc một phần khác nữa **Parikaroti appannaṃ abhisankharotīti = Parikammaṃ** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường chuẩn bị điểm xuất phát Trí Thiền Định, Thắng Trí, Đồ Đạo và Quả cho thành kiên cố sinh khởi, vì thế Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Chuẩn Bị**”.

2. Cận Hành (Upacāra): Đồng Lực Dục Giới gọi tên **Cận Hành**, vì thành Đồng Lực sinh khởi cận kề phạm vi của Đồng Lực Kiên Cố, như trình bày Chú Giải rằng **Appanāya upecca caratīti = Upacāro** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường sinh khởi tiếp cận với Kiên Cố, vì thế Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Cận Hành**”, hoặc một phần khác nữa **Samīpe caratīti = Upacāro** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường sinh khởi trong sát na tiếp cận với Kiên Cố là Thiền Định, Thắng Trí, Đồ Đạo và Quả, vì thế, Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Cận Hành**”.

3. Thuận Tùng (Anuloma): Đồng Lực Dục Giới gọi tên **Thuận Tùng**, vì hiện hành vừa theo thích hợp với Kiên Cố, với việc căn trừ Pháp đối lập nhau, vì thế mới gọi tên là **Thuận Tùng**, như trình bày Chú Giải rằng **Paccanīkadhammavidha manena appanāya anukulanti = Anulomaṃ** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường hiện hành vừa theo thích hợp với Kiên Cố, với việc bài khai Pháp đối lập nhau, vì thế, Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Thuận Tùng**”, hoặc một phần khác nữa **Pubbāparāṇaṃ anulometīti = Anulomaṃ** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường sinh khởi truy tùy Đồng Lực cả hai phía, đề cập đến là Đồng Lực Chuẩn Bị sinh trước **Lộ Trình Thiền Định (Jhānavithi)** và **Lộ Trình Đắc Đạo (Maggavithi)** sẽ sinh khởi, và Đồng Lực Kiên Cố sinh khởi phía sau, vì thế, Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Thuận Tùng**”.

4. Chuyển Tộc (Gotrabhū): Đồng Lực Dục Giới gọi tên **Chuyển Tộc**, vì trong sát na ấy thực hiện việc sản trừ tuyệt **Nhân Chung Dục Giới (Jātikāma)** (trong Lộ Trình Thiền Định) và thực hiện việc sản trừ tuyệt **Chủng Tộc Phàm Phu (Jātiputhujjana)** (trong Lộ Trình Đắc Đạo), cho thâm nhập **Chủng Tộc Đáo Đại (Jātimahaggata)** và **Chủng Tộc Siêu Thế (Jātilokuttara)**, vì thế Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Chuyển Tộc**, như trình bày Chú Giải rằng **Gottaṃ abhibhuyyati chijjati etthāti = Gotrabhū** dịch nghĩa “hành giả thường sản trừ tuyệt Nhân Chung Dục Giới, hoặc sản trừ tuyệt Chủng Tộc Phàm Phu bởi Tâm Đồng Lực ấy, vì thế Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Chuyển Tộc**, hoặc một phần khác nữa **Gottaṃ bhāveti vuddhetīti = Gotrabhū** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường thực hiện cho **Chủng Tộc Đáo Đại (Jātimahaggata)** và **Chủng Tộc Siêu Thế (Jātilokuttara)** phát triển lên, vì thế, Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Chuyển Tộc**”.

5. Dũ Tịnh (Vodāna – Thánh Khiết): Đồng Lực Dục Giới gọi tên **Dũ Tịnh**, vì thực hiện cho Bạc Thánh Nhân thâm nhập sự thuần tịnh một cách đặc thù phi thường. Đề cập đến là Bạc Thất Lai sát na đắc **Đạo Nhất Lai (Sakadāgāminagga)**, **Quả Nhất Lai (Sakadāgāmiṭṭhā)** thường có Đồng Lực Dục Giới có nhiệm vụ ngiên tiếp Níp Bàn, và

phóng trí **Pháp Hữu Vi (Saṅkhatadhamma)** trước, để sẽ cho Đạo Nhất Lai sinh khởi tiếp thân Níp Bàn làm thành Cảnh, luôn cả thực hiện việc đoạn trừ **Tùy Miên Phiền Não (Anusayakilesa)** có mãnh lực đặc thù phi thường hơn cả việc đoạn trừ Tùy Miên Phiền Não của Đạo Thất Lai.

Bậc Nhất Lai sát na đắc **Đạo Bất Lai (Anāgāminimagga)**, **Quả Bất Lai (Anāgāmi phala)** và Bậc Bất Lai sát na đắc **Đạo Vô Sinh (Arahattamagga)**, **Quả Vô Sinh (Arahattaphala)** thường có Đồng Lực Dục Giới có nhiệm vụ tương tự như nhau, để cho Đạo Bất Lai và Đạo Vô Sinh sinh khởi tiếp thân Níp Bàn làm thành Cảnh, luôn cả thực hiện việc đoạn trừ Tùy Miên Phiền Não, có mãnh lực đặc thù phi thường hơn cả việc đoạn trừ Tùy Miên Phiền Não của Tâm Đạo bậc thấp, vì thế mới gọi tên là **Dũ Tịnh**, như trình bày Chú Giải trình bày rằng **Vodānetīti = Vodānaṃ** dịch nghĩa “Tâm Đồng Lực nào thường làm cho Bậc Thánh Nhân thâm nhập sự thuần tịnh một cách đặc thù phi thường, vì thế Tâm Đồng Lực ấy gọi tên **Dũ Tịnh**”.

Kết Thúc Phần Vấn - Đáp Trong Phân Tích Lộ Trình Danh Pháp

TỔNG KẾT VIỆC SINH KHỞI MỘT CÁCH GIẢN LƯỢC LỘ TRÌNH CẢNH CỰC KỶ CỤ ĐẠI NHÃN MÔN THỜI KỲ NA CẢNH

Ti: Hữu Phần trải qua. **Na:** Hữu Phần chấn động. **Da:** Hữu Phần cắt đứt dòng Hữu Phần. **Pa:** Thực hiện nhiệm vụ tư khảo Cảnh mới. **Ca:** Thực hiện nhiệm vụ khán kiến Cảnh Sắc. **Sam:** Thực hiện nhiệm vụ tiếp thân Cảnh Sắc. **Na:** Thực hiện nhiệm vụ thẩm tấn Cảnh Sắc. **Vo:** Thực hiện nhiệm vụ phán đoán Cảnh Sắc ở phần duyệt ý hoặc bất duyệt ý [tùy thuộc **Như Lý Tác Ý (Yonisomanasikāra – Như Chung Liễu Giải, Như Chung Minh Bạch)** hoặc **Phi Như Lý Tác Ý (Ayonisomanasikāra)**] **Ja:** Thực hiện nhiệm vụ thụ hưởng Cảnh Sắc 7 sát na.

Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Hữu Phần cũng sinh nối tiếp.

CỦ LỆ TỬ TỶ GIẢO VIỆC SINH KHỞI CỦA LỘ TRÌNH NHÃN MÔN

Bha: tỷ giảo như nam nhân đang ngủ ở dưới cây xoài.

Ti: tỷ giảo như nam nhân đang ngủ được nghe âm thanh quả xoài rụng từ trên cây, rồi trôi đi. **Na:** tỷ giảo như nam nhân đang ngủ sinh trạng thái chấn động vì âm thanh quả xoài. **Da:** tỷ giảo như nam nhân đang ngủ hạ định quyết tâm đình chỉ trạng thái thụ miên. **Ca:** tỷ giảo như nam nhân tầm thị quả xoài. **Sam:** tỷ giảo như nam nhân khởi lập đi nhặt lấy quả xoài ấy. **Na:** tỷ giảo như nam nhân tư khảo quả xoài ấy là hư thối hay không. **Vo:** tỷ giảo như nam nhân hạ định quyết tâm bỏ cắt quả xoài ấy. **Ja:** tỷ giảo như nam nhân cắn ăn quả xoài ấy, biết rằng chua hay ngọt. **Ta:** tỷ giảo như nam nhân nuốt ăn quả xoài ấy xuống trong bụng. **Bha:** tỷ giảo như nam nhân ăn quả xoài ấy xong rồi, cũng trở lại ngủ tiếp tục nữa.

Đây là một phần của việc tỷ giảo cho được kiến giải.

LỘ TRÌNH SẮC PHÁP (RŪPAVITHĪ)

Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực (Kammajakalāpa), Tổng Hợp Sắc Tâm (Cittaja kalāpa), Tổng Hợp Sắc Vật Thực (Āhārajakalāpa) và Tổng Hợp Sắc Quý Tiết (Utujakalāpa), cả 4 thể loại này, rằng khi theo sự hiện hành có 3 thể loại, là: (1). Tổng Hợp Sắc Pháp đang sinh. (2). Tổng Hợp Sắc Pháp đang thụ lập. (3). Tổng Hợp Sắc Pháp đang diệt.

1. Trong tất cả sự hiện hành của cả 3 thể loại Tổng Hợp Sắc Pháp ấy, tính kể từ **Sát Na Khởi Sinh (Uppādakkhana)** của **Tâm Tái Sinh (Paṭisandhicitta)** v.v. cho đến **Sát Na Trụ (Thītikkhana)** của Tâm Hữu Phần thứ 16, Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đang sinh khởi và đang thụ lập, chỉ có Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đang diệt vẫn chưa có. Tính kể từ **Sát Na Diệt (Bhaṅgakkhana)** của Tâm Hữu Phần thứ 16 trở đi, Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đang sinh khởi, đang diệt và đang thụ lập có được cả 3 thể loại.

2. Tính kể từ Sát Na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 trở đi cho đến Sát Na Trụ của Tâm Khai Ý Môn có Tổng Hợp Sắc Tâm đang sinh khởi (trừ Sát Na Trụ và Sát Na Diệt) và đang thụ lập, chỉ Tổng Hợp Sắc Tâm đang diệt vẫn chưa có. Tính kể từ Sát Na Diệt của Tâm Khai Ý Môn trở đi, Tổng Hợp Sắc Tâm đang diệt cũng có được (kết luận rồi kể từ Sát Na Diệt của Tâm Khai Ý Môn trở đi, Tổng Hợp Sắc Tâm cũng có được đủ cả 3 thể loại: đang sinh khởi, đang diệt và đang thụ lập, ý muốn nói là mỗi một Sát Na Khởi Sinh của Tâm, tính kể từ Tâm Khai Ý Môn là Tâm thứ 17 trở đi, Tổng Hợp Sắc Tâm đang sinh khởi và đang thụ lập ở Sát Na Trụ của Tâm kể từ Tâm Khai Ý Môn là Tâm thứ 17 trở đi, Tổng Hợp Sắc Tâm đang thụ lập Sát Na Diệt của Tâm kể từ Tâm Khai Ý Môn là Tâm thứ 17, Tổng Hợp Sắc Tâm đang diệt và đang thụ lập).

3. Tính kể từ Sát Na Trụ của Tâm Tái Sinh trở đi cho đến Sát Na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 16 có Tổng Hợp Sắc Quý Tiết đang sinh khởi và đang thụ lập, chỉ Tổng Hợp Sắc Quý Tiết đang diệt vẫn chưa có. Tính kể từ Sát Na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn trở đi, Tổng Hợp Sắc Quý Tiết cũng có được cả 3 thể loại: đang sinh khởi, đang diệt và đang thụ lập.

BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨC 1

TRÌNH BÀY SỰ HIỆN HÀNH LỘ TRÌNH SẮC PHÁP BẮT ĐẦU KỂ TỪ THỜI TÁI SINH TRỞ ĐI

Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực	Tổng Hợp Sắc Tâm	Tổng Hợp Nghiệp Duyên Quý Tiết	Tổng Hợp Tâm Duyên Quý Tiết	Tổng Hợp Quý Tiết Duyên Quý Tiết	Tổng Hợp Vật Thực	Tập Hợp Tổng Hợp
Tâm Tái Sinh	-----	-----	-----	-----	-----	-----
Sinh----3	X	X	X	X	X	3
Trụ----6	X	3	X	X	X	9
Diệt----9	X	6	X	3	X	18
Hữu Phần 1						
Sinh----12	1	9	X	6	X	28

Trụ-----15	1	12	1	9	X	38
Diệt-----18	1	15	1	13	X	48
Hữu Phần 2						
Sinh – 21	2	18	1	16	X	58
Trụ --- 24	2	21	2	19	X	68
Diệt-- 27	2	24	2	23	X	78
Hữu Phần 3						
Sinh ---30	3	27	2	26	X	88
Trụ----- 33	3	30	3	29	X	98
Diệt ----36	3	33	3	33	X	108
Hữu Phần 4						
Sanh --- 39	4	36	3	36	X	118
Trụ-----42	4	39	4	39	X	128
Diệt-----45	4	42	4	43	X	138
Hữu Phần 5						
Sanh --- 48	5	45	4	46	X	148
Trụ-----51	5	48	5	49	X	158
Diệt-----54	5	51	5	53	X	168
Hữu Phần 6						
Sinh -----57	6	54	5	56	X	178
Trụ -----60	6	57	6	59	X	188
Diệt -----63	6	60	6	63	X	198
Hữu Phần 7						
Sinh ----- 66	7	63	6	66	X	208
Trụ-----69	7	66	7	69	X	218
Diệt -----72	7	69	7	73	X	228
Hữu Phần 8						
Sinh -----75	8	72	7	76	X	238
Trụ ----- 78	8	75	8	79	X	248
Diệt -----81	8	78	8	83	X	258
Hữu Phần 9						
Sinh -----84	9	81	8	86	X	268
Trụ ----- 87	9	84	9	89	X	278
Diệt -----90	9	87	9	93	X	288
Hữu Phần 10						
Sinh -----93	10	90	9	96	X	298
Trụ ----- 96	10	93	10	99	X	308
Diệt-----99						
Hữu Phần 11						
Sinh -----102	11	99	10	106	X	328

Trụ----- 105	11	102	11	109	X	338
Diệt----- 108	11	105	11	113	X	348
Hữu Phần 12						
Sinh----- 111	12	108	11	116	X	358
Trụ----- 114	12	111	12	119	X	368
Diệt----- 117	12	114	12	123	X	378
Hữu Phần 13						
Sinh ----- 120	13	117	12	126	X	388
Trụ----- 123	13	120	13	129	X	398
Diệt----- 126	13	123	13	133	X	408
Hữu Phần 14						
Sinh ----- 129	14	126	13	136	X	418
Trụ----- 132	14	129	14	139	X	428
Diệt----- 135	14	132	14	143	X	438
Chấn Động 15						
Sinh ----- 138	15	135	14	146	X	448
Trụ ----- 141	15	138	15	149	X	458
Diệt ----- 144	15	141	15	153	X	468
Đình Chi 16						
Sinh ----- 147	16	144	15	156	X	478
Trụ ----- 150	16	147	16	159	X	488
Diệt ----- 153	16	150	16	163	X	498
Khai Ý Môn						
Sinh ----- 153	17	153	16	166	X	505
Trụ ----- 153	17	153	17	169	X	509
Diệt ----- 153	17	153	17	170	X	510
Đồng Lực I						
Sinh----- 153	17	153	17	170	X	510
Trụ----- 153	17	153	17	170	X	510
Diệt----- 153	17	153	17	170	X	510

GIẢI THÍCH SỰ HIỆN HÀNH LỘ TRÌNH SẮC PHÁP BẮT ĐẦU KỂ TỪ THỜI TÁI SINH TRỞ ĐI TRONG KHOẢNG THỜI GIAN TỔNG HỢP MẠNG CỬU (JĪVITANAVAKAKALĀPA) VẪN CHƯA SINH

1. Sắc Nghiệp Lực (Kammajarūpa): Sắc Nghiệp Lực sinh lần đầu tiên ở sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh và sinh nối tiếp mãi trong mỗi một sát na của Tâm. Nói rằng từng mỗi Tâm có 3 sát na là **Khởi Sinh (Uppāda)**, **Trụ (Tīthi)**, **Diệt (Bhaṅga)**, và cả 3 sát na của Tâm này, Sắc Nghiệp Lực cũng sinh khởi mới ở mỗi sát na và từng mỗi Sắc Pháp sinh khởi mới này thường có tuổi thọ bằng với tuổi thọ của 17 Tâm, hoặc bằng với 51 sát na tiểu của Tâm rồi mới sẽ diệt mất.

Một trường hợp khác, Sắc Nghiệp Lực sinh khởi lần đầu tiên ở sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh trở đi đây, đối với nhóm **Thai Sinh (Gabbhaseyyaka)** ở phần **Nhân Loại (Manussa)** trong sát na Sắc Nghiệp Lực sinh khởi lần đầu tiên sinh khởi được **3 Tổng Hợp (Kalāpa)** là **(1) Tổng Hợp Thân Thập (Kāyadasakakalāpa)**, **(2) Tổng Hợp Tính Thập (Bhāvadasakakalāpa)**, **(3) Tổng Hợp Vật Thập (Vatthudasakakalāpa)**, với các lý do như đã đề cập đây, trong sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh mới có Sắc Nghiệp Lực sinh khởi 3 Tổng Hợp, và khi sát na Trụ của Tâm Tái Sinh, 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực cũng sinh khởi mới nữa, kết hợp với ban đầu sinh khởi khi sát na Khởi Sinh và vẫn chưa diệt mất 3 Tổng Hợp nữa, tập hợp thành 6 Tổng Hợp và khi đến sát na Diệt của Tâm Tái Sinh, Sắc Nghiệp Lực cũng sinh khởi 3 Tổng Hợp nữa, kết hợp với sinh trụ ban đầu và vẫn chưa diệt mất 6 Tổng Hợp, mới tập hợp Sắc Nghiệp Lực hiện hữu trong sát na Diệt của Tâm Tái Sinh thành 9 Tổng Hợp, và với trạng thái như đã đề cập đây, Sắc Nghiệp Lực mới tăng số lượng lên mãi, như khi **Tâm Hữu Phần thứ 1 (Paṭhamabha vaṇṇa)** sinh khởi thì trong Khởi Sinh, Trụ, Diệt của Tâm này mới có Sắc Nghiệp Lực sinh khởi và thụ lập là 12, 15, 18 Tổng Hợp theo thuận tự, và sẽ tăng như thế này mãi cho đến Tâm Hữu Phần thứ 14 thì trong Khởi Sinh, Trụ, Diệt của Tâm này sẽ có Sắc Nghiệp Lực sinh khởi và thụ lập là 129, 132, 135 Tổng Hợp theo thuận tự. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm sẽ thay đổi thực tính thành 1 Hữu Phần Chấn Động rồi thành 1 Hữu Phần Đình Chi nữa. Còn Sắc Nghiệp Lực cũng vẫn sinh khởi có lẽ vào mỗi sát na của Tâm như cũ, vì thế trong sát na Khởi Sinh, Trụ, Diệt của Hữu Phần Dứt Dòng mới có Sắc Nghiệp Lực sinh khởi và thụ lập là 147, 150, 153 Tổng Hợp theo thuận tự. Thế nhưng khi đến sát na Diệt của Hữu Phần Đình Chi, Sắc Nghiệp Lực sinh khởi cùng với sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh cũng diệt mất. Sẽ như thế nào đi nữa trong sát na Diệt của Hữu Phần Đình Chi này vẫn phải tính Sắc Nghiệp Lực sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh vào, vì bấy giờ sẽ có tuổi thọ đủ 51 sát na, và bấy giờ sẽ diệt mất trong sát na Diệt của Tâm này. Coi như thế là trong sát na Diệt của Hữu Phần Đình Chi này có 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đang diệt, đang thụ lập 147 Tổng Hợp, đang sinh khởi mới 3 Tổng Hợp, tập hợp thành 153 Tổng Hợp. Tiếp theo, khi Tâm này diệt mất và sinh khởi Tâm mới cải biến thực tính thành Tâm Khai Ý Môn, Sắc Nghiệp Lực sinh khởi cùng với sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh mới kiệt tận đi; coi như thế là Sắc Nghiệp Lực hiện hữu 153 Tổng Hợp khi ở sát na Diệt của Hữu Phần Đình Chi ấy, khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn sẽ còn lại chỉ có 150 Tổng Hợp. Thế nhưng, trong sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn ấy, 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực cũng sinh khởi mới nữa, mới coi như thế là trong sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn cũng có lẽ có Sắc Nghiệp Lực sinh khởi và thụ lập 153 Tổng Hợp bằng như ban đầu. Và trong các sát na tiếp nối cũng sẽ có 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực diệt mất và rồi sinh khởi 3 Tổng Hợp mới, luôn mãi đi như thế này; vì thế Sắc Nghiệp Lực trước khi sẽ có Tổng Hợp Mạng Cữu, hoặc các Sắc Nghiệp Lực khác sinh khởi nữa thì cũng sẽ hiện hữu nhất quán là 153 Tổng Hợp.

2. Sắc Tâm (Cittajarūpa): Sắc Tâm sinh lần đầu tiên ở sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1, thế nhưng việc sinh của thể loại Sắc Pháp này sai biệt với Sắc Nghiệp Lực, vì sẽ đặc biệt sinh khởi ở từng mỗi một sát na Khởi Sinh của Tâm ngàn ấy thôi. Còn tuổi thọ

của Sắc Pháp này khi sinh khởi rồi cũng có tuổi thọ bằng với tuổi thọ của 17 sát na Tâm, hoặc 51 sát na Tiểu của Tâm, tương tự với Sắc Nghiệp Lực; vì thế trong Khởi Sinh, Trụ, Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 mới có Sắc Tâm sinh khởi, thụ lập là 1, 1, 1 Tổng Hợp ngàn ấy thôi. Tiếp nối khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 2, 1 Tổng Hợp Sắc Tâm sinh khởi mới lần nữa, gom thành 2 Tổng Hợp với cả thụ lập ban đầu; vì thế trong Khởi Sinh, Trụ, Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 2 mới có Sắc Tâm là 2, 2, 2 Tổng Hợp tương tự như nhau, và theo phương thức này luôn mãi đi cho đến sát na Diệt của Tâm Khai Ý Môn, Sắc Tâm sinh khởi cùng với sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 cũng bắt đầu diệt. Thế nhưng trong sát na Diệt của Tâm này cũng vẫn có lẽ tính Sắc Tâm đang diệt này vào, vì trong sát na đang diệt ấy cũng vẫn phải tính rằng hiện hữu. Vì nguyên nhân này, trong Khởi Sinh, Trụ, Diệt của Tâm Khai Ý Môn mới có Sắc Tâm sinh khởi, thụ lập là 17, 17, 17 Tổng Hợp theo thuận tự. Tiếp nối khi Tâm Khai Ý Môn diệt mất và Tâm mới thay đổi thực tính thành Tâm Đồng Lực sinh khởi, Sắc Tâm sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 mới kiệt tận đi, coi như thế là Sắc Tâm hiện hữu ngay sát na Diệt của Tâm Khai Ý Môn là 17 Tổng Hợp ấy thì khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực sẽ chỉ còn hiện hữu 16 Tổng Hợp. Thế nhưng trong sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực ấy, 1 Tổng Hợp Sắc Tâm cũng sinh khởi mới nữa, mới coi như thế là trong sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực ấy cũng có lẽ có Sắc Tâm sinh khởi, thụ lập nhất quán là 17 Tổng Hợp như thế này.

3. Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết (Kammappaccayautujarūpa): Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết là Sắc Quý Tiết sinh từ Sắc Nghiệp Lực làm duyên. Nói rằng khi Sắc Nghiệp Lực nào sinh khởi và thụ lập đến sát na Trụ rồi cũng làm duyên cho loại Sắc Quý Tiết này sinh khởi. Như thế, sở tại địa việc sanh khởi, thụ lập, diệt mất; hoặc số lượng Sắc sinh khởi, thụ lập, diệt mất của thể loại Sắc này cũng thường hiện hành tương tự với mọi trường hợp của Sắc Nghiệp Lực, có lẽ phải chênh lệch sai dị với nhau 1 sát na thôi. Tỷ như, 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh khởi ở sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh thì 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết cũng sinh khởi tương tự ở sát na Trụ của cùng cái Tâm này; và 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực này sẽ diệt ở sát na Diệt của Hữu Phần Đình Chi, thế nhưng 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết này sẽ phải diệt ở sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn, chênh lệch 1 sát na với Sắc Nghiệp Lực tương tự như thế. Số lượng của Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sinh khởi, thụ lập một cách tối đa mới có 153 Tổng Hợp cũng tương tự với Sắc Nghiệp Lực, và số lượng tối đa này có trong sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn, chênh lệch 1 sát na với Sắc Nghiệp Lực có trong sát na Diệt của Hữu Phần Đình Chi, và số lượng ngàn này có lẽ hiện hữu nhất quán cho đến khi Sắc Nghiệp Lực sẽ cải biến thành thể loại khác.

4. Sắc Tâm Duyên Quý Tiết (Cittappaccayautujarūpa): Sắc Tâm Duyên Quý Tiết này là Sắc Quý Tiết sinh từ Sắc Tâm làm duyên. Nói là ngay khi Sắc Tâm nào sinh khởi và thụ lập đến sát na Trụ rồi cũng làm duyên cho Sắc Quý Tiết này sinh khởi, hiện hành cùng một phương thức với Sắc Nghiệp Lực làm duyên cho Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sinh. Vì thế Sắc Tâm Duyên Quý Tiết mới bắt đầu sinh khởi ở sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 1, chênh lệch nhau 1 sát na với Sắc Tâm, và bắt đầu diệt ở sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực, thế nhưng trong sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực cũng vẫn phải tính Sắc đang diệt

này vào. Như thế, khi đến sát na Trụ của Tâm Đồng Lực thứ 1 mới có Sắc Tâm Duyên Quý Tiết nguyên tiên còn lại 16 Tổng Hợp, thế nhưng trong sát na Trụ ấy cũng có Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sinh khởi 1 Tổng Hợp nữa, mới có lẽ thành số lượng 17 Tổng Hợp bằng với ban đầu, và sẽ hiện hữu nhất quán như thế này.

5. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết (Utupaccayaautujarūpa): Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này là Sắc Quý Tiết sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết và Sắc Tâm Duyên Quý Tiết làm duyên. Nói rằng khi cả hai thể loại Sắc này sinh khởi và thụ lập đến sát na Trụ rồi cũng làm duyên cho Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết sinh khởi. Như thế, việc sinh khởi, thụ lập, diệt mất của thể loại Sắc này thường hiện hành trong cùng một phương thức với cả hai thể loại Sắc đã làm duyên cho, chỉ chênh lệch với nhau 1 sát na thôi. Tỷ như, 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sinh khởi ở sát na Trụ của Tâm Tái Sinh thì 3 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết cũng sinh khởi ở sát na Diệt của cùng cái Tâm này, và khi Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sinh khởi ở sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 1 có số lượng 1 Tổng Hợp thì Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết cũng sinh khởi 1 Tổng Hợp nữa ở sát na Diệt của cùng cái Tâm này; lại tập hợp với 12 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết đang sinh liên tục và có lẽ hiện hữu trong sát na Trụ của cùng một Tâm Hữu Phần này nữa rồi thì Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết mới hiện hữu trong sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 này gom thành 13 Tổng Hợp.

Hoặc sẽ nói một cách thức khác, là trong sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 1 này có 12 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết với Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sinh khởi, thụ lập 1 Tổng Hợp; như thế mới có Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết sinh khởi, thụ lập trong sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 này là 13 Tổng Hợp. Và số lượng của Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này sẽ tăng lên mãi theo phương thức này cho đến sát na Trụ của Tâm Khai Ý Môn sẽ có 169 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết sinh khởi, thụ lập; là kết quả đến từ 153 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết và 16 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết đã sinh khởi, thụ lập trong sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn. Tiếp đến, khi đến sát na Trụ của Tâm Khai Ý Môn, 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sinh khởi trong sát na Trụ của Tâm Tái Sinh ấy diệt mất rồi; thế nhưng trong sát na Trụ của Tâm Khai Ý Môn, 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết cũng sinh khởi mới nữa, mới có lẽ hiện hữu 153 Tổng Hợp bằng như ban đầu. 16 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết hiện hữu ban đầu vẫn chưa diệt đi, và sinh mới 1 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết nữa trong sát na Trụ mới thành 17 Tổng Hợp. Như thế trong sát na Diệt của Tâm Khai Ý Môn mới có 170 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết, và sẽ có lẽ có số lượng chỉ ngần này luôn mãi cho đến khi Sắc Nghiệp Lực sẽ có việc cải biến. Còn Sắc Vật Thực vẫn chưa sinh trong khoảng thời gian này, và việc tập hợp Tổng Hợp Sắc hiện hữu trong từng mỗi sát na Tâm ấy cũng không có lý do nào đặc biệt đáng đề cập đến.

BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨ 2

TRÌNH BÀY LỘ TRÌNH SẮC PHÁP BẮT ĐẦU KỂ TỪ TỔNG HỢP MẠNG CỬU SINH KHỞI

Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực	Tổng Hợp Sắc Tâm	Tổng Hợp Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết	Tổng Hợp Tâm Duyên Quý Tiết	Tổng Hợp Quý Tiết Duyên Quý Tiết	Tổng Hợp Vật Thực	Tập Hợp Tổng Hợp
Hữu Phần 1	-----	-----	-----	-----	-----	-----
Sinh----- 154	17	153	17	170	X	511
Trụ-----155	17	154	17	170	X	513
Diệt ----- 156	17	155	17	171	X	516
Hữu Phần 2						
Sinh ---- 157	17	156	17	172	X	519
Trụ -----158	17	157	17	173	X	522
Diệt-----159	17	158	17	174	X	525
Hữu Phần 3						
Sinh --- 160	17	159	17	175	X	528
Trụ-----161	17	160	17	176	X	530
Diệt-----162	17	161	17	177	X	534
Hữu Phần 4						
Sinh ---- 163	17	162	17	178	X	537
Trụ-----164	17	163	17	179	X	540
Diệt-----165	17	164	17	180	X	543
Hữu Phần 5						
Sinh ----- 166	17	165	17	181	X	546
Trụ-----167	17	166	17	182	X	549
Diệt-----168	17	167	17	183	X	552
Hữu Phần 6						
Sinh ----- 169	17	168	17	184	X	555
Trụ-----170	17	169	17	185	X	558
Diệt-----171	17	170	17	186	X	561
Hữu Phần 7						
Sinh ----- 172	17	171	17	187	X	564
Trụ-----173	17	172	17	188	X	567
Diệt-----174	17	173	17	189	X	570
Hữu Phần 8						
Sinh ----- 175	17	174	17	190	X	573
Trụ-----176	17	175	17	191	X	576
Diệt-----177	17	176	17	192	X	579
C. Động 9						
Sinh-----178	17	177	17	193	X	582
Trụ-----179	17	178	17	194	X	585
Diệt-----180	17	179	17	195	X	588
Đình Chi 10						
Sinh-----181	17	180	17	196	X	591

Trụ-----182	17	181	17	197	X	594
Diệt-----183	17	182	17	198	X	597
Khai Ý Môn						
Sinh-----184	17	183	17	199	X	600
Trụ-----185	17	184	17	200	X	603
Diệt-----186	17	185	17	201	X	606
Đồng Lực 1						
Sinh-----187	17	186	17	202	X	609
Trụ-----188	17	187	17	203	X	612
Diệt-----189	17	188	17	204	X	615
Đồng Lực 2						
Sinh-----190	17	189	17	205	X	618
Trụ-----191	17	190	17	206	X	621
Diệt-----192	17	191	17	207	X	624
Đồng Lực 3						
Sinh-----193	17	192	17	208	X	627
Trụ-----194	17	193	17	209	X	630
Diệt-----195	17	194	17	210	X	633
Đồng Lực 4						
Sinh-----196	17	195	17	211	X	636
Trụ-----197	17	196	17	212	X	639
Diệt-----198	17	197	17	213	X	642
Đồng Lực 5						
Sinh ---- 199	17	198	17	214	X	645
Trụ-----200	17	199	17	215	X	648
Diệt-----201	17	200	17	216	X	651
Hữu Phần 1						
Sinh-----202	17	201	17	217	X	654
Trụ-----203	17	202	17	218	X	657
Diệt-----204	17	203	17	219	X	660
Hữu Phần 2						
Sinh-----204	17	204	17	220	X	662
Trụ-----204	17	204	17	221	X	663
Diệt-----204	17	204	17	221	X	663

GIẢI THÍCH SỰ HIỆN HÀNH LỘ TRÌNH SẮC PHÁP BẮT ĐẦU TỪ TỔNG HỢP MẠNG CỬU KHỞI SINH (*)

[(*): Kể từ bản chính phương thứ 2 đến bản chính phương thứ 4 là việc trình bày trong **thời kỳ năng lực yếu kém (Atitaruṇakāla)**, là thời kỳ nam anh hài ở phúc trung thai, và vẫn chưa có đủ khí quan, một cách đặc biệt Ý Vật có năng lực rất yếu, vì thế việc sinh khởi của Tâm Đồng Lực trong các thể loại Lộ Trình này mới chỉ có 5 sát na thôi].

1. Sắc Nghiệp Lực: Sắc Nghiệp Lực này kể từ thời kỳ Tái Sinh trở đi cho đến sát na trước khi Tổng Hợp Mạng Cữu sẽ sinh thì thường có 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực diệt mất, 147 Tổng Hợp thụ lập và sinh khởi mới 3 Tổng Hợp, gom thành 153 Tổng Hợp như thế này mỗi một sát na của Tâm. Còn **Tổng Hợp Mạng Cữu (Jīvitānavakakalāpa)** là một thể loại Sắc Nghiệp Lực, đối với người trong Dục Địa Giới ở nhóm Thai Sinh phần Nhân Loại, hiện bày rằng Tổng Hợp Mạng Cữu sẽ sinh khởi dĩ hậu thời kỳ Tái Sinh; thế nhưng sẽ sinh khởi trong sát na nào của Tâm nào quả bất khả minh xác, và việc sinh khởi của Tổng Hợp Mạng Cữu ở từng mỗi người cũng không giống nhau. Vì thế, các Giáo Thọ Sư Phụ Chú Giải mới ước lượng rằng có thể sinh khởi trong sát na Khởi Sinh, hoặc sát na Trụ, hoặc sát na Diệt của bất luận một Tâm nào dĩ hậu Tâm Tái Sinh và bên trong tuần lễ thứ 1 là **Sắc Chủng Tử Hữu Tình (Kalalasattāha)** cũng được. Việc trình bày trong bản chính phương thứ 2 này, giả thiết cho Tổng Hợp Mạng Cữu sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực), là như vậy cũng chỉ để thuận tiện cho việc ghi nhớ thôi, chẳng phải là việc chứng thực nhất định. Khi giả thiết cho Tổng Hợp Mạng Cữu sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) rồi, trong sát na Khởi Sinh của Tâm này cũng thường có 1 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh khởi nữa, kết hợp với 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đã sinh lúc ban đầu, thành 4 Tổng Hợp mới sinh. Còn Sắc Nghiệp Lực diệt mất, cũng có lẽ chỉ diệt mất 3 Tổng Hợp như ban đầu, vì Tổng Hợp Mạng Cữu mới sinh khởi vẫn chưa đến hạn định sẽ diệt mất. Vì nguyên nhân này, 153 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực hiện hữu ban đầu mới tăng lên thành 154 Tổng Hợp và sẽ tăng lên mãi theo phương thức này ở mỗi một sát na của Tâm cho đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 (sau Tâm Đồng Lực), Tổng Hợp Mạng Cữu sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) mới sẽ diệt. Thế nhưng, trong sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 (sau Tâm Đồng Lực) này cũng vẫn phải tính Tổng Hợp Mạng Cữu đang diệt mất này vào. Tiếp đến, khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực), Tổng Hợp Mạng Cữu sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) mới kiệt tận đi, coi như thế là trong sát na Khởi Sinh của Tâm này có 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đang diệt mất, thụ lập 196 Tổng Hợp, sinh mới 4 Tổng Hợp, gom thành 204 Tổng Hợp và có lẽ hiện hữu thành số lượng ngàn này nhất quán cho đến khi các Sắc Nghiệp Lực khác sẽ sinh khởi nữa.

2. Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết: Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết này đã được đề cập đến trong bản chính phương thứ 1, rằng là Sắc Quý Tiết sinh từ Sắc Nghiệp Lực làm duyên, sở tại địa việc sinh khởi, thụ lập, diệt mất; hoặc là số lượng Tổng Hợp sinh khởi, thụ lập, diệt mất tương tự với mọi trường hợp của Sắc Nghiệp Lực, có lẽ chỉ chênh lệch sai dị với nhau 1 sát na thôi. Như thế khi sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) mới có lẽ có 153 Sắc Tổng Hợp hiện hữu bằng như ban đầu. Tiếp đến, khi đến sát na Trụ của Tâm này, Tổng Hợp Mạng Cữu sinh khởi ở sát na Khởi Sinh mới làm duyên cho sinh Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết tăng lên 1 Tổng Hợp nữa thành 154 Tổng Hợp, và tăng lên mãi theo phương thức này cho đến sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực), Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sinh khởi trong sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 1

(trước Tâm Đồng Lực) mới sẽ diệt. Thế nhưng, trong sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) này cũng vẫn phải tính Sắc đang diệt này vào. Tiếp đến, khi đến sát na Trụ rồi, Sắc này mới diệt kiệt tận đi, coi như thế là trong sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) này có 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết đang diệt, thụ lập 196 Tổng Hợp, sinh khởi mới 4 Tổng Hợp, kết hợp thành 204 Tổng Hợp, và có lẽ có số lượng ngần này luôn mãi cho đến khi Sắc Nghiệp Lực sẽ cải biến đi lần nữa.

3. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết: Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này đã có đề cập đến trong bản chính phương thứ 1, rằng là Sắc Quý Tiết sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết và Sắc Tâm Duyên Quý Tiết làm duyên. Đối với trong bản chính phương thứ 2 này, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết không có việc cải biến, còn Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết có tăng lên kể từ sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực), vì thế Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết thường có tăng lên kể từ sát na Diệt của Tâm Hữu Phần này một cách tương tự. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết hiện hữu ban đầu 170 Tổng Hợp, vì thế trong sát na Khởi Sinh và sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) mới có lẽ hiện hữu 170 Tổng Hợp bằng như ban đầu. Khi đến sát na Diệt mới tăng lên thành 171 Tổng Hợp và tăng lên mãi theo phương thức này cho đến sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực), Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết sinh khởi ở sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) mới sẽ diệt mất. Thế nhưng trong sát na Trụ của Tâm này cũng vẫn phải tính Sắc đang diệt này vào. Tiếp đến, khi đến sát na Diệt rồi Sắc này mới kiệt tận đi, mới coi như thế là trong sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) này có 5 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết đang diệt đi (là 4 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 1 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết), thụ lập 211 Tổng Hợp (là 196 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 15 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết) và 4 Tổng Hợp sinh khởi mới (là 4 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết), thụ lập 212 Tổng Hợp (là 169 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 16 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết) và 5 Tổng Hợp sinh khởi mới (là 4 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 1 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết) kết hợp lại 221 Tổng Hợp và có lẽ có số lượng ngần này luôn mãi cho đến khi Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sẽ cải biến đi lần nữa.

Trong bản chính phương thứ 2 này, Sắc Tâm và Sắc Tâm Duyên Quý Tiết có lẽ hiện hữu theo số lượng ban đầu và bất cải biến. Sắc Vật Thực vẫn chưa sinh như ban đầu, và việc tập hợp Tổng Hợp Sắc Pháp cũng không có lý do nào đặc biệt đáng đề cập đến.

BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨ 3
TRÌNH BÀY LỘ TRÌNH SẮC PHÁP BẮT ĐẦU KỂ TỪ SẮC VẬT THỰC SINH

Tổng Hợp Sắc Nghiệp	Tổng Hợp Sắc Tâm	Tổng Hợp Vật Thực	T. H. Nghiệp L. Duyên Q. Tiết	T. H. Tâm Duyên Q. Tiết	T. H. Vật T. Duyên Q. Tiết	T. H. Q. T. Duyên Q. T.	Tập Hợp
Hữu Phần 1 Sinh--- 204	----- 17	----- 1	----- 204	----- 17	----- X	----- 221	----- 664

Trụ 204	17	2	204	17	1	221	666
Diệt --- 204	17	3	204	17	2	222	669
Hữu Phần 2							
Sinh--- 204	17	4	204	17	3	223	672
Trụ 204	17	5	204	17	4	224	675
Diệt --- 204	17	6	204	17	5	225	678
Hữu Phần 3							
Sinh--- 204	17	7	204	17	6	226	681
Trụ 204	17	8	204	17	7	227	684
Diệt--- 204	17	9	204	17	8	228	687
Hữu Phần 4							
Sinh--- 204	17	10	204	17	9	229	690
Trụ----204	17	11	204	17	10	230	693
Diệt----204	17	12	204	17	11	231	696
Hữu Phần 5							
Sinh ---204	17	13	204	17	12	232	699
Trụ----204	17	14	204	17	13	233	702
Diệt --- 204	17	15	204	17	14	234	705
Hữu Phần 6							
Sinh --- 204	17	16	204	17	15	235	708
Trụ----204	17	17	204	17	16	236	711
Diệt --- 204	17	18	204	17	17	237	714
Hữu Phần 7							
Sinh ---- 204	17	19	204	17	18	238	717
Trụ-----204	17	20	204	17	19	239	720
Diệt ----204	17	21	204	17	20	240	723
Hữu Phần 8							
Sinh-- -- 204	17	22	204	17	21	241	726
Trụ-----204	17	23	204	17	22	242	729
Diệt ---- 204	17	24	204	17	23	243	732
C. Động 9							
Sinh ---204	17	25	204	17	24	244	735
Trụ-----204	17	26	204	17	25	245	738
Diệt --- 204	17	27	204	17	26	246	741
Đỉnh Chỉ 10							
Sinh-- -- 204	17	28	204	17	27	247	744
Trụ-----204	17	29	204	17	28	248	747
Diệt ---- 204	17	30	204	17	29	249	750
Khai Ý Môn							
Sinh ----204	17	31	204	17	30	250	753
Trụ-----204	17	32	204	17	31	251	756

Diệt ---- 204	17	33	204	17	32	252	759
Đồng Lực 1							
Sinh--- 204	17	34	204	17	33	253	762
Trụ-----204	17	35	204	17	34	254	765
Diệt----- 204	17	36	204	17	35	255	768
Đồng Lực 2							
Sanh----204	17	37	204	17	36	256	771
Trụ-----204	17	38	204	17	37	257	774
Diệt ---- 204	17	39	204	17	38	258	777
Đồng Lực 3							
Sinh ----204	17	40	204	17	39	259	780
Trụ-----204	17	41	204	17	40	260	783
Diệt --- 204	17	42	204	17	41	261	786
Đồng Lực 4							
Sinh- -- 204	17	43	204	17	42	262	789
Trụ-----204	17	44	204	17	43	263	792
Diệt --- 204	17	45	204	17	44	264	795
Đồng Lực 5							
Sinh -- 204	17	46	204	17	45	265	798
Trụ-----204	17	47	204	17	46	266	801
Diệt --- 204	17	48	204	17	47	267	804
Hữu Phần 1							
Sinh-- -- 204	17	49	204	17	48	268	807
Trụ-----204	17	50	204	17	49	269	810
Diệt-----204	17	51	204	17	50	270	813
Hữu Phần 2							
Sinh----- 204	17	51	204	17	51	271	814
Trụ-----204	17	51	204	17	51	272	816
Diệt ---- 204	17	51	204	17	51	272	816

GIẢI THÍCH SỰ HIỆN HÀNH LỘ TRÌNH SẮC PHÁP BẮT ĐẦU TỪ SẮC VẬT THỰC SINH

1. Sắc Vật Thực (Āhārajārūpa): Sắc Vật Thực này, đối với nhóm Thai Sinh ở phần Nhân Loại hiện bày rằng: sẽ sinh khởi dĩ hậu Tổng Hợp Mạng Cữu, là trong tuần lễ thứ 2 hoặc thứ 3, và dĩ hậu vật thực của người Mẹ thọ thực đã thấm nhập vào cơ thể của thai nhi. Thế nhưng, sẽ sinh trong sát na nào của Tâm nào cũng được, và việc sinh khởi Sắc Vật Thực của từng mỗi người không giống nhau. Trong bản chính phương thứ 3 này, nhằm để thuận tiện cho việc ghi nhớ mới giả thiết cho Sắc Vật Thực sinh ở sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) và trạng thái việc sinh khởi của Sắc Vật Thực này thường sinh khởi vào mỗi một sát na của Tâm, và khi sinh khởi rồi cũng sẽ thụ lập bằng với tuổi thọ

của 17 sát na Tâm, hoặc bằng với 51 sát na Tiêu của Tâm mới sẽ diệt đi. Như thế, giả thiết cho Sắc Vật Thực sinh ở sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) như thế này rồi 1, 2, 3 Tổng Hợp Sắc Vật Thực thường sinh khởi và thụ lập trong Khởi Sinh, Trụ, Diệt của Tâm này theo thuận tự, và sẽ tăng lên mãi theo phương thức này cho đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 (sau Tâm Đồng Lực) sẽ có 51 Tổng Hợp Sắc Vật Thực sinh khởi, thụ lập, và trong số lượng 51 Tổng Hợp Sắc Vật Thực này là tập hợp cả Sắc Vật Thực đã cùng sinh với sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) đang sắp diệt mất trong sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 (sau Tâm Đồng Lực) này vào. Thế nhưng trong sát na Tâm này cũng vẫn phải tính Sắc Pháp đang sắp diệt mất này vào, vì vẫn chưa có kiệt tận. Khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) mới diệt kiệt tận. Thế nhưng trong sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) cũng có 1 Tổng Hợp Sắc Vật Thực đang diệt nữa, thụ lập 49 Tổng Hợp và sinh mới 1 Tổng Hợp, gom thành 51 Tổng Hợp bằng như ban đầu và mãi hiện hữu ngàn số lượng này cho đến khi Sắc Vật Thực này sẽ có việc cải biến thành Pháp chủng khác.

2. Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết: Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết là Sắc Quý Tiết sinh từ Sắc Vật Thực làm duyên. Khi có Sắc Vật Thực sinh khởi và đã thụ lập đến sát na Trụ, Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết cũng thường sinh khởi; như thế việc sinh khởi, thụ lập, diệt mất của Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết cũng hiện hành trong cùng một phương thức với mọi trường hợp của Sắc Vật Thực, chỉ chênh lệch sai đi với nhau 1 sát na. Khi giả thiết cho Sắc Vật Thực sinh khởi ở sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết này cũng thường sinh khởi ở sát na Trụ cũng cùng một sát na Tâm với nhau, số lượng tăng lên cũng hiện hành cùng một phương thức như nhau, và việc diệt mất của Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết này cũng bắt đầu diệt ở sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực), thế nhưng trong sát na Khởi Sinh của Tâm này cũng vẫn phải tính Sắc đang diệt này vào. Tiếp nối khi đến sát na Trụ của Tâm này, Sắc Pháp này mới kiệt tận đi. Như thế trong sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) mới có 1 Tổng Hợp Sắc Vật Thực đang diệt đi, 49 Tổng Hợp thụ lập và sinh mới 1 Tổng Hợp, tập hợp thành 51 Tổng Hợp.

3. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết: Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết đã đề cập đến trong bản chính phương thứ 1 và 2, rằng là Sắc sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết và Sắc Tâm Duyên Quý Tiết làm duyên, thế nhưng khi đến bản chính phương thứ 3 này, phải trình bày thêm một trường hợp nữa, là Sắc sinh từ Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết. Như thế khi hiện bày rằng: có Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết sinh khởi ở sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) như vậy Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết hiện hữu ban đầu (trong bản chính phương thứ 2) có số lượng 221 Tổng Hợp sẽ có lẽ giữ nguyên số lượng 221 Tổng Hợp chỉ ở tại sát na Trụ của Tâm Hữu Phần này thôi. Khi đến sát na Diệt cũng sẽ có 1 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết sinh khởi nữa, tập hợp thành 222 Tổng Hợp, chính thị là kết quả từ Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết sinh khởi ở sát na Trụ của Tâm này, và sẽ tăng lên mãi theo phương thức này cho đến sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) Sắc sinh khởi ở sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) mới sẽ diệt đi; thế

nhưng việc tính đếm cũng tương tự là vẫn có lẽ phải tính Sắc đang diệt này vào. Tiếp nối khi đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần này, Sắc đang diệt mới kiệt tận đi, coi như thể là trong sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) này có 6 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết đang diệt (là 4 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 1 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, 1 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết), thụ lập 261 Tổng Hợp (là 196 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 16 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, 49 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết) và sinh mới 5 Tổng Hợp, tập hợp thành 272 Tổng Hợp. Tiếp đến, khi đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) này có 5 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết (là 4 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 1 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết), thụ lập 261 Tổng Hợp (là 196 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 16 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, 49 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết) và 6 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh khởi mới, tập hợp thành 272 Tổng Hợp.



BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨ 4
TRÌNH BÀY LỘ TRÌNH SẮC PHÁP BẮT ĐẦU TỪ TỨ TỔNG HỢP THUYẾT ĐẠO NHÃN KHỞI SINH

T. Hợp Sắc Nghiệp Lực	Tổng Hợp Sắc Tâm	Tổng Hợp Vật Thực	T. Hợp N. Lực Duyên Q. T.	T. Hợp Tâm Duyên Q. T.	T. Hợp V. T. Duyên Q. T.	T. H. Q. T. Duyên Q. T.	Tập Hợp T. Hợp
Hữu Phần 1	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----
Sinh--- 208	17	51	204	17	51	272	820
Trụ 212	17	51	208	17	51	272	828
Diệt --- 216	17	51	212	17	51	276	840
Hữu Phần 2							
Sinh – 220	17	51	216	17	51	280	852
Trụ --- 224	17	51	220	17	51	284	864
Diệt --- 228	17	51	224	17	51	288	876
Hữu Phần 3							
Sinh----232	17	51	228	17	51	292	888
Trụ ---- 236	17	51	232	17	51	296	900
Diệt ---- 240	17	51	236	17	51	300	912
Hữu Phần 4							
Sinh ----244	17	51	240	17	51	304	924

Trụ-----248	17	51	244	17	51	308	936
Diệt ----- 252	17	51	248	17	51	312	948
Hữu Phần 5							
Sinh ----256	17	51	252	17	51	316	960
Trụ-----260	17	51	256	17	51	320	972
Diệt ----- 264	17	51	260	17	51	324	984
Hữu Phần 6							
Sinh---- 268	17	51	264	17	51	328	996
Trụ-----272	17	51	268	17	51	332	1008
Diệt----- 276	17	51	272	17	51	336	1020
Hữu Phần 7							
Sinh---- 280	17	51	276	17	51	340	1032
Trụ-----284	17	51	280	17	51	344	1044
Diệt----- 288	17	51	284	17	51	348	1056
Hữu Phần 8							
Sinh ---- 292	17	51	288	17	51	352	1068
Trụ-----296	17	51	292	17	51	356	1080
Diệt ----- 300	17	51	296	17	51	360	1092
Ch. Động 9							
Sinh -----304	17	51	300	17	51	364	1104
Trụ-----308	17	51	304	17	51	368	1116
Diệt ----- 312	17	51	308	17	51	372	1128
Đình Chi 10							
Sinh ---- 316	17	51	312	17	51	376	1140
Trụ-----320	17	51	316	17	51	380	1152
Diệt ----- 324	17	51	320	17	51	384	1164
Khai Ý Môn							
Sinh ----328	17	51	324	17	51	388	1176
Trụ-----332	17	51	328	17	51	392	1188
Diệt ---- 336	17	51	332	17	51	396	1200
Đồng Lực 1							
Sinh --- 340	17	51	336	17	51	400	1212
Trụ-----344	17	51	340	17	51	404	1224
Diệt ---- 348	17	51	344	17	51	408	1236
Đồng Lực 2							
Sinh --- 352	17	51	348	17	51	412	1248
Trụ-----356	17	51	352	17	51	416	1260
Diệt ---- 360	17	51	356	17	51	420	1272
Đồng Lực 3							
Sinh ----364	17	51	360	17	51	424	1284

Trụ-----368	17	51	364	17	51	428	1296
Diệt ----- 372	17	51	368	17	51	432	1308
Đồng Lực 4							
Sinh ---- 376	17	51	372	17	51	436	1320
Trụ-----380	17	51	376	17	51	440	1332
Diệt ----- 384	17	51	380	17	51	444	1344
Đồng Lực 5							
Sinh ---- 388	17	51	384	17	51	448	1356
Trụ-----392	17	51	388	17	51	452	1368
Diệt ----- 396	17	51	392	17	51	456	1380
Hữu Phần 1							
Sinh ---- 400	17	51	396	17	51	460	1392
Trụ-----404	17	51	400	17	51	464	1404
Diệt-----408	17	51	404	17	51	468	1416
Hữu Phần 2							
Sinh ---- 408	17	51	408	17	51	472	1424
Trụ-----408	17	51	408	17	51	476	1428
Diệt ---- 408	17	51	408	17	51	476	1428

GIẢI THÍCH SỰ HIỆN HÀNH LỘ TRÌNH SẮC PHÁP BẮT ĐẦU TỪ TỨ TỔNG HỢP THUYẾT ĐÁO NHÂN (CAKKHAVĀDICATUKAKALĀPA) KHỞI SINH

1. Sắc Nghiệp Lực: Sắc Nghiệp Lực trình bày trong bản chính phương thứ 3 là khoảng thời gian Sắc Vật Thực sinh và hiện hữu 204 Tổng Hợp ấy, trong khoảng thời gian tiếp đến cũng có lẽ có số lượng ngàn này cho đến tuần lễ thứ 11 từ Thời Tái Sinh, **Tứ Tổng Hợp Thuyết Đáo Nhân Môn (Cakkhavādicatukakalāpa)** là 1 Tổng Hợp Nhân Thập, 1 Tổng Hợp Nhĩ Thập, 1 Tổng Hợp Ty Thập và 1 Tổng Hợp Thiệt Thập cũng sinh. Việc sinh khởi của cả 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực này thường nhất định sinh khởi trong tuần lễ thứ 11, và sẽ sinh khởi trong sát na nào của Tâm nào cũng được, luôn cả bắt luận một Tổng Hợp nào trong 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực này sẽ sinh khởi trước sau cũng được, và việc bắt đầu sinh của cả 4 Tổng Hợp Thập Pháp này chẳng phải câu sinh nhau trong cùng một sát na Tâm. Thế nhưng việc bắt đầu sinh của cả 4 Tổng Hợp Thập Pháp này thường bắt đầu sinh trong tuần lễ thứ 11 với nhau. Còn trong bản chính phương thứ 4 này trình bày cả 4 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực bắt đầu câu sinh với nhau ở sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực), rằng nếu theo thực tính rồi cũng cũng thường hiện hành không được, thế nhưng việc trình bày như thế này cũng nhằm để cho sự ghi nhớ dễ dàng và thuận tiện cho việc giải thích thôi. Việc sinh khởi của Sắc Nghiệp Lực thường sinh khởi vào mỗi một sát na của Tâm như đã đề cập rồi, như thế trong sát na Khởi Sinh, Trụ, Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) mới có Sắc Nghiệp Lực tăng lên từ chỗ hiện hữu ban đầu 204 Tổng Hợp thành 208, 212, 216 theo thuận tự, và tăng lên mãi theo phương thức này cho đến sát na Diệt của

Tâm Hữu Phần thứ 1 (sau Tâm Đồng Lực) Sắc Pháp sinh khởi ở sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) mới bắt đầu diệt; thế nhưng trong sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 này (sau Tâm Đồng Lực) cũng có lẽ vẫn phải tính Sắc đang diệt này vào. Tiếp nối khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) mới kiệt tận đi. Thế nhưng trong sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần này có 8 Tổng Hợp đang diệt nữa, thụ lập 392 Tổng Hợp và sinh khởi mới 8 Tổng Hợp, tập hợp thành 408 Tổng Hợp (là Tổng Hợp Thân Thập, Tổng Hợp Tính Thập, Tổng Hợp Vật Thập, Tổng Hợp Mạng Cửu, Tổng Hợp Nhân Thập, Tổng Hợp Nhĩ Thập, Tổng Hợp Tỵ Thập, Tổng Hợp Thiệt Thập, với từng mỗi thể loại có 51 Tổng Hợp) và sẽ hiện hữu ngàn số lượng này cho đến Lộ Trình Cận Tử mới sẽ có việc cải biến đi.

2. Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết: Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết trình bày trong bản chính phương thứ 3 hiện hữu 204 Tổng Hợp ấy, thế nhưng trong bản chính phương thứ 4 này trình bày rằng: có Sắc Nghiệp Lực sinh khởi ở sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) trở đi từng mỗi sát na Tâm là 4 Tổng Hợp, như thế Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết cũng thường có số lượng tăng lên kể từ sát na Trụ của Tâm này trở đi tương tự như nhau; vì thế trong sát na Khởi Sinh, Trụ, Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) này mới có 204, 208, 212 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sinh khởi, thụ lập theo thuận tự, và sẽ tăng lên mãi theo phương thức này cho đến sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực), Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sanh khởi ở sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) cũng bắt đầu diệt, thế nhưng trong sát na Tâm này vẫn phải tính Sắc đang diệt này vào. Tiếp nối khi đến sát na Trụ của Tâm này, Sắc Pháp diệt ấy mới kiệt tận đi, coi như thế là trong sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) này có 8 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết đang diệt đi, thụ lập 392 Tổng Hợp, sinh khởi mới 8 Tổng Hợp, kết hợp thành 408 Tổng Hợp, và có lẽ có ngàn số lượng này nhất quán cho đến khi sẽ có việc cải biến thành Pháp chủng khác.

3. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết: Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này đã đề cập đến rồi, rằng là Sắc sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, và Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết, cả 3 này làm duyên. Như thế, khi Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết có tăng lên ở sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) trở đi, Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết cũng thường có tăng lên ở sát na Diệt cũng cùng một sát na Tâm này trở đi một cách tương tự. Như thế, trong sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) mới có 276 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết sinh khởi, thụ lập, tăng lên từ trong bản chính phương thứ 3 hiện hữu 272 Tổng Hợp, và sẽ tăng lên mãi ở mỗi một sát na Tâm cho đến sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực), Sắc Pháp sinh khởi ở sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) mới sẽ diệt, thế nhưng trong sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 2 này cũng vẫn phải tính Sắc Pháp đang diệt này vào. Tiếp nối khi đến sát na Diệt mới kiệt tận đi, coi như thế là trong sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) này có 10 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết đang diệt (là 8 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 1 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, 1 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết), thụ lập

457 Tổng Hợp (là 392 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 16 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, 49 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết), sinh khởi mới 9 Tổng Hợp, kết hợp thành 476 Tổng Hợp. Tiếp nối khi đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) này có 9 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết đang diệt (là 8 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 1 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết), thụ lập 457 Tổng Hợp (là 392 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 16 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, 49 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh từ Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết) và 10 Tổng Hợp Sắc Pháp, tập hợp thành 476 Tổng Hợp, và có lẽ hiện hữu mãi ngàn số lượng này cho đến khi sẽ có việc cải biến.

Trong bản chính phương thứ 4 này, Sắc Tâm, Sắc Vật Thực, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết có lẽ hiện hữu theo số lượng ban đầu, bất cải biến, và việc tập hợp Tổng hợp Sắc Pháp cũng không có lý do nào đặc biệt sẽ đem đến đề cập.



BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨ 5
TRÌNH BÀY LỘ TRÌNH SẮC PHÁP TRONG SÁT NA LỘ TRÌNH NGŨ MÔN SINH

Tổng Hợp Sắc Nghiệp	Tổng Hợp Sắc Tâm	Tổng Hợp Vật Thực	T. Hợp Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết	Tổng Hợp Tâm Duyên Q. Tiết	T. Hợp Vật Thực Duyên Quý Tiết	T. H. Q. T. D. Q. T.	Tập Hợp Tổng Hợp
Quá Khứ	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----
Sinh--- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Trụ----408	17	51	408	17	51	476	1428
Diệt --- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Chấn Động							
Sinh--- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Trụ --- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Diệt --- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Đỉnh Chỉ							
Sinh---408	17	51	408	17	51	476	1428
Trụ --- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Diệt--- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Khai 5 Môn							

Sinh--- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Trụ----408	17	51	408	17	51	476	1428
Diệt --- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Ngũ Thức							
Sinh--- 408	16	51	408	17	51	476	1427
Trụ----408	16	51	408	16	51	476	1426
Diệt --- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Tiếp Thân							
Sinh--- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt --- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Thâm Tần							
Sanh-- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt--- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Đoán Định							
Sanh--- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt----408	16	51	408	16	51	475	1425
Đồng Lực 1							
Sinh ---408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt ---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Đồng Lực 2							
Sinh---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt ---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Đồng Lực 3							
Sinh---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt ---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Đồng Lực 4							
Sinh --- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt ---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Đồng Lực 5							
Sinh ----408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt ---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Đồng Lực 6							
Sinh ----408	16	51	408	16	51	475	1425

Trụ-----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt ---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Đồng Lực 7							
Sinh --- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ-----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt ---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Na Cảnh							
Sinh --- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ-----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt ---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Na Cảnh							
Sanh – 408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ-----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt-----408	16	51	408	16	51	475	1425
Hữu Phần 1							
Sinh---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ-----408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt ---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Hữu Phần 2							
Sinh----408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ ---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt ---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Hữu Phần 3							
Sinh--- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ ---- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt--- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Hữu Phần 4							
Sinh – 408	16	51	408	16	51	475	1425
Trụ --- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Diệt – 408	16	51	408	16	51	475	1425
Hữu Phần 5							
Sinh – 408	17	51	408	16	51	475	1426
Trụ --- 408	17	51	408	16	51	475	1426
Diệt – 408	17	51	408	16	51	476	1427
Hữu Phần 6							
Sanh – 408	17	51	408	16	51	476	1427
Trụ --- 408	17	51	408	16	51	476	1427
Diệt – 408	17	51	408	16	51	476	1427

GIẢI THÍCH SỰ HIỆN HÀNH LỘ TRÌNH SẮC PHÁP

TRONG SÁT NA LỘ TRÌNH NGŨ MÔN SINH

1. Sắc Tâm: Sắc Tâm này như đã đề cập đến trong bản chính phương thứ 1, rằng sẽ sinh khởi đặc biệt chỉ ở sát na Khởi Sinh của từng mỗi sát na Tâm, đề cập như thế là việc đề cập một cách phổ cập, vẫn chưa được đề cập đến điều ngoại lệ, vì thực tại trong sát na Tâm Ngũ Song Thức sinh khởi, Sắc Tâm sẽ không sinh khởi luôn. Để cho có được sự minh hiển, mới xin đề cập đến việc sinh diệt của thể loại Sắc này khi hiện hữu một cách đầy đủ (đặc biệt trong bản chính phương thứ 1 - 4) có số lượng một cách cụ thể là 17 Tổng Hợp ấy. Nhắc lại một lần nữa là trong sát na Khởi Sinh của từng mỗi sát na Tâm thường có 1 Tổng Hợp Sắc Pháp diệt (không cần phải tính), 16 Tổng Hợp Sắc Pháp thụ lập, 1 Tổng Hợp Sắc Pháp đang sinh mới, tập hợp (đặc biệt phải tính) thành 17 Tổng Hợp; là như thế này mãi cho đến bản chính phương thứ 5 này khi sát na Khởi Sinh của Tâm Ngũ Song Thức, Sắc Tâm có lẽ mới có 1 Tổng Hợp diệt mất, đang thụ lập 16 Tổng Hợp, còn sinh khởi mới không có lẽ là Sắc Pháp phải tính có số lượng 16 Tổng Hợp. Khi đến sát na Trụ có lẽ đặc biệt chỉ có 16 Tổng Hợp Sắc Pháp thụ lập và đang diệt 1 Tổng Hợp, tập hợp thành 16 Tổng Hợp; và khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Tiếp Thâu cũng có 1 Tổng Hợp Sắc Pháp diệt mất (không phải tính), 15 Tổng Hợp thụ lập, 1 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh mới, tập hợp (đặc biệt phải tính) thành 16 Tổng Hợp và tuyền chuyển mãi với nhau như thế này cho đến sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 4 mới chỉ có 16 Tổng Hợp Sắc Pháp, sinh khởi mới 1 Tổng Hợp, tập hợp thành 17 Tổng Hợp. Khi đến sát na Trụ cũng chỉ có 17 Tổng Hợp thụ lập và khi đến sát na Diệt cũng có lẽ có 16 Tổng Hợp thụ lập và 1 Tổng Hợp đang diệt, tập hợp thành 17 Tổng Hợp và tuyền chuyển mãi với nhau theo phương thức này cho đến khi sẽ có việc cải biến.

2. Sắc Tâm Duyên Quý Tiết: Sắc Tâm Duyên Quý Tiết này cũng hiện hành trong cùng một phương thức với mọi trường hợp của Sắc Tâm, có lẽ chỉ chênh lệch sai dị với nhau 1 sát na thôi. Như thế sự cải biến của thể loại Sắc này mới bắt đầu thụ lập sát na Trụ của Tâm Ngũ Song Thức, là giảm từ 17 Tổng Hợp hiện hữu ban đầu xuống 1 Tổng Hợp, có lẽ còn lại 16 Tổng Hợp, và sẽ hiện hữu ngần này số lượng mãi cho đến sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 5 mới tăng lên lại 1 Tổng Hợp nữa, có lẽ là 17 Tổng Hợp như ban đầu. Tất cả này thường có cùng một loại nhân quả với mọi trường hợp của Sắc Tâm.

3. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết: Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này là thành quả từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết. Khi Sắc Tâm Duyên Quý Tiết có việc cải biến đi, thể loại Sắc Pháp này cũng thường có việc cải biến đi tương tự. Như thế số lượng 476 Tổng Hợp Sắc Pháp ấy hiện hữu trong bản chính phương thứ 4 khi đến sát na Diệt của Tâm Ngũ Song Thức mới giảm xuống 1 Tổng Hợp, còn lại 475 Tổng Hợp, và có số lượng ngần này mãi cho đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 5 mới tăng lên lại thành 476 Tổng Hợp theo như ban đầu. Tất cả này thường có cùng một loại nhân quả với mọi trường hợp của Sắc Tâm Duyên Quý Tiết.

Trong bản chính phương thứ 5 này, Sắc Nghiệp, Sắc Vật Thực, Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết có lẽ hiện hữu theo như số lượng ban đầu, không có việc cải biến, và việc tập hợp Tổng Hợp Sắc Pháp cũng không có lý do nào đặc biệt sẽ dẫn đến đề cập.

BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨ 6
TRÌNH BÀY LỘ TRÌNH SẮC PHÁP TRONG SÁT NA NHẬP THIỀN DIỆT

Tổng Hợp Sắc Nghiệp	Tổng Hợp Sắc Tâm	Tổng Hợp Vật Thực	T. H. Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết	T.H. Tâm Duyên Quý Tiết	T. Hợp Vật Thực Duyên Quý Tiết	T. H. Q. T. Duyên Q. T.	Tập Hợp Tổng Hợp
Thiền 1	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----
Sinh---- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Trụ-----408	17	51	408	17	51	476	1428
Diệt---- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Thiền 2							
Sinh--- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Trụ-----408	17	51	408	17	51	476	1428
Diệt --- 408	17	51	408	17	51	476	1428
408	16	51	408	17	51	476	1427
408	16	51	408	16	51	476	1426
408	16	51	408	16	51	475	1425
408	15	51	408	16	51	475	1424
408	15	51	408	15	51	475	1423
408	15	51	408	15	51	474	1422
408	14	51	408	15	51	474	1421
408	14	51	408	14	51	474	1420
8	14	51	408	14	51	473	1419
408	13	51	408	14	51	473	1418
408	13	51	408	13	51	473	1417
408	13	51	408	13	51	472	1416
408	12	51	408	13	51	472	1415
408	12	51	408	12	51	472	1414
408	12	51	408	12	51	471	1413
408	11	51	408	12	51	471	1412
408	11	51	408	11	51	471	1411
408	11	51	408	11	51	470	1410
408	10	51	408	11	51	470	1409
408	10	51	408	10	51	470	1408
408	10	51	408	10	51	469	1407
408	9	51	408	10	51	469	1406
408	9	51	408	9	51	469	1405
408	9	51	408	9	51	468	1404
408	8	51	408	9	51	468	1403
408	8	51	408	8	51	468	1402

408	8	51	408	8	51	467	1401
408	7	51	408	8	51	467	1400
408	7	51	408	7	51	467	1399
408	7	51	408	7	51	466	1398
408	6	51	408	7	51	466	1397
408	6	51	408	6	51	466	1396
408	6	51	408	6	51	465	1395
408	5	51	408	6	51	465	1394
408	5	51	408	5	51	465	1393
408	5	51	408	5	51	464	1392
408	4	51	408	5	51	464	1391
408	4	51	408	4	51	464	1390
408	4	51	408	4	51	463	1389
408	3	51	408	4	51	463	1388
408	3	51	408	3	51	463	1387
408	3	51	408	3	51	462	1386
408	2	51	408	3	51	462	1385
408	2	51	408	2	51	462	1384
408	2	51	408	2	51	461	1383

GIẢI THÍCH SỰ HIỆN HÀNH LỘ TRÌNH SẮC PHÁP TRONG SÁT NA NHẬP THIÊN DIỆT

1. Sắc Tâm: Việc Nhập Thiên Diệt ấy, khi Bạc Bát Lai hoặc Bạc Vô Sinh đã thâm nhập 8 hoặc 9 Thiên Định một cách thuận tự cho đến Tâm Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ sinh khởi 2 sát na rồi thì coi như thâm nhập Thiên Diệt, và kể từ sát na ấy trở đi, Tâm Tâm Sở cũng diệt hoàn toàn, và Sắc Tâm cũng không sinh nữa cho đến khi sẽ xuất khỏi Thiên Diệt. Còn Sắc Tâm thụ lập ban đầu, khi hội đủ tuổi thọ rồi cũng diệt đi theo thuận tự. Như thế, Sắc Tâm hiện hữu ban đầu (bản chính phương thứ 5) có số lượng 17 Tổng Hợp, đã có trình bày việc sanh diệt rằng trong sát na Khởi Sinh của Tâm (từng mỗi Tâm) có 16 Tổng Hợp Sắc Tâm thụ lập, sinh mới 1 Tổng Hợp, tập hợp thành 17 Tổng Hợp; sát na Trụ chỉ có thụ lập 17 Tổng Hợp, và sát na Diệt có lẽ có thụ lập 16 Tổng Hợp, đang diệt 1 Tổng Hợp; tập hợp 17 Tổng Hợp ấy theo trạng thái như đề cập đây thì trong sát na Diệt của Tâm Thiên thứ 1 mới có Sắc Tâm thụ lập 16 Tổng Hợp, đang diệt 1 Tổng Hợp tương tự. Tiếp nối từ nơi này, Tâm Tâm Sở cũng diệt hoàn toàn, vì thế việc sẽ đề cập nối tiếp mới chỉ là sự suy trắc lấy thôi, là tiếp nối từ sát na Diệt của Tâm Thiên thứ 1, rồi suy trắc lấy rằng là sát na Khởi Sinh của Tâm tiếp nối thì trong sát na ấy sẽ hiện hữu cả 16 Tổng Hợp Sắc Tâm, thế nhưng không có sinh mới, mới có lẽ chỉ hiện hữu 16 Tổng Hợp. Trong sát na Trụ có lẽ cũng chỉ thụ lập có 16 Tổng Hợp, và trong sát na Diệt cũng có lẽ 15 Tổng Hợp và 1 Tổng Hợp đang diệt. Sắc Tâm sẽ luôn mãi giảm số lượng xuống như thế này vào mỗi khoảng thời gian là suy trắc đến sát na Diệt của

từng mỗi Tâm, và khi suy trắc đến sát na Khởi Sinh của Tâm thứ 17 thì Sắc Tâm sẽ diệt hoàn toàn, không còn dư sót và có lẽ sẽ ở trong thực tính này cho đến khi sẽ xuất khỏi Thiền Diệt.

2. Sắc Tâm Duyên Quý Tiết: Sắc Tâm Duyên Quý Tiết này cũng hiện hành trong cùng một phương thức với mọi trường hợp của Sắc Tâm, chỉ có sai dị chênh lệch với nhau 1 sát na thôi. Như thế sự cải biến của thể loại Sắc này sẽ bắt đầu kể từ chỗ suy trắc rằng là sát na Trụ của Tâm tiếp nối từ Tâm Thiền thứ 2, và giảm số lượng xuống mãi ở mỗi sát na, suy trắc rằng là sát na Trụ của mỗi sát na Tâm cho đến sát na Trụ, suy trắc rằng là Tâm thứ 17 thì Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sẽ diệt hoàn toàn, và tương tự sẽ có lẽ luôn mãi ở trong thực tính này cho đến khi sẽ xuất khỏi Thiền Diệt.

3. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết: Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này là thành quả từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết. Khi Sắc Tâm Duyên Quý Tiết có việc cải biến, thể loại Sắc Pháp này cũng thường có việc cải biến theo một cách tương tự. Như thế số lượng 476 Tổng Hợp Sắc Pháp hiện hữu trong bản chính phương thứ 5 ấy, khi đến suy trắc rằng là sát na Diệt của sát na Tâm tiếp nối từ Tâm Thiền thứ 2 rồi sẽ giảm số lượng xuống còn lại 475 Tổng Hợp, và sẽ giảm xuống mãi theo phương thức này vào mỗi sát na, suy trắc lấy là sát na Diệt của mỗi sát na Tâm cho đến sát na Diệt, suy trắc rằng là Tâm thứ 17 dĩ hậu Tâm Thiền thứ 2, Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết sẽ có số lượng 459 Tổng Hợp là thành quả từ 408 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết và 51 Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết, còn Sắc Tâm Duyên Quý Tiết không có, và sẽ hiện hữu ngần này số lượng luôn mãi cho đến khi sẽ xuất khỏi Thiền Diệt.

Trong bản chính phương thứ 6 này, Sắc Nghiệp, Sắc Vật Thực, Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết có lẽ hiện hữu theo số lượng ban đầu, không có việc cải biến, và việc tập hợp Tổng Hợp Sắc Pháp cũng không có lý do nào đặc biệt để sẽ dẫn đến đề cập.

BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨ 7
TRÌNH BÀY LỘ TRÌNH SẮC PHÁP TRONG SÁT NA XUẤT KHỎI THIỀN DIỆT

Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực	Tổng Hợp Sắc Tâm	Tổng Hợp Vật Thực	T. Hợp Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết	Tổng Hợp Tâm Duyên Quý Tiết	T. Hợp Vật Thực Duyên Quý Tiết	T. H. Q. T. Duyên Q. T.	Tập Hợp Tổng Hợp
Tâm Quả	-----	-----	-----	-----	---	-----	-----
Sinh----408	1	51	408	X	-	459	1378
Trụ-----408	1	51	408	1	51	459	1379
Diệt --- 408	1	51	408	1	51	460	1380
					51		
Hữu Phần 1							
Sinh---- 408	2	51	408	1	51	460	1381
Trụ-----408	2	51	408	2	51	460	1382
Diệt ---- 408	2	51	408	2	51	461	1383

Hữu Phần 2							
Sinh--- 408	3	51	408	2	51	461	1384
Trụ-----408	3	51	408	3	51	461	1385
Diệt----- 408	3	51	408	3	51	462	1386
Hữu Phần 3							
Sinh---- 408	4	51	408	3	51	462	1387
Trụ-----408	4	51	408	4	51	462	1388
Diệt ----- 408	4	51	408	4	51	463	1389
Hữu Phần 4							
Sinh----- 408	5	51	408	4	51	463	1390
Trụ-----408	5	51	408	5	51	463	1391
Diệt ----- 408	5	51	408	5	51	464	1392
Hữu Phần 5							
Sinh----- 408	6	51	408	5	51	464	1393
Trụ-----408	6	51	408	6	51	464	1394
Diệt----- 408	6	51	408	6	51	465	1395
Hữu Phần 6							
Sinh----- 408	7	51	408	6	51	465	1396
Trụ-----408	7	51	408	7	51	465	1397
Diệt ----- 408	7	51	408	7	51	466	1378
Hữu Phần 7							
Sinh----- 408	8	51	408	7	51	466	1379
Trụ-----408	8	51	408	8	51	466	1400
Diệt----- 408	8	51	408	8	51	467	1401
Hữu Phần 8							
Sinh----- 408	9	51	408	8	51	467	1402
Trụ-----408	9	51	408	9	51	467	1403
Diệt----- 408	9	51	408	9	51	468	1404
C. Động							
Sinh----- 408	10	51	408	9	51	468	1405
Trụ-----408	10	51	408	10	51	468	1406
Diệt-----408	10	51	408	10	51	469	1407
Đỉnh Chi							
Sinh----- 408	11	51	408	10	51	469	1408
Trụ-----408	11	51	408	11	51	469	1409
Diệt ----- 408	11	51	408	11	51	470	1410
Khai Ý Môn							
Sinh----- 408	12	51	408	11	51	470	1411
Trụ-----408	12	51	408	12	51	470	1412
Diệt ----- 408	12	51	408	12	51	471	1413

Đồng Lực 1							
Sinh----- 408	13	51	408	12	51	471	1414
Trụ-----408	13	51	408	13	51	471	1415
Diệt----- 408	13	51	408	13	51	472	1416
Đồng Lực 2							
Sinh----- 408	14	51	408	13	51	472	1417
Trụ-----408	14	51	408	14	51	472	1418
Diệt----- 408	14	51	408	14	51	473	1419
Đồng Lực 3							
Sinh----- 408	15	51	408	14	51	473	1420
Trụ-----408	15	51	408	15	51	473	1421
Diệt----- 408	15	51	408	15	51	474	1422
Đồng Lực 4							
Sinh----- 408	16	51	408	15	51	474	1423
Trụ-----408	16	51	408	16	51	474	1424
Diệt ----- 408	16	51	408	16	51	475	1425
Đồng Lực 5							
Sinh -----408	17	51	408	16	51	475	1426
Trụ-----408	17	51	408	17	51	475	1427
Diệt-----408	17	51	408	17	51	476	1428
Đồng Lực 6							
Sinh----- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Trụ-----408	17	51	408	17	51	476	1428
Diệt----- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Đồng Lực 7							
Sinh----- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Trụ-----408	17	51	408	17	51	476	1428
Diệt ----- 408	17	51	408	17	51	476	1428

GIẢI THÍCH SỰ HIỆN HÀNH LỘ TRÌNH SẮC PHÁP TRONG SÁT NA XUẤT KHỎI THIỀN DIỆT

1. Sắc Tâm: Khi Bạc Bát Lai hoặc Bạc Vô Sinh xuất khỏi Thiền Diệt, 1 Tâm Quả Bất Lai hoặc 1 Tâm Quả Vô Sinh sinh khởi rồi diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm cũng là Hữu Phần và việc Tâm là Hữu Phần thường sẽ không hạn định được rằng nhiều ít bao nhiêu, có lẽ chỉ nói được rằng Tâm là Hữu Phần ở khoảng một sát na rồi tiếp nối cũng khởi đến Lộ Trình Tâm. Thế nhưng, trong bản chính phương thứ 7 này, hạn định cho có 10 Hữu Phần (gồm cả Hữu Phần Chấn Động và Hữu Phần Đình Chỉ). Tất cả đây cũng để cho thuận tiện việc ghi nhớ và việc giải thích thôi. Khi Tâm Quả sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Tâm ấy, Sắc Tâm cũng thường sinh khởi và sẽ sinh tiếp nối khởi vào mỗi sát na Khởi Sinh của từng mỗi

sát na Tâm. Khi sinh khởi rồi cũng sẽ thụ lập cho đến đủ tuổi thọ là 17 sát na Tâm mới sẽ diệt mất. Vì thế, Sắc Tâm sinh khởi ở sát na Khởi Sinh của Tâm Quả sẽ thụ lập cho đến sát na Diệt của Tâm Đồng Lực thứ 5 mới sẽ diệt, thế nhưng trong sát na Diệt của Tâm này cũng vẫn phải tính Sắc đang diệt mất này vào. Tiếp nối khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực thứ 6 mới có 16 Tổng Hợp Sắc Pháp thụ lập, sinh mới 1 Tổng Hợp, tập hợp thành 17 Tổng Hợp. Sát na Trụ chỉ có 17 Tổng Hợp thụ lập, và sát na Diệt có 16 Tổng Hợp thụ lập, đang diệt 1 Tổng Hợp, tập hợp thành 17 Tổng Hợp, và sẽ có thực tính như thế này luôn mãi ở mỗi sát na Tâm, ngoại trừ trong sát na Tâm Ngũ Song Thức sinh như đã đề cập để trong bản chính phương thứ 5, và trong Lộ Trình Cận Tử sẽ đề cập tiếp tục trong bản chính phương thứ 8 - 9.

2. Sắc Tâm Duyên Quý Tiết: Sắc Tâm Duyên Quý Tiết này cũng hiện hành trong cùng một phương thức với mọi trường hợp của Sắc Tâm, chỉ có sai dị chênh lệch với nhau 1 sát na thôi. Vì thế, khi Sắc Tâm sinh khởi ở sát na Khởi Sinh của Tâm Quả, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết cũng thường sinh khởi ở sát na Trụ của Tâm Quả một cách tương tự; và sẽ tăng số lượng lên mãi vào mỗi sát na Trụ của từng mỗi sát na Tâm cho đến sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực thứ 6, Sắc Pháp sinh khởi ở sát na Trụ của Tâm Quả mới sẽ diệt; thế nhưng trong sát na Khởi Sinh này cũng vẫn phải tính Sắc đang diệt này vào, tiếp nối khi đến sát na Trụ mới sẽ không cần phải tính. Coi như thế là trong sát na Trụ của Tâm Đồng Lực thứ 6 này có 1 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sinh khởi, 16 Tổng Hợp thụ lập, tập hợp thành 17 Tổng Hợp. Và có lẽ có ngần này số lượng luôn mãi cho đến khi sẽ có việc cải biến tương tự với phần đã được đề cập đến trong Sắc Tâm ấy.

3. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết: Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này như đã đề cập là thành quả đến từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết. Khi Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sinh khởi ở sát na Trụ của Tâm Quả, Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết cũng thường có tăng lên ở sát na Diệt của Tâm Quả một cách tương tự, và sẽ tăng lên mãi ở mỗi sát na Diệt của Tâm cho đến sát na Trụ của Tâm Đồng Lực thứ 6, Sắc Pháp sinh khởi ở sát na Diệt của Tâm Quả mới sẽ diệt đi, thế nhưng trong sát na Trụ này cũng vẫn phải tính Sắc đang diệt này vào, tiếp nối khi đến sát na Diệt của Tâm Đồng Lực thứ 6 mới sẽ không cần phải tính. Coi như thế là Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết hiện hữu trong bản chính phương thứ 6 có số lượng 459 Tổng Hợp, khi đến sát na Diệt của Tâm Quả sẽ tăng lên thành 460 Tổng Hợp, và sẽ tăng lên mãi ở mỗi sát na Diệt của Tâm cho đến sát na Diệt của Tâm Đồng Lực thứ 5 sẽ có số lượng 476 Tổng Hợp và sẽ hiện hữu ngần này số lượng cho đến khi sẽ có việc cải biến.

Trong bản chính phương thứ 7 này, Sắc Nghiệp, Sắc Vật Thực, Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết có lẽ hiện hữu theo số lượng ban đầu, bất cải biến, và việc tập hợp Tổng Hợp Sắc Pháp cũng không có lý do nào đặc biệt đáng sẽ dẫn đến đề cập.

Tổng Hợp Sắc Nghịệp Lực	Tổng Hợp Sắc Tâm	Tổng Hợp Vật Thực	T. H. Nghịệp Lực Duyên Quý Tiết	Tổng Hợp Quý Tiết Duyên Tâm	T. Hợp Quý Tiết Duyên Vật Thực	T. H. Q. T. Duyên Q. T.	Tập Hợp Tổng Hợp
Quá Khứ	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----
Sinh --- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Trụ --- 400	17	51	408	17	51	476	1420
Diệt --- 392	17	51	400	17	51	476	1404
C. Động							
Sinh – 384	17	51	392	17	51	468	1380
Trụ --- 376	17	51	384	17	51	460	1356
Diệt --- 368	17	51	376	17	51	452	1332
Đình Chi							
Sinh – 360	17	51	368	17	51	444	1308
Trụ --- 352	17	51	360	17	51	436	1284
Diệt --- 344	17	51	352	17	51	428	1260
Khai 5 Môn							
Sinh – 336	16	51	344	17	51	420	1235
Trụ --- 328	16	51	336	16	51	412	1210
Diệt – 320	16	51	328	16	51	403	1185
Ngũ Thức							
Sinh – 312	16	51	320	16	51	395	1161
Trụ --- 304	16	51	312	16	51	387	1137
Diệt – 296	16	51	304	16	51	379	1113
Tiếp Thâu							
Sinh – 288	16	51	296	16	51	371	1089
Trụ --- 280	16	51	288	16	51	363	1065
Diệt --- 272	16	51	280	16	51	355	1041
Thâm Tấn							
Sinh – 264	16	51	272	16	51	347	1017
Trụ --- 256	16	51	264	16	51	339	993
Diệt --- 248	16	51	256	16	51	331	969
Đoán Định							
Sinh – 240	16	51	248	16	51	323	945
Trụ --- 232	16	51	240	16	51	315	921
Diệt --- 224	16	51	232	16	51	307	897
Đồng Lực 1							
Sinh – 216	16	51	224	16	51	299	873
Trụ --- 208	16	51	216	16	51	291	849
Diệt --- 200	16	51	208	16	51	283	825
Đồng Lực 2							
Sinh – 192	16	51	200	16	51	275	801

Trụ --- 184	16	51	192	16	51	267	777
Diệt --- 176	16	51	184	16	51	259	753
Đồng Lực 3							
Sinh – 168	16	51	176	16	51	251	729
Trụ --- 160	16	51	168	16	51	243	705
Diệt --- 152	16	51	160	16	51	235	681
Đồng Lực 4							
Sinh – 144	16	51	152	16	51	227	657
Trụ-----136	16	51	144	16	51	219	633
Diệt --- 128	16	51	136	16	51	211	609
Đồng Lực 5							
Sinh--- 120	16	51	128	16	51	203	585
Trụ-----112	16	51	120	16	51	195	561
Diệt -- 104	16	51	112	16	51	187	537
Na Cảnh							
Sinh-----96	16	51	104	16	51	179	513
Trụ-----88	16	51	96	16	51	171	489
Diệt-----80	16	51	88	16	51	163	465
Na Cảnh							
Sinh-----72	16	51	80	16	51	155	441
Trụ-----64	16	51	72	16	51	147	417
Diệt-----56	16	51	64	16	51	139	393
Hữu Phần							
Sinh-----48	16	51	56	16	51	131	369
Trụ-----40	16	51	48	16	51	123	345
Diệt-----32	16	51	40	16	51	115	321
Tâm Tử							
Sinh-----24	16	51	32	16	51	107	297
Trụ-----16	16	51	24	16	51	99	273
Diệt-----8	16	51	16	16	51	91	249

GIẢI THÍCH SỰ HIỆN HÀNH LỘ TRÌNH SẮC PHÁP TRONG SÁT NA LỘ TRÌNH CẬN TỬ NGŨ MÔN SINH

1. Sắc Nghiệp Lực: Sắc Nghiệp Lực này hiện hữu tối đa 408 Tổng Hợp ấy, chia ra thành **Nhãn Thập (Cakkhudasaka)**, **Nhĩ Thập (Sotadasaka)**, **Tỵ Thập (Ghādasaka)**, **Thiệt Thập (Jivhādasaka)**, **Thân Thập (Kāyadasaka)**, **Tính Thập (Bhāvasaka)**, **Vật Thập (Vatthudasaka)** và **Mạng Cữu (Jīvanavaka)** tập hợp 8 thể loại với mỗi thể loại có 51 Tổng Hợp, và trong số lượng 408 Tổng Hợp này là 8 Tổng Hợp đang diệt, thụ lập 392 Tổng Hợp, sinh mới 8 Tổng Hợp, là như thế này luôn mãi ở mỗi sát na Tâm ấy. Khi hữu tình ấy cận tử lâm chung và Tâm Lộ Trình tiến hành đến Lộ Trình Cận Tử (một cách đặc biệt bản

chính phương thứ 8 này trình bày Lộ Trình mà hữu tình ấy sẽ tử vong bất luận một loại Môn nào trong Lộ Trình Ngũ Môn) và khi Tâm đến sát na Trụ của Hữu Phần Quá Khứ rồi, Sắc Nghiệp Lực cũng đình chỉ không sinh mới nữa (nếu như Sắc Nghiệp Lực vẫn còn sinh trú, sẽ gọi hữu tình ấy là bất khả tử vong). Trong sát na Trụ của Hữu Phần Quá Khứ này mới có 8 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đang diệt, 392 Tổng Hợp thụ lập, không có sinh mới, có lẽ tập hợp thành 400 Tổng Hợp và 8 Tổng Hợp sẽ giảm xuống ở từng mỗi sát na Tâm (sát na tiểu) như thế này luôn mãi cho đến sát na Diệt của Tâm Tử có lẽ có 8 Tổng Hợp sắc Nghiệp Lực đang diệt, không có thụ lập. Coi như thế là Sắc Nghiệp Lực này thường đồng diệt không có dư sót với sát na Diệt của Tâm Tử.

2. Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết: Như đã đề cập đến rồi, là việc sinh diệt của Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết này thường có đồng nhất trạng thái với mọi trường hợp của Sắc Nghiệp Lực, có lẽ chỉ chênh lệch sai dị với nhau 1 sát na thôi. Như thế khi Sắc Nghiệp Lực bắt đầu giảm xuống kể từ sát na Trụ của Hữu Phần Quá Khứ rồi Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết cũng bắt đầu giảm xuống kể từ sát na Diệt của cùng một sát na Tâm. Vì thế khi đến sát na Diệt của Tâm Tử mới có Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết còn lại 16 Tổng Hợp, là 8 Tổng Hợp Sắc Pháp đang diệt, thụ lập 8 Tổng Hợp; coi như thế là Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết này có lẽ còn lại dĩ hậu ở sát na Diệt của Tâm Tử là 8 Tổng Hợp, và Sắc còn lại này sẽ diệt trong khoảng 1 sát na (tiểu) của Tâm nối tiếp nữa mới diệt hoàn toàn..

3. Sắc Tâm: Sắc Tâm này có số lượng một cách cự đa là 17 Tổng Hợp, vì chỉ đặc biệt sinh khởi ở từng mỗi sát na Khởi Sinh của Tâm, chỉ trừ phi sát na Tâm Ngũ Song Thức sinh khởi thôi. Như đã đề cập rồi và việc sinh của Sắc Tâm này cũng sẽ luôn mãi sinh khởi, cho dù trong sát na Khởi Sinh của Tâm Tử cũng vẫn có lẽ còn sinh (trừ Tâm Tử của Bạc Vô Sinh). Trong bản chính phương thứ 8 này, Sắc Tâm hiện hữu 17 Tổng Hợp, khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Ngũ Song Thức, Sắc Tâm không có sinh mới, chỉ có thụ lập và đang diệt mới có lẽ còn lại 16 Tổng Hợp, và sẽ có lẽ có mãi ngàn này số lượng cho đến sát na Khởi Sinh của Tâm Tử. Tiếp nối từ nơi ấy, Sắc Tâm cũng không có sinh mới và Sắc Tâm có lẽ hiện hữu 16 Tổng Hợp này khi Sắc nào thụ lập đủ tuổi thọ (17 sát na đại của Tâm) rồi cũng diệt mất. Như thế dĩ hậu Tâm Tử diệt mất rồi, 16 Tổng Hợp Sắc Tâm này cũng sẽ theo nhau diệt một cách thuận tự. Tổng Hợp Sắc Tâm cuối cùng sẽ diệt, dĩ hậu Tâm Tử diệt rồi trong khoảng sát na Diệt (sát na đại) thứ 16 của Tâm. Thế nhưng tất cả đây không có ý muốn nói rằng 16 Tổng Hợp Sắc Tâm này sẽ đi theo Tâm Tái Sinh trong Hữu mới, vì thực tại Sắc Tâm sinh trong Hữu này cũng diệt trong Hữu này, bất hữu quan Hữu mới bất luận trường hợp nào.

4. Sắc Tâm Duyên Quý Tiết: Như đã đề cập rồi, là việc sinh diệt của Sắc Tâm Duyên Quý Tiết này cũng thường có đồng nhất trạng thái với mọi trường hợp của Sắc Tâm, có lẽ chỉ chênh lệch sai dị với nhau 1 sát na thôi. Như thế khi Sắc Tâm sinh lần cuối cùng ở sát na Khởi Sinh của Tâm Tử, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết cũng sinh lần cuối cùng ở sát na Trụ của Tâm Tử một cách tương tự. Và 16 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết hiện hữu khi sát na Diệt của Tâm Tử này cũng sẽ lần lượt theo nhau diệt mất. Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết cuối cùng sẽ diệt dĩ hậu Tâm Tử đã diệt rồi lần nữa, là khoảng sát na (đại) Khởi Sinh thứ

17 của Tâm, là dĩ hậu Tổng Hợp Sắc Tâm cuối cùng diệt 1 sát na (tiểu) của Tâm và coi như diệt hoàn toàn trong sát na này.

5. Sắc Vật Thực: Sắc Vật Thực này do sinh khởi ở mỗi sát na (tiểu) của Tâm mới hiện hữu một cách cự đa là 51 Tổng Hợp, và việc sinh của thể loại Sắc này ở sát na nào vẫn có 1 Vật Thực Nội Bộ, 1 Vật Thực Ngoại Bộ và Tâm sinh trú Sắc Vật Thực cũng thường sinh, vì thể thể loại Sắc này có sinh khởi ngay đến sát na Diệt của Tâm Tử. Coi như thể là trong sát na Diệt của Tâm Tử có 1 Tổng Hợp Sắc Vật Thực đang diệt, thụ lập 49 Tổng Hợp và sinh mới 1 Tổng Hợp. Tiếp nối khi đến dĩ hậu sát na Diệt của Tâm Tử rồi, Sắc Vật Thực mới không sinh, chỉ có theo nhau diệt một cách thuận tự tuổi thọ cho đến khoảng sát na Trụ thứ 17 (sát na đại) của Tâm thì Sắc Vật Thực mới diệt hoàn toàn.

6. Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết: Như đã đề cập rồi, là việc sinh diệt của Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết này thường có đồng nhất trạng thái với mọi trường hợp của Sắc Vật Thực cũng cùng một phương thức với mọi trường hợp của Sắc Vật Thực, có lẽ chỉ có chênh lệch sai dị với nhau 1 sát na thôi. Như thế, khi Sắc Vật Thực sinh lần cuối cùng ở sát na Diệt của Tâm Tử như thế này, Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết sẽ sinh lần cuối cùng khi dĩ hậu sát na Diệt của Tâm Tử nối tiếp 1 sát na (tiểu) nữa. Tiếp nối từ nơi ấy, cũng sẽ không sinh nữa, và sẽ theo nhau diệt mất cho đến khoảng sát na Diệt thứ 17 sát na (đại) của Tâm, Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết cũng coi như diệt hoàn toàn.

7. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết: Như đã đề cập rồi, rằng thể loại Sắc Pháp này là thành quả đến từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết. Như thế, khi Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết bắt đầu giảm xuống trong sát na Diệt của Hữu Phần Quá Khứ là hàng đầu tiên, Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết cũng bắt đầu giảm xuống kể từ sát na Khởi Sinh của Hữu Phần Đình Chi, với 8 Tổng Hợp Sắc Pháp vào từng mỗi sát na Tâm mãi cho đến sát na Diệt của Tâm Ngũ Song Thức mới giảm xuống 9 Tổng Hợp khoảng một sát na. Tiếp nối từ nơi ấy, cũng giảm xuống từng mỗi sát na 8 Tổng Hợp theo như ban đầu. Tất cả này là thành quả đến từ khi Tâm Ngũ Song Thức sinh khởi và Sắc Tâm không sinh. Khi Sắc Tâm không sinh, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết cũng không sinh. Và khi Sắc Tâm Duyên Quý Tiết không sinh, Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết đặc biệt chỉ sát na Tâm ấy cũng không sinh. Cuối cùng, khi đến sát na Diệt của Tâm Tử mới có 91 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết, là thành quả đến từ 24 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 16 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, 51 Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết; hoặc theo một cách khác, là 2 Tổng Hợp Sắc Pháp đang sinh khởi (1 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết – 1 Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết), thụ lập 79 Tổng Hợp (16 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 14 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, 49 Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết), 10 Tổng Hợp đang diệt (là 8 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, 1 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, 1 Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết) và dĩ hậu sát na Diệt của Tâm Tử rồi, Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết vẫn có sinh mới 2 sát na nữa trong khoảng thời gian bằng với sát na Khởi Sinh và sát na Trụ, và 1 Tổng Hợp ở mỗi sát na Tâm, là thành quả đến từ Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết, và Sắc Pháp sinh ban đầu và thụ lập đây, khi đủ tuổi thọ rồi cũng sẽ theo nhau diệt một cách thuận tự. Thế

nhưng Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này trong lúc cuối cùng đây chỉ sẽ còn lại 1 Tổng Hợp hiện hữu, là **Tổng Hợp Quý Tiết Bát Thuần (Suddhaṭṭhakautujakalāpa)** cho đến khi **Đại Kiếp (Mahākappa)** này sẽ tiêu diệt đi. Tất cả đây do **Duy Vật Pháp (Vatthudhamma)** là **Sắc Bất Giãn Biệt (Avinibbhogarūpa)** ở phần **Sắc Ngoại Bộ (Bāhirarūpa)** hiện hữu còn lại suốt Đại Kiếp này.

BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨ 9
TRÌNH BÀY LỘ TRÌNH SẮC PHÁP TRONG SÁT NA LỘ TRÌNH CẬN TỬ Ý MÔN SINH

Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực	Tổng Hợp Sắc Tâm	Tổng Hợp Vật Thực	T. H. Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết	T. H. Tâm Duyên Quý Tiết	T. H. Vật Thực Duyên Quý Tiết	T. H. Q. T. Duyên Q. T.	Tập Hợp Tổng Hợp
Hữu Phần 1	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----
Sinh----- 408	17	51	408	17	51	476	1428
Trụ-----400	17	51	408	17	51	476	1420
Diệt ----- 392	17	51	400	17	51	476	1404
Hữu Phần 2							
Sinh----- 384	17	51	392	17	51	468	1380
Trụ-----376	17	51	384	17	51	460	1356
Diệt ----- 368	17	51	376	17	51	452	1332
Hữu Phần 3							
Sinh----- 360	17	51	368	17	51	444	1308
Trụ-----352	17	51	360	17	51	436	1284
Diệt ----- 344	17	51	352	17	51	428	1260
Hữu Phần 4							
Sinh----- 336	17	51	344	17	51	420	1236
Trụ-----328	17	51	336	17	51	412	1212
Diệt----- 320	17	51	328	17	51	404	1188
Hữu Phần 5							
Sinh----- 312	17	51	320	17	51	396	1164
Trụ-----304	17	51	312	17	51	388	1140
Diệt ----- 296	17	51	304	17	51	380	1116
Quá Khứ							
Sinh----- 288	17	51	296	17	51	372	1092
Trụ-----280	17	51	288	17	51	364	1068
Diệt----- 272	17	51	280	17	51	356	1044
C. Động							
Sinh----- 264	17	51	272	17	51	348	1020
Trụ-----256	17	51	264	17	51	340	996
Diệt ----- 248	17	51	256	17	51	332	972
Đình Chỉ							

Sinh----- 240	17	51	248	17	51	324	948
Trụ-----232	17	51	240	17	51	316	924
Diệt ----- 224	17	51	232	17	51	308	900
Khai Ý Môn							
Sinh----- 216	17	51	224	17	51	300	876
Trụ-----208	17	51	216	17	51	292	852
Diệt ----- 200	17	51	208	17	51	284	828
Đồng Lực 1							
Sinh----- 192	17	51	200	17	51	276	804
Trụ-----184	17	51	192	17	51	268	780
Diệt ----- 176	17	51	184	17	51	260	756
Đồng Lực 2							
Sinh----- 168	17	51	176	17	51	252	732
Trụ-----160	17	51	168	17	51	244	708
Diệt ----- 152	17	51	160	17	51	236	684
Đồng Lực 3							
Sinh----- 144	17	51	152	17	51	228	660
Trụ-----136	17	51	144	17	51	220	636
Diệt ----- 128	17	51	136	17	51	212	612
Đồng Lực 4							
Sinh----- 120	17	51	128	17	51	204	588
Trụ-----112	17	51	120	17	51	196	564
Diệt-----104	17	51	112	17	51	188	540
Đồng Lực 5							
Sinh ----- 96	17	51	104	17	51	180	516
Trụ-----88	17	51	96	17	51	172	492
Diệt -----80	17	51	88	17	51	164	468
Na Cảnh							
Sinh -----72	17	51	80	17	51	156	444
Trụ-----64	17	51	72	17	51	148	420
Diệt-----56	17	51	64	17	51	140	396
Na Cảnh							
Sinh -----48	17	51	56	17	51	132	372
Trụ-----40	17	51	48	17	51	124	348
Diệt-----32	17	51	40	17	51	116	324
Tâm Tử							
Sinh-----24	17	51	32	17	51	108	300
Trụ-----16	17	51	24	17	51	100	276
Diệt-----8	16	51	16	17	51	92	252

GIẢI THÍCH SỰ HIỆN HÀNH LỘ TRÌNH SẮC PHÁP TRONG SÁT NA LỘ TRÌNH CẬN TỬ Ý MÔN SINH

Bản chính phương thứ 9 này thực tại cũng là việc trình bày trùng lặp với bản chính phương thứ 8, là chỉ cải biến Ngũ Môn thành Ý Môn thôi, đề cập là bản chính phương thứ 8 trình bày Lộ Trình Cận Tử Ngũ Môn, bản chính phương thứ 9 này trình bày Lộ Trình Cận Tử Ý Môn. Như thế, tất cả các Sắc Tổng Hợp mới đa phần tương tự với nhau, có lẽ chỉ có Sắc Tâm sai biệt, là ban đầu hiện hữu 17 Tổng Hợp trong bản chính phương thứ 8 có Tâm Ngũ Song Thức sinh 1 sát na và sát na ấy Sắc Tâm không sinh mới giảm xuống 1 Tổng Hợp suốt cho đến Tâm Tử. Còn trong bản chính phương thứ 9 này không có Tâm Ngũ Song Thức sinh khởi, Sắc Tâm có lẽ mới hiện hữu 16 Tổng Hợp từ đầu cho đến Tâm Tử và khi Sắc Tâm có 17 Tổng Hợp suốt như thế này, tương tự Sắc Tâm Duyên Quý Tiết cũng có lẽ có 17 Tổng Hợp suốt như thế ấy. Vì thế 8 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết mới giảm xuống suốt mỗi sát na Tâm. Khi đến sát na Diệt của Tâm Tử, coi như thế là Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết có lẽ còn lại 92 Tổng Hợp, còn việc diệt của Tổng Hợp cuối cùng của từng mỗi thể loại Sắc Pháp ấy có lẽ hiện hành tương tự với mọi trường hợp trong lời giải thích ở bản chính phương thứ 8, không có việc cải biến bất luận trường hợp nào.

Lại nữa, trong bản chính phương thứ 8 và thứ 9 trình bày rằng dĩ hậu Tâm Đồng Lực rồi có Na Cảnh và Hữu Phần, ấy chỉ là giả thiết thôi, vì theo trạng huống sự việc của chúng hữu tình, một cách đặc biệt là sẽ tử vong trong Dục Địa Giới thì dĩ hậu Tâm Đồng Lực rồi có thể có Na Cảnh cũng được, không có cũng được; và có thể có Hữu Phần cũng được, hoặc không có cũng được, không nhất định tùy theo Cảnh và Đồng Lực. Còn trong Sắc Địa Giới nhất định không có Na Cảnh.

BẢN ĐỒ CHÍNH PHƯƠNG THỨ 10 TRÌNH BÀY SỰ HIỆN HÀNH LỘ TRÌNH SẮC PHÁP DĨ HẬU HỮU TÌNH ĐÃ TỬ VONG

Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực	Tổng Hợp Sắc Tâm	Tổng Hợp Sắc Vật Thực	T. H. Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết	T. Hợp Tâm Duyên Quý Tiết	T. Hợp Vật Thực Duyên Quý Tiết	T. Hợp Quý Tiết Nội Quý Tiết	T. H. Quý T. Ngoại Duyên Quý Tiết
Tâm Tử	----	----	-----	----	-----	-----	-----
Sinh---24	17	51	32	17	51	108	51
Trụ 16	17	51	24	17	51	100	51
Diệt--- 8	17	51	16	17	51	92	51
Tổng	16	50	8	17	51	84	51
	16	49	-	16	50	76	51
	16	48	-	16	49	66	51
	15	47		16	48	65	51
Hợp	15	46		15	47	64	51
Sắc	14	44	Tổng	15	45	61	51
Nghiệp	14	43		14	44	60	51
	14	42	Hợp	14	43	58	51

Không	13	41	Sắc	14	42	57	51
	13	40		13	41	56	51
	13	39		13	40	54	51
Còn	12	38	Quý	13	39	53	51
	12	37		12	38	52	51
Sinh	12	36	Tiết	12	37	50	51
Trụ	11	35	Duyên	12	36	49	51
	11	34		11	35	48	51
	11	33		11	34	46	51
Diệt	10	32	Nghiep	11	33	45	51
	10	31		10	32	44	51
nổi	10	30	Không	10	31	42	51
tiếp	9	29	Còn	10	30	41	51
	9	28		9	29	40	51
	9	27		9	28	38	51
nữa	8	26	Sinh	9	27	37	51
----	8	25	Trụ	8	26	36	51
	8	24		8	25	34	51
	7	23		8	24	33	51
	7	22	Diệt	7	23	32	51
	7	21		7	22	30	51
	6	20		7	21	29	51
	6	19	nổi	6	20	28	51
	6	18		6	19	26	51
	5	17		6	18	25	51
Tổng	5	16	tiếp	5	17	24	51
	5	15		5	16	22	51
	4	14		5	15	21	51
Hợp	4	13	nữa	4	14	20	51
	4	12		4	13	18	51
	3	11		3	12	17	51
Sắc	3	11	----	3	12	17	51
Nghiep	3	10		3	11	16	51
	3	9		3	10	14	51
không	2	8	Tiết	2	9	13	51
	2	7		2	8	12	51
	2	6		2	7	10	51
còn	2	6	Duyên	2	9	13	51
	2	7	Nghiep	2	8	12	51
	2	6	không	2	7	10	51

Sinh	1	5	còn Sinh Trụ Diệt nối tiếp nữa	1	6	9	51
Trụ	1	4		1	5	8	51
	1	3		1	4	6	51
Diệt	Tổng Hợp Sắc Tâm không còn Sinh Trụ Diệt nối tiếp nữa	2		1	3	5	51
nối tiếp		1		-	2	4	51
		-		-	1	2	51
nữa		Không còn Tổng Hợp Sắc Vật Thực Sinh Trụ Diệt		Không có Tổng Hợp Quý Tiết Duyên Tâm Sinh Trụ Diệt nối tiếp nữa	Không có Tổng Hợp Quý Tiết Duyên Vật Thực Sinh Trụ Diệt nối tiếp nữa	1 - -	51 51 51
						Không có Tổng Hợp Quý Tiết Duyên Quý Tiết Nội Phân sinh nữa	Tổng Hợp Quý Tiết Duyên Quý Tiết Ngoại Sinh Trụ Diệt

GIẢI THÍCH SỰ HIỆN HÀNH LỘ TRÌNH SẮC PHÁP DĨ HẬU ĐẢ HỮU TÌNH TỬ VONG

Theo lẽ thường, khi chúng hữu tình đã tử vong, vẫn còn có Sắc Pháp hiện hành ở trong 2 thể loại nữa, là: (I) Sắc đang thụ lập, (II) Sắc sinh khởi tiếp tục.

I. Sắc đang thụ lập, vẫn chưa diệt mất: dĩ hậu hữu tình tử vong có 6 thể loại là:

1. Sắc Tâm: đồng sinh với sát na Khởi Sinh của Tâm Tử v.v. cho đến Sắc Tâm đồng sinh khởi với sát na Khởi Sinh của Tâm thứ 16 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

2. Sắc Vật Thực: đồng sinh với sát na Diệt của Tâm Tử v.v. cho đến sát na Trụ của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

3. Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết: đồng sinh với sát na Trụ của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

4. Sắc Tâm Duyên Quý Tiết: đồng sinh với sát na Trụ của Tâm Tử v.v. và mỗi một sát na Trụ của từng mỗi Tâm cho đến sát na Trụ của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

5. Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết: đồng sinh với sát na Diệt của Tâm Tử v.v. và mỗi một sát na của Tâm cho đến sát na Trụ của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

6. Sắc Quý Tiết Nội Duyên Quý Tiết (Ajjhattikautupaccayaautujarūpa): đồng sinh với sát na Diệt của Tâm Tử v.v. và mỗi một sát na của Tâm cho đến sát na Diệt của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

II. Sắc sinh khởi tiếp tục có 3 thể loại, là:

1. Sắc Quý Tiết Nội Duyên Quý Tiết: đề cập là dĩ hậu hữu tình ấy đã tử vong, Sắc Quý Tiết sinh khởi do y cứ **Hỏa (Tejo)** trong Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết làm duyên, và

Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết này sinh khởi lần cuối cùng, dĩ hậu Tâm Tử diệt 1 sát na tiểu đi rồi, khi đến sát na Trụ rồi cũng làm duyên cho Sắc Quý Tiết Nội Duyên Quý Tiết sinh lần nữa ở phía sau Tâm Tử diệt đi 2 sát na tiểu của Tâm. Tiếp nối từ nơi ấy cũng không có việc sinh nữa. Sắc Quý Tiết Nội Duyên Quý Tiết này sinh khởi dĩ hậu Tâm Tử 2 sát na tiểu, Tâm này khi có tuổi thọ đủ 51 sát na tiểu rồi cũng diệt mất hết cả, không có dư sót. Tất cả đây cũng bởi vì nhóm Sắc này sinh khởi do y cứ Quý Tiết này sinh ở trong chính hữu tình ấy vậy.

2. Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết: là Sắc Quý Tiết sinh từ Sắc Vật Thực làm duyên, và Sắc Vật Thực này sinh khởi lần cuối cùng với sát na Diệt của Tâm Tử. Khi đến sát na Trụ rồi cũng làm duyên cho Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết sinh khởi trong khi hữu tình ấy đã từ vong. Khi tuổi thọ đủ 51 sát na tiểu rồi cũng diệt mất hết cả, không có dư sót, bởi vì thể loại Sắc này sinh khởi do y cứ Sắc Vật Thực cũng sinh tương tự ở bên trong chính hữu tình ấy vậy.

3. Sắc Quý Tiết Ngoại Duyên Quý Tiết (Bāhiraupaccayaautujarūpa): là Sắc Quý Tiết sinh khởi bên trong hữu tình do y cứ Quý Tiết bên ngoài cũng có lẽ tiếp tục sinh trong tử thi ấy. Ngay cả tử thi ấy sẽ thành tro bụi, hoặc thổi rữa mục rã ra ở trên mặt đất đi nữa, Sắc Quý Tiết Ngoại Duyên Quý Tiết cũng vẫn có lẽ còn sinh trụ cho đến khi thể gian sẽ bị hoại diệt mới sẽ hoàn toàn kiệt tận.

Kết Thúc Lời Giải Thích Lộ Trình Sắc Pháp

-----00000-----

PHẦN VẤN - ĐÁP TRONG LỘ TRÌNH SẮC PHÁP

1. Hỏi: Sự hiện hành của cả 4 Tổng Hợp Sắc Pháp (Rūpakalāpa) gồm có Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực (Kammajakalāpa) v.v. đang hiện hành trong sắc thân của nhóm Thai Sinh (Gabbhaseyyaka) ở phần Nhân Loại là những thể loại chi ? Và hãy trình bày sự hiện hành của các thể loại Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, Tổng Hợp Sắc Tâm, Tổng Hợp Sắc Quý Tiết tính kể từ Tâm Tái Sinh v.v. cho đến Tâm Lộ Trình Ý Môn sinh khởi lần đầu tiên ấy là những chi ?

1. Đáp: Sự hiện hành của cả 4 Tổng Hợp Sắc Pháp, có Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực v.v. đang hiện hành trong sắc thân của nhóm Thai Sinh ở phần Nhân Loại hiện hữu 3 thể loại, là: (1) Tổng Hợp Sắc Pháp đang sinh khởi, (2) Tổng Hợp Sắc Pháp đang thụ lập, (3) Tổng Hợp Sắc Pháp đang diệt đi.

Sự hiện hành thể loại Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực tính kể từ Tâm Tái Sinh v.v. cho đến Tâm Lộ Trình Ý Môn sinh khởi lần đầu tiên có sự hiện hành như thế này:

1. Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực (Kammajakalāpa): Sắc Nghiệp Lực này sinh kể từ sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh và luôn mãi sinh khởi tiếp nối nhau trong mỗi một sát na của Tâm. Đề cập là từng mỗi Tâm ấy thường có 3 sát na (Khởi Sinh, Trụ, Diệt) và cả 3 sát na của Tâm này, Sắc Nghiệp Lực cũng sinh mới ở mỗi sát na và từng mỗi Sắc Pháp sinh khởi mới

này thường có tuổi thọ lâu dài bằng với tuổi thọ 17 sát na (đại) của Tâm, hoặc bằng với 51 sát na (tiểu) của Tâm mới sẽ diệt.

Đối với nhóm Thai Sinh ở phần Nhân Loại trong sát na sinh khởi lần đầu tiên, Sắc Nghiệp Lực sinh khởi 3 Tổng Hợp là: **(1) Tổng Hợp Thân Thập (Kāyadasakakalāpa), (2) Tổng Hợp Tính Thập (Bhāvadasakakalāpa), (3) Tổng Hợp Vật Thập (Vatthudasakakalāpa)**. Như thế trong sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh mới có 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh khởi. Khi đến sát na Trụ của Tâm Tái Sinh, Sắc Nghiệp Lực cũng sinh khởi mới 3 Tổng Hợp nữa, tập hợp với Sắc Nghiệp Lực sinh khởi trong sát na Khởi Sinh vẫn chưa diệt đi được 3 Tổng Hợp nữa thành 6 Tổng Hợp. Khi đến sát na Diệt của Tâm Tái Sinh, Sắc Nghiệp Lực cũng sinh khởi mới 3 Tổng Hợp nữa, tập hợp với 6 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh khởi trong sát na Khởi Sinh và sát na Trụ mà vẫn chưa diệt mới gom thành 9 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực hiện hữu trong sát na Diệt của Tâm Tái Sinh và Sắc Nghiệp Lực sẽ tăng số lượng lên mãi tương tự như thế này. Khi đến sát na Diệt của Hữu Phần Đỉnh Chỉ, Sắc Nghiệp Lực sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh cũng diệt mất và phải tính Sắc Nghiệp Lực sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh này vào, vì sẽ có vừa đúng tuổi thọ 51 sát na. Coi như thế là trong sát na Diệt của Hữu Phần Đỉnh Chỉ này, Sắc Nghiệp Lực hiện hữu 3 thể loại là 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đang diệt đi, 147 Tổng Hợp đang thụ lập, và đang sinh khởi mới 3 Tổng Hợp, tập hợp thành 153 Tổng Hợp. Khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn ấy, Sắc Nghiệp Lực sẽ còn lại 150 Tổng Hợp thụ lập, thế nhưng trong sát na Khởi Sinh của chính Tâm Khai Ý Môn ấy, Sắc Nghiệp Lực cũng sinh khởi mới 3 Tổng Hợp nữa mới coi như thế là trong sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn ấy mới có 153 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh khởi, thụ lập, diệt đi bằng như ban đầu (sinh khởi 3 Tổng Hợp, 147 Tổng Hợp thụ lập, diệt đi 3 Tổng Hợp) và trong các sát na tiếp tục cũng sẽ có Sắc Nghiệp Lực hiện hành trong cùng một phương thức tương tự này.

2. Tổng Hợp Sắc Tâm (Cittajarūpa): Sắc Tâm này sinh khởi lần đầu tiên ở sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1. Khi sinh rồi cũng sẽ chỉ sinh đặc biệt ở mỗi sát na Khởi Sinh của từng mỗi Tâm thôi, còn tuổi thọ của Sắc Pháp này, khi sinh khởi rồi cũng sẽ thụ lập bằng với tuổi thọ 17 sát na (đại) hoặc 51 sát na (tiểu) của Tâm. Vì thế trong sát na Khởi Sinh, Trụ, Diệt của Hữu Phần thứ 1 này mới có 1, 1, 1 Tổng Hợp Sắc Tâm sinh khởi, thụ lập và diệt bằng nhau. Khi đến sát na Khởi Sinh của Hữu Phần thứ 2, Sắc Tâm mới sinh khởi 1 Tổng Hợp mới nữa, tập hợp thành 2 Tổng Hợp. Như thế trong sát na Khởi Sinh, Trụ, Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 2 mới có 2, 2, 2 Tổng Hợp Sắc Tâm tương tự như thế này mãi cho đến sát na Diệt của Tâm Khai Ý Môn, Sắc Tâm sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Hữu Phần thứ 1 ấy cũng bắt đầu diệt, thế nhưng trong sát na Diệt của Tâm Khai Ý Môn này cũng vẫn tính Sắc Tâm đang diệt này vào. Với nguyên nhân này trong sát na Khởi Sinh, Trụ, Diệt của Tâm Khai Ý Môn mới có 17, 17, 17 Tổng Hợp Sắc Tâm sinh khởi, thụ lập và diệt đi một cách thuận tự. Dĩ hậu Tâm Khai Ý Môn diệt mất rồi, Tâm Đồng Lực cũng sinh khởi, Sắc Tâm sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Hữu Phần thứ 1 mới kiệt tận đi. Coi như thế là 17 Tổng Hợp Sắc Tâm hiện hữu trong sát na Diệt của Tâm Khai Ý Môn ấy, khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực mới sẽ còn lại 16 Tổng Hợp thụ lập, thế nhưng trong sát na Khởi Sinh của chính

Tâm Đồng Lực ấy, Sắc Tâm cũng sinh khởi 1 Tổng Hợp mới nữa, tập hợp thành 17 Tổng Hợp suốt như thế này (Sắc Tâm này khi có tuổi thọ đủ 51 sát na rồi có sự hiện hành như thế này: sát na Khởi Sinh có Tổng Hợp Sắc Tâm đang sinh khởi, đang thụ lập; sát na Trụ có Tổng Hợp Sắc Tâm đang thụ lập; sát na Diệt có Tổng Hợp Sắc Tâm đang thụ lập và đang diệt đi).

3. Tổng Hợp Sắc Quý Tiết (Utujakalāpa): Sắc Quý Tiết này có Nghiệp Xứ làm **Xuất Sinh Xứ (Samuṭṭhāna)**, có 2 thể loại là Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết và Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết. Sắc Quý Tiết có Tâm làm Xuất Sinh Xứ có 2 thể loại là Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết và Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết.

Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết là Sắc Quý Tiết sinh từ Sắc Nghiệp Lực làm duyên. Đề cập là khi Sắc Nghiệp Lực sinh khởi và vào đến sát na Trụ của mình rồi cũng làm duyên cho Sắc Quý Tiết này sinh khởi. Như thế việc sinh khởi, thụ lập, diệt đi và số lượng Sắc sinh khởi, thụ lập, diệt đi của thể loại Sắc này thường hiện hành tương tự với mọi trường hợp của Sắc Nghiệp Lực, chỉ chênh lệch sai dị nhau 1 sát na thôi, tỷ như 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh khởi ở sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh, 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết cũng sinh khởi ở sát na Trụ của cùng một Tâm này, và 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực này diệt đi ở sát na Trụ của Hữu Phần Định Chỉ, còn 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết cũng diệt đi ở sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn, mới chênh lệch nhau 1 sát na với Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực. Như thế Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sinh khởi, thụ lập, diệt đi một cách tối đa mới có 153 Tổng Hợp, và số lượng tối đa này có trong sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn, và có lẽ có ngần này số lượng suốt mãi cho đến khi Sắc Nghiệp Lực sẽ sinh thêm lên nữa.

4. Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết (Cittapaccaya utujakalāpa): Sắc Tâm Duyên Quý Tiết này là Sắc Quý Tiết sinh từ Sắc Tâm làm duyên. Đề cập là khi Sắc Tâm sinh khởi và vào đến sát na Trụ của mình rồi cũng làm duyên cho Sắc Quý Tiết này sinh khởi tương tự với Sắc Nghiệp Lực làm duyên cho Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sinh. Như thế, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết này mới bắt đầu sinh khởi ở sát na Trụ của Hữu Phần thứ 1, chênh lệch nhau 1 sát na với Sắc Tâm. Khi đến sát na Trụ của Tâm Khai Ý Môn cũng sẽ có 16 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết thụ lập và trong sát na Trụ của Tâm này, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết cũng sinh khởi 1 Tổng Hợp mới nữa, tập hợp thành 17 Tổng Hợp. Trong sát na Diệt của Tâm cũng sẽ 17 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết thụ lập, thế nhưng trong sát na Diệt của Tâm này, Sắc Tâm đang diệt không có. Khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sinh khởi trong sát na Trụ của Hữu Phần thứ 1 mới sẽ bắt đầu diệt, thế nhưng trong sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực này cũng vẫn phải tính Sắc đang diệt này vào. Như thế khi đến sát na Trụ của Đồng Lực thứ 1 mới còn lại 16 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, thế nhưng trong sát na Trụ của Tâm này cũng có 1 Tổng Hợp Sắc Tâm sinh khởi mới nữa, tập hợp thành 17 Tổng Hợp và sẽ hiện hữu như thế này suốt.

5. Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết (Utupaccaya utujakalāpa): Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này sinh từ Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết và Sắc Tâm Duyên Quý Tiết làm duyên. Đề cập là khi cả 2 thể loại Sắc này sinh khởi và vào đến sát na Trụ của mình rồi cũng làm duyên cho Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết sinh khởi. Như thế việc sinh khởi, thụ

lập, diệt đi của thể loại Sắc này và số lượng Sắc sinh khởi, thụ lập, diệt đi thường hiện hành trong cùng một phương thức với mọi trường hợp của cả 2 thể loại Sắc làm duyên, có lẽ chỉ phải chênh lệch nhau 1 sát na thôi. Tỷ như, 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sinh ở sát na Trụ của Tâm Tái Sinh, 3 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết cũng sinh khởi ở sát na Diệt của cùng một sát na Tâm với nhau. Và khi Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sinh khởi ở sát na Trụ của Hữu Phần thứ 1 có số lượng 1 Tổng Hợp, Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết cũng sinh khởi ở sát na Diệt của cùng một sát na Tâm này 1 Tổng Hợp nữa. Trong sát na Trụ của Hữu Phần thứ 1 này có 12 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sinh khởi, thụ lập cùng với 1 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sinh khởi, thụ lập; như thế trong sát na Diệt của Hữu Phần thứ 1 này mới có 13 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết sinh khởi, thụ lập, và số lượng của Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này sẽ tăng lên mãi theo phương thức này cho đến sát na Trụ của Tâm Khai Ý Môn sẽ có 169 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết sinh khởi, thụ lập, ấy là thành quả đến từ 153 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết và 16 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sinh khởi, thụ lập trong sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn. Khi đến sát na Trụ của Tâm Khai Ý Môn, 3 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết sinh khởi trong sát na Trụ của Tâm Tái Sinh ấy diệt đi rồi; thế nhưng trong sát na Trụ của chính Tâm Khai Ý Môn ấy, Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết cũng sinh khởi 3 Tổng Hợp mới nữa, mới có lẽ hiện hữu 153 Tổng Hợp bằng như ban đầu, 16 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết hiện hữu ban đầu vẫn chưa diệt đi và sinh mới trong sát na Trụ này 1 Tổng Hợp nữa mới thành 17 Tổng Hợp. Như thế trong sát na Diệt của Tâm Khai Ý Môn mới có 170 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết và có lẽ có ngần này số lượng mãi cho đến khi Sắc Nghiệp Lực sẽ sinh thêm nữa.

2. Hỏi: Số lượng Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh khởi tính kể từ Tâm Tái Sinh, v.v. của sản địa **Thai Sinh (Gabbhaseyyaka)** và **Thấp Sinh (Samśedaja)** cho đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 10 có số lượng bao nhiêu ? Hãy nói tên gọi của các thể loại Tổng Hợp ấy, cùng với Tổng Hợp nào có số lượng bao nhiêu một cách riêng biệt ?

2. Đáp: Tính kể từ Tâm Tái Sinh v.v. của sản địa Thai Sinh cho đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 10 có số lượng 99 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh khởi, là 33 Tổng Hợp Thân Thập, 33 Tổng Hợp Tính Thập, 33 Tổng Hợp Vật Thập.

Tính kể từ Tâm Tái Sinh v.v. của sản địa Thấp Sinh cho đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 10 có số lượng là 263 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực sinh khởi, là 33 Tổng Hợp Nhân Thập, 33 Tổng Hợp Nhĩ Thập, 33 Tổng Hợp Ty Thập, 33 Tổng Hợp Thiệt Thập, 33 Tổng Hợp Thân Thập, 33 Tổng Hợp Tính Thập, 33 Tổng Hợp Vật Thập, 32 Tổng Hợp Mạng Cữu.

Ghi chú: Tổng Hợp Mạng Cữu của sản địa Thấp Sinh sinh lần đầu tiên ở sát na Trụ của Tâm Tái Sinh, vì thế số lượng Tổng Hợp Mạng Cữu mới có 32 Tổng Hợp.

3. Hỏi: Số lượng Tổng Hợp Sắc Tâm sinh khởi tính kể từ Tâm Tái Sinh v.v. cho đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 16 có số lượng bao nhiêu ? và số lượng Sắc Nghiệp Lực

Duyên Quý Tiết của sản địa Thai Sinh tính kể từ Tâm Tái sinh v.v. cho đến sát na Diệt của Tâm Đồng Lực thứ 1 có số lượng bao nhiêu ?

3. Đáp: Số lượng Tổng Hợp Sắc Tâm sinh khởi tính kể từ Tâm Tái Sinh v.v. cho đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 16 có số lượng 16 Tổng Hợp, vì Tổng Hợp Sắc Tâm sinh khởi lần đầu tiên ở sát na Khởi Sinh của Hữu Phần thứ 1 v.v. đi đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 16 mới có số lượng 16 Tổng Hợp Sắc Tâm và Tổng Hợp Sắc Tâm này sinh ở mỗi sát na Khởi Sinh của Tâm thôi. Đối với sát na Khởi Sinh của Tâm Tái Sinh, Tổng Hợp Sắc Tâm vẫn chưa sinh.

Số lượng Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết của sản địa Thai Sinh tính kể từ Tâm Tái Sinh v.v. cho đến sát na Diệt của Tâm Đồng Lực thứ 1 có số lượng 153 Tổng Hợp bằng với số lượng của Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, chỉ chênh lệch nhau 1 sát na thôi.

4. Hỏi: Số lượng các thể loại Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết với Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn sinh khởi lần đầu tiên trong mỗi một Hữu có số lượng bao nhiêu ? và hãy trình bày sự hiện hành của Lộ Trình Sắc Pháp ấy kể từ Tâm Tái Sinh v.v. cho đến Lộ Trình Ý Môn sinh của người Thai Sinh ?

4. Đáp: Số lượng Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn sinh khởi lần đầu tiên trong mỗi một Hữu có số lượng 16 Tổng Hợp bằng với số lượng của Tổng Hợp Sắc Tâm, chỉ chênh lệch nhau 1 sát na thôi. Số lượng Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn có số lượng 166 Tổng Hợp, là Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết làm duyên có số lượng 16 Tổng Hợp, Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết có Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết làm duyên có số lượng 150 Tổng Hợp. Sự hiện hành của Lộ Trình Sắc Pháp tính kể từ Tâm Tái Sinh v.v. cho đến Tâm Lộ Trình Ý Môn của Người Thai Sinh là:

Lộ Trình Sắc Pháp hữu quan với Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sinh ở mỗi một sát na Trụ kể từ Hữu Phần thứ 1 v.v. cho đến Tâm Lộ Trình Ý Môn của Người Thai Sinh có số lượng 17 Tổng Hợp; kể từ sát na Khởi Sinh của Đồng Lực thứ 1 v.v. trở đi, Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết có được cả 3 thể loại (Sinh – Trụ - Diệt) một cách thích hợp với tuổi thọ Sắc Pháp.

Lộ Trình Sắc Pháp hữu quan với Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết có Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết làm duyên sinh ở mỗi một sát na Diệt của Tâm kể từ Tâm Hữu Phần thứ 1 v.v. cho đến Tâm Lộ Trình Ý Môn có số lượng 17 Tổng Hợp; và kể từ sát na Trụ của Tâm Đồng Lực thứ 1 v.v. trở đi thì Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết có được cả ba thể loại (Sinh – Trụ - Diệt) một cách thích hợp với tuổi thọ Sắc Pháp.

Lộ Trình Sắc Pháp hữu quan với Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết có Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết làm duyên sinh khởi ở mỗi một sát na của Tâm tính kể từ sát na Diệt của Tâm Tái Sinh v.v. trở đi cho đến Tâm Lộ Trình Ý Môn có số lượng 153 Tổng Hợp; và mỗi một sát na của Tâm tính kể từ sát na Trụ của Tâm Khai Ý Môn v.v. trở đi,

Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết có Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết làm duyên đây, có được cả 3 thể loại (Sinh – Trụ - Diệt).

5. Hỏi: Số lượng các thể loại Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, Tổng Hợp Sắc Tâm của nhóm Thai Sinh khi đến sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 15 tính kể từ Tâm Tái Sinh v.v. đến diệt đi rồi có bao nhiêu, đang thụ lập có bao nhiêu, sinh khởi mới có bao nhiêu ?

5. Đáp: Số lượng Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực của nhóm Thai Sinh này khi đến sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 15 tính kể từ Tâm Tái Sinh v.v đến diệt đi rồi vẫn chưa có, đang thụ lập có 138 Tổng Hợp, sinh khởi mới có 3 Tổng Hợp. Số lượng Tổng Hợp Sắc Tâm của nhóm Thai Sinh này, khi đến sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 15 tính kể từ Tâm Tái Sinh v.v. đến diệt đi rồi vẫn chưa có, đang thụ lập có 15 Tổng Hợp, không có sinh khởi mới.

6. Hỏi: Tính từ Tâm đầu tiên sinh khởi cùng với Tổng Hợp Mạng Cữu bắt đầu sinh lần đầu tiên cho đến sát na Diệt của Tâm thứ 17 thuộc sản địa Thai Sinh và **Hóa Sinh (Opapātika)** trong Thiện Dục Địa Giới ấy, Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết và Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết có số lượng bao nhiêu ?

6. Đáp: Tính từ Tâm đầu tiên sinh khởi cùng với Tổng Hợp Mạng Cữu bắt đầu sinh lần đầu tiên cho đến sát na Diệt của Tâm thứ 17 (Hữu Phần thứ 1 sau Đồng Lực) của nhóm Thai Sinh trong Dục Địa Giới, Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết có số lượng 203 Tổng Hợp, Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết có số lượng 219 Tổng Hợp. Tính từ Tâm đầu tiên sinh khởi cùng với Tổng Hợp Mạng Cữu bắt đầu sinh lần đầu tiên cho đến sát na Diệt của Tâm thứ 17 (Hữu Phần thứ 1 sau Đồng Lực) của nhóm Hóa Sinh trong Dục Địa Giới, Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết có số lượng 408 Tổng Hợp, Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết có số lượng 425 Tổng Hợp. Trong 425 Tổng Hợp ấy, phần Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết có Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết làm duyên thì có số lượng 408 Tổng Hợp bằng với Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, chỉ sinh chênh lệch nhau 1 sát na; phần Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết có Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết làm duyên thì có số lượng 17 Tổng Hợp bằng với Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, chỉ sinh chênh lệch nhau 1 sát na.

7. Hỏi: Hãy trình bày Lộ Trình Sắc Pháp bắt đầu kể từ Sắc Vật Thực sinh và hãy tính số lượng Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết trong khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn sinh khởi tiếp nối từ Tâm có Sắc Vật Thực bắt đầu sinh lần đầu tiên có số lượng bao nhiêu ?

7. Đáp: Sự hiện hành của Lộ Trình Sắc Pháp bắt đầu kể từ Sắc Vật Thực sinh, đối với nhóm Thai Sinh ở phần Nhân Loại là: trong tuần lễ thứ 2 hoặc 3 khi vật thực của người Mẹ thọ thực đã thấm nhập vào sắc thân của thai nhi rồi, Sắc Vật Thực cũng sinh khởi và việc sinh Sắc Vật Thực này của từng mỗi người không giống nhau. Để thuận tiện cho việc ghi nhớ, đã giả thiết cho Sắc Vật Thực sinh ở sát na Khởi Sinh của Hữu Phần thứ 1 trong số lượng 10 Tâm Hữu Phần trước tiên trong Lộ Trình Ý Môn sinh như thế này rồi, 1, 2, 3 Tổng Hợp Sắc

Vật Thực thường sinh khởi và thụ lập một cách thuận tự trong sát na Khởi Sinh, Trụ của Tâm này, và sẽ tăng lên mãi theo phương thức này cho đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 (sau Tâm Đồng Lực) sẽ có 51 Tổng Hợp Sắc Vật Thực sinh khởi, thụ lập, và trong số lượng 51 Tổng Hợp Sắc Vật Thực này, tập hợp cả Sắc Vật Thực đồng sinh với sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 1 (trước Tâm Đồng Lực) đang sắp diệt trong sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 1 (sau Tâm Đồng Lực) này vào; thế nhưng trong sát na Tâm này cũng vẫn phải tính Sắc đang sắp diệt này vào, vì vẫn chưa kiệt tận đi. Khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) mới diệt kiệt tận; thế nhưng trong sát na Khởi Sinh của Tâm Hữu Phần thứ 2 (sau Tâm Đồng Lực) cũng có Sắc Vật Thực đang diệt đi 1 Tổng Hợp nữa, thụ lập 49 Tổng Hợp và sinh mới 1 Tổng Hợp, tập hợp thành 51 Tổng Hợp bằng như ban đầu, và hiện hữu ngần này số lượng mãi cho đến khi Sắc Vật Thực này sẽ có việc cải biến thành Pháp khác. Số lượng Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết trong khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Khai Ý Môn sinh khởi tiếp nối từ Tâm có Sắc Vật Thực sinh lần đầu tiên có số lượng 30 Tổng Hợp.

8. Hỏi: Hãy tính số lượng Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, Tổng Hợp Sắc Tâm, Tổng Hợp Sắc Vật Thực, Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết, Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết, trong khi đến sát na Diệt của Tâm Đồng Lực thứ 1 sinh khởi tiếp nối từ Tâm có Nhân, Nhĩ, Ty, Thiết bắt đầu sinh, rằng có số lượng bao nhiêu ?

8. Đáp: Trong khi đến sát na Diệt của Tâm Đồng Lực thứ 1 sinh tiếp nối từ Tâm có Nhân, Nhĩ, Ty và Thiết bắt đầu sinh có số lượng như tiếp theo đây:

- (1) Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực có số lượng 348 Tổng Hợp.
- (2) Tổng Hợp Sắc Tâm có số lượng 17 Tổng Hợp.
- (3) Tổng Hợp Sắc Vật Thực có số lượng 51 Tổng Hợp.
- (4) Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết có số lượng 344 Tổng Hợp.
- (5) Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết có số lượng 17 Tổng Hợp.
- (6) Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết có số lượng 51 Tổng Hợp.
- (7) Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết có số lượng 408 Tổng Hợp

9. Hỏi: Hãy trình bày sự hiện hành của Lộ Trình Sắc Pháp ở sát na có việc trông thấy, là Lộ Trình Nhân Môn sinh, luôn cả lời giải thích ?

9. Đáp: Câu trả lời hiện bày ở trong lời giải thích sự hiện hành của Sắc Pháp ở trong sát na Lộ Trình Ngũ Môn sinh (xin xem trong bản chính phương thứ 5).

1. Sắc Tâm: Sắc Tâm này như đã đề cập đến trong bản chính phương thứ 1, rằng sẽ sinh khởi đặc biệt chỉ ở sát na Khởi Sinh của từng mỗi sát na Tâm, đề cập như thế là việc đề cập một cách phổ cập, vẫn chưa được đề cập đến điều ngoại lệ, vì thực tại trong sát na Tâm Ngũ Song Thức sinh khởi, Sắc Tâm sẽ không sinh khởi luôn. Để cho có được sự minh hiển, mới xin đề cập đến việc sinh diệt của thể loại Sắc này khi hiện hữu một cách đầy đủ (đặc biệt trong bản chính phương thứ 1 - 4) có số lượng một cách cụ thể là 17 Tổng Hợp ấy. Nhắc lại

một lần nữa là trong sát na Khởi Sinh của từng mỗi sát na Tâm thường có 1 Tổng Hợp Sắc Pháp diệt (không cần phải tính), 16 Tổng Hợp Sắc Pháp thụ lập, 1 Tổng Hợp Sắc Pháp đang sinh mới, tập hợp (đặc biệt phải tính) thành 17 Tổng Hợp; là như thế này mãi cho đến bản chính phương thứ 5 này khi sát na Khởi Sinh của Tâm Ngũ Song Thức, Sắc Tâm có lẽ mới có 1 Tổng Hợp diệt mất, đang thụ lập 16 Tổng Hợp, còn sinh khởi mới không có lẽ là Sắc Pháp phải tính có số lượng 16 Tổng Hợp. Khi đến sát na Trụ có lẽ đặc biệt chỉ có 16 Tổng Hợp Sắc Pháp thụ lập và đang diệt 1 Tổng Hợp, tập hợp thành 16 Tổng Hợp; và khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Tiếp Thâu cũng có 1 Tổng Hợp Sắc Pháp diệt mất (không phải tính), 15 Tổng Hợp thụ lập, 1 Tổng Hợp Sắc Pháp sinh mới, tập hợp (đặc biệt phải tính) thành 16 Tổng Hợp và tuyền chuyển mãi với nhau như thế này cho đến sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 4 mới chỉ có 16 Tổng Hợp Sắc Pháp, sinh khởi mới 1 Tổng Hợp, tập hợp thành 17 Tổng Hợp. Khi đến sát na Trụ cũng chỉ có 17 Tổng Hợp thụ lập và khi đến sát na Diệt cũng có lẽ có 16 Tổng Hợp thụ lập và 1 Tổng Hợp đang diệt, tập hợp thành 17 Tổng Hợp và tuyền chuyển mãi với nhau theo phương thức này cho đến khi sẽ có việc cải biến.

2. Sắc Tâm Duyên Quý Tiết: Sắc Tâm Duyên Quý Tiết này cũng hiện hành trong cùng một phương thức với mọi trường hợp của Sắc Tâm, có lẽ chỉ chênh lệch sai dị với nhau 1 sát na thôi. Như thế sự cải biến của thể loại Sắc này mới bắt đầu thụ lập sát na Trụ của Tâm Ngũ Song Thức, là giảm từ 17 Tổng Hợp hiện hữu ban đầu xuống 1 Tổng Hợp, có lẽ còn lại 16 Tổng Hợp, và sẽ hiện hữu ngàn này số lượng mãi cho đến sát na Trụ của Tâm Hữu Phần thứ 5 mới tăng lên lại 1 Tổng Hợp nữa, có lẽ là 17 Tổng Hợp như ban đầu. Tất cả này thường có cùng một loại nhân quả với mọi trường hợp của Sắc Tâm.

3. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết: Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này là thành quả từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết. Khi Sắc Tâm Duyên Quý Tiết có việc cải biến đi, thể loại Sắc Pháp này cũng thường có việc cải biến đi tương tự. Như thế số lượng 476 Tổng Hợp Sắc Pháp ấy hiện hữu trong bản chính phương thứ 4 khi đến sát na Diệt của Tâm Ngũ Song Thức mới giảm xuống 1 Tổng Hợp, còn lại 475 Tổng Hợp, và có số lượng ngàn này mãi cho đến sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 5 mới tăng lên lại thành 476 Tổng Hợp theo như ban đầu. Tất cả này thường có cùng một loại nhân quả với mọi trường hợp của Sắc Tâm Duyên Quý Tiết.

Trong bản chính phương thứ 5 này, Sắc Nghiệp, Sắc Vật Thực, Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết có lẽ hiện hữu theo như số lượng ban đầu, không có việc cải biến, và việc tập hợp Tổng Hợp Sắc Pháp cũng không có lý do nào đặc biệt sẽ dẫn đến đề cập.

10. Hỏi: Theo lẽ thường Tổng Hợp Sắc Tâm khi vào Thiên Diệt thường không sinh, muốn biết rằng Tổng Hợp Sắc Tâm, Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết đã hiện hữu rồi theo thuận tự bắt đầu diệt xuống, đã bắt đầu diệt kể từ sát na Tâm nào và đã diệt kiệt tận cho đến sát na Tâm nào, cho trình bày bản chính phương thứ 6 ?

10. Đáp: Tổng Hợp Sắc Tâm đã bắt đầu diệt xuống theo thuận tự, đã bắt đầu diệt tính kể từ trong sát na Diệt của Tâm Thiên thứ 2, Tổng Hợp Sắc Tâm đang diệt 1 Tổng Hợp. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm Tâm Sở cũng diệt kiệt tận. Như thế, việc sẽ đề cập tiếp theo mới chỉ

là giải thiết lấy thôi, là tiếp nối từ sát na Diệt của Tâm Thiền thứ 2 rồi suy trắc lấy rằng sát na Khởi Sinh của Tâm tiếp nối trong Thiền ấy sẽ có 16 Tổng Hợp Sắc Tâm thụ lập, thế nhưng sinh mới không có, mới có lẽ chỉ hiện hữu 16 Tổng Hợp. Trong sát na Trụ cũng có lẽ đặc biệt chỉ có 16 Tổng Hợp thụ lập, và trong sát na Diệt cũng có lẽ có 15 Tổng Hợp thụ lập, và đang diệt đi 1 Tổng Hợp. Sắc Tâm sẽ luôn mãi giảm số lượng xuống như thế này vào mỗi khoảng thời gian là suy trắc đến sát na Diệt của từng mỗi Tâm, và khi suy trắc đến sát na Khởi Sinh của Tâm thứ 17 thì Sắc Tâm sẽ diệt hoàn toàn, không còn dư sót và có lẽ sẽ ở trong thực tính này cho đến khi sẽ xuất khỏi Thiền Diệt.

Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết: Sắc Tâm Duyên Quý Tiết này cũng hiện hành cùng một phương thức với mọi trường hợp của Sắc Tâm với mọi trường hợp, có lẽ chỉ chênh lệch nhau 1 sát na thôi. Như thế, sự cải biến của thể loại Sắc này mới bắt đầu kể từ suy trắc rằng sát na Trụ của Tâm tiếp nối từ Tâm Thiền thứ 2, và luôn giảm số lượng xuống mãi ở từng mỗi sát na, suy trắc rằng ở sát na Trụ của từng mỗi Tâm cho đến sát na Trụ của Tâm suy trắc rằng là thứ 17, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết cũng diệt kiệt tận, và tương tự sẽ có lẽ ở trong thực tính này cho đến khi sẽ xuất khỏi Thiền Diệt.

11. Hỏi: Hãy trình bày sự hiện hành Lộ Trình Sắc Pháp hữu quan với Tổng Hợp Sắc Tâm, Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, một cách đặc biệt trong sát na xuất khỏi Thiền Diệt v.v. cho đến Lộ Trình Ý Môn sinh và Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết sinh trụ ấy, khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực thứ 17 dĩ hậu xuất khỏi Thiền Diệt rồi ấy, có số lượng bao nhiêu ?

11. Đáp: Sự hiện hành của Sắc Pháp trong sát na xuất khỏi Thiền Diệt:

1. Sắc Tâm: Khi Bạc Bát Lai hoặc Bạc Vô Sinh xuất khỏi Thiền Diệt, 1 Tâm Quả Bát Lai hoặc 1 Tâm Quả Vô Sinh sinh khởi rồi diệt mất. Tiếp nối từ nơi ấy, Tâm cũng là Hữu Phần và việc Tâm là Hữu Phần thường sẽ không hạn định được rằng nhiều ít bao nhiêu, có lẽ chỉ nói được rằng Tâm là Hữu Phần ở khoảng một sát na rồi tiếp nối cũng khởi đến Lộ Trình Tâm. Thế nhưng, trong bản chính phương thứ 7 này, hạn định cho có 10 Hữu Phần (gồm cả Hữu Phần Chấn Động và Hữu Phần Đình Chỉ). Tất cả đây cũng để cho thuận tiện việc ghi nhớ và việc giải thích thôi. Khi Tâm Quả sinh khởi trong sát na Khởi Sinh của Tâm ấy, Sắc Tâm cũng thường sinh khởi và sẽ sinh tiếp nối khởi vào mỗi sát na Khởi Sinh của từng mỗi sát na Tâm. Khi sinh khởi rồi cũng sẽ thụ lập cho đến đủ tuổi thọ là 17 sát na Tâm mới sẽ diệt mất. Vì thế, Sắc Tâm sinh khởi ở sát na Khởi Sinh của Tâm Quả sẽ thụ lập cho đến sát na Diệt của Tâm Đồng Lực thứ 5 mới sẽ diệt, thế nhưng trong sát na Diệt của Tâm này cũng vẫn phải tính Sắc đang diệt mất này vào. Tiếp nối khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực thứ 6 mới có 16 Tổng Hợp Sắc Pháp thụ lập, sinh mới 1 Tổng Hợp, tập hợp thành 17 Tổng Hợp. Sát na Trụ chỉ có 17 Tổng Hợp thụ lập, và sát na Diệt có 16 Tổng Hợp thụ lập, đang diệt 1 Tổng Hợp, tập hợp thành 17 Tổng Hợp, và sẽ có thực tính như thế này luôn mãi ở mỗi sát na Tâm, ngoại trừ trong sát na Tâm Ngũ Song Thức sinh như đã đề cập để trong bản chính phương thứ 5, và trong Lộ Trình Cận Tử sẽ đề cập tiếp tục trong bản chính phương thứ 8 - 9.

2. Sắc Tâm Duyên Quý Tiết: Sắc Tâm Duyên Quý Tiết này cũng hiện hành trong cùng một phương thức với mọi trường hợp của Sắc Tâm, chỉ có sai dị chênh lệch với nhau 1 sát na thôi. Vì thế, khi Sắc Tâm sinh khởi ở sát na Khởi Sinh của Tâm Quả, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết cũng thường sinh khởi ở sát na Trụ của Tâm Quả một cách tương tự; và sẽ tăng số lượng lên mãi vào mỗi sát na Trụ của từng mỗi sát na Tâm cho đến sát na Khởi Sinh của Tâm Đồng Lực thứ 6, Sắc Pháp sinh khởi ở sát na Trụ của Tâm Quả mới sẽ diệt; thế nhưng trong sát na Khởi Sinh này cũng vẫn phải tính Sắc đang diệt này vào, tiếp nối khi đến sát na Trụ mới sẽ không cần phải tính. Coi như thế là trong sát na Trụ của Tâm Đồng Lực thứ 6 này có 1 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sinh khởi, 16 Tổng Hợp thụ lập, tập hợp thành 17 Tổng Hợp. Và có lẽ có ngàn này số lượng luôn mãi cho đến khi sẽ có việc cải biến tương tự với phần đã được đề cập đến trong Sắc Tâm ấy.

3. Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết: Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết này như đã đề cập là thành quả đến từ Sắc Tâm Duyên Quý Tiết. Khi Sắc Tâm Duyên Quý Tiết sinh khởi ở sát na Trụ của Tâm Quả, Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết cũng thường có tăng lên ở sát na Diệt của Tâm Quả một cách tương tự, và sẽ tăng lên mãi ở mỗi sát na Diệt của Tâm cho đến sát na Trụ của Tâm Đồng Lực thứ 6, Sắc Pháp sinh khởi ở sát na Diệt của Tâm Quả mới sẽ diệt đi, thế nhưng trong sát na Trụ này cũng vẫn phải tính Sắc đang diệt này vào, tiếp nối khi đến sát na Diệt của Tâm Đồng Lực thứ 6 mới sẽ không cần phải tính. Coi như thế là Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết hiện hữu trong bản chính phương thứ 6 có số lượng 459 Tổng Hợp, khi đến sát na Diệt của Tâm Quả sẽ tăng lên thành 460 Tổng Hợp, và sẽ tăng lên mãi ở mỗi sát na Diệt của Tâm cho đến sát na Diệt của Tâm Đồng Lực thứ 5 sẽ có số lượng 476 Tổng Hợp và sẽ hiện hữu ngàn này số lượng cho đến khi sẽ có việc cải biến.

Trong bản chính phương thứ 7 này, Sắc Nghiệp, Sắc Vật Thực, Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết có lẽ hiện hữu theo số lượng ban đầu, bất cải biến, và việc tập hợp Tổng Hợp Sắc Pháp cũng không có lý do nào đặc biệt đáng sẽ dẫn đến đề cập.

12. Hỏi: Hãy trình bày sự hiện hành của Lộ Trình Sắc Pháp hữu quan với Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, Tổng Hợp Sắc Tâm, Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết, Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết, một cách đặc biệt trong sát na Lộ Trình Cận Tử Nhân Môn sinh cho đến tử vong.

12. Đáp: Sự hiện hành của Lộ Trình Sắc Pháp hữu quan với Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực v.v. một cách đặc biệt trong sát na Lộ Trình Cận Tử Nhân Môn sinh cho đến tử vong ấy là:

1. Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực: Sắc Nghiệp Lực được sinh khởi lần cuối cùng ở sát na Khởi Sinh của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi, là sát na Khởi Sinh của Hữu Phần Quá Khứ và ở sát na Khởi Sinh của Tâm này, Sắc Nghiệp Lực này hiện hữu tối đa 408 Tổng Hợp ấy, chia ra thành Nhân Thập, Nhĩ Thập, Tỵ Thập, Thiệt Thập, Thân Thập, Tính Thập, Vật Thập và Mạng Cửu, tập hợp 8 thể loại với mỗi thể loại có 51 Tổng Hợp, và trong số lượng 408 Tổng Hợp này là 8 Tổng Hợp đang diệt, thụ lập 392 Tổng Hợp, sinh mới 8 Tổng Hợp, là như thế này luôn mãi ở mỗi sát na Tâm ấy. Khi hữu tình ấy cận tử lâm chung và Tâm Lộ Trình

tiến hành đến Lộ Trình Cận Tử (một cách đặc biệt bản chính phương thứ 8 này trình bày Lộ Trình mà hữu tình ấy sẽ tử vong bất luận một loại Môn nào trong Lộ Trình Ngũ Môn) và khi Tâm đến sát na Trụ của Hữu Phần Quá Khứ rồi, Sắc Nghiệp Lực cũng đình chỉ không sinh mới nữa (nếu như Sắc Nghiệp Lực vẫn còn sinh trú, sẽ gọi hữu tình ấy là bất khả tử vong). Trong sát na Trụ của Hữu Phần Quá Khứ này mới có 8 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực đang diệt, 392 Tổng Hợp thụ lập, không có sinh mới, có lẽ tập hợp thành 400 Tổng Hợp và 8 Tổng Hợp sẽ giảm xuống ở từng mỗi sát na Tâm (sát na tiểu) như thế này luôn mãi cho đến sát na Diệt của Tâm Tử có lẽ có 8 Tổng Hợp sắc Nghiệp Lực đang diệt, không có thụ lập. Coi như thế là Sắc Nghiệp Lực này thường đồng diệt không có dư sót với sát na Diệt của Tâm Tử.

2. Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết: Như đã đề cập đến rồi, là việc sinh diệt của Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết này thường có đồng nhất trạng thái với mọi trường hợp của Sắc Nghiệp Lực, có lẽ chỉ chênh lệch sai dị với nhau 1 sát na thôi. Như thế khi Sắc Nghiệp Lực bắt đầu giảm xuống kể từ sát na Trụ của Hữu Phần Quá Khứ rồi Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết cũng bắt đầu giảm xuống kể từ sát na Diệt của cùng một sát na Tâm. Vì thế khi đến sát na Diệt của Tâm Tử mới có Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết còn lại 16 Tổng Hợp, là 8 Tổng Hợp Sắc Pháp đang diệt, thụ lập 8 Tổng Hợp; coi như thế là Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết này có lẽ còn lại dĩ hậu ở sát na Diệt của Tâm Tử là 8 Tổng Hợp, và Sắc còn lại này sẽ diệt trong khoảng 1 sát na (tiểu) của Tâm nối tiếp nữa mới diệt hoàn toàn..

3. Sắc Tâm: Sắc Tâm này có số lượng một cách cự đa là 17 Tổng Hợp, vì chỉ đặc biệt sinh khởi ở từng mỗi sát na Khởi Sinh của Tâm, chỉ trừ phi sát na Tâm Ngũ Song Thức sinh khởi thôi. Như đã đề cập rồi và việc sinh của Sắc Tâm này cũng sẽ luôn mãi sinh khởi, cho dù trong sát na Khởi Sinh của Tâm Tử cũng vẫn có lẽ còn sinh (trừ Tâm Tử của Bạc Vô Sinh). Trong bản chính phương thứ 8 này, Sắc Tâm hiện hữu 17 Tổng Hợp, khi đến sát na Khởi Sinh của Tâm Ngũ Song Thức, Sắc Tâm không có sinh mới, chỉ có thụ lập và đang diệt mới có lẽ còn lại 16 Tổng Hợp, và sẽ có lẽ có mãi ngàn này số lượng cho đến sát na Khởi Sinh của Tâm Tử. Tiếp nối từ nơi ấy, Sắc Tâm cũng không có sinh mới và Sắc Tâm có lẽ hiện hữu 16 Tổng Hợp này khi Sắc nào thụ lập đủ tuổi thọ (17 sát na đại của Tâm) rồi cũng diệt mất. Như thế dĩ hậu Tâm Tử diệt mất rồi, 16 Tổng Hợp Sắc Tâm này cũng sẽ theo nhau diệt một cách thuận tự. Tổng Hợp Sắc Tâm cuối cùng sẽ diệt, dĩ hậu Tâm Tử diệt rồi trong khoảng sát na Diệt (sát na đại) thứ 16 của Tâm. Thế nhưng tất cả đây không có ý muốn nói rằng 16 Tổng Hợp Sắc Tâm này sẽ đi theo Tâm Tái Sinh trong Hữu mới, vì thực tại Sắc Tâm sinh trong Hữu này cũng diệt trong Hữu này, bất hữu quan Hữu mới bất luận trường hợp nào.

4. Sắc Tâm Duyên Quý Tiết: Như đã đề cập rồi, là việc sinh diệt của Sắc Tâm Duyên Quý Tiết này cũng thường có đồng nhất trạng thái với mọi trường hợp của Sắc Tâm, có lẽ chỉ chênh lệch sai dị với nhau 1 sát na thôi. Như thế khi Sắc Tâm sinh lần cuối cùng ở sát na Khởi Sinh của Tâm Tử, Sắc Tâm Duyên Quý Tiết cũng sinh lần cuối cùng ở sát na Trụ của Tâm Tử một cách tương tự. Và 16 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết hiện hữu khi sát na Diệt của Tâm Tử này cũng sẽ lần lượt theo nhau diệt mất. Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết cuối cùng sẽ diệt dĩ hậu Tâm Tử đã diệt rồi lần nữa, là khoảng sát na (đại) Khởi Sinh thứ

17 của Tâm, là dĩ hậu Tổng Hợp Sắc Tâm cuối cùng diệt 1 sát na (tiểu) của Tâm và coi như diệt hoàn toàn trong sát na này.

13. Hỏi: Tổng Hợp Sắc Vật Thực và Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết ở trong sát na Sinh đến sát na Diệt của Tâm Tử ấy có số lượng bao nhiêu ?

13. Đáp: Trong sát na Diệt của Tâm Tử ấy có số lượng Tổng Hợp Sắc Vật Thực và Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết như thế này:

Sắc Vật Thực: Sắc Vật Thực này do sinh khởi ở mỗi sát na (tiểu) của Tâm mới hiện hữu một cách cự đa là 51 Tổng Hợp, và việc sinh của thể loại Sắc này ở sát na nào vẫn có 1 Vật Thực Nội Bộ, 1 Vật Thực Ngoại Bộ và Tâm sinh trú Sắc Vật Thực cũng thường sinh, vì thể thể loại Sắc này có sinh khởi ngay đến sát na Diệt của Tâm Tử. Coi như thế là trong sát na Diệt của Tâm Tử có 1 Tổng Hợp Sắc Vật Thực đang diệt, thụ lập 49 Tổng Hợp và sinh mới 1 Tổng Hợp. Tiếp nối khi đến dĩ hậu sát na Diệt của Tâm Tử rồi, Sắc Vật Thực mới không sinh, chỉ có theo nhau diệt một cách thuận tự tuổi thọ cho đến khoảng sát na Trụ thứ 17 (sát na đại) của Tâm thì Sắc Vật Thực mới diệt hoàn toàn.

Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết: Như đã đề cập rồi, là việc sinh diệt của Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết này thường có đồng nhất trạng thái với mọi trường hợp của Sắc Vật Thực cũng cùng một phương thức với mọi trường hợp của Sắc Vật Thực, có lẽ chỉ có chênh lệch sai dị với nhau 1 sát na thôi. Như thế, khi Sắc Vật Thực sinh lần cuối cùng ở sát na Diệt của Tâm Tử như thế này, Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết sẽ sinh lần cuối cùng khi dĩ hậu sát na Diệt của Tâm Tử nối tiếp 1 sát na (tiểu) nữa. Tiếp nối từ nơi ấy, cũng sẽ không sinh nữa, và sẽ theo nhau diệt mất cho đến khoảng sát na Diệt thứ 17 sát na (đại) của Tâm, Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết cũng coi như diệt hoàn toàn.

14. Hỏi: Hãy trình bày sự hiện hành Lộ Trình Sắc Pháp hữu quan với cả 4 thể loại Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, Tổng Hợp Sắc Tâm, Tổng Hợp Sắc Vật Thực và Tổng Hợp Sắc Quý Tiết trong Lộ Trình Ý Môn Cận Tử sinh.

14. Đáp: Câu trả lời của điều thứ 14 này tương tự với câu trả lời của điều thứ 12 và 13, chỉ sai biệt là sự hiện hành trong Lộ Trình Cận Tử Ý Môn thôi.

15. Hỏi: Cả 7 thể loại Tổng Hợp Sắc Pháp hiện hữu ngay sát na Khởi Sinh, sát na Trụ, sát na Diệt, của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi có số lượng bao nhiêu, hãy trình bày một cách riêng biệt số lượng của mỗi Tổng Hợp Sắc Pháp ấy ?

15. Đáp: Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực hiện hữu ngay sát na Khởi Sinh của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi có số lượng 408 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực, ngay sát na Trụ có số lượng 400 Tổng Hợp, ngay sát na Diệt có số lượng 392 Tổng Hợp.

Tổng Hợp Sắc Tâm ngay sát na Khởi Sinh, sát na Trụ, sát na Diệt của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi có 17 Tổng Hợp Sắc Tâm bằng nhau cả 3 sát na.

Tổng Hợp Sắc Vật Thực ngay sát na Khởi Sinh, sát na Trụ, sát na Diệt của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi có 51 Tổng Hợp Sắc Vật Thực bằng nhau cả 3 sát na.

Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết ngay sát na Khởi Sinh và sát na Trụ có 408 Tổng Hợp Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết bằng nhau, ngay sát na Diệt có số lượng 400 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực.

Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết ngay sát na Khởi Sinh, sát na Trụ, sát na Diệt có 17 Tổng Hợp Sắc Tâm Duyên Quý Tiết bằng nhau.

Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết ngay sát na Khởi Sinh, sát na Trụ, sát na Diệt có 51 Tổng Hợp Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết bằng nhau.

Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết ngay sát na Khởi Sinh, sát na Trụ, sát na Diệt có 476 Tổng Hợp Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết bằng nhau.

16. Hỏi: Hãy trình bày sự hiện hành của Sắc Pháp vẫn còn sinh tiếp nối từ Tâm Tử mà bất hữu quan với Hữu mới.

16. Đáp: Theo lẽ thường, khi chúng hữu tình tử vong rồi, vẫn còn có Sắc Pháp hiện hành ở trong 2 thể loại nữa, là: (I) Sắc đang thụ lập, (II) Sắc sinh khởi tiếp tục.

I. Sắc đang thụ lập, vẫn chưa diệt mất: dĩ hậu hữu tình tử vong rồi có 6 loại là:

1. Sắc Tâm: đồng sinh với sát na Khởi Sinh của Tâm Tử v.v. cho đến Sắc Tâm đồng sinh khởi với sát na Khởi Sinh của Tâm thứ 16 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

2. Sắc Vật Thực: đồng sinh với sát na Diệt của Tâm Tử v.v. cho đến sát na Trụ của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

3. Sắc Nghiệp Lực Duyên Quý Tiết: đồng sinh với sát na Trụ của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

4. Sắc Tâm Duyên Quý Tiết: đồng sinh với sát na Trụ của Tâm Tử v.v. và mỗi một sát na Trụ của từng mỗi Tâm cho đến sát na Trụ của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

5. Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết: đồng sinh với sát na Diệt của Tâm Tử v.v. và mỗi một sát na của Tâm cho đến sát na Trụ của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

6. Sắc Quý Tiết Nội Duyên Quý Tiết (Ajṣhattikautupaccayaṭṭjarūpa): đồng sinh với sát na Diệt của Tâm Tử v.v. và mỗi một sát na của Tâm cho đến sát na Diệt của Tâm thứ 17 tính hậu thối từ Tâm Tử khởi đi.

II. Sắc sinh khởi tiếp tục có 3 loại, là:

1. Sắc Quý Tiết Nội Duyên Quý Tiết: đề cập là dĩ hậu hữu tình ấy đã tử vong rồi, Sắc Quý Tiết sinh khởi do y cứ **Hỏa (Tejo)** ở trong Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết làm duyên, và Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết này sinh khởi lần cuối cùng, dĩ hậu Tâm Tử diệt 1 sát na tiểu đi rồi, khi đến sát na Trụ rồi cũng làm duyên cho Sắc Quý Tiết Nội Duyên Quý Tiết sinh lần nữa ở phía sau Tâm Tử diệt đi rồi 2 sát na tiểu của Tâm. Tiếp nối từ nơi ấy rồi cũng không có việc sinh nữa. Sắc Quý Tiết Nội Duyên Quý Tiết này sinh khởi dĩ hậu Tâm Tử 2 sát na tiểu, Tâm này khi có tuổi thọ đủ 51 sát na tiểu rồi cũng diệt mất hết cả, không có dư sót. Tất cả đây cũng bởi vì nhóm Sắc này sinh khởi do y cứ Quý Tiết này sinh ở trong chính hữu tình ấy vậy.

2. Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết: là Sắc Quý Tiết sinh từ Sắc Vật Thực làm duyên, và Sắc Vật Thực này sinh khởi lần cuối cùng với sát na Diệt của Tâm Tử. Khi đến sát na Trụ rồi cũng làm duyên cho Sắc Vật Thực Duyên Quý Tiết sinh khởi trong khi hữu tình ấy đã tử vong mất rồi. Khi tuổi thọ đủ 51 sát na tiêu rồi cũng diệt mất hết cả, không có dư sót, bởi vì thể loại Sắc này sinh khởi do y cứ Sắc Vật Thực cũng sinh tương tự ở bên trong chính hữu tình ấy vậy.

3. Sắc Quý Tiết Ngoại Duyên Quý Tiết (Bāhiraupaccayaautujarūpa): là Sắc Quý Tiết sinh khởi bên trong hữu tình do y cứ Quý Tiết bên ngoài cũng có lẽ tiếp tục sinh trong tử thi ấy. Ngay cả tử thi ấy sẽ thành tro bụi, hoặc thối rữa mục rã ra ở trên mặt đất đi nữa, Sắc Quý Tiết Ngoại Duyên Quý Tiết cũng vẫn có lẽ còn sinh trụ cho đến khi thể gian sẽ bị hoại diệt mới sẽ hoàn toàn kiệt tận.

Kết Thúc Phần Vấn – Đáp Trong Lộ Trình Sắc Pháp



Ý NGHĨA CHỮ VIẾT TẮT TRONG CÁC BẢN ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM

Chữ viết tắt	Ý Nghĩa	
Bha	Bhavaṅgacitta	Tâm Hữu Phần
Tī	Atītabhavaṅga	Hữu Phần Quá Khứ
N	Bhavaṅgacalana	Hữu Phần Chấn Động
Da	Bhavaṅgupaccheda	Hữu Phần Đình Chỉ
Pa	Pañcadvārāvajjanacitta	Tâm Khai Ngũ Môn
Ca	Cakkhuvīññāṇacitta	Tâm Nhãn Thức
Pañ	Pañcaviññāṇa	Ngũ Thức
Sa	Sampaṭicchana-citta	Tâm Tiếp Thâu
Na	Santīraṇacitta	Tâm Thăm Tán
Vu	Voṭṭhabbanacitta	Tâm Đoán Định
Ja	Javana-citta	Tâm Đồng Lực
Ta	Tadārammaṇacitta	Tâm Na Cảnh
Ā	Āgantukabhavaṅga	Hữu Phần Khách
Ma	Manodvārāvajjanacitta	Tâm Khai Ý Môn
Pañ	Pañcadvārāvajjanacitta	Tâm Khai Ngũ Môn
Pari	Parikamma	Chuẩn Bị
U	Upacāra	Cận Hành
Nu	Anuloma	Thuận Tòng
Go	Gotrabhū	Chuyển Tộc
Vo	Vodāna	Dữ Tĩnh
Jha	Jhāna-citta	Tâm Thiền Định
Bhi	Abhiññā-citta	Tâm Thắng Trí
Mag	Maggacitta	Tâm Đạo
Pha	Phalacitta	Tâm Quả
Cu	Cuticitta	Tâm Tử
Ti	Paṭisandhicitta	Tâm Tái Sinh

KỆ TÓM TẮT (NIGAMAKATHĀ)

Ettāvatā ca marammaratṭhe marammajātikehi TŌTID ŪDUNMIEN tihavayehi mātāpitūhi Buddhasakarāje chapaññāsādhikacatusatdvisahasse cūlasakarāje pañcasattatyādhikadvisatekasahasase sampatte phagguṇamāsajū- hapakkha atṭhamiyaṃ aṅgavāre vijātena jātiyā catucattālisahāyanikena upasampadabhāvena catuvīsativassikena dhammācariyoti laddhalañchakena saddhammajotikanāmena mayā rakkaṅghositārāme abhidhammahāvidhayālaye abhidhammagāṇapāmokkha bhāvena nānāpakaraṇāni vācetvā visesatosāṭṭha kathāṭṭikaṃ abhidhammapīṭakaṃ vācetvā viharantena ābhidhammikānaṃ atthāya pucchāvisajjanāvasena kato nāmarūpavīthivinicchayo Buddhasakarāje pañcasa tādhiḱadvisahasse cūlasakarāje ekūnavīsādhikatisatekasahasase sampatte jetṭha māsakālapakkhasattamiyaṃ budhavāre suniṭṭhito.

Dịch nghĩa với nội dung là: Bần Đạo được sinh ra vào Phật Lịch 2456, Niên Lịch Thái Lan (sau Công Nguyên 638 năm) là 1275, đúng với Ngày Thứ Ba, Tháng Tư, ngày mùng 8 Âm Lịch, trong Xứ Miến Điện. Người Mẹ có tên là **Tōtid** và Người Cha có tên là **Ūdunmien**, có tuổi thọ được 44, có tuổi đạo 24, và có danh xưng trong xã hội là **Chánh Pháp Quang Minh (Saddhamma Jotika)** An Cư Kiết Vũ và giảng dạy những kinh điển, đặc biệt thù thắng là giảng dạy Tạng Vô Tỷ Pháp cùng với Chú Giải, Phụ Chú Giải tại Trường Đại Học Vô Tỷ Pháp của **Chùa Chung Cáo Thị (Rakkaṅghositā rama) Dhonpuri**, ở vị trí Viện Trưởng Khoa Vô Tỷ Pháp, đã có biên soạn kinh sách **Phân Tích Lộ Trình Danh Sắc (Nāmarūpavinicchaya)** theo phương thức Vấn – Đáp cho thành lợi ích đối với các học giả Vô Tỷ Pháp, và đã được kết thúc vào Phật Lịch 2,500, Niên Lịch Thái Lan 1319, đúng với Tháng 7 Mùng 7 Âm Lịch, Ngày Thứ Tư.

Saddhammajotikakāneva
Vīthiyaṃ nāmarūpassa
Buddhassa parinibbānā
Jetṭhamāsakālapakkhe

Racitoyaṃ suniṭṭhito
Vitthārena vinicchayo
Ni, Ā, Mi, Khe samvacchare
Sampatte sattame budheti

Quyển kinh này trình bày việc Phân Tích Lộ Trình Danh Sắc (**Nāmarūpavinicchaya**) một cách quảng nghĩa Ngài Chánh Pháp Quang Minh đã soạn tác hoàn tất trong năm 2,500 Tháng 7 Mùng 7 Âm Lịch, Ngày thứ Tư dĩ hậu Đức Phật đã diệt tất Uẩn Viên Tịch Níp Bàn.

LỜI SỞ NGUYỆN

Iminā puññakammena Buddhō homi anāgate
Yattha yattha bhavē jātō Mā dalindo bhavāmahaṃ

Với mãnh lực Thiện sinh từ việc soạn tác kinh điển này, xin cho Bần Đạo có được **Tuệ Chí Thượng Chánh Đẳng Giác (Paññādhikasammāsambuddha)** trong thời vị lai, và xin cho Bần Đạo không phải người bần khốn trong các kiếp sống vẫn còn thụ sinh.

Apattaṃ yāva Buddhattaṃ Paññādhikaṃ bhavāmihaṃ
Jāṭisaraññaṇikova Jeṭṭhaseṭṭho niraṇṭaraṃ

Chừng nào **Tuệ Chí Thượng Giác Hữu (Paññādhikabuddhabhāva)** của Bần Đạo vẫn chưa hoàn thành, xin cho Bần Đạo luôn là người tiến hóa, là người thanh cao, và có Trí Tuệ thành vật truy niệm luôn mãi trong mọi kiếp sống. (**Anussaranañña – Truy Niệm Trí**).

Kareyyaṃ gāravaṃ garuṃ Māneyyaṃ mānanārahaṃ
Vandeyyaṃ vandanārahaṃ Pūjeyyaṃ pūjanārahaṃ

Xin cho Bần Đạo được tôn kính Bậc đáng tôn kính, xin cho Bần Đạo được kính trọng Bậc đáng kính trọng, xin cho Bần Đạo kính bái Bậc đáng kính bái, xin cho Bần Đạo được cúng dường Bậc đáng cúng dường.

Kết Thúc Phân Tích Lộ Trình Danh Sắc
Kết Thúc Chương Thứ 4

-----00000-----

CÓ 5 NGUYÊN NHÂN LÀM CHO CHÁNH PHÁP ĐƯỢC NGHIÊM THỦ:

“Pañcime bhikkhave dhammā saddhammassa ṭhitiyā asammosāya anantaradhānāya samvattanti katame pañca ? Idha bhikkhave bhikkhū sakkaccaṃ dhammaṃ suṇanti sakkaccaṃ dhammaṃ pariyāpuṇanti sakkaccaṃ dhammaṃ dhārenti sakkaccaṃ dhatānaṃ dhammānaṃ atthaṃ upparikkhanti sakkaccaṃ atthamaññāya dhammānudhammaṃ paṭipajjanti” dịch nghĩa “Này Chư Tỳ Khuru, chính thị 5 Pháp này là nguyên nhân cho **Chánh Pháp (Saddhamma – Phật Giáo Giáo Nghĩa)** là lời giảng dạy của **Đức Như Lai (Tathāgata)** đó là cả 3 Tạng và Chú Giải nghiêm thủ và phồn vinh xương thịnh, bất tiêu thất, và thế nào là 5 Chi Pháp ? Đó là:

1. Vị Tỳ Khuru trong tôn giáo này có sự quan tâm trong việc khuynh thính ký trụ Tam Tạng, Chú Giải.
2. Vị Tỳ Khuru trong tôn giáo này có sự quan tâm trong việc cầu học nghiên cứu Tam Tạng, Chú Giải.
3. Vị Tỳ Khuru trong tôn giáo này có sự ký ức các Chi Pháp trọng yếu đã được bảo lưu trong Tam Tạng, Chú Giải.
4. Vị Tỳ Khuru trong tôn giáo này có sự quan tâm, tư khảo các đại ý nội dung trọng yếu mà bản thân đã được ký ức bảo lưu rằng “có ý nghĩa một cách chính xác như thế nào”.
5. Vị Tỳ Khuru trong tôn giáo này có sự quan tâm, thực hành theo các Pháp chủ yếu ngõ hầu hoạch đắc **Pháp Vị (Dhammarasa)** và **Nghĩa Vị (Attharasa)**.

Tập hợp chính thị cả 5 Chi Pháp này là nguyên nhân cho **Chánh Pháp (Saddham ma)** là lời giảng dạy của **Đức Như Lai (Tathāgata)** đó là cả 3 Tạng và Chú Giải nghiêm thủ và phồn vinh xương thịnh, bất tiêu thất.

(Tăng Chi Bộ Kinh – Chương 5 Chi Pháp - **Āṅguttaranikāyapañcanipāta**)

Lại nữa, chính thị 5 Chi Pháp này, khi đã được tư khảo một cách thấu triệt rồi, sẽ thấy được rằng thường chỉ thu tập trong 2 **Sự Vụ (Dhura)** là **Tĩnh Độc Tạng Kinh (Ganthadhura – Lãnh Ngộ Phật Lý)** và **Hành Trì Minh Sát Tuệ (Vipassanādhura – Minh Sát Tuệ Công Phu)** ngần ấy thôi. Các sự vụ khác, cho dù sự vụ hữu quan với Phật Giáo đi nữa, thế nhưng Đức Phật đã không lập ý khái thuyết đề trong 5 Chi Pháp là nguyên nhân cho Phật Giáo nghiêm thủ và phồn vinh xương thịnh bất luận trường hợp nào; tất cả đây cũng vì các sự vụ khác ngoài 5 Chi Pháp này ra, Đức Phật không có lập ý coi như là điều trọng yếu trong Phật Giáo. Vì các sự vụ khác ngoài ra đây cũng chỉ là **Số Lượng (Parimāṇa)** của Phật Giáo thôi, vì thế **Chư Phật Giáo Đồ (Buddhāsānika)** đang chú tâm trong các sự vụ khác, ngoài 5 Chi Pháp này ra, sẽ nên quay trở lại tư khảo, bang trợ, đón nhận trách nhiệm trong 5 Chi Pháp này, ngõ hầu từng thuận theo nguyện vọng của Bậc Chánh Đăng Giác, Bậc Tối Thượng tôn giáo của tất cả chúng ta.

-----00000-----

PHỤ LỤC KINH ĐIỂN THI TẬP
(Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự** Soạn Tác)

BÀI TỤNG LỄ PHẬT VÔ DƯ Y NÍP BÀN

Chúng ta đã quy y Chánh Giác
Đấng Thế Tôn Giáo Chủ hiện nay
Dạy truyền Chánh Pháp quý thay,
Hài lòng thật đáng bậc Thầy cao siêu.
Sinh tại xứ Trung Ương Thế Giới,
Giữa trong vòng Nhân Loại mở mang,
Cồ Đàm là giống cao sang,
Trong dòng họ Thích con hàng Đại Vương.
Xuất gia đã vì phương cứu thế,
Đắc Đạo màu Toàn Giác tột ngôi,
Không còn một kẻ sánh bằng,
Đủ đầy công đức khỏi phần hoài nghi.
Hiệu Ứng Cúng nêu trừ phiền não,
Thật phước điền quý báu đáng trông.
Biết cùng hiểu tột khắp thông,
Chánh Biến Tri hiệu đâu không rõ ràng.
Minh Hạnh Túc tượng trưng hai Pháp,
Thập Ngũ Hành lại với Bát Minh.
Thiện Thệ tốt khéo hành trình,
Níp Bàn thẳng tới tịnh minh tuyệt nguồn.
Thế Gian Giải trong đời đều tỏ,
Chẳng một chi lớn nhỏ không lường.
Tế độ người đáng đủ phương,
Hiệu Vô Thượng Sĩ phô trương với cùng.
Thêm Điều Ngự Trượng Phu liên tiếp,
Trạng giúp người duyên hiệp hữu căn.
Thiên Nhân Sư hiệu chỉ phần,
Làm Thầy ba Cõi dạy rằng lợi đời.
Hiệu Phật Đà vì Ngôi thức tỉnh,
Đã khỏi trong phiền não giấc nồng.
Thế Tôn hiệu chói do lòng,
Từ Bi thuyết Pháp lưu thông độ đời.
Pháp Tam Tạng Thế Tôn Ngài thuyết,
Học đại truyền tế độ nhân sinh

Pháp Hành Giới Định Huệ Minh
Người tu thấy rõ đạt trình tự ta.
Phát hành Đạo Quả sinh liên tiếp,
Không chậm chầy cách hờ thì giờ.
Đặng rồi chắc chắn nào lơ.
Nên kêu người lại bây giờ đến xem.
Pháp tịch tịnh rất là trong sạch,
Đáng cho người đem để vào lòng.
Các hàng Tri Thức nên mong,
Tìm ra sẽ biết tự trong phận mình.
Tăng đệ tử Thế Tôn Chánh Giác
Thọ trì theo Giới Luật đảng hoàng,
Tăng hành ngay lối đã an,
Tăng tu thấy rõ con đảng cao siêu.
Tăng thành tựu đến nơi Đạo Quả,
Có bốn chỉ là chỉ đếm theo đôi,
Tín người tới tám đủ rồi,
Trong nền Tăng Bảo là ngôi phước điền.
Đồng cả thầy chúng ta quy hướng,
Ngay Thế Tôn kính lạy cúi đầu,
Nhớ phần ân đức cao sâu,
Phát tâm cảm động âu sầu thiết tha.
Lòng trong sạch mới là đức tin,
Sẽ làm Nhân đến Níp Bàn.
Nhằm ngày kỷ niệm sửa sang,
Chúng ta làm lễ trang hoàng rất đông.
Bồ Tát trước giáng sinh Nhân Giới,
Lúc Ngài thành Đạo Quả Phật Đà,
Đến khi viên tịch đều là
Trăng tròn đầy đủ Rằm và tháng Tư.
Dem lễ vật cùng nhau bày sắp,
Cả nhang đèn bông tốt thơm tho,
Dùng thân quỳ bái khúc ca,
Chí thành nhiều Phật tâm lo nhớ ngày.
Xin nhờ Đấng Thế Tôn phản chiếu,
Đã Níp Bàn ân hiệu còn đây,
Phát ra cảm ứng lòng này,
Chứng minh lễ vật hiện đây cúng dường.
Cầu cho đặng đủ phương lợi ích,
Hằng an vui vĩnh viễn lâu dài,

Làm Nhân giải thoát tương lai,
Mong cầu mau sớm ra ngoài Tử Sinh.
-----00000-----

LỄ TAM BẢO TÓM TẮT GIẢN DỊ

Cúi đầu cung kính Đức Thế Tôn (*cúi lạy*)
Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Vị nào đã ngồi thanh tịnh,
Dưới cây Bồ Đề quý báu, Thắng đặng bọn Ma Vương,
Đã chứng ngôi Toàn Giác, Trí Huệ rất vô cùng,
Cả trong đời là Ngài cao quý.
Con xin cúi đầu làm lễ, Đến Đức Phật Thế Tôn.
Chư Phật quá khứ vị lai, Và Chư Phật hiện tại này.
Con cúi đầu lạy Tam Thế Phật (*cúi lạy*)
Bởi nguyên do như vậy: Mới là Đấng Thế Tôn,
Bậc đã xa lìa phiền não, Và đáng kính lạy cúng dường.
Ngài tự chứng Nhất Thiết Trí, Đã đầy đủ Bát Minh.
Và Thập Ngũ Hành, Bậc đã đi con đường tốt,
Là người thấu cả trong đời, Điều trị kẻ nên điều trị.
Trang Vô Thượng chẳng ai bì
Làm Thầy Chư Thiên và Nhân Loại.
Đã là người thức tỉnh, Phân phát Pháp cao siêu.
Con trọn đời xin quy y Phật, Và cho đến Níp Bàn.
Chẳng có chi con đáng quy y,
Chỉ nương Phật là quy y cao tốt. Do lời thành thật này,
Xin các sự kiết tường thắng lợi; Hằng có đến cho con.
Xin cúi đầu kính lạy (*cúi lạy*),
Dưới chân quý của Đức Thế Tôn,
Lỗi nào con phạm đến Phật Bảo,
Cầu xin xá tội cho con ! (*cúi lạy*)
Bát Thánh Đạo là con đường quý, Của tất cả Nhân Sinh.
Thật là đường ngay thẳng, Để đi đến Níp Bàn.
Pháp nhiệm màu vắng lặng, Là Pháp siêu độ tử sinh.
Con xin đánh lễ Pháp ấy (*cúi lạy*)
Pháp Bảo quá khứ, vị lai, Và Pháp hiện tại này.
Con xin kính lạy Tam Thế Pháp (*cúi lạy*)
Pháp Bảo của Đức Thế Tôn, Ngài đã khéo thuyết.
Pháp Bảo để đắc rồi tự hiểu,
Pháp Bảo không xen hở thời giờ,
Pháp Bảo dạy cho người kinh nghiệm,

Pháp Bảo đáng để ý lưu tâm,
Pháp Bảo những người trí thức, Nên hiểu biết tự phần.
Con trọn đời quy y Pháp Bảo, Và cho đến Níp Bàn.
Chẳng có chi con đáng quy y,
Nương Pháp Bảo là quy y cao tốt. Do lời thành thật này,
Xin các sự kiết tường thắng lợi, Hằng có đến cho con.
Con xin lạy hai ngôi Pháp Bảo (*cúi lạy*),
Lỗi nào con phạm đến Pháp Bảo,
Cầu xin xá tội cho con ! (*cúi lạy*)
Tăng Bảo là ngôi trong sạch, Thật quý đáng cúng dường.
Lục căn của các Ngài thanh tịnh, Người dứt khỏi bợn nhơ.
Đặng đủ đầy công đức, Bạc Tứ Lậu không còn.
Con xin lạy cả Thánh Tăng (*cúi lạy*)
Tăng Bảo quá khứ, vị lai, Và Tăng Bảo hiện tại này.
Con xin lạy cả Tăng Tam Thế (*cúi lạy*)
Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành đặng tốt.
Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành đúng đắn.
Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành thật trún.
Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành mãn ý.
Là bậc Thánh có bốn đôi, Nếu đếm người thời đủ tám.
Đây là Tăng đệ tử, Của Đức Thế Tôn.
Bậc đáng đem đồ dâng kính, Xứng thọ kẻ tiếp nghinh.
Đủ chịu cho người bố thí, Vừa chứng cho người lễ bái.
Thật ruộng phước của đời, Không ruộng nào bì kịp.
Con trọn đời quy y Tăng Bảo, Và cho đến Níp Bàn,
Chẳng có chi con đáng quy y,
Nương Tăng Bảo là quy y cao tốt. Do lời thành thật này:
Xin các sự kiết tường thắng lợi, Hằng có đến cho con.
Con cúi lạy hai ngôi Tăng Bảo (*cúi lạy*)
Lỗi nào con phạm đến Tăng Bảo,
Cầu xin xá tội cho con ! (*cúi lạy*)
Hiện nay con lạy ngôi Tam Bảo (*cúi lạy*)
Bậc đáng kính cao siêu, Đã đặng nguồn phước lớn,
Nhờ oai đức ngăn hết tai ương.

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (I)

Chí thành miệng vái tâm cầu,
Chư Thiên lớn nhỏ bắt câu bạc nào,
Bốn tầng Sắc Giới rộng cao,

Xin nghe hiểu biết hiện vào trợ duyên.
Đặng tâm sáng kiến phát liên,
Biết nơi đáng sắp bày tuyên vừa người,
Dầu ai cản sái luận dư,
Chuyển lòng tinh tấn ngăn trừ sự lui.
Chư Thiên Dục Giới hưởng vui,
Vừa nghe cầu khẩn, tạm ngừng xét qua,
Từ Trời Tha Hóa cao xa,
Đến Cung Đạo Lợi bao la năm tầng,
Giàu lòng bác ái thọ xung,
Thấy đều bố cáo chuyển luân sắp bày.
Vị nào hoan hỷ cầu đây,
Ra ân trợ giúp chẳng chầy mau xong.
Hiện nay con rất hết lòng,
Mong cho Thiên Tướng oai phong bốn Ngai,
Thường luôn an lạc vui thay,
Tránh xa khổ não hằng ngày tiến lên,
Đặng ngôi Nguyên Soái vững bền,
Lòng Từ ủng hộ các nền Giáo Chân,
Chẳng nài khó nhọc ra ân,
Chúng con hữu sự có nhân nên cầu.
Vì e công chuyện trễ lâu,
Làm cho nhiều kẻ hao sầu thân tâm.
Ngờ Ngai xuống lệnh quyền thâm,
Chư Thiên lòng tốt quang lâm giúp thành.
Rất là ân trọng cao thanh,
Chúng con hồi hướng Phước lành kính dâng,
Chư Thiên lớn nhỏ các tầng,
Tùy hỷ công đức đồng mừng trợ chuyên.

Nương theo căn bản Ba Li,
Hết lòng cúng vái trong khi hữu cầu,
Tâm thành tưởng đến như châu,
Trước sau chủ nguyện chẳng lâu ứng cùng.
Chúng con lễ vật phụng cung,
Khẩn cầu cho đặng theo trung thuật trần.
Mong nhờ Tứ Đại Thiên Vương,
Oai thần chuyển hóa tùy phương giúp thành.

Kính cầu Tứ Đại Thiên Vương,

Chúng con hữu sự nhờ nương Quý Ngài.
Cho bậc đủ sức giúp ngay,
Đặng mau thành tựu việc này đội ân.

BÀI CẦU TẶNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG

Nguyện cầu Tặng Trượng Thiên Vương,
Hoan tâm nhân loại Nam Phương Châu này.
Thời kỳ tai nạn lắm thay,
Nhiều điều khổ sở hiện nay thêm hoài.
Nhứt là giặc giã hằng ngày,
Làm cho dân chúng phải rày tử oan.
Những người còn lại nào an,
Nghèo khổ thiếu thốn đa đoan lắm bề.
Lại thêm chứng dịch đáng ghê,
Sau giãy chết chóng khổ bề thuốc men.
Ngoài ra lại có bệnh soàn,
Hoặc do chất độc lắm phương nhiễm truyền.
Thất mùa, thất rẫy, thất vườn,
Bán buôn eo hẹp lắm thường hỏa tai.
Biết bao khổ sở khó bài,
Chỉ còn cầu nguyện đến Ngài Thiên Vương.
Hết lòng mong mỏi tứ phương,
Muốn Ngài trọn đặng thường thường an vui.
Xa lìa khổ não không sầu,
Hỷ xả oan trái còn đâu hại mà.
Chúng con có dạ thiết tha,
Nguyện cầu sớm đặng tránh xa nạn này.
Nhờ ân xuống đức cao đây,
Hộ trì tất cả từ đây hết nài.

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (II)

Thỉnh cầu tất cả Chư Thiên,
Tốt cùng Sắc Giới khắp miền nhân gian,
Chư Thiên lớn nhỏ các hàng,
Mỗi từng Trời cả đến sang chứng này.
Chư Thiên ở chốn gần đây,
Hoặc nơi xa cách Đông, Tây các miền.
Ở nơi cung điện động tiên,

Núi dài núi nhọn đất liền hư không,
Ở theo nhà cửa hay đồng,
Nương cây bóng mát hoặc sông hoặc rừng,
Cù lao hòn biển mênh mông,
Cùng nơi rầy bãi hư không giảng từng.
Bao nhiêu tất cả đã xưng,
Từ bi đến chứng cúng dường yêu cầu.
Giúp con các sự chẳng lâu,
Đặng như ý muốn sẽ hầu đội ân.

THẬP CHÁNH KIẾN (SAMMĀDIṬṬHI 10)

Mười điều Chánh Kiến nên làm,
Nương theo tiến hóa Phước linh phát vào.
Một tin Phước Thí về sau,
Chắc rằng cho Quả hoặc mau hoặc chầy.
Hai tin Nghiệp Phước trước – nay,
Giới cùng Tịnh Huệ hành rày Quả cao.
Ba tin Tâm sạch lâu lâu,
Tâm tốt Quả tốt thế nào chẳng sai.
Bốn tin Thiện Ác cả hai,
Tạo chi gặp nấy không ai khỏi gì.
Năm tin hành động điều chi,
Tội Phước hai lẽ cũng thì do Ta.
Sáu tin hiếu thảo Mẹ Cha,
Cố nhiên Quả Phước phát ra cho mình.
Bảy tin Ngạ Quỷ Ngục Hình,
Chư Thiên, Phạm Chúng Hữu Tình tứ sinh.
Tám tin hiện thế phải dành,
Đời này do bởi Tư Hành hiện đây.
Chín tin hậu thế sau này,
Vị Lai còn Nghiệp thời thay nối đời.
Mười tin đủ bậc cao vời,
Người tu đắc Quả có lời Phật Ngôn.
Ai ai xin ráng bảo tồn,
Noi gương Chánh Kiến trí khôn lợi mình.

THẬP PHÁP Y (NƯƠNG NHỜ)

Mười điều nương đỡ đặng nhờ,

Ai tu cũng phải bao giờ tìm luôn.
Một là Giữ Giới làm nguồn,
Trau dồi Thân Ngữ luôn luôn tốt hoài.
Hai là Nghe giảng nhiều thay,
Thành người thông thái biết rầy cao xa.
Ba là có Bạn Tốt mà,
Giúp nhau lợi ích trợ qua tu hành.
Bốn là Dễ Dạy khéo lanh,
Nghe theo Giáo Hóa lòng đành trọn vâng.
Năm là Siêng Sấn rất cần,
Tương tế cùng bạn trong phần xuất gia.
Sáu là không thích Pháp Tà,
Rất ưa Pháp Chánh những mà đúng chân.
Bảy là Tinh Tấn cao hơn,
Tứ Cần thường giữ làm nhân Níp Bàn.
Tám là Tri Túc tự an,
Mặc, ăn, thuốc, ở, theo đàn có ra.
Chín là Chánh Niệm cho già,
Mỗi khi làm nói điều mà biết theo.
Mười là Trí Huệ chẳng nghèo,
Thấu đáo thực tướng rành theo Pháp Hành.
Muốn cho giải thoát Tử Sinh,
Phải nhờ mười Pháp trợ thành đến nơi.

THẬP KHỔ ĐAU (DUKKHA 10)

Trong đời khổ sở biết bao,
Cõi nào cũng có người nào cũng mang.
Mười điều khổ não chứa chan,
Tỏ bày thức tỉnh mở đàn xét suy.
Một là trạng thái bất kỳ,
Sinh già với chết chẳng vì một ai.
Hai là tom góp khổ thay,
Buồn rầu nhiều cảnh đêm ngày khóc than.
Ba là thường trực khổ tràn,
Nóng nực lạnh lẽo bởi mang thân này.
Bốn là khổ bệnh chẳng chầy,
Bất hòa tứ đại nổi gây tật nguyên.
Năm là nóng nảy khổ duyên,
Việc chi rắc rối chẳng yên như thường.

Sáu là khổ quả bất lương,
Bởi Nghiệp chẳng tốt vắn vương chịu hoài.
Bảy là xen trộn cả hai,
Khổ Lạc nhị chủng đi hoài cận lân.
Tám là sự khổ vì ăn,
Tìm tòi nuôi miệng đa phần hơn chi.
Chín là khổ giấc nặng nguy,
Tìm đường chạy trốn có gì là hơn.
Mười là Khổ Uẩn hằng cơn,
Năm ấm sinh diệt các đơn đổi dời.

THẬP PHÚC HÀNH TÔNG

Mười điều hạnh phúc tâm lành,
Nhân vui tiến hóa nên hành tốt thay.
Một là Bố Thí giúp rầy,
Cúng dường cho trợ cách bày rộng tâm.
Hai là Trì Giới thật nhảm,
Ngăn ngừa tội ác lỗi lầm ít sinh.
Ba là Tu Tiễn chánh thanh,
Tịnh tuệ các Pháp lối hành rộng cao.
Bốn là Cung Kính cùng nhau,
Lễ phép khiêm nhượng hợp vào tục nghi.
Năm là lựa chọn điều gì,
Chánh Tà trúng trật biết thì mới xong.
Sáu là Hồi Hướng chư vong,
Hoặc cùng cho Phước người đồng hiện nay.
Bảy là Tùy Hỷ vui thay,
Thấy nghe công đức đặng hay như làm.
Tám là Thính Pháp càng ham,
Phát sinh tịnh tuệ hằng kham tỏ tường.
Chín là Thuyết Pháp chánh phương,
Như phun châu ngọc phô trương lợi người.
Mười là tạo Chánh Kiến như,
Rọi đèn khai sáng để trừ tối tăm.
Mấy điều gọi Phước chớ lầm,
Sự vật trợ giúp cho Tâm sạch thường.

THẬP PHƯỚC LUÂN HỒI

Mười điều cần nhứt chúng sinh,
Ở trong ba Cõi vòng quanh Luân Hồi.
Một là Tình Mẹ thương ôi,
Nhớ ơn nhũ bộ đền bồi sao xong !
Hai là Nghĩa Phụ mệnh mông,
Công lao cúc dục nhọc lòng gian nan.
Ba là Chồng Vợ đôi đàng,
Mặc dù y phục nghĩa mang nặng nề.
Bốn là Nhi Tử thường lễ,
Có ra thì phải lo bề dưỡng nuôi.
Năm là Dòng Họ tới lui,
Bà con cũng phải khổ vui cảm tình.
Sáu là thân thiết Bạn mình,
Sinh tử hoạn nạn giữ gìn tương giao.
Bảy là Cửa Cái đường bao,
Hoặc nhiều hay ít tâm nào rảnh đâu.
Tám là Lộc thiếu bất câu,
Có lòng thọ hưởng nhiều sâu trong đời.
Chín là Chức Phận cao nơi,
Ham theo quyền tước khó rồi mê danh.
Mười là Dục Lạc sẵn dành,
Làm cho dễ nhiễm tu hành khó hơn.
Người đời đâu khỏi các nhân,
Ai mà có trí tìm Nhân Níp Bàn.

THẬP ĐỨC TÀI THIỆN TÍN

Mười điều công đức gia tài,
Của người thiện tín hằng ngày quý trau.
Một là đồng chịu cùng nhau,
Khổ vui chẳng bỏ việc nào với Tăng.
Hai là Thân Ngữ nói năng,
Các điều hành động ở ăn đàng hoàng.
Ba là trọng Pháp như vàng,
Làm chi thời cũng nương đàng y Kinh.
Bốn là vui dạ sẵn gìn,
Tùy theo sức có lòng tin cúng dường.
Năm là cần mẫn cho thường,
Học trong Phật Giáo theo đường Pháp cao.
Sáu là Chánh Kiến hằng trau,

Xét theo lý Pháp nâng cao tinh thần.
Bảy là xa lánh tín xằng,
Điềm cho hay trước với phần hên xui.
Tám là dầu thác vẫn vui,
Không đành tín ngưỡng tới lui đạo ngoài.
Chín là đoàn kết chớ phai,
Xả giao bạn Pháp thường hoà hòa nhau.
Mười là chẳng dối chút nào,
Quy y Tam Bảo Phước cao quý màu.
Khuyên cùng thiện tín đâu đâu,
Thầy đều học biết sẽ hầu lợi chung.

-----00000-----

Đặng thân Nhân Loại rất là may,
Gặp Phật ra đời cũng mấy ai,
Thính Pháp văn kinh đâu phải dễ,
Hiểu lời Phật dạy mới người hay.

Thế gian bảy báu lợi thường đời,
Chỉ giúp cho ta đến dứt hơi,
Pháp Phật hộ trì vô lượng kiếp,
Đến cùng tận khổ mới là thôi.

Đời là Người Cõi với hành vi,
Rốt ráo Níp Bàn chẳng có chi.
Tính kẻ bao lâu hoài chớ hết,
Được mà tận thế đó toàn vui.

Tìm tòi học hỏi lợi cho ta,
Hiểu biết rồi, phân lẽ Chánh Tà,
Phật Ngữ nay còn lưu đủ Tạng,
Giáo truyền chính đốn chấp sai ngoa.

-----00000-----

LỜI PHỤC NGUYỆN CỦA BIÊN TẬP VIÊN

Với tài trí bất khả tỷ giáo của Đại Trưởng Lão **Saddhamma Jotika** đã hình thành trí tuệ sắc bén, soạn tác bộ sách Chú Giải này, luôn cả toàn bộ Tạng Vô Tỷ Pháp vô cùng quý báu. Tất cả Chúng Nhân Thiên kính cung trí kính lễ ân đức sâu dày của Ngài Đại Trưởng Lão.

Ngưỡng mong trí tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khai trí vào sở học sở cầu Kỳ Hạ, và vun bồi Tam Thập Pháp Ba La Mật hạnh Trí Tuệ xuyên suốt cho đến ngày chứng đắc Quả vị Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức biên tập hiệu đính **TỨ PHÁP SIÊU LÝ** và **Tập I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương I, II, III, IV** hội túc duyên Quả Phước Báu to lớn, con xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến hai Bậc Đại Ân Sư của con, là Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự (Santakicco Mahā Thera)** và Đại Trưởng Lão **Siêu Việt (Ulāro Mahā Thera)** với tất cả lòng thành kính tri ân của con.

Ngưỡng mong công đức biên tập hiệu đính **TỨ PHÁP SIÊU LÝ** và **Tập I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương I, II, III, IV** hội túc duyên Quả Phước Báu to lớn, con xin thành kính dâng Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến Song Thân trí kính của con (là Cha: Lê Văn Bé / Mẹ: Võ Thị Lý); và cũng xin cho đến Cô Tư Tu Nữ Phạm Thị Yên kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định, Quận 6), đến Cô Diệu Pháp (thế danh là Vũ Thị Phương – Annapolis, Maryland), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ tùy từ hộ trì Chánh Pháp, đến Cô Tu Nữ Tịnh Nhân **Khantimā** (Lê Thị Phương Thảo - Virginia) và những Bậc Hữu Ân Phật Tử cao quý đã ủng hộ và trợ giúp cho việc đánh máy, hiệu đính, điều chỉnh và bổ túc với tất cả những kỹ năng kỳ công, in ấn phát hành **TỨ PHÁP SIÊU LÝ** và **Tập I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương I, II, III, IV** và chí đến toàn thể Quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp, xin luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thầy.

Ngưỡng mong **Ân Đức Pháp Bảo** với Tam Tạng Chánh Pháp và Chú Giải luôn luôn mãi được tồn tại lâu dài đến năm ngàn năm Phật Lịch, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Phạm Thiên, Chư Thiên và Nhân Loại, và với tất cả chúng sinh hữu duyên và khả huấn luyện.

Anumodanā, Anumodanā, Anumodanā

Với tất cả tấm lòng từ ái

(Mettāparamatthapāramī)

Hết lòng cần kính,

Bhikkhu Pasādo

(Nguyễn Hoàn Thành Hạnh Nguyễn Chánh Đẳng Giác)

Sādhū, Sādhū, Sādhū

-----00000-----

Bố Thí, Pháp Thí vô song
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp Hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường
Kiên trì chân chánh, con đường phúc vinh.

In this world, there are three things of value for one who gives...
Before giving, the mind of the giver is happy.
While giving, the mind of the giver is peaceful.
After giving, the mind of the giver is uplifted.
A 6.37

Gió Từ quét sạch rừng phiền não,
Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh.

-----00000-----

SABBADĀNAM DHAMMĀNAM JINĀTI
PHÁP THÍ THÙ THẮNG HƠN MỌI THỂ GIAN THÍ

-----00000-----

VÔ NHÂN KÍCH XÚC ĐẠO QUẢ NAN THÀNH
KHÔNG NGƯỜI CÔNG KÍCH - ĐẠO QUẢ KHÓ THÀNH

“Trắc ẩn chi Tâm
Nhân chi đoan dã
Tu ố chi Tâm
Nghĩa chi đoan dã”
“Có lòng trắc ẩn là nguồn gốc con người !
Có biết xấu hổ là nguồn gốc nghĩa khí !”
-----00000-----

“Đạo tất kiên Tâm,
Kiên Tâm tất Đạo thành.
Kiến công huân tạo hồi trình,
Tốc tiến am tu chân thân,
Nhất nhật phi thăng,
Tiên ban liệt danh.”

“Khi tin Đạo phải dâng lòng thành,
Sự nghiệp huy hoàng ắt vượng thân.
Nhưng hãy xây Chùa sớm tụng niệm,
Phi thân tiên vị với biệt danh.”

-----00000-----

Sādhu, Sādhu, Sādhu.
Lành thay, Lành thay, Lành thay.

CẨM TÁC ĐỀ THI

Thu vãng phù dung đoạt lợi tranh,
Tinh thần dụng tận vạn thiên thiên,
Hóa tài hao tán giai nhân mệnh,
Cốt nhục oan cừ mạc oán thiên !
Nhạn quá quan san dong dục quỵên,
Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên,
Đáo đầu phùng đắc dương sơ hữu,
Ngã diệc lãng vân thượng bích thiên.
Bình sinh từ thiện lạc thiên chân,
Mao tiết lưu phương cập hậu côn,
Thân hữu kỷ đa vinh hiển sự,
Trùng trùng điệp điệp báo Hoàng Ân.
Long xà đảo xứ thị quy kỳ,
Vạn lý giang san bất cái di,
Thiên bạn chi lan hương ánh nhật,
Phi phạm trục hướng cửu thiên thời !

-----00000-----

SÁCH DẪN

TỰ MẪU K

- Kakkhaḷalakkhaṇā:** Đặc Tính Cương Kiện
Kataññūkatavedī: Báo Đáp Ân Đức, Tri Ân Cảm Ân, Tri Ân Ban Ân.
Kaṭattārūpa: Sắc Tái Tục
Kadācicetasika: Hữu Thời Tâm Sở
Kabaḷiṇkārāhāra: Đoàn Thực
Karuṇā: Bi Mẫn, Lân Mẫn, Lân Ái
Kalalarūpa: Sắc Chủng Tử
Kalāpa: Bọn Tổng Hợp Sắc
Kattukamyatāchanda: Tưởng Tác Dục
Kammajarūpa: Sắc Nghiệp Lực
Kammadvāra: Nghiệp Môn
Kammapaccaya: Nghiệp Lực Duyên
Kammapatha: Nghiệp Lực Đạo Lộ
Kammaṭṭhāna: Nghiệp Xứ
Kammasamuṭṭhāna: Nghiệp Lực Xuất Sinh Xứ
Kammasakatāpaññā: Nghiệp Lực Chủ Nhân Trí
Kammapaccayaautujarūpa: Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp Lực
KammajaOjā: Nghiệp Lực Bỏ Phẩm
Kasiṇugghāṭimākāsa: Hoàn Tịnh Phóng Khí Hư Không
Kāmaguṇārammaṇa: Cảnh Dục Trần
Kāmabhava: Dục Hữu, Dục Giới Hữu
Kāmāvacarakiriyā: Duy Tác Dục Địa Giới
Kāmāvacarakusala: Thiện Dục Địa Giới
Kāmāvacarakusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện Dục Địa Giới
Kāmāvacarabhūmi: Dục Địa Giới, Cõi Dục Giới
Kāmāvacaravipāka: Dị Thực Quả Dục Địa Giới
Kāmāvacaravipākahetu: Nhân Dị Thực Quả Dục Địa Giới
Kāmesumicchācāra: Tính Dục Tà Hạnh, Ái Dục Tà Hạnh
Kālavimutti: Ngoại Thời
Kālapaṭipakkhayuga: Bất Đồng Thời
Kāya: Sắc Thân
Kāyavandanā: Thân Quy Bái
Kāyapassaddhi: Thân Bình Tĩnh
Kāyaviññāṇa: Thân Thức
Kāyāyatana: Thân Xứ
Kāyadassakakalāpa: Bọn Tổng Hợp Thân Thập Pháp

Kāyikadukkha: Thân Thọ Khổ
Kāyikasukha: Thân Thọ Lạc
Kāyindrīya: Thân Quyền Lực
Kāraṇa: Nguyên Nhân
Kiriyā: Duy Tác
Kiriyākhandha: Uẩn Duy Tác
Kiriyācitta: Tâm Duy Tác
Kiriyājavana: Đồng Lực Duy Tác
Kiriyājāti: Giống Duy Tác, Chủng Loại Duy Tác
Kiriyāñāṇasampayutta: Duy Tác Tương Ứng Trí
Kiriyābyākatahandha: Uẩn Vô Ký Duy Tác
Kiriyābyākata: Vô Ký Duy Tác
Kiriyāmanodhātu: Ý Giới Duy Tác
Kiriyāhetu: Nhân Duy Tác
Kukkucca: Hối Hận, Yếm Ó, Yếm Phiền, Tâm Phiền
Kucchiṭṭhavāyo: Nội Tạng Phong
Kulācāravandanā: Phong Tục Quy Bái
Kusalakhandha: Uẩn Thiện
Kusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện
Kusalajavanavithī: Lộ Trình Đồng Lực Thiện
Kusalajavana: Đồng Lực Thiện
Kusalajāti: Giống Thiện, Chủng Loại Thiện
Kusaladhamma: Thiện Pháp, Pháp Thiện
Kusalabyākata: Vô Ký Thiện
Kusalavipāka: Dị Thục Quả Thiện
Kusalahetu: Nhân Thiện
Kusalajavana: Đồng Lực Thiện
Kusalañāṇasampayutta: Thiện Tương Ứng Trí
Kusalatika: Tam Đề Thiện
Kosajja: Giải Đãi, Lại Nọa
Koṭṭikappa: Mười Triệu Kiếp
Koṭṭhāsayavāyo: Tràng Y Phong

TỰ MẪU KH – G - GH

Khandaka: Đoạn Văn
Khaṇikajarā: Sát Na Lão Mại
Khiddādasakavaya: Ngoạn Lộng Thập Niên Hạn
Ganthadhura: Tinh Độc Tạng Kinh, Lãnh Ngộ Phật Lý
Gambhaseyyakayoni: Thai Sinh Sản Địa



Gabbhaseyyasatta: Thai Sinh Hữu Tình

Geyya: Thi Tập

Gāthā: Thi Thư, Kệ Ngôn

Ganthakāra: Soạn Tác Giả

Ganthavācaka: Giảng Thuyết Giả

Gandhāyatana: Khí Xứ

Gandhārammaṇa: Khí Cảnh, Cảnh Khí

Guṇasamapatti: Ân Đức Phẩm Vị

Guṇajāti: Chủng Đức

Guṇavuddhipuggala: Bậc Ân Đức Trưởng Thượng, là bậc trưởng thượng với mãnh lực từ nơi **Ân Đức Giới Hạnh (Sīlaguṇa)**, **Ân Đức Định Hạnh (Samādhiguṇa)** và **Ân Đức Tuệ Hạnh (Paññāguṇa)**.

Gocararūpa: Sắc Thông Hành

Gocaraggāhakarūpa: Sắc Thủ Cảnh

Gotrabhū: Chuyển Tộc

Gotrabhūkusala: Chuyển Tộc Thiện

Ghaṭanā: Hiệp Lực

Ghanarūpa: Sắc Thai Khối

Ghānaviññāṇa: Tỷ Thức

Ghānaviññāṇadhātu: Tỷ Thức Giới

Ghāna: Tỷ, Lỗ Mũi

Ghāṇāyatana: Tỷ Xứ

Ghāṇindriya: Tỷ Quyền

Ghānadasakakalāpa: Tổng Hợp Tỷ Thập Pháp



TỰ MẪU C

Catukkapatṭhāna: Bộ Tứ Phát Thú

Catujanipphannarūpa: Tứ Thành Sở Tác

Catutthajhāna: Tứ Thiền

Catumūlakanaya: Phần Tứ Căn Nguyên

Catuvokārabhava: Tứ Uẩn Hữu, Cõi Giới Tứ Uẩn

Cakkhvāyatana: Nhãn Xứ

Cakkhāyatana: Nhãn Xứ

Cakkhundriya: Nhãn Quyền

Cakkhudvāravithī: Lộ Trình Nhãn Môn

Cakkhupasāda: Nhãn Thanh Triệt

Cakkhuviññāṇa: Nhãn Thức

Cakkhuviññāṇacitta: Tâm Nhãn Thức

Cakkhuviññāṇadhātu: Nhãn Thức Giới

Cakkhudāsakakalāpa: Tổng Hợp Nhãn Thập Pháp
Cāga: Thí
Catusamuṭṭhānikarūpa: Sắc Tứ Xuất Sinh Xứ
Cātumahārājikā: Tứ Đại Thiên Vương
Cittacetāsika: Tâm – Tâm Sở
Cittajarūpa: Sắc Tâm
Cittasamuṭṭhāna: Tâm Xuất Sinh Xứ
Cittasamuṭṭhānarūpa: Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ
Cittapaccayautturūpa: Sắc Quý Tiết Duyên Tâm
Citta: Tâm
Cittajavāyodhātu: Sắc Tâm Phong Giới
Cittekaggatā: Nhất Tâm
Cuticitta: Tâm Tử
Cūḷavedalla: Tiểu Phương Quảng
Cuddasakamūlakanaya: Phần Thập Tứ Căn Nguyên
Cetanā: Tư Tâm Sở
Cetanākamma: Tư Tâm Sở Nghiệp Lực
Cetanādhamma: Pháp Tư Tâm Sở
Cetanāhāra: Tư Thực
Cetasika: Tâm Sở
Cetasikadhamma: Pháp Tâm Sở
Cetopariyāñña: Tha Tâm Trí



TỰ MẪU CH – J

Chamūkanaya: Phần Lục Căn Nguyên
Chanda: Dục
Chandādhīpati: Dục Trưởng
Janakapaccaya: Xuất Sinh Duyên
Janakasatti: Mãnh Lực Xuất Sinh
Javana: Đồng Lực
Jayamaṅgala: Hảo Vận Khí Kiết Tường
Jaratārūpa: Sắc Lão Mai
Jalābujayoni: Bao Y Sinh Sản Địa
Jātaka: Kinh Bốn Sinh, Túc Sinh Truyện
Jātivuddhipuggala: Bậc Tộc Biểu Trưởng Thượng
Jiraṇatejo: Lão Suy Nhiệt Khí, Trần Hủ Nhiệt Khí
Jivhā: Thiệt, Lưỡi
Jivhādasakakalāpa: Tổng Hợp Thiệt Thập Pháp
Jīvitānavakakalāpa: Tổng Hợp Mạng Cửu Pháp

Jivhāyatana: Thiệt Xứ
Jivhāviññāṇa: Thiệt Thức
Jivhāviññāṇadhātu: Thiệt Thức Giới
Jivhindriya: Thiệt Quyền

TỰ MẪU JH – Ñ

Jhānapaccaya: Thiền Na Duyên
Ñāṇavippayutta: Bất Tương Ứng Trí
Ñātibayasana: Quyển Thuộc Điều Tàn
Ñāṇasampayutta: Tương Ứng Trí
Ñeyyadhamma: Chánh Giáo Nghĩa Pháp

TỰ MẪU TH

Ṭikā: Phụ Chú Giải
Ṭhāna: Xứ, Vị Trí
Ṭhānayūpacāranaya: Phần Vị Trí Cận Lân
Ṭhānabhūmi: Cơ Địa Địa Giới
Ṭhitarūpa: Sắc Trụ
Ṭhitikhaṇa: Sát Na Trụ



TỰ MẪU T – TH

Taṇhāpaṇidhi: Khát Ái
Tacapañcakammaṭṭhāna: Bì Phụ Ngũ Nghiệp Xứ gồm Tóc (**Kesā**), Lông (**Lomā**), Móng (**Nakhā**), Răng (**Dantā**), Da (**Taco**).
Tatiyajhāna: Tam Thiền
Tadārammaṇacitta: Tâm Na Cảnh
Tadārammaṇa: Na Cảnh
Tadubhayamissakanaya: Phần Hỗn Hợp Cả Hai Phần
Tattramajjhattatā: Trung Gian
Tikatikapattṭhāna: Tam Đề Tam Đề Phát Thú
Tikapattṭhāna: Tam Đề Phát Thú
Tika: Tam, Ba
Tipiṭaka: Tam Tạng
Timūlakanaya: Phần Tam Căn Nguyên
Tiratanānubhāva: Uy Lực Tối Thượng Tam Bảo
Tisamuṭṭhānikarūpa: Sắc Tam Xuất Sinh Xứ
Tihetukakāmāvacaravipāka: Dị Thực Quả Dục Địa Giới Tam Nhân

Tihetuka: Tam Nhân
Tejophoṭṭhabbārammaṇa: Cảnh Hỏa Xúc
Terasamūlakanaya: Phần Thập Tam Căn Nguyên
Tevīsatiṃmūlakanaya: Phần Nhị Thập Tam Căn Nguyên
Theragāthā: Trường Lão Tăng Kệ
Therīgāthā: Trường Lão Ni Kệ
Thīna: Hôn Trầm

TỰ MẪU D

Dasakakalāpa: Tổng Hợp Thập Sắc Pháp
Dahanatejo: Hỏa Hóa Nhiệt Khí
Dānapāramī: Xả Thí Toàn Thiện, Xả Thí Ba La Mật
Dvādasamūlakanaya: Phần Thập Nhị Căn Nguyên
Dvāvīsatiṃmūlakanaya: Phần Nhị Thập Nhị Căn Nguyên
Dvipaṇcaviññāṇacitta: Tâm Ngũ Song Thức
Dasamūlakanaya: Phần Thập Căn Nguyên
Diṭṭhadhammanibbāna: Hiện Pháp Níp Bàn, Kim Sinh Níp Bàn
Diṭṭhi: Kiến
Diṭṭhisāmaññatā: Kiến Giải Bình Hằng
Diṭṭhibaysana: Tri Kiến Điều Tàn
Diṭṭhivippannapuggalasevanā: Kết Giao Người Có Thiên Hướng Tà Kiến
Dibbacakkhu: Thiên Nhãn
Dibbasotadhātu: Thiên Nhĩ Giới
Dukkhitasatta: Khổ Đau Hữu Tình
Dukkhavedanā: Khổ Thọ
Dukkham: Khổ Đau
Dukatikapattihāna: Nhị Đề Tam Đề Phát Thú
Dukapattihāna: Nhị Đề Phát Thú
Dukamātikā: Mẫu Đề Nhị
Dukamūlakanaya: Phần Nhị Căn Nguyên
DukamūlaEkaavasāna: Nhị Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết
Ducarita: Ác Hạnh
Dutiyajhāna: Nhị Thiền
Duhetukavipāka: Dị Thục Quả Nhị Nhân
Dūrerūpa: Sắc Dao Viễn
Desanā: Thuyết Giáo
Desanāvilāsa: Thuyết Giáo Hoàn Hảo
Desanāsuddhi: Thuần Tịnh Thuyết Giáo
Desetabbadhamma: Thuyết Giảng Giáo Pháp

Desetabbadhammapakāra: Phương Quảng Thuyết Giảng Giáo Pháp
Domanassa: Ưu Thọ
Dosa: Sân Hận
Dvārarūpa: Sắc Hữu Môn
Dvisamuṭṭhānikarūpa: Sắc Nhị Xuất Sinh Xứ

TỰ MẪU DH

Dhammakathika: Thuyết Pháp Giả
Dhammajāti: Pháp Chủng
Dhammānubhava: Uy Lực Tối Thượng Pháp Bảo
Dhammacetiya: Bảo Tháp Pháp Bảo, Kho Tàng Kinh Các
Dhammadāna: Pháp Thí
Dhammasaṅgaṇīpakaraṇa: Kinh Pháp Tụ
Dhammasaṅgāhakācāriya: Đức Pháp Tướng Kiết Tập Pháp Tạng
Dhammasenāpati: Đức Pháp Vương, Pháp Tướng, Nghĩa Sư Chi Trưởng
Dhammapaṭṭisambhidā: Pháp Vô Ngại Giải
Dhammapaccanīya: Pháp Đối Nghịch
Dhammapada: Kinh Pháp Cú
Dhammasaṅginīmātikā: Mẫu Đề Tam Pháp Tụ
Dhammavinaya: Pháp Luật
Dhammādhittihāna: Dĩ Pháp Bốn Nguyên, Dĩ Pháp Vi Bốn
Dhammānuloma: Pháp Thuận Tòng
Dhammānulomapaccanīyapaṭṭhāna: Pháp Thuận – Nghịch Phát Thú
Dhammārammaṇa: Cảnh Pháp
Dhūtaṅga: Tu Hành Đầu Đà, Khổ Hành Điều Tiết Dục

TỰ MẪU N

Nakutocisamuṭṭhānikarūpa: Sắc Vô Xuất Sinh Xứ
Navamūlakanaya: Phần Cửu Căn Nguyên
NaHetupaccaya: Phi Nhân Duyên
NaĀrammaṇadhamma: Pháp Phi Cảnh
Natthipaccaya: Vô Hữu Duyên
Nānākadācetasika: Bất Đồng Hữu Thời Tâm Sở
Nānākhaṇīkakammappaccaya: Dĩ Thời Nghiệp Lực Duyên
Nānākhaṇīka: Sát Na Dĩ Biệt
Nāmarūpa: Danh Sắc
NāmaĀhāra: Danh Vật Thực
NāmaIndriya: Danh Quyền Lực

Nikanti: Thiết Vọng
Nikāya: Tông Phái
Niddesa: Xiển Minh
Nipp hannarūpa: Sắc Thành Sở Tác
Nibbāna: Níp Bàn
Niyatamicchādiṭṭhi: Chuẩn Xác Tà Kiến
Niyatayogicetasika: Nhất Định Tâm Sở, Khẳng Định Tâm Sở
Niyyātanaraso: Sầu Khổ Phận Sự
Nirutti: Ngôn Ngữ
Niruttipaṭisambhidā: Từ Vô Ngại Giải
Nirodhakhaṇa: Sát Na Diệt
Nivaraṇabhūtavacikicchā: Hoài Nghi Triền Cái
Nissayapaccaya: Y Chỉ Duyên
Nissayavāra: Giai Đoạn Y Chỉ
Nissaya: Y Chỉ
Nevasaññānāsaññāyatana-kiriyā: Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ
Nevasaññānāsaññāyatana-kusala: Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ
Nevasaññānāsaññāyatana: Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

TỰ MẪU P

Pakatipathavī: Chính Thường Địa
Puññakiriyāvattu: Phúc Hành Tông
Puñña Kamma: Phước Báo Nghiệp Lực
Punnāga: Hoa Nguyệt Quế
Pubbenivāsānusatiñāṇa: Túc Mạng Tùy Niệm Trí
Pañcakhandha: Ngũ Uẩn
Pañcapakaraṇaṭṭhakathā: Chú Giải Ngũ Bộ Kinh
Pañcasākhā: Ngũ Chi
Pakatūpanissayapaccaya: Thường Cận Y Duyên
Pakatūpanissaya: Thường Cận Y
Pakiṇṇakaghaṭaṇā: Linh Tinh Hiệp Lực
Paggharaṇalakkhaṇa: Đặc Tính Lậu Chi, Đặc Tính Thấp Thấu, Đặc Tính Khổn Bàng, Thấp Lâm Lâm
Paṭiccavāra: Giai Đoạn Liên Quan
Paṭicca: Liên Quan
Paṭicchannajarā: Ẩn Tàng Lão Mai
Paṭighāta: Bài Xích Lực (Thanh Trừ)
Paṭipattidhamma: Pháp Hành
Paṭipattisāsanā: Pháp Hành Truyền Bá

Paṭipattisamathakammaṭṭhāna: Thực Hành An Chỉ Nghiệp Xứ
Paṭipattivipassanākammaṭṭhāna: Thực Hành Minh Sát Tuệ Nghiệp Xứ
Paṭipuggala: Đối Đẳng Nhân
Paṭibhāga: Đối Ứng
Paṭibhāṇapaṭisambhidā: Biện Vô Ngại Giải
Paṭikkamajarā: Giảm Thiểu Lão Mai
Paṭibhāganimitta: Tướng Chính Thể Phân Cách Thể Toàn Trung Triệu, Quang Tướng
Paṭirūpakavicikicchā: Hoài Nghi Thích Đáng
Paṭisandhi: Tái Sinh
Paṭisandhicitta: Tâm Tái Sinh
Paṭisandhikāla: Thời Kỳ Tái Sinh
Paṭisandhikhaṇa: Sát Na Tái Sinh
Paṭisandhivīññāṇa: Thức Tái Sinh
Paṭisandhivipāka: Dị Thực Quả Tái Sinh
Paṭisedha: Phủ Định, Phủ Nhận
Paṭhamajhāna: Sơ Thiền
Paṭhamajhānalābhīpuggala: Sơ Thiền Hạnh Vận Giả
Pathavīphoṭṭhabbārammaṇa: Cảnh Địa Xúc
Pahātabba: Khả Phóng Khí
Pahāttabbadhamma: Pháp Khả Phóng Khí
Pativedhasāsanā: Pháp Thành Viên Mãn
Pabhava: Khởi Nguyên, Hữu Nhân, Nguyên Thủy
Pabbhāradasakavaya: Suy Tàn Thập Niên Hạn
Paramāṇu: Cực Vi Trần, Nguyên Tử
Paratoghosapaccaya: Thính Giảng Tha Nhân Thuyết Duyên
Parikappapucchā: Quyết Tâm Thẩm Vấn
Paricāgadāna: Hiến Cấp Thí
Paribhogakāma: Việc Thụ Hưởng Tính Dục
Pariyattidhamma: Pháp Học
Pariyattisāsanā: Pháp Học Giáo Truyền
Paribbājikā: Nữ Du Sĩ Ngoại Đạo
Parikamma: Chuẩn Bị
Parivāra: Tập Yếu
Pavattikāla: Thời Kỳ Chuyển Khởi
Paccanika: Đối Nghịch
Paccanīyapaṭṭhāna: Phần Nghịch Duyên Phát Thú
Paccayavāra: Giai Đoạn Duyên Sinh
Paccayavibhaṅgavāra: Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ
Paccayaśaṅgaha: Tổng Hợp Duyên
Paccaya: Duyên, Duyên Hệ

Paccayanissitasīla: Khảo Sát Tất Nhu Vật Giới
Paccayānuloma: Thuận Duyên
Paccayānulomapaccanīyapaṭṭhāna: Phần Thuận – Nghịch Duyên Phát Thú
Paccayuppanna: Sở Duyên
Paccayuppannadhamma: Pháp Sở Duyên
Paccavekkhaṇacitta: Tâm Phản Cung Tự Tỉnh
Paccavekkhaṇasuddhi: Thuần Tịnh Khảo Sát
Paccekaḥ bodhiñāṇa: Tuệ Độc Giác
Pacchāsannamaraṇavithī: Lộ Trình Hậu Kỳ Cận Tử
Pacchāsannamaraṇapuggala: Người Hậu Kỳ Tử
Pacchājātapaccaya: Hậu Sinh Duyên
Pacchājātavippayutta: Hậu Sinh Bất Tương Ứng
Pacchājātavippayuttapaccaya: Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên
Pacchājātatthipaccaya: Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên
Pañcadvāra: Ngũ Môn
Pañcamūlakanaya: Phần Ngũ Căn Nguyên
Pañcaviññāṇa: Ngũ Thức
Pañcaviññāṇadhamma: Pháp Ngũ Thức
Pañcavokārabhava: Ngũ Uẩn Hữu, Cõi Giới Ngũ Uẩn
Paññā: Trí Tuệ
Paññādasakavaya: Trí Tuệ Thập Niên Hạn
Paññattijarā: Chế Định Lão邁
Pañhāvāra: Giai Đoạn Vấn Đề
Paṭṭhāna: Phát Thú
Paṇḍita: Bậc Hiền Trí
Paṇṇarasamūlakanaya: Phần Thập Ngũ Căn Nguyên
Paṇṇattivāra: Giai Đoạn Định Danh
Papphāsapañcakammaṭṭhāna: Phế Phủ Ngũ Nghiệp Xứ gồm Tim (**Hadayaṃ**), Gan (**Yakanaṃ**), Cân Mọc (**Kilomakaṃ**), Thận (**Pihakaṃ**), Phổi (**Papphāsaṃ**).
Payoga: Cần Miễn
Paramatthajarā: Siêu Lý Lão邁
Parikammanimitta: Sơ Thủy Tu Pháp Quan Sát Trung Triệu, Sơ Tướng
Parivarata Atthakathā: Chú Giải Cải Biến
Parivāravithī: Lộ Trình Vi Nhiều
Paricchinnākāsa: Hạn Chế Không Giới
Paricchedākāsa: Hạn Giới Hư Không, Hạn Chế Không Giới
Pavattanakāyaviññatti: Chuyển Hình Thân Biểu Tri, Tiến Triển Thân Biểu Tri
Pavattanavaciññatti: Chuyển Hình Ngũ Biểu Tri, Tiến Triển Ngũ Biểu Tri
Pasādarūpa: Sắc Thanh Triệt
Pahanatejo: Thiêu Chước Nhiệt Khí

Pākaṭajārā: Hiền Hiện Lão Mai
Pāṇātipāta: Sát Tử
Pācakatejo: Tiêu Hóa Nhiệt Khí
Pārāsita: Nhóm Người Ăn Bám
Pitughātakamma: Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân
Piyamanāpasattapaññatti: Sở Ái Hoan Hỷ Hữu Tình Chế Định
Pisunāvācā: Ly Gián Ngữ
Pīti: Hỷ
Pītisomanassa: Hân Hoan Duyệt Ý
Puggalādhiṭṭhāna: Dĩ Nhân Bồn Nguyên, Dĩ Nhân Vi Bồn
Pucchāvāra: Giai Đoạn Thẩm Vấn
Puññakiriyāvattu: Phúc Hành Tông, Phúc Nghiệp Sự
Purisindriya: Nam Quyền Lực
Purisabhāvasakakalāpa: Tổng Hợp Nam Giới Tính Thập Pháp
Purejātanissayapaccaya: Tiền Sinh Y Duyên
Purejātapaccaya: Tiền Sinh Duyên
Purejātavippayutta: Tiền Sinh Bất Tương Ứng
Purisabhāva: Nam Giới Tính
Pesirūpa: Sắc Phôi Thai



TỰ MẪU PH

Pharusavācā: Thô Ác Ngữ
Phalacitta: Tâm Quả
Phalasamāpatti: Nhập Thiền Quả
Phalūpacaranaya: Phần Quả Báo Cận Lân
Phassa: Tiếp Xúc
Phassāhāra: Xúc Thực
Phoṭṭhabba: Sở Xúc
Phoṭṭhabbāyatana: Xúc Xứ
Phoṭṭhabbārammaṇa: Cảnh Xúc

TỰ MẪU B – BH

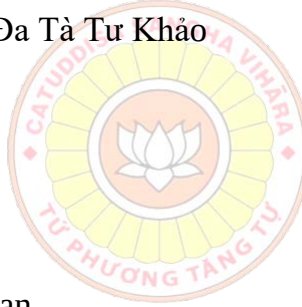
Baladasakavaya: Năng Lực Thập Niên Hạn
Bahiddhavāyo: Ngoại Thân Phong
Bahiddha Ojā: Ngoại Bộ Bỏ Phẩm
Bahussutadharo: Đa Văn Giả
Bāhīrarūpa: Sắc Ngoại Bộ
Bija: Chủng Tử

Buddhavacana: Phật Ngôn
Buddhānubhāva: Uy Lực Tối Thượng Đức Phật
Buddhasāsanā: Phật Giáo
Buddhamāma: Tín Đồ Phật Giáo
Bodhanakāyaviññatti: Trí Năng Thân Biểu Tri, Tri Thức Thân Biểu Tri
Bodhanavacivīññatti: Trí Năng Ngữ Biểu Tri, Tri Thức Ngữ Biểu Tri
Byāpāda: Cừu Hận
Byañjana: Hình Thái
Brahmapārisajjā: Bộc Tòng Phạm Thiên, Phạm Chúng Thiên
Bāhiramahābhūtarūpa: Sắc Đại Hiện Ngoại Bộ
Bāhīrarūpa: Sắc Ngoại Bộ
Bhayavandanā: Ủy Cự Quy Bái
Bhavasamapatti: Hữu Công Đức
Bhavajāti: Hữu Sinh Chúng
Bhavaṅga: Hữu Phần
Bhavaṅgacitta: Tâm Hữu Phần
Bhaddrakappa: Thiện Kiếp, Hạnh Vận Niên Kỷ, Hiện Tại Trụ Kiếp.
Bhāvanā: Tu Tập
Bhāvanāmayapaññā: Tu Tập Như Nguyên Dĩ Thường, Tu Sở Thành Tuệ
Bhāvetabbadhamma: Pháp Khả Tiến Hóa
Bhāvarūpa: Sắc Bản Tính
Bhogasampatti: Tài Sản Công Đức
Bhogabayasana: Tài Sản Điều Tàn
Bhojana: Âm Thực, Thiện Thực, Phạn Thực

TỰ MẪU M

Maggasiddhijhāna: Đạo Lực Viên Mãn Thiền Định
Majjhimakāya: Trung Thân
Maṅgalasutta: Kinh Kiết Tường
Maṅsahadaya rūpa: Sắc Tâm Tạng
Matthalumgapañcakammaṭṭhāna: Não Tùy Ngũ Nghiệp Xứ gồm Ruột Già (**Antam**), Ruột Non (**Antaguṇam**), Lá Lách (**Indriyam**), Phẩn (**Karīsam**), Óc Não (**Matthalumgam**).
Manasikāra: Tác Ý
Manovandanā: Ý Quy Bái
Manodvāra: Ý Môn
Manodhātu: Ý Giới
Manoviññāṇadhātu: Ý Thức Giới
Manosañcetanāhāra: Ý Tư Thực
Mandadasakavaya: Nhi Độn Thập Niên Hạn

Maggavithī: Lộ Trình Đắc Đạo
Mahaggatakiriya: Duy Tác Đáo Đại
Mahaggatakusala: Thiện Đáo Đại
Mahāpaṭṭhānapakaraṇa: Đại Kinh Điền Phát Thú
Mahābhūtarūpa: Sắc Đại Hiện
Mahāvedalla: Đại Phương Quảng
Maggapaccaya: Đồ Đạo Duyên
Macchariya: Lận Sắc
Maraṇasannavithī: Lộ Trình Cận Tử Thông Thường
Maraṇāsannakāla: Thời Cận Tử Lâm Chung
Mātikānikkhepavāra: Giai Đoạn Toát Yếu Mẫu Đề
Mātughātakamma: Nghiệp Lực Sát Mạng Mẫu Thân
Māna: Ngã Mạn
Micchattaniyatacitta: Tâm Tà Thực Tính Cố Nhiên
Micchākammanta: Tà Nghiệp
MicchāĀjīva: Tà Mạng
Micchādīṭṭhi: Tà Kiến
Micchāvitakkabahulatā: Chủng Đa Tà Tư Khảo
Micchāvācā: Tà Ngữ
Micchāvāyāma: Tà Tinh Tấn
Micchāsamādhī: Tà Định
Micchāsaṅkappa: Tà Tư Duy
Middha: Thụy Miên
Milakkha: Dã Nhân, Người Dã Man
Mukhayānaya: Phần Vi Thủ
Mucchākāla: Thời Gian Trầm Mị
Muditā: Tùy Hỷ
Muttacchakkammaṭṭhāna: Tiểu Tiệm Lục Nghiệp Xứ gồm Nước Mắt (**Assu**), Mỡ Lỏng (**Vasā**), Nước Miếng (**Kheḷo**), Nước Mũi (**Saṅghāṇikā**), Chát Lỏng Hoạt Dịch (**Lasikā**), Nước Tiểu (**Muttaṃ**).
Musāvāda: Vọng Ngữ
Mūlarāka: Căn Nguyên
Mahā Moggallāna: Đại Trưởng Lão Mục Kiền Liên
Medacchakkammaṭṭhāna: Chỉ Phương Lục Nghiệp Xứ gồm Mật (**Pittaṃ**), Đàm (**Semhaṃ**), Mủ (**Pubbo**), Máu (**Lohitaṃ**), Mồ Hôi (**Sedo**), Mỡ Đặc (**Medo**).
Moghapañhā: Vô Hiệu Vấn Đề
Momūhadasakavaya: Si Độn Thập Niên Hạn
Mohamūlacitta: Tâm Căn Si
Moha: Si Mê



TỰ MẪU Y – R

Yāthāvamāna: Sự Kiêu Mạn Thích Hợp

Yathākammūpagañña: Tùy Nghiệp Thú Trí

Yamakapakaraṇa: Kinh Song Đối

Yamakapātihāriya: Song Đối Thần Túc Thông

Yevāpanakacetasika: Lánh Ngoại Tâm Sở, Tâm Sở Ngoài Ra

Yonisomanasikāra: Như Lý Tác ý, Tác Ý Khôn Khéo, Như Chung Liễu Giải, Như Chung Minh Bạch

Yogāvacara: Cần Phần Tu Hành Giả

Rathareṇu: Bụi Trần

Rasa: Vị

Rasāyatana: Vị Xứ

Rasārammaṇa: Cảnh Vị

Rāga: Tham Ái

Rūpa: Sắc, Sắc Pháp

Rūpakāya: Sắc Thân

Rūpajāti: Sắc Chủng, Giống Sắc

Rūpajīvitindriya: Sắc Mạng Quyền

Rūpaparamattha: Chân Sắc Siêu Lý

Rūpabhava: Sắc Hữu, Cõi Sắc Giới

RūpaRūpa: Sắc Sắc

Rūpaindriya: Sắc Quyền Lực

Rūpāyatana: Sắc Xứ

Rūpābyākata: Vô Ký Sắc

Rūpārammaṇa: Cảnh Sắc

Rūpāvacara: Cõi Sắc Giới

Rūpāvacarakiriyā: Duy Tác Sắc Giới, Duy Tác Sắc Địa Giới

Rūpāvacarakusala: Thiện Sắc Giới, Thiện Sắc Địa Giới

Rūpāvacarakusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện Sắc Giới, Tư Tâm Sở Thiện Sắc Địa Giới

Rūpāvacarakusalahetu: Nhân Thiện Sắc Giới, Nhân Thiện Sắc Địa Giới

Rūpāvacarabhūmi: Sắc Địa Giới, Cõi Sắc Giới

Rūpāvacaravipāka: Dị Thực Quả Sắc Địa Giới, Dị Thực Quả Sắc Giới

Rūpavirāgabhāvanā: Tu Tập Ly Ái Sắc

Rūpalahutā: Sắc Khinh Khoái

Rūpamudutā: Sắc Nhu Nhuyễn

Rūpakammaññatā: Sắc Thích Sự

Rūpasamuddesanaya: Phần Tổng Lược Sắc Pháp

Rūpavibhāganaya: Phần Phân Tích Sắc Pháp

Rūpasamuṭṭhānanaya: Phần Xuất Sinh Xứ Sắc Pháp.



Rūpakalāpanaya: Phần Tổng Hợp Sắc Pháp

Rūpapavattikamanaya: Phần Phương Thức Chuyển Khởi Sắc Pháp

Rogabayasana: Bệnh Hoạn Điều Tàn

TỰ MẪU L

Lakkhaṇapathavī: Thực Tướng Địa

Lābhavandanā: Tài Sản Quy Bái

Lohiruppādakamma: Nghiệp Lực Chích Huyết Thân Đức Như Lai

Lokiyavipāka: Dị Thực Quả Hiệp Thế

Lokiyadhammadesanā: Thuyết Giáo Pháp Hiệp Thế

Lokuttarakusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện Siêu Thế

Lokuttarakusalahetu: Nhân Thiện Siêu Thế

Lokuttarabhūmi: Siêu Thế Địa Giới

Lokuttaravipāka: Dị Thực Quả Siêu Thế

Lobhahetu: Nhân Tham

Lobhaparivārakammapaṭisandhikatā: Tái Sinh Nghiệp Lực Hữu Tham Tùy Tòng

Lobhaussannabhavato cavantā: Tử Vong Dĩ Cập Thiện Hữu Đa Tham

TỰ MẪU V

Vakkapañcakammaṭṭhāna: Thận Tạng Ngũ Nghiệp Xứ gồm Thịt (**Masaṃ**), Gân (**Nahārū**), Xương (**Aṭṭhi**), Tủy Xương (**Aṭṭhimiñjaṃ**), Thận (**Vakka**).

Vaṇṇanā: Giải Thích

Vaṇṇadasakavaya: Nhan Sắc Thập Niên Hạn

Vañkadasakavaya: Suy Lão Thập Niên Hạn

Vatthu: Vật, Vật Chất, Vật Phẩm

Vatthukāma: Vật Dục

Vatthupurejātapaccaya: Vật Tiền Sinh Duyên

Vatthupurejāta: Vật Tiền Sinh

Vatthurūpa: Sắc Hữu Vật

Vatthudasakakalāpa: Tổng Hợp Vật Thập Pháp

Vayavuddhipuggala: Bạc Niên Linh Trưởng Thượng

Vayovuddhijarā: Lão Nhược Điều Tàn Lão Mại

Vācanāmagga: Bối Tụng Đạo Lộ

Vacīvandanā: Ngũ Quy Bái

Vāyophoṭṭhabbārammaṇa: Cảnh Phong Xúc

Vikārarūpa: Sắc Biến Thể

Vigatapaccaya: Ly Khứ Duyên

Vicāra: Tứ, Khảo Lự, Tư Sách, Thám Cứu, Thảm Tra, Khảo Tra, Tư Khảo

Vicikicchā: Hoài Nghi
Viññāṇakhandha: Thức Uẩn
Viññāṇadhātu: Thức Giới
Viññāṇañcāyatanakusala: Thiện Thức Xứ
Viññāṇañcāyatana: Thức Xứ
Viññāṇāhāra: Thức Thực
Vinicchaya: Thẩm Định
Vitakka: Tầm, Tư Lự, Tư Duy
Vithīcitta: Lộ Trình Tâm
Vitthambhanavāyo: Khuếch Đại Phong, Nghiêm Khẩn Phong
Vippattisāra: Thương Tâm Hối Hận
Vipāka: Dị Thực Quả
Vipākakhandha: Uẩn Dị Thực Quả
Vipākacitta: Tâm Dị Thực Quả
Vipākajāti: Giống Dị Thực Quả, Dị Thực Quả Chung
Vipākaññāṣasampayutta: Dị Thực Quả Tương Ứng Trí
Vipākapaccaya: Dị Thực Quả Duyên
Vipākamanodhātu: Ý Giới Dị Thực Quả
Vipākamūlakanaya: Phần Dị Thực Quả Căn Nguyên
Vipākābyākata: Vô Ký Dị Thực Quả
Vipassanā: Minh Sát
Vipassanādhura: Hành Trì Minh Sát Tuệ, Minh Sát Tuệ Công Phu
Vipassanti: Tư Khảo Kiến Giải
Vipassanājavanavithi: Lộ Trình Đồng Lực Minh Sát
Vipassanānikanti: Minh Sát Tuệ Thiết Vọng
Vimamsā: Thẩm, Khảo Lự, Tư Khảo, Nghiên Cứu, Điều Tra, Thẩm Tra.
Vimamsādhipati: Thẩm Trưởng
Vimokkha: Giải Thoát
Vimuttirasa: Giải Thoát Vị
Vibhāviniṭṭkā: Bộ Phụ Chú Giải Phân Tích
Viraticetasika: Tâm Sở Kiểm Ché, Tâm Sở Ngăn Trừ Phàn
Viriya: Cần, Cần Miễn, Cần Phần, Khắc Khổ, Nỗ Lực.
Viriyādhipati: Cần Trưởng
Virodhipaccaya: Đối Nghịch Duyên
Vigatimūlakanaya: Phần Ly Khử Căn Nguyên
Visaṇṇibhūtakāla: Thời Gian Thất Khứ Tri Giác, Thời Gian Hôn Mê Bất Tỉnh
Visāyarūpa: Sắc Hành Trạng
Vissajjanā: Đáp Vắn, Lời Giải Đáp
Vutṭhāna: Sinh Xuất
Vutṭhānagāminīvipassanā: Hiện Khởi Tiếp Dẫn Minh Sát Tuệ

Vedanākhandha: Thọ Uẩn

Vedalla: Phương Quảng

Veneyyasatta: Hữu Tình Khả Huấn Luyện, Hữu Tình Khả Thuần Phục

Veneyyajjhāsaya: Khả Tử Giáo Đạo Giả

Veyyākaraṇa: Giải Thuyết

Veyyāvaccamaya: Nỗ Lực Biện Thành Phúc Nghiệp Xứ, Phụng Hành Phúc Hành Tông

Voṭṭhabbanakiriyā: Duy Tác Đoán Định

Voṭṭhabbana: Đoán Định

Vodāna: Dữ Tĩnh

Vorakāsa: Cơ Duyên Tuyệt Hảo

TỰ MẪU S

Samṣedajayoni: Tháp Sinh Sản Địa

Samvarasuddhi: Thuần Tịnh Cảnh Giới

Sanṅkhatadhamma: Pháp Hữu Vi

Samṣedaja: Tháp Sinh

Sakkapañhāsutta: Đế Thích Sở Vấn Kinh

Saccadhamma: Pháp Chân Đế

Saddhammavimukhatā: Bội Khí Chánh Pháp

Sadisūpacāranaya: Phần Tương Đồng

Santappanatejo: Hỏa Khốc Nhiệt Khí

Santatīrūpa: Sắc Thừa Kế

Santikerūpa: Sắc Cận Lân

Saraddhā: Tín, Đức Tin

Sabbaññuta Ñāṇa: Toàn Giác Trí

Sahakadācicetasika: Cộng Đồng Hữu Thời Tâm Sở, tùy lúc và cùng nhau Tâm Sở.

Sītatejo: Hàn Lãnh Hỏa

Sīla: Giới Luật

Sīlasāmaññatā: Giới Luật Bình Hằng

Sīlānubhava: Uy Lực Tối Thượng Giới Luật

Sīlasampatti: Phẩm Chất Giới Luật

Sīlabayasana: Giới Hạnh Điều Tàn

Samādānaniccasīla: Thường Xuyên Tuân Thủ Giới Luật

Samādānavirati: Phát Nguyện Kiềm Chế

Sampattavirati: Phòng Chỉ Kiềm Chế

Samucchedavirati: Sát Tuyệt Kiềm Chế

Sakadāgāmīphala: Nhất Lai Quả (Tư Đà Hàm Quả)

Sati: Niệm, Trí Giác, Lý Trí, Lý Tính

Sati Pañña: Niệm Tuệ, Tài Trí



Sammasanarūpa: Sắc Tư Duy
Samanantarapaccaya: Đăng Vô Gián Duyên
Samantapaṭṭhāna: Hoàn Bảo Phát Thú
Sammatipathavī: Giả Định Địa
Samādhi: An Chỉ, Thiền Định
Samāpatti: Nhập Định, Nhập Thiền
Samīraṇavāyo: Chuyển Động Phong, Nhu Động Phong
Samuṭṭhāna: Xuất Sinh Xứ
Sabhāvarūpa: Sắc Hữu Thực Tính
Salakkhaṇarūpa: Sắc Hữu Thực Tướng
Savipākaghaṭanā: Hữu Dị Thực Quả Hiệp Lực
Sahajātakammappaccaya: Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên
Sahajātaghaṭanā: Câu Sinh Hiệp Lực
Sahajātapaccaya: Câu Sinh Duyên
Sahajātavāra: Giai Đoạn Câu Sinh
Sahajātavippayutta: Câu Sinh Bất Tương Ứng
Sahajātavippayuttapaccaya: Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên
Sahajāta: Câu Sinh
Sahajātatthipaccaya: Câu Sinh Hiện Hữu Duyên
Sahajātādhipati: Câu Sinh Trưởng
Sahajātādhipatipaccaya: Câu Sinh Trưởng Duyên
Sahetukakāmāvacaravipāka: Dị Thực Quả Dục Địa Giới Hữu Nhân
Sahetukakusalavipākapaṭisandhicitta: Tâm Tái Tục Dị Thực Quả Thiện Hữu Nhân
Sahetukacitta: Tâm Hữu Nhân
Saṅghānubhava: Uy Lực Tối Thượng Tăng Bảo
Saṅkhāradhamma: Pháp Hữu Vi (Pháp Hành)
Saṅkhārakhandha: Hành Uẩn
Saṅgahanaya: Phần Tổng Hợp
Saṅgītikāla: Thời Kỳ Kiết Tập
Saṅgāyanā: Hội Nghị Kiết Tập Tam Tạng
Saṅghabhedakamma: Nghiệp Lực Phá Hòa Hợp Tăng Đoàn
Saṃsaṭṭhavāra: Giai Đoạn Hối Hòa
Saññākhandha: Tưởng Uẩn
Sattamūlakanaya: Phần Thất Căn Nguyên
Sattarasakamūlakanaya: Phần Thập Thất Căn Nguyên
Saddayuga: Đồng Âm Thanh
Saddāyatana: Thính Xứ
Saddārammaṇa: Cảnh Thính
Saddhā: Tín, Đức Tin
Santati: Thừa Kế

Santatijarā: Liên Tiếp Lão Mai
Santīraṇakicca: Thảm Tấn Sự Vụ
Sanidassanarūpa: Sắc Hữu Kiến
Sappaccaya: Hữu Duyên
Sappaṭighātaḍḍhamma: Pháp Xuất Sinh Phản Ứng (Pháp Có Việc Thanh Trừ)
Sappaṭigharūpa: Sắc Hữu Đối Chiếu
Sampattagāha: Hữu Thủ Xúc Giác
Sabbamūlakanaya: Phần Tổng Căn Nguyên
Samādhivipphāridhi: Pháp Định Lực Thâm Nhập
Sampayuttapaccaya: Tương Ứng Duyên
Sampayuttavāra: Giai Đoạn Tương Ứng
Sampayoga: Phối Hợp
Samparāyikanibbāna: Lai Sinh Níp Bàn
Samphappalāpa: Hồ Ngôn Loạn Ngữ, Nói Lời Vô Ích
Sambhava: Khởi Sinh
Sammāsambodhiñāṇa: Tuệ Chánh Đẳng Giác
Sammākammanta: Chánh Nghiệp
Sammājīva: Chánh Mạng
Sammādiṭṭhi: Chánh Kiến
Sammādiṭṭhisutta: Kinh Chánh Kiến
Sammāvācā: Chánh Ngữ
Sammāvāyāma: Chánh Tinh Tấn
SammāĀjīva: Chánh Mạng
Samṣaṭṭhadhamma: Hồn Hòa Pháp
Sayanadasakavaya: Ngọa Bệnh Thập Niên Hạn
Sasambhāra: Yếu Tố
Sasampattagocaraggāhakarūpa: Sắc Thủ Cảnh Hữu Xúc Giác
Sahavutti: Đồng Hành
Sassataucchedadiṭṭhajjhāsayatā: Tính Cách Thường Kiến Đoạn Kiến
Sārammaṇa: Hữu Tri Cảnh
Sārammaṇadhamma: Hữu Cảnh Pháp
Sāsanadhamma: Giáo Dục Phật Pháp
Sāsanapuggala: Giáo Dục Nhân Tính
Sāsanasathāna: Giáo Dục Sở Tại
Sāsanavidhī: Giáo Dục Lễ Nghi
Sāvakaḍḍhiñāṇa: Tuệ Thinh Văn Giác
Savīcījarā: Hữu Kiến Lão Mai
Sukhavedanā: Lạc Thọ
Sukhitasatta: An Lạc Hữu Tình
Sukhumarūpa: Sắc Vi Tế



Sucarita: Thiện Hạnh

Sutamayapañña: Tuệ Văn Như Nguyễn Dĩ Thường, Văn Sở Thành Tuệ

Suta: Văn

Suttanipāta: Kinh Tập

Suttānuloma: Kinh Tạng Phụ Thuộc

Sekkhadhamma: Pháp Hữu Học

Senāsana: Trú Xứ

Sotāpanna: Bậc Thất Lai (Bậc Tu Đà Hườn)

Sotāpattiphala: Thất Lai Quả (Quả tu Đà Hườn)

Sotaviññāṇa: Nhĩ Thức

Sotaviññāṇacitta: Tâm Nhĩ Thức

Sota: Nhĩ, Lỗ Tai

Sotadasakakalāpa: Tổng Hợp Nhĩ Thập Pháp

Sotāyatana: Nhĩ Xứ

Sotindriya: Nhĩ Quyền

Somanassa: Hỷ Thọ

Somanassañāṇa: Hoan Hỷ Trí

Soḷasamūlakanaya: Phần Thập Lục Căn Nguyên

TỰ MẪU H

Hadayavatthu: Sắc Tâm Cơ, Sắc Ý Vật

Hasituppādakiriya: Duy Tác Tiểu Sinh

Hānidasakavaya: Suy Nhược Thập Niên Hận

Hiri: Tàm

Heṭṭhimakāya: Hạ Thân

Heṭṭhimaajjaṭākāsa: Hạ Tầng Hư Không

Hetāvigataduka: Nhị Đề Nhân – Bất Ly

Hetuphala: Nhân Quả Liên Quan

Hetupaccaya: Nhân Duyên

Hetupaccayaanulomanaya: Nhân Duyên Phần Thuận Tòng

Hetusampayuttaduka: Nhị Đề Nhân – Tương Ứng

HetuĀrammaṇaAdhipatitika: Tam Đề Nhân – Cảnh – Trường

TỰ MẪU A

Akusala: Bất Thiện

Akusalakhandha: Uẩn Bất Thiện

Akusalacetanā: Tư Tâm Sở Bất Thiện

Akusalajavana: Đồng Lực Bất Thiện



Akusalajāti: Giống Bất Thiện, Bất Thiện Chúng
Akusaladhamma: Pháp Bất Thiện
Akusalamūlakanaya: Phần Bất Thiện Căn Nguyên
Akusalavipāka: Dị Thực Quả Bất Thiện
Akusalahetu: Nhân Bất Thiện
Akusalapada: Câu Bất Thiện
Acchariya Abbhūtaḍḍhamma: Vị Tăng Hữu Thần Kỳ
Ajaṭākāsa: Cõi Hư Không Giới, Hư Không Giới
Ajjhatta Ojā: Nội Bộ Bồ Phẫm
Ajjhattikarūpa: Sắc Nội Bộ
Aṅgajhāna: Chi Thiền Định
Aṅgamagga: Chi Đồ Đạo (12)
Aṅgamaṅgānusārivāyo: Chuyên Động Phong, Nhu Động Châu Thân Phong
Ajanakapaccaya: Bất Xuất Sinh Duyên
Ajjhaattavāyo: Nội Thân Phong
Aññoññapaṭipakkhayuga: Bất Đồng Dạng
Aṇḍajayoni: Noãn Sinh Sản Địa
Aṭṭhasuddhi: Bát Thuần Tịnh
Atitaruṇakāla: Thời Gian Năng Lực Yếu Kém (Sơ Sinh)
Atulaṃ: Vô Khả Tỉ Nghĩ
Attanomati: Tự Kiến, Cá Nhân Kiến Giải
Atthakathā: Chú Giải
Atthayuga: Đồng Nghĩa Lý
Adinnādāna: Thâu Đạo
Adosa: Vô Sân
Adhipatipaccaya: Trưởng Duyên
Adhimokkha: Thắng Giải
Adhivacana: Từ Ngữ
Adhogamavāyo: Hạ Lạc Phong
Advārarūpa: Sắc Vô Môn
Anattā: Vô Ngã
Anantarapaccaya: Vô Gián Duyên
Anantariyakamma: Vô Gián Nghiệp Lực
Anantarūpanissayapaccaya: Vô Gián Cận Y Duyên
Anāgataṇsañña: Vị Lai Tiên Giác Trí
Anāgāmīphala: Bất Lai Quả (A Na Hàm Quả)
Anārammaṇa: Bất Tri Cảnh
Aniccaṃ: Vô Thường
Aniccatārūpa: Sắc Vô Thường
Anidassanarūpa: Sắc Phi Hữu Kiến



Anindriyarūpa: Sắc Phi Hữu Quyền Lực
Anipphannarūpa: Sắc Phi Thành Sở Tác
Aniyatadhamma: Bất Định Pháp
Anindriyabaddharūpa: Sắc Phi Quyền Phược
Anuṭṭikā: Tiểu Phụ Chú Giải
Anupādinna-rūpa: Sắc Phi Chấp Thủ
Anupālakasatti: Mãnh Lực Tùy Hộ
Anusocanapaccupaṭṭhāno: Sầu Trường Thành Trụ
Anuloma: Thuận Tòng
Anulomakusala: Thiện Thuận Tòng
Anulomagaṇanā: Phần Thuận Tòng
Anulomapaccanīyapaṭṭhāna: Thuận – Nghịch Phát Thú
Anulomapaṭṭhāna: Thuận Tòng Phát Thú
Anuññāta: Sự Phê Chuẩn
Anottappa: Vô Quý
Antevāsiko: Môn Đồ
Antonijjhānalakkhaṇo: Sầu Hoài Trạng Thái
Appaccaya: Vô Duyên
Appaṭigharūpa: Sắc Phi Hữu Đối Chiếu
Appahātabba: Phi Phóng Khí
Appahātabbadhamma: Pháp Phi Phóng Khí
Apariyāpanna: Pháp Bất Hữu Quan Tam Giới
Abbudarūpa: Sắc Phôi Diễm
Abbhokāsikavatthu: Tu Hành Không Khoáng Xứ
Abbhūta-dhamma: Vị Tăng Hữu Pháp
Abhiijhā: Ý Tham Ác
Abhikkamajārā: Gia Tăng Lão Mại
Abhiññā: Thắng Trí
Abhiññākusala: Thiện Thắng Trí
Abhidhammamātikā: Các Câu Mẫu Đề Vô Tỷ Pháp
Abhivandanā: Cung Kính Quy Bái, lễ bái cung kính một cách đặc biệt trong **Ân Đức Giới Hạnh (Sīlaguṇa)**, **Ân Đức Định Hạnh (Samādhiguṇa)** và **Ân Đức Tuệ Hạnh (Paññāguṇa)**.
Amohahetu: Nhân Vô Si
Amoha: Vô Si
Ayāthāvamāna: Sự Kiêu Mạn Bất Hợp
Ayoniso ummujjanam: Hiện Lộ Bất Minh Liễu
Arahattamagga: Đạo Vô Sinh
Arahantaghātakamma: Nghiệp Lực Sát Mạng Bậc Vô Sinh
Ahirika: Vô Tàm

Arūpakhandha: Vô Sắc Uẩn
Arūpajīvitindriya: Vô Sắc Mạng Quyền
Arūpadhamma: Vô Sắc Pháp
Arūpabhava: Vô Sắc Hữu
Arūpabhūmi: Vô Sắc Địa Giới
Arūpavipāka: Dị Thục Quả Vô Sắc Giới
Arūpāindriya: Vô Sắc Quyền Lực
Arūpāvacara: Cõi Vô Sắc Giới
Arūpāvacarakiriyā: Duy Tác Vô Sắc Giới
Arūpāvacarakusala: Thiện Vô Sắc Giới
Arūpāvacarakusalāhetu: Nhân Thiện Vô Sắc Giới
Arūpāvacarabhūmi: Vô Sắc Địa Giới
Arūpāvacaravipāka: Dị Thục Quả Vô Sắc Giới
Arūparūpa: Sắc Phi Sắc
Alobhāhetu: Nhân Vô Tham
Alobha: Vô Tham
Avatthurūpa: Sắc Phi Hữu Vật
Avatthābhūmi: Sinh Hoạt Địa Giới
Avigatapaccaya: Bất Ly Duyên
Avīcījarā: Bất Kiến Lão Mại
Avipākaghaṭṭanā: Vô Dị Thục Quả Hiệp Lực
Asañkhatadhamma: Pháp Vô Vi
Asaññabhava: Vô Tướng Hữu, Vô Tướng Địa Giới
Asaññasattabrahma: Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng
Asaññasatta: Vô Tướng Hữu Tình
Asañkhatadhātu: Vô Vi Giới (**Nibbāna**)
Asabhāvarūpa: Sắc Phi Thực Tính
Asalakkaṇarūpa: Sắc Phi Thực Tướng
Asammasanarūpa: Sắc Phi Tư Duy
Asampattagāha: Phi Thủ Xúc Giác
Asampattagocaraggāhakarūpa: Sắc Thủ Cảnh Bất Xúc Giác
Assāsapassāsavāyo: Sở Túc Phong
Assadādasanaṃ: Khán Kiến Sự Vật Hoan Hỷ Mãn Ý
Ahetukacitta: Tâm Vô Nhân
Ahetukacittuppāda: Tâm Khởi Sinh Vô Nhân
Ahetukapañcaviññāṇa: Ngũ Thức Vô Nhân
Ahetukamanoviññāṇadhātu: Ý Thức Giới Vô Nhân
Ahetukamoha: Si Vô Nhân
Ahetukavipāka: Dị Thục Quả Vô Nhân
Ahetukavipākamanoviññāṇadhātu: Ý Thức Giới Dị Thục Quả Vô Nhân



Aññamaññapaccaya: Hồ Tương Duyên
Aññamañña: Hồ Tương
Aṭṭhamūlakanaya: Phần Bát Căn Nguyên
Aṭṭhārasamūlakanaya: Phần Thập Bát Căn Nguyên
Atthapaṭisambhidā: Nghĩa Vô Ngại Giải
Atthidhamma: Hiện Hữu Pháp
Atthipaccaya: Hiện Hữu Duyên
Abhivādana: Quy Bái Lễ
Abbuda: Phôi Điem
Abyākatadhamma: Pháp Vô Ký
Abyākatapada: Câu Vô Ký
Abyākatavipāka: Vô Ký Dị Thực Quả
Abyākata: Vô Ký
Abyākatādhīpati: Vô Ký Trưởng
Ākāsañācāyatanakusala: Thiện Không Vô Biên Xứ
Ākāsañācāyatana: Không Vô Biên Xứ
Ākiñcaññāyatana: Vô Sở Hữu Xứ
Āgatasathāna: Xứ Cảnh Vị Lai
Ācariyavāda: Giáo Thọ Kiến Giải
Ājīvapārisuddhisīla: Sinh Kế Thanh Tịnh Giới
Āmisadāna: Tài Thí
Āmisapūjā: Dụng Vật Phẩm Tế Lễ
Āpodhātu: Thủy Giới
Ābandhanalakkhaṇa: Đặc Tính Thúc Phục Vật, Đặc Tính Khổn Trát
Āyatana: Xứ, Cảm Giác Khí Quan, Cảm Giác Đối Tượng
Āyatanarasa: Xứ Vị gồm có 6 vị, là vị chua (**Ambila**), vị ngọt (**Madhura**), vị mặn (**Loṇika**), vị cay (**Kaṭuka**), vị đắng (**Titta**), vị chát (**Kasāva**)
Ārammaṇapaccaya: Cảnh Duyên
Ārammaṇapurejātapaccaya: Cảnh Tiền Sinh Duyên
Ārammaṇapurejāta: Cảnh Tiền Sinh
Ārammaṇādhīpati: Cảnh Trưởng
Ārammaṇādhīpatipaccaya: Cảnh Trưởng Duyên
Ārammaṇādhīpatiduka: Nhị Đề Cảnh Trưởng
Ārammaṇūpanissayapaccaya: Cảnh Cận Y Duyên
Ārammaṇūpanissaya: Cảnh Cận Y
Āvajjanacitta: Tâm Khai Môn
Āvajjanamanodhātu: Ý Giới Khai Môn
Āvajjana: Khai Môn
Āsayānussayañāṇa: Tính Cách Tùy Miên Trí
Āsevanapaccaya: Trùng Dụng Duyên



Āhāra: Vật Thực, Thực Phẩm
Āhārasamuṭṭhāna: Vật Thực Xuất Sinh Xứ
Āhārarūpa: Sắc Vật Thực
Āhārapaccaya: Vật Thực Duyên
Āhārasamuṭṭhānarūpa: Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ
Āhārapaccayaaturūpa: Sắc Quý Tiết Duyên Vật Thực
Āhāratthipaccaya: Vật Thực Hiện Hữu Duyên
Āhārasuddhatṭhakakalāpa: Tổng Hợp Bát Thuần Vật Thực
Itṭhārammaṇasamāyogo: Phối Hợp Cảnh Duyệt Ý
Itivuttaka: Như Thị Ngũ Kinh
Itthindriya: Nữ Quyền Lực
Itthībhāvasakakalāpa: Tổng Hợp Nữ Giới Tính Thập Pháp
Itthībhāva: Nữ Giới Tính
Iddhividhañāṇa: Thần Túc Trí
Indriyapaccaya: Quyền Lực Duyên
Indriyaparopariyattiñāṇa: Quyền Căn Phân Biệt Trí
Indriyarūpa: Sắc Hữu Quyền Lực
Indriyasamvarasīla: Căn Phòng Luật Nghi
Isisattamo: Đệ Thất Ân Tu Giả
Issā: Tật Đồ, Đồ Kỵ, Ngặt Thố
Ukkaṭṭhukkaṭṭhakusala: Thiện Thượng Thượng Phẩm
Uggahanimitta: Ấn Nhập Não Hải Hình Tượng, Thô Tượng
Uṇhatejo: Viêm Nhiệt Hỏa
Uṇhattalakkaṇa: Đặc Tính Ôn Độ, Đặc Tính Chung Khí
Utu: Quý Tiết
UtuOjā: Quý Tiết Bồ Phẩm
Utusamuṭṭhāna: Quý Tiết Xuất Sinh Xứ
Utusamuṭṭhānarūpa: Quý Tiết Xuất Sinh Xứ
Utupaccayaaturūpa: Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết
Uparimakāya: Thượng Thân
Upādāyarūpa: Sắc Y Sinh
Upādinnarūpa: Sắc Hữu Chấp Thủ
Upaṭṭhakaadhikāro: Kỳ Phúc Thị Giả
Udāna: Tự Thuyết Kinh
Uddhaṅgamāvāyo: Hướng Thượng Phong
Uddhacca: Trạo Cử, Hồ Tư Loạn Tưởng
Uddesavāra: Giai Đoạn Xiển Thuật
Ubhatovibhaṅga: Nhất Đối Phân Tích
Upekkhā: Xả, Bất Thiên Tâm, Bất Thiên Bất Ý
Upekkhāvedanā: Xả Thọ

Upasathakamma: Thọ Trì Thanh Tịnh Nghiệp Lực
Upacaya: Tích Trữ
Upacayarūpa: Sắc Tích Trữ
Upathambhaka: Lòng Bảo Trợ
Upathambhapaccaya: Bảo Trợ Duyên
Upathambhakasatti: Mãnh Lực Bảo Hộ
Upanissayapaccaya: Cận Y Duyên
Uppattibhava: Sinh Hữu
Uppattidvāra: Khởi Sinh Môn
Uppādakhaṇa: Sát Na Khởi Sinh
Upādārūpa: Sắc Y Sinh
Upāyāsa: Nỗ Hại
Usmātejo: Khí Đẳng Nhiệt Khí, Hỏa Nhiệt Khí
Ekavatthuka: Đồng Trú Căn
Ekasamuṭṭhānikarūpa: Sắc Nhất Xuất Sinh Xứ
Ekārammaṇa: Đồng Cảnh
Ekadesayūpacāranaya: Phần Bộ Phận Đơn Nhất
Ekuppāda: Đồng Khởi Sinh
Ekanirodha: Đồng Tiệt Diệt
Ekanissaya: Đồng Y Chỉ
Ekaaggasāsanūpathambhaka: Bậc Đệ Nhất Bảo Trợ Tôn Giáo
Ekakhaṇikakammappaccaya: Đồng Thời Nghiệp Lực Duyên
Ekamūlakanaya: Phần Nhất Căn Nguyên
EkamūlaEkaavasāna: Nhất Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết
Ekavīsati-mūlakanaya: Phần Nhị Thập Nhất Căn Nguyên
Ekādasakamūlakanaya: Phần Thập Nhất Căn Nguyên
Ekūnavīsati-mūlakanaya: Phần Thập Cửu Căn Nguyên
Okkantikkhaṇa: Sát Na Tái Sinh
Okāsa: Môn Hộ
Ottappa: Quý, Ủy Tội, Nội Cữu, Quý Cữu
Opapātika: Hóa Sinh
Opapātikayoni: Hóa Sinh Sản Địa
Omakamakakusala: Thiện Hạ Hạ Phẩm
Omakukkaṭṭhakusala: Thiện Hạ Thượng Phẩm
Olārikāyatana: Sắc Thô Thiên Xứ
Olārikarūpa: Sắc Thô Thiên

-----00000-----

CATUDDISA SAṄGA VIHĀRA
BAN TU THƯ TỨ PHƯƠNG TĂNG TỰ
 5044 OLD SHIPPS STORE ROAD, BEALETON, VA. 22712

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG ẨM TỔNG KINH SÁCH
(NAVA LOKUTTARAKAMMA DĀNA)
(CỬU THÍ NGHIỆP LỰC SIÊU THỂ: 4 ĐẠO - 4 QUẢ - NÍP BÀN)

Tu Viện Linh Ứng	\$1,000.00
Sư Minh Hạnh	\$1,100.00
Sư Minh Phước	\$200.00
Bhikkhuni Thích Nữ Thể Độ (Hằng Tâm)	\$1,000.00
Ni Sư Nhuận Đạt	\$50.00
Sư Cô Liên Trường	\$22.50
Sư Cô Như Tâm	\$200.00
Tu Nữ Khantimā Tịnh Nhẫn	\$1,600.00
<i>[Xin hồi hướng Cửu Huyền Thất Tổ, Ông Bà Lê Chư, Nguyễn Thị Cho, Phạm Lợi, Nguyễn Thị Cúc, Lê Huyền, Phạm Thị Mìn, Phạm Hữu Hương, Nguyễn Thị Long, Lê Xuyên, Lê Thị Hòa, Lê Thị Bé, Lê Thị Ngọt, Lê Thị Diệu, Lê Thị Như, Lê Dứt].</i>	
Cô Lê Ngọc Sương (Nguyên Diệu)	\$500.00
Cô Nguyễn Thị Tâm	\$150.00
Cô Nguyễn Thị Mai	\$400.00
Cô Mindy Nguyễn (Mettā) & Anh Trương Văn Nhân	\$800.00
Cô Nguyễn Thị Tâm (Tâm Đức)	\$200.00
<i>[Xin hồi hướng cho Cha Nguyễn Trọng Sang (Tâm Trọng), Mẹ Phạm Thị Định (Nguyên Tâm), Chồng Nguyễn Huy Quang (Minh Huy)].</i>	
Cô Nguyễn Thị Mai (Tâm Hạnh)	\$100.00
Cô Nguyễn Thị Như Khuê (Diệu Bảo)	\$200.00
<i>[Xin hồi hương Chồng Đỗ Khắc Hoàn (Thiện Hùng)]</i>	
Tammy Trinh (Diệu Trường)	\$100.00
Gđ. Trương Thùy Oanh & Dương Thái Bình	\$2,900.00
Gđ. Trương Hoàng Chương & Tường Vân	\$200.00
Gđ. Trương Thị Thùy Cơ	\$100.00
Gđ. Phi Trương & Hảo Trương	\$50.00
Gđ. Thùy Cơ & Đức Diện	\$50.00
Anh Thư & Thu Thảo	\$50.00
Hồ Thu Phương	\$50.00
Nguyễn Thị Thu Hằng	\$400.00
Cô Angie Dương (Hạnh Từ) & Hùng X. Cao	\$700.00

Gđ. Hạnh Trí, Hạnh Từ, Hạnh Bi, Hạnh Duyên	\$1,000.00
Cô Bích Võ	\$100.00
Cô Võ Thanh Minh	\$500.00
Công Tăng Hoa / Công Tăng Huyền	\$1,700.00
<i>[Xin hồi hướng Ông Hoàng Xuân Định (Tâm Minh)].</i>	
Cô Bửu Hương Brewster (Bình Ngọc)	\$800.00
Cô Ruth Nga Nguyễn	\$1,200.00
Cô Lạc Mẫn	\$500.00
Gđ. Thiện Kim & Diệu Mỹ & Cháu Yên So	\$700.00
Bác Sỹ Hoàng Đình Hiễn & Cô Thanh Tịnh (France)	€350
Nguyễn Thị Kim Lan	\$300.00
Gđ. Lê Văn Định & Phạm Thị Nga	\$200.00
Gđ. Lê Văn Hường	\$100.00
Gđ. Lê Thị Lý (Đức Ngọc)	\$300.00
Gđ. Lê Ái Cơ & Phạm Hữu Đạt	\$600.00
<i>[Xin hồi hướng Cha Mẹ Phạm Ngọc Bá, Đặng Thị Sang và xin chia Quả Phước Báu đến các con Phạm Hữu Thiện & Thomas Phạm Hữu Tín].</i>	
Gđ. Lê Thị Phụng & Thạch Xuân	\$1,300.00
<i>[Xin hồi hướng Cha Mẹ Thạch Niên, Nguyễn Thị Giác và xin chia Quả Phước Báu Đến các con Thạch Thiện Tâm & Thạch Thiện Trí].</i>	
Gđ. Thomas Lê Văn Thông & Võ Nhật Viên	\$2,250.00
<i>[Xin chia Quả Phước Báu đến các con Josiah Francis Lê & Peter Francis Lê].</i>	
Gđ. Lê Tâm Trọng Nghĩa & Bùi Thị Thu Cúc	\$300.00
Lê Thị Minh Trang & Lê Minh Nghiêm	\$400.00
Bà Selina Lee	\$1,000.00
Cô Lê Thị Kim Dung	\$300.00
Cô Lê Thị Kim Loan	\$100.00
Gđ. Trịnh Thị Hằng (Trí Hà)	\$400.00
<i>[Xin hồi hướng Cha Trịnh Đức Tiến (Tuệ Uyển) & Mẹ Vũ Thị Nga (Diệu Hoàng)].</i>	
Gđ. Trung Nghĩa Theofilos	\$100.00
Nguyễn Thị Tường An	\$100.00
Gđ. Cô 6 Cannie Thạch	\$460.00
Cô Thanh	\$100.00
Cô Nguyễn Kim Yến	\$40.00
Cô Cintā Huỳnh Kim Chi	\$290.00
Cô Huỳnh Ngọc Đính & Nguyễn Huỳnh Việt Khôi	\$1,000.00
Cô Huỳnh Ngọc Mai & Thiện Chơn	\$700.00
Châu Thị Bé	\$50.00
Châu Tường An	\$100.00
Nguyễn Ngọc Đông Phương	\$100.00

Gđ. Anh Tâm Đoàn (Tâm Lực) & Lê Quyên	\$1,560.00
Gđ. Nguyễn Long Châu	\$100.00
Vivian Đoàn	\$100.00
Andy Đoàn	\$100.00
Gđ. Cô Huỳnh Ngọc Lan & Sujātā Nguyễn Hồng Ân	\$600.00
Gđ. Huỳnh Vũ	\$700.00
Gđ. Huỳnh Phong	\$500.00
Lưu A Xây	\$150.00
Gđ. Trần Đỗ Kim Anh & Trần Quang Nghĩa	\$700.00
Cô Nguyễn Thị Tư (Diệu Hồng)	\$100.00
Gđ. Tôn Nữ Các Phương (Tâm Thiện) & Phạm Quang	\$2,500.00
<i>[Xin hồi hướng cho Cậu Út Nguyễn Văn Hương].</i>	
Gđ. Anh Phương Phạm & Chị Diệp (Hạnh Ngọc)	\$300.00
<i>[Xin hồi hướng cho Ba Nguyễn Văn Thiệu (Nguyên Thiện), Mẹ Hà Thị Em (Nguyên Giác), Ba Phạm Đình Thành, Mẹ Lý Thị Tư (Tâm Hy)].</i>	
Gđ. Tôn Thất Ban & Nguyễn Thị Mận	\$400.00
Cô Trần Thị Phương Trân (Diệu An)	\$1,000.00
Nguyễn Thị Mê Linh & Leilani & Thiên Nhi Phạm	\$100.00
Cô Ngọc (Bạn Cô Tâm Thiện)	\$500.00
Gđ. Trần Thị Lệ Hoa & Trần Thị Ngọc Hân	\$1,000.00
Trần Thị Ngọc Hạnh	\$1,000.00
<i>[Xin hồi hướng cho Cha Trần Văn Nam, Mẹ Nguyễn Thị Phương (Đức Trí)].</i>	
Nhóm Phật Tử Đạo Tràng Từ Nghiêm, Germany	
[Đình Thị Xuân Thảo (Tịnh Hạnh), Lý Tùng Phương (Tịnh Phước)	
Nguyễn Mai (An Khang), Nguyễn Thị Tuyết (Hạnh Giác),	
Thu Cromme (Thế An), Nguyễn Thanh Thủy (Tuệ Giới),	
Lương Ngọc Yến (Pháp Nguyên), Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Tùng Diễm),	
Nguyễn Thị Hiếu, Trần Xuân Hạnh, Huỳnh Thúc Trần]	\$3,000.00
Anh Lý Tùng Phương (Tịnh Phước) (Germany)	€800
Cô Lý Hồng Liên & Lê Xuân Tảo	\$100.00
Gđ. Anh Nông Văn Khải & Tường Vân	\$500.00
Gđ. Lý Thủy Tiên & Phan Văn Hội	\$1,500.00
Nhóm bạn Cô Lý Thủy Tiên trong tiệm Angles Nail (Maryland)	\$370.00
Gđ. Cô Nguyễn Thị Thu Hằng & Chồng Võ Nguyễn Ngọc Bảo Jimmy,	
Con Võ Nguyễn Gia Bảo Jason	\$500.00
<i>[Xin hồi hướng Mẹ Nguyễn Thị Hạnh (Diệu Đức) và Cậu An Ba Nguyễn Văn Xinh (Thiện Nhân)].</i>	
Gđ. Nguyễn Ngọc Kim Thư & Lê Quang San	\$100.00
<i>[Xin hồi hướng Cha Nguyễn Ngọc Thăng (Minh Quang) và Cậu An Mẹ Nguyễn Thị Bạch)].</i>	
Gđ. Cô Thu Hồng Lương (Hoa Huệ) (South Carolina)	\$4,185.00

Bà Nguyễn Thị Tám (Huệ Tâm)	\$200.00
Trần Quý (Diệu Tâm)	\$200.00
Bà Trương Thị Sự (Thanh Ngọc)	\$200.00
Hà Thị Song Hương (Diệu Lan)	\$100.00
Nguyễn Thị Thu Thảo (Diệu Hiếu)	\$50.00
Nguyễn Thanh Tâm (Trí Tâm)	\$40.00
Cô Mai Nguyễn (Tâm Hiền)	\$150.00
Cô Laura Nguyễn	\$2,000.00

[Xin hồi hướng cho Ba Nguyễn Duật (Nguyên Đa), Mẹ Trần Thị Cam (Nguyên Lành), Bà Nội Nguyễn Thị Chải (Quảng Hồng), Em Nguyễn Kim Doanh (Phúc Kính)].

Gđ. Cô Nguyễn Ngọc Hoa (Tịnh Nhân) & Anh Nguyễn Đức **\$1,400.00**

[Xin hồi hướng cho Cha Nguyễn Văn Thúc, Ba Nguyễn Văn Hưng, Mẹ Nguyễn Ngọc Tiên, Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thiện Nhựt, Nguyễn Thiện Minh, Nguyễn Thiện Hoàng, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Hưng Gia].

Nguyễn Văn Charles **\$100.00**

Gđ. Phạm Bá Tình (Tâm Nhiệt) & Phạm Cẩm Vân (Diệu Giác)

Trương Thiên Phú & Trương Thiên Kim **\$3,500.00**

[Xin hồi hướng cho Cha Mẹ Phạm Bá Giáp, Nguyễn Thị Hón, Nguyễn Thị Rót, Trương Ấn, Trần Thị Thương, Trương Hoàng Phiên, Anh Phạm Bá Bộ].

Cô Kim Phạm (Tịnh Tâm) **\$1,000.00**

Gđ. Andy Từ + Linh Châu & Kendy Từ **\$300.00**

Gđ. Huỳnh Ngọc Tây (Minh Phương) & Huỳnh Lan (Diệu Tuyết) **\$600.00**

[Xin hồi hướng cho Cha Trần Văn Dậu, Trần Văn Bảy, Trần Văn Nhiều, Bà Đinh Thị Kiêm, Dương Thị Hên, Trần Thị Hai và Cha Huỳnh Ngọc Đảnh].

Gđ. Huỳnh Thị Diễm Trang & Lê Quốc Bảo **\$200.00**

Gđ. Huỳnh Thị Ngọc Bích & Lai Ngọc Cường **\$200.00**

Gđ. Tony Huỳnh Ngọc Anh & Nguyễn Thị Yên **\$200.00**

Gđ. Nguyễn Thị Minh Hạnh **\$500.00**

Gđ. Nguyễn Quang Dũng & Từ Thị Trần **\$500.00**

Gđ. Peter Trần & Trần Kim Thanh **\$200.00**

Gđ. Chú Trần Tiêu (Thiện Trí) **\$300.00**

Gđ. Đào Thị Diễm Tuyết (Nhị Tường) & Tạ Quang Sơn **\$300.00**

[Xin hồi hướng Mẹ Ngô Thị Kim Xuân, và Cầu An cho Chồng Tạ Quang Sơn].

Vân Hồng Diệu Tường **\$50.00**

Cát Tường **\$50.00**

Thanh Trúc **\$50.00**

Mỹ Hạnh **\$100.00**

Nguyễn Giang **\$25.00**

Silavati Nhi & Nun Sona **\$25.00**

Châu Nguyễn **\$25.00**

Diệu An	\$25.00
Bác Diệu Huy	\$50.00
Gđ. Mai Thanh Hiền (Tùng Phong) & Mai Thanh Hoàng	\$111.00
Gđ. Anh Việt Đỗ & Nguyễn Thanh Tuyền	\$4,050.00
<i>[Xin hồi hướng Bà Ngô Thị Kim Xuân, Cửu Huyền Thất Tổ Nội Ngoại Hai Bên, Ông Ngoại Lê Trung Nghĩa, Cậu Út Lê Hữu Khoa, Cậu Bảy Lê Khanh].</i>	
Gđ. Cô 6 Cannie Thạch & Thạch Hoàn Vũ	\$560.00
<i>[Xin hồi hướng cho Thạch Sáu, Thạch Thị Sáu, Thạch Thị Còn, Thạch Thị Sang, Triệu Văn Minh, Thạch Thị Huông].</i>	
Bác Hoàng Thịnh (Lam Phương)	\$100.00
Gđ. Cô Trần Thị Phương (Tĩnh Từ) + Michael Harding	\$4,000.00
<i>(Xin hồi hướng Ông Nội Trần Văn Quới, Bà Nội Lê Thị Lập, Ông Ngoại Trần Văn Cự, Bà Ngoại Nguyễn Thị Liễu, Cha Trần Văn Sanh, Mẹ Trần Thị Sum (Diệu Đức)).</i>	
Gđ. Lawrence Thomas & Sương Thomas & Nguyễn Hồng Đức	\$500.00
Hội Gia Long Alumnae Association	\$1,400.00
<i>[Xin hồi hướng cho Cụ Bà Trần Thị Sum (Diệu Đức)].</i>	
Gđ. Bích Huệ & Kim Dung (Gia Long)	\$200.00
Giáo Sư Nguyễn Kim Oanh	\$100.00
Nguyễn Thị Chiêu	\$100.00
Gđ. Ngọc Dung Mireau & Ronald Mireau	\$300.00
Chiến	\$50.00
Phương Mai	\$45.00
Như Mỹ	\$22.50
Trần Quốc Sứ	\$100.00
Trần Quốc Hưng	\$100.00
Hồ Thị Cẩm Nhung	\$100.00
Trần Phương Trúc	\$100.00
Phạm Thảo Khánh Mai	\$50.00
Gđ. Hùng Phạm, Thảo Trần, Khánh Phạm, Mai Phạm	\$100.00
Cô Tâm Hạnh (Nguyễn Thị Mai)	\$50.00
Phạm Thảo Bảo Khánh	\$50.00
Gđ. Ánh Điền	\$200.00
Gđ. Trần Thị Thuận (Cát Tường)	\$1,000.00
Cô Tiến Ngọc	\$200.00
Cô Long Châu	\$100.00
Cô Đông Phương	\$100.00
Dì Bảy Tồn	\$100.00
Nguyễn Bảo Lộc	\$100.00
Gđ. Bạ Hữu Cô Trần Thị Phương	\$1,960.00
<i>(Xin hồi hướng Cụ Bà Trần Thị Sum (Diệu Đức))</i>	



Gđ. Lý Kim Hà	\$100.00
Bùi T. Dung	\$100.00
Anh Đỗ	\$100.00
Phương Hà & Luân Đỗ	\$200.00
Gđ. Mai Queen	\$200.00
Anh Nhân Trần	\$100.00
Đoàn Bạch Phượng	\$67.50
Đoàn Bích Hằng	\$45.00
Diệu Tịnh	\$100.00
Lê Linh	\$45.00
Thu Dung	\$45.00
Phương Mai	\$45.00
Như Mỹ	\$22.50
Trước Ngô	\$30.00
Tuyết Nguyễn	\$50.00
Tâm Nguyễn	\$50.00
Tiana Ngô	\$127.50
Đinh Thị Như Nguyễn (Minh Tâm)	\$700.00
Gđ. Nhiều và Vũ	\$600.00
Gđ. Lê Ngô Thủy Mai (Chân Hạnh)	\$300.00
<i>[Xin hồi hướng cho Bà Diệp Xảo Hiền, Mẹ Diệp Lệ Quân (Hoa Quý), Cậu Ngô Đoan Hùng (Minh Trung) và Cậu An cho Ba Lê Ngô Đoan Tâm, và các Em Lê Ngô Kim Thanh, Lê Ngô Thành Đông (Khánh Lễ), Ông Trần Hen và Dì Diệp Huệ Kim].</i>	
Gđ. Phạm Hữu Phát (Tấn) (Tâm An)	\$400.00
Cô Phạm Thị Kim Huệ (Tâm Huệ)	\$50.00
Phúc Minh, Chân Hạnh, Thanh Chân	\$350.00

[Xin hồi hướng cho Phạm Hoàng Ngọc, Trần Thị Liên và Cậu An cho Trần Lạc].

İcchitaṃ patthitaṃ tesāṃ

Sabbe pūrentu saṅkappā

Khippameva samijjhaṇtu

Chando paṇṇaraso yathā

May whatever you wish or quickly come to be, may all your aspirations be fulfilled
as the moon on the fifteenth (full moon) day.

Cầu xin các Quả lành mà người đã mong mỏi, cho được mau thành tựu kịp thời đến người. Cầu xin những sự suy xét chân chánh cho được tròn đủ đến người; cũng như trăng trong ngày Rằm vậy.

Sādhū ! Sādhū ! Sādhū !

Lành Thay ! Lành Thay ! Lành Thay !

Kinh Sách đã được in ấn và phát hành:

- 1) ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỂN)
- 2) NHỮNG PHÁP THOẠI NGÀI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỂN)
- 3) CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỰ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỂN)
- 4) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP
 - ❖ TẬP I – CHƯƠNG I, II & III (1000 QUYỂN) – TỔNG HỢP TÂM, TÂM SỞ & LINH TINH
 - ❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (200 QUYỂN) – LỘ TRÌNH TÂM
 - ❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (50 QUYỂN)
 - ❖ TẬP III – CHƯƠNG V (QUYỂN I – QUYỂN II – QUYỂN III (100 QUYỂN)) – TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH
 - ❖ TẬP IV – CHƯƠNG VI & VII – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC PHÁP (100 QUYỂN)
 - ❖ TẬP V – CHƯƠNG VIII (QUYỂN I – QUYỂN II) – LIÊN QUAN TƯƠNG SINH (100 QUYỂN)
- 5) GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (1000 QUYỂN)
- 6) GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP I (500 QUYỂN)
- 7) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- 8) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- 9) KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỂN)
- 10) KINH KIẾT TƯỜNG – TÁI BẢN (200 QUYỂN)
- 11) KINH ĐẠI PHÁT THÚ (TRỌN BỘ: TẬP I – TẬP V, 200 QUYỂN)
- 12) AN TỊNH THÙ THẮNG ĐẠO (200 QUYỂN)
- 13) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I (300 QUYỂN)
- 14) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH I (200 QUYỂN)
- 15) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH II (200 QUYỂN)
- 16) GIÁO KHOA THƯ TỨ PHÁP SIÊU LÝ (100 QUYỂN)
- 17) PHẬT ĐẠO ĐƯA TỚI SỰ BÌNH AN VÀ NIỀM HẠNH PHÚC (100 QUYỂN)
- 18) SƯU TẬP PHÁP I - NGHIỆP, PHƯỚC, BALAMẬT (200 QUYỂN)
- 19) SƯU TẬP PHÁP II – NHÂN SINH TRÍ TUỆ (100 QUYỂN)
- 20) SƯU TẬP PHÁP III – PHÁP SIÊU LÝ - PHÁP CHẾ ĐỊNH (100 QUYỂN)
- 21) SƯU TẬP PHÁP IV – Ý NGHĨA LỄ DONTĀ VÀ LỄ KATHINA (100 QUYỂN)
- 22) SƯU TẬP PHÁP V - Ý NGHĨA LỄ THƯỢNG NGUYÊN & LỄ TAM HỢP (100 QUYỂN)
- 23) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ (100 QUYỂN)
- 24) MỘT SỰ TU TẬP 300 GIÂY HOẶC MỘT PHƯƠNG PHÁP HÀNH THIỀN “NĂM PHÚT” (100 QUYỂN)
- 25) QUÁ TRÌNH THIỀN TUỆ GIÁC & MỘC DỤ KINH (50 QUYỂN)
- 26) TRI THỨC VỀ CÁC MỘNG CẢNH & TỨ SINH HOẠT BỒ PHẨM (100 QUYỂN).
- 27) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH III (100 QUYỂN)
- 28) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ & ĐẠO LỘ ĐẾN NIBBĀNA (100 QUYỂN)

- 29) PHƯỚC BẦU - THIỀN CÔNG ĐỨC (100 QUYỂN)
30) XIỂN THUẬT PHÂN TÍCH KINH (100 QUYỂN)
31) CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP (**Abhidhamma Piṭaka**)
❖ PHÁT THỨ – Quyển Thứ 40 (100 QUYỂN) & TÁI BẢN (100 QUYỂN- LẦN II)
❖ PHÁT THỨ- Quyển Thứ 40-41/45 (100 QUYỂN)
32) NHỮNG PHÁP THOẠI NGÀI KUNḌALA (100 QUYỂN)
33) CHÚ GIẢI PHÁT THỨ – CHÁNH TẠNG (Quyển Thứ 85/91)(100 QUYỂN)
34) PHẬT GIÁO VỊ SƠ HỌC GIẢ (100 QUYỂN)
35) ĐẠO HÀNH THỰC TIỄN LAI ĐÁO NÍP BÀN (100 QUYỂN)
36) CHÚ GIẢI PHÁT THỨ - CHÁNH TẠNG (Quyển Thứ 86-87/91)(100 QUYỂN)
37) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP II – QUYỂN V (100 QUYỂN)
38) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP III – CHƯƠNG VI, VII, VIII (100 QUYỂN)
39) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP I – CHƯƠNG I, II, III, IV (100 QUYỂN)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

- ❖ VÔ TỶ PHÁP VỊ CHƯ THIỀN GIẢ (100 QUYỂN)
❖ TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP VI – CHƯƠNG IX -
SAMĀDHİKAMMATṬHANA & VIPASSANĀKAMMATṬHANA (100 QUYỂN)
❖ CHÚ GIẢI THANH TỊNH ĐẠO (100 QUYỂN)(THÁI NGŨ - ANH NGŨ)
❖ CHÚ GIẢI ĐẠI NIỆM XỨ (100 QUYỂN)
❖ CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP (**Abhidhamma Piṭaka**)
1) PHÁP TỰ & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
2) PHÂN TÍCH & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP II (500 QUYỂN)
❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP III (500 QUYỂN)
❖ GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II)(500 QUYỂN)
❖ TIẾN TRÌNH THIỀN MINH SÁT TUỆ (100 QUYỂN)
❖ GIỚI ĐỨC HIỀN GIẢ KINH (100 QUYỂN)



